

# THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ

## VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐỒNG

TS. QUÁCH THU NGUYỆT  
(tổng hợp và tuyển chọn)

---

TẬP 1

---



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
ThS. NGUYỄN HOÀI ANH

Biên tập nội dung: TS. NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÀ  
TS. HOÀNG M NH TH NG  
ThS. PHẠM VĂN THÔNG  
ThS. NGUYỄN VĂN TUÂN  
ThS. NGUYỄN CÔNG TÂY  
LÊ THỊ THU HỒNG  
PHAN KIM YẾN  
NGUY N VI T HÀ  
Trình bày bìa: TRẦN QUYẾT THẮNG  
Chế bản vi tính: TRẦN VĂN TIẾN  
Đọc sách mẫu: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT  
BÍCH LI U

THƯỢNG TƯỚNG  
**TRẦN VĂN TRÀ**  
VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG  
LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐỒNG

TẬP 1



THƯỢNG TƯỚNG  
**TRẦN VĂN TRÀ**  
VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG  
LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐỒNG

TS. QUÁCH THU NGUYỆT  
*(tổng hợp và tuyển chọn)*

---

TẬP 1

---

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
Hà Nội - 2021



# LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thượng tướng Trần Văn Trà (1919-1996) sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo, quê ở xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Ông sớm tham gia hoạt động cách mạng và trở thành một trong những vị tướng tài năng của Quân đội nhân dân Việt Nam, gắn liền với những chiến công hiển hách trên chiến trường miền Nam trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Kể từ khi chính thức bước vào con đường binh nghiệp với trận đánh quân Pháp ở mặt trận Cầu Bông ngày 23/9/1945, ông đã cống hiến cả cuộc đời cho cuộc trường chinh 30 năm của dân tộc, đã gắn bó với đồng chí, đồng bào Nam Bộ, với Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Trong quá trình công tác, ông đã đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng như: Khu trưởng Khu 8, Phó Tư lệnh Nam Bộ, Tư lệnh kiêm Chính ủy khu Sài Gòn - Gia Định, Tư lệnh Phân liên khu miền Đông, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam Việt Nam, Trưởng đoàn đại biểu quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên ở Sài Gòn, Phó Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 7, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng...

Năm 1982, ông nghỉ hưu. Dù được nghỉ hưu nhưng ông vẫn không ngừng làm việc. Với cương vị là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, ông đã có nhiều hoạt động để xây dựng Hội và chăm lo cho đời sống của đồng chí, đồng đội. Đặc biệt, ông cũng dành thời gian cho việc nghiên cứu và để lại cho đời nhiều công trình, bài viết nhằm tái hiện và tổng kết chặng đường 30 năm đấu tranh giải phóng của quân và dân trên vùng đất B2 Thành đồng.

Năm 1996, Thượng tướng Trần Văn Trà từ trần, khép lại một cuộc đời cống hiến trọn vẹn cho cuộc kháng chiến vệ quốc thần thánh của dân tộc, cho lịch sử vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng.

Với mong muốn xuất bản một bộ sách thể hiện tương đối đầy đủ về cuộc đời, sự nghiệp và những công trình, bài viết của Thượng tướng cũng như những tình cảm của các đồng chí, đồng đội dành cho Thượng tướng, gia đình Thượng tướng Trần Văn Trà đã chuyển cho TS. Quách Thu Nguyệt toàn bộ các công trình, bài viết, di cảo của ông.

Sau khi nghiên cứu tập tư liệu đồ sộ đó, TS. Quách Thu Nguyệt đã tổng hợp và tuyển chọn lại thành bộ sách ***Thượng tướng Trần Văn Trà và những chặng đường lịch sử B2 Thành đồng***.

Bộ sách gồm 4 phần chính và phần Phụ lục, được chia thành hai tập (Tập 1 gồm các phần I, II; Tập 2 gồm các phần III, IV và Phụ lục). Phần I tái hiện cuộc đời, sự nghiệp của Thượng tướng Trần Văn Trà, được tổng hợp từ những trang nhật ký và nội dung Thượng tướng trả lời phỏng vấn của báo chí. Các phần II, III, IV là những ghi chép về chiến tranh, tái hiện cuộc chiến tranh 30 năm giải phóng trên vùng đất B2 Thành đồng, qua đó lý giải nguyên nhân thành công, thất bại ở từng trận đánh và rút ra bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo chiến tranh. Phần Phụ lục gồm các bài viết của đồng chí, đồng đội, những người từng có dịp làm việc, tiếp xúc với Thượng tướng, qua đó làm rõ hơn nhân cách, tài năng của Thượng tướng. Cuối bộ sách còn có một số hình ảnh góp phần khắc họa sinh động thêm về cuộc đời Thượng tướng Trần Văn Trà.

Mặc dù TS. Quách Thu Nguyệt và Nhà xuất bản đã có nhiều cố gắng trong việc thẩm định, xác minh tư liệu, sự kiện, sắp xếp, biên tập nội dung các phần cho phù hợp, nhưng bộ sách không tránh khỏi vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau bộ sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu bộ sách cùng bạn đọc.

*Tháng 11 năm 2021*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT



# LỜI NÓI ĐẦU

Những ngày cuối cùng của tháng Chạp năm Mậu Tuất (2018), tôi được phu nhân Thượng tướng Trần Văn Trà trao cho toàn bộ tài liệu, các công trình, bài viết, những trang đánh máy, di cảo viết tay của cố Thượng tướng với lời nhắn gửi: *“Con cố gắng giúp thím sắp xếp, biên tập để xuất bản tập sách cuối cùng của chú nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của chú (1919 - 2019)”*. Vậy mà tôi đã lỗi hẹn!

Hơn hai năm để đọc tất cả nguồn tài liệu mà trong ấy phần nhiều là các trang đánh máy, các bản thảo viết tay, những trang viết nháp dở dang, những phát biểu, biên bản đúc kết được ghi chép lại từ các băng ghi âm các buổi làm việc cùng các trợ lý phục vụ cho công trình tổng kết chiến tranh Việt Nam, các bài viết từ các trang báo đã ố vàng được cắt ra, sắp xếp, gìn giữ cẩn thận..., quả là một việc thật khó khăn với cá nhân tôi.

Làm sao nắm được toàn bộ ý tứ, nội dung trong ngôn ngữ tài liệu thấm đẫm mùi thời gian để hệ thống hóa, sắp xếp cấu trúc, bố cục sao cho thể hiện trung thực tư tưởng, tình cảm, tâm tư duy khái quát, lòng yêu nước, lý tưởng dẫn thân vì độc lập, tự do, hòa bình cho Tổ quốc của một người con quê hương xứ Quảng. Làm sao khắc họa được chân dung và phẩm cách của một người lính Cụ Hồ trở về từ hai cuộc chiến tranh vệ quốc thần thánh; của một sĩ quan quân đội xông xáo, nhạy bén và bản lĩnh trên khắp chiến trường Nam Bộ; của một cựu chiến binh hết lòng vì đồng chí, đồng đội sau ngày đất nước im tiếng súng, sạch bóng quân xâm lược...

Lúc còn làm Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Trẻ, cùng với gia đình và người trợ lý gần gũi nhất của Thượng tướng Trần Văn Trà là Đại tá Nguyễn Viết Tá, chúng tôi đã từng trực tiếp tổ chức, biên tập các cuốn sách về Thượng tướng và người thân trong gia đình. Đó là các cuốn sách: *Gửi người đang sống* (1996),

365 ngày vĩnh biệt anh - Thượng tướng Trần Văn Trà (1997), *Cảm nhận về Xuân Mậu Thân* (1998), *Liệt sĩ - Luật sư Lê Đình Chi và gia đình* (2009). Nay, duyên may một lần nữa được tiếp cận nguồn tư liệu di sản của tướng Trà, tôi thật sự bị lôi cuốn và không khỏi thán phục vì kiến thức uyên thâm, tầm tư duy khái quát, độ nhạy bén về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật trong chiến tranh, trong các trận đánh cụ thể. Qua những trang tư liệu đọc được, tôi càng thêm kính phục phẩm chất, phong cách làm việc và nghiên cứu nghiêm cẩn, khoa học của một người lính trí thức, văn võ song toàn. Có thể nói, cùng với những thành tích của một chỉ huy quân đội trên chiến trường miền Nam, sau ngày hòa bình lập lại, ở cái tuổi lý ra phải được nghỉ, nhưng Thượng tướng vẫn dốc sức cho công việc tổng kết chiến tranh và chăm lo “đền ơn đáp nghĩa” cho những đồng đội, những người lính đã dành cả thanh xuân để xông pha nơi làn tên mũi đạn bảo vệ nền độc lập nước nhà trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đóng góp giá trị nhất của Thượng tướng sau khi nghỉ hưu chính là việc tổ chức công trình tổng kết chiến tranh: Chặng đường 30 năm B2 Thành đồng.

Theo kế hoạch, công trình tổng kết sẽ được phân kỳ theo mỗi giai đoạn chiến tranh, tương ứng với từng tập:

Tập 1: Từ Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đến phong trào Đồng khởi năm 1960. Tựa sách là “Hòa bình hay chiến tranh”.

Tập 2: Từ năm 1961 đến năm 1965 - thời kỳ đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Tựa sách dự kiến là “Khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng”.

Tập 3: Từ năm 1965 đến năm 1968. Tựa sách dự kiến là “Chiến tranh cục bộ”.

Tập 4: Từ năm 1969 đến năm 1973. Tựa sách dự kiến là “Mỹ cút, ngụy nhào”.

Tập 5: Từ Hiệp định Paris năm 1973 đến ngày 30/4/1975. Tựa sách là “Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm”.

Tiếc rằng, cho đến nay, công trình tổng kết chỉ kịp hoàn thành và xuất bản được Tập 1 và Tập 5, các tập còn lại: 2, 3, 4 vẫn còn dang dở. Song, thật ngẫu nhiên, Tập 5 với tiêu đề “Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm” cũng là tập cuối, nhưng lại được công bố và xuất bản đầu tiên vào năm 1982 và Tập 1 là tập đầu tiên được hoàn tất và công bố sau đó vào năm 1992. Như vậy, với tập mở đầu và tập kết thúc, phần nào cũng giúp người đọc thấu hiểu được nguồn gốc của cuộc chiến tranh Việt Nam (từ năm 1945 đến năm 1975), những nỗ lực của quân dân miền Nam cùng với quân dân cả nước sẵn sàng hy sinh tất cả và bền bỉ, quyết tâm đấu tranh

cho nền độc lập, tự do và thống nhất nước nhà để có một kết thúc có hậu là ngày toàn thắng 30/4/1975, đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào.

Riêng Tập 2, ngay sau khi hoàn tất Tập 1, đề cương đã được bàn bạc và cơ bản đã được bố cục xong, ngay cả chương đầu tiên của tập này cũng đã hoàn tất, các chương tiếp theo được hẹn rằng sau chuyển đi công tác nước ngoài quay về sẽ tiếp tục, vậy mà người chủ trì công trình quan trọng này đã vĩnh viễn ra đi. Thượng tướng Trần Văn Trà mất vào ngày 20/4/1996 trong sự thương tiếc của nhiều người và công trình tổng kết chiến tranh vẫn chưa hoàn thành.

Bộ sách ***Thượng tướng Trần Văn Trà và những chặng đường lịch sử B2 Thành đồng*** gồm 2 tập với cấu trúc 5 phần, trong đó chiếm phần lớn (ở phần II, phần III, phần IV) là những ghi chép chiến tranh. Với tư cách là chứng nhân, là người tham gia vào cuộc chiến, hơn thế với tư cách một nhà khoa học, nghiên cứu về cuộc chiến tranh Việt Nam, Thượng tướng đã phác thảo một bức tranh toàn cảnh về cuộc chiến 30 năm (1945-1975). Cuộc chiến 30 năm giành độc lập, thống nhất đất nước đã được mô tả dưới góc nhìn từ hai phía: địch - ta, chính nghĩa - phi nghĩa; được phán đoán, phân tích kỹ về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, cả việc nhận định đánh giá, lý giải nguyên nhân thành công, thất bại ở từng trận đánh cụ thể để có thể rút ra những bài học quý giá về khoa học và nghệ thuật trong chỉ đạo chiến tranh.

Phần Phụ lục gồm các bài viết của đồng chí, đồng đội, của những người từng quen biết, làm việc, tiếp xúc với Thượng tướng, đã cho chúng ta nhìn rõ hơn tài năng, phẩm cách và tâm hồn của Thượng tướng cũng như những tình cảm yêu thương, quý trọng mà mọi người dành cho ông khi còn tại thế hay kể cả khi đã vĩnh viễn rời xa cõi tạm.

Sau cùng, nói như phu nhân Thượng tướng Trần Văn Trà, đây là bộ sách cuối cùng, tôi xin bổ sung thêm, đây cũng là bộ sách đầy đủ nhất của Thượng tướng về tổng kết cuộc chiến 30 năm diễn ra nơi mảnh đất phương Nam, về lịch sử cá nhân, về hành trạng và đóng góp của Thượng tướng dành cho quê hương, cho mảnh đất B2 mà ông đã dành cả đời hiến dâng.

Do đây là bộ sách cuối cùng và đầy đủ nhất của Thượng tướng, nên đan xen vào các trang viết có tính chất tổng kết, hệ thống, chúng tôi đã cố gắng chụp và đánh máy lại những trang nháp viết dở dang, vừa để lưu giữ bút tích, vừa để người đọc cảm nhận được cốt cách, tâm hồn của một vị tướng như những câu thơ nhẹ nhàng, thanh thoát được ông cảm tác ngay khi hòa bình lập lại mà người thân, đồng đội, đồng chí vẫn luôn nhắc nhớ:

“Ra đi hai bàn tay trắng,  
Trở về một dải giang san.  
“Trăng xưa hạc cũ”, dòng sông lặng,  
Mây nước yên bình, thiên mã thăng”.

Xin được trân trọng giới thiệu bộ sách ***Thượng tướng Trần Văn Trà và những chặng đường lịch sử B2 Thành đồng*** đến bạn đọc gần xa.

*Những ngày cuối năm 2019*

TS. Quách Thu Nguyệt

Nguyên Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Trẻ

# PHẦN I

## RA ĐI HAI BÀN TAY TRẮNG...\*



Thượng tướng Trần Văn Trà tên thật là Nguyễn Chấn, còn có tên là Lê Văn Thắng, các bí danh: Tư Chi, Tư Nguyễn, Ba Trà; sinh ngày 15/9/1919; tại làng Châu Sa, nay là xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Ông mất ngày 20/4/1996 trong một chuyến công tác nước ngoài.

Đây là phần phác họa chân dung cuộc đời Thượng tướng Trần Văn Trà, được tổng hợp từ những trang nhật ký và nội dung Thượng tướng trả lời phỏng vấn của báo chí. Chúng tôi mượn câu đầu trong bài thơ do Thượng tướng cảm tác để đề tựa cho phần mở đầu này:

*“Ra đi hai bàn tay trắng,  
Trở về một dải giang san.  
“Trắng xưa, hạc cũ”, dòng sông lặng,  
Mây nước yên bình, thiên mã thẳng.”*

---

\* TS. Quách Thu Nguyệt tổng hợp.



*Lên đường vào Tân Sơn Nhất (Lộc Ninh, 1973)*

Tôi sinh năm 1919. Quê ở xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Cha tôi là thợ xây, không có ruộng, mẹ tôi buôn bán gánh gồng chật chiu nuôi anh em chúng tôi ăn học với mong muốn anh em chúng tôi trở thành người có học. Những năm 1930-1931, phong trào cách mạng ở quê tôi rất mạnh, thường biểu tình chống Pháp, chống thuế, chống phu phen tạp dịch. Cha tôi luôn tham gia các cuộc đấu tranh này. Tôi lúc đó mới 11-12 tuổi, học trường huyện nhưng cũng tham gia chép truyền đơn, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu theo hướng dẫn của các anh lớn. Huyện thường có biểu tình nên trường hay phải nghỉ học.

Có lần, lính lê dương, khố đỏ đặt súng máy ven đường chặn không cho đoàn biểu tình lên tỉnh. Đoàn biểu tình đưa kiến nghị, nó nhận, nhưng bắt giải tán. Hai bên giằng co. Nó bắn, người cầm cờ ngã xuống. Người sau lao lên cầm cờ. Chết nhiều quá. Đoàn biểu tình chạy sang hai bên đường. Có những anh bạn lớp trên tôi cũng bị bắn chết. Cảnh tượng đó bây giờ còn đậm nét trong đầu tôi.

Sau đó, lính về tận làng tôi khủng bố. Ở quê tôi có hai nhà nho tham gia phong trào Cần Vương là ông Lê Trung Đình (Cử Đình) và ông Nguyễn Tự Tân (Tú Tân) bị chúng chém ở bãi sông Trà Khúc. Những người già kể cho tôi nghe với lòng cảm phục. Ở trường huyện có ông giáo người Quảng Trị chắc cũng là nhà cách mạng, thường đọc thơ văn, kể chuyện về cụ Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu. Lúc ấy, dù còn bé, tôi cũng có được một quyển sách đầy thơ văn cách mạng. Ảnh hưởng này đối với tôi rất lớn, suốt đời tôi ghi nhớ bài học làm người: Phải sống như thế nào cho xứng đáng là con cháu các cụ.

Nhà nghèo nên mặc dầu các cụ tôi rất mong tôi học cao hơn nhưng tôi không học được các ngành khác. Năm 1936, tôi thi vào Trường Kỹ nghệ ở Huế. Ở đây, tôi tham gia ngay phong trào học sinh của trường, của thành phố Huế. Năm 1938, tôi đã được Chi bộ Đảng nhà trường kết nạp.

Bọn mật thám đánh hơi, theo dõi, nên năm học cuối cùng tôi bị quản chế, không cho ra ngoài trường và thi đậu xong không được sắp xếp công việc.

Tôi biết anh Ba Lê Duẩn năm 1938, khi tôi được kết nạp Đảng. Năm 1939, tôi vào Sài Gòn xin làm ở nhà máy xe lửa. Tôi thi tuyển làm thợ tiện và Xứ ủy Trung Kỳ cũng giới thiệu tôi sinh hoạt Đảng ở đây dưới sự chỉ đạo của Thành ủy Sài Gòn. Nhưng chỉ 6 tháng sau, do có anh em ở Huế bị bắt khai báo nên tôi cũng bị bắt đưa ra Huế. Khi ở Huế, học ở Trường Kỹ nghệ, tôi đã được theo học lớp huấn luyện, nghe anh Lê Duẩn - Bí thư Xứ ủy Trung Kỳ giảng. Khi vào Sài Gòn, tôi lại được gặp anh khi anh vào họp Hội nghị Trung ương Đảng ở Sài Gòn. Tôi đã nói với anh là tôi đang bị truy lùng, nên trốn hay làm thế nào. Anh bảo tôi: Đã bị lộ rồi, nếu bị bắt, nhận là đảng viên thường, không khai báo gì cũng chỉ tù mấy tháng là xong.



Khi bị đưa ra Huế, vào nhà tù, tôi đã thấy các anh Nguyễn Chí Thanh, Tố Hữu, Hoàng Anh... và các anh trong Đảng bộ Thừa Thiên, cả trong Chi bộ của tôi cũng đang ở trong tù. Anh em khai tôi là Thanh niên dân chủ. Tôi cũng nhận như vậy và bị nhẹ nhất, không bị tra tấn gì vì tôi là người cuối cùng bị bắt. Ra tòa, tôi bị chúng kết án 6 tháng tù. Nhưng 8 tháng sau, chúng mới thả, bắt về quản thúc tại Quảng Ngãi. Nhờ có bạn bè làm ở dinh quận, dinh tuần vũ, tôi tìm cách trốn đi. Anh em làm cho cái căn cước giả, cho tôi ba đồng bạc (lúc đó quý lắm). Vào Đà Lạt, tôi tá túc ở chỗ anh em cùng trường làm việc ở đấy một thời gian, sau đó về Sài Gòn. Đi xe lửa xuống đến An Lộc, không dám đi qua Biên Hòa, tôi xuống tàu và lại tá túc ở chỗ anh em học cùng trường ra. Từ đó, tôi đi bộ về Chợ Lớn. Sau đó, tôi lại xin làm thợ ở Sở Cao su, Công ty Cuộc Tơ (Cẩm Mỹ ngày nay). Làm 6 tháng, tôi lại về Sài Gòn bắt liên lạc với các đồng chí như Lê Xuân Định học cùng Trường Kỹ nghệ để trở lại hoạt động (năm 1943). Ở trường, tôi hoạt động từ năm 1936, khi tôi ra trường anh mới bắt đầu hoạt động (năm 1939). Lúc này, anh Định đã là đảng viên rồi. Anh báo cho tôi biết, anh Trường Chinh phái các anh Nguyễn Hữu Ngoạn, Nguyễn Hữu Xuyên vào bắt liên lạc với Đảng bộ trong này. Tờ *Giải phóng* được giao cho tôi, in bằng xu xoa. Báo đã ra được 3 hay 4 số thì Ngoạn từ miền Bắc vào, cho biết ngoài đó người ta in bằng litô. Đưa cho tôi xem một tờ in rất đẹp, nhưng đồng chí chỉ biết là in litô là viết chữ trên đá, còn cách in thế nào thì không rõ. Tôi thấy in litô rất đẹp, nhưng do không biết cách in như thế nào, tôi quyết đi tìm hiểu. Tôi mượn quần áo rất sang đi đến một nhà in (không nhớ tên) nằm trên đường Catinat, gần Nhà hát thành phố, chủ là người Việt. Nhà in lớn, in cả litô và typô. Tôi giả là sinh viên trường Mỹ thuật Hà Nội, người Đà Nẵng. Nói dỏc với chủ rằng tôi có ông già khá giả lập một nhà in litô ngoài đó, nhưng thợ dở quá in không được đẹp, nên vào đây tham quan coi thế nào. Người phụ trách nghe tôi nói học trường Mỹ thuật thì thích lắm, đưa tôi đi thăm các chỗ viết, in. Khi đó, tôi mới biết in litô là như thế nào. Dịp may, tôi làm quen với ông quản đốc rồi giả bộ ra về. Nhưng ra ngoài, đợi hết giờ làm việc, tôi kéo anh ta vào khách sạn đái cồctai hần hoi, rồi bàn với anh ta: Nếu anh giúp nhà in của tôi in đẹp thì tôi xin hậu tạ. Anh ta chỉ cho tôi cách viết và in rất chi tiết, làm sao bảo đảm in đẹp. Anh ta còn cho tôi chai mực và dặn: Anh in thử, nếu tốt tôi sẽ ra giúp anh. Vậy là tôi mua một tấm đá cẩm thạch, đồ nghề viết thẳng trên đá bằng tay trái, cuối cùng cũng in đẹp. Mừng quá, tôi đưa một số anh em, có cả Việt Châu - em ruột tôi, cùng viết với tôi. Tôi vừa biên tập vừa in ấn được tờ *Giải phóng* từ số 6 (hay số 7) đến số 11 thì bị địch bắt. Hồi ấy, tôi mượn nhà ở Tân Định (nay là Xí nghiệp Nông cơ), ban đêm thường đi ngủ chỗ khác. Vào một ngày tháng 5/1944, khoảng 12 giờ đêm, không may, khi tôi chuẩn bị ra về thì trời mưa nên đành ngủ lại. Đúng đêm đó, tôi bị địch bắt. Mật thám, cảnh sát



từ Chợ Lớn được điều qua bao vây và bắt chúng tôi. Khi chúng đưa chúng tôi lên xe ngồi chung, tôi dặn anh em cứ đổ hết cho tôi, đừng khai nhận gì hết. Chúng đánh thì cứ đánh, cứ nói đó là của anh Thắng, anh em chỉ ở trọ trong nhà để đi làm. Có hai anh em bị đánh đau quá nên nhận có làm, chúng lại lôi tôi ra đánh. Tôi nói các ông đánh họ đau quá nên họ nhận bậy chớ họ có biết gì. Cứ thế chúng đánh tôi nhiều đòn, do tên Cảnh trực tiếp thực hiện. Ngoạn bị bắt trước tôi cũng bị đánh. Tôi bị tra tấn ở bót Catinat, xong chúng đưa vào Khám Lớn. Huỳnh Văn Tiểng, Nguyễn Hải Trường, Lưu Hữu Phước cũng bị Pháp bắt vào Catinat. Các anh nghe bọn chúng kháo nhau một số người bị bắt, bị tra tấn ở đây mới đưa vào Khám Lớn có tên Thắng đã từng bị Tây quản thúc ở quê là chủ bút, chắc chắn sẽ bị đày ra Côn Đảo, nên khi vào tù các anh đã tìm hiểu tôi là ai, ở đâu và gửi tặng tôi một cái khăn mùi xoa (khăn tay). Sau này, gặp anh Lưu Hữu Phước, anh nhắc tôi mới nhớ ra. Khi anh Nguyễn Hải Trường ra Đồng Tháp cũng nhắc đã kéo tôi vào cầu tiêu nói chuyện Việt Minh. Như vậy là nhóm đó biết tôi hồi ở bót Catinat.

Tụi tôi có 9 người, bị chúng đưa từ bót Catinat qua Khám Lớn Sài Gòn. Tôi tưởng chúng nhốt tôi ở khu chính trị, ai ngờ chúng nhốt chúng tôi chung với nhóm Bình Xuyên và bọn cướp ở lầu 3. Thấy một góc chưa có ai, chúng tôi ngồi vào đó tán với nhau để chờ phát cho mỗi người một chiếc chiếu. Thấy tôi lo cho anh em, bọn tù ở đây cho tôi là sếp, kêu tôi tới. Tên Sáu Khải ngồi trên một đồng chiếu hỏi tôi: Tụi bây làm sao mà vào đây? Tôi nói tụi tôi không làm gì cả, nghi làm chính trị nên chúng nó bắt. Nó nói tụi bây làm chính trị đó hả, làm chính trị mà không biết tôn ti trật tự là cái gì cả, tại sao không đến đây trình diện? Sáu Khải vừa nói xong, tên Thẩm nhào lại đánh tôi, tôi đứng dậy đánh lại một cái. Tụi đứng chung quanh tản ra. Mới đầu có thể thôi, chúng hăm dọa một chút. Nhưng do tôi đánh trả lại nên chúng mới nói chuyện phải chăng: Trong này cũng như ngoài đời, ai vào đây phải qua tôi, các anh là chính trị phạm nên không biết. Thôi về đi, cứ nằm ở đó. Làm cái gì sau này phải xin phép. Tên Sáu Khải là tên trọng án, Pháp nhốt chung để trị bọn tội phạm. Qua đó, tôi mới biết đây không phải là nhóm chính trị mà là bọn mặc rô (ma cô), Bình Xuyên. Tên Bảy Rô là Bình Xuyên cũng bị giam ở đây. Tên Sáu Khải và một tên nữa (tôi không nhớ tên) là sếp bọn này. Biết như thế, tôi bắt đầu vận động, nói chuyện, tìm hiểu người nào không xấu để giác ngộ dẫn một số người Bình Xuyên và một số ăn cắp dây đồng. Bảy Rô là một trong số được tôi giác ngộ. Tên Mười Một cũng được giác ngộ, nhưng sau ra kháng chiến nó phản thù. Tên Thẩm bị tôi đánh nên căm lắm, nó mài một cây sắt định đâm tôi, nhưng nhờ giác ngộ một số anh em như Bảy Rô, nên họ chia nhau canh gác ngày đêm để phòng hấn đâm tôi. Bảy Rô sau ra kháng chiến giữ vững tinh thần từ đầu đến cuối. Còn Mười Một thì hồng. Các tay khác tôi không gặp lại.

Ngày 22/8/1945, Chính phủ Trần Trọng Kim thả tù chính trị nên tôi được tự do. Ngày 25/8/1945, chúng tôi tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn.

Khi ra tù, tôi bắt liên lạc ngay với Xứ ủy và được phân công về Kỳ bộ Việt Minh do anh Nguyễn Văn Nguyễn phụ trách. Khi ấy tình hình nội bộ ở Sài Gòn cũng phức tạp. Nhóm Tiền phong do anh Giàu, anh Giáp, anh Khiêm... phụ trách. Nhóm Giải phóng do anh Dân Tôn Tử, anh Khương, chị Thập... phụ trách, không muốn đứng cùng đội hình với nhóm Tiền phong vì nghi kỵ lòng trung thành của các anh ấy và khác nhau về chủ trương.

Khi tôi bị bắt, anh Lê Hữu Kiểu thay tôi phụ trách tờ *Giải phóng*. Nhóm Giải phóng liên lạc với Trung ương, nên nói chung hoạt động nắm vững đường lối của Đảng hơn. Nhưng khi chúng tôi bị bắt thì đứt liên lạc với Trung ương và mãi đến năm 1945 Trung ương mới liên lạc được với Nam Bộ nhưng với nhóm Tiền phong.

Ngày 23/9/1945, Pháp đánh ta. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ bùng nổ. Tôi bắt đầu là người lính cách mạng từ đấy. Và trận đầu là gây tầm vong đánh giữ mặt trận Cầu Bông trong nội đô.

Sau ngày 23/9/1945 ít lâu, mặt trận Sài Gòn vỡ. Cơ quan lãnh đạo ta đồn về Mỹ Tho. Tôi xin ở lại chiến đấu tại Sài Gòn. Lúc này, đáng lẽ sau khi giành được chính quyền ta phải giáo dục cách mạng, vũ trang quần chúng ngay, tổ chức lực lượng vũ trang trung kiên do Đảng lãnh đạo. Nhưng, khi ấy lại dựa vào 4 sư đoàn tự lập bao gồm lính phòng vệ đoàn của Nhật và lính của Pháp vừa chạy theo cách mạng, có bổ sung một số thanh niên do mật thám Nhật - Pháp chỉ huy như Nguyễn Hòa Hiệp, Lý Hoa Vinh..., không có một nhà cách mạng, một đảng viên cộng sản nào. Sau đó, bốn sư đoàn này không đánh giặc, mà lại chạy ra ngoại thành tước vũ khí của dân quân và cướp bóc nhân dân. Cùng lúc đó còn có lực lượng Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo càng làm cho tình hình thêm phức tạp.

Do đó, tôi cùng các anh Hoàng Dư Khương, Lê Minh Định (trong Xứ ủy Giải phóng) bàn bạc với nhau ra họp Tỉnh ủy Gia Định (nhóm Giải phóng) để bàn việc phải thành lập quân đội, phải nắm lực lượng vũ trang mới bảo vệ được chính quyền cách mạng. Chúng tôi lập ra “Giải phóng quân liên quận Hóc Môn, Bà Điểm, Đức Hòa” (3 địa phương có cơ sở mạnh). Anh Tô Ký trong Tỉnh ủy Gia Định làm Chỉ huy trưởng, anh Hoàng Dư Khương trong Xứ ủy Giải phóng làm Chính trị viên. Tôi lo công tác Đảng và quần chúng. Sau một tháng, anh Khương đề nghị thay đổi nhiệm vụ giữa tôi và anh ấy, được tập thể đồng ý. Thế là tôi làm Chính trị viên.

Tình hình miền Nam lúc đó rất khó khăn mặc dầu được sự tăng cường của các lực lượng Nam tiến và anh Nguyễn Bình được Trung ương cho vào chỉ huy Khu 7 (miền Đông), anh Đào Văn Trường chỉ huy Khu 8 (miền Trung), anh Vũ Đức (người dân tộc Tày cùng vào với anh Nguyễn Bình) chỉ huy Khu 9 (miền Tây).

Theo quyết định của Trung ương, anh Trần Văn Giàu ra Bắc, hai Xứ ủy Tiền phong và Giải phóng hợp nhất, mời bác Tôn Đức Thắng làm Bí thư Xứ ủy, bác không nhận, giới thiệu anh Lê Duẩn.

Trên đường ra Trung ương, tháng 3/1946, anh Lê Duẩn gặp tôi, bàn đưa một bộ phận lực lượng “Giải phóng quân liên quận” tăng cường cho Khu 8 và tôi phải chịu trách nhiệm củng cố, chấn chỉnh Khu 8.

Tôi cùng anh em Khu 8 lập ra Chi đội 14 (như trung đoàn sau này), tôi là Chi đội trưởng và bắt đầu xây dựng Đồng Tháp Mười làm căn cứ địa.

Sau khi anh Lê Duẩn ra Bắc, các anh Hoàng Quốc Việt, Cao Hồng Lãnh, Lê Văn Lương và một số anh nữa cũng ra. Các anh khác như Phạm Hùng, Hà Huy Giáp..., tản mát khắp nơi. Xứ ủy không còn. Anh Phạm Văn Bạch - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính cũng ra Trung ương, bộ máy lãnh đạo hầu như không còn. Ở các tỉnh thì vẫn có hai tỉnh ủy Tiền phong và Giải phóng. Giữa lúc đó, địch đánh bùng ra. Ta mạnh đâu đánh đấy. Nhiều nơi tan rã. Xây dựng được Chiến khu 8 (Đồng Tháp Mười), thì anh Ung Văn Khiêm từ Khu 9 lên gặp tôi đề nghị tôi tổ chức cho anh ấy ra Trung ương báo cáo tình hình. Tôi giữ anh ấy lại không cho đi vì đã có quá nhiều người ra Trung ương báo cáo rồi. Tôi cùng anh Khiêm đứng ra thay mặt cho nhóm Giải phóng và Tiền phong triệu tập lập nên Xứ ủy Đảng lâm thời do anh Khiêm làm Bí thư và tiếp tục thống nhất, củng cố các tỉnh ủy. Sau đó Xứ ủy xây dựng lại Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ do anh Phạm Ngọc Thuần làm quyền Chủ tịch, anh Ung Văn Khiêm làm Ủy viên nội vụ, anh Nguyễn Bình là Ủy viên quân sự.

Đây là việc làm quan trọng, củng cố được bộ máy lãnh đạo toàn Nam Bộ cả về Đảng và chính quyền, đem lại tin tưởng cho nhân dân trong tình thế gay go của những ngày đầu kháng chiến lúc bấy giờ. Chúng tôi cũng xây dựng được lực lượng vũ trang Khu 8 và bắt đầu hoạt động đồng đều và vững.

Tháng 9/1946, Trung ương chỉ định tôi làm Khu trưởng Khu 8, anh Nguyễn Văn Vịnh làm Chính trị viên, anh Trương Văn Giàu làm Khu phó. Tháng 11/1946, chúng tôi họp hội nghị toàn khu lần đầu tiên để củng cố tổ chức bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ. Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính đóng trên địa bàn Khu 8 tại Đồng Tháp Mười cũng tạo thêm điều kiện cho khu có nền nếp hoạt động vững vàng.

Cũng đúng tháng 11/1946, anh Vũ Đức - Chỉ huy Khu 9 ra Bắc bị phục kích, hy sinh, Trung ương chỉ định anh Huỳnh Phan Hộ làm Khu trưởng Khu 9, anh Phan Trọng Tuệ làm Chính trị bộ.

Năm 1947, anh Lê Duẩn vào gặp chúng tôi ở Đồng Tháp Mười. Tình hình kháng chiến Nam Bộ đang lên mạnh, Xứ ủy chính thức được bầu trong một cuộc hội nghị tại Đồng Tháp Mười do anh làm Bí thư.

Cuối năm 1947, đơn vị chủ lực cơ động đầu tiên của Nam Bộ được thành lập, đó là Tiểu đoàn 307 thuộc Khu 8. Sau đó các khu cũng thành lập những tiểu đoàn chủ lực.

Giữa năm 1948, Trung ương yêu cầu đoàn đại biểu quân - dân - chính Nam Bộ ra báo cáo. Tôi ra Việt Bắc và đây là lần đầu tiên tôi được gặp Bác Hồ - đồng chí Nguyễn Ái Quốc mà khi còn hoạt động bí mật trước năm 1945, tôi đã từng biết qua tài liệu và tiếng tăm.

Có những đơn vị chủ lực lại có sự củng cố, phát triển các lực lượng địa phương và dân quân du kích nên có được những trận đánh thắng lợi có tiếng vang như trận Cổ Cò, trận Giồng Dứa trên quốc lộ 4, trận đánh chìm tàu trên kênh Sở Thượng của Khu 8; trận Tầm Vu, trận Mương Điều của Khu 9; trận La Ngà, Trảng Táo của Khu 7. Các chiến dịch Trà Vinh, Cầu Kè, Lê Hồng Phong đã nâng tầm chỉ đạo tác chiến, sáng tạo chiến thuật đánh địch chứng tỏ một bước trưởng thành của lãnh đạo cùng quân và dân Nam Bộ. Tôi được phân công làm Phó Tư lệnh Nam Bộ, anh Nguyễn Bình là Tư lệnh.

Năm 1949, chuẩn bị “Tổng phản công”, tôi được điều về làm Tư lệnh kiêm Chính ủy khu Sài Gòn - Gia Định. Năm 1950, Trung đoàn 306 của khu bắn pháo vào tàu Mỹ ở Sài Gòn, kết hợp cùng với phong trào sinh viên học sinh biểu tình chống Mỹ rầm rộ đuổi tàu Mỹ chạy khỏi Sài Gòn.

Năm 1951, anh Nguyễn Bình ra Bắc, trên đường đi trên đất Campuchia gặp lính tuần tiểu Campuchia, anh hy sinh.

Và lúc đó, Nam Bộ cũng được chia thành 2 phân liên khu: miền Đông gồm các tỉnh tả ngạn, miền Tây gồm các tỉnh hữu ngạn sông Tiền Giang.

Miền Đông, tôi làm Tư lệnh, anh Phạm Hùng làm Chính ủy, anh Nguyễn Văn Vịnh làm Phó Tư lệnh.

Miền Tây, anh Lê Hiến Mai làm Tư lệnh, anh Phan Trọng Tuệ làm Chính ủy. Anh Lê Đức Thọ phụ trách miền Tây.

Năm 1952, miền Đông bị lụt lớn, mất mùa nghiêm trọng. Miền Tây huy động gạo cứu giúp cũng đỡ cho một phần. Nhưng vẫn đói ghê gớm. Lợi dụng tình thế đó, địch bắn phá, càn quét dữ dội.

Có thể nói, thời kỳ cuối năm 1946 và năm 1947-1948, phong trào kháng chiến Nam Bộ lên mạnh và đặc biệt là thời kỳ 1953-1954 ta thắng lớn thì Nam Bộ cũng có hai thời kỳ khó khăn nhất. Đó là năm 1945 và đầu năm 1946 và thời kỳ 1952-1953.

Năm 1952, anh Lê Duẩn ra Bắc. Rút kinh nghiệm sự hy sinh của anh Vũ Đức, anh Nguyễn Bình, anh Lê Đức Anh lúc đó là Tham mưu trưởng Khu 7 đi theo tổ chức đưa anh ra thật an toàn. Anh Lê Duẩn ở lại Trung ương tới năm 1954 sau Hiệp định Giơnevơ mới lại vào. Đáng tiếc hai thời kỳ khó khăn nhất của Nam Bộ, năm 1945-1946 và năm 1952-1953 không có sự chỉ đạo trực tiếp của anh.

Sau Hiệp định Giơnevơ, tháng 9/1954 tôi chỉ huy lực lượng tập kết ra Bắc và làm Tổng Tham mưu phó Quân đội nhân dân Việt Nam.

Năm 1956-1958, tôi đi học ở Liên Xô cùng 5 anh khác là Nam Long, Vũ Yên, Vũ Lăng, Đỗ Đức Kiên và Nguyễn Văn Minh. Đây là đoàn cán bộ Việt Nam đầu tiên học ở Học viện cao cấp Liên Xô. Nhưng rồi tôi bị bệnh phải về. Năm 1960-1961 lại sang học cùng với một số anh khác.

Từ năm 1959, sau khi có Nghị quyết Trung ương 15, tôi đã xin đi vào Nam, nhưng bệnh chưa lành, không được đi. Sau ngày có Nghị quyết Trung ương 15, việc tổ chức lực lượng cán bộ tập kết ra Bắc trở vào Nam là một yêu cầu chính đáng. Tôi và anh Vĩnh đề đạt với Tổng Bí thư và được chấp thuận. Việc phải có đường là việc cấp bách. Tôi được Trung ương và Quân ủy Trung ương giao nhiệm vụ tổ chức đường này. Trước nhất là vào đến Khu 5. Tôi mời anh Võ Bẩm, giao cho anh ấy đi thực hiện cụ thể kế hoạch. Tôi và anh Vĩnh gặp anh Lê Duẩn, đề nghị cán bộ tập kết vô Nam. Anh Lê Duẩn chưa đồng ý ngay, nói: “Bộ Chính trị chưa bàn!”. Chúng tôi xin cho 100 anh em đã học lục quân vô trước. Anh suy nghĩ rất lâu. Chúng tôi nài xin 50 cũng được. Anh cũng cho là nhiều quá. Nếu chỉ 25 thôi thì anh có thể quyết định rồi sẽ báo cáo lại với Bác và Bộ Chính trị. Chúng tôi mừng quá, miễn được bước đầu đột phá thành công đã. Anh dặn phải tuyệt đối bí mật. Tôi đã chọn 25 người. Bắt đầu huấn luyện về quân sự, mọi kỹ năng chiến đấu. Trong lúc đó tôi lại tổ chức một đoàn đi xoi đường vào Nam Bộ và điện cho Trung ương Cục cử người đi ngược ra đón. Tháng 12/1960, đoàn vào tới nơi vừa kịp dự lễ thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đó là đoàn đầu tiên đi đường mòn Hồ Chí Minh vào Nam. Từ đường mòn đi bộ, mang gùi trên lưng sau thành đường xe thổ. Đến năm tôi vào Nam chiến đấu với cương vị Chỉ huy trưởng các



lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam thì tôi bàn giao lại việc tổ chức chỉ đạo con đường 559 cho Bộ Tổng Tham mưu phụ trách và phát triển.

Nói đến đường mòn Hồ Chí Minh trên Trường Sơn thì cũng phải ghi nhớ tới đường Hồ Chí Minh trên biển. Cùng thời làm Đường 559, tôi cũng giao cho anh Võ Bẩm tổ chức vận tải đường biển cho Khu 5 lấy tên Đường 759 (vào tháng 7/1959), nhưng thất bại, phải tạm ngừng. Đến năm 1960-1961, Trung ương Cục miền Nam cho các tỉnh ven biển Nam Bộ phái các thuyền nhỏ ra Bắc xin vũ khí. Có chiếc tới nơi, có chiếc bị nạn hay bị bắt. Do đó, Trung ương lại giao cho Quân ủy Trung ương nghiên cứu tổ chức đường biển. Tôi được giao nhiệm vụ này. Khi đã nghiên cứu xong phương án khả thi, trình với Quân ủy Trung ương, anh Võ Nguyên Giáp hỏi: Có đảm bảo 50%? Tôi xin đảm bảo được. Quân ủy đồng ý. Chuyển đầu đi tàu gỗ khởi hành năm 1962, chở 28 tấn vũ khí, cập bến Rạch Gốc, thuộc Cà Mau thành công. 5, 6 chuyến sau cũng bằng tàu gỗ như vậy đều an toàn. Sau đó, ta chủ trương đóng tàu lớn (trọng tải 100 tấn) trong thời gian ngắn (6 tháng) để chở được nhiều vũ khí hơn. Vừa thuyết phục, vừa lệnh, vừa cùng chịu trách nhiệm, có anh Đánh đảm bảo về kỹ thuật, nên các kỹ sư đã đồng ý và tích cực thực hiện. Chiếc thứ nhất đóng xong, đúng 6 tháng mà đáng lý ra phải hơn 2 năm. Đây là một kỳ công. Chạy thử chuyến đầu được Bác Hồ tới thăm và khen ngợi. Điều này chứng tỏ tầm nhìn của Bác, không chỉ quan tâm những việc lớn mà cả những việc cụ thể có tầm quan trọng và ảnh hưởng lâu dài. Bởi vì, với đường biển đó, từ năm 1962 đã mang được những thứ vũ khí mà phải năm 1970, Đường 559 mới thực hiện được. Sau anh Nguyễn Văn Đánh được phong Anh hùng Lao động và Bông Văn Dĩa - người thuyền trưởng chiếc tàu gỗ đầu tiên được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Cũng năm 1963, tôi bàn giao đường này cho Bộ Tổng Tham mưu phụ trách và về sau Bộ Tổng Tham mưu lại giao cho Bộ Tư lệnh Hải quân, đổi thành Đoàn 125. Thời gian tôi phụ trách con đường này, may thay đã đi được nhiều chuyến và đạt tỷ lệ an toàn, thắng lợi 100%. Thế là trong Nam đã có khung cán bộ quân sự được đào tạo cơ bản, chính quy, có vũ khí nặng để xây dựng đơn vị chủ lực.

Năm 1963, tôi được vào trực tiếp tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cùng đồng bào Nam Bộ. Tôi thay anh Quang lập Bộ Chỉ huy các lực lượng giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi xin Trung ương Cục tuyển thanh niên chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long và chuyển vũ khí từ miền Tây về Sông Bé và Bắc Tây Ninh nơi căn cứ rừng núi có Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền đóng để xây dựng lực lượng chủ lực. Anh Nguyễn Văn Linh - Bí thư Trung ương Cục lúc ấy nhất trí. Nhưng cuộc đấu tranh về quan điểm quân sự này phải tới năm 1967 mới được

anh em chấp nhận hoàn toàn, mặc dầu từ năm 1963 đã có trận Ấp Bắc chiến thắng vang dội như vậy theo cách đánh của chủ lực kết hợp quân sự, chính trị, binh vận; năm 1965, ta có chiến dịch Bình Giã kết hợp chính quy và du kích.

Nhờ có chủ lực, tháng 01/1965, mới có chiến dịch Bình Giã, tiêu diệt 3 tiểu đoàn địch, 3 tiểu đoàn khác bị đánh thiệt hại nặng, 4 - 5 tiểu đoàn nữa bị tan tác. Chiến dịch này có tính quyết định kết thúc chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Tháng 12/1964, đã có trận đánh sân bay Biên Hòa của pháo binh và đặc công quân giải phóng làm Mỹ kinh hoàng.

Mỹ vào, bắt đầu thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Những trận đầu đánh Mỹ: Ở Quảng Nam có trận Núi Thành, Quảng Ngãi có trận Vạn Tường, trong này có chiến dịch Bàu Bàng - Dầu Tiếng. Rồi năm 1967, chiến đấu ngày một quyết liệt và quân Mỹ từ 20 vạn năm 1965, năm 1966 tăng lên 40 vạn, sau lên nửa triệu quân Mỹ, rồi quân đội các nước chư hầu và ngụy tổng cộng lên tới một triệu. Rồi B-52 với bom rải thảm, chất độc hóa học tràn lan.

Sau thất bại trong Tết Mậu Thân năm 1968, Mỹ tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” “hòng giành thắng lợi cuối cùng” nhưng vẫn thất bại nên phải rút quân năm 1973. Xuân năm 1975 ta đại thắng. Điều này sử sách đã nói nhiều, tuy nhiên tôi cũng muốn nói thêm một chút về Tết Mậu Thân năm 1968. Thật ra, trận đánh lớn như thế này mà chiến trường chỉ được biết trước có ba tháng. Ban đầu, anh Lê Đức Anh vào truyền đạt nghị quyết của Bộ Chính trị. Sau đó, anh Hoàng Văn Thái và anh Phạm Hùng. Nhưng cũng may là từ năm 1964-1965, chúng tôi đã có một bước chuẩn bị “tổng công kích, tổng khởi nghĩa” theo Nghị quyết Trung ương 9 năm 1963 nhằm vào toàn bộ đô thị, nhất là ở Sài Gòn nên đã có tổ chức một bộ phận lực lượng bố trí sẵn ở vùng ven và nội thành Sài Gòn bám các mục tiêu quan trọng. Trước khi đánh, tôi phải ra Hà Nội để báo cáo xin duyệt kế hoạch, chỉ có anh Duẩn - Tổng Bí thư, anh Vịnh - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng nghe và giữ tuyệt đối bí mật. Rồi cấp tốc về ngay triển khai trận đánh. Cách đánh Tết Mậu Thân rất độc đáo, giành thắng lợi lớn lao tạo ra bước ngoặt chiến lược lớn nhất của chiến tranh, buộc Mỹ phải về nước để ta đánh cho ngụy nhào.

Trong Mậu Thân, cả bên ta và bên địch đều thiệt hại nặng, nặng nhất so với bất kỳ thời chiến tranh nào. Thắng càng lớn thì trả giá càng cao, đó là tất nhiên. Nhưng ta bổ sung và củng cố được đòi hỏi cả năm, còn Mỹ - ngụy chỉ 2 tháng. Vì vậy mà Mỹ lợi dụng thời cơ phản kích ác liệt bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ta gặp muôn vàn khó khăn trong năm 1969-1970. Tuy vậy, năm 1970 ta đã giúp nhân dân Campuchia giải phóng gần hết bảy tỉnh đông sông Mê Kông và một phần lớn các tỉnh Kompong Thom, Siem Riệp bên tây sông. Qua năm 1971 trở đi

ta lại chủ động tấn công, đã thắng lớn năm 1972, đi tới Hiệp nghị Paris. Nhưng Mỹ - ngụy không thi hành Hiệp nghị quốc tế này mà tưởng có thể thắng ta. Vì vậy mà có chiến thắng có tính chất chiến lược Phước Long, đòn thử sức và thử ý chí cả Mỹ và ngụy. Từ Phước Long đến Sài Gòn, việc phải đến đã đến. Chiến dịch Phước Long giúp đánh giá chính xác tình hình ta - địch, nhất là Mỹ để đi đến quyết định lịch sử: Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 và kết thúc chiến tranh với Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Tôi lại trở về Sài Gòn, nơi tôi đã từ đó ra đi kháng chiến năm 1945 và cũng là nơi tôi làm Trưởng đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên tại Tân Sơn Nhất năm 1973. Nhưng lần này, ngày 30/4/1975, tôi cùng đoàn quân về Sài Gòn. Sài Gòn thực sự đã là Thành phố Hồ Chí Minh, tôi làm Chủ tịch Ủy ban quân quản ngay tại Dinh Độc Lập - Hội trường Thống Nhất ngày nay...



*Bộ Tư lệnh Tiền phương Miền trên đường hành quân chuẩn bị vào đợt 2 Mậu Thân năm 1968  
(Thượng tướng Trần Văn Trà - người đang rửa tay)*



## PHẦN II

# NHÌN VỀ CUỘC CHIẾN



Với tư cách là người lính, hơn thế, một chỉ huy gắn bó, lăn lộn với chiến trường Nam Bộ trong suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, “Nhìn về cuộc chiến” là những trang nhật ký, những hồi ức, những đúc kết khoa học với những phân tích, lý giải biện chứng và khoa học của Thượng tướng Trần Văn Trà về cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam trong suốt 30 năm cho độc lập, tự do và thống nhất nước nhà... Sẽ là một biên niên sử hoàn chỉnh giá trị về cuộc chiến tranh giải phóng của quân dân miền Nam từ năm 1945 đến năm 1975 nếu như công trình tổng kết chiến tranh B2 hoàn thành. Tiếc rằng công trình tâm huyết, với nhiều kỳ vọng của Thượng tướng đành dang dở khi người mãi mãi đi xa...



*Bộ Tư lệnh Miền và thủ trưởng các Cục tiến Thượng tướng Trần Văn Trà vào Sài Gòn dự Hội nghị liên hiệp quân sự bốn bên thi hành Hiệp định Paris, ngày 28/01/1973*

# NAM BỘ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

*Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã diễn ra ở Nam Bộ từ tháng 9/1945 đến tháng 7/1954, sẽ là thiếu sót nếu trước đó không nhắc lại diễn biến của Cách mạng Tháng Tám dù chỉ rất vắn tắt. Giành được chính quyền và 29 ngày sống trong độc lập, tự do sau đó cho đến lúc quân Pháp nổ súng gây hấn là khoảng thời gian quá ngắn ngủi nhưng vô cùng quý báu để giúp nhân dân Nam Bộ, nhân dân Sài Gòn tự khẳng định lại mình, hun đúc cho mình ý thức tự tôn dân tộc mãnh liệt. Hai mươi chín ngày quả không đủ để chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất như súng đạn, lương thực, binh lực cho chiến tranh, nhưng trong thời gian ngắn đó, quân dân Nam Bộ đã chuẩn bị đầy đủ tinh thần đặt bước vào cuộc chiến đấu mà lúc đầu thế và lực ta so với địch như “châu chấu đá xe”, “trứng chọi với đá”. Yếu tố tinh thần này chính là thành quả do Cách mạng Tháng Tám đem tới.*



*Cùng đồng đội trong phút giây nghỉ ngơi trên đường hành quân*

## CHƯƠNG I

### Cách mạng Tháng Tám và tinh thần dân tộc quật khởi

Nhắc lại diễn tiến cuộc Cách mạng Tháng Tám cũng không thể không nói sơ qua bối cảnh Nam Bộ lúc đó, một bối cảnh hết sức đặc biệt so với cả nước, trong đó khó khăn nhiều hơn thuận lợi. Nhưng Nam Bộ đều vượt lên trên mọi trở ngại để đưa cách mạng đến thành công cùng một lúc với cả nước.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11/1940, một cuộc diễn tập dữ dội dù thất bại vì chưa hội đủ điều kiện khách quan và chủ quan. Thực dân Pháp có phátxít Nhật phụ họa ra sức khủng bố, dìm phong trào cách mạng trong biển máu. Không chỉ các chiến sĩ nghĩa quân mà hàng ngàn đồng bào cùng bị lùng bắt, tra tấn. Nhiều người bị giết hại một cách thảm thương. Có thể kể: Vụ tên cò Tây ở Bà Điểm (Gia Định) cho chó béc giê xỏ vào cắn xé người đến chết; vụ tên đốc phủ Nguyễn Văn Tâm cột xâu hàng mấy chục người rồi thả xuống sông Tiền Giang; máy bay Nhật thả bom trong buổi chợ Vĩnh Kim (Mỹ Tho) đang đông, trên 100 người mà đa số là đàn bà bị thiệt mạng và bị thương.

Tổn thất nặng nề là từ đó đến cuối năm 1941 hầu hết các cấp ủy Đảng Cộng sản đều tan vỡ và sa lưới kẻ thù, lớp bị tù đầy, lớp bị bắn chết. Đường dây liên lạc với Trung ương bị cắt đứt, đó là khó khăn rất lớn.

Tuy nhiên, địch không thể “làm cỏ” hết những người cộng sản cũng như không thể dập tắt lòng yêu nước thương nòi của người dân Việt. Đảng viên nào còn lọt lưới địch vẫn tiếp tục bám sát đồng bào để hoạt động, dù phải ăn bờ ở bụi hoặc chuyển vùng hoạt động. Vì vậy một số cơ sở dần dần được khôi phục trước tiên ở vùng Hậu Giang, Rạch Giá.

Lúc này lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã từ nước ngoài về chiến khu Việt Bắc, lãnh đạo trực tiếp cách mạng. Người triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám tại Pác Bó từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941. Người gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước: Hãy kịp đứng lên tổ chức hội cứu quốc chống Pháp, chống Nhật...

và phải đoàn kết lại đánh đổ Pháp, Nhật và tay sai của chúng để cứu dân ta khỏi vòng nước sôi lửa bỏng.

Đầu năm 1942, một cán bộ của Trung ương phái vào đã tìm được Liên tỉnh ủy Hậu Giang và giao một số tài liệu quan trọng như Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, Điều lệ Việt Minh, Điều lệ các đoàn thể cứu quốc và bức thư của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Rồi Hậu Giang liên lạc được với Sài Gòn - Gia Định, bàn bạc với nhau hoạt động theo đường lối chung, thành lập Ban Cán sự lâm thời Đảng bộ Nam Bộ (chưa có điều kiện thành lập Xứ ủy), thành lập Việt Minh Nam Bộ với cơ quan tuyên truyền là tờ báo *Giải phóng*. Phong trào phát triển từ thấp lên cao.

Các cấp ủy đảng của các tỉnh miền Đông, miền Tây, sau khi xây dựng lại với Ban Cán sự lâm thời Nam Bộ, vừa củng cố tổ chức đảng vừa chú trọng xây dựng các hội cứu quốc. Tuy nhiên, phong trào cũng chỉ giới hạn trong nông dân và lao động ở nông thôn là chính chứ chưa phát huy ảnh hưởng được đến các tầng lớp khác, chưa đi sâu được vào thành thị. Công tác vận động vẫn theo phương pháp bí mật.

Đáng tiếc là ở thời điểm cuối năm 1943 đầu năm 1944, trong nội bộ Đảng bộ Nam Bộ nảy sinh một vấn đề phức tạp có ảnh hưởng không thuận lợi đến tiến trình lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám trong xứ và sau Cách mạng Tháng Tám hậu quả của nó phải khắc phục trong thời gian dài.

Một số đảng viên phần lớn trước đây hoạt động công khai trong phong trào Mặt trận dân chủ họp lại thành lập một tổ chức đảng riêng biệt, có hệ thống từ xứ đến các tỉnh, cơ quan tuyên truyền và tập hợp đảng viên là tờ báo *Tiến phong*. Theo phương pháp hoạt động công khai, hệ thống Đảng Tiến phong phát triển nhanh chóng trong tầng lớp tiểu tư sản, trí thức và tầng lớp trên ở Sài Gòn cũng như các thành phố, thị xã, thị trấn.

Hai hệ thống tổ chức đảng khác nhau đã đành mà đường lối chính trị cũng có chỗ khác nhau. Đầu đó chẳng những làm cho lực lượng cách mạng bị phân tán mà sức mạnh lãnh đạo cũng không tập trung được.

Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, dân ta chỉ được phátxít Nhật cho hưởng cái “độc lập bánh vẽ”. Hơn cả Pháp trước đây, chúng càng thẳng tay bóc lột, vơ vét của cải, chiếm đất, đuổi nhà, bắt lính, mở nhiều công trường quân sự, xưởng đóng tàu, sân bay phục vụ cho chiến tranh.

Trước tình hình mới, ngày 25/3/1945, Ban Cán sự lâm thời Đảng bộ Nam Bộ họp tại Xoài Hột (Mỹ Tho) nhận thấy cần chuyển thành Xứ ủy lâm thời Nam Bộ và cần gấp rút hợp nhất hai Xứ ủy.



Tháng 4/1945, hai Xứ ủy Giải phóng và Tiền phong gặp gỡ hai lần tại Bà Điểm (Gia Định) và Trung Lương (Mỹ Tho), nhất trí với nhau đi đến thành lập Ban thống nhất hành động từ xứ đến tỉnh. Còn những vấn đề khác chưa giải quyết được như Mặt trận Việt Minh, đường lối quân sự, khẩu hiệu tuyên truyền tạm thời gác lại.

Cũng thời gian này, để tập hợp quần chúng, Xứ ủy Tiền phong chủ trương thành lập Đoàn Thanh niên Tiền phong hoạt động hợp pháp và công khai. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - một đảng viên mới, có uy tín trong nhân dân đứng ra xin phép tên Minoda cho lập đoàn thể này. Tên Thống đốc đồng ý vì thâm tâm muốn lợi dụng tổ chức Thanh niên Tiền phong làm công cụ phục vụ chúng.

Ngày 15/5/1945, Hội nghị thành lập Đoàn Thanh niên Tiền phong tổ chức tại chùa Phú Lạc, Chợ Lớn, có đại biểu nhiều tỉnh về dự. Hiệu cờ là nền vàng sao đỏ, khác với hiệu cờ Việt Minh là nền đỏ sao vàng. Từ đây Thanh niên Tiền phong trở thành một đoàn thể hợp pháp và công khai thu hút nhiều tầng lớp tham gia, bên cạnh đại đa số là công chức, trí thức, học sinh sinh viên còn có cả các cụ già. Nhờ có một số đồng chí cộng sản có tên tuổi đứng ra làm thủ lĩnh và hoạt động sôi nổi theo chương trình tập luyện quân sự, giữ gìn trật tự, học tập văn hóa, tuyên truyền văn nghệ..., nên Thanh niên Tiền phong phát triển rất nhanh, rất mạnh, riêng thành phố Sài Gòn đã có hàng trăm ngàn đoàn viên<sup>1</sup>.

Mặt khác, từ tháng 5/1945, phong trào Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy Giải phóng cũng trở thành một cao trào hầu như công khai và nửa công khai, thu hút đông đảo đồng bào tham gia, đến lúc này không còn giới hạn trong nông thôn mà tỏa ảnh hưởng về cả thành thị. Mười tỉnh thành lập được tỉnh ủy lâm thời và sáu tỉnh có ban cán sự tỉnh.

Nói như vậy để thấy tinh thần cách mạng của nhân dân và những cố gắng của hai xứ ủy lâm thời Nam Bộ dù thuộc hệ thống Giải phóng hay Tiền phong. Mặt khác, cũng dễ thấy sự khó khăn, phức tạp của tình hình lúc đó, một tình hình rất đặc biệt so với tất cả mọi nơi khác trên toàn quốc. Việc hợp nhất giữa hai xứ ủy Giải phóng và Tiền phong không tiến triển thêm được mà có lúc mâu thuẫn gay gắt. Vì các xứ ủy, tỉnh ủy thuộc hai hệ thống đảng khác nhau tất có lúc nhận định một vấn đề khác nhau, đề ra chủ trương, hành động cũng khác nhau<sup>2</sup>.

---

1. Theo một bản hồi ký của đồng chí Hà Huy Giáp trong phong trào Thanh niên Tiền phong ở Sài Gòn có cả công nhân tham gia làm nòng cốt, nếu không như vậy cũng không mạnh được.

2. Trung ương Đảng nắm được tình hình này nên kêu gọi: “Các đồng chí hãy đoàn kết lại, kịp thời gác bỏ thành kiến mà đi vào đường lối của Đảng, thủ tiêu khẩu hiệu của riêng mình mà theo khẩu hiệu của Đảng” (Báo Cờ giải phóng, số 15, ra ngày 17/7/1945).

Một số tổ chức, đảng phái có tính chất cơ hội cũng nhân việc Nhật hất cẳng Pháp đưa nhau xuất hiện, làm cho tình hình càng thêm phức tạp. Trước đây chúng được Nhật dung dưỡng hoạt động lén lút, nay ra mặt công khai: Quốc gia độc lập đảng của Hồ Văn Ngà, Việt Nam phục quốc đồng minh hội của Trần Văn Ân, Thanh niên ái quốc đoàn của Đinh Khắc Thiệt, Thanh niên Việt - Nhật phòng vệ đoàn của Nguyễn Hòa Hiệp, Võ sĩ đoàn của Vũ Trâm Anh, Nghĩa đạo thực hành của Trần Quang Vinh và Lương Văn Tương... Nếu một số cầm đầu cấu kết với nhau lái nhải tuyên truyền cho chủ nghĩa Đại Đông Á và tô son trét phấn cho nền độc lập giả hiệu vừa được Nhật cho không, thì những tên khác như Trần Quang Vinh, Lương Văn Tương lại chủ trương rước Kỳ Ngoại hầu Cường Để từ Nhật Bản về nước làm vua.

Nguy hiểm hơn, còn có cả bọn tởrốtkit đứng đầu là Tạ Thu Thâu chui vào các tổ chức chính trị và giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo hoạt động, mưu toan đứng ra lập một chính phủ thân Nhật và chống Việt Minh. Tên tởrốtkit Huỳnh Văn Phương được Nhật trao chức Trưởng công an Sài Gòn - Chợ Lớn đã cấu kết với bọn Trần Quang Vinh, Lương Văn Tương, Nguyễn Hòa Hiệp, Đinh Khắc Thiệt... làm chỗ dựa cho quân Nhật đàn áp nhân dân.

Phân tích tình thế chung trên thế giới và ở Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Trung ương Đảng Cộng sản kêu gọi toàn Đảng, toàn dân sửa soạn hành động:

*Gươm đây, gươm đây*

*Thời cơ đang đến*

*Tiến lên! Tiến lên! Theo cờ Việt Minh!<sup>1</sup>*

Nhưng rõ ràng, Nam Bộ là khâu yếu nhất. Mà nếu Nam Bộ không hợp đồng ăn khớp với Bắc Bộ, Trung Bộ, cách mạng cả nước nhất định gặp khó khăn lớn. Hơn nữa, còn có thêm bài học lịch sử: Khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, dù 18 tỉnh hành động nhưng Sài Gòn bị bó tay, khởi nghĩa cũng thất bại.

Lại còn nói thêm là Nam Bộ ở quá xa sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Hội nghị Tân Trào tháng 8/1945 chỉ có hai đại biểu của Xứ ủy Tiền phong là Hà Huy Giáp và Ung Văn Khiêm có mặt. Còn ba đại biểu của Xứ ủy Giải phóng là Lê Hữu Kiều, Lý Phú Xuân và Nguyễn Thị Thập đến Hà Nội thì ở đây đã khởi nghĩa thắng lợi. Nhưng nhìn lại và lấy mốc hồi Nhật đảo chính Pháp tháng 3/1945, lúc đó địch rất mạnh và hùng hổ còn ta đang yếu, đến tháng 7/1945, lực lượng so sánh đã

---

1. Nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi kể lại như một kỷ niệm không thể quên, khi đi dự Hội nghị Tân Trào bàn việc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc, anh đã hát bài *Theo cờ Việt Minh* do anh sáng tác với lời: “Gươm đây, gươm đây...”, tức thì Bác Hồ nói: Bây giờ phải sửa lại “Gươm đây, gươm đây...” thì mới theo kịp tình hình.



ngiêng hẳn về ta, dù có những khó khăn phức tạp như đã nói ở trên, địch suy sụp hẳn. Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa khẩn trương, sôi nổi khác thường. Về điểm này, tôi sẽ có dịp nói kỹ ở phần sau.

\*  
\*   \*  
\*

Giữa tuổi 25 đầy sinh lực, tôi được chứng kiến và hơn vậy, được tham gia cuộc Cách mạng Tháng Tám tại Sài Gòn. Tôi coi đó là hạnh phúc trong cuộc đời mình.

Vốn sanh ra và lớn lên ở Quảng Ngãi, mảnh đất giàu truyền thống cách mạng, tôi được giác ngộ và bắt đầu hoạt động cách mạng từ năm 1936. Năm 1939, tôi bị địch bắt giam ở Huế 6 tháng rồi giải về quản thúc tại quê nhà 12 tháng. Năm 1941, kiếm được một giấy thông hành giả và xin được ba đồng, tôi quyết định trốn vô Đà Lạt là nơi đất rộng người thưa tận trên cao nguyên, địch ít dòm ngó. Ẩn ở đó thời gian ngắn, tôi vẫn bơ vơ một mình, nên lần xuống mạn An Lộc (Dầu Giây). Tại đây, tôi được một người bạn là Nhâm, đứt tiền làm giúp một giấy thuế thân với tên Lê Văn Thắng, ngụ tại Chợ Lớn. Đáng lẽ tôi có thể dàng hoàng sống tại đây, nhưng khi làm giấy thấy địch bắt điểm chỉ quá kỹ nên hơi chần, lại trở ra vùng Biên Hòa và xin vô làm xu (surveillant) cho đồn điền cao su Courteney.

Kể hơi dài như vậy để thấy một người đảng viên mất liên lạc đi tìm Đảng kỳ khu biết bao nhiêu!

Sáu tháng sau tôi vào Sài Gòn, may mắn lần này tôi gặp anh Lê Xuân Đình (tự Biển), người của hệ thống Đảng Giải phóng, lúc đó là cuối năm 1943.

Tôi được tổ chức phân công phụ trách tờ *Giải phóng*, phát hành hằng tháng. Lúc đầu in bằng nếp, sau cải tiến in bằng litô rõ và đẹp hơn. Tòa soạn và xưởng in chỉ là căn hộ nhỏ trong hẻm sâu của một gia đình cơ sở tại Tân Định.

Báo ra được 11 số thì tôi và Châu - em ruột tôi cùng đảm trách tờ báo bị địch bắt một cách bất ngờ. Đúng nửa khuya, một đêm năm 1944, bọn mật thám sục vào nhà gọi đích danh hai anh em tôi, còng tay và giải ra xe chở đi. Tôi và Châu bị tổng giam ở bót Catinat rồi chuyển sang Khám Lớn. Trùm mật thám Blaizot và hai tên tay sai khét tiếng hung bạo Trần Cảnh và Trần Khánh trực tiếp tra khảo. Tại đây, lần đầu tiên tôi được gặp gỡ một số bạn tù đã nghe tên từ lâu như Lưu Hữu Phước, Huỳnh Văn Tiểng, Bùi Công Trùng...

Sáng 22/8/1945, tên lính gác mở rộng cửa Khám Lớn. Nó đọc tên 9 người tù chính trị (gồm: tôi, Bùi Quang Dự, Lê Xuân Đình, Nguyễn Việt Châu, Nguyễn Như Ý, Tại, Hùng...), rồi vênh mặt tuyên bố là khâm sai Nguyễn Văn Sâm ra lệnh phóng thích.

Về sau, người ta bình luận là trong khoảng một trăm tiếng đồng hồ chấp chính Nguyễn Văn Sâm chỉ làm được một việc độc nhất đáng ghi nhận là phóng thích tù chính trị.

Nhưng chúng tôi không được tự do ngay mà bị áp tải về một chùa Cao Đài ở đường Jean Eudel ngo qua kho 2 Cảng Sài Gòn, mặc dù kể từ lúc này chúng tôi không còn được phép đối xử với chúng tôi như những người tù nữa. Một vị chức sắc trong chùa đứng ra giải bày: “Cao Đài vì mục đích nước nhà độc lập tự cường mà xả thân hy sinh. Các vị làm chính trị dù đảng phái nào cũng là những nhà ái quốc đáng khâm phục. Nhân hội này mong quý vị cùng chúng tôi chung sức mà gánh vác, nhiều tay vỗ nên kêu. Nhật Bản cùng máu đỏ, da vàng với mình đã hứa trao cho mình độc lập...”. Hiểu được ý đồ bọn Nhật và tay sai muốn qua tôn giáo Cao Đài lôi kéo chúng tôi hợp tác với chúng, tất cả kiên quyết từ chối và ra đi. Tôi và Châu - hai anh em về Xóm Gà (Bà Chiểu) để từ đây tìm cách liên lạc với Tỉnh ủy Gia Định.

Một lần nữa như hai năm trước, tôi lại vừa cất công vừa nghe ngóng tìm hiểu tình hình vừa lo móc nối với tổ chức. Nhưng khác trước là bây giờ tôi có thể làm những việc này một cách công khai, đàng hoàng. Điều đó cũng dễ hiểu, vì cả Sài Gòn, Chợ Lớn, cả Gia Định, đang sôi động dữ dội. Cũng có người ví von bằng hình ảnh: Cả Sài Gòn như một cánh đồng lúa chín đã đến ngày gặt hái.

Hà Nội đã khởi nghĩa thành công từ ngày 19/8/1945, các tỉnh thành khác thuộc Bắc Kỳ, Trung Kỳ cũng đã lần lượt về tay nhân dân.

Còn ở Nam Kỳ, theo các đồng chí cho biết, từ ngày tôi bị bắt đến nay phong trào đã lớn mạnh vượt bậc, phát triển toàn diện, đều khắp ở thành thị và nông thôn. Ở nhiều nơi chính quyền địch rệu rã hết hiệu lực hoặc ngã về với cách mạng. Nhân dân xây dựng các lực lượng chính trị và các đội vũ trang, bắt giam hội tề, đứng ra tự quản lý trị an trong làng xóm. Thanh niên Tiền phong ngày đêm rầm rập luyện tập quân sự, canh gác, trộm cướp nhiều nơi hầu như không còn nữa. Mầm mống chính quyền nhân dân hình thành dần và trên thực tế đang thay đổi dần. Chính quyền địch bị tê liệt, binh lính và ngụy quyền các cấp hoang mang nhiều trước ngọn triều cách mạng đang dâng lên cuộn cuộn. Ta có nhiều cơ sở binh vận trong Binh đoàn lưu động Chí Hòa (Brigade mobile de Chi Hoa), Binh đoàn lưu động Gia Định (Brigade mobile de Gia Dinh), Binh đoàn phụ thuộc sở sen đầm ở Chợ Lớn (Brigade auxiliaire de la gendarmerie à Cho Lon) và ở các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Biên Hòa, Thủ Dầu Một... Cũng do đó ta lấy được khá nhiều súng đạn trong các đồn bót do cơ sở tuồn ra. Vụ lớn nhất là đêm 17/8/1945, lấy được ở trại Chí Hòa 2.000 súng mắtcơtông và 10 triệu viên đạn.

Điều kiện khởi nghĩa đã chín muồi.

Giờ quyết liệt đã đến!

Hai xứ ủy Tiền phong và Giải phóng đã thành lập “Ban liên hợp hành động” và tổ chức một hội nghị trong ba ngày 17, 18, 19 tháng 8 tại Chợ Đệm (tỉnh Chợ Lớn). Hội nghị phân tích kỹ tình hình địch, ta và quyết định lấy Sài Gòn - Chợ Lớn làm trọng điểm tiến công địch, khởi nghĩa giành chính quyền. Tuy nhiên, trước đó cần khởi nghĩa đầu tiên ở Tân An vào ngày 23/8/1945 để rút kinh nghiệm toàn Xứ và thăm dò thái độ quân Nhật, kịp thời đề ra kế hoạch đối phó.

Vì vậy sau cuộc họp, đại biểu các tỉnh còn lưu lại để dự họp rút kinh nghiệm khởi nghĩa của Tân An, đồng thời tham gia cuộc mítting ra mắt toàn thể đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn của Mặt trận Việt Minh ngày 20/8/1945.

Cuộc mítting đó đã diễn ra tại rạp Nguyễn Văn Hảo gần chợ Bến Thành (nay là rạp Công Nhân), đúng vào ngày giỗ đầu ông Nguyễn An Ninh.

Anh Nguyễn Văn Nguyễn đăng đàn diễn thuyết và phổ biến chương trình Việt Minh trong sự hồ hởi, náo nức của hơn một ngàn thính giả. Rồi các anh Huỳnh Văn Tiêng, Huỳnh Tấn Phát, Đặng Ngọc Tốt thay mặt Trung ương Thanh niên Tiền phong long trọng xin gia nhập Mặt trận Việt Minh và kêu gọi đồng bào hãy sát cánh nhau giành độc lập dưới ngọn cờ Việt Minh nền đỏ sao vàng. Cùng với tiếng vỗ tay hưởng ứng, tiếng hát bài *Lên đàn* vang dội cả rạp.

Hôm sau, hàng chục ngàn bản truyền đơn được tung ra, hàng ngàn áp phích được dán dọc phố phường. Từng nhà, từng người như sấm sấn giáo mác, gây tầm vông dội xông lên.

Ta tiếp tục theo dõi thái độ địch. Quân đội địch đã co về án binh bất động.

Đảng Liên minh quốc gia trước đây được Nhật vũ trang để cướp chính quyền “phỏng tay trên” Việt Minh, nhưng nội bộ mâu thuẫn và không được quần chúng ủng hộ nên đang lơ lảo, rã rời.

Ở một số tỉnh vùng Hậu Giang, bọn đầu sỏ phản động trong tôn giáo Hòa Hảo cũng mưu toan này nọ nhưng thấy lực lượng cách mạng quá mạnh nên đành chùn lại. Trộm cướp, côn đồ cũng thôi quấy nhiễu, một số ngả theo nhân dân.

Ngày 23/8/1945, đúng kế hoạch, tỉnh Tân An tiến hành khởi nghĩa và thành công mau lẹ vì binh lính địch được vận động trước đã buông súng không chống cự. Một số làng của tỉnh Chợ Lớn (chủ yếu thuộc Trung Huyện), giáp với tỉnh Tân An cũng nổi dậy giành chính quyền ngay trong hôm đó.

Dưới Tần An là Mỹ Tho, từ ngày 21 đến ngày 24/8/1945, Ban thống nhất hành động của hai tỉnh ủy Tiền phong và Giải phóng đã lãnh đạo giành chính quyền thành công ở các quận: Châu Thành (21/8), Cai Lậy (23/8), Cái Bè, An Hóa (24/8). Tên chủ tỉnh người Pháp hoảng sợ đến nỗi phải tìm Việt Minh để xin được trao lại chính quyền.

Gò Công, Sóc Trăng, Bạc Liêu cũng tổ chức tuần hành thị uy, họp mítting ở thị xã và tuyên bố thành lập chính quyền cách mạng trong ngày 23/8. Long Xuyên thì ngày 24/8.

Vậy mà thật nực cười, ngày 23/8, bọn ngụy quyền Sài Gòn và các tỉnh vẫn làm lễ đón Khâm sai đại thần Nguyễn Văn Sâm ra mắt nhậm chức và mừng Xứ ủy Nam Kỳ được quân đội Phù Tang cho về với Chính phủ Nam triều! (phải chăng bọn bù nhìn này có đặt ít nhiều hy vọng ở Anh, Mỹ, Pháp và Tưởng, khi mà Nhật đã tuyên bố đầu hàng?).

Nhưng dự cuộc lễ này chỉ có vền vẹn một số trong Nhật - Việt phòng vệ đoàn và một số tín đồ Cao Đài từ lục tỉnh lên<sup>1</sup>. Trong đám đông xô bồ đó tiếng “đả đảo” lấp tiếng “hoan hô”. Thậm chí có những tên Nhật - Việt phòng vệ đoàn đã giật xé phù hiệu trên cánh tay và ném trước mặt đám đông. Rõ ràng chúng đang diễn cái trò rối này trong hoàn cảnh cực kỳ bối rối!

Ngày 24/8/1945, công nhân Sài Gòn họp Đại hội để thống nhất lực lượng và bầu Ban chấp hành, sẵn sàng cùng mọi tầng lớp nhân dân hành động trong ngày 25/8, mà khởi đầu là cuộc mítting dự kiến sẽ huy động hơn một triệu người ở Sài Gòn và sáu tỉnh lân cận tham gia (dân số Sài Gòn lúc này non 500.000 người).

Cả ngày hôm đó, Sài Gòn sôi sục.

Tiếp đêm hôm đó, Sài Gòn cũng không ngủ, sục sôi hành động.

Trong đêm, tỉnh Biên Hòa tổ chức một chuyến xe chở 600 đại biểu, tỉnh Mỹ Tho trưng dụng tất cả xe đồ và cả tàu hỏa, tỉnh Thủ Dầu Một cũng trưng dụng cả đoàn xe đồ để chở công nhân, Thanh niên Tiền phong và đồng bào về Sài Gòn họp sức.

Cùng đó, đêm 24/8, đêm trước của bình minh ngày mới, các tổ vũ trang thực hiện kế hoạch của Ủy ban khởi nghĩa đã đột nhập các mục tiêu cần chiếm giữ<sup>2</sup> và lùng bắt các “nhân vật” đã có tên trong danh sách...

---

1. Lục tỉnh gồm cả miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Từ này chỉ dùng từ năm 1945 trở về trước.

2. Xã Tây (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), Bót cảnh sát trung ương (nay là trụ sở Công an Thành phố Hồ Chí Minh), bưu điện, tòa tỉnh trưởng Gia Định.

Rạng sáng ngày 25/8, thêm nhiều tổ tự vệ chiến đấu, công đoàn xung phong, Thanh niên Tiền phong bố trí sẵn ở các nơi xung yếu trong nội ô.

Cờ đỏ sao vàng hôm qua mới được treo công khai ở một số nơi như hiệu ăn Long Thành, hiệu ăn của xưởng Ba Son, Phaxi, Ximắc..., thì sớm nay đã biến thành một rừng cờ. Biểu ngữ xuất hiện ở khắp nơi.

Một lễ đài lớn do Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát vẽ kiểu và trực tiếp trông coi việc dàn dựng, ở sân sau nhà thờ Đức Bà trông ra đại lộ Norodom (nay là đại lộ Lê Duẩn). Người người như sóng cuộn từ các hướng đổ về đó, đoàn lộ từ Phủ Toàn quyền (nay là Hội trường Thống Nhất) đến Sở Thú (nay là Thảo Cầm Viên) đông nghẹt. Đồng bào các giới rầm rộ biểu tình thị uy, hô vang các khẩu hiệu:

- Đả đảo chính quyền Trần Trọng Kim!
- Nguyễn Văn Sâm từ chức!
- Chánh quyền về tay Việt Minh!
- Việt Nam độc lập muôn năm!
- Đảng Cộng sản muôn năm!

Trước khi vào cuộc mít-tinh, khoảng chín giờ sáng, xin ghi nhanh một không khí hết sức đặc biệt hôm ấy: Xe ngựa, xe thổ mộ, xe kéo, xe điện chở khảm người mà không lấy tiền. Tiệm ăn người Việt, người Hoa, người Ấn đều mời khách ăn không lấy tiền vì “độc lập rồi mà...”.

Muốn chào nhau, người ta nắm tay đưa lên trán và cười rất tươi. Rất nhiều người khản tiếng, lạc giọng vì hô khẩu hiệu quá trời!

Từ trên lễ đài, Ủy ban lâm thời hành chính Nam Bộ (ta thường gọi là Lâm ủy hành chính Nam Bộ) ra mắt quốc dân đồng bào với thành phần:

- Trần Văn Giàu - Chủ tịch.
- Phạm Ngọc Thạch - Ủy viên ngoại giao.
- Nguyễn Văn Tạo - Ủy viên nội vụ.
- Huỳnh Văn Tiểng - Ủy viên.
- Dương Bạch Mai - Ủy viên.
- Nguyễn Văn Tây - Ủy viên.

Và thông báo trụ sở Ủy ban đóng tại Dinh Thống đốc cũ (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

Chủ tịch Trần Văn Giàu đọc Lời tuyên bố:

*“Đồng bào, quốc dân,*

*Hôm nay là ngày vẻ vang nhất trong lịch sử của Nam Bộ Việt Nam. Giữa thanh thiên bạch nhật, chúng tôi, Ủy ban lâm thời hành chính, nhen danh toàn thể quốc dân Nam Bộ tuyên bố trước mặt hoàn cầu và trước mặt toàn thể quốc dân rằng:*

*Chế độ Cộng hòa Dân chủ thành lập tại Nam Bộ Việt Nam.*

*Chúng tôi tuyên bố không thừa nhận Chính phủ Nam triều và cương quyết chống chế độ thực dân bất cứ từ đâu đến.*

*Không một ngoại bang nào có thể viện một lý do nào mà bác bỏ được điều quyết định long trọng của đồng bào ta hoài bão lâu nay:*

*Nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.*

*... Chúng ta chỉ mới giựt lại chính quyền, từ bước này đến khi thực hiện được một xã hội tốt đẹp trong đó nhen dân đồng lao cộng lực, tất cả còn phải kiên gan bền chí tranh đấu với hoàn cảnh khó khăn.*

*Hỡi đồng bào,*

*Trong phút lịch sử này, chủ quyền về tay ta, nền Dân chủ Cộng hòa Việt Nam còn nhờ sức làm việc và sự phấn đấu của ta mà trở nên kiên cố và rực rỡ”<sup>1</sup>.*

Nguyễn Văn Nguyễn - đại biểu Xứ bộ Nam Bộ Đảng Cộng sản Đông Dương, cũng đọc lời tuyên bố:

*“Đồng bào! Đồng chí! Anh em chị em!*

*Hơn mười lăm năm tranh đấu cho đời sống của dân chúng và cho sự độc lập quốc gia, hôm nay, Đảng Cộng sản Đông Dương mới công khai ra mặt. Mặt trận Việt Minh mà Đảng Cộng sản đã xướng xuất và đã cùng chiến đấu cùng hôm nay lật đổ chính quyền quân chủ để khai trương một kỷ nguyên tân dân chủ ở xứ này.*

*... Không say sưa khi đắc thắng, không nản chí lúc thất bại, trong tình cảnh nghiêm trọng hiện thời, Đảng Cộng sản kêu gọi hết thầy anh em, chị em, thợ thuyền, nông dân, thanh niên, binh lính và các giới đồng bào nỗ lực làm việc để kiến thiết nền dân chủ quốc gia, đem toàn lực ủng hộ Ủy ban lâm thời hành chính đang thực hiện một nước Việt Nam độc lập, dân chủ, và làm cho người Việt Nam được tự do, sung sướng.*

*Việt Nam cộng hòa dân chủ muôn năm!”<sup>2</sup>.*

Từ quảng trường, rừng người lại cuộn cuộn kéo đến Phủ Khâm sai (nay là Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh), đòi Nguyễn Văn Sâm “thoái vị”. Thật ra, Sâm

---

1, 2. Trích Nhật báo Sài Gòn, số 17016, ngày 27/8/1945.



đã bị ta bắt nhốt lúc 21 giờ 30 phút đêm qua. Phủ Khâm sai cũng như các công sở khác đều bị các tổ vũ trang chiếm giữ mà không hề gặp sự kháng cự nào của địch.

6 giờ chiều hôm ấy, hơn hai triệu người dự cuộc biểu tình khổng lồ mới lần lượt ra về.

Cũng trong ngày 25/8, cuộc khởi nghĩa của một số tỉnh khác cũng nổ ra một cách thuận lợi. Riêng ở Gia Định và Biên Hòa có xảy ra xô xát nội bộ, đó cũng là điều đáng tiếc.

Tiếp theo ngày 26/8 là Cần Thơ và Châu Đốc.

Ngày 27/8, Rạch Giá.

Ngày 28/8, Hà Tiên.

\*  
\*   \*   \*

Như đã nói ở phần đầu, 29 ngày sống trong độc lập, tự do của Sài Gòn kể từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công quả là quá ngắn ngủi (đối với các tỉnh của Nam Bộ, thời gian này có dài hơn chút ít). Nhưng chính vì vậy nó rất quý. Mọi việc làm được trong thời gian này đều rất quý.

Lúc này tôi chính thức làm việc tại Xứ bộ Việt Minh do anh Nguyễn Văn Nguyễn làm Chủ nhiệm. Anh là một trí thức trẻ, năm đó chưa đến 30, viết báo bằng tiếng Việt hoặc tiếng Pháp đều rất nổi tiếng. Bút danh của anh là Ngũ Yến. Do tính chất công việc, hằng ngày chúng tôi phải nắm tình hình diễn biến ở các nơi một cách kịp thời để có kế hoạch đối phó.

Ngày 02/9/1945, ngày Độc lập, từ Thủ đô Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố trước quốc dân và toàn thể giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sài Gòn và các tỉnh đều tổ chức mítting trọng thể để lắng nghe tiếng nói của vị cha già dân tộc qua làn sóng điện. Đáng tiếc, phương tiện truyền tin của ta quá kém nên không nơi nào nghe được. Đại diện chính quyền hoặc Mặt trận Việt Minh phải đăng đàn ứng khẩu diễn thuyết, truyền thêm niềm tự hào và hạnh phúc được đổi đời đang tràn ngập tâm hồn mọi người dân nước Việt. Triệu người đồng lòng như một, sẵn lòng hy sinh tất cả vì Tổ quốc, quyết giữ trọn lời thề độc lập.

Riêng tại Sài Gòn, máu đã đổ trong ngày lịch sử vẻ vang này.

Một số tên Pháp mới được quân Nhật cho ra khỏi trại giam, đứng trên lầu hăng buôn Jean Comte, nhắm vào đoàn người đi diễu hành dưới lòng đường mà bắn xối xả<sup>1</sup>, 47 đồng bào đã ngã xuống.

---

1. Có tài liệu nói bọn Pháp nấp trong nhà thờ và các nhà xung quanh bắn xả vào đoàn người đang tuần hành.

Cắm phẫn cao độ, vậy là cả bề người ào vào những nơi có súng nổ. Không một sức nào ngăn cản nổi, mặc dầu là súng từ trên lầu cao bắn xuống. Ta đồn bọn Pháp lại một góc và bắt trói chặt sau khi tước súng. Sau đó, trong khu vực chợ Bến Thành còn nhiều Tây và đầm bị bắt tiếp, cộng lại có hơn một trăm.

Đến chiều tối, để tỏ thiện chí hòa bình, Lâm ủy hành chính Nam Bộ ra lệnh phóng thích tất cả bọn này.

Vì sao quân Pháp, hiện tại thực lực không có gì cả lại giở trò khiêu khích như vậy? Rồi ta sẽ có dịp lý giải.

Ta bắt tay xây dựng và củng cố chính quyền trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn lúc này.

Về nội bộ, ta không chỉ chú trọng phát triển Đảng và Mặt trận Việt Minh mà còn phải giải quyết tiếp những vấn đề mâu thuẫn giữa hai xứ ủy. Hội nghị toàn kỳ tại thị xã Mỹ Tho ngày 15/01/1945 do đại diện Trung ương Đảng Hoàng Quốc Việt triệu tập đã thống nhất được nhiều vấn đề quan điểm, phương pháp vận động cách mạng theo đường lối của Trung ương, gạt bỏ những nghi ngờ hiểm khích lẫn nhau.

Chạy đua với thời gian, ta làm được nhiều việc. Một việc lớn nữa đáng kể là việc các chiến sĩ cộng sản và người yêu nước từ nhà tù Côn Lôn về đất liền, một quyết tâm lớn của Xứ ủy ngay từ sau khi giành được chính quyền. Đồng chí Tường Dân Bảo và đồng chí Lý Văn Chương được giao nhiệm vụ này. Bảo tham gia cuộc bạo động Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng năm 1930, bị địch bắt và đày ra Côn Lôn. Tại đây, Bảo được giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản và kết nạp vào Chi bộ nhà tù. Với sự giúp đỡ của Tỉnh ủy Sóc Trăng, hai đồng chí Bảo, Chương đã nhờ thợ lành nghề chữa được tàu Phú Quốc có sức chở 200 - 250 người và huy động 27 ghe vùng Long Phú, Mỹ Thanh, Gò Công lập thành một đoàn ra khơi ngày 16/9. Tuy gặp cơn bão lớn nhưng đoàn đã đến nơi an toàn.

Đợt đầu trở về đất liền ưu tiên cho những cán bộ cao cấp của Đảng và các đồng chí lớn tuổi hoặc đang đau yếu.

Tự tay đồng chí Tôn Đức Thắng, năm đó đã 57 tuổi, sửa chữa xong một chiếc xà lúp từ mấy ngày trước. Rồi chính tay ông “cạp rần” ở hầm xay lúa này lại lái chiếc xà lúp về đất liền<sup>1</sup>. Trên đó có các đồng chí Phạm Hùng, Phan Trọng Tuệ...

Nội nhật ngày 25/9, tàu Phú Quốc, xà lúp và 25 chiếc ghe cập bến Đại Ngãi (Sóc Trăng). Còn 2 chiếc ghe lạc lên tận Vàm Láng (Gò Công).

---

1. Ở Côn Lôn, bọn cai ngục bắt đồng chí Tôn Đức Thắng làm “cạp rần” trông tù xay lúa, cho tù ăn.



Theo báo cáo của Ban đón tiếp, tổng số các đồng chí từ Côn Lôn trở về là 2.300 người, trong đó có 1.825 tù chính trị.

Lúc này chiến sự đã xảy ra ở Sài Gòn nên các đồng chí không kịp nghỉ ngơi, về thăm gia đình và quê hương, mà vội chia nhau đi các tỉnh Nam Bộ tham gia kháng chiến ngay.

Không thể không nói thêm là do chế độ lao tù hà khắc của thực dân Pháp, khi đặt chân trở lại đất liền có đến hàng trăm đồng chí kiệt sức đi không nổi, phải dìu hoặc cáng. Một số đồng chí sớm qua đời ngay tại Sóc Trăng như Võ Văn Triết, Nguyễn Văn Liên, Bùi Văn Cương...

Thù trong và giặc ngoài đều đang rập rình ngay trước mặt, vì vậy xây dựng lực lượng vũ trang trở thành nhiệm vụ vô cùng cấp bách.

Ở tất cả các địa phương, nơi nào cũng đều có những người hăng hái đứng ra thành lập các “bộ đội”. Bộ đội An Điền ở Thủ Đức, bộ đội An Lạc ở Trung Huyện, bộ đội ông Siêu, ông Tường ở Tân An, bộ đội ông Cống, ông Tá ở Bến Tre... Có hàng trăm bộ đội như vậy.

Bên cạnh đó là Cộng hòa vệ binh của tỉnh, buổi đầu thường do các hạ sĩ quan như quân, đội trước đây chỉ huy.

Ở Sài Gòn, phải kể đến lực lượng vũ trang của nhóm Bình Xuyên<sup>1</sup> vừa được thống nhất dưới sự chỉ huy của Dương Văn Dương với số quân khoảng 2.000 người và 1.300 khẩu súng. Tuy trình độ giác ngộ của bộ đội Bình Xuyên không đồng đều, có tới một phần tư là dân giang hồ, ý thức kỷ luật kém, nhưng nói chung anh em đều là người lao động có tinh thần yêu nước (các nhóm Bình Xuyên đều có mặt trong cuộc khởi nghĩa giành chính quyền vừa qua ở Sài Gòn).

Các đội vũ trang của công nhân có trên 6.000 người, tuy không tổ chức thành đơn vị lớn nhưng sau này sẽ đóng vai trò nòng cốt cho các lực lượng chiến đấu trong nội thành.

Xứ ủy và Lâm ủy hành chính Nam Bộ chủ trương giữ nguyên đội quân nhà nghề của đế quốc Pháp - Nhật, nay cho chuyển thành Cộng hòa vệ binh với nguyên vẹn quân hàm, trang bị vũ khí và biên chế thành bốn sư đoàn: đệ nhất, đệ nhị, đệ tam và đệ tứ sư đoàn. Vì trong các đơn vị này không thiết lập sự lãnh đạo của Đảng, số đông những người chỉ huy vốn mang bản chất phản động nên về sau chúng tan rã một cách chóng vánh. Đó là một kinh nghiệm lớn của ta về quan điểm xây dựng lực lượng vũ trang.

---

1. Ấp Bình Xuyên thuộc xã Chánh Hưng, quận Nhà Bè.

Ngoài ra còn một lực lượng cát cứ khác hình thành từ những năm bốn mươi, tồn tại đến nay, họ cũng tuyên bố là lực lượng yêu nước.

Bây giờ ta nói cụ thể “thù trong giặc ngoài” là những ai?

Đó là bọn Việt gian trong các tổ chức đảng phái phản động tởn trời, Quốc gia đảng, Đại Việt..., kể cả bọn phản động trong các tôn giáo..., sau một thời gian ngắn nằm im nay lại ngóc đầu dậy. Chúng câu kết với nhau trong một “Mặt trận quốc gia liên hiệp” để đối đầu với chính quyền cách mạng còn non trẻ của ta, phá vỡ Mặt trận Việt Minh - khối đoàn kết của dân tộc ta.

Nổi lên trong những ngày này là hoạt động của bọn đầu sỏ phản động trong đạo Hòa Hảo tại miền Tây. Tôi muốn mở một dấu ngoặc để nói thêm về tình hình ở Cần Thơ - thủ phủ miền Tây. Trong thời điểm này, đúng là ở miền Tây có một lực lượng quan trọng là Hòa Hảo. Nhận thức được điều đó, trung tuần tháng 3/1945, hai đảng viên cộng sản là Ung Văn Khiêm và Nguyễn Văn Tây với danh nghĩa “cựu chính trị phạm” đã có cuộc gặp gỡ với Giáo chủ Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ để bàn bạc việc liên minh cùng đấu tranh giành quyền độc lập. Nhưng chính sách đoàn kết dân tộc không phải bao giờ cũng được thực hiện dễ dàng. Ngày 26/8/1945, ngay sau khi Cần Thơ khởi nghĩa thắng lợi, Giáo chủ Huỳnh Phú Sổ nói thẳng với những người cách mạng: “Các ông phải giao đất miền Tây cho tôi!”. Ở Long Xuyên, Hòa Hảo cũng đòi đất kỳ cục như vậy.

Tất nhiên ta không thể đáp ứng yêu cầu của họ. Ta nhắc lại và nhấn mạnh lời cam kết trước đây của hai bên liên minh nhau để giành độc lập dân tộc. Để thực hiện lời cam kết đó, phía ta chủ động mời “đạo” cử một số chức sắc có uy tín bổ sung vào bộ máy chính quyền các cấp. Đồng thời ngay sau đó ta phải bỏ nhiều công sức để giải quyết một số vụ lộn xộn mà điển hình là vụ quậy phá của Năm Lửa.

Ngày 08/9/1945, Trần Văn Soái, tức Năm Lửa, huy động khoảng 30.000 nông dân tén đồ Hòa Hảo, mỗi người đều có trang bị vũ khí hùng hổ kéo vào thành phố Cần Thơ vừa đi vừa hò hét “giết Việt Minh!”, “giết Thanh niên Tiền phong!”.

Chủ tịch lâm ủy hành chính Cần Thơ Trần Văn Khéo hết sức nhân nhượng, hạ lệnh cho các đơn vị cộng hòa vệ binh không được ngăn cản đoàn biểu tình, sợ xảy ra xô xát, mà phải rút từ từ về phía sau. Sau đó, ta mới viết một bản tuyên bố cuộc biểu tình này không xin phép trước là phạm pháp, yêu cầu phải giải tán ngay. Để cảnh cáo họ, cộng hòa vệ binh được phép bắn hai phát súng chỉ thiên. Không dè chỉ cần hai phát súng chỉ thiên đó đủ làm cho họ rối loạn hàng ngũ, mạnh ai nấy chạy. Một số lao xuống sông vì quá hoảng sợ, không may lại bị thương vì giáo mác của người khác, cũng vì hoảng sợ nên ném bừa xuống. Thiệt thương tâm đối với

những tín đồ chất phác kia. Cuối cùng các cán bộ chỉ huy cộng hòa vệ binh Huỳnh Phan Hộ, Trần Hoài, Văn Cừ tập hợp họ lại an ủi, giải thích, cho mỗi người một ổ bánh mì và năm đồng rồi ra về. Ai bị thương nặng thì đưa đi nhà thương cứu chữa.

Nói đi rồi phải nói lại, Việt gian phản động dù sao cũng chỉ là một nhóm nhỏ so với cả khối toàn dân to lớn. Lòng yêu nước thương nòi lúc này trào dâng trong lòng quốc dân đồng bào không phân biệt đạo hay đời, giàu hay nghèo, nông thôn hay thành thị, đang trở thành động lực mạnh mẽ thôi thúc mọi người đứng lên “xiết chặt hàng ngũ bảo vệ nền độc lập vừa giành được”. Bất kỳ ở đâu ta cũng có thể bắt gặp những người có tấm lòng yêu nước thương nòi như trên, được thể hiện một cách hồn nhiên, sôi nổi.

Sài Gòn là nơi tập trung nhiều trí thức Tây học con nhà trâm anh thế phiệt, giàu sang, quyền quý. Nhưng hầu hết, nếu không phải là tất cả, đều đã theo cách mạng và thể hiện tinh thần yêu nước thương nòi của mình bằng hành động cụ thể.

Thời kỳ tiền khởi nghĩa là các anh Lưu Hữu Phước, Huỳnh Văn Tiểng, Huỳnh Tấn Phát, Mai Văn Bộ, Trần Văn Khê, Phạm Ngọc Thạch. Bây giờ còn có thêm nhiều anh khác như Luật sư Thái Văn Lung, Luật sư Lê Đình Chi, Luật sư Phạm Ngọc Thuần, Nha sĩ Nguyễn Văn Thủ, Giáo sư Phạm Thiều, Giáo sư Ca Văn Thỉnh, nhà báo Thiếu Sơn, nhà báo Lý Văn Sâm, nhà soạn kịch Năm Châu... Các nhà tư sản Trí Độ, Nguyễn Phú Hữu, các ông hội đồng quản hạt Võ Hà Tự, Thượng Công Thuận, các nhà giáo người Hoa Ngô Liên, Trang Dung..., đều tuyên bố tán thành Mặt trận Việt Minh, một lòng đi theo Cụ Hồ.

Quân Anh, Ấn nhân danh Đồng minh vừa thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai, đổ bộ lên Sài Gòn để giải giáp quân Nhật. Nhưng chúng lại làm ngược lại, nghĩa là cho phép quân Nhật giữ nguyên vũ khí và khuyến khích quân Nhật sẵn sàng để có thể tấn công Việt Minh bất cứ lúc nào.

Thêm vụ tám tên Pháp và Anh nhảy dù từ trên máy bay xuống Biên Hòa để dò xét và liên lạc với bọn tay sai trước đây. Khi dân quân bắt được, trong người chúng có giấy do De Gaulle cấp. Vụ này phù hợp với vụ tên Jean Cédille - đại diện cho Tổng Cao ủy Pháp ở miền Nam Đông Dương nhảy dù xuống Tây Ninh ngày 22/8, hồi đó Sài Gòn và lục tỉnh chưa khởi nghĩa. Sau khi được quân Nhật đưa về Sài Gòn, y đã bắt liên lạc ngay với các kiều dân Pháp và thành lập một “Ủy ban thông tin” để nắm tình hình, đợi thời cơ.

Có thể lý giải điều này khi biết rằng từ năm 1943, khi nước Pháp còn bị quân Đức chiếm đóng, tướng lưu vong De Gaulle đã đặt vấn đề nghiên cứu cách thức trở lại Đông Dương. Trong tháng Tám vừa rồi ở ngoài Bắc cũng có vụ tên Messemer

được Cao ủy Pháp bổ nhiệm cùng một số sĩ quan và quan cai trị Pháp nhảy dù; vụ đội biệt kích thủy quân Blanchard đổ bộ vào Hải Phòng rồi tìm cách lên Hà Nội; vụ tên Sainteny phụ trách phái bộ quân sự Pháp ở Côn Minh cùng bốn tên Pháp khác theo phái đoàn Mỹ Patti đổ xuống trường bay Gia Lâm...

Người Pháp lúc này không có một danh nghĩa nào, một tí thực lực nào ở Việt Nam và ở Sài Gòn. Ấy mà họ cứ làm tới, vì đã sẵn có âm mưu từ lâu và nhất là được quân Anh ra sức giúp đỡ.

Ngày 27/8/1945, Cédille đến gặp ba ông: Giàu, Thạch và Tạo, đại diện Lâm ủy hành chính Nam Bộ, y trắng trợn cho biết Chính phủ Pháp sẽ áp dụng bản tuyên bố Brazzaville ngày 24/3/1945, nghĩa là Đông Dương lại trở về chế độ thuộc địa như cũ! Bên ta kiên nhẫn thuyết phục, nhưng Cédille vẫn khẳng khái giữ nguyên các điều khoản của bản tuyên bố 24/3/1945, do đó cuộc gặp không đem lại kết quả gì.

Ngày 04/9/1945, viên tướng Anh Douglas Gracey tuy còn ở xa, đã dùng điện đài hạ lệnh cho quân Nhật ở Sài Gòn phải tăng lực lượng lên 7 tiểu đoàn để “giữ gìn trật tự”, thực chất để tiếp tay cho thực dân Pháp khiêu khích ta.

Hai hôm sau, Gracey đến Sài Gòn và tìm gặp ngay Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch để đưa ra yêu cầu giải giáp ngay quân Việt Nam (thay vì nhiệm vụ của phái bộ quân sự Anh là giải giáp quân Nhật). Trước tình hình này, để cho không khí quá căng thẳng và để phòng mọi bất trắc có thể xảy ra với quân Anh, một phần lớn lực lượng ta trong nội thành rút ra vùng ven.

Ngày 12/9/1945, đại bộ phận các đơn vị quân Anh có nhiệm vụ giải giáp quân Nhật đến Sài Gòn. Một đại đội quân Pháp thuộc Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5<sup>e</sup> RIC) đã xen vào các đơn vị quân Anh cùng đổ bộ. Cùng ngày hôm đó, quân Anh đến “mượn” trụ sở Lâm ủy hành chính Nam Bộ (dinh thống đốc cũ) cho quân Pháp treo cờ tam tài lên cột cờ. Lập tức đồng bào ùn ùn kéo tới bao vây tòa nhà, đòi chúng ta phải hạ quốc kỳ nước Pháp xuống, trả trụ sở cho chính quyền ta làm việc. Hai tiếng đồng hồ sau, quân Anh bắt buộc phải bảo quân Pháp hạ cờ xuống, nhưng chúng lại thả tất cả tù binh Pháp và đồng tình cho quân Pháp thay thế quân Nhật chiếm đóng bến tàu, kho thuốc súng, xưởng đóng tàu Ba Son. Tình hình Sài Gòn - Chợ Lớn không hề dịu đi mà ngày càng thêm căng thẳng. Quân Anh tăng cường các lực lượng gọi là “lực lượng trật tự” để uy hiếp tinh thần dân chúng. Còn quân Pháp, và cả thường dân Pháp kiều, được quân Anh tìm mọi cách giúp đỡ nên càng ra mặt khiêu khích. Không chỉ khiêu khích, Cédille còn làm đủ mọi việc để chuẩn bị cho một cuộc tấn công quân sự. Những tên trùm thực dân được thả ra như chủ đồn điền lai Tây Bazé, thầy kiện Béziat, công sứ Lalane đều giục Cédille đánh, đánh để khôi phục lại chính quyền Pháp.

Cédille đã tìm được một số Việt gian để nuôi dưỡng, trong đó có Nguyễn Văn Thinh, đưa vào giấu trong Trại cơ binh số 11 ở đại lộ Cộng Hòa. Theo lệnh Cédille, sau khi đã được quân Anh đồng ý làm lơ, khoảng 100 tên lính Pháp vô kho chứa súng đạn ở đường Angier lúc nửa khuya 17/9. Chúng chất súng đạn đầy 12 xe camnhông rồi trở về Trại cơ binh số 11 của Pháp.

Ngày 19/9, Cédille lại tuyên bố “Việt Minh không phải là đại diện của nhân dân Việt Nam. Việt Minh không thể giữ trật tự được và không ngăn cản cướp bóc được. Trước hết là trật tự phải được khôi phục và sau đó chúng ta sẽ thành lập một chính phủ theo nguyên tắc của Bản tuyên bố ngày 24/3/1945”. Ngày 21/9, quân Anh ra lệnh thiết quân luật và lại cung cấp thêm hàng ngàn súng cho quân Pháp. Rồi Gracey lại nói tiếp về “trật tự”! Ngày 22/9, Gracey cho ra bản thông cáo số 1, trong đó, Gracey tuyên bố rằng y là “người chịu trách nhiệm giữ gìn trật tự”. Và để giữ gìn trật tự, Gracey ra lệnh đóng cửa tất cả các báo Việt Nam, kiểm soát và bắt tất cả những người Việt Nam mang vũ khí, yêu cầu sáp nhập Quốc gia Tự vệ cuộc (công an) Việt Nam vào quân đội Anh.

Ngày 22/9, quân Anh chiếm Khâm Lớn Sài Gòn và giải thoát tất cả những tên Pháp nhảy dù xuống Nam Bộ trước ngày khởi nghĩa bị ta bắt giam.

Đêm 22/9, quân Pháp lợi dụng tình trạng thành phố thiết quân luật, đổ ra các đường phố khủng bố, lùng bắt vô cớ đồng bào ta, chia nhau đi chiếm các đồn công an.

Được “đăng chân lân đăng đầu”, đó là bản chất của địch. Từ mấy ngày trước, mọi người dân Sài Gòn đã cảm thấy rất rõ chiến tranh là điều không tránh khỏi.

## CHƯƠNG II

### Chiến tranh bùng nổ, ta bao vây địch trong Sài Gòn - Chợ Lớn

3 giờ sáng ngày chủ nhật 23/9/1945, thành phố Sài Gòn vắng ngắt vì lệnh thiết quân luật của quân Anh từ mấy hôm trước. Còn quá sớm, các nhà thờ Thiên Chúa giáo chưa gióng những hồi chuông đầu gọi giáo dân đi lễ nhất. Một thời điểm hết sức thuận lợi, quân Pháp cải trang là quân Anh thực hiện việc đánh úp ta. Chúng chia nhau tấn công Sở cảnh sát (bót lính kín cũ), Sở bưu điện, nhà kho bạc, nhà đèn. Tờ mờ sáng, chúng đánh chiếm Nam Bộ phủ, tức trụ sở của Ủy ban nhân dân Nam Bộ<sup>1</sup> (dinh Đốc lý cũ) và Quốc gia tự vệ cuộc. Chúng đánh chiếm các cầu trọng yếu như Mạc Má Hồng (cầu Công Lý, nay là cầu Nguyễn Văn Trỗi), cầu Thị Nghè, cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Khánh Hội... Nơi nào có lính Pháp tử thương, chúng đàn áp dã man bằng cách bắn chết tại chỗ bất kỳ người Việt nào bị bắt, cho dù đó là ông già tám mươi tuổi, chị phụ nữ đang mang bầu hay cháu bé sơ sinh. Còn quân Anh giả đồ đi tuần tiểu, đã bủa vây nhiều nơi để bắt cán bộ ta. Khu vực Đa Kao bị vây kín các mặt. Anh Hoàng Đôn Văn - Chủ tịch Công đoàn thành phố bị bắt tại cơ quan khi anh ở lại làm việc khuya. Vậy là cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai của thực dân Pháp khởi đầu từ hôm nay!

Viết đến đây, bỗng dưng tôi nhớ bài hát của Nhạc sĩ Tạ Thanh Sơn:

*Mùa thu rồi, ngày hăm ba,*

*Quân ta đi theo tiếng kêu sơn hà nguy biến*

*Rền khắp trời lời hô vang*

*Dân quân Nam đều chân bước tới trận tiền*

---

1. Từ ngày 10/9/1945, Ủy ban hành chính Nam Bộ được đổi tên thành Ủy ban nhân dân Nam Bộ, do Phạm Văn Bạch làm Chủ tịch.



*... Nóp với giáo, mang ngang vai,  
Mà đoàn người giàu lòng vì nước  
Súng ống kém, chân đi không  
Nhưng thân trai nào kém oai hùng.*

Bài hát đầy hào khí, lãng mạn và rất hiện thực đã và đang sống với lịch sử, cũng như ngày 23/9 đã và đang sống với lịch sử giữ nước của dân tộc ta. Nói rằng, đây là lúc sơn hà nguy biến, điều đó hoàn toàn đúng. Lại nói rằng chúng ta chỉ có nóp với giáo mang ngang vai cũng không hề sai.

Đã nói đến chiến tranh, phải đề cập đến so sánh lực lượng giữa đôi bên.

Tính đến giờ phút này ngoài lực lượng quân Anh 2.500 tên và bảy tiểu đoàn quân Nhật 5.000 tên, riêng quân Pháp có tiểu đoàn biệt kích 600 tên thuộc Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5<sup>e</sup> RIC) và 1.500 tên của trung đoàn bộ binh thuộc địa số 11 (11<sup>e</sup> RIC) là tù binh vừa được quân Anh thả ra và tái vũ trang.

Còn lực lượng ta, trong nội thành có một bộ phận nhỏ cộng hòa vệ binh làm nhiệm vụ canh gác công sở, 6.000 tự vệ xung phong công đoàn, 2.000 thanh niên xung phong và công an xung phong, nhưng vũ khí thì chỉ có 120 súng các loại với rất ít đạn và 2.000 trái lựu đạn, còn lại là tầm vông và giáo mác.

Sức mạnh vật chất buổi đầu nghiêng về phía địch, nhưng sức mạnh tinh thần là ưu thế tuyệt đối của ta. Địch không thấy được điều đó, vì lẽ giản đơn chúng là những đội quân xâm lược nhà nghề, còn nhân dân ta, những người vừa làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám, chúng ta ý thức rõ ý chí độc lập, tự do của một dân tộc là vô địch.

Quân Pháp lợi dụng đêm tối đánh úp ta, nhưng ta không hề bị động, mà ngược lại, hết sức chủ động. Từ mấy ngày trước, ngày 19/9/1945, biết trước chiến tranh là điều khó tránh, Ủy ban nhân dân Nam Bộ đã ra thông báo:

*“... Nếu người Pháp chiếm chính quyền ở đây, nếu họ đem quân đội tới định cướp xứ ta, biến đổi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập này thành xứ bảo hộ hay thuộc địa, dù là dưới mặt nạ tự trị nào thì quốc dân phải theo mệnh lệnh của Chính phủ mà sẽ:*

- 1) Tổng bãi công: không một ai cộng tác với người Pháp bất cứ về phương diện nào (binh bị, cai trị, kinh tế).*
- 2) Kháng chiến đến cùng cho đến khi toàn thắng để cho hoàn cầu thấy rằng quốc dân ta quyết giữ nền độc lập và để làm hậu thuẫn cho Chính phủ Trung ương trong cuộc ngoại giao được thắng lợi. Trong sự kháng chiến, ta không nên đụng chạm đến người Đồng minh, không nên sát hại đàn bà con trẻ.*



*Nên sẵn sàng chuẩn bị cuộc đình công và mở cuộc kháng chiến ngay khi phát tờ hịch này. Đồng bào chờ mệnh lệnh Chánh phủ, nếu người Pháp buộc ta phải dùng thủ đoạn kể trên”.*

Ngay từ đầu tháng 9, việc điều động đại bộ phận các đơn vị vũ trang của ta ra vùng ven đô bố trí ở các nơi xung yếu để bảo toàn lực lượng và hình thành thế bao vây, đó là sự chủ động hết mực nếu không nói là cao kiến.

Mượn từ ngữ của Mác, tôi muốn nói rằng đối với quân xâm lược Pháp không thể dùng “vũ khí phê bình” mà chỉ có thể “phê bình bằng vũ khí”, nghĩa là phải quyết đánh và quyết thắng. Đó là nguyên lý chung. Còn trong mọi trường hợp cụ thể, “hòa hay chiến”, vẫn là vấn đề cần cân nhắc thận trọng, có khi phải bàn cãi nảy lửa. Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng thường nhắc Xứ ủy Nam Bộ hết sức tránh đụng chạm với quân Đồng minh cũng như quân Pháp, cần hết sức bình tĩnh và ôn hòa.

Ngay sáng 23/9, vì Sài Gòn đã có nhiều chiến sự, Xứ ủy và Ủy ban nhân dân Nam Bộ xúc tiến gấp cuộc họp tại một căn nhà trên đường Cây Mai tỉnh Chợ Lớn<sup>1</sup>. Nội dung chính nhằm đi đến hành động có tính chất sống còn trước diễn biến nghiêm trọng của tình hình: Chiến hay hòa?

Những người có mặt trong cuộc họp: Ung Văn Khiêm - Bí thư Xứ ủy, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Nguyễn, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Văn Tiểng. Đại diện Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh Hoàng Quốc Việt cùng tham dự.

Có hai ý kiến:

Một bên muốn “đánh ngay”, vì lòng dân đã sôi sục đến mức không kìm lại được, còn địch thì cứ lấn tới, “được đằng chân lân đằng đầu”. Nhưng thử hỏi như vậy liệu còn khả năng hòa hoãn hay không?

Một bên khác chủ trương “chờ xem” tình hình diễn biến thêm ra sao đã. Trước mắt, chỉ nên đình công, bãi thị hoặc biểu tình phản đối địch.

Nhưng “chờ xem” là chờ tới bao giờ, lúc đó tình hình đã đen tối liệu còn xoay trở sao kịp?

Thảo luận qua lại tới hai tiếng đồng hồ, ý kiến sau cùng mới ngã ngũ là “đánh ngay”. Đó cũng là ý kiến của đa số từ lúc mới vào bàn họp. Nhưng đường dây liên lạc với Hà Nội đang hư, việc báo cáo ra Trung ương không thể làm ngay được. Mà tình thế nước sôi lửa bỏng cũng không thể máy móc ngồi chờ đến khi Trung ương cho phép được. Hội nghị biểu quyết nhanh gọn và bế mạc lúc 10 giờ sáng với tình tiết đó.

---

1. Nay là số 627-629 đường Nguyễn Trãi, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ba tiếng đồng hồ sau, bản *Tuyên cáo quốc dân* được ban hành rộng rãi:

*“Đồng bào Nam Bộ!*

*Vì coi quân đội Anh là đại biểu của Đồng Minh tới đất nước chúng ta giúp giải giáp quân Nhật để đem lại hòa bình cho dân chúng Đông Dương, nên chúng tôi, Ủy ban nhân dân Nam Bộ luôn giúp cho quân đội Anh làm nhiệm vụ được dễ dàng. Mặc dầu có nhiều điều bất mãn, đã nhiều lần chúng tôi kêu gọi quốc dân nén lòng căm giận để chờ đợi cuộc vận động ngoại giao với Đồng Minh trên trường quốc tế, nhưng do sự nhân nhượng và dung túng của quân Anh, bọn thực dân Pháp đã làm nhiều điều quá đáng.*

*... Không lẽ chịu nhục hoài, vì danh dự của dân tộc, chúng ta phải coi trọng quyền lợi quốc gia, nên chúng tôi đã đánh điện ra Chánh phủ Trung ương xin cho phép kháng chiến. Chúng tôi đã:*

- 1) Lập Ủy ban kháng chiến để lo việc quân sự.*
- 2) Hạ lệnh tổng đình công và bất hợp tác với người Pháp.*
- 3) Truyền đi lục tỉnh thi hành kế hoạch phá hoại đường giao thông tiếp tế để bao vây quân địch.*
- 4) Kêu gọi đồng bào tố cáo Việt gian nguy hiểm.*

*Đồng bào thân mến!*

*Cương quyết phấn đấu, toàn dân hãy đoàn kết để bảo vệ quốc gia”<sup>1</sup>.*

Cơ quan Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến đã dời về Chợ Đệm (quận Bình Chánh) từ trước, vì vậy guồng máy lãnh đạo điều hành vẫn hoạt động đều. Những việc cần làm ta vẫn triển khai.

Chẳng hạn, việc phá án vụ âm mưu lật đổ của nhóm Dương Văn Giáo. Giáo câu kết với nhóm tởrốtkit và Cédille lập “Chánh phủ lâm thời Việt Nam dân quốc”, do y làm Thủ tướng và Phan Văn Hùm làm Tổng trưởng quốc phòng, có “quốc kỳ”, có “tổng hành dinh” hẳn hoi. Nhờ bà con người Hoa giúp đỡ, ngày 24/9, ta đột nhập trụ sở của chúng ở số 8 đường Thủy Bình và “Tổng hành dinh” ở nhà nghỉ Hoàng Hậu, bắt trọn gói khi chúng chưa kịp giờ trò.

Ta đánh địch như thế nào, đánh theo cách riêng của ta đừng có thể thắng bọn xâm lược trước mắt mạnh hơn ta nhiều lần?

Đồng bào Sài Gòn - Chợ Lớn đã triệt để làm theo lời tuyên cáo của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ tản cư ra khỏi nội đô, tổng bãi công, bãi thị, triệt mọi đường

---

1. Báo Cứu quốc, số 54, ngày 29/9/1945.

tiếp tế lương thực của địch. Nói cách khác, đồng bào bao vây địch về tất cả các mặt quân sự, chính trị, kinh tế.

Anh Bích Lâm, vừa từ trần giữa năm 1992, ở tuổi 77, vốn là người trong cuộc. Anh nói về người dân Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1945 mà anh hiểu thấu đáo trong một cuốn bút ký dày hơn 300 trang viết tay để lại:

*“Tinh thần kháng địch của Sài Gòn và ngoại ô khó mà tả lại cho đúng.*

*Tuyệt vời: Nhưng đó chỉ là từ vựng không thể nói được điều đã thấy, việc đã nghe, cảnh đã làm cho đệ tam nhân vừa khóc vừa cười cùng một lúc.*

*Nói rằng dân ta giác ngộ chính trị cao độ, đó là phóng đại. Nói lúa Tháng Tám của năm đó là “coi chết như về nhà mới”, đó là quá đáng. Vì thực tế đồng bào Sài Gòn và trong sợi dây nịt đỏ<sup>1</sup> lúc đó đốt đến họ nhà mình chẳng biết viết sao cho đúng và hiểu thế giới thì thô lậu đến thương xót. Chẳng hạn như đa số đồng bào cho rằng người Pháp mắt đục như nước gạo vo, “nó chẳng thấy gì hết, nếu không có Việt gian chỉ cho. Đêm nó bị quáng gà, củ mò vô mà cửa”.*

*... Văn hóa Pháp, ngoài mấy chữ RO, RA<sup>2</sup>, không ra khỏi thành phố quá 12 cây số!*

*Điều mà nông dân hiểu Pháp và tin vào sự hiểu biết đó là: Tây tham, ham ăn, ham gái mà nhất hạng sợ chết. Do đó mà khói lửa tới bờ, mà lệnh tản cư lớp gọi loa, lớp thuyết phục ở tổ, họ hưởng ứng rất là chiếu lệ.*

*Chẳng phải họ nghèo sợ kẻ đi người ở, nỗi gạo phải chia ba xẻ bốn, nên không đi. Chỉ vì họ nô nức muốn lập công: Độc lập từ đời ông, đời cha tới giờ mới có. Mà nay Tây trở lại, mình ở lại đánh nó để trọn niềm với Tổ quốc.*

*Tổ quốc, vâng lúa Tháng Tám nghe hai từ Tổ quốc là máu ấm lên, mắt long lanh. Từ ngày Pháp nổ súng tái chiếm Sài Gòn, người Sài Gòn đã thể hy sinh vì Tổ quốc.*

*Chữ Việt Minh, đồng nghĩa với Con thân yêu của Tổ quốc.*

*Chữ Việt gian, ngược lại là sự nhục nhã, là tội đáng chết, để gọi ai theo Tây, có bất cứ hành động nào có lợi cho quân xâm lăng.*

*Cái tâm lý ấy là tâm lý Sài Gòn, tâm lý của lớp người Tháng Tám.*

*Một tâm lý thay cho luật pháp, thay cho tòa án, thay cho kỷ luật và mệnh lệnh lương tri của chính mình.*

*Bằng cố là Sài Gòn huyền não bát nháo, mỗi con người là một thế giới, vậy mà thông báo giờ chót của Ủy ban nhân dân Nam Bộ được thị dân răm rắp làm theo...”.*

---

1. Sợi dây nịt đỏ: Vùng ven đô bao quanh Sài Gòn - Chợ Lớn trước Cách mạng Tháng Tám, cơ sở cách mạng ở đây rất mạnh.

2. RO (Régie d'opium): Quản lý thuốc phiện.

RA (Régie d'acool): Quản lý rượu.

Tôi nghĩ rằng anh Bích Lâm không cường điệu, quả thiệt người dân Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1945 là như vậy.

Ngay trong sáng 23/9, đồng bào đã đem mọi thứ vật dụng từ bàn ghế, giường tủ đến xe bò, xe thổ mộ..., chất đầy các ngã ba, ngã tư đường phố để làm chướng ngại vật. Trong lúc đó ở ngoại thành các “bộ đội” tự lập lại tiếp tục hình thành<sup>1</sup>, hàng ngàn thanh niên nô nức xin được tòng quân giết giặc.

Tiêu biểu cho tinh thần quyết tử trong chiến đấu, có tiểu đội bảo vệ cột cờ Thủ Ngữ. Sáng 23/9, một đại đội quân Anh đến định hạ lá cờ đỏ sao vàng xuống, kéo lá cờ tam tài lên đã bị anh em dùng hỏa lực cản lại. Một tiểu đội, mà không phải tất cả đều được trang bị súng quyết chống chọi với đại đội quân Anh đến người cuối cùng vì danh dự lá cờ Tổ quốc. Viên chỉ huy người Anh, đó là một võ quan thực dân, không thể không khâm phục, đã cho đại đội sắp hàng bồng súng chào những người anh hùng của đối phương vừa ngã xuống dưới chân cột cờ. Không ai trong tiểu đội bảo vệ cột cờ Thủ Ngữ để lại một di vật nào để từ đó có thể tìm ra tên tuổi, gia đình, nhưng các anh đã trở thành tập thể chiến sĩ vô danh bất tử.

Dương Quang Đông (Năm Đông), hiện nay còn sống ở Thành phố Hồ Chí Minh có dịp kể lại trận đánh ở Dinh Xã Tây, tức trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ lúc đó:

*“... Đến 21 giờ ngày 22/9/1945, anh em báo cho tôi biết là lính Nhật gác ở vòng ngoài Dinh Xã Tây đã rút hết rồi, nhất định là lính Pháp sẽ đến. Tôi suy nghĩ nát đầu, không biết hỏi ý kiến ai vì các cơ quan Xứ ủy, Ủy ban, Mặt trận đều đã rút về Chợ Đệm từ hồi sáng. Mình được phân công ở lại mà cũng rút thì còn mặt mũi nào. Một giờ sau, anh em lại chạy vào báo quân Pháp đổ mười xe lính ở Đài phun nước (trước cửa Nhà hát lớn bấy giờ). Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy chúng đang triển khai quân rầm rập. Đầu óc tôi rối beng. Nhưng rồi tôi nhủ thầm thà chịu kỷ luật là tự động nổ súng chứ không thể chịu nhục trước kẻ thù. Vậy là tôi cho anh em chĩa súng ra ngoài, chờ lệnh tôi: Tôi quyết định hành động, bắn một phát. Súng của anh em nổ tiếp theo làm một số lính Tây ngã gục. Vậy là bọn Tây bắn trả lại, súng lớn cũng bắn cả vào trong dinh.*

*Một lúc sau có tiếng kêu: “Anh Năm ơi, hết đạn rồi!”. Thì lúc bấy giờ, mỗi cây súng chỉ có năm viên đạn chứ mấy. Không còn cách nào khác, tôi cho rút lui. Có những bà, những chị lo tiếp tế cơm nước cho chúng tôi cũng kẹt ở đây, tôi bố trí rút trước. Không một ai hy sinh, chỉ mấy người bị gạch đá văng trúng bị thương. Còn quân Pháp, chết một số. Và vinh dự cho chúng tôi, tiếng súng mở màn cho cuộc kháng chiến chống Pháp chính là tiếng súng phát ra từ Dinh Xã Tây hôm đó”.*

---

1. Các “bộ đội” tự lập lúc này có thể kể: Cao Đức Luốc, Huỳnh Tấn Chùa, Tô Kỳ (Hóc Môn), Nguyễn Văn Thuộc (Tân Bình), Huỳnh Văn Một (Đức Hòa), Trương Văn Bang (Cần Giuộc), Phạm Văn Khung, Nguyễn Văn Công (Gò Vấp), Thái Văn Lung, Đào Sơn Tây, Trần Thắng Minh (Dĩ An), Võ Văn Mỹ (Thủ Đức)...

Đêm 23/9, anh em công nhân trong thành phố họp nhau lại, cắt ngón tay lấy máu ăn thề: “Quyết chiến đấu cho Thành phố Hồ Chí Minh thân yêu!” (như vậy, Sài Gòn có tên Thành phố Hồ Chí Minh ngay từ năm 1945, mặc dù đến năm 1976, Quốc hội mới biểu quyết chính thức). Ngay sau đó, từng tiểu đội, từng tổ lao vào mục tiêu được phân công.

Sau khi chiếm được Sở Cứu hỏa ở đường Galliénie (nay là Trần Hưng Đạo), anh em trong tiểu đội tự vệ công nhân leo lên cầm cờ trên tháp cao. Người trước ngã, người sau tiến, quyết cầm bằng được. Bốn đội viên hy sinh anh dũng nhưng cờ đỏ sao vàng đã ngự trên đỉnh tháp. Không thể lường được sự giận của đồng bào khi nó đã dâng lên tột cùng.

Đêm 24/9, căm phẫn vì quân Pháp bắn chết hai chiến sĩ ta, hàng ngàn đồng bào hè nhau tràn vào biệt khu của tiểu viên chức Pháp “Cité Hérault” (ở Tân Định) và đốt phá sạch. Về sau báo chí đưa tin 150 người bị giết, 105 người mất tích. Nghe động, quân Anh, Ấn, Nhật, Pháp kéo đến thì việc đã rồi<sup>1</sup>.

Thật là một thảm cảnh. Nhưng cũng là đỉnh cao của lòng căm thù!

Tiếp đến, đêm 25/9, hàng ngàn người lại sôi sục xông lên cầm vũ khí đến phá Khám Lớn trong đó có nhiều người của ta địch vừa bắt giam mấy ngày qua. Búa tạ tới tấp nện mạnh cho đến lúc hai cánh cửa khám bằng sắt rất chắc chắn phải bật tung.

Vụ này địch cũng không kịp trở tay đối phó. Tất cả người của ta bị giam trong khám đều được giải thoát.

Đại tá Peter Dewey<sup>2</sup> bị bắn chết và biệt xác khi ngồi trên chiếc xe từ sân bay Tân Sơn Nhất ra ngã ba Chú Iá ngày 27/9. Tuy chỉ là cái chết của một sĩ quan trong chiến tranh, nhưng Dewey là người Mỹ, cháu ruột của Thống đốc bang New York và là nhân viên cơ quan tình báo chiến lược của Mỹ CSS, vì vậy nó trở thành một sự kiện được chú ý. Có khả năng, viên đại tá bị quân Nhật bắn chết vì đường vào sân bay lúc này quân Nhật canh gác. Nhưng quân Anh và quân Pháp lại đổ cho ta, lấy cớ để buộc ta những điều vô lý khác. Nhưng vẫn có khả năng do các tay súng của ta nữa chứ! (trong cuốn *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến* viết: “Ngày 28/9, lực lượng Gò Vấp phục kích tại ngã ba Chú Iá bắn cháy một xe jeep từ sân bay Tân Sơn Nhất chạy ra, giết chết tên đại tá Đơvai...”).

---

1. Báo *Cứu quốc* tháng 9/1945 đưa tin: “Tối 24/9, quân ta mặc dầu có sự canh phòng cẩn mật của lính Nhật, lọt vào Tân Định bao vây khu phố Hérault, bắt và giết được gần 200 lính Pháp”. Còn cuốn *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến*, in năm 1990 viết: “Bọn tởr tởt, bọn lưu manh thừa cơ tụ tập gây ra những vụ kích động điển hình như vụ tàn sát người Pháp ở khu Hérault”.

2. Lúc bấy giờ, Peter Dewey là thiếu tá, ở đây tác giả viết nhầm thành đại tá (BT).



Những ngày vây hãm địch trong thành phố, lối đánh bất ngờ, đánh mạnh, rút nhanh, xuất quỷ nhập thần đã ra đời, mà tác giả là các đội cảm tử, tổ, đội tự vệ, công đoàn xung phong.

Quân Pháp tính đến ngày 27/9 chỉ mới kiểm soát được một vùng rất hẹp từ đường Catinat (nay là đường Đồng Khởi), đường Bonard (nay là đại lộ Lê Lợi), chợ Bến Thành ngược lên đến Tân Định. Sài Gòn không có điện nước, không họp chợ, không buôn bán. Còn ở Chợ Lớn, trước đây mỗi gánh nước giá năm xu, một hào, nay lên tới mười đồng rưỡi; một chục hột vịt trước đây năm cắc, nay lên tới bốn đồng; một ký thịt gà trước đây ba đồng, nay lên tới hai mươi đồng.

Ngày 30/9, hãng Thông tấn Anh Reuter loan báo: “Có chừng 3.000 quân Anh, một số quân Pháp và 20.000 quân Âu ở Sài Gòn hiện đang bị hàng nghìn người Việt Nam có khí giới đe dọa... Hiện thời quân Anh - Pháp phải chống với 7.000 lính Việt Nam có đủ khí giới và hàng vạn dân quân mang dao, gậy, giáo, lựu đạn nhất quyết tử chiến... Đó là tình hình Sài Gòn một tuần lễ sau ngày khởi nghĩa<sup>1</sup> gây nên bởi tay một số người Pháp, gồm có cựu tù binh, thường dân và cả những người trước kia theo chính phủ Vichy vừa được ra khỏi ngục. Sau bảy ngày, tình thế càng nghiêm trọng thêm. Ở Sài Gòn rất nguy ngập về lương thực, vì trên đất thì quân dân Việt Nam phong tỏa mà trên mặt biển thì quân Nhật trước kia đã thả nhiều thủy lôi đến nỗi không có một chiếc tàu Đồng minh nào có thể tới Sài Gòn được. Các kho gạo của Nhật trước đều bị người Việt Nam phá hoại bằng cách đốt cháy hết trận này đến trận khác. Hai lần máy bay phải ném lương thực xuống. Càng ngày càng khó kiếm miếng ăn và nước khiến nhiều người phải khổ sở vì khát”.

Báo Cứu quốc số 57, ngày 03/10/1945, nhắc lại lời than thở của một Pháp kiều trong cuộc: “Sống trong cảnh tối om, mỗi người chúng tôi đều tự hỏi điều gì đã xảy ra, ngày mai ra sao...”

Trong cuốn Sài Gòn 9/1945, ký giả Trần Tấn Quốc trích dịch một phóng sự của nhà báo Pháp viết khá tỉ mỉ: “Sài Gòn không đèn, không nước, không chợ... Người Việt đàn ông, đàn bà, già, trẻ đã ra khỏi châu thành.

Sài Gòn, thành phố chết! Hòn ngọc viễn đông đã biến thành một cảnh hoang vu, không một chút nào hoạt động, xe cộ đã ngừng hẳn, không một ai ra đường.

Từ sáng đến trưa ngày 24 thì Sài Gòn được yên tĩnh. Nhưng đến xế chiều tình thế biến đổi hẳn. Một đội dân quân Việt Nam tiến theo đường Verdun<sup>2</sup> tràn xuống

---

1. Tức là cuộc chiến tranh.

2. Nay là đường Cách mạng Tháng Tám.

trung tâm Sài Gòn chiếm chợ Bến Thành, kéo thẳng đến đại lộ Bonard<sup>1</sup> xả súng bắn. Mặt khác, nhiều bộ đội vượt kênh Tàu Hủ đổ bộ lên Sài Gòn tiến thẳng về đại lộ De la Somme<sup>2</sup>.

Trong vài vùng khác, người ta cho hay có nhiều trận đánh. Người ta nghe súng nổ khắp nơi.

... Ở xa xa, nhiều đám cháy ngùn ngụt đổ trời. Một cảnh tượng bao trùm nhà hàng Continental. Rất đông đàn bà và trẻ con Pháp lánh nạn nhưng nhà hàng không còn một miếng nước, không một tia sáng của đèn điện. Ở đây thỉnh thoảng lại được tin những người Pháp lẻ tẻ bị thiệt mạng.

Những tin điện cầu cứu cứ truyền ra. Phần khác, tiếng súng không ngớt càng làm rối loạn tinh thần.

Còn Việt Minh? Hiện giờ họ chiếm đóng tất cả các khu vực ngoại ô.

Ngày 25/9, cả thành phố vẫn không nước, không lương thực. Những người Pháp chỉ còn mỗi nước là lên vào các quán cóc lụp xụp dờ dáy của Hoa kiều, tại đây may ra còn tha được vài cặp lạp xưởng với giá cắt cổ ăn với cơm.

Trong những quán cóc bẩn thỉu này, bên cạnh những anh phu bến tàu, người ta thấy nhiều vị thượng quan Pháp không còn khó tánh trước sự dờ dáy, ngồi trên những chiếc ghế đầu bằng gỗ ăn cơm bằng đũa. Ban ngày ban mặt là vậy, súp tối khó vị nào dám vào những quán cóc đó vì bên sau những lò bếp ám khói ai biết những gì núp ở đó.

Những ngày đêm này dân chúng Pháp không sao ngủ được. Họ mệt mỏi và luôn luôn xao xuyến. Tuy vậy, Đại tá Cédille vẫn tiếp tục chiến đấu cho hòa bình. Ông không ngớt cho tuần tiễu đi khắp nơi. Ông viết báo cáo kêu gọi người Việt Nam bình tĩnh và khuyên họ trở lại với việc làm. Song tất cả người Việt Nam đều đã ra khỏi thành phố. Đó là chứng chỉ lời đáp của họ...”.

Trích như vậy kể cũng dài. Nhưng đó cũng chỉ là những gì tác giả thấy được trong một không gian hẹp mà người Pháp sống. Đi dọc theo sông Sài Gòn, vùng chợ cũ, khu vực Hoa kiều và kế đó là khu vực Ấn kiều quanh chùa Chà cũng sẽ bắt gặp nhiều cảnh tượng như vậy.

\*

\* \*

Ngày 27/9/1945, cơ quan Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến Nam Bộ dời về Mỹ Tho để tương đối xa vùng có chiến sự, có thể đứng chân lâu.

---

1. Nay là đại lộ Lê Lợi.

2. Nay là đại lộ Hàm Nghi.



Trước hôm lên đường, bỗng một ý nghĩ day dứt trong lòng tôi: “Sài Gòn đang khói lửa ngút trời, hay mình hãy ở lại để trực tiếp tham gia cuộc chiến...?”. Suy nghĩ rồi đi đến quyết định dứt khoát, tôi trao đổi với anh Nguyễn Văn Nguyễn. Anh đồng ý, chúng tôi lưu luyến chia tay.

Vậy là tôi ở lại. Nhưng nên làm việc gì, ở ngành nào, thoát đầu tôi cũng chưa nghĩ đến. Trước tiên, móc nối với anh em quen biết cũ đã.

Sau khi gặp gỡ và bàn bạc với nhau, tôi cùng các anh Hoàng Dư Khương, Huỳnh Văn Một, Tô Ký..., hình thành một ý định chung là đứng ra tổ chức một đơn vị vũ trang đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng.

Ý định này có cơ sở là thực tế đang cho thấy bốn sư đoàn “dân quân cách mạng”, tuy quân đông, súng nhiều nhưng sức chiến đấu quá yếu kém nếu không nói là quá bê bối, đang tự phân rã dữ dội.

Riêng đệ nhị sư đoàn đã tan rã ngay từ đầu: Vũ Tam Anh - “Tổng tư lệnh” đệ nhị sư đoàn về đầu hàng đệ nhị phòng (2<sup>e</sup> bureau) của Pháp, rồi bày mưu cho Pháp nắm Chi đội 8 Cao Đài trở súng chống lại kháng chiến, móc nối một loạt phần tử cơ hội cùng ra làm tay sai cho giặc như Lâm Văn Phát, Trần Quang Vinh, Dương Quang Đăng, Phạm Công Tắc. Vì vậy không thể tin cậy, hy vọng ở họ nữa mà phải có những đơn vị vũ trang có hệ thống lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ do Đảng tổ chức.

Một số đơn vị do những phần tử cơ hội, lưu manh lợi dụng tình hình đứng ra tự lập và chỉ huy nay không chiến đấu mà lui về phía sau quây phá. Điển hình là “bộ đội H.T.29” của Hồng Tảo, bỏ chạy trước khi giặc đến, nhưng chạy đến đâu đều bắt dân đóng tiền cho “công quỹ”. Ở Thủ Đức, Ba Nhỏ rủ cò Tổng (trưởng công an) mang tiền, vàng và vũ khí của quận rồi dẫn “bộ đội” rút chạy. Còn những đơn vị khác cần được chấn chỉnh nhanh chóng.

Trong khi cuộc chiến đấu ở nội đô Sài Gòn đang tiếp diễn, cuối tháng 9/1945, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ quyết định thành lập thêm ba mặt trận vòng ngoài.

Mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định, còn gọi là Chiến tuyến phía bắc, kéo dài từ ngã ba sông Thị Nghè đến cầu Bông, chặn quân địch bung ra trên các trục đường 13, đường xe điện và đường bộ qua cầu Bến Phàn lên Lái Thiêu, Thủ Dầu Một, đường 1 qua cầu Tham Lương. Lực lượng chiến đấu có các đơn vị Nam tiến và các đơn vị địa phương khoảng 50 tay súng.

Mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Chợ Lớn, còn gọi là Chiến tuyến phía nam hay mặt trận đường 4, án ngữ địch tiến quân xuống miền Tây. Tại đây có bộ đội Bình Xuyên (lực lượng vũ trang thống nhất Nhà Bè), bộ đội Ba Bang (Cần Giuộc), bộ đội Bảy Trăn (Bình Chánh).

Mặt trận tiền tuyến phía tây, còn gọi là chiến tuyến Phú Lâm.

Ngoài ra trên thực tế hình thành thêm Mặt trận tiền tuyến phía tây bắc, còn gọi là Mặt trận Tham Lương vì nhiều trận đánh quyết liệt đã diễn ra ở khu vực này. Tại đây có bộ đội Huỳnh Tấn Chùa, Phạm Văn Ngồi và nhiều lực lượng nhỏ của Hóc Môn, Bà Điểm, Tân Sơn Nhì, Phú Thọ Hòa, Bà Quẹo.

Các mặt trận vòng ngoài tạo thành một vòng cung gần khép kín bao quanh Sài Gòn với thể “ngoại kích nội công” lợi hại của chiến tranh nhân dân. Có người đã ví vòng cung này chẳng khác nào “vành đai đỏ” trong những năm đấu tranh giành độc lập trước Cách mạng Tháng Tám.

Nghe các danh từ “mặt trận”, “chiến tuyến”, có thể ai đó hình dung các thành trì kiên cố, hào rộng và sâu, các phòng tuyến bố trí đủ loại vũ khí từ súng máy đến đại bác và xe tăng hạng nặng. Nhưng thực chất đây chỉ là những tuyến chiến đấu với công sự làm bằng gỗ và đất cùng mọi thứ vật dụng mà đồng bào tự nguyện lấy từ nhà mình khiêng, vác, mang đến góp cho bộ đội.

Còn người chiến sĩ, lúc đó được gọi là Vệ quốc quân, nếu chỉ căn cứ vào hình thức bên ngoài thì thật khó nói đó là con nhà binh. Quần áo thì đủ bộ: Xanh công nhân, bà ba đen, quần soọc áo sơ mi cộc tay... Giày dép cũng đủ loại: Giày da đi dạo phố, dép xe kéo, lại không ít anh em đi chân đất (ở đây không nói tới chỉ huy các sư đoàn mặc cả quân phục của sĩ quan Pháp và Nhật, đi ủng cao cổ, kiếm Nhật kè kè bên hông).

Vũ khí cũng hỗn hợp của đủ các nước trên thế giới, từ Pháp, Nhật, Nga đến Mỹ, Anh, Tiệp..., dài có, ngắn có và đặc biệt rất ít đạn. Đại bộ phận cán bộ cũng như chiến sĩ trang bị lựu đạn chày, sang lăm thì được khẩu hai nòng, còn không thì gậy tầm vông vạt nhọn kèm theo cuộn dây thừng.

Với Sài Gòn - Chợ Lớn và cả Nam Bộ là “máu của máu Việt Nam, thịt của thịt Việt Nam”, nên trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, cả nước cùng hướng về đây như hướng về phần máu thịt thiêng liêng nhất của mình. Sài Gòn - Chợ Lớn trở thành nơi hội tụ của cả nước.

Về sau mấy cán bộ từ miền Bắc vào công tác nói lại cho tôi biết: Sáng ngày 23/9/1945, đông đảo đồng bào Hà Nội đã hay tin giặc Pháp gây chiến ở Sài Gòn, ùn ùn đổ ra các phố, đến trước các phòng thông tin đợi nghe thêm tin tức, gặp nhau thì câu đầu miệng là hỏi về tình hình trong đó. Ở các địa phương khác cũng vậy. Không khí chung là hừng hực căm thù. Nhiều người, không cứ là thanh niên, không cứ là nam giới, rạo rực muốn có mặt ngay tại Sài Gòn để moi gan móc ruột quân thù.

Ngày 26/9/1945, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ, trong đó Người không quên nói đến tấm lòng ruột thịt tha thiết của đồng bào toàn quốc đối với Sài Gòn - Chợ Lớn và Nam Bộ.

Hồ Chủ tịch và Chính phủ lâm thời quyết định cử những đoàn quân Nam tiến, nhanh chóng chi viện cho Sài Gòn.

Muốn tổ chức các đoàn quân Nam tiến, phải lo giải quyết hai vấn đề chính là người và vũ khí. Còn một số vấn đề khác cũng cần chú ý như nguồn cung cấp, huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật, nhưng không quan trọng bằng.

Về người, có thể nói vắn tắt là “cần một, có mười”. Các “Phòng Nam Bộ” đẩy áp người đến ghi tên tình nguyện Nam tiến. Họ thuộc đủ các thành phần xã hội, các lứa tuổi. Hai nhà sư Nguyễn Châu và Giác Thuyên từ Đông Triều (Quảng Ninh) lên Hà Nội yết kiến Hồ Chủ tịch để xin cho trung đội sư tăng lên đường giết giặc<sup>1</sup>. Bà Trần Thị Thanh Lệ ở Hà Nội, cắt búi tóc cho ngắn gọn để xin được tòng quân. Học sinh nhiều trường bãi học vì phong trào “Xếp bút nghiên” đang dấy lên rầm rộ.

Ngày 26/9, đơn vị Nam tiến đầu tiên đã có thể xuất phát từ ga xe lửa Hàng Cỏ (Hà Nội). Từ đó, ngày nào cũng có chuyến tàu chở quân hồi hải bằng về phương Nam. Suốt cuộc hành trình, anh em hát vang bài: *Tiếng súng vang sông núi miền Nam, Âm đất nước Việt Nam, Ta muốn băng mình tới phương Nam, Xé xác quân tham tàn...* Tàu dừng ở ga nào cũng có đồng bào đón sẵn và tặng bánh trái, lương thực.

Chỉ một thời gian ngắn, mỗi tỉnh phía Bắc đều có một, hai chi đội Nam tiến. Quân số mỗi chi đội thường tương đương trung đoàn sau này, nhưng cũng có chi đội chỉ tương đương tiểu đoàn, đại đội.

Cũng không quên nhắc đến tỉnh Quảng Ngãi, quê hương của đội du kích Ba Tơ, với sự nỗ lực cao nhất đã xin được gửi vào Nam mười chi đội đã qua huấn luyện cơ bản<sup>2</sup>.

Chi đội Nam Long vào sớm nhất, đã tham gia chiến đấu ở mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định. Năm đó anh Nam Long cũng mới hăm mấy tuổi, là chiến sĩ bảo vệ tin cẩn của Hồ Chủ tịch từ Việt Bắc cho đến khi về Hà Nội. Anh hăng lắm nên đánh bạo xin Bác vào Nam tiến. Bác đồng ý. Vậy là anh lên đường ngay và được chỉ định làm Chi đội trưởng, vừa hành quân, vừa nắm tình hình đơn vị. Hiện nay anh là Trung tướng, nghỉ hưu ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy là

---

1. Trung đội sư tăng này thuộc đệ tứ chiến khu, đã được huấn luyện quân sự và hoạt động trong thời kỳ tiền khởi nghĩa.

2. Từ ngày 23/10/1945, quân Pháp mở rộng chiến tranh, do đó các đơn vị Nam tiến phần lớn dừng lại chiến đấu ở cực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên chứ không vào Nam Bộ nữa.

một lão tướng từng trải với ba mươi mấy năm trận mạc, anh vẫn thích nhắc đến những trận đánh vỡ lòng ở căn cứ Việt Bắc và ở thành phố mang tên Bác với nhiều kỷ niệm sâu sắc không thể quên.

Cũng trong cuối tháng 9/1945, lực lượng vũ trang của các tỉnh miền Tây đang lúc mới hình thành cũng cấp tốc cử một tiểu đội đến một trung đội lên góp lửa với Sài Gòn - Chợ Lớn, chủ yếu ở mặt trận đường 4 và mặt trận phía tây. Do chưa có kinh nghiệm chiến đấu và tổ chức chặt chẽ, anh em không trụ lại được lâu.

Đầu tháng 10/1945, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ huy động các phân đội của Tân An, Mỹ Tho, Cần Thơ và Rạch Giá theo quốc lộ 4 đánh vào Phú Lâm nhưng trận đánh không thành công.

Các tỉnh miền Đông, càng gần gũi với Sài Gòn - Chợ Lớn đã sát cánh chiến đấu ngay từ những ngày đầu.

Tỉnh Biên Hòa với thành tích một tháng mở được hai lớp đào tạo cán bộ tiểu đội, trung đội tại Trại huấn luyện du kích Bình Đa - Vĩnh Cửu, cử một phân đội chiến đấu tại cầu Bình Lợi bên cạnh bộ đội Nam tiến.

Ở chiến tuyến cầu Bến Phân và chiến tuyến cầu Bông, trong lực lượng chi viện cho Sài Gòn - Chợ Lớn của tỉnh Thủ Dầu Một có nhiều anh em “Việt Nam mới” người Xtiêng, Chăm, Khmer bên cạnh anh em người Việt. Vũ khí của anh em là cung nỏ.

Có một việc xảy ra, lúc đó hơi căng thẳng, nhưng bây giờ gần một nửa thế kỷ trôi qua nhắc lại coi như một mẩu chuyện vui. Số là trong một trận đánh, quân Pháp bắn đạn đum đum nên nghe tiếng nổ ở phía sau. Vậy mà anh em “Việt Nam mới” cho là đồng đội người Việt chơi không tốt, bắn vào lưng mình, bèn rủ nhau bỏ về. Lúc ấy tôi đang có mặt tại đó, tôi cùng các đồng chí chỉ huy giải thích hồi lâu anh em mới thông và ở lại tiếp tục đánh giặc. Giặc rất ngán những mũi tên bay đến mục tiêu “không cần lên tiếng” của chiến sĩ “Việt Nam mới”.

\*

\*      \*

Ngày 15/10/1945, Xứ ủy lâm thời tiến hành hội nghị tại ấp Cầu Vẽ, ngoại vi thị xã Mỹ Tho. Tham gia cuộc hội nghị có Hoàng Quốc Việt - đại diện Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Ung Văn Khiêm - Bí thư Xứ ủy, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Kính, Nguyễn Thị Thập, Lê Văn Sô, Huỳnh Phan Hộ, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Trần Ngọc Danh, Phạm Hùng và Nguyễn Văn Vịnh. Trần Văn Giàu không có mặt.

Ý nghĩa lịch sử của hội nghị này là cho tới hôm nay, Nam Bộ mới có được một xứ ủy thống nhất trên cơ sở giải thể cả hai xứ ủy Tiền phong, Giải phóng và bầu cử dân chủ. Xứ ủy mới gồm 11 ủy viên, trong đó có các đồng chí ở hai xứ ủy cũ và các đồng chí vừa từ Côn Đảo về. Theo một số đồng chí nói lại thì lần đó hội nghị nhất trí cử bác Tôn làm Bí thư Xứ ủy, nhưng bác khiêm tốn từ chối không muốn nhận trọng trách này.

Hội nghị cũng quyết định thống nhất các tỉnh ủy ở những nơi đang có hai tỉnh ủy và chỉ định một số bí thư tỉnh ủy<sup>1</sup>.

Mặt trận Việt Minh cũng được kiện toàn, trong đó Thanh niên Tiền phong coi như đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử, giới thanh niên được tập hợp trong Đoàn Thanh niên cứu quốc.

Nội dung thứ hai được thảo luận kỹ là vấn đề tác chiến. Hội nghị phê phán cách đánh lập phòng tuyến, dàn hàng ngang cản địch là không thích hợp và quyết định lấy “đấu tranh du kích” làm chính.

Đúng như vậy. Và trường hợp chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và người cuối cùng tuy đáng khâm phục về tinh thần nhưng không lợi cho việc xây dựng, phát triển lực lượng, như trường hợp tiểu đội bảo vệ cột cờ Thủ Ngữ hay như hai phân đội của Hồ và Bảy Thuởng ở chiến tuyến Thị Nghè.

Còn cách đánh du kích thật ra đã xuất hiện ở mặt trận nội đô từ ngày đầu có chiến tranh. Có thể nêu vài ba trận đánh, chủ yếu bằng mưu mẹo:

- Một tài xế người Việt, nhận làm việc cho một viên chức cao cấp Pháp - Một hôm, anh chở nó qua Cầu Kho có việc, đến con hẻm, anh giả đồ nghệt xăng và ngưng xe lại. “Việt Minh” là đồng đội của anh đã phục sẵn, cùng anh kết liễu đời tên Pháp thực dân rồi mò lưng lấy súng.

- Còn Sáu Cúc là gái điểm ở Chợ Đũi, dùng kế mỹ nhân dụ một tên lính Pháp đi theo. Một tự vệ đã đợi sẵn, lụi ngay mũi mác nhọn vào rốn nó. Nó ôm mũi mác mà té chúi nhủi trước khi chết.

Trở lại những ngày đầu tháng 10.

Sau một tuần lễ chiếm đóng được dăm bảy công sở trong thành phố và nhiều lần định dựa vào lực lượng quân Anh, quân Nhật cùng phá vỡ vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn nhưng đều thất bại, bọn Pháp tự thấy đã lâm vào cảnh khốn đốn, nguy nan

---

1. Nguyễn Thành A - Bí thư Tỉnh ủy Tân An, Nguyễn Văn Trọng - Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho, Nguyễn Văn Côn - Bí thư Tỉnh ủy Gò Công, Nguyễn Tấn - Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre, Trần Thị Nhung - Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc...

với chiều hướng ngày một tăng. Ngày 02/10/1945, bọn Pháp phải nhờ quân Anh đứng làm trung gian điều đình với ta. Tuy thừa biết Pháp điều đình chỉ cốt để hoãn binh chờ cứu viện đang trên đường đến Đông Dương mà Đại tá Cédille đại diện cho Pháp ở Sài Gòn không đủ thẩm quyền điều đình, nhưng ta vẫn nhận lời để tỏ cho Đồng minh biết là ta có thiện chí.

Trước đó, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền Trần Huy Liệu, thay mặt Chính phủ lâm thời, đã có chỉ thị cho Ủy ban kháng chiến Nam Bộ trong khi điều đình phải đòi cho được ba điều:

- 1/ Thừa nhận Việt Nam độc lập.
- 2/ Thừa nhận Chính phủ dân chủ cộng hòa do Cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.
- 3/ Đình chỉ các vụ bắt giết.

Sáng 02/10, hai đại diện bên ta là Phạm Văn Bạch và Phạm Ngọc Thạch gặp Cédille và Repiton Preneuf, cả hai cùng là đại tá Pháp. Tướng Gracey - Trưởng phái bộ Anh được mời dự.

Vào đầu cuộc họp, hai bên thỏa thuận là sẽ ngưng bắn ngay để tạo điều kiện cho việc điều đình. Nhưng khi thật sự đi vào thảo luận, thì ý kiến thường khác nhau xa. Cédille đưa ra một danh sách những tên Pháp bị ta bắt giữ và xin được thả (kỳ thật số đông đã tử trận). Ta cho biết, chính quân Pháp khai chiến trước nên những người Pháp bị chết, bị mất tích hay bị bắt thì Ủy ban kháng chiến Nam Bộ đều hoàn toàn không chịu trách nhiệm. Nhưng nếu cuộc điều đình tiến triển tốt thì ta sẽ điều tra giúp số người Pháp còn sống sót đang bị giam giữ.

Cédille thừa nhận sáng 23/9 Pháp đã nhờ quân Anh giúp đỡ để đánh úp ta. Ta đòi thiết lập lại chính quyền ở Sài Gòn - Chợ Lớn nguyên như trước ngày 23/9 và phải có một đội cảnh binh toàn người Việt Nam. Cédille xin để trả lời sau.

Ta cho biết trong khi chờ đợi bên Pháp trả lời, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ vẫn tiếp tục chủ trương triệt để tổng đình công và bất hợp tác.

Đêm 06/10/1945, lại gặp gỡ nhau lần thứ hai, ta nêu mấy yêu sách:

- Đưa tình hình trở lại như trước ngày 23/9.
- Định rõ trách nhiệm cuộc xung đột này thuộc về ai.
- Quân Pháp phải giải giáp và người Pháp phải ở cả vào một khu quy định nhất định như trước ngày 23/9.
- Quân đội Pháp không được đổ bộ thêm lên Việt Nam.
- Thả ngay những người bị Pháp bắt.



Cédille lại nêu vấn đề những người Pháp bị bắt, bị mất tích và ngỏ ý muốn giữ chủ quyền Pháp ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

Về các yêu sách của ta, Cédille ngăn ngừa, đoàn đại biểu ta cho biết ngay là nếu hai bên không thỏa thuận được thì sẽ không có cuộc gặp gỡ lần thứ ba nữa, chiến tranh lại tiếp tục. Cédille nài thêm 48 tiếng đồng hồ đình chiến nữa với cơ để có đủ thì giờ nghiên cứu các yêu sách của ta. Như vậy đến 10 giờ ngày 08/10 sẽ hết hạn đình chiến.

Tuy vậy, 15 giờ ngày hôm đó, đại biểu ta lại đồng ý gặp Cédille lần thứ ba. Cédille vẫn tiếp tục giữ lập trường cũ, còn đối với những yêu sách của ta thì cho biết ý định sẽ đề đạt lên thượng cấp ở Calcutta (Ấn Độ) xét sau. Một lần nữa Cédille lại tìm cách hoãn chiến.

Hỗ trợ đắc lực cho Cédille, tướng Anh Gracey hết hăm dọa sẽ dùng võ lực đàn áp Quân đội Việt Nam nếu có việc gì xảy ra đối với quân Anh, lại quay ra mềm dẻo vì thấy đoàn đại biểu ta rất “cứng cựa”. Gracey đề nghị kéo dài thời gian đình chiến thêm 48 tiếng đồng hồ nữa, ta chấp thuận và nói rằng đây là lần cuối cùng.

Đúng là bọn Pháp điều đình chỉ cốt để hoãn binh.

Ngày 03/10, một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5<sup>e</sup> RIC) đến Sài Gòn.

Ngày 05/10, Đại tướng Leclerc, với chức danh Tổng Tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại Đông Dương, từ bản doanh ở Chandernagor (Ấn Độ), đáp máy bay tới Sài Gòn. Chức danh này của Leclerc được De Gaulle phong cho ngày 17/8/1945, hai ngày sau khi nước Nhật đầu hàng Đồng minh.

Báo chí tường thuật, Leclerc hạ cánh xuống phi trường Tân Sơn Nhất trong lúc trời mưa tầm tã. Nhưng sau đó họ lơ không tường thuật những hành động hiếu chiến của y như thế nào. Leclerc lập tổng hành dinh trong vòng rào của quân Anh, không quan tâm gì đến cuộc đàm phán cả. Việc làm tiếp ngay sau đó là vạch kế hoạch phá vòng vây và tấn công ta.

Trong thời gian này, lữ đoàn cuối cùng của Sư đoàn 20 Hoàng gia Anh do Gracey chỉ huy cũng đến Sài Gòn. Tương quan lực lượng lại thay đổi lớn có lợi cho địch, vì từ ngày 10/10 trở đi cả quân Anh và quân Nhật theo lệnh của Gracey bắt đầu ra mặt phối hợp tác chiến với quân Pháp mà không cần che đậy như trước.

Ngày 12/10, quân Anh đã dùng lực lượng mạnh tiến chiếm Gia Định và Gò Vấp.

Ngày 17/10, quân Anh lại tấn công lên Gò Vấp, nhưng lần này bị đánh đau, bỏ lại chiến trường hơn 100 xác chết, 5 xe thiết giáp và tháo chạy.

Cũng từ ngày 10 trở đi, hoạt động của ta dồn dập hơn trước.



Ngày 13/10, quân ta đánh ở Cầu Hang (Gò Vấp) diệt được nhiều tên và đoạt 2 xe thiết giáp.

Ngày 14/10, ta kịch chiến với quân Nhật tại Chợ Lớn và Phú Lâm, quân Nhật bị thiệt hại lớn.

Đêm 15/10, ta tập kích các đội quân Anh canh gác sân bay Tân Sơn Nhất và đốt cháy chiếc tàu Pháp Alerte vừa cập bến Sài Gòn.

Ngày 18/10, hai phân đội của Hai Hồ và Bảy Trường chiến đấu hy sinh đến người cuối cùng, bẻ gãy nhiều đợt tiến công của quân Pháp có tàu chiến, xe tăng và pháo binh yểm trợ định chọc thủng phòng tuyến ta ở Thị Nghè. Cuối cùng địch phải rút quân. Báo chí lúc đó đưa ra số quân Pháp bị diệt là 500 tên.

Tóm lại, tình hình quân Pháp ở Sài Gòn - Chợ Lớn vẫn căng thẳng, khốn đốn, mặc dầu vòng vây của ta có nới rộng chút ít. Quân Pháp đã phải tổ chức một số cuộc đột kích chớp nhoáng ra các vùng ngoại thành như Tân Bình, Bà Chiểu, Gò Vấp, Thủ Đức để cướp gà, vịt, heo, bò rồi rút nhanh về. Đồng bào ở các vùng này vì vậy cũng được hướng dẫn tản cư đi nơi khác an toàn hơn phòng khi chiến sự lan tới.

Cho tới ngày 23/10/1945, binh đoàn thiết giáp do tướng Massu chỉ huy, chủ lực quân của đội quân viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, đặt gót đến Sài Gòn. Quân Anh trang bị thêm cho binh đoàn này các phương tiện chiến đấu trên sông như chiến hạm nhỏ, canon, phao...

Leclerc tuyên bố rằng đây chưa phải là những đơn vị cuối cùng đến Sài Gòn. Nhưng với lực lượng đang có trong tay, quân Pháp cộng cả quân Anh và quân Nhật, đã mạnh hơn ta gấp bội.

Ngày 23/10, Leclerc cho thực hiện ngay kế hoạch tấn công đã vạch ra.

Từ 23/9 đến 23/10, đúng một tháng, quân dân ta vây hãm địch trong Sài Gòn - Chợ Lớn và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ với tinh thần chủ động, quyết tâm chiến đấu cao.

Toàn quốc tin tưởng, thương yêu hướng về Sài Gòn - Chợ Lớn, thành phố phương Nam “đi trước” để “về sau”.

Trong một tháng quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn vây hãm địch, các địa phương khác trong toàn Nam Bộ cũng như cực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên có được một thời gian quý báu để ra sức chuẩn bị mọi mặt đối phó với tình hình khi chiến tranh lan đến. Đó là đóng góp rất lớn của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn thân thương.

### CHƯƠNG III

## Nam Bộ trong cuộc tấn côngồ ạt của quân Pháp

Cuộc tấn công của quân Pháp khởi đầu từ ngày 23/10/1945.

Khi binh đoàn thiết giáp Massu đến Sài Gòn, lực lượng quân Pháp lên tới 6.000. Bên cạnh đó là 20.000 quân Anh và 40.000 quân Nhật, cộng lại gấp mười lần lực lượng Pháp. Số quân này đủ đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch tấn công ba giai đoạn của Leclerc:

- Phá vỡ vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn, làm chủ thành phố.
- Mở rộng chiếm đóng toàn Nam Bộ và Nam Trung Bộ.
- Tiến hành bình định.

Theo Leclerc, đây không phải là một kế hoạch phiêu lưu mà có tính toán, hoạch định hẳn hoi. Tin tưởng với kế hoạch của mình và với chiến lược cổ truyền của các đội quân xâm lược “tốc chiến, tốc thắng”, ông ta tuyên bố “Sau ba tháng sẽ bình định xong Nam Kỳ”.

Sơ lược diễn biến những ngày đầu như sau:

23/10: Quân Anh khởi sự cho việc phá vây bằng trận đánh thốc lên Thủ Dầu Một, phía bắc Sài Gòn.

25/10: Quân Pháp đánh chiếm Biên Hòa, phía đông bắc Sài Gòn.

Cùng ngày, cuộc hành quân mang tên Moussac về hướng đồng bằng sông Cửu Long, bắt đầu do Đại tá Massu chỉ huy.

Quân Nhật được phân công đi trước dọn đường dọc quốc lộ 4. Để hoàn thành nhiệm vụ, chúng sục vô nhà dân lôi người ra sửa lộ và tiện thể cướp của luôn. Chúng được phép tự do đốt nhà, vì vậy chúng đi tới đâu là lửa cháy ngùn ngụt tới đó.

Xe tăng quân Pháp đi sau, vượt qua hỏa lực súng nhẹ của ta không khó khăn lắm mặc dầu ở cầu Bình Diên, cầu Bến Lức..., ta đều có những tổ mai phục.

Theo đường sông, hai chiến hạm Pháp là Richelieu và Triomphant từ Cần Giò qua sông Soài Rạp tiến xuống Gò Công, hợp điểm tại đây với một mũi bộ binh hành quân từ Sài Gòn theo liên tỉnh lộ 5.

Đêm 25/10, hai chiến hạm vừa nói ở trên chở quân lên đánh chiếm thị xã Mỹ Tho. Mũi bộ binh, xe tăng đi theo lộ 4 mãi 10 giờ sáng ngày hôm sau mới đến, do cầu Tân Hương đã bị ta gỡ hết ván.

Đến đây, các cánh quân bộc lộ rõ nhược điểm là hành quân rất chậm và thường bị tiêu hao nhiều lần trước khi đến đích, quân Pháp cấp tốc thành lập một binh chủng mới là “hạm đội nhỏ trên sông” (Flottille Fluvide). Hạm đội nhỏ trên sông sẽ đóng vai trò chủ công trong việc đánh chiếm các tỉnh còn lại ở châu thổ sông Cửu Long. Chính vai trò của binh chủng thủy quân đã chiến trên hai chiến hạm Richelieu và Triomphant đã thể hiện rõ trong đợt tiến công đầu tiên.

29/10: Sau hai ngày cho tàu chiến từ Mỹ Thuận chạy dọc theo sông Cổ Chiên thăm dò, chúng đổ bộ đánh chiếm Vĩnh Long.

30/10: Cũng bằng tàu chiến, chúng đổ quân đánh chiếm Cần Thơ.

Tất nhiên, địch đã gặp sự chống cự của quân và dân ta, có nơi quyết liệt. Nhưng với lực lượng mạnh áp đảo, nhìn chung cuộc chinh phạt của chúng gọn ghẽ, đúng bài bản đã được định trước.

Ta thử coi lại một tháng Sài Gòn - Chợ Lớn bao vây địch, các tỉnh miền Tây đã làm được những gì để chuẩn bị vào cuộc chiến.

Có nhiều việc phải làm và đã làm được. Nhưng hãy chỉ nói riêng về mặt chuẩn bị lực lượng.

Ở Chợ Lớn cũng như ở Tân An, hàng chục ngàn người đã mang dao, cuốc, leng ra đốn cây, xẻ rãnh, đắp mô trên quốc lộ 4 và liên tỉnh lộ 5. Năm, sáu chục chiếc ghe chài chở đất làm cản trên kênh Nước Mặn và Rạch Cát. Hàng trăm xuồng ghe được kết lại bằng dây cáp chặn ngang sông. Trạm tù và ở các cầu và từng đoạn lộ sẵn sàng báo động khi có địch.

Mỹ Tho lập khoảng 15 phòng tuyến ngăn địch, đánh sập hoặc gỡ ván các cầu, phá hoại lộ 4 đi Sài Gòn, lộ 24 đi Gò Công, lộ 28 đi Cai Lậy, nhận chìm một số ghe chài, xà lan và một trăm cây giá tị (lấy được của Nhật) ở sông Ba Rày để cản tàu. Các binh công xưởng thành lập, bắt tay sản xuất lựu đạn chày và sửa súng ngay. Đồng Tháp Mười được chọn làm căn cứ. Còn nhân dân sẵn sàng tiêu thổ kháng chiến, tản cư khỏi các thị xã, thị trấn.

Gò Công được Ủy ban kháng chiến Nam Bộ giao cho nhiều vật liệu, máy móc lấy ở hãng Xáng Mỹ Tho để thành lập binh công xưởng (binh công xưởng này

hơi công kênh), đã sản xuất được nhiều lựu đạn. Ngoài lực lượng chiến đấu tại chỗ là du kích tự vệ, cộng hòa tự vệ và cộng hòa vệ binh tỉnh, Gò Công được tăng cường một bộ phận Cộng hòa vệ binh Nam Bộ (Đệ nhất sư đoàn dân quân cách mạng) do Phó Tư lệnh Trương Văn Giàu chỉ huy. Theo lệnh của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ, bộ phận này có nhiệm vụ cản bước tiến của địch trên lộ 5 cũng như trên đường thủy đi Hậu Giang. Trong các phòng tuyến đã được xác lập, Cộng hòa vệ binh Nam Bộ chọn Cầu Nổi làm điểm phòng ngự chủ yếu.

Anh Trương Văn Giàu chính quê ở chợ Giồng Gò Công. Anh lưu lạc lên Sài Gòn tìm kế sanh nhai, hết làm loong toong cho các hãng dầu Shell lại làm thợ cho hãng ô tô Citroen rồi vào lính khố xanh lên tới chức quản. Nhưng nay anh trở về quê cũng còn rất trẻ, mới tuổi hăm ba.

Nội bộ cán bộ Gò Công không nhất trí với nhau trong việc thực hiện vườn không nhà trống, nên cuối cùng chỉ phá một số ngôi nhà lớn ở thị xã, cầu đường vẫn còn nguyên vẹn.

Ngược lại, công tác phá hoại ở Vĩnh Long được thực hiện triệt để với tinh thần “không chừa lại một thứ gì địch có thể lợi dụng được”. Trên các trục đường bộ, cây lớn, cây nhỏ đều bị hạ chặt làm vật ngăn địch; mặt đường bị đào đứt hoặc thành nhiều hố nham nhở. Trên từng đoạn sông Cổ Chiên, Long Hồ, Măng Thít, nhân dân làm một số cản rất chắc chắn. Trong lúc các cơ quan dời về ngã tư Long Hồ (trên lộ Vĩnh Long - Trà Vinh), dân chúng được lệnh tản cư, thì lực lượng vũ trang được chuẩn bị trước về vũ khí và lương thực, kiên quyết ở lại nghinh chiến với địch. Anh em bố trí thành nhiều phòng tuyến trên cả ba trục lộ Vĩnh Long - Cần Thơ, Vĩnh Long - Trà Vinh, Vĩnh Long - Sa Đéc.

Nếu ở một số tỉnh còn tình trạng các đơn vị độc lập tác chiến không phối hợp chặt chẽ với nhau thì ở Cần Thơ lúc này có “Bộ tham mưu” là cơ quan chỉ huy thống nhất các lực lượng cộng hòa vệ binh, du kích, các bộ đội. Thực chất “Bộ tham mưu” là Ban Chỉ huy quân sự.

Trong Ủy ban kháng chiến Hậu Giang (gồm tất cả các tỉnh miền Tây), anh Trần Văn Khéo làm Chủ tịch, còn anh Huỳnh Phan Hộ làm Phó Chủ tịch kiêm Ủy viên quân sự. Anh Hộ rất xông xáo, thời gian phần nhiều dành để đi kiểm tra các phòng tuyến, kiểm tra việc di chuyển máy móc, cơ sở binh công xưởng về nông thôn.

Khi địch chiếm Mỹ Tho thì Cần Thơ bắt đầu có lệnh tản cư và có kế hoạch phá hoại nhà đèn, nhà máy nước, nhà bưu điện... Tiếc rằng đêm 29/10, quân Nhật được lệnh của quân Anh đã đến gác ở những nơi đó nên ta không thể thực hiện được việc phá hoại.

Như vậy, có thể khẳng định là khi địch tấn công đến ta không bị bất ngờ. Duy có chiến thuật phòng ngự theo kiểu dàn hàng ngang thành nhiều chiến tuyến là cách đánh không phù hợp.

Mặt trận đường 4 bị vỡ sớm, nhưng Tư lệnh Dương Văn Dương kêu gọi binh sĩ Bình Xuyên “Hãy tỏ rõ mình là người chiến sĩ cách mạng”, nên đơn vị Bình Xuyên vẫn còn nguyên, sau đó thì lui xuống Rừng Sác lập căn cứ kháng chiến.

Trên quốc lộ 4, quân Nhật tiến với tốc độ chậm như rùa vì phải đối phó với quân ta. Trong một ngày, mới đầu chúng chỉ đi được 20km. Ở khu vực Cần Giuộc - Cần Đước (Tân An), địch bị chặn đánh cả trên bộ và dưới sông, một tuần lễ sau chúng mới hoàn thành việc chiếm đóng.

Ở Gò Công, hai chiến hạm Richelieu và Triomphant đến lớn vồn ở bến phà Cầu Nối (cách thị xã 12km) rồi tiến vào định đổ bộ nhưng lại phải lùi ra giữa sông vì gặp phải hỏa lực của ta. Hơn một tiếng đồng hồ sau đó chúng thấy bên ta im ắng nên lại cho tàu cập bờ đổ bộ. Nhưng mới đặt chân lên bờ, chúng phải xô đẩy nhau nhẩy ào xuống tàu trở lại, vì ta bắn tới tấp. Ít nhất có ba lính Pháp đền mạng, một tàu đổ bộ của chúng bị lật chìm.

Sau đó, do cân nhắc lực lượng ta mỏng, địch đông và hỏa lực mạnh, đầu tiếp tục chiến đấu cũng khó giữ vững phòng tuyến, trên cho các đơn vị rút về sau. Vì vậy sáng hôm sau địch đổ quân lên được Cầu Nối.

Ngày 26/10, địch từ Cầu Nối vào và từ Mỹ Tho xuống chiếm được thị xã Gò Công. Chúng bị chặn đánh ở nhiều nơi. Ngay đêm đó cộng hòa tự vệ táo bạo tập kích bằng cách dỡ ngói ném lựu đạn vào các nhà có lính ngủ (góc nhà thương thị xã) gây thương vong cho chúng.

Hơn một tháng sau khi chiếm được thị xã, địch chỉ loanh quanh tại khu vực trung tâm, vài ba lần dè dặt hành quân ra vùng ngoại ô đều bị du kích chặn đánh. Ngày 20/12/1945, hai tên lính Pháp vô làng Tân Duân Trung cướp heo, một tên bị đồng bào ta giết chết. Hôm sau, để trả thù, chúng phải mở cuộc càn lớn giết sáu đồng bào ta, cắt đầu bêu cọc và đốt trụi hơn 200 căn nhà làng Tân Duân Đông.

Lực lượng vũ trang Vĩnh Long bám địch đánh gần ba tháng trời chúng mới hoàn toàn chiếm được thị xã. Trận Cầu Lầu là trận đánh trên đường ta rút quân, 2 tên Pháp bị diệt và 3 tên khác bị thương. Trận Cầu Ông Me (Long Hồ) sau đó, ta đánh địch suốt một ngày trời diệt một tiểu đội lính Pháp và làm bị thương nhiều tên khác, đoạt 10 súng trường, 1 súng cối 60 ly và 6 trái lựu đạn.

Tại Cần Thơ, 1 trung đội cộng hòa vệ binh chống cự quyết liệt với cánh quân địch ở Cầu Đôi Cái Khế. Khi chúng tiến vào thành phố, 1 đại đội cộng hòa vệ binh và du kích phòng thủ tại cầu Tham Tướng cầm cự suốt cả tiếng đồng hồ, chúng không dám lên. Về sau địch tăng thêm quân đánh bọc hậu và cho pháo hạm bắn bên hông trận địa, trên cho đơn vị rút về phía Cái Răng để bảo toàn lực lượng.

Chùng đó sự việc, chùng đó trận đánh không thể nói lên đầy đủ tinh thần chiến đấu của quân ta. Ở đâu cũng có gương dũng cảm ngoan cường rất đáng cảm phục. Nhưng qua đó ta cũng nhận thấy đúng là lực lượng vũ trang ta lúc này còn quá non kém. Rồi đây cùng với thời gian, ta phải dần dần khắc phục những mặt non kém, chuyển yếu thành mạnh, đang đưa cuộc kháng chiến tiến tới.

\*  
\*   \*  
\*

Tuy muốn đánh nhanh và giải quyết nhanh, đến đây quân Pháp vẫn buộc phải dừng nửa chừng để củng cố và chờ thêm viện binh. Nhiều vùng nông thôn của ta, kể cả các tỉnh đã tạm bị chiếm, vẫn chưa bị địch đặt chân đến. Trong điều kiện như vậy, trong ba tháng cuối năm 1945, bên ta có mấy sự kiện quan trọng cần ghi lại.

Ngày 25/10/1945, Xứ ủy Nam Bộ mở hội nghị đại biểu các tỉnh, thành gần chợ Thiên Hộ (làng Hậu Mỹ, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho). Đây là hội nghị đông nhất so với trước. Ngoài đồng chí Hoàng Quốc Việt - Đại diện Ban Thường vụ Trung ương Đảng, còn có một số đồng chí vừa ở nhà tù Côn Đảo về.

Hội nghị nhận định tình hình và rút ra những ưu điểm, khuyết điểm về chỉ đạo kháng chiến từ sau hội nghị Cây Mai (23/9/1945). Nhiều ý kiến phê phán những lệch lạc trong việc xây dựng lực lượng vũ trang sau Cách mạng Tháng Tám và đề ra nguyên tắc Đảng phải nắm chắc lực lượng vũ trang. Hội nghị quyết định phải gấp rút xây dựng lực lượng quân sự, chính trị rộng khắp lấy du kích chiến là chính, làm vườn không nhà trống, đẩy mạnh công tác trừ gian, xây dựng cơ sở bí mật trong các thành phố, thị xã bị địch chiếm, khôi phục chính quyền ở những nơi bị tan vỡ.

“Những lệch lạc trong việc xây dựng lực lượng vũ trang sau Cách mạng Tháng Tám” mà hội nghị nêu ra, chủ yếu nói về bốn sư đoàn dân quân cách mạng. Trước đây chưa lâu có người chưa nhận ra hoặc bệnh vực, bào chữa cho nó. Nhưng đến nay thì mọi việc đều rõ ràng.

Đệ nhất sư đoàn, còn gọi là cộng hòa vệ binh do Kiều Công Cung và Trương Văn Giàu chỉ huy, có khoảng 10.000 quân và 2.600 súng<sup>1</sup>. Gốc của nó là ba lữ đoàn

---

1. Có tài liệu ghi 400 súng.



bảo an binh, sau đó thu nhận thêm công nhân, nông dân, học sinh, cựu binh sĩ. Cộng hòa vệ binh có hệ thống xuống các tỉnh là những đơn vị bảo an binh cải tổ<sup>1</sup>.

Qua thử lửa đoàn quân này bị phiêu bạt lung tung, nhiều phân đội nhỏ chạy về sáp nhập vào các bộ đội khác của địa phương.

Một bộ phận do Trương Văn Giàu đưa về hoạt động ở Gò Công, như đã có nói ở phần trước.

Một bộ phận do Kiều Công Cung dẫn về Sa Đéc, có một số hành động mất lòng địa phương như buộc lực lượng vũ trang của tỉnh sáp nhập vào cộng hòa vệ binh, bắt chính quyền cung ứng lương thực, thực phẩm đúng thời hạn, dung túng cho binh lính đi quấy nhiễu. Khi quân Pháp uy hiếp thị xã Sa Đéc, bộ phận này tiếp tục rút xuống U Minh, Cà Mau.

Đệ nhị sư đoàn, thành phần là giáo dân Cao Đài, phái Tây Ninh, có 10.000 quân nhưng vũ khí thì kém, khoảng 100 súng mà thôi. Sự tan rã của sư đoàn này xảy ra quá sớm, từ đầu tháng 9/1945, ngay khi quân Anh lên tiếng đòi tước vũ khí bộ đội Việt Nam. Tên Vũ Tam Anh - đảng viên Đại Việt, chỉ huy sư đoàn đầu hàng địch, làm việc cho phòng nhì Pháp (2<sup>e</sup> bureau) rồi trở lại móc nối, lôi cuốn một loạt phần tử cơ hội cùng ra làm tay sai cho địch như: Lâm Văn Phát, Trần Quang Vinh, Dương Quang Đăng, Phạm Công Tắc...

Đệ tam sư đoàn, do Nguyễn Hòa Hiệp - một nhân viên hiến binh cũ của Nhật chỉ huy. Quân số 6.000<sup>2</sup>, súng trên 400. Nói cho công bằng, sư đoàn này có đánh được vài trận ở vùng ngoại ô, nhưng sau đó thì cứ rút lui mãi từ trước khi địch đến và biến thành thổ phỉ!

Bằng chứng thì quá nhiều, có thể ghi thành một cuốn sách nói về những nét hèn của một đội quân “thua làm giặc”.

Rút chạy mà Nguyễn Hòa Hiệp còn sung công cả gánh cải lương Nhạ Trắg và một số kịch sĩ đi theo để hưởng lạc. Đồ đặc công kênh thì bắt xe lam chở. Rút chạy mà chúng còn ra oai, cướp không 40 khẩu súng của du kích Hóc Môn, đi đến đâu cũng “rượt hành chính, đánh công an”, bắt dân cống nạp heo gà và phục dịch mọi thứ.

Tháng 11/1945, lúc này tôi đã thay anh Hoàng Dư Khương làm Chính trị viên Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, đóng quân ở làng Mỹ Hạnh. Một hôm anh em báo cho biết có Phạm Hữu Đức - “Phó Tư lệnh Đệ tam sư đoàn” đến gặp. Tôi cho một trung đội trang bị súng bén phục chung quanh nhà, rồi mời Đức vào tiếp đón đàng hoàng. Đức mặc quần áo sĩ quan Pháp, đeo kiếm Nhật

---

1. Trừ bốn tỉnh sau đây không có cộng hòa vệ binh: Biên Hòa, Sa Đéc, Rạch Giá, Hà Tiên.

2. Có tài liệu ghi quân số đệ tam sư đoàn là 5.000 - 8.000.



ngang hông, chân mang bốt, trông có vẻ dữ dằn. Còn trang phục của tôi là bộ bà ba đen, trang phục phổ biến của bộ đội ta lúc này. Đức đòi Giải phóng quân liên quận trả sổ anh em “công binh điện xa”, khoảng hai tiểu đội mới từ trong thành ra tình nguyện gia nhập Giải phóng quân, với lý do đó là người của Đệ tam sư đoàn. Đây là một cơ hội, tôi chắc Đức còn muốn đòi hỏi Giải phóng quân nhiều thứ khác nữa kia, và hẳn được đảng chân sẽ lần đảng đầu. Tôi trả lời Đức một cách cứng rắn là Giải phóng quân không tranh người của ai cả, rồi nói thêm cho y cứng họng luôn: “Pháp đang đánh rộng ra, nếu các anh là người kháng chiến thì hãy sát cánh cùng chúng tôi chiến đấu vì Tổ quốc”. Quả nhiên Đức cảm thấy đuối lý hoàn toàn, đành cáo từ ra về.

Đệ tam sư đoàn rút chạy một lèo từ Hóc Môn qua Đức Hòa, Đức Huệ, băng qua Cai Lậy, Cao Lãnh. Đi đến đâu chúng cướp không xuống ghe đến nấy, đó là thứ tư liệu sản xuất và phương tiện vận chuyển, đi lại không thể thiếu của người dân. Đã vậy, có những khúc kênh cạn, chúng còn bắt dân lội xuống đẩy xuống ghe nữa.

Cuối cùng, đám binh lính đã biến thành thổ phỉ cũng tan tác mỗi nhóm đi một phương, những người có tinh thần dân tộc thật sự thì bỏ đi tìm những đơn vị khác tiếp tục chiến đấu. Riêng “Tư lệnh” Nguyễn Hòa Hiệp còn một trung đội tay chân, đi ghe từ Cao Lãnh về Đức Huệ rồi ra hàng Pháp ở Bến Lức (Trung Quận, Chợ Lớn). Hay tin, phòng nhì Pháp từ Sài Gòn cho xe xuống chở về thành phố ngay. Còn Phạm Hữu Đức về với kháng chiến, được chỉ huy một trung đoàn, nhưng sau đó y bị bắt và xử lý vì làm gián điệp cho địch.

Đệ tứ sư đoàn, do Lý Huê Vinh, tay sai cũ của Nhật, chỉ huy với 5.000 quân và 100 súng. Với danh nghĩa “giữ phòng tuyến Tham Lương”, sư đoàn này toàn dồn đẩy các đơn vị khác lên phía trước, còn bản thân ở lại sau để ăn chặn đồ tiếp tế và quấy nhiễu.

Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa tiến hành công tác vận động binh sĩ, lấy được một số vũ khí và làm tan rã đệ tứ sư đoàn.

Bộ tam “Tư lệnh” Lý Huê Vinh, “Phó Tư lệnh” Trần Xuân Nam, “Tham mưu trưởng” Nguyễn Thành Long cùng ra đầu hàng Pháp.

Đó là thực chất của bốn sư đoàn dân quân cách mạng. Sự tan rã và cả sự quây phá của chúng là điều không tránh khỏi. Chỉ có điều ta không thấy trước và đánh giá chúng khác nhau.

Tuy hình thành từ tháng 10, ngày 01/11/1945, Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa mới làm lễ thành lập tại làng Mỹ Hạnh (quận Đức Hòa, tỉnh Chợ Lớn). Đây là một trong những đơn vị vũ trang hình thành đúng như

tinh thần hội nghị Thiên Hộ. Thật ra, trong một cuộc họp liên tịch giữa Tỉnh ủy “Giải phóng” Gia Định và một số đảng viên đang chỉ huy các bộ đội ở tây bắc Sài Gòn trước đây đã đề cập sát sườn đến việc này, dẫn đến sự ra đời của Giải phóng quân liên quận hôm nay. Những đảng viên đó đến nay kẻ còn người mất, kẻ còn chỉ ít thôi, tôi muốn nhắc lại họ tên họ: Hoàng Dư Khương, Tô Ký, Cao Đức Luốc, Ba Súng, Năm Râu, Phan Văn Voi, Phan Đức, Sáu Ngói, Hoàng Tường, Ba Nhỏ (thay Huỳnh Văn Một) và tôi (Trần Văn Trà). Bộ Tham mưu (tức Ban Chỉ huy) gồm: Tô Ký - Tư lệnh, Hoàng Dư Khương - Chính trị viên và bốn phó tư lệnh là Cao Đức Luốc, Huỳnh Văn Một, Huỳnh Tấn Chùa, Hoàng Tế Thế. Biên chế của đơn vị có 6 đại đội. Ngay sau đó anh Hoàng Dư Khương xin chuyển sang ngành dân chính, tôi thay anh làm Chính trị viên.

Tôi có thể kể nhiều về cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị, nhưng ở đây chỉ có thể nói qua một vài người.

Anh Tô Ký, là một đảng viên hoạt động từ thời kỳ Nam Kỳ khởi nghĩa, bị Pháp bắt giam ở Tà Lài (Thủ Dầu Một). Năm 1941, anh vượt ngục, về lại quê nhà ở Hóc Môn và bắt được liên lạc với các đồng chí trong Tỉnh ủy “Giải phóng” Gia Định.

Anh Huỳnh Tấn Chùa, vào đảng năm 1930, từng chỉ huy đội tự vệ đỏ trong các cuộc đấu tranh những năm 1931-1932. Anh trực tiếp chỉ huy một đại đội, đánh địch rất quyết liệt. Tác phong lại giản dị, sâu sát chiến sĩ, anh có uy tín cao trong đơn vị. Năm 1947, anh bị bệnh, từ trần, được truy phong trung đoàn trưởng.

Anh Huỳnh Văn Một, cũng là một đảng viên kỳ cựu từ những năm 1930. Lực lượng vũ trang Đức Hòa do anh đứng ra tổ chức sau Cách mạng Tháng Tám có tới ba đại đội hoàn chỉnh, khả năng chiến đấu tốt.

Lực lượng của Hóc Môn, Bà Điểm đóng góp vào cũng có những nhân vật nổi bật như chị Năm Bi - một cán bộ hậu cần xuất sắc, và sau đó là nữ đại đội trưởng duy nhất của miền Đông. Tư Thước, tức Nguyễn Tấn Hưng là cựu tù Bà Rá, ngang như cành búa và thẳng như ruột ngựa, nhưng ai cũng nể và mến vì đức cương trực và võ nghệ cao cường. Sau đó chính Tư Thước sẽ cùng một số anh em quê nhà Phú Thọ Hòa đào hàng ngàn mét địa đạo để đánh giặc. Trong kháng chiến chống Mỹ, trước khi trở về miền Nam xoi đường cho bộ đội hành quân, Tư Thước vinh dự được Bác Hồ đặt tên là Lâm Quốc Đăng, một cái tên đầy ý nghĩa.

Tôi nói luôn là ngày 15/12/1945, thì Mỹ Hạnh bị quân Pháp đánh tới. Giải phóng quân liên quận rút về và ngay sau đó anh Tô Ký trực tiếp chỉ huy Đại đội 2 hành quân về chiến khu Lạc An để phối hợp tác chiến với các đơn vị Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Anh Nguyễn Văn Cửa là Chính trị viên của đại đội này.

Cùng thời điểm này sự có mặt kịp thời của Nguyễn Bình tại Nam Bộ cũng là một sự kiện quan trọng. Anh được Hồ Chủ tịch và Chính phủ lâm thời cử vào với trọng trách hàng đầu là thống nhất lực lượng vũ trang trong toàn Xứ lúc này đang trở thành một yêu cầu bức bách. Loại trừ những phần tử cơ hội, quân phiệt thì những người chỉ huy quân sự chân chính lúc này mỗi người hùng cứ và có uy tín chỉ trong một địa phương. Anh Mai Văn Vĩnh, một cán bộ Bình Xuyên, đã ví von: Gần giống “thập bát phản vương” đời Đường bên Tàu hơn “thập nhị sứ quân” đời Đinh bên ta!

Anh Bình ghé qua Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Thủ Đức, tiếp xúc nhiều cán bộ, đảng viên, trí thức như Trần Xuân Độ (bạn tù của anh Bình ở Côn Lôn), Luật sư Thái Văn Lung, Luật sư Lê Đình Chi, Giáo sư Phạm Thiều, người thanh niên đầy nhiệt huyết Huỳnh Văn Nghệ và một người về sau giúp anh nhiều việc rất thiết thân là Luật sư Nguyễn Thành Vĩnh.

Vào tới Gia Định, anh Bình gặp tôi tại Bình Mỹ (Hóc Môn). Anh đưa cho tôi coi giấy giới thiệu của Chính phủ lâm thời do Hồ Chủ tịch ký. Tôi trao đổi với anh: “Giải phóng quân liên quận rất tán thành chủ trương thống nhất tổ chức và chỉ huy các lực lượng vũ trang Nam Bộ. Nhưng hiện nay mỗi người nắm một đơn vị, hoạt động ở một địa phương, lại còn rất trẻ nên khó làm được việc đó lắm. Nay anh được Cụ Hồ và Trung ương cử vào, với danh nghĩa này, anh có điều kiện thuận lợi để quy tụ tất cả các đơn vị về một mối dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giải phóng quân liên quận hoàn toàn ủng hộ anh”. Được lời như cởi tấm lòng, anh Bình yên tâm bắt tay vào chuẩn bị công việc.

Ngày 20/11/1945, anh Bình tổ chức hội nghị quân sự Nam Bộ ở An Phú Xã, Hóc Môn (có tài liệu ghi An Phú Xã thuộc Thủ Dầu Một). Tuy nhiên thực tế chỉ có 49 đại biểu của các lực lượng vũ trang và Ủy ban kháng chiến các tỉnh miền Đông và đại biểu của bộ đội Bình Xuyên, Cộng hòa vệ binh, lại có cả đại biểu của Đệ tam sư đoàn và Đệ tứ sư đoàn (!).

Hội nghị thảo luận và nhất trí được nhiều vấn đề. Về chính trị, củng cố lại chính quyền các cấp. Về quân sự, thống nhất lực lượng, chỉ huy và chương trình hành động. Mỗi tỉnh đều tổ chức thành một chi đội, đẩy mạnh du kích chiến tranh, xây dựng căn cứ kháng chiến, binh công xưởng, tổ chức tiếp tế do Ủy ban kháng chiến đảm trách (ngay sau hội nghị này Thủ Dầu Một là tỉnh đầu tiên thành lập chi đội và cuối tháng 11/1945, được mang phiên hiệu Chi đội 1<sup>1</sup>).

---

1. Gồm các bộ đội Lái Thiêu, Bến Cát, Bình Lý. Huỳnh Kim Trung làm Chi đội trưởng. Sau thêm Lê Đức Anh làm Chính trị viên Chi đội.

Hội nghị bầu anh Nguyễn Bình làm Tổng Tư lệnh giải phóng quân, anh Vũ Văn Đức phụ trách chính trị.

Từ trước đến nay, mọi người đều đánh giá Hội nghị quân sự Nam Bộ tại An Phú Xã là một hội nghị đặc biệt thành công. Ngoài những điều đã nói ở trên, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang được đem ra bàn bạc khá sâu, có lúc tranh luận căng thẳng. Bản tham luận của anh Nguyễn Đức Nhuận về công tác chính trị có nhiều ý kiến hay, được tán thưởng. Kết quả của hội nghị về sau cũng được thể hiện rõ trên thực tế là cảnh hỗn quân hỗn tướng, cát cứ dần dần chấm dứt, tình quân dân ngày một kết chặt.

Chưa đến một tuần sau đó, ngày 25/11/1945, anh Đàm Minh Viễn lại cầm quyết định của Trung ương Đảng vào đưa trực tiếp cho Xứ ủy Nam Bộ. Theo quyết định này, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ giải thể để thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam. Toàn quốc chia thành 9 chiến khu trong đó Nam Bộ có 3 chiến khu là Khu 7, Khu 8, Khu 9.

Do trên nên có Hội nghị Xứ ủy mở rộng ngày 10/12/1945 ở xã Bình Hòa Nam, hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông (lâu nay có người nói là làng Hòa Khánh, có người nói làng Hiệp Hòa bên tả ngạn, nhưng chỉ là số ít). Tôi nhớ tên một số đồng chí có mặt tại hội nghị này: Hoàng Quốc Việt, Cao Hồng Lãnh, Đàm Minh Viễn, Đào Văn Trường, Võ Văn Đức, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Tây, Kiều Công Cung, Huỳnh Văn Tiểng, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Bình... Hội nghị đã bầu bộ máy lãnh đạo, chỉ huy theo cơ cấu mới như sau:

Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam: Cao Hồng Lãnh

Chủ nhiệm hậu cần: Tôn Đức Thắng

Chủ nhiệm chính trị: Trần Ngọc Danh

Chủ nhiệm tham mưu: Đàm Minh Viễn

Khu 7:

Khu bộ trưởng: Nguyễn Bình

Khu bộ phó: Dương Văn Dương

Chủ nhiệm chính trị bộ: Trần Xuân Độ

Khu 8:

Khu bộ trưởng: Đào Văn Trường

Khu bộ phó: Trương Văn Giàu

Chủ nhiệm chính trị bộ: Nguyễn Văn Trí

Khu 9:

Khu bộ trưởng: Vũ Đức (Hoàng Đình Dong)

Khu bộ phó: Nguyễn Ngọc Bích

Chủ nhiệm chính trị bộ: Phan Trọng Tuệ

Cũng tại hội nghị này, anh Lê Duẩn nhận nhiệm vụ Bí thư Xứ ủy.

Với các sự kiện trên, tình hình nội bộ ta được cải thiện một cách cơ bản. Điều này càng có ý nghĩa khi địch đang trên đà tấn công ồ ạt, ta phải ra sức chống đỡ với kinh nghiệm buổi đầu coi như chưa có gì. Việc chia Nam Bộ thành ba chiến khu là hoàn toàn hợp lý và địa giới quân sự đó vẫn được duy trì đến hết cuộc kháng chiến chống Mỹ sau này.

Riêng Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam thì không phát huy được tác dụng. Việc chọn Tây Nguyên làm căn cứ địa chung cho ba nước Đông Dương và Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam dự định đứng chân ở đó cũng không thiết thực.

Ngày 25/11/1945, anh Đàm Minh Viễn cũng mang vào bản chỉ thị “kháng chiến kiến quốc” của Trung ương Đảng. Bản chỉ thị nêu: “Nhiệm vụ chiến thuật của ta ở Nam Bộ và miền Nam Trung Bộ là phải cắt đứt dây liên lạc giữa các thành phố đã lọt vào tay địch, phong tỏa những thành phố ấy về kinh tế, bao vây về chính trị, nhiễu loạn về quân sự... Phải áp dụng chiến tranh du kích đến triệt để và cổ động nhân dân thi hành chính sách bất hợp tác ở các thành thị quân địch làm chủ và thi hành “nhà không đồng vắng” nếu quân Pháp tràn về quê”.

\*

\* \*

Trở lại Sài Gòn - Chợ Lớn sau khi quân Pháp phá được vòng vây, bung ra các tỉnh. Với ta, đây vẫn là mặt trận, mặt trận đô thị quyết không để địch biến thành cái sân sau an toàn của chúng.

Nhất thời các tổ tự vệ, công đoàn xung phong của ta rút lui ra ngoại ô để bảo toàn lực lượng. Nhưng từ đầu tháng 11/1945, lúc này địch đang đổ quân xuống miền Tây thì anh em lại có điều kiện trở vào hoạt động. Mục tiêu chính là công sở và trại lính.

Ngày 8/11/1945, tổng hành dinh của Cao ủy Pháp D'Argenlieu (phòng thương mại cũ) bị tiến công. Thiệt hại không được thông báo, nhưng ngay sau đó quân Anh và quân Nhật ở các tỉnh liền phải hấp tấp rút bớt về Sài Gòn để đề phòng

những vụ tương tự có thể tái diễn (Cao ủy chẳng qua cũng là toàn quyền nhưng Pháp khôn khéo gọi khác đi. Thierry D'Argenlieu vốn là tu sĩ đồng thời là thủy sư đô đốc, được De Gaulle chọn làm cao ủy Đông Dương từ ngày 17/8/1945, nghĩa là chỉ hai ngày sau khi Nhật đầu hàng).

9 giờ đêm 8/12, ta lại tiến công trại lính ở đường Drouet (nay là đường Hùng Vương). Bị đánh bất ngờ, hàng ngàn quân Pháp trong trại không kịp trở tay, phải nằm tại chỗ bắn vung vãi. Địch cũng không thể thoát khỏi vòng vây, vì ta đã phóng hỏa đốt bốn phía trại. Trận đánh kéo dài hai giờ liền mới kết thúc, sau khi trại lính bị thiêu hủy.

Báo chí đã tiết lộ số quân Pháp chết là 400 tên và số bị thương nằm chật các bệnh viện Sài Gòn.

Ngày 11/12, một chiếc tàu lớn, một chiếc xà lan và ba chiếc ghe lớn chở lương thực và binh lính địch chạy trên sông Cần Đức (Chợ Lớn), bị quân ta dùng súng liên thanh đánh đắm. 17 lính Pháp trên tàu đều mạng, 3 tên Pháp và nhiều người binh bị bắt sống.

Địch dùng gần một trăm xe tăng đánh rộng ra vùng Đức Hòa. Ba đại đội giải phóng quân liên quận gây cho chúng thiệt hại nặng, phải lui về. Lần sau, chúng tăng thêm lực lượng tiến công lại mới chiếm được thị trấn Đức Hòa (tỉnh Chợ Lớn).

Tân An, với vị trí bản lề giữa Sài Gòn và miền Tây đánh một trận lớn đêm 25/11/1945. Quân ta từ ngoại ô tập kích vào trung tâm thị xã, đánh thẳng vào trại lính Pháp. Hôm sau địch phải dùng 5 xe cam nhông chở xác chết và lính bị thương về Sài Gòn. Ta thu được 30 súng trường, 16 đại liên và nhiều đạn.

Tỉnh Gia Định, trước đây gần bó với đô thành bằng mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định, sau khi địch chiếm Gò Vấp, các đơn vị đã lui về lập phòng tuyến Tam Thôn (kéo dài từ ngã ba Chú Ía đến Lái Thiêu), chiến đấu với địch suốt hai tháng. Đặc biệt hai làng kế cận An Phú Đông và Thạnh Lộc, chỉ cách trung tâm Sài Gòn 4km theo đường chim bay, lại là nơi đứng chân vững chắc của các cơ quan quân dân chính đảng trong tỉnh và của cả Sài Gòn - Chợ Lớn. Tại cù lao Hạnh Phú của An Phú Đông, anh Lý Chính Thắng - Thư ký Liên hiệp Công đoàn Sài Gòn - Chợ Lớn lập trạm đón tiếp công nhân từ thành phố ra và in báo *Cảm tử*. Đây cũng là vị trí xuất phát của các đội du kích Lý Thường Kiệt, Ký Con, Trần Cao Vân, Quang Trung, Nguyễn An Ninh..., hoạt động ở các vùng Gò Vấp, Bà Chiểu, Phú Nhuận, Tân Định.



Ngày 15/12/1945 trận thử thách đầu tiên và lớn nhất đến với chiến khu An Phú Đông (bao gồm cả hai làng An Phú Đông và Thạnh Lộc).

Cũng trong bút ký viết tay của mình, anh Bích Lâm kể lại tỉ mỉ trận đó và mấy trận tiếp theo. Anh vừa kể vừa bình một cách dí dỏm và hài hước như bản chất con người nghệ sĩ của anh:

*“... Như đã nói, nỗi lo lớn nhất của Pháp lẫn Gracey là bằng mọi giá phải bắt kỳ được Nguyễn Bình. Ngày 15/12/1945, Bộ Tổng Tham mưu của Leclerc huy động hai trung đoàn thuộc Sư đoàn bộ binh thuộc địa thứ 9 (9<sup>e</sup> DIC) của tướng Valluy bảo vệ Sài Gòn với sự chi viện to lớn của quân Anh - Ấn của Gracey tấn công vào Mỹ Hạnh và căn cứ An Phú Đông mà chúng đoán là tướng Nguyễn Bình đang ở đó<sup>1</sup>.*

*Ở Mỹ Hạnh, các đơn vị của Giải phóng quân liên quân gặp địa hình không lợi, tránh né lực lượng liên quân có cơ giới mạnh của Pháp, Anh. Chúng chiếm Mỹ Hạnh khá dễ dàng. Đoán rằng chúng “đắm vào không khí”, Nguyễn Bình không có ở đó, chúng thu quân thủy lục không quân đánh vào An Phú Đông bằng nhiều mặt.*

*An Phú Đông là một xã nhỏ của huyện Gò Vấp, cách trung tâm Sài Gòn 4km theo đường chim bay<sup>2</sup>. Bởi địa hình đặc biệt và có truyền thống yêu nước cao mà ngay ngày đầu nổ súng đã mặc nhiên làm nơi hội anh tài của tỉnh Gia Định và nhiều cơ quan của thành phố.*

*Đặc điểm nổi bật về địa hình mà nhiều xã quanh Sài Gòn ít có là trước kia đó là một vùng biển lầy nước triều lớn ròng ra vào thông thả. Để biến đó thành đất canh tác, đồng bào ở đó phải đắp bờ bao ngạn cao hơn mặt ruộng đến một mét rưỡi. Đất giàu phân cỏ cây mọc đòi hỏi phải đào kênh xẻ rãnh, phân vùng nơi cấy lúa, nơi trồng mía và các thứ hoa màu. Sông Bến Nghé rộng và sâu chia xã thành hai bộ phận: cù lao Hạnh Phú và phần đất liền.*

*Sáng 15/12, sau các đợt pháo từ Gò Vấp bắn vào, từ Lái Thiêu, Tân Sơn Nhất bắn tới, từ các pháo hạm trên sông nã lên, thủy quân lục chiến đổ bộ tràn ngập cù lao Hạnh Phú. Chúng thẳng tay tàn sát, đốt nhà dân, bắn bừa bất cứ ai, ngay những bệnh nhân nằm trên giường bệnh chúng cũng giết chết.*

*Bệnh viện tỉnh Gia Định do Bác sĩ Nguyễn Văn Hóa làm Giám đốc, khi Bà Chiêu bị chiếm đã dời về đó.*

*Giặc tưởng chúng tàn sát như vậy là làm cho dân chúng và cán bộ bỏ đất mà chạy để chúng dễ tung hoành.*

---

1. Năm 1948, anh Nguyễn Bình mới được phong hàm Trung tướng (T.G).

2. Từ năm 1976, An Phú Đông và Thạnh Lộc tách khỏi quận Gò Vấp trở thành hai xã ngoại thành thuộc huyện Hóc Môn.

Sau phút bàng hoàng, chiến sĩ ta tìm ra điểm yếu của giặc mà đánh. Mương rãnh nhiều, cầu khỉ nhiều, cơ giới trở thành vô dụng mà bộ binh cũng không hoạt động theo ý muốn chúng được. Với 50 khẩu súng trường, chiến sĩ ta chia thành nhóm bám địa hình theo đường quanh nẻo tắt mà đánh.

Đêm đến, một số xuống thuyền, số đông ở trên bộ chen chúc nhau trong nhà bạt (tente) để tránh mưa. Đó là dịp tốt để du kích lập công. Cút bắt nhau hai ngày một đêm, thương vong chúng lên đến số trăm. Cuộc điều phạt như vậy là bất thành, chiều 16/12, chúng rút.

Thiệt hại ta nặng, gần một trăm mái nhà bị đốt, hai mươi con trâu bị bắn chết. Cán bộ với dân, lớp bị bắn thả trôi sông, lớp bị bắt đem đi không ít hơn một trăm, vì An Phú Đông được coi là nơi hội anh hùng. Số anh em Sài Gòn ra để nhận công tác hoặc tìm chỗ tản cư khó mà nói chính xác. Đau khổ nhiều, nhưng thấy cán bộ ta, đặc biệt là cán bộ y tế, cù lao bị chiếm đóng, bệnh viện bị thiêu hủy, nhưng đêm lớp người được coi là sang cả như “quan thầy chánh” là cụ bác sĩ Hóa vẫn theo y sĩ, y tá lén thức đêm về tìm xem bệnh nhân bị tàn sát ai còn sống sót tìm cách dời qua làng khác để mà cứu chữa.

Rất lâu sau đó, dân An Phú Đông nghe nhắc đến hai ngày một đêm khủng khiếp đó còn đem hành động đầy tính “mẹ hiền” của cụ Hóa mà kể. Dân nói: Bệnh nhân bị bắn đổ ruột nằm rên trong luống mía cháy dở, bị đát đến thế mà Bác sĩ Hóa vẫn bảo cô y tá khiêng vượt sông đưa qua Lái Thiêu gửi nhà dân, Bác sĩ Hóa động viên các cô y tá: “Còn nước còn tát, cứu một mạng người hơn lập một kiếng chùa”.

Giương can trường của du kích lợi dụng thế đất, đêm ngày chơi trò mèo rình chuột, giết được nhiều chuột. Xong giặc, bà con dựng nhà, du kích cũng xúm lại làm giùm.

Có trần ai mới rõ mặt kiên trung. Các ấp còn nguyên vẹn thì ca ngợi “các con các em” không còn lời mà kể.

Đồng bào nói: Nghe bắn quá tưởng cả người lẫn của thí âm hồn các đảng, cứ ngồi lì tại nhà chờ Tây đốt chết sống với chúng nó cho rồi. Ai ngờ du kích tới dắt chỉ đường cho trốn “tụi nó” ở lại bắn riết. Tây thua, nhà mình còn nguyên. Cứu quốc từ rày đâu hết ngày cũng đóng góp.

Thi sĩ Xuân Miên độ ấy vừa ra tù chẳng biết đi đâu cứ theo đường Paul Blanchy nay là Hai Bà Trưng mà đi. Ra tới An Phú Đông ghé nhà đồng bào xin cơm ăn để rồi đi nữa. Nghe kể “hai ngày một đêm khủng khiếp”, xúc động quá, mượn bút, xin giấy viết liền bài thơ:

“An Phú Đông, ơi An Phú Đông!

Một làng nho nhỏ ở ven sông ...”

*Bài thơ được Báo Cầm tử đăng liền và trở thành bất hủ.*

*Một phát kiến có giá trị làm vẻ vang cho nền quân giới nhân dân Việt Nam nghe nói là được bắt nguồn từ trận chống càn bất hủ này, chẳng biết mức độ chính xác đến đâu, xin mạnh dạn nêu ra.*

*Đồng bào An Phú Đông kể: Sau trận càn thấy hai chiếc cầu khỉ gãy gọn. Một chiếc dính máu, trên bờ có một mớ bông gòn huyền thuyên là máu. Bà con với du kích xúm lại bàn: “Máu này là máu của quân ăn no to xác, chúng nó chứ dân mình nhẹ, nhanh như sóc, lại nữa, nếu có gãy cổ đổ ruột thì cứ lá sống đời hay phấn lông cây đu đủ dính cứ mà dùng “rịch”, chứ bông gòn đâu mà bỏ trắng đường ra. Ờn ai nhà nó, ước gì có vài cây nọc cắn đó thử coi có đổ ruột lòi phèo không thì biết”. Từ đó, chông tre được dùng chống càn xā An Phú Đông, cả Hóc Môn, Củ Chi và khắp Nam Bộ.*

*Sau ngày Đồng khởi, Nhạc sĩ Nguyễn Trí Thanh sáng tác thành tiết mục tấu hài mà Đoàn Văn công Giải phóng đã dùng tiếp khách nước ngoài, mà sau khi được xem, nhà văn lại là nữ ký giả Madeleine Riffaud đã viết thành một chương phóng sự có cái tựa rất là độc đáo: “Le pal de bambou” (Cây chông tre), khởi sự bằng mấy câu vừa chân phương vừa duyên dáng và rất Nam Bộ là:*

*“Cây chông là cây chông tre*

*Rõ ràng đây nè, máu giặc còn loang...”.*

*Thua rất quá do chọn lầm địa điểm, nhè cái đất chẳng chịt mương ao, bờ lớn bờ nhỏ, sinh lầy mà đưa cơ giới làm chiến cụ chủ công, do chọn lầm mặt người - người Hóc Môn, Mười tám thôn vườn trầu thua hiệp này gây hiệp khác, dai như da tê giác, làm cho lính đã mất tinh thần lại càng sa sút tinh thần hơn nữa. Bộ Tổng Tham mưu nghĩ cách lấy lại nhuệ khí cho lính phần đông là thanh niên từ Pháp mới qua. Rút khỏi An Phú Đông rồi cho quân về trại nghỉ ngơi củng cố tinh thần, Bộ Tổng Tham mưu của Leclerc tìm một điểm tấn công khác để lấy thắng lợi giòn giã lấy lại nhuệ khí cho binh sĩ.*

*Đêm 24/12, dự lễ chào mừng Chúa hài đồng nằm trong máng cỏ xong, chúng cầm trại sau nửa đêm và hùng sáng 25/12, bằng nhiều ngả: từ Phú Thọ Hòa, Bà Quẹo vào; từ Phú Lâm, Bình Trị Đông vô; từ Đức Hòa xuống, phục binh dài theo tỉnh lộ 10 từ Cầu Xáng đến Bà Lác, Pháp tấn công hình chữ U bằng bộ binh chiến xa và máy bay vào Ngã Năm, Gò Mây, Gò Cát, Vĩnh Lộc, Bà Hom căn cứ địa của Tổng Công đoàn của các đơn vị công tác thành mới thành lập. Một cuộc càn quét quy mô theo lối kinh điển quân sự diễn ra từ 6 giờ sáng bằng cách nã pháo tầm xa 105 ly và 75 ly dọn đường trước xe tăng, xe bọc sắt có máy bay trợ lực dẫn đường cho bộ binh súng gắn lưỡi lê lính dàn hàng ngang mà tìm diệt và đột phá.*

Lực lượng tay không của ta quá đông vì từ 23/9 đến nay cả vùng rộng lớn này được coi là chiến khu nên mọi thứ cơ quan cấp quận của thành phố đều chạy ra đây, kho lương hậu cần đều đưa về đây. Cả dân tản cư cũng được đồng bào nuôi ở đây do đó trong gần suốt buổi sáng tình hình vô cùng rối rắm. Dân tay không cứ trước mặt co giò chạy, cơ giới chúng cứ rượt, cứ bắn, cứ đốt, cứ cướp, cứ quần nát như nhiều đám ruộng, hàng bông mới lên.

Dân chúng vùng này rất gan góc. Về lịch sử, đây là bãi chiến trường đẫm máu của mấy thế kỷ trước. Trong cuộc xâm lăng lâu trước khi Pháp chưa ổn định thì đây là huyện sở của Hồ Huân Nghiệp và chịu ảnh hưởng đậm của Mười tám thôn vườn trầu. Phong trào hoãn thuế năm 1930, phong trào chống khủng bố trắng sau Nam Kỳ 1940 vừa là hậu cứ của cậu Hai Đống trước kia và liên đây của các bậc anh chị Mười Trí, Sáu Thành, Sáu Hàm, Ba Tròn...

Về cư dân, đây là vùng khá đặc biệt. Họ nào sống theo họ nấy, đất ai nấy ở, đất canh tác mà lại là đất xám, không sông, không suối, không kênh đào, người ta canh tác bằng nước trời mưa, chủ yếu bằng nước giếng, nhà nào cũng có giếng. Đã vậy mà phong tục canh tác ở đây coi hàng bông vụ Tết là nguồn thu hoạch chính nên chi giải quyết xong lúa “sà mo”, lúa “tiêu”, là nông dân đào giếng, mỗi đám ruộng ít ra cũng vài ba giếng thọc sâu ba, bốn thước để cho du kích núp mà khó cho địch hành quân, lơ dềnh là sa xuống giếng.

Hộ dân thì hộ nào cũng có lũy tre dày đặc cách nhau chừng một đường tên tạo thành một thế liên hoàn tự nhiên. Vuông tre này để giúp cho vuông tre khác, luôn qua trở lại, tiện cho thế đánh vu hồi. May mắn hơn nữa là thời kỳ Mỹ ném bom Sài Gòn, nhà nào cũng có hầm trú ẩn hoặc giao thông hào để nhờ nhà bị oanh tạc thì theo giao thông hào tìm nơi ẩn trú khác. Đường làng ở đây hầu như không có. Xóm nọ qua xóm kia bằng những đường xe bò rào hai bên bằng hai hàng dừa ngập đầu thuận cho du kích. Cả vùng rộng lớn đó từ Phú Thọ Hòa (Gò Vấp) đến Cầu Tre, Tân Hòa Đông (Quận 6) chạy lên đến Vĩnh Lộc, Gò Mây được coi là hậu cứ của Sài Gòn. Các đội cảm tử, sau này đổi là các ban công tác, đánh thì phóng nhanh vào thành phố, nghỉ hay tập huấn thậm chí đưa gia đình di tản cũng đưa ra đây gửi gắm cho đồng bào.

Trang bị vũ khí dĩ nhiên phải thích hợp cho công tác đó. Súng lục, mìn tháo bá, lựu đạn nói chung nhẹ gọn dễ thay hình đổi dạng... Có khi một chiếc khăn rằn để khi ra chợ giả làm phu vác gạo dùng khăn che đỡ rách áo, khi tấn công thì khăn đó là dây xiết cổ vắn họng địch thủ. Một ưu thế khác nữa là hầu hết anh em này là dân chợ: thợ nhà máy, phu khuân vác, học sinh, tiểu viên chức trẻ từng đối mặt với kẻ địch.

Tầng sáng chưa nắm tình hình địch thắng, pháo dữ dội, khí thế chúng sắc sảo, anh em bình tĩnh lánh địch. Trưa lại nắng, khí hậu oi bức, chúng tọng no nước nên uể oải, đó là lúc tốt cho anh em ra tay.

Đất cát pha, đầu mùa khô cơ giới hoạt động dễ nhưng không dễ nào chạy càn qua những vuông tre để đuổi theo những con người nhanh như sóc, nhẹ như gió. Anh em xé lẻ từng tổ ba người khi cần thì thành tiểu đội, phân đội hạ lẻ từng đứa bằng lối thủ công rồi chôn nó xuống giếng cũng bằng cách thủ công.

Muốn thành trận lớn thì mỗi tiểu đội bám một vuông tre đánh trực diện, bắn xuyên hông, lòn ra sau bắn vén ót. Vũ khí nhẹ đánh theo tính năng của vũ khí...

Qua bữa ăn trưa, giấy gói lương khô, lon hộp đựng “ration complète” (khẩu phần hoàn bị) bị vung vãi trắng đất, có cái chúng chẳng buồn đập nát hay đốt bỏ theo lệnh. Súc đầu mà làm. Ăn cũng biếng nhai vì mệt mỏi...

Mặt trời ngả chưa tới trán, xe pháo lính tráng kéo thành hàng dài nhắm đình Gò Cát, Gò Mây, Ngã Năm, chợ cổng Bình Trị Đông, đình Tân Tạo, chợ Bà Hom mà co cụm tốp dừng lều, tốp canh gác, lính khỏe tắm giặt, lính mệt bao quanh cái xe hồng thập tự. Mắt trinh sát ta không nhắm trước các chi tiết đó.

Đúng mười giờ đêm, các đội cảm tử, các ban công tác, các đơn vị vũ trang Tổng Công đoàn của Hai Râu (Huỳnh Đình Hai), của Triệu Cải, của Chín Heo (Nguyễn Đình Chính) phối hợp với bộ đội của Hai Luông (Nguyễn Văn Luông) ở Bình Trị với bộ đội Bà Hom của Hai Bào, Hai Miêng, Tư Bốn, của Tổng hành dinh Bà Queo của Mười Trí (Huỳnh Văn Trí)..., mở các đợt tấn công các nơi co cụm của Pháp.

Pháo sáng rực trời. Trái phá, “tromblon VB”, bazooka, súng cối, đại liên, tiểu liên thỉnh thoảng chen những tràng lựu đạn với tiếng “xung phong” của ta, tiếng “kura! kura!” của Nhật Bốn giả với năm bảy anh Nhật Bốn thiệt ngả theo quân ta từ những ngày đầu tháng chín.

Thiệt hại của đôi bên, bao nhiêu đó ai biết. Giữa đêm tối dễ ai đếm được, vả lại bên ta, bên địch bên nào cũng giấu, cũng vừa thổi phồng...

Điều biết chắc là cuộc bố ráp gọi là để lấy lại tinh thần binh sĩ sau trận An Phú Đông hôm 15/12 nay dự tính là ba ngày thì mới một ngày một đêm sáng sớm 26/12 thì rút.

Nhật ký hành quân của lính Pháp lượm được trong một trận phục kích vén ót tại bùng bốn xã phía Tân Hòa Đông Quận 6 có ghi ba chữ Pháp “Drôle de Noel” nghĩa là “Noel gàn dở”.

Tuy nhiên, Bà Hom, chợ cổng Bình Trị Đông là điểm yết hầu Pháp phải liều chết đóng bót.



*Trong vòng mười ngày, Pháp chủ động đánh ta ba trận.*

*... Số thiệt hại của kẻ địch về vật chất, nhất là tinh thần tính ra là lớn”* (trích từ trang 54-60).

Ta lưu ý kế hoạch tiến công của Leclerc là chọc hai mũi dùi: một mũi đánh xuống Mỹ Tho, rồi với tay xuống miền Hậu Giang; một mũi đánh lên Tây Ninh để “phá tan lực lượng Cao Đài” (tuyên bố của Leclerc).

Sáng sớm 08/11/1945, quân Anh - Pháp với lực lượng 204 xe quân sự (theo tư liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tây Ninh là 75 xe), trong đó có cả xe tăng và xe bọc thép từ Sài Gòn tiến lên Tây Ninh. Xe tăng đi trước có nhiệm vụ ủi phá các chướng ngại vật. Lực lượng quận Trảng Bàng ở mặt trận Suối Sâu (thuộc xã An Tịnh giáp ranh với huyện Củ Chi hiện nay) dùng lựu đạn, chai cháy, súng trường, tên nả đánh đoàn xe địch, nhưng cũng không ngăn chặn được bước tiến của chúng. Tại mặt trận Trâm Vàng (Trảng Bàng), du kích dùng mủ cao su đốt giữa lộ, một xạ thủ trung liên bắn chết tên lái xe và ba tên khác.

Một đại đội commăngđô từ Campuchia theo quốc lộ 1 tiến sang Gò Dầu. Hai cánh hợp điểm tại đây rồi theo quốc lộ 22 lên thị xã Tây Ninh. Đến khu rừng Bến Kéo, xe tăng địch lại phải ủi phá để mở đường vì ta hạ nhiều cây to ngang lộ. Đạn súng trường cùng mũi tên nả có tẩm thuốc độc bắn vào những chiếc xe GMC mui trần. Địch chết nhiều, nhưng lực lượng chúng đông nên vẫn tổ chức đánh bọc hậu ta được. Ta đành rút lui, có hai chiến sĩ ở lại chiến đấu đến viên đạn cuối cùng để bảo vệ anh em rút lui, sau đó mới rời trận địa.

Đến chiều, địch đến được thị xã Tây Ninh, lọt vô được Thánh thất Cao Đài sau khi đã bỏ mạng dọc đường gần 100 xe và bị bắn hỏng một số xe. Đoàn xe địch đi giữa thị xã vắng ngắt vì đồng bào ta đã thực hiện khẩu hiệu “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với địch. Ba, bốn ngày sau, đồng bào vẫn không ra đường, cửa nhà đóng kín, chợ búa không họp.

Điều đáng chú ý là sau khi đứng chân được ở Thủ Dầu Một và Tây Ninh, địch vội vã kéo đến chiếm lại ngay những đồn điền cao su lớn, nguồn lợi kếch xù trước đây của chúng. Công nhân ở nơi này đều bãi công, đốt máy, đốt từng lô cao su.

Lực lượng vũ trang làng An Tịnh nổi lên những ngày đầu kháng chiến. Để xây dựng mặt trận Suối Sâu, các tiểu đội vũ trang của làng An Tịnh cùng hàng ngàn thanh niên, nhân dân trong quận đào hào chống tăng, đắp ụ chiến đấu suốt 12 ngày đêm liên tục. Khi mặt trận Suối Sâu vỡ, anh em lui vào Rừng Rong lập căn cứ tiếp tục hoạt động vũ trang tuyên truyền, địch vận và tác chiến. Ngoài ra còn



đưa một trung đội sang Mỹ Hạnh tăng cường lực lượng cho Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa, cùng đi với người là 20 khẩu súng bén.

Nhiều chiến sĩ Rừng Rong năm xưa đã trưởng thành qua hai cuộc chiến tranh giải phóng. Nguyễn Thanh Tùng - Đại tá Lữ đoàn trưởng các lữ đoàn đặc nhiệm 367 và 316, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai đã nghỉ hưu. Trung tướng Nguyễn Thới Bưng hiện là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó Tổng Tham mưu trưởng. Trung tướng Bùi Thanh Vân (Tư lệnh Quân khu 7).

Một số lực lượng của Sài Gòn - Chợ Lớn đã lui về Tây Ninh, kết hợp với lực lượng tại chỗ để tiếp tục chiến đấu như công an cảm tử (hơn 400 quân và 40 súng) và một bộ phận của Đệ nhất sư đoàn.

Cũng ngay từ những ngày đầu kháng chiến, Tây Ninh phải đối phó khá vất vả với nạn “cáp duồng” (giết người Việt) do Pháp kích động người Khơme và nạn Chi đội 8 Cao Đài phá phách, thủ tiêu cán bộ cách mạng<sup>1</sup>.

Biên Hòa là một tỉnh của tam giác Sài Gòn - Thủ Dầu Một - Biên Hòa, Leclerc có ý đồ đánh chiếm sớm để tạo “thế chân vạc” đó. Biên Hòa cũng là tỉnh rộng nhất miền Đông với diện tích 11.300km<sup>2</sup>, một đầu mối giao thông thủy và bộ quan trọng phía đông Sài Gòn.

Rất dở, khi quân Anh mượn danh nghĩa giải giáp quân Nhật kéo ra Biên Hòa, Ủy ban kháng chiến miền Đông, đứng đầu là Lương Văn Tường không tổ chức đánh địch mà lại rút chạy ra Xuân Lộc. Ủy ban kháng chiến tỉnh Biên Hòa trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng đó cũng tan tác!

Thừa thắng, mờ sáng ngày 30/10, một trung đội Nhật theo lệnh quân Anh từ An Lộc tiến về Xuân Lộc theo đường xe lửa. Ở Xuân Lộc, lúc đó Ủy ban kháng chiến miền Đông mãi lo huy động dân chúng ra tiếp đón phái bộ Trung Hoa từ ngoài Bắc vào tìm hiểu tình hình Hoa kiều ở Nam Bộ, quân Anh - Nhật giở trò bao vây và đánh úp ta. Chỉ trong nháy mắt, tiếng súng liên thanh và đại bác nổ rền. Nhưng suốt trong nửa giờ địch vẫn bị quân ta chặn đứng. Chúng phải điều thêm 43 xe cam nhông chở quân và nhiều đại bác từ An Lộc đến. Ta tạm lui khỏi Xuân Lộc 5km và bố trí thế trận mới. Khi địch đến, ta đánh mãnh liệt. Từ 11 giờ ngày 30 đến chiều 31/10, quân Anh - Nhật phải rút về lại Xuân Lộc, từ bỏ ý định kéo ra Phan Thiết. Báo *Cứu quốc* số ra ngày 01/10/1946, đánh giá: “Trận đánh ở Xuân Lộc là một thắng lợi lớn của quân đội ta, vũ khí thô sơ thiếu thốn mà đánh lùi được cả một liên quân Anh - Nhật”.

---

1. Từ Tây Ninh, quân Pháp tiếp tục tiến sang chiếm Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp (Thủ Dầu Một) và đến 01/12/1945, chiếm thị xã Buôn Ma Thuột.

“Quân đội ta” mà tờ báo của Tổng bộ Việt Minh biểu dương ở đây, chính là một đơn vị Nam tiến. Sau trận này, đơn vị không ở lại Nam Bộ mà được lệnh quay trở ra chiến đấu ở cực Nam Trung Bộ. Trong chiến đấu, đơn vị bị tiêu hao nhiều vì đánh theo lối dàn trận. Nhưng những địa danh Xuân Lộc, Núi Thị, Bình Lộc mãi mãi gắn liền với chiến công đầu của các anh.

Lực lượng vũ trang của tỉnh Biên Hòa lúc này vẫn phân tán nhỏ trên từng khu vực. Châu Thành có 5 tiểu đội và 30 súng, một đội xung phong cảm tử 30 thiếu niên do Lê Văn Ngọc chỉ huy. Long Thành có 3 phân đội của Lương Văn Nho, Huỳnh Văn Đạo, Nguyễn Văn Lung, về sau thêm một phân đội ở thành Tuy Hạ. Chiến sĩ đa số là công nhân các sở cao su. Cán bộ có một số đã qua trại huấn luyện du kích Bình Đa - Vĩnh Cửu.

Huỳnh Văn Nghệ vốn là một người của Ủy ban kháng chiến miền Đông, không rút chạy mà gom hơn 30 tay súng trở về quê nhà ở làng Dân Tịch, quận Tân Uyên (hiện nay huyện Tân Uyên thuộc tỉnh Sông Bé), xây dựng một đơn vị. Anh quy tụ được 17 người của Chín Quỳ, là bộ phận vũ trang lưu lạc từ sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ; một phân đội công nhân hàng hải do Đào Văn Quang đưa từ Sài Gòn lên và các thanh niên tự vệ chiến đấu của quận. Cao Văn Bồ - nguyên Tổng Thư ký Ủy ban kháng chiến quận Tân Uyên cũng không rút chạy, chỉ huy một bộ phận nhỏ với 7 cây mít Pháp cùng nhập đơn vị Tám Nghệ.

Đơn vị lấy tên Vệ quốc đoàn Biên Hòa, nhưng thực tế chỉ hoạt động trong địa bàn Tân Uyên. Mảnh đất Tân Uyên là đất rừng, địa thế hiểm yếu, có sông Đồng Nai và sông Bé bao bọc nối liền với Xuân Lộc, một lưng dựa dài rừng mênh mông trải dài lên tận Mã Đà, đường 14. Dân cư thưa thớt và sống chủ yếu bằng nghề trồng mía, làm đường, khai thác gỗ. Tân Uyên lại cách Sài Gòn không xa, cách thị xã Biên Hòa khoảng 15km đường chim bay, có thể nối sang cả đông lẫn tây, khi cần có thể rút lên hướng bắc. Từ căn cứ ban đầu của Vệ quốc đoàn Biên Hòa, dần dần nó thể hiện rõ tính chất của một địa bàn chiến lược và dẫn đến sự hình thành Chiến khu Đ nổi tiếng.

Một trận đánh hợp lực của nhiều đơn vị, trận tiến công vào thị xã Biên Hòa vào đêm 31/12/1945<sup>1</sup>. Về ý nghĩa đó là trận đánh ngay sau khi Hội nghị quân sự An Phú Xã và Hội nghị Xứ ủy mở rộng thành công, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 hình thành, là trận đánh cảnh cáo địch đã tàn sát dã man đồng bào ta trong các cuộc càn vô An Phú Đông, Bình Trị Đông, Bà Hom, Gò Cát vừa qua.

---

1. Có tư liệu ghi là đêm 01/01/1946.

Giải phóng quân Biên Hòa phụ trách phần do thám, trinh sát. Anh Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy chung.

Các đơn vị tham gia chiến đấu có: 1 phân đội của Chi đội 1 Thủ Dầu Một, 1 phân đội pháo của Thủ Đức (do Luật sư Thái Văn Lung chỉ huy), 1 phân đội của Mười Trí ở Bà Quẹo, 1 phân đội của Hai Dung, 1 phân đội của Đào Sơn Tây, 1 phân đội của Công, 1 phân đội của Tô Ký, 1 phân đội của Huỳnh Tấn Chùa. Lực lượng tại chỗ có phân đội của Huỳnh Văn Nghệ và 10 phân đội Bình Xuyên của Dương Văn Dương<sup>1</sup>. Bộ đội Ba Dương như ta đã biết, sau khi rời mặt trận đường 4, Sài Gòn vẫn giữ nguyên được lực lượng, về đứng chân ở Bàu Bông - Vũng Gấm vùng Rừng Sác. Một số tự vệ Công đoàn Nam Bộ bị tản lạc bây giờ cũng tự nguyện gia nhập bộ đội Ba Dương.

Như vậy tổng cộng có 21 phân đội.

Đúng 0 giờ, quân ta bí mật luồn vào thành phố an toàn, địch không hay biết. Mục tiêu công kích gồm các trạm gác, công sở, nhà lao, đầu cầu và trại binh.

Kết quả thành Xăng Đá và sân bay Tân Phong trúng đạn mọcchê và đại liên rất nhiều.

Một bốn xăng gần thành Xăng Đá cháy, ngọn lửa bốc rất cao. Dinh tỉnh trưởng sập mái trước và một phần sân thượng. Cổng sở bưu điện bể một mảng, bay mất bảng hiệu. Mái nhà kho bạc bay ngói. Trại lính Pháp ở Tân Mai cũng trúng nhiều đạn mọcchê. Chợ Biên Hòa bị tromblon VB từ bên kia sông Đồng Nai bắn qua, đạn lép không nổ nhưng làm lủng mái.

Sinh lực địch bị diệt không nhiều, nhưng tiếng vang của trận đánh thì rất lớn. Trận đánh bất ngờ và táo bạo này nhanh chóng dội về Sài Gòn và các tỉnh miền Tây. Báo và đài một số nước có đưa tin, có báo phản bác lại lời tuyên bố ngày nào của Đại tướng Leclerc: “Sau ba tháng sẽ bình định xong xứ Nam Kỳ”.

Huỳnh Văn Nghệ - người chỉ huy trận đánh, cũng là một tâm hồn thơ lai láng. Xưa nay người ta vẫn nhắc nhiều đến anh, với những chiến công của Vệ quốc đoàn Biên Hòa và Chi đội 10 sau này do anh chỉ huy, và với hai câu thơ tiêu biểu nhất của anh:

*“Tù độ mang gương đi mở cõi*

*Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long...”.*

---

1. Có tư liệu ghi: 2 phân đội của Huỳnh Văn Nghệ. Lại có tư liệu khác ghi 2 phân đội của Dương Văn Dương.

Sau trận tập kích vô thị xã Biên Hòa vào đúng đêm Tết Tây này, có thể anh đã cao hứng làm thơ và đọc cho bạn bè, đồng đội cùng thưởng thức.

Trên chiến trường, địch vẫn đang ở thế tiến công. Ngày 25/01/1946, chúng huy động 4.000 quân cùng một lúc mở ba mũi tấn công vào chiến khu Tân Uyên. Dưới thủy có tàu, xuất phát trước ba ngày, bắn phá làng mạc ven sông để mở đường. Trên bộ, xe cơ giới từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 tiến thẳng ra.

Hai phân đội Vệ quốc đoàn Biên Hòa chặn đánh địch từ sáng đến trưa tại Bình Thạnh và cầu Rạch Cốc diệt một số địch trong đó có tên quan ba Pháp.

Đặc biệt trận đánh của hai phân đội này ở Xóm Đèn rất xuất sắc. Khoảng 4 giờ chiều hôm đó, quân địch từ Mỹ Lộc quay về Tân Uyên, khi chúng đang lò dò tìm cách qua một cây cầu đã bị phá sập thì quân ta từ mé rừng bất ngờ nổ súng rồi nhảy ra mặt đường dùng lựu lê, gươm, mã tấu, gậy tầm vông đánh giáp lá cà. Có lựu gươm chém sả vai địch. Có chiếc gậy vót nhọn xuyên thẳng ngực địch. Yểm hộ cho bộ phận đánh giáp lá cà, một khẩu trung liên bắn quét địch đang dồn sát phía bờ sông. Tiểu đội du kích Tân Hòa không có súng thì khua phèng la, đập thùng thiếc giả làm tiếng súng máy uy hiếp tinh thần địch. Chúng khiếp đảm, hàng ngũ rối loạn, một số tên phải giơ tay hàng. Lần đầu tiên trên chiến trường miền Đông, bộ đội ta bắt được tù binh Pháp.

Như vậy cuộc tấn công của quân Pháp bị thất bại hoàn toàn, mặc dù chúng đã huy động một lực lượng đông gồm nhiều binh chủng và vũ khí hiện đại. Tinh thần dũng cảm, tác phong linh hoạt cộng với cách đánh thích hợp của quân ta mang lại thắng lợi đáng khích lệ: 220 tên Pháp bị diệt, 6 xe quân sự và 2 xuồng của địch bị phá hỏng.

Ở miền Đông, tỉnh cuối cùng bị địch chiếm là Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 08/02/1946, quân Anh làm nhiệm vụ mở đường cho khoảng 300 quân Pháp từ Long Thành (bị chiếm ngày 26/01) theo lộ 15 tiến xuống. Bộ đội Mười Tỷ, dân quân thanh niên cứu quốc Bà Rịa nổ súng chặn địch, nhưng chặn không nổi bước tiến của chúng.

Tình hình nội bộ Bà Rịa không được tốt. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến tỉnh là Lê Văn Huế đầu hàng địch ngay khi chúng mới đến cùng tất cả số vàng nhân dân đã góp vào quỹ độc lập. Bọn thổ phỉ Trịnh Ngọc Hiến - Phan Đình Tân (trước đây chỉ huy trung đội bảo vệ Ủy ban kháng chiến Nam Bộ chạy về Bà Rịa) dùng áp lực quân sự tước toàn bộ 300 khẩu súng của lực lượng vũ trang tỉnh, một tỉnh có số súng nhiều nhất ở miền Đông, để khi địch đến thì trắng tay. Chúng còn lấy một số vàng của công quỹ, còn tìm cách bắt được anh Trần Xuân Độ - Ủy viên chính trị bộ Khu 7 đang về giúp tỉnh thành lập Ban Vận động xây dựng Mặt trận Việt Minh

tỉnh. Anh Tân - một chiến sĩ trong lực lượng Hiền - Tân đã giải thoát cho anh Độ, nếu không, anh sẽ bị chúng ám hại. Và cuối cùng khi địch chiếm Bà Rịa, chúng cực kỳ hèn nhát bỏ chạy ra cực Nam Trung Bộ, Trung Trung Bộ rồi tan rã.

Ngoài nhóm Hiền - Tân, những nhóm thổ phỉ khác cũng quậy phá ghê gớm. Nhóm thổ phỉ “Đệ nhị sư đoàn” từng bao vây Quận ủy Long Thành và định bắt đồng chí Bí thư, về sau bị tòa án cách mạng đặc biệt bắt giam và tuyên xử tử hình 4 tên trong tổng số 5 tên cầm đầu. Ba Nhỏ chỉ huy một đơn vị khác từ Thủ Đức chạy về, hống hách, vô cớ giết hại một số đồng bào, “bán đình cứu quốc” (đi tổng tiền, ai không đưa thì đóng đình vào đầu), bị Tòa án binh Khu 7 do Khu trưởng Nguyễn Bình ngồi ghế chánh án tuyên xử tử hình.

Tình hình Bà Rịa dần dần ổn định.

\*

\*      \*

Còn ở miền Tây, sau khi chiếm được bốn tỉnh: Gò Công, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, quân Pháp tạm dừng lại vì chưa đủ lực lượng đánh rộng thêm. Diện tích miền Tây cò bay thẳng cánh lại là chiến trường “kênh rạch như bàn cờ”, từ đó đến cuối năm, chúng tạm bỏ ngỏ chín tỉnh còn lại. Trong khi chờ đợi tăng quân, chúng củng cố các nơi chiếm được, dung nạp bọn Việt gian đang dựng lên bộ máy ngụy quyền các cấp. Biết được bọn Việt gian ở vùng Bảy Núi (Châu Đốc) đang rục rịch nổi lên, Pháp cho 1 đại đội commăngđô nhảy dù xuống Tri Tôn để móc nối (lúc này tỉnh Châu Đốc chưa bị chúng đánh tới). Du kích Tri Tôn vác súng, dao, gậy gộc truy lùng để tiêu diệt. Ngoài số bị diệt, có 14 tên là tù binh trong trận nhảy dù này.

Đây là trận đầu tiên ở miền Tây ta bắt được tù binh Pháp và số tù binh tương đối nhiều.

Ở Long Xuyên, lúc này quân Pháp cũng chưa đến, nhưng có sẵn một trung đội lính Nhật và khoảng 20 lính Pháp dân sự đang chiếm nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Cù Lao Giêng để trú ẩn chờ khi quân Pháp trở lại thì phối hợp hành động (không kể 200 phụ nữ và trẻ con Pháp cùng trú ẩn nơi đây). Vì vậy, trung tuần tháng 11/1945, ta chủ trương dẹp trước bọn này. Anh Nguyễn Hữu Xuyến - Trung tướng Phó Tư lệnh Quân khu 9 đã nghỉ hưu, là người chỉ huy trận đánh này kể lại:

*“Cuối tháng 9/1945, tôi cùng các anh em tù nhân ở Côn Lôn được tàu đón về đất liền, lúc này quân Pháp đã gây hấn ở Sài Gòn. Quê tôi tận ngoài Bắc Ninh, anh Phạm Hữu Lâu rủ về quê anh ở Sa Đéc tham gia kháng chiến, cùng một số anh em quen biết từ hồi ở đảo là Kiều, Thái, Phúc, Quảng. Tôi được Tỉnh ủy Sa Đéc phân công chỉ huy*



du kích tập trung. Ngày 14/11, tôi được lệnh đưa ba đội du kích hành quân bằng tàu, phối hợp với hai đội của Châu Đốc và hai đội của Long Xuyên đánh “đồn” Cù Lao Giêng. Gọi là “đồn” Cù Lao Giêng vẫn đúng, vì đây là một điểm rộng 1 kilômét vuông, có lầu cao kiên cố, có tường thành, ụ canh, trạm gác. Chỉ huy có mấy sĩ quan Nhật. Vũ khí có hàng trăm trung liên, súng trường. Ủy ban kháng chiến Nam Bộ có cử đại diện gặp ba tỉnh chúng tôi để phân công các hướng tấn công, nhưng điều đáng tiếc là đồng chí đó không đứng ra chỉ huy hoặc chỉ định ai là chỉ huy chung.

Lực lượng Sa Đéc chịu trách nhiệm bao vây và tấn công hướng đông, tỉnh Châu Đốc hướng bắc, tỉnh Vĩnh Long hướng tây nam. Đồng chí đại diện cùng đi với lực lượng Long Xuyên.

Từ đêm 15/11 đến hết đêm 16/11, hai đêm và một ngày ta tấn công liên tục, nhưng chưa có kết quả. Có một vài tổ dùng thang vượt tường đột kích vào bên trong, nhưng địch bắn rất nên phải lui ra. Bên ta và bên địch đều có thương vong lẻ tẻ. Lực lượng Sa Đéc của tôi có đồng chí quận đội trưởng Lấp Vò và chú nhỏ liên lạc lọt vào bên trong, bắn nhau với địch và hy sinh. Tuy chưa dứt điểm được, nhưng ta nắm được vị trí địch rõ hơn và biết chắc chúng đang hoang mang dao động. Bên ta cũng xuất hiện tình trạng mệt mỏi, uể oải, cần uốn nắn.

Giữa lúc cần có sự chỉ đạo của cấp trên để tiếp tục hành động thì đồng chí đại diện bỏ về Long Xuyên. Nhưng “ba tỉnh” chúng tôi vẫn giữ quyết tâm cho anh em tạm nghỉ tại chỗ để hội ý với nhau. Anh em bầu tôi làm chỉ huy, còn “hai tỉnh” kia làm cấp phó (xin lỗi lâu ngày quá tôi không còn nhớ tên hai bạn). Nhưng điều quan trọng hơn là chúng tôi nhận thấy được nếu cứ đánh theo lối cũ thì không thể thắng. Bàn qua tính lại, chúng tôi quyết định chuyển sang lối đánh bằng hỏa công.

Lại một ngày bận cầm chừng để lo chuẩn bị xăng, dầu, rơm, chà, giẻ rách. Đến 3 giờ sáng ngày 18/11 thì những thứ đó được đưa vào vị trí: Đó là dãy nhà lính sát liền nhà lầu bọn chỉ huy và nhà kho. Lửa bốc cháy và lan nhanh, lan rộng. Địch la ré, và có cả tiếng khóc lóc thảm thiết của bọn Tây “xivin” cùng vợ con. Nhiều ống trúc thụt thêm xăng vọt qua tường. Nhiều gói mủ dầu chai quăng liên tục vào trong. Vì vậy không chỉ có lửa nóng mà còn có cả khói mù, khét lẹt. Khói chun qua khe cửa, qua mái ngói chẳng khác gì khói công chuột. Bọn Nhật, Pháp bên trong không còn sức để bắn nữa, im re. Thấy vậy cả du kích lẫn đồng bào tràn vô phá cửa rầm rầm. Ta cũng phục sẵn ở cổng chính và phía mé sông hễ địch chạy ra là bắt sống. Bỗng có tiếng kêu “Các ông Việt Minh! Họ đã xin đầu hàng!”. Đó là tiếng của ông linh mục nhà thờ Cù Lao Dung. Vừa kêu, tay ông vừa phất qua phất lại lá cờ trắng. Trừ ông linh mục và một số người có chức phận trong nhà thờ, tất cả bọn Nhật, Pháp đều bị trói gô, chở sang đất liền giao cho cấp trên.



*Trận đánh thắng lợi mang lại phần khởi cho các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long, được cấp trên rất khen ngợi. Lực lượng Sa Đéc trở về với nhiều súng chiến lợi phẩm được chia, được anh Sáu Lầu khao quân và tặng cờ chiến thắng.*

*Còn về mặt tác chiến, rõ ràng ta còn giản đơn, ấu trĩ quá. Nhưng ta cũng có những ưu điểm như biết phát huy yếu tố tinh thần, khai thác sơ hở của địch, linh hoạt xử trí tình huống. Còn chiến thuật hỏa công về sau ít dùng đến nữa, thì trận Cù Lao Dung này càng tỏ ra là trận đánh độc đáo của ta buổi đầu kháng chiến...”* (anh Nhật Quang có cung cấp một tư liệu trong đó nhiều chi tiết khác với lời kể của anh Tám Xuyên, mà thời gian xảy ra trận đánh là từ 12 đến 15/9/1945. Có lẽ nên tiếp tục nghiên cứu để đánh giá độ chính xác của từng nguồn tư liệu).

Tôi biết anh Tám Xuyên rất tâm đắc với trận đánh vỡ lòng trên đây, mặc dầu sau này anh còn đánh dư trăm trận, ngay sau đó là Cổ Cò, Giồng Dứa, Cầu Kè rất giòn giã..., và kể cả những Tua Hai, Phước Thành... thời chống Mỹ. Thì ra “cái buổi ban đầu” thường lưu lại một cách sâu đậm trong mỗi người vậy.

Nhắc đến anh Tám Xuyên, tôi lại nhớ đến người em ruột của anh là Nguyễn Hữu Ngoạn - liên lạc của Trung ương Đảng, bạn tù của tôi năm 1944, đã hy sinh trong Khám Lớn Sài Gòn.

Cần Thơ - thủ phủ của miền Tây bên hữu ngạn Hậu Giang, kiên cường bao vây địch trong thị xã (có tư liệu nói ta bao vây địch trong thị xã Cần Thơ suốt ba tháng). Trong các trận đánh của thị xã và vùng ven nổi lên trận Cái Răng mà đồng bào và chiến sĩ ta thường gọi là trận Lê Bình, tên một trong năm chiến sĩ quốc gia tự vệ cuộc đã chiến đấu và hy sinh tại trận. Thị trấn Cái Răng cách thị xã Cần Thơ 5km. Tại đây có 1 đại đội lính Pháp và 1 đại đội thân binh đóng giữ dưới quyền của tên quan ba Rouen. Sáng 12/11/1945, chợ đang đông, tên quan ba đang ngồi trong nhà việc xét giấy thuế thân cũ và cấp giấy thông hành mới cho dân. Lê Bình, Bùi Quang Trinh và Cao Minh Lộc cùng cải trang mặc áo vải xá xầu (kiểu áo của Hoa kiều) giả đến xin giấy. Lê Bình đứng trước mặt Rouen, móc súng lục bắn liên hai phát thì súng lép, nhưng Rouen bị thương nặng té sắp xuống. Súng của Bùi Quang Trinh và của Cao Minh Lộc bắn vào hai tên giúp việc, được một phát cũng đều lép. Lê Bình bị bọn lính gác phía sau nhà việc bắn trả và hy sinh. Nhưng Bùi Quang Trinh và Cao Minh Lộc đã kịp chạy ra trước sân hạ cờ tam tài xuống, kéo cờ đỏ sao vàng của ta lên đỉnh cột cờ. Sau đó hai anh cũng trúng đạn địch ngã xuống.

Tại Cầu Tàu còn hai đồng đội là Lê Nhật Tảo và Trần Chiến. Hai anh có nhiệm vụ ném lựu đạn và xông vào giật súng bọn lính gác, chiếm Cầu Tàu để cả tổ rút lui. Nhưng lựu đạn không nổ, hai anh cũng hy sinh khi giật súng bọn lính gác. Trận đánh chỉ diễn ra trong vòng 5 phút.

Tên quan ba Rouen bị thương nặng được đưa về Cần Thơ, Sài Gòn điều trị rồi ít lâu sau về Pháp luôn vì mất sức chiến đấu. Nhưng về mặt tinh thần, quân Pháp vô cùng kinh hoàng, từ đó đi đâu cũng sợ Việt Minh xuất hiện bất thần. Còn đồng bào thì thật hể hả, tuy vô cùng thương tiếc các liệt sĩ trẻ tuổi của quê nhà, đêm nào cũng thắp nhang cầu nguyện cho linh hồn các anh.

Trận đánh trên dưới 5 phút đồng hồ ngay sau đó được các báo Pháp tường thuật tỉ mỉ, mỗi báo một kiểu, nhưng tất cả đều ca ngợi lòng dũng cảm tuyệt vời của các chiến sĩ Việt Nam và cách đánh táo bạo, bất ngờ (mà về sau các đội biệt động của ta càng phát huy tốt trong khi hoạt động ở thành phố).

Đến năm 1947, Rouen viết trên báo *Humanité* (Nhân đạo): “Mặt trận Cái Răng do những thanh niên trẻ tuổi tiến công vào sở chỉ huy của chúng tôi, đã làm cho tôi bất tỉnh vì những vết thương trúng vào những chỗ hiểm. Tôi được cứu sống và lương tâm đã thức tỉnh, tôi thấy chính nghĩa và tinh thần dũng cảm của một dân tộc mà trước đây tôi rất xem thường. Tôi không sợ súng của họ, nhưng khiếp sợ tinh thần chiến đấu dũng cảm của họ... Tôi sẽ vận động nhân dân Pháp cùng với chúng tôi ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam để sớm được thành công”.

Số còn lại của Sư đoàn bộ binh số 9 và một tiểu đoàn dù 5.000 tên tiếp tục đổ sang Việt Nam. Tháng 01/1946, quân Pháp đánh chiếm các tỉnh miền Tây còn lại. Đánh vào vùng đồng bằng nhiều kênh rạch, sông ngòi, chúng có hai thông báo hạm Gazelle và Annamite đi kèm. Về vũ khí, quân Anh bắt đầu “bàn giao” đất “Nam Kỳ” cho Pháp để rút về nước với khá nhiều vũ khí để lại.

Trong vòng chưa đầy một tháng, quân Pháp lần lượt chiếm được Sóc Trăng, Trà Vinh (04/01), Sa Đéc, Long Xuyên (09/01), Châu Đốc, Hà Tiên (20/01), Rạch Giá (26/01), Bạc Liêu (29/01), Cà Mau (05/02) và Bến Tre là tỉnh cuối cùng (08/02). Thương tiếc anh Dương Văn Dương đưa 500 quân về Bến Tre, mới đánh được một số trận thì anh hy sinh vì đạn máy bay ngày 16/02/1946 tại Xóm Cò, quận Ba Tri.

Leclerc ra thông cáo tuyên bố với các nhà báo: “Công cuộc bình định Nam Bộ và Nam phần Trung Bộ như vậy là hoàn tất”. Ta miễn bình luận về lời tuyên bố trên, vì sự thật sẽ được bày tỏ một thời gian ngắn ngay sau khoảnh khắc này, khoảnh khắc mà địch tiến tới đâu, ta lui tới đó, chúng đang làm chủ các thị xã, thị trấn và trục lộ giao thông. Miền Tây có vùng rừng ngập mặn U Minh thuộc hai tỉnh Rạch Giá và Bạc Liêu. Lúc này một bộ phận lực lượng vũ trang Trung Nam Bộ (Khu 8) rút về Đồng Tháp Mười, còn đại bộ phận dồn cả xuống đây, trong đó có cả Khu bộ trưởng Đào Văn Trường. Khi địch đến chiếm đất, bộ máy lãnh đạo cũng như bộ máy chính quyền của các tỉnh đều rút khỏi địa phương, nhưng điều đáng nói là tình trạng phân tán mỗi người một ngả không liên lạc được với nhau, không bàn bạc quyết định

được điều gì. Sự sàng lọc và phân hóa trong tình hình này cũng là điều không tránh khỏi. Xứ ủy cũng bị phân tán, không nắm được các tỉnh ủy để chỉ đạo.

Khái quát lại, tình hình từ tháng 12/1945 đến tháng 02/1946 như sau:

Khu 7 còn tiếng súng lẻ tẻ ở một số nơi.

Khu 8 hầu như không còn tiếng súng kháng chiến.

Khu 9 bị địch đánh đồn vào rừng và phong tỏa.

Cuối tháng 02/1946, các cán bộ quân dân chính của Khu 8, Khu 9 cũng như Trung ương ủy viên, Xứ ủy viên đang có mặt ở vùng Thới Bình, Chắc Bàng, An Biên, Tân Bàng... đều nhận thấy cần thiết họp nhau lại để phân tích, đánh giá tình hình, đề ra phương hướng, biện pháp hành động. Các đồng chí có mặt trong cuộc họp đó: Võ Sĩ, Cao Hồng Lãnh, Văn Viên, Ung Văn Khiêm, Vũ Đức, Phan Trọng Tuệ, Huỳnh Phan Hộ, Đào Văn Trường... Cuộc họp này có thảo luận, có tranh cãi, nhưng không có kết luận, biểu quyết, ai thấy ý kiến nào mình cho là đúng, cứ vậy làm theo. Có ý kiến, lúc này của số ít người, chủ trương ở lại chiến đấu với địch, ai ở tỉnh nào về lại tỉnh đó, gây dựng lại cơ sở, giữ vững liên lạc với nhau và chờ chỉ thị của Trung ương. Nhưng có ý kiến phải đưa lực lượng vũ trang lộn trở ra Trung Bộ, dựa vào lực lượng chi viện của toàn quốc đánh lấy lại Nam Bộ, đường đi lựa chọn là vòng ra biển ngược lên phía bắc, nếu cứ ở lại thì sẽ ngày càng bị địch dồn vào rừng U Minh và bao vây tiêu diệt.

Các cán bộ quân sự hầu hết không tán thành chủ trương này, chủ trương “xuyên đông” như mọi người hay gọi. Cuối cùng chỉ có Khu trưởng Khu 8 Đào Văn Trường và 1 trung đội của Khu 8 từ Sóc Trăng đi bằng ghe biển. Thật ra cũng còn một vài đơn vị “xuyên đông”, nhưng bị địch ngăn chặn nên phải chôn giấu súng tại chỗ rồi quay trở lại U Minh, Cà Mau.

Còn một số cán bộ, cũng ít thôi, dao động định chạy qua Thái Lan để lánh. Vừa lúc ấy, các đại biểu Quốc hội vừa đắc cử được triệu tập ra Hà Nội dự kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa I, định quá cảnh qua Thái Lan. Cũng lúc ấy, Bộ Tư lệnh Khu 9 cử một số cán bộ mang vàng trong “quỹ độc lập” sang Thái Lan mua súng chở về và tổ chức cho Việt kiều trở về tham gia chiến đấu. Từ đó mà có từ “xuyên tây” thỉnh thoảng ta có nghe nói đến. “Xuyên tây” có nghĩa là “qua Thái Lan” chứ không phải là chủ trương của ai cả.

\*

\* \*

Từ 23/9/1945 đến cuối tháng 02/1946, đây chỉ là khúc dạo đầu của bản đại hùng ca kháng chiến chống Pháp mà ngay từ buổi đầu Đảng và Hồ Chủ tịch xác

định là “toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính”. Chính vì tính chất “toàn dân, toàn diện, trường kỳ” đó mà tôi muốn nói thêm một vài điều sau đây, những điều chưa nhắc đến khi chúng ta điểm lại tình hình chiến sự.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, kẻ địch và cả rất nhiều người trên thế giới đã đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Họ không giải thích được tại sao dân “An Nam mít” vong quốc nô, lạc hậu, dốt nát, lại dám đương đầu chống lại quân Pháp, và không ít phen làm cho quân Pháp khuynh đảo?

Đúng, mới hôm qua hai mươi lăm triệu dân Việt Nam mà thực dân Pháp khinh miệt gọi là “An Nam mít” đều là người nô lệ lầm than, đói rách và ngu dốt là bạn đồng hành của họ. Nhưng hôm nay họ đã là chủ nhân ông của một quốc gia độc lập. Sự đổi đời này làm cho toàn dân tộc Việt Nam cùng đổi về chất, nhiều cái hôm qua chưa thể có hoặc chưa hình thành rõ thì hôm nay mặc nhiên là cái “vốn có”. Một trong những cái “vốn có” đó là tinh thần yêu nước thương nòi biểu hiện bằng khí thế cách mạng sôi nổi chưa từng thấy.

Ở phần trên, tôi đã có dịp nói đến thái độ đáng quý của một số trí thức, nhân sĩ Sài Gòn đối với Cách mạng Tháng Tám, nhưng dường như tôi thấy vẫn chưa thiết đầy đủ. Anh Phạm Ngọc Thuần, anh Nguyễn Thành Vĩnh, anh Thái Văn Lung... và còn nhiều người khác nữa, khi chiến tranh bùng nổ, thái độ của họ càng dứt khoát và quyết liệt hơn. Hành động yêu nước của họ thật đáng ca ngợi và khâm phục.

Chẳng hạn, anh Thái Văn Lung, một trong nhiều dẫn chứng. Là dân Tây, với tên Albert, du học bên Pháp từ nhỏ, nói tiếng mẹ đẻ không thạo, tín đồ Thiên Chúa giáo, Trung úy quân đội Pháp, đã từng tham chiến ở Xiêm (Thái Lan). Là luật sư, năm 1941 giải ngũ, Tòa thượng thẩm Sài Gòn đón vào làm việc ngay, danh vọng và giàu sang chẳng phải nhọc lòng kiếm ở đâu xa. Nhưng nay anh tuyên bố bỏ quốc tịch Pháp để hãnh diện làm người Việt Nam. Anh cùng ba nhà trí thức khác là Luật sư Phạm Ngọc Thuần, Giáo sư Phạm Thiều và Kiến trúc sư Phạm Ngọc Thảo mở trường quân chính để đào tạo cán bộ chỉ huy cho bộ đội (theo anh Bích Lâm thì anh Thái Văn Lung có lập “bộ đội các luật sư” ở Thủ Đức).

Chẳng may trong một chuyến đi công tác, anh Thái Văn Lung bị địch bắt được. Trước tiên là chúng dụ dỗ, không được, chúng dùng cực hình tra tấn. Anh không đầu hàng, hơn vậy, còn hiên ngang chửi thẳng vào mặt quân cướp nước. Cuối cùng, địch bí mật thủ tiêu anh rồi dùng dây thừng treo cổ anh lên xà nhà, phao tin anh tự sát. Trước đó anh đã tâm sự với một đồng chí cùng bị giam một phòng: “Tôi chắc giặc Pháp không còn để tôi sống được bao lâu nữa, nhưng dù chết tôi vẫn không buồn tức gì cả. Tôi sung sướng coi như đã hoàn thành nhiệm vụ của mình đối với

nước nhà. Nếu em may mắn được trở về thì hãy nói với đồng đội chúng ta cố gắng hết sức mình hướng về mục đích mà chúng ta xác định cho đến ngày chiến thắng cuối cùng”.

Xin được miễn bình luận về thái độ sống, chiến đấu và những lời nói cuối cùng đầy lạc quan, tin tưởng, đầy tinh thần trách nhiệm của một con người từng sống trên vàng son nhưng lựa như anh Lung.

Ở miền Tây, gia đình cụ Trương Công Thiện là dẫn chứng khác. Cụ từng làm Chủ quận hàm Đốc phủ sứ rồi Chủ tỉnh Bạc Liêu. Cách mạng đến, cụ từ giả quan trường về sống ở Cái Vồn (Cần Thơ). Chính trong thời điểm thiêng liêng này của đất nước, cụ khuyên tất cả bốn người con trai của mình gia nhập bộ đội cách mạng. Người con út lúc này đang học bên Pháp, tự tay cụ biên thư gọi anh về với mục đích vừa nói trên. Năm 1983, cụ từ trần với cương vị Ủy viên Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tiền Giang, thọ 87 tuổi.

Còn bốn người con trai của cụ, hiện nay đều là cán bộ khoa học tài năng:

Trương Công Trung - Giáo sư bác sĩ, Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Trương Công Cán - Bác sĩ, Phó Giám đốc Bệnh viện Thống Nhất Thành phố Hồ Chí Minh.

Trương Công Kháng - Kỹ sư, Phó Giám đốc Xí nghiệp Sinco Thành phố Hồ Chí Minh.

Trương Công Tín - Kỹ sư, Phó Viện trưởng Viện Khoa học nông nghiệp miền Nam.

Ở Bến Tre, cụ Nguyễn Ngọc Tương, là Đức giáo tông, người sáng lập ra Hội thánh Ban Chỉnh đạo Cao Đài (tôn giáo Cao Đài có ba phái: Tiên Thiên, Ban Chỉnh, Tây Ninh) vào năm 1925. Dưới sự lãnh đạo của cụ, Hội thánh Ban Chỉnh đạo có sự đóng góp tích cực cho kháng chiến. Hội thánh tặng Ủy ban kháng chiến tỉnh Bến Tre một xưởng in với toàn bộ máy móc, lò đúc bản chữ, chữ in, giấy và mực. Chiến sĩ ngoài mặt trận nhận được nhiều áo lạnh, khăn choàng, khăn tay do các nữ tu và các giáo hữu gửi tặng.

Hai anh con trai của cụ Nguyễn Ngọc Tương đều là kỹ sư du học ở Pháp về, tham gia công tác từ những ngày đầu cách mạng thành công. Anh Nguyễn Ngọc Bích là Khu bộ phó Khu 9. Anh Nguyễn Ngọc Nhựt bị địch bắt được và đem về Sài Gòn giam ba năm. Anh ra tù được ba ngày thì từ trần vì cơ thể đã tàn tạ, được truy tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất.



Anh em công nhân trong thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, như ta đã biết, từ tay búa tay kềm chuyển tay súng rất nhanh chóng không hề ngỡ ngàng. Những đội cảm tử công đoàn, tự vệ công đoàn đã chứng tỏ điều đó. Khi vòng vây Sài Gòn - Chợ Lớn của ta bị phá thủng, đại đa số anh em đã rời thành phố ra đi, sáp nhập cùng bộ đội của các tỉnh và bộ đội Bình Xuyên. Còn công nhân của các tỉnh, chủ yếu là công nhân cao su, cũng thực hiện chính sách bất hợp tác với địch một cách triệt để. Cuốn *Lịch sử nông trường cao su Cẩm Mỹ* (tức đồn điền cao su Courtenay trước đây) có đoạn ghi:

*“Ngày 25/01/1946, giặc Pháp đánh chiếm các vùng cao su ở Biên Hòa và Bà Rịa. Courtenay là một đồn điền lớn của Công ty Đất Đỏ, nơi có xưởng máy, xưởng chế biến mủ, sớm muộn gì giặc Pháp cũng sẽ đánh đến. Với ý thức không để bọn chủ Tây trở lại bóc lột, trước đó mấy ngày Ban tự quản đồn điền quyết định cho công nhân “tiêu thổ kháng chiến”. Công nhân nhà mủ, chắt mủ bành, mủ cờ, xếp thành đống và nổi lửa. Công nhân nhà máy, tháo gỡ máy tiện, lấy những bộ phận máy cần cho kháng chiến, đập phá máy móc. Anh em văn phòng, mang hết máy chữ và vật dụng cần thiết đi nơi khác. Lớp bồi dưỡng con thơ, lớp gánh gồng nổi soong, bỏ sở ra đi. Một số ra rẫy làm ăn, một số về Bà Rịa, Long Thành, ra khu kháng chiến. Có nhiều anh em sau này trở thành công nhân xưởng quân giới Nam Bộ đóng tại Phú Mỹ (Bà Rịa)”.*

Số đông các công nhân đồn điền vùng Xuân Lộc (Biên Hòa) gia nhập quân đội hoặc kéo vào rừng tổ chức thành các đội du kích. Vì vậy khi chiếm xong được đồn điền nào là địch bố ráp ngay. Ở đồn điền An Lộc, địch bắn chết một lúc gần một trăm công nhân để uy hiếp tinh thần những người khác. Nhưng trước họng súng quân thù số anh em không hề run sợ, đã hô vang trước khi ngã xuống: “Đả đảo xâm lược! Việt Nam muôn năm!”

Vùng cao su của tỉnh Thủ Dầu Một cũng vậy. Công nhân phá hoại các cơ sở sản xuất của đồn điền một cách triệt để. Khi địch hành quân đánh chiếm đồn điền Dầu Tiếng, Quản Lợi và Lộc Ninh, hàng chục tên bỏ mạng vì vũ khí thô sơ của công nhân và nhân dân.

Chắc chúng ta đều biết trong những ngày đầu Chính phủ lâm thời chỉ có hai triệu đồng bạc Đông Dương lấy trong kho bạc của Pháp - Nhật. Đó là số tiền quá ít ỏi so với nhu cầu chi tiêu của một quốc gia. Vì vậy Tổng bộ Việt Minh phát động “Tuần lễ vàng” từ ngày 10 đến ngày 17/9/1945 để lập “Quỹ Độc lập” xây dựng đất nước và mua sắm vũ khí trang bị cho bộ đội. Kết quả thật mỹ mãn và về mặt tinh thần yêu nước của đồng bào thật đáng tự hào.



Dù ở nơi đô hội hay vùng hẻo lánh của đất nước đều có những mẩu chuyện cảm động. Những người vợ hiến đôi bông tai hoặc cái nhẫn cưới, vật kỷ niệm thiêng liêng của mình. Những cụ già neo đơn, nhờ người bán cổ hậu sự của mình để lấy tiền góp vào quỹ. Những bà mua thúng bán bưng cứ sau mỗi buổi chợ lại gọi nhau bớt một ít tiền lời góp vào quỹ...

Tiếp theo là “Tuần lễ đồng”. Nói là tuần lễ, nhưng ở nhiều nơi kéo dài cả tháng. Một khẩu hiệu kêu gọi khá văn vẻ và dễ nhớ:

*“Dem đồng, dem đỉnh đi đâu?”*

*Dem đi đúc đạn, đập đầu Đờ Gôn”*

Cần nhiều đồng để đúc đạn đánh giặc, đồng bào đâu tiếc, nô nức góp không biết bao nhiêu lư hương, chân đèn, mâm thau, tiền đồng, nổi đồng..., trong đó có cả hàng trăm ngôi chùa.

Sau đó ở một số tỉnh còn “Tuần lễ áo rách”, “Tuần lễ thuốc tây”, rồi phong trào “Hũ gạo cứu đói”, “nuông cơm sẻ áo”. Chủ trương nào, phong trào nào cũng được đồng bào hưởng ứng sôi nổi và hoàn toàn tự nguyện. Năm 1945, “nạn đói Ất Dậu” cướp đi sinh mạng của hơn hai triệu người ngoài Bắc, là hậu quả tội ác tày trời của bọn thống trị Pháp - Nhật. Gần mười triệu dân trong Nam tuy chưa đói là nhưng cũng vô cùng nghèo khổ: Ăn cơm gạo hẩm, mặc quần áo bao tời, thấp đèn dầu u, miền Tây bị dịch tả hoành hành. Nhờ lá lành đùm lá rách mà dần dần đồng bào vượt qua được.

Nam Bộ có hàng ngàn kilômét bờ biển và nhiều làng chài ven biển. Bà con ngư dân đã vượt biển cả ra Côn Lôn đón tù chính trị về đất liền và liền sau đóng góp thêm nhiều ghe chài cho cách mạng chở súng từ Trung Bộ về, chở cán bộ qua Thái Lan công tác, và dùng làm cản qua các dòng sông, dòng kênh làm chậm bước tiến của địch.

Các đơn vị vũ trang, nếu ví như những bông hoa, thì lúc này đang nở rộ trong vườn xuân đất nước. Loại trừ một số đơn vị ung thối do người cầm đầu là phần tử cơ hội, hàng trăm, hàng trăm đơn vị tự lập ở thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền ngược, ngay lúc ra đời đã mang rõ tính nhân dân đậm đà. Những thanh niên công nhân, nông dân, trí thức, viên chức, sinh viên, học sinh cầm súng đó, chỉ huy cũng như chiến sĩ, tất cả đều từ nhân dân mà ra. Họ được gia đình khích lệ, xóm ấp nuôi nấng, đùm bọc, dựa vào dân tồn tại và đánh giặc.

Đây là quận Long Thành (Bà Rịa), khắp các làng ấp vang lên khẩu hiệu “thà chết không chịu làm nô lệ”. Trong sân nhà hội Long Thành - trụ sở của Ủy ban nhân dân lâm thời quận, từ sáng đến tối vang dậy tiếng bước chân đi đều, tiếng hô

“một, hai” của các chiến sĩ cộng hòa vệ binh. Anh em tập đội ngũ, tập tháo ráp, sử dụng súng, tập các động tác cơ bản trong chiến đấu, tập võ thuật, đánh đao, bắn nã...

Để phục vụ việc ăn uống cho cộng hòa vệ binh, Ủy ban nhân dân lâm thời quận thành lập một ban tiếp tế do ủy viên tài chính phụ trách. Gạo, mì, khoai, bắp, cá, rau, thịt đều do ban tiếp tế lãnh của đồng bào đem đến. Mỗi ngày có tới vài ba chục chị em phụ nữ tham gia vận chuyển và nấu nướng.

Ở quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long (đến năm 1946, thì thuộc Bến Tre), khí thế cách mạng sôi sục trong toàn dân. Ban ngày, đồng bào kêu nhau đi hàn sông phá lộ, sản xuất vũ khí, vận động quyền góp tiền bạc, lương thực... Đêm đến khắp xóm ấp đèn đuốc lửa trại nổi lên. Nơi học ca hát, nơi học võ dân tộc, học động tác chiến đấu. Đặc biệt ở những bãi tập lớn có bàn thờ Tổ quốc rất trang nghiêm. Nhiều cán bộ lãnh đạo và nhiều bậc cha mẹ đến khuyến khích con em mình học hành luyện tập. Những lúc nghỉ tập, các mẹ, các chị dọn bánh trái ra để giải lao, còn người lớn tuổi thì ngồi bên chung trà đàm đạo, mỗi người một câu góp vào đề tài chống xâm lược. Cũng có nhiều ý lo lắng rằng chí có thừa nhưng lực lại yếu và thiếu súng đạn, nhưng khi bàn đến chỗ khó khăn này thì nhiều cụ nhìn lên ảnh Bác Hồ rồi nói: “Cứ tin lời cụ, làm theo lời cụ thì xong tất cả, đánh Tây lấy súng”. Đoạn miêu tả trên đây mà tôi cho là khá sinh động, được trích trong cuốn *Lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Chợ Lách*, in năm 1989.

Làng Mỹ Tú cùng với 76 làng khác của tỉnh Sóc Trăng, trước khi bị quân Pháp chiếm đóng, là trạm hậu cần của một số tỉnh miền Tây. Anh Hai Bùi - Bí thư Chi bộ năm 1946 kể lại:

*“Năm ấy ở quê nhà có một số gia đình nghèo bị đói. Chính quyền đã tịch thu lúa của địa chủ và muối trong kho cấp cho bà con, cả người Việt và người Khơme. Bà con đáp lại bằng những câu rất cảm động: Đây là gạo muối của Cụ Hồ, Việt Minh thương dân thiệt tốt”.*

Giáp Tết Bính Tuất (1946), Mỹ Tú nhận lãnh mười hai thương binh về nuôi dưỡng. Tuy là một làng nghèo, nhưng sự chăm sóc anh em rất tận tình. Các má, các chị thay phiên nhau lo từng miếng cơm, tô cháo, đến viên thuốc, gói quà. Tết năm đó anh em đón xuân trong tình cảm đầm ấm, thương yêu nhất mà đồng bào dành riêng cho mình.

Các cơ quan Quận ủy Châu Thành đóng dọc theo Kinh Xáng, các cơ quan Tỉnh ủy Sóc Trăng đóng ở Ba Rẹt, Trà Cú, đều trên địa bàn Mỹ Tú. Vì vậy, thư chúc Tết của Hồ Chủ tịch nhân dịp Tết Bính Tuất được phổ biến đến từng gia đình, từng người đến dịp thời, mang lại niềm vui lớn:

*“Hỡi đồng bào cả nước!*

Hôm nay là mồng một Tết năm Bính Tuất. Ngày Tết đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi thay mặt Chính phủ chúc đồng bào năm mới muôn sự tốt lành.

Tôi riêng chúc các gia quyến của các chiến sĩ thân yêu, năm mới vui vẻ.

Năm mới, đồng bào ta sẽ phấn đấu cho một đời sống mới, ai cũng góp sức vào cuộc kháng chiến lâu dài, để làm cho nước ta được hoàn toàn tự do độc lập.

Năm mới đồng bào ta đoàn kết càng chặt, tranh đấu càng mạnh, sản xuất càng nhiều. Chúc đồng bào:

*Trong năm Bính Tuất mới*

*Muôn việc đều tiến tới.*

*Kiến quốc chóng thành công,*

*Kháng chiến mau thắng lợi.*

Trong dịp Tết này, đồng bào khắp nơi, từ các cụ già đến các em trẻ, đã gửi cho tôi nhiều thư từ và quà bánh. Tiếc rằng tôi không thể trả lời từng người được. Vậy tôi xin trân trọng cảm ơn chung hết thầy đồng bào yêu mến.

*Hỡi các chiến sĩ yêu quý!*

Trong khi đồng bào ở hậu phương đốt hương trầm để thờ phụng Tổ tiên, thì các chiến sĩ ở tiền phương dùng súng đạn để giữ gìn Tổ quốc. Trong khi đồng bào ở hậu phương rót rượu mừng xuân, thì các chiến sĩ ở tiền phương tuốt gươm giết giặc. Các chiến sĩ hăng hái chống địch, để cho đồng bào được an toàn mừng xuân.

Trong mấy ngày Tết, đồng bào ở hậu phương ai cũng đoàn tụ sum vầy chung quanh những bình hoa, mâm bánh. Mà các chiến sĩ thì ăn gió nằm mưa, lạnh lùng ở chốn sa trường. Song, hình dung các bạn thì ấm áp trong lòng thân ái của mỗi một quốc dân.

Hiện nay, bọn thực dân Pháp ra sức tấn công, chúng nó mưu chiếm nước ta từ 16 độ trở vào Nam. Tình thế tuy nghiêm trọng, nhưng chắc các chiến sĩ quyết ra sức chống giữ để phá tan âm mưu của chúng, đồng thời Chính phủ và toàn quốc đồng bào quyết đem tất cả tinh thần, lực lượng để giúp các chiến sĩ. Chúng ta quyết không để cho bọn thực dân Pháp trở lại đè nén chúng ta.

Tôi thay mặt Chính phủ và toàn quốc đồng bào chúc các chiến sĩ năm mới mạnh khỏe và thắng lợi”.

Trên chiến trường sông nước miền Tây, đồng bào chèo ghe đưa bộ đội sang sông đánh giặc là một hình ảnh đẹp thường được đưa vào thơ nhạc, đôi khi được miêu tả có phần thơ mộng. Nhưng trong cuộc hành quân của bộ đội Ba Dương từ Rừng Sác về chi viện cho mặt trận Bến Tre, trong mười hai ngày (từ 05/02 đến 16/02/1946) vừa đi vừa đánh địch để mở đường tiến, đoàn quân đó đã vượt qua biết bao con sông: Soài Rạp, Rạch Cốc, Vàm Cỏ, Tra, Rạch Kiến, Ba Lai... Đồng bào ở những vùng đó đã rất khôn khéo và dũng cảm để đảm bảo cho bộ đội khi tập kết, trú quân, vượt sông cách đồn bót địch chỉ trong gang tấc, nhất là đồng bào hai làng Châu Hòa và Châu Bình, thuộc quận Tân Kế tỉnh Bến Tre (quận Tân Kế thành lập sau Cách mạng Tháng Tám đến cuối năm 1949 thì giải thể, các xã sáp nhập vào hai quận Ba Tri và Châu Thành). Rồi ngày 16/02/1946, chính tại xóm Cò làng Châu Bình, Tư lệnh Bình Xuyên Dương Văn Dương trúng đạn từ máy bay địch bắn xuống và hy sinh trong sự thương tiếc của quân và dân. Vì địch đã tràn đến nên việc an táng anh Ba Dương phải tiến hành hết sức bí mật, nhưng tên tuổi, hình ảnh của anh còn đọng mãi trong lòng người dân miền sông nước.

Có một điều cũng rất thú vị là người chiến sĩ và người dân như đã hòa vào nhau. Giặc đến, người dân xông ra đánh giặc với bất cứ vũ khí nào có trong tay, để rồi sau đó họ lại trở về làm người dân thường một cách hết sức tự nhiên. Thú vị nhưng hoàn toàn dễ hiểu, vì tục ngữ đã có câu: “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Tuy nhiên không phải ở bất cứ mảnh đất nào, ở thời đại nào cũng có được.

Năm 1985, về An Giang dự hội nghị thông qua công trình lịch sử của tỉnh, tôi ghi nhớ một hình ảnh: “tháng 11/1945, hòa thượng chùa Sân Tiên (Núi Cấm) cùng cán bộ địa phương chỉ huy lực lượng nhân dân vây bắt toàn bộ 14 tên địch ngay sau khi chúng nhảy dù xuống Tua Tà Men (Tri Tôn) để móc nối với bọn phản động, chuẩn bị cho quân Pháp đánh tới”. Hình ảnh vị hòa thượng xưa nay chỉ quen việc kinh kệ, ra khỏi cổng chùa để hòa nhập vào cuộc đấu tranh chung của toàn dân tộc, để lại trong tâm trí tôi một ấn tượng mạnh mẽ khó quên.

Ở Tam Phước (Bà Rịa) trung tuần tháng 9/1945, có cô hàng nước xinh đẹp chịu đùa cợt nhả nhót với hai tên lính Nhật để mấy anh trai làng có đủ thời gian lấy hai khẩu súng của chúng để trên buồng lái ô tô mang đi. Chuyện tưởng như dễ ợt nhưng nếu không có bản lĩnh và mưu trí cao, vị tất đã làm được.

Người liệt sĩ đầu tiên của chiến khu Xuyên Phước Cơ (Xuyên Mộc - Bà Rịa) là anh Kéo, đoàn viên Thanh niên Tiền phong. Tháng 10/1945, hai tiểu đội lính Pháp và Nhật đổ bộ vào đất liền, nổ súng bừa bãi và bắt đi 12 thanh niên dẫn theo lên

sở cao su Láng Lớn. Lợi dụng lúc địch đang ăn nhậu, anh Kéo trèo lên mái nhà ném chai xăng châm lửa xuống ngay giữa mâm rượu của chúng. Anh trúng đạn địch, hy sinh sau khi diệt được một số tên trong bọn chúng, buộc chúng phải hoảng hốt rút lên phía lộ 1.

Ở làng Bình Hòa thuộc chiến khu Thuận An Hòa (Thủ Dầu Một) có chuyện khó tin nhưng có thật. Bốn anh thanh niên với bốn cây tầm vông vạt nhọn dàn hàng ngang dọc lộ chặn một chiếc xe tăng Nhật đang đi tới. Nếu chiếc xe tăng tiếp tục chạy thì bốn con người tay không tấc sắt đó sẽ bị nghiền nát. Nhưng nó đã dừng lại, trù trù trong phút chốc rồi quay đầu trở lại hướng cũ! Không có gì khác, chính khí thế của đồng bào ta lúc đó buộc chúng phải hành động ngoan ngoãn như vậy, mặc dầu chúng là những tên phátxít chính hiệu.

Địch chiếm đất nhưng không chiếm được lòng dân.

Ông Hồ Nguyên trước là Giám đốc Sở Thí nghiệm nông lâm Trảng Bom. Địch kêu ông trở lại làm việc cho chúng, hết dụ dỗ lại hăm dọa. Nhưng tâm niệm nghĩa vụ người dân là phải bất hợp tác với quân cướp nước, ông một mực từ chối. Bà con trong vùng đều tỏ lòng cảm phục ông, một trí thức yêu nước.

Tháng 01/1946, quân Pháp phục kích bắt được anh Điều Xiển, người dân tộc Chơ Ro, vừa đắc cử đại biểu Quốc hội tỉnh Biên Hòa. Chúng cũng giở trò mua chuộc, hứa cho chức cho tiền. Anh hiên ngang nói: “Thà chết tao không đầu hàng Tây”. Chúng cột anh sau xe jeep mở máy chạy cho đến khi thi thể anh bầm dập nát bét.

Khắc sâu thù giặc và noi gương người cán bộ anh hùng của dân tộc mình, ngay sau đó đồng bào Chơ Ro ở Xuân Lộc cắt máu ăn thề, đổi họ Điều, lấy họ Hồ Chí hoặc Nguyễn Ái với tinh thần nguyện là con cháu Cụ Hồ kính yêu.

Ông Tài là nhà trí thức và tư sản chủ hãng xe đồ chạy đường Gò Công - Sài Gòn, khi giặc chiếm Gò Công, quê nhà ông, ông bỏ tất cả sản nghiệp để tham gia kháng chiến. Tháng 02/1946, địch bắt được ông ở Bình Đại (Bến Tre). Tên quan một Tây lai Lơ Roa biết ông là tầng lớp trên nên muốn thả ông với điều kiện ông phải ra chợ Bình Đại hô: “Đại Pháp vạn tuế!”. Nhưng chúng không ngờ khi ra giữa buổi chợ đông người, ông đồng dạ hô to: “Cụ Hồ muôn năm! Việt Nam độc lập muôn năm!”. Ông điềm nhiên lãnh đủ mấy viên đạn của địch.

Tinh thần đấu tranh của đồng bào Sa Đéc trước tội ác man rợ của địch cũng nên nhắc lại. Cuối tháng 01/1946, sau khi chiếm được thị xã Sa Đéc, quân Pháp đi đến đầu thả của bắn giết trâu, bò, heo, gà, vịt, cướp lúa gạo đến đó. Chúng còn

giết người, chặt đầu, moi gan ăn và xẻ thịt bắt ép dân mua. Bến chợ Sa Đéc và nhà Hội đồng Tư ở Lấp Vò là hai điểm đón ghe, bắt mỗi chiếc phải mua 1kg với giá 1 đồng. Đồng bào mua xong, chèo ghe đi kiếm đèn nhang khăn vải vong hồn người bị giết hại và chôn miếng thịt. Đêm 29/02/1946, quân Pháp chở 10 người đến chặt đầu tại nhà lồng chợ Sa Đéc. Sáng hôm sau đồng bào kéo đến đông nghịt chửi rửa, lên án địch. Chúng bắn súng chỉ thiên để giải tán, nhưng đồng bào không sợ. Về sau địch phải chấm dứt hành động man rợ này để xoa dịu lòng căm phẫn của dân.

Qua một số sự việc nêu trên, ta thấy rõ con người Việt Nam, ý chí Việt Nam như thế nào. Rất anh hùng!

Ngày 02/9/1945, Hồ Chủ tịch long trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, báo hiệu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngay ngày hôm sau, 03/9/1945, Hồ Chủ tịch lên tiếng phát động đồng bào cả nước tiến công vào ba mặt trận: Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.

Cuối tháng 9, Trung ương Đảng cũng có Chỉ thị *Kháng chiến và kiến quốc*, đề ra những nhiệm vụ có tính chất toàn diện cho Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ. Vì vậy, Nam Bộ không chỉ tập trung đánh giặc mà còn tranh thủ làm nhiều việc khác, nhất là ở những vùng chiến sự lan tới sau.

Cùng với việc thiết lập bộ máy chính quyền các cấp, Mặt trận Việt Minh công bố 10 chính sách ích nước lợi dân, mọi người đều tán thành. Các giới đồng bào đều có đoàn thể của mình: Công nhân Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc... Tuổi nhỏ có Đội Thiếu niên Tiền phong, Đội Nhi đồng cứu vong. Ai ai cũng được tập hợp, cũng được tổ chức đảng có điều kiện phục vụ kháng chiến.

Công cuộc “diệt giặc đói” đi liền với chủ trương giảm tô, giảm tức từ 25% đến 50%, chủ trương khai hoang, đào kênh. Một số nơi thành lập tổ hợp rên, tổ sản xuất, góp tiền mua trâu luân phiên sử dụng.

Công cuộc “diệt giặc dốt” ở nhiều nơi diễn ra như ngày hội. Thiet vậy, thanh niên đi học đã đành, mà người lớn tuổi, ông già, bà lão đều náo nức đến những lớp mở ngay gần nhà mình. Các lớp học mở ra tấp nập. Đêm đêm ánh đèn dầu lấp lánh như đom đóm theo bà con đến lớp học. Giáo viên không thiếu vì không cần trình độ cao, người biết chữ dạy cho người chưa biết. Chuyện nơi nào cũng có là đặt kiểm tra ở ngã ba, ngã tư các bà hay đi chợ qua để hỏi mặt chữ. Ai chưa biết đều phải dừng lại học năm mười phút rồi mới được đi tiếp.



Sự dốt nát cũng như các nỗi cực nhục trong lòng người và các tệ mê tín dị đoan, cờ bạc, trộm cắp như được luồng gió cách mạng cuốn đi tất cả. Tất nhiên không thể tuyệt đối, nhưng còn một số ít du đảng quậy phá, chính quyền cách mạng đã nghiêm khắc trừng trị.

Một thành quả lớn của cách mạng vừa đem tới: ngày 06/01/1946, tất cả mọi công dân từ 18 tuổi trở lên không phân biệt nam nữ, tôn giáo, dân tộc, thành phần, đều được đi bầu cử đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Quyền lợi to lớn đồng thời là nghĩa vụ thiêng liêng này, trước đây nằm mơ cũng không có được. Ý thức công dân của đồng bào thể hiện rõ trong ngày bầu cử (ở một số nơi do tình hình khẩn trương địch sắp đánh tới nên ngày bầu cử là 25/12/1945). Ở những vùng tự do, tỷ lệ đi bầu suýt soát 100%. Còn vùng bị địch tạm chiếm, tỷ lệ đó là trên 90%. Phải nói đó là một tỷ lệ kỳ diệu. Đồng bào đã vượt qua sự ngăn cản của địch, bất chấp mũi súng, ngọn lê của chúng, đến nơi quy định để tự tay cầm lá thăm cử người thay mặt mình tại Quốc hội. Thành công của cuộc bầu cử còn do cán bộ ta, trong một số nơi bị địch o ép mạnh, đã mang hòm thăm đến từng hộ dân để thu gom đầy đủ. Hòm thăm ở đây cũng phải hiểu một cách linh hoạt, có khi chỉ là một cái bao tời cầm tay không cần phải niêm phong gì cả. Do đó, một số cán bộ đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ... Tổn thất nặng nhất là Sài Gòn có đến 42 cán bộ hy sinh, trong đó có anh Lê Văn Tư - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Sài Gòn.

Một điểm khác cũng cần ghi nhận là tất cả mọi người ứng cử do Mặt trận Việt Minh từng tỉnh giới thiệu, trong đó có cán bộ, đảng viên, trí thức, nhân sĩ tiến bộ đều trúng cử.

Phải chăng vì vậy ngay trong một lá thư gửi đồng bào Nam Bộ trong tháng 02/1946 này, Hồ Chủ tịch thay mặt đồng bào cả nước tặng quân và dân Nam Bộ danh hiệu “THÀNH ĐỒNG TỔ QUỐC”.

Ngay từ lúc địch mới khởi hấn gây chiến, quân và dân Nam Bộ đã tỏ ra xứng đáng với danh hiệu vẻ vang đó và làm đúng lời Người căn dặn: “Còn một tấc đất, còn một người dân thì còn chiến đấu”.



*Chờ qua sông Bến Thủy, Nghệ An, ngày 13/6/1973*

# QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Ngày 15/02/1961, nhằm mừng 1 Tết Tân Sửu, lễ ra mắt quân đội cách mạng thống nhất ở miền Nam - Quân giải phóng - được tổ chức trọng thể... Từ hôm đó, trong bước đường đi lên của đất nước ta, thêm một thành viên hùng hậu: Quân giải phóng miền Nam.

Tây Bắc Nam Bộ (Bắc Tây Ninh) - cách Sài Gòn khoảng 100km - từ năm 1957 đã lấy lại “phong độ thời kháng Pháp”: chiến khu Dương Minh Châu, nổi liền căn cứ Bờ cảng Long Nguyên của Bến Cát, núi Cậu của Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), Hồ Bò (Gia Định), Bời Lời, Bàu Cỏ (Nam Tây Ninh), lan sang Chiến khu Đ cũ, men quốc lộ 14 lên tận Bù Đăng, Bù Nho giáp Quảng Đức và tỏa xuống Mã Đà... Ba tháng trước, ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tuyên cáo thành lập trên địa bàn lịch sử này; và ngày 15/02/1961, nhằm mừng 1 Tết Tân Sửu, lễ ra mắt quân đội cách mạng thống nhất ở miền Nam - Quân giải phóng - được tổ chức trọng thể.

Chiều vừa xuống, trong hơi mát dịu của rừng xuân, dưới tàn cổ thụ, chỉ huy và chiến sĩ xếp hàng nghiêm chỉnh trước khán đài. Đội ngũ toát lên một hòa hợp mới khá đặc biệt: Các vệ quốc quân xưa tóc ngả màu sương, đứng cạnh những tân binh vừa rời vùng địch kiểm soát, các quân nhân từng mang danh nghĩa nào là vũ trang tự vệ Đông Nam Bộ, nào “giáo phái”, các nhóm Việt kiều tình nguyện từ Campuchia về, các nhóm học sinh từ Sài Gòn ra, do Trung tá Tăng Thiên Kim (đổi tên là Hoàng Đình Chương) chỉ huy chưa thay bộ trang phục kongle. Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu (sau này là Bộ trưởng Bộ Văn hóa của Chính phủ Việt Nam thống nhất) xướng ngôn chính thức của cuộc lễ. Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đọc nhật lệnh thống nhất các lực lượng vũ trang cách mạng và trao cờ cho các đại diện. Đồng chí Phạm Thái Bường, Ủy viên quân sự của Xứ ủy, trở thành Chính ủy đầu tiên của Quân giải phóng và đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến là Tư lệnh<sup>1</sup>.

Chiến thắng Tua Hai còn bàn bạc trong buổi lễ cùng các chiến thắng khác, trong đó có chiến thắng Đầm Dơi ở Tây Nam Bộ.

Từ hôm đó, trong bước đường đi lên của đất nước ta, thêm một thành viên hùng dũng: Quân giải phóng miền Nam.

Đoàn Văn công giải phóng cũng vừa thành lập, biểu diễn ra mắt nhiều bài hát và múa, đặc biệt một tuồng cải lương dài nói về Đồng khởi, vở “Trăng lên khỏi núi”.

Buổi lễ ngắn, nhưng cái đưa đến buổi lễ lại rất dài...

---

1. Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam có những thay đổi theo thời gian như sau: Năm 1962, đồng chí Trần Nam Trung làm Chính ủy, đồng chí Trần Văn Quang (Bảy Tiến) - Tư lệnh; 1964, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Chính ủy, đồng chí Trần Văn Trà - Tư lệnh; 1966, đồng chí Nguyễn Chí Thanh - Chính ủy, đồng chí Hoàng Văn Thái - Tư lệnh... Các tướng lĩnh Lê Đức Anh, Lê Quốc Sơn, Hoàng Cầm, Trần Hải Phụng, Trần Văn Danh, Trần Độ... giữ các cương vị Phó Tư lệnh, Phó Chính ủy hoặc Tư lệnh, Phó Tư lệnh các Quân khu.

## Phần thứ nhất

### **Bắt buộc phải tự vệ**

Năm 1954, Quân đội nhân dân Việt Nam ở miền Nam nghiêm chỉnh chấp hành Hiệp định Giơnevơ, ngừng bắn tập kết về nơi quy định trước khi xuống tàu ra Bắc. Các chiến sĩ trung thành với truyền thống “bộ đội Cụ Hồ”, ở đâu cũng đều tranh thủ giúp dân dựng trường học, sửa nhà, xây mộ liệt sĩ. Người được phân công ở lại miền Nam, trở lại đời thường chuẩn bị đấu tranh trong điều kiện hòa bình, không có súng trong tay trước một kẻ thù biết chắc là vô cùng giáo hoạt, được Mỹ trang bị mọi vũ khí tối tân và mang một ý thức phục thù giai cấp điên cuồng.

Những cuộc khủng bố man rợ người kháng chiến bắt đầu ngay sau khi Hiệp định vừa được ký kết...

Lúc đó Đảng chỉ thị cho anh em chuyển vùng hoạt động hoặc “điều lắng”. Nhiều người phải rời bỏ gia đình, thôn xóm vào các chiến khu bưng biển cũ để lánh né chờ lệnh của Đảng. Ở Khu 5, Tây Nguyên, miền Tây Nam Bộ tổ chức các “trại bí mật”. Ở miền Đông, các đồng chí Lâm Quốc Đăng, Lê Thanh đưa thanh niên về chiến khu Dương Minh Châu, Chiến khu Đ lập “làng chiến đấu”, “làng thoát ly”, sản xuất tự túc. Ở Đồng Tháp Mười, hình thành những túi “dân tử can” (là dân “tản cư”), theo từng đơn vị tiểu đội, trung đội... mò cua bắt ốc, câu cá, đặt lờ, xây dựng làng chiến đấu đối phó với giặc. Ở miền Tây, cán bộ chiến sĩ, du kích, thanh niên và nhân dân kéo vào rừng U Minh hợp thành những “làng rừng”. Đồng bào thiểu số Xtiêng (miền Đông Nam Bộ) bỏ buôn rẫy cũ vào rừng xây dựng buôn làng mới, gọi là làng “Độc lập” bất hợp tác với giặc...

Ngay từ năm 1955, khi Mỹ - ngụy thực hiện chính sách “tổ cộng, diệt cộng” cực kỳ man rợ, thì ý thức cầm súng tự vệ đã trở thành phổ biến trong anh em. Không còn con đường nào khác. Khu 5 bắt đầu có các đội “tuần dương”, “tráng đoàn” ở một số xã ven biển. Ở miền núi có các nhóm “trả đầu”, “bảo vệ dân tộc”. Ở Nam Bộ có các đội “dân canh chống cướp”.

\*

\*   \*

Thực hiện chủ trương “quốc gia hóa” các lực lượng vũ trang giáo phái (thân Pháp), từ ngày 28/4/1955 Mỹ - Diệm bắt đầu tấn công Bình Xuyên ở Sài Gòn và các nơi.

Ngày 21/9/1955, chúng mở cuộc hành quân “Hoàng Diệu” diệt Bình Xuyên ở Rừng Sác. Ngày 25/6/1955, mở chiến dịch “Đinh Tiên Hoàng” uy hiếp, bức hàng lực lượng vũ trang của Hòa Hảo ở miền Tây và miền Trung Nam Bộ. Ngày 11/3/1956 mở cuộc hành quân Thăng Long, thanh toán số còn lại của lực lượng vũ trang Cao Đài Tây Ninh.

Các lãnh tụ chỉ huy quân sự chớp bu các giáo phái bị Diệm thanh toán, một số đầu hàng Diệm, một số phải tìm cách chống lại Diệm, hợp tác với lực lượng cách mạng, tuy rằng trong thâm tâm họ vẫn không hề từ bỏ ý đồ tiêu diệt cách mạng.

Trước tình hình đó, lợi dụng mâu thuẫn giữa bọn tay sai đế quốc Pháp và Mỹ, ta vận động phối hợp đồng thời đưa người của ta vào các lực lượng vũ trang giáo phái, giác ngộ lòng yêu nước của chiến sĩ và số chỉ huy cấp dưới, hoặc tổ chức thành đơn vị vũ trang mang danh giáo phái chống lại Mỹ - Diệm.

Bình Xuyên rút về Rừng Sác. Đồng chí Hai Văn (Phan Văn Đáng) - Phó Bí thư Xứ ủy cử đồng chí Nguyễn Trọng Tâm về Long Thành để móc nối với lực lượng Bình Xuyên. Đồng chí Bảy Khánh - Bí thư Liên tỉnh miền Đông cũng đã gặp Bảy Viễn. Trong Bình Xuyên có Thiếu tá Võ Văn Môn, nguyên Tham mưu trưởng quân Bình Xuyên, nhất trí hợp tác với cách mạng chống Diệm. Được các đồng chí Ba Thuận (Phú), Lâm Quốc Đăng, Lê Thanh hướng dẫn, Thiếu tá Môn đưa một tiểu đoàn cùng 2.000 thân nhân ra vùng Bàu Lâm và ra vùng Chiến khu Đ. Nhiều đoàn viên, đảng viên, bộ đội, du kích cũ được cử sáp nhập vào lực lượng Bình Xuyên của Bảy Môn, vận động giác ngộ anh em, hướng dẫn các đơn vị này chiến đấu chống Diệm.

Lực lượng vũ trang Hòa Hảo có 4 phái riêng rẽ:

- Trần Văn Soái (tự Năm Lửa) chiếm cứ vùng các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Sa Đéc, có lực lượng mạnh hơn cả nên tự coi mình là Tổng Tư lệnh quân đội Hòa Hảo, đặt sở chỉ huy tại Cái Vồn.

- Lâm Thành Nguyên (tự Hai Ngoán) kiểm soát tỉnh Châu Đốc và một phần tỉnh Long Xuyên, chỉ huy sở đặt tại Cái Dầu (Long Xuyên).

- Lê Quang Vinh (tự Ba Cụt) chiếm vùng Rạch Giá và một phần Long Xuyên, chỉ huy sở đặt tại Thốt Nốt (Long Xuyên).

- Nguyễn Giác Ngộ kiểm soát một vùng thuộc tỉnh Long Xuyên, sở chỉ huy đặt tại Chợ Mới.

Khi Mỹ - Diệm thanh toán Hòa Hảo, Hai Ngoán và Nguyễn Giác Ngộ nhanh chóng đầu hàng. Năm Lửa và Ba Cụt chống lại. Đánh không lại quân Diệm, Năm Lửa và Bảy Út (em Ba Cụt) kéo mấy ngàn quân vào vùng căn cứ kháng chiến cũ



của ta ở Đồng Tháp Mười. Hàng trăm đảng viên, bộ đội, du kích cũ được đưa vào lực lượng này. Sáu Nhỏ, người của ta còn được Năm Lửa nhận làm con nuôi, rất tin cậy, giao cho giữ cả kho súng. Ta chủ trương hòa hoãn với bọn trên, vận động giác ngộ số chỉ huy bên dưới và binh lính. Một số cán bộ ta đưa vào, được chỉ huy Hòa Hảo mời làm chính trị viên như các đồng chí Sáu Ưc, Tám Bành, Sáu Chung, Tám Dẫn... Khi lực lượng Hòa Hảo vào hẳn Đồng Tháp Mười, ta đưa vô thêm 50 cán bộ, đảng viên, đoàn viên, phần lớn quê ở Vĩnh Thạnh như Hai Trãi, Hoàng Ba, Huỳnh Nho, Tư Khương, Hai Trung, Ba Mi... Quân Diệm đánh vào Đồng Tháp Mười, cán bộ, đảng viên của ta đã hướng dẫn và cùng lực lượng của Hòa Hảo đánh trả gây nhiều thiệt hại cho quân Diệm như trận Cỏ Ống (Mộc Hóa) diệt và bắt sống 2 trung đội, thu 30 súng; trận Tân Bửu (Bến Lức), diệt và bức rút nhiều đồn bót quân Diệm đóng sâu vào căn cứ kháng chiến cũ như ở Tân Thành, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Đông, Bình Hòa, Hưng Phú, Tân Phú... Ta tranh thủ Hòa Hảo cho tổ chức “Ủy ban quân chính” ở nhiều xã như Mỹ Quý, Mỹ Hòa, Long Hiệp. Từ Bình Hiệp đến Bình Hòa, Thạnh Hòa, Phong Phú, Thủy Đông, Tân Đông, Thuận Nghĩa... mỗi xã đều tổ chức được một tổ du kích “giáo phái”, 2 đến 3 người, được trang bị một vài khẩu súng, lo tiếp tế cho giáo phái và dùng danh nghĩa giáo phái trừ khử ác ôn. Ngày 01/01/1956 Mỹ - Diệm tập trung 4 trung đoàn, 6 chi đoàn thiết giáp, 1 tiểu đoàn dù và nhiều lực lượng pháo binh, giang thuyền... mở cuộc hành quân lớn vào Đồng Tháp Mười hòng tiêu diệt giáo phái đồng thời triệt phá “cộng sản nằm vùng” như chúng rêu rao. Cán bộ, đảng viên, thanh niên ta cùng Hòa Hảo đã đánh trả quân Diệm, có trận như Cái Bát đánh nhau với quân Diệm suốt một ngày.

Ngày 17/02/1956, Năm Lửa gặp Nguyễn Ngọc Thơ do Diệm cử đến và y đã chuẩn bị đầu Diệm, đưa quân ra hàng. Một số không theo Năm Lửa. Nguyên 1 đại đội do Hồng chỉ huy được ta vận động và giúp đỡ đã ở lại Đồng Tháp Mười chiến đấu, sau đó gia nhập vào bộ đội giáo phái giải phóng. Số anh em ta bí mật mang 40 súng trở về. Sáu Nhỏ giữ cả ghe súng của Năm Lửa, nhưng chưa có lệnh đành để bọn giáo phái chở ra nộp cho Diệm.

Ở vùng Vĩnh Long, Sa Đéc, Hậu Giang, nhiều tiểu đoàn mang danh nghĩa Hòa Hảo vẫn tiếp tục hoạt động dưới sự chỉ huy của Phan Văn Thục thường được gọi là Năm Thục, thay Năm Lửa làm Tư lệnh các lực lượng Hòa Hảo chống Mỹ - Diệm. Đồng chí Sáu Ưc được tin nhiệm làm Chính trị viên trong Bộ Tư lệnh. Đó là Tiểu đoàn Trần Hưng Đạo do Tám Bành làm Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn Thăng Long do Hoàng chỉ huy, Tiểu đoàn Ngô Văn Sở do Tư Sơn chỉ huy. Ngoài ra còn có một số đại đội hoạt động rải rác.

Cao Đài ở Tây Ninh, vừa hòa hoãn với Diệm vừa đưa một số đơn vị vũ trang ra rừng, gọi là ly khai chống Diệm nhưng thực chất là để mặc cả với Mỹ - Diệm. Một số đơn vị “Cao Đài ly khai” tản ra các vùng căn cứ kháng chiến cũ ở Tây Ninh, một số khác kéo về vùng Đức Hòa, Đồng Tháp Mười.

Riêng nhóm Cao Đài của Nguyễn Bình Khiêm kéo quân về đóng ở 3 xã Vĩnh Trị, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Lợi, đặt sở chỉ huy tại lò gạch (Vĩnh Trị). Khiêm liên lạc với ta xin mộ quân để tăng cường lực lượng. Huyện ủy Mộc Hóa chủ trương đưa một số cán bộ, đảng viên và thanh niên vào lực lượng Cao Đài của Khiêm. Mười Bộ - Huyện ủy viên, trực tiếp hướng dẫn cho 7 đồng chí ở xã Bình Hòa, như Nguyễn Văn Thôi - Xã đội phó, Phạm Đình Thái - Chính trị viên xã đội, cùng mấy anh em “giáo phái vận”. Ba Tao - Huyện ủy viên, đưa anh em qua Cả Sách, Vĩnh Lợi lên gặp sở chỉ huy giáo phái. Anh em được tổ chức vào một đơn vị có 1 trung úy và 1 thiếu úy Cao Đài chỉ huy, phụ trách hoạt động từ Bình Hiệp, Bình Hòa qua Thạnh Hòa, Phong Phú, Thuận Nghĩa. Ở mỗi xã có tổ chức hệ thống chính quyền “Cao Đài tự do”, gồm 3 người: Chủ tịch, xã hội, dân vận.

Khi Mỹ - Diệm xua quân đánh vào Đồng Tháp Mười, tên trung úy chỉ huy đơn vị “Cao Đài tự do” ra lệnh toàn đơn vị tập trung về sở chỉ huy để rút về Tây Ninh. Anh em ta bàn nhau tách khỏi bọn này, mang súng trở về địa phương chờ lệnh. Anh em ta nói thẳng:

- Các anh vì Đạo cứ về Tây Ninh. Chúng tôi quê hương xứ sở ở đây, xin ở lại cùng súng ống bảo vệ xóm làng.

Chúng không chịu. Ta cũng dứt khoát. Cuối cùng chúng phải năn nỉ ta cho tiền và tổ chức cho chúng về Tòa thánh Tây Ninh.

Cao Đài Khiêm rút đi, Cao Đài Phụng lại đến chiếm đóng từ Cốc Rinh đến kênh Bo Bo, Long Ngãi Thuận, kênh Trà Cú. Ta lại chủ trương đưa người nhập vào bọn này, cho anh em đến báo với bọn chỉ huy:

- Chúng tôi thuộc đơn vị ông Khiêm chỉ huy nhưng bị mất liên lạc, có giấy chứng nhận của ông Khiêm đây, các ngài cứ cho chúng tôi gia nhập lực lượng của các ngài.

Cao Đài Phụng tiếp nhận và đồng ý với ta cho tổ chức 1 đơn vị mang danh 1 tiểu đoàn, đưa một số sĩ quan của chúng qua chỉ huy có 1 thiếu tá và 2 trung úy. Thiếu tá Cao Đài tên Kia nên ta lấy tên Tiểu đoàn là “Văn Kia” cho dễ hoạt động. Thực ra tiểu đoàn chỉ có 2 đại đội và tiểu đoàn bộ. Ta vận động thanh niên, đưa cán bộ vào gồm trên 60 người, có 11 đảng viên và phần lớn là đoàn viên thanh niên, tổ chức 1 chi bộ (do đồng chí Thảo làm Bí thư) và 1 chi đoàn (Bảy Thôi - Phó Bí thư kiêm Chi đoàn trưởng). Tiểu đoàn về Giồng Dinh được phát 30 súng, Tiểu đoàn bộ

đóng ở Trấp Tre. Đại đội 1 đóng chung với Tiểu đoàn bộ, Đại đội 2 ở Sở Văn, Bình Thạnh.

Với danh nghĩa Tiểu đoàn Cao Đài ly khai chống Diệm, anh em tổ chức chính quyền, ủy ban giáo phái, tiến hành trưng trị và trấn áp bọn ác ôn và cảnh sát ngụy quyền. Diệm tổ chức bầu cử. Ta bàn với bọn chỉ huy Cao Đài phá bầu cử, nhưng chúng không dám làm. Ta bàn phục kích đánh 1 trận lấy danh cho quân Cao Đài ly khai, tên trung úy chỉ huy đại đội chịu đi nhưng ngồi phía sau. Ta có 12 cây súng trang bị “mituyn” và “mútmas”<sup>1</sup> phục kích tại vàm Rạch Xây. Dân báo cho biết địch đi trên 3 xuống. Lúc địch lọt vào trận địa đã bố trí, ta nổ súng giết được 4 tên. Tên trung úy Cao Đài khi nghe súng nổ đã bỏ chạy mất.

Do ta hoạt động có hiệu quả, bọn chỉ huy Cao Đài phong cho đồng chí Thảo chức thiếu tá, làm Chính trị viên Tiểu đoàn. Bảy Ngôn làm cố vấn quân sự cho Văn Kia - Tiểu đoàn trưởng.

Tuy nhiên, Phụng lén lút móc nối để đầu hàng Diệm. Chúng dự kiến khi ra hàng sẽ quét sạch sẽ số anh em được ta đưa vào tiểu đoàn. Trong tình hình đó, trên cho chủ trương “tách quân”, lấy súng, nhưng không được giết người. Đồng chí Lâm lúc đó có đi với tên Văn Kia - Tiểu đoàn trưởng. Ta tung tin quân của Mỹ - Diệm kéo đến cách 6km, tên chỉ huy đại đội Cao Đài ủy quyền cho ta sắp xếp canh gác, còn bọn Cao Đài thì tập trung đánh cờ tướng. Mật lệnh hành động là: “Tất cả đi ngủ”. Mật lệnh vừa phát ra, anh em liền hô to: “Tất cả đầu gối đó”. Bọn chúng bị bất ngờ, không kịp lấy súng. Ta mượn xe trâu của dân chở súng về Núi Cọ. Tên tiểu đoàn trưởng không hay biết gì. Sau đó bọn Cao Đài Phụng chạy về Hội đồng Sâm, giết nhiều cán bộ và đồng bào ta.

Số anh em tách khỏi Cao Đài, thành lập 1 đơn vị mang tên Tiểu đoàn Phước - Dư của giáo phái, Bảy Thế làm Tiểu đoàn trưởng mang quân hàm thiếu tá, Sáu Thông làm Chính trị viên Tiểu đoàn. Hồ - Thiếu úy Đại đội trưởng. Đơn vị lúc đầu mới có 36 người với 36 súng, sau đó được bổ sung tăng quân số lên 60 người. Đồng bào thường gọi là “tiểu đoàn Cao Đài dỏm” (vì biết thực chất là bộ đội cách mạng). Trong quá trình hoạt động, các đồng chí Bảy Ngôn, Thôn, Tang... và một số anh em nữa cũng đã hy sinh.

Đến tháng 10/1956, lực lượng giáo phái ở Đồng Tháp Mười đều đầu hàng Diệm hoặc tan rã, một số ít theo ta chống Diệm. Số anh em ta bí mật vào các lực lượng trên, sau rút ra đem về được trên 200 súng làm vốn xây dựng lực lượng giải phóng sau này.

---

1. Mituyn: 1 loại tiểu liên cũ.

Mútmas: 1 loại súng trường cũ.

Trong hai năm 1955-1956, bọn thân Pháp ở Paris thành lập Mặt trận “Quốc gia giải phóng” lấy cờ đỏ có chữ vạn (chữ nhà Phật) đặt ở giữa. Chúng có bắt liên lạc với ta. Ta cũng đặt tên cho các đơn vị mình là “Cao Đài giải phóng”, “Hòa Hảo giải phóng” và dùng cờ đỏ ngôi sao xanh để hoạt động. Khi giáo phái đầu Diệm, ta vận động Đại úy Hồng (Hòa Hảo) ở lại với ta đứng lên phát cờ giáo phái chống Diệm. Đồng thời lúc này Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ chủ trương xây dựng mỗi tỉnh 1 đơn vị vũ trang mang phiên hiệu tiểu đoàn như D.502 ở Kiến Phong, D.504 ở Mỹ Tho, D.506 ở Bến Tre, D.508 ở Long An, D.510 và D.512 ở An Giang... Khu 8 có một D chủ lực lấy tên là D2 “Bình Xuyên”, trang bị bằng súng chôn giấu móc lên đã han rỉ nên nhân dân gọi đùa là Tiểu đoàn “Bình Xuyên súng sét”.

Ở miền Đông Nam Bộ, các đơn vị vũ trang cũng lần lượt được hình thành. Khi lực lượng vũ trang Cao Đài ly khai Diệm ra rừng, ta đã đưa nhiều cán bộ, đảng viên, bộ đội, du kích cũ bí mật vào các đơn vị này. Ở Đại đội 25 Cao Đài ly khai đóng tại Bàu Cỏ, ta tổ chức được 1 chi bộ mật để lãnh đạo. Tháng 3/1956 khi Diệm bắt đầu mở cuộc hành quân đánh Cao Đài ly khai, đồng chí Đinh Ba bí mật phổ biến chỉ thị của tỉnh cho chi bộ lãnh đạo anh em làm binh biến. Đồng chí Ngô Thành Sáng cùng một số đồng chí đảng viên như Thế, Tư Sùng... đã nắm được phần lớn binh lính trong đại đội, vận động nổi dậy gạt tên chỉ huy lấy được hơn 100 súng, kéo quân về Sa Nghe bổ sung thêm thanh niên thành lập 1 đại đội mang tên là “C.25 Cao Đài ly khai!”. Chỉ huy trưởng là đồng chí Ngô Thành Sáng đóng vai đại úy. Có chỉ thị Liên tỉnh ủy miền Đông cho hoạt động vũ trang, Tỉnh ủy Tây Ninh không giải thể mà phân tán đơn vị này thành từng nhóm nhỏ để tránh nổi cộm, hoạt động từ Sóc Thiết qua Dương Minh Châu, đồng thời tổ chức 1 tổ vũ trang mạnh hoạt động vùng biên giới Việt Nam - Campuchia để bảo vệ căn cứ địa cách mạng. Trong năm 1956, các nhóm vũ trang này đã bắt sống được 1 tiểu đoàn dân vệ ở Tầm Long, xóm Ruộng, diệt 8 tên gián điệp chỉ điểm ở Tà Nong, Ba Chàm.

Đầu năm 1956, còn có Thiếu tá Cao Đài Huỳnh Thanh Mừng bất hợp tác với Diệm đưa một đơn vị chạy ra rừng liên kết với ta chống Diệm. Quân số đơn vị không nhiều nhưng tạo cho ta có danh nghĩa để tổ chức lực lượng.

Ở trung tâm chính huấn Tân Hiệp, Biên Hòa, địch giam giữ 6.000 anh chị em, trong đó có 250 đảng viên được bí mật tổ chức thành 1 đảng bộ. Đảng ủy trong nhà tù đã đề nghị trên cho tổ chức vượt ngục. Một đội tự vệ mật được thành lập gồm các đồng chí bộ đội và du kích cũ hơn 30 anh em. Chưa được chỉ thị trên nhưng tình thế khẩn trương vì được tin địch sẽ đày anh chị em ra Côn Đảo, Phú Quốc. Đúng 18 giờ ngày 02/12/1956, khi địch lừa anh chị em vào khám cũng là thời điểm ra mật lệnh nổi dậy. Ý định lúc đầu chỉ vượt ngục vài chục đồng chí, nhưng thời cơ

thuận lợi, đội tự vệ diệt được 20 tên giặc, bắt trói số còn lại, anh em nhất tề xông vào kho cướp súng giặc. Gần 300 anh chị em ủa ra ngoài trại chạy thoát. Địch xả súng giết hại 22 anh chị em. Hơn 20 anh chị em đã về đến căn cứ Chiến khu Đ với 2 khẩu trung liên, 13 tiểu liên và 18 súng trường tổ chức thành 3 trung đội mạnh chờ lệnh chiến đấu. 7 anh em vượt ngục khác về Rừng Sác căn cứ của Tỉnh ủy Chợ Lớn, Tỉnh ủy quyết định sáp nhập thêm 3 đồng chí bảo vệ Tỉnh ủy tổ chức thành 1 đơn vị vũ trang mang tên “C.12 Bình Xuyên” (vì có 12 đồng chí) được trang bị 1 trung liên và 2 súng trường của anh em vượt ngục mang về.

Ở Thủ Dầu Một, đồng chí Chín Quý được phân công ở lại miền Nam cùng đồng bào đấu tranh chính trị. Thời thực dân Pháp còn đô hộ, Chín Quý tổ chức đảng “Lục lâm” cướp của nhà giàu chia cho người nghèo, năm 1940 được Đảng giác ngộ sau đó anh trở thành đảng viên. Khi lực lượng vũ trang tập kết đi hết, đồng chí ở lại với đồng bào, công tác quần chúng. Không chịu nổi cảnh áp bức, đàn áp, đồng chí tự động tổ chức 1 lực lượng vũ trang dựa vào rừng Chiến khu Đ hiểm trở để sản xuất, săn bắn, đêm đêm bung ra vùng đông dân trừ gian, gây dựng cơ sở. Một số đảng viên, bộ đội, du kích cũ lánh vào chiến khu đã gia nhập “bộ đội Chín Quý”. Về sau, bộ đội này thành C.250 của miền Đông Nam Bộ.

Ở vùng hóc Bà Tó cũng thuộc Thủ Dầu Một có hai anh em Liễu và Bờ, trước tham gia bộ đội trong chống Pháp, bỏ về nhà năm 1952 nhập vào quân Cao Đài. Năm 1955, Liễu, Bờ tự tập 16 tay anh chị trốn địch bắt lính, mua được nhiều súng tốt, đi cướp của nhà giàu và của cả dân thường. Tỉnh ủy Thủ Dầu Một đã cử đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy tìm đến thuyết phục. Liễu, Bờ nhất trí cùng ta chống Diêm, chỉ cướp của tề ác ôn, không lấy của dân thường, nhất là không cướp trâu bò của đồng bào các dân tộc. Liễu, Bờ làm nhiệm vụ trấn áp bọn phản động, cho cán bộ ta đi sâu vào xóm ấp vận động xây dựng cơ sở. Lúc đầu ta đưa 3 đảng viên và 3 du kích là đoàn viên vào cùng 16 người của Liễu, Bờ tổ chức thành 1 trung đội. Sau Liễu, Bờ xin nghỉ, các đảng viên thay chỉ huy và từ đó bộ phận này trở thành đơn vị của cách mạng.

Ở Tân An, ngoài Tiểu đoàn Lê Phước Du còn có đại đội “Hòa Hảo giải phóng” với quân số 37 người. Lực lượng mang danh giáo phái đến cuối năm 1956 đã phát triển thành 3 đại đội 231, 233, 235. Để thống nhất chỉ huy, ta tổ chức khu bộ giáo phái đóng sở chỉ huy tại Trấp Tro do đồng chí Nguyễn Văn Khuyên tức Tám Dẫn mang danh Trung tá giáo phái Lưu Phước Nam làm Bộ trưởng.

Tuy lực lượng vũ trang được tổ chức rải rác nhưng chưa có chỉ thị của Đảng cho hoạt động vũ trang nên chủ yếu là để tự vệ và tiến hành trừ khử những tên ác ôn nguy hiểm nhất. Nhiều hình thức diệt địch xuất hiện: “rút giò”, “ôm hẽ”,



“chuốc rượu để tước súng”, diệt địch bằng phảng, dao phay, gậy gộc, rồi sau đó đưa tin là do những tên này gây thù oán nên bị giết.

## I- NHỮNG ĐỘI VŨ TRANG TUYÊN TRUYỀN ĐẦU TIÊN

Nghị quyết của Hội nghị lần thứ hai của Xứ ủy tháng 12/1956 đã xác định: “...phải dùng bạo lực của quần chúng... phải có lực lượng vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị”.

Xứ ủy cũng thảo đề cương vũ trang tuyên truyền, cử đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên - cán bộ trung đoàn trưởng có tiếng trong chống Pháp được ở lại miền Nam chuyển làm công tác dân vận - nay phụ trách ủy viên quân sự của Xứ ủy. Đồng chí đã từ U Minh về miền Đông xây dựng căn cứ địa của Xứ ủy và xây dựng các lực lượng vũ trang tập trung.

Thanh niên ở các tỉnh miền Đông cũng như đồng bằng sông Cửu Long đều được bí mật đưa về các Chiến khu Đông Bắc và Tây Bắc miền Đông Nam Bộ bổ sung cho các đơn vị của Xứ và Miền. Đến đầu năm 1957 hàng loạt đại đội bộ binh, đặc công, trinh sát đã được thành lập: C50, C60, C70, C80A, C80B, C30, C40, C200, C300, D500, D800... đứng chân ở Tây Bắc và Đông Bắc miền Đông.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, ở Đồng Tháp Mười, nhiều đơn vị tập trung được hình thành từ các đơn vị mang danh giáo phái tập trung từ các xã ấp lên. Như ở Long An, với nòng cốt là D4 giáo phái bổ sung thêm “bộ đội Trâm bầu” (dùng khúc cây trâm bầu làm vũ khí), du kích để thành lập Tiểu đoàn 506 với 150 tay súng. Rồi “Đại đội 12 Bình Xuyên” làm nòng cốt tập hợp thêm du kích, bộ đội cũ và thanh niên được 70 đồng chí thành Tiểu đoàn 508. Ở Kiến Phong có Tiểu đoàn Đinh Bộ Lĩnh, sau là D502, Mỹ Tho là D504...

Tây Ninh, sau khi rút hết phần lớn cán bộ, chiến sĩ về xây dựng đơn vị tập trung của R (Xứ), số còn lại được tổ chức thành 1 đơn vị lấy tên là D14 (vì có 14 anh em và 14 súng). Chỉ trong một thời gian rất ngắn đã phát triển thành 1 đại đội đầy đủ quân số.

Ở Biên Hòa và Bà Rịa mỗi nơi cũng xây dựng được 1 trung đội.

Như vậy cho đến đầu năm 1957 ở nhiều vùng của Nam Bộ đã hình thành lực lượng vũ trang tập trung của R, của tỉnh và lực lượng du kích mật mang danh các đội chống trộm cướp, dân canh...

Ở miền Đông Nam Bộ, sau khi Xứ ủy cho tổ chức các đơn vị vũ trang tập trung, ta đã tiến hành một số trận đánh có ý nghĩa quan trọng hỗ trợ phong trào đấu tranh chính trị và xây dựng phát triển các lực lượng vũ trang.



Ngày 10/8/1957, C60 của R, C20 của Tây Ninh cùng lực lượng Bình Xuyên và của tỉnh Thủ Dầu Một tiến công địch ở thị trấn Ninh Thạnh, diệt cảnh sát, bắt sống lính bảo vệ, lấy xe, lấy đại liên đặt lên xe tiêu diệt những ổ đề kháng của địch, chiếm thị trấn nhiều giờ, dùng ô tô và xe ngựa chở chiến lợi phẩm: gạo, muối, vải vóc, thuốc men và tiền bạc về căn cứ an toàn.

Ngày 18/9/1957, C250 của R phối hợp lực lượng Bình Xuyên (danh nghĩa) tấn công trại Be Biên Hòa, cơ sở khai thác cây rừng của Trần Lệ Xuân, diệt và đánh tan 3 đại đội địch, giáo dục và thả về mấy ngàn đồng bào vào rừng khai thác gỗ, thu 80 xe vận tải và vũ khí đủ trang bị cho 1 trung đội. Trận đánh có tác dụng phá âm mưu của địch định chia cắt mạnh mẽ căn cứ kháng chiến của ta, củng cố được căn cứ Đông Bắc vừa mới được xây dựng.

Tháng 12/1957, các đơn vị tập trung của R phục kích ở Lò Than diệt và làm tan tác 1 tiểu đoàn địch.

Đầu năm 1958, Xứ ủy quyết định thành lập “khu miền Đông” đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên - Ủy viên quân sự Nam Bộ kiêm Chỉ huy trưởng miền Đông, Lâm Quốc Đăng (Nguyễn Thuộc) và Lê Thanh làm Chỉ huy phó. Căn cứ miền Đông ở hai hướng tây bắc và đông bắc đều được mở rộng lên tận biên giới Việt Nam - Campuchia.

Ở khu 5, cuối 1957, đồng chí Lê Duẩn, lúc đó là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đã trao đổi với Thường vụ Liên khu ủy 5 những kinh nghiệm về vận dụng đường lối, phương châm đấu tranh vào thực tiễn phong trào cách mạng ở Nam Bộ. Về tổ chức lực lượng vũ trang, đồng chí nêu nên tổ chức 3 người, tiểu đội, cao nhất là trung đội nhằm giữ buôn rẫy.

Từ thực tiễn của địa phương kết hợp ý kiến của đồng chí Lê Duẩn, Liên khu ủy 5 đã họp hội nghị mở rộng, đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ để chuyển phong trào (giữa năm 1958), trong đó có chú trọng:

- Xây dựng miền Tây các tỉnh đồng bằng và Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng.

- Bước đầu xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi với nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ.

Ngày 07/7/1958, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Đại hội nhân dân chống Mỹ của các dân tộc miền núi tại Gò Rô (Trà Bồng) có hơn 200 đại biểu. Đại hội nhất trí hạ quyết tâm: “Phải đánh Mỹ sớm chừng nào hay chừng đó. Đánh Mỹ - Diệt thì mới sống được, dù có cực có khổ mấy cũng quyết đánh”.

Ở các vùng rừng núi và một số nơi ở đồng bằng lần lượt tổ chức các lực lượng vũ trang tự vệ. Một số thanh niên bí mật rủ nhau đi tìm các hầm vũ khí chôn lại từ năm 1954. Tiếng súng diệt ác từ lẻ tẻ, tự phát đến có tổ chức, có lãnh đạo. Ngày 24/10/1958, tiểu đội tự vệ mật huyện Nam An Khê do Bí thư Huyện ủy trực tiếp chỉ huy đã nổ súng chống bọn lính ngụy đi càn, bắn chết tên Kai người địa phương đầu hàng và dẫn địch đi đánh phá buôn rẫy. Ngày 15/11/1958, tổ vũ trang tự vệ của tỉnh Phú Yên do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo nổ súng diệt tên Thống Cường ác ôn đã đánh phá phong trào cách mạng ở địa phương. Những tiếng súng mở đầu có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng đã báo hiệu sự vùng dậy mạnh mẽ của đồng bào miền Trung Trung Bộ và Tây Nguyên. Nhân dân Tây Nguyên tích cực rào làng, cắm chông như hồi chống pháp. Đến cuối năm 1958, một số xã ở Gia Lai, Kon Tum, miền Tây Quảng Ngãi đã thành lập “Ban cán sự”, “Ban tự quản”. Khắp Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh đồng bằng đã xây dựng căn cứ địa làm nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo và các đội du kích, vũ trang mới thành lập. Kon Tum có xã Đoàn, xã Hiêu, Tung Bung, Kô Xin, Gia Lai có 2 huyện và 7 xã (Bắc và Nam An Khê); Quảng Nam có Hiên. Khu căn cứ của Quảng Ngãi bao gồm: 22 xã nối liền nhau của vùng cao - huyện Trà Bồng và Sơn Hà, 12 xã trong khu tiếp giáp 3 huyện Sơn Hà, Đình Long, Ba Tơ và 8 xã phía nam huyện Ba Tơ. Bình Định có khu căn cứ Vĩnh Thạnh; Phú Yên có các khu Thổ Lỗ, Bắc Ma Dú; Đắk Lắk có vùng Pleiya hiểm trở; Khánh Hòa có Vĩnh Sơn, Khánh Sơn. Ninh Thuận có Bác Ái kiên cường, Bình Thuận, Lâm Đồng có Tánh Linh nối liền nhau... Đến đầu năm 1959, Khu 5 đã có 2 trung đội, tiểu đội du kích tập trung và 1 đội vũ trang công tác.

Song song với việc xây dựng các đội vũ trang, ở Nam Bộ cũng như Khu 5 và Tây Nguyên đều có tổ chức các tổ quân y, mở trường huấn luyện tân binh, cán bộ tiểu đội, các tổ sửa chữa vũ khí và chế tạo vũ khí thô sơ, sản xuất lựu đạn, làm súng “ngựa trời”... Hậu cần nuôi quân lúc đó dựa vào trồng mì, đào củ chup, săn bắn và sự nuôi dưỡng, đùm bọc của đồng bào các dân tộc từ Quảng Trị vào Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ. “Rẫy mì cách mạng” được phát triển bạt ngàn trên rừng núi Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, đã nuôi sống biết bao cán bộ, chiến sĩ trong những lúc thất ngặt nhất.

Bước vào năm 1958, phong trào đấu tranh chính trị ở Nam Bộ cũng như toàn miền Nam có bị núng thối. Nhiều cơ sở nội tuyến của ta trong hàng ngũ địch bị chúng phát hiện bắt bớ, giam cầm. Mỹ - Diệm đã phối hợp việc mở rộng các cuộc hành quân quy mô đánh phá các vùng căn cứ với đẩy mạnh chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng”.

Bộ Tư lệnh miền Đông đã đề nghị với Xứ ủy cho mở một trận tấn công vào chi khu quân sự của địch ở Dầu Tiếng, cách Sài Gòn chưa đầy 70km theo đường chim bay, nhằm gây thanh thế cho cách mạng đồng thời lấy vũ khí và cơ sở vật chất để giải quyết khó khăn về hậu cần, trang bị cho các lực lượng vũ trang, củng cố và mở rộng vùng căn cứ. Đề nghị trên được chấp nhận, đồng chí Tám Dên Dên (Nguyễn Hữu Xuyến) trực tiếp thông qua kế hoạch trận đánh. Lực lượng huy động vào trận đánh gồm 2 đơn vị tương đương tiểu đoàn mang danh nghĩa Bình Xuyên và liên quân Cao Đài cùng các đơn vị của Tây Ninh, Thủ Dầu Một và Biên Hòa, tổng cộng 1.500 quân. Địch có 2 tiểu đoàn cộng hòa của Sư đoàn 13 chủ lực, 1 đại đội và 1 trung đội bảo an cùng bọn công an, dân vệ chính quyền huyện, thị. Gần Dầu Tiếng có đồn Bến Củi địch đóng 1 đại đội. Riêng ở chi khu Dầu Tiếng địch có gần 1.000 quân.

0 giờ ngày 11/8/1958, đặc công bất ngờ nổ súng mở đầu trận đánh. Đến 2 giờ 30 phút quân ta chiếm toàn bộ quận lỵ và chi khu quân sự Dầu Tiếng, làm chủ nhiều giờ, diệt nhiều địch, bắt nhiều tù binh, thu nhiều súng đạn, trên 1 triệu đồng tiền Sài Gòn. Tên Quận trưởng Đào Sanh Khê và tên Bảy Gà Lôi (Trần Trung Bảy) rất ác ôn đã may mắn trốn thoát. Đây là lần đầu tiên, kể từ sau tháng 7/1954, các lực lượng vũ trang ở miền Nam mới hình thành đã tấn công làm chủ một chi khu quân sự và quận lỵ của Mỹ - Diệm. Trong phiếu trình đặc biệt gửi Tổng thống Diệm đề ngày 12/8/1958 của tên Đại tá ngụy Lê Khương Tổng - Tổng Giám đốc bảo an trong phái đoàn quân sự đến Dầu Tiếng xem xét đã thừa nhận: Đối phương tấn công 8 mục tiêu, chiếm đồn cộng hòa lúc 2 giờ 40 phút. Tướng ngụy Nguyễn Văn Là thì cho rằng: “Đây là trận của những sĩ quan tài giỏi của quân đội miền Bắc chỉ huy... đây là trận dương đông... một trận nghiên cứu của cộng sản”. Thực tế không phải trận “dương đông” gì cả, cũng chưa có chiến sĩ miền Bắc trở về.

Sau khi hất cẳng xong thực dân Pháp khỏi Đông Dương, đế quốc Mỹ ráo riết tăng cường nhân viên quân sự Mỹ làm cố vấn với danh nghĩa phái bộ viện trợ quân sự Mỹ M.A.A.G. Từ ý nghĩ phải giáng đòn phủ đầu vào bọn xâm lược mới, các chiến sĩ biệt động Biên Hòa đã chú ý đến một trụ sở của cơ quan quân sự M.A.A.G đóng tại trại của Biên Hòa, có 36 tên Mỹ thường lui tới, bên ngoài được canh gác cẩn mật.

Một đội biệt động của Biên Hòa do anh em chỉ huy, có 2 đồng chí địa phương được trên giao nhiệm vụ nghiên cứu và trực tiếp đánh bọn cố vấn Mỹ ở trại của. Anh Lũy người địa phương đã theo dõi hoạt động của bọn Mỹ gần 1 tháng, nắm quy luật mỗi chiều có 10 xe do bọn Mỹ trực tiếp lái đến ăn uống ở nhà ăn sĩ quan.

Anh lên căn cứ báo tình hình. Đơn vị biệt động lui về sát Biên Hòa ém ngay trong nhà má ruột của anh Lũy là bà Nguyễn Thị Xuân tại ấp Long Thành, xã Bình Trước. Anh Lũy cùng vác trái đi đánh với anh em biệt động.

Chiều ngày 25/10/1958, đúng như dự kiến có 10 xe, mỗi xe có 2 tên Mỹ chạy đến nhà ăn sĩ quan, anh Lũy vác trái lên vào đặt tại nhà ăn, không may bị tên ngụy gác phát hiện định đẩy trái ra. Anh Lũy bấm điện, trái nổ tung, anh hy sinh. Anh em tiếp thêm một trái “bêta” nữa. Trận đánh diễn ra nhanh, địch không đối phó kịp, hầu hết bọn Mỹ trong nhà ăn bị chết, bị thương. Hai tên Mỹ chết tại trận này đã được đứng đầu danh sách hơn 3 vạn tên Mỹ đã chết ở Việt Nam ghi trên bức tường chữ V tại Hoa Thịnh Đốn.

Đây là trận diệt Mỹ đầu tiên ở miền Nam và ở cả Việt Nam của nhân dân ta trong cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước kéo dài 21 năm.

## II- TIẾN TỚI THÀNH LẬP “QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT”

Tháng 01/1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15. Hội nghị đánh giá tình hình cách mạng miền Nam và ra nghị quyết xác định: “con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân..., lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”. Nghị quyết chưa phổ biến kịp đến các cấp. Nhưng mới nghe “sẽ cho khởi nghĩa giành chính quyền”, nhiều nơi ở miền Nam, Đảng bộ và nhân dân đã tự động nổi dậy với khí thế sục sôi.

### **Đồng bào các dân tộc miền Trung và Tây Nguyên đứng dậy**

**Dân tộc Ba Na ở Vĩnh Thạnh (Bình Thạnh):** Đây là đất căn cứ của nghĩa quân Tây Sơn áo vải cờ đào năm xưa. Sau 2 năm đánh phá ác liệt, Mỹ - Diệm vẫn không kiểm soát được người dân Ba Na. Hai lần tên quận trưởng mời các già làng về dụ dỗ thuyết phục nhưng không được. Tháng 4/1958, địch đã phải giở đến cách dùng quân đội đàn áp uy hiếp, cấm dân phát rẫy làm nương, buộc dân đứng trước 2 con đường: Dời làng về quận sống tập trung hay chạy vào rừng. Đồng bào các dân tộc, nhất là ở 3 làng Tà Bốc, Tà Lét, Hà Ri, từ già làng đến trẻ con đều dứt khoát chạy vào rừng, dầu có chịu khổ, chịu cực đến đâu, cũng không hợp tác với Mỹ - Diệm. Tháng 02/1959, nhân dân 3 làng trên cùng 8 làng khác thuộc 2 xã Vĩnh Hảo và

Vĩnh Hiệp nhất loạt nổi dậy dõng dõng làng vào núi rừng sâu thẳm. Địch đánh úp vào làng Hà Ri, và Tà Lét. Du kích và nhân dân quyết đánh trả bằng mọi thứ vũ khí, dao mác, mang cung, giết tại chỗ 1 trung úy và 3 lính ngự, làm nhiều tên bị thương. Trận địch càn lần thứ 2 vào Tà Lét đã sa ngay vào trận địa chông và mang cung của du kích. Tên trung đội trưởng bị mang cung phóng chết tại chỗ. Đến giữa năm 1959, phần lớn các xã trong huyện Vĩnh Hảo với gần 5.000 dân người dân tộc đã chuyển lên thế làm chủ trên vùng rừng núi của mình.

### ***Đồng bào Raglai ở Bác Ái (Ninh Thuận):***

Đại bộ phận dân cư ở Bác Ái miền Tây Bắc Ninh Thuận là người dân tộc Raglai. Ở đây có phong tục khi con trai lớn theo cha trèo núi, người cha liền trao cho con một “con thóc” (dao tay), một cái ná và dạy cách dùng dao để tự vệ, cách bắn ná để diệt thú rừng giữ làng, giữ rẫy.

Vốn trước đây là Quân đạo đất Ninh Thuận, Ngô Đình Diệm hiểu rất rõ tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân Bác Ái, nên Diệm đã sử dụng những thủ đoạn đánh phá dã man nhất, không chỉ bắn giết mà còn mổ bụng moi gan, phá sạch cả hoa màu, đốt sạch nhà cửa, cây ăn trái, hòng đẩy nhân dân vào cảnh chết đói nếu không chịu vào khu tập trung. Nhưng nhiều gia đình đã bỏ chạy vào rừng quyết không theo giặc, không rời bỏ buôn rẫy. Chị Pô Pô Thị Du bị địch bắt dẫn đi lòng cán bộ đã nhảy từ núi cao xuống vực sâu, quyết không phản lại Đảng, phản lại dân. Bằng nhiều thủ đoạn phátxít, chúng gom được 5.000 dân Bác Ái dồn vào khu tập trung Brâu. Nhưng ngày 07/02/1959, phần lớn số đồng bào này đã nhất trí nổi dậy phá tan ách kìm kẹp của địch bùng trở về căn cứ. Tháng 3/1959, một lực lượng cốt cán hơn 30 người do các đồng chí Pi Năng Tác, Xa Na Lê Nam chỉ huy, từ Bác Ái Đông lên tăng cường cho Bác Ái Tây. Tháng 4/1959, hơn 4.000 dân Bác Ái Tây nổi dậy phá khu tập trung Tâm Ngân trở về làng cũ. Từ đó dân Bác Ái bắt đầu dùng hầm chông, cạm bẫy, cung ná và cả thuốc độc đánh trả quân địch, xây dựng vùng căn cứ kháng chiến suốt trong gần 20 năm chống Mỹ.

### ***Khởi nghĩa Trà Bông và Tây Quảng Ngãi:***

Nửa đầu năm 1959, đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Liên khu 5 về đến chiến trường phổ biến tinh thần Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng bào các dân tộc miền núi hăng hái tham gia các đoàn thể giải phóng từ nay đã được tổ chức công khai. Đồng đảo thanh niên ở đồng bằng đã thoát ly lên căn cứ tình nguyện chiến đấu.

Tháng 3/1959, Quảng Ngãi thành lập đại đội vũ trang tập trung 359 gồm 33 cán bộ và chiến sĩ người dân tộc Cor và 10 cán bộ, chiến sĩ người Kinh.



Từ tháng 7/1959, Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên... đều thành lập vũ trang tự vệ, đơn vị vũ trang tập trung.

Từ năm 1954 đến năm 1958, trước thủ đoạn khủng bố dã man của địch, đồng bào các dân tộc đã chống trả kiên cường giành quyền làm chủ. Chị Y Bơ Rum ở Thanh Sơn đã dùng rìu chém bể đầu tên ác ôn ngay lúc tên này vừa dùng súng bắn chết cha mình. Em thiếu nhi ở Nước Bồn ngày đêm bám địch đi càn dùng ná rình bắn chết 5 lính nguy để trả thù cho cha mình bị chúng giết hại. Chị Mi Long ở Sơn Thủy bị địch chôn sống đã moi được đất chui lên về làng xách dao đuổi chém tên ác ôn đã chôn chị... Năm 1959, trước tình hình nhân dân nhiều buôn làng đòi nổi dậy, tỉnh đã quyết định thành lập thêm 2 đại đội tập trung mới để chuẩn bị đón thời cơ. Ngày 19/8/1959, tại thôn Trà Ngôn, xã Sơn Lập, huyện Sơn Trà, “Đại đội 89” gồm 36 cán bộ và chiến sĩ đã ra đời.

Về phía địch, liên tục từ tháng 5 đến tháng 9/1959, địch huy động từng sư đoàn hoặc hai, ba trung đoàn chủ lực cùng quân địa phương càn quét miền Tây Quảng Ngãi, Tây Khánh Hòa, Bắc Ái, Bắc Ninh Thuận đánh phá các căn cứ của ta vừa mới hình thành.

Sáng 28/8/1959, khi 1 tiểu đội lính nguy kéo đến càn quét khủng bố xã Trà Quân, dân làng đã dùng mác chém chết tại chỗ hai tên, đuổi theo giết những tên còn lại. Nhân dân còn “tét” (hú báo hiệu) cho các buôn làng khác biết. Các xã tiếp giáp Trà Quân nổi trống mõ, thanh la chi viện khắp núi rừng. Mọi người, mọi nhà, tất cả các buôn sóc trong toàn huyện Trà Bồng đã vác dao, mác, tên, ná xông ra rượt đuổi, đâm chém bắt trời những toán lính lung sục trong làng. Cuộc nổi dậy lan nhanh ra toàn huyện.

Đêm 22/8/1959, ban lãnh đạo miền Tây họp. Trước tình thế phong trào quần chúng sục sôi, hội nghị quyết định mở rộng cuộc khởi nghĩa đến các xã vùng thấp trong huyện Trà Bồng và phát động khởi nghĩa các huyện miền núi còn lại.

Đại đội 339 cùng du kích hỗ trợ đồng bào Trà Bồng nổi dậy. Trước khí thế cách mạng dâng trào, đồn Tà Kúp, đồn Tà Lạt hoảng hốt bỏ chạy. Đồn Tầm Rung, đồn Nước Vót tẩu thoát trước khi quân khởi nghĩa kéo đến. Tại quận lỵ Trà Bồng, nhân dân phá tung nhà bầu cử, đốt trụ cơ quan cùng cờ ba que, ảnh tổng thống nguy quyền. Binh lính, ác ôn, tay sai trốn biệt. Bọn địch ở 2 đồn Eo Chim và Eo Gió ngoan cố chống cự. Được sự hỗ trợ của Đại đội 339, quân chúng vây chặt đồn, nổi chiêng, mõ, tù và kết hợp bộ đội nổ bộc phá, kêu gọi binh lính đầu hàng. Hoảng sợ trước rừng người, rừng giáo mác ngày một tăng, súng của bộ đội ta chia vào đồn, lợi dụng đêm tối lính ở đồn Eo Gió tháo chạy. Ta chặn đánh giết và làm bị thương 30 tên. Giải quyết xong Eo Gió, quân khởi nghĩa cùng nhân dân bao vây Eo Chim



nhiều vòng, chặn nhiều ngõ, triệt phá nguồn nước uống, dùng súng, ná bắn tủa từng tên. Địch từ quận lỵ lên giải vây, ta chặn đánh diệt 9 tên thu 6 súng, đánh lui quân viện. Đến trưa hôm sau địch trong đồn tháo chạy nhưng không thoát. Ta đón đánh diệt cả trăm tên, thu nhiều súng đạn. Cả huyện Trà Bồng, trừ quận lỵ, còn cả hệ thống đồn bót địch đều bị quét sạch, hoặc tan rã. Tên quận trưởng và quận phó hoảng sợ bỏ chạy về tỉnh lỵ. Tính chung trong đợt khởi nghĩa Trà Bồng có 161 tên địch bị giết, 63 tên bị bắt sống.

Ngày 02/9/1959, tại Xà Riêng, giáp giới hai huyện Ba Tơ và Minh Long, Tỉnh ủy Quảng Ngãi thành lập đơn vị tập trung thứ 2 - Đại đội 229. Ngày 03/9/1959, nhân dân xã Trà Phong mở đại hội Cờ Rô bầu Ủy ban nhân dân tự quản. Các xã khác lần lượt làm theo. Khởi nghĩa thắng lợi trên toàn huyện.

Hưởng ứng Trà Bồng, nhân dân các huyện Ba Tơ, Sơn Hà, Minh Long cũng lần lượt nổi dậy.

Ở Sơn Hà, ngày 02/9/1959, địch cho 1 đại đội bảo an từ quận lỵ kéo lên các xã vùng cao bức dân đi bầu cử. Đến Sơn Long bị sa vào hầm chông phải kéo nhau về. Đơn vị 89 cùng thanh niên vừa rút ra rừng chặn đánh địch, nhân dân các dân tộc Hré, Cà Dong nhất tề nổi dậy diệt tề, đập phá trụ sở ngục quyền, 9 xã vùng cao Sơn Hà lập ngay Ủy ban tự quản ở vùng thung lũng sông Re, các xã Sơn Kỳ, Sơn Thủy đồng bào cũng chiếm trụ sở ngục quyền, rào làng chiến đấu, chuẩn bị đánh địch càn quét.

Ở Minh Long, nhân dân các xã Long Quang, Long An, Long Môn thuộc vùng cao đồng loạt nổi lên diệt ác ôn, bắt dân vệ nộ súng, xóa ngục quyền, tổ chức bộ phòng chiến đấu.

Ở Ba Tơ, các xã Ba Lê, Ba Lục, Ba Nam trước đây Mỹ - ngục cũng không lập được chính quyền, nay đồng bào các dân tộc lập ủy ban tự quản, tổ chức canh gác, sẵn sàng chiến đấu. Các xã giáp giới vùng Trung châu như Ba Liên, Ba Lương, Ba Châu, Ba Trung đồng bào đốt trụ sở ngục, diệt ác, lập các đội du kích. Các xã phía bắc như Ba Già, Ba Diên, Ba Tàng đã diệt và làm tan rã dân vệ, thu được 16 súng.

Tại các vùng thấp, các nhóm vũ trang, các đội vũ trang tuyên truyền mở rộng hoạt động diệt ác, trừ gian, đánh chiếm các trụ sở ngục quyền, phá kìm kẹp. Ở các xã Sơn Hà, Sơn Thành, Sơn Ninh, Trường Giang, các ủy ban tự quản được bí mật thành lập trước đây, nay công khai hoạt động.

Như vậy trong 1 tuần lễ, nhân dân 3 huyện Sơn Hà, Ba Tơ, và Minh Long đã giành quyền làm chủ vùng cao Sơn Hà và 20 xã của 2 huyện Ba Tơ và Minh Long.

Địch tập trung hơn 1 vạn quân mở cuộc hành quân lớn hòng dập tắt phong trào nổi dậy của đồng bào miền Tây Quảng Ngãi, chốt lại các đồn bót đã mất, nhưng bị tiêu hao nặng. Những cái chết khủng khiếp bất ngờ vì tên nổ, hầm chông, đá lăn của đồng bào và chiến sĩ ta càng làm chúng kinh hoàng hơn sau 1 tháng càn quét. Tháng 10/1959, quân địch phải rút bỏ đồn Long Ngại (Minh Long) và các đồn Eo Heo, Eo Chim, chấm dứt cuộc hành quân.

Georges Chofard đã viết trong cuốn *Hai cuộc chiến tranh Việt Nam từ Valluy đến Westmoreland*: “Sau khi bề ngoài chịu khuất phục, dân tộc Cor chính lại là những người đầu tiên đứng lên làm loạn. Họ đã tàn sát cả một đồn binh quốc gia trong quận Trà Bồng và cướp đoạt 54 súng. Sôi sục trước tấm gương của dân tộc Cor, một cuộc chiến tranh thật sự đã diễn ra giữa dân tộc Thượng và lính của Diệm...”.

Tháng 4/1960, Liên khu ủy Khu 5 họp hội nghị quyết định đẩy mạnh phát động quần chúng xây dựng lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, khu, khẩn trương xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ địa vững chắc. Ban Quân sự trực thuộc Liên khu ủy được thành lập gồm các đồng chí Huỳnh Hữu Anh (Quang), Lê Đình Lệ (Trực), Đoàn Y Thanh (Sự) do đồng chí Võ Chí Công là Trưởng ban. Cuối tháng 6/1960, toàn khu tổ chức được 12 đội đặc công và 2 đại đội bộ binh. Liên tỉnh 3 có 2 đại đội tập trung. Quảng Nam có 1 đại đội đặc công. Quảng Ngãi 3 đại đội. Các tỉnh khác 1 đại đội hoặc tương đương. Lâm Đồng, Tuyên Đức mỗi nơi 1 đội công tác vũ trang. Các đơn vị lực lượng vũ trang vừa thành lập đã đẩy mạnh tấn công địch ở khắp nơi, kết hợp nhịp nhàng với phong trào Đồng khởi của toàn miền Nam.

\*\*\*

### **Đồng khởi ở đồng bằng Nam Bộ và chiến thắng Tua Hai**

Tháng 02/1959, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Trung ương ủy viên, Bí thư Xứ ủy Nam Bộ đã nhận được điện của Ban Bí thư Trung ương về nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 15.

Tháng 9/1959, đoàn đại biểu Xứ ủy Nam Bộ do đồng chí Hai Văn (Phan Văn Đáng) dẫn đầu tham dự Hội nghị Trung ương lần thứ 15 về đến Nam Bộ.

Sau Hội nghị Xứ ủy mở rộng tháng 11/1959, tin “Trung ương cho khởi nghĩa giành chính quyền” được cán bộ chuyển nhanh về địa phương. Một luồng gió mới thổi về mọi thôn xóm, buôn làng khắp Nam Bộ. Cán bộ nói với nhau: “Đã quá rồi các đồng chí ơi”. Dân hỏi cán bộ: “Có thiệt cho đánh không?” - “Thiệt!”. Dân nhảy cẫng lên vì sung sướng. Có người nói: “Chẻ cả vạt giường ra mà đánh bọn Mỹ - Diệm”.

Thấy cán bộ mang súng công khai, không còn giấu trong mo cau như trước, đồng bào hồ hởi loan tin cho nhau: “An rồi, an đến nơi rồi bà con ơi”.

Tại căn cứ Bắc Tây Ninh, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Bí thư Xứ ủy triệu tập đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên từ căn cứ Đông Bắc miền Đông về giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang miền Đông phải đánh thắng một trận thật thối động để hỗ trợ cho đồng bào toàn miền Nam đồng loạt khởi nghĩa giành chính quyền ở nông thôn và rừng núi. Đồng chí Tám Xuyên đề đạt với Bí thư Xứ ủy 2 phương án:

1) Tiến công từ 1 đến 2 quận lỵ, từ 4 đến 5 cú điểm. Các lực lượng vũ trang đủ sức đảm nhiệm.

2) Đánh căn cứ Tua Hai (Tây Ninh) một căn cứ lớn, quân địch đông, nếu thắng ta sẽ lấy được nhiều súng đạn để trang bị cho mình. Ta đang có điều kiện và nắm chắc tình hình, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.

Đồng chí Bí thư Xứ ủy chấp thuận phương án thứ 2, động viên các lực lượng vũ trang chuẩn bị chu đáo, đánh chắc thắng làm đòn xeo cho cao trào nổi dậy của quần chúng.

Tua Hai, thời kháng chiến chống Pháp chỉ là một tháp canh, thời Mỹ - ngụy trở thành căn cứ của Sư đoàn số 13 gồm 2 trung đoàn, trong đó 1 trung đoàn toàn lính mới. Căn cứ hình vuông mỗi cạnh 500m có thành bao bọc 2m, 24 tháp canh cao bao quanh.

Tua Hai là nơi cơ sở nội tuyến của ta trong quân ngụy được phát triển mạnh. Hơn 100 đảng viên, cán bộ, bộ đội, du kích cũ được gài vào Trung đoàn 32, tổ chức thành 1 chi bộ mật do 1 huyện ủy viên ở ngoài trực tiếp chỉ đạo. Đầu năm 1959, chi bộ đã nhiều lần xin được bình biến khởi nghĩa, nhưng chưa đến thời cơ, Đảng chỉ đạo bình tĩnh phát triển tổ chức chờ lệnh. Tháng 6/1959, chi bộ họp bí mật ở Bờ Giếng bị bọn thám báo đánh hơi. Địch tiến hành bắt hàng loạt 120 đảng viên và cơ sở. 9 người bị đưa ra tòa và đày đi Côn Đảo. Địch phân tán lính trong trung đoàn đi nhiều đơn vị khác.

Tỉnh ủy phái 1 tỉnh ủy viên và bí mật tổ chức củng cố lại cơ sở, 3 tháng sau đã mọc nổi và xây dựng được chi bộ, phát triển đảng viên mới, xâu chuỗi nhiều quần chúng tích cực chuẩn bị cho trận đánh lớn. Nội tuyến được giao nhiệm vụ nắm tình hình địch, đưa trinh sát và đặc công vào ém trước trong căn cứ.

Lực lượng tham gia trận đánh có C59, C60, C70, C80A, C80B đặc công của R và B30 của Tây Ninh.

Công binh xưởng tại Trảng Chiên đã sản xuất hàng trăm trái pêta loại lớn 4,5kg, loại nhỏ 1,2kg phục vụ trận đánh.

Ngày nổ súng được quy định vào dịp Tết Nguyên đán tạo thế bất ngờ và cũng mở màn cho đồng loạt khởi nghĩa của toàn Nam Bộ.

Đêm 27 Tết tức là 25/01/1960 trận đánh được triển khai vào 20 giờ 30. Chỉ huy trưởng là đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến. Đồng chí Lê Thanh trực tiếp đi vào cánh chủ công ở hướng đông. Các đồng chí Sáu Thịnh, Bảy Tâm, Vinh đi 3 cánh khác. Chính ủy của trận đánh là đồng chí Mai Chí Thọ.

Sắp đến giờ nổ súng bỗng xảy ra một tình huống ngoài dự kiến: Một đoàn mấy chục xe vận tải quân sự chở đầy lính từ thị xã Tây Ninh đến ngừng ngay ở căn cứ Tua Hai. Sau đó đoàn xe tiếp tục đi về phía bắc. Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến phán đoán kế hoạch chưa bị lộ và vẫn giữ vững quyết tâm tấn công căn cứ.

Đại đội đặc công 60 do Đại đội trưởng Vinh chỉ huy chia thành nhiều tổ được trang bị 70 trái pêta lớn, đồng loạt tấn công vào sở chỉ huy, nhà sĩ quan, trận địa pháo, khu thiết giáp, nhà lính. Tiếp theo xung kích tiến vào, vừa nổ súng vừa gọi hàng. Tên Trung đoàn phó và đơn vị bảo vệ Ban Chỉ huy Trung đoàn 32 bị diệt ngay từ đầu. Tên Trung đoàn trưởng vắng trại nên thoát chết. Bị đánh bất ngờ, địch chạy hoảng loạn. Nhiều tên tung áo trắng xin hàng. Một số khá lớn liều mạng vượt bờ thành chạy thoát thân. Sau khi thấy lực lượng ta ít, một số tên ngoan cố chống trả. Chiến sĩ ta xông vào các kho súng, lấy đại liên của địch để bắn địch.

Trận đánh kết thúc vào lúc nửa đêm. 700 tên địch bị giết và bị thương, trong đó có tên đại tá là chỉ huy phó căn cứ. Ta bắt sống 500 tên, giáo dục, thả tại chỗ, chiếm 3 kho đầy súng và 4 kho đầy đạn. Ta hy sinh 25 đồng chí. Dân công, chiến sĩ, cán bộ bộ binh, trợ chiến đều vác súng đạn chiến lợi phẩm, dùng cả xe quân sự của địch vận chuyển vũ khí về căn cứ. Dọc đường đụng tao ngộ chiến, địch lấy lại mất một số. Ngày 27/01/1960, về đến Trà Vinh, vũ khí còn được 1.600 khẩu, chưa tính số súng du kích và bộ đội ngoài khu lượm.

Ngày trong đêm 25/01 khi Tua Hai bị quân ta đánh chiếm, quân địch ở các đồn Hảo Đức, xóm Vĩnh nghe tin hoảng sợ bỏ đồn tháo chạy. Sáng hôm sau một loạt đồn bót đóng dọc đường 22 từ Tây Ninh lên biên giới, các tỉnh lộ 13, 14, các lộ ủi Cần Đăng, Đồng Ban thuộc Tây Ninh và Đôn Thuận, Trảng Bàng cũng rút sạch. Huyện Châu Thành vừa kết hợp nội ứng vừa huy động quần chúng cướp bót Hòa Hiệp; huyện Trảng Bàng chiếm bót Cầu Ván. Ở mạn Bắc Tây Ninh có 7 xã ta vũ trang khởi nghĩa giải phóng 6 xã, ở phía đông Tây Ninh ta giải phóng Phan, Suối Đá, Cầu Khởi, Lộc Ninh, suối Ông Hùng. Phía tây giải phóng Long Chũ, Long Giang, Long Phước, Phước Chỉ, Phước Lưu, Bình Thạnh... Phía nam giải phóng Thạnh Phước, Phước Thạnh, Cầu Sắt, suối Bà Tươi, Lộc Hưng, phần lớn Gia Lộc, An Tịnh.

Ở Dương Minh Châu, trong đơn vị vũ trang tham gia Tua Hai có 10 đồng chí khi trở về huyện hoạt động ngay, bắt 3 trưởng ấp mở tòa xét xử công khai tại Bàu Chòi, tử hình tên ác ôn nhất, thả 2 tên còn lại. Lực lượng vũ trang huyện phối hợp nội tuyến đánh chiếm đồn Phan, Bình Linh, Chà Là, Quy Thiện...

Ở Thanh Điền, ngày mừng 7 Tết, lực lượng vũ trang chiếm bót Hăng Đường và nhà Vương. Địch ở bót “Ôcônên” bị đồng bào hù dọa bỏ bót tháo chạy.

Chiến thắng Tua Hai làm kẻ thù choáng váng. Bọn chỉ huy hoảng hốt cho rằng “quân chính quy Bắc Việt đã tràn vào”.

Chiến thắng Tua Hai mở màn thắng lợi cho cuộc nổi dậy đồng loạt ở miền Đông Nam Bộ nói chung và Tây Ninh nói riêng. Đến tháng 7/1960, Tây Ninh đã giải phóng hoàn toàn 21 xã, giải phóng cơ bản 19 xã, lập thêm 3 xã mới, chiếm 2/3 tổng số xã toàn tỉnh.

Ở Long An, đến 27 Tết cũng đồng loạt nổi dậy bằng trận mở đầu của Trung đội 231 thuộc D5D6 có 3 nội tuyến phối hợp, bức hàng đồn Đức Lập thu toàn bộ vũ khí, đạn dược. Du kích xã Mỹ Hạnh tập kích lấy bót. Bộ đội đánh trận Gò Xoài, kéo quân công khai biểu dương lực lượng hỗ trợ quần chúng truy lùng trừng trị bọn tể điệp ác ôn. Trận Bà Vụ đánh tên quận trưởng Quả Sơn và quân dù tiếp viện ở Cầu Xáng diệt 20 tên, kỳ tập diệt đồn Rạch Chanh. Trận Tân Bửu bộ đội dùng xe đồ xông vào lấy đồn. Ở nam lộ 4, bộ đội dùng mưu lấy bót thu 12 súng trường và 1 tiểu liên. Ba ngày sau chiếm đồn Hưng Long bắt 30 tên, thu 24 súng đúng vào mừng 1 Tết. Tên quận trưởng Cần Đức phải báo cáo về trên: “Trong dịp Tết, 90 trong 117 trưởng ấp không còn làm việc”. Tháng 6/1960, bộ đội Long An lại diệt gọn 1 đại đội địch, chiếm dinh quận và thị trấn Đức Hòa trong 1 ngày.

Ở Biên Hòa, bộ đội thực hiện “diệt 1, làm rã 10”, trừng trị 1 tên ác ôn, 10 tên tể khác thôi việc, không dám làm cho giặc. Ở Dĩ An, 40 thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang được trang bị 1 tiểu liên, 2 súng ngắn, còn lại là dao rựa; đơn vị vừa mới thành lập đã ra quân tấn công đồn dân vệ Bình Trị Đông. Sau 5 phút chiến đấu đã chiếm đồn thu được 1 tiểu liên, 5 súng trường. Tại rừng Cò Mi địch truy kích, anh em đánh trả quyết liệt, hy sinh 1 thanh niên mới nhập ngũ. Anh em làm lễ truy điệu và phát biểu “đánh giặc là chấp nhận có hy sinh - thà hy sinh chứ nhất định không chịu làm nô lệ”.

Ở Thủ Dầu Một, các lực lượng vũ trang đã tấn công quân địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy trên các đường 13, 14, 8, dọc hai bờ sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Huyện Bến Cát, địch có 6 ban tể xã ta giải tán cả 6. Châu Thành có 17 ban tể xã thì

phá rã 11. Đến tháng 02/1960 toàn tỉnh đã giải phóng 25 trong 60 xã của tỉnh và 19 làng của sở cao su ở Dầu Tiếng, Bến Cát, Ninh Hòa, Ninh Thạnh.

Ở Bà Rịa, đêm 02/3/1960 bộ đội 40 do đồng chí Sáu Thịnh chỉ huy đột phá vào Bình Ba diệt một lúc 3 đồn địch, làm phát pháo lệnh cho nhân dân trong tỉnh nổi dậy. Súng lấy được ở Bình Ba phát về cho các huyện và cơ sở cao su, mỗi nơi một khẩu.

Ở Đồng Tháp Mười, với lực lượng vũ trang đã hình thành từ sớm, phong trào nổi dậy của đồng bào phát triển khá mạnh, nhất là ở các vùng căn cứ cũ trong kháng chiến chống Pháp.

Trong lúc Ban Chỉ huy Tiểu đoàn 502 đang họp trên một nhà sàn ở kênh Lung Đông, nhân mùa nước nổi, địch dùng xuồng đánh úp vào giữa trưa. Cả Ban Chỉ huy Tiểu đoàn gồm các đồng chí Thái Hoàng Ân (Nguyễn Tường Can) - Tiểu đoàn trưởng, Đặng Tâm Quảng - Chính trị viên và Tư Sâm - Tiểu đoàn phó đều bị địch bắt. Địch dẫn các đồng chí sang Vàm Cỏ Tây. Giữa đường đồng chí Tư Sâm, mặc dầu đang bị trói, bất ngờ nhảy xuống nước trốn thoát. Tiểu đoàn mất Ban Chỉ huy, phải rút về bưng sông, bị địch bỏ bom, lại rút lên trên biên giới củng cố. Đồng chí Tám Dẫn được khu điều về làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Sáu Chung làm Chính trị viên.

Ngày 25/4/1959, cũng vào mùa nước lớn, Tiểu đoàn 502 được tập trung học tinh thần của Hội nghị Trung ương 15, tập luyện chiến đấu trên giồng Thị Đàm, xã Tân Hội Cơ, huyện Hồng Ngự. Ai cũng nóng lòng nhanh chóng bước vào cuộc chiến hỗ trợ quần chúng khởi nghĩa đổi đời.

Địch nắm được tình hình tiểu đoàn đang huấn luyện, lại lợi dụng mùa nước nổi, địch lập lại sự kiện kênh Lung Đông. Lần này địch sử dụng Tiểu đoàn 3 trung đoàn đặc nhiệm gồm toàn người hùng, chỉ có một ít là lính mới.

Trình sát tiểu đoàn báo cáo địch vào 9 xuồng, sau đó 70 xuồng và ngày càng áp sát vào giồng, cuối cùng đến 83 xuồng đầy lính.

Ta có 42 chiến sĩ với 13 xuồng, trang bị chỉ có 2 trung liên và một số súng trường cũ, đạn cũ nhồi lại. Mặc dù địch đông, ta ít người, vũ khí kém hơn địch, Tiểu đoàn trưởng Tám Dẫn vẫn ra lệnh “chống xuồng, tiến công ngay trên mặt nước không để địch đổ bộ”, vì tin ở chiến sĩ ta thạo nghề sông nước, từ lâu căm thù địch, được ra quân như mở cờ trong bụng. Cuộc chiến đấu bắt đầu vào lúc 8 giờ sáng.

Xuồng địch đông, nhưng bơi bằng dầm đi chậm, hai tay bơi xuồng không sử dụng được súng, khi sử dụng súng thì không bơi được. Lính địch phần lớn là dân



rừng núi, không quen sông nước, chiến đấu trên xuồng rất lúng túng. Chiến sĩ ta chống xuồng bằng băng lướt tới cho đồng đội nổ súng vào đội hình địch. Hai trung liên ta nổ giòn. Những loạt đạn đầu bắn chìm ngay một số xuồng địch. Sau đó ta xông thẳng vào đội hình chúng làm giặc hoảng hốt, xuồng va vào nhau mà chìm. Ta bắn chìm hết những chiếc lớn còn lại.

Phía trước giống Thị Đàm là bưng sâu nên địch bị bắn chết thì ít - mà bị chết đuối thì nhiều. Ta vớt lên bắt sống 105 tên trong đó có tên đại úy tiểu đoàn trưởng, 4 trung úy, 6 thiếu úy. Ta thu 11 trung liên Mỹ, 2 khẩu súng cối cá nhân, 15 tiểu liên, 45 súng trường tự động, còn lại là cạcbin, tổng cộng 165 súng, 11 máy thông tin và toàn bộ 83 chiếc xuồng. Cả tiểu đoàn thiện chiến của địch bị ta tiêu diệt gọn trong vòng 40 phút.

Diệt tiểu đoàn địch xong, đơn vị ta chuyển sang gò Quán Cung. Tù binh cũng được đưa về đây, không kịp trói vì không có dây. Ta chỉ có 1 chiến sĩ một mình với dao găm giữ 105 tù binh ngồi xếp hàng trên gò, người ướm như chuột lột.

Ta vừa đặt chân đến gò Quán Cung, 11 giờ trưa, một tiểu đoàn khác của địch không biết số phận của đồng đội chúng bị diệt, lại mò đến gò nơi ta chiếm lĩnh. Với súng đạn mới lấy được của địch ta đặt 11 khẩu trung liên của Mỹ trên gò cao, chờ địch vào 500 - 300m, khi xuồng đi đầu của địch cách gò 150m, mới đồng loạt nổ súng. Địch chết và bị thương một số lớn, nhưng nhờ ở đây nước nông, chúng thoát lui về gò Bồ Túc vừa chống trả vừa tháo chạy. Trong cả hai trận đánh ta hy sinh 1 đồng chí và 4 đồng chí bị thương. Ngoài số súng thu tại trận, sau này nước rút còn thu thêm cả trăm khẩu nữa.

Chiến thắng giống Thị Đàm - gò Quán Cung giành thắng lợi vượt quá mong muốn của ta và làm cho địch rất kinh hoàng. Chiến thắng này đã cổ vũ rất lớn cho phong trào đồng loạt khởi nghĩa ở đồng bằng sông Cửu Long. Số tù binh được thả đã gây ảnh hưởng lớn: “Việt cộng bắn giỏi quá, chống xuồng nhanh như tên bắn, Việt cộng rất nhân đạo...”

Bảy ngày sau trận Thị Đàm, 1 đại đội của Tiểu đoàn 502 lại đánh một tiểu đoàn của Sư đoàn 23 ngự đi càn quét, giết và làm bị thương 60 tên, bắt sống 3 tù binh thu nhiều súng, có 2 trung liên.

Đêm 20/11/1959, 3 đại đội của Tiểu đoàn 502 chia làm 3 mũi đột nhập Phong Mỹ (Cao Lãnh), chiếm đồn Cầu Sắt (Vàm Xáng) diệt 2 đồn dân vệ, bắt xuồng máy của cảnh sát, phát động quần chúng toàn xã lùng bắt tể điệp ác ôn. Toàn xã Phong Mỹ vùng dậy, lập tòa xét xử tại chỗ 2 tên ác ôn khét tiếng.

Đầu tháng 12/1959, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ họp hội nghị triển khai Nghị quyết 15. Để giúp cho các tỉnh trong khu có thêm vũ trang, tỉnh Kiến Phong tăng cường cho Định Tường 1 trung đội, An Giang 1 trung đội và cho Bến Tre 20 súng, trong đó có 2 trung liên.

Đêm 14/12/1959, đơn vị vũ trang của huyện Mỹ An cùng quân dân nổi dậy chiếm đồn Vĩnh Huê kết hợp nội ứng bắt tề, giải phóng hoàn toàn xã Thanh Mỹ. Thực tiễn nổi dậy ở Thanh Mỹ đã thành kinh nghiệm khởi nghĩa cho đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày 26/01/1960, 1 đại đội và 1 tiểu đội đặc công của Tiểu đoàn 502 đánh sập ngọn tháp 10 tầng dùng làm đài quan sát của địch ở Đồng Tháp. Sau đó phát huy thắng lợi, giải phóng hoàn toàn xã Bình Thạnh, đánh địch ở Long Hưng, Lấp Vò, giống Ông Tố, Thường Thới, Bảy Thưa...

Đến cuối tháng 3/1960, Kiến Phong đã diệt hàng trăm tên địch, diệt và bức rút hàng chục đồn bót, trụ sở tề, bắt giáo dục hàng ngàn sĩ quan, binh sĩ và nhân viên tề ngụy, thu hàng ngàn súng, giải phóng hoàn toàn 4 xã.

Ở Bến Tre, đêm 30/12/1959, sau khi đi tiếp thu Nghị quyết 15 ở Khu ủy Khu 8 (Liên tỉnh ủy miền Trung) về, chị Nguyễn Thị Định - Phó Bí thư Tỉnh ủy chưa liên lạc được toàn bộ Tỉnh ủy do bị trắc trở vì địch chia cắt, thời gian lại gấp, nên vẫn tổ chức hội nghị trừ bị tại ấp Tân Huê, xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày. Tỉnh ủy viên có các đồng chí Hai Thủy, Bảy Hiến và Ba Đào, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, đại biểu cho các huyện có Ba Cầu, Sáu Huấn, Hai Chiến, Bảy Tranh... Hội nghị chủ trương phát động 1 tuần lễ đồng khởi, cù lao Minh làm trước, sang cù lao Bảo rồi lan ra toàn tỉnh, lấy huyện Mỏ Cày làm trọng điểm. Tỉnh chưa có lực lượng vũ trang nên mượn danh Tiểu đoàn 502 uy hiếp địch hỗ trợ cho phong trào quần chúng nổi dậy. Trước giờ hành động 2 ngày, đồng chí Nguyễn Văn Tranh - Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Mỏ Cày bị địch bắt, trong người còn mang con dấu Tiểu đoàn 502. Giặc tra tấn dã man, đồng chí một mực không khai ý đồ đồng khởi, mặt khác làm cho quân thù hoảng sợ cho rằng Tiểu đoàn 502 đã về đến Bến Tre.

Hội nghị trừ bị Tỉnh ủy đã đề ra khẩu hiệu hành động: “Đánh, phải đánh tới tấp. Phát triển, phải phát triển lực lượng hết khả năng. Khi sóng gió nổi lên mạnh dạn căng buồm lướt tới...”.

Ta lập kế điều tổng đoàn dân vệ khét tiếng tàn ác do đội Tỷ chỉ huy về xã Định Thủy chi viện cho tiểu đội dân vệ xã nhằm tiêu diệt lớn, tạo tiếng vang mở đầu Đồng khởi.

Sáng ngày 17/01/1960, một tổ hành động do đồng chí Bảy Thống chỉ huy giả vờ đi tảo mộ, vào quán bắt ngờ ôm vật và giết được tên đội Tỷ, bắt sống tên lính bảo vệ. Định toan chống trả nhưng được tin đội Tỷ chỉ huy đã bị ta giết, một số tên bỏ trốn, số còn lại đầu hàng. Ta thu được 8 súng và nhiều lựu đạn, đạn các loại. Trong lúc đó tổ hành động thứ hai do đồng chí Tư On chỉ huy phối hợp nội tuyến là cảnh sát Huế, lấy đồn dân vệ Vàm Nước Trong, thu 15 súng, 10 lựu đạn và 1.000 viên đạn. Lúc tiếng súng diệt địch nổ, nhân dân Định Thủy ào ạt xuống đường, vũ trang giáo mác, thương cờ, đi lùng sục bọn tề và phá tan mọi tổ chức kìm kẹp của địch. Chiều 17/01, nhân dân khởi nghĩa hoàn toàn làm chủ xã Định Thủy. Ban Lãnh đạo khởi nghĩa của tỉnh tổ chức ngay cuộc mítting có hàng ngàn người ở xã Định Thủy và cả xã Hòa Lộc sang dự. Cờ xanh sao đỏ (cờ khởi nghĩa của tỉnh) tung bay giữa rừng người và lửa sáng rực trời. Quân lệnh của Tiểu đoàn 502, của Tiểu đoàn trưởng Lê Thiết Hùng (mượn danh của tướng Lê Thiết Hùng ở miền Bắc để hù dọa địch là quân đội ngoài Bắc đã tràn về) truyền vang: “Anh em binh sĩ, sĩ quan dù có tội đến đâu mà biết hối cải đều được khoan hồng, nếu mang súng về với nhân dân sẽ được khen thưởng thích đáng. Tề, xã, ấp, liên gia trưởng, công an, chỉ điểm đi tra chức vụ thú tội với nhân dân sẽ được khoan hồng. Ai trái lệnh sẽ bị nhân dân trừng trị. Địa chủ nào dựa vào chính quyền Mỹ - Diệm giết đất tăng tô nay trả lại cho nông dân thì được tha tội”. Ngay đêm 17/01 tổ chức được 4 tiểu đội vũ trang, trang bị súng đầy đủ. Súng mẹ đẻ súng con, lực lượng vũ trang Bến Tre nhanh chóng được xây dựng và phát triển, không còn mang danh Tiểu đoàn 502 nữa mà đã tự mình chiến đấu đánh bại địch với sự phối hợp của hàng vạn đồng bào. Trong 7 ngày đồng khởi cao điểm 1, Bến Tre diệt trên 200 tên địch, thu thêm trên 100 súng, bức hàng, bức rút 27 đồn bót, giải phóng 17 xã. Ngày 19/01/1960, Tỉnh ủy thành lập trung đội vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh là C260 và tiểu đội bảo vệ. Tháng 02/1960, Tỉnh ủy thành lập trung đội tập trung thứ hai C264.

Minh Hải là tỉnh tận cùng Tổ quốc. Tháng 10/1954 tại rừng U Minh, Xứ ủy được thành lập do đồng chí Lê Duẩn được Trung ương chỉ định làm Bí thư. Lúc đó Minh Hải là tỉnh Bạc Liêu. Tháng 8/1955, được sự đồng ý của đồng chí Lê Duẩn, Tỉnh ủy đã bắt đầu xây dựng giải phóng quân bí mật để tự vệ. Hai lớp huấn luyện quân sự được mở do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên phụ trách, mỗi lớp từ 12 đến 13 cán bộ để làm khung đơn vị. Học viên là cán bộ quân sự được bố trí ở lại và được lựa chọn. Giải phóng quân được ngụy trang là “đội bảo vệ hòa bình” tổ chức theo tổ 3 người, 3 tổ thành 1 tiểu đội. Trong một thời gian ngắn 4 đại đội được xây dựng tại 4 huyện Giá Rai, Ngọc Hiển, An Biên và Trần Văn Thời (sông Ông Đốc). Đến giữa năm 1956 cả tỉnh đã có 14 đại đội giải phóng quân ở khắp các huyện. Thực hiện chủ trương binh vận của Xứ ủy, từ đầu năm 1955 Tỉnh ủy cũng đã đưa vào

hàng ngũ địch 140 trong số 260 cán bộ quân sự để ở lại. Do đó nắm được phần lớn lực lượng cảnh vệ của địch, có cơ sở trong 4 tàu địch. Tổ chức được 10 chi bộ mật trong quân nguy.

Cuối năm 1955 khi Ngô Đình Diệm tấn công lực lượng vũ trang giáo phái, Trung đoàn Nguyễn Huệ thuộc lực lượng của Ba Cụt kéo vào Rạch Giá, Bạc Liêu. Ta đưa cán bộ vào làm cố vấn, đã đánh quân Diệm 2 trận, riêng trận Cây Bàng (xã Nguyễn Phích) diệt 150 tên, bắt sống 40 tên, thu 120 súng. Tháng 8/1956, Ba Cụt bị Diệm chặt đầu, lực lượng tan rã, một số binh sĩ Hòa Hảo trao súng lại cho chiến sĩ ta hoặc để lại trong dân. Có 1 trung đội Hòa Hảo do ta chỉ huy ở lại chống Diệm. Ngoài ra ta tổ chức lực lượng lấy danh nghĩa Hòa Hảo ly khai chống Diệm.

Từ đầu năm 1957 thanh niên nhiều xã đã lập thành từng nhóm, từng tổ tự vệ vũ trang. Không chịu được cảnh khủng bố, tàn sát của địch, hàng vạn dân bất hợp tác với Diệm kéo vào rừng U Minh Thượng, Hạ, tổ chức “làng rừng” để tránh giặc, đánh trả giặc. Có đến 15 làng rừng với trên 20.000 dân tương trợ nhau đánh cá, săn thú, chăn nuôi, trồng trọt, dựng trường học, hoạt động văn hóa, sống theo đời sống mới tự quản, xưng là “xã hội chủ nghĩa”. Các đội du kích được tổ chức để canh gác chống giặc. Phòng tuyến chặn địch bố trí thành nhiều lớp. Địch chưa vào được làng rừng, dùng bom ném nhưng không trúng. Làng rừng trở thành căn cứ cho cán bộ, lực lượng vũ trang, làm bàn đạp hoạt động ra vùng dân cư đông đúc. Ngày kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ năm 1958 bộ đội Đinh Tiên Hoàng và Ngô Văn Sở ra mắt nhân dân, hành quân trên kênh rạch khống chế đồn bót địch, diệt nhiều tên ác ôn khét tiếng.

Tháng 7/1959, ở 2 xã Khánh Bình Đông, Khánh Bình Tây huyện Trần Văn Thời (sông Ông Đốc) có Đại đội 2 Đinh Tiên Hoàng hỗ trợ nhân dân tranh thủ dân vệ, bắt cường hào ác bá, giải tán bọn “bảo vệ hương thôn” làm chủ xóm làng. Lúc này lực lượng vũ trang của tỉnh đã có 2 tiểu đoàn tập trung trên 800 quân và có nhiều cơ sở trong lòng địch.

Tháng 10/1959, quán triệt Nghị quyết 15, Tỉnh ủy ra lời kêu gọi toàn dân khởi nghĩa: “...Đồng bào chiến sĩ hãy đứng lên. Có súng ta cầm súng, có dao ta cầm dao, có gì ta cầm nấy, quyết giết hết tụi gian ác...”

Đồn Cà Kao (Năm Căn) cán bộ ta vận động cả trung đội địch diệt chỉ huy, đốt đồn, mang toàn bộ súng đạn về với nhân dân.

Đồn Chà Là (Cái Nước) kết hợp trong, ngoài do 1 huyện ủy viên chỉ huy, đốt đồn, cả trung đội trở về với nhân dân. Các làng rừng xuất quân tiến về làng cũ bao vây truy quét địch.

Tháng 11/1959, Đại đội 1 và Đại đội 2 Đinh Tiên Hoàng kỳ tập kết hợp nội ứng diệt đồn quân lỵ sông Đốc, thu nhiều vũ khí.

Tháng 12/1959, Tiểu đoàn Ngô Văn Sở đánh chi khu Đầm Dơi. Du kích bao vây tiến công chi khu Bình Hưng (tức khu Hải Yến, là bọn nổi tiếng ăn thịt người) diệt nhiều địch, bắt sống 4 tên, thu 43 súng.

Ở Ngọc Hiển quân chúng khởi nghĩa uy hiếp bao vây đồn Tâm Đức 7 ngày liền buộc địch đầu hàng, bắt 15 tên, thu 15 súng.

Được chỉ thị của Tỉnh ủy, Đại đội Ngô Văn Sở vượt 20km đường biển tấn công diệt gọn 1 trung đội địch ở Hòn Khoai hỗ trợ quân chúng khởi nghĩa thắng lợi trên đảo.

Tháng 02/1960, Khu đã thành lập Tiểu đoàn tập trung đầu tiên mang phiên hiệu 306. Sau đó các đại đội Ngô Văn Sở, Đinh Tiên Hoàng đã đánh địch thắng lợi ở Bến Dứa, sông Ông Đốc, Khánh Bình Đông, Cái Tàu...

Phối hợp với phong trào đấu tranh chính trị đang dâng lên mạnh mẽ ở khắp nơi, nội thành Sài Gòn cũng đã tổ chức các tổ vũ trang đầu tiên vào năm 1960 do đồng chí Lê Tấn Phong và Lê Tấn Quốc chỉ huy. Các quận huyện cũng đã tổ chức đơn vị vũ trang cấp tiểu đội, trung đội mang danh hiệu tiểu đoàn như D504 ở Thủ Đức, D301 Bình Tân, C305 ở Củ Chi. Toàn thành phố tổ chức 1 đơn vị tập trung mang danh hiệu C13. Ngày 25/12/1960 tổ biệt động đã ra quân đánh Mỹ trận đầu tiên ở ngã ba Chú Ấa (Gò Vấp).

### III- ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN, ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH

Trong khi miền Nam bước vào cao trào “Đồng khởi”, nhằm xây dựng con đường tiếp tế người, vũ khí và nối thông liên lạc giữa Trung ương với Khu 5 và Nam Bộ, Trung ương đã chỉ thị tổ chức con đường mòn bí mật xuyên Trường Sơn và băng qua đường 9 ở Quảng Trị. Con đường ra đời vào tháng 5/1959, nên đặt tên đường là 559, sau này lớn mạnh nhanh chóng, báo chí thế giới gọi là “đường mòn Hồ Chí Minh” nổi tiếng. Lúc đó đường chỉ tới được Khu 5. Còn về tới Nam Bộ thì cần một thời gian nữa. Do yêu cầu đưa cán bộ quân sự tập kết về sớm đóng góp xây dựng quân giải phóng nên Trung ương đã tổ chức 1 đoàn cán bộ xoi đường về Nam, đồng thời điện cho Xứ ủy cử các đoàn vũ trang tiến lên bắt liên lạc với đoàn của Trung ương. Đoàn từ miền Bắc xoi đường vào Nam Bộ được mang ký hiệu B60 gồm 32 cán bộ chiến sĩ đủ các thành phần: Nam Bộ, Khu 5, Kinh, Thượng, đồng anh em Ê Đê, H'Mông, Chơ Ro do đồng chí Đại úy Phạm Lạc làm Trưởng đoàn, Lê Ngọc Sanh - Đại úy, làm Đoàn phó, Nguyễn Văn Phước



làm Bí thư Chi bộ. Ngày 01/6/1959 đoàn xuất phát từ Hà Nội, băng rừng, lội suối, chịu đói, chịu khát, có lúc phải dừng lại làm rẫy để có cái ăn đi tiếp. Phải đến đầu tháng 10/1960 mới gặp được đoàn của miền Đông Nam Bộ ra đón tại khu vực rừng Quảng Đức. Sau đó đoàn trở lại đón B500, ký hiệu đặt cho đoàn 25 cán bộ quân sự tập kết trở về đầu tiên do Trung tá Tăng Thiên Kim (Tư Chương) chỉ huy - về căn cứ của Miền.

Được điện của Trung ương, Xứ ủy và Khu ủy miền Đông Nam Bộ đã cử 2 đoàn vũ trang tuyên truyền và xoi đường ra Nam Tây Nguyên đón các đoàn từ Trung ương vào:

- Hai trung đội vũ trang của Xứ và tỉnh Phước Long do đồng chí Lâm Quốc Đăng và Phạm Văn Thuận chỉ huy. Một trung đội từ Mã Đà lên Bù Đăng, Phước Long vượt đường 14 lên Phú Riềng, qua Bù Nho Nhỏ và Bù Nho Lớn, ngược sông Bé lên Bù Đốp, Đa Kia. Một trung đội lên sóc Bom Bo qua Bù Gia Mập, Bù Gia Phúc lên Bù Đăng. Các đơn vị trên xoi đường đến đâu xây dựng cơ sở đến đó, vận động nhân dân làm rẫy tích trữ lương thực vào các kho dọc hành lang.

- Đội vũ trang của miền Đông có 17 đồng chí do Nguyễn Trọng Tấn chỉ huy, xuất phát từ suối Nhung theo sông Đồng Nai lên Bù Ta Ươ ra Lâm Đồng. Đơn vị phải cắt rừng để giữ bí mật, phải đào củ mài, củ chụp ăn thay cơm. Nhưng thời gian kéo dài anh em bám dân phát động, giáo dục, xây dựng cơ sở và được đồng bào các dân tộc giúp nuôi ăn xoi đường đi đến đích, đồng thời tạo được cơ sở dọc hành lang.

Sau bao năm tháng vất vả tìm bắt liên lạc với nhau, đêm 04/10/1960, tính ra hơn 1 năm, 2 đoàn miền Bắc gồm có đoàn xoi đường và đoàn cán bộ quân sự mới gặp được đoàn miền Nam tại bờ sông Đồng Nai Thượng thuộc tỉnh Quảng Đức.

Từ đây đường dây liên lạc Bắc - Nam đã nối liền, mạch máu trong cơ thể thống nhất đã lưu thông, con đường mòn mang tên Bác đã hoàn thành... Và cũng từ đây, từng đoàn cán bộ tập kết ra Bắc năm 1954 lại lần lượt nối tiếp nhau về Nam, tăng cường cho lực lượng vũ trang đang xây dựng tại chỗ.

Chân trời cách mạng miền Nam đã rực sáng với những vùng rừng núi và nông thôn giải phóng rộng lớn liên hoàn. Ngày 20/12/1960, tại vùng căn cứ bắc Tây Nguyên rộng lớn, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã trọng thể làm lễ ra mắt. Đại diện cho lực lượng vũ trang giải phóng dự ngày lễ trọng đại này có đồng chí Lê Thanh, cán bộ chỉ huy ở lại miền Nam, cùng số tập kết trở về đầu tiên, đại diện một số binh chủng ban đầu cũng có mặt.



Và 3 tháng sau tại Đồng Rùm, ngày 15/02/1961, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam có cuộc họp bàn về nâng đấu tranh vũ trang lên một bước ngang hàng với đấu tranh chính trị. Cuối cùng, Hội nghị quyết định lấy ngày 15/02 là ngày thành lập giải phóng quân thống nhất trên toàn miền Nam.

Ngày “15 tháng 2” đánh dấu một chặng đường dài ngót sáu năm - “sáu năm đen tối của cách mạng miền Nam Việt Nam”. Nhưng chính trong thời kỳ đen tối ấy - thời kỳ mà quân thù đã dùng mọi phương thức phátxít đè đầu nhân dân trong máu và lửa, nhân dân miền Nam đã quật khởi, nổi dậy, chống lại để sống còn. Trong phong trào quật khởi cách mạng ấy đã lần lượt sản sinh ra những chiến sĩ vũ trang, những nhóm, những tổ, tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn, giải phóng quân... Sau ngày “15 tháng 2” đã hình thành “Ban Quân sự R”, đã có Trung đoàn 1 chủ lực (khung cán bộ chỉ huy các cấp là cán bộ tập kết trở về) do anh Tư Chương làm Trung đoàn trưởng (sau này chính là Q1 - hay Q761 - cũng là trung đoàn thứ nhất, trung đoàn được mang tên “Bình Giã” của Sư đoàn 9 - Sư đoàn hai lần anh hùng - nằm trong đội hình của Quân đoàn 4, quân đoàn xuất hiện vào thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh chống Mỹ giải phóng miền Nam Việt Nam). Từ vĩ tuyến 17 trở vào (Khu 5, Khu 6, Khu 7, Khu 8, Khu 9 và Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định) đã có vùng giải phóng, có đơn vị bộ đội vũ trang giải phóng từ 1 tiểu đoàn, 1 đại đội - ít lắm cũng là 1 trung đội - với vũ khí và biên chế đầy đủ, trình độ quân sự, trình độ chỉ huy tác chiến tương đối khá, diệt được địch, làm thối động được một địa phương, một tỉnh hay một khu vực, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị của đồng bào mình. Khi con đường mòn Hồ Chí Minh - con đường nối thông từ Bắc vào Nam dọc dãy Trường Sơn đã hình thành, tuy bắt đầu chỉ là “đường mòn” thật sự, nhưng nó đã có ý nghĩa rất quyết định cho cách mạng miền Nam, đặc biệt là cho lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam, mà tên gọi trong dân gian lúc bấy giờ là “Bộ đội giải phóng”.

Ngày 15/02/1961 đánh dấu sự ra đời, hình thành quân giải phóng miền Nam Việt Nam thống nhất, đồng thời cũng đánh dấu sự thất bại thảm hại của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, sự thất bại của “cuộc chiến tranh không tuyên bố” của Mỹ - nguy đối với nhân dân miền Nam (từ 1954 - 1960) buộc đế quốc Mỹ phải chuyển hướng chiến lược, tiến hành một loại chiến tranh khác, “Chiến tranh đặc biệt”, mà số phận cũng thảm hại không kém.

## PHẦN THỨ HAI

# Từ Ấp Bắc đến Chiến dịch Hồ Chí Minh

### I- ĐỐI MẶT VỚI “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT”

#### **Trận chống càn Định Thủy**

Sau ngày Đồng khởi của nhân dân tỉnh Bến Tre (17/01/1960), địch đã lập tức huy động hơn mười ngàn quân trên bộ, quân dưới sông (hồi đó chưa xuất hiện máy bay trực thăng và các máy bay chiến đấu hiện đại của Mỹ) bủa vây suốt 12 ngày đêm ở một lõm hẹp gồm 3 xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy - 3 xã điểm của cuộc Đồng khởi ngày 17/01/1960. Đây là một vùng đông dân, nhà cửa san sát, ruộng vườn liền mớ, sông rạch chằng chịt, đồng trống trải, sát bên thị trấn Mỏ Cày và cũng không xa tỉnh lỵ Bến Tre là mấy, thuận lợi rất nhiều cho việc triển khai quân của chúng. Khu vực này nằm lọt thỏm giữa trục đường bộ Bến Tre - Mỏ Cày - Thạnh Phú và đường sông Hàm Luông (một nhánh của Cửu Long giang) - con sông cái rất to, rộng ngăn cách giữa cù lao Minh và cù lao Bảo của Bến Tre.

Hơn mười ngàn quân trong một lõm hẹp, dọc ngang không quá 5-7 km, có thể nói quân của chúng giăng tay nhau để vây bắt sống số quân ít ỏi của ta cũng không khó khăn gì. Số quân ta lúc đó chỉ vven vẹn trên dưới 50 người, biên chế làm 3 tiểu đội, gồm những thanh niên vừa mới hôm qua đây còn là dân thường, hoặc một số rất ít là dân vệ thôn xã, cũng là tay cày tay cuốc, vừa được quy tụ lại sau đêm nổi dậy “17 tháng 01”. Tuy có được một số ít súng vừa lấy được của dân vệ liên xã, có chỉ bảo cho nhau cách lên đạn nhắm bắn và mỗi người có tập qua đôi lần để được làm “anh bộ đội”, nhưng lực lượng ta vẫn chỉ là đơn vị tân binh - với đầy đủ ý nghĩa của nó - phải đối đầu với quân nhà nghề của Diệm.

Lần đầu tiên sau 6 năm trời gọi là “hòa bình” trong Hiệp định Giơnevơ, bỗng dưng súng đạn nổ ã ã ã, xóm làng nhốn nhác, cảnh chiến tranh ập đến đột ngột - gần như không có được sự chuẩn bị từ trong lòng người dân cũng như cán bộ lãnh đạo. Thế rồi mặt này lính vô, mặt kia lính tới, chỗ nọ tàu đổ bộ, trên đường lộ lính tràn đồng, rồi máy bay đâm giã quần thảo, dân từ ấp này chạy qua ấp kia, làng xóm xáo trộn, chạy giặc đụng đầu nhau, hỗn loạn. Mọi trật tự vừa được xếp đặt vài ngày trước đây khi cách mạng nổi dậy bỗng dưng rối tinh trong cảnh chiến tranh thật sự.

Tin tức tới tấp, toàn là tin dữ. Bốn bề, mặt nào cũng có giặc. Chúng đánh vào đâu? Xóm nào? Ấp nào?... Người chỉ huy cuộc chiến đấu chống trận đánh phủ đầu dữ dội, từ trước chưa từng có của đối phương trong những ngày đầu nổi dậy của Bến Tre thật là tài giỏi. Đó là anh Hai Thủy - tuy những năm tháng sau này, anh đã gặp những điều không hay trong cuộc đời riêng - song, những công lao và tài trí có tính chất quyết định của anh trong những ngày đầu Bến Tre nổi dậy không thể không được nhắc đến. Lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của Bến Tre tưởng như bị tiêu diệt hoàn toàn, trái lại đã tiêu diệt nhiều quân địch và thoát vây một cách tài tình, đối phương không thể nào ngờ nổi. Thương vong của trung đội vũ trang này chỉ có 2 người (1 hy sinh và 1 bị thương), một tỷ lệ rất thấp trong chiến đấu và nói lên tầm cao của chiến thắng. Anh Hai Thủy lúc ấy coi như là “tổng chỉ huy” cuộc chống càn và phá vây. Cái hay của anh là trước tình hình đó anh kiên quyết không cho lực lượng phân tán. Anh nhận định rằng số anh em bộ đội hầu hết đều là lính mới và mới làm lính cho nên nếu không có chỉ huy sát sườn thì anh em không thể nào chịu nổi cái ác liệt của trận bao vây dữ dội này. Cái hay thứ hai của anh là biết biến cuộc tản cư ngược của đồng bào thành cuộc đấu tranh chính trị quyết liệt với kẻ địch buộc chúng phải nhượng bộ, rút quân. Trong trận chống càn này người chỉ huy biết vận dụng cả ba mũi giáp công cho nên vừa bảo toàn được lực lượng vũ trang non trẻ của Bến Tre, vừa diệt được khá nhiều quân địch lại vừa đẩy thế quân chúng đi lên tạo ảnh hưởng to lớn cho thế đấu tranh chính trị trong toàn tỉnh.

Và sau đó thì lực lượng vũ trang ở tỉnh Bến Tre được phát triển gần như nhanh nhất và mạnh mẽ nhất của thời kỳ lúc bấy giờ. Điều đó nói lên rằng kẻ địch đông, mạnh, ưu thế về mọi mặt... vẫn không sao tiêu diệt nổi một nhóm bộ đội vừa mới phôi thai nhưng tinh thần cách mạng kiên cường giữa một vùng gần như trong lòng bàn tay của kẻ thù. Cái đó đang cất nghĩa sự tồn tại của những người cầm súng giữa lòng đồng bào. Nhân dân, đồng bào chính là cái nền chính trị, giàu tinh thần cách mạng, lòng yêu nước. Kẻ thù không thể phá được cái nền móng ấy. Cái nền đó là ý chí, là lực lượng trong cuộc đương đầu với quân thù quyết liệt này.

Vậy là, kẻ địch muốn bằng lực lượng quân sự quyết bao vây tiêu diệt một nhóm vũ trang của cách mạng nhưng không thành, ngược lại không những địch bị thương vong lớn, mà điều quan trọng hơn là đã khuấy động lên cuộc nổi dậy của quần chúng quy mô rất lớn ở Bến Tre. Sự kiện đó đã cho thấy sự thay đổi cục diện đôi bên trên toàn miền Nam. Phong trào Đồng khởi trong toàn miền Nam đã giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở nông thôn, lập nên một chính quyền dân chủ tự quản của nhân dân chống lại chính quyền độc tài gia đình trị của Diệm được Mỹ xây dựng và nuôi sống.

Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam có đặc trưng: Mỹ không tham gia chiến đấu, chỉ làm cố vấn, dùng đôla và vũ khí Mỹ cho người Việt Nam giết lẫn nhau. “Đây là vấn đề nội bộ của Nam Việt Nam”. Chính phủ Mỹ thông báo cho toàn thế giới và cả trong dân chúng Mỹ. Và đế quốc Mỹ tin chắc rằng sẽ thắng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, với kế hoạch Staley Taylor bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Thực hiện chủ trương đó, viện trợ của Mỹ cho Diệm càng ngày càng gia tăng. Chỉ trong vòng 1 năm, số đơn vị máy bay trực thăng chiến đấu và xe bọc thép M113 của Mỹ đổ vào miền Nam rất lớn. Đồng thời với viện trợ quân sự, Mỹ - Diệm tiếp tục gom dân lập ấp để đẩy “Việt cộng” vào thế không còn đủ sức khuấy động nổi dậy nữa. Đây là thời kỳ xuất hiện quốc sách “ấp chiến lược” - một quốc sách mà Ngô Đình Diệm nói đi nói lại là “không - được - nghĩ - đến - thất - bại” (!)

Về phía ta, lực lượng vũ trang giải phóng vừa mới ra đời đã gặp ngay khó khăn rất lớn. Có nơi như vùng đồng bằng - nhất là các tỉnh có địa hình trống trải như Đồng Tháp Mười... bộ đội không thể hoạt động như thời mới nổi dậy được. Một số vùng đã bị thiệt hại không ít trong chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận của chúng. Điển hình là trận đánh vào Trại Lòn (Kiến Tường) ta đã thiệt mất gần đại đội giữa đồng trống - vì chưa quen với loại trực thăng vũ trang này. Kẻ địch đang thắng thế. Chúng mong cho “Việt cộng” dám đứng lại với chúng. Và chúng rêu rao về chiến thuật mà theo thuật ngữ quân sự của chúng là “bủa lưới phóng lao”...

### **Ấp Bắc (02/01/1963)**

Trận Ấp Bắc (Tiền Giang) là câu trả lời của quân giải phóng cho cái chiến thuật mà chúng rêu rao là bách thắng đó. Ấp Bắc là một trận điển hình về tác chiến trong giai đoạn “Chiến tranh đặc biệt”, và cũng rất điển hình về trình độ sáng tạo trong nghệ thuật quân sự của lực lượng vũ trang giải phóng thời kỳ này.

Con người đã có ý chí và sáng tạo biện pháp hiệu quả chống lại kẻ địch lúc bấy giờ là anh Nguyễn Văn Bảy - mà anh em trong Tiểu đoàn 261 (sau này thành Tiểu đoàn Gi Rông) - thường gọi “Bảy Đen”, Đại đội trưởng Đại đội 1. Anh đã nêu lên một khẩu hiệu đối lại sự “bủa lưới” của địch rằng: “Cắm cọc chống lưới, trụ lại bẻ lao”. Anh đã rèn luyện cho đại đội của anh ý chí quyết tâm đó. Cho nên khi ta và địch gặp nhau tại trận Ấp Bắc, Đại đội 1 của Bảy Đen thuộc Tiểu đoàn 261 Quân khu 8 đã chiến đấu và chiến thắng địch trong một trận đánh cực kỳ ác liệt từ sáng cho đến tối ngày 02/01/1963.

Trận Ấp Bắc là một trận lừng danh, chấn động cả thế giới phương Tây vào đầu năm 1963. Nhiều sách báo đã miêu tả trận này với nhiều góc độ khác nhau. Những

năm gần đây, Neil Shoechan trong cuốn sách được giải thưởng quốc gia sách ở Mỹ *Sự lừa dối hào nhoáng* đã viết về trận Ấp Bắc thành 1 chương riêng mang tiêu đề “Trận Ấp Bắc”. Ngót 60 trang sách ông chỉ nói về trận này. Trên thực tế trong trận Ấp Bắc, bao nhiêu quân Mỹ - Diệm (sư ngụy cộng với các cố vấn Mỹ) chỉ đụng với 2 đại đội quân giải phóng của ta, Đại đội 1 của Tiểu đoàn 261, Quân khu 8 và Đại đội 1 Tiểu đoàn 514 địa phương quân tỉnh Mỹ Tho, cộng với 1 trung đội địa phương huyện Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho.

Trong nhật ký còn để lại của đồng chí Nguyễn Văn Bảy, tự Bảy Đen, đã ghi chép thật sự về một đại đội tham chiến trận Ấp Bắc, quân số chỉ vỏn vẹn 100 người và trang bị súng các loại đối đầu với một lực lượng bộ binh, quân dù, không quân trực thăng và cơ giới của Mỹ - Diệm, chẳng những bị tiêu hao rất ít - so với quy mô trận đánh - mà còn gây cho đối phương một thất bại nặng nề. Thất bại có tính chất thổi động đến toàn cuộc.

Sau chiến thắng này, cả miền Nam dấy lên phong trào “Thi đua Ấp Bắc - Giết giặc lập công”. Phong trào ấy trở thành cao trào của quân giải phóng hạ trực thăng bầy, diệt các chi đoàn xe thiết giáp.

Dám trụ lại để thắng giặc trên chiến trường đồng bằng là một bước tiến đáng kể của quân đội giải phóng lúc bấy giờ.

Trong khi đồng bằng Nam Bộ bẻ gãy được chiến thuật lợi hại “trực thăng vận, thiết xa vận” của Mỹ - ngụy, thì ở miền Đông Nam Bộ, lực lượng vũ trang đã nhanh chóng trưởng thành. Quy mô phát triển lực lượng chủ lực đã dần dần lên đến 3 trung đoàn. Yêu cầu rèn luyện, các thứ quân, các binh chủng và chỉ huy thống nhất các chiến trường đặt ra cấp bách.

Vậy nên, đồng thời với việc tổ chức và phát triển lực lượng du kích, địa phương và chủ lực, hình thành các quân khu, Bộ Chỉ huy quân giải phóng miền Nam đã được kiện toàn với các ban, phòng để đủ sức chỉ huy lãnh đạo lực lượng vũ trang toàn miền. Trong việc luyện tập cho quân chủ lực Miền tác chiến có hiệu quả, các cơ quan quân sự, chính trị, hậu cần Miền đã đóng một vai trò rất lớn. Các cán bộ của bộ phận Miền luôn sát cánh theo 3 trung đoàn Q-761, Q-762 và Q-763 (Q-763 được thành lập từ sau trận Ấp Bắc).

## **Bình Giã**

Để phát huy vai trò quân chủ lực hỗ trợ đặc lực cho phong trào chính trị vũ trang cách mạng trên toàn Miền, Bộ Chỉ huy Miền nâng trình độ tác chiến của bộ đội lên thành chiến dịch. Chiến dịch Bình Giã (Bà Rịa) đã nổ ra thắng lợi (từ 05/12/1964 đến 03/01/1965).



Lần đầu tiên ta tập trung trên một địa bàn nhất định tới 2 trung đoàn với một số binh chủng yểm trợ, kết hợp với bộ đội địa phương, du kích rộng rãi, được nhân dân giúp đỡ và phối hợp đấu tranh. Lần đầu tiên chủ lực quân giải phóng đã đánh nhiều trận liên tiếp, tiêu diệt được nhiều tiểu đoàn sừng sỏ của quân ngụy như thủy quân lục chiến, quân dù, biệt động quân và các chi đoàn thiết giáp có phi cơ và trực thăng vũ trang yểm trợ. Chiến dịch Bình Giã đã làm Mỹ - ngụy rung động, thấy rằng quân đội ngụy được Mỹ xây dựng, trang bị, huấn luyện và chỉ huy không còn đứng vững được. Chế độ ngụy có nguy cơ sụp đổ.

Tiếp theo chiến thắng Bình Giã, có chiến thắng Ba Gia ở Quảng Ngãi: Trong thời gian ngắn, quân giải phóng đã đánh ngoài trời tiêu diệt gọn nhiều tiểu đoàn địch. Rồi đến Phước Long - Đồng Xoài, chủ lực ta vừa đánh địch ngoài trời, vừa đánh địch trong công sự kiên cố. Trận đánh chiếm cứ điểm chi khu Đồng Xoài, 09/6/1965 (Biên Hòa) đã nâng trình độ tác chiến của quân giải phóng lên một bước cả về kỹ thuật chiến đấu của bộ đội lẫn về chỉ huy hợp đồng binh chủng, liên lạc trinh sát nhanh chóng chính xác, diệt điểm diệt viện, nghi binh kết hợp ngăn chặn địch từ xa, dự kiến phản ứng của địch và đoán đúng nơi địch đổ quân tạo thành thế diệt địch ngay từ phút đầu.

## II- “CHIẾN TRANH CỤC BỘ”: “KHÔNG CÓ ÁNH SÁNG Ở CUỐI ĐƯỜNG HẸM”

Nghệ thuật chiến dịch của quân giải phóng trên chiến trường miền Đông Nam Bộ đã phát triển. Sau Đồng Xoài, quân Mỹ đã nhảy hẫng vào miền Nam. Vì Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài đánh cho ngụy quân không còn đứng vững, đã đánh dấu sự thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Một lần nữa Mỹ phải chuyển hướng chiến lược, trực tiếp đưa quân vào tham chiến ở miền Nam. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đã bắt đầu với cường độ ác liệt chưa từng có.

Ngày 02/9/1965, tại căn cứ Trảng Chiên - Bắc Tây Ninh, là ngày khai sinh ra Sư đoàn 9 và sau đó Sư đoàn 5. Buổi ấy có mặt Luật sư Nguyễn Hữu Thọ - Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát - Phó Chủ tịch, có mặt Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền... Mọi người đều vui mừng tin tưởng thấy được quân giải phóng miền Nam ở chiến trường miền Đông Nam Bộ đã tổ chức lên đến sư đoàn, và nhanh chóng có 2 sư đoàn mạnh. Giữa tình hình Mỹ đang gia tăng cường độ chiến tranh ở miền Nam, Sư đoàn 9, Sư đoàn 5 rồi sau đến Sư đoàn 7, là niềm vinh dự và tự hào của quân giải phóng miền Nam Việt Nam trên chiến trường miền Đông Nam Bộ - chiến trường chủ yếu.

Quân Mỹ lúc bấy giờ thủ vai trò chủ yếu càn quét đánh phá miền Nam. Quân ngụy đóng vai trò “giữ nhà”(!)



## Bầu Bàng

Nổi bật nhất trong giai đoạn này là chiến trận Bầu Bàng ngày 12/11/1965 (Thủ Dầu Một). Sư đoàn “Anh cả đỏ” của Mỹ gặp phải “Anh cả đỏ” của quân ta - nói theo cách nói của dân gian hồi đó muốn so sánh Sư đoàn 9 của ta với sư đoàn “Anh cả đỏ” số 1 của Mỹ - và trên thực tế, cho đến lúc ấy - lúc diễn ra “trận Bầu Bàng” - ta mới bắt đầu đánh Mỹ ở cấp sư đoàn. Hai sư đoàn số 1 gặp nhau, nhưng ta vừa mới thành lập, còn “Anh cả đỏ” Sư đoàn 1 bộ binh của Mỹ, đã nổi danh từ Đệ nhị thế chiến, và trận Bầu Bàng là trận thua đau lắm của quân Mỹ. Theo tài liệu để lại, con số 2.040 quân Mỹ đã bị thương vong trong một trận đánh vận động tập kích của quân giải phóng miền Đông Nam Bộ, chứng tỏ khả năng đánh được Mỹ và đánh tiêu diệt được quân Mỹ.

Trước đó, khi quân Mỹ vừa đến chiến trường miền Nam, chúng đã bị liên một đòn thật là bất ngờ. Một đại đội Mỹ đóng trong công sự ở Núi Thành (Quảng Nam) đã bị diệt gọn (27/5/1965). Rồi đến trận Vạn Tường 18/8/1965 cũng ở Quảng Nam, quân Mỹ cùng với xe bọc thép lội nước đổ bộ lên bờ, được pháo hạm chi viện, vẫn bị đánh thiệt hại nặng: Hàng mấy trăm tên cùng hàng chục xe tăng thiết giáp bị tiêu diệt. Trận Vạn Tường là trận đánh Mỹ nổi tiếng đầu tiên của quân ta trong “Chiến tranh cục bộ”.

Nơi nào cũng có những trận đánh Mỹ điển hình. Nơi nào cũng có dũng sĩ diệt Mỹ. Mỹ nhảy vào miền Nam, toàn miền Nam dấy lên phong trào thi đua diệt Mỹ. Chủ lực đánh Mỹ, địa phương đánh Mỹ, du kích cũng đánh Mỹ và cho đến dân thường cũng giết được Mỹ và cũng đạt đến tiêu chuẩn cấp “dũng sĩ diệt Mỹ” - như ở Củ Chi, ở Lai Khê (Bến Cát), ở Tây Nguyên rừng núi. Thậm chí ở miền đồng bằng sông Cửu Long, với những người nông dân tay lấm chân bùn, chỉ biết vườn tược, ruộng nương quanh năm suốt tháng, vậy mà khi quân Mỹ kéo tới lập căn cứ, tức thì “Vành đai Bình Đức” đã hình thành ngay trên vùng đông dân nhiều của để bao vây quân Mỹ, và những dũng sĩ diệt Mỹ nơi đây lại nổi lên. Danh sách những dũng sĩ trong cuốn sổ vàng diệt Mỹ của huyện Châu Thành tỉnh Mỹ Tho được nối dài thêm mỗi ngày.

Có thêm quân Mỹ, cộng với quân ngụy, cũng không bình định được miền Nam. Chỉ có mức độ chiến tranh là gia tăng. Và chiến tranh càng khốc liệt, càng bất phân thắng bại thì Mỹ càng cay cú càng leo thang. Nó giống như một con bạc đang khát nước. Đưa quân vào nghĩ là thắng. Không thắng được, lại đưa quân tiếp, và đưa quân tiếp... cho đến hàng mấy chục vạn quân Mỹ trên chiến trường miền Nam Việt Nam.

Các đơn vị sừng sỏ của Mỹ cho đến hôm nay “bách chiến bách thắng” như Sư đoàn 1 “Anh cả đỏ” đã chiến thắng cả trong 2 cuộc chiến tranh thế giới, Sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới” đã từng tham gia chiến tranh Triều Tiên... vẫn phải nếm mùi thất bại ở Việt Nam. Mỹ bèn tổ chức ra sư đoàn tân kỳ hơn, hiện đại hơn như Sư đoàn kỵ binh không vận 101. Toàn bộ sư đoàn trên 1 vạn quân cả pháo binh, hỏa lực và bảo đảm đều cưỡi máy bay “đi mây về gió”, từ trên trời đánh xuống bất cứ ở chiến trường nào, địa hình nào, thời tiết nào, ngày hay đêm. Sư đoàn tân kỳ ấy ngay ngày đầu bay đến Việt Nam đã bị một cú thất bại ê chề. Đó là cú đánh vào chiến trường Tây Nguyên của ta tại mặt trận Plei Me (từ ngày 10 đến ngày 18/11/1965). Tại đây quân giải phóng đã đánh kỵ binh bay nhiều trận tới bời, thiệt hại nặng nề. Đường hầm vẫn không lối thoát.

### **Tìm và diệt: “ai tìm, ai diệt ai?”**

#### ***Junction City***

Tướng Westmoreland - Tổng Chỉ huy quân đội Mỹ ở chiến trường miền Nam Việt Nam đã dự kiến kế hoạch 3 giai đoạn của “Chiến tranh cục bộ”:

Giai đoạn 1, cứu quân nguy khỏi thua to vào năm 1965.

Giai đoạn 2, tiêu diệt lực lượng quân sự đối phương và bình định nông thôn miền Nam trong 6 tháng đầu năm 1966.

Giai đoạn 3, là sau đó từ 1 đến 1 năm rưỡi diệt hết lực lượng quân sự đối phương còn sót lại trong các khu căn cứ. Sau nữa nguy quyền cùng với lực lượng nguy quân đã trưởng thành đủ sức hoàn toàn làm chủ miền Nam Việt Nam và quân Mỹ, quân chư hầu rút về nước.

Như vậy, Mỹ đã tính trước thắng lợi hoàn toàn vào cuối năm 1967 với chiến dịch “Tìm và diệt” lớn nhất ở Bắc Tây Ninh nhằm diệt gọn chủ lực Việt cộng còn lại cùng với các cơ quan đầu não như Bộ Chỉ huy quân giải phóng và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam...

Thế nhưng trận “quyết chiến chiến lược Junction City” của chiến lược “Tìm và diệt” trong “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã thất bại thảm hại (từ ngày 22/02 đến ngày 15/3/1967). Trên 45.000 quân Mỹ thuộc các đơn vị thiện chiến nhất như Sư đoàn 1 “Anh cả đỏ”, Sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới”... cùng một số đơn vị nguy, được các loại máy bay chiến đấu, các trực thăng vũ trang và chở quân, các máy bay đưa quân nhảy dù, cả máy bay chiến lược B-52 rải thảm, chi viện không hạn chế vào một khu vực chiến trường nhỏ hẹp vẫn bị tổn thất nặng và rút chạy. Bom đạn,

chất độc hóa học từ phi cơ và hỏa lực pháo binh từ mặt đất kinh khủng kể cả “Vua chiến trường”, pháo 175 ly, hầu như không có hiệu quả theo như tướng Mỹ tưởng. Quân giải phóng đã bố trí sẵn trong vùng căn cứ Bắc Tây Ninh của mình một thế trận chiến tranh nhân dân tuyệt diệu bao gồm du kích và quân địa phương từ dân tại chỗ và cán bộ nhân viên cơ quan trú đóng, được trang bị mạnh bằng súng chống tăng và mìn các loại đã phối hợp chiến đấu có kết quả cao với Sư đoàn 9 chủ lực. Quân Mỹ không tìm thấy Việt cộng nào để diệt, trái lại đi đến đâu, ở đâu, ngày hay đêm đều bị đánh, bị tìm và bị diệt. Hàng ngàn lính Mỹ chết và bị thương, hàng trăm xe tăng và thiết giáp tan xác, trên 100 máy bay các loại bị bắn rơi, trên 100 pháo từ 105 ly trở lên bị hủy. Trận Junction City thất bại, ảo tưởng kết thúc chiến tranh vào cuối năm 1967 tan như mây khói.

### ***Mậu Thân 1968***

Ý nghĩa cơ bản của chiến lược tìm và diệt của Westmoreland là muốn đưa chiến tranh đến tận xứ sở của kẻ địch và diệt địch ở đó. Ý đồ chiến lược đó không thành, quân giải phóng lại phá chiến lược tìm và diệt của Mỹ bằng cách đưa chiến tranh đến tận hang ổ của Mỹ - ngụy, ở các thị xã, thị trấn và ngay cả Sài Gòn là đầu não chỉ huy chiến tranh của chúng. Đó là cuộc Tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân năm 1968. Hàng trăm tỉnh, thành, quận lỵ, chi khu... trên hầu khắp miền Nam cho đến Tòa Bạch Ốc và Lầu 5 góc (“ngũ giác đài”) phương Đông ở Sài Gòn thấy đều bị tấn công một lượt. Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân năm 1968 ấy, đã gây một bất ngờ lớn lao cho Mỹ - ngụy ngay từ phút đầu, từ những ngày đầu cho đến nhiều tháng sau trên khắp miền Nam. Bất ngờ về chiến lược, về chiến dịch và cả về chiến thuật. Bất ngờ về thời gian bắt đầu, về thời gian ác liệt kéo dài. Bất ngờ về nghệ thuật quân sự chưa hề có trong binh thư đông tây, kim cổ.

Một trận đánh mà cho đến 20 năm sau - kỷ niệm 20 năm Tết Mậu Thân 1968-1988..., cán bộ ta hãy còn bàn cãi và rút ra nhiều điều trong nghệ thuật quân sự, nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh. Quân giải phóng miền Nam, cùng với toàn dân miền Nam Việt Nam đã làm nên một trận long trời lở đất, Mỹ kinh hoàng, thế giới sửng sốt.

Trận đánh của Tết Mậu Thân năm 1968 vẫn là một trận đánh vang dội trong lịch sử có một không hai của cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước Việt Nam. Nó đã là cái mốc tạo ra được bước ngoặt chiến lược lớn nhất của cuộc chiến tranh: Đánh cho Mỹ cút, để rồi nhất định ngụy sẽ bị nhào.

Tết Mậu Thân năm 1968, quân dân miền Nam đã đẩy quân thù vào tình thế không lối thoát, buộc phải “xuống thang chiến tranh”, chấp nhận ngồi lại thương lượng hòa bình với sự có mặt của đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, một thực thể mà lâu nay chúng cố tình không nhìn nhận.

### III- “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH”: MỘT THỬ THÁCH MỚI

Tuy nhiên đường đi đến thắng lợi còn lắm chông gai, không phải chỉ đẩy hoa chiến thắng. Qua năm 1969, quân giải phóng miền Nam bước vào cuộc thử thách mới đầy cam go quyết liệt trước những âm mưu thủ đoạn chiến tranh mới của Mỹ - nguy trong lúc sức mạnh chiến đấu chưa kịp phục hồi.

Tổng thống Mỹ Nixon vừa nhậm chức, tháng 4/1969 đã thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với tham vọng vừa rút được quân Mỹ về nước, vừa tăng cường quân nguy để thắng cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam. Kế hoạch bình định nông thôn, chiến tranh tâm lý được đẩy lên mức độ ác liệt và tinh vi. Chúng “tát nước bắt cá” đánh thẳng vào dân, đặc biệt là nông thôn, hòng tách cán bộ, bộ đội, du kích ra khỏi nhân dân, ra khỏi xóm làng, quê hương. Một nhà báo Mỹ Joseph Amster đã nêu con số: từ tháng 3/1968 đến cuối năm 1969, riêng chiến dịch “Phượng Hoàng” Mỹ - nguy đã giết chết ít nhất 20.000 nông dân và rất có thể từ 50.000 đến 100.000 người. Từng đàn máy bay các loại: cá rô, cá nóc, cá lẹp (máy bay lên thẳng trinh sát và bắn phá), máy bay B-52, C-47... ngày đêm trút bom rải thảm, bắn tên lửa vào bất cứ nơi nào còn một lùm cây, ngọn cỏ, chất độc hóa học làm trụi hàng chục ngàn hécta rừng, hàng ngàn xóm làng hòng đánh bật quân giải phóng ra khỏi nơi trú ẩn. Từ Trị Thiên, Khu 5 đến Tây Nguyên, miền Đông và miền đồng bằng sông Cửu Long, màu xanh đã biến mất trên nhiều vùng. Cây cối chết khô trụi chĩa lên nền trời, càng nhìn càng thêm đau xót cho đất nước bị quân thù tàn phá. Đêm đêm chốc chốc lửa lại bùng cháy trên đỉnh ngọn cây như những đốm lửa hận thù của chiến sĩ, đồng bào vụt bốc cao. Củ Chi “đất thép” mỗi năm đất đều có thép của mảnh bom đạn. Rừng Năm Căn, U Minh 50% bị tàn phá, cháy rụi. Kết hợp với bom đạn, địch bố trí dày đặc ở nông thôn hàng mấy trăm đoàn, đội đủ các sắc lính: bảo an, dân vệ, cảnh sát, bình định, phượng hoàng, chưa tính bọn tề điệp và lực lượng phòng vệ dân sự.

Muôn vàn khó khăn gian khổ, ác liệt ập đến tưởng chừng như chiến sĩ, đồng bào ta không thể nào chịu đựng nổi. Mỹ - nguy đã hí hửng nhận định: “Từ năm 1969 trở đi Việt cộng đã bị động cả về chiến lược và chiến thuật, phải trở lại đánh du kích, Việt cộng không còn nơi an toàn”. Thực tiễn trên chiến trường ta cũng đã bị mất nhiều đất, nhiều dân.

“Lửa thử vàng, gian nan thử sức”. Kẻ thù giàu súng đạn thì quân và dân ta giàu lòng yêu nước, ý chí kiên cường bất khuất, quyết vượt lên khó khăn gian khổ ác liệt để chiến thắng quân thù. Lời chúc Tết của Bác Hồ kính yêu đầu năm 1969 là nguồn động viên to lớn tiếp thêm tinh thần sức lực cho miền Nam Thành đồng: *“Năm qua thắng lợi vẻ vang - Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to - Vì độc lập vì tự do - Đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào... - Bắc Nam sum họp xuân nào vui hơn”*. Nhiều bà mẹ miền Nam cũng như miền Bắc tiếp tục dâng lên Tổ quốc những đứa con ruột thịt thứ ba, thứ tư, và cả thứ bảy, thứ tám. Má Nguyễn Thị Rành ở Củ Chi, 6 con đã hy sinh trong kháng chiến chống Pháp và trong chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, nay tiếp tục tiễn 2 con còn lại lên đường góp phần đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch. Má Nguyễn Thị Ngư ở Bình Thuận có 8 con tham gia chiến đấu và đều đã hy sinh. Hàng vạn thanh niên, học sinh, nông dân, công nhân, ở miền Bắc lại vượt Trường Sơn băng qua lửa đạn của quân thù vào Nam chiến đấu. Đội ngũ quân giải phóng lại được tăng cường. Nhiều đơn vị chủ lực, địa phương và cả các đội du kích đã có đến một nửa là thanh niên hậu phương lớn. Anh em rời ghế nhà trường, rời hợp tác xã vào chiến trường còn bỡ ngỡ. Nhưng cuộc chiến đấu gay go, sống chết đã rèn đúc anh em trưởng thành. Địch phá địa hình trên mặt đất, chiến sĩ đào hầm để ngủ, đào giao thông hào để đi lại ngụy trang bằng cây khô để che mắt địch. Địch phá hoại lúa màu, ruộng rẫy, lương thực, chiến sĩ, đồng bào ta đào củ mài, củ chup, hái lá bép, lá rừng, ăn cả mít non, chuối xanh, môn thụt... để sống và chiến đấu. Những khẩu hiệu hành động xuất hiện khắp mọi nơi: “Quyết tử giữ Gò Dầu”, “Quyết tử giữ Long Đất”, “Dân bám đất, chiến sĩ bám đồng bào cùng nhau chiến đấu diệt địch”. Địch hành quân chà xát, phục kích đón đường hòng tìm dấu vết gây thương vong cho ta, ta lại “đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng” để bịt tai, bịt mắt địch. Địch tập trung chà xát nông thôn để thực hiện kế hoạch bình định thì chiến sĩ ta “lấy đêm làm ngày” vượt nhiều lớp đồn bót giặc về bám dân phát động dân xây dựng cơ sở. Tiểu đoàn 14 ở Tây Ninh, ngoài súng đạn mang cả nắp hầm bí mật về bám dân dựa vào dân đào hầm bí mật để hoạt động. Hàng mấy tháng trời “ăn cơm vắt, uống nước ve, ngủ hầm bí mật” anh em đã đánh cho địch nhiều đòn đau, khôi phục nhiều vùng làm chủ cho nhân dân. Khu 5 trong 6 tháng đầu năm 1969 đã diệt, trừng trị gần 2.000 tên ác ôn bình định, nổi lên tấm gương em Phan Thị Đào - chiến sĩ du kích thiếu niên dùng lựu đạn diệt tên Huân ác ôn khét tiếng, bị địch bắt tra tấn cắt vắn: “Mày muốn sống hay muốn chết, muốn sống thì khai”. Em thản nhiên nói: “Muốn sống để giết hết bọn này cho dân đỡ khổ”. Địch đã hành hạ buộc em vào xe kéo đi cho



đến chết. Trong lễ truy điệu em Đào, người cha lại dẫn em gái Đào 11 tuổi đến “xin các đồng chí kết nạp con em vào đội diệt ác thay cho chị nó”. Trung đoàn 320 chiến đấu thương vong đến gần 80% quân số, hy sinh toàn bộ Ban Chỉ huy Trung đoàn, vẫn kiên cường thực hiện nhiệm vụ bám trụ vùng ven Sài Gòn để rồi bình phục và thắng giặc những năm sau. Ở thị xã Cà Mau, Hồ Thị Kỷ chỉ huy đội biệt động giấu mìn trong giỏ xách làm nổ tung 3 xe đẩy giặc và hy sinh anh dũng. Cả miền Nam bùng lên phong trào diệt Mỹ đánh ngụy.

Ngày 03/9/1969, Đài Phát thanh Hà Nội loan tin đau buồn Bác Hồ vô vàn kính yêu của toàn thể dân tộc Việt Nam đã từ trần. Mỹ - ngụy tưởng rằng có thể lợi dụng dịp này đánh quy tinh thần chiến đấu của quân và dân ta. Nhưng chúng đã lầm to, cả miền Nam đã “biến đau thương thành sức mạnh”. Chiến sĩ ta đã nuốt những giọt nước mắt dồn sức mạnh lên đôi tay cầm súng bắn thẳng vào kẻ thù quyết giành giật với chúng từng tấc đất của Tổ quốc thân yêu. Ở Khu 5, địch đánh phá ác liệt và gắt gao nhưng nhân dân vẫn một lòng bền chí kiên gan cứu mang nuôi dưỡng, tiếp tế cho quân giải phóng chiến đấu. Cả mẹ già, các chị và cả các em gái 12, 13 tuổi mang từng ang gạo len lỏi qua các trạm kiểm soát của địch đem tận tay cho quân giải phóng. Đồng bào các dân tộc miền núi tiếp tục ăn củ rừng, dành từng lon gạo, trái bắp, gốc sắn nuôi bộ đội. Có chị dụ con trước ngực, sau lưng gửi súng đạn tiếp tế cho chiến trường. Những đêm Trường Sơn, chiến sĩ vận tải thi đua chuyển “những chuyến hàng đến ơn Bác” với năng suất gấp đôi bình thường, với “bước chân ngàn dặm, vai trăm cân hàng”. Ở Trà Vinh, chiến sĩ và đồng bào xây dựng đền thờ Bác chỉ cách nhà tên tỉnh trưởng ngụy quyền 5.000m. Địch tức tối điên cuồng ném bom, pháo, càn quét liên miên bằng mọi thủ đoạn ác liệt, nhưng với lòng quyết tâm của quân giải phóng và đồng bào thị xã Trà Vinh, đền thờ Bác vẫn sừng sững uy nghi giữa một vùng bị địch chiếm cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Mùa xuân miền Bắc có hoa đào, miền Nam có hoa mai. Địch tìm mọi cách ủi phá tan những vườn, những rừng mai vàng hòng dập tắt niềm hy vọng của chiến sĩ đồng bào. Nhưng mai vẫn đâm chồi nảy lộc trong cuộc chiến đấu và được chiến sĩ đồng bào công vượt Trường Sơn ra trồng và nở hoa tại lăng Bác Hồ gửi gắm niềm tin tất thắng của miền Nam.

### **Nghĩa vụ quốc tế**

Được hơn một năm giành ưu thế trên chiến trường gây thiệt hại và vô vàn khó khăn cho đối phương, Mỹ - ngụy cho đây là thời cơ giành thắng lợi trọn vẹn. Chúng âm mưu bao vây triệt để bằng cách mở rộng chiến tranh Việt Nam thành



chiến tranh Đông Dương. Chúng đã đánh lên Campuchia nhằm diệt “Đất thánh Việt cộng” và cắt đứt đường tiếp tế qua cảng Kompongxom, cũng như đánh lên Đường 9 - Nam Lào để cắt Trường Sơn, cắt đứt miền Nam với hậu phương lớn miền Bắc.

Abrams - Tổng chỉ huy MACV phụ họa với Tổng thống Mỹ: “Nếu phá được thánh đường của Việt cộng ở Campuchia thì chiến tranh sẽ kết thúc trong một năm”. Hết kết thúc năm 1967 của Westmoreland lại đến kết thúc 1 năm (hẳn là năm 1971) của Abrams.

Mở đầu, Mỹ lật đổ Sihanouk và dựng lên Lon Nol để làm tay sai đắc lực hơn. Ngày 30/4/1970, 15 vạn quân Mỹ và ngụy Sài Gòn gồm 2 trung đoàn Mỹ, 6 sư đoàn ngụy đã vượt biên giới đánh tràn vào đất Campuchia. Chúng tưởng sẽ dùng số quân đông đảo cùng khối lượng sắt thép khổng lồ đè bẹp quân dân cách mạng 2 nước anh em Việt Nam - Campuchia. Nhưng chúng đã đụng phải sức mạnh chiến đấu phối hợp thần kỳ của khối đoàn kết Việt - Campuchia đã có từ lâu đời. Bốn vạn quân Mỹ và ngụy Sài Gòn cùng ngụy Lon Nol đã bị loại ra ngoài vòng chiến đấu. Cuộc hành quân chưa đầy 2 tháng đã phải chịu nhiều tổn thất đến nguy cơ sa lầy trên một chiến trường mới buộc Nixon ngày 30/6/1970 phải ra lệnh triệt phái toàn bộ quân Mỹ ra khỏi Campuchia.

Trong lúc đó, hầu hết 7 tỉnh miền Đông Campuchia đã được giải phóng cộng với nhiều vùng phía tây bắc và tây nam đã trở thành vùng đất làm chủ của cách mạng Campuchia.

Như vậy Mỹ - ngụy Việt Nam và ngụy Campuchia đều bị đánh đau. Cuộc hành quân chẳng những thất bại mà chúng còn mất đi 7 tỉnh và một số vùng khác, cộng lại hơn 1/3 đất nước Campuchia được giải phóng. Được như vậy là vì các sư đoàn quân giải phóng 5, 7, 9 và một số quân binh chủng đang đóng quân vùng biên giới nhân cơ hội này đánh tiêu diệt các đơn vị Mỹ - ngụy hành quân đánh Campuchia. Hành động kịp thời này vừa giúp bạn tiêu diệt quân của Lon Nol, vừa quét sạch một hệ thống đồn bót của chúng. Đường tiếp tế quá cảnh qua cảng Kompongxom bị đứt thì đường Hồ Chí Minh được nối liền từ Hạ Lào qua Campuchia và nối với vùng Lộc Ninh và Bắc Tây Ninh.

\*

\*      \*

Trong cuộc chiến tranh nhân dân, ta đã xây dựng được một lực lượng chủ lực thiện chiến lên đến cấp sư đoàn, được rèn luyện trong chiến đấu qua nhiều năm, đó là một yếu tố vô cùng quan trọng. Lực lượng chủ lực đó là nòng cốt vững chắc để

kết hợp với quân địa phương và du kích, với đấu tranh chính trị của nhân dân trở thành lực lượng có trình độ tổng hợp hoàn chỉnh của chiến lược chiến tranh nhân dân. Không phải mọi người đều hiểu rõ điều này và thấy hết giá trị của việc giữ vững các sư đoàn chủ lực tập trung trong hoàn cảnh khó khăn thiếu lương thực, đạn dược, và ngay cả chỗ đứng chân của chủ lực trong năm 1969 - năm gay go nhất của quá trình cuộc chiến...

Rõ ràng, chỉ hơn 1 năm sau, chủ lực ta lại phát huy hiệu quả chiến đấu, cả năm 1970 mở rộng chiến trường Campuchia, cả năm 1971 phá phòng tuyến giặc, diệt từng chiến đoàn địch, thu cả pháo xe kéo và xe tăng, thiết giáp của địch để xây dựng thêm binh chủng mới cho quân giải phóng. Nếu năm 1969 ta phân tán chủ lực về khắp chiến trường miền Nam, thì làm thế nào năm 1970 ta có được các sư đoàn thiện chiến, và như vậy cuộc chiến tranh có lẽ sẽ đi theo một hướng khác mà phần thắng chưa rõ sẽ về ai.

Xây dựng lực lượng quân giải phóng mạnh cả ba thứ quân là một vấn đề chiến lược lớn. Bố trí và sử dụng các lực lượng ấy đúng chỗ, đúng lúc, tạo thành thế trận của chiến tranh nhân dân, không nao núng dao động, là vấn đề quyết định của thành bại.

Đây là bài học vô cùng quý giá của nghệ thuật quân sự, của chỉ đạo chiến lược và điều khiển chiến tranh.

### **Đường 9 - Nam Lào**

Đầu năm 1971, địch lại tập trung phần lớn chủ lực ngụy Sài Gòn cùng với hỏa lực không quân, pháo binh được tập trung tối đa của Mỹ mở cuộc hành quân lớn vượt biên giới Lào và Campuchia để cắt đứt từ gốc đường chiến lược Hồ Chí Minh và lập vành đai ngăn chặn quá khỏi biên giới Nam Việt Nam.

Ngày 30/02/1971, địch sử dụng toàn bộ sư đoàn tổng trừ bị tinh nhuệ nhất của quân ngụy là dù và thủy quân lục chiến cùng Sư đoàn 1 bộ binh, 3 lữ đoàn bộ binh, 4 trung đoàn thiết giáp, 13 tiểu đoàn pháo binh ngụy Sài Gòn bắt đầu mở cuộc hành quân "Lam Sơn 719" hòng ồ ạt đánh chiếm Sê Pôn, cắt đứt con đường vận chuyển cơ giới, phá hủy toàn bộ kho tàng ở Sê Pôn và dọc đường chiến lược số 9 Nam Lào. Để yểm trợ và phối hợp với quân ngụy Sài Gòn, quân Mỹ đã sẵn sàng ở phía biên giới 20 tiểu đoàn bộ binh và pháo binh, sử dụng 1.000 máy bay các loại và 50 máy bay chiến lược B-52.

Từ tháng 11 là mùa khô ở Lào, phán đoán trước địch có thể đưa quân ngụy Sài Gòn hành quân lớn lên Đường 9 - Nam Lào, ta đã thành lập Bộ Tư lệnh Mặt trận từ

tháng 12/1970 mang bí số 702 để chuẩn bị và chỉ huy cuộc phản công ở đường 9. Với quyết tâm “Nhất quyết phải thắng địch trong chiến dịch này dù phải động viên sức người, sức của và hy sinh như thế nào cũng phải quyết tâm thắng lớn, vì đây là một trận có ý nghĩa chiến lược”. Quân dân Việt Nam và Lào, hai nước anh em đã thắng to: Sau 52 ngày đêm chiến đấu kiên cường buộc địch phải bỏ xác trên chiến trường và mang bọn bị thương về nước tổng cộng 2 vạn tên, 1.142 tên bị bắt sống, 556 máy bay các loại bị bắn rơi, bắn cháy. Có trận ở Sê Pôn chiến sĩ ta đã bắn hạ hàng chục máy bay các loại. Hàng trăm xe rút chạy về miền Nam đã bị đốt cháy phơi xác trên một đoạn đường hàng chục kilômét dọc đường 9.

Ngày 04/02/1971, phối hợp với cuộc hành quân “Lam Sơn 719”, Quân đoàn 3 ngụy mở cuộc hành quân “Toàn thắng 01/71” vào vùng Đông Bắc Campuchia với lực lượng 3 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn xe tăng thiết giáp, 1 liên đoàn biệt động, 12 tiểu đoàn pháo binh. Âm mưu của địch là thiết lập thêm 1 tuyến phòng thủ ngoài biên giới bảo vệ cho chúng ở miền Nam. Từ tháng 10/1970, ta đã chuẩn bị đánh bại cuộc hành quân lớn của địch ở vùng này. Cuộc chiến đấu đã diễn ra trên một không gian rộng 100km, sâu 60km. Chiến sĩ ta đã tấn công mãnh liệt chống chặn kiên cường. Đoàn 301 được tổ chức để chỉ huy 3 sư đoàn chủ lực tinh nhuệ của B2 trên đất bạn, tạo bước phát triển cho sự hình thành quân đoàn chủ lực đầu tiên ở Nam Bộ sau này, một điều mà trước đây, nhất là trong chống Pháp chưa làm được. Đó là sự trưởng thành vượt bậc của quân giải phóng miền Nam. Với khí thế thi đua sôi nổi, với quyết tâm tiêu diệt từng đơn vị lớn của quân ngụy Sài Gòn càng nhiều càng tốt hỗ trợ cho bạn mở rộng vùng giải phóng, chuẩn bị cho cuộc tấn công và nổi dậy mới ở miền Nam, cán bộ và chiến sĩ ta đã liên tục tấn công địch. Cũng có những trận ta về mỗi huyệt để địch chạy thoát, chưa tiêu diệt gọn tuy thu được nhiều súng đạn, đặc biệt là đạn pháo lớn. Trận sau cùng với chiến thuật vây ép chặt buộc quân địch không chịu nổi phải rút chạy về miền Nam trên đường 13 từ Snoul về biên giới. Quân ta đã chờ sẵn xông lên tiêu diệt Chiến đoàn 8 quân ngụy Sài Gòn, thu hàng chục khẩu pháo, xe tăng và xe bọc thép. Cuộc hành quân “Toàn thắng 01/71” của quân ngụy Sài Gòn đã bị quân ta đánh cho “toàn bại”.

Trong lúc tấn công và tiêu diệt, đuổi quân ngụy Sài Gòn, quân dân ta đã phối hợp với quân và dân bạn đánh bại hoàn toàn cuộc hành quân “Chen la 2” lớn nhất của quân ngụy Lonol ở hướng đường 6. Cuộc chiến đấu kéo dài hơn 100 ngày dưới làn bom ác liệt của không quân Mỹ, có máy bay B-52 chi viện cho quân ngụy Lonol, ta và bạn đã tiêu diệt hơn 3 vạn tên, bắt sống 2.000 tên, thu gần 5.000 súng các loại, 55 xe có cả xe tăng và thiết giáp. Ở Phnôm Pênh, Đoàn đặc công biệt động 307 của quân giải phóng lên chi viện cho bạn liên tiếp 2 lần tập kích và 9 lần

pháo kích sân bay Pôchetông - sân bay quân sự lớn nhất của ngụy Lonol. Riêng trong 1 trận tập kích đêm các chiến sĩ đặc công, biệt động đã đánh 1 trận vang dội: Phá hủy 105 máy bay các loại, 100 xe vận tải và xe phục vụ hoạt động máy bay, 1 trạm radar và nhiều súng đạn, giết và làm bị thương 1.200 tên có 300 tên giặc lái, trong đó có 60 tên giặc lái Sài Gòn và nhân viên kỹ thuật, hủy diệt 95% quân chủng không quân ngụy Lonol. 9 chiến sĩ ta đã hy sinh anh dũng làm sâu đậm thêm tình nghĩa chiến đấu keo sơn giữa hai dân tộc anh em. Báo chí đã nêu lúc ấy: “1 trận đánh tài tình diệt 1 quân chủng”.

Các chiến sĩ quân giải phóng đã không nề hy sinh giúp bạn giải phóng hơn nửa đất nước, làm tròn nghĩa vụ quốc tế vẻ vang của mình, thực hiện lời dạy của Bác Hồ: “Giúp bạn là tự giúp mình”.

Trong lúc quân chủ lực ngụy tập trung hầu hết lên chiến trường Campuchia để chịu tổn thất nặng nề trước những đòn tấn công mãnh liệt của chủ lực ta cùng với bạn, ở miền Nam, bộ đội địa phương du kích cùng một số trung đoàn chủ lực đã tranh thủ thời cơ phối hợp cùng nhân dân đẩy mạnh đánh phá chương trình bình định của địch, từng bước khôi phục lại các vùng đã mất, tạo thế, tạo lực mới.

### **Từ Trị Thiên - Huế đến đồng bằng Nam Bộ: 1972 - năm quyết định**

Bước vào năm 1972, quân và dân miền Nam đã vượt qua những ngày gian khổ có nhau. Sức chiến đấu đã tăng lên rõ rệt. Tình thế mới đang xuất hiện. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ngày càng có tiếng vang trên thế giới. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam (vừa mới thành lập) được củng cố vững mạnh. Tiếng nói chính thức của đại diện Chính phủ trên bàn hội nghị về Việt Nam ở Paris ngày càng thêm trọng lượng. Nhằm buộc kẻ thù phải đi đến ký kết Hiệp định hòa bình ở Việt Nam, toàn miền Nam sôi nổi tham gia cuộc tiến công và nổi dậy mới. Trên 2 hướng của miền Nam là Trị Thiên - Huế và miền Đông Nam Bộ, quân và dân ta tiến lên mở những chiến dịch lớn cấp quân đoàn với lực lượng 3, 4 sư đoàn bộ binh, nhiều trung đoàn pháo binh và nhiều đơn vị xe tăng. Lần đầu tiên tại chiến trường miền Nam, quân giải phóng đã được chi viện bằng pháo xe kéo và xe tăng thiết giáp trong biên chế của mình. Đây là một bước trưởng thành vượt bậc về xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang và về chiến đấu hợp đồng binh chủng.

Ngày 30/3/1972, chiến dịch tấn công ở Trị Thiên bắt đầu. Chỉ trong 5 ngày quân giải phóng đã tiêu diệt 1 sư đoàn bộ binh, 1 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 2 trung đoàn thiết giáp, tích cực hỗ trợ nhân dân huyện Gio Linh và Cam Lộ nổi dậy giải phóng hoàn toàn 2 huyện. Đến ngày 27/4 tấn công và nổi dậy đợt 2 trong 7 ngày

đã tiêu diệt và làm tan rã hoàn toàn tập đoàn phòng ngự ở Đông Hà (Ái Tử, La Vang, Quảng Trị), giải phóng tiếp 2 huyện Triệu Phong và Hải Lăng, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị. Địch tập trung lực lượng lớn gồm toàn bộ 2 sư đoàn quân tổng trừ bị dù và thủy quân lục chiến, quân chủ lực cơ động của Quân đoàn 1 nguy được không quân và hải quân Mỹ chi viện trực tiếp với nỗ lực cao nhất liên tiếp phản công hết sức ác liệt để chiếm lại thị xã Quảng Trị. Với nhiệm vụ giữ cho được Quảng Trị một thời gian dài để phối hợp tấn công và nổi dậy khắp miền Nam, hỗ trợ cho tiếng nói đấu tranh trên bàn hội nghị, chiến sĩ, đồng bào Quảng Trị đã chiến đấu ngoan cường hơn 200 ngày đêm. Đây là một cuộc đổ sức hết sức quyết liệt. Cái tên “Thành cổ Quảng Trị” cùng với những tấm gương chiến đấu hy sinh anh dũng của chiến sĩ giải phóng vang dội khắp mọi miền của đất nước và trên toàn thế giới. Có ngày trên mảnh đất nhỏ hẹp này, chiến sĩ ta phải chịu đựng 24 tấn bom đạn trên 1km<sup>2</sup>. Thành cổ hầu như thành bình địa nhưng chiến sĩ quân giải phóng vẫn bám trụ kiên cường dài ngày.

Phối hợp với Quảng Trị và cuộc tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, ngày 01/4/1972, chỉ sau Quảng Trị 1 ngày, chiến dịch Nguyễn Huệ của chủ lực miền Đông đã mở màn hướng phụ và cũng là hướng nghi binh thu hút địch trên đường 22 Tây Ninh. Với xe tăng cũ lấy được của địch, 1 chiếc chạy được lại không sử dụng được pháo trên xe, 1 chiếc súng sử dụng được vào đến hàng rào nằm lại tại chỗ, nhưng tiếng súng đại bác và tiếng rầm rú của xe tăng đã tác động mạnh đến tinh thần quân địch hỗ trợ tích cực cho bộ binh mãnh liệt xung phong tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng 2 chiến đoàn địch, đập tan hệ thống phòng thủ của địch dọc đường 22 biên giới Tây Ninh - Campuchia. Trong lúc Bộ Tổng Tham mưu nguy bị mắc kế nghi binh đang điều cả đơn vị tổng trừ bị để đối phó hướng Tây Ninh, ngày 05/4/1972, quân chủ lực của ta cùng với những chiếc xe tăng vượt Trường Sơn và bí mật tiến theo đường quân sự làm gấp mới mở bất ngờ tấn công vào chi khu quân sự là huyện lỵ Lộc Ninh, 1 cụm phòng ngự trên 5.000 tên địch phần lớn là quân chủ lực và đơn vị thiết giáp. Trong 2 ngày chiến đấu mãnh liệt, chiến sĩ quân giải phóng ở miền Đông đã lập công xuất sắc tiêu diệt hoàn toàn 1 chiến đoàn bộ binh, 1 trung đoàn xe tăng và thiết giáp, bắt sống và làm tan rã hoàn toàn lực lượng chủ lực và bảo an, dân vệ và hệ thống kìm kẹp của địch trong toàn huyện Lộc Ninh, tiêu diệt gần hết 1 chiến đoàn khác đang rút chạy.

Trận chiến đấu giải phóng thị trấn Lộc Ninh có biết bao hình ảnh sinh động lúc chiến đấu, trong đó có sự đóng góp của các chiến sĩ điện ảnh mà nổi bật là tấm gương hy sinh của đồng chí Cam ở Xưởng phim Quân giải phóng. Anh băng trước qua mở cửa hô to: “Các đồng chí xung phong lên diệt địch, tôi sẽ ghi hình ảnh của các đồng chí đưa vào lịch sử!”. Quay được nửa cuộn phim đồng chí gục ngã



trên đường tiến quân đi đến chiến thắng của quân giải phóng. Những thước phim chiến thắng Lộc Ninh mãi mãi tồn tại với nỗi nhớ thương của đồng đội anh, nhất là những chiến sĩ đã được anh động viên trong những giờ phút chiến đấu căng thẳng nhất ở chiến trường. Chiến thắng Lộc Ninh không những đã diệt nhiều chiến đoàn bộ binh và xe tăng thiết giáp địch, thu 16 khẩu pháo và 36 xe tăng và bọc thép mà còn có ý nghĩa chính trị quan trọng sau này. Lộc Ninh trở thành như thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Nói đến chiến dịch Nguyễn Huệ, không thể không nhắc đến những chiến sĩ chốt chặn kiên cường ở phía nam thị xã An Lộc vừa thu hút vừa ngăn chặn địch cho đồng đội tấn công dứt điểm thị xã. Ngày đêm không ngớt tiếng bom B-52. Mùa khô cũng như mùa mưa dầm mình trong bùn lầy trong những công sự đào khoét gấp rút, nguy trang tài tình ở hai bên đường 13. Một ngày đánh lui hàng chục đợt tấn công của mọi loại quân địch. Chiến sĩ bộ binh, pháo binh và cả anh nuôi cũng chiến đấu. Trong cuộc sống chiến đấu ác liệt căng thẳng vẫn xuất hiện những bài thơ của chiến sĩ:

*“Một bông trang đỏ  
Cắm lưng vách hầm  
Bom rung đạn nổ  
Hoa vẫn tươi màu  
Màu đỏ trái tim  
Xong phiên bắn tỉa  
Ta lại vào hầm ngồi ca  
Anh nuôi mỗi lần ra giao hẹn  
Cứ giết mỗi thằng thưởng một bông hoa”*

Do nhiều nguyên nhân, khách quan và chủ quan, ta không thực hiện trọn vẹn ý đồ ban đầu là chiếm thị xã, nhưng mặt trận An Lộc đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của quân nguy, thu hút về đây nhiều lực lượng cơ động của cả hai quân đoàn nguy ở Nam Bộ, tạo điều kiện cho quân và dân đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Đông đẩy mạnh tấn công và nổi dậy. Sư đoàn 21 cùng một số liên đoàn biệt động từ miền Tây Nam Bộ đã bị ghìm chân và bị đánh thiệt hại tại đây gần 2 tháng trời. Nguyễn Văn Thiệu cũng đã bị quân giải phóng giáng cho một đòn cảnh cáo làm cho hắn suýt mất mạng. Thiệu liêu lĩnh lên thị sát động viên tinh thần quân lính, nhưng máy bay vừa tiếp đất đã bị chiến sĩ pháo binh ta giáng trận phủ đầu. Tướng 2 sao Toiny Robert - Lữ đoàn trưởng không quân số 1 cùng một số sĩ quan Mỹ bỏ mạng. Thiệu thoát chết, chuẩn thẳng về Sài Gòn.



Cuộc tấn công và nổi dậy toàn miền 1972 có nhiều nét mới. Phối hợp với những chiến dịch tấn công của chủ lực, sử dụng lực lượng binh chủng hợp thành tương đương cấp quân đoàn, đánh chiếm, gây cho địch thiệt hại nặng ở một số thị trấn. Từ Trị Thiên đến đồng bằng Nam Bộ xuất hiện hàng loạt chiến dịch tấn công tổng hợp với lực lượng từng trung đoàn và cả sư đoàn, kết hợp bộ đội địa phương, du kích và nổi dậy của quần chúng đánh chiếm hàng loạt chi khu, quận lỵ, đánh bồi, đánh nhồi, mở mả, mở đê, giải phóng từng vùng nông thôn rộng lớn. Các lực lượng vũ trang giải phóng tiêu diệt nhiều chi khu quân sự, nhiều tiểu đoàn địch làm đồn xeo tích cực cho phong trào nổi dậy. Ở Khu 5, tháng 4/1972 đánh chiếm quận lỵ Hoài Ân, thị xã Bồng Sơn, tiêu diệt căn cứ Đệ Đức, giải phóng toàn bộ nửa phía bắc Bình Định và nửa bắc huyện Hoài Mỹ rộng 1.500km<sup>2</sup>. Tấn công vây ép liên tục 20 đêm buộc địch rút chạy, tạo điều kiện cho nhân dân nổi dậy giải phóng huyện Hiệp Đức và nhiều xã dọc đường 16 của 2 huyện Thăng Bình, Quế Sơn. Tháng 5/1972 mở rộng vùng giải phóng dọc đường 1 liên hoàn 13 xã dọc biển từ núi Sơn Chà<sup>1</sup> vào giáp sông Trà Khúc. Tháng 6/1972 tiêu diệt căn cứ Cẩm Dơi, các quận lỵ Quế Sơn, làm chủ quận lỵ Duy Xuyên. Địch phản kích quyết liệt chiếm lại một số quận lỵ nhưng ta vẫn còn làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn sát thị xã, thị trấn.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, từ Long An, Mỹ Tho cho đến Hậu Giang, Bạc Liêu khí thế tiến công và nổi dậy bùng lên mạnh mẽ khắp nơi. Các lực lượng vũ trang giải phóng đã đánh chiếm hàng trăm đồn bót, thực hiện đánh bồi, đánh nhồi, tiêu diệt và làm thiệt hại nặng nhiều chi khu quân sự, giải phóng nhiều quận lỵ và hàng chục xã liên hoàn với nhau. Riêng Bạc Liêu - một tỉnh tận cùng của miền Nam Tổ quốc, xa sự chi viện của Trung ương, của Miền, các chiến sĩ giải phóng cũng đã tiêu diệt và đánh thiệt hại nặng các chi khu quân sự, quận lỵ Ngang Dừa, Phước Long, Thới Bình, hỗ trợ hàng vạn nhân dân phá bỏ ấp chiến lược bung về vùng giải phóng. Gần 1 triệu đồng bào ở đồng bằng sông Cửu Long đã thoát khỏi ách kìm kẹp của Mỹ - ngụy. Phong trào chiến tranh du kích, chính quyền và đoàn thể cách mạng đã được khôi phục và mở rộng trên nhiều vùng giải phóng liên hoàn hàng chục xã, có nơi 2, 3 huyện nối liền nhau.

Những chiến thắng vang dội của đồng bào chiến sĩ miền Nam đã phối hợp nhịp nhàng với những chiến công oanh liệt của quân dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ mà đỉnh cao là 12 ngày đêm “Điện Biên Phủ trên không” bắn rơi hàng loạt máy bay chiến lược B-52 ở Hà Nội - Thủ đô của Tổ quốc.

---

1. Túc Sơn Trà (B.T).

Một năm liên tục tấn công với tinh thần bền chí, chịu đựng khó khăn, gian khổ, hết trận này đến trận khác, cuộc chiến ngày thêm ác liệt, đồng đội hết người này ngã xuống người khác lại xông lên, chiến sĩ quân giải phóng đã làm tròn nhiệm vụ vẻ vang của mình: đánh, đánh tiếp, đánh cho đến khi quân địch không còn con đường nào khác phải chịu cầm bút ký vào bản Hiệp định Paris về Việt Nam.

#### IV- MỸ CÚT, NGUYỄN NHÀO

Lịch sử lật qua trang mới: Vừa chiến đấu đánh bại mọi âm mưu và hành động chiến tranh của địch, vừa đấu tranh quyết liệt trên bàn hội nghị đòi địch thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định đã ký kết.

Một vinh dự lớn đối với quân giải phóng: Tại Lộc Ninh, trong sự tiễn đưa nồng nhiệt của đồng bào vùng giải phóng, phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam do trực thăng của Mỹ đón vào tận “thủ đô” của ngụy quyền ở Sài Gòn dự Hội nghị bốn bên, bàn về việc thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam. Gọn gàng trong những bộ quân phục quân giải phóng, đầu đội chiếc mũ tai bèo đính quân hiệu ngôi sao vàng trên nền nửa xanh nửa đỏ, vai khoác súng AK, chân mang đôi dép cao su, cán bộ chiến sĩ quân giải phóng trong phái đoàn đều thấy tự hào hiên ngang đặt chân lên sân bay Tân Sơn Nhất, nơi mà dịp Tết Mậu Thân 1968 ta đã từng đổ súng quyết liệt với Mỹ - ngụy. Các nhà báo nước ngoài cũng như trong nước thi nhau quay phim, chụp hình những giờ phút lịch sử để đưa tin, ảnh trên báo đài, truyền hình khắp thế giới với lời bình luận: “Quân giải phóng Nam Việt Nam đi vào thủ đô Sài Gòn vẫn bằng đôi dép cao su giản dị đã nổi tiếng từ Mậu Thân 1968”. Sống giữa Sài Gòn quanh mình dày đặc các binh chủng quân đội đối phương, những người đại diện quân giải phóng biết chắc rằng cuộc đấu tranh trên mặt trận mới sẽ rất nhiều cam go phức tạp, nhưng vẫn vững tin chung quanh mình có đồng bào, có đồng đội ở chiến trường đang tích cực hỗ trợ đắc lực cho tiếng nói chính nghĩa giải phóng trên bàn hội nghị.

Hiệp định Paris về Việt Nam được ký kết là niềm vui lớn cho chiến sĩ đồng bào miền Nam vốn yêu chuộng hòa bình, chiến đấu kiên cường cũng cốt vì hòa bình, vì hạnh phúc toàn dân. Nhưng bọn đầu sỏ ngụy quân, ngụy quyền cố tình ra sức phá hoại Hiệp định. Nguyễn Văn Thiệu tay sai Mỹ đã bộc lộ âm mưu phá hoại Hiệp định, luôn mồm hò hét “không có hòa bình với cộng sản; không liên hiệp - không thương lượng - không có lực lượng đối lập - không để lọt vào tay Việt cộng bất cứ lãnh thổ nào”. Để thực hiện chủ trương “4 không” trên, Thiệu chỉ thị cho thuộc hạ “phản ứng mau lẹ trong các cuộc lùng diệt hạ tầng cơ sở Cộng sản... Phải làm cho

chiến tranh tàn lụi dần để chỉ có một chính quyền, một quân đội duy nhất của quốc gia”. Trước âm mưu thủ đoạn chiến tranh mới của quân thù, nhiều nơi ta bị động lúng túng trong việc đánh trả địch. Chủ trương binh vận hữu khuynh: “lòng đỏ vỏ xanh”, “năm cấm chỉ” (cấm đánh địch hành quân, đóng đồn bót, cấm xây làng chiến đấu...) xuất hiện trên chiến trường đã trói tay trói chân bộ đội, du kích. Ta không đánh trả, địch càng lấn tới. Trước tình hình bị động mất đất, mất dân, cán bộ, bộ đội, du kích nhiều nơi đã giấu cấp trên tổ chức đánh lén địch càn quét, đóng đồn bót trái phép để giữ địa bàn, khôi phục nơi đứng chân, bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ đồng bào. Phải chăng nhờ kinh nghiệm tổn thất nặng nề của những năm sau khi ký kết Hiệp định Giơnevơ, lần này chỉ lượng sự, lúng túng vài tháng đã được uốn nắn kịp thời. Tháng 6/1973, toàn miền Nam đã được phép “phản công địch đã vi phạm Hiệp định”. Ngày 15/10/1973, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam đã công khai ra lệnh cho toàn quân trên Đài Phát thanh giải phóng: “kiên quyết đánh trả họ (ngụy quân ngụy quyền) vi phạm Hiệp định ở bất cứ đâu, bằng hình thức và lực lượng thích đáng, buộc đối phương phải nghiêm chỉnh và triệt để thi hành Hiệp định Paris về Việt Nam, chấm dứt mọi hành động phá hoại Hiệp định của họ”. Tại bàn hội nghị ở Tân Sơn Nhất, đại diện phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam lên tiếng cảnh cáo quân ngụy Sài Gòn phải chịu mọi hậu quả đối với hành động phá hoại Hiệp định lấn chiếm trái phép của họ. Mỹ - ngụy đòi phân chia ranh giới rạch ròi giữa ta và địch mà phần chúng kiểm soát là những vùng đông dân, nhiều cửa đường giao thông, thị xã, thị trấn. Còn giao lại cho ta rừng núi bưng biển ít dân và kinh tế còn lạc hậu nghèo nàn. Địch không thể khôn hơn ta. Ngừng bắn nguyên tại chỗ, chiến trường cài răng lược, da beo đã là nguyên tắc và cũng là thực tế không suy suyển. Đánh trả địch vi phạm Hiệp định trở thành quyết tâm và hành động kiên quyết của tất cả các chiến trường, ngay nơi chúng hành quân lấn chiếm và cả nơi chúng xuất phát hành quân đi gây tội ác. Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam, tiếng súng phản công và tấn công trừng trị địch vi phạm Hiệp định nổ ra đều khắp, nổi bật là ở miền Tây Nam Bộ.

Ngay sát thủ đô của ngụy quyền Sài Gòn, chiến sĩ Đoàn 10 không thể ngồi nhìn để quốc Mỹ ừn ừn chở bom đạn vào cho quân ngụy giết hại đồng bào. “Rừng Sác là nhà - Lòng Tàu là trận địa - quân cảng Nhà Bè là quyết chiến điểm!”, đó là lời thề của mỗi một cán bộ, chiến sĩ đặc công Rừng Sác. Quyết giáng một đòn trừng trị quân địch ngay hang ổ đầu não của chúng, 8 chiến sĩ thuộc Đội 5 do Hà Quang Vóc chỉ huy suốt mấy tháng ròng rã đội nắng, chịu rét đói khát ẩn mình trong căn cứ địch đêm cũng như ngày sống bằng cơm nắm, gạo rang, len lỏi vào trinh sát từng kho bom, từng bồn nhiên liệu của địch. Được lệnh trên, một ngày của tháng 12/1973

Đội 5 đã bất ngờ tấn công toàn khu kho Shell gây nên trận bão lửa dữ dội sáng rực cả góc trời phía đông nam Sài Gòn làm cho bọn nguy tử tướng đến quân kinh hoàng, hoảng hốt. Các hãng thông tấn phương Tây đều đưa tin: Cả một khu kho Shell với 140 triệu lít xăng dầu, 1 tàu chở dầu 12 vạn tấn, 1 cơ sở lọc dầu hoàn toàn bị thiêu cháy. Một đòn cảnh cáo đích đáng của quân ta đối với hành động phá hoại Hiệp định của địch.

Ở Khu 5 trong khoảng tháng 7/1974 các lực lượng vũ trang tiêu diệt nhiều cứ điểm quan trọng của địch, nổi lên trận đánh chiếm và giữ Thượng Đức. Địch điều cả 1 sư đoàn dù thuộc quân tổng trừ bị, nhằm chiếm lại Thượng Đức. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Mưa giông ập đến kéo dài làm cho chiến hào, công sự, hầm trú ẩn của quân giải phóng sưng nước. Chiến sĩ ta đầu đội mưa, chân dầm trong bùn nước lấy lợi, kiên cường đánh trả liên tiếp những đợt phản kích điên cuồng của địch. Lữ đoàn dù thứ nhất xông vào bị đánh quy, địch cho lữ đoàn dù thứ hai tiếp tục phản kích cũng phải chịu chung số phận của bọn đi trước. Một trăm ngày đêm chiến đấu ở Thượng Đức đánh thiệt hại nặng 1 sư đoàn dù, không những đã làm nổi bật tinh thần chiến đấu và chiến thắng mà còn báo hiệu khả năng tiêu diệt lớn của quân giải phóng. Ở miền Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long cũng đã xuất hiện những chiến dịch phản công giành thắng lợi lớn từ Bù Bông - Tuy Đức, đường 7 trung tuyến bảo vệ Sài Gòn buộc quân địch phải quay về bị động đối phó.

Từ mùa mưa năm 1974, toàn bộ chiến trường miền Nam đã chuyển động đổi thay với thế thắng lợi của quân giải phóng và sự suy yếu rõ rệt của quân nguy. Với cái nhìn chiến lược, Bộ Chỉ huy quân giải phóng đã dự kiến một mùa khô 1974-1975 đầy hứa hẹn thành công to lớn. Kế hoạch mùa khô chia hai thời kỳ đã được vạch, và việc chuẩn bị cho thắng lợi cuối cùng đã được triển khai. Quân đoàn 4, chủ lực của chiến trường miền Đông Nam Bộ - Sài Gòn đã được thành lập và huấn luyện theo phương án tác chiến và mở đầu là Đồng Xoài - Phước Long. Trong lúc đó, Lữ đoàn biệt động 310 cũng ra đời và từng đơn vị đội bom đạn, lách càn quét để xuyên găm vào Sài Gòn. Từng đơn vị bám sát mục tiêu đã được phân công trong nội thành. Đặc công đã được chấn chỉnh, học tập chiến thuật thích hợp đánh ở vùng ven ngoại thành và tiếp sức cho các hướng biệt động bên trong nội thành Sài Gòn: Sư đoàn II được hình thành. Các đoàn thể quần chúng, các đội vũ trang tuyên truyền khẩn trương sắp xếp lại lực lượng, được tăng cường cán bộ và hội viên rút từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long lên, để vận động cho một cuộc nổi dậy của quần chúng bên trong Sài Gòn phối hợp với quân giải phóng đánh từ ngoài vào.

Những cơn mưa cuối mùa vừa dứt, cùng với tia nắng ấm mùa khô tháng 12/1974 như báo hiệu cả quân dân chiến trường B2 đang sôi động vùng lên tấn công địch và

đỉnh cao thắng lợi đầu mùa khô 1974-1975 là chiến dịch đường 14 - Phước Long. Ngày 13/12/1974 mở màn chiến dịch. Chỉ 5 ngày sau, chiến sĩ miền Đông đã tiêu diệt được 1 chi khu, 1 yếu khu quân sự, gồm hơn 60 căn cứ đồn bót, diệt và bắt, làm tan rã gần 2.000 địch, thu gần 900 súng, giải phóng khu vực đường chiến lược số 14 dài hơn 100km. Một tấm gương đáng nói: Đoàn Đức Thái. Anh Đoàn Đức Thái tiến đến hàng rào thứ 6 gặp địa hình dốc đứng, 4 lần đặt bộc phá bị tuột, anh đã quyết định tự mình dùng tay đỡ bộc phá, tay kia rút nự xòe làm nổ tung hàng rào cuối cùng của địch cho đồng đội xung phong đánh chiếm chi khu kiên cố của địch mở đầu chiến dịch thắng lợi. Tiếp đó chi khu quân sự Đồng Xoài rộng hơn 40km<sup>2</sup> với 500 lô cốt và ụ chiến đấu 8, 9 lớp rào, án ngữ một ngã tư đường quan trọng, cắt đứt căn cứ phía tây và căn cứ khu A của ta. Sau 7 giờ chiến đấu chiến sĩ ta đã tiêu diệt và bắt sống hơn 1.000 tên giặc gồm cả chi khu trưởng. Thừa thắng xông lên, bộ binh, xe tăng, pháo hạng nặng đã phối hợp nhịp nhàng tấn công liên tục chi khu Phước Bình, điểm cao Bà Rá và đến ngày 06/01/1975 - mở đầu năm 1975 toàn thắng với trận thắng vang dội: Đánh chiếm 1 thị xã và giải phóng hoàn toàn một tỉnh - tỉnh đầu tiên của miền Nam được giải phóng chỉ cách Sài Gòn 120km. Chính quyền ngụy bày trò để tang tỉnh Phước Long 3 ngày không biết để nói lên cái gì. Nhưng chắc là để cho chủ Mỹ mũi lòng mà cứu vớt cho một chế độ tay sai sắp nguy vong. Nhưng đế quốc Mỹ chỉ diều võ giương oai ngoài biển mà rốt cuộc không dám đưa quân trở lại đất liền miền Nam Việt Nam.

Chiến thắng Phước Long trở thành một “đòn trinh sát chiến lược” nắn gân cốt cả đế quốc Mỹ lẫn quân ngụy Sài Gòn. Quân ngụy thua đã rõ ràng. Khả năng quân Mỹ quay trở lại miền Nam rất ít. Nhà báo Mỹ Frank Sneep đã bình luận: “mất Phước Bình (Phước Long) là một đòn đau đối với chính quyền Thiệu. Đối với Thiệu và cũng như đối với Bắc Việt Nam, trận Phước Bình là trận thăm dò chính sách của Mỹ”. Phước Long - một thực tiễn sinh động, đóng góp vào quyết tâm chiến lược 2 năm của quân và dân ta: “Năm 1975 tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng toàn miền Nam. Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Bài thơ mà Bác Hồ viết trong nhà tù của quốc dân Đảng Trung Hoa trong những năm 1940 lại vô cùng ứng hiệu trong những tình huống chiến lược năm 1975:

“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,  
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công  
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,  
Gặp thời, một tốt cũng thành công”.



Thời cơ đã đến rồi, nguy thì suy sụp khôn cùng, Mỹ thì tính chuyện bỏ cuộc. Các lực lượng vũ trang của cả hai miền đều đã hội quân ở tiền tuyến lớn miền Nam. Năm 1975, tổng tiến công và nổi dậy không chỉ trên thế chủ động vững vàng, lực lượng áp đảo mà còn bằng cả mưu lược tài tình. Cả nước dốc sức chi viện cho miền Nam trong trận quyết chiến chiến lược này.

00 giờ ngày 10/3/1975, trong khi kẻ địch đang lo tập trung đối phó ở Pleiku, Kon Tum, quân dân ta đã bất ngờ tấn công vào thị xã Buôn Ma Thuột. Trước luôi lê, họng súng của bộ binh và tiếng gầm rú của xe tăng ta, 8.000 quân địch đã hoàn toàn bị tiêu diệt và tan rã, các tên đại tá tiểu khu trưởng và sư đoàn phó chạy trốn nhưng không thoát. 9 giờ sáng ngày 13/3/1975, lá cờ chiến thắng của quân giải phóng đã tung bay trên đỉnh nhà tỉnh trưởng nguy quyền.

Trước đây Thiệu ngaoan cố phá hoại Hiệp định, luôn mồm “hò hét” không để một xã, một ấp nào rơi vào tay cộng sản. Nhưng nay: Tháng 01/1975 mất toàn tỉnh Phước Long, tháng 3/1975 mất thêm tỉnh Đắk Lắk đã làm hấn điên đầu. Hấn kêu gào công khai phải “tử thủ”, nhưng bí mật ra Cam Ranh họp bàn với Tư lệnh Quân khu 2 nguy rút bỏ toàn bộ Tây Nguyên chuyển quân chủ lực về giữ đồng bằng ven biển, bỏ lực lượng địa phương và hệ thống chính quyền ở lại, không được thông báo cho các tỉnh trưởng biết. Nhưng cỗ xe đã cũ trên đà lao nhanh xuống vực thẳm không sao cản nổi. Hàng vạn quân địch tháo chạy hỗn loạn khỏi Tây Nguyên, bộ đội ta truy kích, bằng mọi phương tiện cơ giới và chạy bộ. Đêm đến lấy nửa khô và cả dép cao su làm đuốc soi đường rượt địch. Bộ đội ta lại chặn đầu. Củng Sơn, điểm cuối cùng định đoạt số phận bọn rút chạy: Toàn bộ địch quân bị tiêu diệt và bị bắt sống.

Tây Nguyên có lợi thế về quân sự ở phía nam đất nước đã được quân dân ta giải phóng hoàn toàn. Thế chiến lược của Mỹ - nguy đã bị phá vỡ trên một địa bàn xung yếu.

Như con bài dominô, thất bại Tây Nguyên nặng nề, đột ngột cuốn theo những thất bại liên tiếp của Mỹ - nguy ở ven biển miền Trung Trung Bộ, gây kinh hoàng cho cả chế độ nguy quyền.

Quảng Trị năm 1972, chiến sĩ ta đã kiên cường chiến đấu giữ vững thành cổ 81 ngày đêm giữa mưa bom bão đạn của địch thì Xuân 1975 chỉ trong đêm 19/3 tiến công thần tốc đã chiếm thành cổ và thị xã, cùng nhân dân nổi dậy giải phóng toàn tỉnh.

Nguyễn Văn Thiệu vừa ra lệnh tử thủ Huế 25/3 lại vội vàng đổi lệnh cho rút chạy. Nhưng quân địch đã bị bao vây tứ phía không còn đường chạy thoát, hoàn toàn bị tiêu diệt và tan rã. Lá cờ Tổ quốc từng nguy trị nóc Phú Văn lâu hơn 1 tháng trời



trong Mậu Thân 1968 nay lại xuất hiện và tung bay mãi mãi trên bầu trời Huế và Thừa Thiên giải phóng.

Trường Sơn chuyển mình, Biển Đông dậy sóng, quân dân ta vùng lên mạnh mẽ với chiến công nối tiếp chiến công. 24/3 chiếm Tam Kỳ, giải phóng Quảng Ngãi 29/3. Trong cơn hoảng loạn của quân ngụy, thanh niên, học sinh, sinh viên và mọi tầng lớp đồng bào dùng mọi phương tiện lớn nhỏ, Honda, xích lô máy... chở bộ đội cấp tốc hành quân bao vây và tiêu diệt toàn bộ quân địch trên tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 01/4, giải phóng Quy Nhơn và Tuy Hòa, ngày 02/4 chiếm Ninh Hòa và Nha Trang. Ngày 03/4 giải phóng Cam Ranh.

Cao trào tấn công và nổi dậy ở cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ vùng lên mạnh mẽ. Mỗi chiến sĩ, đồng bào miền Đông, miền Trung Nam Bộ đều hướng về Sài Gòn để chiến đấu, để tăng nhanh lực lượng, để dốc sức cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Ước mong cao nhất từ khi bắt đầu nổi dậy, bắt đầu cầm súng chiến đấu nay đã được thực hiện. “Mai vàng rực sáng chiến công - Gió ngàn vang rộn, súng xuân diệt thù”. Được lệnh của Bộ Tư lệnh Miền, các lực lượng vũ trang miền Đông phối hợp quần chúng bao vây tiêu diệt từng đơn vị địch, giải phóng chi khu quận lỵ, tạo bàn đạp tấn công quyết định cho các binh đoàn chủ lực theo kế hoạch đột phá 5 mũi vào Sài Gòn, thanh toán hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngụy, đầu não chỉ huy gây bao tội ác chiến tranh.

Hướng bắc Sài Gòn, 13/3/1973 đánh chiếm chi khu quân sự, giải phóng quận lỵ Dầu Tiếng, suối Ông Hùng, thông đường 16. Ngày 23/3 bức địch rút chạy khỏi thị xã Bình Long, sau đó Chơn Thành, ngã ba hai đường chiến lược số 14 và số 13 cách Sài Gòn 60km. Hướng đông diệt Định Quán cắt đường 20, chiếm Di Linh, sau đó thị xã Đà Lạt, làm chủ con đường chiến lược số 20 vài đoạn dài trên đường 1 Xuân Lộc. Để bao vây triệt để Sài Gòn, ngày 09/4 quân dân ta đã làm chủ đoạn đường 4 Cai Lậy, Mỹ Tho, Long An cắt Sài Gòn với đồng bằng sông Cửu Long về phía tây. Tại Xuân Lộc ở phía đông, ta tấn công đánh thiệt hại nặng Sư đoàn 18 ngụy và buộc địch đêm 20/4 rút chạy khỏi Xuân Lộc, phá vỡ một mắt xích quan trọng trong hệ thống phòng thủ của địch. Sài Gòn đã bị bao vây từ phía đông. Chiến sĩ ta không còn thì giờ nghỉ ngơi và không còn ai nghĩ đến nghỉ ngơi. Điện chỉ đạo từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đã thông suốt đến từng chiến sĩ ngay từ ngày đầu của tháng 4 lịch sử. “Bất ngờ hiện nay không còn là phương hướng nữa mà chủ yếu là khâu thời gian”. “Thời gian là lực lượng”. Từ giờ phút này mặt trận quyết chiến chiến lược Sài Gòn đã bắt đầu: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng 4/1975 không thể để chậm”.

Toàn miền Nam và cả nước thi đua với thời gian để “dứt điểm” trước mùa mưa lũ. Đồng bào lại dốc sức, dốc lực tin rằng kỳ này “làm thiệt”. Các Quân đoàn 3 ở Tây Nguyên, Quân đoàn 2 ở Khu 5 mới được thành lập đã lên đường lao về Nam. Quân đoàn dự bị chiến lược từ hậu phương lớn đã cấp tốc hành quân bằng cơ giới vào cho kịp giờ nổ súng trận cuối cùng. Miền Đông thành lập thêm Đoàn 232 tương đương quân đoàn ở hướng tây Sài Gòn. Mỗi quân khu thành lập một sư đoàn, mỗi tỉnh từ 1, 2 tiểu đoàn tăng lên 6, 7 tiểu đoàn, thành lập trung đoàn, mỗi huyện từ 1, 2 đại đội tăng lên nhiều tiểu đoàn, lực lượng vũ trang lớn lên như “Phù Đổng”. Chiến sĩ hậu cần âm thầm lao động quên mình băng qua rừng sâu, vượt trên đồng nước chuyển đạn dược, lương thực, thuốc men, chuẩn bị cho chiến dịch. Hàng trên xe hơi, hàng dưới xuồng, hàng trên giồng gánh và cả trên đôi vai chiến sĩ hậu cần, thanh niên xung phong và đồng bào tình nguyện đi dân công. Tất cả được đẩy xuống sát chiến trường, có khi băng qua hàng rào đồn bót, bom đạn địch, và xuyên thẳng đêm “ém” kho thuốc nổ, súng đạn vào giữa lòng Sài Gòn cho chủ lực, địa phương du kích, cho đặc công, biệt động và cho cả nhân dân cầm súng nổi dậy.

Một ngày bằng 20 năm. Thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến rồi. Mở đầu kháng chiến chỉ mới có các chiến sĩ lực lượng vũ trang giải phóng trưởng thành từ phong trào đấu tranh chính trị ở miền Nam. Trận kết thúc hội quân đến 20 vạn từ mọi miền của đất nước. Mở đầu chỉ có súng ngựa trời, súng trường gỉ sét. Nay tại mặt trận Sài Gòn đã có cả 2.000 khẩu pháo và súng cối hạng nặng, 500 xe tăng, thiết giáp và xe vận tải quân sự. Bầu trời Sài Gòn đã được bảo vệ bằng tên lửa cộng với pháo phòng không các cỡ.

Quá trình cuộc chiến đấu thần thánh đã được ghi dấu với những mốc lịch sử lớn lao:

Đồng khởi năm 1960, Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân năm 1968, Tổng tiến công và nổi dậy năm 1975. Trước: 5 phân khu, 5 mũi tấn công vào Sài Gòn kết hợp với tấn công và nổi dậy tại chỗ của biệt động và nhân dân vào 5 mục tiêu chiến lược chủ yếu và hàng trăm mục tiêu khác. Nay: 5 hướng, 5 mũi với 5 quân đoàn chủ lực và tương đương, vùng ven và nội đô Sài Gòn còn tập trung 6 trung đoàn đặc công, 1 lữ đoàn biệt động, 2 trung đoàn, 6 tiểu đoàn, 60 tổ biệt động, hàng trăm tự vệ mật, hàng vạn quần chúng cách mạng cùng cùng tấn công vào các mục tiêu quen thuộc mà trước đây chưa hoàn thành.

Thần tốc của chiến tranh nhân dân Việt Nam rất linh hoạt: Từ xa bôn tập đến và ngay tại chỗ đã bám trụ hàng chục năm bất thần bung lên tấn công địch.

Hướng bắc, hướng đông, bộ binh phối hợp xe tăng vừa tấn công tiêu diệt vừa hành tiến. Hướng tây và nam, chiến sĩ bộ binh và cả xe tăng, pháo băng qua đầm lầy, đồng trống, vượt sông Vàm Cỏ để chọc thẳng vào Sài Gòn. Tiến quân thần tốc vào trung tâm thành phố là các binh đoàn chủ lực. Bảo đảm tiến quân thắng lợi trên các trục đường từ mọi hướng vào Sài Gòn, thần tốc chiến đấu là các chiến sĩ đặc công biệt động và lực lượng vũ trang tại chỗ. Khi chủ lực chưa đến, ít hơn địch gấp nhiều lần, vẫn tấn công trước 2, 3 ngày đêm đánh chiếm hàng chục cầu lớn quan trọng bao quanh và ngay trung tâm Sài Gòn. Liên tục đánh địch phản kích để giữ cầu cho đại quân đi qua. Ngày mai sẽ toàn thắng, hôm nay còn xông lên chiến đấu không nề hy sinh xương máu, phải chăng đó là điều cao quý nhất của người chiến sĩ, cán bộ đặc công, biệt động đã hy sinh cho chiến thắng và còn biết bao đồng đội, đồng chí nữa đã ngã xuống trên mọi nẻo đường tiến quân vào thành phố thân yêu và ngay tại trung tâm thành phố trong giờ phút cuối cùng. Biết bao cô gái, em bé, bà mẹ, bác nông dân, anh công nhân, cháu học sinh, sinh viên... và cả những binh lính, viên chức ngụy quyền đã dẫn đường chỉ lối cho bộ đội tiến chiếm các mục tiêu. Phối hợp với các chiến sĩ đầu mũi xe tăng, đội mũ cứng chính quy còn có những chiến sĩ đầu trần, mặc quân phục giải phóng, đi dép lê và cả những chiến sĩ chiến đấu âm thầm trong hàng ngũ địch. 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975 lá cờ đỏ sao vàng của Tổ quốc bay cao giữa nóc Dinh Tổng thống ngụy quyền và ngay bên cạnh đó đã có lá cờ nửa xanh nửa đỏ, ngôi sao vàng pháp phới - có cả “thượng sĩ ngụy” giao chìa khóa Dinh Tổng Tham mưu trưởng ngụy, giao cả tài liệu nguyên vẹn cho “thiếu úy ngụy” nhưng cả 2 đều là đảng viên cộng sản, đều là hội viên Mặt trận Dân tộc giải phóng!

Thắng lợi Chiến dịch Hồ Chí Minh không chỉ đóng khung trên địa bàn Sài Gòn mà còn là sự phối hợp đảm bảo của toàn bộ miền Đông và đồng bằng Nam Bộ cùng lúc - “Cửu Long đã dậy sóng”. Đồng bằng cùng Sài Gòn tổng tiến công và nổi dậy đập tan mưu kế cuối cùng của Mỹ - ngụy định “lui về đồng bằng sông Cửu Long cố thủ, lấy Cần Thơ làm thủ phủ Việt Nam Cộng hòa”.

Trà Vinh 8 giờ ngày 30/4 cuộc chiến vẫn diễn ra ác liệt quanh rào Dinh Tỉnh trưởng ngụy quyền, 50 cán bộ, chiến sĩ ta đã hy sinh trong những giờ phút cuối cùng. Trước áp lực của tiếng súng tấn công của chiến sĩ, lực cả Sơn Xốt tình nguyện vào nhà tỉnh trưởng thuyết phục. Đòn quân sự, chính trị, binh vận phối hợp đã buộc tên tỉnh trưởng đầu hàng vô điều kiện vào 10 giờ 30 phút trong ngày.

Bạc Liêu, ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) liên tục từ 25/4 cho đến 7 giờ ngày 30/4 buộc tên tỉnh trưởng phải chấp nhận “bàn giao chính quyền”,

hạ lệnh cho binh sĩ thuộc quyền buông súng đầu hàng. Quân giải phóng làm chủ một tỉnh lỵ an toàn, không tổn một viên đạn, một giọt máu của bên nào.

Cuộc tấn công và nổi dậy ở đồng bằng kéo dài ở mọi góc ngách sông rạch cho đến ngày 06/5/1975 mới hoàn toàn kết thúc khi lá cờ 3 sọc cuối cùng của ngụy quyền trên đất miền Nam bị hạ ở “Tây An cổ tự” (Chợ Mới, Long Xuyên).

21 năm chiến đấu dưới lá cờ Tổ quốc, các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam Việt Nam, người em của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, đã làm tròn sứ mạng lịch sử của mình. Hai anh em, một cha già sinh ra và dạy dỗ dưới mái nhà xiêu vẹo ngày nào. Vì nặng nợ với non sông cẩm tú, vì tồn vong của giống nòi “Tiên Rồng”, phải lặn lội ngược xuôi, em Nam anh Bắc, và giờ đây, mùa Xuân năm 1975 vĩ đại đã tạo được “Bắc - Nam sum họp, xuân nào vui hơn” - anh em lại về chung một mái nhà, sẽ dựng lại khang trang, tuy hai mà một để xây tổ ấm, bảo vệ nó cho muôn đời sau: VIỆT NAM ĐỘC LẬP THỐNG NHẤT HẠNH PHÚC DÀI LÂU.

*Tháng 10/1990*

# HÒA BÌNH HAY CHIẾN TRANH

*Những cuốn sách được làm ra để liên kết người ta với nhau vượt ra ngoài cái chết và để bảo vệ cho chúng ta chống lại kẻ thù ác nghiệt nhất đời: đó là sự lãng quên.*

XTÉFAN XVAIG

(Nhà văn Áo, viết trong truyện Menden - người bán sách cũ)

Năm 1978, Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam chủ trương cán bộ đã công tác và chiến đấu ở các chiến trường ghi hồi ký của mình về cuộc chiến tranh chống Mỹ oanh liệt của dân tộc ta và đề nghị tôi viết về B2 trong mùa xuân thắng lợi lớn năm 1975: B2 đã chấp hành nhiệm vụ của Trung ương giao thế nào? Đã đóng góp gì vào mùa xuân vẻ vang ấy?

*Vâng, cũng như các chiến trường trên toàn quốc, để làm tròn nhiệm vụ vinh quang của mình, B2 đã đóng góp không nhỏ vào chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Vùng đất B2, con người B2, đã tự hào xứng đáng là một bộ phận của Tổ quốc Việt Nam anh hùng, của dân tộc Việt Nam anh hùng. Nhớ lại và ghi những sự việc xảy ra ở đây là một vinh dự và cũng là trách nhiệm của mỗi cán bộ, chiến sĩ, mỗi người của B2, tôi đã nhận lời.*

*Nhưng tôi nghĩ sự đóng góp của B2, một chiến trường chủ yếu, không chỉ là riêng lẻ những trận đánh, những cân gạo, những con đường, những con người ngã xuống, mà còn là những cái gì lớn hơn nhiều, có giá trị về chiến lược, nghệ thuật tổ chức, bằng thực tế thúc đẩy quá trình thắng lợi cuộc chiến tranh, có tính chất góp phần vào chủ trương đường lối của Trung ương nữa. Cũng không phải chỉ toàn là những chiến thắng anh hùng, mà còn cả những thất bại chua cay tạm thời, từng nơi, từng lúc vì tất cả đó là sự thật, và là những kinh nghiệm quý báu. Nó cũng là những nốt nhạc không thể thiếu để dựng thành bản giao hưởng anh hùng của thời đại. Vậy thì chỉ ghi lại một số sự việc của những ngày thắng lợi cuối cùng, dù là thắng lợi rất vĩ đại, cũng sẽ là một thiếu sót lớn. Muốn tạo một mùa xuân bừng sáng, không thể không trải qua mùa đông u ám, muốn có được mùa khô thắng lợi, không thể không trên cơ sở của mùa mưa năm trước. Chỉ nói về ngọn mà không nói gốc, thì thật là khó nói và nói sẽ không đúng.*

*Vì vậy, tôi quyết định ghi lại những gì tôi biết và nhớ về B2 trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước lâu dài. Đây là một việc không đơn giản, phải mất nhiều thời gian suy nghĩ, tìm tòi tư liệu, gặp lại cán bộ cũ, về lại chiến trường xưa, tìm lại sự thật diễn biến hết sức trung thực... Phải nhờ nhiều anh em giúp đỡ, cộng tác, phải cộng trí nhớ của nhiều đồng chí trên nhiều cương vị, nhiều khu vực chiến trường. Nhưng tôi quyết tâm làm vì xem đó là trách nhiệm cuối cùng của mình về cuộc chiến tranh giải phóng và cũng không thể trút cho ai, đối với B2, vùng đất mà tôi rất yêu quý vì hầu như suốt cuộc đời mình, sống và phục vụ ở đó từ những ngày hoạt động chính trị bí mật trước Cách mạng Tháng Tám cho tới thắng lợi hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc và có lẽ tôi cũng sẽ chọn nằm xuống mãi mãi ở đây.*



Tôi chia tập sách của mình thành năm đoạn:

- *Đoạn 1: Từ Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 đến phong trào Đồng khởi năm 1960 (Tập 1 lấy tên là “Hòa bình hay chiến tranh”).*
- *Đoạn 2: Từ năm 1961 đến năm 1965, thời kỳ chống “Chiến tranh đặc biệt” có kết quả (Tập 2 lấy tên là “Khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng”).*
- *Đoạn 3: Từ năm 1965 đến năm 1968, đánh bại “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (Tập 3 lấy tên là “Chiến tranh cục bộ”).*
- *Đoạn 4: Từ năm 1969 đến năm 1973, chống “Việt Nam hóa chiến tranh” và đuổi quân Mỹ khỏi Việt Nam (Tập 4 lấy tên là “Mỹ rút, nguy nhào”).*
- *Đoạn 5: Từ Hiệp nghị Paris 1973 đến ngày toàn thắng 30/4/1975 (Tập 5 lấy tên là “Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm”).*

\*

\*      \*

Nhưng B2 là gì? Cho đến nay có thể nhiều người cũng chưa rõ lắm. Để tiện cho bạn dễ hiểu hơn về những sự việc ghi lại, thiết tưởng tôi cần nói một vài nét về chiến trường B2.

“B2” là ký hiệu để gọi một vùng đất và những con người ở phần tận cùng phía nam của Tổ quốc trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ. Cả miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến vĩ 17 chạy về phía Nam, lúc ấy chia ra làm bốn chiến trường.

B1 hay thường gọi là Khu 5 gồm các tỉnh ven biển miền Trung từ Quảng Nam - Đà Nẵng vào đến Phú Khánh ngày nay. B3 là vùng Tây Nguyên bao gồm các tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Đắk Lắk. B4 là Quảng Trị và Thừa Thiên cũ. Và B2 là phần còn lại của miền Nam từ tỉnh Quảng Đức cũ, một phần ở tỉnh Đắk Lắk ngày nay, Lâm Đồng, Thuận Hải chạy vào tới mũi Cà Mau, Côn Sơn, Hà Tiên, Phú Quốc. Nó bao gồm vùng rừng núi bao la, cái đuôi của dãy Trường Sơn hùng vĩ. Từ những ngọn núi cao 1.500-2.000m ở bắc Đà Lạt, Lâm Đồng, hạ thấp dần xuống phía nam Đông Nam Bộ. Tiếp theo đó là vùng đồng bằng rộng rãi phì nhiêu, đông dân, vùng lưu vực sông Cửu Long, với những căn cứ kháng chiến nổi tiếng của ta từ xưa như rừng U Minh, Đồng Tháp Mười... Đây là một vùng địa hình bằng phẳng, trồng trãi, ẩm thấp, ruộng lúa xen kẽ vườn tược xóm làng, bị chia cắt bằng hệ thống sông lớn như: Đồng Nai, Soài Rạp, Vàm Cỏ, Cửu Long và rất nhiều sông con, kênh, rạch. Có khu vực hầu như quanh năm ngập nước, hoặc sáu tháng nước, sáu tháng khô. Có nơi bốn mùa đều thiếu nước ngọt. Một bờ biển dài hàng nghìn kilômét và một thêm lục địa rộng giàu tài nguyên thiên nhiên với các cảng

sông lớn như Vũng Tàu, Sài Gòn, Mỹ Tho, Cần Thơ, Rạch Giá... có lợi thế cho bọn giặc xâm lược từ đại dương vào. Hệ thống đường sá ở Nam Bộ được Mỹ củng cố xây dựng phát triển cao nhất trong toàn miền Nam để đảm bảo và thích hợp với những cuộc hành quân cơ giới của chúng. Thủ đô Sài Gòn của ngụy quyền tay sai, là thành phố lớn nhất, có lúc lên đến bốn triệu dân, là trung tâm chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa của cả miền Nam Việt Nam, nằm ngay giữa B2, liên kết với nhiều thành phố lớn khác như Đà Lạt, Phan Thiết, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Cà Mau, Rạch Giá thành một hệ thống căn cứ của Mỹ - ngụy nhằm kìm kẹp đánh phá khắp nơi. Đó cũng là trung tâm áp dụng chính sách thực dân kiểu mới, nơi lan truyền cách sống Mỹ sa đọa, nơi tiêu dùng hàng hóa Mỹ và phục vụ cho các đội quân viễn chinh đông đảo và lực lượng tay sai. Mỹ - ngụy tổ chức miền Nam thành bốn vùng chiến thuật. Kể từ Bến Hải trở vào, tính là Vùng 1 cho đến Vùng 4 ở đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố Sài Gòn nằm giữa Vùng 3 chiến thuật, tổ chức thành biệt khu thủ đô, nơi đầu não chỉ huy, là trung tâm bộ máy chiến tranh xâm lược của Mỹ - ngụy.

Chiến trường B2 của ta chiếm khoảng 1/2 đất đai và khoảng 2/3 dân số của toàn miền Nam, tương ứng với một phần Vùng 2 và cả Vùng 3, Vùng 4 của địch cộng lại.

Để tiện cho việc chỉ đạo, chỉ huy trong cuộc chiến tranh vô cùng ác liệt, ta chia B2 thành: Khu 6 (phần cuối đất Trung Bộ), Khu 7 (miền Đông Nam Bộ), Khu 8 (miền Trung Nam Bộ), Khu 9 (miền Tây Nam Bộ) và thành phố Sài Gòn - Gia Định<sup>1</sup>.

Cũng cần nói thêm là khoảng 3/4 biên giới giữa nước ta và Campuchia là nằm trên phạm vi B2. Nơi đó có các đường bộ, đường sông nối liền hai nước như các quốc lộ 1, 22, 13, sông Cửu Long, Sở Thượng, kênh Vĩnh Tế và các đường, các sông nhỏ khác. Nhân dân hai nước từ xưa quan hệ tốt với nhau trong công việc làm ăn, buôn bán, quen biết, bà con... thường qua lại thuận lợi trên các đường sá, sông rạch dọc biên giới. Và cũng từ xưa đến nay số phận hai dân tộc trên hai bờ vai biên giới khi nào cũng gắn bó nhau, cùng chung lưng chiến đấu cho hạnh phúc của nhau, có vui cùng hưởng, có buồn cùng chia.

---

1. Những tỉnh trong các khu vực:

- Khu 6: Quảng Đức (Gia Nghĩa), Tuyên Đức (Đà Lạt), Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Tuy.
- Khu 7: Phước Long, Long Khánh, Phước Tuy (Bà Rịa), Bình Long, Bình Dương (Thủ Dầu Một), Biên Hòa, Tây Ninh, Hậu Nghĩa.
- Khu 8: Long An (Tân An), Kiến Tường (Mộc Hóa), Kiến Phong (Sa Đéc), Định Tường (Mỹ Tho), Gò Công, Kiến Hòa (Bến Tre).
- Khu 9: Châu Đốc, An Giang (Long Xuyên), Vĩnh Long, Vĩnh Bình (Trà Vinh), Phong Dinh (Cần Thơ), Ba Xuyên (Sóc Trăng), Kiên Giang (Hà Tiên, Rạch Giá), Chương Thiện, An Xuyên (Cà Mau).
- Đặc khu Sài Gòn - Gia Định.

Con người B2 ngay thẳng, trung thực, tính tình phóng khoáng, có lòng yêu nước nồng nàn luôn luôn hướng về Bác Hồ muôn vàn kính yêu, hướng về Thủ đô Hà Nội - Thăng Long với niềm tin bất diệt.

Con người B2 có niềm tự hào với những chí khí quật cường cứu nước, cách mạng từ xưa như các phong trào chống Pháp của Nguyễn Trung Trực, Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều, Thủ khoa Huân, Trương Định, có tâm hồn yêu nước cương trực và tấm lòng thủy chung của Nguyễn Đình Chiểu... với “đám lá tối trời”, Cần Giuộc, Gò Công, với “Mười tám thôn vườn trầu” Hóc Môn, Bà Điểm... B2 còn ôm ấp chiến công hiển hách của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ trong “Tiếng sóng Rạch Gầm”, còn lưu luyến tha thiết dấu vết người đã ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân, vị lãnh tụ Hồ Chí Minh anh minh - ở thị xã Phan Thiết, ở bến Nhà Rồng... Rồi bao nhiêu máu của những người đi trước đã đổ trong các phong trào Nam Kỳ khởi nghĩa năm 1940, Cách mạng Tháng Tám năm 1945... Tất cả những truyền thống ấy luôn luôn nhắc nhở, thôi thúc người dân B2 sẵn sàng đứng lên một khi đã thức tỉnh, sẵn sàng hy sinh tất cả vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

\*

\*   \*

Viết những dòng suy nhớ này tôi chỉ mong làm tròn nghĩa vụ của một chiến sĩ được may mắn sống và hoạt động ở một thời đại quang vinh của Tổ quốc, của dân tộc, trước hết là nghĩa vụ đối với B2, đúng ra là với những con người của B2, mà tôi hằng yêu mến; đặc biệt là đối với những bạn bè, người thân, đồng chí, đồng đội, những con người đã quen biết, có quê hương khắp đất nước từ Lạng Sơn đến Cà Mau, đã ngã xuống trên đất B2, đã đem máu của mình đã nhuộm thắm từng tấc đất B2 để giành lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho Bắc - Nam sum họp một nhà, cùng nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội tức là những con người có công to đối với thắng lợi vĩ đại vừa qua của dân tộc. Đúng, chỉ có họ, những người không chút tính toán, hiến dâng trọn vẹn cuộc sống của mình là những người xứng đáng nhất cho con cháu nghìn đời sau mãi mãi ghi nhớ công ơn. Nghĩa vụ rất đỗi thiêng liêng ấy, mà cũng là mệnh lệnh của lịch sử, của nhân dân là ghi nhớ lại một cách trung thực, suy nghĩ một cách đúng đắn về những diễn biến; những sự kiện; những chịu đựng và hy sinh cao cả của mảnh đất và con người B2 mà tôi đã chứng kiến; được biết và còn nhớ.

Tất nhiên, do sự hiểu biết cũng như trình độ ghi chép có hạn, do phạm vi mỗi bài viết, mỗi tập sách chỉ có thể tập trung nói về một số vấn đề nào thôi, nên tiếc thay, tôi không thể nói hết ở đây những sự tích thần kỳ của những con người Việt Nam trên đất B2 đã thực hiện cương quyết, dũng cảm và sáng tạo sự lãnh đạo và chỉ đạo tài tình của Trung ương Đảng trong suốt cuộc kháng chiến lâu dài và oanh liệt, đã đóng góp sức lực, tài trí của mình vào cuộc chiến thắng lịch sử. Tôi chỉ mong ghi lại chút ít

sự tích ấy trong phạm vi hiểu biết của mình, để đóng góp phần suy nhớ của mình với những người còn sống của ngày nay và của cả mai sau. Đó cũng là trả nợ phần nhỏ nào cho những người đã bỏ mình vì dân tộc, vì giai cấp trên đất B2.

Chính vì trách nhiệm nặng nề như vậy mà tôi tự đề ra cho mình một quy định: Viết đúng sự thật hoàn toàn, những sự thật có người đã biết, cũng có người chưa hề biết, có người thích cũng như có người không thích. Vì lịch sử khi nào cũng công minh sẽ loại trừ không thương tiếc những gì sai sự thật, không hôm nay thì cũng ngày mai. Tôi mong rằng bạn đọc khắp nơi, nhất là anh em đã từng hoạt động ở chiến trường B2, góp ý kiến và bổ sung những thiếu sót, những gì chưa đạt. Tôi sẽ rất hân hoan và hàm ân.

Tôi cũng xin tỏ ở đây lòng cảm động và biết ơn đông đảo các đồng chí, bạn bè đã khuyến khích đã giúp đỡ, góp ý kiến, công tác trên mọi phương diện vô cùng quý báu.

Xin cảm ơn các đồng chí ở các ban tổng kết chiến tranh, các bộ phận tư liệu của Bộ Quốc phòng, của Quân khu 7, Quân khu 9, của Thành phố Hồ Chí Minh, các đồng chí ở các ban chỉ huy tỉnh đội thuộc B2 cũ, đặc biệt hai đồng chí Đại tá Nguyễn Viết Tá và Trung tá Võ Trần Nhã đã để nhiều công sức sưu tầm tài liệu, liên hệ các địa phương, góp phần xứng đáng vào nội dung tập sách này<sup>1</sup>.



*Trên đường đi B ngày 13/6/1973*

---

1. Lời nói đầu này đã in ở Tập 5 - *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* vì Tập 5 được xuất bản trước. Nay có chỉnh sửa cho phù hợp, in lại ở Tập 1 - *Hòa bình hay chiến tranh*. Không in ở Tập 2, Tập 3, Tập 4 và Tập 5 (tái bản).

## BỐI CẢNH LỊCH SỬ “VÌ CÓ LỬA NÊN CÓ KHÓI”

**Đ**IỆN BIÊN PHỦ - ngày 07/5/1954, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ lẫy lừng, đỉnh cao của chiến cuộc Đông Xuân 1953 - 1954, đã quyết định số phận của thực dân Pháp ở Đông Dương.

Điện Biên Phủ thực sự là đài vinh quang của dân tộc Việt Nam anh hùng, ghi dấu một thời kỳ lịch sử hiện đại vẻ vang của Tổ quốc Việt Nam hùng vĩ.

Từ đó đến nay và mãi mãi sau này, những âm thanh đẹp, hào hùng: “Việt Nam - Điện Biên Phủ - Hồ Chí Minh” sẽ mãi mãi ngân vang không dứt khắp bốn phương trời, mỗi khi loài người còn nhắc đến những trang sử đấu tranh bất khuất của các dân tộc vì độc lập tự do, vì phẩm giá con người.

“Tinh thần Điện Biên Phủ ngày nay là ánh đèn pha chiếu rọi cho hàng triệu người bị áp bức trên thế giới” - Nhà thơ yêu nước Haiiti Rone Depextoro đã phát biểu như vậy năm 1960.

*“Điện Biên Phủ được coi như là thắng lợi to lớn của các dân tộc nhỏ yếu đang đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giành lại tự do và độc lập. Điện Biên Phủ đã trở nên niềm tự hào của các dân tộc bị áp bức, là một cống hiến lớn lao của nhân dân ta vào cao trào giải phóng dân tộc đang dâng lên mạnh mẽ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, báo hiệu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên toàn cõi hoàn cầu.*

*Điện Biên Phủ còn là thắng lợi to lớn của các lực lượng hòa bình trên thế giới. Không có thắng lợi Điện Biên Phủ thì chắc chắn Hội nghị Giơnevơ không thu được kết quả, hòa bình không được lập lại ở Đông Dương”<sup>1</sup>.*

Điện Biên Phủ đúng là đã đóng góp quyết định vào thắng lợi của Hội nghị Giơnevơ năm 1954.

---

1. Trích sách *Điện Biên Phủ* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1979. Đại tướng Võ Nguyên Giáp năm 1954 là Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam và là người chỉ huy trực tiếp chiến dịch Điện Biên Phủ.



Khi yêu cầu Mỹ viện trợ và giúp đỡ, Thủ tướng Pháp Bidault đã nhận định: “... Hay dở gì thì vận mệnh của Đông Nam Á bây giờ nằm ở Điện Biên Phủ... Thắng hoặc thua ở Giơnevơ là tùy thuộc ở kết quả tại Điện Biên Phủ”<sup>1</sup>.

Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thì Hiệp nghị Giơnevơ cũng ngã ngũ.

Ngày 21/7/1954, Hiệp nghị Giơnevơ được ký kết, hòa bình được lập lại ở Đông Dương trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của một nước Việt Nam và hai nước Campuchia và Lào. Hiệp định đã quy định việc chấm dứt chiến sự, quy định giới tuyến quân sự tạm thời và khu phi quân sự giữa hai miền Nam - Bắc ở vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) và việc chuyển quân tập kết của hai bên. Hiệp định cũng cấm đem vào Việt Nam mọi quân đội và vũ khí đạn dược, cấm thành lập các căn cứ quân sự của một nước ngoài nào, cả ở miền Bắc cũng như ở miền Nam. Hiệp định cũng giành cho nhân dân Việt Nam quyền tự do bày tỏ ý muốn rằng cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7/1956 và có những điều khoản bảo vệ tính mệnh và tài sản của mọi người, để cho mọi người được tự do lựa chọn vùng mình muốn sinh sống, cấm những hành động trả thù cá nhân hoặc tập thể, bất cứ hình thức nào, đối với những người và với gia đình họ, đã từng hợp tác trong chiến tranh với bên này hay bên kia.

Bản “Tuyên bố cuối cùng” đề ngày 21/7/1954, một văn kiện quan trọng, thành phần chính thức của Hiệp định Giơnevơ, có những điều khoản rõ ràng như sau:

“... 2. Hội nghị hài lòng về việc chấm dứt chiến sự ở Cao Miên, Lào và Việt Nam. Hội nghị tỏ lòng tin tưởng rằng việc thi hành những điều khoản ghi trong bản tuyên bố này và trong những Hiệp định đình chỉ chiến sự sẽ làm cho ba nước Cao Miên, Lào và Việt Nam từ nay có thể đảm nhận với độc lập và chủ quyền hoàn toàn vai trò của mình trong tập thể hòa bình của các nước.

“... 4. Hội nghị chứng nhận những điều khoản trong Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam và việc cấm đem vào Việt Nam quân đội và nhân viên quân sự ngoại quốc, cũng như tất cả các thứ vũ khí, đạn dược...

5. Hội nghị chứng nhận những điều khoản trong Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam quy định rằng không được thành lập một căn cứ quân sự nào của một nước ngoài trong những vùng tập kết của đôi bên. Đôi bên có nhiệm vụ không để những vùng được trao cho mình tham gia bất cứ một khối liên minh quân sự nào và dùng vào việc gây lại chiến sự hoặc phục vụ cho một chính sách xâm lược...

---

1. Điện của Douglas Dillon - Đại sứ Mỹ tại Pháp gửi Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ John Foster Dulles, ngày 05/4/1954.



6. Hội nghị chứng nhận rằng mục đích căn bản của Hiệp định về Việt Nam là giải quyết các vấn đề quân sự để đình chỉ chiến sự, và giới tuyến quân sự chỉ có tính chất tạm thời, hoàn toàn không thể coi là một ranh giới về chính trị hay về lãnh thổ. Hội nghị tin tưởng rằng việc thi hành những điều khoản định trong bản tuyên bố này và trong những Hiệp định đình chỉ chiến sự tạo ra cơ sở cần thiết để giải quyết vấn đề chính trị ở Việt Nam trong một thời gian ngắn.

7. Hội nghị tuyên bố rằng đối với Việt Nam, việc giải quyết các vấn đề chính trị thực hiện trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, sẽ phải làm cho nhân dân Việt Nam được hưởng những tự do căn bản, bảo đảm bởi những tổ chức dân chủ thành lập sau tổng tuyển cử tự do và bỏ phiếu kín. Để cho việc lập lại hòa bình tiến triển đến mức cần thiết, và để thực hiện tất cả những điều kiện cần thiết cho nhân dân Việt Nam có thể tự do bày tỏ ý muốn, cuộc tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7/1956, dưới sự kiểm soát của một Ban Quốc tế gồm đại biểu những nước có chân trong Ban Giám sát và kiểm soát quốc tế đã nói trong Hiệp định đình chỉ chiến sự. Kể từ ngày 20/7/1955, những nhà đương cục có thẩm quyền trong hai vùng sẽ có cuộc gặp gỡ để thương lượng về vấn đề đó.

8. Phải triệt để thi hành những điều khoản trong Hiệp định đình chỉ chiến sự nhằm mục đích bảo vệ tính mệnh và tài sản của mọi người và nhất là phải để cho tất cả mọi người ở Việt Nam tự do lựa chọn vùng mình muốn sinh sống.

9. Những nhà đương cục có thẩm quyền ở vùng Bắc và vùng Nam cũng như ở Lào và Cao Miên không được dung thứ những hành động báo thù cá nhân hoặc tập thể đối với những người đã hợp tác, bất cứ dưới hình thức nào, với một trong hai bên trong thời gian chiến tranh, hoặc đối với gia đình những người đó...”

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, Chính phủ Mỹ đã long trọng đưa ra bản tuyên bố trong đó có một số điểm chủ yếu như sau:

“Chính phủ Mỹ kiên quyết đem hết cố gắng của mình để củng cố hòa bình phù hợp với các nguyên tắc và mục đích của Liên hợp quốc, ghi nhận các Hiệp định đã ký kết tại Giơnevơ ngày 20 và 21/7/1954.

1. Mỹ sẽ không dùng đe dọa và vũ khí để phá hoại nó, phù hợp với khoản 2 (4) của Hiến chương Liên hợp quốc, liên quan đến nghĩa vụ của các hội viên là không đe dọa hoặc dùng vũ lực trong các quan hệ quốc tế của họ.

2. Mỹ sẽ coi bất cứ việc diễn ra lại hành động xâm lược nào vi phạm các Hiệp định đã nói ở phần trên với sự lo ngại sâu sắc coi như là đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Chúng tôi tán thành hy vọng là các Hiệp định sẽ cho phép Campuchia, Lào và Việt Nam giữ vai trò của họ, trong độc lập và chủ quyền hoàn toàn, ở trong cộng đồng hòa bình của các dân tộc và sẽ tạo điều kiện cho các dân tộc ở khu vực đó quyết định tương lai của họ”.

Ngoài ra, chín nước tham gia Hội nghị Giơnevơ đã ra một tuyên ngôn bảo vệ hòa bình ở Đông Dương.

\*

\* \*

Thế là sau ngót chín năm chiến tranh, nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia sắp sửa hưởng một nền hòa bình chân chính, được quốc tế thừa nhận. Quân hai bên chuẩn bị tập kết về miền được quy định, nhân dân Việt Nam chuẩn bị một cuộc sống hòa bình nơi nào mình muốn ở và được tự do lựa chọn những người đại diện tin cậy của mình, chế độ chính trị nào đem lại hạnh phúc cho mình, vào ngày 20/7/1956, sau hai năm ký kết Hiệp định Giơnevơ. Quý báu biết bao một nền hòa bình đạt được bằng xương máu, bằng cả nước mắt đau thương và những trận cười chiến thắng của cả một dân tộc đã ý thức rõ rệt được quyền làm chủ bờ cõi non sông của ông cha để lại, đã nổi dỗi được truyền thống nghìn đời đấu tranh cho độc lập tự do và thống nhất.

Thế nhưng sự thật việc đời thường rất phức tạp, chưa bao giờ lại chỉ diễn biến đơn giản theo một chiều suôn sẻ. Cùng với nhân dân Việt Nam, nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới nhiệt liệt hoan nghênh Điện Biên Phủ, hòa bình, hữu nghị, dân chủ, trong lúc đó đế quốc Mỹ mà bản chất của chúng không hề thay đổi là gây chiến và xâm lược, là thôn tính đất đai và tài nguyên người khác, là áp đặt lối sống và chế độ chính trị mà chúng muốn lên đầu lên cổ các dân tộc, gấp rút chuẩn bị một dòng nước ngược tàn phá, độc ác, chống lại hạnh phúc tự do của người dân Việt, chống lại hòa bình ở Đông Dương và trên thế giới.

“... Bốn ngày sau khi ký Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Hội đồng an ninh quốc gia của chính quyền Eisenhower (Mỹ) đã khẳng định rằng Hiệp định đó là “một thảm họa” và đã chấp thuận các hành động nhằm ngăn cản sự bành trướng thêm nữa của cộng sản ở Việt Nam.

... Các quyết định đó của Hội đồng an ninh quốc gia có nghĩa là Mỹ đã giữ một vai trò trực tiếp trong việc cuối cùng phá hoại giải pháp Giơnevơ”<sup>1</sup>.

---

1. Trích sách *Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc chiến tranh ở Việt Nam* do Thời báo Niu Oóc in thành sách và phát hành trong tháng 7/1971. Thông tấn xã Việt Nam dịch, phát hành năm 1971. Chương 1 đề “Những năm dưới thời Truman và Eisenhower 1945-1960”.

Việc trước tiên mà chính quyền Mỹ gấp rút tiến hành cả trước và sau Hiệp định Giơnevơ, không đếm xỉa gì đến Hiệp định Giơnevơ và bản tuyên bố long trọng của chính mình, quyết gây chiến tranh, phá hòa bình chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam là cố dựng nên một chính quyền tay sai mạnh ở miền Nam Việt Nam<sup>1</sup>, phá hoại và làm suy yếu rối loạn miền Bắc của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ra sức ngăn chặn cuộc tổng tuyển cử tự do, thống nhất đất nước Việt Nam vào tháng 7/1956.

Muốn làm như vậy Mỹ phải hất cẳng Pháp chiếm lấy miền Nam Việt Nam.

“... Hội đồng an ninh quốc gia (Mỹ) trong cuộc họp ngày 03/8/1954, sau Hiệp định Giơnevơ, đã ra lệnh là phải có một chương trình khẩn cấp viện trợ kinh tế và quân sự, thay thế cố vấn Pháp bằng cố vấn Mỹ - cho Chính phủ Ngô Đình Diệm mới thành lập ở miền Nam Việt Nam.

... Các mục tiêu do Hội đồng đề ra là duy trì Nam Việt Nam thân thiện không cộng sản và ngăn chặn cộng sản thắng lợi thông qua cuộc tổng tuyển cử ở Việt Nam”<sup>2</sup>.

Vì biết rằng nếu tiến hành tổng tuyển cử thì chắc chắn các bè lũ Việt gian theo Mỹ sẽ thất bại, nhân dân Việt Nam sẽ bỏ những lá phiếu cho những người yêu nước chân chính, cho hòa bình độc lập và thống nhất Tổ quốc và như vậy đế quốc Mỹ sẽ bị tống cổ ngay từ ngày ấy nên Mỹ tìm mọi mưu mô không diễn ra tổng tuyển cử.

“Ngay từ ngày 07/7/1954, trong thời gian Hội nghị Giơnevơ, Bộ trưởng Dulles đã gợi ý là Mỹ cần phải tìm cách trì hoãn cuộc tổng tuyển cử và đòi có những điều kiện đảm bảo mà chắc là cộng sản sẽ bác bỏ”.

Trong bức điện mật gửi Thủ trưởng Ngoại giao Walter Bedel Smith thay thế khi ông rút khỏi Hội nghị Giơnevơ, Bộ trưởng Dulles viết:

“Vì chắc chắn tổng tuyển cử thì cuối cùng có nghĩa là thống nhất nước Việt Nam dưới quyền ông Hồ Chí Minh nên điều quan trọng hơn hết là trì hoãn tuyển cử càng lâu càng tốt sau khi ký Hiệp định đình chiến và chỉ tuyển cử trong những điều kiện không có sự đe dọa để tạo cho các phần tử dân chủ có cơ hội tốt nhất”.

---

1. Hai tuần trước khi ký Hiệp định Giơnevơ, ngày 07/7/1954, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm từ Mỹ về thành lập chính phủ bù nhìn (công cụ tay sai của Mỹ). Ngô Đình Diệm là một tên đầu sỏ phong kiến, đã từng làm tay sai cho đế quốc Pháp và đế quốc Nhật, được Mỹ nuôi dạy từ tháng 11/1951 ở trường thần học tiểu bang Niudali, dưới sự bảo trợ của Giáo sư Spenman.

2. Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Sđd, Chương I.

Như thế có nghĩa là chỉ tuyển cử sau khi có thời gian để tiến hành mọi mưu kế gian xảo đến tối hậu đưa lại thắng lợi cho bọn tay sai Mỹ, không được như vậy thì không tổng tuyển cử. Thật là dân chủ tự do theo kiểu Mỹ!

Cũng không đợi đến Hội nghị Giơnevơ mới hành động, trong tháng 6/1954 chính quyền Eisenhower đã phái một phái đoàn Mỹ sang Việt Nam để bắt đầu tiến hành những hành động bí mật chống Việt Minh, trong khi hội nghị đang họp.

Phái đoàn này do Đại tá Lansdale cầm đầu, Lansdale là nhân vật CIA nổi tiếng là chuyên gia hàng đầu của Mỹ về chiến tranh chống du kích ở Philippin là nơi ông đã giúp Tổng thống Romon Masaysay đàn áp những người khởi loạn Hukbalahap do cộng sản lãnh đạo.

Nhà Trắng đã hấp tấp tiến hành phá hoại Việt Nam bằng hoạt động bán quân sự - mở màn cho cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam - của phái đoàn quân sự Sài Gòn (viết tắt SMM) được vội vã thành lập và điều Lansdale từ Philippin sang cầm đầu phái đoàn này vào cuối tháng 5/1954. Lansdale kể: “Một điện văn từ Oasinhton đã chấm dứt công việc của tôi ở đây (Philippin). Tôi phải sang Sài Gòn ngay bằng phương tiện chuyên chở nào sớm nhất”<sup>1</sup>.

Nhiệm vụ của phái đoàn Lansdale là “phải tiến hành các hoạt động bán quân sự chống kẻ địch và tiến hành chiến tranh chính trị tâm lý”.

“Sau đó, sau Giơnevơ, phái đoàn được thay đổi để chuẩn bị các phương tiện tiến hành các hoạt động bán quân sự ở các khu vực cộng sản chứ không phải tiến hành chiến tranh không chính quy”.

Khi thời hạn - 09/10 - ấn định cho phép rút khỏi Hà Nội tới gần, phái đoàn đã tìm cách phá hoại một số cơ sở then chốt ở Hà Nội.

Bản báo cáo (của phái đoàn Lansdale) kể lại là: “Người ta được biết nhà in lớn nhất ở miền Bắc có ý định ở lại Hà Nội và làm việc cho Việt Minh. Phái đoàn SMM đã đề ra kế hoạch phá hủy các phương tiện ấn loát hiện đại nhưng các nhân viên an ninh của Việt Minh đã vào nhà máy và đã làm thất bại kế hoạch này”<sup>2</sup>.

“Chính là đội công tác của phái đoàn ở Hà Nội đã bỏ ra nhiều đêm cho thuốc vào các động cơ của hãng xe hơi ở Hà Nội để cho các xe hơi của họ dần dần bị hư hỏng sau khi Việt Minh tiếp quản thành phố”.

---

1, 2. Hồi ký của E.G. Lansdale do Nhà xuất bản Harper of Now (Mỹ) phát hành năm 1972, nhan đề *In the Midst of Wars*, Chương I.

“Đồng thời đội công tác của phái đoàn đã thực hiện cái mà bản báo cáo gọi bằng “những cuộc tấn công tâm lý chiến trong bóng tối”. Nghĩa là cuộc chiến tranh bằng những tài liệu giả là của đối phương. Đội đã in những cái gọi là những tờ truyền đơn ký tên Việt Minh chỉ thị cho người Bắc Bộ phải xử sự như thế nào khi Việt Minh tiếp quản Hà Nội vào đầu tháng 10 trong đó có những vấn đề tài sản, cải cách tiền tệ và cho công nhân nghỉ việc ba ngày lúc tiếp quản”.

“Kế hoạch này nhằm đe dọa dân chúng đã thành công”.

“Bản báo cáo cho biết một ngày sau khi phân phát những tờ truyền đơn đó, số đăng ký di cư (muốn thoát khỏi Bắc Việt Nam) đã tăng lên gấp ba...”.

“Ở miền Nam, phái đoàn đã thuê những nhà chiêm tinh học Việt Nam - mà nghề nghiệp của họ được nhiều người châu Á rất tin tưởng - để tập hợp những niên dịch đoán định những điều không lành đối với Việt Minh và những điều tốt lành với chính phủ mới của thủ tướng Diệm”.

“Bản báo cáo cho biết thêm để tiến hành những hoạt động ở Bắc Việt Nam sau khi đoàn đã rút khỏi Hà Nội, Thiếu tá Lucion Conein - một sĩ quan của phái đoàn SMM đã tuyển dụng một nhóm nhân viên Việt Nam mang tên mật mã là Bình”.

“Nhóm này đã được Mỹ huấn luyện và giúp đỡ coi như những người Việt Nam yêu nước, để cuối cùng giao cho một chính phủ khi chính phủ đã sẵn sàng tiến hành những hoạt động như vậy. 13 người trong nhóm Bình này đã được bí mật đưa ra ngoài qua cảng Hải Phòng và trong giai đoạn đầu đã được các tàu hải quân Mỹ đưa tới khu vực huấn luyện của họ”.

“Trước khi rút khỏi Hải Phòng vào tháng 5/1955 cơ quan vận tải hàng không dân dụng (CAT) - một hãng hàng không đặt trụ sở ở Đài Loan và do tướng Claire Chennault điều khiển, đã bí mật chuyển vũ khí từ Sài Gòn đến Hải Phòng cho nhóm Bình”.

“Bản báo cáo cho biết tiếp là một đội khác gồm 21 người, mang bí danh là nhóm HAO được tuyển mộ từ Sài Gòn đã được bí mật đưa ra một chiếc tàu của hải quân Mỹ và được nguy trang thành những người cu li rồi đưa đến một địa điểm bí mật để huấn luyện”.

“Vũ khí để cung cấp cho nhóm HAO được không quân Mỹ bí mật chuyển tới Sài Gòn”.

“Chúng tôi đã chuyển bí mật vào Việt Nam khoảng tám tấn rưỡi đồ tiếp tế cho nhóm quân sự HAO. Số hàng này gồm 14 máy vô tuyến, 300 súng cạcbin, 90.000 viên đạn cạcbin, 50 súng lục, 10.000 viên đạn súng lục và 300 pound chất nổ.

Hai tấn rưỡi cung cấp cho nhóm HAO ở Bắc Kỳ, số còn lại được SMM cất giấu dọc sông Hồng với sự giúp đỡ của hải quân”...

“Theo bản báo cáo trong năm tài chính 1955 chi phí của phái đoàn quân sự Sài Gòn (SMM) đã lên tới 228.000 đôla. Đó là chưa kể tiền lương của các sĩ quan Mỹ hoặc phí tổn về vũ khí lấy ở các kho của Mỹ”...

“Thiếu tá Conein báo cáo tình hình cho nhóm hoạt động bán quân sự Bình biết và cho từng người thâm nhập miền Bắc”.

“Ngày 16/5 Việt Minh tiếp quản Hải Phòng. Các đội Bình và HAO của chúng tôi ở miền Bắc đã có mặt, trang bị đầy đủ... Làm việc này công khai thật là khó khăn nhưng giữ bí mật không cho Việt Minh, Ủy ban quốc tế gồm những người Canada, người Ba Lan và người Ấn Độ đầy nghi kỵ và thậm chí cả người Việt Nam bạn bè được biết. Việc chuyển người và trang bị phải tiến hành trên quãng đường dài hàng nghìn dặm...”<sup>1</sup>.

Đi đôi với những công tác phá hoại, hoạt động bán quân sự, chiến tranh tâm lý chống lại miền Bắc Việt Nam, chống lại “Việt cộng” có nghĩa là chống lại khối nhân dân yêu nước đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp ở miền Nam Việt Nam, tên phù thủy Lansdale của đế quốc Mỹ còn ra sức xây dựng ngụy quyền Ngô Đình Diệm mạnh đủ sức làm tay sai đắc lực cho Mỹ. Hắn đã lặn lội nhiều lần lên tận núi Bà Đen (Tây Ninh) dùng tiền của, danh lợi lôi kéo, mua chuộc Trịnh Minh Thế về giúp Ngô Đình Diệm. Hắn đã dùng mưu kế và mọi khả năng làm thất bại sự chống đối quyết liệt lại bọn Ngô Đình Diệm của Nguyễn Văn Hinh, tổng tham mưu trưởng ngụy quân lúc ấy, của lực lượng Bình Xuyên, của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và những tay chân khác của Pháp như tên Le Roy, tư lệnh lực lượng gọi là tự vệ lưu động Thiên Chúa giáo (chủ yếu ở An Hóa, Bến Tre) và cả người Pháp nữa. Hắn đã thảo qua kế hoạch bình định nông thôn và các kế hoạch khủng bố “tổ cộng”, “diệt cộng”... cho Diệm. Hắn không từ một thủ đoạn nào, một phương tiện nào như tiền của, uy lực, tàn sát dã man, “kỹ thuật rỉ tai”, “chiến dịch rỉ tai”<sup>2</sup>, truyền đơn và tài liệu giả... để đạt mục đích. Tên sĩ quan cao cấp CIA Lansdale quả là người thực hành có kinh nghiệm mọi mưu mô đặt ra và chỉ huy từ Nhà Trắng có sự yểm trợ của Cơ quan tình báo Mỹ (CIA), Phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự Mỹ (MAAG), Sở Thông tin Mỹ USIS, sứ quán Mỹ và tất cả các tổ chức khác ở trong cũng như ở ngoài Việt Nam của Mỹ.

---

1. Hồi ký của Lansdale, Nhà xuất bản Harper of Now (Mỹ), phát hành năm 1992, nhan đề *In the Midst of Wars*, Chương I.

2. Những từ chính Lansdale dùng trong hồi ký của y, đã nói ở phần trên, khi huấn luyện và chỉ đạo công tác của Phòng 5 Bộ Tổng Tham mưu ngụy năm 1954.



Như vậy là Hội nghị Giơnevơ đang còn thảo luận để chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương thì Mỹ đã dùng phái đoàn của Lansdale (SMM) mở đầu thời kỳ chiến tranh xâm lược của Mỹ để thay thế (từ tháng 5, 6/1954). Hòa bình chưa kịp đến thì chiến tranh đã chống nổi chiến tranh. Nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia cũng như nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới thực tình mong đợi và ra sức bảo vệ hòa bình thì đế quốc Mỹ hoảng hốt lộn chống lại hòa bình.

Người phân tích bản tài liệu cho biết Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ phản đối việc Pháp thương lượng để chấm dứt chiến tranh mạnh đến mức “tổng thống buộc phải báo cho Paris biết rằng việc Pháp thỏa thuận cho cộng sản thôn tính Đông Dương sẽ gây tác hại đến địa vị là một trong ba nước lớn”<sup>1</sup>...

Sở dĩ như vậy là chính vì chính sách của Nhà Trắng định ra từ Oasinhton không phải căn cứ vào tình hình kinh tế ở Đông Dương, vào ý chí đấu tranh của nhân dân, vào nguyện vọng của các dân tộc ở vùng này, mà xuất phát từ chiến lược toàn cầu của đế quốc đầu sỏ Mỹ nhằm làm bá chủ hoàn cầu.

“Một vấn đề then chốt xảy ra từ mùa đông 1949-1950 khi Mỹ làm cái bản tài liệu gọi là một quyết định rõ ràng làm ảnh hưởng chính sách của Mỹ ở Việt Nam trong 20 năm tới: Sau khi lục địa Trung Hoa rơi vào tay những người cộng sản Trung Quốc, chính quyền Truman đã chuyển sang ủng hộ vua Bảo Đại và cung cấp viện trợ quân sự cho người Pháp chống lại Việt Minh”.

“Bản tài liệu viết: Với hành động này “đường lối chính sách của Mỹ được ấn định là ngăn chặn sự bành trướng hơn nữa của cộng sản ở châu Á”. Và sau đó Mỹ trực tiếp dính líu vào tấn bi kịch đang phát triển ở Việt Nam”...

“Lôgic cơ bản của việc Mỹ tham gia - mà sau này được gọi bằng thuyết Đôminô - đầu tiên được Hội đồng an ninh quốc gia nêu rõ ràng vào tháng 02/1950 khi hội đồng quyết định mở rộng viện trợ quân sự cho người Pháp ở Đông Dương”.

“Bản tài liệu cho biết thêm là trong giai đoạn thứ hai xảy ra vào tháng 5 và tháng 6 năm 1954, lúc Hội nghị Giơnevơ đang họp thì Tổng thống Eisenhower đã chỉ thị cho các phụ tá thảo ra một bản nghị quyết yêu cầu quốc hội trao cho ông quyền đưa quân Mỹ đến Đông Dương”<sup>2</sup>.

Và từ tháng 3 năm 1954, Ngoại trưởng Mỹ Dulles đã tuyên bố: “Từ nay Đông Dương nằm trong khu vực bất khả xâm phạm của chiến lược Mỹ”.

---

1, 2. Hồi ký của Lansdale, Nhà xuất bản Harper of Now (Mỹ), phát hành năm 1972, nhan đề *In the Midst of Wars*.

Mỹ đã lồng lộn chống lại cuộc thương lượng hòa bình ở Giơnevơ, làm mọi áp lực buộc Pháp phải tiếp tục chiến tranh Đông Dương nếu không Mỹ sẽ tự mình tiến hành tiếp cuộc chiến bất kể Pháp. Bị vong lục của Ủy ban đặc biệt Mỹ ngày 05/4/1954 đề nghị:

1. Chính sách của Mỹ là không chấp nhận điều gì khác ngoài thắng lợi quân sự ở Đông Dương.
2. Lập trường của Mỹ tranh thủ sự ủng hộ của Pháp đối với chính sách này. Mỹ cương quyết phản đối mọi giải pháp thương lượng về Đông Dương tại Giơnevơ.
3. Lập trường của Mỹ trong trường hợp không làm được điều 2 ở trên thì đề ra những biện pháp cấp bách với chính phủ quốc gia liên kết tiếp tục cuộc chiến tranh ở Đông Dương, có sự tham gia tích cực của Mỹ mà không có sự ủng hộ của Pháp nếu cần thiết.

Chính vì vậy, Mỹ luôn âm mưu lôi kéo nhiều nước khác cùng với Mỹ xâm lược Đông Dương. Khi Hiệp định Giơnevơ ký chưa ráo mực, ngày 08/9/1954 Mỹ đã cùng Anh, Pháp và một số nước chủ hầu thành lập khối xâm lược Đông Nam Á (SEATO) và ngang nhiên đặt miền Nam Việt Nam, Lào và Campuchia vào khu vực bảo hộ của khối đó.

Tất cả những sự việc được kể hết sức tóm tắt ra trên đây là nguồn gốc cơ bản của diễn biến tình hình ở Việt Nam và Đông Dương trong những năm 1950, 1960 và 1970. Trong những năm ấy, toàn bộ Đông Nam Á đã sôi động dữ dội, Thái Bình Dương không còn thái bình nữa mà đã dậy sóng chiến tranh. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp được Mỹ tìm mọi cách nuôi dưỡng từ rất sớm:

Ngày 08/5/1950, Oasinhton báo tin sẽ cung cấp viện trợ kinh tế và quân sự cho Pháp ở Đông Dương bắt đầu bằng một khoản 10 triệu đôla... cuối cùng chương trình viện trợ quân sự của Mỹ lên tới 1,1 tỷ đôla năm 1954, gánh chịu đến 78% chiến phí của Pháp.

Mặc dầu như vậy Pháp thua vẫn hoàn thua và phải ngậm bồ hòn mà tìm cách rút lui bỏ cuộc. Nhưng Mỹ lúc ấy cho rằng Mỹ không thể nào ngậm phải bồ hòn như Pháp (thực sự sau này còn hơn bồ hòn nhiều) và vì “thiên chức” lãnh đạo thế giới nên hùng hổ nhảy vào. Mỹ nhảy bổ vào trong lúc Pháp tiếc rẻ còn muốn ở lại bằng phương pháp khác không phải chiến tranh nên Mỹ phải hất cẳng Pháp,

nhANH chóng độc chiếm miếng mồi béo bở để thực hiện chiến lược toàn cầu của mình. Chiến tranh chống nổi chiến tranh là như vậy đó.

Nhưng Mỹ phá Hiệp nghị Giơnevơ, phá tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam, hùng hổ nhảy vào Việt Nam, muốn “biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17” như đã mớm cho tên tay sai Ngô Đình Diệm tuyên bố công khai, không phải không tính toán cân nhắc. Mỹ coi thường Việt Nam là một nước nhỏ không đáng kể, chỉ gồm sự can thiệp của hai nước lớn là Liên Xô và Trung Quốc. Nhưng Liên Xô thì ở xa mà Trung Quốc ở gần, vì vậy quan trọng trước mắt là phải bắt mạch Trung Quốc, việc này không khó khăn lắm. Trong suốt quá trình Hội nghị Giơnevơ Mỹ đã chủ tâm quan sát và đặc biệt là qua Pháp, người đối thoại trực tiếp với Trung Quốc mà hiểu rõ Trung Quốc nghĩ gì và muốn gì.

\*

\*      \*

Các dân tộc thuộc ba nước Đông Dương mà lịch sử đấu tranh hàng trăm năm đã từng gắn bó với nhau trong tình láng giềng hữu nghị, hiện đang đứng trước nguy cơ làm những con tốt đen trên bàn cờ quốc tế. Đế quốc Pháp thất bại nặng nề nhưng vẫn tiếc rẻ con mồi thuộc địa không muốn thả ra, còn muốn dùng thủ đoạn khác để ở lại. Đế quốc Mỹ với tinh thần chống cộng điên cuồng, muốn dập tắt phong trào cách mạng giành độc lập của các dân tộc, muốn dùng Đông Dương làm lá chắn chiến lược chặn đứng ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội. Không buộc được Pháp trụ vững ở Đông Dương, Mỹ muốn tự mình nhảy vào, biến Đông Dương làm đầu cầu chiến lược trên đất liền châu Á, để nô dịch các dân tộc. Đi đôi với dùng biện pháp quân sự, Mỹ ra sức dùng biện pháp ngoại giao gây sức ép và ve vãn hòng làm cho Liên Xô và Trung Quốc không tích cực ủng hộ Việt Nam, đồng thời lôi kéo nhiều nước khác cùng Mỹ góp tiền và máu thực hiện tội ác xâm lược. Ba nước Đông Dương có vị trí chiến lược quan trọng về nhiều mặt ở vùng Đông Nam Á và Thái Bình Dương, đang trở thành sân khấu diễn biến các mưu đồ đen tối dồn dập của các cường quốc và chư hầu của họ. Nhưng nhân dân Việt Nam, một nước nhỏ, nghèo mà không hèn yếu, đã có truyền thống đấu tranh bất khuất hàng nghìn năm, được lãnh tụ kính yêu là Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Đảng cách mạng chân chính lãnh đạo vững vàng, đoàn kết chiến đấu cùng các dân tộc anh em Lào, Campuchia “thà chết chứ không chịu làm nô lệ”, được bạn bè khắp năm châu giúp đỡ cổ vũ đã quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của mình đến cùng.

Trong bối cảnh lịch sử vô cùng phức tạp, cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội của các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, đặc biệt là Việt Nam cũng vô cùng phức tạp và lâu dài.

Ai có ngờ đâu bầu trời hầu như hửng sáng của mùa thu năm 1954 ở ba nước Đông Dương lúc ấy lại sắp sửa vẩn đục hơn lên vì khói lửa của chiến tranh tàn khốc, tàn khốc gấp nhiều lần chín năm đã qua.

## CHƯƠNG I

### Đi và ở

Đồng Tháp Mười trong những ngày tháng 9, tháng 10 cuối mùa mưa, nước ngập mênh mông tràn đầy sông rạch. Những trận mưa như trút nước vào buổi chiều hạ thấp vòm trời u ám. Ngược lại những buổi sáng trời cao xanh, nắng rọi dòng kênh thẳng tắp, cây cối tươi mát của làng mạc tiếp nối nhau vẽ nên một cảnh đồng quê êm đềm bát ngát. Cảnh vậy buồn hay vui? Nào ai đã xác minh được dứt khoát. Có lẽ lẫn lộn vừa buồn lại vừa vui, có phiền lo, cũng có phần khởi của lòng người rộn ràng phức tạp đẩy mâu thuẫn vào những tháng ngày lịch sử ấy của năm 1954 mà kẻ đi xây dựng tương lai và người ở đấu tranh cho hòa bình thống nhất.

Từ giữa tháng 8/1954, chiến trường đã im tiếng súng khi lệnh ngừng bắn theo Hiệp định Giơnevơ quy định đã có hiệu lực. Thật là tuyệt diệu, kỷ luật tự giác của những người cách mạng. Khắp rừng sâu, bưng lầy hẻo lánh, khắp làng mạc phố phường, từng chiến sĩ du kích, từng đơn vị vũ trang lớn, nhỏ đang thừa thắng xông lên diệt địch, khí thế bừng bừng sông núi, tiếng kèn xung trận vang lừng; có đêm hạ hàng tá đồn bót giặc, có ngày diệt và rã đến hai ba tiểu đoàn địch; vùng giải phóng mở rộng thênh thang, cờ đỏ sao vàng Việt Minh tung bay tứ phía; nhân dân vui mừng nô nức đi dân công tiếp tế, các má, các chị đi úy lạo bộ đội và săn sóc thương binh; quân địch thì khiếp vía kinh hồn, bị diệt ít mà chạy và rã nhiều. Nhưng đúng ngày giờ quy định ngừng bắn thì chiến trận mọi nơi ngừng hẳn. Bầu trời bỗng nhiên êm ả lạ lùng. Người trong cuộc như vừa tỉnh một giấc mơ, như ngỡ ngàng trước cảnh thanh bình vụt đến khiến ta chưa kịp nghĩ rồi đây cuộc sống sẽ thế nào, trong lúc tâm tư người chiến sĩ còn đang hướng tới những chiến thắng đang chờ họ. Không, sao lại ngừng tấn công nhỉ? Ta đang thắng lợi kia mà? Sức ta còn đủ để nỗ lực thừa thắng xông lên giải phóng hoàn toàn Tổ quốc thân yêu. Thời cơ này hết sức thuận lợi sao ta không nắm lấy mà ngừng lại nửa chừng? Và vì sao lại vĩ tuyến 17 mà không 13 hay ít hơn 16? Mừng vui thật sự vì hòa bình đang đến. Đất nước

rồi đây độc lập, dân ta tự do xây dựng hạnh phúc lâu dài. Nhưng ảm ức trong lòng ta bị thiệt thòi, kết quả đạt được của Hiệp nghị Giơnevơ chưa tương xứng với thắng lợi của ta! Nhưng niềm tin tưởng to lớn vào Đảng, Bác Hồ đã giúp chúng ta tự giải đáp. Chẳng qua ta chưa hiểu hết ngọn nguồn, phải đâu chỉ có chiến trường ta mà còn tình hình cả nước và tình hình quốc tế vô cùng phức tạp nữa chứ.

Thế là những ngày tháng 8 còn lại, rộn rịp hành quân từ mọi ngả tập trung về các khu được Hiệp định quy định để rồi tập kết ra miền Bắc: Chiến trường Nam Bộ có khu 80 ngày Hàm Tân - Xuyên Mộc, khu 100 ngày Đồng Tháp Mười và khu 200 ngày Cà Mau.

Tôi đã cùng một số lực lượng vũ trang ra đi tập kết từ khu Đồng Tháp Mười tại bến Cao Lãnh. Nam Bộ vào thời kỳ cuối cuộc chiến tranh chống Pháp ta chia làm hai phân liên khu: miền Đông và miền Tây. Các lực lượng từ các tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa và một phần của Thủ Dầu Một hành quân về Hàm Tân - Xuyên Mộc và xuống tàu từ đây ra Bắc. Số lực lượng còn lại từ Thủ Dầu Một, Tây Ninh đến Chợ Lớn, Tân An, Gò Công, Mỹ Tho, Long Châu Sa thì về Đồng Tháp Mười để xuống tàu ở bến Cao Lãnh. Các tỉnh thuộc Phân liên khu miền Tây đi tập kết tại bến Cà Mau.

Các đồng chí trong Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông Nam Bộ được Trung ương và Trung ương Cục chỉ định mỗi người phụ trách một công việc: anh Phạm Hùng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư, Chính ủy Phân liên khu miền Đông, người nhiều tuổi nhất trong chúng tôi và đã từng lãnh hai án tử hình một lúc của thực dân Pháp trước đây vì đã dám làm cách mạng chống Tây (nhưng chưa kịp thi hành), cùng anh Nguyễn Văn Vịnh - Phó Tư lệnh, đảm nhận Trường và Phó Tiểu ban Liên hợp lãnh thổ phía Nam đóng ở Phụng Hiệp (Cần Thơ), sau dời về Sài Gòn - Gia Định. Anh Hoàng Du Khương (Hoàng Xang) - Phó Bí thư Đảng ủy thì lãnh đạo các bộ phận ở lại và phong trào quần chúng đấu tranh thi hành Hiệp nghị. Còn tôi - Tư lệnh, thì phụ trách tổ chức và chỉ huy các lực lượng vũ trang tập kết ra miền Bắc. Chúng tôi chia tay nhau hết sức cảm động tại khu rừng căn cứ Dương Minh Châu phía bắc Tây Ninh. Không phải cảnh mưa dầm lê thê cuối mùa trong những ngày ấy làm nẫu lòng người mà chính lòng người, tình đồng chí thân yêu, vui buồn lẫn lộn trong cảnh chia tay bắt buộc, đã khiến cảnh trời có phần u ám. Nào ai đã học hết chữ ngờ. Trong lúc tạm xa nhau vì công việc sau bao ngày chung sống và chiến đấu gian khổ gay go trong chiến tranh, chúng tôi đâu có hình dung được mỗi người rồi đây gặp riêng một cảnh ngộ rất khác nhau. Có bao giờ lại nghĩ *đến tương lai của riêng mình trong những ngày tháng ấy*. Tương lai của mỗi người gắn chặt với tương lai của đất nước và dân tộc với nhiệm vụ của Đảng giao phải hoàn thành một cách xuất sắc nhất, không mảy may suy tính.



Hôm nay chia tay để ngày mai gặp lại trong cảnh huy hoàng của Tổ quốc thân yêu, chỉ có lòng tin sắt đá ấy mới gạt mọi ưu tư.

Anh Phạm Hùng và tôi may mắn hơn, lại được cùng công tác chung trong Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền những năm đánh Mỹ cho đến thắng lợi hoàn toàn. Anh Hoàng Dư Khương ở lại miền Nam trong Xứ ủy Nam Bộ. Nhưng một thời gian không lâu anh đã bị địch ngang ngược bắt đày đi Côn Đảo suốt 19 năm trời và vì cường cường bất khuất nên giặc đã nhốt anh nhiều năm trong “chuồng cọp”<sup>1</sup>. Năm 1974, thấy anh đã tàn tạ, không còn ra ngoài nữa, địch mới thả anh ra giữa Sài Gòn với âm mưu để rồi bí mật thủ tiêu cho êm thấm. Nhưng nhanh tay hơn, chúng tôi đã tổ chức đón anh về căn cứ và thật là mừng mừng tủi tủi khi gặp lại nhau, cùng sống bên nhau một số thời trước xa xôi rồi, ngỡ ngàng trước thời cuộc, lạ lẫm trước mọi sự việc. 19 năm hay gần 7.000 ngày bị giam cầm ở Côn Đảo rồi còn gì, cách biệt mật mù với cuộc sống và đấu tranh diễn ra quyết liệt và nhanh chóng lạ thường. Tình đồng chí của chúng tôi càng thấm thiết và có lẽ đây là những ngày tôi rất sung sướng được vỗ về an ủi, chăm lo từng miếng ăn, viên thuốc cho những người bạn cùng chí hướng từ những ngày khổ cực xa xưa và có lẽ anh cũng được sung sướng nhiều trong sự săn sóc triu mến của đồng chí giữa bầu trời tự do, nhìn rõ cảnh thắng lợi đi lên chắc chắn của cách mạng.

Sau những ngày được Đảng săn sóc tận tình ở Hà Nội, anh trở về miền Nam khi hoàn toàn giải phóng, lấy bệnh viện làm nhà, bác sĩ và y tá làm gia đình thân thuộc trong những ngày cuối đời, thay thế cho vợ con đều đã hy sinh trong thời kỳ kháng chiến...

Cũng cần nói thêm, vợ anh chúng tôi thường gọi là chị sáu Kim Nguyên, là một đảng viên cộng sản đấu tranh kiên cường trong cả hai cuộc chiến tranh. Chị đã dũng cảm chịu đựng mọi cực hình tra tấn dã man khi bị địch bắt, không hé răng để giữ vẹn toàn bí mật và tổ chức của Đảng. Chị đã từ già cõi đời do vết thương tra tấn tàn bạo của Mỹ - Diệm trong lúc anh đang quần quai trong chuồng cọp Côn Đảo. Vinh quang thay cuộc đời của một chiến sĩ, vẻ vang thay sự hy sinh dâng hiến của cả một gia đình cách mạng cho sự nghiệp Tổ quốc, cho hạnh phúc của toàn dân.

Còn anh Nguyễn Văn Vịnh, sau khi hết nhiệm kỳ ở Tiểu ban Liên hiệp quân sự một thời gian, anh được bổ nhiệm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với quân hàm Trung tướng, được bầu vào Ban Chấp hành

---

1. Chuồng cọp: Là một loại buồng giam chật hẹp dưới hầm tối âm u ở Côn Đảo. Mỹ đã cố vấn cho ngụy tiếp tục “truyền thống” của thực dân Pháp mở rộng và củng cố khu giam cầm địa ngục này. Chuồng cọp để giam những người mà địch cho là nguy hiểm nhất, cứng đầu nhất nhằm làm cho người bị giam ngày một tàn tạ cả sức khỏe và trí tuệ tâm hồn, nếu có ra khỏi tù cũng thành một người không còn có tác dụng gì cho xã hội nữa.

Trung ương Đảng khóa III và làm Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất của Chính phủ ở Hà Nội, theo dõi và bảo đảm cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam...

\*

\* \*

Sau khi ngừng bắn có hiệu lực, các cuộc chuyển quân rộn rịp tiến hành thường xuyên qua nhiều làng mạc suốt trong những ngày tháng 8. Có những đơn vị từ căn cứ Long Nguyên, Bến Cát, từ Hồ Bò, An Nhơn Tây, Dương Minh Châu ở miền Đông Nam Bộ rầm rầm rộ rộ kéo ngang gần thị xã Tây Ninh, thị trấn Gò Dầu, Đức Hòa để về Đồng Tháp. Có đơn vị từ rừng Gia Thuận, từ Bình Ninh, An Thạnh Thủy, Gò Công từ rừng Thạnh Phú vượt sông, vượt lộ hiên ngang điểu qua cạnh thị xã Mỹ Tho, thị trấn Cai Lậy để về Cao Lãnh. Rồi từ Mộc Hóa, Đức Huệ, từ Hồng Ngự, Lai Vung tiến về Mỹ Trà, Mỹ Ngai. Thật là đội ngũ chinh tể rầm rập bước chân chiến thắng. Ở các vùng yếu, vùng sâu, ở thị xã, thị trấn lớn, đồng bào lâu nay để gì công khai gặp được anh Vệ quốc, có chăng chỉ là tượng trưng ra những người khổng lồ, oai phong lẫm liệt, đánh ngã một lúc hàng loạt tên lính Pháp to con, sau khi nghe được trận chiến thắng của ta. Hay khó hình dung nổi khi địch tuyên truyền rằng lính Việt Minh “bảy người đeo cọng đu đủ không gãy”. Giờ đây các ông già, các bà, các chị đặc biệt là các cô nữ sinh thành thị, các em thiếu niên, từ trong vườn nhà hay kéo nhau ra một góc đường phố nhìn bộ đội Cụ Hồ hành quân ngang qua: “Ồ! Đủ cả súng nhỏ súng to, có đạn gì mà hai người khiêng cũng còn có vẻ nặng. Mà anh em khỏe quá, đẹp quá, người nào cũng tươi vui, hành quân mà như trẩy hội”. Nhưng bà con không thể biết hết được cái đẹp cao quý từ bên trong của mỗi một con người. Anh chiến sĩ Vệ quốc đoàn, người lính của Bác Hồ, mới hôm qua còn hăng say rượt giặc đầy khí phách “bầu trời xông thẳng, chín tầng chưa thấy là cao” (Cao Bá Quát) mà hôm nay được lệnh tập trung đã lưng quảy nóp<sup>1</sup>, súng ngang vai về nơi quy định.

---

1. Nóp: Là một đồ dùng của dân nghèo và chiến sĩ Vệ quốc vùng đồng bằng sông Cửu Long trước đây, đan thủ công bằng cọng bàng già dẹt phơi khô. Cây bàng mọc nhiều ở vùng sâu vùng trũng Đồng Tháp Mười. Nóp dùng làm chiếu trải nằm, dùng làm mùng ngủ chống muỗi, làm mền chống lạnh. Bộ đội hành quân thời chống Pháp gói quần áo vào trong nóp mang trên vai thay cho ba lô. Trong chiến trận nóp là bệ tì của súng để bắn. Khi đóng quân nóp là bàn kê để chép bài học hay viết thư về nhà, cho người yêu mong đợi. Như vậy chỉ một chiếc nóp thôi, anh chiến sĩ Vệ quốc đoàn đã thay thế được nhiều: mùng, mền, ba lô, bàn, bệ... Vừa giản tiện vừa nhẹ nhàng lại rẻ tiền mà ai cũng có thể sắm. Chiếc nóp trở thành vật bất ly thân, là gia tài trên lưng của người chiến sĩ Vệ quốc nghèo mà dũng cảm chịu đựng mọi khó khăn.

“Chiều hôm em đứng già bàng,

Thương anh quảy nóp trong hàng quân đi”.

Chưa hết, chiếc nóp còn thủy chung theo người chiến sĩ đến cùng vào tận lòng đất: Khi chiến sĩ ngã xuống, đồng đội sẽ dùng nó làm quan tài, khâm liệm thi hài chôn cất ở nơi nào đó của đất nước thân yêu.

Mới hôm qua vừa ngừng tiếng súng anh đã mơ về xóm ấp quê hương: Mẹ già bao năm xa cách hẳn đang mong đợi bên rào bông bụt, hay anh chị, bà con láng giềng đang ngóng ở rặng trâm bầu đầu làng. Người Việt Nam nào lại không gắn bó tình cảm của mình với bà con làng mạc, một mảnh cụ thể của Tổ quốc bao la, vì tình cảm ấy mà quyết tâm ra đi chiến đấu đến thắng lợi rồi thì được lệnh chuyển quân tập kết về miền Bắc xa xôi, cách trở cả nghìn cây số. Đành rằng miền Bắc, miền Nam vẫn là Tổ quốc của ta, vì Tổ quốc thống nhất ấy mà ta sẵn sàng hy sinh cả tính mệnh. Nhưng bụi trúc, bờ tre, con kênh, cụm chuối, mẹ già, vợ trẻ, cô bác bên nhà, em trai, cháu gái vẫn là hình ảnh sao mà thân thương, sao mà bịn rịn. Đi hay ở? Lòng anh chiến sĩ thật băng khuâng xao xuyến. Có đêm nào trong những đêm đang chiến đấu mà nằm trăn trở suốt năm canh vì chuyện ở hay đi như những đêm này. Đi hay ở? Đi để học tập huấn luyện, xây dựng một quân đội hùng mạnh cho đất nước sau này - ta đã được hoàn toàn giải phóng đâu. Đi để xây dựng miền Bắc yêu thương, nửa nước đầu tiên được độc lập, công lao xương máu của mọi người, nhất là những người đã ngã xuống. Đi còn được biết Thủ đô, còn được gặp Bác Hồ - Người cha thân yêu của cả dân tộc, mà từ lâu mơ ước trông chờ. Nhưng ở cũng phải đâu là ngừng, nghỉ. Quân thù đâu phải là người có tín, nghĩa. Chúng có trăm phương nghìn kế để không chịu thi hành hiệp nghị thì sao? Ai mà tin được bọn đã từng đi cướp nước và bán nước. Phải ở thôi, ở cùng bà con đấu tranh hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng buộc chúng thi hành hiệp nghị cho nước non về một mối, Nam - Bắc một nhà. Lý lẽ này thật hấp dẫn, xử sự như vậy ắt là hợp lý hợp tình...

Không biết bao nhiêu những khó khăn giằng xé tim gan, nát lòng, nát ruột trong đi và ở. Mẹ già ở lại côi cút, con trẻ ra đi. Chồng thì tập kết mà vợ thì mới cưới vài ngày, vài tuần, vài tháng thì ở lại, hoặc ngược lại người cha thì ở lại mà mẹ và con bỗng bẽ xuống tàu. Biết bao gia đình chia năm xẻ bảy. Vợ chồng nhà văn Lưu Quý Kỳ đi tập kết nhưng mẹ già bắt phải để hai con nhỏ lại để bà nuôi. Trong bài viết “Trên tàu tập kết”, nhà văn đã kể lại lời bà khẳng khái: “Tao già rồi tao không muốn sống đơn chiếc. Con Hai bỏ nhà đi theo kháng chiến tám, chín năm trời. Bây giờ ta đánh Tây thắng lợi rồi, chúng bây ra Bắc có đôi, có anh em bạn bè, có Cụ Hồ, có Chánh phủ mình... chúng bay phải để hai đứa nhỏ ở lại với tao cho khuây khỏa tuổi già. Hai năm nữa chúng bay về...”<sup>1</sup>.

Những chuyện như vậy là phổ biến. Không phải chỉ phổ biến với những người miền Nam tập kết mà có lẽ cả với những người miền Bắc bị dụ dỗ và lừa gạt vào Nam. Vì vậy mà “hai năm” đã trở thành nỗi mong chờ của hàng triệu trái tim Việt Nam

---

1. Bài “Trên tàu tập kết” của Lưu Quý Kỳ in trong sách *Nước về biển cả*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1975.

thời ấy. Kẻ nào đi ngược lại ước vọng lớn lao và thiêng liêng ấy, kẻ đó nhất định sẽ bị thất bại là tất yếu rồi.

Nhưng rồi tất cả đều phải ngã ngũ dứt khoát. Cứ nghe theo Bác Hồ, tuân lệnh của Đảng là đúng. Cấp trên đã phổ biến cận kề kế hoạch ai đi, ai ở. Đi hay ở không còn chỉ có cái nghĩa thông thường là ở lại và ra đi. Nó là nhiệm vụ thiêng liêng được giao cho mỗi cán bộ, chiến sĩ. Ta đã ký Hiệp định Giơnevơ, ta làm đúng theo quy định: Bộ đội chiến sĩ phải đi tập kết, người kháng chiến khác ở lại sống như dân thường dù người ấy là đảng viên hay đoàn viên nông hội. Ta sẽ gặp lại sum vầy sau hai năm, sau tổng tuyển cử. Gần chín năm trời xa nhà đi chiến đấu còn được thì hai năm đâu có sá gì. Thế là người đi kẻ ở đều đã xác định thái độ và đều tin tưởng mãnh liệt vào sự thắng lợi cuối cùng của cách mạng, vào sự sum họp của gia đình gắn liền với thống nhất Tổ quốc sau hai năm. Hai năm không còn chỉ là cái mốc thời gian đơn giản, mà đã trở thành niềm tin và lẽ sống: Cách mạng nhất định sẽ thành công, non sông sẽ liền một dải, gia đình nhất định phải đoàn tụ, đất nước phải độc lập tự do...

Thế là khắp các làng xã thuộc huyện Cao Lãnh, nhà cửa dọc các sông rạch từ Mỹ An, Ba Sao ra Hòa An, Cao Lãnh, từ Phong Mỹ về An Bình, Mỹ Tho, đâu đâu cũng có “bộ đội của mình” đóng. Và nữa, có phải chỉ có bộ đội hành quân tập kết đâu. Đồng bào từ khắp chốn, từ những làng mạc xa xôi, từ các thị xã, thị trấn, cả ở Sài Gòn xuống và Cần Thơ lên cùng kéo về Đồng Tháp Mười, về Cao Lãnh hoặc về Cà Mau để tìm đứa con, người em, người cháu đã ra đi từ ngày nọ ngày nào, và giờ đây lại sắp đi xa. Còn các má chiến sĩ nữa, các má cũng đổ về Đồng Tháp Mười để tiễn các con đi bộ đội ra Thủ đô, đi gặp Cụ Hồ. Các má khi nào cũng vững niềm tin, giữ trọn nghĩa tình chung thủy và muốn gửi gắm ở những đứa con chiến sĩ ra đi nỗi niềm non nước. Các má còn gửi cho con đưa ra dâng cho Bác Hồ, Trung ương Đảng “nắm đất miền Nam”. Đất này là mồ hôi nước mắt của bao đời ông cha khai phá, là máu xương của nhiều lớp chiến sĩ quyết tâm bảo vệ đến cùng. Đất này là của những trái tim và khối óc Việt Nam, con Hồng cháu Lạc sinh ra cùng một bọc, và ngày nay có chung một Cụ Hồ. “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”; “Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”.

Lời Bác nói là tiếng vọng của non sông ngàn đời không tắt.

Thôi thì tấp nập đường bộ, đường sông, bến xe nào cũng đông đặc, xe hàng nào cũng chật ních người. Các kênh, các rạch dập diu thuyền nhỏ, thuyền to. Mang theo người cũng đủ thú của ngon vật lạ, sản phẩm địa phương, món quà quê hương gây thương gây nhớ. Từ những trái bom<sup>1</sup> trần trọng gói từng trái bằng giấy mỏng,

---

1. Trái táo.

bình trà “Lý Thông Tích”, thuốc lá “Côtáp”, “Mêliaa” đỏ, trắng, vàng của người Sài Gòn, tới vài trăm con gà, con vịt, rổ bánh xèo, nồi canh chua cá lóc, ơ tép rang với niêu cơm nếp của bà má nghèo ở Hậu Thạch trên kênh Dương Văn Dương. Và những trái bầu dài, bí rợ hai da tận miền biển Vàm Láng, Cây Khô, tĩn nước mắm ngon, con cá đở của chị em Chợ Cũ - Mỹ Tho, trái dưa hấu đầu mùa xanh vỏ đỏ lòng của bà con Long Toàn, Long Vĩnh - Trà Vinh. Nhiều nhất vẫn là gạo dẻo nếp thơm, gạo nàng hương Chợ Đào, gạo nanh chồn Gò Công, những quả dưa xiêm ngọt nước cùng các thứ bánh kẹo, rồi thuốc giống Thủ Đức, xim mẩn Cao Lãnh và xen vào đấy còn có những tá khăn thêu “tặng anh Vệ quốc đoàn Chiến khu 8” của các em nữ sinh Trường Côle Mỹ Tho nữa chứ. Tất cả là tình cảm tràn đầy, là tấm lòng chất chứa, có thủy, có chung, tình quân dân thắm thiết của kẻ ở gửi gắm người đi, và người đi nhẩn nhủ người ở lại. Hai ngón tay giơ lên với cặp mắt long lanh hứa hẹn, thế thôi, không cần một lời nào, khi gặp nhau trên đường đi, khi chia tay sau một đêm liên hoan hay một cuộc mít tinh quần chúng. Không ai bảo ai, mà “hai năm” đã thành khẩu hiệu hành động, đã là lời thề sắt đá.

Cảm động nhất, gắn bó nhất là đám cưới tập thể diễn ra ngay tại Cao Lãnh trong ngày tháng 10 năm ấy. Những cô gái quê Gò Công, nơi “đám lá tối trời” của Trương Định, đã được các má dẫn lên tận nơi tập trung quân của Tiểu đoàn 309 để làm lễ cưới cùng các chiến sĩ của tiểu đoàn, trước khi các con đi tập kết<sup>1</sup>. “Các con liệu mà trọn niềm chung thủy, sau hai năm về đây, các má sẽ giao lại tụi nó vẹn toàn”, các má đã bảo đảm như vậy.

Thị trấn Cao Lãnh những ngày ấy thật tấp nập rộn ràng. Tình gia đình, tình quân dân, tình bè bạn dạt dào, sâu đậm. Cán bộ chiến sĩ trước khi về Bắc muốn lưu lại cái gì đối với địa phương thân yêu: Sửa lại các ngôi nhà cho đồng bào, dựng một mái trường cho các em nhỏ, bắc cầu, sửa đường... nghĩa là cái gì có ích cho dân là làm. Vì cũng không thể quên những đồng đội đã ngã xuống giờ đây hẳn cũng mỉm cười nơi chín suối. Họ cố xây nên một đài liệt sĩ “Tổ quốc ghi công” để nhớ ơn người đã hy sinh vì nghĩa cả. Nghĩ đến Bác Hồ vĩ đại, họ đã ra công xây lại ngôi mộ của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, người đã sinh ra một anh hùng dân tộc cho đất nước đứng lên.

Tôi đi chuyến tàu chót ở bến Cao Lãnh thuộc khu 100 ngày Đồng Tháp Mười, đúng ngày cuối cùng của tháng 10, như quy định của Hiệp định. Mọi người xuống

---

1. Tiểu đoàn 309 đã hoạt động một thời gian ở Gò Công cho đến khi ngừng bắn chuyển quân tập kết. Trai anh hùng, gái thuyền quyên đã cùng nhau hứa hẹn, nhưng đột nhiên ngừng bắn chuyển quân. Sáng kiến của các má chiến sĩ là làm lễ cưới cho chúng nó để chúng nó không bao giờ quên mảnh đất truyền thống này, sau hai năm hãy trở về sum họp.



chiếc tàu đổ bộ của Pháp, tàu LCM há mồm, để ra Vũng Tàu, tại đây chuyển sang tàu Kilinxki của nước bạn Ba Lan đợi sẵn. Chiếc LCM rời bến Cao Lãnh về chiều. Trên bờ, trên bến đông nghẹt những người, những câu già từ gào lên từ bốn phía, nhưng nhiều quá và lẫn trong tiếng máy xình xịch nặng nề của con tàu, không thể nghe được rõ câu nào. Muôn ngàn cánh tay giơ lên chìa ra hai ngón, hai ngón từ trên bờ, hai ngón từ dưới tàu, tất cả cùng cảm thông sâu sắc, và những chiếc khăn rằn vẫy theo cho đến khi không còn thấy được nữa, một số chiếc khăn rằn đỏ kéo vào chấm lên mắt nhăn nheo và một số chiếc khăn rằn xanh úp vào mặt che đôi mắt hoe đỏ. Tàu lạnh lùng xuôi theo dòng nước. Bên hai bờ sông Tiền, cây cối xanh tươi nổi bật lên những ngọn dừa nghiêng nghiêng duyên dáng, những tàu dừa lướt thướt vươn cao, vẫy theo mãi cho đến khi trời tối sẫm không còn nhìn ra hình dáng muôn loài. Và trên tàu tự nhiên cũng im lặng, một sự im lặng lạ lùng như mọi thứ chuyển lắng hết vào bên trong, trong đáy lòng sâu thẳm của mỗi con người.

Bờ biển Vũng Tàu đã nối liền với bờ biển Sầm Sơn qua Biển Đông dậy sóng. Con đường đã đưa ta ra miền Bắc hôm nay, mai sau có đưa ta trở lại miền Nam? Trong những ngày bập bênh với sóng gió Thái Bình Dương trên con tàu vững chãi của bạn từ Đại Tây Dương đến, hẳn có nhiều đồng chí cũng đặt ra câu hỏi ấy như tôi. Bạn bè cách xa nhau hai đại dương còn cảm thông đến với nhau, gần như trong gang tấc thì Biển Đông và sông Bến Hải ruột thịt đâu có trở ngại gì cho chí khí người trai đất Việt. Tôi thật yên tâm khi nghĩ như vậy. Sông có sâu, biển có rộng, núi có cao nhưng không gì có thể ngăn cản lòng người muốn vượt núi băng sông vì nghĩa lớn của dân tộc.

Thật là mới bước chân ra đi đã nghĩ đến ngày trở về. Giờ phút ra đi là giờ phút ấp ủ những cuộc sống tương lai trước mắt mà cũng là giờ phút hồi tưởng lại những tháng ngày chiến đấu gay go vừa qua. Rồi đây trên đường đời ta sẽ gặp bao nhiêu bạn bè thân yêu vừa quen biết, bao nhiêu cảnh sắc tươi đẹp chưa từng thấy, nhưng đồng thời cũng mang nặng bao nỗi nhớ thương bạn bè, cô bác đã từng gian khổ có nhau, những người thân thương đang sống hay đã mất, bao nhiêu cánh rừng bãi lá đã chở che ta trong những cuộc càn, những trận giội bom bắn phá, bao nhiêu trận địa oai hùng ta cùng anh em xung phong diệt địch... Biết làm sao được, tâm hồn con người là phản ánh, thu nhận những gì của xã hội, của thiên nhiên. Xã hội vốn phức tạp làm cho tâm hồn phức tạp, nhưng chính tâm hồn phức tạp làm cho xã hội phức tạp thêm lên và thiên nhiên đậm đà nhiều vẻ.

Ba ngày đêm lênh đênh trên mặt biển mênh mông. Chung quanh con tàu chỉ trời, mây, sông, nước. Có lẽ trong số người tập kết trên tàu không có nhiều người được đi biển lâu ngày. Thì ra đất và nước ta đâu phải hẹp lắm. Đó là ta mới chỉ đi dọc



theo bờ đồng thoi đấy. Biết bao nhiêu tài nguyên phong phú chìm sâu dưới màu xanh thăm thẳm này. Ước gì hòa bình vĩnh viễn, thống nhất mau lên. Mà trời, mà biển có chỗ nào đâu phân chia giới tuyến, cả lòng chúng ta đây nữa làm gì có tuyến mà chia.

Bến Sầm Sơn rợp cờ đỏ sao vàng và những tấm băng căng ngang hoan hô chiến thắng của ta và nồng nhiệt đón chào đồng bào và chiến sĩ miền Nam tập kết. Các đoàn đại biểu, các đoàn thể, các mẹ, các chị miền Bắc, áo nâu khăn thâm, thân tình và niềm nở đón tiếp chúng tôi. Sao mà cảm động, tấm lòng những bà mẹ ở hai đầu đất nước, nào có khác gì nhau đâu. Vẫn tình thương đậm đà đối với các con chiến sĩ. Từng dãy nhà dựng tạm nhưng sạch sẽ rộng rãi, trang hoàng đẹp để nằm dọc ngang trên bãi. Trưởng ban tổ chức đón tiếp lực lượng tập kết là anh Nguyễn Văn Tạo - Bộ trưởng Bộ Lao động trong Chính phủ ta. Anh Tạo là một đồng chí cán bộ cách mạng lão thành mà nhân dân hầu như ai cũng biết tiếng, quê Nam Bộ và cũng đã xa Nam Bộ nhiều năm rồi. Anh ôm chầm lấy tôi một cách thân thiết vừa với tình cảm của một đồng chí lâu ngày mới gặp lại vừa cảm động như ôm vào lòng quê hương trăm nhớ nghìn thương. Anh nói với tôi:

“Bác Hồ giao cho tôi công việc này và dặn đi dặn lại: Chú là người miền Nam, chú hiểu tâm tư tình cảm cũng như sự cần thiết trong sinh hoạt đời sống của các cô các chú trong đó ra, cả các cụ lớn tuổi cũng như các cháu thiếu nhi. Vậy chú phải thay mặt Đảng, Chính phủ tiếp đón thế nào để tỏ được sự yêu thương lo lắng thăm tình của Đảng và Bác đối với đồng bào miền Nam ruột thịt. Chú biết rồi, ở miền Nam không có cái rét cắt ruột như ở miền Bắc đâu, phải có đủ quần áo ấm và chăn bông cho tất cả, có khăn quàng cổ cho cụ già và đủ xà phòng và khăn lau cho các cô có con mọn”.

Tôi cố dằn những giọt nước mắt cứ muốn lăn trào ra vì xúc động. Thế mà tôi cứ tưởng lòng mình đã khô cạn rồi vì đã bao phen trước sự hy sinh chết chóc đau thương của đồng bào, đồng chí, tôi chỉ thấy nhức nhối trong tim và uất hận trong lòng. Cũng với tấm lòng yêu thương vô hạn và chu đáo đến từng chi tiết như vậy của Bác, năm 1948, khi phái đoàn Nam Bộ do tôi dẫn đầu lần đầu tiên ra Việt Bắc, Bác đã phái chị Hai Sốc đến chăm lo cho chúng tôi từng miếng ăn, nơi ở. Chị Hai Sốc người quê Bà Điểm, Hóc Môn vì công tác đã ở Việt Bắc từ trước, đến với chúng tôi bằng tấm lòng của một người chị hai Nam Bộ, chăm sóc chí tình những đứa em vất vả xa nhà. Bác lo cho cả nước, Bác lo cho từng người. Bác rèn từng cán bộ, Bác nâng từng kẻ có sai lầm, Bác biết rõ đặc điểm từng địa phương, Bác nhìn thấu chiều sâu từng tấm lòng. Việc lớn Bác chu toàn, việc nhỏ Bác không sót. Thật là thăm tình giai cấp, thăm nghĩa đồng bào. Với đức độ như vậy của một nhà lãnh đạo, của một đồng chí tiêu biểu cho một Đảng chân chính, một dân tộc anh hùng, làm sao

không hiệu triệu được mọi người sẵn sàng xông lên phía trước, hy sinh cả thân mình vì độc lập tự do, vì hạnh phúc muôn đời mai sau. Thật là trái hẳn với những lãnh tụ phong kiến ngày xưa chuyên dùng bạo tàn và thủ đoạn để xây nên cơ đồ và sự nghiệp cho riêng mình. Ngày nay trong thế giới tư bản cũng không thiếu kẻ theo chủ nghĩa thực dụng, trơ như đá, lạnh như tiền, mượn danh nghĩa quốc gia dân tộc, sẵn sàng hy sinh nhiều con tép để được con tôm cho riêng mình. Họ chỉ quen lối “giải khuây trăm họ làm công một người” (Nguyễn Du). Bác Hồ chúng ta hoàn toàn khác, đã kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống của dân tộc qua 4.000 năm lịch sử với tinh thần tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân ngày nay.

Những người đi tập kết, dù sao vẫn yên một nỗi: Quan sơn muôn dặm vẫn một nhà, Nhà nước của ta, nhân dân của ta, quân đội của ta. Còn những người ở lại mới thật ngổn ngang trăm mối. Vắn núi sông này, vắn đồng bào ta đó, đặc biệt là trong các vùng mà lâu nay cách mạng làm chủ - những vùng này không phải hẹp - ngày nay đâu còn chính quyền ta nữa, đâu còn quân đội ta nữa. Đành rằng lúc đầu, hồi năm 1945 ta cũng chỉ tay không mà gây dựng nên lực lượng vũ trang và chính quyền cách mạng. Nhưng đã trải qua một thời gian dài gần chín năm rồi, dân ta có chính quyền trong tay, có quân đội mạnh, một quân đội chiến thắng, có nhiều vùng thực sự làm chủ dưới chế độ dân chủ nhân dân vững vàng. Thế mà nay bỗng chốc từ có, có mạnh mà trở lại tay không, không phải từ từ như lúc xây dựng từ nhỏ đến lớn qua từng chặng đường thử thách, rèn luyện. Hơn nữa lại đứng trước một quyền lực tay sai của đế quốc, kẻ thù của cách mạng, của nhân dân. Chúng có một lực lượng vũ trang không nhỏ, được quan thầy trang bị mạnh, độc quyền làm mưa làm gió trên dải đất miền Nam thân yêu này...

- Không thể như thế được! Làm sao mà chịu được?

- Nếu nó phản bội Hiệp định thì sao?

- Nếu nó dùng súng bắn giết ta, bắt bớ phi pháp ta thì ta tay không làm sao chống lại được? Ta chịu chết à? Ta quỳ gối lạy lục nó hay sao?

- Vô lý! Bộ đội đi tập kết hết, dân ở với ai?

Quả thật là tình hình gay go, làm sao giải thích cho thông suốt tất cả, cho người đi cũng yên tâm mà kẻ ở lại cũng không còn thắc mắc, giữ vững tinh thần, lực lượng với khí thế chiến thắng để đấu tranh thành công? Nhưng rồi cán bộ cũng kiên trì giải thích dựa vào chủ trương của Đảng, của Bác. Bác đã nói:

... “Trước kia ta chủ trương tiêu diệt ngụy quân, ngụy quyền để thống nhất, bây giờ ta dùng chính sách khoan đãi, dùng cách toàn quốc tuyển cử để đi đến thực hiện thống nhất toàn quốc.

Muốn hòa bình thì phải chấm dứt chiến tranh, muốn chấm dứt chiến tranh thì phải ngừng bắn. Muốn ngừng bắn thì phải *điều chỉnh* khu vực, nghĩa là quân đội địch phải tạm tập trung vào một vùng để rút dần, quân đội ta cũng tập trung vào một vùng. Ta phải có vùng rộng lớn, đủ những phương tiện để xây dựng, để củng cố và phát triển lực lượng của ta, để ảnh hưởng đến các vùng khác, do đó để đi đến thống nhất. *Điều chỉnh khu vực không phải là chia cắt*, đó là việc tạm thời để đi tới thống nhất. Khi điều chỉnh và trao đổi khu vực, vùng xưa nay tự do mà nay địch đến tạm đóng thì đồng bào vùng ấy thắc mắc, có người sẽ bị quan thất vọng, dễ bị địch lợi dụng. Ta phải nói cho đồng bào biết rõ: vì lợi ích toàn quốc, lợi ích lâu dài mà tạm thời phải chịu đựng, đó là một điều vẻ vang, toàn quốc đều biết ơn. Ta phải làm cho mọi người không bị quan tiêu cực, mà tiếp tục hăng hái đấu tranh đòi Pháp rút quân để đi đến độc lập.

Dùng điều chỉnh khu vực đóng quân để đi đến hòa bình, dùng cách toàn quốc tẩy cừ để đi đến thống nhất, đó là chủ trương của ta. Ta kháng chiến để độc lập, thống nhất, dân chủ hòa bình. Ngay thực hiện hòa bình cũng là để tranh thống nhất, độc lập, dân chủ. Tình hình mới, phải có chủ trương mới để tranh lấy thắng lợi mới”<sup>1</sup>.

Cụ Hồ, Đảng đã nói như vậy là đúng rồi. Tình hình mới phải có chủ trương mới. Phải hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ. Thế là mọi người đều tin tưởng, đều chấp hành tuy rằng trong lòng còn phần nào lo âu không biết rồi đây địch sẽ hành động ra sao.

Nhưng điều làm cho ai nấy ở lại yên tâm là đâu phải chỉ có dân mà cả cán bộ các đoàn thể quần chúng, có cả đảng viên cũng ở lại làm ăn như dân, với dân. Một cụ bà lo lắng ngôi nhà không yên, chống gậy đến thăm một gia đình trong xóm có thằng Ba đi tập kết. Nhưng vào nhà bà lại gặp Ba ra đón:

- Ủa, mấy không đi sao Ba?

- Cháu đi làm gì? Ở lại làm ăn với bà con chứ!

- Mấy làm cán bộ nông hội, là đảng viên mà.

- Phải, cháu là đảng viên, cháu là nông dân. Hiệp định quy định bộ đội mới đi tập kết còn mọi người không còn kháng chiến nữa thì làm ăn sinh sống vùng nào mà mình muốn. Vả lại ở đâu có dân thì ở đó phải có đảng viên, có Đảng.

- Vậy thì được rồi, tao tưởng tụi bây đi hết chứ. Còn Đảng thì dân không lo sợ gì cả. Có dân tụi bây cũng chớ sợ gì cả.

---

1. Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 15/7/1954 tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Thế là tin đảng viên vẫn còn ở lại với dân bí mật truyền từ người này qua người nọ, nào thằng Ba, thằng Năm, nghe nói cả chú Tám, chú Mười cũng ở lại nữa, lan đi khắp thôn xóm, làm yên lòng mọi người và dấy lên một niềm tự tin phấn khởi đấu tranh thi hành Hiệp định. Thế thì bộ đội vũ trang cứ đi tập kết, xây dựng huấn luyện cho mạnh lên và sẵn sàng đấy, còn dân đã có đảng viên lãnh đạo rồi, không lo. Sức mạnh của nhân dân rất lớn, nhân dân đã được rèn luyện trong đấu tranh lâu nay, lẽ nào để cho địch tự do hoành hành. Chúng liệu hồn mà phản bội, nhân dân phải đoàn kết đấu tranh buộc nó thi hành đúng Hiệp định thôi. Ngày trước ta đấu tranh vũ trang trong chiến tranh thì ngày nay ta đấu tranh chính trị trong hòa bình. Thế nào rồi cũng độc lập và thống nhất cả nước. Chỉ hai năm thôi, hai năm ta lại gặp nhau trong ngày hội tổng tuyển cử toàn dân.

Thật ra lúc đầu trong dân nhiều người cũng thắc mắc lo âu, ngại địch phản bội Hiệp định khi bộ đội đã đi tập kết hết, ngại chúng khủng bố tàn sát, nhất là những người tích cực tham gia chống Pháp và gia đình của bộ đội đã đi tập kết. Một không khí tư lự nặng nề lan khắp mọi nơi. Mỗi người đều như cảm thấy mất đi một cái gì quý giá có quan hệ cả đến đời sống của mình. Rồi sống làm sao với bọn nguy quyền trong xã, trong phường. Ta đã sống ngẩng cao đầu từ nhiều năm nay rồi, bây giờ khó mà khom lưng quỳ gối. Rồi còn bọn xấu, bọn lừa thầy phản bạn nữa, bọn đầu trâu mặt ngựa thời nào mà không có, tuy số này ít thôi nhưng tác hại sẽ không nhỏ. Nó làm hại uy danh của kháng chiến, phẩm chất cao quý của người cách mạng, ô nhục cho dân.

Nhưng nhờ lòng tin tưởng tuyệt đối ở sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, tin theo lý lẽ giải thích của cán bộ, biết chắc đảng viên khi nào cũng sống chết với dân nên dần dà mọi người đều đi vào nền nếp làm ăn sinh sống bình thường và phấn chấn đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Niềm tin đã biến thành sức mạnh và sự hân hoan vì thắng lợi vừa qua lại hun đúc cho không khí đấu tranh chính trị tiếp tục.

## CHƯƠNG II

# Hai năm đấu tranh thực hiện hòa bình và dân chủ (20/7/1954 - 20/7/1956)

**H**iệp định Giơnevơ được ký kết không có nghĩa là chấm dứt mọi đấu tranh cho độc lập và thống nhất của nước Việt Nam, cho đời sống ấm no, công bằng xã hội cho người dân Việt Nam. Nó có nghĩa vì được cả thế giới thừa nhận là chấm dứt cuộc chiến tranh đang ngày càng đầm máu giữa các bên. Nó còn có nghĩa là chấm dứt sự đô hộ của ngoại bang, chấm dứt chế độ thực dân và sự can thiệp từ ngoài để cho người Việt Nam tự lo liệu lấy công việc của mình. Đó là sự đấu tranh trong điều kiện hòa bình bằng chính trị và dân chủ: tổng tuyển cử trong toàn quốc dưới sự kiểm soát của quốc tế để nhân dân tự do chọn lấy một chính thể thống nhất cho một quốc gia thống nhất hoàn chỉnh từ Bắc chí Nam, nghĩa là thực hiện quyền làm chủ của mình trên lãnh thổ toàn vẹn mà ông cha đã để lại.

Sau những giờ phút bàng khuâng lo lắng về đi và ở, sau khi đã xác định rõ thái độ và lập trường của mình, nhân dân miền Nam Việt Nam đã mở đầu giai đoạn đấu tranh mới bằng những cuộc biểu tình chính trị rầm rộ nổ ra khắp các tỉnh, ở nông thôn cũng như ở thành thị, có tính chất biểu dương lực lượng và tỏ bày nguyện vọng với những khẩu hiệu mừng hòa bình, hoan nghênh Hiệp định Giơnevơ và đòi thi hành đúng Hiệp định. Những cuộc hội họp năm bảy chục, một vài trăm người diễn ra thường xuyên và khắp nơi trong những hội hè, các đám giỗ, đám tiệc, cúng đình, cúng chùa. Và những câu chuyện bàn tán đâu cũng như đâu, đều xoay quanh để quốc thực dân Pháp phô trương binh hùng tướng mạnh rút cục vẫn phải chịu thua Việt Nam, rằng hòa bình được lập lại sau bao năm xương máu chất chồng là quý giá vô ngần cần phải bảo vệ. Rồi câu chuyện cũng không ra ngoài việc thời sự nóng hổi là nội dung các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về hiệp thương tổng tuyển cử, không ai có quyền làm khác, không có quyền trả thù trả oán.

Hai năm nữa thôi, nước nhà sẽ độc lập, nhân dân sẽ tự do, khắp cả miền Nam đều dấy lên lòng tự hào dân tộc chính đáng về thắng lợi vẻ vang, gạt bỏ ách thống trị của đế quốc, tự hào chính đáng về sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khí thế phong trào quần chúng hoan nghênh hòa bình và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ hòa bình, độc lập thống nhất, dân chủ biểu lộ ngay sau khi Hiệp định được ký kết đã làm nức lòng tin tưởng của mọi người dân Việt Nam chân chính và làm run sợ quân thù và những bọn tay sai.

Trong khi bận rộn với việc tổ chức chuyển quân tập kết, chúng tôi vui mừng khôn xiết khi nhận được tin tức dồn dập, ngay lúc còn trên đất miền Nam, về các cuộc đấu tranh chính trị của đồng bào. Thật là một sự động viên to lớn cho tất cả kẻ đi cũng như người ở. Ngay từ ngày 01/8, chỉ 10 ngày sau ngày Hiệp định Giơnevơ được ký kết, một cuộc mítting khổng lồ của 50.000 người diễn ra ngay tại đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn, hoan nghênh Hiệp định, đòi hủy bỏ việc động viên quân đội, đòi thi hành tự do dân chủ. Đó là tiếng sấm đầu tiên, là tia chớp lóe lên từ một trung tâm chính trị lớn nhất ở miền Nam, làm rực sáng bầu trời và tâm hồn người Việt. Liền sau đó, Ủy ban hòa bình khu Sài Gòn - Chợ Lớn được thành lập bao gồm đông đảo nhân sĩ, trí thức và nhiều tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ (người sau này trở thành Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam) với Tổng Thư ký là Giáo sư Phạm Huy Thông, kêu gọi đấu tranh thống nhất Việt Nam bằng tổng tuyển cử tự do. Ngày 02/8, 5.000 công nhân đồn điền cao su An Lộc (thuộc tỉnh Sông Bé ngày nay) đã bãi công ba ngày liền, kết hợp chào mừng Hiệp định Giơnevơ với đấu tranh đòi tăng lương 20 phần trăm và bãi bỏ thuế đảm phụ quốc phòng. Hưởng ứng với Sài Gòn, với An Lộc, hầu như khắp các thành phố, thị xã, làng mạc nông thôn đều có biểu tình, mítting không ngớt. Tiêu biểu vào lúc ấy có cuộc biểu tình của 1.000 quần chúng của ba ấp: Bình Huệ, Bình Thạnh, Bình Thắng thuộc xã Bình Đại, vào ngày 19/8/1954 chào đón Ủy ban liên hiệp, Ủy ban quốc tế. Tiếp ngay sau là cuộc biểu tình rộng lớn của 15.000 nhân dân trong toàn huyện Bình Đại (nay thuộc tỉnh Bến Tre) trương băng cờ, khẩu hiệu, kéo đi chật đường mừng hòa bình, hoan nghênh Hiệp định Giơnevơ và đòi thi hành đúng đắn mọi điều khoản của Hiệp định.

Run sợ trước làn sóng đấu tranh vì tự do dân chủ và hòa bình của nhân dân khắp miền Nam Việt Nam, Mỹ - Diệm tìm mọi cách để dập tắt phong trào, đàn áp quần chúng bằng vũ khí, bằng *khủng bố man rợ*. Ở Nam Bộ, vụ khủng bố điển hình đầu tiên là ở huyện Mô Cày, tỉnh Bến Tre. Sáng ngày 13/9/1954, tại cánh đồng xã Khánh Thạnh Tân, bà con nông dân đang vỡ hóa để làm ruộng thì lính ở



bót Tài Đại cùng dân vệ bao vây bắt từng người đi làm xâu xây bót cho chúng. Anh Dứa - một nông dân bị bắt bực tức liền lý sự với chúng.

- Hòa bình rồi, nhân dân phải làm ruộng sinh sống. Các ông không có quyền bắt xâu. Lính có lương tâm phải tự làm bót mà ở. Chúng tôi bị kiệt quệ vì chiến tranh phải để chúng tôi sống chứ.

Tức thì bọn lính xông vô đánh đập tàn nhẫn làm anh Dứa bị thương nặng. Những người bị bắt ở đó liền la ó phản đối, kêu cứu với dân làng. Hầu như cả xã đổ ra mỗi lúc một đông. Họ khiêng Dứa lên bót đấu tranh đòi bồi thường. Các xã Thuận Phú Tân, Thân Thạnh Tây hay tin cũng kéo ra hỗ trợ kịp thời, trống chầu trong đình làng được khiêng ra đi theo, thúc lên liên hồi... Trống giục khẩn trương, trống rền phẫn nộ. Dân các xã Tân Bình, An Thạnh, Thành Thới, Đa Phước Hội cũng túa ra đường, nhập cuộc. Đoàn biểu tình trở thành đông đảo. Họ kéo đi từ chợ Thơm (xã An Thạnh) xuống đến thị trấn Mỏ Cày, đường đông người kéo dài 4-5km. Ban đầu một trống, sau lên hai, rồi ba, rồi bốn trống chầu rền vang, thúc giục đấu tranh, uy hiếp tinh thần quân địch. Đồng bào các xã bỏ hết việc đồng áng, mỗi nhà để lại một người trông, kéo ra đường bằng đồng, lội sông, đi đường bộ, đi xuống ghe, đông đặc người là người tràn đi như nước vỡ bờ. Một bà lão mù ở xã An Thạnh cũng bắt cháu bé dẫn đi cùng bà con tham gia cho trọn tình làng xóm. Anh Tư Cường<sup>1</sup> có mặt tại chỗ ngày ấy, sôi nổi thuật lại. “Thật là khí thế bùng bùng, lúc này muốn can cũng hết can nổi”. Tên tỉnh trưởng tỉnh Bến Tre Võ Công Mưu được cấp báo liền hộc tốc xuống Mỏ Cày dẫn theo một đại đội bảo an, có cả xe nổi đồng (thiết giáp) hộ tống, xông ra đàn áp! Đồng bào hô vang khẩu hiệu. “Đả đảo đàn áp! Đả đảo bắt xâu! Tôn trọng tự do dân chủ! Hoan nghênh Hiệp định Giơnevơ! Hòa bình muôn năm!”. Nhiều loạt súng bắn vào dòng người tay không, xe nổi đồng đâm thẳng vào đám đông đang xông tới. Nhân dân chống trả mãnh liệt, dùng đủ mọi thứ có trong tay, gạch đá, gậy gộc... Cuộc xô xát đẫm máu kéo dài đến chiều tối.

Mười một người dân bị chết, 30 người bị thương và khoảng 200 người bị bắt.

Để phi tang tội ác, bọn nguy lập tức cho xe chở xác những người chết đổ xuống sông Cổ Chiên.

Đồng chí Nam Chung (tức Mười Khuốc) lúc ấy là Bí thư Tỉnh ủy đã kịp thời tới nơi thăm hỏi đồng bào và trực tiếp chỉ đạo đấu tranh. Đồng chí Tám Long<sup>2</sup> được phái vào thị trấn liên lạc với cơ sở bí mật của ta nắm tình hình của địch thật chắc để báo cáo cho lãnh đạo. Nhiều lá đơn của nhân dân đã tố cáo tới Ủy ban quốc tế là

---

1. Đồng chí Tư Cường hiện nay là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bến Tre.

2. Đồng chí Tám Long nay là Giám đốc Công ty Du lịch Bến Tre.

chính quyền Bến Tre đã vi phạm Hiệp định, vi phạm điều 14C<sup>1</sup>. Một sự hợp đồng giữa nhân dân, lãnh đạo và cơ sở bí mật trong lòng địch hết sức chặt chẽ. Cuối cùng đại diện Ủy ban quốc tế đủ thành phần đại biểu của Ấn Độ, Ba Lan và Canada đã đến trực tiếp điều tra tại chỗ. Trên suốt lộ trình của Ủy ban, nhân dân đến gặp đưa đơn tố cáo trên từng chặng đường. Khi Ủy ban đến gần hiện trường, một hòa thượng mặc áo cà sa, lẫn trảng hạt, ra chặn đầu xe của đại biểu Ấn Độ. Đại biểu này lập tức dừng xe, xuống vái chào đáp lễ. Hòa thượng liền đưa đơn tố cáo vụ thảm sát dã man. Ngay lúc ấy ghế bàn từ trong các nhà ven đường được mau chóng khiêng ra đặt ngay dưới gốc cây, mời các đại biểu của Ủy ban quốc tế ngồi. Từ mọi nẻo đổ ra, đồng bào vây quanh càng lúc càng đông ngoài dự kiến của ngụy quyền. Hàng trăm đơn tố cáo được đưa ra, nhiều người kể lễ tội ác của ngụy quyền, các gia đình nạn nhân khóc lóc đòi minh xét và bồi thường thích đáng.

Đại biểu Ủy ban quốc tế ghi nhận tất cả sự thật của nhân dân tố giác và kết luận sự cố ý đàn áp của chính quyền Mỏ Cày. Nhân dân đã thắng.

Tiếp theo đó là vụ Vĩnh Xuân. Vĩnh Xuân là một xã thuộc huyện Trà Ôn, tỉnh Cần Thơ (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Ngày 25/10/1954 anh Đỗ Văn Bính - một người kháng chiến cũ, đang hót tóc tại chợ, bị tên đại úy ngụy Tạ Văn Kiệt cùng một số lính bắn chết vô cớ. Chúng đang tính đem xác anh vứt xuống sông để phi tang thì đồng bào trong xã đã kịp thời kéo ra đông đảo giữ xác anh Bính lại. Bà con các xã quanh đó đánh trống, đánh mõ tập hợp và kéo đi biểu tình tuần hành, hô vang các khẩu hiệu chống bắn giết, trả thù, đòi thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ. Ban đêm bà con thắp đuốc sáng rực vây quanh, canh gác, xác chết được ướp bằng nhiều tảng nước đá để giữ được lâu. Nhân dân đã đòi tên Kiệt phải ký vào biên bản nhận giết anh Bính không có lý do. Tên Kiệt đã không chịu ký còn rút súng hăm dọa đồng bào và bắn bị thương ông Trần Văn Nghi 50 tuổi. Đồng bào không sợ, càng xông vào cương quyết đấu tranh. Cuối cùng trước khí thế hùng hục căm giận của nhân dân, tên Kiệt đã ký nhận đã bắn chết anh Bính.

Được biên bản rồi, một đồng bào gửi đơn tố cáo lên Ban Liên hiệp đình chiến, mặt khác tổ chức đám ma trọng thể chôn cất anh Bính. Ngày 28/10 trong lúc đồng bào đang tập trung đông đảo làm đám tang thì tên Kiệt cùng Quận trưởng Lễ kéo một đại đội đến làng Vĩnh Xuân buộc nhân dân phải giải tán. Đồng bào không chịu, đấu tranh bằng lý lẽ, dựa vào phong tục tập quán từ xưa. Bị đuối lý, bọn ngụy chẳng cần gì lẽ phải và phong tục của ông cha, của dân tộc, chúng hạ lệnh bắn vào

---

1. Điều 14C của Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam là: Mỗi bên cam kết không dùng cách trả thù hay phân biệt đối xử nào với cá nhân hoặc tổ chức, vì lý do hoạt động của họ trong lúc chiến tranh, và cam kết bảo đảm những quyền tự do dân chủ của họ.

đồng bào tay không, giết chết hàng chục người và làm bị thương nhiều người khác. Sau đó, chúng còn bắt giam hàng trăm người nữa. Nhưng sự khủng bố phátxít không làm nhụt chí đồng bào mà còn hun đúc căm thù, thúc đẩy đấu tranh mạnh mẽ. Kẻ địch khiếp sợ lùi bước. Cuối cùng đại biểu hỗn hợp của Ban Liên hiệp đình chiến đã phải nhận lễ phải về nhân dân và hứa trừng trị bọn giết người, phải bồi thường cho gia đình và nạn nhân.

Đó là những vụ đụng độ thử sức ban đầu giữa một bên là nhân dân, một nhân dân đã từng có chính quyền, có quân đội trong tay, một nhân dân đã từng chiến thắng, đã trưởng thành qua đấu tranh gian khổ và một bên là chính quyền mới được đế quốc dựng lên chỉ biết dựa vào vũ lực và bạo tàn để cai trị.

Cả đế quốc Mỹ và Pháp cũng như ngụy quyền đã biết rõ tình trạng này. Chúng đã hiểu được sức mạnh của cách mạng, sự đoàn kết và giác ngộ của nhân dân. Chúng đã hiểu chỗ yếu cơ bản của chúng, là không có dân, không có cơ sở xã hội mà là sự áp đặt bằng mưu mô và sức mạnh từ ngoài vào. Cũng vì thế chúng ra sức chuẩn bị mọi phù phép, âm mưu kéo dài và hủy bỏ tổng tuyển cử, hủy bỏ Hiệp định, mặc nhiên chiếm cứ từ vĩ tuyến 17 trở vào bằng mọi thủ đoạn đê hèn và tàn bạo nhất.

Trong hai năm đó (21/7/1954 đến 21/7/1956) chúng đã làm những gì?

Từ Hà Nội lúc ấy, chúng tôi theo dõi một cách miễn cưỡng không hề bỏ sót một sự kiện nào diễn biến ở miền Nam, không bỏ sót bất cứ một hành động nào của Mỹ - Diệm. Đồng bào và cán bộ miền Nam, sống trong cảnh nước sôi lửa bỏng do kẻ thù tạo nên, từng giờ từng ngày phải đối phó với những thủ đoạn tàn ác và quỷ quyệt của chúng. Thật là cơ cực gian nan, biết bao hy sinh dũng cảm. Nhưng đồng thời cũng thật là vinh quang hạnh phúc được trực tiếp đem tài trí ra đương đầu với địch. Còn ở miền Bắc, Bác Hồ và toàn Đảng vừa lo xây dựng căn cứ địa vững mạnh cho cả nước, vừa lo lắng hướng về Nam có bao giờ ăn ngon ngủ yên, khi chưa tròn nhiệm vụ. Kẻ địch hẳn cũng không thể chủ quan cho rằng mọi âm mưu hành động của chúng đều tránh được những con mắt tinh tường cảnh giác của nhân dân ta. Chỉ kiểm lại những sự kiện chủ yếu diễn biến ở miền Nam lúc ấy, ta cũng thấy rõ được tình hình phức tạp đường nào và con đường cách mạng ở miền Nam do đâu mà quanh co khúc khuỷu.

Việc trước tiên của quân xâm lược là phải đặt con bù nhìn (Ngô Đình Diệm) ngồi trên ngai cho vững vàng, con bù nhìn mà Mỹ mới học tốc đưa từ nước Hoa Kỳ về sau khi đã dày công hun đúc, tạo nên từ ngót ba năm nay. Phải biến hóa kịp thời bù nhìn thành người thật sự, không phải là người bình thường mà thành một người trong tay có đủ tiền đủ vàng, vũ khí và quyền uy. Được như vậy Mỹ mới có chỗ dựa, có công cụ để tiến hành âm mưu thôn tính, có chỗ núp để che bộ mặt xâm lược.

Theo một văn kiện năm 1956 của Hội đồng an ninh quốc gia (Mỹ), đây là một số mục tiêu của chính sách Mỹ đối với Việt Nam:

- “Giúp đỡ nước Việt Nam tự do, phát triển một chính phủ mạnh, ổn định và hợp hiến để tạo điều kiện cho nước Việt Nam tự do xác lập một tư thế đối địch ngày càng hấp dẫn đối với những điều kiện ở vùng cộng sản hiện tại.

- Công tác theo hướng làm suy yếu cộng sản ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam để đem lại sự thống nhất hòa bình của một nước Việt Nam tự do và độc lập dưới một bộ máy lãnh đạo chống cộng”<sup>1</sup>.

Ngày 20/8/1954, Tổng thống Mỹ đã thông qua một văn kiện của Hội đồng an ninh quốc gia quyết định về mặt kinh tế, Mỹ sẽ bắt đầu cung cấp viện trợ trực tiếp cho Diệm không phải thông qua người Pháp như từ trước. Đây là một đòn bẩy chỉ huy quan trọng để Mỹ nắm chắc Diệm và gạt uy tín của Pháp.

Tiếp theo tiền là lực lượng vũ trang. Nhưng lực lượng vũ trang Pháp vẫn nắm chắc qua tay những người của Pháp như Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Vỹ,... và chia năm xẻ bảy quyền chỉ huy cát cứ từng khu vực như lực lượng Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo (cũng do Pháp nắm). Mỹ phải bày mưu tính kế gạt bỏ tất cả tay chân của Pháp và tập trung quyền chỉ huy vào tay Diệm.

Ngày 09/10/1954, Diệm với cương vị Thủ tướng (cũng giựt từ tay Bửu Lộc do Bảo Đại và tất nhiên là do Pháp đặt lên) ký một nghị định buộc Nguyễn Văn Hinh - Tổng Tham mưu trưởng đi công cán bên Pháp sáu tháng. Hinh không thi hành lấy cớ là chức vụ của mình do “Quốc trưởng Bảo Đại” chỉ định nên thủ tướng không có quyền điều động. Kỳ thật là Hinh đang chuẩn bị một cuộc đảo chính lật đổ Diệm để lên nắm quyền. Tuy Hinh nắm quân đội trong tay và được Pháp đứng sau để chỉ đạo nhưng ngay từ sớm Mỹ đã quyết chiếm miền Nam Việt Nam và đặt Diệm lên thì khi nào để sự việc bất lợi này xảy ra. Tên sĩ quan CIA Lansdale liền dùng mưu kế phân tán và khống chế bọn tay chân thân tín của Hinh và đặt biện pháp bảo vệ Diệm. Y lo cả việc tổ chức ra tiểu đoàn bảo vệ an ninh Dinh Độc Lập của Diệm bằng cách xin Magsaysay - Tổng thống Philíppin, cho tùy viên chính của tổng thống là Đại tá Napoléon Valeriano sang Sài Gòn giúp xây dựng tiểu đoàn phòng vệ và công cuộc an ninh cho Dinh Độc Lập.

Nhưng triệt để hơn, Mỹ - Pháp đã thương thảo và Mỹ buộc Pháp phải rút người, rút quân giao toàn quyền mọi mặt cho Mỹ - Diệm. Ngày 07/11/1954, tướng Collins - Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn mới từ Mỹ sang thay cho Đại sứ Heath, bay lên Đà Lạt hội đàm với tướng Ely - tân Tư lệnh lực lượng liên hiệp Pháp và đã thỏa thuận với nhau

---

1. Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Sdd.

một giải pháp. Ngày 20/11/1954, từ bên Pháp, “quốc trưởng” Bảo Đại triệu Hinh sang, ngày 29/11 ngưng chức tổng tham mưu trưởng của Hinh và giao chức vụ này cho Nguyễn Văn Võ vốn là chỉ huy trưởng quân ngự lâm của Bảo Đại. Nhưng Diệm nhanh tay chỉ định Lê Văn Tỵ, người của Diệm, vào chức vụ này và đẩy Võ chạy theo Bảo Đại và Hinh. Vào cuối năm 1954 trách nhiệm xây dựng, huấn luyện và chỉ huy quân đội ngự cũng giao hết cho Mỹ. Ngày 10/02/1955, Bộ Tư lệnh lục quân Pháp tại Sài Gòn giải tán, toàn bộ thẩm quyền quân sự ở miền Nam Việt Nam qua tay Mỹ. Ngày 20/11/1955, Mỹ đưa đến Sài Gòn Phái bộ viện trợ quân sự Hoa Kỳ gọi tắt là MAAG<sup>1</sup> thành lập từ năm 1950, từng mang tên Phái bộ liên lạc và huấn luyện gọi tắt là TRIM<sup>2</sup> cũng do tướng Mỹ John Odaniel điều khiển. Về sau (1956), TRIM đổi lại thành MAAG như cũ.

Mỹ ráo riết cải tổ và xây dựng quân đội Diệm do Pháp để lại thành một lực lượng quân sự mạnh bao gồm: Tổng trừ bị và phòng thủ diện địa. Đầu năm 1955 đã thành lập ba sư đoàn đầu tiên là các sư đoàn 11, 21 và 31. Đến cuối năm 1955 đã có 10 sư đoàn, một liên đoàn nhảy dù, bốn trung đoàn kỵ binh thiết giáp, 11 tiểu đoàn pháo, 13 trung đoàn địa phương, sáu trung đoàn bộ binh giáo phái, rồi quân chủng hải quân và không quân. Quân số lên đến ngót 20 vạn. Cũng vào giữa năm 1955 Mỹ đưa một số sĩ quan Diệm đầu tiên qua Mỹ học ở trường quân sự Fort Benning và một số khác qua học tại Philíppin. Cuối cùng đến ngày 26/10/1955 qua cuộc trưng cầu dân ý gian lận điều khiển theo ý của Mỹ - Diệm, Bảo Đại bị phế truất và Diệm trở thành tổng thống, thu tóm mọi quyền hành vào một tay, độc tài gia đình trị, với quan thầy nuôi, dạy và chỉ huy là Mỹ. Pháp và thân Pháp hoàn toàn bị loại.

Chỉ sau một năm từ khi ký Hiệp định Giơnevơ, Mỹ đã nắm trọn miền Nam Việt Nam, gấp rút xây dựng cho Diệm một quân đội mạnh với những sư đoàn bộ binh và các quân binh chủng như vậy cùng với các căn cứ quân sự, quân cảng, đường sá, hậu cần... hẳn không phải để thi hành đúng đắn Hiệp định hòa bình, thực thi dân chủ. Mới mấy tháng cuối năm 1954 đội quân ấy chỉ là những tiểu đoàn lẻ phụ thuộc quân đội viễn chinh Pháp, một đội quân chiến bại, tổ chức xộc xệch, tinh thần bạc nhược, đào rã ngũ hàng loạt. Theo tài liệu của Phòng 1 Bộ Tổng Tham mưu ngự lúc đó, chỉ tính số quân mà Pháp giao cho Diệm từ miền Bắc chuyển vào Nam thì trong một tháng từ 21/7 đến 20/8/1954 số đào ngũ lên tới 21.421 người (112 sĩ quan, 1.031 hạ sĩ quan và 20.278 binh sĩ). Số đào ngũ vẫn gia tăng vào những tháng chót khi các đơn vị rời miền Bắc. Số lính ở miền Nam còn

---

1. Military Assistance Advisory Group.

2. Training Relations Instruction Mission.



rã ngũ nhiều hơn, họ bỏ về nhà làm ăn theo tiếng gọi của gia đình và bà con xóm làng. Thế mà với một ý đồ đen tối, Mỹ đã tung tiền của, vũ khí và cố vãn ra dựng lại một thầy ma đã muốn tan rữa. Thực ra là xây dựng một đội quân mới chống nhân dân, chống cộng với lực lượng nòng cốt là thanh niên Công giáo di cư từ miền Bắc mà Mỹ - Diệm đã lừa gạt, đầu độc và mua chuộc.

Báo *Thế giới* Pháp ngày 29/11/1954 viết:

“Nhà cầm quyền miền Nam Việt Nam quyết tuyển mộ binh lính trong số những người miền Bắc di cư. Họ xem số người miền Bắc như là một khối dự trữ cho quân đội của họ, cho những tổ chức chính trị của họ, trong khối dự trữ đó họ mộ được những tay chân cuồng tín”.

Đi đôi với phát triển lực lượng vũ trang, Diệm ra sức tổ chức cơ cấu chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Ngày 11/11/1954, Ngoại trưởng Mỹ Dulles đã tuyên bố:

“Miền Nam Việt Nam cần có một chính phủ mạnh, một chính phủ có thể tiêu trừ các phần tử rối loạn, bằng một tổ chức cảnh sát mạnh với một sen đầm hiệu lực”. Thật là một câu nói chứa đựng đầy đủ nội dung một chỉ thị về mục đích thành lập chính quyền Diệm, phương châm và phương pháp tổ chức và tiến hành làm tay sai cho Mỹ.

Đã là một chính quyền phục vụ chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, không phải phục vụ quyền lợi của Tổ quốc và nhân dân thì còn ai tin và theo. Khốn nỗi cái chính quyền phục vụ đế quốc xâm lược của Diệm lại thừa kế chế độ Bảo Đại mà Đoàn Thêm - công chức thời Bảo Đại và trở thành Đồng lý văn phòng của Diệm đã phê: “Chế độ Bảo Đại không sinh sản từ một lý thuyết nào hết, chỉ dựa vào truyền thống lịch sử (?) lỗi thời và một chính nghĩa quốc gia mà chưa ai minh định. Chính thể thiếu tính cách căn bản đến nỗi nguyên thủ không biết tự xưng là gì cho phải, đành mang danh hiệu hàm hồ là quốc trưởng”<sup>1</sup>.

Và rồi Diệm - Nhu cố nặn ra một triết lý: “Chủ nghĩa nhân vị duy linh và cộng đồng”. Đó là mớ hổ lốn. Giáo sư Trần Văn Giàu đã viết:

“Kỳ thực chủ nghĩa nhân vị chẳng qua là chữ dịch của danh từ “Personnalisme” trong tiếng Pháp, một học thuyết đã phát triển từ những năm 30 của thế kỷ này, được truyền bá trước hết bởi những người tín đồ Thiên Chúa giáo và được nhiều cánh tư bản dùng làm tư tưởng đối thủ với chủ nghĩa Mác. Anh em nhà Diệm và một cánh cha cố bê học thuyết của những người Pháp E.Muniê, Maritanh về Nam Việt Nam, thêm vào đó những cái gì lạc hậu nhất của tư tưởng Thiên Chúa giáo,

---

1. Đoàn Thêm: *Những ngày chưa quên*, xuất bản ở Sài Gòn năm 1969.



những gì phản động nhất của chủ nghĩa phátxít, tô lên một màu sắc dân tộc và Đông Phương để dễ tiêu thụ ở miền Nam...”<sup>1</sup>.

Có triết lý rồi thì lập ra một đảng của triều Ngô: Đảng “Cần lao nhân vị”. Tất cả tay chân thân tín của gia đình họ Ngô nắm vai trò chủ chốt lãnh đạo trong đảng. Những người muốn tỏ rõ lòng trung thành với nhà Ngô, những người muốn có quyền cao chức trọng, được ưu đãi và giàu sang đều ùa vào đảng. Đảng “Cần lao nhân vị” giám sát, khống chế toàn bộ guồng máy chính quyền, quân đội, cảnh sát, mật vụ... Để làm hậu thuẫn rộng rãi cho đảng, tiếp tay với đảng trong công việc mật thám, đàn áp, lừa bịp thì lập ra “Phong trào cách mạng quốc gia”. Rồi lần lượt hàng loạt các tổ chức khác cũng sinh sôi nảy nở cho đủ vây phủ cánh: Nào “Đoàn thể công chức Thiên Chúa giáo”, “Tổng liên đoàn lao động”, rồi “Thanh niên cộng hòa”, “Phụ nữ liên đới”...

Vậy mà cơ cấu quốc gia vẫn còn thiếu. Phải có hiến pháp và phải có quốc hội lập hiến cho đủ lệ bộ, để trang trí cho chế độ, để làm cho ra vẻ dân chủ. Nhưng tất cả là nhằm củng cố chế độ độc tài gia đình trị của Diệm, cho tổng thống có đủ quyền hành cá nhân rộng lớn, có đủ “tín nhiệm” như một người có biệt tài không ai thay thế được để phục vụ đắc lực cho chủ Mỹ.

Kể ra Mỹ - Diệm cũng nhanh chóng làm được nhiều việc để tiếp tục chiến tranh và đàn áp: một quân đội mạnh và một chính quyền độc tài, phátxít. Nhưng như thế chưa phải là một chế độ mạnh vì nhân dân vẫn căm ghét coi đó là chế độ buôn dân bán nước và vẫn còn nhiều phe phái độc lập, nhiều thứ lực lượng vũ trang giáo phái không chịu phục tùng. Trước đây Diệm còn tay trắng, mới chân ướt chân ráo từ Hoa Kỳ về thì còn dựa vào lực lượng chống cộng của các đảng phái khác, cần giáo phái, để ngồi cho vững đã. Nay chủ Mỹ đã lập cho được ba sư đoàn vũ trang đầy đủ và hiện đại rồi, tuy chưa đủ sức đàn áp nhân dân triệt để nhưng đủ triệt hạ các phe phái đối lập tóm thu quyền hành về một tay.

Ở miền Trung, Diệm gạt bọn Đại Việt ra khỏi các chức vụ trong chính quyền, dùng vũ lực diệt các chiến khu Ba Lòng ở Quảng Trị (Đại Việt chiếm căn cứ kháng chiến cũ của ta do tên Bốn chỉ huy và một chiến khu khác ở Phú Yên do tên Trương Bộ Hoàn chỉ huy, Đại Việt tan rã vào tháng 3/1955). Diệm cũng tiêu diệt bằng cách ấy bọn Quốc dân Đảng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Kon Tum và đến tháng 5/1955 thì toàn bộ bọn này đầu hàng và trốn chạy. Đại Việt và Quốc dân đảng không có dân mà quân cũng không có bao nhiêu nên dễ giải quyết. Cái khó đối với Diệm là lực lượng các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên ở Nam Bộ.

---

1. Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững Thành đồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1964, t.1, tr.260.

Nếu không khéo các lực lượng này hiệp lực với nhau chống lại, đằng sau lại còn có Pháp lèo lái thì thật là nguy to. Vì vậy, Mỹ phải đứng ra vạch kế hoạch và chỉ huy chặt chẽ, phải dùng mọi mảnh lời kết hợp với sức mạnh của vũ khí và đồng đôla, chia để trị, tĩa hết nhóm này đến nhóm khác, trong lúc dùng áp lực đe dọa và ngoại giao để buộc Pháp không được can thiệp vào.

Lại vẫn là tay phù thủy CIA Lansdale thi hành các thủ đoạn. Trước tiên được lệnh từ Oasinhton và nhận đôla của tòa đại sứ, y lôi kéo Trịnh Minh Thế đem lực lượng gọi là quân đội quốc gia liên minh về đầu Diệm. Tài liệu mật của Lầu Năm Góc đã tiết lộ: “Theo yêu cầu của Đại sứ Heath, Mỹ bí mật cung cấp tiền cho Diệm để Diệm chuyển cho Thế, thông qua SMM (tức phái đoàn quân sự do Lansdale làm trưởng)”. Tên Thế là người mà Lansdale có liên hệ từ trước, nắm chắc là có thể lung lạc sử dụng được từng lúc, có ích trước mắt cho Diệm và mở đầu cho những hành động tương tự đối với các lực lượng khác. Lansdale cũng biết rõ Thế là một con người tráo trở, quen lừa thầy phản bạn, sớm đầu tối đánh, nhưng y cũng tin ở bản lĩnh riêng cộng với đôla và vũ khí, quyền lực, y có thể sử dụng Thế khi cần. Y còn lạ gì tiểu sử của Thế. Trước nhất Thế là một tín đồ Cao Đài theo Nhật, được Nhật huấn luyện và ôm mộng phò Cường Đế về nước. Thế đã tham gia vào một đơn vị Cao Đài thành lập bí mật tại Sài Gòn và dự vào cuộc Nhật đảo chính Pháp ngày 09/3/1945. Khi cuộc Cách mạng Tháng Tám của ta thành công và sau đó Pháp trở lại gây hấn, Thế tình nguyện đứng vào hàng ngũ kháng chiến chống Pháp, hẳn là do sợ Pháp trả thù. Sau một thời gian không lâu, Pháp khéo léo móc nối mua chuộc, Thế lại phản lại cuộc kháng chiến của nhân dân và trở về đầu Pháp, được cho làm tham mưu trưởng quân đội Cao Đài. Nhưng rồi do tham vọng cá nhân và mưu mô của bè lũ, y làm như tách khỏi Pháp và thành lập cái gọi là “quân đội quốc gia liên minh”, chống cộng ở chân núi Bà Đen. Khi thấy thế lực Pháp sa sút, Thế lại sẵn sàng theo Mỹ và liên hệ với Lansdale từ đó.

Cuộc mặc cả hay thực sự mưu mô sắp đặt của Mỹ - Diệm - Thế đã ngã ngũ. Tháng 02/1955, Thế đã đem toàn bộ lực lượng của y sáp nhập vào quân đội của Diệm trong một buổi lễ linh đình ở Sài Gòn và được Diệm phong cho cấp thủ tướng. Chưa hết, sau này Thế còn theo “mặt trận thống nhất toàn lực lượng quốc gia”, liên minh các giáo phái kể cả Bình Xuyên, để lật đổ Diệm vào tháng 4/1955. Nhưng cuộc lật đổ bị người Mỹ phá và Lansdale lại một lần nữa kéo y trở về với Diệm để rồi Diệm ra lệnh cho y đem quân đánh diệt Bình Xuyên theo kiểu “lấy độc trị độc”. Khi dẹp xong Bình Xuyên ở Sài Gòn thì Diệm cũng không ngần ngại cho y về châu diêm vương để trừ hậu họa.

Trước tiên Mỹ - Diệm lo diệt lực lượng Bình Xuyên vì Bình Xuyên có thế lực mạnh ngay ở trung tâm Sài Gòn và ở Rừng Sác - một căn cứ có địa hình phức tạp ngay bên cạnh thành phố. Lúc này quân đội Pháp lại còn một bộ phận không ít ở Sài Gòn và dọc đường 15 ra Vũng Tàu, có thể yểm trợ cho Bình Xuyên để trả thù cho nỗi ghét ông bạn Mỹ xấu chơi đã giựt mất địa vị chủ nhân ông ở miền Nam của Pháp.

Bình Xuyên trước đây được Pháp tin cậy do tên chỉ huy đầu trộm đuôi cướp Lê Văn Viễn (Bảy Viễn) phản lại phong trào kháng chiến của nhân dân, về đầu hàng Pháp và đã phục vụ Pháp rất đắc lực. Pháp giao Bình Xuyên trọn quyền kiểm soát vùng Sài Gòn - Chợ Lớn và khu Rừng Sác, tự do thu thuế và làm tiền. Bảy Viễn được phép khai thác gỗ, bán củi, lập các đoàn tàu vận tải, các công ty xe đồ đi lục tỉnh. Bảy Viễn còn mở sòng bạc Đại thế giới ở Chợ Lớn, sòng bạc Kim Chung ở Sài Gòn, nhà chứa Bình Khang ở Vườn Lài để tha hồ hốt tiền ăn chơi xa xỉ và nuôi dưỡng lực lượng riêng. Đó là cái gai trước mắt của Mỹ - Diệm, không thể không nhổ đi để thu về nguồn lợi lớn và quyền hành tập trung.

Quân của Bình Xuyên không nhiều lắm, có khoảng trên 2.000 quân tổ chức thành năm tiểu đoàn đóng từ Sài Gòn đến Rừng Sác. Ngoài ra thanh thế Bình Xuyên còn mạnh là vì tên Lại Văn Sang, tay mặt với Bảy Viễn, được Bảo Đại cử giữ chức Tổng Giám đốc cảnh sát và công an miền Nam Việt Nam. Sang đã tổ chức ra các tiểu đoàn công an xung phong có khoảng 1.500 người đóng trong 21 đồn thuộc đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn và một bộ phận ở Đà Lạt.

Để có cơ mở đầu cuộc sát phạt, ngày 26/4/1955 Diệm ra sắc lệnh cách chức Tổng Giám đốc cảnh sát và công an của Lại Văn Sang, giao chức vụ này cho người của Diệm là Đại tá Nguyễn Ngọc Lễ. Tất nhiên Sang chống lại và ngày 28/4, đôi bên nổ súng đánh nhau tại trung tâm Sài Gòn, bắt đầu ở Trường Trung học Pétrus Ký (nay là Trường Trung học Lê Hồng Phong) là nơi có một đại đội công an xung phong của Bình Xuyên chiếm đóng. Diệm đã dùng liên đoàn dù do Mỹ tổ chức và huấn luyện, được pháo binh và chiến xa yểm trợ nên quân Bình Xuyên thua kém phải rút về hướng cầu Chữ Y và Rừng Sác. Ngày 29/4 quân Diệm đã làm chủ cả Sài Gòn và Chợ Lớn. Cũng chính ngày này Diệm đã nhận được lệnh của Quốc trưởng Bảo Đại từ Canes (Pháp) gửi về triệu Thủ tướng Diệm và Tổng Tham mưu trưởng Lê Văn Tỵ qua Pháp lập tức, để dự họp đặc biệt và đồng thời chỉ định Nguyễn Văn Võ làm Tổng Tư lệnh quân đội. Cũng tất nhiên là Diệm không thi hành và ngày 30/4 xua quân đánh Bình Xuyên ở cầu Chữ Y. Đây là một dịp tốt để Lansdale và Diệm thi thố mưu sâu “Tọa sơn quan hổ đấu” (Ngồi trên núi xem hổ đánh nhau) không biết học được từ lúc nào: Trịnh Minh Thế được lệnh đem quân bản bộ Cao Đài đánh

Bình Xuyên. Nhưng Bình Xuyên chỉ chống cự qua loa vì chủ trương rút hết quân về Rừng Sác. Như vậy là Trịnh Minh Thế không khó khăn lắm để tỏ rõ lòng khuyến khích đối với chủ. Nhưng trở trêu thay, trong lúc Thế đang tự đắc đứng quan sát mặt trận sắp tàn tại dốc cầu Tân Thuận chiều ngày 03/3 thì một viên đạn từ phía sau bắn tới đã kết liễu cuộc đời chuyên thay thầy đổi chủ. Ngày 05/5 chiến trận quanh Sài Gòn - Chợ Lớn chấm dứt. Nhưng mãi đến 21/9/1955, Diệm mới mở màn cái gọi là chiến dịch Hoàng Diệu nhằm bao vây và tiêu diệt quân Bình Xuyên ở Rừng Sác và kết thúc thắng lợi cho Diệm ngày 24/10/1955.

Cuộc đánh nhau giữa quân Diệm và Bình Xuyên đã gây biết bao tai họa cho nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn và vùng ven, nhất là dân nghèo ở các xóm lao động đông đảo. Căn cứ vào tin của các hãng thông tấn phương Tây, ngày 29/4/1955, Thông tấn xã Việt Nam đã thuật lại như sau:

“Sài Gòn biến thành một thành phố của sự phá hoại và chết chóc. Nhiều xác người chết cháy nằm ngổn ngang giữa những gian nhà bị phá hủy đang bốc cháy. Nhiều người đàn bà vừa chạy tránh đạn vừa hét lên những tiếng kinh khủng, nhiều trẻ em bị thương cố lê đi giữa những đám người run sợ. Lửa cháy, người chết, người bị thương ngổn ngang, không được ai cứu chữa, giữa lúc đó, bom của hai bên vẫn nổ vang, đạn rớt qua đầu người chạy nạn”.

Chính phủ Diệm đã phải chính thức công bố sự thiệt hại của dân chúng như sau:

- 7.826 nhà bị cháy hay bị phá, nhiều nhất là vùng Nancy - Chợ Quán.
- 88 thường dân chết.
- 592 thường dân bị thương.

Như vậy là cánh Diệm đã diệt được cánh Bảy Viễn nhưng không diệt được Bình Xuyên. Đó là vì Bình Xuyên không phải chỉ bao gồm bọn tay chân của Pháp, quân cướp nhiều nhân dân mà trong đó còn có nhiều người yêu nước thật sự. Họ là những người đã giác ngộ hoặc nấp và dựa vào Bình Xuyên để chống Pháp, chống Mỹ - Diệm, có thiện cảm với cách mạng, muốn đấu tranh vì độc lập, tự do. Biết rõ như vậy, Đảng ta không thể để Mỹ - Diệm muốn giết ai tùy tiện. Đảng bộ miền Đông Nam Bộ liền phái các đồng chí Ba Thu (tức Thuận), Lâm Quốc Đăng (tức Nguyễn Văn Thước) và Tám Thanh (tức Thiếu tướng Lê Thanh hiện nay) là những cán bộ chính trị quân sự cấp trung đoàn và huyện đội trong chiến tranh chống Pháp<sup>1</sup>, cùng với một số đồng chí khác đến tận Rừng Sác đón và chỉ đạo các đơn vị yêu nước do Trung tá Võ Văn Môn (tức Bảy Môn) chỉ huy vượt vòng hành quân về các căn cứ Chiến khu Đ và Dương Minh Châu nổi tiếng. Nhờ sự nuôi dưỡng của

---

1. Tôi sẽ nói về các đồng chí cán bộ quân sự không đi tập kết mà ở lại này trong đoạn sau (T.G).

nhân dân, sự giáo dục của Đảng mà bộ đội Bình Xuyên cùng nhân dân hoàn thành sự nghiệp cứu nước của mình.

\*  
\*   \*  
\*

Sau khi đẩy được Bình Xuyên ra khỏi Sài Gòn - Chợ Lớn, Diệm nghĩ ngay đến diệt trừ lực lượng Hòa Hảo.

Lực lượng vũ trang Hòa Hảo chia làm bốn phái riêng rẽ không có sự chỉ huy thống nhất với nhau:

1. Phái Trần Văn Soái (tự Năm Lửa) chiếm cứ các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, Sa Đéc, chỉ huy sở đặt tại Cái Vồn (Cần Thơ)
2. Phái Lâm Thành Nguyên (tự Hai Ngoán) kiểm soát tỉnh Châu Đốc và một phần tỉnh Long Xuyên, chỉ huy sở đặt tại Cái Dầu (Châu Đốc).
3. Phái Lê Quang Vinh (tức Ba Cụt) chiếm vùng Rạch Giá và một phần Long Xuyên, chỉ huy sở đặt tại Thốt Nốt (Long Xuyên).
4. Phái Nguyễn Giác Ngộ kiểm soát một khu vực của tỉnh Long Xuyên, chỉ huy sở tại Chợ Mới (Long Xuyên).

Trong bốn phái ấy, Năm Lửa có lực lượng mạnh hơn cả và tự coi mình là tổng tư lệnh quân đội Hòa Hảo nhưng Nguyễn Giác Ngộ thì cho mình là phái chính thống nhất, còn Ba Cụt thì tự xưng là tổng tư lệnh của quân đội dân xã. Nguyễn Giác Ngộ đã đầu hàng Chính phủ Diệm từ sớm.

Diệm mở đầu đánh vào lực lượng Năm Lửa có đông quân lại đóng ở vị trí quan trọng kiểm soát Tây Đô (Cần Thơ) và con đường chiến lược số 4 - đường xương sống xuyên đồng bằng sông Cửu Long.

Ngày 05/6/1955, Diệm bắt đầu đánh quân Hòa Hảo với cái gọi là chiến dịch Đinh Tiên Hoàng. Ngay từ sáng, một cánh quân Diệm đã bất ngờ đánh úp Cái Vồn nhằm bắt sống Năm Lửa. Quân Hòa Hảo có kháng cự lại lúc đầu nhưng không mạnh, lần lượt đầu hàng và rút chạy. Năm Lửa cùng một số quân rút vào các căn cứ kháng chiến cũ của ta, Ba Cụt thì cho quân tản mát vào các vùng nông thôn có địa hình phức tạp. Còn Hai Ngoán thì đầu hàng ngay sau khi bị đánh. Ngày 14/6, quân Diệm đã kiểm soát đoạn đường 4 và đường Long Xuyên - Châu Đốc. Lực lượng của Diệm có xe thiết giáp, tàu thuyền và pháo yểm trợ, bắn bừa bãi vào các vùng Hòa Hảo giết hại rất nhiều người dân có đạo một cách vô tội vạ, tàn phá thị trấn, làng mạc nhất là vùng Cái Vồn. Các đại đội vũ trang rút chạy thì nhân dân Hòa Hảo cũng kéo chạy lánh nạn vào các vùng kháng chiến cũ mà Mỹ - Diệm chưa đủ sức



kiểm soát. Nhân dân các vùng này cùng các vùng căn cứ cũ của tỉnh và Đồng Tháp Mười là nhân dân đã giác ngộ cách mạng từ trước, theo sự chỉ đạo của các đồng chí ta đã hết sức giúp đỡ đồng bào Hòa Hảo chạy vào, kể cả các đại đội vũ trang của Năm Lửa và Ba Cụt.

Các cán bộ Đảng ta như Nguyễn Việt Châu (thường gọi là Sáu Tâm) - Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long lúc ấy đã đến tận nơi thăm hỏi những người chạy nạn, lãnh đạo bà con đùm bọc nuôi nấng, nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn, tiếp tế lương thực và lo nơi đóng quân cho quân Hòa Hảo. Có những đồng bào che chòi ra vườn để ở, nhường nhà mình lại cho bà con và binh sĩ Hòa Hảo đóng. Cán bộ ta đã vạch trần âm mưu thâm độc của Mỹ - Diệm, chỉ rõ Chính phủ cách mạng là thế nào và chỉ vẽ cả cho các đại đội vũ trang về cách củng cố, huấn luyện về kỹ thuật, chiến thuật chiến đấu. Nhiều đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Hòa Hảo tỏ ra ngạc nhiên về lòng nhân ái, độ lượng, về sự hiểu biết rộng rãi nhiều mặt của cán bộ và nhân dân cách mạng. Họ vô cùng cảm kích và biết ơn. Nhiều người giải tỏa được sự hiểu lầm và thành kiến trước kia với cách mạng và đó là cái cầu nối tình tương thân tương ái giữa đồng bào các vùng cả về sau này. Có những cán bộ của Đảng được các đơn vị và đồng bào Hòa Hảo tín nhiệm, thường xuyên hỏi ý kiến giải quyết những vấn đề khó khăn. Có một số cán bộ do Đảng ta phái đến công tác được các đơn vị Hòa Hảo mời làm chính trị viên luôn cho đơn vị, nhờ đó giáo dục được chỉ huy và chiến sĩ giảm bớt tính cách lưu manh, hung dữ đối với quần chúng. Đó là các đồng chí Sáu Ưc<sup>1</sup>, Tám Bành<sup>2</sup>, Sáu Chung<sup>3</sup>, và nhiều đồng chí khác. Đồng chí Sáu Ưc đã kể:

“Thực hiện chủ trương của Đảng là cải biến các đơn vị giáo phái từ ô hợp, lưu manh thành yêu nước, thương dân giúp đỡ các đơn vị đó không để bị quân Diệm tiêu diệt, lôi kéo. Chấp hành lệnh trên, tôi đã làm chính trị viên cho họ, hành quân cùng các đơn vị khắp các vùng, cả nông thôn, cả thị tứ, nhiều vùng mà trong kháng chiến cán bộ ta không làm sao tới được. Tôi sống với họ như một chức sắc Hòa Hảo, cũng có những ngày cùng ăn chay như họ. Tôi dạy họ những công việc làm giúp cho dân, không đánh lộn, chửi bới nhau, không hà hiếp dân. Tôi thuyết phục cả những địa chủ trong vùng Hòa Hảo bớt tô, tức, bóc lột nông dân. Đồng bào Hòa Hảo ngày càng tin tưởng thương yêu các đơn vị này cho rằng có học cách mạng mới được như vậy. Đồng bào vùng kháng chiến cũng bớt lo lắng về sự cướp bóc, phá hoại của họ...”

---

1. Nguyễn Ký Ưc - nguyên là Bí thư Tỉnh ủy Cửu Long.

2. Trương Văn Tám đã nghỉ hưu.

3. Nguyễn Văn Phàn tục gọi là “thầy đờn” vì biết đờn giỏi, nguyên là Tỉnh ủy viên Kiến Phong.



Các đơn vị Hòa Hảo nhờ tản vào các căn cứ kháng chiến cũ, được nhân dân đùm bọc và cán bộ ta giúp đỡ nên chống lại dằng dai với lực lượng Diệm mạnh hơn nhiều. Mãi đến tháng 12/1955, tuy có gặt hái được một vài kết quả nhưng chiến dịch Hoàng Diệu kể như thất bại và phải chấm dứt, sau khi kéo dài đến sáu tháng trời. Đại bộ phận vùng nông thôn hầu như do nhân dân tự quản và lực lượng các giáo phái tự do qua lại.

Mỹ - Diệm vừa bức tức, vừa lo sợ liền mở tiếp chiến dịch mệnh danh là Nguyễn Huệ bắt đầu từ 01/01/1956, quyết diệt cho được quân của Năm Lửa, Ba Cụt và một số “Việt cộng nằm vùng”. Lần này chúng huy động một lực lượng khá lớn, điều động cả từ Trung Bộ vào, có cả hải quân và không quân tham chiến. Đó là một lực lượng bao gồm tới bốn sư đoàn bộ binh, nhiều trung đoàn địa phương cảnh sát và công an lưu động, sáu chi đoàn thiết giáp, năm tiểu đoàn pháo binh, một tiểu đoàn nhảy dù làm trụ bị, bốn hải đoàn xung phong, các phi đội máy bay oanh tạc và trinh sát. Dương Văn Minh vừa thăng chức thiếu tướng do chiến thắng Lê Văn Viễn ở Rừng Sác được điều làm tư lệnh chiến dịch.

Quân Diệm vào Đồng Tháp Mười trên một tháng trời, đi đến đâu cũng đều bị đánh trả, nhưng đặc biệt là vấp phải mìn gài khắp nơi cùng những hầm chông, rào chận, thương vong ngày một tăng. Đó là những hành động chống cự của các đại đội phân tán được nhân dân vùng căn cứ giúp đỡ chỉ dẫn và cùng chiến đấu. Trận lớn nhất xảy ra ở Tân Thành, Cái Cỏi. Ở đó một số đồng chí ta đã giúp cho đơn vị Năm Lửa điều khiển súng máy, súng cối và cả chỉ huy, chiến thuật, nên tiêu diệt nhiều quân Diệm và là chủ khu vực này. Còn Năm Lửa thì miệng hùm gan sứa, đã rắp tâm không chống lại mà chờ ngày “ra mặt” tức đầu hàng. Mặc dù lúc ấy Đảng bộ vùng Đồng Tháp đã cho đồng chí Sáu Chung đi sát Năm Lửa để giúp đỡ y. Bề ngoài y nói cứng nhưng ngay từ đầu, y đã cho Phan Hà - Chánh văn phòng của y đi tìm gặp đại diện của Diệm, dắt dẫn đến gặp Lê Thị Gấm (vợ Năm Lửa), để thương thuyết đặt giá cả. Cuối cùng Diệm cho Nguyễn Ngọc Thơ xuống gặp Năm Lửa thỏa thuận các điều kiện và ngày 17/02/1956 Năm Lửa đem lực lượng của mình về đầu. Nhưng không phải tất cả đều theo Năm Lửa ra hàng. Nguyên một đại đội do Hồng làm đại đội trưởng được ta giác ngộ và giúp đỡ đã ở lại Đồng Tháp Mười chiến đấu với danh nghĩa là bộ đội Hòa Hảo chống Mỹ - Diệm và rất nhiều chiến sĩ yêu nước trong các đại đội của Hồng. Về sau đại đội của Hồng nhập vào bộ đội giải phóng giáo phái do Ba Thu và Bảy Môn chỉ huy thống nhất.

Ở vùng Vĩnh Long, Sa Đéc trở về Hậu Giang có các tiểu đoàn vẫn tiếp tục hoạt động dưới sự lãnh đạo của Phan Văn Thục thường gọi là Năm Thục, với danh nghĩa

thay Năm Lửa làm tư lệnh các lực lượng Hòa Hảo chống Mỹ - Diệm. Đồng chí Sáu Ước được tín nhiệm làm chính trị viên trong bộ tư lệnh. Đó là Tiểu đoàn Trần Hưng Đạo do Tám Bành làm Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn Thanh Long do Tiểu đoàn trưởng Hoàn chỉ huy và Tiểu đoàn Ngô Văn Sở do Tư Sơn chỉ huy. Ngoài các tiểu đoàn này ra còn một số đại đội rải rác nhiều nơi.

Song song với cuộc hành quân đánh Năm Lửa ở Đồng Tháp Mười, quân Diệm cũng đánh Ba Cụt ở các vùng Giồng Riềng (Rạch Giá) và Cà Mau, Châu Phú (Châu Đốc), Sa Đéc và Hà Tiên. Các đơn vị của Ba Cụt có đánh trả nhưng không mạnh mà thường tránh né để bảo toàn thực lực. Chỉ có một trận phục kích của đơn vị Hòa Hảo gọi là trung đoàn Lê Quang ở rìa rừng U Minh Thượng là trận đánh lớn và thắng lợi. Trong trận này quân của Ba Cụt đã tiêu diệt gần hết một tiểu đoàn của Trung đoàn 33 của Diệm, giết và làm bị thương hàng trăm sĩ quan và lính, thu nhiều vũ khí có cả đại liên, súng cối và một số máy thông tin. Nhưng quân của Diệm đông lại có cả pháo, tàu thuyền và máy bay yểm trợ, lại đánh dài ngày đã gây nhiều khó khăn cho quân Ba Cụt. Đã vậy tin Năm Lửa đầu hàng càng gây hoang mang dao động trong hàng ngũ Ba Cụt. Trong chiến dịch này Mỹ - Diệm lại chủ trương vừa đánh vừa gọi hàng. Vì vậy cả hai phía đều tìm bắt liên lạc để mặc cả việc “trở về hợp tác”. Sau nhiều phen thăm dò, ngày 29/02/1956 Ba Cụt và Nguyễn Ngọc Thơ - đặc sứ thương thuyết của Diệm đã gặp nhau lần đầu ở Côn Tảo trên sông Cửu Long, gần Tân Châu. Sau đó, còn một vài lần gặp gỡ nữa nhưng không ngã giá được vì Ba Cụt đặt điều kiện quá cao. Trong quá trình thương thuyết, phía Ba Cụt lợi dụng sắp xếp lại đội hình, bố trí lại lực lượng bao trùm cả vùng mà Năm Lửa đã rút đi đầu hàng. Còn phía quân Diệm thì điều động nhiều lực lượng để hình thành vòng vây ngày càng chặt hòng bắt sống Ba Cụt và bộ hạ. Thật là hạt gạo gặp mướp đặng. Sáng ngày 13/4/1956, Ba Cụt và toán tùy tùng bị bắt sống không một phát súng nổ tại Chắc Cà Đao, cách thị xã Long Xuyên bảy kilômét. Khi bị bắt Ba Cụt tự xưng ngay là Trung tướng Lê Quang Vinh về Long Xuyên để thương thuyết, nhưng bộ tư lệnh chiến dịch của Diệm thì tuyên bố Ba Cụt là một tù binh. Ngày 13/7/1956, Ba Cụt bị Diệm cho đem chém đầu tại Cần Thơ.

Lực lượng của Ba Cụt một số đầu hàng, một số tự tan rã. Một số khác không nhỏ nhờ nhân dân giúp đỡ nên tiếp tục chiến đấu chống Mỹ - Diệm theo sự chỉ đạo của bộ tư lệnh giáo phái do Năm Thục làm tư lệnh.

\*

\*   \*

Trong lúc dùng lực lượng vũ trang mạnh để diệt Bình Xuyên và Hòa Hảo thì Mỹ - Diệm chơi nước cờ hoãn với Cao Đài. Biết rằng Cao Đài chủ trương không dùng quân sự chống Diệm mà dùng chính trị giáo phái để giành quyền chính

và có mộng tưởng biến giáo phái thành quốc đạo, lộ ra lúc còn “Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia” nên Mỹ - Diệm dùng mưu tách ra từng nhóm để đối phó. Mỹ - Diệm lại lôi kéo được lực lượng Trịnh Minh Thế rồi và lần lượt mua chuộc được Nguyễn Thành Phương và Văn Thành Cao cũng là những người vai vế của Cao Đài nên càng yên tâm. Quả nhiên lúc Diệm đánh Bình Xuyên và Hòa Hảo thì Cao Đài án binh bất động. Đối với Cao Đài, Diệm vừa dùng mưu kế dụ dỗ hạn chế ảnh hưởng vừa dùng áp lực quân sự. Diệm đã thay thế hệ thống hành chính riêng của Cao Đài ở chu vi tòa thánh Tây Ninh bằng hệ thống chính quyền của Diệm và lực lượng quân sự lên đóng quanh tòa thánh. Rồi Diệm cho vận động Giáo chủ Cao Đài Phạm Công Tắc về hợp tác nhưng thất bại, tức thì Diệm sai Nguyễn Thành Phương đem quân lên chiếm đóng tòa thánh, tước súng cơ thánh vệ, bắt một số chức sắc Cao Đài và mưu toan bắt cả hộ pháp Phạm Công Tắc để đưa Trần Quang Vinh lên thay thế... Trần Quang Vinh đã từng là tay chân đắc lực của Nhật, của Pháp và nay lại bán mình cho Mỹ - Diệm, không có uy tín trong đạo bằng Phạm Công Tắc. Các đồng chí ta đã khéo léo lái tin đồn Cao Đài chống lại Phương và mưu mô của Diệm. Họ đã bãi thực ba ngày, đưa ra khẩu hiệu “Phản đối xâm lược tòa thánh” và “chống đưa Trần Quang Vinh thay hộ pháp Phạm Công Tắc”. Sự sức mạnh đoàn kết của đông đảo nhân dân, Diệm phải xuống nước một bước. Cuối tháng 12/1955, Phương phải họp dàn xếp với chức sắc Cao Đài. Phương phải thả những người bị bắt và để cho cơ thánh vệ lo việc an ninh cho tòa thánh nhưng không cho trang bị vũ khí. Mỹ - Diệm lại rút Phương về cho Văn Thành Cao lên thay. Để lừa gạt tin đồn, Cao chỉ trích Phương là làm bậy. Nhưng theo lệnh Mỹ - Diệm, Cao buộc chức sắc Cao Đài phải ký cái gọi là “Hiệp ước Bính Thân” (1956), theo đó Cao Đài thuần túy là một đạo giáo, không có lực lượng vũ trang và không được làm chính trị.

Biết rằng Mỹ - Diệm quyết tâm thanh toán Cao Đài nếu không biến được Cao Đài thành lực lượng phục vụ cho quyền lợi của Diệm, Phạm Công Tắc bí mật cho Hồ Khánh Vân ra lập chiến khu ở rừng Tây Ninh, bí mật kêu gọi binh lính Cao Đài trong quân đội Diệm đào ngũ trở về. Bản thân Phạm Công Tắc cùng một số chức sắc đứng đầu đạo như Hồ Tấn Khoa, Lê Văn Tấn... sợ Mỹ - Diệm sát hại, liền chạy sang tị nạn chính trị ở Campuchia, gây xúc động mạnh và bất bình lan rộng trong tín đồ Cao Đài. Đứng trước một thất bại chính trị lớn như vậy, Mỹ - Diệm tìm cách gỡ gạc. Đã nhiều lần Diệm cho người ra sức dụ dỗ Phạm Công Tắc trở về nhưng đều thất bại. Bực tức Diệm ra lệnh bắt giam bà vợ ông Tắc và ra mặt khủng bố chức sắc và tín đồ, càn quét mạnh vùng rừng Tây Ninh, tổ chức mật thám ngay trong hàng ngũ chức sắc Cao Đài, ngay trong tòa thánh. Diệm rút Văn Thành Cao về, thay bằng

người thân tín của y để sau này gạt nốt cả Cao lẫn Phương khi không còn cần nữa. Bằng hành động đàn áp đó, Diệm đã uy hiếp khuất phục được chức sắc Cao Đài không dám chống lại Diệm, nhưng không khuất phục được đông đảo tín đồ cả miền Đông lẫn miền Tây Nam Bộ. Tín đồ rất căm phẫn Diệm.

Nhiều binh sĩ Cao Đài trong quân đội Diệm chạy ra rừng sung vào các đơn vị của Thiếu tá Nguyễn Thanh Mừng. Tham gia vào bộ đội giải phóng giáo phái của Đồng Tháp Mười có cả Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên và do các ông Ba Thu và Bảy Môn chỉ huy như nói trên.

\*

\*      \*

Như vậy là vào giữa năm 1956, phe Ngô Đình Diệm và gia đình được Mỹ che chở và chỉ đạo hất cẳng Pháp, truất phế Bảo Đại, gạt bỏ phe nhóm đối lập, thanh trừng các đảng phái và diệt trừ xong về cơ bản các lực lượng vũ trang giáo phái cát cứ nhiều nơi, nắm trọn vẹn quyền hành và thi hành một chính sách cai trị ngày càng độc tài, gia đình trị dựa vào vũ khí và đồng đôla của Mỹ. Và cũng càng ngày Diệm càng trở thành tay sai đắc lực được chủ Mỹ tín nhiệm, thi hành mọi chủ trương của chủ. Nhưng không phải suốt trong quá trình đó Mỹ đã luôn luôn tín nhiệm. Tháng 12/1954, Đại sứ Mỹ - tướng Collin đã viết thư về Oasinhton đòi thay thế Diệm. Nhưng Bộ trưởng Ngoại giao Dulles đã không chấp thuận vì không chọn được ai thay thế, đành than thở: “Mỹ phải “nhảy tùm xuống nước” với ông Diệm thôi”<sup>1</sup>. Trong lúc đó người Pháp nói với Oasinhton là theo họ nghĩ thủ tướng Diệm đã “hết hy vọng” và “điên rồ”<sup>2</sup>. Tới ngày 27/4/1955, Dulles đã miễn cưỡng “đánh điện cho sứ quán ở Sài Gòn để tìm người khác”<sup>3</sup>. Diệm đã biết rõ điều này do sứ quán Diệm ở Mỹ cấp báo nên ngày 28/4 Diệm mời Lansdale đến than phiền rằng ông ta nhận được ý kiến của sứ quán ông ở Oasinhton nói rằng “Mỹ tỏ ra sắp sửa thôi không ủng hộ ông”<sup>4</sup> và nhờ Lansdale hứa tìm mọi cách làm yên lòng và thực sự ra sức ủng hộ Diệm. Đến khi Diệm thắng được Bình Xuyên thì “người ta nói Sài Gòn là nên quên đi mệnh lệnh của Bộ trưởng Dulles về việc gạt bỏ Diệm”. Sau đó sứ quán “đem đốt bức điện ngày 27 tháng 4”<sup>5</sup>.

Thật là ở địa vị của người chủ, muốn nói xuôi cũng được mà nói ngược cũng xong và phận tôi đòi chỉ biết vâng dạ và cúc cung tận tụy.

Đến lúc Diệm dẹp xong các giáo phái và ra sức “tổ cộng”, “diệt cộng” thì Mỹ ngợi khen dào dạt. Tài liệu nghiên cứu của Lầu Năm Góc đã ghi: “Ông ta đã làm được

---

1, 2, 3, 4, 5. Trích trong *Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc kháng chiến ở Việt Nam*, Sdd, Chương I và II.

những chuyện kỳ diệu”<sup>1</sup> và trước sự ngạc nhiên của hầu hết các nhà quan sát, ông đã dẹp được bọn đầu trộm đuôi cướp Bình Xuyên ở Sài Gòn, giáo phái vũ trang Cao Đài, Hòa Hảo ở nông thôn. Ông ta đã thành lập một chính phủ ổn định và một đội quân trung thành tại mọi nơi trước đó chỉ có hỗn loạn<sup>2</sup>. Rồi mùa xuân năm 1960 tướng Williams viết thư cho Thượng nghị sĩ Mike Mansfield là “tổng thống Diệm đã làm việc tốt đến mức Mỹ có thể bắt đầu “rút dần” các cố vấn Mỹ năm 1961”<sup>3</sup>. Mỹ đã khen và hết sức ủng hộ thì trong nước bọn bà con dòng họ của Diệm, bọn cơ hội, bọn tham chúc mê quyền, cố ngoi lên bằng cách xum xoe nịnh bợ Diệm hết mình. Đến nỗi từ đấy (có lẽ cho đến lúc sắp chết) Diệm cũng tự coi mình như thần thánh, mình là tất cả. Đoàn Thêm - Đồng lý văn phòng của Diệm kể rằng năm 1963, lúc Phật giáo và nhân dân chống lại sự đàn áp tàn bạo của Diệm, “để trấn an dư luận Diệm kêu gọi các giới có câu: “Còn hiến pháp” “nghĩa là có tôi”, bốn chữ sau này do chính tay ông ghi thêm vào cuối câu dự thảo”.

“Hiến pháp là tôi”... có khác gì lời vua Louis XIV: “Quốc gia là Trẫm”...<sup>4</sup>.

Và khi trừ xong các lực lượng vũ trang giáo phái, Diệm đã huênh hoang khoác lác. “Ngay trước khi người Mỹ tới giúp, ông đã cho quân đội những dịp chiến thắng để tự tin và tự cường, trên các mặt trận mà ông ra lệnh mở: Đình Tiên Hoàng, Nguyễn Huệ, Thoại Ngọc Hầu, Trương Tấn Bửu...”<sup>5</sup>.

Đoàn Thêm than thở: “Khi mới gần ông Diệm, coi phong thái của ông, tôi thấy ông bình dị và hồn nhiên. Nhưng chẳng bao lâu, thủ tướng thành tổng thống, tôi đã phải ghi nhận được sự biến cải âm thầm mà chắc ông không hề ý thức. Trái tim ông dần dần bị thổi phồng, do những luồng gió dâng hương ngào ngạt, để chứa và nuôi mà ông chẳng biết, những ảo tưởng kiêu kỳ về sứ mạng và quyền uy...”

“Khốn thay, từ chỗ vừa phải, tới chỗ thấy mình siêu việt, chẳng xa bao nhiêu. Trước hết rất dễ gán cho tài đức của mình, những sự thành công hay thắng lợi do thời thế cho phép, hay do nỗ lực của nhiều người cùng góp. Một khi có uy quyền thì hay được tán dương dù không muốn người cũng thấy hương thơm, rồi ngậy ngất lúc nào chẳng biết. Nghe mãi những tiếng tài năng xuất chúng, dũng lược, anh minh, cứu tinh... quá quen thì kết luận rằng mình phải suy tôn, đứng trên cả quốc dân, to lớn bằng quốc gia, vậy mình là hiện thân của nước: Ai trái mình là ngu muội, ai chống mình là phản quốc, không có mình thì chỉ có họa diệt vong. Diệm và gia đình được chủ Mỹ tin yêu, càng lộng hành, gây khổ chất chồng cho nhân dân,

---

1, 3, 4, 5. Trích trong *Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc kháng chiến ở Việt Nam*, Sđd, Chương I và II.

2. Trích sách *Những ngày chưa quên* của Đoàn Thêm xuất bản ở Sài Gòn năm 1969, các trang 71, 72, 209, 231.



càng ra sức thực hiện mưu đồ của Mỹ: Một mặt xóa bỏ Hiệp định Giơnevơ, xóa bỏ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, mặt khác thẳng tay đàn áp nhân dân, đẩy nhân dân vào các khu dinh điền, nhốt dân vào các khu trù mật, mở các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng”.

Theo các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ thì tháng 7/1955 hai miền ở Việt Nam phải bắt đầu hiệp thương để bàn việc tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 7/1956. Trung thành với chữ ký của mình, tôn trọng Hiệp định Giơnevơ - một Hiệp định quốc tế được nhiều nước trên thế giới đảm bảo và hoan nghênh, kiên quyết đấu tranh cho hòa bình và dân chủ, ngày 06/6/1955, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố: “Sẵn sàng mở hội nghị hiệp thương với những nhà đương cục có thẩm quyền ở miền Nam bắt đầu từ ngày 20/7/1955 để bàn về vấn đề tổ chức tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc vào tháng 7/1956”.

Tiếp theo, ngày 19/7/1955, một công hàm của Chính phủ Việt Nam ở Hà Nội đã gửi cho chính quyền ở Sài Gòn nói cụ thể: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chúng tôi đề nghị các ông cử đại biểu để cùng đại biểu chúng tôi mở hội nghị hiệp thương bắt đầu từ ngày 20/7/1955 như đã quy định trong Hiệp định Giơnevơ tại một địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam do hai bên cùng thỏa thuận, để cùng nhau bàn về vấn đề thống nhất nước nhà bằng tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc”.

Diệm vẫn một mực làm ngơ, cố giả câm giả điếc vì đã có lệnh của Mỹ không hiệp thương cũng không tổng tuyển cử. Nhưng dư luận của nhân dân trong nước và ngoài nước không cho phép coi thường ý chí của quần chúng đông đảo, không cho phép chà đạp lên pháp lý quốc tế của Hiệp định Giơnevơ. Sợ bị cô lập và bị vạch trần âm mưu chia cắt lâu dài đất nước, lúng túng mãi Diệm buộc phải tuyên bố trên đài phát thanh (không phải chính thức trả lời cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) nội dung nói xấu miền Bắc xuyên tạc Hiệp định Giơnevơ, rằng chính quyền Diệm mới thực sự mong muốn thống nhất nhưng không hề đả động gì đến hiệp thương tổng tuyển cử.

Đầu tháng 7/1955, Mặt trận Liên Việt Nam Bộ đã phát lời kêu gọi các tầng lớp nhân dân và ngoại kiều đấu tranh đòi mở hội nghị hiệp thương. Truyền đơn kêu gọi đề ngày 01/7/1955 đã vạch trần âm mưu Mỹ - Diệm phá hoại tổng tuyển cử tự do, trường kỳ chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa của Mỹ. Truyền đơn đòi: “Thành lập ở miền Nam Việt Nam một chính phủ dân chủ tôn trọng Hiệp định Giơnevơ, tán thành hòa bình thống nhất:

- Đảm bảo tính mệnh và tài sản, an ninh, trật tự cho nhân dân.
- Cải thiện dân sinh, thi hành tự do dân chủ.



- Phải nhận lời đề nghị của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đặt quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc.
- Phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mở cuộc hội nghị hiệp thương chính trị ngày 20/7/1955 bàn về việc tổng tuyển cử tự do để thống nhất nước nhà đúng thời hạn”.

Truyền đơn kêu gọi toàn thể các tầng lớp nhân dân Nam Bộ từ thành thị đến nông thôn và các bạn ngoại kiều hãy đoàn kết đấu tranh cho hòa bình và dân chủ, tỏ rõ ý chí của mình bằng cách đúng 1 giờ chiều ngày 09/7/1955 cho đến 12 giờ ngày 10/7/1955 hãy triệt để:

- Ngừng sinh hoạt ngoài đường phố;
- Không một ai ra đường;
- Không một ai làm ăn, mua bán, đi lại;
- Chợ không nhóm, tiệm không mở cửa, xe cộ không chạy...

Hoảng hốt, chính quyền Diệm đã dùng nhiều lực lượng quân sự, cảnh sát để đối phó, đã hô hào mọi người đi làm bình thường, không “phụ họa với cộng sản”, hăm dọa trừng phạt nặng nề ai nghe theo Liên Việt.

Thế nhưng ngày 10/7/1955 quả đã là một ngày đáng ghi nhớ. Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn cũng như nhiều thành phố khác đã nhiệt liệt hưởng ứng cuộc đấu tranh: Các khu lao động như ngừng sinh hoạt, các đường phố, kể cả đường lớn như đường Galliéni (nay là Trần Hưng Đạo) xe cộ và người đi lại giảm đi phân nửa. Anh em xích lô và lái xe tắcxi thì từ chiều ngày 09/7 đã trả xe cho chủ. Chợ An Đông, chợ Tân Định và các chợ nhỏ khác không họp từ sáng đến tối. Chợ Bến Thành tuy có họp nhưng thưa thớt và đến sáu giờ chiều đã tan, tối không buôn bán như thường lệ. Đặc biệt thành phố Mỹ Tho cách Sài Gòn trên 70km về phía tây nam, mọi hoạt động đều ngừng suốt cả ngày.

Trước và sau ngày 20/7/1955, từ đầu tháng 7 kéo dài đến tháng 8, tháng 9, các cuộc bãi công, bãi thị, biểu tình, mítting đòi hiệp thương tổng tuyển cử rầm rộ khắp các đô thị và nông thôn, bất chấp đàn áp khủng bố của Mỹ - Diệm. Phong trào còn kéo dài đến năm 1956, ngày càng quyết liệt, thể hiện sự hưởng ứng của nhân dân đối với cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam họp ở Hà Nội đầu tháng 9/1955. Nội dung bản cương lĩnh ấy có những điểm cụ thể hợp tình hợp lý, chinh phục được lòng người cả miền Nam cũng như miền Bắc. Đó là:

- Thực hiện tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc đúng thời hạn; các nhà đương cục miền Nam, miền Bắc cử hành hiệp thương để thỏa thuận về luật bầu cử, thiết thực chuẩn bị tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

- Đại biểu các đảng phái, quân đội, đoàn thể nhân dân và các giới, các nhân sĩ ở hai miền tiếp xúc, hội họp với nhau để thúc đẩy và ủng hộ hội nghị hiệp thương của các nhà đương cục có trách nhiệm ở hai miền Nam - Bắc đi đến hội nghị.
- Qua tổng tuyển cử mà bầu ra quốc hội, quốc hội cử ra Chính phủ Liên hiệp Trung ương. Do tình hình thực tế của hai miền Bắc và Nam, sẽ thành lập Hội đồng dân cử và cơ quan hành chính có quyền hạn rộng rãi ở mỗi địa phương.
- Để chiếu cố tình hình khác nhau giữa hai miền, mỗi địa phương được quyền ra những luật lệ địa phương thích hợp với đặc điểm của địa phương và không trái với luật pháp chung của nhà nước.
- Để thỏa mãn yêu cầu bức thiết của nhân dân, phải lập lại quan hệ bình thường về kinh tế, văn hóa, xã hội, và tôn trọng quyền tự do đi lại giữa hai miền.
- Trong khi nước nhà chưa thống nhất, nhà đương cục có trách nhiệm ở hai miền phải để cho tất cả các đảng phái và đoàn thể nhân dân tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, có địa vị hợp pháp, không được phân biệt đối xử...

Ngày 20/7/1955 đã trôi qua không có hiệp thương giữa hai miền. Mỹ - Diệm vẫn chống lại Hiệp định Giơnevơ và tiếp tục dùng vũ lực thanh toán các đảng phái, giáo phái và đàn áp nhân dân. Trên miền Bắc, những đứa con của miền Nam tập kết xao xuyến bản khoăn, họ theo dõi tình hình không bỏ sót một sự kiện nhỏ nào diễn ra ở quê hương. Họ căm tức Mỹ - Diệm đã ló mũi phản bội Hiệp định Giơnevơ, nhưng vẫn tin tưởng ở đường lối đấu tranh chính nghĩa và hòa bình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ ra sức học tập, công tác và vẫn chưa hết hy vọng ở thống nhất đất nước. Mặc dù lúc ấy chưa được luyện tập học hỏi nhiều, hầu như mọi người đều sẵn sàng trở về miền Nam ngay nếu Đảng yêu cầu để làm bất cứ gì, đấu tranh chính trị hay vũ trang, công khai hay bí mật.

Nằm trong tâm tư chung như vậy của những con người tập kết, tôi hân hạnh được chỉ định làm Tư lệnh các lực lượng vũ trang tham gia duyệt binh ngày lễ Độc lập - ngày 02/9/1955 ở Hà Nội. Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, đứng trước từng khối đơn vị bộ binh và binh chủng được tập luyện thuần thục, nghiêm trang, thẳng tắp, lê trên đầu súng sáng chói uy nghi, trước mặt lễ đài trên đó Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu và các đồng chí lãnh đạo, các cán bộ và khách quốc tế, trước hàng chục vạn nhân dân Thủ đô đại diện cho nhân dân cả nước, lòng tôi, lòng đứa con của miền Nam tự hào và rung động, tôi đã đồng dạc báo cáo với đồng chí Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, cố tình nhấn mạnh: "... Bộ đội đã

sẵn sàng, mời đồng chí đi duyệt!”. Thực tình lúc ấy tôi cũng đã nghĩ đến các cán bộ và chiến sĩ tập kết ra miền Bắc và tôi cũng đã nghĩ đến kẻ thù phản bội lợi ích của nhân dân ta và ý nghĩa của nhân dân thế giới để nhấn mạnh “bộ đội đã sẵn sàng”. Đúng là như vậy. Tất cả chúng tôi, những đứa con của miền Nam tập kết, đang ở trong các đơn vị vũ trang thường trực hay trên các nông trường, xí nghiệp như mỏ crôm Cổ Định, nông trường Lam Sơn..., những bệnh binh trong bệnh viện hay thương binh ở an dưỡng đường, mọi tấm lòng nôn nao xao xuyến về chuyện có hay không có tổng tuyển cử và mọi người đều sẵn sàng chờ lệnh của Đảng, của Bác Hồ. Chúng tôi đã dồn sức lực ra thi đua nhau, khỏe vì miền Nam, học tập rèn luyện hay cày sâu cuốc bẫm, đóng một con tàu hay sửa một chiếc máy, tất cả vì miền Nam của Tổ quốc thân yêu. Đã xuất hiện nhiều đơn vị, cá nhân bắn giỏi trong toàn quân, lao động xuất sắc trong chống lụt, chống bão, kiện tướng đào đất gánh đá ở công trường thủy lợi Bắc Hưng Hải... “Tất cả vì thống nhất nước nhà”, đó là khẩu hiệu của Đảng đề ra đúng lúc, phù hợp cả với nhân dân toàn quốc, thúc đẩy mọi hoạt động với năng suất cao nhất của nhân dân miền Bắc cũng như anh em miền Nam tập kết. Tất cả trí óc và tình cảm Việt Nam nhíp nhàng gắn kết vào khẩu hiệu, biến khẩu hiệu thành hiện thực.

Khi dịch ngày càng ngoan cố khước từ hiệp thương và tổng tuyển cử thì trong số anh em tập kết ngày càng bùng lên nhiều tâm tư, suy nghĩ: “ngày Bắc, đêm Nam” - ban ngày lao động, học tập, sản xuất, rèn luyện hết mình, đêm lại, sau khi mọi việc theo chương trình đã xong, thì nổi lên những đồng lửa nông trường, những ngọn đèn trong trại, quây quần nhấp một ngụm trà hay chia nhau chung rượu nói chuyện quê hương. Những làng quê với những bụi trúc xinh tươi, rừng tràm bầu đầu xóm, rừng tràm, bãi lá tất cả đều được lôi ra kể. Rồi những người thân, người yêu không biết sống thế nào, có gì đã thay đổi. Có những cuộc thâu đêm suốt sáng không tàn, có những giấc mơ chập chờn khuấy động. Làm sao nói hết được tâm tình của những người xa quê hương, vì quê hương mà đi xa đểặng gần mãi mãi. Tình quê hương tình người là như vậy đó...

Thời gian này sự cố tình xé bỏ Hiệp định Giơnevơ của Mỹ - Diệm với những người tập kết ra miền Bắc có tác dụng nung đúc căm thù và thúc đẩy khổ luyện, tập rèn, học hỏi để mau chóng trưởng thành. Mọi người như học thêm được chí kiên trì, bình tĩnh, tin tưởng và chờ lệnh của Đảng.

\*

\*      \*

Trước làn sóng đấu tranh vì hòa bình thống nhất của nhân dân cả nước, trước chính nghĩa sáng ngời của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mỹ - Diệm

không thể cứ im hơi lặng tiếng. Ngày 07/10/1955, nhà đương cục miền Nam đã phải gửi công hàm ra miền Bắc thông qua Anh, một trong hai chủ tịch Hội nghị Giơnevơ. Công hàm đã trắng trợn chống lại nguyện vọng toàn dân, từ chối hội nghị hiệp thương với cái cớ vô lý rằng chính quyền miền Nam không ký vào Hiệp định Giơnevơ nên không bị hội nghị này ràng buộc. Diệm đã đại dốt dùng một lý do hoàn toàn không vững để che giấu âm mưu đen tối của Mỹ - Diệm là ra sức chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam. Cả thế giới đều nghiêm khắc lên án thái độ ngoan cố này của Mỹ - Diệm. Ông Mơnông đại diện ở Liên hợp quốc của Ấn Độ, một nước tham gia Ủy ban quốc tế ở Việt Nam thời ấy, đã tuyên bố như sau:

“Các nhà đương cục miền Nam bị ràng buộc bởi Hiệp định Giơnevơ và phải thi hành Hiệp định Giơnevơ một cách nghiêm chỉnh và đầy đủ. Miền Nam Việt Nam đã hưởng những điều lợi của Hiệp định Giơnevơ, thì bây giờ không thể nào thoái thác nhiệm vụ đối với Hiệp định ấy.

Tất cả các nước đã ủng hộ Hiệp định Giơnevơ thì mặt pháp lý cũng như về mặt luân lý đều có nhiệm vụ bảo đảm sự thực hiện Hiệp định Giơnevơ”.

Báo *Người Diễn Điện*<sup>1</sup> ngày 21/9/1955 viết:

“Cuộc tổng tuyển cử ở Việt Nam không phải là một việc thuần túy nội bộ Việt Nam. Việc ấy đã được một hiệp ước quốc tế đề ra và sẽ được Ủy ban quốc tế giám sát việc thi hành, mặc dù Diệm cố sức trốn tránh trách nhiệm bằng cách cho chân tay tấn công Ủy ban quốc tế hoặc rêu rao rằng Pháp ký Hiệp định chứ Diệm không ký. Hiện nay có ai mà không thấy rằng chính Diệm là người ngụy biện và thiếu thiện chí ở Việt Nam”.

Và chẳng chính là lời văn của Hiệp định Giơnevơ cũng đã nói: “Những người ký Hiệp định này và những người kế tiếp nhiệm vụ của họ sẽ có nhiệm vụ đảm bảo sự tôn trọng việc thực hiện các điều khoản của Hiệp định này”. Nhà đương cục miền Nam đã thi hành các điều khoản về đình chỉ chiến sự, tập kết, chuyển quân đã tiếp tục nhiệm vụ của Pháp về hành chính... không thể nói không ký, không bị ràng buộc mà lại chịu điều khoản này thi hành còn điều khoản khác là không thi hành. Cả Pháp mặc dù đã rút lui khỏi Đông Dương cũng không thể phủi hết trách nhiệm.

Pháp lý quốc tế đã rõ ràng. Lòng dân cũng rõ ràng. Nhưng Mỹ - Diệm đã sợ điều khoản tổng tuyển cử tự do, đã chắc mười phần là thua nếu tổng tuyển cử tự do trong cả nước - ngay từ trước khi ký kết Hiệp định Giơnevơ thì ngày nay chúng càng xác định chắc chắn là thua, vì vậy chúng từ chối hiệp thương, phá tổng tuyển cử để chiếm miền Nam riêng rẽ bằng vũ lực là con đường tất nhiên của chúng.

---

1. Túc Miến Điện (B.T).

Kẻ thù chủ yếu thực chất của đế quốc xâm lược Mỹ và chế độ tay sai Ngô Đình Diệm là nhân dân yêu nước và cách mạng miền Nam Việt Nam, những người kháng chiến cũ và đặc biệt là những người cộng sản triệt để cách mạng và không bao giờ chịu khuất phục. Mỹ - Diệm lo hất cẳng Pháp, dẹp đảng phái đối lập và giáo phái vũ trang, xây dựng một chính quyền mạnh và một đội quân mạnh là cốt để đối phó với kẻ thù chủ yếu này. Cuộc chiến tranh mà Mỹ vội vã tổ chức ra, chống mí lên cuộc chiến tranh đã tàn của thực dân Pháp cũng cốt là chống lại và đè bẹp đối tượng chủ yếu này để thôn tính miền Nam Việt Nam. Hành động và thủ đoạn đối với Pháp và thân Pháp, đối với các phe đối lập và giáo phái vũ trang chẳng qua là những dọn dẹp nội bộ và tập trung sức lực cho một cuộc “sống mái”, với nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam vậy.

Chính vì vậy mà sau khi thanh toán xong Quốc dân Đảng và Đại Việt ở Trung Bộ vào tháng 5/1955 thì tháng 7/1955 Diệm phát động các chiến dịch “tổ cộng” và “diệt cộng”. Mở đầu “giai đoạn 1” tổ cộng, diệt cộng này thực tế được tiến hành ráo riết ở Trung Bộ vì ở đây đã dẹp xong các đảng phái đối lập, còn tiếp sau từ giữa năm 1956 trở đi, sau khi diệt xong các lực lượng vũ trang giáo phái, Diệm mới thi hành “giai đoạn 2” khốc liệt ở Nam Bộ. Để chỉ đạo chặt chẽ và có hiệu lực, Diệm lập ra “hội đồng chỉ đạo tổ cộng” gồm tất cả các bộ trưởng của chính phủ Diệm và bản thân Diệm làm chủ tịch danh dự cho hội đồng. Hội đồng lại chỉ ra “ủy ban tổ cộng trung ương”, mỗi tỉnh có ủy ban chỉ đạo “tổ cộng” cấp tỉnh và mỗi xã có ủy viên chuyên trách “tổ cộng”. Với tổ chức như vậy, rõ ràng chính quyền Diệm cố thực hiện các chức năng chủ yếu của mình mà Dulles đã chỉ thị như nói ở trên và xem đây là “quốc sách” của Diệm trong giai đoạn này. Còn phương châm của quốc sách thì báo *Cách mạng quốc gia* - cơ quan chính thức của chính quyền Diệm đã đề ra: “Tiêu diệt Việt cộng không thương tiếc, không kể là người nữa, tiêu diệt như trong tình trạng chiến tranh” và “thà giết nhầm hơn bỏ sót”. Gọi là Việt cộng, thực tế chúng gộp vào đó tất cả những người mà chúng nghi là có tham gia kháng chiến và những người đối lập, những người có tư thù cá nhân. Thực hiện những phương châm ấy Diệm đã dùng tất cả quân đội, cảnh sát, công an, mật vụ, chỉ điểm,... tha hồ lùng sục, bắt bớ, đánh đập, bắn giết, dùng mọi hình phạt dã man nhất, những cuộc tàn sát đẫm máu nhất, vừa để không bỏ sót, vừa khủng bố tinh thần những người còn lại gọi là “quốc gia” theo Diệm.

Hãy điểm vài vụ điển hình trong giai đoạn đầu “diệt cộng” ở Trung Bộ để hiểu rõ hơn quân thù. Từ ngày 09 đến ngày 14/7/1955 đã xảy ra vụ Hướng Điền thuộc tỉnh Quảng Trị mà Tiểu đoàn 126 của Diệm do tên Bình làm tiểu đoàn trưởng đã triệt hạ, làm cỏ toàn bộ hai thôn Tân Lập và Tân Hiệp, giết người bằng cách chặt làm ba khúc 34 đàn ông, hãm hiếp xong chặt tay chân, mổ bụng 27 đàn bà và



chọc tiết 31 trẻ em. Khe Ba Rẫy, khe A Chô và bờ sông A Na, nơi vùi lấp 92 mạng người nay còn ghi đậm vết tích tội ác man rợ khó mà tưởng tượng của Mỹ - Diệm. Chỉ có hai người trong cả hai thôn đã thoát chết là chị Vân và anh Lạc; nhờ thế mới phát giác được mọi chi tiết của vụ giết người này. Rồi vụ Chợ Được thuộc tỉnh Quảng Nam mà Mỹ - Diệm đã chôn sống 21 người gọi là “Việt cộng” trong cùng một cái huyết. Nhiều người trong gia đình các nạn nhân này cũng bị giết sau khi đã phát hiện ra huyết và moi thây đem về chôn cất. Cả hai vụ nói trên đều có tố cáo với Ủy ban quốc tế nhưng bọn Diệm tìm mọi cách ngăn, phá cuộc điều tra.

Thời kỳ ấy báo chí nước ngoài đã nói nhiều về những vụ tàn sát khủng bố tràn lan khắp miền Nam Việt Nam. Báo nước Pháp *Người quan sát* ngày 26/6/1956 đánh giá: “Chế độ Ngô Đình Diệm là chế độ tàn bạo nhất châu Á”.

Trong lúc bọn Diệm khủng bố tàn sát gây một không khí khủng khiếp ở Trung Bộ thì trong hai năm đầu ấy ở Nam Bộ chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” được tiến hành thận trọng hơn, có trọng điểm, chưa lan rộng. Sở dĩ như vậy vì, một là Mỹ - Diệm còn phải tập trung sức diệt cho được lực lượng vũ trang giáo phái, chiếm lại cho được các vùng mà những lực lượng này cát cứ, chưa đủ sức đánh rộng vào dân; hai là nhiều vùng rộng lớn ở nông thôn cũng như các thị trấn nhỏ, vùng kháng chiến cũ, thế lực Diệm chưa có gì mấy và lực lượng nhân dân đoàn kết đấu tranh rất mạnh. Các phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân rộng khắp từ thành thị đến nông thôn như các phong trào hoan nghênh Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ hòa bình lúc đầu đến phong trào chống đàn áp, đòi tự do dân chủ, phong trào chống bầu cử quốc hội riêng rẽ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và cả phong trào chống lại quốc sách “tố cộng” của Mỹ - Diệm đã nói lên sức mạnh của nhân dân có tổ chức, có lãnh đạo, làm cho kẻ địch phải gờm. Tự lượng sức, Mỹ - Diệm phải tiến hành kế hoạch của chúng từng bước.

Còn đứng về phía ta, phía cách mạng thì sao? Ngay từ tháng 7/1954, Hội nghị lần thứ sáu mở rộng Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Bác Hồ chủ trì đã nhận định: “Để quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương”. Vì vậy, nhân dân Việt Nam từ Bắc chí Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng hết sức cảnh giác trước mọi hành động của Mỹ và tay sai Diệm, ra sức đấu tranh mạnh mẽ để bảo vệ hòa bình và thực hiện thống nhất đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào và đặt nhiệm vụ ngay sau khi có Hiệp định Giơnevơ.

“Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ cũng là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Để giành thắng lợi, toàn thể nhân dân, quân đội và các cán bộ ta từ Bắc đến Nam cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí”...



“Chúng ta quyết làm đúng những điều đã ký kết với Chính phủ Pháp, đồng thời chúng ta đòi Chính phủ Pháp làm đúng những điều họ đã ký kết với ta.

Chúng ta phải ra sức củng cố hòa bình, tỉnh táo để phòng âm mưu của những kẻ phá hoại hòa bình.

Chúng ta phải ra sức đấu tranh thực hiện tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc *đặng thống nhất nước nhà*”.

Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám vào tháng 8/1955 nhấn mạnh: “Thời kỳ mới của cuộc đấu tranh chính trị đặt trước nhân dân ta một *nhiệm vụ* cực kỳ quan trọng là *đấu tranh kiên quyết và bền bỉ để thực hiện thống nhất nước nhà, đồng thời để củng cố hòa bình, ngăn ngừa chiến tranh trở lại Đông Dương*”.

Căn cứ vào nghị quyết của Trung ương, Xứ ủy Nam Bộ ngay từ đầu đã ra một nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới: “Nhiệm vụ cụ thể đối với miền Nam là giữ gìn, củng cố hòa bình tranh thủ thực hiện tự do dân chủ, cải thiện dân sinh tiến tới thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc”. Phương châm, phương thức đấu tranh là: “Chuyển hình thức đấu tranh quân sự sang hình thức đấu tranh chính trị”, “củng cố phát triển cơ sở nông thôn, mở rộng và đẩy mạnh công tác đô thị, phối hợp chặt chẽ công tác đô thị với nông thôn...”, “phải biết phối hợp công tác trong quần chúng với quần chúng trong các cơ quan chính quyền của địa phương”, “... phải dựa trên nguyên tắc bí mật, công khai, bán công khai, kết hợp công tác bí mật với công tác công khai và bán công khai”... “Phải hết sức lợi dụng mọi khả năng tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp để kết hợp công tác hoạt động bí mật của Đảng và công tác công khai và bán công khai của quần chúng để tuyên truyền cổ động, giáo dục tổ chức quần chúng, để lãnh đạo quần chúng đấu tranh”. Nghị quyết của Xứ ủy đã đưa ra cho toàn Đảng bộ học tập và qua đó chấn chỉnh tư tưởng của cán bộ hoài nghi về hiệu quả của đấu tranh chính trị. Nghị quyết đã giải thích: “Ta đã có khả năng đấu tranh vũ trang tại sao ta không có khả năng đấu tranh chính trị? Hoặc giả chúng ta cho đấu tranh chính trị khó khăn hơn đấu tranh vũ trang nên không thể làm được hay sao? Thật ra sở dĩ tám, chín năm nay ta đã phát động được đấu tranh vũ trang là do chúng ta đã đấu tranh chính trị thắng lợi. Chúng ta đã thấy rằng lúc đầu chiến tranh, về mặt quân sự, về mặt đấu tranh vũ trang ta yếu hơn địch nhưng về mặt chính trị ta đã có ưu thế tuyệt đối hơn địch. Sự thực chín năm kháng chiến của Nam Bộ chứng minh rằng địch có thể chiếm được đất đai của ta nhưng không thể chiếm được lòng dân ta. Sự thật ta đã thành công nhất định trong công tác chính trị mới duy trì và củng cố phát triển lòng yêu nước, chí căm thù trong nhân dân ta, mới phát động được chiến tranh

du kích anh dũng và gian khổ trong chín năm nay, như vậy hoài nghi cuộc đấu tranh chính trị hiện nay của ta là không có căn cứ”.

Toàn Đảng bộ miền Nam và nhân dân đã được chuẩn bị tinh thần tư tưởng khá kỹ để kiên quyết đấu tranh bằng chính trị bảo vệ hòa bình, thực hiện độc lập, dân chủ và thống nhất nước nhà. Toàn Đảng bộ đã được đả thông tư tưởng là trung thành với chữ ký của mình và đòi đối phương phải thực hiện đúng Hiệp định đã ký kết, giữ vững chính nghĩa cách mạng của mình, không được manh động, không được dùng vũ trang để củng cố hòa bình, ngăn chặn chiến tranh. Ta phải giữ gương cao ngạo cờ hòa bình, mặc dù luôn luôn cảnh giác địch gây lại chiến tranh.

Chính vì vậy mà khi lực lượng vũ trang của ta chuẩn bị tập kết ra miền Bắc, Đảng bộ miền Nam lập tức củng cố lại hệ thống Đảng, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng mạnh mẽ, xây dựng lực lượng cách mạng ngay trong hàng ngũ chính quyền và quân đội địch để giữ vững và liên tục cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân.

Từ một Đảng bộ có gần chục vạn đảng viên, công khai với nhân dân, nắm chính quyền, nắm lực lượng vũ trang địch chuyển lại thành một Đảng bí mật lãnh đạo quần chúng thật vô cùng phức tạp, khó khăn. Tổ chức và hoạt động của một Đảng công khai lãnh đạo chiến tranh khác nhiều với một Đảng bí mật lẩn trong quần chúng, khéo léo giác ngộ, vận động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai hợp pháp cho quyền lợi dân sinh dân chủ. Đảng bí mật yêu cầu rất gọn nhẹ, trọng chất hơn lượng, không chức không quyền trước nhân dân, không hậu phương, không tiền tuyến, trước kẻ địch phátxít, bạo tàn. Thế mà ta đang có một số lượng đảng viên khá lớn đủ ngành, nghề, với nhiều cách hoạt động khác nhau ở các vùng khác nhau. Làm thế nào để rút vào bí mật trọn vẹn? Có đồng chí đã ví khác nào đưa một con voi ra giữa đồng, bảo phủ kín lại đừng lòi lưng và hở vòi. Và công việc ấy phải hoàn thành trong một thời gian rất ngắn. Ở miền Tây Nam Bộ ta có khu tập kết quân 200 ngày, tuy ngắn nhưng còn dễ dàng hơn nhiều so với miền Trung chỉ có 100 ngày và miền Đông 80 ngày. Phải chạy đua với thời gian nhưng lại phải bảo toàn cho được thực lực. Một loạt các chủ trương được đề ra như tinh giản các bộ máy, các tổ chức còn giữ lại, cho điều lắng<sup>1</sup> cán bộ, đảng viên. Một số nơi lại còn “sáng tạo” ra một số hình thức gọi là “đấu thai kiếp khác” có nghĩa là anh ta đi tới đâu cũng được, muốn làm gì cũng được kể cả làm cho địch, để biến anh thành một người khác hẳn rồi sau Đảng sẽ bắt liên lạc khi có điều kiện. Hoặc có nơi cho hợp pháp hóa hàng loạt, đảng viên, cán bộ ra xin giấy chính quyền địch, lấy hộ khẩu,

---

1. Điều đảng viên từ nơi lộ đi một nơi khác mà ở đó không ai biết, lắng lại, chưa hoạt động trong một thời gian. Biện pháp để giữ bí mật an toàn cho Đảng.

ở và làm ăn công khai. Về sau địch theo dõi và bắt tù gần hết những số này gây thiệt hại mất mát không ít cho lực lượng cách mạng. Không những thế, có những đồng chí có súng sáu tùy thân, nhưng vì chấp hành chuyển qua đấu tranh chính trị một cách máy móc, chấp hành lệnh không được dùng vũ khí một cách cứng đờ, để cho địch bắt hoặc sát hại mà không dám bắn để tự vệ. Đảng ta đã trải qua một thời kỳ tổn thất khá nặng nề.

Các đoàn thể quần chúng đã được tổ chức và hoạt động nhiều năm trong chiến tranh, có hệ thống từ khu đến xã ấp, nay cũng phải tự giải tán. Đảng lãnh đạo quần chúng không còn qua đoàn thể nữa mà qua tổ chức nòng cốt hẹp, từ nòng cốt ra quần chúng. Nhiều đồng chí cho rằng việc này gây khó khăn to lớn cho sự lãnh đạo của Đảng. Đồng chí Mười Thơ<sup>1</sup> nói: “Trước Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta vẫn còn hoàn toàn bí mật nhưng vẫn có các đoàn thể cứu quốc, vẫn còn có các công hội, vẫn có các mặt trận phản đế, dân chủ và Việt Minh thì sao? Ta không tổ chức thì địch tự do chiếm lĩnh trận địa, gom quần chúng vào “thanh niên cộng hòa”, “phụ nữ liên đới” và rất nhiều tổ chức khác. Đến năm 1959 trước Đồng khởi năm 1960, chúng tôi phải gấp rút xây dựng lại các đoàn thể quần chúng thì mới có được phong trào quần chúng mạnh và rộng. Ngày nay Đảng ta đề ra “Nhân dân lao động làm chủ”, muốn làm chủ như vậy cũng phải qua các đoàn thể quần chúng cách mạng mới làm chủ được”. Ý kiến này được đa số đồng chí có kinh nghiệm hoạt động cách mạng đồng tình.

Ta kiên quyết đấu tranh cho hòa bình, cho dân chủ. Nhưng không phải ta hoàn toàn tin vào Mỹ - Diệm cũng có thiện chí hòa bình và thực thi dân chủ. Vì vậy Đảng bộ Nam Bộ trong khi kiên quyết lấy chính trị làm phương pháp đấu tranh vẫn đề phòng có lúc nào đó kẻ địch và tình huống buộc ta phải cầm vũ khí. Hiện nay, ta đang tiếp tục tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, kẻ địch của ta là đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm đại biểu của tư sản mại bản và quan liêu quân phiệt. Chúng có trong tay lực lượng vũ trang với mọi thứ vũ khí. Tuân thủ Hiệp định Giơnevơ mà ta đã ký với lòng mong mỗi hòa bình, dân chủ thống nhất đất nước, ta chọn đấu tranh bằng chính trị. Nhưng nếu kẻ địch không tuân thủ Hiệp định, dùng vũ khí tàn sát nhân dân, nếu đế quốc gây chiến tranh chống lại ta hòng chiếm nửa nước ta thì không lẽ ta bó tay. Tới lúc đó nếu chỉ riêng đấu tranh chính trị không có hiệu lực thì những người bị áp bức có quyền dùng mọi thứ cần thiết để bảo vệ cuộc sống của mình, bảo vệ tiến bộ xã hội và toàn vẹn Tổ quốc. Lênin đã nói: “Một giai cấp bị áp bức, nếu không có cố gắng

---

1. Đồng chí Nguyễn Thành Thơ - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Tam Căn năm 1956, nguyên Bí thư miền Tây trong kháng chiến chống Mỹ, nguyên Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng khóa IV.

học tập sử dụng vũ khí, không cố gắng để có được vũ khí, thì chỉ đáng bị người ta đối xử như đối với nô lệ”<sup>1</sup>.

Với ý nghĩa phòng xa một cách có căn cứ, với tinh thần cách mạng không lùi bước, Xứ ủy Nam Bộ đã chọn một số không nhiều cán bộ quân sự đã có kinh nghiệm về xây dựng lực lượng quân sự và tác chiến vũ trang để bổ sung vào đội ngũ cán bộ chính trị ở lại. Họ được chuyển qua làm công tác vận động quần chúng, tuyên truyền chính trị và hòa bình, tổ chức thanh niên yêu nước cũng như công tác vận động nhân viên và binh lính địch đi với chính nghĩa sẵn sàng đấu tranh cho tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Là những chỉ huy quân sự trong thời kỳ chiến tranh, họ trở thành những người dân bình thường làm ăn sinh sống hòa bình trong dân, các làng mạc hay phố phường. Nhiều người trong số này, chẳng qua là trở lại với cách sống và hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám mà thôi. Lúc ấy (trước Cách mạng Tháng Tám) họ đã biết gì về quân sự đâu, dưới quyền cai trị khắt khe của thực dân Pháp, họ làm gì có súng và tập bắn. Nhưng tình thế chiến tranh xâm lược của đế quốc buộc họ phải tìm lấy vũ khí, phải cầm súng, học bắn, chiến đấu trong chín năm qua để khỏi bị mất nước, khỏi bị làm nô lệ.

*“... Yêu nước mỗi người cầm vũ khí,  
Súng gươm nên chẳng biết tay mình.  
Cờ đào lộng gió bừng tâm trí  
Áo vải, lòng dân, cây đoản binh...”*

Ngày nay đình chiến rồi, hòa bình rồi họ lại trở lại cuộc đời người dân và làm chính trị là lẽ tự nhiên. Nhưng người dân đang làm chính trị này cũng là dự trữ của Đảng để khi bắt buộc phải dùng đến cái vốn kinh nghiệm đấu tranh vũ trang mà họ đã tích lũy được để khỏi đi đường vòng, ít nhất trong giai đoạn đầu.

Số cán bộ quân sự được chọn để lại này không cần nhiều mà cần chất. Họ phải có điều kiện sinh sống làm ăn trong dân mà không lộ liễu. Không phải ai muốn tự ý ở lại cũng được và ai đã được chọn ở lại, muốn đi tập kết là đi. Đó là phẩm chất và là kỷ luật. Và đó là nhiệm vụ Đảng giao, đi tập kết hay ở lại hoạt động chính trị đều là nhiệm vụ của ngày nay của ngày mai, cán bộ nào cho nhiệm vụ ấy. Biết phân bổ và lựa chọn cán bộ vẫn là một khâu chiến lược quyết định thành bại. Nhiều việc lớn hư hỏng thất bại, có khi do khâu này trong lúc đường lối vẫn đúng đắn. Đó là kết luận từ thực tế. Lịch sử của ta cũng không hiếm những ví dụ về việc dùng “cán bộ”. Ngay thời phong kiến, Tô Hiến Thành - một đại thần đời Lý, làm thái úy chính cho

---

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1981, t.30, tr.197.

vua còn nhỏ tuổi (Lý Cao Tông), là cột trụ giữ yên cho nhà Lý. Khi ông bệnh nặng Chiêu linh hoàng thái hậu đến thăm và hỏi rằng: “Nếu chẳng may, thì ai là người đáng thay ông?”. Tô Hiến Thành trả lời: “Trần Trung Tá có thể thay được” (Trần Trung Tá đang giữ chức vụ giám thị đại phu và đang bận việc công chưa lúc nào rỗi đến thăm hỏi ông được). Thái hậu nói: “Vũ Tấn Đường ngày nào cũng hầu thuốc thang cho ông, ông lại không nói đến là làm sao?”. Tô Hiến Thành trả lời: “Vì thái hậu hỏi người đáng thay tôi làm phụ chính nên tôi nói là Trần Trung Tá, nếu như hỏi người hầu nuôi thì không phải Vũ Tấn Đường, còn ai nữa?”<sup>1</sup> (Vũ Tấn Đường làm tham tri chính trị trong triều, luôn túc trực bên giường bệnh Tô Hiến Thành).

Thật là vì nước, không vì ơn riêng hay bà con dòng họ, không vì phe cánh cho tham vọng cá nhân. Trong thời đại phong kiến đã có con người như vậy. Xưa và nay dễ được mấy người.

Chính các đồng chí Lâm Quốc Đảng và Lê Thanh mà tôi nói ở phần trên là nằm trong số này, không đi tập kết, ở lại làm dân nhưng rồi buộc lòng phải cầm súng trở lại. Họ chỉ cầm súng khi có yêu cầu mà Đảng chỉ thị, còn khi chưa có chỉ thị thì nhất thiết không được tự động dùng vũ lực. Đó là kỷ luật cách mạng. Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên<sup>2</sup> là một cán bộ chỉ huy quân sự cao cấp nhất lúc ấy không đi tập kết, ở lại chuyển nhiệm vụ trong số này, đã kể lại rằng: Năm 1955-1956 (hồi ấy đồng chí sống ở miệt ruộng Bạc Liêu - Cà Mau và phụ trách tổ chức lực lượng thanh niên yêu nước và công tác binh địch vận), lực lượng của ta rất mạnh, làm chủ rộng rãi các vùng nông thôn, địch chưa tổ chức được chính quyền của chúng. Cơ sở đảng rộng khắp mọi nơi, hệ thống chỉ đạo vững vàng ngay từ năm 1955. Còn năm 1956 thì lực lượng quần chúng yêu nước được củng cố và phát triển nhất là thanh niên. Trong thời kỳ chiến tranh, nhân dân tự tổ chức tự vệ bao gồm các thanh niên hăng hái, hầu như xã nào cũng có, xã nhiều nhất như Biển Bạch có đến hàng trăm. Số tự vệ ấy trang bị gậy gộc hay bất cứ công cụ gì có trong nhà, ngoài ruộng, là lực lượng để chống trộm cướp bảo vệ tài sản của nhân dân, bảo vệ tính mạng cho cán bộ, và đặc biệt là bảo vệ các cuộc mítting, biểu tình, đấu tranh chính trị của quần chúng.

Một ví dụ điển hình về hiệu lực của các lực lượng tự vệ này là cuộc đấu tranh thắng lợi hai ngày hai đêm bảo vệ và giải thoát cán bộ ta bị một tiểu đội biệt kích

---

1. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1972, t.1.

2. Hiện nay là Trung tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 9. Trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí đã từng là Chỉ huy trưởng Liên trung đoàn hoạt động ở các tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long, Sa Đéc thuộc Quân khu 8. Đồng chí là đảng viên Đảng Cộng sản trước Cách mạng Tháng Tám, đã bị thực dân Pháp bắt tù đầy đi Côn Đảo. Đồng chí còn có bí danh là Tám Dền Dền, Tám Kiến Quốc, là cán bộ quân sự hoạt động ở chiến trường Nam Bộ từ năm 1945 liên tục cho đến năm 1975, khi đó là Chỉ huy phó các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam.



của Diệm bắt, khoảng tháng 4/1955 tại kênh xáng Mương Điều, tỉnh Cà Mau. Do bọn chỉ điểm hướng dẫn, đang nửa đêm tiểu đội biệt kích ác ôn bí mật luồn vào ấp, ập vào nhà bắt hai cán bộ ta đang ngủ. Thanh niên tự vệ tại chỗ đánh mõ báo động. Hàng nghìn bà con tại xã An Khương đổ ra bao vây toàn bộ tiểu đội địch lại không cho di chuyển, tiếng mõ nhà này chuyển sang nhà khác, xóm này chuyển sang xóm khác lan xa hàng 30km. Thanh niên tự vệ từ các xã Cái Tàu, Khánh Lâm, Khánh Bình, Tân Lập, Tân Thành tay cầm gậy, đuốc sáng choang, chạy đến tập trung ngày càng đông, vây chặt vòng trong vòng ngoài quanh bọn biệt kích, đòi trả tự do cho những người vô tội bị bắt. Người bị bắt chưa được thả thì bọn biệt kích chưa được tự do. Tiếng náo động vang xa, một khoảng trời rực sáng, khí thế vút tâng cao.

Bọn địch ở Cà Mau hay tin liền cho một tàu từ thị xã chạy đến để hỗ trợ cho bọn biệt kích. Nhân dân đã huy động lực lượng đông đảo đến đập ngay một đập chắn trên kênh không cho tàu vào đến địa điểm. Cuối cùng, chịu thua, bọn biệt kích đành thả cán bộ ra, nhận là bắt lầm người lương thiện, xin lỗi nhân dân để được rút an toàn tính mạng.

Thời kỳ ấy đâu đâu cũng có phong trào hợp pháp “dân canh chống cướp” này. Và bằng cách chống cướp đã giải thoát cho rất nhiều cán bộ ta bị địch bắt. Nhiều bọn lính địch bị gán là cướp, bị no đòn trước khi trở về được với đồng bọn. Thật là một sáng tạo lớn lao của cách mạng về tổ chức vũ trang tự vệ trong hoàn cảnh không được dùng vũ trang.

Công tác dân vận trong chính quyền và binh lính địch cũng phát triển mạnh. Không khí chiến thắng của cách mạng từ Điện Biên Phủ đã có ảnh hưởng lớn trong các cấp ngụy quyền và sĩ quan địch. Ta đã có khả năng nắm hàng chục tiểu đoàn gồm cả thiết giáp, pháo binh, nhiều nhất là các tiểu đoàn bộ binh. Ta có cơ sở có hiệu lực trong ba của bốn hạm đội hải quân. Các cơ sở hành chính mà địch đã tổ chức, ta nắm khoảng 80%. Nhiều cán bộ chính quyền và sĩ quan các cấp của ngụy quyền đều có liên hệ với ta qua gia đình thân thuộc, qua bạn bè. Chưa có thời kỳ nào mà công tác binh địch vận của ta có kết quả lớn hơn như vậy, bao trùm lên cả các căn cứ, đồn bót, bộ máy, đối tượng và các loại lực lượng của địch. Nhờ thế ta đã vô hiệu hóa được nhiều cuộc càn quét, hạn chế được những khủng bố giết chóc, bảo vệ được nhân dân, cán bộ của ta.

Đồng chí Tám Xuyên, năm 1967 về miền Đông còn có cái tên rừng rẫy nhớ mà anh em đặt cho là Tám Dên Dên, có lẽ do tấm lòng thanh cao của đồng chí, đã cười một cách rộng mở thích thú khi kể rằng có một lần, đồng chí lãnh đạo cao cấp của ta - đồng chí Lê Duẩn, vô tình bị địch bắt giải về trụ sở chính quyền xã. Nhiều đồng chí ta không biết rõ tình hình, hết sức lo lắng. Nhưng “anh em ngụy quyền” ở xã đã



tổ chức rất cẩn thận đưa đồng chí vào căn cứ an toàn. Tất nhiên là tình hình toàn Nam Bộ không phải đều như vậy, có nơi yếu hơn. Đó là chưa kể các đơn vị giáo phái vũ trang vào tá túc trong các vùng của ta và sẵn sàng nghe theo ta.

Đồng chí kể tiếp: Trong các năm 1955-1956, lực lượng mọi mặt của ta rất mạnh, lực lượng chính trị của địch quá kém, nhưng ngay lực lượng vũ trang của chúng, bọn mà ta chưa nắm được thì sức chiến đấu hầu như không đáng kể. Đồn bót thì công sự phòng ngự không ra gì, cái cũ đổ nát, cái mới xây dựng còn sơ sài. Đến nỗi nhân dân cứ than phiền rằng nguy yếu kém như vậy sao Đảng không cho diệt đi cho xong, dễ quá mà. Tụi bay ra lệnh là bà con tụi tao xông vô xô cũng lấy đồn được ngay. Trước tình hình đó, tôi đã đề nghị làm một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền như hồi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chắc sẽ thành công. Tôi đã phân tích tương quan lực lượng và viện lý rằng Mỹ - Diệm ra sức phá Hiệp định Giơnevơ, cho đến lúc ấy không chịu hiệp thương tổng tuyển cử, thì nhân dân có quyền lật đổ chúng để thống nhất nước nhà. Cấp trên đã trả lời tôi rằng chưa phải lúc. Ta phải trung thành với chữ ký của mình, tôn trọng pháp lý quốc tế. Ta kiên quyết bảo vệ hòa bình, kiên trì đấu tranh bằng chính trị, dân chủ, chính nghĩa nhất định về ta, nhất định sẽ thắng. Không được tự động bất cứ trường hợp nào, phải nắm vững đường lối của Đảng. Cho mãi những năm về sau nữa, đồng chí Mười Cúc (tức đồng chí Nguyễn Văn Linh) lúc ấy là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, thỉnh thoảng lại dè chừng tôi: Hãy bình tĩnh đừng ăn non đấy nhé!

Tài liệu nghiên cứu của Lầu Năm Góc xác nhận: Từ năm 1954 đến năm 1956 Nam Việt Nam tương đối ổn vì cán bộ cộng sản được bố trí ở lại miền Nam chỉ chủ tâm đến “đấu tranh chính trị”<sup>1</sup>. Tình báo Mỹ nhận định: “Số cán bộ ở lại có nhiệm vụ chính là chuẩn bị cho tổng tuyển cử dự định vào năm 1956 để thống nhất đất nước”. Số cán bộ khung này được lệnh chỉ tiến hành đấu tranh chính trị “nghĩa là nói chung chỉ hoạt động tuyên truyền và thâm nhập bộ máy chính phủ Sài Gòn”<sup>2</sup>.

Ta kiên trì giữ vững hòa bình, ngăn chặn chiến tranh, tuân thủ pháp lý quốc tế không đồng nghĩa với mất cảnh giác hay tin rằng mọi việc sẽ đi theo một chiều như đã sắp đặt. Trong lúc kiên quyết đấu tranh chính trị ta cũng đã đề phòng đấu tranh vũ trang trở lại nếu địch buộc ta phải hành động như vậy. Vì vậy Xứ ủy Nam Bộ đã dự liệu tình huống xấu là Mỹ - Diệm sẽ hủy bỏ Hiệp định Giơnevơ, tiến hành chiến tranh để thôn tính miền Nam, xâm lược miền Bắc, đặt đất nước ta vào vùng nô lệ một lần nữa. Cùng với cán bộ để lại, phải có một số vốn vũ khí tối thiểu để xây dựng lực lượng từ nhỏ đến lớn, nếu cần. Lịch sử lại lặp lại chẳng? Đến một

---

1, 2. *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Thông tấn xã Việt Nam phát hành, 1971, t.1.

ngày nào đó ta lại trở lại sống và hoạt động như những ngày tháng 9/1945? Nhưng chắc chắn là lịch sử không lặp lại nguyên xi vì tình thế đã khác và kẻ địch cũng đã khác. Cái vốn ban đầu cần là cán bộ và vũ khí. Trong lúc lực lượng vũ trang ta tập kết ra miền Bắc thì hầu như tỉnh ủy nào cũng giữ lại cho mình một số vũ khí nhất định mà chỉ một hai đồng chí được biết. Số vũ khí ấy được cất giấu cẩn thận như kiểu niêm phong chắc chắn, khi có lệnh mới được động đến mở niêm ra. Khi chưa có lệnh thì dù phải hy sinh đến tính mệnh vẫn không được tự ý sử dụng. Số vũ khí này, những năm về sau một số ít bị địch lấy được do một vài tên phản bội chỉ dẫn, một số vì bảo quản không kỹ nên lâu ngày bị hư không dùng được, nhưng một số khác đã có tác dụng tốt sau này khi địch buộc ta phải sử dụng. Số cán bộ không nhiều, vũ khí không nhiều nhưng nó nói lên một suy nghĩ chiến lược, một tầm nhìn xa thấy rộng, một cảnh giác cách mạng cần thiết, một dự liệu cho nhiều tình huống phức tạp mà bất cứ với tình huống nào cũng chủ động không lúng túng. Ta tuân thủ Hiệp định Giơnevơ đấu tranh thực hiện Hiệp định đến cùng đồng thời đề phòng trước sự phá hoại, phản bội. Đó là chính nghĩa, là cách mạng. Ta có lực lượng chính trị, lực lượng binh địch vận mạnh, ta có vũ khí và cán bộ quân sự sẵn sàng nhưng lúc nào sử dụng lực lượng nào, điều kiện chín muồi cho phương pháp đấu tranh nào, đó là quyết định có trách nhiệm cao đối với nhân dân ta và nhân dân thế giới. Quyết định sớm khi chưa đủ điều kiện dễ đi đến thiếu chính nghĩa trong nước và ngoài nước, hành động non yếu, vội vã dễ đi đến thất bại, thiệt hại. Quyết định muộn có khi lỡ thời cơ, gây tổn thất nặng nề cho Đảng, cho nhân dân và kéo dài thời gian không có lợi cho cách mạng, thậm chí có khi dẫn đến thất bại chua cay. Đây là một vấn đề hết sức khó khăn, đòi hỏi sáng suốt, nắm bắt sát và nhạy bén với tình hình chung và tình hình diễn biến cụ thể.

### CHƯƠNG III

## Cây muốn lặng - gió chẳng dừng

Như đã nói trên, Mỹ - Diệm cố phá hủy Hiệp định Giơnevơ chia cắt lâu dài đất nước ta. Chia rẽ độc địa các gia đình Việt Nam kẻ Nam người Bắc. Chúng đã cự tuyệt hiệp thương tổng tuyển cử dân chủ trong cả nước, tiêu diệt các đảng phái đối lập, các giáo phái vũ trang, thiết lập chế độ độc tài gia đình trị, khủng bố phátxít nhân dân, tổ cộng diệt cộng một cách tàn khốc.

Ở Nam Bộ từ cuối năm 1956 trở đi, các chiến dịch “tổ cộng”, “diệt cộng” ngày càng tiến hành rộng rãi, cuộc tàn sát ngày càng đẫm máu. Diệm đã triển khai một chiến dịch tuyên truyền độc ác trên đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, báo chí, trong các trường học, trong nhân dân, bịa đặt, vu cáo nặn ra hình tượng cộng sản như một con quỷ dữ hút máu người. Trong lúc đó chúng dùng quân đội, cảnh sát, mật vụ, ác ôn, chia nhỏ từng tiểu đội ruồng sục khắp thôn ấp làng mạc hoặc mở các chiến dịch càn lớn bắt giết bất cứ người nào chúng nghi hay vu là cộng sản. Chúng dùng tất cả những thủ đoạn dã man tàn ác nhất để tra tấn và giết người, từ những thủ đoạn của thời trung cổ đến những thủ đoạn hiện đại nhất của các cố vấn Mỹ. Chúng bắt và giết không cần bằng cứ, không kể già trẻ, phụ nữ, trẻ em. Bọn bên trên thì hò hét đôn đốc theo phương châm: “thà bắt nhầm hơn bỏ sót”, bọn bên dưới thừa hành thì được dịp làm mưa làm gió để vơ vét của cải và trả thù cá nhân. Báo *Cách mạng quốc gia* của Diệm hô hào: “Không được xem cộng sản là người nữa, phải ra sức giết, giết không run tay!”. Chúng đã gây một không khí khủng khiếp khắp thôn quê, thành thị. Chúng tung mật vụ, tổ chức mật vụ trong từng phố phường, thôn ấp, trong từng cơ quan, xí nghiệp, trường học, trong từng gia đình, ly gián mọi người, cố tạo ra cảnh nghi kỵ, không tin nhau và ghét bỏ nhau ngay trong một gia đình.

“CIA hết lòng ủng hộ chương trình hăm dọa và đàn áp ở nông thôn của Sài Gòn. Các nhà hoạt động CIA ở Việt Nam rõ ràng dùng Diệm để hủy bỏ Hiệp định Giơnevơ và khi mục tiêu chủ yếu đã đạt được, CIA giúp Diệm củng cố thể độc tài của hắn ở Nam Việt Nam”.

Đó là lời xác nhận sau này của một người Mỹ: Giôdép Amtơ trong cuốn *Vietnam Verdict* (Lời phán quyết về Việt Nam).

Mỹ - Diệm đã tuyên bố công khai: “Không được xem cộng sản là người nữa, phải ra sức giết, giết không run tay”. Đó phải chăng chúng đã thú nhận chúng không có một chút tình người nào mà là một bầy ác thú chỉ có giết và giết. Xin kể một vài câu chuyện nhỏ để dẫn chứng và nhớ lại thời kỳ khủng khiếp đó:

Chúng bắt buộc các gia đình có người đi tập kết phải cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng, cha con. Chúng quy định thời gian cho những chị em nào có chồng đi tập kết phải làm giấy ly dị và bắt buộc chị em phải lấy cảnh sát, ác ôn: Không tuân thì giết. Chị Chín ở Bến Tre có chồng đi tập kết ra miền Bắc là anh Biên. Chính quyền xã ép buộc chị ly dị và lấy lẽ một cảnh sát trong ấp. Chị cự tuyệt. Một đêm, tên cảnh sát ấy ập tới nhà chị, bắt chị hãm hiếp rồi đâm chết, mổ lấy mật đem về lãnh thưởng vì đã giết được một tên “Việt cộng”.

Bà Kế ở huyện Giồng Trôm có chồng là Mười Văn và các con tham gia kháng chiến, không đi tập kết. Chúng bắt bà tra tấn cực kỳ dã man, bắt chỉ chồng con cho chúng. Bà nhất định không khai. Biết không thể sống được với bọn mặt người dạ thú này, bà hét vào mặt chúng: “Chồng con ở trong tim tao nè, quân bầy muốn kiếm thì moi ở tim tao mà lấy”. Chúng moi tim bà thật.

Kể sao hết những hành vi man rợ như vậy đã diễn ra khắp miền Nam đau thương trong bao năm ròng đen tối. Chỉ riêng một tỉnh Bến Tre đã không thể kể xiết rồi. Anh Xưởng ở Mỏ Cày, người kháng chiến trở về làm ăn đã bị bọn ác ôn bắt đem ra giữa đồng cắt môi, cắt lưỡi, mổ bụng, moi gan, tim đem về bóp nhấm rượu. Anh Võ Tấn Nhất đúng là một người cộng sản (Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre lúc ấy) mà nhân dân vô cùng yêu mến. Chúng bắt tra tấn cực hình đủ kiểu, anh vẫn cắn răng không hề hé một lời. Chúng hành hạ ở khắp các nhà giam. Cuối cùng chúng đưa anh về tỉnh nhà, đánh gãy thêm ba xương sườn, đóng lút đinh trên cả mười đầu ngón tay, căng trên ống cống phơi nắng cả tuần lễ, anh vẫn giữ vững khí tiết người cách mạng kiên cường. Không làm gì được, chúng bỏ anh vào hầm tối không cho ăn uống cho đến chết. Anh Tám ở xã Lộc Thuận bị địch cột chân sau xe GMC, cho xe chạy kéo theo anh trên đường đá lởm chởm, máu và thịt anh rơi rớt trên cả đoạn đường dài.

Bọn cướp nước và bán nước đối xử với nhân dân ta như vậy đó. Thế mà ngày nay chúng còn dám mở miệng nói đến đạo lý, đến nhân quyền. Và người Mỹ có khó khăn gì mà không tìm ra nguyên nhân thất bại nhục nhã ở Đông Dương? Chúng ta thậm thía biết bao câu nói bất hủ của Bác Hồ: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Để chuẩn bị cho việc bắt giam hàng loạt đại quy mô, Diệm đã cho ra “Dụ số 6” từ ngày 11/01/1956, lập các trại tập trung các nơi, vì hệ thống nhà tù của thực dân Pháp để lại không thấm vào đâu với số người bị bắt giam trong thời kỳ “tố cộng” này. Trại tập trung và nhà tù cũ, mới không đủ chứa, Diệm phải giam cả trong các nhà thờ, nhà chùa, thánh thất, trường học. Có nhà tù lớn chứa tới 6.000 người như Phú Lợi, 4.000 người như Chí Hòa, 3.000 người như Biên Hòa và hàng trăm nhà tù khác chứa từ 1.000 đến 2.000 người.

Theo phương châm “thà giết lầm chứ không bỏ sót”, “coi Việt cộng không phải là người”, Mỹ - Diệm đã tàn sát bừa bãi, bắt giam bừa bãi, gây thiệt hại lớn cho Đảng ta, cho nhân dân ta, nhưng chúng không thể nào bắt và giết hết những người cộng sản, những người cách mạng trừ phi chúng giết hết nhân dân.

Chính nhân dân ta đã bằng mọi cách nuôi nấng bảo vệ cho từng cán bộ, từng đảng viên. Không phải cá biệt ở vùng nào mà khắp nơi từ làng mạc ở nông thôn đến khu phố ở các đô thị, nhân dân giấu cán bộ trong hầm bí mật, chăm chút từng bữa cơm, manh áo, săn sóc thuốc men khi đau yếu, đấu tranh giành giật với địch khi cán bộ bị bắt. Họ làm những việc ấy với ý thức đầy đủ là bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng. Họ hiểu sâu sắc rằng còn Đảng là còn tất cả, quyền lợi, tự do, sinh mạng của người dân và sống còn của đất nước. Biết bao tấm gương vô cùng cảm động của những bà mẹ, người chị, của những em bé bị tra tấn chết đi sống lại vẫn không chịu chỉ hầm bí mật có cán bộ ẩn ngay trong nhà, trong vườn của mình. Đã có người bị bắn chết gần miệng hầm mà bên dưới cán bộ, đảng viên đang nấp.

Má Kế ở Hưng Phong (Bến Tre) nuôi giấu cán bộ dưới hầm bí mật. Địch phát hiện được, bắt má tra tấn dã man, má vẫn không khai. Một câu nói bất hủ của má mà nhân dân Bến Tre còn truyền tụng đến hôm nay khi má trả lời với quân thù: “Việt cộng ở trong tim tao!”. Cuối cùng địch mổ bụng, moi gan, má chịu chết bảo vệ được cán bộ. Tinh thần hy sinh cao cả của nhiều người dân thường, không một lời nhả nhủ, không để lại họ tên, tự nhận cái chết để bảo vệ đảng viên sống, để cho Đảng tồn tại, hầu đưa lại toàn thắng cho cách mạng, hạnh phúc cho toàn dân.

Một trong những tấm gương sẵn sàng làm mọi việc để bảo vệ Đảng, bảo vệ đảng viên là anh nông dân Võ Văn Thiệu ở xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Tam Cần (tỉnh mới do Diệm lập gồm các huyện Tam Bình, Tiểu Cần, Trà Ôn, Cầu Kè, Bình Minh, sau này chúng đã giải thể). Ngày ấy nhân dân trong xã đều một lòng đi với cách mạng. Hầu hết người của ngụy quyền đều được nhân dân giác ngộ, chịu nhận nhiệm vụ của cách mạng qua mối liên lạc với anh Võ Văn Thiệu. Dựa vào cơ sở vững mạnh của toàn xã, các đồng chí trong tỉnh đã bố trí cho đồng chí Mười Thơ (Nguyễn Thành Thơ) - Bí thư Tỉnh ủy Tam Cần (do địch tổ chức tỉnh mới, ta cũng

thành lập tỉnh ủy của tỉnh ấy để dễ lãnh đạo) ở và làm việc ngay tại xã này để đảm bảo an toàn. Trong một thời gian dài ta vẫn giữ được bí mật nhờ nhân dân và cơ sở ta trong nguy quyền bao bọc. Nhưng rồi địch nghi ngờ, cho gián điệp điều tra theo dõi. Chúng đã phát hiện được đầu mối liên lạc với Đảng trong xã là anh Võ Văn Thiệu nên chuẩn bị bắt anh. Cũng nhờ nhân dân mà ta biết được tin nên tổ chức cho anh Thiệu tạm lánh qua một vùng khác. Chúng gian ác đã bắt vợ anh Thiệu và định ngày xử bắn nếu đến ngày ấy anh Thiệu không ra đầu thú. Các đồng chí ta đã bàn với anh Thiệu chịu ra gặp địch để cứu gia đình và bàn cách khai báo để bảo vệ cơ sở cách mạng. Anh khẳng khái: “Tôi sẵn sàng làm mọi việc để bảo vệ Đảng, giữ vững cách mạng, dù chúng bắt giam hay bắn chết tôi”.

Anh Thiệu đã ra cho địch bắt và khai cho chúng tất cả những tên ác ôn có nợ máu với nhân dân trong vùng, với đủ bằng cứ những tên ấy là “cơ sở bí mật” mà chúng muốn tìm. Bọn ấy bị bắt trong lúc tất cả các đồng chí, nhân dân trong xã cũng như những người của nguy quyền giác ngộ làm cho cách mạng trong xã vẫn an toàn. Địch đã giết chết anh nhưng anh vẫn không chết trong lòng cán bộ và đồng bào vùng ấy.

Mỹ - Diệm hiểu thấu qua thực tế: Nhân dân và những người cộng sản, cách mạng là thống nhất, mỗi Việt cộng là một người dân trong biển dân mệnh mông. Chúng đề ra khẩu hiệu “Tát nước bắt cá”, có nghĩa là phải đánh vào dân, tách dân ra khỏi những người cộng sản thì mới diệt được.

Ta nói tình quân dân như tình cá với nước là nói đến sự gắn bó máu thịt giữa quân và dân, dân và những người cách mạng không thể nào tách rời được. Ta xem nước không chỉ có tác dụng nuôi cá sống để cá vẫy vùng, mà nước còn là sức mạnh thần kỳ có thể nổi sóng nhận chìm tất cả bọn giặc và tay sai, cả loài phi nhân bạc nghĩa. Nước có thể chở thuyền và cũng có thể lật thuyền. Ở đâu có nước ở đó có cá, không thể nào bắt hết cá khỏi nước được. Hiểu một cách thô thiển, Mỹ - Diệm ra sức tát nước để bắt cá. Chúng tính nhốt hết nhân dân vào các trại tập trung gọi là khu dinh điền, khu trù mật. Mỹ - Diệm đã quy hoạch một hệ thống các khu dinh điền lẫn vào các khu căn cứ cũ trong kháng chiến chống Pháp của ta. Chúng gọi các khu dinh điền ấy là “pháo đài tiểu cộng”. Những cứ điểm bao vây Việt cộng không cho chúng một mảnh đất hoang vu nào để hoạt động. Chúng chia nhỏ các tỉnh, huyện lập thêm nhiều tỉnh mới, nhằm mục đích trấn áp, đi đến phá tan các khu căn cứ của ta. Ví dụ như các tỉnh Long Khánh, Phước Tuy, Bình Tuy để đánh phá các vùng căn cứ của Bà Rịa, Biên Hòa. Tỉnh Bình Long, Bình Dương, tỉnh Phước Thành trùm lên Chiến khu Đ và Khu A của ta. Tỉnh Long An, Kiến Tường, Kiến Phong để phá khu Đồng Tháp Mười, tỉnh Tam Cần để cắt làm hai vùng đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh Long Xuyên, Chương Thiện để khống chế



rừng U Minh... Từ năm 1957 đến năm 1959, Diệm đã lừa dân “di cư” bị mua chuộc ở miền Bắc và “di cư” cưỡng bức từ Trung Bộ lên Tây Nguyên, vào các tỉnh Nam Bộ, lập nhiều khu dinh điền (trên 80 điểm ở Nam Bộ), phá sạch trên 12.000ha rừng và các vùng căn cứ. Hơn nữa Trần Lệ Xuân còn dùng bọn tư sản, có lực lượng vũ trang bảo vệ, phá rừng khai thác gỗ, củi bừa bãi và làm đường xe hơi xé nhỏ các khu Bắc Biên Hòa, Phước Long, Bắc Tây Ninh... Diệm cho mở các chiến dịch gồm hàng sư đoàn càn quét ác liệt dài ngày như chiến dịch Trương Tấn Bửu vào rừng miền Đông, chiến dịch Thoại Ngọc Hầu ở miền Trung và miền Tây... Ở vùng đồng bằng đông dân Diệm lập khu trù mật tập trung dân vào đấy, kiểm soát chặt chẽ. Trong mỗi khu trù mật đều có một tiểu khu dành riêng cho những người tình nghi là cộng sản, những người kháng chiến cũ, những gia đình có người đi tập kết ra miền Bắc. Tiểu khu này được rào dây thép gai kiên cố hơn, có tháp canh nghiêm ngặt hơn. Diệm tuyên bố: “Xong khu trù mật này đến khu trù mật khác, cứ làm, làm mãi, làm cho nông dân trở nên những pháo đài kiên cố của tự do”. Thật ra Diệm cố nhốt chặt tự do vào những pháo đài kiên cố. Để tuyên truyền lừa mị, che giấu dã tâm, Diệm tuyên bố ở Vị Thanh rằng:

“Ý nghĩa khu trù mật là xây dựng một xã hội mới để thực hiện công bằng, bác ái, đồng tiến xã hội trong hoàn cảnh một nước kém mở mang”.

Nhưng thực sự đã đưa lại bao nhiêu thống khổ cho nhân dân, đời sống nông thôn bị xáo trộn toàn bộ. Tất cả dân phải vào khu trù mật, nhà ở cũ bị phá, dỡ hay đốt sạch, vườn tược cây cối bị đốn. Còn nơi xây dựng khu trù mật thì san bằng hàng ngàn, vạ công lúa, rẫy, kể cả lúa đang trổ bông, lấp hàng trăm đĩa, ao. Ai không chịu bỏ vườn, nhà, mồ mả ông cha đi tập trung thì bị bắt bớ tàn sát, khủng bố thẳng tay. Hàng loạt khu trù mật kiểu mẫu, dồn nhốt vào mỗi khu hàng vạn nông dân như các khu Khánh Vân (Thủ Dầu Một), Hậu Mỹ (Mỹ Tho), Thành Thới (Bến Tre), Cái Sơn ở Tam Bình, Vĩnh Long, An Biên (Rạch Giá), Vị Thanh, Hòa Lựu ở Cần Thơ... Nông dân căm phẫn và đã chống lại bằng mọi hình thức: Biểu tình, đưa đơn phản đối, dùng dao rựa chém bọn lính dỡ nhà, bị bắt lừa đi lại trốn về cất chòi ở trên nền nhà cũ, nổi lên tập thể phá rã khu trù mật... Báo chí công khai thời ấy cả trong và ngoài nước đều phản ánh sự bất bình cao độ của nhân dân trước chủ trương độc ác thất nhân tâm ấy của Diệm.

Báo Anh *Người xứ Êcốt* ngày 22/6/1960 viết: “Khu trù mật là những khu hình vuông, có đèn điện, có nhà thương, trường học, nhà lá. Những thứ đó được xây dựng bằng sức lao động “tự nguyện” của những người nông dân do quân đội đi bắt một cách độc đoán. Khi một khu trù mật hoàn thành, thì những nhà cũ của những người đến khu trù mật đều bị phá. Nhưng như thế thì hàng ngàn nông dân

phải đi hơn 10 dặm đường để làm việc trên ruộng đất của họ, để mang trâu bò và dụng cụ đi và về. Cho nên, phần đông họ không đồng ý với chương trình lập khu trừ mật. Việc các khu trừ mật có thể chống lại hoạt động của cộng sản một cách có hiệu quả là điều đáng ngờ”. Còn đồng lý văn phòng của Diệm thì kể lại:

“... Tới giữa 1959 đã có 25 khu trừ mật thành lập, 25 thị trấn hoàn thành trong thời gian kỷ lục chưa đầy hai năm, được coi như một kết quả không ngờ.

Nhưng ông tổng thống cũng không ngờ những phản ứng trong dân gian. Lời ta thán và đơn khiếu nại tới ông mỗi ngày một nhiều: bị đe dọa nên phải dời nhà, bị thiếu thốn về mọi mặt thay vì được trợ cấp, công quỹ bị biến thủ, kinh phí bị phóng đại, tài sản bị xâm phạm... nhà nông không thể tiếp tục công việc hằng ngày, khu vườn ruộng cũ ở xa khu mới...

Cực chẳng đã ông đành phải bảo tạm đình... chắc ông Diệm phải nhận rằng mưu sự tại ông, nhưng thành sự tại những người chấp hành”<sup>1</sup>.

Đó là nhốt người. Ngoài ra, Diệm còn cướp đất của nông dân. Trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, chính quyền cách mạng đã thực hiện một loạt các chính sách tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian, tạm giao ruộng đất vắng chủ, tạm cấp đất hoang và chia lại công điền, xóa bỏ nợ nần và giảm tô, giảm tức. Nhờ đó nông dân lao động Nam Bộ đã giành được khoảng trên 56 vạn héc-ta ruộng đất và nhiều quyền lợi khác. Đời sống ở nông thôn đã cải thiện khá nhiều. Mặc dầu chiến tranh, lắm nơi ác liệt, nông dân vẫn bám lấy ruộng vườn, vừa sản xuất nuôi mình, nuôi quân, vừa trực tiếp chiến đấu bảo vệ làng mạc. Ngay ở những vùng trước thời kỳ kháng chiến còn hoang vu, nghèo khổ như vùng Đồng Tháp Mười, cuộc sống cũng được nâng lên rõ rệt. Tôi không thể nào quên cảm giác đau xót trước cảnh nghèo đói của đồng bào khi lần đầu tiên 1945-1946 vào Đồng Tháp Mười để xây dựng căn cứ kháng chiến. Đi đến đâu cũng gặp người dân ở trần, chỉ có mảnh bao bố rách che thân, nhà là những chòi dựng che tạm mưa nắng, dột nát và ngập ngụa trong mùa nước lên cao. Có nhà, hai vợ chồng chỉ có chung một mảnh bố, thay nhau ra ngoài làm lụng, người ở nhà phải trần truồng như tất cả trẻ con. Ở những vùng ruộng bao la, cò bay thẳng cánh mà họ không có mảnh đất cắm dùi, chỉ đem sức lao động, mồ hôi, nước mắt đổ ra kiếm cái ăn từng bữa vô cùng thiếu thốn. Sống giữa những vùng cá tôm đầy dưới kênh rạch địa bầu, họ mò bắt một con cá con tôm đỡ lòng cho con nhỏ cũng bị bắt bớ, đánh đập, có khi ngồi tù, vì tất cả đất đai sông núi đều là của địa chủ. Chế độ thực dân và phong kiến bóc lột tận xương tủy nhân dân ta như vậy đó. Chín năm kháng chiến chống Pháp

---

1. Đoàn Thêm: *Những ngày chưa quên*, Sđd.

cũng là chín năm cách mạng bước đầu đem lại ruộng đất cho dân cày, đời sống ấm no cho người lao động, tự do và nhân phẩm cho mọi người. Tuy chưa phải sung túc và tự do trọn vẹn vì còn có giặc nhưng người dân đã hiểu Đảng và gắn bó với cách mạng, quyết tâm giữ vững quyền lợi của mình. Ngày nay Diệm lại ráp tâm cướp lại ruộng đất của nông dân đã được hưởng, phục hồi giai cấp địa chủ để làm cơ sở xã hội cho chế độ tay sai. Năm 1956, Diệm cho ra “Dụ số 57” đề ngày 22/10 về “cải cách điền địa”. Theo dụ này mỗi địa chủ được quyền sở hữu 100ha ruộng lúa, không tính ruộng đất trồng cây công nghiệp hoặc làm bãi chăn nuôi... Giai đoạn đầu của cải gọi là cải cách điền địa này Diệm cho triển khai lập kế ước tá điền, tức là buộc nông dân đang làm chủ ruộng đất của mình mà chính quyền cách mạng hồi chín năm đã chia cho, trả lại cho địa chủ và thực dân, và muốn khai thác mảnh ruộng đất ấy phải ký giao kèo mướn của địa chủ và trả tô theo quy định. Muốn làm được việc ấy Diệm cho tổ chức những cuộc hành quân xuyên sâu vào các làng mạc và ruộng lúa, có công chức của chính quyền và bọn địa chủ đi theo, chia súng ra làm cuộc kiểm kê lại toàn bộ ruộng đất cho địa chủ và xác lập quyền sở hữu của địa chủ, bắt nông dân phải làm tá điền như thời trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Rõ ràng đây là một cuộc phản công lại nông dân của phong kiến và thực dân chỉ khác là thực dân mới Mỹ nay thay cho thực dân cũ Pháp. Mục đích chủ yếu của cuộc phản công quy mô lớn và rất cơ bản này, được che giấu dưới một từ mỹ miều là “cải cách điền địa”, là nhằm thiết lập ách thống trị vững chắc của chúng trên vùng nông thôn rộng lớn, các vùng kháng chiến cũ, trấn áp phong trào cách mạng của nhân dân, nắm nông dân trong bàn tay sắt bóc lột của chúng, khôi phục lại giai cấp địa chủ kết hợp với tư sản mại bản và quan liêu quân phiệt là cơ sở xã hội vững chắc của chế độ tay sai cho Mỹ.

Ngay từ đầu, đi đôi với khoản “viện trợ” dành riêng cho chương trình này, Mỹ đã phái qua miền Nam một đoàn cố vấn, đứng đầu là Vônphơ Latdinxky, một chuyên gia nổi tiếng của Mỹ về cải cách điền địa. Đúng ra là Latdinxky qua giúp Diệm chống lại phong trào cách mạng của nông dân bằng cái khâu trọng yếu là phá cho được thành quả cải cách ruộng đất của Đảng ta tiến hành ở miền Nam đã gây ảnh hưởng sâu sắc trong nông dân, khiến cho nông dân đi với cách mạng. Làm được khâu then chốt này, kết hợp với chính sách khu dinh điền, khu trù mật, Mỹ - Diệm sẽ thực hiện được cái mộng nắm được nhân dân ta dưới bàn tay sinh sát của họ, tiêu diệt được Việt cộng, phá tan được cách mạng. Chính Latdinxky đã nhận định và thú nhận âm mưu này như sau: “Không lấy gì làm lạ rằng những người cộng sản đã tìm được trong các làng mạc miếng đất tốt cho các mục tiêu chính trị của họ. Ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khi họ bắt đầu cùng một số việc khác, tấn công vào trật tự của làng mạc thì họ được hưởng ứng ngay lập tức. Họ kiểm soát

được nông thôn và được nông dân ủng hộ không phải chỉ vì họ kêu gọi đánh đuổi Pháp - một nguyện vọng ăn sâu trong nông dân - mà còn chỉ vì họ đề cập đến vấn đề ruộng đất... Sự thức tỉnh của nông dân là một bộ phận không thể tách rời của chất men cách mạng sau chiến tranh, đang tràn ngập châu Á... Việc những người cộng sản nhấn mạnh vấn đề ruộng đất và sự hưởng ứng của nông dân ít nhất đã góp phần làm cho Chính phủ Diệm phải thừa nhận là có vấn đề ruộng đất và sự cần thiết phải làm cái gì về vấn đề này”<sup>1</sup>.

Còn tài liệu mật của Lầu Năm Góc ghi: “Chương trình cải cách điền địa của Diệm đã không chia lại ruộng đất cho người nghèo mà rút cục chỉ lấy lại những thứ mà Việt Minh đã chia cho họ rồi trả về cho địa chủ”.

Sự thú nhận của Latdinxky và của Lầu Năm Góc cũng chỉ mới đúng một phần. Chính nông dân ta là những người trong cuộc bị cướp đất, bị khủng bố, hiểu rõ thấu tim đen của Mỹ - Diệm. Vì vậy một phong trào đấu tranh quyết liệt của nhân dân nông thôn nhằm bảo vệ quyền lợi ruộng đất mà cách mạng đem lại, kết hợp với đấu tranh bảo vệ tự do chống đồn điền, chống khủng bố, chống tổ cộng diệt cộng ngày càng lan rộng. Mặc dù bị bắt bớ, tàn sát, nông dân đã đồng thanh chống lại, không chịu làm khế ước tá điền, nhất định không chịu trả ruộng đất mà họ đã làm chủ. Đã bao năm nay, nông dân đi với cách mạng, được sự lãnh đạo của Đảng mới giành được ruộng đất từ tay địa chủ, để có đời sống ấm no, tự do lao động trên đất của mình, bây giờ nhất thiết không thể trở lại với kiếp sống tá điền trâu ngựa cho địa chủ, cho thực dân. Lúc đầu nhiều đồng chí của ta không đánh giá được hết tính chất cấp thiết của vấn đề quyền lợi ruộng đất đối với nông dân, không đánh giá được sức mạnh một mất một còn của giai cấp nông dân chống lại địa chủ, phong kiến, cũng không đánh giá hết sự liên quan mật thiết giữa đấu tranh vì quyền lợi ruộng đất, dân sinh với đấu tranh giải phóng dân tộc nên có phần nào phân vân. Các đồng chí ấy nghĩ rằng hiện nay nhân dân ta không còn chính quyền, quân đội, nên khó lòng mà giữ được ruộng đất cách mạng đã chia, có ý muốn lợi dụng các điểm về điều kiện bảo đảm quyền “lĩnh canh”, quyền “lưu canh” và quyền “tiêu mãi” của tá điền trong chính sách “cải cách điền địa” để nông dân không bị xáo canh. Làm như vậy có khác nào vô tình thừa nhận cuộc cải cách điền địa giả mạo, phản cách mạng, chống nông dân của chính quyền Diệm. Nhưng trước làn sóng căm phẫn và tự động đấu tranh của nông dân, nhiều nơi anh em đã hiểu và khẩu hiệu “giữ vững quyền lợi ruộng đất đã giành được” của Đảng đã đề ra được

---

1. V. Latdinxky: “Cải cách điền địa ở nước Việt Nam Cộng hòa”, in trong *Những vấn đề của nền tự do miền Nam từ khi độc lập*, do Trường Đại học Michigan xuất bản năm 1961. Những đoạn này trích theo sách *Cách mạng ruộng đất ở Việt Nam* do Nxb. Khoa học xã hội xuất bản năm 1968.

dân hoan nghênh và hưởng ứng. Có thể nói rằng bất chấp súng đạn dã man của quân Diệm, nông dân kiên quyết đấu tranh bằng nhiều hình thức từ hợp pháp đến bất hợp pháp. Họ đã tự động diệt trừ những tên ác ôn địa chủ hoặc tay sai của địa chủ, trong xã hay của Diệm phái xuống. Họ đã dùng lý lẽ phải chăng đấu với nguy quyền, đã vận động binh lính ủng hộ quyền lợi của bà con và sẵn sàng chống lại bằng bạo lực. Một ví dụ của đấu tranh thắng lợi là cuộc đấu tranh của nhân dân Trảng Bàng thuộc tỉnh Tây Ninh, gần Sài Gòn<sup>1</sup>. Đó là một vùng lớn đất thuộc, cùng với đất bưng, nằm tại xã An Hòa huyện Trảng Bàng. Trước Cách mạng Tháng Tám đất này do tên địa chủ quan lại, đốc phủ Đâu chiếm hữu và phát canh thu tô. Sau cách mạng, chính quyền kháng chiến của ta đã đem chia cho nông dân khai phá làm ăn. Ngoài số ruộng thuộc, bà con đã đổ mồ hôi sôi nước mắt, vất vả nhiều năm mới biến vùng bưng thành ruộng lúa màu mỡ. Dựa vào chính sách “cải cách điền địa” của Diệm, con cháu đốc phủ Đâu cùng với nguy quyền cố cướp lại ruộng đất này chia nhau thu lợi. Tên quận trưởng cầm đầu, sử dụng cả bộ máy cai trị của huyện cùng một số con cháu tên Đâu, nhân viên trắc địa, bọn tề địa phương và một trung đội dân vệ kéo về xã gom dân lại nghe quận trưởng nói chuyện trước khi tiến hành kiểm tra kê và thu ruộng lại.

Hắn đã trình trọng nói về quyền sở hữu ruộng đất và kết luận:

- Đất này là của ngài đốc phủ Đâu, giấy tờ sổ bộ còn sở hữu đảng hoàng. Đồng chí... tây chí... phải trả lại cho chủ cũ.

Đồng bào nhao nhao phản đối và cử một đại biểu cãi lý lại:

- Trước đây cách mạng đã đuổi Pháp giành độc lập cho dân tộc và chia ruộng đất của bọn tay sai Pháp cho dân nghèo. Chúng tôi đã biến những đồng bưng thành ruộng thuộc để có chén cơm ngày nay. Chính quyền quốc gia nói là bảo vệ dân, lo cho đời sống của dân, làm cải cách điền địa, tại sao lại lấy ruộng của dân trả lại cho con cháu tên tay sai của Pháp?

Cứng họng, không trả lời được, tên quận trưởng cứ ra lệnh cho thủ hạ đo đạc, cắm cọc, giăng dây. Nhưng quần chúng kẻ cầm cuốc người cầm xuống, rửa kéo theo sau nhân viên trắc địa, cọc, dây, cắm giăng ở đâu liền bị nhổ, chặt đến đó.

Tên quận trưởng giận dữ ra lệnh:

- Bắt đám dân đã bị cộng sản xúi giục này giải về quận ngay.

Bọn tề dạ ran, nạt dân vệ bắt. Nhưng dân vệ đã bị kẹt trong đám dân chúng đông đảo đang bao vây kêu gọi thuyết phục họ: Không bắt, bắn vào bà con nghèo

---

1. Dựa vào sách *Chiến thắng Tua Hai*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tây Ninh, 1980.



tay không, họ cũng như cha mẹ các cháu, các anh, là nông dân cày thuê cuốc mướn. Hãy thương người nghèo bị áp bức, bị cướp đất. Thấy dân vệ bất động, tên quận trưởng huy động thêm cảnh sát, bảo an đến đàn áp, khủng bố, bắt một số người mà chúng gọi làm cầm đầu. Cuộc đấu tranh của nhân dân kéo dài, buộc chúng phải thả những người bị bắt và rút cuộc dân vẫn giữ được đất cày cấy. Một điển hình của sự chống trả quyết liệt nữa là vụ nông dân nổi dậy bừa đầu tên chúa đất gian ác Trương Hoàng Lâu ở Long Xuyên. Hần là một tên đại địa chủ quỷ quyết. Trong kháng chiến chống Pháp, trước phong trào cách mạng mạnh mẽ của nhân dân, y giả bộ giác ngộ, đem ruộng đất vùng Cái Sắn hiến cho chính quyền cách mạng, số này đã được chia cho nông dân không có đất hay ít đất. Y còn tự nguyện đứng ra đỡ đầu cho Tiểu đoàn chủ lực 308 của ta lúc ấy. Nhưng Tiểu đoàn 308 cũng như toàn bộ lực lượng vũ trang của ta đi tập kết, chính quyền cách mạng không còn, bây giờ y lại ngấm nhiên là cha vợ của “đương kim phó tổng thống” Nguyễn Ngọc Thơ có đủ quyền thế để trở mặt, hiện rõ nguyên hình là một tên xảo quyệt và gian ác. Trương Hoàng Lâu đã gọi quân đội cộng hòa cùng những đại diện của chính quyền Diệm về trị lại nông dân, đòi đất cho y, hậu thuẫn cho y bóc lột địa tô nặng nề và thẳng tay đàn áp những ai không vừa ý. Quá uất ức và căm giận tên gian ác, nông dân đã tập hợp kéo đến nhà hỏi tội phản bội của y, buộc y không được đòi lại đất, thu tô. Không những không thực hiện y còn lên mặt dựa thế con rể “chức trọng quyền cao” chửi rủa nông dân thậm tệ và dọa trị tội nhiều người y đã biết mặt. Không thể lùi bước được nữa, nông dân đã dùng búa bổ vào đầu y, giết chết y ngay tại nhà. Sau vụ này mặc dù Diệm đã trả thù khủng bố nhân dân, nhưng nhiều tên ác ôn, nhiều địa chủ cũng chùn bước. Cũng không phải chỉ Trương Hoàng Lâu bị trị tội mà còn nhiều tên khác ở khắp các nơi bị trị, cuộc đấu tranh thật quyết liệt và dằng dai.

Cũng có nơi, gặp điều kiện thuận lợi và có sự lãnh đạo kịp thời, nông dân đã giành được thắng lợi mà tránh được đổ máu. Như trường hợp đối với tên địa chủ đầy thế lực Lý Thị Hường ở đất Long An. Hường là con gái tên đại địa chủ Lý Văn Mạnh. Đất đai tên Mạnh kể đến mấy ngàn mẫu nằm ở vùng kênh số 7, số 8, Gò Xoài thuộc Tân Bửu (xưa thuộc Trung Huyện, nay là đất Bình Chánh). Thời Pháp thuộc nông dân tất cả vùng này đều là tá điền của tên Lý Văn Mạnh, một tên dân Tây, dựa vào thế lực thực dân, tha hồ bóc lột, áp bức, chiếm đất, vơ vét mồ hôi, sức lực của nông dân. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp, vùng này trở thành căn cứ địa du kích. Chính quyền cách mạng đã tịch thu ruộng đất của tên Mạnh chia hết cho dân cày. Đồng bào được chia đất, phần khởi khai thác trồng lúa, trồng mía và đặc biệt trồng thơm. Sau Hiệp định Giơnevơ, đồng bào càng ra sức canh tác trên mảnh đất được chia, mía, thơm xanh tốt. Lý Thị Hường



dựa vào em rể là tướng ngự Trần Văn Đôn đẩy quyền lực một thời, sai khiến các ngự quyền quận huyện, lệnh cho các đơn vị quân đội cộng hòa, các đồn bảo an giành lại ruộng đất, buộc nông dân đóng tô, truy nộp hoa lợi những năm về trước. Không tuân theo thì đuổi đi khỏi xứ, bắt tù, có khi bắn bỏ. Nhân dân bị áp bức vô cùng căm phẫn, đấu tranh thì bị đàn áp. Còn đối với cách mạng? Nó không coi ra gì, cộng sản sẽ bị tố, bị diệt hết trong nay mai thôi. Đã nhiều lần, cán bộ địa phương nhân danh cách mạng cảnh cáo nó không được cướp đất, thu tô nhưng nó không đếm xỉa đến.

Nhưng rồi một hôm... Đồng chí Ngô Văn Hoạch (Sáu Hoạch - Chủ nhiệm Công ty mía đường tỉnh Long An hiện nay) lúc ấy là chiến sĩ của Trung đội vũ trang B15 hoạt động ở Bến Thủ (Bến Lúc - Thủ Thừa) kể lại:

Hôm ấy tiểu đội tôi vừa đi công tác về, trời vừa sáng rõ, chưa kịp ăn, chưa kịp ngủ. Chợt có tin Lý Thị Hường đi canô vô kênh Bo Bo. Lệnh trung đội cho tiểu đội tôi phục kích bắt sống cho được tên địa chủ ngoan cố này ở kênh số 7. Anh Tư Chiêu<sup>1</sup> tiểu đội trưởng chỉ huy. Anh Tư Thân<sup>2</sup> - Chính trị viên trung đội ở phía sau đội. Khi canô tới trận địa, chúng tôi chia súng ra bắt ghé vào. Chúng đi cả hai vợ chồng và thủ hạ. Thấy súng nhắm thẳng vào canô, chúng hoảng hốt, tắt máy và ghé vào bờ. Chúng tôi bắt hết dẫn vào lán, canh gác cẩn thận. Tên nào cũng run như cây sậy, nhất là vợ chồng Lý Thị Hường. Về hách dịch coi trời bằng vung tiêu tán đầu hết.

Anh Tư Thân nói chuyện với nó. Hỏi gì nó cũng trả lời rất lễ độ, thưa, dạ, rồi rít. Nhưng thấy ta có vẻ đàng hoàng, văn minh, chúng nó dần hoàn hồn và bắt đầu phân bua. Lý Thị Hường nói:

- Tôi khác với Trần Lệ Xuân. Trần Lệ Xuân làm chính trị, tôi không hề dính gì tới chính trị. Tôi chỉ làm kinh tế. Làm kinh tế là để dân có cơm ăn, có áo mặc. Chế độ nào tôi cũng chỉ làm kinh tế thôi. Chế độ nào cũng cần...

Nó nói hăng say, như một diễn giả, khoa chân múa tay hình như quên mất mình đang bị bắt.

Thấy gai mắt, tôi đứng bên, chia súng vào nó quát to:

- Chị kia, đừng tưởng ở đây là một hội trường của Ngô Đình Diệm. Chị phải nói một cách lễ độ, nghe không?

Nó lấm lét, cụt hứng.

---

1. Nguyễn Văn Chiêu nay là Bí thư Tỉnh ủy Long An.

2. Nguyễn Văn Mến (Tư Thân) - Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Anh Tư Thân nói thông thả và gần giọng:

- Ủ, làm kinh tế! Làm kinh tế của chị đồng nghĩa với cướp ruộng đất của dân, bóc lột bà con nông dân, trốn thuế đối với cách mạng. Chị không làm chính trị! Ủ, gia đình chị chỉ tiếp tay với Ngô Đình Diệm đàn áp, ức hiếp nông dân, chống lại cách mạng thôi. Chị khác Trần Lệ Xuân! Trần Lệ Xuân huênh hoang kiêu con buôn trên chính trường của chế độ, còn chị, chị im lìm xây dựng cơ sở vật chất cho chế độ.

Thôi, chỉ vì chị cố biện bạch không làm chính trị nên tôi cũng không nói chính trị với chị nữa. Thôi nói kinh tế vậy. Chị phải đóng thuế ngay bây giờ cho cách mạng. Không thì chị không ra khỏi nơi này. Đó là cách mạng khoan hồng rồi. Nội cái tội cướp ruộng, ức hiếp nông dân cũng xử treo cổ chị rồi. Nhưng tha tội chết cho chị để chị cải hối. Từ nay về sau không được lấy đất, thu tô của nông dân nữa. Nếu không thì chị không bao giờ giữ được cái đầu trên cổ. Cách mạng không nói sai đâu.

Lý Thị Hương nói không mang theo đủ tiền để đóng thuế.

Anh Tư Thân bảo chồng nó về lấy tiền đem nộp ngay trong ngày, còn nó ở lại đây đợi. Anh cảnh báo:

- Nếu như bất cứ đồn bót nào hay, bắn súng vô đây hay kéo tới giải vây, chúng tôi sẽ không đảm bảo mạng sống cho chị quá một phút. Biết chưa?!

Chúng nó dạ và lập tức về lấy tiền đem đóng đủ. Tôi nhớ hình như nửa triệu bạc. Lúc ấy nửa triệu bạc cũng khá.

Nộp tiền thuế xong, ta cho chúng về. Và từ đó nông dân vẫn canh tác đất của mình, không nộp tô, tức gì cả. Chúng nó biết tắm không thấy tên nào léo hánh đến mảnh đất này nữa. Cả lò đường chúng làm lâu nay cũng bỏ luôn. Nông dân giữ được ruộng đất làm ăn và tham gia cách mạng.

Nhưng nguy quyền Diệm và chủ Mỹ đã rắp tâm biến miền Nam Việt Nam thành một nước riêng biệt, một thuộc địa kiểu mới thì có từ một thủ đoạn nào. Không thể lừa mị được dân, chúng quyết đập lên oán thù, bước trên xương máu mà tiến. Cuộc khủng bố phátxít tràn lan nhằm đè bẹp ý chí kháng chiến của dân đến cùng. Nhưng nhân dân ta đã mang dòng máu bất khuất của ông cha từ ngàn xưa, đã đi theo Đảng và được Đảng giáo dục hàng chục năm rồi, có bao giờ chịu để cho thực dân, đầu thực dân Pháp hay Mỹ đô hộ và bọn Việt gian đè đầu cưỡi cổ. Số nào đấu tranh tại chỗ được thì bám trụ lại xóm làng, số nào lộ liễu bị hăm dọa thì tránh né lập những “làng rừng” trong rừng U Minh, những “địa bàn căn cứ phòng ngự” ở Đồng Tháp Mười và tự động lập những đội vũ trang trong các

căn cứ cũ của ta ở miền Đông, miền Trung và miền Tây Nam Bộ. Đây là một thời kỳ đen tối, Mỹ - Diệm xua quân đi bắn giết những người tay không. Bọn Việt gian ác ôn mọc lên như nấm. Đầu rơi, máu chảy, trời đất nhuộm màu tang tóc. Nhân dân khắp nơi, cả một số đông cán bộ, đảng viên đòi được diệt trừ bọn gian ác. Lúc này chủ trương của ta vẫn kiên trì đấu tranh chính trị, hòa bình, tránh dùng vũ khí. Nhưng khốn thay tình hình quá bức bách, cây muốn lặng mà gió chẳng chịu dừng. Nhiều nơi đã tự động trừ gian, diệt ác. Không phải chỉ có cán bộ ta tự động diệt ác ôn mà cả nhân dân nữa. Họ vừa tự động làm vừa đề nghị lên trên cho phép, cho chủ trương. Có những ông bà già nói: “Tội tao đặt vấn đề trừ gian là vì thương cán bộ đảng viên thôi, chớ dân sống hợp pháp có sự gì đâu. Tội tao nói vậy mà nếu cán bộ không nghe thì cán bộ sẽ bị chết hết thôi, không lẽ trời đất này để cho bọn vô lại làm chủ sao?”...

Nhiều địa phương mítting năm, bảy chục người, một vài trăm người, gửi kiến nghị lên cấp trên, lên Hồ Chủ tịch yêu cầu cho trừ gian. Điển hình là cuộc mítting ở Càng Long thuộc Trà Vinh có tới năm, sáu trăm cán bộ và quần chúng tham gia. Một đồng chí là cán bộ nông hội cũ lên diễn đàn nói: “Trừ gian là cần, không thể có cách nào khác. Không thể dung túng cho bọn ác ôn tự do đi vô hang cùng ngõ hẻm, bắt giết anh em cán bộ dễ dàng. Anh em cán bộ có còn con đường nào trốn tránh nữa đâu? Không lẽ cứ bó tay bó chân cán bộ đảng viên để tội ác ôn giết hết? Không thể hữu khuynh dữ như vậy được”. Quần chúng vỗ tay hoan hô nhiệt liệt biểu lộ đồng tình triệt để. Nhiều người nói tại sao trên không báo cáo rõ tình hình này về Trung ương? Chắc Hồ Chủ tịch không hay biết việc này. Phải kiến nghị làm sao cho tới tai Hồ Chủ tịch, nếu không thì đảng viên chết hết, cách mạng không còn. Nhân dân xã Hòa Hội thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã cùng nhau ký vào một bức thư dài gửi lên Hồ Chủ tịch, báo cáo tình hình nhân dân bị khủng bố, cán bộ bị giết chóc và cuối cùng đề nghị cho bộ đội miền Nam tập kết trở về bảo vệ đồng bào, xóm làng.

Đồng chí Mười Thơ kể: Ở Trà Vinh lúc ấy đồng chí Sáu Đại là Bí thư cũng chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị không cho trừ gian diệt tể. Nhưng sau anh em khóc quá, dân chúng gây áp lực mạnh quá, anh buộc phải cho, nhưng dặn đừng dùng súng, chỉ được dùng dao phay, mã tấu, cùng lắm thì thả rắn hổ cắn...”. Anh Mười Thơ cho hay tiếp: “Đến năm 1958 anh Mười Cúc (tức Nguyễn Văn Linh), lúc ấy là Bí thư Xứ ủy đồng ý cho trừ gian một cách có chọn lọc. Đó là sau khi chúng tôi cả các tỉnh, các khu đều báo cáo rõ tình hình hoành hành của địch và sự than phiền và kiến nghị của cán bộ, nhân dân, báo cáo rõ nguy cơ đe dọa Đảng ta, đe dọa cách mạng. Tuy vậy Xứ ủy cũng chỉ thị không được làm tràn lan, chỉ diệt những tên thật

gian ác để cảnh báo bọn khác...”. Anh kể tiếp về chuyện Lâm Quang Phòng - một tên ác ôn ngoại hạng, bàn tay nó đầm máu không biết bao nhiêu anh em ta, không biết bao nhiêu dân vô tội. Hồi đó, Mỹ - Diệm thành lập ra khu An Phước (tức gồm cả An Biên và Phước Long thuộc tỉnh Rạch Giá vùng căn cứ của ta). Chúng lập nên khu đặc biệt này để diệt cộng triệt để ở đây, phá tan khu căn cứ cách mạng cũ của ta. Lâm Quang Phòng đã tỏ ra vô cùng đắc lực cho Mỹ - Diệm trong việc tàn sát không gớm tay, chất chứa oán thù đầy dãi đất này. Nó là con địa chủ, sinh ra ở An Biên thuộc tỉnh Rạch Giá. Năm 1945 trước phong trào cách mạng rầm rộ nó cũng đi theo kháng chiến. Tới năm 1947, lúc cha nó làm quận trưởng An Biên của Pháp, nó chạy về thành đầu thú. Nhưng sau đó một thời gian nó trở ra kháng chiến, phải chẳng giặc Pháp và cha nó đã cài làm gián điệp? Khi quân đội ta tập kết ra Bắc thì Lâm Quang Phòng về đầu Diệm và được phong hàm thiếu tá. Phòng đã ở vùng kháng chiến lâu năm, biết nhiều vùng ở miền Tây, biết mặt nhiều cán bộ ta và những người kháng chiến cũ, biết những gia đình nông dân tham gia ủng hộ cách mạng. Nó rõ ràng vừa là một tên Việt gian phản quốc, vừa là một tên địa chủ phục thù, không từ một thủ đoạn man rợ nào và giết người hàng loạt một lúc. Các đơn vị vũ trang của Diệm hồi ấy xây dựng vội vã ở miền Tây bằng cách lừa thanh niên vào, trong đó không ít người đã từng tham gia kháng chiến. Biết như vậy, nó đưa các đơn vị này đi hành quân liên miên, buộc phải bắn giết bừa bãi để chính bản thân những người này tự gây thù hận với dân. Mỗi lần hành quân về, nó cho tập hợp đơn vị lại, bắt hô đả đảo Bác Hồ. Ai hô đả đảo đứng qua một bên, ai không hô đứng qua bên khác rồi cho bắn chết ngay tại chỗ. Có lần nguyên một đơn vị không một người nào chịu hô đả đảo, nó cho dùng liên thanh bắn chết cả. Với tội ác tày trời như vậy, Mỹ - Diệm tin cậy cho làm quận trưởng rồi tỉnh trưởng, nắm quyền sinh sát cả một vùng.

Không thể để một con rắn độc như vậy tha hồ làm mưa làm gió. Phải cứu lấy sinh mệnh hàng vạn nhân dân trong vùng. Các đồng chí ta chủ trương phải trị tội tên Phòng. Nhưng làm sao đối với một tên có chức quyền cao của Diệm, lại có trong tay lực lượng vũ trang và cả bầy chó săn mặt vụ đông đảo. Một nữ đồng chí ta tên là Trần Quang Mẫn, thường gọi là chị Mười Mẫn, tình nguyện lãnh nhiệm vụ của Đảng giao đi giết con rắn độc. Nhưng giết bằng cách nào? Các đồng chí nghi ngờ khả năng của chị. Chị đã trình bày kế hoạch của chị, chị sẽ tạo điều kiện đến gần nó và sẽ chém đầu nó bằng dao phay như chém một con chó ghê. Chị cam đoan thành công và hứa quyết tâm sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn. Rốt cuộc các đồng chí tin chị, đồng ý với chị và tạo điều kiện cho chị tiến hành công tác. Chị ra công tập luyện lại các môn võ mà chị đã biết, rèn luyện cho thành thực. Rồi điều kiện đã xuất hiện: Nhờ nhân dân, trong đó có bà con của tên Phòng giúp đỡ, chị đã

hạ sát đối tượng trong một đám giỗ ở nhà người cô ruột tên Phòng. Chị đã dùng dao phay, bằng một động tác điêu luyện, chém đầu tên Phòng y như kế hoạch đã định. Dao chưa thật bén, chưa đủ sức nặng, cổ tên “chó ghẻ” chưa đứt lìa, nó chưa chết hẳn. Mỹ đem nó về Mỹ chữa chạy nhưng tên Phòng đã trở thành một kẻ dật dờ, tàn phế, vô dụng sống dở chết dở. Còn chị bị bắt, bị tra tấn, bị chúng kết án 7 năm tù với lời khai trước sau như một: “Vì nó giết chồng, phải trả thù cho chồng”. Báo chí đã rộ lên một thời, bọn cai ngục khắp nơi chị đến lăm lét nhìn vị “nữ thần”, chúng nó đã gọi chị như vậy<sup>1</sup>.

Tuy việc trừ gian diệt ác của ta ngày một có kết quả, nhưng Mỹ - Diệm cũng ngày càng khủng bố phátxít. Ở một vài nơi thanh niên kháng chiến cũ tự động lập đội vũ trang, dựa vào những nơi có địa hình tốt huấn luyện và chiến đấu. Họ xin lương thực của dân, họ đánh lấy của địch hay làm rẫy trong rừng để sinh sống. Họ đánh trả lại bọn địch đi càn quét, họ treo cổ bọn điệp viên, bọn cảnh sát ác ôn, họ cảnh cáo bọn ngụy quyền hà hiếp quần chúng, tình trạng gần giống những “yên hùng” cát cứ từng nơi, quân của Diệm không dám héo lánh tới những vùng cát cứ ấy. Đơn vị do Hùng chỉ huy, đóng ở U Minh Thượng có đến 200 người, trang bị súng đầy đủ, được dân chúng trong vùng ủng hộ. Ở rừng miền Đông có đơn vị của Phán ở Long Nguyên (Bến Cát), đơn vị của Liễu và Sênh ở Vĩnh Tân, Bình Chánh (Thủ Dầu Một)... Mỗi đơn vị có cả đại đội vũ trang. Đặc biệt Chiến khu Đ cũ có đơn vị anh Chín Quỳ. Nhân dân thường gọi là Chín Già, một nông dân chống Pháp, bất hợp tác với chính quyền thực dân từ thời Cách mạng Tháng Tám. Thời ấy anh tập hợp được chục người, tự vũ trang lưu động khắp rừng bắc tỉnh Biên Hòa cũ, dọc ngang một dãy biên thù, sống hiên ngang ngoài vòng pháp luật, Pháp đành phải chịu. Thỉnh thoảng anh kéo đơn vị ra khỏi rừng hỏi tội một tên địa chủ quan lại giàu có, lấy của cải chúng đã bóc lột tích lũy đem chia cho dân nghèo, cứu trợ những người đói. Khi cách mạng thành công, anh đem hết đơn vị ra mệnh danh là “Đoàn lực lâm quân” tình nguyện đặt mình dưới sự chỉ huy của anh Huỳnh Văn Nghệ - Chi đội trưởng Chi đội 10 lúc ấy, đã tham gia chiến đấu đắc lực và xây dựng vùng căn cứ Chiến khu Đ. Năm 1954 tất cả bộ đội tập kết ra miền Bắc, anh xin ở lại, trở về làm người nông dân cày ruộng, sinh sống vùng Lạc An, Đất Cuốc (thuộc Chiến khu Đ - Tân Uyên). Rồi Mỹ - Diệm lại tiếp tục chiến tranh một phía, bắn giết những người cách mạng, những người dân vô tội. Biết Đảng dạy hãy kiên trì đấu tranh chính trị hòa bình, anh cố ép mình chịu đựng một thời gian. Nhưng rồi ngày tháng trôi qua mà kẻ địch vẫn phản lại Hiệp định đã ký, gây bao tang tóc cho đồng bào. Không thể sống yên

---

1. Chị Mười Mẫn sau khi mãn hạn tù từ chính quyền Mỹ - Diệm về tiếp tục công tác. Hiện nay chị nghỉ hưu tại tỉnh Kiên Giang.



trong lúc quanh mình toàn chết chóc, bắt công, anh nghĩ “Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã” rồi đi tập hợp thanh niên, kiếm vũ khí tự vũ trang, huấn luyện và chiến đấu, làm việc nghĩa bảo vệ nhân dân trong vùng. Tất cả các đơn vị vũ trang tự lập này về sau theo lời kêu gọi của cán bộ đều theo về với cách mạng, chịu sự chỉ huy của các cán bộ cách mạng và lập được công trạng. Cũng có một vài người “cứng đầu” nhưng rốt cuộc chính nghĩa khi nào cũng thắng, đã thu phục được họ.

Cuộc khủng bố của Mỹ - Diệm đã lan tràn khắp nông thôn. Không một ngày nào, không một ấp nào không có người bị bắt, bị giết. Chưa được phép dùng bạo lực vũ trang chống lại thì chỉ có một cách chạy trốn cụm lại từng nơi có điều kiện để tự bảo tồn. Ở miền Trung Nam Bộ từ những năm 1956-1957 những cán bộ bất hợp pháp, những người kháng chiến cũ và các gia đình những người đi tập kết đã lánh vào Đồng Tháp Mười và tự tổ chức phòng ngự. Họ lập nhiều khu vực gọi là “địa bàn căn cứ phòng ngự” gồm có vòng ngoài là hệ thống báo động bằng dây dăng, gài lon và kíp nổ, vòng trong là hầm hố chông rôi lựu đạn gài. Nhờ đó mà bảo vệ được nhiều cán bộ và nhân dân, địch không dám vào. Đây cũng là căn cứ làm việc của Khu ủy Khu 8, có lúc gọi là Khu 2 (miền Trung Nam Bộ). Những khu phòng ngự này thực sự là tiền thân của xã, ấp chiến đấu về sau, khi được phép chiến đấu vũ trang. Ở sâu trong rừng U Minh Hạ, miền Tây Nam Bộ thì dồn lại nhiều “túi bất hợp pháp” gọi là “làng rừng”. Có làng lên tới vài trăm người. Trong làng có đội vũ trang có súng, nhưng phần lớn là mã tấu được trang bị rộng rãi cho thanh niên và được tập luyện sử dụng thành thạo. Nhân dân phá rừng làm rẫy đùm bọc nhau mà sống nhưng cũng phải nhờ bà con bên ngoài tiếp tế, nhất là tiếp tế cho các đội vũ trang. Tất cả dân trong làng được tổ chức lao động chung, đói no cùng hưởng, đau ốm, chết chóc có nhau. Trong hoàn cảnh như vậy, hầu hết không có gì là riêng tư, cả ngàn người như một, một tâm tư, một tình cảm: Làm thế nào để sống và chống địch? Bao giờ thì kẻ ác đến tội, cách mạng thành công? Cán bộ và đội vũ trang trong các làng thường được nhân dân vùng quanh rừng đem gạo, muối, thuốc men... vào nuôi. Việc tiếp tế này không phải dễ dàng. Địch phong tỏa gắt gao nên thường phải đi vào ban đêm và hết sức bí mật. Nhiều người đã bị bắt và chém đầu, đập đầu bằng gậy và chết ngay ở bìa rừng. Mặc, không ai sợ, người này chết người khác thay. Cái gì đã tạo nên khí phách anh hùng, lòng dũng cảm vô song không một tính toán riêng tư như vậy? Đó là lòng dân đối với cán bộ cách mạng, đối với Đảng tin yêu. Đồng chí Tám Bành (đã nói ở đoạn trên) cho biết chỉ riêng xã Vĩnh Viễn ở Cà Mau (sau này được tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân), trong bảy tháng liền đã góp 900 thùng gạo (mỗi thùng 20 lít) để đem vào rừng nuôi một trung đội vũ trang. Nhân dân mong được vũ trang chống địch và vì vậy rất quý từng chiến sĩ, từng cây súng, rất xót khi thấy



kẻ địch hoành hành quá quắt, xem mạng người như cỏ rác trong lúc cán bộ ta nhiều lúc vác súng chạy khi bị đuổi, chạy không kịp thì bị bắt sống, trong tay còn cầm súng. Những người lớn tuổi ngày nay được sống qua thời kỳ đấu tranh oanh liệt gian khổ mà kỷ luật nghiêm minh ấy, không bao giờ có thể quên, và thanh thiếu niên ngày nay, sống trong khi cách mạng đã thành công, không thể nào tưởng tượng nổi, sự thật - thường phong phú và phức tạp hơn trí tưởng tượng của con người nhiều - cảnh bọn ác ôn giết cha không cho con khóc, giết chồng cấm vợ chôn, cảnh địch khống chế nhân dân đến nỗi con trốn tránh đói khát vào nhà lấy gạo, cha mẹ phải đánh mỗ báo cho nguy quân biết, cảnh bọn địch lừa dân đi lùng đuổi Việt cộng thì cả làng này đến làng khác đi theo hết, trừ người bệnh nặng hay quá già đi không nổi. Ai không tuân theo bị bắn chết ngay tại chỗ. Đồng chí Mười Thơ, một thời gian dài làm Bí thư Khu ủy miền Tây, đã kể lại cuộc càn rừng của “Thanh niên Cộng hòa” của Diệm ở Đầm Dơi thuộc Cà Mau, vào năm 1958, nghe thật lạ lùng không khác gì nghe kể chuyện Tàu. Thời ấy Diệm bắt tất cả thanh niên nam nữ đều phải vào tổ chức “Thanh niên Cộng hòa” (thời ấy đã giải tán và không tổ chức các đoàn thể quần chúng, mãi cho đến phong trào “Đồng khởi”). Nó tổ chức vào không kể xấu tốt, cả con cái cán bộ ta, con cái anh em đi tập kết. Rồi nó cho học tổ cộng. Nó tổ chức cho vui chơi thả giàn, đi đâu thì rần rần bằng ghe máy. Nó biến tất cả thành một bầy cừu, bảo gì làm nấy, nhưng không phải cừu mà phải là chó sói, sẵn sàng ăn thịt cả người thân trong gia đình, giết người không gớm tay. Điển hình là thằng Tiểu và con Tuyết, hai đứa chỉ huy cuộc càn ở Đầm Dơi. Cả hai đều là con các đồng chí của ta đã đi tập kết ra miền Bắc, thế mà là ác ôn nhất bọn, nổi tiếng cả miền Tây, nguy bắt Tiểu mở ngay một “chiến dịch” càn, ráp để diệt cộng, thực hiện “khu an ninh” toàn Đầm Dơi. Tất cả thanh niên cộng hòa trong khu vực, trai, gái, dàn từng hàng ngang, sát nhau, càn hết khu vực này đến khu vực khác. Chúng bắt những người đàn bà lớn tuổi đi nấu cơm cho chúng ăn, ông già thì đẩy thuyền tiếp tế theo sau. Nó di chuyển, càn từng khu vực, vũ trang toàn bằng gậy gộc, không cần súng, giết người bằng đập đầu đến chết. Con Tuyết, khi bắt được đàn ông, không cần cả gậy, không đập đầu mà dùng chân đá vào bộ hạ cho chết đi sống lại, kỳ đến chết hẳn.

Nó càn như vậy đến bảy ngày. Ngày thứ bảy chúng càn đến rừng Chim Đẻ. Rừng này trước đây chim về ở và làm tổ nhiều nên gọi là “rừng chim đẻ”. Nhân dân và cán bộ ta sống bất hợp pháp ở đây khá đông. Không còn cách nào rút đi đâu nữa, anh em cho người xuất hiện báo cho chúng biết là trong rừng này có lực lượng vũ trang cách mạng đóng, không được vô. Tiểu hô to: “nó nói láo không có súng đâu, tràn vô!”. Anh em ta liền giơ cao súng lên cho nó thấy. Tiểu lại hô: “Nó có súng chứ không có đạn đâu”. Anh em ta liền nạp đạn và bắn lên ngọn tràm, một cành tràm

rớt xuống. Tiểu nói to: “Nó có đạn chứ không dám bắn vào ta đâu. Đàng chúng nó cấm bắn mà”. Rồi Tiểu xông lên đầu đi tới và hô: “Hãy tràn vô!”. Một rừng gậy tua giơ lên, một rừng người xông tới, đi đầu là Tiểu và Tuyết. Đồng chí chỉ huy ra lệnh: “Chém!”. Anh em ta đã dàn hàng ngang nằm úp sẵn từ trước, liền đứng dậy đồng loạt, mã tấu vung lên loang loáng. Nhát mã tấu đầu tiên mà cũng là nhát độc nhất thực hiện, đầu tên Tiểu lìa cổ lặn long lóc, máu vọt lên cao, rồi cả thân hình nó ngã quỵ xuống vũng bùn bên cạnh. Tức thì cả lũ “Thanh niên Cộng hòa” sững lại. Nhiều tiếng la thất thanh: “Chết! Chết! Chết!”. Tất cả nhào trở lại, đập lên nhau mà chạy, chạy bán sống bán chết. Rất nhiều tên nhất là nữ “Thanh niên Cộng hòa” run lẩy bẩy không đứng được mà chạy lớp bò, lớp trườn loạn xạ. Nhưng nào có ai đuổi đầu. Có lẽ trước mắt chúng luôn hiện ra hình ảnh mã tấu loáng lên, đầu tên chỉ huy ác ôn văng ra, máu phụt lên cao và các tiếng la thất thanh “Chết! Chết! Chết!” không dứt bên tai làm cho cả đội hình tan nát, hỗn loạn, hỗn vĩa lên mây. Sau trận này, cái tổ chức “Thanh niên Cộng hòa” của Diệm dần dần bị tàn lụi.

Không tự nguyện để cho địch bắt, giết, cán bộ, nhân dân đã tự động lẻ tẻ diệt ác ôn cho đến khi được phép và khi được phép thì việc trị bọn gian càng mở rộng và thường xuyên. Ta thử xem Mỹ nói về việc này như thế nào:

Tài liệu của Lầu Năm Góc nói: Tuy có một số vụ giết người hoặc bắt cóc ở vùng nông thôn miền Nam từ năm 1954 đến năm 1956, những vụ này không thể trực tiếp gán cho đám cộng sản “nằm vùng”.

Một tài liệu nhận định của tình báo Mỹ tháng 7/1956 ghi nhận: “Trong năm qua cộng sản ở Việt Nam nói chung vẫn nằm im. Họ đã bỏ qua một số dịp để quấy rối chế độ Diệm...”.

Các sĩ quan tình báo Mỹ ở Sài Gòn ước lượng có 30 vụ khủng bố vũ trang xảy ra trong quý cuối cùng của năm 1957, trong đó ít nhất 75 nhân viên chính quyền địa phương bị ám sát hoặc bị bắt cóc. Ngày 22/10/1958, có 13 người Mỹ đã bị thương trong vụ đánh bom ở Sài Gòn.

Trong một bản báo cáo đặc biệt về tình hình an ninh nội bộ ở Việt Nam tháng 01/1960, sứ quán Mỹ ghi nhận rằng trong lúc cả năm 1958 có 193 vụ ám sát thì chỉ riêng trong bốn tháng cuối năm 1959 đã có 119 vụ ám sát.

Sứ quán Mỹ nói điều đáng lo ngại hơn là lần đầu tiên Việt cộng đã tấn công vào các đơn vị lớn của quân đội Nam Việt Nam. Một trận phục kích của Việt cộng đánh hai đại đội thuộc Sư đoàn 23 của Sài Gòn ngày 26/9/1959, giết 12 lính chính phủ và thu hầu như toàn bộ vũ khí, đã làm sáng tỏ “toàn bộ tính chất nghiêm trọng của tình hình hiện nay”.

Cuộc nổi loạn tăng lên gây ra những con số thương vong đầu tiên của Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 08/7/1959 một vụ nổ bom khủng bố trong khu căn cứ Biên Hòa giết chết hai quân nhân Mỹ<sup>1</sup>.

Nhưng sứ quán Mỹ đã nhớ lầm hoặc không nắm được tình hình không phải trận đánh ngày 26/9/1959 diệt hai đại đội thuộc Sư đoàn 23 nguy là trận đánh lớn đầu tiên. Sau khi Diệm cự tuyệt hiệp thương tổng tuyển cử toàn quốc, tháng 10/1956 đã xảy ra liền hai trận đánh, một ở Dầu Tiếng thuộc tỉnh Thủ Dầu Một (nay là tỉnh Sông Bé) và một ở Bến Củi thuộc tỉnh Tây Ninh. Trong mỗi trận này có đến một đại đội của Diệm bị diệt, quân cách mạng với danh nghĩa lực lượng giáo phái đã bắt được tù binh, thu toàn bộ các vũ khí và các kho lương thực dùng xe chở về căn cứ. Tháng 8/1957 thị trấn Minh Thạnh (Thủ Dầu Một) lại bị đánh chiếm nhiều giờ, quân đội nguy và cảnh sát ở đây bị diệt toàn bộ, tất cả vũ khí và lương thực quân cách mạng thu được chở đầy trên 10 xe vận tải lớn GMC. Cũng đầu năm 1957 một trận đánh quan trọng nữa vào thị xã Biên Hòa, kết hợp với nổi dậy từ bên trong, phá khám tù giải thoát hàng trăm tù chính trị để bổ sung cho hàng ngũ cán bộ đang rất cần lúc ấy (nhiều người trong số này, về sau là những cán bộ cao cấp của Đảng). Tuy nhiên cũng có một số nhỏ, cửa tù đã mở rộng trong trận phá khám tài tình lại không dám và không chịu ra ngoài hoạt động dễ bị hy sinh, còn ở lại trong tù mất tự do, nhưng bảo tồn được mạng sống. Ý nghĩa cuộc đời, dùng khí con người, khác nhau như trời với bể mà thể hiện ở đây chỉ bằng một khoảng không gian rất bé nhỏ: Ngoài cửa nhà tù và trong cửa nhà tù. Đêm 10/8/1958, chi khu quân sự Trí Tâm và toàn bộ quận lỵ (ở Dầu Tiếng, Thủ Dầu Một) bị tiêu diệt. Một lực lượng quân cách mạng bao gồm cả lực lượng Bình Xuyên và Cao Đài chống Diệm đánh thẳng vào chi khu bằng ba hướng, trọng điểm là đồn quân cộng hòa (chủ lực của Diệm) ở đó có Tiểu đoàn 1, Tiểu đoàn 3 thuộc Sư đoàn 13 và bộ phận tiền phương của Sư đoàn 3. Các nơi bị tấn công đồng loạt còn gồm cả đồn bảo an thuộc tỉnh đoàn Bình Dương, trụ sở quận trưởng, trụ sở công an và đồn điền hiến binh... Bị đánh bất ngờ bằng đặc công luôn vào bên trong kết hợp với bộ binh từ ngoài đánh vào, bọn địch bị rối loạn ngay từ đầu, lớp bị diệt, lớp bị bắt sống lớp bỏ chạy tán loạn. Chỉ trong hai tiếng đồng hồ quân cách mạng làm chủ hoàn toàn cả khu vực Dầu Tiếng và Bến Củi bên kia sông Sài Gòn. Nhiều chiến lợi phẩm bao gồm súng đạn, máy thông tin, tiền nong, lương thực... được chở bằng xe vận tải chiếm được về khu căn cứ. Ba ngày liền địch trong khu vực bị tê liệt, bất động. Nhưng ngày 12, tên Đại tá Lê Khương - Tổng Giám đốc bảo an cũng đã sơ bộ gửi được phúc trình lên “Tổng thống Việt Nam Cộng hòa”

---

1. Trích *Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc chiến tranh ở Việt Nam*, Sđd.

ở Sài Gòn về trận đánh với những nhận xét: “Với quân số quá đông và hỏa lực dồi dào chúng đã đàn áp tất cả các vị trí của ta... Bảo an đã bị tấn công bằng hỏa lực mạnh nhưng vẫn chiến đấu cho đến khi hết đạn... Quân đội cộng hòa: một phần đông binh sĩ quân địch thiếu kinh nghiệm chiến đấu và kém tinh thần...” và “sở dĩ địch đã thành công vì sau ba ngày liên tiếp, binh sĩ ta nằm ngoài trời lo bố trí cho đồn điền phát lương, vì thế nên thấm mệt”<sup>1</sup>... Hẳn là “Phủ tổng thống” không báo cáo với “Tòa đại sứ” về tin này. Còn trận đánh ngày 26/9/1959 mà Đại sứ Mỹ nắm được có thể chỉ là trận đánh ở Gò Quán Cung trong Đồng Tháp Mười. Đây là trận do Tiểu đoàn 502 nổi tiếng của tỉnh Kiến Phong đánh tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn chủ lực của quân đội Diệm và một đại đội khác tiếp viện sau đó. Tiểu đoàn 502 lúc đó do đồng chí Tám Dẫn tức Lê Văn Khuyên làm Tiểu đoàn trưởng và đồng chí Sáu Chung tức Nguyễn Văn Phàn làm Chính trị viên. Đồng chí Út Thu tức Võ Chơn, một đại đội trưởng trực tiếp chỉ huy trận đánh. Lúc đó là mùa nước nổi, Đồng Tháp Mười mênh mông như một biển nước. Đơn vị của ta điều trú và di chuyển trên thuyền và xuống ba lá, xuống cui, mỗi xuống chỉ được năm sáu người có súng, nhỏ gọn và nhẹ. Quân địch dùng thuyền máy có bố trí liên thanh, trên thuyền lớn có súng cối, lợi dụng nước ngập càn sâu vào Đồng Tháp Mười. Tuy các tỉnh của ta và các khu lúc ấy đều có tổ chức vũ trang vì bắt buộc phải có để tự vệ và bảo tồn lực lượng nhưng chưa có chủ trương chiến đấu quân sự. Vì vậy khi hay tin địch càn vào thì toàn quân vội rút vào sâu, chọn nơi có địa hình kín đáo, cho xuống núp trong các đám chàng rậm rạp (một loại cây giống như cây mía, mọc hoang rất tốt cho Đồng Tháp Mười, chịu được ngập nước phèn). Thuyền và xuống chờ đơn vị vũ trang của ta được bố trí cẩn thận theo một đội hình phục kích hết sức bí mật. Nếu địch không vào tới thì không nổ súng nhưng nếu địch vào sâu thì thể nào cũng đến đó và tất nhiên sẽ sa vào một thế trận chờ sẵn hoàn toàn bất lợi cho chúng. Địch rất chủ quan, ý vào ưu thế thuyền máy và lực lượng đông, hỏa lực mạnh, cứ tiến vào và đã lọt cả đội hình vào trận địa bố trí sẵn của ta. Để chắc ăn, anh em ta chờ cho thuyền của địch chỉ còn cách mình vài thước mới nổ súng đồng loạt. Toàn bộ quân địch bị tê liệt, số chết, số chìm, không kịp nổ một phát súng nào vì hoàn toàn bị bất ngờ, bị tấn công hết sức đột ngột và quá gần. Không đầy 10 phút, trận đánh đã kết thúc, ta thu toàn bộ chiến lợi phẩm. Một đại đội địch vào tiếp viện cũng bị diệt gọn. Cũng vào năm 1959 này, vào tháng 5, ở miền Tây Nam Bộ, Tiểu đoàn Ngô Văn Sở của ta đã phục kích đánh chìm tàu địch ở Ba Sao, Bến Dừa (sông Cả Ngay) Cà Mau, diệt gọn một đại đội địch, ta thu hàng trăm súng trong đó có đến 12 trung liên...

---

1. Tài liệu thu được của địch, lưu trữ ở Phòng Lịch sử quân sự Quân khu 7.

Trên đây chỉ lược kể một số trận đánh của lực lượng vũ trang, những trận đánh tương đối lớn có tiếng vang đối với địch và ảnh hưởng nhiều trong nhân dân ta. Những trận đánh này, bức bách phải đánh trong thời kỳ nhất định, trong từng vùng nhất định, nhằm bảo vệ lực lượng, bảo vệ cơ sở, giữ vững ảnh hưởng của cách mạng, gây lòng phấn khởi tin tưởng trong nhân dân và làm nhụt bớt tính hung hăng dã thú của bọn ác ôn nhất. Tuy Đảng ta cho tới đầu năm 1959 vẫn kiên trì chủ trương không dùng đấu tranh vũ trang, giữ vững hòa bình, kiên trì đấu tranh chính trị, đòi tổng tuyển cử tự do để thống nhất nước nhà bằng phương pháp hòa bình, nhưng đứng trước tình thế Mỹ - Diệm vẫn lao vào chém giết một cách điên cuồng để đạt được mục đích “tiêu diệt cộng sản đến tận gốc”, “hốt hết dân vào các khu dinh điền, khu trù mật, cướp lại ruộng đất của dân cày”, kiểm tra từng người dân chặt chẽ trong “ngũ gia liên bảo”... cán bộ và nhân dân miền Nam buộc phải tự vệ bằng diệt ác ôn, tự động vũ trang và đánh địch khi quá cần thiết. Từ sau tháng 7/1956, khi Mỹ - Diệm đã thực tế xóa bỏ Hiệp định Giơnevơ như mảnh giấy lộn vào sọt rác, nhiều trận đánh lẻ tẻ, đánh nhỏ xảy ra liên tục khắp các tỉnh, các vùng ở cả nông thôn cũng như ở đô thị. Không một nhận định khách quan nào lại không thấy rằng những hoạt động tự động diệt ác ôn và đánh trả vũ trang như vậy là chính đáng, chỉ có tính chất tự vệ trước một chế độ phátxít đến cao độ. Nhất là sau vụ Phú Lợi, vụ đầu độc 6.000 đồng bào trong trại tập trung này giết chết một lúc hơn 1.000 người mà Mỹ - Diệm đã bắt nhốt trong trại tù của chúng, nghĩa là những người không còn cách nào chống lại chúng nữa. Giết người ở các làng xã, Mỹ - Diệm còn bịa đủ trăm thứ tội gán cho họ, còn giết trong trại giam của chúng, khi chúng đã tước mọi thứ tự do tối thiểu rồi và lại giết một lúc hàng loạt thì rõ ràng đó là hành động của lũ mặt người dạ thú. Trong trại giam đông đảo này bao gồm đủ các thành phần xã hội, đủ các lứa tuổi từ người già đến em nhỏ, có cả đàn ông, đàn bà bị bắt tù khắp các tỉnh thành miền Nam, không có bằng cứ phạm pháp nào, về giam lưu niên với một chế độ nhà tù vô nhân đạo. Ngày 01/12/1958 tay chân Mỹ - Diệm đã bỏ thuốc độc vào thức ăn khiến toàn bộ 6.000 chính trị phạm trong trại bị nhiễm độc, trên 1.000 người chết ngay. Thế là bọn cai ngục và lính của Diệm phong tỏa không cho đưa đi cứu chữa. Những người bị nhiễm độc kêu thét dữ dội, đòi được chữa chạy. Những thanh niên bị độc nhẹ còn sức, phải leo lên mái nhà kêu cứu với đồng bào xung quanh, khiến cho vụ đầu độc lộ ra nhân dân và truyền đi khắp cả vùng. Không phải chỉ đồng bào ta ở miền Nam, miền Bắc đều căm phẫn tội độ mà thế giới cũng bàng hoàng vì tội ác man rợ này.

Chưa hết, tháng 5/1959, Diệm lại cho ban hành Luật 10/59, lập tòa án quân sự đặc biệt và đem máy chém lưu động các tỉnh. Căn cứ vào luật này tòa án quân sự đặc biệt sẽ xử hình hay khổ sai chung thân (chỉ có hai mức) những người



can vào tội “phá rối trị an” mặc dù đã thành tựu hay tương hành vi toại nghĩa là không cần thiết phải là “đã làm” cái tội ấy, mà chỉ cần “có ý nghĩ” đến việc làm tội ấy. Thật là một sự việc có một không hai trong thời đại này. Gọi là luật là tòa án, thực sự chỉ có máy chém làm việc lê đi khắp nơi chém đầu ai có ý nghĩ chống lại Mỹ - Diệm. Ngày 14/5/1959, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã gửi một điện phản đối Luật 10/59 cho Ủy ban quốc tế, có đoạn:

“Luật 10/59 vi phạm một nguyên tắc pháp lý thông thường của các nước văn minh. Các nước văn minh đều không công nhận một chế độ pháp lý lấy “động cơ pháp luật” làm “yếu tố phạm pháp” để trừng trị. Luật 10/59 biểu hiện một chế độ hình phạt còn tàn bạo hơn chế độ Hitle, tước bỏ bất kỳ một bảo đảm tối thiểu nào cho người bị đem ra xử, nó giày xéo một cách trắng trợn lên những nguyên tắc tố tụng sơ đẳng nhất, nó xâm phạm đến quyền tự do căn bản của con người”.

Mặc sự phản đối mạnh mẽ của nhân dân ta, mặc sự lên án luật pháp ấy của cả thế giới tiến bộ, Mỹ - Diệm vẫn lao vào cơn say máu khủng khiếp. Chúng tưởng, với cái luật của kẻ cường bạo vô đạo lý, với cái máy chém nghênh ngang khắp nơi, chúng uy hiếp được mọi người, làm cho nhân dân kinh sợ và phục tùng. Ngược lại, lòng căm phẫn của nhân dân càng lên cao, làn sóng đấu tranh còn dâng trào quyết liệt. Không phải chỉ có ở nông thôn mà cả ở đô thị các tầng lớp đều chống Diệm, đòi quyền sống và tự do dân chủ. Rộng rãi nhất là phong trào công nhân. Nếu mỗi năm Mỹ - Diệm cai trị càng khắc nghiệt, pháp luật thì công nhân càng đấu tranh mạnh mẽ và lôi cuốn các tầng lớp xã hội tham gia. Lấy tiêu biểu là những cuộc kỷ niệm ngày 01/5 với những khẩu hiệu đòi các quyền dân sinh dân chủ, với ý thức chính trị rõ ràng. Ngày 01/5/1957 ở Sài Gòn có 200.000 người biểu tình và ở các tỉnh có 280.000, ngày 01/5/1958 có 500.000 người và trong lời hiệu triệu của Tổng Liên đoàn Lao động có nêu:

“Tiếp tục truyền thống đấu tranh của các bậc tiền bối, với ý chí và hành động thống nhất, chúng ta tự tin ở sức mạnh đoàn kết, với kinh nghiệm bản thân, anh chị em phải kiên quyết phấn đấu vượt muôn ngàn trở lực”.

“Chúng ta sẽ tiếp tục đòi hỏi làm thế nào cho có công ăn việc làm, lương đủ sống, ở được yên, có quyền tự do nghiệp đoàn, tự do hội họp, đình chỉ nạn bắt bớ trái phép, bớt thuế, giảm phạt, tổ chức cứu trợ thất nghiệp, nâng đỡ và mở mang công thương nước nhà để công nhân có việc làm...”.

Ngoài ra còn có hàng loạt các yêu sách do các đại hội đại biểu quyết nghị. Yêu sách chung của Tổng Liên đoàn đòi quyền lợi kinh tế, tự do dân chủ, còn có điều khoản đòi “thống nhất đất nước bằng phương pháp hòa bình”. Yêu sách riêng của



từng loại công nhân như của ngành dệt, ngành mộc, của công nhân đồn điền cao su, hỏa xa, công nhân xích lô, nghiệp đoàn giáo dục tư thực, liên đoàn văn nghệ... Yêu sách của giới văn nghệ năm 1958 và 1959 đòi:

- Ban hành một quy chế cán bộ bảo đảm đời sống cho giới nghệ sĩ và công nhân sân khấu.
- Bảo vệ quyền tác giả.
- Yêu cầu kiểm duyệt nhanh chóng các vở hát, các bản nhạc.
- Dành quyền ưu tiên xuất bản báo chí cho giới ký giả và văn học...

Sinh viên đấu tranh đòi dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ ở cấp đại học. Học sinh đòi tăng ngân sách giáo dục, giảm học phí, đòi cấp học bổng, dùng vu khống giáo sư và học sinh là thân cộng sản...

Rõ ràng một chế độ chỉ dựa vào đàn áp khủng bố, chuyên dùng những thủ đoạn dã man nhất như dùng thuốc độc giết tù chính trị trong trại giam, chém đầu ai dám có ý nghĩ chống đối lại để cai trị, để mà tồn tại thì chế độ đó hoàn toàn thất nhân tâm và không còn cai trị được ai cả, và dĩ nhiên là không thể tồn tại.

Ngay chính người dân Mỹ cũng đã thừa nhận sự thực, chống lại với “quan điểm chính thức của Chính phủ Mỹ là cuộc chiến tranh xảy ra đối với Nam Việt Nam là do hành động xâm lược của Hà Nội”.

Tập tài liệu của Lầu Năm Góc nói về những năm từ năm 1956 đến 1959 lúc cuộc nổi loạn bắt đầu là “hầu hết những người đứng lên cầm vũ khí đều là người Nam Việt Nam và những lý do khiến họ chiến đấu không hề được xếp đặt ở Bắc Việt Nam”.

“... Các nhận định của tình báo Mỹ trong những năm năm mươi đã chỉ rõ chiến tranh nói chung bắt đầu như là một cuộc nổi loạn ở miền Nam chống lại chế độ thối nát và ngày càng có tính đàn áp của Ngô Đình Diệm”<sup>1</sup>.

Từ năm 1945 đến năm 1959, tình hình miền Nam Việt Nam dưới chế độ cai trị phátxít của Mỹ - Diệm là như vậy đó. Chưa lúc nào im tiếng súng, chưa lúc nào có hòa bình cho nhân dân mà vẫn là trạng thái chiến tranh tiếp diễn nhưng đây là “chiến tranh một phía”. Chính Diệm đã tuyên bố với phóng viên báo *Le Figaro* của Pháp vào tháng 3/1959 rằng “miền Nam Việt Nam đang ở trong tình trạng chiến tranh”.

---

1. Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc chiến tranh ở Việt Nam, *Sđd*.

Mỹ - Diệm làm chiến tranh chống lại nhân dân ta đấu tranh thực hiện hòa bình và dân chủ. Mỹ - Diệm phá bỏ Hiệp định Giơnevơ trong lúc nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì thi hành và đòi thi hành đúng đắn Hiệp định, Mỹ - Diệm ra sức đàn áp khủng bố, ngày một tàn bạo, ngột ngạt cho đến cao độ vào năm 1959 mà nhân dân ta không thể nào sống nổi nữa, buộc phải tự vệ chống lại, sức chịu đựng đã tới cùng rồi. Muốn sống phải đấu tranh bằng bất cứ biện pháp nào, không có cách nào khác. Nước đã dâng cao đầy ắp bên bờ, “tức nước phải vỡ bờ” thôi. Đó là logic của sự việc. Đó là chân lý của cuộc sống. Đế quốc và tay sai thường có thói quen ngấm sâu vào xương tủy - là bấu môi coi thường sức mạnh của nhân dân. Nhưng khi nhân dân đã hiểu, đã đoàn kết và được lãnh đạo đúng thì nhân dân có sức mạnh vô biên sẽ quật cho chúng những đòn chí tử. Thường chúng không nhớ lâu những đòn đau ấy. Chúng hay quên vì tham vọng của chúng quá lớn.

## CHƯƠNG IV

### Máu chảy ruột mềm

**T**rong lúc cả miền Nam Việt Nam ngập chìm trong đau thương, chết chóc dưới sự cai trị tàn bạo phátxít của một chế độ chỉ biết vì quyền lợi của gia đình riêng và tệt hại hơn nữa của thực dân cướp nước, trong lúc cả xã hội miền Nam bị hỗn loạn, xáo canh xáo cữ, tiếng súng chưa bao giờ chấm dứt mà ngày càng mãnh liệt trong không khí thực sự của chiến tranh, thì nhân dân miền Bắc Việt Nam sống trong hòa bình ra sức xây dựng một xã hội tiến bộ và công bằng. Mặc dù cuộc cách mạng ở miền Bắc tiến triển có lúc quyết liệt và không tránh khỏi một số sai lầm đáng tiếc như sai lầm trong cải cách ruộng đất mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thẳng thắn và dũng cảm tự phê bình trước quốc dân và kiên quyết sửa chữa - Nhân dân miền Bắc cùng với Nhà nước dân chủ của mình luôn hòa hợp làm một trong không khí hòa bình xây dựng, thông cảm sâu sắc của tình ruột thịt đồng bào, đồng chí. Nhưng không thể nào miền Bắc điểm nhiên tọa thị trong lúc miền Nam nước sôi lửa bỏng. Bắc, Nam tuy đôi miền cách trở nhưng vẫn là một nước có hàng ngàn năm cùng chung văn hiến. Nhân dân hai miền tuy đã chia ra trăm họ nhưng vẫn là con Hồng cháu Lạc cùng chung bọc trứng mà ra, như truyền thuyết xa xưa. Chính vì thế mà mỗi sự kiện của tình hình miền Nam đều vang dội khắp miền Bắc và mỗi hành động của nhân dân miền Bắc đều có tác động đến nhân dân miền Nam.

Suốt hai năm 1954-1956, thời quy định của Hiệp định Giơnevơ phải tiến hành tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, nhân dân cả nước cùng sôi sục đấu tranh thực hiện Hiệp định, tuy mỗi hoàn cảnh có khác nhau cả đôi miền. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt và liên tục này, bằng đủ mọi hình thức kiến nghị, mítting, biểu tình, đình công bãi thị, báo chí, truyền đơn, công hàm... rõ ràng trên đất nước Việt Nam đã phân chia rạch ròi thành giới tuyến. Đây không phải là giới tuyến quân sự tạm thời giả tạo trên sông Bến Hải mà là giới tuyến của lòng người, bên chính, bên tà, bên người ngay đấu tranh vì độc lập tự do, thống nhất giang sơn Tổ quốc chống bên kẻ gian muốn phân chia vĩnh viễn đôi miền đất nước và dâng đất cho Hoa Kỳ đến

tận vĩ tuyến 17. Rồi những năm 1957-1959, trong khói lửa của khủng bố và chiến tranh, nhân dân Việt Nam kiên cường bất khuất, mặc bom đạn và máy chém, vùng lên đấu tranh bằng mọi hình thức vì phẩm giá và quyền sống của mỗi con người, vì tồn vong của nhà, của nước. Đấu tranh chính trị hợp pháp đôi khi kết quả bị hạn chế trước sự khủng bố hung tàn của phátxít thì đồng bào không ngần ngại hỗ trợ bằng vũ trang có mức độ, bằng bất hợp pháp. Trong lúc đó nhân dân miền Bắc sôi sục căm thù Mỹ - Diệm, đau lòng xót dạ trước cảnh đồng bào ruột thịt miền Nam bị khủng bố tàn sát, cũng dấy lên những phong trào đấu tranh không mệt mỏi. Suốt mấy năm liền, bao nhiêu cuộc mítting, biểu tình đòi tuyển cử, thống nhất, đòi thi hành Hiệp định, hòa bình dân chủ, đòi sống cho đồng bào miền Nam. Từ Hà Nội, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa liên tiếp từng năm, từ năm 1955, đều có công hàm cho chính quyền miền Nam đòi hiệp thương thi hành Hiệp định. Kiên trì với chủ trương hòa bình thống nhất Tổ quốc, mặc dù Mỹ - Diệm điên cuồng chống cộng, chống nhân dân, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước, cuối năm 1958 Thủ tướng Phạm Văn Đồng vẫn gửi một công hàm cho chính quyền miền Nam, đề nghị đại biểu hai miền gặp nhau để thảo luận việc giảm quân số và giảm ngân sách quốc phòng, hai bên không tham gia khối liên minh quân sự nào và không dùng nhân viên quân sự nước ngoài trong quân đội mình, không làm thêm và không mở rộng căn cứ quân sự. Công hàm còn đề nghị hai bên thỏa thuận trao đổi hàng hóa, đình chỉ tuyên truyền chiến tranh, chia rẽ Nam - Bắc, trái lại tuyên truyền đoàn kết dân tộc, thống nhất Tổ quốc, thỏa thuận cho nhân dân hai miền đi lại bình thường, cho các tổ chức văn hóa ra vào trao đổi kinh nghiệm, cho mọi người tự do gửi thư thăm hỏi nhau. Tiếng nói chính nghĩa có lý có tình này đã vang dội khắp nơi, được sự hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp nhân dân hai miền. Những đợt đấu tranh phối hợp “tấn công hòa bình” càng làm Mỹ - Diệm bị động lúng túng và ra sức khủng bố nhân dân. Đặc biệt là sau vụ đầu độc man rợ những người yêu nước ở trại Phú Lợi thì cả nước bùng lên ngọn lửa căm hờn dữ dội. Ở miền Nam, hàng vạn dân chúng biểu tình, bãi công, bãi thị phản đối vụ đầu độc. Nhiều vùng rộng lớn đồng thời tổ chức “để tang Phú Lợi”. Riêng quận Mỏ Cày, Bến Tre, nhân dân lấy ngày 28/3/1959 làm ngày để tang chung. Các chùa chiền, thánh thất đều làm lễ cầu siêu. Mỗi gia đình công khai lập bàn thờ chiến sĩ. Từ các tỉnh ở Nam Bộ, nhân dân kéo về Phú Lợi đòi được thăm chồng, thăm con, thành những cuộc đi biểu tình đường trường tự động mà điểm tập trung là Phú Lợi.

Ngày 20/4 từ các nơi dòng người đổ về Sài Gòn, có hàng trăm thiếu phụ mặc đồ tang mang biểu ngữ đến trước trụ sở Quốc hội Diệm và gặp Ủy ban quốc tế để tố cáo. Từng địa phương, đoàn biểu tình kéo đến trụ sở tế xã, đến dinh quận trưởng, tỉnh trưởng để chất vấn. Ngày 09/3 cả trăm người mặc áo tang vào thị xã Cà Mau,

300 người đến dinh tỉnh trưởng Cần Thơ, trên 200 người kéo vào Sóc Trăng. Trong lúc đó ở miền Bắc, liền trong hai tháng, có ba triệu lượt người xuống đường biểu tình sôi nổi chống bọn sát nhân Mỹ - Diệm. Quốc hội Việt Nam, các đoàn thể nhân dân miền Bắc đều lên tiếng tố cáo trước dư luận thế giới vụ thảm sát dã man này.

Cơn bão lửa căm thù Mỹ - Diệm đốt xé tim gan những người miền Nam tập kết trên đất Bắc, biểu hiện ra những diễn biến phức tạp đa dạng. Từng đơn vị thường trực, từng đại đội nông binh phát động những phong trào học tập, rèn luyện, lao động, công tác để trả thù cho Phú Lợi. Làm suốt ngày chưa ngơi cơn hận, đốt đuốc làm cả ban đêm. Không những nâng hiệu suất công tác, tập luyện lên gấp bội, anh em còn tham gia giúp nhân dân địa phương gặt hái, đắp đê, chống lụt, chống bão. Chiến sĩ nông trường Lam Sơn đã phá rừng, san núi để sản xuất dưới ánh sáng bập bùng của lửa trại, giống như đoàn nghĩa quân Lê Lợi năm xưa trở về liên hoan ở vùng căn cứ phạt Minh ngày nào. Có nhiều người cắt tóc mình để chêm cán cuốc, cán rựa cho chắc, cho bền, hầu tăng năng suất để tỏ rõ ý chí quyết tâm trả thù cho đồng bào bị thảm sát ở Phú Lợi. Trong lúc đó để hưởng ứng với bộ đội miền Nam tập kết, các đoàn thể nhân dân địa phương đã đến tận thực địa thăm, tặng quà. Tình cảm đậm đà quân - dân, Nam - Bắc đã làm dịu bớt những tâm hồn đang sôi sục.

Lại cũng có những người không vượt qua cơn thử thách của căm giận, đau thương, tự động lẻ tẻ bỏ đơn vị vượt tuyến trở về Nam chống Mỹ - Diệm. Cũng có đơn vị nghe theo những người nông nổi, tưởng đâu có thể chống lại chế độ bạo tàn bằng sự cuồng nhiệt đơn sơ như Lữ Sĩ Tân, một đại đội trưởng thuộc Đoàn 78. Tân đã thuyết phục và tập hợp được tới một đại đội toàn anh em thanh niên hăng, khỏe, mệnh danh là đại đội “tiến về Nam”. Họ bí mật mài gươm, rèn mã tấu, giấu súng, trữ gạo rang, mắm, muối và chuẩn bị khăn gói, định ngày xuất phát phạt Diệm. Trung đoàn trưởng Trần Thắng Minh, thủ trưởng Đoàn 78 biết rõ đây là việc làm thiếu kỷ luật, đã cho người giải thích. Một hôm, đồng chí tự mình kêu Tân lên giáo dục khuyên răn. Ngồi nghe nghiêm chỉnh, nhưng sau đó, y đứng nghiêm, giơ tay chào trung đoàn trưởng:

- Thay mặt đại đội “tiến về Nam”, xin báo cáo trung đoàn trưởng, chúng tôi lên đường. Chúc đồng chí, chúc ban chỉ huy đoàn và toàn thể anh em ở lại mạnh khỏe, về sau!

Y quay gót, bước đều, đi ra thẳng.

Nội đêm đó, cả đại đội đã bị giữ lại, tước vũ khí và đưa về Sư đoàn 330 để tiến hành giáo dục. Trong số này về sau nhiều anh em đã tiến bộ, luyện tập tốt rồi lại đi về Nam khi được phép, có tổ chức. Có anh em lập được những chiến công rực rỡ, có người đã hy sinh dũng cảm trong cuộc đấu tranh chống Mỹ oanh liệt.

Nhưng đó chưa phải là đơn vị lớn tự động vượt tuyến về Nam. Còn có cả một nông trường gồm toàn anh em quê các ở tỉnh Nam Bộ tập kết, đã xây dựng và sản xuất có nhiều thành tích: Nông trường Tịnh Môn thuộc tỉnh Nghệ An. Việc làm ăn có nhiều hiệu quả nhanh của nông trường đã được đưa lên mặt báo. Tỉnh ủy và các cơ quan của tỉnh hết lòng ủng hộ. Một số ngành Trung ương từ Hà Nội phái cán bộ về thăm đã hoan nghênh và khuyến khích. Các đoàn thể địa phương luôn đến động viên, tặng quà, rút kinh nghiệm. Mến kiểu cách làm ăn xốc vác, nhiều thiếu nữ quanh vùng đã đến tham quan, làm quen với những chàng trai nông binh dễ thương, trung thực, rồi tìm hiểu nhau đi đến xây dựng gia đình, sinh con đẻ cái. Một cuộc sống đi lên đầy triển vọng của một tập thể nhiệt tình xây dựng Tổ quốc thân yêu vì hòa bình và thống nhất. Nhưng rồi năm tháng trôi qua mà hiệp thương chẳng có, tuyển cử cũng không. Mỹ - Diệm đã coi thường ước vọng nông chày của cả dân tộc, dư luận chân chính của cả thế giới. Hai năm chín đời mười chờ lặng lẽ qua đi không một tiếng dội. Chỉ có dội lại từ quê hương yêu dấu những chết chóc, đàn áp, những máu lửa, bạo tàn. Hết chịu nổi nữa rồi, Tư Đấu - một cựu trung đoàn trưởng trong kháng chiến chống Pháp đã cùng một số lãnh đạo của nông trường bàn việc về Nam chiến đấu, cứu đồng bào. Lẽ nào ta ngồi yên đây mà nhìn cảnh quê hương bị tàn phá, cảnh chết chóc của bà con. Khi ta đi tập kết, người thân của ta, nhân dân ta, các má chiến sĩ gửi gắm theo ta biết bao hoài vọng! Đảng, Chính phủ lo việc lớn cả nước, còn hành động cụ thể cứu dân này ta phải tự động lo toan. Thế là cả nông trường nhất trí. Họ âm thầm chuẩn bị mọi thứ để toàn bộ bí mật vượt tuyến về Nam: Thức ăn khô, thuốc men, các đồ dùng gọn nhẹ cho hành quân đường rừng ngày dài. Rồi vũ khí đủ loại có thể kiếm được, đạn dược tối thiểu cho chiến đấu tự vệ dọc đường, chờ lấy vũ khí tốt của địch để trang bị cho chiến trường. Lấy của địch đánh địch là thói quen, là kinh nghiệm nhiều năm trong chống Pháp rồi. Ít sẽ hóa nhiều, nhỏ sẽ thành lớn thôi. Khi mọi việc chuẩn bị sẵn sàng thì làm lễ xuất quân, ngụy trang dưới cuộc liên hoan mừng sơ kết, những con số, những gương sáng, những con người, những sự kiện. Tất cả là sự thật, chỉ có mục đích là khác. Khách mời khá đông đủ, khách địa phương, khách của tỉnh, của Trung ương như Ban Thống nhất, Bộ Nông trường...

Chiều hôm ấy, liên hoan kết thúc, tiễn khách ra về, muôn phần lưu luyến.

Khuya hôm ấy, bắt đầu xuất quân, mọi người nô nức, cả nông trường lên đường.

Thật là một đoàn quân hăng hái, im lặng tiến bước, người mạnh dìu kẻ yếu.

Ba ngày sau địa phương mới phát hiện toàn nông trường về Nam, vượt tuyến.

Nhưng mỗi ngày, khó khăn chồng chất. Lương thực bắt đầu cạn, người đuổi súc dẫn bệnh tật sinh sôi, cuộc hành quân phải ngừng giữa rừng. Một cuộc họp được



tổ chức và ý kiến sôi nổi: Nào là phiêu lưu mạo hiểm, nào là vô tổ chức kỷ luật, nào là thiếu kinh nghiệm hành quân đường dài, dẫn anh em đến chỗ chết trong lúc chưa nổ được phát súng vào đầu thù... Cũng có ý kiến khác hơn: Chẳng qua tất cả chúng ta vì lòng nhiệt thành với quê hương, với đồng bào, vì miền Nam, vì thống nhất. Chúng ta đã từng cầm súng chiến đấu giải phóng đất nước nay không thể để yên cho Mỹ - Diệm ngày đêm tàn sát bà con, anh em ta, tự do giày xéo xóm làng ta. Hãy cố gắng hết sức mà đi tới. Ai kiệt sức hãy nằm lại, bón cho cây rừng Tổ quốc thêm xanh, ai còn sức hãy tiến lên, về cùng đồng bào, đồng chí diệt thù cứu nước. Ý kiến thành ra phân vân... Một không khí trầm lắng kéo dài. Bỗng nhiên bầu trời tối sầm lại, mây đen phủ khắp, một trận mưa xối xả kéo dài làm nguội bớt những cái đầu nóng bỏng. Thực tế khi nào cũng có giá trị xét đoán và quyết định đúng nhất. Lương cạn, sức kiệt, đi nữa thì những người hiện còn khỏe mạnh nhất cũng sẽ ngã xuống trong một ngày nào đó. Chỉ có một con đường: Quay trở lại và nhận lỗi với cấp trên, mọi việc sẽ được giải quyết tốt nhất, cứu vãn được một việc làm xốc nổi theo cảm tính.

Như vậy đó, tiếng dội từ miền Nam có tác động đủ mọi hướng, mỗi ngày một mạnh tới miền Bắc. Nếu như vụ Phú Lợi đã gây sôi sục căm thù, đòi hỏi phải trả thù, thì đến Luật 10/59 máy chém tung hoành đầu người vô tội rơi rụng đã giống như một cơn bão lửa nung chảy tâm can đến những người gọi là “tù binh” nhất. Cán bộ Bắc, Nam đều chung ý nghĩ: Ta phải làm gì? Miền Nam sẽ ra sao? Đồng bào của ta sẽ sống ra sao?

Trước tình hình như vậy, đầu năm 1959 Hội nghị Trung ương mở rộng lần thứ 15 (khóa II) được triệu tập do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì để bàn về cách mạng Việt Nam, cách mạng miền Nam. Cuộc họp khá đông bao gồm cán bộ chủ chốt các ngành Trung ương có liên quan, có cán bộ miền Nam tập kết, còn có cán bộ từ Khu 5 cũ, từ Tây Nguyên, từ Nam Bộ băng ngàn ra dự. Tôi biết bao vui mừng được tham gia vào cuộc họp quan trọng này và biết bao cảm động khi được gặp các đồng chí đại biểu từ miền Nam ra, những chiến sĩ kiên dũng đáng kính, đáng yêu<sup>1</sup>.

Hội nghị chăm chú và đầy xúc động theo dõi bản báo cáo súc tích tình hình miền Nam Việt Nam năm 1954. Người nào cũng thảo luận một cách sôi nổi nhiệt tình. Có ý kiến rất mạnh bạo nhưng cũng có ý kiến khá dè dặt. Thật hiếm có hội nghị nào mà suốt cả tháng trời làm việc rất khẩn trương căng thẳng, ai nấy đều biểu lộ tình cảm cách mạng dạt dào và sự nghĩ suy sâu sắc, chín chắn, đầy trách nhiệm.

---

1. Ở Nam Bộ ra dự Hội nghị này có đồng chí Phan Văn Đáng và đồng chí Phạm Văn Xô, cả hai đồng chí đều ở trong Xứ ủy.

Hội nghị chỉ làm việc ban ngày nhưng ban đêm nhiều người không ngủ. Ngủ sao được trước đòi hỏi bức bách của tình hình: Phải hành động thế nào vì sự sống còn của miền Nam, vì bảo vệ miền Bắc đang hòa bình xây dựng, vì thống nhất Tổ quốc.

Hội nghị nhận định: “Đế quốc Mỹ thay chân thực dân Pháp, đặt ách thống trị thực dân (kiểu mới) ở miền Nam nước ta. Âm mưu của chúng là xâm chiếm cả nước ta làm thuộc địa và căn cứ quân sự nhằm phá hoại phong trào độc lập dân tộc và nền hòa bình dân chủ ở Đông Nam Á...”

Chính quyền Ngô Đình Diệm là chính quyền tay sai của đế quốc Mỹ, chế độ thực dân và nửa phong kiến ở miền Nam là một chế độ phản động tàn bạo và đen tối.

Chính quyền miền Nam hiện nay là một chính quyền phản bội lợi ích dân tộc; nó đại biểu cho lợi ích của đế quốc Mỹ, của bọn phong kiến và bọn tư sản mại bản thân Mỹ phản động nhất ở miền Nam...

Do bản chất phi nghĩa, thế cô lập và chỗ yếu căn bản của nó, nó thực hiện một chế độ độc tài hung bạo, dùng chính sách đàn áp bằng vũ lực, và dựa vào bộ máy cảnh sát mật thám để tồn tại...”

“Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chẳng những xâm chiếm miền Nam, ngăn trở sự phát triển của xã hội miền Nam, mà còn ráo riết chuẩn bị chiến tranh hòng xâm chiếm cả nước ta, phá hoại toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy Mỹ - Diệm chẳng những là kẻ thù của nhân dân miền Nam đang bị chúng thống trị, mà còn là kẻ thù của cả dân tộc Việt Nam, của nhân dân miền Bắc đã được giải phóng”.

Hội nghị đã xem xét đánh giá tình hình miền Bắc, tình hình miền Nam, cả tình hình thế giới, thế mạnh của phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu so với phe đế quốc chủ nghĩa do Mỹ lãnh đạo, sự phức tạp diễn biến trong nội bộ từng phe và sự đấu tranh giữa các thế lực hòa bình và gây chiến trên thế giới. Hội nghị nhận định: “... Cách mạng Việt Nam do Đảng ta lãnh đạo bao gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân chủ nhân dân ở miền Nam”.

“... Tiến hành ngay cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là củng cố và phát huy thắng lợi đã giành được, là xây dựng cơ sở vững chắc để thực hiện thống nhất nước nhà”.

“... Tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đánh đổ chế độ đế quốc và nửa phong kiến ở miền Nam để thực hiện thống nhất nước nhà”.

Như vậy là hai cuộc cách mạng ở miền Bắc và miền Nam đều song song tiến hành, có quan hệ hữu cơ với nhau, trợ lực và thúc đẩy lẫn nhau, nhằm mục đích vì hòa bình và thống nhất Tổ quốc, vì xã hội chủ nghĩa. Từ đó, miền Bắc thực sự trở thành căn cứ địa cho cách mạng cả nước. Miền Nam là tiền tuyến kiên cường chống xâm lược, miền Bắc là hậu phương vững mạnh, là chỗ dựa vật chất và tinh thần. Phải chăng sứ mệnh của dân tộc Việt Nam là đánh bại không những bọn thực dân cũ mà còn đánh bại cả bọn thực dân mới, trở thành người lính xung kích của lực lượng hòa bình và dân chủ tiến bộ, chống bọn gây chiến xâm lược và phátxít trên thế giới?

Hội nghị xác định: "... Chừng nào còn Mỹ - Diệm ở miền Nam thì tình trạng đất nước bị chia cắt và khả năng xảy ra chiến tranh vẫn còn tồn tại. Vì vậy để thực hiện thống nhất nước nhà và giành hòa bình lâu dài ở Việt Nam, nhân dân ta không thể có con đường nào khác hơn là phải tích cực xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và tiến hành đấu tranh cách mạng gian khổ ở miền Nam để bảo vệ quyền sống hằng ngày và tiến lên đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam khi có điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi".

Đối với những nhận thức sai lầm về hòa bình, về Hiệp định Giơnevơ, Hội nghị nhấn mạnh: "Hiệp nghị Giơnevơ có tác dụng hạn chế một phần âm mưu gây chiến của địch và có lợi cho công cuộc đấu tranh chính trị để thống nhất nước nhà, có lợi cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Chúng ta phải biết triệt để sử dụng nó. Song cần nhận rõ nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng không phải là Hiệp nghị Giơnevơ mà là lực lượng đấu tranh của quần chúng nhân dân cả nước, được sự đồng tình ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân thế giới. Những tư tưởng ỷ lại vào Hiệp nghị Giơnevơ hoặc coi thường giá trị pháp lý của Hiệp nghị Giơnevơ, đều là sai lầm".

Như vậy là nhân dân cả hai miền đều phải đứng lên làm cách mạng.

Cách mạng ở miền Nam có nhiệm vụ: "... Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

Phương hướng của cách mạng miền Nam là: "Vì chế độ miền Nam là một chế độ thực dân và nửa phong kiến cực kỳ phản động và tàn bạo, vì chính quyền miền Nam là chính quyền đế quốc và phong kiến độc tài, hiếu chiến, cho nên ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có sự thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh

cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để đánh bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa từ trước đến nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng nên chính quyền cách mạng của nhân dân*”.

Đây là một quyết định lịch sử trọng đại, mở đầu cho trang sử vẻ vang của dân tộc ta thắng một hung thần chiến tranh của thời đại, đập tan triệt để ách nô lệ hàng trăm năm nay, giành tự do độc lập, đi lên xã hội chủ nghĩa.

Suốt mấy ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước đã bao lần dân tộc Việt Nam ta đã có những quyết định trọng đại, dựng thành những cái mốc vinh quang trên con đường tiến lên của đất nước và dân tộc. Lần này nữa, trước nguy cơ nô dịch của một đế quốc đầu sỏ hiện đại, trước âm mưu thôn tính miền Nam, “Bắc tiến” thôn tính cả nước, làm đầu cầu chống phe xã hội chủ nghĩa, chống loài người tiến bộ, Đảng ta đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, bằng Nghị quyết 15 đã có một quyết định trọng đại và lịch sử.

Đây còn là một quyết định hết sức sáng suốt và dũng cảm, đầy trách nhiệm trước nhân dân ta. Trong lúc ta mới vừa giành được độc lập nửa nước, miền Bắc chưa xây dựng được bao nhiêu, dân ta còn rất nghèo, còn phải nhờ sự giúp đỡ nhiều mặt của các nước anh em mà vẫn kiên định đẩy mạnh đấu tranh cách mạng là một quyết định không dễ dàng chút nào.

Nghị quyết 15 đề ra đường lối cơ bản cho cách mạng miền Nam, tạo ra một bước ngoặt cho tình hình miền Nam Việt Nam. Trước Nghị quyết 15, nhân dân miền Nam đã đấu tranh kiên cường liên tục, cả đấu tranh chính trị và vũ trang, đã chịu nhiều tổn thất nặng nề, nhưng cốt là để giữ vững quyền sống và bảo toàn thực lực, có tính chất tự vệ. Nghị quyết 15 đã nhận định rõ tình hình, vạch rõ đường lối và phương châm phương thức mục tiêu cần đạt của cách mạng, vì vậy đã phát động một phong trào tấn công, lớn mạnh ngoài sức tưởng tượng của quần chúng cách mạng chống lại chế độ phản dân hại nước. Tuy ra chậm (như nhiều đồng chí đã nhận xét) nhưng Nghị quyết còn bắt kịp thời gian để khơi dòng tuyệt đích cho một khối nước khổng lồ bị dồn ứ quá mức từ lâu khỏi phá bờ tung tóe mất hết hiệu quả và có hại.

Thực sự ai cũng phải công nhận sức mạnh vật chất và quân sự của Mỹ. Nhưng không phải ai cũng nhận thức được sức mạnh vật chất và quân sự dù lớn đến đâu cũng không thể quyết định mọi vấn đề của nhân loại một cách phi nghĩa. Mỹ không thể dùng sức mạnh đó để buộc loài người phải suy nghĩ, phải sống, phải hành động theo ý muốn riêng và quyền lợi ích kỉ của mình. Sức mạnh thật sự có thể chiến thắng tất cả, đối đầu có hiệu lực đối với mọi thiên tai địch họa là lòng dân giác ngộ và đoàn kết. Bác Hồ và Đảng chúng ta đã nắm vững được chân lý bất di bất dịch này mà có quyết định hoàn toàn đúng. Cái đáng nói của dũng khí Việt Nam trong quyết định này là tinh thần tự lực tự cường, độc lập tự chủ trong suy nghĩ và hành động trên cơ sở thực tế của đất nước ta, nhân dân ta với đầy đủ tinh thần trách nhiệm vì dân vì nước. Trong thời điểm đó, ngay những người bạn quý của chúng ta cũng khuyên ta không nên đánh Mỹ. Rằng Mỹ mạnh lắm, ta nhất định thua và sẽ thua không còn manh giáp. Có bạn còn phát biểu chỉ nên đấu tranh chính trị thôi và trường kỳ mai phục chờ thời cơ khi tương quan lực lượng từng bước và trên thế giới thay đổi. Chúng ta đã thành thật cảm ơn các bạn nhưng vì ta có trách nhiệm chính trước nhân dân mình nên tìm mọi cách tranh thủ sự đồng tình và giúp đỡ của bạn bè rộng rãi trên thế giới. Chúng ta đã nghĩ, làm đúng và thắng lợi. Nhắc lại việc này, một vấn đề lịch sử, chúng ta hoàn toàn không có ý tự phụ mà cốt nêu lên bài học lớn lịch sử về độc lập tự chủ và tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân ta và nhân dân trên thế giới.

Vấn đề sát thực tế để hiểu rõ thực tế và đề ra quyết định phù hợp là mấu chốt thành công.

Từ năm 1956, lúc đồng chí Lê Duẩn còn là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, hoạt động bí mật trong sự đùm bọc của nhân dân, sát với tình hình diễn biến trên thực tế, đồng chí đã nhận thức được tình hình và đã thảo ra bản *Đường lối cách mạng miền Nam*: Trong bản dự thảo ấy đã có nhận định chính xác rằng Hiệp nghị Giơnevơ không được thi hành, không có tổng tuyển cử, thống nhất Tổ quốc, lý do là bọn đế quốc xâm lược Mỹ và bọn phong kiến tập đoàn Ngô Đình Diệm đã tìm mọi cách phá hoại, không chịu thi hành Hiệp định, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa và căn cứ quân sự Mỹ để gây lại chiến tranh mong cướp đoạt giang sơn Tổ quốc ta. Vì vậy mà cần thiết phải “củng cố thật vững chắc miền Bắc”, “Miền Bắc hiện nay là cơ sở thật vững mạnh của toàn quốc” và “đẩy mạnh phong trào cách mạng miền Nam”. Nói về tình hình miền Nam, bản dự thảo viết: “Nhân dân miền Nam hiện nay không những chỉ nằm trong cái cảnh đất nước bị chia xẻ, chiến tranh hăm dọa mà hằng ngày đương bị chính sách độc tài

phátxít của Mỹ - Diệm áp bức bóc lột, tù tội chém giết ghê gớm, thợ thuyền đang ở trong cảnh chết đói, công ăn việc làm không có, nạn thất nghiệp ngập không có lối ra, dân cày đương bị cướp đất tăng tô tăng thuế, ruộng bỏ, bị bắt lính, công thương nghiệp bị phá sản, v.v, nhân dân không có một chút quyền tự do dân chủ nào, chính sách khủng bố trả thù, tù tội, chém giết tràn lan khắp thôn quê đến thành thị. Tình thế ấy nhất định thúc đẩy nhân dân miền Nam phải đứng lên đập tan chính sách độc tài, phátxít của Mỹ - Diệm để tự cứu mình. Vì vậy, mục đích cách mạng của miền Nam còn phải đánh đổ chính quyền độc tài, phátxít Mỹ - Diệm, thực hiện một chính quyền liên hiệp dân chủ có tính chất dân tộc độc lập, để giải phóng nhân dân miền Nam ra khỏi ách đế quốc phong kiến độc tài phátxít Mỹ - Diệm để cùng với toàn quốc thực hiện hòa bình, thống nhất, độc lập dân tộc”.

Thật là một nhận thức sáng suốt và một suy nghĩ kịp thời về đường lối cách mạng cho miền Nam đúng đắn biết nhường nào. Nhưng tiếc thay từ đó nó không được khẳng định, chính thức hóa và phát triển theo đúng logic khách quan của thực tế diễn biến ngày càng dồn dập và rõ nét. Và cũng vì nó không được tiếp tục phát triển chấn chỉnh cho nên về phương pháp đấu tranh cách mạng để ra trong bản dự thảo *Đường lối cách mạng miền Nam* là không phù hợp: “...Phát triển theo đường lối hòa bình”. “...Phong trào cách mạng tranh đấu theo đường lối hòa bình nghĩa là phong trào ấy lấy lực lượng chính trị của nhân dân làm căn bản, không phải lấy lực lượng vũ trang của nhân dân để đấu tranh với chính quyền hiện hữu để đạt mục đích cách mạng của mình”. Cho đến Nghị quyết 15 mới xác định là “lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến...”.

Trước khi rời khỏi miền Nam đi Hà Nội năm 1956, đồng chí Lê Duẩn đã họp với Xứ ủy Nam Bộ, có đại biểu các khu dự. Trong Hội nghị, có thảo luận về bản dự thảo về *Đường lối cách mạng miền Nam* này và tranh luận nhiều về bạo lực chính trị và bạo lực vũ trang. Cuối cùng đồng chí Lê Duẩn có ý kiến:

- Xây dựng lực lượng vũ trang ở vùng núi (miền Đông Nam Bộ).
- Còn ở đồng bằng chỉ vũ trang các vùng căn cứ cũ Đồng Tháp Mười và U Minh thới.

Chính vì vậy mà năm 1957, Xứ ủy điều đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến cán bộ quân sự cao cấp nhất ở lại miền Nam từ miền Tây về miền Đông Nam Bộ để xây dựng lực lượng vũ trang.



Nhưng sau đó không có xác định rõ chủ trương này của Trung ương (mặc dù đồng chí Lê Duẩn là Bí thư thứ nhất), đề cương về *Đường lối cách mạng miền Nam* không thành chính thức.

Trong thời gian từ bản dự thảo *Đề cương cách mạng miền Nam* đến Nghị quyết 15, trải qua ba năm trời máu lửa, trên thực tế cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam đã diễn ra vô cùng quyết liệt bằng lực lượng chính trị quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang tùy nơi tùy lúc nhiều hay ít, do không thể có cách nào khác, do tình hình khách quan đòi hỏi. Tất nhiên ta phải hiểu rằng tình hình miền Nam tự nó không thể tách rời tình hình cả nước và tình hình quốc tế. Song cách mạng luôn luôn vận động mà không một phút dừng lại, tấn công để đi lên đúng hướng, giành từng thắng lợi một dù nhỏ. Nếu nhân dân miền Nam không đấu tranh quyết liệt dưới sự lãnh đạo kiên cường và sáng tạo của đảng bộ địa phương, thì làm gì có luận chứng vững chắc cho Nghị quyết 15. Có đồng chí đã đưa ra một hình tượng rất hay là nếu giữa biển cả mịt mù sóng bão, thủy thủ không dũng cảm, chèo thuyền lướt tới, để nó đứng một chỗ thì người cầm lái làm sao mà lái đi cho đúng hướng.

Nghị quyết 15 đã soi sáng và dẫn đường cho nhân dân cả nước làm cách mạng. Nó cũng soi sáng cho từng tấm lòng Việt Nam lâu nay đang khắc khoải chờ mong một trả lời xác đáng cho câu hỏi: Ta phải làm gì đây trước tình hình nóng bỏng? Giờ đây mỗi người đều có phương hướng tìm ra hành động đúng đắn nhất, phù hợp với trái tim và lý trí. Mặc dù nghị quyết còn giữ lâu trong vòng bí mật và chưa thành văn bản ngay, nội dung chủ yếu của nó đã được phổ biến rộng rãi và nhanh chóng cả ở miền Bắc lẫn miền Nam, được tiếp thu một cách nồng nhiệt và vô cùng phấn khởi. Khi một chủ trương đã phù hợp với thực tế, với lòng dân, đáp ứng tình hình cách mạng đi lên thì nó lại lan nhanh, thấm sâu vào lòng người với tốc độ khó mà tưởng tượng, không cần phải tuyên truyền cổ động hay ép buộc. Hơn nữa, nó chuyển thành hiện thực và với sức sáng tạo nhân lên gấp bội bằng hàng triệu trái tim và khối óc của cán bộ và quần chúng nhân dân.

Có chủ trương rồi thì theo đó phải có sự đảm bảo cho thực hiện. Ở miền Bắc, Trung ương quyết định thành lập con đường tiếp tế chi viện dọc Trường Sơn, nối liền hậu phương và tiền tuyến vào tháng 5/1959. Con đường được lấy tên đúng theo ngày sinh của nó, Đường 559, mà sau này nó lớn lên mau chóng để đáp ứng với yêu cầu và nổi tiếng cả thế giới với cách gọi có ý nghĩa của các ký giả quốc tế: Đường mòn Hồ Chí Minh. Thực sự là con đường này không phải mới mở vào năm 1959. Nó đã là con đường mòn xuyên rừng xuyên núi của cán bộ cách mạng Khu 5 và Tây Nguyên từ những năm 1954-1955. Địch chiếm hết

các đường ngang đường dọc, đường xe hơi, đường tàu, địch phong tỏa khắp nơi, khắp chốn. Nhưng cách mạng cần liên lạc giữa vùng này với vùng nọ, giữa miền núi và miền xuôi, cần thông tin và tiếp tế. Những con người cách mạng với ý chí vá trời lấp biển, chịu khổ chịu cực, biết hy sinh tất cả cho cách mạng thì có gì mà không khắc phục được, không làm được. Cán bộ Khu 5 và Tây Nguyên cần xin chủ trương của lãnh đạo, cần hạt gạo, viên thuốc ban đầu, cả khẩu súng tự vệ, nên họ phải xẻ núi, băng ngàn, tìm cho ra chân lý, chân lý của sự sống, cho hôm nay và cho ngày mai. Vì vậy mà đã hình thành con đường mòn dọc Trường Sơn nối thông với miền Bắc. Thật ra cũng chỉ từ những tỉnh gần với sông Bến Hải, từ Trị - Thiên, Quảng Nam, từ Gia Lai, Kon Tum trở ra thôi. Xa hơn nữa thì khó mong thông suốt trong hoàn cảnh lúc ấy. Nam Bộ càng không thể mong ước nối kết với miền Bắc bằng đường bộ thời kỳ gian khổ khó khăn. Vì vậy mà các tỉnh Nam Bộ lại cố mở ra con đường khác, hợp với điều kiện và khả năng hơn, bằng tàu thuyền trên sông nước: Đường mòn Hồ Chí Minh trên Biển Đông. Con đường này âm thầm hơn, bí mật hơn, ít người biết nên không danh tiếng bằng đường mòn Hồ Chí Minh dọc Trường Sơn, nhưng tác dụng chiến lược và vị trí của nó đối với cuộc kháng chiến là hết sức to lớn ngay từ những năm đầu của chiến tranh mở rộng và công khai (tôi sẽ nói về con đường chiến lược này vào tập sau - Tập 2, đúng với thời điểm của nó).

Đồng chí Thượng tá Võ Bẩm<sup>1</sup>, người Quảng Ngãi, tính xông xáo và nhiệt tình, cần cù và kiên định, tiêu biểu đức tính người dân Quảng Ngãi nói chung, đã được giao gây dựng Đường 559 ngay từ đầu.

Trước đó, đồng chí cùng một số ít cán bộ Khu 5 cũ đã được đồng chí Trần Lương, lúc ấy là Bí thư Khu ủy Khu 5 và đồng chí Nguyễn Văn Vĩnh - Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất giao nhiệm vụ tiếp tế lương thực thuốc men và một ít súng đạn tự vệ cho Khu 5 rồi. Nhưng bây giờ phải tổ chức thành đường giao thông và vận tải lớn hơn, tải nhiều hơn để đáp ứng với nhiệm vụ mới. Lúc này tôi được chỉ định thay mặt cho Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu phụ trách tổ chức con đường. Lần gặp gỡ đầu tiên với đồng chí Võ Bẩm, hỏi những công việc đã làm, khả năng mở đường, bàn kế hoạch tổ chức, tôi đã tin tưởng ngay đồng chí và phần khởi là nhất định nhiệm vụ sẽ hoàn thành. Ngoài việc cấp quỹ và phương tiện, tôi đã ký lệnh cho đồng chí rút ngay một đơn vị khỏe nhất của Lữ đoàn 305 do đồng chí Nguyễn Minh Châu<sup>2</sup> làm Tư lệnh, một đơn vị gồm toàn chủ lực Khu 5, Khu 6 tập kết và được phép chọn rút bất cứ cán bộ nào, chiến sĩ nào quê ở Trung Bộ

---

1. Thiếu tướng Võ Bẩm, đã nghỉ hưu.

2. Sau là Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 7.

thích hợp với công tác. Sở dĩ chúng tôi chọn người địa phương Trung Bộ lúc này vì Đường 559 lúc đầu chủ yếu là cho Khu 5, chúng tôi sẽ phát huy được sự hiểu biết về dân tình, địa hình của anh em, lại kết hợp được tinh thần cách mạng với lòng yêu quê hương; khi lòng yêu quê hương phù hợp với yêu cầu của cách mạng thì trở thành một sức mạnh thần kỳ với một nhiệt tình vô bờ bến. Thực vậy, bất cứ đơn vị nào được rút người, bất cứ người nào được chọn thì từ thủ trưởng tới chiến sĩ bình thường ai nấy đều cảm thấy hãnh diện cao độ được đóng góp phần nhỏ bé của mình cho cách mạng miền Nam, cho đồng bào miền Nam, mặc dù đơn vị mình sẽ bị xộc xệch cần nỗ lực kiện toàn sau đó, mặc dù biết rằng công tác sẽ vô cùng gian khổ và nhiều nguy hiểm đến tính mạng. Ngày ấy, đường mòn đúng là con đường mòn len lỏi giữa các khu rừng núi hiểm trở phía tây, bí mật vượt sông Bến Hải, băng đường 9. Về sau đường mòn chuyển lên làng Ho, qua nước Lào anh em. Có muôn vàn khó khăn và nguy hiểm lúc ban đầu xây dựng. Có những ngày đói rét, màn trời chiếu đất, hy sinh chết chóc để mở, chỉnh lại đường, lập trạm dự trữ lương thực, tất cả gạo, đạn, thuốc men cho các đồng chí ở chiến trường đều phải gửi lên vai, ngày này qua ngày khác. Những ngày đầu anh em gửi được vài chục ký, đi gần. Nhưng thế thì ít hàng quá làm sao đủ cho đồng chí ta. Anh em trong tổ chức đường dây lúc ấy đâu có đông người. Phải nỗ lực, phải tập luyện, phải làm một người bằng ba. Ta tự giác lao động vì đồng chí, vì cách mạng. Cứ tập và làm, mỗi người đã nâng dần, gửi được 30, 40 rồi đến 60, 70 ký trên vai. Đi đường ngắn rồi đi đường dài, đi ban ngày rồi đi cả ban đêm. Cán bộ lãnh đạo phải tổ chức và chăm lo bồi dưỡng bù đắp sức lao động đã bỏ ra quá lớn của hàng trăm người. Lại phải bố trí hợp lý các cung trạm, đảm bảo việc nghỉ ngơi, thay đổi. Đường càng ngày càng dài ra, vươn tới, tổ chức có quy củ, nền nếp, kỷ luật, năng suất ngày càng cao, hàng hóa đến chiến trường ngày càng nhiều, càng quý. Những kết quả thần kỳ ấy cũng chỉ xuất phát từ những cái rất bình thường; đôi dép cao su cho ôm chân; cái quai gửi cho ôm vai, cái nạng, gậy cầm tay để chống vững qua dốc núi cheo leo, để đỡ vững gửi khi đứng nghỉ cho chắc<sup>1</sup>...

Chiến tranh càng phát triển thì nhu cầu càng tăng lên. Con đường mòn đi chân phải thay bằng đường xe đạp thổ, mỗi xe phải thổ hàng trăm ký. Lại phải phát, sửa lại đường, san dốc đứng, tổ chức lại trạm tiếp sức, tập lại cách thổ cho năng suất cao... cho đến khi đường thổ lại chuyển thành đường xe hơi vận tải, một đường rồi nhiều đường, đường dọc lại có đường ngang... Tất cả đều phải đi lên theo sự phát triển

---

1. Chiến sĩ khi mang gửi nặng trên vai đi được một đoạn đường thì phải nghỉ từ 10 đến 15 phút rồi tiếp tục đi. Khi nghỉ không thể ngồi vì mất thì giờ và bất tiện khi ngồi, khi đứng lên đi, nên phải đứng mà nghỉ. Vì vậy, phải dùng một cái gậy có nạng, khi đứng nghỉ, thì chống đỡ gửi (bồng, ba lô) để vai được nghỉ và chân đỡ nặng.

của chiến tranh, của nhu cầu giành thắng lợi. Con đường mòn năm xưa đã trở thành hệ thống đường xe hơi, tàu thuyền dọc sông, đường dây thông tin, đường ống xăng dầu... Đó là quy luật phát triển, quy luật của sống còn, làm khác đi là trái quy luật, không đảm bảo thành công.

Lịch sử phát triển của con đường Trường Sơn có khác gì câu chuyện thần thoại Sơn Tinh - Thủy Tinh mà em bé Việt Nam nào lại chẳng biết. Một cuộc đấu tranh để sống còn, để giành lấy hạnh phúc cho mình. Nước càng dâng lớn bao nhiêu thì núi càng vượt lên cao bấy nhiêu. Từ con đường mòn trở thành hệ thống đường xe hơi vận tải khi chiến tranh phát triển leo thang là vậy đó. Với sức bền dẻo dai, với trí thông minh và sáng tạo, với chí khí đạp lên đầu kẻ thù mà thắng, đường mòn Hồ Chí Minh là biểu hiện sức sống vĩ đại của dân tộc.

Khi Đường 559 triển khai được vài tháng, ta thấy chưa thỏa mãn được nhu cầu, nên phải nghĩ tận dụng cho được Biển Đông. Rẻ đất Trung Bộ dài và hẹp. Hướng tây khống chế bởi dãy núi Trường Sơn hiểm trở, hướng đông đồng bằng đông dân hẹp chạy dài theo bờ biển. Các tỉnh Nam Bộ thì nhiều tỉnh có những dải rừng và sông rạch ăn thông sát biển, nhiều nơi có cả đảo gần, đảo xa rất thuận lợi. Để chi viện đặc lực cho miền Nam, trước mắt là cho Khu 5, Đường 759 - tuyến vận tải trên biển lại được tổ chức cũng do đồng chí Võ Bẩm và Đoàn 559 phụ trách. Dùng thuyền gỗ nhỏ, chạy bằng buồm không xa bờ, ghé đổ lên cho từng tỉnh. Cách vận tải này nguy hiểm nhiều vì vừa phải đối phó với địch vừa phải đương đầu với “sóng Biển Đông, giông Nam Hải”, nhưng nếu thành công thì tác dụng sẽ lớn hơn nhiều so với đường bộ. Tiểu đoàn 603 mang tên nguy trang “Tập đoàn đánh cá sông Gianh” được giao nhiệm vụ, đã tích cực chuẩn bị mọi mặt với sự giúp đỡ hết sức của địa phương Quảng Bình. Đầu năm 1960, chiếc thuyền “đánh cá” đầu tiên đã rời bến mang theo 10 tấn vũ khí cho chiến trường Khu 5. Chuyển đi không thành. Sóng to gió lớn đã nhận chìm thuyền, cán bộ thủy thủ dạt vào bờ và sa vào tay giặc. Thế là Đoàn 759 phải tạm ngừng công việc để nghiên cứu kỹ lưỡng hơn cũng để giải tỏa sự nghi ngờ có thể có của địch. Tất cả hãy tập trung vào lo Đường 559 đã. Về sau đường mòn trên Biển Đông đã được tổ chức lại khi điều kiện cho phép và con đường ấy đóng góp lớn cho chiến trường B2.

\*

\* \*

Đó là việc lo lắng đảm bảo về vật chất, kỹ thuật. Còn biết bao nhiêu phần chi viện khác trong đó có vấn đề cán bộ các ngành mà cái mới là cán bộ quân sự cho chiến đấu vũ trang theo tinh thần của Nghị quyết 15. Các đồng chí đang có mặt ở

miền Nam lúc ấy, tuy có cán bộ đã chiến đấu nhiều năm nhưng đã có ai học được cơ bản, được nghiên cứu có hệ thống về khoa học quân sự đâu. Ta không thể chỉ bằng lòng với kinh nghiệm thực tế. Cần phải tiếp sức, đó là sự lo nghĩ phải kịp thời. Việc chỉ đạo, việc xây dựng thực lực, mọi đảm bảo phải vượt qua tốc độ của chiến tranh, một cuộc chiến hiện đại của một đế quốc đầu sỏ.

Đây là nói cán bộ xây dựng lực lượng vũ trang và chỉ huy chiến đấu. Còn cán bộ khác như cán bộ vũ trang tuyên truyền xây dựng cơ sở quần chúng thì ngay từ năm 1954 trở đi đã lần lượt vào Tây Nguyên, Khu 5. Ta cần xây dựng vùng Tây Nguyên thành một vùng căn cứ lãnh đạo của toàn miền Nam. Vì vậy những cán bộ tập kết của Khu 5 được lựa chọn, bồi dưỡng huấn luyện năm bước công tác cách mạng, phương pháp tổ chức quần chúng... đặc biệt là vận động người Thượng, chủ của núi rừng Tây Nguyên. Phải biết nhiều thứ tiếng dân tộc ít người, phải hiểu phong tục tập quán người địa phương và đặc biệt là tâm tư nguyện vọng của họ, để hướng họ đi theo cách mạng, đi làm cách mạng. Nhưng bây giờ tình hình đòi hỏi cao hơn, cách mạng miền Nam đã có đường lối rõ ràng trong Nghị quyết, đã dùng phương pháp đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang. Cán bộ phải đáp ứng với yêu cầu của đường lối cách mạng và phương hướng đấu tranh cách mạng.

Một tối mùa hè năm 1959. Khí hậu nóng bức ở Hà Nội làm cho con người uể oải. Tôi ngồi ở hành lang nhà ở để hứng từng cơn gió nhẹ từ sông Hồng tạt vào, và lơ đãng dò tìm một vài bản nhạc nhẹ với cái máy thu thanh nhỏ. Nhưng tôi bỗng chú ý đến tin một trận đánh vừa xảy ra ở miền Nam, vùng ven Đồng Tháp Mười, thuộc tỉnh Long Xuyên. Đó là tin đài BBC của Anh. Đài loan báo: Trận đánh diễn ra giữa quân Chính phủ (Diệm) và quân Việt cộng. Mỗi bên có cỡ một trung đội. Súng nổ giòn trong vòng hai tiếng đồng hồ. Sau đó hai bên đều rút lui không có thương vong. Tôi ngạc nhiên ngẫm nghĩ: Sao lại bắn nhau kéo dài đến hai tiếng đồng hồ mà không ai việc gì là thế nào? Có tin được là đài BBC thu lượm chính xác về trận đánh không? Nếu đúng như thế có phải do nguyên nhân về kỹ thuật: Súng cũ, nòng rộng, bắn không chính xác? Điều này chắc không đúng về phía quân Diệm vì Mỹ đã trang bị cho súng mới, nhưng có thể đúng về phía quân du kích. Súng đánh rồi nhưng còn kỹ thuật bắn, phải chăng đôi bên đều không được huấn luyện tốt về bắn súng? Hay là do tinh thần, phát hiện nhau, hoảng sợ nằm bắn vài đạn rồi rút? Điều này thì có thể đúng về phía quân Diệm nhưng không thể có về phía quân cách mạng. Hay là về chiến thuật: Bên nào tấn công, bên nào phòng ngự? Tấn công thì theo kiểu nào? Phục kích, tảo ngộ? Thật là khó hiểu. Nhưng dù sao thì vấn đề đặt ra là anh em ta nhất định là rất cần được huấn luyện tốt về



kỹ thuật, chiến thuật để đỡ xương máu và chắc thắng trong từng trận đánh. Đã là chiến tranh thì không thể đùa cợt được. Không thể cứ tưởng tượng, nói dài dòng rồi đầu lại vào đấy, rồi lại bỏ qua, lại tưởng tượng, lại nói. Không! Kết quả cụ thể sống chết sẽ ngay sau trận đánh. Hay dở sờ sờ ra đấy, không thể dở mà cứ nói hay được. Không huấn luyện tốt thì chắc chắn là không chiến đấu được tốt. Những suy nghĩ này không buông tha tôi trong giấc ngủ chập chờn đêm ấy. Ngày hôm sau tôi đi tìm gặp anh Nguyễn Văn Vịnh, người bạn chiến đấu cùng chiến trường Nam Bộ trong chín năm chống Pháp, đang là Thứ trưởng Bộ Quốc phòng để trao đổi và chia sẻ nỗi lo lắng của tôi. Chúng tôi đã nhất trí với nhau rằng: Việc huấn luyện tốt cho anh em đang chiến đấu ở miền Nam là tối cần thiết và cấp bách. Cán bộ quân sự miền Nam tập kết ra Bắc đã được huấn luyện cơ bản và có hệ thống, nhiều người đã qua các khóa lục quân có chất lượng và cả các lớp bồi dưỡng đào tạo cao hơn. Anh em ấy đang rất cần cho cách mạng miền Nam không những để huấn luyện tại chiến trường mà cả cho chiến đấu nữa. Mỹ - Diệm đã công khai xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, đã chà đạp lên pháp lý quốc tế. Ta tập kết ra miền Bắc là thi hành Hiệp định, nay Hiệp định không còn giá trị nữa thì anh em miền Nam tập kết trở về quê hương chiến đấu chống chiến tranh xâm lược và hợp lý, là nhiệm vụ của công dân, là phù hợp với lòng mong mỏi của anh em và của nhân dân. Đây cũng là việc làm cần thiết thực thi Nghị quyết 15 của Trung ương. Chúng tôi bàn nhau cùng đến gặp anh Ba<sup>1</sup> trình bày căn cứ những điều suy nghĩ như trên và xin anh cho chọn người đưa về Nam cho kịp thời.

Tôi và anh Vịnh đến gặp anh Ba ở nhà riêng chiều hôm ấy. Chúng tôi đã cố hết sức trình bày căn cứ mọi sự việc và đề ra yêu cầu, xin 100 cán bộ trẻ, tập kết, đã qua các khóa lục quân để về đợt đầu. Nghe xong anh đứng bật dậy, kéo chúng tôi rời khỏi phòng khách đến phòng làm việc của anh, ở đấy có bản đồ Việt Nam lớn treo ở tường. Anh bảo tôi chỉ chỗ diễn ra trận đánh mà đài BBC đã loan tin. Miền Nam Việt Nam nằm vào phần cuối bản đồ. Chúng tôi ngồi xổm dưới sàn gỗ để nhìn rõ vùng ven Đồng Tháp Mười, nơi xảy ra trận đánh. Anh Ba suy nghĩ trầm ngâm một lúc rồi lắc đầu. Tôi bàng hoàng. Anh nói: Khó làm, việc này Bộ Chính trị chưa có ý kiến, không thể được. Tôi và anh Vịnh ỉu xiu, ngược hẳn lúc ra đi và khi hăng hái trình bày lúc mới đến. Chúng tôi nhìn nhau: Làm sao bây giờ? Chúng tôi lại ra sức trình bày lý lẽ, sự cần thiết của miền Nam và sự mong đợi của anh em tập kết. Anh Ba vẫn trong trạng thái suy tư, hình như anh vẫn tiếp tục dòng suy nghĩ trong lúc chúng tôi cứ nói, cứ nài. Đột nhiên anh ngắt lời tôi, hỏi: Một trăm thì nhiều quá, ít hơn có được không? Tôi mừng rỡ nói ngay, thôi

---

1. Đồng chí Lê Duẩn, lúc bấy giờ là Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.



anh cho đợt đầu 50 cũng được. Anh vẫn lắc đầu, vẫn cho là nhiều. Rồi anh nói: việc này chưa đưa ra bàn ở Bộ Chính trị mà có bàn thì có lẽ cũng chưa được chấp thuận đâu. Nếu số ít thôi thì tôi có thể quyết định và cá nhân chịu trách nhiệm rồi sẽ báo cáo với Bộ Chính trị sau. Thôi cứ bằng lòng chọn đợt này 25 đồng chí vậy. Anh cầm cánh tay tôi lay lay mạnh và tươi cười: được nhé, nhé, nhé? Tôi vâng và thực tình hết sức mừng rỡ. Thế là thành công rồi. Ít nhưng là mở đầu. Cái mở đầu khi nào cũng hết sức khó khăn nhưng lại vô cùng quan trọng. Đầu xuôi đuôi lọt mà. Chúng tôi phấn khởi từ già anh ra về. Anh bắt tay, còn dặn: Phải giữ hết sức bí mật đấy nhé, chỉ một ít người biết việc này thôi, càng ít người biết càng tốt. Ai được chọn về người ấy biết, không được nói với bạn bè, không được từ già. Các anh chịu trách nhiệm đấy.

Thế là ngay ngày hôm sau, chúng tôi triển khai lựa chọn người, trước nhất cho chiến trường xa, chiến trường Nam Bộ, tổ chức địa điểm tập trung, vạch kế hoạch chương trình huấn luyện, học tập và chuẩn bị mọi trang bị cần thiết cho từng người. Trong thời gian này mọi công việc lo cho miền Nam phải tuyệt đối giữ bí mật cho nên không thể giao cho các cơ quan có sẵn, ngại nhiều người biết dù là cơ quan quan trọng như Bộ Tổng Tham mưu. Vì vậy chúng tôi tổ chức riêng một bộ phận chuyên trách, “phòng nghiên cứu của Bộ Quốc phòng” đặt trụ sở tại nhà 83 Lý Nam Đế, do đồng chí Nguyễn Quang Minh (tức Minh B) một cán bộ tập kết làm Trưởng phòng. Nhà này đã nổi tiếng mà về sau tất cả cán bộ đi B (tức là đi công tác tại chiến trường miền Nam) đều biết. Khi chiến tranh đã phát triển thì công tác chi viện cho miền Nam không như lúc đầu, chỉ giữ bí mật về nội dung. Hai mươi lăm đồng chí được chọn đợt đầu tiên cho Nam Bộ là những đồng chí đã có thành tích chiến đấu trong kháng chiến chống Pháp ở chiến trường Nam Bộ có đủ tiêu chuẩn sức khỏe, trình độ, những đảng viên trung thành tuyệt đối với cách mạng và đã qua các lớp đào tạo cơ bản về quân sự, chính trị. Tuy vậy trong lúc tình hình còn nhiều khó khăn gian khổ, đường đi chưa được tổ chức thông suốt, mọi việc đều coi như mở đầu khai phá, đòi hỏi quyết tâm cao và sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn nên chúng tôi đặt nguyên tắc tự nguyện là chính. Mỗi đồng chí đều được để hoàn toàn tự quyết định việc đi hay ở. Sự lựa chọn không mảy may sai lầm. Tất cả đều đã được quá trình thực tế gian nguy trên đường hành quân, trong chiến tranh ác liệt kiểm nghiệm. Đồng chí Trưởng đoàn Tư Chương (tức Tăng Thiên Kim) sau khi về miền Nam đã qua các cương vị tham mưu của Ban Quân sự Xứ từ lúc bắt đầu hình thành; Trung đoàn trưởng trung đoàn chủ lực đầu tiên của B2, tức Trung đoàn 761 của Sư đoàn 9 về sau, rồi Tham mưu trưởng Quân khu 8, phụ trách trường lục quân của Bộ và nay là Đại tá hưu trí ở tỉnh Đồng Nai. Đồng chí Phó đoàn là Đặng Ngọc Sĩ, sau này là Tư lệnh Bộ Tư lệnh Đặc công của B2 và

nay là Đại tá phụ trách trường đào tạo hạ sĩ quan Quân khu 7. Một phó đoàn khác, đồng chí Nhơn (tức Vũ) đã bị địch bắt rồi được trao trả tù binh năm 1973, vẫn giữ vững khí tiết cách mạng và nay là Chỉ huy phó Sư đoàn huấn luyện tân binh Quân khu 9. Còn phó đoàn nữa là đồng chí Phong Ba (tức Ba Nghiêm) đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu ở Quân khu 9. Những đồng chí khác, một số đã hy sinh và số còn lại đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang được giao, trong hàng chục năm chiến tranh cho đến ngày nay như đồng chí Ba Kính hiện nay là Tỉnh ủy viên tỉnh Sông Bé kiêm Bí thư huyện Phước Long. Nhiều đồng chí còn đang làm việc, có đồng chí đã về nghỉ hưu.

Đoàn được tập trung vào tháng 6/1959, còn có thêm ba đồng chí bác sĩ là Đức, Dũng, Thanh. Tuy đã được đào tạo cơ bản, các đồng chí cũng được huấn luyện học tập thêm về chính trị, về bắn các loại súng, chiến thuật, thông tin, chụp ảnh và lái tất cả các loại xe hai bánh và bốn bánh, kể cả xe tăng và thiết giáp. Tập hành quân mang nặng, leo núi, không thể ra thao trường vì phải giữ bí mật, nên dồn đá gạch vào ba lô mang đi lên đi xuống thang gác trong nhà nhiều lần trong ngày, mỗi ngày mỗi tăng thêm trọng lượng trên vai.

Trong lúc đang rèn luyện, chuẩn bị mọi mặt thì chúng tôi tổ chức đoàn đi trước soi đường vào Nam Bộ vì lúc ấy đường chưa thông. Đồng thời Trung ương cũng điện cho Xứ ủy Nam Bộ cho cán bộ và đơn vị mở đường từ trong ra để hai đầu cùng tiến đến gặp nhau, bớt kéo dài thời gian chờ đợi.

Tuy vậy, năm tháng đã trôi qua, chương trình huấn luyện phong phú đã mãn, công việc chuẩn bị xong xuôi mà đoàn soi đường vẫn chưa bắt liên lạc được với đoàn đi đón. Chúng tôi phải quyết định cho B500 (bí danh của đoàn cán bộ quân sự đầu tiên vào Nam) cứ lên đường theo vết chân đoàn đi mở đường trước rồi bằng vô tuyến điện chúng tôi sẽ điều khiển cho các đoàn liên lạc với nhau. Đúng ngày 25/12/1959, B500 xuất phát từ gò Đống Đa lịch sử. Lúc này Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã chấp thuận đề nghị của đồng chí Bí thư thứ nhất, cho đoàn 25 cán bộ quân sự tập kết về Nam. Trước khi lên đường, đồng chí Phạm Hùng mời cả đoàn đến nhà riêng ăn bữa cơm gia đình chia tay, có món canh chua nấu cá lóc truyền thống Nam Bộ. Bác đã đến chia vui, Bác hỏi: Chú nào trưởng đoàn? Tư Chương đứng lên: Thưa Bác, cháu Tăng Thiên Kim, cán bộ trung đoàn. Trìu mến nhìn từng người, nhìn Tư Chương, Bác dặn: Hãy chọn đường nào an toàn nhất mà đi. Ý Bác muốn nói, dù xa, dù lâu, dù khó nhưng cũng phải đi tới nơi về tới chốn. Sau đó anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) chiêu đãi đoàn tại Câu lạc bộ quân nhân. Vinh dự biết bao những con người mở cửa đột phá, đột phá vào chiến trường khói lửa đánh rồi, nhưng quan trọng hơn là đột phá quyết định chi

viên miễn Nam bằng cái vốn quý: Cán bộ chiến đấu. Các đồng chí hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng là những đứa con tin yêu của Đảng. Sau các đồng chí có hàng ngàn, hàng vạn con người xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, có cả những quân đoàn đạp lên xác thù vào thêm sức cho quân dân miền Nam về giải phóng Sài Gòn, tiếng tăm vang dội mà ai cũng biết. Nhưng ít người biết được sự việc âm thầm cực nhọc mà cao cả của 25 anh em về chuyển đầu này cũng như những anh em khai phá mở đường.

Đồng chí Tư Chương kể lại: Đoàn chúng tôi vượt làng Ho rồi qua sông Bến Hải. Đoạn sông chỗ này nước chỉ đến ống quyển, nhỏ như một con suối. Đồi bờ rậm rạp, cây cối xanh um. Cùng một thứ đất, cùng một loài cây, thiên nhiên không có gì khác biệt để phân chia Nam - Bắc. Thế mà qua khỏi sông, cả đoàn tự nhiên không ai bảo ai, cùng dừng lại ngẩn ngơ, xúc động nhìn dòng sông ngoằn ngoèo về xuôi, ra Biển Đông, xúc động nhìn từ già bờ Bắc, nhìn xa hơn nữa giống như nhìn thấy lần cuối cả Thủ đô Hà Nội, cả Bác Hồ kính yêu. Đường đi thật hiểm trở, toàn leo núi cao từ núi này qua núi nọ. Vào đến địa phận Kon Tum thì đường có tổ chức đã hết, phải chờ khai thông. Nghỉ được vài hôm chúng tôi được lệnh: Trường đoàn phải trở ra bắc Quảng Nam để gặp Bí thư Khu ủy Khu 5. Thế là anh em nằm lại, tranh thủ phát rẫy sản xuất để có lương thực mà ăn và đem theo khi đi tiếp, còn tôi quay trở lại đường cũ. Đến nơi tôi gặp anh Bồn<sup>1</sup> - Bí thư Khu ủy. Anh bảo đường đi chưa thông hãy dừng lại đây chờ. Trong lúc chờ đợi, các đồng chí triển khai giúp chúng tôi một số việc:

- Tổ chức và huấn luyện các trạm giao liên dọc Trường Sơn mới bố trí từ Quảng Nam đến Kon Tum.

- Mở một lớp đào tạo y tá cho các địa phương miền núi.

- Mở một lớp đào tạo tiểu đội trưởng cho anh em người Thượng.

Hoàn thành các công tác được giao, thu hoạch vài vụ sản xuất, chúng tôi lại tiếp tục lên đường. Đến khoảng giữa Gia Lai và Buôn Ma Thuột, vừa ra khỏi một khu rừng rậm quanh co, chúng tôi đụng trán ngay với một toán lính ngự người Thượng trên 10 tên và 3 con voi đồ sộ. Đồi bên đã thấy nhau, chúng sững sốt dừng lại. Tôi ra lệnh nhỏ cho toàn đoàn: Sẵn sàng và theo tôi! Đến sát chúng, tôi tự xưng là một đơn vị biệt kích (chúng tôi ăn mặc theo lính ngự và mỗi người trang bị một mituyn hoặc cạcbin và một súng sáu) và vắn lại chúng sao dám đi vào khu vực của chúng tôi hoạt động, từ nay phải tránh khu vực này. Chúng dạ một cách cung kính và riu riu đi qua để cho chúng tôi lại tiếp tục hành quân của mình.

---

1. Tức đồng chí Võ Chí Công, nay là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Vào đến Buôn Hồ chúng tôi gặp được đoàn đồng chí Tư Lạc<sup>1</sup> đi trước soi đường, đang trú tại đây, còn đồng chí Tư Lạc dẫn một tổ đi bắt liên lạc với đoàn của Xứ ủy đón chưa về. Thế là chúng tôi nhập bọn. Đúng vào mùa lúa rẫy chín, chúng tôi đi tuốt lúa cho đồng bào và lại làm rẫy tự túc cho đến khi đồng chí Tư Lạc trở lại dẫn cả đoàn đi tiếp. Vào đến địa phận Nam Bộ đoàn chúng tôi chia làm hai. Một bộ phận do đồng chí Đặng Ngọc Sĩ dẫn đầu qua sông Đồng Nai Thượng, còn tôi dẫn một bộ phận vào Phước Long, gặp được anh Nguyễn Hữu Xuyên. Anh Xuyên lúc ấy là Trưởng ban Quân sự Khu 1.

Chúng tôi theo anh Xuyên về Khu 1 ở Chiến khu Đ rồi nhận điện của Xứ ủy lại về gặp Xứ ở căn cứ Tây Ninh. Đó là vào đầu tháng 12/1960. Một năm trọn vẹn trên đường đi, bốn lần qua lại quốc lộ 14, hai lần dừng lại trả bắp, trả lúa để lấy lương ăn và công tác phục vụ địa phương. Tất cả đều vào đến đích, gầy đi, đen sạm, nhưng sức lực và chí khí được trui rèn thêm để lao vào công tác cho miền Nam yêu dấu.

Nghỉ ngơi bồi dưỡng cho lại sức, rồi cả đoàn chúng tôi được tham dự Đại hội thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam vào ngày 20/12/1960. Ở Đại hội này đồng chí Lê Thanh<sup>2</sup> đại diện chung lực lượng vũ trang, còn chúng tôi thì đại diện cho các binh chủng (đoàn chúng tôi gồm cả cán bộ bộ binh, pháo binh, đặc công, thông tin, quân y). Sau Đại hội chúng tôi được phân công công tác, được điều về Quân khu 7, 8, 9 và Sài Gòn - Chợ Lớn, mỗi nơi bốn người. Tôi và số người còn lại được bố trí ở Ban Quân sự thuộc Xứ ủy. Thực tế Ban Quân sự vừa lập để giúp Xứ ủy chỉ đạo về mặt quân sự, mới gồm vắn vắn một số cán bộ ít ỏi do các anh Ba Bường<sup>3</sup> và Hai Xô<sup>4</sup> phụ trách, anh Tư Võ (Võ Phát) - Chánh văn phòng, anh Nhứt Quang - Thư ký, anh Năm Thành - hậu cần. Còn tôi lo công tác tham mưu, anh Ba Nghiêm công tác chính trị.

Lực lượng vũ trang trực thuộc có hai trung đội bảo vệ. Mầm mống lúc đầu là như vậy, nó là tiền thân quý báu của Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam sau này. Công việc đầu tiên tại chiến trường mà các đồng chí trong đoàn chúng tôi đã thực hiện kết quả là mở các lớp dạy bắn súng. Các nơi dấy lên phong trào bắn chính xác: “Một viên đạn một quân thù”...

Còn đoàn đồng chí Tư Lạc đi trước soi đường để đưa đoàn đồng chí Tư Chương tới đích thì xuất phát từ ngày 01/6/1959. Đoàn gồm tất cả 32 đồng chí, có điện đài, do Tư Lạc và Ba Phước phụ trách. Đồng chí Tư Lạc nay đã gần 70 tuổi, vẫn kể chuyện

---

1. Đại tá Phạm Văn Lạc, đã nghỉ hưu tại Xuân Lộc, Đồng Nai.

2. Nay là Thiếu tướng, Phó Tư lệnh Quân khu 7.

3. Phạm Thái Bường, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, đã mất.

4. Phạm Văn Xô, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, đã nghỉ mất sức.

rành mạch như mới xảy ra vào ngày gần đây. Đồng chí cười nói: “Ai có thể quên được chứ chúng tôi không bao giờ quên chuyện mình đã làm, nhất là những ngày đầy gian khổ ấy”. Đồng chí kể:

Đường đi thật gian nan vất vả. Leo núi, xuống đèo, hết đèo lại núi. Thế mà phải mang theo nửa tháng đến một tháng gạo ăn mỗi người không kể đồ dùng, súng đạn. Có những suối đá, bờ dốc đứng, nước chảy xiết, vượt qua được thật nguy hiểm. Phải buộc dây vào mình mà lần từng bước. Trước khi đi chúng tôi đều được tập bơi lội đủ kiểu, nhưng bơi gì được với kiểu suối này. Đặc biệt là muối và vắt không chê vào đâu được. Vắt đen, vắt xanh, vắt nhỏ, vắt lớn, cả đàn, cả lũ. Dưới đất có mà trên cây cũng có. Nhất là ở bờ suối ẩm, không biết đặt chân vào đâu, vì tua tủa những “cần ăngten” ngo ngoay. Trong lúc ta chăm chú bọn vắt dưới đất thì từ cây cối hai bên, vắt bung chính xác vào mặt, vào cổ. Nếu không biết hoặc bắt còn sót thì vắt cứ im lìm bò dọc theo người, tìm nơi kín đáo nhất nằm, tha hồ hút đầy máu. Khi quá no căng, vắt nhả ra và rút đi. Còn ta đi cho đến lúc có đồng chí bên cạnh phát hiện giùm vì máu thấm đỏ cả quần hoặc áo. Không nguy hiểm lắm nhưng mất bao nhiêu máu, bao sức lực, trong khi vận động nhiều mà ăn uống khổ cực. Thật phải chiến đấu ra trò với bọn chúng. Đường đi vắng vẻ, hầu như từ khai thiên lập địa chưa có dấu chân của con người qua đây. Vì vậy khi qua những vùng gần địch, băng qua đường xe, qua buôn rẫy của đồng bào... chúng tôi đều phải bỏ dép râu (dép cao su) ra cầm tay đi chân không, để khỏi lộ vết tích của “Việt cộng”. Đường chúng tôi đi dài cả năm như vậy mà đến hai phần ba là dép mang trên người chứ không phải người đi dép. Cuối tháng 11/1959 chúng tôi đến địa phận Buôn Ma Thuột. Qua khỏi con sông Ba là hết đường đi, không có trạm, phải nhắm hướng mà mở đường. May quá, đến Buôn Hồ lại gặp một trạm. Chúng tôi ở lại đây bắt liên lạc với Trung ương và Nam Bộ bằng máy 15 oát và phát rẫy sản xuất bảo đảm lương thực. Đến tháng 7/1960 thì chúng tôi nhận được điện chỉ đạo của Trung ương về hướng tiến, địa điểm bắt liên lạc với đoàn của Xứ ủy Nam Bộ đi đón: Bờ suối Đắk Rít gần Gia Nghĩa, một con suối chảy ra sông Đồng Nai Thượng. Rồi cách làm dấu tại bờ suối nếu đoàn nào đến trước, khẩu hiệu hỏi, đáp để nhận nhau. Chúng tôi liền tổ chức một tổ gồm tôi, đồng chí Đỗ tức Mađen, người xã Xuân Thọ (Xuân Lộc) và đồng chí Thời người quê Túc Trưng (tỉnh Đồng Nai) đi đến địa điểm móc rập, còn cả đoàn cứ ở lại trạm, sản xuất lương thực và chờ. Khi tới suối Đắk Rít, nghe cả tiếng loa đài phát thanh nguy từ thị xã Gia Nghĩa, chúng tôi đi lòng dọc bờ vẫn không có dấu vết gì của đoàn đi đón. Rõ ràng theo chỉ đạo ở trên thì ở bờ suối bên này. Nhưng cũng cứ qua bờ bên kia xem có gặp được không. Suối đá trơn, sâu, bờ suối dựng đứng, nước chảy xiết, tìm mãi không có nơi nào qua được dễ.



Đàn ông phải chọn nơi tốt nhất. Tôi để hai đồng chí lại, còn tôi cột dây vào thân mình để băng qua suối. Nhưng đồng chí Thời cản tôi lại, đòi để đồng chí đi vì đồng chí trẻ và khỏe hơn tôi và nếu có rủi ro thì không phải là trưởng đoàn hy sinh. Giằng co mãi tôi đành nhượng bộ. Người đi hăng hái, người ở lại theo dõi từng bước của bạn mới là khổ: Lo lắng, bồn chồn, rồi mừng, rồi lại lo. Phải mất nhiều giờ đồng chí mới qua gần đến bờ bên kia. Rủi thay, một cái trượt chân đồng chí vội bấu vào mỏm đá, nhưng đá trơn quá mà nước chảy mạnh, mang luôn đồng chí xuôi theo dòng. Chúng tôi chỉ còn kịp nhìn chăm chú sự vật lộn của đồng chí với dòng nước ác nghiệt, với những tảng đá lởm chởm cho đến khi khuất dạng. Băng qua cứu không được, chạy dọc theo bờ cũng không kịp, chúng tôi đành ngồi đợi một tin may rủi. Ba ngày vẫn bất tăm. Lại cạn lương thực. Thế là hai chúng tôi còn lại phải trở về trạm Buôn Hồ lấy lương thực rồi trở vào lần nữa. Lần này có đồng chí Năm Nhường<sup>1</sup> thay chỗ đồng chí Thời cho đủ bộ ba. Đúng ngày 30/9/1960 thì tổ chúng tôi đến đúng nơi cũ ở bờ suối. Đã có nhiều dấu chân lạ. Đi lòng một hồi thì gặp hai cậu thanh niên đang nằm trên võng. Tôi hỏi theo khẩu lệnh: “Ký ninh xanh?”. Đáng lẽ trả lời là “Ký ninh vàng” thì một cậu hỏi có phải đoàn anh Tư Lạc không? Nhưng thôi, nhìn trang phục, nhìn người, nhìn thái độ cũng nhận ra, mừng quá rồi. Thì ra hai cậu này đã đến suối, trước cả lần trước chúng tôi đến tới bảy ngày nhưng lại ở bên kia bờ suối. Lần này mới qua đúng nơi hẹn gặp. Đây là đội viên của trung đội đi đón do đồng chí Bảy Tâm (còn gọi là Bảy BK) và Sơn phụ trách, nhưng cả trung đội đóng ở bên kia bờ sông Đồng Nai. Chúng tôi lại làm bè và lội qua sông, suýt nữa thì tôi và đồng chí Năm Nhường cũng bị trôi theo dòng, may nhờ ba cậu thanh niên cứu kịp vào bờ. Yên tâm rồi, chúng tôi trở về Buôn Hồ để đón đoàn vào. Khi đi cả tháng thế mà lần này chỉ mất có sáu ngày. Đó là nhờ đồng bào Thượng ở các buôn dẫn đường, từ buôn này qua buôn kia. Đồng bào Thượng tin và giúp chúng tôi vì có đồng chí Đỏ. Đồng chí gốc người Thượng lại được học nhiều tiếng dân tộc trước khi lên đường từ miền Bắc. Khi nghe đồng chí Đỏ nói chuyện, đồng bào rất ngạc nhiên hỏi: “Bây ở đâu tới? Sao bây biết nói tiếng? Từ thời Tây đến nay chưa có ai tới đây như bọn bây”.

Đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ vinh quang nhưng mất đi đồng chí thân yêu, một người con dũng cảm của Tổ quốc: đồng chí Thời.

Tư Lạc sau đó được chỉ định phụ trách quân sự tỉnh Quảng Đức (từ tháng 10/1960 đến tháng 10/1961). Đồng chí đã xây dựng được lực lượng và tác chiến có kết quả. Đã có trận dùng một tiểu đội đặc công và hai trung đội bộ binh diệt gọn quận lỵ Đức Lập vào tháng 12/1960, thu được 50 súng. Sau đó được chuyển qua

---

1. Hiện nay làm công tác thanh tra ở tỉnh Sông Bé.



phụ trách quân sự tỉnh Lâm Đồng nhưng chưa kịp gặp tỉnh ủy nhận nhiệm vụ thì được điều về Khu 1 (miền Đông Nam Bộ) nơi đồng chí đã hoạt động trước khi đi tập kết. Sau khi được phép gặp vợ con lúc ấy đang làm công tác phụ nữ ở tỉnh Biên Hòa, đồng chí về phụ trách quân sự tỉnh Long Khánh. Kể xong sự việc đồng chí trầm ngâm, kết thúc: “Có thể gọi được rằng mình đã sống trong một thời kỳ lịch sử của dân tộc, và giờ đây vẫn còn sống. Thế là quý rồi!”

\*

\*      \*

Sau khi đoàn đồng chí Tư Chương lên đường, chúng tôi lại được phép chọn nhiều cán bộ tập kết khác của chiến trường Nam Bộ cũng như Khu 5 cũ, lần lượt tập trung huấn luyện và lần lượt vào Nam tham gia chiến đấu. Rõ ràng là đầu xuôi đuôi lọt. Chúng tôi phần khởi say sưa tổ chức đưa hết đợt này đến đợt khác vào chiến trường mong công việc không bị một bất ngờ nào làm đình trệ. Anh em cán bộ tập kết, mặc dù đã giữ hết sức bí mật sự việc về Nam chiến đấu, vẫn bằng cách nào đó, anh em còn lại biết được rành rẽ và hầu như ai cũng mong ngóng chờ đến phiên mình. Những ngày chủ nhật, ngày rảnh, gặp nhau ngoài đường họ mỉm cười gật đầu: Mày cũng còn đây hả. Rồi hỏi nhau thằng X, thằng Y đi rồi sao, lâu nay không thấy mặt. Cũng có người nôn nóng đi tìm người quen hỏi dò: Bao giờ tới phiên tôi. Tất nhiên cũng có người sợ chết không dám vào chiến trường, nhưng số này quá ít không đáng kể. Bản thân tôi cũng đâm ra sốt ruột. Từ năm 1959 tôi đã xin các đồng chí Bộ Chính trị cho tôi về Nam, cũng do Nghị quyết 15 kích thích. Các đồng chí đã trả lời: Bệnh anh chưa ổn định đi thế nào được, quyền quyết định bây giờ là do bác sĩ. Khi tiễn một đoàn cán bộ trung cao cấp lên đường vào năm 1960, một đồng chí quen thân đã cảm động bắt tay tôi thật chặt và nói để an ủi: “Anh đành phải ở lại thôi, rất cần thiết để lo cho tất cả anh em về và tạo mọi điều kiện thuận lợi để chúng tôi về thay anh chiến đấu thật tốt vậy”, và nói thêm một cách thành thật: “Bây giờ anh đã làm trung tướng của Quân đội nhân dân rồi, về thế nào được”. Một lời nói chân tình nhưng không khỏi làm tôi bàng hoàng. Tôi nhớ ngay đến những ngày chuẩn bị tập kết năm 1954. Ngày ấy tôi đã đề nghị lên Trung ương Cục cho tôi ở lại miền Nam không đi tập kết. Các anh đã trả lời tôi: “Anh đã lộ liễu quá rồi, là Tư lệnh Khu, là Phó Tư lệnh Nam Bộ, anh ở lại thế nào được”. Tôi đã bức bối trong lòng không đâu vào đâu suốt cả tuần lễ chỉ vì các chức vụ cao cấp công khai của mình. Nhưng ngày ấy sợ vi phạm Hiệp định, còn bây giờ thì Hiệp định đã bị dịch xé bỏ rồi. Sau phút bàng hoàng vì câu nói bất ngờ của bạn, tôi trấn tĩnh ngay và trả lời: “Chính vì cấp bậc trung tướng mà Chính phủ đã phong cho tôi trong đợt phong quân hàm đầu tiên cho quân đội này, nên

để xứng đáng với nó tôi càng phải vào chiến trường sớm. Các đồng chí biết không, cấp trung tướng tôi được phong vì tôi đã hoàn thành những công việc tương xứng ở chiến trường Nam Bộ trong những năm chống Pháp. Chính chiến trường Nam Bộ đã đào tạo nên tôi, bao nhiêu đồng chí đồng đội đã ngã xuống ở chiến trường, đồng bào Nam Bộ đã nuôi dưỡng và giúp đỡ cho tôi hoàn thành nhiệm vụ, tức như đã phong cấp cho tôi hoặc có thể hiểu rằng cấp bậc ấy không phải riêng cho tôi mà là vì chiến trường Nam Bộ đấy. Giờ đây tôi phải có nghĩa vụ phục vụ chiến trường và nhân dân miền Nam đang đem xương máu ra đấu tranh chống địch. Địch không đếm xỉa đến thỏa thuận với ta sao ta lại bám vào thỏa thuận không có giá trị? Các đồng chí hãy về trước, tôi sẽ cố gắng theo gót các đồng chí”. Tôi đã tin chắc như vậy. Và tôi đã nói đúng như thâm tâm của mình hiểu một cách trang trọng về cấp bậc quân đội. Cho đến 16 năm sau, năm 1974 tôi được lên một cấp, cấp thượng tướng, tôi cũng nghĩ rằng nếu tôi không vì nhân dân, vì chiến trường B2 mà chiến đấu, mà phục vụ hết mình thì không thể xứng đáng với cấp bậc ấy và cấp bậc ấy phải chăng là của B2, của những đồng chí đồng đội đã ngã xuống ở B2 mà có. Chính vì vậy có một lần tôi đã phản ứng ra mặt đối với một đồng chí cấp cao khi đồng chí ấy hỏi tôi, sao không phong đại tá cho một đồng chí đang làm công tác công khai mặt đối mặt với địch tại Sài Gòn, khi ấy đồng chí này mới là thiếu tá. Tôi trả lời rằng đồng chí ấy chưa đủ thành tích xứng đáng được phong vượt cấp lên đại tá. Đồng chí cấp trên ấy đã vừa cười và nói: Ôi chao, cấp bậc cũng do ta đặt ra mà mang thôi, có gì mà chưa với đủ. Tôi đã như bị một cú “sốc” mạnh vì cái cười và câu nói vô trách nhiệm ấy (đúng là đồng chí ấy chưa từng chiến đấu ngày nào ở chiến trường đâu hiểu nổi giá trị thực của một chiến sĩ, một cấp bậc sĩ quan), đến nỗi tôi sa sầm nét mặt, không nói thêm một lời nào và quay ngay đi chỗ khác. Tôi cay đắng nghĩ: Nếu ai cũng cho cấp bậc quân đội là như vậy, do ta đặt ra thì ta có thể tùy tiện phân phát, không có một chân giá trị thì quân đội chiến thắng của ta rồi sẽ ra sao? Không, mọi thứ trên đời này đều có chân giá trị của nó. Mỗi con người đều có một phẩm chất, mỗi sự việc đều có một ý nghĩa. Nếu không, xã hội không tồn tại. Năm 1973, khi tôi là Trưởng đoàn đại diện quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hiệp quân sự bốn bên ở Sài Gòn, tôi gặp Sullivan - Trợ lý Ngoại trưởng Mỹ, đại diện Chính phủ Mỹ đi công cán qua Sài Gòn, đến thăm xã giao tôi và Thiếu tướng Lê Quang Hòa ngày ấy là Trưởng đoàn quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Khi gặp tại trụ sở của hai phái đoàn quân sự chúng ta ở trại “Đavít” trong sân bay Tân Sơn Nhất, tôi đã nói vừa thật vừa xã giao: “Được nghe tiếng ngài Sullivan từ lâu, nay mới được hân hạnh gặp ở đây”. Sullivan mỉm cười ý nhị trả lời: “Tôi cũng rất hân hạnh gặp Trung tướng Trần Văn Trà lần này, tuy rằng tôi đã biết tiếng ngài

từ lâu, nhất là thời kỳ ngài đã phái Sư đoàn 316 qua tìm tôi ở Vientiane”. Lúc ấy y là Đại sứ Mỹ ở Lào đóng tại Vientiane. Tôi cười lớn một cách thành thật: “Vâng, lần này không tìm cũng gặp và tôi mong ta sẽ còn gặp nhau vui vẻ nhiều lần nữa trong cảnh thanh bình”.

Như vậy đó, Mỹ và ta đã biết nhau nhiều. Trong thời đại ngày nay khó mà ai che giấu ai được mọi chi tiết. Sullivan nhắc chuyện hồi đầu 1960 ở Lào, khi đó Trung tướng Trần Văn Trà là Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân, là cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc, ngày nay Trung tướng Trần Văn Trà lại là Trưởng đoàn quân sự miền Nam ở Sài Gòn, phải chăng y công khai thừa nhận việc cán bộ tập kết bất cứ ai đều có quyền trở về miền Nam chiến đấu vì độc lập tự do chống xâm lược? Tôi vui vẻ cười to một cách thành thật trong khung cảnh ngoại giao là nghĩa như vậy.

## CHƯƠNG V

### Đồng khởi

Năm 1959 là một năm đáng ghi nhớ sau một giai đoạn vô cùng khó khăn của cách mạng miền Nam trong thế thủ chịu đựng những thiệt hại lớn lao của nhân dân và của lực lượng ta do Đảng lãnh đạo.

Từ năm 1954 đến năm 1959, trải qua hơn 5 năm trời, chính quyền Ngô Đình Diệm được chủ Mỹ nuôi dưỡng và dùng vũ lực đặt lên ở miền Nam Việt Nam, được tên phù thủy Lansdale đã từng có kinh nghiệm phụ trợ cho Magsaysay đánh phá phong trào nhân dân Philippin và hàng trăm cố vấn Mỹ giúp sức, dùng vũ khí và đôla Mỹ tiến hành một cuộc chiến tranh liên miên đánh vào nhân dân miền Nam dưới chiêu bài diệt cộng. Những cuộc hành quân cảnh sát lớn nhỏ, những cuộc càn quét giết người cõ trung đoàn, sư đoàn tiến hành khắp thôn quê thành thị. Diệm diệt phe đối lập, đánh lực lượng vũ trang giáo phái, bắt tù và tàn sát hàng vạn người vô tội, nhốt cả triệu quần chúng vào các trại tập trung, khu dinh điền, khu trù mật, cướp ruộng đất của nông dân cho địa chủ, đàn áp các tầng lớp công nhân, tiểu thương, trí thức... ở thành thị, bóp nghẹt mọi tự do dân chủ, tạo nên một cuộc sống ngột ngạt dài ngày ở miền Nam. Chế độ buôn dân bán nước của Diệm không có cơ sở xã hội, phải tạo ra tầng lớp địa chủ tư sản mại bản, quân phiệt mới để làm chỗ dựa. Muốn giữ vững địa vị thống trị, chúng không thể cai trị dân theo các phương thức bình thường của một nhà nước gắn bó với dân, mà phải dùng biện pháp tàn ác nhất, phátxít nhất, nhằm đè bẹp sự chống đối của nhân dân từ mọi phía; phải dùng nhà tù và lưỡi lê để chống lại nhân dân, buộc nhân dân phải khuất phục một bề, dưới quyền lực của một nhóm nhỏ mà tiêu biểu cầm đầu là gia đình họ Ngô. Sự đàn áp khủng bố ngày càng tăng, bất chấp dư luận rộng rãi trong nước và ngoài nước, đập lên oán hờn xương máu, miền biển miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng biệt chống cộng theo ý đồ của đế quốc Mỹ. Mức tột cùng của tàn bạo là vào năm 1959 khi Diệm cho kéo máy chém đi khắp mọi nơi, chặt đầu bất cứ ai dám có ý nghĩ chống đối lại. Thực ra Diệm tiến hành hàng loạt tội ác ấy ngoài ý thức giai cấp

phong kiến địa chủ phục thù, ngoài sự ham mê quyền lực tối cao, danh vọng hão huyền một thời, còn bị sự thúc ép thực hiện ý đồ và kế hoạch của chủ Mỹ. Còn Mỹ, nếu ta bình tâm nghiên cứu âm mưu và hành động thực tế của Nhà Trắng qua các thời kỳ, từ lúc đầu tư lớn thúc đẩy Pháp tiếp tục chiến tranh, chiếm cho được Đông Dương trong những năm đầu thập kỷ năm mươi, đến lúc thay Pháp dựng Diệm lên làm tiếp chiến tranh một phía, thì ta thấy rõ con đường đã và sẽ tiếp diễn của Mỹ. Mỹ đã buộc Diệm xé bỏ Hiệp định Giơnevơ, quyết xâm lược và biến miền Nam Việt Nam thành một nước phụ thuộc Mỹ, một đầu cầu trên đất liền châu Á để chống cộng dù phải tiến hành kiểu chiến tranh nào, thật đã rõ như ban ngày. Đó là sự nhất quán thi hành theo chính sách chiến tranh lạnh của đế quốc Mỹ thời kỳ ấy, thời kỳ mà “Harry Truman trở thành tín đồ của một cuộc chiến tranh lạnh đổi mới và mạnh mẽ chống lại Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản nói chung”<sup>1</sup>.

“NSC-68”<sup>2</sup> kiến nghị rằng Mỹ phát triển một khả năng quân sự và một môi trường trong nước Mỹ và trong tất cả các khu vực khác của thế giới mà theo đó, Mỹ và hệ thống của Mỹ có thể sống sót, để đi đến mục đích đó, Mỹ phải tiến hành một cuộc chiến tranh thực sự với người Xôviết hoặc với những người làm thay cho họ trong bất cứ nơi nào trên thế giới<sup>3</sup>. Chính sách chiến tranh lạnh của Truman từ năm 1950 thúc đẩy nước Mỹ tăng chi phí quốc phòng, tăng quân số, chạy đua vũ trang, gây tình hình căng thẳng thế giới đi đến làm chiến tranh thực sự ở Việt Nam.

Trong khi lao vào cuộc chiến tranh chống nhân dân Việt Nam, chia cắt lâu dài đất nước ta, đế quốc Mỹ đã cố nặn ra Khối hiệp ước xâm lược Đông Nam Á (SEATO) để lôi kéo các nước ấy cho có thêm sức mạnh quân sự và chính trị phản động. Nhưng quan trọng hơn là đế quốc Mỹ tìm mọi cách chia rẽ, mọi thủ đoạn ngoại giao và áp lực để tìm sự nhất trí và cấu kết giữa đế quốc và các thế lực cơ hội bành trướng ngay từ lúc ấy là chia cắt lâu dài nước Việt Nam, nhằm bảo đảm cho sự thành công của chiến tranh xâm lược, chống cộng ở Đông Dương, để vững bước tiến trên con đường tội ác, hết nấc thang này đến nấc thang khác.

---

1. Trích *Lời phán quyết về Việt Nam* (Vietnam Verdict) của Giôđép Amtơ, bản dịch của Trung tâm Thông tin khoa học và kỹ thuật quân sự.

2. NSC-68 là bị vong lục Hội đồng an ninh quốc gia ngày 14/4/1950 bao gồm một tài liệu lấy tên là “Một báo cáo cho Hội đồng an ninh quốc gia của các bộ trưởng ngoại giao và quốc phòng về các mục tiêu và chương trình của Mỹ đối với an ninh quốc gia”, được cho ra công khai ngày 27/02/1975. “NSC-68 hình thành và phản ánh các quyết định chính sách lớn của Chiến tranh lạnh. Tổng thống Truman tuyên bố một tình trạng khẩn cấp quốc gia, trong khoảng thời gian một năm, một triệu lính đã được thêm vào các lực lượng quân sự Mỹ; không quân đã được cung cấp thêm năm lần máy bay và ngân sách quốc phòng từ 13,5 tỷ đôla lên 48,2 tỷ đôla”.

3. Sách *Lời phán quyết về Việt Nam* của Giôđép Amtơ.

Nếu năm 1959 là năm tốt cùng tàn bạo khủng bố của chế độ Mỹ - Diệm thì năm ấy sức chịu đựng và chống đối của nhân dân miền Nam cũng đã đến giới hạn bùng nổ. Khi kẻ thù đã dùng đến những thủ đoạn cực đoan nhất, điên cuồng nhất chống nhân dân thì nhân dân cũng chống trả lại bằng hành động quyết liệt nhất. Chính vì vậy mà năm 1959 là năm chuyển mình to lớn của cách mạng miền Nam từ thế phòng ngự qua tấn công để đè địch xuống, vươn lên giành những thắng lợi. Đó là đêm trước của ngày khai hoa nở nhụy: Ngày hội Đồng khởi của miền Nam thành công.

Hai tiếng “Đồng khởi” mà ngày nay trở thành quen thân với mọi người chúng ta, trở thành tiêu biểu của một thời đấu tranh cách mạng vang lừng năm 1959-1960 của miền Nam Thành đồng Tổ quốc, xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng tỉnh Bến Tre ngày 02/01/1960 để bàn chấp hành quyết định của Khu ủy 2<sup>1</sup> “tháng Giêng năm 1960 tiến hành nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt”. Các đồng chí dự họp đã gọi tắt “nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt” bằng “Đồng khởi”. Chỉ đơn giản thế thôi nhưng “Đồng khởi” đã đi vào lịch sử của cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân ta vì bao nhiêu máu của đồng bào đồng chí toàn miền Nam đã đổ ra, để đồng khởi làm chuyển biến một giai đoạn cách mạng hết sức quan trọng, đã chuyển một thời kỳ âm thầm lên một thời kỳ rạng rỡ.

Nghị quyết 15 đã được tóm tắt điện vào cho Xứ ủy Nam Bộ cũng như các khu khác và sau đó các đồng chí dự họp mới lần lượt trở về địa phương thông báo đầy đủ. Tháng 11/1959, Xứ ủy Nam Bộ họp Hội nghị lần thứ tư thảo luận Nghị quyết Trung ương 15 và bàn việc chấp hành. Hội nghị đã đánh giá sâu sắc tình hình và những ưu khuyết điểm trong lãnh đạo phong trào vừa qua. Ưu điểm căn bản là đã bảo toàn được lực lượng Đảng lãnh đạo, huy động được lực lượng quần chúng đấu tranh chính trị, qua những cơn bão tố đàn áp khốc liệt của địch, tuy có bị tổn thất nặng nề. Hội nghị đã biểu dương các Đảng bộ địa phương, cơ sở đã bám dân, bám đất, đã lãnh đạo quần chúng đấu tranh với những khẩu hiệu chính trị dân sinh dân chủ đúng đắn, đặc biệt là miền Tây Nam Bộ đã sớm hướng mạnh phong trào chống việc cướp đất tăng tô, giữ được quyền lợi thiết thân của nông dân. Về phương pháp đấu tranh, Hội nghị nhận định: “Mấy năm qua, trong đấu tranh chính trị ta biết kết hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ thúc đẩy phong trào. Trong một số vùng hoạt động vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ, thúc đẩy phong trào, trong một số vùng hoạt động vũ trang tuyên truyền đã hạ uy thế địch và nâng uy thế ta, mở rộng ảnh hưởng và cơ sở cách mạng ở vùng yếu kém,

---

1. Lúc ấy miền Trung Nam Bộ ta hay gọi là Khu 2, miền Đông Nam Bộ là Khu 1 và miền Tây Nam Bộ là Khu 3.



có tác dụng hạn chế hung hăng của bọn gian ác địa phương và phân hóa bọn này. Nhưng sử dụng vũ trang tuyên truyền trong thời gian qua, trong phạm vi chiến thuật hỗ trợ thúc đẩy phong trào, ta cũng chưa sử dụng đúng mức và cũng chưa phát huy danh nghĩa ảnh hưởng của vũ trang tuyên truyền tấn công chính trị vào địch. Có nơi co thủ quá, đối phó địch chưa tương xứng, có nơi không dám sử dụng, cho nên địch có lấn lướt uy thế đấu tranh của quần chúng, làm thiệt hại cơ sở cách mạng khá quan trọng”<sup>1</sup>. Hội nghị cũng biểu dương: “Ta đã biết dựa vào lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng là chủ yếu, lấy đấu tranh chính trị rộng rãi của quần chúng làm chính và giữ thế công khai hợp pháp của phong trào. Điều đó có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh chống các chính sách của địch để đưa cách mạng tiến lên”<sup>2</sup>. Nhưng Hội nghị cũng phê phán nghiêm khắc từng nơi, từng lúc “chỉ thuyết phục quần chúng trở về thế hợp pháp đơn thuần làm thiệt hại đến phong trào, địch đánh phá mạnh tổ chức, đưa quần chúng vào thế bị kềm kẹp của địch”. “Hiện nay trong các vùng căn cứ kháng chiến cũ, ở rải rác trong các tỉnh đã xuất hiện một số người bất hợp pháp đối địch với chính quyền Mỹ - Diệm. Có những cái “túi” gồm có hàng trăm hàng ngàn người lẩn tránh địch và chiến đấu chống địch để tồn tại. Ta phải có kế hoạch giải quyết hợp lý, hợp tình có lợi cho phong trào chung, không cho đó là một chương vật cản ngại phong trào. Không vì thế hợp pháp mà thúc ép quần chúng co thủ ngăn cản không để cho họ dùng vũ trang chống lại địch để tự vệ”<sup>3</sup>.

Để thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương, Nghị quyết Xứ ủy đã đề ra nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là: “Giữ vững và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, lấy đấu tranh chính trị rộng rãi và mạnh mẽ của quần chúng làm chính, đồng thời kết hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền để: chống chính sách khủng bố tàn bạo, chính sách bóc lột vợ vét, chính sách cướp nước và bán nước, nô dịch dân tộc và gây chiến của Mỹ - Diệm. Ngăn chặn và đẩy lùi từng bước mọi chính sách của địch, đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa về chính trị, tạo điều kiện thuận lợi tiến tới đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập dân chủ”. Ở đây, cũng theo Nghị quyết 15 của Trung ương, đã đặt rõ mục đích đường lối cách mạng miền Nam là đánh đổ Mỹ - Diệm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân làm cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam có hướng đi rõ rệt và triệt để cách mạng. Về phương pháp có nêu một cách rất đúng đắn: “Phải biết kết hợp sử dụng các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và

---

1, 2, 3. Trích Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ, tháng 11/1959. Hồ sơ lưu trữ tại Phân viện Lịch sử quân sự thuộc Bộ Quốc phòng.

bất hợp pháp một cách linh hoạt, phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị và phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ thì mới tạo được cái thế vững mạnh để đẩy phong trào cách mạng tiến lên”<sup>1</sup>. Về phương pháp đấu tranh vũ trang tuy chỉ đề là “kết hợp hoạt động vũ trang tuyên truyền” nhưng trên thực tế ở khắp các khu từ lâu đã có những trận đánh thực sự để tự vệ chống lại quân đội Diệm đi càn quét. Đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn thường nói: “Có đường lối đúng, phải có phương pháp cách mạng đúng thì mới giành được thắng lợi”. Đúng là như vậy. Thực tế trong thời kỳ 1959-1960 ở miền Nam, cán bộ và quần chúng chỉ cần “nghe hơi” có nghị quyết của Trung ương và Xứ ủy đã cho kết hợp với đấu tranh vũ trang là khí thế đã bùng lên rồi. Nhiều đảng viên cũng như quần chúng đã nhảy lên reo hò mừng rỡ: Đảng đã cho đánh rồi. Cuối năm 1960 trong cuộc họp kiểm điểm công tác của Khu 1 (miền Đông Nam Bộ) anh em đã nhận định: “...Nhưng từ đầu năm 1960, sau khi học tập Nghị quyết 15 của Trung ương và Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy lần thứ tư, đường lối chủ trương sáng suốt của Đảng lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu có kết hợp hoạt động vũ trang đúng mức nhằm phương hướng tổng khởi nghĩa cướp chính quyền, đã đem lại cho chúng ta một luồng sinh khí mới và niềm tin tưởng phấn khởi”<sup>2</sup>. Ở đây thấy rõ đường lối và phương pháp gắn chặt với nhau. Các đồng chí chúng ta phấn khởi tin tưởng với chủ trương phương hướng tổng khởi nghĩa cướp chính quyền để thoát ra khỏi chỗ bế tắc là đấu tranh đòi thi hành Hiệp định, đòi hòa bình nhưng địch không thi hành Hiệp định, không chịu hòa bình từ bao năm nay rồi thì làm gì nữa? Lực lượng cách mạng ngày càng bị tiêu hao thì phải làm thế nào? Có thể nói từ tháng 7/1956 trở đi, các đồng chí chúng ta cũng như quần chúng cách mạng không ai nghĩ là phải đấu tranh gìn giữ củng cố hòa bình nữa vì từ năm 1954 đến nay có giờ phút hòa bình nào đâu mà giữ. Cũng không còn ai nghĩ là có thể đấu tranh đòi tổng tuyển cử theo Hiệp định Giơnevơ nữa vì Mỹ - Diệm đã tỏ ra quyết xé bỏ Hiệp định rồi. Rõ ràng chỉ có chống xâm lược Mỹ, loại bỏ nguy quyền tay sai ngoại bang đang đàn áp dẫm máu nhân dân, giành tự do và độc lập mà thôi. Các đồng chí chúng ta cũng như quần chúng nhân dân đòi được trừ gian diệt ác, đòi được cầm súng bắn lại quân đội Mỹ - Diệm đã tiến hành chiến tranh từ bao lâu nay, nay nghe nói cho đánh rồi, tự nhiên phong trào bật lên mạnh mẽ một cách không lường được. Phương pháp cách mạng đúng, chủ trương chính sách cụ thể đúng, nhiều khi trở thành chìa khóa mở tung cửa căn phòng tối tăm để cán bộ qua một lâu đài rực ánh hào quang của thắng lợi. Và phương pháp, chính sách cụ thể sai,

---

1. Trích Nghị quyết của Xứ ủy Nam Bộ, tháng 11/1959. Hồ sơ lưu trữ tại Phân viện Lịch sử quân sự thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Hồ sơ lưu trữ của Phòng Lịch sử quân sự Quân khu 7.

lắm khi đưa đường lối đến chỗ thất bại hoặc trở thành một trở lực cho thực hiện đường lối.

Sau Hội nghị Xứ ủy, các khu về lại họp bàn thi hành. Đồng chí Nguyễn Minh Đường - Bí thư Khu ủy Khu 2 về đến Đồng Tháp Mười vào đầu tháng 12/1959 thì đại biểu các tỉnh trong khu đã có mặt vì đã được triệu tập từ đầu tháng 11. Chị Nguyễn Thị Định, lúc ấy là Phó Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre, đại biểu của tỉnh dự Hội nghị đã kể lại: "...Anh Sáu (Đường) báo cáo tình hình và chủ trương mới của trên. Tôi mới nghe qua mà đã vui như mở cờ trong bụng, mừng quá đỗi. Đây là Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Chủ trương rõ ràng và phát động nhân dân miền Nam đấu tranh chính trị có kết hợp với vũ trang để tự vệ. Nghe nói vũ trang là Hội nghị vỗ tay rầm rầm. Thế là trên đi đúng với nguyện vọng bên dưới, rất tài tình. Thấy các đồng chí hướng về vũ trang quá, anh Sáu Đường phải dặn đi dặn lại: Các đồng chí nhớ đấu tranh chính trị là chủ yếu, vũ trang chỉ hỗ trợ mà yêu cầu là phát động nông dân nổi dậy phá thế kìm kẹp, làm chủ nông thôn, xã ấp"<sup>1</sup>.

Trong cuộc hội nghị ấy, Khu 2 đã chủ trương:

"Phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ ở nông thôn, đối với các tỉnh tiếp giáp căn cứ Đồng Tháp Mười, đều tích cực đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang hỗ trợ phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ, mở rộng căn cứ du kích, đánh địch càn quét, bảo vệ căn cứ, ra sức xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, chuẩn bị tiến hành nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt".

Khu đã quyết định tháng Giêng năm 1960 nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt toàn khu. Để thi hành quyết định này của khu, mỗi tỉnh có cách làm riêng vì hoàn cảnh cụ thể mỗi tỉnh khác biệt nhau. Ở Mỹ Tho là nơi địch chọn làm trọng điểm "tố cộng, diệt cộng" đã gây cho ta thiệt hại quá nặng nề, cũng ở đây tỉnh cho cán bộ ra hợp pháp đông đảo, địch nắm rún ép, mua chuộc dụ dỗ một số, số khác điều lỏng lẻo đi nơi khác nên cũng hao hụt nhiều. Vì vậy, trước Đồng khởi toàn tỉnh chỉ còn không đầy 100 đảng viên trong số 4.000 trước kia, nhiều vùng trở thành vùng trắng, ta không có đảng viên, không có quần chúng được tổ chức. Bọn tề điệp ác ôn khống chế nhân dân rất nặng nề. Bọn do thám, gián điệp ngấm nằm trong làng xã đông đảo phát hiện và ngăn chặn các hoạt động của ta. Mãi đến tháng 02/1960 tỉnh mới có được ít lực lượng vũ trang, và bắt đầu bằng diệt trừ bọn địch nguy hiểm nhất, bọn ác ôn, tề, điệp. Nhờ kinh nghiệm của các tỉnh bạn Kiến Phong, Bến Tre..., sự cổ vũ của phong trào toàn khu, toàn xứ, có sự chỉ đạo đúng đắn, kiên quyết, phong trào mới bật dậy. Khi quần chúng bớt bị địch khống chế,

---

1. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác* (hồi ký), Nxb. Văn học Giải phóng, 1976, tr.3.

được cán bộ, đảng viên đi sát lãnh đạo, họ tự vũ trang gậy gộc, dao mác, nổi dậy phá tế ấp, tế xã, bao vây bức hàng, bức rút đồn bót, làm chủ thôn ấp, từ nổi dậy lẻ tẻ dần dần thành cao trào đồng loạt. Những nơi có đảng viên lãnh đạo, phong trào lên mạnh như nam, bắc lộ 4, các vùng Cai Lậy, Cái Bè, Châu Thành đến dọc kênh Nguyễn Văn Tiếp. Điều đặc biệt ở Mỹ Tho là ở các vùng sâu, vùng trắng, ta không còn cơ sở cách mạng, không còn đảng viên, bị địch khống chế từ lâu, thế mà nay nhờ phong trào chung cổ vũ, quần chúng đã nổi dậy mạnh hơn các vùng khác, phá rã kìm kẹp hàng loạt xã, ta làm chủ hoàn toàn như các vùng dọc sông Cửu Long hay ở cù lao Thái Sơn. Rõ ràng nơi nào bị áp bức nặng nề, nhân dân căm thù địch cao độ, nơi ấy được phát động sẽ nổi dậy như nước trào dâng không gì cản nổi.

Ở Long An, cũng như tất cả các tỉnh, thi hành chủ trương cho cán bộ, đảng viên ra lấy giấy tờ hợp pháp của địch, đi điều lắng. Khi địch khủng bố cán bộ bị hao hụt cũng nhiều. Nhưng có nhiều người bị lộ đã phải chạy vào căn cứ sống bất hợp pháp và dần dần tự động vũ trang trừ gian diệt ác lẻ tẻ. Đến năm 1956 khi địch đã không chịu tổng tuyển cử theo thời hạn quy định và tăng cường khủng bố đàn áp thì các đơn vị vũ trang cách mạng đã hình thành dần và cuối năm ấy đã có quy củ, có lãnh đạo chỉ huy chặt chẽ. Có lực lượng vũ trang công khai thoát ly, có lực lượng vũ trang bí mật, ngấm, nằm trong nhân dân, kết hợp nhau hoạt động, vận động quần chúng đấu tranh, diệt ác. Nhờ đó mà cơ sở cách mạng vẫn giữ vững ngay từ đầu mặc dầu Long An giáp ngay với Sài Gòn, đầu não của địch. Năm 1957 hầu như ta đã làm chủ các ấp, tế ấp muốn làm gì phải xin ý kiến dân hoặc bí mật xin ý kiến cơ sở cách mạng, rồi mới dám làm. Cũng như năm 1957 ta đã tổ chức thành hai đại đội vũ trang lấy danh nghĩa là Tiểu đoàn 506 và Tiểu đoàn 508 hoạt động hai vùng nam, bắc lộ 4 chiến lược, con lộ chia tỉnh thành hai khu vực. Nhờ có lực lượng vũ trang sớm, lại được phân tán hoạt động khắp trong tỉnh, bám vào nhân dân, xóm làng mà làm công tác vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở, ta diệt bọn gian ác nên phong trào chính trị quần chúng lên mạnh, vững vàng, địch hoang mang lo sợ. Đồng chí Chín Cần<sup>1</sup> lúc đó là Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Tư Thân<sup>2</sup> phụ trách quân sự, cho biết rằng cả phong trào chính trị của nhân dân và hoạt động vũ trang trong tỉnh lên mạnh và đều trong các năm 1958, 1959. Vai trò, tác dụng của lực lượng vũ trang là to lớn trong việc xây dựng lực lượng chính trị quần chúng, trong việc diệt tế trừ gian và làm trụ cột cho

---

1. Đồng chí Nguyễn Văn Chính, hiện nay là Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

2. Đồng chí Huỳnh Văn Mến - Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

nhân dân đấu tranh chống địch, giành quyền làm chủ thôn ấp. Đặc biệt là uy hiếp bọn địa chủ, giữ được ruộng đất cho dân, nhờ đó khí thế cách mạng lên mạnh, nông dân tin tưởng, phấn khởi.

Chính trên cơ sở phong trào trong tỉnh như vậy, Long An bước được vào cuộc Đồng khởi theo quyết định của khu. Tỉnh chủ trương cần tạo đòn quân sự mạnh để phát động và hỗ trợ phong trào Đồng khởi của quần chúng, đồng thời sẵn sàng đối phó với phản kích của địch.

Tháng 01/1960, ta chỉ dùng một tiểu đội kết hợp với ba nội ứng diệt đồn Đức Lập, thu toàn bộ vũ khí. Tư Thân và Tư Tâm trực tiếp chỉ huy trận đánh mở màn này. Tiếp theo là bót Rạch Chanh bị chiếm bằng cách ém quân xuống xuống chờ chuối đi bán. Khi xuống đến bót, anh em bất thành linh nhảy lên, xông vào diệt địch lấy súng. Rồi đến dùng xe đồ, chở hành khách là chiến sĩ hóa trang chạy ngang qua đồn. Đến cửa đồn, xe đỗ lại, “hành khách” bất ngờ nhảy xuống nổ súng đánh úp, diệt một loạt các đồn Tân Bửu, Hưng Long (Cần Giuộc), Mỹ Hạnh (Đức Hòa)... Khi địch đã cảnh giác đề phòng các kiểu kỳ tập mưu mẹo này thì lực lượng vũ trang ta lại chuyển sang đánh phục kích địch ngoài công sự, diệt một loạt các trung đội bảo an đi càn quét khủng bố, như trận ngã ba Lý Văn Mạnh, các trận Thạnh Lợi, A Rặc, Phước Chi... Chỉ trong vòng vài tháng đầu năm 1960 ta đã thu được gần 200 súng các loại, có cả một số trung liên. Có vốn liếng rồi, lực lượng vũ trang lại phát triển. Đến giữa năm đã vây đồn diệt viện ở Hậu Thạnh và đánh chi khu Đức Hòa. Trong suốt thời gian đánh mạnh về quân sự như vậy quần chúng nô nức nổi dậy phá tề, trừ gian, cửa cây cản đường, dựng chướng ngại vật, làm chủ nhiều xã, nhiều ấp, cả một số khu vực trong thị trấn; các huyện Châu Thành, Tân Trụ, Cần Đức, Cần Giuộc, Đức Hòa đều có những lốm giải phóng gồm nhiều xã. Đặc biệt huyện Đức Huệ, một bộ phận của Đồng Tháp Mười, xem như cơ bản được giải phóng. Địch chỉ còn lại chi khu Quáo Ba, bót Kinh Xáng và các bót dọc lộ nối liền Quáo Ba và Hiệp Hòa. Tình hình cách mạng trong tỉnh thật sáng sủa.

Ở miền Trung Nam Bộ, Kiến Phong là một tỉnh mà đồng khởi có tính chất điển hình: Tấn công quân sự kết hợp với nổi dậy của quần chúng. Tỉnh nằm trên dọc tả hữu ngạn sông Tiền bao gồm toàn tỉnh Sa Đéc cũ và một phần phía tây căn cứ Đồng Tháp Mười. Trung tâm của tỉnh là huyện Cao Lãnh, một vùng trù phú có phong trào cách mạng khá mạnh từ những ngày Đảng ta mới thành lập. Đây là khu 100 ngày chuyển quân tập kết của Nam Bộ hồi năm 1954 mà đồng bào vẫn không thể nào quên hình ảnh gần bó keo sơn giữa kẻ đi và người ở. Chính ở đây ngay từ cuối năm 1954 đã bùng nổ những cuộc đấu tranh thắng lợi của nhân dân



chống vụ thảm sát Bình Thành rồi phong trào quần chúng liên tục chống địch khủng bố tổ cộng, bảo vệ phần mộ cụ Phó bảng thân sinh ra Bác Hồ kính yêu mà bộ đội cách mạng đã sửa sang và gửi gắm lại đồng bào khi đi tập kết. Truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân trong tỉnh khá dày, nổi bật với cuộc nổi dậy tay không giành chính quyền dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy do chị Sáu Ngày làm Bí thư hồi năm 1945. Sự thực ở tỉnh này từ năm 1954 chưa bao giờ vắng bóng lực lượng vũ trang cách mạng, dựa vào căn cứ Đồng Tháp Mười mà tồn tại. Có lúc, đó là lực lượng dân canh chống cướp hợp pháp. Thời kỳ Diệm diệt lực lượng vũ trang giáo phái thì đó là lực lượng giáo phái ly khai “Cao - Thiên - Hòa - Bình”<sup>1</sup> chống Diệm. Các đội, tổ vũ trang tuyên truyền do Tỉnh ủy chủ trương thường xuyên hoạt động tại các vùng đông dân. Cho đến cuối năm 1956 khi Mỹ - Diệm ra mặt phản bội Hiệp định Giơnevơ đã rõ, Tỉnh ủy chủ trương thành lập tiểu đoàn tập trung của tỉnh: Tiểu đoàn 502 đặt căn cứ trong Đồng Tháp Mười. Tuy vậy, lúc này chưa có chủ trương hoạt động vũ trang của trên nên tiểu đoàn hoạt động phân tán, vũ trang tuyên truyền và chỉ cốt tự vệ nhằm bảo vệ căn cứ, cán bộ và diệt ác giữ vững phong trào đấu tranh của nhân dân. Trong những năm đầu, tiểu đoàn hầu như không có một phương hướng xây dựng và hoạt động rõ ràng, thậm chí chấp chờn có nên nổ súng hay không khi gặp địch. Tình hình ấy đã dẫn đến một thất bại chua cay vào năm 1958 khi địch lợi dụng mùa nước nổi mở trận càn, đánh úp bắt sống cả ban chỉ huy tiểu đoàn. Khi tiểu đoàn được củng cố lại với Tám Dân làm Tiểu đoàn trưởng và Sáu Chung là Chính trị viên thì cũng là lúc mà “hơi hám” được phép tấn công vũ trang của Nghị quyết 15 đem lại, nâng cao tinh thần cán bộ và chiến sĩ. Sau trận Gò Quán Cung thắng lợi, Tiểu đoàn đã trưởng thành và danh tiếng của tiểu đoàn đã lan rộng làm khiếp vía quân địch, làm nức lòng nhân dân. Sau trận đánh đó danh hiệu Tiểu đoàn 502 thật sự trở thành hiệu triệu, ngời nổ cho phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận của Kiến Phong vào cuối năm 1959, ngay trước ngày Đồng khởi toàn khu. Số tù binh khá nhiều bắt được trong một trận đánh, tiểu đoàn đã đối xử tốt, giáo dục lòng yêu nước, yêu đồng bào rồi thả về hết, kể cả sĩ quan. Số tù binh này đã cảm phục cách mạng, kể chuyện về lòng nhân đạo và sức mạnh vũ trang của cách mạng cho gia đình và nhân dân nghe, càng làm cho danh tiếng tiểu đoàn lan xa. Tại Cao Lãnh, tại Hồng Ngự, hàng trăm gia đình binh sĩ, hàng trăm quần chúng kéo đến dinh quân ngục đòi gặp mặt chống con, đòi con em về làm ăn, không đi lính nữa. Ở xã Thường Phước, nhân dân tự vũ trang giáo mác đánh đuổi bọn địch kéo máy chém đi khủng bố, bọn này hoảng sợ chạy tán loạn và liệng máy chém xuống sông, dòng nước Cửu Long đã

---

1. Túc Cao Đài, Thiên Chúa, Hòa Hảo, Bình Xuyên.



tham gia cuốn trôi máy chém. Tháng 2, Tiểu đoàn 502 đột nhập xã Phong Mỹ (Cao Lãnh) diệt đồn, phá tề, phát động nhân dân làm mítting ngay tại chỗ, lập tòa án nhân dân xử bọn gian ác. Cả xã đồng lòng diệt ác ôn, tề điệp làm chủ xóm làng. Tháng 12, lực lượng vũ trang huyện Mỹ An kết hợp nội ứng diệt đồn Vĩnh Huê, nhân dân nổi dậy giải phóng hoàn toàn xã Thanh Mỹ. Cả bên hữu ngạn sông Tiền lực lượng vũ trang diệt đồn Vàm Đình huyện Lấp Vò, bao vây trụ sở tề An Phú Thuận huyện Châu Thành, diệt bọn đi càn xã An Khánh, nhân dân nổi dậy trừng trị ác ôn, làm chủ một số vùng.

Trước ngày thống nhất Đồng khởi toàn khu, tỉnh Kiến Phong, một tỉnh có thế mạnh dựa vào căn cứ Đồng Tháp Mười, có lực lượng vũ trang mạnh nhất trong khu, đã có phong trào tấn công và nổi dậy rầm rộ và tương đối rộng như vậy. Chính phong trào ở đây đã động viên, cổ vũ các đồng chí các tỉnh về họp hội nghị toàn khu, đã nêu lên một kiểu cách kết hợp quân sự, chính trị và binh vận, và do đó nghị quyết nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt toàn khu của hội nghị đã có cơ sở thực tế để tin tưởng thành công.

Chấp hành nghị quyết của khu, tỉnh Kiến Phong lại tiếp tục làm cuộc Đồng khởi theo kiểu cách của mình, phát động rộng lớn trong toàn tỉnh.

Từ căn cứ Đồng Tháp Mười, Tiểu đoàn 502 tỏa về các huyện phối hợp với lực lượng vũ trang huyện diệt địch, phát động nhân dân nổi dậy. Ở các huyện Cao Lãnh, Hồng Ngự, Mỹ An, tự vệ vũ trang cùng nhân dân trừ gian, phá tề, phá tan các tổ chức liên gia kìm kẹp của địch. Tề chạy trốn vào đồn, đồn nhỏ rút chạy về đồn lớn. Tại xã Mỹ Trà (Cao Lãnh) một đại đội địch bị diệt, ta bắt sống tên đại úy tỉnh đoàn trưởng bảo an. Tại Mỹ Hội ta đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn địch đang yểm trợ cho đoàn binh định hoạt động, tên trưởng đoàn binh định đến tội. Ở xã Thường Thới (Hồng Ngự) ta diệt gọn một trung đội biệt kích và ở An Bình diệt một trung đội bảo an, thu toàn bộ vũ khí. Ở Tân Quới, đồn dân vệ bị diệt, ác ôn bị trừng trị. Bọn hội đồng hương chính đem toàn bộ sổ sách, tiền bạc ra nộp cho nhân dân, xin đầu hàng cách mạng. Ở quận Lấp Vò, nhân dân cùng tự vệ vũ trang diệt đồn Long Hưng, đồn Bù Hút, bao vây trụ sở tề xã, giải tán tề ấp, làm chủ nhiều thôn xóm. Ở huyện Châu Thành, nhân dân nổi dậy phá tan các khu trù mật Cái Dầu, Cái Sơn, kéo về vườn cũ. Bọn ác ôn bị diệt, hàng trăm thanh niên bị bắt lính được giải thoát. Các khu trù mật và dinh điền trong Đồng Tháp Mười như ở Gãy Cờ Đen, ở ngã tư Cái Bèo và dọc theo biên giới với Campuchia bị phá banh, đồn bót bị diệt, nhiều xã ấp được giải phóng.

Chỉ trong quý đầu năm 1960 quân và dân tỉnh Kiến Phong đã diệt hàng ngàn địch, san bằng hàng chục đồn bót, trụ sở tề xã, tề ấp, bắt, giáo dục và thả nhiều

sĩ quan binh lính và nhân viên ngục quyền, thu nhiều vũ khí và quân trang quân dụng. Vùng giải phóng mở rộng trong căn cứ Đồng Tháp Mười, sát ra lộ 30 ven sông Cửu Long và tới vùng ven thị xã Cao Lãnh. Ta làm chủ nhiều xã và phần lớn các ấp. Thanh niên tấp nập gia nhập lực lượng vũ trang cách mạng. Nhiều gia đình đem con em nài xin cán bộ cho vào bộ đội để khỏi bị địch bắt lính. Phong trào cách mạng lên mạnh và đều.

Nhưng diễn hình nhất về phong trào quần chúng tự vũ trang nổi dậy lật đổ ngục quyền làm chủ thôn ấp của dạng đồng khởi là phong trào tỉnh Bến Tre.

Tỉnh Bến Tre là một tỉnh đồng bằng đông dân, phì nhiêu nhờ phù sa các nhánh sông Cửu Long bồi đắp trước khi đổ ra biển. Đó là các sông Cổ Chiên, sông Hàm Luông, sông Ba Lai và sông Cửa Tiểu, cùng với bờ Biển Đông ôm gọn vào lòng và chia đất liền của tỉnh ra thành cù lao Minh, cù lao Bảo và cù lao An Hóa. Nhân dân trong tỉnh có truyền thống đấu tranh cách mạng từ lâu đời, có tấm gương yêu nước, khảng khái, trung trực của cụ Nguyễn Đình Chiểu mà phần mộ nằm ngay trên đất Ba Tri. Trong kháng chiến chống Pháp phong trào ở đây mạnh, ta làm chủ nhiều vùng rộng rãi. Ngay sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đã nổ ra những cuộc đấu tranh chính trị nổi tiếng chống Mỹ - Diệm ở Bình Đại, ở Mỏ Cày... và ngày càng mạnh.

Để dập tắt phong trào nhân dân, địch ra sức đàn áp, khủng bố, tố cộng, diệt cộng đẫm máu, nhất là từ năm 1957 đến năm 1959. Cho tới trước lúc Đồng khởi địch đã xây dựng được chính quyền đều khắp từ tỉnh đến xã ấp, có hệ thống kiểm soát kìm kẹp chặt chẽ nhân dân từ thành thị đến nông thôn, đâu đâu cũng dày đặc bọn cảnh sát, gián điệp. Do địch đánh phá ác liệt nên cơ sở cách mạng của ta bị thiệt hại nặng, số quần chúng có tổ chức còn ít, tổ chức trong lòng địch bị vỡ nhiều. Nhiều đồng chí cán bộ đảng viên bị giết, bị bắt tù đầy, chỉ còn lại không đầy 200 trong tổng số trên 2.000 hồi năm 1954. Số vũ khí cất giấu trong tỉnh bị địch moi lấy hết do có cán bộ không giữ nổi khí tiết khi bị bắt, bị tra tấn dã man đã chỉ cho địch. Vì vậy trước lúc Đồng khởi tỉnh chỉ có bốn khẩu súng cũ với hơn vài chục đạn. Hôm ở khu, nhận lệnh nổi dậy đồng loạt, chị Định nghĩ đến tỉnh mình không có lực lượng vũ trang, đã hỏi anh Sáu Đường - Bí thư Khu ủy:

“- Các anh phải cho tụi tôi một ít súng thì tụi tôi mới kết hợp vũ trang được chứ?

Anh Sáu Đường cười:

- Chị về bảo địch nó đưa súng cho mà dùng! Mà thật ra có súng ở đây thì chị cũng không làm thế nào mang về được”<sup>1</sup>.

---

1. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác* (hồi ký), *Sđd*.

Thế là chị Định đành ra về tay không, mà cũng không phải dễ dàng, lúc ấy phải giả dạng người làm ăn, đi công khai, lo về đến nơi cho kịp ngày kéo các tỉnh bạn phát động nổi dậy trước thì đâu còn bất ngờ nữa. Thế nhưng lòng cứ mơ đến những trận thắng lớn như trận Gò Quản Cung, có được tiểu đoàn vũ trang như 502 và quần chúng nổi dậy như ở Hồng Ngự.

Quả là tình hình tỉnh Bến Tre lúc ấy còn nhiều khó khăn. Cuộc họp Tỉnh ủy phổ biến nghị quyết Trung ương và Khu ủy, chấp hành chủ trương phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt quan trọng như vậy mà không thể nào triệu tập đủ Tỉnh ủy, chờ đủ thì thời gian quá lâu. Trong lúc chị Định về khu họp, địch càn quét đánh phá liên tục, một số đồng chí lãnh đạo tỉnh đã bị bắt. Ngày 30/12/1959 về đến Mỏ Cày, nơi cơ quan Tỉnh ủy đóng thì cơ quan đã dời đi nơi khác, đồng chí thường trực của trạm giao liên tỉnh cũng bị bắt. Tìm hiểu mãi qua nhiều mối, chị mới gặp được đồng chí Sáu Huấn<sup>1</sup> trong Huyện ủy Mỏ Cày. Thế là nhờ Sáu Huấn thông thạo địa phương, triệu tập các đồng chí trong Tỉnh ủy về họp. Chật vật khó khăn nhiều, đến tối ngày 02/01/1960 mới họp được nhưng cũng chỉ có ba đồng chí trong Tỉnh ủy là các đồng chí Nguyễn Thị Định, Bảy Hiền<sup>2</sup> và Ba Dao<sup>3</sup>. Đồng chí Võ Văn Phẩm (Tám Chũ) - Bí thư Tỉnh ủy đã qua cù lao Bảo rồi, từ cù lao qua cù lao dễ gì mà gặp được. Đại biểu quận Mỏ Cày có các đồng chí Ba Cầu<sup>4</sup> và Sáu Huấn, quận Thạnh Phú có đồng chí Hai Chiến<sup>5</sup> và hai đồng chí nữa của quận Minh Tân. Vẹn vẹn chỉ có thế, đủ đại biểu các quận bên cù lao Minh thôi. Đồng chí Bảy Hiền đã nêu ý kiến và được tán thành là:

“- Dứt khoát phải làm ngay mới kịp và ta cứ nổi dậy rồi tức khắc bắt được liên lạc cho mà xem...”.

Và đồng chí Định - Phó Bí thư Tỉnh ủy kiên quyết:

“- Thôi bây giờ Hội nghị ta có bao nhiêu làm bấy nhiêu. Tập thể ta sẽ cùng chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Khu ủy. Nếu làm sai, mình xin chịu kỷ luật, mà làm đúng thì lấy thắng lợi bước đầu phát triển ra toàn tỉnh”<sup>6</sup>.

Mọi người đều nhất trí.

Khi kiểm điểm tình hình, kiểm điểm thực lực, tương quan lực lượng đôi bên thì ai nấy đều lo lắng rằng lực lượng quân sự địch ưu thế tuyệt đối so với ta.

---

1. Đồng chí Huấn nay là Giám đốc Công an Tiền Giang.

2. Đồng chí Nguyễn Tấn Cang, còn gọi là Hai Thủy.

3. Đồng chí Ngô Quang Đăng nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

4. Đồng chí Trần Văn Cầu (Bảy Giàu) nay là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Đồng chí Huỳnh Thanh Mua, hiện nay là Tổng Giám đốc Liên hiệp cây có dầu.

6. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác* (hồi ký), *Sdd*.

Chúng nó hơn một ngàn dân vệ cơ động, gần ngàn bảo an trang bị đầy đủ, đủ các loại công an và cảnh sát tỉnh, quận, xã, công an miền Đông, công an Ngô Quyền, công an Duyên Hải. Ngoài 500 đồn bót, chúng còn có tàu thuyền trên sông và dọc biển, chúng còn có bộ máy tề điệp rộng khắp. Đặc biệt cần chú ý các tổng đoàn dân vệ cơ động là lực lượng mà bọn tề xã, tề ấp và ác ôn dựa dẫm để khống chế dân. Còn ta thì không có lực lượng vũ trang, tổ chức cách mạng của ta bị đánh phá hiện nay còn yếu. Nhưng ta có lòng dân và có chí cao của cán bộ. Địch càng phátxít, dân càng căm thù và sẵn sàng hướng về cách mạng. Về chính trị ta có ưu thế tuyệt đối so với địch. Chỉ cần ta kiên quyết hành động, có biện pháp đúng để khơi dậy sức mạnh khổng lồ và tiềm tàng của nhân dân đang bị đè nén đến cao độ. Phải tuyệt đối tin tưởng quần chúng, dựa vào sức mạnh của quần chúng. Phải biến ưu thế chính trị của ta thành lực lượng cụ thể của cách mạng đè bẹp quân thù.

Như vậy vấn đề trọng yếu hàng đầu là phát động cho được một phong trào nổi dậy của quần chúng với khí thế thật mạnh để áp đảo địch ngay từ đầu và phải trên một diện rộng để phân tán sự chú ý và đối phó của địch, đảm bảo sự thành công của ta. Muốn thế trước hết ta phải có trong tay một lực lượng nòng cốt dù ít để làm nhiệm vụ phát động nhân dân và diệt bọn ác ôn nhất.

Tỉnh ủy chủ trương:

- Lực lượng vũ trang: Chọn ở mỗi xã một số thanh niên trung niên tổ chức thành những tổ hành động, trang bị bằng dao mác, mã tấu. Có bốn khẩu súng phát cho bốn tổ ở trọng điểm. Tất cả những tổ hành động này đều lấy danh nghĩa là Tiểu đoàn 502 bách thắng ở Đồng Tháp Mười về. Ngoài ra mỗi xã đều tổ chức các đội thanh niên nam nữ mang vác khiêng các loại súng giả bằng cây, bằng bập dừa có bọc ni lông, có đủ hình dáng đại liên, trọng liên, súng cối và có cả một vài khẩu đại bác chõ trên xe bò nữa, để hù dọa địch và động viên quần chúng phấn khởi. Ngoài danh nghĩa Tiểu đoàn 502 còn tung tin có bộ đội chính quy miền Bắc về, hành quân ban đêm rầm rập, súng to, súng nhỏ đủ loại. Để có tiếng nổ của đạn đại bác, súng cối thì dùng nhiều ống tre dòn khí đá vào làm ống lỏi, cũng có nhiều loại ống lỏi to, nhỏ, khí đá nhiều, ít, để minh họa cho súng lớn có, mà súng nhỏ cũng có. Lại chuẩn bị nhiều đồng rơm khô ở nhiều nơi, để khi lấy đồn bót nào thì đốt cháy lên và đốt cả các đồng rơm thêm vào để địch tưởng có nhiều bót bị diệt, bị đốt. Rồi dân làng còn chuẩn bị nào trống, nào mõ, nào thùng thiếc để đánh lên thúc giục khí thế đấu tranh, trấn áp tinh thần quân địch. Nơi nào cũng dùng mõ đình<sup>1</sup> làm hiệu lệnh vì mõ này tiếng vang to và xa.

---

1. Thường là bằng thân cây mù u, đường kính khoảng 25-30cm, và dài 1,5m, tiếng kêu to và ngân xa, dùng ở các đình làng.

- Lực lượng chính trị: Cũng tổ chức thành lực lượng nòng cốt có nam nữ, đi công khai hợp pháp để phát động được rộng rãi quần chúng nhân dân nổi dậy kịp thời và liên tục. Phải kết nạp ngay những người tốt, hăng hái vào các tổ chức cách mạng, vào lực lượng vũ trang để phong trào càng lên, lực lượng quân sự chính trị càng lớn và tấn công liên tục, mở rộng diện đấu tranh.

- Lực lượng binh vận: Kiểm kê và nắm chắc các gia đình binh sĩ nguy, giáo dục động viên họ để khi phong trào lên họ tham gia đồn bót gọi chồng, con, anh, em mang súng trở về với cách mạng, ít nhất cũng không chống lại cách mạng. Nắm chắc các cơ sở bí mật của ta trong binh sĩ, trong đồn bót, trong tế để phối hợp hành động diệt ác ôn, triệt hạ đơn vị và đồn bót nguy.

Có chủ trương, có lực lượng, Hội nghị hạ quyết tâm:

Phát động một tuần lễ toàn dân đồng khởi thật mạnh mẽ, thật quyết liệt, dùng mọi kiểu cách, bằng mọi sức mạnh, bằng mưu trí bức hàng bức rút, dứt điểm đồn bót địch, diệt ác ôn, phá kìm kẹp ở cơ sở, giải phóng nông thôn, giành quyền làm chủ của nhân dân. Phải giành lại ruộng đất của nhân dân đã bị cướp đoạt, các quyền dân sinh dân chủ bị tước. Nhanh chóng xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, lực lượng Đảng, các đoàn thể quần chúng. Lấy súng địch trang bị cho ta, phát triển lực lượng vũ trang cách mạng.

Phương châm hành động:

- “Đánh phải tới tấp!

- Phát triển phải phát triển hết khả năng!

- Khi sóng gió nổi lên, thuyền phải mạnh dạn căng buồm lướt sóng!”<sup>1</sup>.

Hội nghị đã thảo luận chọn điểm phát động đồng khởi cho đợt một trong toàn tỉnh. Điểm phải chắc thắng, phải thắng lớn giòn giã và lan rộng nhanh chóng ra khắp diện. Phải là tiếng pháo lệnh vang xa làm nức lòng nhân dân và rung chuyển hệ thống kìm kẹp của địch. Mọi người đều nhất trí chọn ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày. Ba xã này liền ranh nhau, chiều dài độ 10km và ngang 4km, có sông lớn bao quanh và kênh rạch chằng chịt, lợi thế cho du kích chiến. Nhân dân ở đây đông đúc, phần lớn là lao động sống về nghề vườn, vườn dừa, vườn mía, làm đường thủ công. Phong trào cách mạng có truyền thống từ trước, trong kháng chiến chống Pháp cho đến ngày nay vẫn còn giữ được liên tục. Cả ba xã đều có chi bộ chất lượng tốt. Cơ sở nòng cốt cách mạng nắm quần chúng tương đối đều trong các ấp. Số tế ấp ta nắm được hầu hết. Ở xã Định Thủy

---

1. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác* (hồi ký), *Sđd*.



còn có nội tuyến đáng tin cậy sẵn sàng hành động theo chỉ đạo của cách mạng. Từ kháng chiến chín năm đến nay hầu như thường xuyên xã này là nơi đóng của Huyện ủy và Tỉnh ủy, đặc biệt đây là nơi bám trụ trong thời kỳ khó khăn nhất. Bước vào Đồng khởi, đây là địa bàn thuận lợi để Tỉnh ủy đứng chân nắm tình hình và chỉ đạo phong trào chung toàn tỉnh.

Theo sự phân công, ngoài đồng chí thường trực chỉ đạo chung, đồng chí phụ trách quân sự, các đồng chí khác sau khi đi phổ biến cho các quận phải trực tiếp chỉ đạo xã, mỗi đồng chí từ một đến ba xã.

Hội nghị quyết định lấy ngày N. đồng khởi trong tỉnh là ngày 17/01/1960. Ngày 12/01 là ngày họp kiểm điểm lần chót mọi công tác chuẩn bị.

Một trong số vấn đề then chốt của kế hoạch là tạo ra phát súng lệnh đồng khởi thế nào cho có hiệu quả cao, để cho quân thù khiếp sợ và quần chúng dám nổi dậy ngay từ đầu. Lâu nay bị khống chế mạnh, quần chúng lo sợ nhất là bọn tổng đoàn dân vệ cơ động. Ở đâu có đấu tranh là bọn này được điều đến nhanh chóng để đàn áp, bắn giết nhân dân không chùn tay. Tiêu diệt hay làm tan rã được bọn này là súng lệnh có hiệu quả nhất để quần chúng mạnh dạn đứng lên hành động. Như vậy phải lấy trận tiêu diệt bọn tổng đoàn dân vệ để mở màn cho khởi nghĩa. Lực lượng vũ trang ta chưa có gì thì phải dùng mưu kế. Quân sự nhất định phải đi trước để khơi ngòi.

Kế hoạch chu đáo, lại được giữ bí mật rất cao để bảo đảm bất ngờ. Tuy vậy, không khí chuẩn bị thật nhộn nhịp. Thanh niên tập hợp từng nhóm ba đến năm người để tập võ. Lò rèn làm việc ngày đêm để rèn dao và mã tấu. Thợ mộc đẽo súng cây. Nhân dân chuẩn bị mìn, trống và làm súng bập dừa. Công việc chuyển động rộn ràng, khẩn trương như vậy ngay trong những vùng địch còn kìm kẹp. Thế mà địch không hề hay biết mảy may. Cho nên những gì hợp với lòng dân, được nhân dân hưởng ứng thì khó mấy cũng làm được, quần chúng có đủ sáng kiến để che mắt địch, bảo vệ công cuộc ích nước lợi dân.

Chưa hết những trắc trở và hồi hộp. Trước ngày đồng khởi mấy hôm đồng chí Đoàn Văn Tranh - một cán bộ huyện phụ trách chỉ đạo nổi dậy ở các xã An Định, Tân Trung (Mỏ Cày) biết rõ mọi việc của đồng khởi kể cả việc làm dấu giả Tiểu đoàn 502 để hù dọa địch, bị bắt và bị tra tấn dã man. Đồng chí Tư Tranh bị đánh đến chết vẫn không khai báo, giữ bí mật vẹn toàn của Đảng của nhân dân. Rồi nữa, cô giao liên huyện cũng bị bắt, và bà Hai Già - một cơ sở tốt, bơi xuống đưa chị Định đến gặp đồng chí Bảy Hiền ở xã điểm Định Thủy, khi trở về một mình lại bị bắt, bị tra tấn lại một mực không khai. Đây, những việc nhỏ làm nên việc lớn, vạn tấm lòng thành một tấm lòng, thì có việc đào núi lấp sông rồi thì chớ bao giờ quên



những việc nhỏ này, nhỏ nhưng vĩ đại biết nhường nào vì nó có thể làm hỏng việc lớn hay đảm bảo việc lớn thành công. Và đây nữa cũng là một mẫu của đạo đức Việt Nam, đức nên từ nghìn xưa dựng nước và giữ nước, ngược hẳn với tư tưởng được chim bẻ ná, được cá quên cơm của bao kẻ khác. Truyền thống Việt Nam ta, cốt vì nghĩa nước, tình dân mà bia miệng ngàn đời còn đó, như Thánh Gióng, diệt xong giặc Ân, cứu an đất nước rồi bay về trời, không màng vương, cũng không màng tướng; Trần Quốc Tuấn đuổi xong giặc Nguyên vững vàng bờ cõi thì lui về Vạn Kiếp an nghỉ, từ giả vương triều; và Bác Hồ kính yêu của chúng ta cũng từng tâm sự với núi rừng căn cứ:

*“...Kháng chiến thành công ta trở lại,*

*Trăng xưa, hạc cũ với Xuân này”<sup>1</sup>.*

Ngày N.17 tháng 01 đã gần tới. Kế hoạch ngòi pháo của Đồng khởi là diệt tổng đoàn dân vệ hiện đang đóng ở xã Tân Thành Bình. Dựa vào cơ sở nội tuyến ta nắm vững chắc ở xã Định Thủy làm nội công đánh từ bên trong kết hợp với lực lượng thanh niên mạnh của xã tấn công từ bên ngoài bằng “ôm hè”, “bắt hè”, nghĩa là bắt thành lính đồng hè nhau ôm, bắt bọn dân vệ tước súng, hạ chúng. Vì vậy phải lập mưu điều tổng đoàn dân vệ về xã Định Thủy bao vây tiêu diệt. Chúng đã mắc mưu. Ngày 12/01/1960 tổng đoàn dân vệ do đội Tỷ, một tên ác ôn khét tiếng chỉ huy, đã hùng hùng hổ hổ kéo quân về Định Thủy để “làm cỏ bọn Việt cộng nằm vùng” như chúng tuyên bố, theo yêu cầu cấp báo của tổ xã. Tới bước hai là diệt cho được tên đội Tỷ để răn mất đầu mà ôm hè, bắt hè bọn lính. Nhưng đội Tỷ là một tên ác ôn xảo quyệt. Nó biết rõ bàn tay nó đã vấy máu nhiều đến cỏ cây cũng oán hờn nên rất mực cảnh giác. Ngày tháng sắp hết rồi mà ta đã hai lần thất bại với nó, cá không ăn câu. Ban lãnh đạo đã phải nghĩ đến kế hoạch cuối cùng là táo bạo cho lực lượng ta đột nhập bất ngờ vào ngay sở chỉ huy của nó mà diệt nó: Không vào hang sao bắt được hổ.

Nhưng sáng ngày 17/01, trái với bình thường, tên Tỷ dẫn theo mấy dân vệ tới chợ Định Thủy rồi vào tiệm uống cà phê. Hắn nói muốn làm chuyện không ai ngờ và có lẽ cũng đã đến cơn ghiền. Thật là dịp may hiếm có. Vốn luôn bám sát nó không chút lơ lửng và đã tổ chức sẵn những đội thanh niên có sức khỏe, có nghề võ, sẵn sàng hành động nên ban lãnh đạo hạ lệnh ra tay. Tổ đồng chí Ba Giai cũng vào ăn sáng uống cà phê, ngồi bàn sát sau bàn tên Tỷ. Bất thành lính đồng chí Ba Giai choàng qua, chẹn họng, vật nó ngã xuống. Anh em khác nhảy đến trói các tên dân vệ và sẵn sàng tiếp sức bắt tên đầu sỏ. Đội Tỷ cũng có nghề võ đã vật lộn

---

1. Trích bài thơ “Cảnh rừng Việt Bắc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, viết năm 1947 ở Chiến khu Việt Bắc.

giằng co kịch liệt với Ba Giai. Bảy Thống, tổ trưởng tổ hai, xông vào giật được súng của tên Tý, định bắn nó nhưng loay hoay mãi súng vẫn không nổ. Giữa lúc đó, Chín Chiếm - một Vệ quốc quân không đi tập kết tới kịp và kết liễu đời tên khốn kiếp bằng một phát súng. Đó là phát súng đầu tiên báo hiệu cuộc Đồng khởi bắt đầu.

Tin tên Tý ác ôn bị diệt lan nhanh khắp chợ, khắp làng. Quần chúng nô nức phấn khởi rầm rộ kéo ra chợ, ra đình nơi tổng đoàn dân vệ đóng, bao vây bọn chúng. Đoàn người xông vào đình, đi hàng đầu là mấy tên dân vệ bị bắt, vừa đi vừa kêu gọi đầu hàng âm ỉ:

- Đội Tý đã đền tội. Anh em binh sĩ hãy đầu hàng nhân dân đi.

Bọn dân vệ nhốn nháo, nửa tin, nửa ngờ, chưa biết nên hành động ra sao. Một nội tuyến của ta trong tổng đoàn liền hô lớn:

- Đội Tý đã chết. Cách mạng đã về, cự lại Quân giải phóng là chết, bỏ súng chạy thôi!

Đồng bào từ cổng chạy vào mỗi lúc một đông.

Lực lượng thanh niên ém sẵn quanh đình hô xung phong vang dậy. Mất tinh thần, một số lính đầu hàng ngay tại chỗ, số khác vứt súng chạy tán loạn. Ta đón bắt gần hết, giải thích, giáo dục rồi thả, chỉ trị những tên có nợ máu. Toàn bộ vũ khí về tay các thanh niên cách mạng.

Trận đánh mở màn Đồng khởi diệt gọn tổng đoàn dân vệ, trị tội đích đáng tên đội Tý ác ôn gây sôi động không những trong ba xã điểm mà trong cả quận Mỏ Cày.

Tiếp đó, buổi chiều, bót Định Thủy, chỉ cách nơi tổng đoàn dân vệ một cây số lại bị tiêu diệt. Thanh niên, đồng bào phấn khởi do chiến công đầu diệt bọn dân vệ liền thừa thắng kéo đến bao vây bót Định Thủy với khí thế của nước vỡ bờ. Đoàn người nổi dậy, trang bị súng, tầm vông, dao, phảng, tràn tới hô vang:

- Hoan hô Quân giải phóng! Hoan hô cách mạng! Anh em binh sĩ bót Định Thủy hãy hàng đi... Hàng thì sống!...

Bọn ác ôn toan tổ chức phòng thủ chống lại, chờ viện. Nhưng mấy nội tuyến của ta trong bót nổi dậy kịp thời, diệt trừ bọn chúng, kéo toàn bộ ra hàng, đón lực lượng cách mạng vào bót, nộp súng đạn nguyên vẹn.

Thế là mở đầu ta đã thắng hai trận giòn giã, thu được nhiều súng đạn. Không có lực lượng vũ trang mạnh nhưng khéo kết hợp quân sự uy hiếp, chính trị quần chúng nổi dậy và binh vận nội ứng, kết quả đã vượt quá sự mong ước. Ban lãnh đạo đã phân phối ngay cho Thạnh Phú và Minh Tân mỗi quận một số súng làm vốn. Đồng chí Ba Đào được chỉ định phụ trách quân sự, đem thay súng cây cho

các tổ hành động “Tiểu đoàn 502”. Đúng ra thì giờ G. quy định là 18 giờ ngày 17/01 mới hành động nhất loạt nhưng linh hoạt và thời cơ xuất hiện sớm nên trận đánh mở màn xảy ra từ buổi sáng. Chỉ có lợi thôi, vì chiến thắng đã cổ vũ mạnh mẽ đồng bào.

Chiều đó, đúng giờ G. tiếng mõ đình các xã nổi lên làm lệnh rồi thì đủ thứ tiếng trống, mõ, thùng thiếc... vang dậy từ làng này tới làng khác không dứt. Nhân dân đổ ra đường tấp nập, vừa kéo đi vừa hô khẩu hiệu “đả đảo ngụy quyền Ngô Đình Diệm”, “hoan hô cách mạng”, nào gậy, nào cờ, bao vây các đồn bót, trụ sở tề, lùng diệt ác ôn. Đồng bào xé cờ ngụy, đốt bản nóc gia<sup>1</sup>, cửa cây, đập mô trên các đường, ngăn chặn giao thông địch. Tiếng loa dậy thôn xóm, kêu gọi tề điệp ra thú tội, binh lính các bót đầu hàng. Tiếng nổ của “đại bác”, “súng cối” ổng lói càng làm địch khiếp đảm. Trong đêm, đây đó lại bùng lên những ngọn lửa cháy to, đồng bào các xã lại reo hò: “Bót địch cháy rồi, hoan hô Quân giải phóng!”. Có bót bị triệt hạ, bị đốt thật, cũng có những đồng rơm cháy lên phụ trợ. Địch, ngụy lớp bị tiêu diệt, đầu hàng, lớp bỏ chạy, nằm im trong đồn bót, nhân dân làm chủ mọi nơi. Chỉ qua một đêm quang cảnh xóm làng đã đổi mới. Ba xã điểm được hoàn toàn giải phóng.

Sáng hôm sau, khắp các nơi đông người, chợ, đình, đường đi thị trấn, đâu đâu cũng có dán một bản quân lệnh chữ to, dưới ký “Tiểu đoàn trưởng 502 Lê Thiết Hùng” có đóng mộc đỏ chói. Quân lệnh ghi mấy điểm:

- Anh em binh sĩ dù có tội ác thế nào, nếu biết ăn năn hối cải mang súng trở về với nhân dân sẽ được khoan hồng tha thứ.

- Tề xã, tề ấp, trưởng liên gia, cảnh sát, chỉ điểm viên đã trả chức và ra thú tội với nhân dân thì được nhân dân tha tội.

- Địa chủ nào dựa hơi địch, giết đất tăng tô của nông dân, bây giờ phải trả lại cho nông dân.

Quân lệnh này có giá trị từ ngày 17 tháng Giêng tới 25 tháng Giêng năm 1960, nếu ai không tuân lệnh, bị nhân dân lên án tử hình, tịch thu tài sản.

Những ngày đồng khởi thực sự là những ngày hội quần chúng. Đâu đâu cũng có hội họp, mítting, vạch trần tội ác của ngụy quân, ngụy quyền, giải thích đường lối, chính sách của cách mạng, quyền tự do sinh sống của nhân dân, nghĩa vụ người dân đối với Tổ quốc. Từ ấp này qua ấp nọ nhân dân hăng hái phá đường, rào xóm đắp ụ, đào hố chông, làm công sự, sẵn sàng chiến đấu chống quân địch càn quét. Thanh niên tấp nập xin đầu hàng, tham gia tuần tra canh gác, tiếp tục truy lùng

---

1. Mỗi nhà phải làm một bản kê khai tên họ từng người trong nhà treo trước cửa để địch kiểm tra chặt chẽ từng gia đình.

bọn gian ác, tề điệp, bao vây bức hàng đồn bót còn lại. Tòa án nhân dân được mở ra xử tội những tên ngoan cố bị bắt. Nhờ được giải thích thuyết phục, quần chúng mới đồng tình với cán bộ cách mạng, chỉ xử tử hình một số tên đầu sỏ ác ôn nhất, số còn lại đều được giáo dục, mang án treo và cho về gia đình làm ăn, cho lập công chuộc tội. Tổ chức nông dân các xã hợp kiểm kê số ruộng đất thu lại được của địa chủ, bình nghị phân chia lại cho người bị mất ruộng, người nghèo không có ruộng. Các đoàn thể quần chúng lại được củng cố, sinh hoạt. Nhiều gia đình binh sĩ xin đi liên lạc móc nối chồng con trở về với cách mạng hoặc trao cho cách mạng những túi đạn, lựu đạn cứu quốc từ đồn lớn gửi ra, từ thị trấn, thị xã gửi về. Tổ chức lực lượng vũ trang được nhanh chóng xây dựng. Tỉnh được hai trung đội trang bị vũ khí đầy đủ, huyện có một trung đội, mỗi xã có một tiểu đội tự vệ. Ta lấy được hàng trăm súng nhưng không đủ, tự vệ xã vẫn phải dùng mã tấu và tập võ. Thanh niên xin tòng quân nhiều quá không thể thu nhận hết được, mặc dù nhiều cha mẹ đem con đến năn nỉ cán bộ cho gia nhập lực lượng vũ trang. Ta phải nêu điều kiện là ai có súng mang đến thì được nhận ngay vào quân ngũ giống hệt như những ngày tháng 9/1945. Do vậy, một phong trào “bắt giặc”<sup>1</sup> lính địch lấy súng đầu quân lan rộng trong thanh niên. Nhiều mưu kế được bày ra, nhiều tổ tâm giao đi giật súng hình thành. Mọi người đã hiểu rõ nhiệm vụ thanh niên đền nợ nước, trả thù nhà. Chất lượng các đội vũ trang vì vậy rất cao, hễ đánh là thắng mặc dù còn nhỏ. Thời kỳ ấy, mà thời kỳ nào cũng vậy, “binh mạnh hay yếu, không cứ ở nhiều”<sup>2</sup>. Trong những ngày Đồng khởi, số nhiều đồn bót địch bị tiêu diệt không phải bằng lực lượng vũ trang mà do những người dân, những đảng viên ưu tú tích cực dùng mọi mưu kế thích hợp. Chị Tám Phụng, còn gọi là chị Tám Cạcbin, một huyện ủy viên, nay đã hy sinh, một mình đã lấy tám bót giặc. Có một bót xã thuộc huyện Chợ Lách, chị đã ôm con của trưởng bót vào kêu gọi chúng đầu hàng. Ở xã An Định và nhiều xã khác, thanh niên hóa trang thành một tiểu đội chủ lực nguy, bắt bí thư chi bộ xã thật, đem vào gửi bót, thừa cơ bắt và tước vũ khí dân vệ, theo sự chỉ huy của bí thư, giống như Nguyễn Nhạc xưa kia. Nhiều chị em thanh niên hăng hái giả trai oai vệ để đi trừ gian diệt ác như cô Tám Thu, một bí thư chi bộ xã. Chị Nguyễn Thị Định kể lại:

“...Năm giờ sáng, chúng tôi gọi một đồng chí phụ trách diệt ác ôn ở xã gần nhất đến để kiểm tra kết quả. Đồng chí ấy vác mã tấu đến báo cáo:

- Mọi việc xong cả rồi. Bọn tề, điệp, ác ôn xuống nước hết trơn. Khi chúng tôi xông vô hô một tiếng, chỉ có một thằng ngoan cố chạy, còn bao nhiêu nạp mạng ngay, thằng nào thằng nấy run thối là run.

---

1. Ôm chân quật ngã địch theo một thể võ dân tộc.

2. Nguyễn Trãi: *Quân trung từ mệnh tập*.

Đồng chí này người tầm thước, bận bộ đồ âu phục rất gọn, đội một cái nón nỉ, tay xách mã tấu, trông rất rắn rỏi, chỉ có tiếng nói là nhỏ nhẹ. Tôi nghe rõ là tiếng nữ, tiếng của người quen nào. Tôi bèn hỏi:

- Đồng chí có anh em với cô Thu à?

- Thưa chị, em là Thu đây mà!

Thu nói rồi phá lên cười. Cô bảo:

- Em tích cực chấp hành nghị quyết ngày tháng 10 để che mắt địch và cũng để mấy ông nam giới trong tổ em vững tinh thần, mấy ông hay khinh phụ nữ mình lắm.

Tôi cũng bật cười<sup>1</sup>.

Sau vài hôm khiếp đảm nằm im trong đồn lớn, ở thị trấn, bọn địch bắt đầu hành quân thăm dò. Chúng cho một đại đội bảo an dùng tàu địch đổ bộ gần vàm Định Thủy. Ta đã bố trí sẵn ở đây một tiểu đội vũ trang, nổ súng chặn đánh, địch vội vàng rút lui. Biết thế nào chúng cũng cho trinh sát tìm hiểu lực lượng ta. Đồng chí Bảy Hiền liền cho làm một trận địa phục kích giả, dầy đặc những giao thông hào, hố cá nhân, ụ súng đại liên, cối... Địch báo cáo lên cấp trên: đúng là có bộ đội lớn, chắc là Tiểu đoàn 502... Có bộ đội chủ lực miền Bắc vô thật!

Rồi chúng lại nằm im trong đồn bót, trong thị trấn, thị xã, không dám phản ứng ngay. Một tuần lễ Đồng khởi, ta thắng to; diệt trên 200 binh lính, tề điệp làm tan rã một số đông địch, bức hàng, bức rút 27 đồn bót, giải phóng hoàn toàn 17 xã. Nhiều xã khác địch dồn vào một ấp, các ấp khác dân làm chủ. Đại bộ phận bộ máy kìm kẹp ở nông thôn bị rã, bị lỏng. Cán bộ và nhân dân vô cùng phấn khởi. Ban lãnh đạo làm sơ kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục đẩy mạnh phong trào.

Từ ba xã điểm phong trào lan nhanh ra toàn huyện, toàn cù lao Minh, rồi toàn tỉnh. Hết đợt đầu, cuộc Đồng khởi lại liên tiếp nổ ra nhiều đợt khác, kéo dài các tháng tiếp theo.

Bị choáng váng lúc đầu, bị thiệt hại nặng, lại tiếp tục bị thua, địch quyết tâm phản ứng mạnh dập tắt phong trào. Vào cuối tháng 2, địch huy động được một lực lượng thủy quân lục chiến từ Sài Gòn xuống, có máy bay và pháo binh yểm trợ, có tàu thủy chặn đường sông và xe cơ giới án ngữ các lộ, quyết tâm bao vây chặt toàn bộ ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh hòng tiêu diệt “cho hết lực lượng cách mạng”, trừng trị dân “nổi loạn”.

Được tin này Ban Lãnh đạo Đồng khởi bàn ngay kế hoạch đối phó. Bộ đội vũ trang tập trung của ta chưa đầy một đại đội, quân địch lại quá đông và trang bị mạnh.

---

1. Nguyễn Thị Định: *Không còn đường nào khác* (hồi ký), *Sđd*.

Phong trào mới lên, quần chúng đang hăng nhưng chưa có kinh nghiệm đối đầu với quân địch lớn và cố tâm khủng bố tàn bạo. Phải bảo tồn cho được lực lượng cách mạng, phải bảo vệ cho sinh mệnh và tài sản của đồng bào. Nếu để địch thực hiện được ý đồ của chúng “làm cỏ” được ba xã điểm này thì không những chúng dập tắt được phong trào ở đây mà còn đẩy lùi được cách mạng trong toàn tỉnh và có khi trong khu nữa. Còn phen này mà ta thắng lợi thì phong trào cách mạng sẽ lên cao, chúng tỏ đường lối, phương pháp cách mạng của Đảng là đúng, tương lai sẽ sáng sủa. Trách nhiệm thật nặng nề.

Ban Lãnh đạo chủ trương: Bằng bất cứ giá nào, ta phải thắng trận này, chỉ một trận nhưng quyết định một thời kỳ cách mạng trong tỉnh. Phải đánh du kích rộng rãi bất cứ đâu địch đến. Phát triển hầm, hố chông, mìn, lựu đạn gài, bố trí nhiều súng “ngựa trời”<sup>1</sup>. Bộ đội ban đầu phân tán đánh nhỏ, phối hợp với tự vệ đánh tiêu hao, theo dõi sát địch, hễ thấy cách nào ngon hơn thì nhanh chóng tập trung đánh phục kích hay tập kích tiêu diệt địch rồi di chuyển ngay, xoay quần lấy địch. Nhưng còn nhân dân thì sao? Ta đánh địch, địch giết dân, thả bom, bắn pháo bừa bãi thì sao? Có ý kiến muốn đưa dân đi nơi khác, địch rút hãy về. Nhưng thảo luận mãi thì thấy rằng dân không thể đưa tài sản đi hết được. Không có dân, địch đốt nhà cướp của phát trụi hết. Chỉ có bộ đội thôi thì không làm sao đủ sức chống địch. Như vậy phải vận động nhân dân ở lại, cất giấu của cải, đào hầm, nấp đạn, giữ thể hợp pháp với địch. Địch đi đến đâu, dân kéo ra đấu tranh, có lý có lẽ, không cho địch đốt phá cướp bóc. Tập trung chòm xóm hỗ trợ lẫn nhau, nơi nào có gia đình binh sĩ thì cùng ông già bà cả vận động binh lính đừng gây tội ác với đồng bào.

Như vậy là ngày nào cũng bị thiệt hại. Đi đến đâu địch cũng bị bắn tia, bị mìn nổ, rớt hầm chông, đập phải bàn chông, thỉnh thoảng bị súng “ngựa trời” khạc đạn tứ tung. Lực lượng cứ bị hao mòn mà không thấy “Việt cộng” đâu cả, lại bị dân vây, chặn, đấu tranh đòi rút. Mỗi hành động đốt phá, cướp bắt heo gà, đều bị quần chúng bu lại, xông vào níu kéo ngăn cản. Dọa không được, đánh đập, bắn bị thương, chết, dân càng căm giận xông vào đông đảo chống trả quyết liệt. Một cánh vừa ập tới An Thạnh thuộc xã Bình Khánh thì bất thành linh từ đâu dưới đất trồi lên một đội cầm tử tay cầm mã tấu, chém tới tấp không kịp đỡ, tên bị bay đầu, tên bị mất cánh tay, ống chân, chạy tán loạn, tan tác. Vài ngày sau lại một trận nữa, làm địch mất tinh thần. Đi sục sạo suốt ngày mệt mỏi, đến chạng vạng tối vừa dừng lại nghỉ, đội hình lộn xộn thì bị tập kích toại bởi bằng lựu đạn,

---

1. Súng tự tạo bằng ống sắt, có chân như kiểu trung liên. Đạn là mảnh chai nhọn trộn lẫn với sắt vụn, ngâm nước đá ngựa và dầu răn độc. Dùng dây giật nổ, thuốc đẩy đạn đi như đạn ria, trúng mục tiêu trong vòng mười thước, hễ bị thương là nhiễm độc nguy hiểm, địch rất sợ.



bằng súng trong lúc hỗn loạn lại bắn lẫn nhau chết một số nữa. Tỉnh lại thì “Việt cộng” rút đi đâu mất. Chán ngán, địch phải kết thúc sớm cuộc càn trong ngày thứ tư, lũ lượt kéo về Mỏ Cày. Chúng dùng thủ đoạn khác. Tiểu đoàn thủy quân lục chiến cùng một lực lượng pháo, cối, lập trận địa đóng lại ở xã Phước Hiệp. Ngày nào chúng cũng bắt về một số thanh niên, đánh đập tra tấn đến chết rồi vùi xác quanh nơi đóng quân. Đồng bào đấu tranh, chúng mặc kệ, cứ khủng bố theo kế hoạch. Mới mấy ngày, hàng chục thanh niên bị giết. Khí thế quần chúng trong xã có phần núng, sụt xuống. Các đồng chí phụ trách xã đòi cho lực lượng vũ trang về tiêu diệt bọn thủy quân lục chiến hung ác nhưng ta đâu có đủ sức diệt chúng, nhất là khi chúng cụm lại, có công sự. Đã có một số dân hoảng hốt sẵn có họ hàng quen biết ở thị trấn Mỏ Cày tự động tản cư ra đấy. Họ kể lại những vụ tàn sát đẫm máu của bọn thủy quân lục chiến làm mọi người đều cảm giận nhưng cũng lo sợ.

Đánh quân sự không nổi, đấu tranh chính trị chúng không nghe. Ban Lãnh đạo chỉ ra cách đấu tranh khác: Nhận thấy một số đồng bào đã chạy ra thị trấn an toàn lại còn kể chuyện làm đồng bào thị trấn phần nộ, vậy ta vận động và chủ động tổ chức nhân dân kéo lên quận, tố cáo tội ác man rợ của bọn thủy quân lục chiến, đòi quận trưởng phải che chở cho nhân dân trong quận. Lẽ nào quận sở tại, thay mặt cho chính phủ, lại để cho binh lính xa lạ từ đâu tới, bất chấp chính quyền địa phương, tàn sát cướp bóc nhân dân. Chủ trương này được nhân dân đồng tình hưởng ứng nhiệt liệt. Hàng trăm xuống ghe bơi dọc sông nước, từ ba xã đổ về thị trấn Mỏ Cày, đồ đạc mừng mản, gà, heo, trâu bò, con cái nheo nhóc. Họ cắm trại trước dinh quận, quanh dinh quận. Ông già, trẻ con, đặc biệt là lực lượng phụ nữ hùng hậu kéo vào quận, đòi gặp quận trưởng, đòi chấm dứt bắn giết, bom, pháo, đòi bồi thường nhân mạng, đòi kết thúc ngay cuộc càn, rút ngay bọn thủy quân lục chiến, đòi quận trưởng bệnh vực che chở cho dân. Cảnh sát tới dẹp, bị đấu lý, bị đánh trả và bị thuyết phục. Không giải tán được ai, mỗi ngày bà con các xã lại kéo đến tăng cường, đội ngũ đấu tranh ngày một đông. Đồng bào ở thị xã được vận động, xúc động trước cảnh đau khổ của dân mình ở nông thôn, căm tức bọn ác ôn tàn bạo, kéo đến tiếp tế thức ăn nước uống đầy đủ, giống như một tổ chức hậu cần và úy lạo cho lực lượng đấu tranh. Thật là cảnh náo động cả thị trấn, xáo trộn cả sinh hoạt bình thường, giao thông, công việc đều đình trệ. Cuộc đấu tranh gay go, giằng co cả tuần lễ. Mỗi ngày lực lượng quần chúng từ các xã trong quận kéo đến chi viện mỗi tăng lên, số đông là phụ nữ. Tin truyền lan khắp nơi: Nếu quận không giải quyết, không đủ sức bệnh vực được dân thì lực lượng sẽ chia làm hai, một nửa vây quận, nửa kéo lên đòi tỉnh trưởng phải bảo vệ dân.

Cuối cùng địch phải xuống nước. Tên quận trưởng Mỏ Cà, tỉnh trưởng tỉnh Bến Tre và tên đại tá chỉ huy thủy quân lục chiến từ Sài Gòn xuống, phải đến tận nơi vỗ về xoa dịu đồng bào. Chúng phải hứa chấm dứt cuộc càn. Bọn chúng còn kéo về xã Phước Hiệp, thừa nhận tội ác của binh lính chúng và ra lệnh rút hết về Sài Gòn.

Cuộc đấu tranh thắng lợi rực rỡ. Đánh bằng quân sự bất hợp pháp cũng thắng lợi, đấu bằng chính trị hợp pháp của lực lượng quần chúng cũng thắng lợi. Quân sự, chính trị kết hợp thành công, hợp pháp và bất hợp pháp kết hợp cũng thành công. Tuy ta bị thiệt hại không ít, nhưng tinh thần quần chúng không những không sụt mà lại cao lên, phong trào cách mạng trong tỉnh mở đầu mạnh mẽ bằng đồng khởi tiếp tục phát triển ngày càng mạnh.

Lần đầu tiên, một cuộc đấu tranh của đa số phụ nữ có tổ chức chu đáo, có đội tiên phong, có quân tiếp viện, từ nông thôn kéo ra thành thị, lôi kéo cả quần chúng ở thị trấn tham gia, có hậu cần tiếp tế đầy đủ, đã tỏ ra sức mạnh phi thường, lợi hại của nhân dân, thắng được cả bọn hung ác nhất đã có dã tâm khủng bố tàn sát để dập tắt phong trào. Một đơn vị chủ lực ngụy được vũ trang đến tận rằng phải chịu khuất phục trước một đội nữ quân chính trị tay không, nổi tiếng trên toàn chiến trường miền Nam, về sau được gọi một cái tên vừa thương mến vừa kính phục: “Đội quân tóc dài”. Cũng lần đầu tiên có một cuộc “tản cư” hiếm có từ nông thôn đổ ra thành thị. Trước đây, khi quân địch kéo đến khủng bố một vùng nào thì dân chúng ở đó tản cư tránh né đến các vùng không có địch, thường là nơi bưng rừng hẻo lánh. Nay ngược lại, tản cư thẳng ra thị trấn, thị xã là nơi quân địch đông đảo, đối đầu trực tiếp với địch. Vì vậy lại đẻ ra một danh từ mới: “Tản cư ngược”. Từ đó, tản cư ngược trở thành một kiểu cách đấu tranh, đưa cuộc đấu tranh từ thôn quê vào tận thành thị để phát động phong trào thành thị liên kết hỗ trợ cho phong trào nông thôn. Phương pháp đấu tranh mới “Tản cư ngược” và một lực lượng đấu tranh mới trực diện quyết liệt “đội quân tóc dài”, đẻ ra từ phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, đã nhanh chóng lan rộng khắp miền Nam khói lửa, tồn tại suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ - ngụy. Sáng tạo của quần chúng là vô cùng, sức mạnh của nhân dân là vô địch. Phương pháp cách mạng là rất phong phú. Điều kiện khách quan, tình hình bức bách đòi hỏi phải có những biện pháp thích hợp kịp thời. Mítting quần chúng, biểu tình chính trị, bãi thị bãi công thôi không đủ, quần chúng cách mạng đòi hỏi phải hành động kiên quyết hơn, phải đấu tranh quyết liệt hơn, hình thức cao hơn; đó là đấu tranh trực diện, là chiến đấu vũ trang, là khởi nghĩa đồng loạt. Họ đã làm như vậy, cũng dũng mãnh coi thường cả cái chết, tấn công địch mạnh mẽ và liên tục. Căn cứ vào thực tiễn cách mạng miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên nhận định có tính chất tổng kết:

“Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền... Tùy tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng và khéo léo kết hợp các hình thức đấu tranh cách mạng vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng”<sup>1</sup>.

\*

\*      \*

Cuộc Đồng khởi ở miền Tây Nam Bộ cũng quyết liệt và rộng rãi không kém. Nơi đây là vựa lúa của đồng bằng sông Cửu Long. Thời Pháp thuộc, ruộng và lúa tập trung phần lớn vào bọn đại địa chủ, cường hào, từ đó sinh ra một tầng lớp cố nông đông đảo bị áp bức bóc lột đủ điều, bị đói rách cực nhọc trên một vùng phì nhiêu sung túc không những nhiều lúa, trái cây nhiều mà còn đầy tôm cá trên sông dưới biển. Vì thế nông dân đã đi với cách mạng từ sớm, luôn gắn bó với cách mạng và thấy rõ chỉ có cách mạng mới biến đổi được kiếp sống trâu ngựa của mình. Trong chín năm chống Pháp, chủ trương cải cách ruộng đất của Đảng đã đem lại đời sống khấm khá cho dân cày. Ngày nay Mỹ - Diệm không có cách nào xuyên tạc được cách mạng, hay có được cũng chỉ là tạm thời trong một hoàn cảnh nhất định. Khi có dịp và được lãnh đạo đúng, nông dân nổi dậy mạnh mẽ trở thành đội quân chủ lực của cách mạng trong một nước nông nghiệp như nước ta. Nơi đây có rừng U Minh rộng lớn, là căn cứ kháng chiến nổi tiếng thời chín năm đánh Pháp mà các cơ quan của Xứ ủy Nam Bộ đã trú đóng nhiều ngày. Rừng U Minh đã chứng kiến nhiều sự kiện lịch sử trong các thời kỳ 1945-1946. Lúc đầu cách mạng gặp khó khăn mặc dù một số cán bộ chủ trương “xuyên đông” nghĩa là rút lực lượng vũ trang về phía đông theo đường biển ra Trung Bộ (Trung Bộ lúc ấy giặc Pháp chưa đến). Một số cán bộ trung kiên và đơn vị vũ trang còn lại không chịu đi, bám trụ lại, đã rút về đây, rồi lại từ đây bung về các tỉnh phát động chiến tranh du kích ngày càng thắng lợi. Cũng như ở Đồng Tháp Mười, rừng U Minh chưa bao giờ vắng bóng lực lượng vũ trang từ sau ngày bộ đội ta tập kết ra miền Bắc, với dạng quân canh chống cướp, lực lượng giáo phái chống Mỹ - Diệm, đến các tiểu đoàn Đinh Tiên Hoàng, tiểu đoàn Ngô Văn Sở... Trong những ngày khủng bố ác liệt của Mỹ - Diệm, nhân dân nhiều xã chủ yếu là các gia đình cán bộ và có người đi tập kết, không chịu khuất phục nguy quyền phản động và tránh sự tàn sát đẫm máu, đã kéo dài về đây lập ra những “làng rừng” bất hợp pháp, tự vũ trang để

---

1. Hồ Chí Minh: “Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng dân tộc”, Tạp chí *Học tập*, số 11, 1967.

tự vệ, sống đùm bọc lẫn nhau và tự hào như những vùng đất xã hội chủ nghĩa đầu tiên tại miền Nam khói lửa.

Chính ở miền Tây, nơi có khu tập kết 200 ngày Cà Mau, ta có thời gian chuẩn bị nhiều mặt, có sự chỉ đạo chặt chẽ của Đảng ngay từ đầu nên phong trào quần chúng đấu tranh chính trị rất mạnh mẽ và liên tục. Những năm 1955-1956 hầu hết các xã đều có tổ chức lực lượng thanh niên tự vệ, xã nào cũng có cờ trung đội, đại đội trang bị dao, gậy, đặc biệt mạnh là xã Biển Bạch. Nhờ lực lượng này, ta đã bảo toàn được lực lượng Đảng, lực lượng quần chúng cách mạng. Cũng ở miền Tây công tác binh vận phát triển mạnh nhất trong toàn miền. Thời ấy, hầu như đồn bót nào cũng có người của ta. Mãi từ cuối năm 1956 trở đi địch mới triển khai càn quét đánh phá mạnh, gây thiệt hại phần nào cho ta nhưng chưa bao giờ làm núng thế được phong trào. Hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác ôn, đánh địch càn quét xảy ra lúc mạnh, lúc yếu, nhưng chưa bao giờ im cho đến lúc đồng khởi.

Tiêu biểu của phong trào Đồng khởi ở miền Tây là tỉnh An Xuyên, thuộc Minh Hải ngày nay. Cách thức tiến hành ở đây gần giống như ở Kiến Phong, tiến công và nổi dậy, vì có lực lượng vũ trang tương đối mạnh. Ngay từ giữa năm 1959 phong trào đã phát triển rầm rộ, với kinh nghiệm phong phú của hai xã Khánh Bình Đông và Khánh Bình Tây. Một bộ phận tiểu đoàn Đinh Tiên Hoàng đã về đây làm nòng cốt phát động quần chúng nổi dậy diệt ác ôn, phá kìm kẹp, tranh thủ bọn dân vệ, giải tán tổ chức bảo vệ hương thôn của địch, giải phóng hai xã. Phổ biến kinh nghiệm này cho toàn tỉnh và theo tinh thần Nghị quyết 15 vừa nắm được, Tỉnh ủy kêu gọi nhân dân trong tỉnh nổi dậy phá tề trừ gian, làm chủ xóm làng.

Đồn Năm Căn, đồn Chà Là hưởng ứng với cách mạng, làm nội ứng kết hợp với tấn công của ta từ ngoài, diệt chỉ huy, phá đồn kéo cả đơn vị mang toàn bộ vũ khí về với nhân dân. Tháng 11/1959, Tiểu đoàn Đinh Tiên Hoàng tiêu diệt đồn quận lỵ Sông Đốc, thu toàn bộ vũ khí, phối hợp cùng với nhân dân phá tan các khu trù mật ở đây, hàng chục ngàn dân kéo về làng cũ. Tháng 12/1959, Tiểu đoàn Ngô Văn Sở đánh chi khu Đầm Dơi. Du kích các xã bao vây, tấn công khu Bình Hưng, các tề ấp, tề xã ra thú tội với đồng bào, hệ thống kìm kẹp ở các cơ sở bị quét gần hết. Tháng 01/1960 trong lúc tỉnh tổ chức phổ biến Nghị quyết 15 của Trung ương cho cán bộ thì quần chúng đã tự vũ trang gây gộc, dao, súng giả, nổi dậy diệt ác, diệt tề, phá rã kìm kẹp của địch. Đồn Tân Bức bị du kích và nhân dân bao vây dùng trống, mõ, súng giả, ập tới suốt một tuần lễ uy hiếp tinh thần và kêu gọi địch quay về với cách mạng. Cuối cùng toàn bộ quân địch ra đầu hàng, nộp vũ khí. Một đại đội thuộc Tiểu đoàn Ngô Văn Sở từ đất liền vượt biển ra Hòn Khoai, tiêu diệt gọn

một trung đội địch. Hòn Khoai được giải phóng lần thứ hai (lần thứ nhất vào năm 1940 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, ở đây một số đồng chí dưới sự lãnh đạo của đồng chí Phan Ngọc Hiến đã khởi nghĩa giành chính quyền thành công)<sup>1</sup>.

Phong trào Đồng khởi của tỉnh cũng như cả miền Tây lan rộng suốt năm 1960, khí thế quần chúng lên rất cao. Nhiều vùng nông thôn ta đã quét sạch tề, ác. Một số đồn bót bị diệt, một số đồn nhỏ rút chạy hoặc ra hàng. Nhân dân làm chủ nhiều vùng rộng lớn. Các đoàn thể quần chúng được tổ chức và hoạt động sôi nổi. Lực lượng vũ trang nhờ thu nhiều súng đạn trong tác chiến, binh vận, thanh niên tập nập đầu quân đã phát triển nhanh trong khu, ở tất cả các tỉnh. Tình thế cách mạng đã mau chóng chuyển biến với những phương thức hoạt động sôi nổi mới: Khởi nghĩa vũ trang, tiến công cả về chính trị, quân sự, binh vận và làm chủ nhiều vùng với nhiều mức độ khác nhau.

Nếu ở miền Trung Nam Bộ có căn cứ cũ Đồng Tháp Mười, miền Tây có rừng U Minh là những chỗ dựa vững chắc để các lực lượng vũ trang tồn tại suốt thời kỳ, dưới nhiều hình thức, từ phân tán dần lên tập trung thì miền Đông, thế núi rừng liên hoàn rộng rãi, bao trùm phần phía bắc các tỉnh Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai và nối tiếp dãy Trường Sơn hùng vĩ, giúp ta làm chủ các căn cứ Dương Minh Châu, Chiến khu Đ, Hắc Dịch... mà địch chưa bao giờ kiểm soát được. Chính tại những căn cứ này mà các đồng chí Ba Thu, Quốc Đăng, Lê Thanh đã hướng dẫn các đơn vị Bình Xuyên do Bảy Môn chỉ huy thoát khỏi cuộc truy diệt của lực lượng Diệm ở Rừng Sác. Theo chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ lúc ấy, cán bộ ta đã nuôi dưỡng giúp đỡ cho các lực lượng này cùng với lực lượng Cao Đài, Hòa Hảo ly khai tồn tại, giác ngộ lòng yêu nước yêu dân, trở thành lực lượng vũ trang cách mạng chống Mỹ - Diệm những năm 1955-1956 tại Chiến khu C - Bắc Tây Ninh - đơn vị vũ trang cách mạng đầu tiên được thành lập lấy tên là C500 do đồng chí Lê Thanh chỉ huy. Tiếp theo là các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa... đều có đơn vị vũ trang của mình.

Để nuôi cán bộ bất hợp pháp và lực lượng vũ trang các đồng chí đã phát rẫy tía lúa, bắp, trồng khoai mì, nơi có điều kiện thì làm ruộng nước như ở các căn cứ Bắc Tây Ninh. Nhiều nơi, nhất là phía bắc Biên Hòa, Sông Bé, các đơn vị đã thay nhau đi đào củ mài, củ chụp, củ năn để thể gạo. Một người phải đào để nuôi thêm hai người. Có trường huấn luyện quân sự đã sống bằng củ năn, củ chụp ở rừng hàng nhiều tháng để đào tạo nhiều lớp cán bộ cho lực lượng vũ trang. Sự xây dựng bộ đội cách mạng và đảm bảo hậu cần lúc đầu từ hai bàn tay trắng, từ lao động cực nhọc

---

1. Trong vụ giành chính quyền ở Hòn Khoai năm 1940, khi thực dân Pháp trở lại khủng bố tàn sát đẫm máu, đã bắt và xử tử hình đồng chí Phan Ngọc Hiến và 9 đồng chí khác. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ta đã đổi tên quận Đầm Dơi là quận Ngọc Hiến để tưởng nhớ một đồng chí trung kiên cách mạng.



và ý chí bền bỉ là như vậy đó. Nhưng nếu không có những bước rèn gan luyện chí của những đồng chí ít ỏi lúc đầu ấy thì có đâu cơ sở cho lực lượng lớn mạnh ngày sau. Năm 1957, khi đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến từ miền Tây được điều về miền Đông thì hình thành Ban Quân sự của Xứ, đồng chí Xuyến làm trưởng và đồng chí Lâm Quốc Đăng làm phó. Nhiều đội vũ trang tuyên truyền đã thâm nhập các vùng dân cư để hoạt động xây dựng cơ sở cách mạng. Có những đội tiến sâu lên phía bắc, vận động bà con dân tộc M'ông, Cờ Ho, Chơ Ro làm chủ núi rừng trong lúc những đơn vị khác thâm nhập các huyện Bến Cát, Tân Uyên, Củ Chi, Trảng Bàng... về sát đô thành. Cũng như mọi nơi khác, để ngăn ngừa bọn gian ác hoành hành, nhiều cuộc tự động diệt trừ ác ôn có chọn lọc vẫn xảy ra. Từ năm 1957, các trận đánh vang dội của lực lượng vũ trang chống bọn càn quét, phá rừng, lấn căn cứ đã chặt bớt bàn tay độc ác của kẻ địch như trận Minh Thạnh, Biên Hòa, Dầu Tiếng, Bến Củi... Cho đến năm 1959, học tập Nghị quyết Trung ương 15, miền Đông quyết định mở trận đánh Tua Hai để lấy vũ khí phát triển vũ trang và phát động quần chúng nổi lên làm chủ. Thật sự, tình hình lúc ấy trong Sư đoàn 13 quân nguy đóng ở thành Nguyễn Thái Học mà anh em ta gọi là Tua Hai (tức tháp canh số 2) của Pháp trước đây tính từ thị xã Tây Ninh, cách thị xã 7km trên quốc lộ 22, đang thúc bách ta phải đánh.

Trong đơn vị nguy này, ta đã đưa nhiều thanh niên yêu nước của ta vào đó từ lâu, đã thành lập một chi bộ Đảng và có số quần chúng cảm tình đông đảo. Thế rồi địch cũng đánh hơi được, nên ra sức truy quét gạn lọc. Địch đã phát hiện bắt tù hàng trăm quần chúng tốt và một số đồng chí ta. Chúng đang có kế hoạch phân tán lính đi các nơi để xáo trộn, điều chỉ huy mới đến thay đổi và tiếp tục bắt bớ những người chúng mới phát hiện. Đã đến lúc phải giải quyết không trì hoãn được nữa: Hoặc rút các đồng chí ta ra, hoặc tiêu diệt kẻ địch. Chi bộ Đảng bên trong cả quyết có khả năng nội công ngoại kích thành công và đề nghị tiến công diệt địch. Cũng phù hợp với ý muốn của lãnh đạo là đã đến lúc cần có một số súng đạn để xây dựng lực lượng vũ trang và cần có thời động để phát động quần chúng nổi dậy. Thế là quyết tâm tấn công căn cứ địch được hình thành. Địch ở đây có quân số đủ hai trung đoàn của Sư đoàn 13 nhưng một trung đoàn là lính mới tuyển còn đang huấn luyện, có một đại đội pháo và một đại đội thiết giáp. Thành Nguyễn Thái Học tương đối kiên cố, có tường cao và nhiều tháp canh, rộng mỗi bề tới 600m, là một cứ điểm lớn nhất của vùng này, có đông quân số và trang bị mạnh, án ngữ vùng rừng bắc Tây Ninh, bảo vệ hướng tây bắc của Sài Gòn. Thường xuyên trong căn cứ có một tiểu đoàn trực chiến được trang bị đầy đủ, và một đại đội thám báo, súng ống đạn dược chất đầy ba kho lớn. Các đơn vị khác được nhận súng ban ngày nhưng ban đêm thu lại cất vào kho. Vào lúc ấy có một căn cứ lớn của một đơn vị địch mạnh như thế này là vững chắc,



bất khả xâm phạm, địch rất tin tưởng. Còn ta, Ban Quân sự Xứ ủy đã phân tích tình hình dựa vào tinh thần chủ quan khinh địch của quân ngụy mà đa số là lính mới, kém tinh thần, dựa vào khả năng kỳ tập và chất lượng chiến đấu của lực lượng vũ trang ta, mặc dù số lượng còn ít, tin vào bản lĩnh của cán bộ chỉ huy đã được rèn luyện, đã hạ quyết tâm đánh bất ngờ, kết hợp đặc công với xung kích, tận dụng cơ sở nội tuyến để đảm bảo thành công. Đánh được trận này không những ta sẽ thu được nhiều súng đạn cho việc phát triển lực lượng mà quan trọng hơn nữa, sẽ là một đòn thối động lớn làm khiếp vía quân địch và gây tin tưởng cho quần chúng nhân dân nổi dậy phá ách kìm kẹp, trừ gian làm chủ xóm làng. Đó là sự kết hợp tốt giữa quân sự, chính trị và binh vận, là ngòi pháo cho phong trào của miền Đông...

Trận đánh nổ ra vào đêm 25 rạng ngày 26/01/1960 (nhằm ngày 27 Tết âm lịch) do đồng chí Nguyễn Hữu Xuyến - Trưởng ban Quân sự của Xứ ủy trực tiếp chỉ huy, Chỉ huy phó là đồng chí Lê Thanh. Đồng chí Tư Nguyễn<sup>1</sup> được giao nhiệm vụ huy động dân công để bảo đảm cho trận đánh. Lực lượng quân sự gồm cả của trên và của địa phương. Trận đánh giữ bí mật, bất ngờ và có nhiều thuận lợi. Sắp đến Tết âm lịch, một số sĩ quan và binh lính được nghỉ phép và một số đông tự động về nhà ăn tết, số khác chuẩn bị đón giao thừa, có nhiều sơ hở về phía địch. Tuy vậy không phải tất cả đều êm xuôi. Sắp tới giờ hành động, lực lượng tấn công đã được bố trí xong theo kế hoạch. Đặc công do đồng chí Vinh - Đại đội trưởng đã ém được bên trong gần sát với mục tiêu chỉ định. Mọi người chỉ còn chờ lệnh nổ súng từ sở chỉ huy. Bất ngờ vào lúc đó một đoàn xe chở binh sĩ ngụy từ hướng Tây Ninh lên theo đường 22, một số chạy vào cú điểm, một số khác chạy thẳng lên phía bắc, đèn pha chiếu sáng, tiếng động cơ náo động cả một vùng. Phải chăng kế hoạch đã bị lộ, có kẻ phản bội báo trước cho địch tăng viện và đối phó kịp thời? Cán bộ và chiến sĩ ta cố giấu mình thêm kín và nín thở tránh từng tiếng động nhỏ, đầu óc căng thẳng, suy nghĩ cách chống trả nếu địch ra tay trước.

Trận đánh cơ hồ bất thành và có nguy cơ thất bại nặng. Toàn mặt trận chờ lệnh xử trí của chỉ huy, mỗi phút giây dài bằng ngày tháng. Nhưng sở chỉ huy đã nhận được tin tình báo của ta từ trong lòng địch, có chậm nhưng vừa kịp đến giờ chót. Đó là địch triển khai một cuộc càn quét cuối năm, trước khi nghỉ tết. Lực lượng vào đồn chỉ là bọn lính của đồn đi liên hoan trở về, bọn lên phía bắc là tiểu đoàn từ xa đến cắm trại để mai triển khai càn quét. Tuy có bất ngờ nhưng chỉ huy trận đánh đã nhận định tình huống không ảnh hưởng lớn đến kế hoạch, ra lệnh nổ súng. Đúng giờ quy định, mìn nổ dữ dội ngay trung tâm chỉ huy địch, tên chỉ huy phó căn cứ chết (chỉ huy trưởng vắng mặt) và hệ thống thông tin bị hủy diệt. Túc thì hàng loạt

---

1. Đồng chí Đỗ Văn Muống, nay là Tổng Cục trưởng Tổng Cục Cao su.

mìn, và súng nổ liên hồi, nổ cùng khắp tại các đơn vị nguy hầu như cùng một lúc. Không có chỉ huy như rắn mất đầu, lại bị đánh bất ngờ hết sức dữ dội ngay từ trong ruột và tiếng xung phong vang dậy từ ngoài vào, các đơn vị quân địch rối loạn, mất tinh thần, mạnh ai nấy chạy tán loạn. Một vài căn nhà bốc cháy, ngọn lửa theo gió lên cao, soi sáng khắp căn cứ. Một số sĩ quan và binh lính địch thấy lực lượng ta tiến công không nhiều, áo quần lếch thếch lại có phụ nữ, biết không phải là quân chính quy từ miền Bắc vào như chúng tưởng lúc đầu mà rõ ràng là du kích. Hoàn hồn, chúng tập hợp lại tổ chức phản kích. Nhưng chiến sĩ ta đã kịp thời bố trí ba khẩu đại liên mới lấy từ kho địch ra, nhả đạn dồn dập vào quân địch mới vừa tập hợp. Lốp chết, lốp bỏ chạy. Trận đánh kết thúc gọn ghẽ, thắng lợi vượt xa dự kiến. Hàng trăm địch bị giết, ta bắt sống 500 tên, giải thích giáo dục rồi thả ngay tại chỗ, số khác chạy tán mát. Số súng thu được trên 2.000 và rất nhiều đạn, lựu đạn... Tất cả đều mới tinh, chất thứ tự trong kho. Thương vong của ta không đáng kể. Kết quả về vật chất của trận đánh đã lớn, kết quả về tinh thần còn lớn hơn nhiều. Chiến thắng thành một tiếng vang bay xa làm nức lòng người, động viên nhân dân miền Đông nổi dậy đồng khởi diệt địch rửa hờn, làm chủ làng xóm. Tiếng vang còn đi xa hơn nữa, xuống đến miền Trung, miền Tây Nam Bộ, động viên thêm phần khởi, đẩy mạnh thêm phong trào cách mạng. Càng đi xa, chiến thắng càng được người kể nhân lên gấp bội, thêm chút thần kỳ vào, vẽ thành một kiểu chiến thuật kỳ diệu xuất quỷ nhập thần, được chỉ huy tài tình và tô đậm thêm ý nghĩa. Thông thường như vậy, cái gì hợp với lòng mong đợi của dân, đúng với chính nghĩa sẽ được tán tụng hết lời và phát huy hiệu quả tích cực. Về phía địch thật là một đòn thất bại khủng khiếp. Chúng có bao giờ nghĩ rằng trong thời kỳ ấy một căn cứ của một sư đoàn chính quy, lớn rộng và kiên cố, được trang bị rất mạnh lại bị san bằng không đầy một tiếng đồng hồ. Phải là quân chính quy Bắc Việt vào mới đánh nổi và tài tình như vậy. Họ đã đánh được căn cứ Nguyễn Thái Học thì thị xã Tây Ninh nào có sá gì. Càng suy luận càng hoảng sợ, tên tỉnh trưởng Tây Ninh và bọn cầm đầu nguy quyền có nợ máu khác dắt vợ bồng con chạy về Sài Gòn lánh nạn. Binh lính nguy nhân đó đào ngũ hàng loạt. Các chị các bà trong “đội quân tóc dài” từ khắp nơi trong tỉnh, từ các tỉnh lân cận kéo đến đòi chồng, đòi con, khóc kể thảm thiết, chửi bới cho đã cơn giận, làm địch càng hoang mang, bối rối và quần chúng càng phần khởi.

Được ảnh hưởng sớm nhất và mạnh mẽ là tỉnh sở tại Tây Ninh. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tây Ninh viết: “Tiếng súng Tua Hai đã đẩy mạnh khí thế cách mạng khắp tỉnh. Thắng lợi Tua Hai đã đưa cách mạng trong tỉnh chuyển sang thế tiến công mạnh mẽ, rộng khắp liên tục”, “khắp nơi quần chúng đã nôn nóng, cũng muốn cho xã mình vũ trang khởi nghĩa, tiêu diệt bót để phong trào lên kịp với

các nơi khác...”. Ngay trong đêm Tua Hai bị diệt, đồn Vĩnh ở xã Hải Đức sợ hãi rút chạy. Sau đó lực lượng vũ trang ít ỏi đã cùng đồng bào nổi dậy vây đồn bắt diệt địch. Chỉ trong một thời gian ngắn tiếp theo, tại huyện Châu Thành đã có 11 xã trong tổng số 15 xã hoàn toàn giải phóng. Căn cứ bắc Tây Ninh (Khu C) đã quét sạch địch và mở rộng về phía nam đến sát thị xã. Phía căn cứ Dương Minh Châu cũ cũng được giải phóng thông đến tận Cầu Khởi, suối Ông Hùng... Trên 100 bộ máy tế ấp bị phá rã, nhân dân làm chủ hai phần ba tỉnh. Cuộc Đồng khởi trong tỉnh đạt kết quả lớn lao, bằng sự kết hợp giữa lực lượng vũ trang còn nhỏ bé, rất ít súng thật, khá nhiều súng giả bằng cây chuối, cây mì và ống lỏi, với lực lượng chính trị hùng hậu của quần chúng nổi dậy, kết hợp chính trị, quân sự và binh vận. Điển hình là ở xã Thanh Điền mà các đồng chí Tây Ninh đã kể: “Ở Thanh Điền, ngay trong tết chiến thắng, nhân dân đã rầm rộ xuống đường, kết hợp ba mũi tấn công, ào ạt đấu tranh trừng trị bọn ác ôn. Ngày mùng 7 Tết, các đồng chí đã tổ chức chiếm bót Hàng Đường và bót Nhà Vuông Cháy. Như vậy, địch chỉ còn kiểm soát vùng quanh bót Ôcôren, tức là vùng tiếp giáp thị xã, cách trung tâm thị xã chừng 1km đường chim bay. Được sự lãnh đạo của trên, xã ủy chủ trương phát huy chiến thắng, đẩy mạnh phong trào quần chúng kết hợp với vũ trang chống địch giữ đất, giành dân. Sau đó nhân một cuộc địch càn, các đồng chí Thanh Điền đã tổ chức một trận “đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị” đánh thẳng vào bót Ôcôren. Với lý do là để chạy càn, bà con đánh xe bò, dắt trâu, gồng gánh đồ đạc và dẫn trẻ em “tản cư ngược” ra bót. Giữa lúc bọn lính đồn nhốn nháo, hoang mang chưa có biện pháp đối phó với hơn 5.000 bà con đang khóc lóc, chửi rủa, đòi chúng phải mở cửa cho đồng bào ẩn náu vì “cộng sản về đông lắm, sẽ có đánh nhau to” thì du kích phối hợp nổ súng tiến công. Bọn lính tức thì bỏ bót tháo chạy. Du kích tràn vào làm chủ tình hình. Và để chặn viện, yểm trợ cho lực lượng vũ trang, bà con liền kéo thẳng vô thị xã. Đến cổng Ba Miếng, gặp năm xe bọc thép chạy ra, bà con cản đường lại:

- Chạy về đi thôi! Cộng sản về đông lắm. Họ đã chiếm bót Ôcôren rồi, còn đút đầu ra chịu chết hay sao?

Quả nhiên bọn cơ giới bị trúng kế, quay đầu cút thẳng. Bà con thừa thắng kéo vô chợ, họp mítting tố cáo bọn đi càn, gây mất an ninh trật tự cho thị xã mấy ngày đêm...”<sup>1</sup>.

Sự mưu trí và lòng dũng cảm của quần chúng cách mạng là như vậy đó. Một cử chỉ, một lời nói có sức mạnh, có hiệu lực của một đội quân thiện chiến, của một loại vũ khí lợi hại, có khả năng làm thất bại một âm mưu độc ác. Chính sức mạnh ấy

---

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tây Ninh: “Chiến thắng Tua Hai”.

đã cuốn trôi đồn bót giặc, đập tan tề xã, tề ấp nguy quyền trong đồng khởi ở Bến Tre, miền Trung, miền Tây Nam Bộ. Ở miền Đông, ngoài Tây Ninh, các tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, nhân dân cũng đồng loạt nổi dậy, kết hợp lực lượng vũ trang mới xây dựng, giải phóng các vùng nông thôn nối liền với các căn cứ kháng chiến cũ, thành những khu vực làm chủ rộng rãi của cách mạng bao quanh Sài Gòn từ tây bắc qua bắc và đông bắc, từ Đồng Tháp Mười ở Đức Huệ, Long An xuống đến bờ Biển Đông ở Xuyên Mộc, Bà Rịa.

Sau Tua Hai trong tháng Giêng, đồn An Bình, đồn Nước Vàng (thuộc tỉnh Phước Thành) bị tiêu diệt, nhân dân làm chủ vùng ven căn cứ Chiến khu Đ, các trạm kiểm lâm của nguy chuyên phá rừng trên các đường 13, 14, trên các sông Đồng Nai, Sài Gòn bị giải tán, phong trào công nhân cao su đấu tranh đòi quyền lợi và làm chủ lên cao ở các đồn điền Lộc Ninh, Xa Cát, Bình Sơn, Bình Ba, Dầu Giây, An Lộc... Tháng 02/1960 đồn Tân Long (Thủ Dầu Một) bị san bằng. Nhân dân các thị xã Bến Cát, Châu Thành, Tân Uyên, Vĩnh Cửu (Biên Hòa) nổi lên làm chủ nhiều vùng nông thôn. Ở Bến Cát các ban tề đều rã hết. Ở Châu Thành, 11 trong tổng số 17 ban tề xã bị quét sạch. Ở Bà Rịa, chỉ một đêm ba đồn giặc ở sở Bình Ba bị diệt. Tại Long Điền, Đất Đỏ, các hội đồng hương chính đều rã và đầu hàng nhân dân. Tháng 3, quân địch ở đồn điền Phú Riềng bị tiêu diệt, Bù Đăng trên quốc lộ 14 được giải phóng. Nhân dân các dân tộc thiểu số đốt bỏ khu dinh điền trở về làng cũ trong vùng căn cứ làm rẫy sinh sống nuôi cách mạng. Miền Đông Nam Bộ, nơi nhiều khó khăn gian khổ, bị địch đánh phá càn quét liên miên, bao vây phong tỏa ráo riết, giờ đây làm chủ núi rừng, mở rộng làm chủ nông thôn ra sát thành thị, hình thành thế bao vây lại địch, đẩy địch về phía Sài Gòn.

Phong trào Đồng khởi ở Nam Bộ kéo dài suốt nửa năm đầu 1960 với khí thế tiến công liên tục, giành nhiều thắng lợi. Tháng 7/1960, Xứ ủy họp hội nghị đánh giá tình hình, kiểm điểm thắng lợi, rút kinh nghiệm để chỉ đạo tiếp phong trào. Đặc biệt Xứ ủy đã đề cao kinh nghiệm đồng khởi của Bến Tre. Trước đó Khu ủy Khu 8 cũng đã công nhận phương thức đồng khởi của Bến Tre là mẫu mực và phát động các tỉnh trong khu noi theo. Để tiếp tục tiến công địch, mở rộng quyền làm chủ của nhân dân khắp nông thôn, đánh quy địch từ cơ sở làng ấp là khâu yếu nhất của địch lúc ấy, Xứ ủy chủ trương tiến hành một đợt Đồng khởi thống nhất trong toàn xứ, lấy ngày 23/9/1960, ngày kỷ niệm Nam Bộ vùng lên đánh thực dân Pháp hồi năm 1945 làm ngày mở đầu cho toàn đợt. Thế là miền Đông đến miền Trung, miền Tây Nam Bộ, từ rừng núi đến đồng bằng sông Cửu Long lại dấy lên một phong trào nhân dân nổi dậy dùng chính trị, quân sự, binh vận, diệt đồn bót giặc, phá rã tề xã, tề ấp, giải phóng nông thôn. Các khu dinh điền, khu trù mật còn lại

trong đợt này cũng bị phá gần hết. Nhân dân kéo về quê cũ, dựng nhà, làm ruộng, thực hiện quyền làm chủ, đấu tranh cho quyền dân sinh dân chủ. Suốt năm 1960 cao trào cách mạng của nhân dân Nam Bộ đã dồn dập và liên tục, phá vỡ từng mảng hệ thống kim kẹp đàn áp khủng bố mà Mỹ - Diệm đã dày công xây dựng trong 5 năm trời. Hàng loạt đồn bót của bảo an nguy cắm sâu trong các làng mạc bị san bằng. Nhiều đơn vị quân nguy bị diệt và rã. Lực lượng tế điệp, dân vệ khổng lồ chế nhạo nhân dân lâu nay, lớp trốn, lớp đến tội, không còn hiệu lực ngay trong các vùng sát thị trấn, thị xã. Đến cuối năm đã có trên 100 xã trong tổng số trên 1.000 xã được hoàn toàn giải phóng, có đến trên 800 xã nhân dân làm chủ một phần, đứng lên lập chính quyền cách mạng tự quản. Trước thắng lợi to lớn của cách mạng, trước khí thế tiến công của nhân dân và chính sách binh dịch vận đúng đắn của ta, nhiều sĩ quan và binh lính nguy nhận ra được lẽ phải, thấy rõ nỗi nhục làm tay sai cho giặc cướp nước và giết hại đồng bào, đã bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân. Số khác còn trong đơn vị nguy cũng bớt hung hăng, không bắn giết bừa bãi nhân dân trong các cuộc càn, còn giúp dân giấu tài sản, và đôi khi trừ khử ác ôn, hay đứng về phía nhân dân trong các cuộc đấu tranh chống khủng bố, đòi dân sinh dân chủ. Càng ngày binh lính nguy đào rã ngũ càng tăng. Trong năm 1960, ở đồng bằng sông Cửu Long có tới 11.500 binh sĩ trong các đơn vị nguy bỏ ngũ về nhà hoặc theo cách mạng. Đã có hiện tượng đào ngũ tập thể như lực lượng bảo an đóng ở khu trù mật Cái Tàu (Cà Mau) nổ súng bắn chết chỉ huy mang súng trở về với nhân dân. Hãng tin AFP ngày 09/4/1960 nhận định rằng chính quyền Diệm không những bị nhân dân chống lại, mà còn đang đứng trước một sự đe dọa nghiêm trọng hơn. Đó là việc một phần quân đội không yêu mến chính quyền đó nữa. Cục Tình báo Trung ương Mỹ đã phải cấp báo cho Kennedy: “Một thời kỳ hết sức nghiêm trọng đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm và Việt Nam Cộng hòa hiện đã ở ngay trước mắt. Trong thời gian sáu tháng qua (cuối năm 1960) tình hình an ninh ở trong nước vẫn tiếp tục trở nên ngày càng xấu đi và nay đã lên tới một mức nghiêm trọng. Trên một nửa toàn bộ vùng nông thôn nằm ở phía nam và tây nam Sài Gòn cũng như một số vùng ở phía bắc đã nằm dưới quyền kiểm soát của cộng sản”<sup>1</sup>.

Nguy quyền Diệm càng bị tan rã từ cơ sở thì càng bị cô lập và suy yếu. Từ đó đẻ ra tình trạng mâu thuẫn và phân hóa ngày càng gay gắt trong nguy quân, nguy quyền. Hốt hoảng, Diệm ra tay khủng bố thanh trừng nội bộ. Hắn gạt bỏ 73 trong số 123 dân biểu quốc hội kỳ 1, trong đó có ba nghị sĩ người Thượng. Ở Sài Gòn một nhóm 18 người gọi là “nhóm Caravelle”, vì họ thường gặp nhau ở nhà hàng Caravelle,

---

1. Các văn kiện của Lầu Năm Góc về lịch sử bí mật cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Sđd.



đứng đầu là một cựu bộ trưởng kinh tế của Diệm, ngày 25/4/1960 đã gửi thư vạch tội Diệm là nhà chính trị độc tài, hà lạm, lạm quyền, và cảnh cáo rằng: “sự thật khả dĩ bùng nổ thành những làn sóng mệnh mông của sự căm ghét và thù hận không thể chặn đứng được của một dân tộc đã đau đớn một cách khủng khiếp, đứng lên đập phá những xiềng xích đã trói buộc họ và quét sạch những người ngu tối và đào tặc sự bất công đã bao vây áp chế họ”<sup>1</sup>.

Tình trạng mâu thuẫn phân hóa trong hàng ngũ địch phát triển cao độ dẫn đến cuộc đảo chính Diệm ngày 11/11/1960. Cầm đầu cuộc đảo chính là Phan Quang Đán, lãnh tụ một phái thân Mỹ nhưng đối lập với Diệm, Đại tá Nguyễn Chánh Thi chỉ huy lực đoàn dù, một sĩ quan thân tín bậc nhất của Diệm, và Trung tá Vương Văn Đông - một sĩ quan trong lực đoàn dù. Tham gia cuộc đảo chính có bốn tiểu đoàn và một số lực lượng thiết giáp, cảnh sát và vài đơn vị hải quân đóng ở Sài Gòn. Cuộc đảo chính thất bại vì phe đảo chính lòng chùng, không triệt để, chẳng qua là cốt giành ăn chia ghế và cũng do Mỹ muốn kết thúc ngay, sợ cộng sản khai thác tình hình.

Thắng phe đảo chính, Diệm ra tay trả thù, quyết trừng trị những kẻ “phiến loạn”. Chúng đập phá trụ sở và nhà in của các nhà báo đã đăng tải thông báo của phe đảo chính. Chúng bắt bớ hàng loạt. Theo tin *UPI* tháng 12/1960 thì ba ngày sau đảo chính số người bị bắt lên tới ba vạn, một loạt tướng, tá, úy bị bắt, thuyền chuyển... Song “ông Diệm có thể thanh trừng hàng loạt trong quân đội, nhưng điều đó không cứu vãn nổi chế độ ông Diệm về lâu dài”, đó là nhận định của *Thời báo Ấn Độ*.

Phong trào Đồng khởi đã làm cho chế độ Diệm, bề ngoài tưởng như vững chắc ổn định, đi đến suy sụp rối loạn như vậy. Trong lúc đó về phía cách mạng tình thế đang vươn lên ngày càng mạnh, càng thắng. Lực lượng Đảng lãnh đạo trải qua một thời kỳ bị thiệt hại nặng nề được phục hồi mau chóng. Hầu hết làng xã đều có chi bộ, hệ thống nối liền Xứ ủy đến cơ sở với kinh nghiệm đấu tranh và chất lượng lãnh đạo được nâng cao. Quần chúng phấn khởi nô nức gia nhập các đoàn thể cách mạng, công đoàn, thanh niên, phụ nữ, nông hội... khiến cho việc lãnh đạo nhân dân đấu tranh càng chặt chẽ vững vàng. Các lực lượng vũ trang các cấp được tổ chức, phát triển, được huấn luyện, trang bị và tôi luyện trong chiến đấu cũng như các đại đội địa phương và các thôn ấp đều có dân quân du kích. Công tác vận động binh lính và ngụy quyền của nhân dân, của cán bộ càng phát triển và trở thành một phương thức tiến công có hiệu quả của cách mạng. Từ phong trào

---

1. Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững Thành đồng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1964, t.I.



đấu tranh cách mạng thực tế của quần chúng nhân dân và cán bộ địa phương, từ cuộc đấu tranh sống còn bền bỉ anh dũng tận cơ sở với sức sáng tạo kỳ lạ của quần chúng cách mạng, Xứ ủy đã đúc kết kinh nghiệm và nêu lên thành phương châm đấu tranh cách mạng “hai chân ba mũi”, sau được Trung ương chấp nhận và chỉ đạo các chiến trường, được áp dụng cho suốt các thời kỳ chiến tranh cách mạng, đưa lại toàn thắng vinh quang. Hai chân, chân chính trị kết hợp với chân quân sự để đi cho vững trong suốt các chặng đường gay go gian khổ, ba mũi, mũi tiến công chính trị, mũi tiến công vũ trang và mũi tiến công binh vận cùng giáp công trong từng trận đánh, ở từng cơ sở, trong từng cuộc đấu tranh và trong các chiến dịch đã đem lại hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Chỉ một năm đồng khởi, phong trào cách mạng tiến triển như vũ bão. Lực lượng Đảng, lực lượng quần chúng, chính trị và vũ trang đều tăng lên gấp bội, mạnh mẽ khác hẳn với những năm trước đây, nhất là từ năm 1957 đến năm 1959 khi mà địch tha hồ tự do bắn giết đã gây thiệt hại lớn cho phong trào. Rõ ràng một khi đã có đường lối lãnh đạo đúng đắn, thực hiện cương quyết bằng phương pháp cách mạng phù hợp với tình hình thực tế, bởi những cán bộ được rèn luyện trong đấu tranh gian khổ, chỉ một mục đích duy nhất vì quyền lợi của Tổ quốc và nhân dân bởi một lực lượng quần chúng được giác ngộ quyền lợi, đồng lòng xông lên phía trước vì ích nước lợi nhà thì thành công thật to lớn. Phong trào Đồng khởi có giá trị lớn lao khó lường hết. Nó cứu vãn một nguy cơ trông thấy của cách mạng nước ta và mở đầu trang sử vẻ vang thắng lợi của chiến tranh chống Mỹ xâm lược. Đồng chí Lê Duẩn đã nhận định: “Rõ ràng trong tình hình đen tối của miền Nam từ tháng 7/1954 đến cuối năm 1959, chúng ta không kịp thời phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa từng phần và tiến hành chiến tranh cách mạng thì lực lượng cách mạng ở miền Nam có thể tan rã, phong trào yêu nước có nguy cơ bị đè bẹp không sao gượng dậy nổi và Mỹ - Diệm có thể mang lực quân đánh ra miền Bắc như lúc bấy giờ chúng đã mưu tính và ra sức chuẩn bị”<sup>1</sup>.

Nhân dân ta thật cách mạng. Không phải đến năm 1960 mới nổi dậy. Suốt trong những năm qua, trước sự đàn áp dã man không thể tưởng tượng nổi của Mỹ - Diệm, đã từng có những cuộc nổi dậy của quần chúng không chịu sống quỳ ở từng con người, từng cơ sở, ở từng thôn, từng xã cho đến từng huyện ở khắp các vùng trong toàn miền Nam. Chỉ có các cuộc nổi dậy ấy còn cục bộ ở từng địa phương do nhân dân quá căm phẫn trước sự đàn áp của địch, được cán bộ ở đấy tự động lãnh đạo mà chưa phải “đồng khởi”, chưa phải nổi dậy đồng loạt rộng rãi trong một thời gian dồn dập. Nhưng các cuộc nổi dậy ấy không kém phần anh hùng và nhiều nơi

---

1. Lê Duẩn: *Bài nói tại Hội nghị lần thứ 19 Ban Chấp hành Trung ương Đảng*, ngày 17/3/1971.

đã đứng vững trước sự phản ứng quyết liệt của kẻ địch. Tiêu biểu cho các cuộc khởi nghĩa cục bộ đó có những cuộc diễn ra trong toàn một huyện là cuộc khởi nghĩa của huyện Trà Bồng - một huyện miền núi thuộc tỉnh Quảng Ngãi tháng 8/1959. Chỉ trong vòng bốn ngày, tất cả đồn bót bảo an dân vệ, tất cả hệ thống ngục quyền trong 16 xã trong huyện bị tiêu diệt bị đập tan. Chính quyền cách mạng tự quản của nhân dân được thiết lập và đứng vững mãi về sau. Trà Bồng, Quảng Ngãi là lá cờ đầu khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh du kích của toàn tỉnh, của miền núi Khu 5 và cả toàn Khu 5. Trước đó nữa, vào tháng 01/1959, cũng một huyện miền núi đã nổi dậy liên tục đánh đổ ngục quyền, đánh bọn phản kích suốt cả năm để rồi nhân dân hoàn toàn làm chủ trong năm 1960 nhập cuộc với phong trào Đồng khởi toàn Miền - đó là huyện Bắc Ái thuộc tỉnh Ninh Thuận nay thuộc tỉnh Thuận Hải. Bắc Ái là một vùng núi cao rừng rậm, hang động hiểm trở lại nằm ở một vị trí chiến lược quan trọng, sát về phía bắc với đường 11 và đường xe lửa rừng cửa từ Tua Chàm đi Đà Lạt, phía đông bắc liền với sân bay Thành Sơn - một sân bay lớn của địch, phía đông là đường 1 và đường xe lửa Bắc - Nam cùng song song theo đường bờ Biển Đông. Trên 10.000 dân cư phần lớn là dân tộc Raglai kiên cường bất khuất mà tiêu biểu là anh hùng Pi Năng Tắc, đã biến Bắc Ái thành một căn cứ kháng chiến vững chắc suốt trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Từ tháng 01 đến tháng 4, nhân dân đã nổi dậy, phá tan khu tập trung Bà Rau, Tầm Ngân, kéo về làm chủ núi rừng làng rẫy. Cả 12 xã trong huyện nhất quyết chống địch đến cùng, rào làng, lấp đường, đào hầm chông, cài cạm bẫy, tổ chức canh gác, bố phòng cẩn thận. Suốt tháng 9/1959, toàn dân đánh thắng oanh liệt cuộc càn lớn trả đũa của địch bằng đấu tranh chính trị của người già, bằng vũ khí thô sơ của thanh niên và bằng sự bất hợp tác của phụ nữ, trẻ thơ với địch, leo lên núi cao, lánh vào hang động. Cho đến tháng Giêng năm 1960, cùng với phong trào Đồng khởi toàn Miền, Bắc Ái đã quét sạch tể, điệp, giữ vững quyền làm chủ và đến tháng 8 năm ấy khi lực lượng vũ trang diệt đồn bót địch còn lại thì huyện đã được hoàn toàn giải phóng.

Đồng khởi năm 1960 trở thành cái mốc lịch sử oanh liệt đầu tiên trên con đường dài 21 năm đánh Mỹ, nó mở đầu thời kỳ cách mạng tiến công, chỉ có tiến công và tiến công liên tục của một phong trào quần chúng rộng rãi dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng nhằm đánh bại âm mưu nô dịch của Mỹ và đánh đổ ngục quyền cam tâm làm tay sai ngoại bang, chia hai đất nước. Phong trào Đồng khởi đã huy động toàn dân đấu tranh cả chính trị và quân sự tuy chưa đều và mạnh trong các đô thị, đã củng cố và phát triển tổ chức Đảng lãnh đạo, tổ chức các đoàn thể cách mạng cũng như các lực lượng vũ trang cách mạng ngày một lớn mạnh. Đó là những điều kiện hết sức cơ bản để tiến lên đối đầu vững vàng và thắng lợi vẻ vang

trước cuộc chiến tranh xâm lược thực sự của đế quốc Mỹ vào những năm tiếp theo. Nó làm cho đế quốc Mỹ không còn núp giấu được bộ mặt xâm lược đằng sau bộ Diệm mang chiêu bài “quốc gia dân tộc”, mà lộ rõ ra là một chiến tranh thực sự của Mỹ với chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” chống các dân tộc Việt Nam, Đông Dương rất xa nước Mỹ, chỉ vì họ muốn sống tự do theo kiểu cách của mình. Đúng, nhà sử học Mỹ Russel F. Weigleg đã nói đúng: “Việt Nam là cuộc chiến tranh đầu tiên trong đó Mỹ tìm cách áp đặt một hệ tư tưởng lên một dân tộc khác”<sup>1</sup>. Phải chặn đế quốc Mỹ lại không cho chúng tiếp tục đi theo con đường này. Phải để cho các dân tộc có quyền quyết định lấy vận mệnh của mình và sống trong hòa bình và hữu nghị.

Phong trào Đồng khởi năm 1960 là bước nhảy vọt quan trọng đầu tiên của cách mạng miền Nam, là một sáng tạo lớn lao về hình thức đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân, biểu hiện tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, kiên cường, bất khuất trước bạo tàn và áp lực. Đồng khởi năm 1960 đi vào lịch sử không chỉ nằm trong phạm vi hình thức đấu tranh, phương thức cách mạng mà còn là khởi đầu cho một đường lối sáng tạo độc đáo của cách mạng Việt Nam: Khởi nghĩa vũ trang kết hợp với chiến tranh cách mạng. Đó là sự vận dụng tài tình những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng vào điều kiện cụ thể ở miền Nam Việt Nam chống lại chiến tranh xâm lược và “thập tự chinh” chống cộng của đế quốc Mỹ. Đồng chí Lê Duẩn viết: “Các cuộc nổi dậy bằng sức mạnh chính trị là chính, kết hợp với sức mạnh vũ trang của quần chúng ở một số vùng rừng núi Khu 5 và đồng bằng Nam Bộ vào cuối năm 1959 đầu năm 1960, giành chính quyền ở thôn xã là các cuộc khởi nghĩa cục bộ, là cao trào khởi nghĩa lớn đầu tiên”<sup>2</sup> và “kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng miền Nam trong đó khởi nghĩa từng phần ở nông thôn là bước mở đầu. Trong các bước tiếp theo những cuộc khởi nghĩa của quần chúng luôn luôn tiếp diễn, ngày càng mạnh mẽ, gắn chặt với chiến tranh cách mạng”<sup>3</sup>.

---

1. Trong cuộc họp tháng 01/1983 của các viện sĩ, nhà sử học và phân tích quân sự tại trung tâm quốc tế Wood Wilson để đánh giá điều mà một diễn giả gọi là: “Một cuộc chiến tranh lớn nhất, tốn kém nhất, nhưng lại ít thành công nhất trong lịch sử nước Mỹ” (Nhưng sao lại ít thành công? Đúng ra là thất bại nhục nhã - T.G).

2. Thư đồng chí Lê Duẩn gửi Trung ương Cục miền Nam, tháng 11/1965.

3. Lê Duẩn: “Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành thắng lợi mới”, Tạp chí *Học tập*, số 2, năm 1970.

## CHƯƠNG VI

### Mặt trận Dân tộc giải phóng

**P**hong trào Đồng khởi năm 1960 trên toàn miền Nam của quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng chủ yếu là ở nông thôn đã lật đổ trong nhiều vùng rộng lớn ngụy quyền cơ sở, lập nên chính quyền cách mạng tự quản của nhân dân, là một bước ngoặt quan trọng của cuộc cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Đó là bước ngoặt từ thế thủ để bảo tồn lực lượng, đấu tranh chính trị hòa bình đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ - một Hiệp định quốc tế mà ta đã ký và triệt để tôn trọng, chuyển qua tiến công liên tục ngày càng mạnh bằng cả bạo lực chính trị và vũ trang vào ngụy quyền phản động phátxít chống nhân dân, làm tay sai cho đế quốc xâm lược, phản bội Hiệp định chia đôi đất nước. Đó là bước ngoặt từ chỗ cách mạng chưa có chính quyền - chỉ có một ngụy quyền phản động chống nhân dân, không có lực lượng vũ trang (mới có một đơn vị nhỏ từng nơi trang bị thô sơ, núp dưới những danh nghĩa khác nhau, mang ý nghĩa tự vệ) - chỉ có quân đội Mỹ - Diệm trang bị mạnh và tổ chức hàng sư đoàn, cả binh quân chủng, để tiến hành “chiến tranh một phía” và không có cả tổ chức các đoàn thể quần chúng cách mạng để huy động lực lượng, giáo dục và chỉ đạo đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình (các đoàn thể cách mạng đã chủ trương tự giải tán hồi năm 1954-1955), đi đến chỗ có tất cả, chính quyền tự quản, quân đội giải phóng và các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông hội, trí thức, văn nghệ giải phóng...

Giả sử đôi bên đều tôn trọng chữ ký của mình, thành tâm thi hành đúng các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ thì tháng 7/1956 đã có tổng tuyển cử toàn quốc theo ý nguyện của dân và đi đến thành lập một chính phủ thống nhất cho cả nước Việt Nam tự do và độc lập, thì làm gì có phong trào Đồng khởi năm 1960. Tình hình diễn biến hình như đơn giản nhưng vô cùng phức tạp theo con đường đấu tranh chính trị hòa bình và hòa bình thống nhất đất nước. Đó là con đường ngắn nhất và có lợi nhất vào thời kỳ đó cho nhân dân ta, cho đất nước ta. Nó tránh được bao chết chóc đau thương, bao tàn phá đình trệ. Chính vì vậy mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh để đi theo con đường đó

suốt nhiều năm trời. Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cố làm mọi cách để giữ hòa bình, tránh chiến tranh vì nhận thức rõ chiến tranh dù với mục đích nào vẫn là một bi kịch của nhân loại mà những người lương thiện trên quả đất này không ai muốn. Nhưng khốn thay cuộc “thập chinh chống cộng” của những nhà lãnh đạo nước Mỹ thời ấy đã được định ra từ cuối những năm 1940 nên không có hòa bình, không có tổng tuyển cử dân chủ, không có Việt Nam thống nhất, chỉ có cái “cộng hòa Việt Nam” chống cộng, hầu như là một bang của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Con đường phát triển hòa bình đã bị phá ngay từ đầu và vì vậy mới có đàn áp tàn khốc, những năm lửa và máu, của một bên là chiến tranh tạo ra cuộc “Đồng khởi” của nhân dân Việt Nam quyết tự mình định đoạt vận mệnh của mình.

Khi đã có đường lối lãnh đạo đúng đắn rồi thì phương pháp đấu tranh cách mạng để đạt mục tiêu đề ra là khâu trọng yếu. Từ bao nhiêu năm quần chúng đã không còn chịu nổi sự đàn áp phátxít của Mỹ - ngụy, đã sẵn sàng dùng mọi biện pháp chống trả lại, khi biết có chủ trương đúng đắn chỉ có con đường bạo lực cách mạng đánh đổ ngụy quyền mới có thể sống còn, liền đồng loạt đứng lên làm chủ xóm làng. Phong trào mạnh phải có tổ chức mạnh và phù hợp. Muốn đấu tranh vũ trang phải tổ chức ra lực lượng vũ trang, có chỉ huy và tham mưu của nó. Muốn đấu tranh chính trị mạnh phải có lực lượng với những tổ chức đoàn thể và ban chấp hành của nó như hội lao động giải phóng, các hội thanh niên, phụ nữ, nông hội, trí thức, học sinh, sinh viên... Phải đoàn kết tất cả các đoàn thể yêu nước lại thành một mặt trận thống nhất thì sức mạnh của các đoàn thể mới được nhân lên gấp bội. Tình thế cách mạng, phong trào quần chúng, yêu cầu của nhiệm vụ cứu nước, cứu dân đòi hỏi phải có một mặt trận thống nhất thì mới phát huy được sức mạnh dân tộc, đoàn kết tất cả mọi người yêu nước, mọi tầng lớp nhân dân, mọi đoàn thể cách mạng, mọi tôn giáo, đảng phái hoạt động dưới một ngọn cờ duy nhất, giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ, bảo vệ quyền lợi của nhân dân trước họa xâm lăng và bạo tàn phátxít. Phong trào Đồng khởi thắng lợi trên toàn miền Nam càng đặt ra vấn đề cấp bách là phải có một mặt trận như vậy để tập hợp lực lượng rộng rãi, nhân sức mạnh lên gấp nhiều lần nữa để đập phăng mọi trở ngại tiến thẳng đến đích đã định.

Cuối năm 1960, một sự kiện lịch sử tất yếu đã diễn ra: ngày 20/12, Đại hội đại biểu các tầng lớp xã hội, các tổ chức quần chúng cách mạng, các thân sĩ yêu nước đã mở ra ở vùng giải phóng bắc Tây Ninh thuộc miền Đông Nam Bộ, vùng căn cứ cũ Dương Minh Châu. Trong rừng cây to um tùm xanh tốt, vẻ ngoài trầm mặc, bên trong đã diễn ra cảnh tung bừng nhộn nhịp của những người cách mạng hăng say từ các vùng nông thôn đã làm chủ, từ các thành thị kể cả Sài Gòn đổ về, thảo luận, phân tích tình hình, đề ra nhiệm vụ, sách lược đấu tranh cứu dân, cứu nước. Đại hội

đã hoàn toàn nhất trí và tuyên bố thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam với chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, nhân sĩ dân chủ, thân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, nhằm đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn tay sai Ngô Đình Diệm, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Đây là một chủ trương rất đúng với tình hình thực tế đang diễn biến ở Việt Nam và thế giới, chống lại nạn phátxít tàn bạo, chống ách nô dịch thực dân giành độc lập dân tộc và làm phá sản chiêu bài “chống cộng” của đế quốc Mỹ. Nó phù hợp với nguyện vọng tha thiết của nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới là tự do, dân chủ, đời sống, hòa bình và thống nhất đất nước.

Hàng triệu trái tim nhân dân Việt Nam một lòng hướng về Bác Hồ, Đảng kính yêu cùng với truyền thống bất khuất từ ngàn xưa của tổ tiên, mọi người đã đoàn kết lại cùng hành động cho nghĩa lớn: giải phóng Tổ quốc, giải phóng nhân dân. Bản tuyên ngôn của Mặt trận ra đời theo hướng đó và được phát hành rộng rãi ngay sau đó đã ảnh hưởng vang dội trong và ngoài nước, được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, được thế giới hoan nghênh, đã đưa lại cho cách mạng một sức mạnh mới và làm kẻ thù phải run sợ. Bản tuyên ngôn đã phân tích sắc bén tình hình trong nước và thế giới từ Cách mạng Tháng Tám đến năm 1960, đã lên án đánh thếp đế quốc Mỹ mang dã tâm thay thực dân Pháp, biến miền Nam Việt Nam ta thành thuộc địa trá hình và căn cứ quân sự, đã lên án chế độ tay sai Ngô Đình Diệm cam tâm phục vụ quân xâm lược, đàn áp khủng bố phátxít nhân dân, chia cắt lâu dài đất nước ta. Tuyên ngôn đã khẳng định mục tiêu chủ yếu của phong trào cách mạng nhân dân là “phải chấm dứt chế độ thống trị độc tài tàn bạo, phải độc lập dân chủ, phải cơm no áo ấm, phải hòa bình thống nhất Tổ quốc”.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nước nhà và quyền lợi thiết yếu của các tầng lớp nhân dân, Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã vạch ra chương trình hành động 10 điểm cụ thể, rõ ràng và phù hợp nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân. Mười điểm đó là:

1. Đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập chính quyền liên minh dân tộc dân chủ.
2. Thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi và tiến bộ, ban bố quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do hội họp, tự do nghiệp đoàn, tự do đi lại và các quyền tự do dân chủ khác. Toàn xá chính trị phạm, giải tán các trại tập trung, khu trù mật và dinh điền, bãi bỏ luật phátxít 10/59 và các luật phản dân chủ.



3. Bãi bỏ độc quyền kinh tế của đế quốc Mỹ và của bọn tay sai, bảo vệ nội hóa, khuyến khích công thương nghiệp trong nước, mở mang nông nghiệp, xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Giải quyết công ăn việc làm cho những người thất nghiệp, tăng lương cho công nhân, binh lính và viên chức. Bãi bỏ phạt vạ vô lý, thi hành chính sách thuế khóa công bằng và hợp lý. Giúp đỡ cho đồng bào di cư muốn về xứ sở, giải quyết công ăn việc làm cho những người muốn ở lại.
4. Thực hiện giảm tô, đảm bảo nguyên canh, chia lại công điền, tiến tới cải cách điền địa.
5. Bãi trừ văn hóa nô dịch đối bại kiểu Mỹ, xây dựng một nền văn hóa và giáo dục dân tộc và tiến bộ. Xóa bỏ nạn mù chữ, mở mang trường học, cải cách chế độ học tập và thi cử.
6. Bãi bỏ chế độ cố vấn quân sự Mỹ, xóa bỏ các căn cứ quân sự nước ngoài ở Việt Nam, xây dựng một quân đội dân tộc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân.
7. Thực hiện nam nữ bình quyền, đảm bảo bình đẳng giữa các dân tộc và thực hiện quyền tự trị của các dân tộc thiểu số. Bảo vệ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều sinh sống ở Việt Nam. Bảo vệ chăm sóc quyền lợi của kiều bào ở hải ngoại.
8. Thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình trung lập, đặt quan hệ ngoại giao với tất cả các nước tôn trọng chủ quyền của Việt Nam.
9. Lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền. Tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.
10. Chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ hòa bình thế giới.

Chương trình đó bao gồm mọi phương diện của đời sống: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, nội trị, ngoại giao. Nó trả lời mọi yêu cầu của xã hội Nam Việt Nam lúc bấy giờ là độc lập dân tộc, tự do dân chủ, hòa bình trung lập tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Nhờ đó mà Mặt trận đã trở thành trung tâm đoàn kết tập hợp được đông đảo những người Việt Nam yêu nước, tiến bộ dưới lá cờ của mình, lá cờ nửa trên đỏ thắm nửa dưới xanh da trời với ngôi sao vàng năm cánh ở giữa. Từ đây cương lĩnh cách mạng đúng đắn là lá cờ tiêu biểu của Mặt trận đã có mặt khắp nông thôn, thành thị, đã thức tỉnh hàng triệu người dân lao động bị áp bức bóc lột, bị khủng bố tàn bạo đứng lên làm cách mạng và điều đó báo trước sự thắng lợi vẻ vang của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Chương trình 10 điểm của Mặt trận thể hiện đầy đủ và rõ ràng nhất ý chí sắt đá của những người cách mạng Việt Nam là giành tự do và độc lập, dân chủ, hòa bình,

không thừa nhận bất cứ một sự đô hộ trá hình nào của đế quốc, một sự cai trị tàn bạo nào của một chế độ độc tài và tay sai. Nó đấu tranh cho quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân, tăng lương cho công nhân, viên chức, cả binh lính nữa (tất cả binh lính của một quân đội bảo vệ Tổ quốc và nhân dân); ruộng đất cho dân cày, nhưng trước hết là giảm tô và nguyên canh đã rồi sẽ tiến lên; tư sản công, thương nghiệp được kinh doanh làm lợi cho nền kinh tế nước nhà, hàng nội hóa được bảo vệ; trí thức được chú ý, mở mang trường học, mọi người biết chữ, một nền văn hóa tiến bộ; các dân tộc đa số và thiểu số có quyền bình đẳng, chăm sóc các kiều bào ngoài nước và ngoại kiều trong nước,... Như vậy, Mặt trận Dân tộc Giải phóng chủ trương một miền Nam Việt Nam độc lập tự do, quản lý bởi một chính quyền liên minh dân tộc và dân chủ, có chính sách ngoại giao hòa bình trung lập, quan hệ với tất cả các nước tôn trọng chủ quyền của mình không phân biệt chế độ xã hội. Đối với miền Bắc, đặt quan hệ bình thường rồi sẽ tiến lên hòa bình thống nhất về sau. Mục tiêu cách mạng thật khiêm tốn sau bao năm đấu tranh vô cùng quyết liệt, xương máu chất chồng. Chủ trương đó hoàn toàn phù hợp và cụ thể hóa đường lối của Đại hội III Đảng Lao động Việt Nam họp tại Hà Nội tháng 9/1960. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là: Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản đó, trước mắt phải: Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hiệp dân tộc, dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ.

Đường lối của Đảng, chương trình của Mặt trận đưa ra vào lúc này là hoàn toàn phù hợp với tình hình, là hợp tình, hợp lý, đúng mức. Chương trình 10 điểm của Mặt trận công khai trình bày trước nhân dân cả nước ta nhằm đạt đến một nhận thức và quan điểm thống nhất về mục tiêu cách mạng và phương hướng hành động trong một giai đoạn nhất định. Mọi người dân yêu nước, yêu hòa bình và tự do dân chủ đều có thể tập hợp lại, đoàn kết lại trong một mặt trận - Mặt trận Dân tộc Giải phóng - để chung lưng đấu cật đấu tranh cho một yêu cầu sống còn chung lúc ấy: độc lập, tự do. Trước yêu cầu đó, những người Việt Nam không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc, xu hướng chính trị... hãy đứng lên cùng hành động.

Chương trình Mặt trận được công khai trình bày trước nhân dân thế giới, trước bạn bè xa gần như một mục đích tối thiểu của một phong trào cách mạng,

một yêu cầu chính đáng của một dân tộc chỉ muốn sống hòa bình, tự do trên mảnh đất của mình, một nguyện vọng tha thiết muốn làm bạn với tất cả mọi người trên quả đất này, không phân biệt màu da hay chế độ, miễn là biết tôn trọng lẫn nhau.

Chương trình 10 điểm còn công khai tuyên bố trước kẻ địch của mình, những nhà lãnh đạo nước Mỹ cách xa Việt Nam nửa vòng quả đất, rằng thực sự chúng tôi chỉ muốn hòa bình sinh sống trên quê hương thiêng liêng của mình. Không phải vô cớ mà chúng tôi muốn có một chính phủ liên hiệp dân chủ, trung lập ở miền Nam và bước đầu đặt quan hệ bình thường với miền Bắc trong lúc người dân chúng tôi ở cả hai miền thiết tha mong muốn một nước Việt Nam thống nhất, độc lập. Những chủ trương như vậy nói lên một sự cân nhắc, đo lường hết sức cẩn thận. Chúng tôi hiểu rất rõ là chúng tôi phải đương đầu với ai? Đó là Mỹ, một nước đứng đầu và giàu mạnh nhất của phe đế quốc, có nhiều đôla và rất nhiều vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại, có quân đội nhà nghề lớn mạnh. Chúng tôi cũng hiểu rất rõ những nhà lãnh đạo nước Mỹ rất sợ cách mạng, rất sợ chủ nghĩa cộng sản sẽ thắng chủ nghĩa tư bản nên tự vỗ ngực đứng ra làm tên sen đầm quốc tế, sẵn sàng đem vũ khí khua khắp hoàn cầu. Nhưng dân Mỹ, một bộ phận rộng lớn, có tinh thần dân chủ tiến bộ, chưa hẳn đã đồng quan điểm với chính phủ họ đi áp bức các dân tộc khác.

Chúng tôi còn hiểu rõ nước Việt Nam là một nước nhỏ, nghèo lại bị chiến tranh tàn phá hàng chục năm rồi. Chúng tôi cần hòa bình để xây dựng lại quê hương, hàn gắn vết thương chiến tranh, đảm bảo đời sống cho nhân dân. Một nửa nước, miền Bắc vừa giành độc lập, cần phải có hòa bình, cần phải bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng bước đầu ấy để xây dựng kinh tế, văn hóa... đi lên chủ nghĩa xã hội, làm chỗ dựa cho cả nước. Miền Nam cần phải được giải phóng, hoàn toàn có khả năng giải phóng bằng cách đẩy lùi và thắng đế quốc từng bước để đi đến toàn thắng. Không giải phóng miền Nam thì khó mà giữ vững hòa bình và bảo vệ miền Bắc vững chắc và miền Bắc không được bảo vệ, không có hòa bình thì miền Nam sẽ gặp khó khăn, khó đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Hiểu rõ mình, hiểu rõ địch, đưa ra một giải pháp đúng mức đối với nhân dân ta, đối với địch, đối với nhân dân thế giới trong một giai đoạn phù hợp. Đó là ý nghĩa chương trình 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Nếu những nhà lãnh đạo nước Mỹ không bị hoảng loạn trước chủ nghĩa cộng sản, không bị sai lệch về thuyết đôminô vô nghĩa, không bị mê hoặc về huyền thoại sức mạnh vô địch Hoa Kỳ, hiểu truyền thống Việt Nam hơn nữa qua chiến tích đánh bại Mông - Nguyên xưa và đế quốc Pháp mới đây thì hẳn phải nhận chủ trương, chương trình của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là phù hợp và chắc hẳn đã có hòa bình, còn đủ thì giờ thực hiện Hiệp định Giơnevơ.

Chương trình và tuyên ngôn của Mặt trận đã được đón nhận một cách nồng nhiệt ở khắp nơi miền Nam Việt Nam, đã gây nên một không khí nhộn nhịp phấn khởi trong đồng bào khắp chốn. Suốt tuần lễ đầu tháng Giêng năm 1961 thành phố Sài Gòn - Gia Định tràn ngập hàng triệu tờ truyền đơn in chương trình và cờ Mặt trận. Các xí nghiệp, trường học, trại lính, công sở, rạp hát, chợ búa, đâu đâu nhân dân cũng đọc, bàn tán xôn xao về Mặt trận. Đặc biệt ngày 02/01/1961, khắp nội ngoại thành đồng bào bãi thị, xe ngừng chạy, thuyền ngừng chèo, tiệm đóng cửa, họp mítting hoan nghênh Mặt trận Dân tộc Giải phóng ra đời. Trên bầu trời lơ lửng hàng trăm quả bóng mang cờ Mặt trận. Năm 1961 là năm mà lần lượt hết tỉnh này đến tỉnh khác khắp miền Nam Việt Nam, rồi đến quận, đến xã, đều lập xong các Ủy ban Mặt trận tỉnh, quận, xã. Những lễ ra mắt Ủy ban là những cuộc mítting chính trị, là những cuộc vận động cách mạng rầm rộ, là những cuộc đấu tranh hăng say, biểu dương lực lượng, làm nức lòng mọi người dân yêu nước.

Tỉnh Mỹ Tho, trong dịp lễ ra mắt Mặt trận tỉnh, có đến 70.000 người dự mítting và biểu tình.

Tỉnh Sa Đéc, chỉ trong đêm 05/01/1961, có 17 cuộc mítting chào mừng Mặt trận, có cuộc đông 5.000 người. Nhiều cuộc biểu tình đánh mõ, đánh trống, đốt pháo, thả hàng trăm bè mang biểu ngữ và cắm cờ Mặt trận trôi trên sông rạch có nhiều ghe thuyền qua lại.

Tỉnh Bến Tre mở đại hội đại biểu các tầng lớp quần chúng để thành lập Mặt trận tỉnh. Cuộc lễ ra mắt có đến 10.000 người gồm đủ đại biểu nông thôn, thành thị, các tôn giáo, các gia đình binh sĩ về dự. Có cả máy điện, loa phóng thanh do công nhân thị xã gửi về ủng hộ. Nơi làm lễ chỉ cách thị trấn Ba Tri không đầy 5km. Trong ánh đèn điện, lá cờ xanh, đỏ, vàng sao rực rỡ phấp phới bay làm xúc động mọi tấm lòng.

Ở Tây Ninh ngày 21/12/1960, một cuộc mítting lớn hoan nghênh Mặt trận, bao gồm 2.000 đồng bào tín đồ Cao Đài, binh sĩ và cựu sĩ quan ngụy. Họ hứa sẵn sàng đứng trong hàng ngũ Mặt trận.

Ngày 19/3/1961, Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Sài Gòn - Gia Định được thành lập và làm lễ ra mắt trước hàng chục nghìn người tại xã Phú Mỹ Hưng thuộc huyện Củ Chi.

Ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, những cuộc mítting chào mừng Mặt trận thường kết hợp với nổi dậy của quần chúng phá khu tập trung, chống khủng bố đàn áp.

Ở Trung Bộ, khắp các tỉnh từ Trị - Thiên vào đến Khánh Hòa, Bình Thuận, đâu đâu cũng nổ ra những cuộc mít-tinh lớn nhỏ nhiệt liệt hoan nghênh Mặt trận, hoan nghênh bản tuyên bố và chương trình 10 điểm.

Như vậy Mặt trận các cấp ra đời từ cuối năm 1960 đến cuối năm 1961 là dịp tập hợp các lực lượng, mở rộng phong trào, củng cố, mở rộng các tổ chức quần chúng và đẩy mạnh đấu tranh cách mạng ở cả nông thôn và thành thị, phong trào phát triển cả bề rộng, cả chiều sâu. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời không những được chào mừng và nhiệt liệt hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân trong nước ta mà cả Việt kiều ở nước ngoài. Tại Pháp, Việt kiều ra kiến nghị trong đó nhận xét: “Máy bay và đại bác của Mỹ - Diệm không khuất phục nổi nguyện vọng giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước của đồng bào ta. Mặt trận Dân tộc Giải phóng ra đời phản ánh sự lớn mạnh của phong trào yêu nước chống Mỹ - Diệm ở miền Nam”. Tại Campuchia, kiều bào viết nhiều thư cho báo trung lập, tỏ ý hoan nghênh Mặt trận...

Sự ra đời của Mặt trận còn gây được tiếng vang lớn ở các nước trên thế giới. Tại nhiều nước, báo chí đã giới thiệu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, giới thiệu cờ, tuyên ngôn, chương trình của Mặt trận. Ở Pháp, báo *Le Monde* ngày 21/12/1961 trong khi giới thiệu tuyên ngôn của Mặt trận bao gồm đông đảo các tầng lớp nhân dân, đã nhấn mạnh tội ác của Diệm. Báo *Lao động tân văn* ở Triều Tiên ngày 19/02/1961 viết: “Việc thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chứng tỏ rằng sự nghiệp đấu tranh cho sự tự do dân chủ và giải phóng dân tộc của nhân dân miền Nam Việt Nam đã lớn mạnh và phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu”. Báo *Ai Cập* ngày 11/02/1961 đã đăng toàn văn bản tuyên ngôn và chương trình 10 điểm của Mặt trận.

Ngày 16/02/1962, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam họp Đại hội lần thứ I. Đại hội đã bầu ra Ủy ban Trung ương chính thức do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Các phó chủ tịch có Giáo sư Phùng Văn Cung, Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát, cụ I Bích A Lê Ô và nhà sư Sơn Vọng.

Bản tuyên ngôn của Đại hội đề ngày 03/3/1962 đã nêu rõ: “Nhiệm vụ chung của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam là đoàn kết toàn dân kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, chống tập đoàn thống trị Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên minh dân tộc dân chủ rộng rãi ở miền Nam, thực hiện dân tộc độc lập, tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, giữ vững hòa bình, thi hành chính sách trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới”.

Từ đó, đường lối đúng đắn của Mặt trận ngày càng thấm sâu vào các tầng lớp nhân dân và biến thành hành động chống Mỹ, cứu nước của hàng triệu quần chúng. Chiến tranh du kích phát triển rộng rãi và mạnh mẽ khắp nơi. Vùng giải phóng ngày càng mở rộng. Lực lượng cách mạng, cả chính trị và vũ trang ngày càng hùng hậu.

Mặt trận ra đời còn mang lại cho phong trào cách mạng một danh nghĩa công khai, khẳng định tính chất chính nghĩa của phong trào qua chương trình hành động 10 điểm được nhân dân trong nước hưởng ứng và nhân dân thế giới ủng hộ. Một loạt nước trên thế giới đã công nhận Mặt trận và đồng ý để Mặt trận đặt phái đoàn đại biểu thường trực tại thủ đô nước ấy. Ở Pháp và Thụy Điển thì lập một phòng thông tin của Mặt trận. Lá cờ nửa đỏ, nửa xanh với sao vàng năm cánh không những được giương lên khắp miền Nam mà còn phấp phới bay khắp năm châu và để rồi được treo trên đỉnh lũy cuối cùng của Mỹ - ngụy ở Sài Gòn song song với lá cờ sao vàng ngày hoàn toàn giải phóng miền Nam của Tổ quốc. Suốt 15 năm khói lửa chiến tranh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ lịch sử của một thời kỳ trọng đại của đất nước.



# KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH 30 NĂM

... Mỗi sự nghiệp của một con người đều là sự nghiệp của tất cả. Anh có làm được việc gì thì đó là nhờ nhân dân giúp rập mà nên. Ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây. Khi về thành chớ bao giờ quên bưng biền rừng núi. Nhờ dân mà anh đã hoàn thành nhiệm vụ, nay làm nhiệm vụ trước hết phải vì dân. Nhờ bạn bè mà anh xây thành sự nghiệp. Nay có sự nghiệp chớ nên quên lãng bạn bè. Đức Việt Nam là tình là nghĩa, là đạo xử thế thủy chung giữa con người với con người. Mắt ta phải trong mà lòng ta phải sáng, đó là quý nhất của một đời người...



*Thượng tướng Trần Văn Trà chụp hình cùng gia đình ông Nguyễn Văn Thỏ  
trong lần về thăm quê (1976)*

## CHƯƠNG I

### Mặt trận mới

Hàng loạt bom B-52 nổ dữ dội và liên hồi làm rung chuyển các nhà hầm trong Sở Chỉ huy Bộ Tư lệnh Miền. Ngay sau đó loa phóng thanh treo trên các cành cây vang lên tiếng báo cáo của trực ban canh gác khu vực:

“Chín chiếc B-52 chia làm ba tốp thả ba loạt bom ngang qua khu A, giữa B1<sup>1</sup> và B2<sup>2</sup>. Tất cả đều an toàn”.

Chúng tôi tiếp tục buổi giao ban. Một cán bộ tham mưu lại vào báo cáo: “Điện Bộ Tổng Tư lệnh cho biết Hiệp định Paris đã được ký kết!”.

Bất giác tôi mỉm cười nghĩ về cái phút giao thời kỳ quặc giữa chiến tranh và hòa bình này - nếu quả thật có hòa bình. Thì ra Mỹ đã tận dụng từng giây cuối cùng của cuộc chiến tranh dài hàng chục năm, với những con quạ sắt B-52, gửi bản “thông điệp hòa giải” đầy ý nghĩa (!).

Dẫu sao thì tin Hiệp định hòa bình Paris được ký kết cũng làm mọi người thở phào nhẹ nhõm. Nét hân hoan lộ rõ trên từng khuôn mặt của người chỉ huy. Những khuôn mặt dày dạn rám nắng, trông ai cũng gầy mà khỏe. Đây phải chăng là phần thưởng quý giá cho gần mười tháng nỗ lực chiến đấu liên tục trên toàn chiến trường nhằm mục đích buộc địch phải ký cho được một Hiệp định đình chiến, kết thúc một giai đoạn chiến lược.

Chưa bao giờ có đợt hoạt động quân sự kéo dài và ngày càng gắng sức đến oải cả gân cốt như thời gian vừa rồi. Các quân khu, đơn vị đều báo cáo về Bộ Chỉ huy Miền những thắng lợi đã đạt được, các vị trí mà quân ta đang giành giật từng giờ với địch, nhưng đồng thời cũng không ngớt báo cáo những khó khăn, thiếu quân số, lương thực, đạn dược và đặc biệt là nói lên sự thấm mệt của cán bộ và chiến sĩ. Tư lệnh Quân khu 9 (miền Tây Nam Bộ) đã điện đề nghị thẳng thừng với Bộ Tư lệnh Miền

---

1. Bộ Tư lệnh Miền.

2. Bộ Tham mưu Miền.

cho lệnh kết thúc ngay chiến cuộc để chấn chỉnh lực lượng. Bộ đội không còn sức để đánh nữa! Nhưng kẻ địch của ta vô cùng ngoan cố. Chúng đã bị thua đau trên chiến trường, đã bị đuối lý trên bàn hội nghị, đã buộc phải chấp nhận ký kết vào tháng 10, rồi lại tráo trở lật lọng. Thế thì ta phải làm gì? Kết thúc hoạt động, nghỉ, mục tiêu chưa hoàn thành ư? Không! Phải tiếp tục đánh. Ta đánh cho chúng phải hiểu ra ý chí của con người cách mạng là thế nào.

Cái khó quyết định là ở những giờ phút như thế này. Ngừng lại, sự việc sẽ đi theo một hướng. Ráng lên chút nữa, giành thêm ít thắng lợi nữa, sẽ tạo ra một chất lượng mới, sự việc tất yếu sẽ theo một hướng khác. Ta đã làm như vậy. Đã ráng lên một chút, đã giành thêm một ít thắng lợi ở miền Nam trong tình trạng tưởng như kiệt sức, tưởng như không còn gạo, đạn để tiếp tục đánh. Ta đã vững vàng, thông minh và hiên ngang đánh trả, tiêu diệt hàng loạt B-52 và các loại máy bay khác, 12 ngày đêm rờn rã ở Hà Nội, Hải Phòng, tưởng như sự việc kỳ diệu diễn ra trong truyện thần thoại của con Hồng cháu Lạc xa xưa. Và rõ ràng, ta đã tạo được chất lượng mới: Kẻ địch, tên đế quốc đầu sỏ, nham hiểm và tàn bạo nhất của thời đại đã phải cúi đầu khuất phục. Chúng đã phải ký kết một Hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, cam kết rút hoàn toàn quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, công nhận độc lập, chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam.

*“... Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*

*Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,*

*Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn”.*

Thưa Bác, chỉ thị ấy của Bác năm nào, thể hiện chủ trương tài tình của Đảng, nay chúng con đã hoàn thành được một phần quyết định. Mỹ cút ắt ngụy sẽ phải nhào và Bắc - Nam nhất định sẽ sum họp. Chúng con nguyện làm hết sức mình để hoàn thành nhanh nhất ước mong của Bác.

Đó là ý nghĩ đầu tiên đến với chúng tôi khi biết chắc Hiệp định Paris đã ký kết.

Bước ngoặt quyết định của cuộc chiến tranh đã tạo ra rồi. Một chặng đường dài gay go đã vượt. Xốc lại hành trang, gom thêm sức lực, để bước nốt quãng đường còn lại, có lẽ không kém phần phức tạp khó khăn. Nhưng ta đã nhìn thấy rõ ánh sáng hồng ở chân trời.

\*

\* \*

Một ngày đầu tuần tháng Giêng năm 1973, trong Sở Chỉ huy Miền, tại gian nhà hầm giữa khu rừng căn cứ, không khí nhộn nhịp sôi nổi. Chúng tôi đang theo dõi

tình hình chiến trường, đơn vị, nhưng trọng tâm là khẩn trương bàn kế hoạch và biện pháp thi hành Hiệp định Paris một cách nghiêm túc, có hiệu quả. Còn bao nhiêu việc phải làm: nhanh chóng chấn chỉnh lực lượng; cảnh giác với kẻ địch mà chúng tôi đã hiểu biết tường tận từ lâu... Bỗng một cán bộ tham mưu vào trao cho đồng chí Năm Ngà<sup>1</sup> - Quyền Tham mưu trưởng Miền lúc ấy, một bức điện hỏa tốc. Đồng chí Năm Ngà nhắm đọc lướt nhanh qua bức điện rồi với vẻ mặt nghiêm nghị, không phân tích được là vui mừng hay lo lắng, trao cho tôi. Nội dung điện: Trung ương chỉ định tôi làm Trưởng phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở Sài Gòn. Ô! Thật là đột ngột. Trung ương Cục, Quân ủy Miền đã xếp đặt từ trước thành phần của Đoàn và đã được Trung ương đồng ý rồi cơ mà, nay bỗng nhiên có sự thay đổi Trưởng đoàn vào giờ chót. Và chỉ còn vài ba hôm nữa tôi phải có mặt ở Sài Gòn!

Trong đời chiến sĩ suốt mấy chục năm, tôi đã thường gặp biết bao nhiêu sự việc bất ngờ, trên chiến trường, trong công việc, ở từng con người, của bạn cũng như của thù, nhưng lần này, bất ngờ đến với tôi đầy thú vị và cũng đầy lo lắng. Lo lắng vì công việc quá mới đối với tôi, và gấp quá, phải khẩn gởi lên đường ngay trong lúc tôi chưa kịp có thời giờ hình dung được công việc, nói gì đến chuẩn bị mọi thứ cho mặt trận đấu tranh mới, hoàn toàn không giống như trên chiến trường. Tuy vậy, trường hợp đột ngột trong công tác mà cấp trên giao cho tôi như vậy không phải là lần thứ nhất. Tôi đã quen rồi. Tin ở lãnh đạo của trên, tin ở các đồng chí cộng sự, tin ở mình, tôi vẫn bình tĩnh nhận lãnh trách nhiệm. Thực ra trong trường hợp này phần thú vị dành cho tôi nhiều hơn. Sài Gòn thân yêu của tôi! Đã lâu lắm rồi từ hồi mồ ma thực dân Pháp, tôi đã sống, hoạt động cách mạng sôi nổi, đã thắng lợi và cũng đã từng nếm mùi thất bại ở đây, đã chiến đấu và đã phải xa thành phố mấy chục năm nay, giờ đây trở về trong sự theo dõi của đồng bào, đồng chí và trong vòng vây dày đặc của kẻ địch. Những đường phố, chợ búa, nhà máy, những xóm lao động nghèo, quen thân xưa kia, giờ đây chắc hẳn đã nhiều thay đổi, nhưng có còn giữ chẳng những kỷ niệm của những con người Sài Gòn, như tôi, quyết tâm ra đi để rồi quyết tâm trở về trong một ngày nắng ấm. Đã một lần rồi, tôi đã cố trở về nhưng chưa đạt và lần này nữa, chưa phải là lần trở về hoàn tất, nhưng vẫn đầy thú vị như trong một giấc mơ đẹp. Trong một phút bao nhiêu hình ảnh tưởng tượng về Sài Gòn, xưa có, nay có, diễn qua đầu tôi như một cuốn phim. Thấy tôi ngồi im, đồng chí Mười Khang<sup>2</sup> nhắc:

---

1. Thiếu tướng Nguyễn Minh Châu.

2. Đại tướng Hoàng Văn Thái, lúc ấy là Trung tướng.

- Thế nào? Nhận nhiệm vụ ấy chứ? Chúc mừng nhé!

Thế là đồng chí đến bắt tay và ôm hôn tôi, căn phòng tức thì vang lên mỗi người một câu chúc mừng, gửi gắm, rộn rã tiếng cười vui, không còn là không khí buổi họp công tác nữa.

Tôi trao đổi vài câu với anh Mười Khang rồi xin phép đi chuẩn bị cho cuộc hành trình vào Sài Gòn. Mọi việc ở nhà anh Mười Khang đảm trách.

Về đến nhà riêng của mình, nhìn xung quanh cảnh vật quen thuộc từ bao năm, tôi bỗng chốc xúc động với sự tạm biệt. Một cơn gió nhẹ lọt vào, phảng phất hương vị ngọt ngào của muôn loài hoa lá rừng cây. Trên cánh đồng ruộng hẹp trải dài trước nhà, dọc theo thung lũng, từng đàn chim nhỏ vội vã lượn nốt những hạt lúa còn rơi rớt của vụ mùa sản xuất tự túc vừa qua. Dòng suối róc rách men theo đồng ruộng, len lỏi dưới những rặng cây xơ xác vì bom đạn, mới nhú một ít mầm non mơn mớn. Mọi cảnh vật hôm nay dường như cũng đang có một tâm hồn dào dạt, tươi vui, quyến luyến. Không biết tôi còn ngồi trầm ngâm như vậy mấy phút nữa nếu như không có các anh Chín Vinh<sup>1</sup> và Hai Lê<sup>2</sup> - Phó Chính ủy và Chủ nhiệm chính trị Bộ Tư lệnh Miền bước vào, kéo tôi về với thực tại.

- "... Anh cần gì nữa, anh đã bằng lòng với tổ chức và thành phần Ban Liên hợp của anh chưa? - Anh Chín Vinh hỏi.

Tôi đồng ý giữ nguyên tất cả những gì đã được sắp xếp và chỉ yêu cầu cho tôi thêm đồng chí Tư Bốn<sup>3</sup>. Đồng chí là một cán bộ tình báo, anh hùng quân đội, đã ở trong Sài Gòn hơn ba năm và mới ra căn cứ mấy tháng nay sau khi đã có triệu chứng bị lộ. Đồng chí rất thạo Sài Gòn, rành từng đường phố, biết nhiều nhân vật thuộc các giới đô thành. Ngoài giúp tôi một số việc đồng chí sẽ là người lái xe của tôi nếu địch đồng ý để ta tự lo người lái.

Anh Hai Lê lại nhắc:

- Trung ương còn hỏi anh lấy tên gì điện ngay ra để kịp báo qua Paris, phái đoàn ta cần chuyển cho Mỹ - ngụy.

Từ lâu tôi cũng như mọi người, có dùng tên thật bao giờ đâu mà thường dùng bí danh và thỉnh thoảng lại thay đổi nhằm gây khó khăn phần nào cho sự theo dõi của địch, giữ bí mật cho hoạt động của ta. Mỗi giai đoạn dùng một cái tên cho một công tác nào đó là chuyện thông thường của chúng tôi trong chiến tranh. Giờ đây,

---

1. Thiếu tướng Trần Độ.

2. Thiếu tướng Lê Văn Tường.

3. Thượng tá Nguyễn Hữu Trí.



trước một nhiệm vụ mới, tôi xuất hiện mặt đối mặt với đối phương, tất nhiên phải lấy một cái tên nào đó. Hầu như không suy nghĩ, tôi lấy ngay tên “Nguyễn Việt Châu” - tên của người em ruột vô cùng thân thiết đã hy sinh năm 1969 trong lúc đang chủ trì cuộc họp Đảng ủy thị xã Cần Thơ. Hai anh em chúng tôi đã cùng sống ở Sài Gòn, cùng tham gia khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, cùng đi kháng chiến từ Sài Gòn thân yêu, nay tôi trở về thành phố này tự nhiên nhớ đến người em yêu quý, người đồng chí chết sống có nhau, được mang cái tên không lúc nào quên này thì sung sướng biết mấy. Nhưng rồi một hôm trong bữa ăn bình thường của Bộ Tư lệnh Miền có mặt cả anh Bảy Cường<sup>1</sup> tôi mới sực nhớ ra rằng tôi về Sài Gòn không như một người xa lạ mà lại mang một cái tên khác thì thực là bất tiện. Vì nhân dân Sài Gòn hẳn nhiều người chưa thể quên những đứa con đã ra đi kháng chiến từ những năm nào và từ ấy đã gửi gắm vào đó niềm tin và hy vọng. Và kẻ địch không ít người đã từng biết tôi ví như Trần Thiện Khiêm - Thủ tướng ngụy quyền, Lâm Văn Phát - Thiếu tướng ngụy quân và một số tướng khác. Sau khi tốt nghiệp trường quân sự Đà Lạt của Pháp, họ đã ra Đồng Tháp Mười xin đi kháng chiến năm 1947. Là Tư lệnh Quân khu 8 lúc ấy tôi đã thu nhận cho họ đi học và tập sự ở trường quân chính quân khu. Nhưng rồi không chịu được gian khổ, không có tinh thần yêu nước, yêu dân tộc, nên họ lại trốn về đầu hàng Pháp trở lại, tiếp tục phục vụ chủ Pháp rồi chủ Mỹ cho đến nay. Ngay bọn Mỹ có lẽ chúng đã có hàng chục tấm ảnh của tôi. Như vậy tốt nhất dùng tên từ trước mà bạn, thù ai cũng đã biết. Các anh ở Trung ương Cục và Quân ủy Miền đều đồng ý. Thế là lại đề nghị Trung ương chấp thuận và điện qua Paris để thông báo cho đối phương: Trưởng đoàn đại diện Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là Trung tướng Trần Văn Trà.

Chỉ còn một ít thời gian, tôi vội phác qua kế hoạch chuẩn bị mọi mặt cho công tác mới, kiểm tra lại tổ chức của Đoàn, bàn kỹ với anh Ba Trần<sup>2</sup> về nhiệm vụ, về người, về tài liệu, phương tiện, đặc biệt về thông tin liên lạc, dự kiến các tình huống, quyết định các biện pháp và giao anh Ba Trần - phó đoàn thay tôi điều khiển mọi công việc thực hiện.

Anh Ba Trần quê Hóc Môn sống từ nhỏ ở Sài Gòn, đã đi kháng chiến từ những ngày đầu chống Pháp năm 1945, là Tham mưu phó Miền, đặc biệt phụ trách tổ chức và điều khiển đoàn tình báo chiến lược. Anh thạo Sài Gòn, hiểu biết nhiều về địch, tôi tin ở khả năng của anh và nghĩ có lẽ địch cũng sẽ nể nang anh do dáng người khỏe, trắng, mập, có bề thế và chững chạc.

---

1. Đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục, Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền.

2. Thiếu tướng Trần Văn Danh.

Còn tôi thì họp với Bộ Tư lệnh Miền có các cơ quan Tham mưu, Chính trị, Hậu cần... dự, bàn sâu cụ thể về mọi biện pháp phối hợp đấu tranh giữa bàn hội nghị và trên chiến trường. Tôi nhấn mạnh nếu trên bàn hội nghị bốn bên ở Sài Gòn, kẻ địch phải kiêng nể chúng tôi, chúng tôi có giành được thắng lợi nào trong việc triển khai thực hiện Hiệp định, thì đó chủ yếu là do sức mạnh của bộ đội ta trên chiến trường, do uy thế của các anh bên ngoài này là chính. Chúng tôi hứa sẽ xứng đáng là những người đại diện của các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam anh hùng ngay giữa thủ đô của địch và cũng là giữa lòng đồng bào thân yêu của ta.

28/01/1973 là ngày mà chúng tôi phải có mặt tại Sài Gòn. Đã hẹn giờ cho Mỹ đưa trực thăng đến đón chúng tôi ở Thiện Ngôn, một địa điểm nằm về phía bắc Tây Ninh, ngay trên quốc lộ 22. Thiện Ngôn trước kia có một lổm dân cư nhỏ sống nghề rừng. Trong chiến tranh, Mỹ đã đuổi hết dân và xây dựng ở đây thành cứ điểm cho một chiến đoàn Mỹ đóng, có sân bay, kho tàng, bãi tập để từ đây đánh phá càn quét chung quanh. Đầu năm 1972 - lúc này quân ngụy đã thay thế cho Mỹ, Thiện Ngôn là hướng thứ yếu của chiến dịch “Nguyễn Huệ”<sup>1</sup>. Trong chiến dịch, ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm này. Cho nên Thiện Ngôn lúc ấy chỉ là một bãi chiến trường cũ, hoang vắng, cây cối cháy trụi, mặt đất, mặt đường loang lổ hố bom đạn, xác tăng, thiết giáp, pháo, xe vận tải Mỹ ngổn ngang đây đó. Chỉ còn lại đường băng sân bay là tạm sử dụng được cho trực thăng. Sau khi báo cho địch ngày giờ đón, chúng tôi phái một tổ trinh sát tới tại Thiện Ngôn, dựa vào hầm hố cũ sửa sang lại thành công sự vững chắc, ở đây chờ địch, trước, trong và sau giờ hẹn. Anh em tổ này thường xuyên cứ 15 phút điện cho chúng tôi biết mọi tình hình diễn biến tại đây. Trong lúc đó một đoàn cán bộ, với đủ phương tiện, thực sự chuẩn bị điểm xuất phát của Đoàn ở sân bay Lộc Ninh. Và toàn Đoàn chúng tôi ung dung tổ chức ăn tết Quý Sửu trước. Chúng tôi biết rằng đến Sài Gòn là phải khẩn trương bắt tay vào việc nên mặc dù còn 4, 5 ngày mới tới Tết âm lịch, chúng tôi tranh thủ lúc còn “ở nhà”, vùng tự do giải phóng của ta, cùng nhau hưởng một cái tết dân tộc đậm đà tình nghĩa người đi kẻ ở. Ăn tết trước! Âu cũng chỉ là lặp lại một sự việc đã diễn ra đôi lần trong lịch sử chiến đấu của dân tộc ta. Quang Trung - Nguyễn Huệ đã khao quân ăn tết trước, Tết Kỷ Dậu (1789), tại địa điểm tập kết quân ở Tam Điệp để rồi tiến về Thăng Long, đại phá quân Mãn Thanh làm nên chiến công hiển hách Đống Đa và chấm dứt vĩnh viễn ngay từ đó sự đô hộ của kẻ thù phương Bắc trên đất nước ta. Mùa xuân năm 1968 toàn miền Nam cũng đã ăn tết trước, Tết Mậu Thân, để rồi

---

1. Chiến dịch tấn công của ta năm 1972 ở miền Đông Nam Bộ.

xông lên tiến hành cuộc Tổng tấn công và nổi dậy, đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm kinh hoàng Nhà Trắng, làm mất vía Lầu Năm Góc và buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào đàm phán với ta ở Paris, và rồi kết thúc hội nghị dài dằng dặc vào mùa xuân này. Mùa xuân này, Xuân Quý Sửu, chúng tôi lại ăn tết trước để vào tận giữa sào huyệt của quân thù đòi chúng thi hành đúng đắn Hiệp định và xem chúng còn giở trò gì, chúng thực sự muốn gì.

Giữa căn nhà hầm của Bộ Tư lệnh Miền, bữa cơm Tết đậm đà hương vị. Không có gì thịnh soạn lắm nhưng cũng có bánh tét và cả bánh chưng, có thịt heo tực tực lại có thịt heo rừng, có dưa hấu và có rượu mùi, có sản phẩm tại địa phương lại có cả quà từ Hà Nội. Các anh bên Trung ương Cục, Mặt trận, Chính phủ, các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Miền, đại diện các cơ quan đoàn thể và cả phóng viên Báo Quân giải phóng... đã đều dự cùng các thành viên trong đoàn chúng tôi. Thật là thân tình và ấm cúng. Niềm vui tỏa trên nét mặt mọi người. Niềm vui tràn trên từng ly rượu. Chúng tôi chúc nhau thắng lợi, hẹn ngày gặp lại rục rờ hơn hôm nay, chúc thành công cả trên bàn hội nghị, cả trên bãi chiến trường. Vào giữa bữa cơm Tết, câu chuyện đang râm ran thì chúng tôi nhận được bức điện từ Thiện Ngôn: “Đúng giờ hẹn, không có trực thăng Mỹ đến đón Đoàn mà có 2 phi cơ địch bay lượn vài vòng, thả một số loạt bom quanh sân bay. Mảnh bom cùng mảnh xác tăng, thiết giáp bay tung tóe ngay quanh hầm chúng tôi. Sau đó yên tĩnh”. Mọi người lại rót rượu và cùng nâng cốc chúc sức khỏe của chúng tôi trong Đoàn, chúc mừng sự khôn ngoan và cảnh giác của chúng ta, chúc mừng sốt dẻo một trận thắng đầu tiên của Đoàn trước sự phản trắc đê hèn của Mỹ - ngụy. Câu chuyện trong bữa cơm càng thêm giòn giã, chuyển qua bàn luận về sự kiện Thiện Ngôn vừa rồi, về khả năng lật lọng của Mỹ - ngụy đối với Hiệp định Paris, sự phức tạp trong nhiệm vụ của chúng tôi, cũng như trong công tác ở chiến trường. Mặc dù vậy, ở mọi người hôm ấy đều nung nấu một niềm tin mãnh liệt, niềm tin tất thắng, bất cứ trong tình huống nào. Ở mọi cặp mắt ánh lên sức sống rục rờ của mùa xuân. Ngoài trời, những dòng nắng ấm xuyên qua kẽ lá sáng tỏ cả khu rừng, không khí khô ráo, mát mẻ dễ chịu. Khắp nơi, dọc theo mọi nẻo đường, men dài các trảng, màu trắng phớt phớt của hoa ngành ngành, xen lẫn màu vàng óng ả của mai rừng. Vùng căn cứ năm nay xuân về cũng sớm, cảnh vật như cũng đua nhau hưởng ứng niềm vui thắng lợi.

Lộc Ninh, một thị trấn đông dân và sung túc trong vùng giải phóng miền Đông Nam Bộ, nằm cách Sài Gòn 10km ngay trên trục quốc lộ 13, chạy lên Campuchia rồi Lào. Quá về mạn bắc là quốc lộ 14 cũ đi lên Buôn Ma Thuột - Tây Nguyên và về mạn nam là đường 17, nối với vùng căn cứ Bắc Tây Ninh của ta. Từ khi được giải phóng, tháng 4/1972, Lộc Ninh trở thành một vị trí quân sự quan trọng làm

lo lắng cho quân địch phòng thủ ở Sài Gòn và là một trung tâm chính trị của vùng giải phóng B2. Lộc Ninh là vùng đất đỏ phì nhiêu thích hợp với cỏ cây miền nhiệt đới, với rừng cao su bạt ngàn từ thời thực dân Pháp để lại, sum suê những vườn cây ăn trái nào sầu riêng, chôm chôm, xoài, vú sữa... với hàng trăm mẫu tiêu và cà phê có giá trị. Lộc Ninh trước đây vốn là một huyện lỵ thuộc tỉnh Bình Long, một cứ điểm kiên cố nằm trong hệ thống phòng thủ ngoài cùng cho Sài Gòn do Quân đoàn 3 ngụy phụ trách. Trong chiến dịch Nguyễn Huệ của ta, đây là hướng chính, là điểm then chốt nhất cần phải thanh toán trên vòng đai phòng ngự tuyến ngoài của địch. Nơi đây không những ta đã tiêu diệt cứ điểm kiên cố cấp chiến đoàn của địch mà còn diệt nhiều trung đoàn xe tăng, thiết giáp, nhiều chiến đoàn sừng sỏ của Quân đoàn 3 ngụy, bắt sống nhiều tù binh, nhiều sĩ quan trong đó có tên Đại tá Vĩnh mà sau này vì nhân đạo, vì thiện chí ta đã trả lại cho Mỹ - ngụy. Chính vì vậy mà Lộc Ninh trở thành biểu tượng chiến thắng của ta, nỗi nhục thất bại của địch. Ta muốn đối phương đưa trực thăng ra tận đây đón phái đoàn ta để chúng luôn nhớ đến đòn khùng khiếp ấy và từ địa điểm vinh quang này, Đoàn ta hiên ngang đi vào thủ đô ngụy.

Ngay sau khi chúng đã phản trắc bằng cách ném bom vào điểm hẹn Thiện Ngôn, ta liền kịch liệt phản đối chúng và hẹn lại ngày đón ta ở Lộc Ninh này. Một lần đánh hụt nhục nhã, hẳn một lần chúng phải tỉnh ngộ với ngón cao tay của đối phương. Ta mong chúng không còn dám dờ dợ bắn nào nữa, tuy ta vẫn có đủ biện pháp để đề phòng, bởi ta đã rõ bản chất kẻ địch không bao giờ thay đổi. Sau khi ném bom Thiện Ngôn nhằm diệt Đoàn đại biểu quân sự ta trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên, đã bị phản đối, chúng lại cho quân càn quét đánh phá ném bom các điểm hẹn đón các đoàn đại biểu ta ở các Ban Liên hợp quân sự khu vực Pleiku, Mỹ Tho, Cần Thơ, ở các tổ liên hợp quân sự địa phương Phú Bài, Đà Lạt, Kon Tum, Tân An, Vị Thanh. Chúng luôn luôn lợi dụng từng trường hợp nhỏ, bất chấp lẽ phải, bất chấp các điều khoản của Hiệp định, giở mọi mưu mô thủ đoạn hòng tiêu diệt chúng ta, từng người, từng thôn xóm, nếu có thể. Mỗi lần như vậy, chúng tôi lại kịch liệt phản đối chúng ngay trong các kỳ họp 4 bên ở Sài Gòn và chúng lại xin lỗi, đổ cho bọn bảo an địa phương, hứa sẽ sửa trị. Chúng tôi thừa biết là chúng hứa suông cho qua chuyện. Những sự việc ban đầu đó buộc chúng tôi phải suy nghĩ rằng Mỹ - ngụy đã có kế hoạch phá Hiệp định Paris từ việc nhỏ đến việc lớn.

Phải chăng lịch sử lại diễn lại: Pháp đã bị thua nặng phải ký Hiệp định Giơnevơ 1954 để rồi cùng Mỹ ra sức phá bỏ không thi hành Hiệp định; ngày nay Mỹ - ngụy bị đòn nặng phải ký Hiệp định Paris rồi lại giở trò phá bỏ Hiệp định lần này nữa? Dẫu sao thì chúng ta là những người đã có kinh nghiệm. Chúng ta đánh, và

thương lượng, để có được một Hiệp định có lợi cho cách mạng. Chúng ta sẽ ra sức đấu tranh để thi hành mọi điều khoản của Hiệp định. Vì độc lập tự do của dân tộc, chúng ta sẵn sàng hy sinh chiến đấu đến cùng, đồng thời chúng ta cũng đưa ra bàn tay hòa giải và hòa hợp dân tộc để cứu vớt những người đã lầm đường lạc lối. Nhưng, với kinh nghiệm xương máu đã qua, chúng ta không khờ khạo để tin rằng kẻ địch của ta sẽ thành thật thi hành Hiệp định, do đó chúng ta không hề ngạc nhiên về những lật lọng này. Và chúng ta đã có sẵn hai kế hoạch cho hai tình huống có thể diễn biến: một là do ta đấu tranh có kết quả, do áp lực của nhân dân ta và nhân dân thế giới, kẻ địch buộc phải thi hành đúng Hiệp định Paris; hai là chúng lại phá bỏ Hiệp định. Tùy ở kẻ địch, ta nỗ lực cho tình huống một, nhưng ta cũng sẵn sàng đối phó với tình huống hai.

Ngày 01/02/1973, đúng giờ hẹn, một đoàn trực thăng Mỹ, do một trung tá Mỹ chỉ huy, có sĩ quan ngụy đi theo, bay đúng theo đường bay và tầm cao do ta quy định, lượn một vòng trên vùng trời Lộc Ninh rồi lần lượt hạ cánh theo đội hình hàng dọc thứ tự từ đầu bắc sân bay. Trong khi bay trên trời hẳn chúng đã nhìn rõ sân bay, phố xá, nhưng quan trọng hơn, chúng còn nhìn rõ hàng loạt các trận địa phòng không và xe tăng, bố trí nhiều vòng xa xa quanh thị trấn, sẵn sàng tư thế đối phó với những trò phản trắc, nếu có. Hôm ấy thị trấn Lộc Ninh quả như một ngày hội lớn. Cờ cách mạng tung bay khắp nơi. Đặc biệt, tại sân bay tỏa ra một không khí trang nghiêm và trật tự. Đông đảo đồng bào các giới, cán bộ, bộ đội ăn mặc chỉnh tề, vẻ mặt hân hoan từ mọi nẻo trẩy về, sắp thành đội ngũ. Một rừng cờ đỏ sao vàng xen lẫn với cờ nửa xanh nửa đỏ và bao nhiêu là biểu ngữ, khẩu hiệu hoan nghênh thắng lợi của Hiệp định Paris về Việt Nam, đòi nghiêm chỉnh và triệt để thi hành Hiệp định, hoan hô phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam... Một cuộc mítting chớp nhoáng diễn ra, sôi nổi, khí thế, ngay bên cạnh đoàn trực thăng Mỹ im lìm nằm đợi. Nhiều đại biểu thay mặt các giới, các đoàn thể đứng lên phát biểu ngắn gọn nhưng đều có nội dung hoan nghênh Hiệp định, đòi thực hiện nghiêm chỉnh, đòi hòa bình và hòa hợp dân tộc, chúc mừng Phái đoàn ta và gửi gắm lòng tin tất thắng vào sự đấu tranh của Phái đoàn. Tôi đã thay mặt Đoàn tỏ lời cảm ơn cán bộ, chiến sĩ đồng bào đã tiễn đưa thân tình trọng thể, ghi nhớ điều dặn dò gửi gắm vào Đoàn, hứa xứng đáng với niềm tin ấy. Các sĩ quan và tổ lái người Mỹ cố tỏ ra văn minh, đứng lặng lẽ nhìn, nhưng các sĩ quan ngụy thì bối rối tức bực ngồi lì trong trực thăng mà không dám ra ngoài.

Cuộc mítting kết thúc, theo lịch của Tư lệnh căn cứ sân bay Lộc Ninh, đoàn trực thăng Mỹ nổ máy khởi động. Tôi quay nhìn khắp lượt đồng chí, đồng bào, trèo lên cánh vật Lộc Ninh cái nhìn triu mến rồi lần lượt bắt tay mọi người.



Tôi ôm hôn các đồng chí Văn Phác - Cục phó Cục Chính trị Miền đã cùng tôi tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ cũng ngay tại Lộc Ninh này năm trước, đồng chí Lê Thế Thường - phụ trách tuyên huấn của Miền, người đã có lần cùng tôi đi suốt dọc đường Trường Sơn. Đồng chí Thường hẹn: “Tôi sẽ gửi tặng anh tấm ảnh tự tay tôi chụp về quang cảnh nhân dân tin yêu tiến anh và phái đoàn ta vào Sài Gòn hôm nay”. Đoàn chúng tôi vẫy chào đồng bào, đồng chí rồi hàng hai nghiêm trang lần lượt lên trực thăng trước sự quyến luyến của mọi người, trước rừng cờ hoa rung chào tiễn biệt. Viên thiếu tá Mỹ chỉ huy chiếc trực thăng của tôi tỏ ra rất lễ phép, cẩn thận kiểm tra chiếc ghế ngồi của tôi rồi bước xuống đứng nghiêm chào, mời tôi lên, đỡ tôi ngồi vào chỗ thoải mái, gài nịt an toàn cho tôi, xong lui về ngồi vào vị trí của y. Đoàn trực thăng bốc lên thứ tự theo đội hình, quanh một vòng trên bầu trời sân bay, nghiêng nghiêng chào rồi thẳng về Sài Gòn dọc theo quốc lộ 13. Không phải chỉ đoàn người đông đảo ở sân bay vẫy chào đoàn trực thăng chúng tôi mà hầu như tất cả mọi người, những người đang đi trên đường, đứng ở sân nhà, phố xá, đang làm trong ruộng lúa, rẫy khoai quanh Lộc Ninh đều ngừng việc đứng lên vẫy chào vui vẻ. Một cảnh tượng hết sức cảm động, hết sức hòa bình ngay ở khu vực còn đầy rẫy vết tích của chiến tranh tàn phá. Những người Mỹ ngồi trên trực thăng này, cả bọn nguy nữa, họ nghĩ gì trước cảnh tượng đó, trái ngược với cảnh mới cách đây mấy ngày thôi, cũng những chiếc trực thăng này, vốn đã gây ra biết bao chết chóc chia ly cho bao gia đình, bay đến đâu, dưới cánh nó cũng đều vắng vẻ, mặt đất không một bóng người! Bất giác viên thiếu tá Mỹ, quay lại phía tôi, vừa tươi cười, vừa kính cẩn nói: “Các ông đã thắng cuộc”.

Đàn trực thăng bay dọc theo đường 13, qua Bình Long, Tầu Ô, Chơn Thành, Bàu Bàng, Bến Cát... tất cả những nơi này đều là chiến trường của rất nhiều trận đánh ác liệt giữa ta và quân Mỹ, quân nguy, trong nhiều năm, là nơi còn ghi dấu của bao chiến công oanh liệt của những chiến sĩ miền Đông gian lao anh dũng. Nhìn xuống rừng cây, trước kia um tùm cây to, cây nhỏ chằng chịt chen nhau, mà nay xơ xác hoang tàn. Mặt đất chỉ chít những hố bom. Nhiều vết dài tàn phá của bom B-52 rải thảm, nằm liền nhau, vắt chéo lên nhau, rừng tan nát. Hèn chi mà từ trên nhìn xuống bọn Mỹ tưởng chừng là nơi nào B-52 chúng đi qua là trên mặt đất ở đó không còn sinh vật nào sống sót, rồi huênh hoang rằng B-52 là thần chiến tranh khủng khiếp. Đây rồi, ta đang bay qua sông Sài Gòn, kia cầu Bình Lợi nằm giữa hai hàng lưới thép dày, sâu tận đáy sông. Và, An Phú Đông, rồi Tân Sơn Nhất. Đàn trực thăng hạ cánh xuống phần sân bay quân sự. Đoàn chúng tôi nói lời cảm ơn với tổ lái và bắt tay tạm biệt. Mọi người gợn gàng trong bộ quân phục chỉnh tề, không có quân hàm của Quân Giải phóng, đứng thành hàng một cách trật tự trên sân bay. Các sĩ quan xách cặp, đeo súng ngắn. Các chiến sĩ đầu đội mũ tai bèo, vai



đeo ba lô và khoác súng AK. Nhưng mọi người đều thống nhất mang dưới chân mình đôi dép cao su nổi tiếng. Không biết Mỹ - ngụy có hiểu được cái dụng ý này của chúng tôi không, nhưng các nhà báo trong nước và ngoài nước đông đảo có mặt ở sân bay hôm ấy thì rất tinh. Họ quay phim, chụp ảnh lia lịa. Tôi mỉm cười thú vị khi thấy họ chú ý quay nhiều, chụp nhiều những đôi dép cao su. Họ đã nói: “... và những đôi dép cao su giản dị, hiền ngang, họ đặt chân xuống Tân Sơn Nhất. Họ đi vào thủ đô Sài Gòn của Việt Nam Cộng hòa lần này cũng vẫn bằng những đôi dép cao su từ Mậu Thân 1968...” (UPI 1-2-73). Đúng, các nhà báo nói đúng sự thật. Những đôi dép cao su đã từng in dấu vết hiền ngang trên đường phố Sài Gòn, ở nhiều mục tiêu quan trọng và cả ở sân bay Tân Sơn Nhất này nữa, cũng như trên khắp các thị trấn, thị xã, thành phố toàn miền Nam hồi Tết Mậu Thân để có được khung cảnh ngày nay - những đôi dép cao su vào Sài Gòn lần này bằng bước đi đầy thiện chí - để rồi một ngày nào đó chắc chắn cũng những đôi dép cao su sẽ trở về Sài Gòn một lần nữa trong ngày giải phóng Sài Gòn. Tôi nhìn từ đầu hàng đến cuối hàng các cán bộ và chiến sĩ của tôi trong đoàn mà nghe lòng vui sướng và tự hào. Những ánh mắt sáng, những nụ cười tươi, họ đứng với dáng đứng thẳng và chững chạc uy nghi, tất cả biểu lộ một lòng tự tin của kẻ chiến thắng. Họ là những cán bộ và chiến sĩ từ khắp chiến trường với nhiều cương vị khác nhau, bộ phận khác nhau và lứa tuổi cũng khác nhau. Có người có mặt từ cuộc kháng chiến chống Pháp, có người bắt đầu từ chiếc mō tre trong đêm Đồng khởi. Có người đứng lên cầm súng từ Tết Mậu Thân ngay tại đất Sài Gòn này, cũng có người mới vừa tròn tuổi quân, nhưng đã từng góp phần vào chiến thắng Lộc Ninh, đường 13 bất diệt. Họ đứng đó giản dị bình thường, thản nhiên trước ống kính của các nhà báo cũng như trước ánh mắt soi mói có, tò mò có, ngạc nhiên có, của quân Mỹ - ngụy lẫn xằng đông đảo rảo quanh. Từ trong đám đông, xuất hiện những bộ quân phục, quân hàm của quân đội Hungary và Ba Lan đến gần chúng tôi. Thì ra các đồng chí người Hungary và Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát cũng ra sân bay đón chúng tôi với nhĩa ý là sẵn sàng giúp đỡ khi Đoàn cần. Tôi đã thân mật chào các đồng chí, tỏ lòng cảm ơn nồng nhiệt. Sau khi làm vài thủ tục đơn giản xong, chúng tôi lên xe, một đoàn xe du lịch đen của Mỹ hiệu Ford có, hiệu Chevrolet có, đi về trụ sở của Đoàn mà Mỹ - ngụy đã tự sắp xếp: “Trại Đavít” - ngay trong sân bay Tân Sơn Nhất.

Trại Đavít - một trại của lính Mỹ trước đây nay đã được sửa sang lại, bao gồm nhiều nhà trệt tạm thời bằng gỗ và lợp tôn, xây dựng thành từng hàng thẳng, giữa có những đường đi rộng, thỉnh thoảng mới được một vài cây có bóng mát. Nắng chói chang, nóng dữ dội, đặc biệt là vào buổi trưa. Ban ngày oi bức như vậy lại thêm tiếng gầm rú của đủ loại máy bay và trực thăng, tiếng ồn ào tạp nham từ mọi hướng làm cho ai nấy đâm ra bực bội, khó chịu, còn đầu trí óc thanh thoi suy nghĩ làm việc

và nghỉ ngơi. May mà khí hậu tự nhiên ở đây từ mặt trời lặn về đêm là mát dịu trở lại, nhưng vẫn không dứt được tiếng ồn chát chúa liên tục. Thật rõ là một trại lính. Hoàn toàn phù hợp với người lính đang trong cuộc chiến tranh, hãy còn quá xa với các tiêu chuẩn tối thiểu cho những phái đoàn ngoại giao. Đúng là bọn chúng chơi khăm chúng ta đây. Có lẽ chúng cũng mất nhiều công phu để tìm ra một trụ sở khá “thích hợp” cho cả hai phái đoàn ở chung: Phái đoàn quân sự của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Phái đoàn chúng tôi.

Xe vừa vào khỏi cổng trại thì anh Lê Quang Hòa, anh Lưu Văn Lợi, anh Hồ Quang Hòa, anh Bùi Tín và đông quá, toàn là quen biết, hầu như tất cả phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ủa ra vây chặt đoàn xe. Chúng tôi vừa xuống xe, anh Hòa tặng tôi một bó hoa lay ơn còn tươi mát của Thủ đô Hà Nội rồi mọi người chạy đến ôm hôn nhau, tiếng cười tiếng vỗ vai đôm đốp. Thật là cảm động, thật là tình thân ruột thịt của những đứa con cùng một mẹ - bà mẹ Tổ quốc đã quần quai đau thương trong bao năm khói lửa của chiến tranh. Thật là gần gũi, thật là vui mừng khi những người bạn chiến đấu cùng sống chết với nhau ở chiến trường trước một kẻ thù tàn ác nay lại gặp nhau ngay trong lòng địch xung quanh dày đặc quân thù, vì mục đích cao cả: đấu tranh cho hòa bình, hòa hợp dân tộc.

Tôi quay qua ôm hôn anh Đoàn Huyền - Phó Trưởng phái đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, đã vào Sài Gòn trước để họp các phiên họp cấp Phó Trưởng đoàn, bàn các thủ tục làm việc. Rồi anh Dương Đình Thảo - đoàn viên của phái đoàn chúng tôi cũng vừa kịp đến Sài Gòn qua đường Paris, đã sốt dẻo chuyển cho tôi thơ và những lời thăm hỏi chúc mừng nồng nhiệt của chị Nguyễn Thị Bình, của phái đoàn ta và kiều bào ở Paris.

Trại chia làm hai: một bên dành cho phái đoàn anh Hòa, một bên dành cho chúng tôi. Nhưng Mỹ - ngụy đã có nhã ý chuẩn bị cho hai Trưởng đoàn một cái nhà tương đối tương tất, làm theo kiểu nhà sinh đôi, mỗi bên một người ở, có đủ phòng khách, phòng làm việc, phòng ăn, phòng ngủ, phòng tắm rửa và vệ sinh. Các phòng cửa nẻo kín đáo, có đủ máy điều hòa không khí, đèn sáng, máy điện thoại và các tiện nghi khá tốt. Chúng tôi hiểu rõ “lòng tốt” của họ. Vì vậy mỗi người chúng tôi đã dọn một căn phòng khác để ở và làm việc trong dãy nhà chung với anh em. Còn nhà ấy đóng cửa lại và giao cho một số chuyên viên kiểm tra. Sau một thời gian lục lọi, tôi không biết mất bao nhiêu ngày, anh em cho chúng tôi xem một vài máy nhỏ tìm được, một số micrô rất bé gắn giấu trong nẹp bàn của phòng làm việc và phòng khách. Chúng tôi cười với nhau, không hiểu đây là công trình của Mỹ hay ngụy hay là trò chơi tinh nghịch của những tay thợ mộc kiêm chuyên viên điện tử. Còn nhiều những chuyện như thế này nữa, nào phá rồi

các làn sóng điện thông tin của ta liên lạc với vùng căn cứ, nào ghi trộm các điện của ta đánh đi... Nhưng thôi, nói làm gì, âu cũng là chuyện thông thường của Mỹ ở thời đại điện tử này, những chuyện ấy thấm gì với chuyện Watergate sau này ở Washington. Quan trọng là ta đã biết, đã đề phòng từ những chuyện nhỏ nhất. Đó chẳng qua là sự tiếp tục của một cuộc chiến tranh chưa chấm dứt mà kẻ địch đã dùng mọi thứ có thể dùng, từ những vũ khí hiện đại giết được nhiều người cùng một lúc đến những máy móc điện tử tinh vi nhất, những radar, tia laser trong các máy nhìn trộm, nghe trộm, từ hàng rào McNamara đến trại Đavít này. Báo *Sao và vạch* (Stars and Stripes) của quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương ra ngày 15/3/1973 đã công nhận “Mỹ vừa kết thúc ba cuộc chiến tranh lớn nhất trong thế kỷ này. Đây (chỉ chiến tranh xâm lược Việt Nam) là cuộc chiến tranh lớn nhất về tổng số bom đạn sử dụng, lớn nhất về sự tàn phá và cũng lớn nhất về sử dụng khoa học kỹ thuật trong chiến tranh!”.

Đó là việc lạm dụng kỹ thuật hiện đại của Mỹ vào mục đích xâm lược, giết người, lừa đảo. Còn bọn nguy thì kỹ thuật không có mà trí thông minh cũng không, nên đã được chủ Mỹ phân công, và chúng cố sáng tạo thêm, chuyên giờ ra những trò hèn mọn nhỏ nhặt hằng ngày, gây khó dễ cho các phái đoàn ta, như hạn chế việc cung cấp thức ăn đồ dùng của chủ thầu vào trại Đavít, cấm các nhà báo, đặc biệt là cấm nhân dân tiếp xúc chuyện trò với các Phái đoàn ta, tìm cách cản trở việc đi lại của ta nhất là ngang qua phố xá Sài Gòn, gây trễ nải, làm hư xe, quân cảnh hộ tống đến chậm... rồi dùng trực thăng, xe tăng uy hiếp, mưu dùng tiền, gái mua chuộc. Đối với các đoàn đại biểu ta ở các khu vực, các tổ địa phương thì chúng đối xử càng tệ hại hơn nhiều. Bố trí chỗ ở tồi tệ, kém vệ sinh, chật chội, nóng nực, thiếu mọi phương tiện, ví dụ như đoàn khu vực Mỹ Tho, chúng bố trí vào một nhà nhốt gà vừa mới chuyển trong căn cứ Đồng Tâm, mùi hôi thối còn đang nồng nặc. Chúng cung cấp thực phẩm mất phẩm chất, có trường hợp như ở Huế, những đồ hộp quá hạn lâu đã hóa dòi. Trên bàn hội nghị bốn bên ở Sài Gòn chúng tôi luôn kịch liệt phản đối cách đối xử của chúng, đòi cử tổ điều tra và giải quyết thì Mỹ đổ thừa do nguy. Woodward - Thiếu tướng, Trưởng đoàn Hoa Kỳ, giả bộ: “Thật đáng tiếc, phía Hoa Kỳ không hay biết gì những sơ suất này. Phía Việt Nam Cộng hòa đảm nhận công việc ấy, họ báo cho chúng tôi rằng mọi việc đã hoàn tất”. Những lần như vậy, phía nguy cúi gằm mặt im thin thít hoặc đổ cho cấp dưới, bọn địa phương, bọn thừa hành không được tốt, rồi cũng đồng ý cử tổ đi kiểm tra, họ hứa sẽ sửa sang lại nhà cửa, thêm thiết bị nhưng rồi đâu vẫn hoàn đó.

Không những thế chúng còn tổ chức những bọn lưu manh, côn đồ phối hợp với quân cảnh và cảnh sát của chúng, hành hung các sĩ quan Quân đội nhân dân

Việt Nam ta trong các ban, tổ liên hợp quân sự đi làm nhiệm vụ, như ném đá, ném đồ bắn, thậm chí còn dùng gậy sắt, dao, búa đánh anh em ta bị thương như đồng chí Thiếu tá Lê Thành Nhơn và 2 đồng chí đại úy khác ở tổ Buôn Ma Thuột, 6 đồng chí ta ở Huế. Đồng chí Trần Hớn Ngọ bị đánh vào đầu bất tỉnh ở Đức Phổ, Quảng Ngãi khi đang cùng tổ điều tra của Ban liên hợp làm việc. Tất cả các sĩ quan và chiến sĩ của ta trong các ban và tổ liên hợp đều là những người đã lập nhiều thành tích trong chiến tranh, trên nhiều chiến trường vừa qua, đã chiến đấu rất dũng cảm, như những mãnh hổ trong các trận đánh, giờ đây trên mặt trận đấu tranh mới này trong vùng địch kiểm soát, luôn tin tưởng ở chính nghĩa, ở tất thắng của cách mạng, đã rất bình tĩnh, vững vàng, không nao núng trước mọi hành vi xấu xa, uy hiếp hay mua chuộc nào. Chúng ta tự hào biết bao về họ, biết ơn biết bao đối với những anh “bộ đội Cụ Hồ” rất bình thường nhưng uy vũ không khuất phục, tiền tài không lóa mắt.

Mỹ - ngụy giờ những trò hề tiện ấy với mục đích gì? Hẳn không phải để tạo ra một không khí tốt lành để cùng cộng tác thi hành đúng đắn Hiệp định, hẳn không phải tạo ra một không khí hòa hợp và hòa giải dân tộc sau bao năm hận thù vì chiến tranh tan nhà, nát cửa. Làm sao mà con người có lý trí đứng trước những hành vi ấy của Mỹ - ngụy mà vẫn tin rằng chúng thực tình muốn chấm dứt chiến tranh, đem lại hòa bình. Rõ ràng chúng trắng trợn không che giấu bộ mặt nham hiểm rắp tâm phá bỏ Hiệp định.

Vấn đề quan trọng nhất của Hiệp định và cũng là vấn đề đầu tiên phải thi hành là ngừng bắn. Điều 2, 3 của Hiệp định và Nghị định thư về ngừng bắn quy định rất rõ ràng cụ thể về chấm dứt hoàn toàn chiến sự, các lực lượng ở nguyên vị trí,... Nhưng từ 28/01/1973 là ngày ngừng bắn có hiệu lực đến nay (mãi đến ngày 30/4/1975), mĩa mai thay, chưa hề có ngày nào ngừng tiếng súng trên bất cứ chiến trường nào ở toàn miền Nam Việt Nam.

Ngày đúng giờ ngừng bắn có hiệu lực, ngụy quyền Thiệu đã cho cả chiến đoàn có xe tăng dẫn đầu, hành quân lấn chiếm Cửa Việt của ta. Ở đây ta đã kiên quyết đánh trả, tiêu diệt quân địch lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Và như vậy là ở bàn hội nghị bốn bên ta có thể mạnh tố cáo chúng vi phạm Hiệp định. Ngô Du - Trung tướng Trưởng đoàn ngụy cải liêu: chúng tôi hoàn toàn chiếm Cửa Việt hồi 07 giờ 58 phút sáng 28/01 (chẳng là đúng 08 giờ sáng 28/01 là ngừng bắn có hiệu lực mà). Tôi đáp lại: “Cửa Việt đã được chúng tôi giải phóng từ tháng 5/1972 cơ mà. Chúng tôi có mọi chứng cứ hiển nhiên về vụ lấn chiếm trái phép này của quân đội các ngài sau giờ ngừng bắn. Nhưng tôi xin thông báo với Trung tướng tin tốt đẽo rằng nhờ cảnh giác cao, quân giải phóng chúng tôi đã tiêu diệt quân lấn chiếm và làm thất bại cuộc phiêu lưu này, sau khi cố dùng loa kêu gọi họ hãy lùi lại, chớ có vi phạm Hiệp định,

nhưng không có kết quả. Đây là bài học cho những ai không muốn tôn trọng Hiệp định, không tôn trọng chữ ký của mình”. Chúng sạm mặt lại, cay đắng.

Để chặn đứng việc các máy bay địch bay ngang qua vùng ta kiểm soát, ta đòi bàn ngay Điều 3 Nghị định thư về ngừng bắn: “Các ban liên hợp quân sự sẽ thỏa thuận về các hành lang, các tuyến đường và các quy định khác cho việc di chuyển của các máy bay vận tải quân sự, các loại xe vận tải quân sự và tàu thuyền vận tải quân sự của bên này phải đi qua vùng do các bên kia kiểm soát”. Cả phái đoàn Mỹ và ngụy đều lờ đi như không cần thiết. Nhưng rồi trong phiên họp ngày 16/02 phía Mỹ giở trò báo tin khẩn cấp: một C-47 bị bắn rơi ở nam An Lộc, 2 nhân viên phi hành Mỹ bị thương nặng. Tiếp các phiên tới, Mỹ đều phản đối ta và đòi cử tổ điều tra. Ta đồng ý điều tra nhưng nhấn mạnh rằng trong khi Ban Liên hợp quân sự bốn bên chưa có thỏa thuận về hành lang, độ cao v.v... của máy bay khi bay qua vùng quân giải phóng kiểm soát thì không ai chịu trách nhiệm về sự an toàn của nó cả. Rốt cuộc Mỹ cũng phải im đi cho xong chuyện. Rõ ràng vừa dựa vào pháp lý Hiệp định vừa kiên quyết đối phó với các vụ vi phạm, ta buộc Mỹ - ngụy phải kiêng nể. Nhưng nơi nào ta yếu và sơ suất trên chiến trường thì dù địch vi phạm mười mươi đấy, chúng vẫn cãi cù nhầy và bắt cần sự phản đối của ta. Ví như vụ ngụy lấn chiếm Sa Huỳnh ở Quảng Ngãi. Vùng Sa Huỳnh ta đã giải phóng năm 1972 trong đó có một đoạn quốc lộ 1 tương đối dài. Sau khi ngừng bắn có hiệu lực, ngụy mở hành quân hàng sư đoàn lấn chiếm nối lại giao thông của chúng trên đường 1. Ta kịch liệt vạch trần sự vi phạm, đòi cử tổ đi điều tra, nhưng rồi Mỹ - ngụy ì ra, xem như việc đã rồi. Cả những làng ấp dọc đường 4 Mỹ Tho trước 28/01 do ta kiểm soát nhưng sau 28/01 địch liên tiếp hành quân và đóng đồn bót sâu vào vùng ta. Ở đây vì lực lượng ta còn sơ hở, ngõ ngàng, sợ nổ súng đánh trả thì vi phạm Hiệp định, nên địch mới lấn chiếm được và nói ngược nói ngạo trên bàn hội nghị là vùng của chúng. Vấn đề ngừng bắn là vấn đề cốt tử của Hiệp định, thế mà ngụy quyền Thiệu không cần đếm xỉa đến, ngang nhiên phá hoại Hiệp định từ gốc. Kế hoạch “Lý Thường Kiệt” năm 1973 của chúng đề ra 5 biện pháp chiến lược lớn là:

- Lấn chiếm và bình định làm biện pháp trung tâm.
- Xây dựng quân đội mạnh, chính quyền mạnh làm trụ cột. 5 năm trẻ trung hóa, hữu hiệu hóa và hiện đại hóa quân lực Việt Nam Cộng hòa.
- Phá Hiệp định Paris về Việt Nam những điểm nào không có lợi cho Việt Nam Cộng hòa (ngụy).
- Phục hồi kinh tế 1973-1974 - trong kế hoạch dài hạn 1973-1978 nhất là công nghiệp, đi đôi bao vây phong tỏa kinh tế đối phương.
- Duy trì lực lượng răn đe bằng không quân và hải quân Mỹ ở Đông Nam Á.



Chúng còn ra sức thực hiện cái gọi là chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, “chiến dịch cắm cờ”, dùng cả bộ binh, cả trực thăng để cắm cờ. Chúng đã chuẩn bị 1,6 triệu cờ ba que ngụy cho việc này.

Thông cáo của Ủy ban tố cáo tội ác chiến tranh Việt Nam ra ngày 06/4/1973 sơ kết rằng: “Trong thời gian 2 tháng từ 28/01 đến 28/3/1973 chính quyền Sài Gòn đã vi phạm Hiệp định Paris hơn 7 vạn lần, bao gồm 19.770 cuộc hành quân lấn chiếm, 23.542 vụ bắn đại bác, 3.375 vụ ném bom, bắn phá bằng máy bay vào vùng giải phóng và 21.075 cuộc hành quân canh sát trong vùng do họ kiểm soát”.

Theo tài liệu địch thì cho đến tháng 10/1973 chúng đã đóng thêm 1.180 đồn bót trên toàn miền Nam, kiểm soát thêm được 7.253 ấp so với trước ngày 28/01/1973<sup>1</sup>.

Rõ ràng Mỹ - ngụy, mặc dù đã ký kết Hiệp định, vẫn thản nhiên hành động theo kế hoạch từ trước của chúng, ra sức bình định lấn chiếm, xây dựng quân đội mạnh lên để thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho chúng hòng độc chiếm miền Nam Việt Nam. Trong một phiên họp 2 trưởng đoàn miền Nam tháng 3/1973, Dư Quốc Đống - Trung tướng, Trưởng đoàn ngụy, thay thế Ngô Du, khi bị đồn về thế bí đã nói toạc chân tướng: “Tôi không tán thành Hiệp định Paris vì nó chỉ có lợi cho các ngài”. Tôi đã nghiêm nghị phê phán: “Như vậy là đã rõ, Trung tướng Dư Quốc Đống, người đại diện của bên Việt Nam Cộng hòa để thi hành Hiệp định mà không tán thành, chống lại Hiệp định, thì các ngài vi phạm, phá bỏ Hiệp định là tất nhiên, là rõ ràng”. Hắn đã hoảng hốt vội lúng túng bào chữa: “Cá nhân tôi không tán thành... nhưng... vì... đã có Hiệp định chúng tôi phải thi hành, không có phá...”.

Ai cũng biết, trước khi Hiệp định Paris được ký kết, Hoa Kỳ đã gấp rút chở vũ khí, phương tiện chiến tranh qua miền Nam Việt Nam củng cố lại quân ngụy, bù đắp số bọn ngụy đã bị tổn thất nặng trong năm 1972 và ra sức lập một kho dự trữ đầy đủ để quân ngụy vẫn mạnh khi Mỹ rút đi. Kissinger đã từng tuyên bố trong các cuộc họp báo ở Mỹ rằng: “Mỹ rút, Việt Nam Cộng hòa phải mạnh”. Công việc này vẫn tiếp tục với nhịp độ cao sau khi Hiệp định có hiệu lực. Tất cả những số liệu này nhiều tài liệu đã ghi rõ, báo chí thế giới cũng đã nói đến nhiều, thống kê đầy đủ, thiết tưởng tôi không cần phải lục ghi lại ở đây.

Không những thế, quân Mỹ và chư hầu Mỹ buộc phải rút hoàn toàn khỏi miền Nam Việt Nam theo Hiệp định, thì chúng lại chuyển cho quân đội Thiệu các trang bị tối tân, các kho dự trữ hậu cần, các căn cứ của chúng.

---

1. Tài liệu thu được của địch sau ngày giải phóng hiện giữ tại Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.



Điều 5 và 6 Hiệp định đã quy định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Hiệp định ký sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác, cũng như việc hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ và nước ngoài khác. Nghị định thư ngừng bắn cũng nói ở Điều 8 là “Hoa Kỳ và các nước ngoài khác nói trong điều 5 của Hiệp định sẽ mang đi với họ mọi vũ khí đạn dược và dụng cụ chiến tranh của họ...”.

Để bảo đảm việc thi hành đúng đắn các điều khoản nói trên, điều 3 đã nêu rõ là bắt đầu từ khi ngừng bắn các lực lượng của Hoa Kỳ sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi kế hoạch rút quân và Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ quy định thể thức.

Ban Liên hợp quân sự bốn bên có nhiệm vụ phối hợp, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các điều 3, 5, 6... ấy. Đặc biệt là Ủy ban Quốc tế phải kiểm soát và giám sát việc thi hành các điều đã nói ở trên.

Trong các phiên họp Trưởng đoàn bốn bên ở Tân Sơn Nhất, chúng tôi luôn yêu cầu phía Hoa Kỳ cho biết kế hoạch rút quân và phá các căn cứ quân sự để phái các tổ liên hợp đi theo dõi và kiểm tra. Hôm nào cũng vậy, Woodward - Thiếu tướng, Trưởng đoàn Hoa Kỳ ậm ừ rồi đưa ra vấn đề khác. Nhưng một hôm ông ta làm ra vẻ trịnh trọng thông báo: “Kết quả việc nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định, về phía Hoa Kỳ... đã tháo gỡ thủy lôi, mìn...”. Y nói vanh vách về số liệu, thời gian, không gian... rồi tới việc rút quân: “Đã rút ra khỏi Nam Việt Nam 8.000 có cả quân đồng minh”. Tôi lập tức phản đối: “Chúng tôi không thể chấp nhận sự thông báo hời hợt của phía Hoa Kỳ như vậy. Không ai có thể tin con số 8.000 hay bất cứ một số nào khác mà Thiếu tướng Woodward đưa ra, mà lại không nghĩ rằng đó có thể là bịa đặt. Tôi cho rằng bất cứ một cuộc rút quân nào của Hoa Kỳ hay quân một nước ngoài nào khác đều cần phải thông báo trước để có sự theo dõi và kiểm tra tại chỗ của Ban Liên hợp quân sự bốn bên cũng như sự kiểm soát và giám sát của Ủy ban Quốc tế như đã quy định. Không như vậy thì không con số nào có giá trị. Tôi phải ghi nhận rằng cho đến ngày nay chưa có một người lính Hoa Kỳ hay quân một nước nào khác đã rút khỏi miền Nam Việt Nam”.

Sau đó nhiều ngày, vào ngày 16/02/1973, Mỹ gửi công hàm cho ta chính thức chịu để cho tổ liên hợp quân sự bốn bên đến các địa điểm quan sát việc rút quân Mỹ và Nam Triều Tiên và được chụp ảnh. Thế là họ phải nhượng bộ. Qua các cuộc giám sát đó, rõ ràng quân Mỹ cũng như Nam Triều Tiên, khi bước chân vào Việt Nam họ đã được vũ trang đến tận răng, nhưng khi rút ra thì không mang súng ống gì cả mà toàn những chăn màn, đồ dùng và lũ khỉ những vật kỷ niệm như voi sành,

voi sứ, đổ đá Ngũ Hành Sơn... Anh em ta chất vấn thì họ trả lời: “Vũ khí trang bị đã chở bằng tàu thủy”. Đấy, lý lẽ bịp bợm như vậy đó.

Việc này đến khi thất bại hoàn toàn năm 1975, Mỹ mới bàng hoàng, bức bối là sao tìm mọi cách gian lận để lại trang bị nhiều cho quân nguy mà thua vẫn hoàn thua, nên trong cơn tức giận mới nói toạc ra sự thật: “Với khối lượng khổng lồ các trang thiết bị và vật liệu để lại khi các lực lượng chúng ta rút về cộng với số lượng tiếp tế thêm về sau nhẽ ra quân lực Việt Nam Cộng hòa phải có đủ khả năng đương đầu với đối phương mới phải”<sup>1</sup>.

Còn việc phá hủy các căn cứ quân sự?

Woodward - Thiếu tướng Hoa Kỳ nghiêm trang báo: “Chúng tôi được phép trả lời quý vị rằng ở miền Nam Việt Nam hiện nay không còn một căn cứ nào của chúng tôi cả. Tất cả đã chuyển cho Việt Nam Cộng hòa từ trước khi ký Hiệp định. Hiện nay quân Mỹ ở trong những căn cứ mượn tạm của Việt Nam Cộng hòa”.

Thật là một sự lừa bịp trắng trợn hết chỗ nói.

Một khi đế quốc đã có kế hoạch rồi, có mục tiêu rồi thì chúng hành động theo cách của kẻ xâm lược nói láo trơ trẽn bất kể người nghe là ai.

Đáng lý thì Ủy ban Quốc tế có đủ khả năng phát hiện ra những vấn đề gian lận này, có quyền có những kết luận xác đáng lên án sự vi phạm Hiệp định của Mỹ - nguy nhằm ngăn chặn việc phá hoại Hiệp định, tiếp tục chiến tranh. Ủy ban Quốc tế có 4 nước tham gia: Hungary, Ba Lan, Indônêxia, Canada. Về sau khi Canada rút lui thì Iran thay thế và làm việc theo nguyên tắc hiệp thương nhất trí.

Cần nói thẳng ra rằng Canada hầu như là của Mỹ, che chở cho Mỹ trong Ủy ban Quốc tế, cãi bừa, lấp liếm và cần thì phủ quyết. Trưởng đoàn Canada là Đại sứ Gauvin, bề ngoài có vẻ lịch thiệp, nhưng nghe nói là một con người có tính độc đoán, trịch thượng, lấn lướt, coi thường người khác. Một hôm Gauvin ngỏ ý muốn đến thăm xã giao phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Chúng tôi rất sẵn sàng, xem đây là một dịp khá tốt để nói chuyện thẳng thắn với vị đại biểu Ủy ban Quốc tế này. Tôi đã tiếp y ở phòng khách được chuẩn bị khá tươm tất theo điều kiện cho phép trong trại Đavít. Tôi đã ra tận xe để đón đại sứ vào và mời ngồi cùng tôi trên chiếc divan, vị trí trang trọng nhất trong phòng khách. Cùng đi với y có phụ tá về chính trị của đoàn Canada và một phiên dịch. Phía ta có anh Võ Đông Giang - Ủy viên của đoàn và một số anh em khác. Ta dùng phiên dịch chính trong cuộc họp tiếp khách này là phiên dịch của ta,

---

1. Chương 10 phần kết quyền sách *Chiếc trực thăng cuối cùng* của Weldon A. Brown.

đồng chí Dũng, người đã dịch cho tôi trong tất cả các phiên họp trường đoàn bốn bên. Dũng là một thanh niên cừ khôi, nói tiếng Anh lưu loát, giọng khỏe, biết nhấn mạnh những đoạn cần thiết.

Sau những thăm hỏi, chuyện trò có tính chất xã giao, Gauvin nói về vai trò, thành tích của Ủy ban Quốc tế nhất là giai đoạn Gauvin làm Chủ tịch, về vấn đề ngừng bắn, trao trả người các bên, về quân Mỹ và chư hầu rút khỏi miền Nam Việt Nam... Tất cả đều có ý nói lên sự đắc lực của Ủy ban Quốc tế, sự khách quan công bằng và đặc biệt hàm ý trách ta vi phạm ở chiến trường nhiều nên đến nay vẫn chưa ngừng tiếng súng, có giọng đổ lỗi và hăm dọa. Tôi đã rất bình tĩnh và lễ độ ngồi nghe, vừa kiên trì nghe vừa cố hiểu hết ý nghĩa của từng lời nói. Ý hằn đại sứ thấy nói đã dài và đủ nên dừng lại, nhìn tôi dò hỏi. Tôi thông thả mời khách ăn một vài món trái cây, mời hút thuốc. Rồi tôi bắt đầu nói:

- “Thưa ngài, Đại sứ Gauvin, ngài nói rất đúng về vai trò rất quan trọng và tính khách quan rất cần thiết của Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát việc thi hành Hiệp định. Tôi thú thật với ngài rằng chúng tôi rất đau xót khi thấy tiếng súng vẫn còn nổ khắp nơi khi đã có Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình trên đất nước mà chiến tranh tàn phá hàng mấy chục năm nay liên tục. Trên thế giới này tôi tin rằng không có dân tộc nào thối tha mong đợi hòa bình như dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã biết chiến đấu và biết chịu đựng để tìm cho ra chân lý. Nhưng thưa ngài đại sứ, mọi việc đều có nguyên nhân của nó. Tôi xin phép ngài dờ lại một vài trang lịch sử đã qua. Dân tộc chúng tôi đã giành được độc lập năm 1945. Thực dân Pháp lại xâm lược trở lại. Chúng tôi phải chiến đấu 9 năm trời mà thắng lợi nổi bật là trận Điện Biên Phủ, mới ký kết được Hiệp định Giơnevơ. Thời kỳ ấy cũng có Ủy ban Quốc tế Kiểm soát, trong đó có đại biểu Canada, chắc ngài biết rõ?”. Gauvin gật gật đầu đồng tình. Tôi tiếp: “Nhưng Nixon lúc đó là Phó Tổng thống Mỹ tuyên bố với báo chí rằng: “Dù cho Pháp ký kết đình chiến ở Đông Dương, Hoa Kỳ cũng sẽ hành động một mình nếu điều ấy là cần thiết và sẽ gửi quân đội của mình sang vùng đó của thế giới”. Đó là lời thuật của *Thời báo New York* (New York Times) và Hoa Kỳ đã làm như vậy thật”.

Gauvin làm một động tác khoát tay ngăn phiên dịch lại và nói một câu dài. Tôi nói với Dũng: “Đồng chí hãy tiếp dịch những lời tôi nói, bao giờ tôi nói hết, ngừng lại thì mới được nghe và dịch lời của ông ta”. Dũng lại đồng ý dịch tiếp lời tôi.

- “Tôi xin cung cấp một số liệu để ngài đại sứ biết: Từ năm 1955 đến năm 1960 có trên 800 chuyến tàu biển của Mỹ chở vũ khí và phương tiện chiến tranh các loại vào các cảng của Việt Nam đặc biệt là cảng Đà Nẵng, và cũng trong thời gian ấy số tiền viện trợ của chính quyền Ngô Đình Diệm là 1 tỷ 600 triệu đôla. Cả thế giới

đều biết việc này. Đó là sự vi phạm trắng trợn Hiệp định Giơnevơ. Nhưng Ủy ban Quốc tế lúc đó, hoặc làm ngơ, hoặc che giấu hoặc bị áp lực nào đó nên không ngăn chặn hành vi phi pháp ấy. Vì vậy mà tiếng súng vẫn nổ ra và chiến tranh lại tiếp tục trên đất nước Việt Nam chúng tôi. Canada là thành viên quan trọng trong Ủy ban Quốc tế lúc ấy tất nhiên không thể chối cãi về trách nhiệm lớn lao của mình”.

Gauvin lại cố cắt ngang, nói một câu dài và định nói mãi nếu như tôi không bảo Dững cứ dịch lời của tôi và dịch to hơn tiếng của Gauvin.

Quả Dững là một thanh niên cừ khôi, Dững đã nói át cả tiếng của Gauvin, buộc Gauvin phải ngừng nói chịu ngồi nghe, vừa tỏ vẻ ngạc nhiên. Có lẽ Gauvin chưa hề gặp trường hợp không lấn lướt được và bị khép vào khuôn phép như thế này. Tôi tiếp: “Đến ngày nay, sự việc lại diễn lại: trước và sau khi ký Hiệp định Paris, Mỹ đã chở cả bằng tàu biển, cả bằng máy bay, vũ khí và trang bị qua cho quân đội Việt Nam Cộng hòa để phá Hiệp định, tiến hành lấn chiếm và bình định. Không những thế, quân Mỹ và quân các nước khác rút về nước nhưng lại chuyển vũ khí, phương tiện, kho tàng, căn cứ lại cho quân đội chính quyền Thiệu, một sự vi phạm Hiệp định Paris quá trắng trợn”.

Đến đây, Gauvin như không còn chịu đựng được nữa, y giấy nẩy lên, khoát tay lia lịa, ấp úng một vài lời... Tôi phải trấn tĩnh y: “Xin đại sứ hãy bình tĩnh, tôi chỉ xin nói vài lời nữa thôi, rồi sẽ nhường lời cho đại sứ”. Rồi tôi tiếp:

- “Lần này, nếu chúng ta, Ủy ban Quốc tế và Ban Liên hợp quân sự bốn bên không hợp tác chặt chẽ với nhau, nỗ lực cùng nhau hành động một cách khách quan, đặc lực, ngăn chặn mọi vi phạm như vậy thì tôi nghĩ rằng tiếng súng vẫn nổ là điều không lấy gì làm ngạc nhiên và nguyên nhân từ đâu cũng đã rõ. Trách nhiệm của chúng ta trước lịch sử quá nặng nề, chúng ta đã không đáp ứng được nguyện vọng hòa bình của nhân dân Việt Nam, của cả nhân dân Canada và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới. Và chính phủ Canada, hai lần tham gia Ủy ban Quốc tế về hai Hiệp định sẽ nghĩ thế nào về vai trò của mình? Tôi xin nhường lời cho đại sứ”.

Lần này thì Gauvin không còn tỏ sự hăm hở muốn nói như trước, thái độ hòa nhã nhỏ nhẹ:

“Thưa ngài, Trung tướng Trần Văn Trà, thú thật với ngài là tôi không hiểu gì về Hiệp định Giơnevơ cả..., hồi ấy... tôi không được biết... những việc ấy..., tôi không theo dõi...”, rồi đại sứ chuyển qua nói chuyện về thời tiết khí hậu ở Sài Gòn, về các loại trái cây ở Việt Nam.

Tôi vui vẻ mời khách uống bia và nước ngọt.

Mọi người cố có thái độ thân thiện hiểu biết.

Gauvin lại nói, nhắc lại bữa tiệc lớn y tổ chức chiêu đãi ở Sài Gòn nhân dịp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Canada - Sharp đi công cán qua đây. Hôm ấy có đủ nhân vật “tai to, mặt lớn” của ngụy quyền Sài Gòn, có cả Đại sứ Mỹ Bunker và mời các bên trong Ủy ban Quốc tế cũng như trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên, chúng tôi đều có đến dự.

- Ngài Trung tướng Trần Văn Trà, quả thật ngài là ngôi sao sáng trong bữa tiệc hôm ấy, là ngôi sao sáng trên bầu trời Sài Gòn hôm ấy.

- Thừa đại sứ, đó là ngôi sao sáng, ngôi sao chính nghĩa của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam mà tôi được hân hạnh là người đại diện đây!

- Không, không, tôi muốn nói tới vai trò cá nhân nổi bật của Trung tướng cơ.

Y lại cố tránh né đề cao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam của ta mặc dù đó là uy tín thật sự không thể chối cãi đã có từ lâu, không phải chỉ ở Sài Gòn này mà còn cả ở Paris và trên thế giới. Để chống lại, cả Mỹ và ngụy quyền Thiệu đã đề ra thành nguyên tắc: Ở miền Nam Việt Nam chỉ có một chính phủ duy nhất mãi mãi về sau này đó là chính phủ Việt Nam Cộng hòa của Thiệu....

Y lại nói tiếp:

- Trung tướng là một chiến sĩ vĩ đại.

Lần này thì tôi lúng túng thực. Vì, dù tôi đã hiểu rõ “thiện chí” của y rồi nhưng tôi không ngờ y lại tăng bốc tôi đến thế. May thay, tôi chợt nhớ lại sự đánh giá người chiến sĩ của chúng ta của hãng thông tấn Mỹ UPI năm 1964:

“Du kích Việt cộng là nhân vật thần thoại. Họ là một kẻ thù đáng sợ, một kẻ địch mà người ta đáng kính nể”.

Và Báo *Tin tức Mỹ thế giới* (U.S. New & World Report) năm 1965:

“Du kích Việt cộng là tài tình nhất, vĩ đại nhất trong lịch sử nhân loại”.

Tôi mỉm cười thông thả:

- Xin đa tạ lời khen của Đại sứ. Quả thật, vì lòng yêu nước, yêu nhân dân, vì “không có gì quý hơn độc lập tự do” mà người chiến sĩ giải phóng chúng tôi đã xả thân chiến đấu và chiến thắng, được báo chí và các hãng thông tấn Mỹ cũng như quốc tế đánh giá là những nhân vật thần thoại..., là tài tình nhất, vĩ đại nhất... Tôi thật sự hân hạnh được là đại diện cho họ ngay ở Sài Gòn này để đấu tranh thi hành đúng đắn Hiệp định mà họ phải đổ bao nhiêu máu mới giành được.

Thế rồi Đại sứ Gauvin cáo từ ra về. Trước sân, Gauvin đã đề nghị chúng tôi chụp chung một tấm ảnh kỷ niệm cuộc gặp gỡ này. Gauvin đã đưa máy ảnh riêng của y mang theo cho nhiếp ảnh viên chúng tôi giùm vào đấy vài kiểu.

\*

\*   \*

- 60 ngày ở Sài Gòn trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên là những ngày nặng nề và căng thẳng. Hai phái đoàn quân sự chúng ta đã làm hết sức mình để đấu tranh thi hành Hiệp định nhưng kết quả có mức độ. Các đồng chí trong Đoàn Hungary và Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế, với tinh thần quốc tế và lòng nhiệt tình anh em đã hợp đồng chặt chẽ với chúng tôi cùng đấu tranh, bảo vệ nhau, giúp đỡ nhau.

- Đồng chí Thiếu tướng “Xuýt” - Phó Trưởng đoàn Hungary trong Ủy ban Quốc tế, người to lớn chắc nịch trong bộ quân phục Hungary gọn và đẹp, ngay trong buổi đầu gặp gỡ làm việc đã nói với tôi giọng chân thành: “Đảng, Nhà nước, quân đội và nhân dân Hungary gửi chúng tôi đến Việt Nam vì nền hòa bình và hạnh phúc của nhân dân Việt Nam, vì hòa bình của thế giới. Chúng tôi xem sự thành công của cách mạng Việt Nam là của chính bản thân mình và vì vậy sẵn sàng hy sinh vì nó. Đó là nguyên tắc chỉ dẫn mọi hành động của chúng tôi - Chúng tôi không sợ chết và tất nhiên không sợ cực nhọc”.

Cám ơn biết mấy những lời nói chí tình của một sứ giả của giai cấp công nhân từ một đất nước xa xôi đến với chúng ta trong những ngày còn gian khổ, trên tinh thần quốc tế vô sản cao cả!

Qua thời gian 60 ngày ấy thử kiểm lại những gì đã thực hiện và không thực hiện được. Do Mỹ - ngụy đã có mục tiêu, có kế hoạch sẵn nên vấn đề chủ chốt là việc ngừng bắn không thực hiện được. Chiến tranh vẫn tiếp diễn. Hãy nghe Thiệu nói chuyện với sĩ quan ngụy ở Thủ Đức:

“Việt Nam Cộng hòa sẽ thi hành điều khoản ngừng bắn khi:

Quân đội Việt Nam Cộng hòa không còn ủng hộ tôi.

Khi quân viện Hoa Kỳ chỉ đủ để lo việc phòng thủ.

Khi quân lực Việt Nam Cộng hòa không còn đủ sức bảo vệ các khu quan trọng tại miền Nam Việt Nam”.

Rõ ràng tên tay sai trung thành của Mỹ tướng nó chiến thắng, ngoan cố phá hoại ngừng bắn, tiếp tục chiến tranh dù có hay không có Hiệp định (!).

Mỹ và chư hầu đã rút quân. Các quân đội tay sai Mỹ bán mình cho đế quốc tham gia giết hại nhân dân ta như quân đội Úc và Niu Dilân, quân đội Thái Lan và



Nam Triều Tiên đã rút sạch khỏi đất nước ta. Sáng 15/3/1973, USARV - Bộ Chỉ huy quân đội Mỹ ở Việt Nam đã làm lễ cuốn cờ, chuẩn. Chiều, MACVI - Bộ Chỉ huy yểm trợ quân sự Mỹ ở Việt Nam, thực tế là Bộ Tư lệnh tối cao của Mỹ chỉ huy toàn bộ quân đội Mỹ, quân các nước chư hầu và quân đội Thiệu, bộ máy chiến tranh xâm lược đồ sộ của Mỹ ở Việt Nam, có trụ sở ở Tân Sơn Nhất mà báo chí gọi là “Lầu Năm Góc phương Đông” cũng hạ cờ, cuốn gói.

Tình cờ hay có sự gợi ý khéo léo nào đó mà ngày hôm sau, hai phái đoàn quân sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam chúng ta đã phóng xe thọc thẳng vào sân của “Lầu Năm Góc phương Đông” này. Hai phái đoàn xuống xe tiến thẳng vào phòng khách giữa hai hàng quân cảnh Mỹ đứng nghiêm chào, để dự bữa tiệc của Thiếu tướng Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ chiêu đãi. Chúng tôi đã cười vui, uống rượu Mỹ, nói chuyện thời tiết thanh bình Việt Nam ngày ở “Lầu Năm Góc phương Đông”.

Thế là quân Mỹ cũng đã rút. Nhưng chúng đã để lại như nói ở trên đủ thứ vũ khí, căn cứ quân sự và cả sĩ quan đội lột dân sự để chống đỡ cho chế độ tay sai Thiệu.

Về phần trao trả theo Hiệp định, chúng ta đã đòi lại được những người của ta bị chúng bắt giữ trong chiến tranh. Đồng chí Thiếu tá Nguyễn Ngọc Dung - thành viên phái đoàn quân sự của chúng ta, đặc biệt phụ trách vấn đề trao trả tù binh. Đồng chí rất tích cực xông xáo, đã đi khắp các nhà tù của ngục tù Biên Hòa đến Côn Đảo, Phú Quốc. Là thành viên nữ độc nhất trong cả bốn phái đoàn quân sự, nói thạo cả tiếng Pháp và tiếng Anh, xinh đẹp, lịch thiệp, đấu tranh kiên quyết đã làm cho Mỹ - ngục phải kính nể, và chúng tôi cũng hãnh diện. Đồng chí đã tranh thủ phổ biến các điều khoản của Hiệp định nói về trao trả tù binh cho anh em ta còn bị giam, đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, đòi trả toàn bộ những người còn bị bắt giữ... Chúng không trả đủ, không thành thật nhưng ta cũng đã giải thoát được một số không ít những cán bộ và chiến sĩ ta, những người đã chiến đấu anh dũng và sa cơ lọt vào tay chúng, chịu đựng sự hành hạ dã man của chúng.

Chúng ta cũng đã trả tất cả tù binh Mỹ - ngục mà ta giữ.

Nhưng điều quan trọng nữa là qua 60 ngày, mặt đối mặt với kẻ địch ta đã hiểu chúng thêm. Mỹ chỉ cốt lấy lại được tù binh để làm quà cho nhân dân Mỹ, đưa quân Mỹ về nước vì nhân dân Mỹ đòi, còn thì vẫn thi hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” để Mỹ tiếp tục ở lại Việt Nam. Ngục thì giữ đúng phương châm “4 không” của Thiệu: không nhượng đất cho “cộng sản”, không trung lập, không liên hiệp với “cộng sản”, không nói chuyện với “cộng sản”. Tuy rằng ngục buộc lòng phải ngồi vào bàn với ta trong Hội nghị hai bên ở Paris, trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên, rồi hai bên ở Tân Sơn Nhất, nhưng thực sự chúng vẫn giữ nguyên tắc

“bốn không” của chúng, không nói chuyện nghiêm túc mà cãi chày, cãi cối, nói bừa, nói ẩu, đồng ý hôm nay để xóa sạch ngày mai. Ngay vấn đề nhỏ nhất và đầu tiên là màu cờ và dấu hiệu của Ban Liên hợp quân sự bốn bên mà chúng cũng lật lọng, không thi hành điều đã thỏa thuận trong phiên họp cấp phó trưởng đoàn ngày 31/01/1973. Đó là quy định cờ, băng tay, dấu hiệu trên xe tàu, máy bay của Ban Liên hợp quân sự đều là màu da cam. Trong một phiên họp cấp trưởng đoàn chúng đề nghị ta bàn lại, lấy màu khác. Ta gạt đi. Vì việc gì đã thỏa thuận rồi thì làm, không cù nhảy. Giữa chừng phiên họp, giờ giải lao, Phan Hòa Hiệp - Chuẩn tướng, Phó đoàn ngự đến ngồi bên tôi tỉ tê: “Trung tướng không biết tôi chứ tôi biết Trung tướng nhiều”. Tôi hỏi lại: “Biết lúc nào?”. Hiệp nói: “Tôi là lính của Đệ tam Sư đoàn đây (hồi Cách mạng Tháng Tám năm 1945), tiếc rằng các anh lớn hồi ấy xích mích với nhau, nếu không thì có lẽ bây giờ tôi cũng vẫn còn đi kháng chiến, dưới quyền của Trung ương...”. Y cười hể hể để chấm dứt câu nói của mình. Thì ra thế. Các “anh lớn” mà Hiệp nói đây tức gồm có tôi, lúc đầu kháng chiến chống Pháp tôi là chỉ huy đơn vị gọi tên là Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa hoạt động quanh Sài Gòn; Nguyễn Hòa Hiệp - Tư lệnh Đệ tam Sư đoàn, Lý Huê Vinh - Tư lệnh Đệ tứ Sư đoàn... Đệ tứ Sư đoàn tan rã ngay từ khi Pháp đánh trở lại năm 1945. Đệ tam Sư đoàn tan rã và đầu hàng Pháp sau một thời gian. Tôi đã tiến hành tước vũ khí của một số đơn vị cướp bóc phá hại nhân dân của 2 sư đoàn này tại Nhuận Đức, An Nhơn Tây, Hóc Môn (Gia Định) và tại Mỹ Tho, Đức Hòa (Long An). Người ta nói Phan Hòa Hiệp thực tế không phải là họ Phan mà là phiên âm “Francois” thành “Phan Hòa” vì y tên là Francois Hiệp, lai Pháp, cha người Pháp, mẹ người Việt. Nói lại câu chuyện này y cốt xuống nước với tôi, tự coi là em út và nhân đó năn nỉ “anh lớn” đồng ý sửa lại màu cờ:

- “Thưa Trung tướng, màu da cam gần với màu đỏ, trông nó dữ quá”.

Y đã xuống nước làm em út thì tôi cũng lên giọng “anh lớn”.

- “Sao lại dữ, màu đỏ là màu huy hoàng xán lạn của tương lai, có gì phải sợ. Chuẩn tướng nên biết rằng màu da cam thông dụng trên quốc tế rồi, rất dễ nhìn thấy, dù rất xa. Màu đỏ thích hợp nhất mà đẹp nữa. Vả lại cái gì đã nhất trí rồi thì hành đừng trở tới, trở lui nữa, mất thì giờ. Ta còn nhiều việc phải làm” - Y còn lẻo đẻo theo năn nỉ nhiều lần nhưng tôi kiên quyết gạt đi. Tuy vậy, ngự vẫn không thi hành. Đấy, còn khối chuyện như chuyện màu da cam vậy.

\*

\* \*

Căn cứ vào Hiệp định, Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ chấm dứt hoạt động trong thời hạn 60 ngày. Nhưng gần đến những ngày kết thúc thì có dư luận của

Mỹ, của báo chí Sài Gòn lúc ấy rằng Ban Liên hợp quân sự bốn bên sẽ kéo dài thêm thời hạn hoạt động. Chưa hiểu đây là âm mưu gì. Phải chăng để kéo dài thêm sự có mặt công khai của Phái đoàn Mỹ? Để nguy cơ bám vào chủ Mỹ nhờ sự che chở? Để giữ phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lại hòng giải quyết thêm một số việc có lợi cho Mỹ như vấn đề tìm kiếm quân nhân Mỹ mất tích? Hay để hạ thấp vai trò Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam? Nhưng ta kiên quyết chuẩn bị cho đoàn quân sự Mỹ trở về Mỹ, đoàn anh Hòa trở về Hà Nội. Còn đoàn của tôi, trong khi chuyển thành Ban Liên hợp quân sự hai bên làm việc thì Trung ương đã quyết định là anh Hoàng Anh Tuấn - Thiếu tướng, sẽ là Trưởng đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Tất nhiên tôi sẽ rút, nhưng chuyện rút đi của tôi trở thành vấn đề khó. Tôi đi Hà Nội? Không có lý do gì. Tôi đi Lộc Ninh? Mỹ - nguy sẽ làm khó dễ, không cung cấp phương tiện hoặc có âm mưu đen tối nào đó... Ý đồ của Mỹ - nguy lúc ấy chúng tôi biết rõ là ít nhất cũng giữ tôi lại Tân Sơn Nhất. Để cho một cán bộ có cỡ - theo ý chúng - của Mặt trận Giải phóng như tôi trở về chiến trường là “thả hổ về rừng”. Giữ một người thế này trong tay chúng làm con tin, ắt sẽ có ích đấy.

Từ lâu chúng ta thừa biết là mọi việc do chủ Mỹ định đoạt, nguy chỉ là tên tôi tớ thừa hành. 60 ngày qua càng cho phép tôi khẳng định như vậy. Trong việc này cũng như bao nhiêu việc đã qua nếu Mỹ ưng thuận thì mọi việc sẽ êm xuôi. Phải làm cho Mỹ ưng thuận đưa tôi đi Hà Nội.

Tối 29/3/1973 tôi mời Woodward - Trưởng phái đoàn Hoa Kỳ đến gặp tôi tại trụ sở của phái đoàn ta trong trại Đavít. Đúng giờ, cả Woodward, cả Wickham - Chuẩn tướng, Phó Trưởng đoàn Hoa Kỳ và tên phiên dịch Sovado - Thiếu tá mũ nổi xanh, đã từng là cố vấn cho trường đào tạo binh định của nguy quyền ở Vũng Tàu, đều đến.

Tôi báo cho Woodward biết rằng do liên lạc của chúng tôi có khó khăn nên tôi vừa nhận được tin chậm là còn một tù binh Mỹ mà lực lượng của chúng tôi đang giữ ở tỉnh Trà Vinh. Để thực hiện thiện chí của chúng tôi thi hành đúng đắn Hiệp định Paris, chúng tôi xin trao trả cho các ngài. Ngay từ ngày mai hai bên sẽ cử cán bộ lo việc giao và nhận ngay người tù binh cuối cùng này. Về cá nhân, tôi nghĩ rằng đây là món quà thân thiện của tôi đối với thiếu tướng để ghi nhớ 60 ngày cùng làm việc với nhau trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên (ý tôi muốn nói nhân dịp này Woodward thế nào cũng được khen thưởng thăng cấp).

Woodward mừng rỡ ra mặt, cảm ơn tôi rồi rít và để tỏ lòng biết ơn, y tỏ vẻ thân mật hỏi thăm tôi về sức khỏe, hỏi tôi có dự kiến riêng gì sắp tới không?

Thật là một câu hỏi đúng chỗ và đúng lúc, tôi chỉ mong có thể. Tôi liền nói dự kiến riêng của tôi là sẽ đi Hà Nội một chuyến và nhân tiện thăm luôn Lào.

Hắn Woodward và Wickham tưởng tôi có ý định giúp giải quyết vấn đề tù binh của Mỹ và Thiệu ở Lào, nhưng không tiện và không dám hỏi. Woodward tỏ vẻ rất sốt sắng hỏi luôn “Trung tướng định bao giờ thì đi?”.

- Tôi định sáng mai đi nếu thiếu tướng sẵn lòng lo giúp phương tiện.

- Trung tướng sẽ có ngay phương tiện. Tôi sẽ sắp xếp một chuyến C130 đi Hà Nội sáng mai vì trung tướng.

Tôi nói lời cảm ơn và nhắc lại là sáng mai một sĩ quan ta sẽ gặp sĩ quan Hoa Kỳ, sắp xếp việc trả và nhận tù binh ở Trà Vinh.

Y lại cảm ơn và hỏi tôi C130 ngày mai đi có phải chờ tôi trở về không? Nếu không thì tôi sẽ trở về thế nào? (Vì phái đoàn Hoa Kỳ chấm dứt hoạt động và trở về Mỹ ngày 31/3. Nếu sau ngày đó thì phải nhờ phương tiện của ngụy).

Tôi mỉm cười lấp lửng, có thể tôi vòng qua Paris để trở về Sài Gòn, luôn tiện được biết thêm một thủ đô nổi tiếng của châu Âu (hắn Woodward lại tưởng tôi cần gặp phái đoàn ta ở Paris đây).

Woodward rất vui, khen là một dự kiến hay của tôi và từ giã ra về, không quên khẳng định lại là sáng mai sẽ có máy bay.

Buổi sáng ngày 30/3/1973, sĩ quan ngụy đã đưa đoàn xe du lịch đen đến đón tôi tận nhà và đưa tôi ra tận cầu thang máy bay một cách hết sức cung kính. Đưa tôi ra sân bay đi Hà Nội có Thiếu tướng Lê Quang Hòa, Thiếu tướng Hoàng Anh Tuấn cùng một số anh em trong hai phái đoàn ta. Có các đồng chí trong hai phái đoàn Hungary và Ba Lan trong Ủy ban Quốc tế Kiểm soát và Giám sát đình chiến. Lại còn có cả vợ chồng thiếu tướng Woodward, trưởng phái đoàn Mỹ. Tôi bắt tay từ giã mọi người một cách thân mật, những cái siết tay rung cảm và quyến luyến, hết sức cảm động ngầm biểu dương một thắng lợi và những cái siết tay thông cảm ngầm biết ơn lẫn nhau. Woodward chúc tôi đi bình yên, gặp nhiều may mắn và nói rằng sẽ cho máy bay ra Hà Nội đón tôi trở về, điều mà tôi không yêu cầu. Tôi chúc vợ chồng Woodward sống hạnh phúc và bước lên máy bay vẫy chào mọi người. Thế là trên chiếc C130 mà Mỹ có nhã ý dành cho tôi ngồi ở buồng lái, tôi cùng đồng chí Thượng tá Nguyễn Quang Minh - cán bộ nghiên cứu tổng hợp tình hình của Ban Liên hợp, Bác sĩ Lê Hoài Liễm, Dũng - phiên dịch, Hoa - cán bộ bảo vệ và một số đồng chí khác từ Sài Gòn ra Hà Nội, chấm dứt 60 ngày hoạt động rất sôi nổi và căng thẳng trong lòng quân thù.

Ngồi trên máy bay, lần đầu tiên bay dọc theo chiều dài đất nước, nối liền Sài Gòn và Hà Nội, lòng tôi bồi hồi xúc động. Đây rồi, non sông một dải 4.000 năm, tạo lập bằng xương máu, mồ hôi của bao thế hệ, xưa, nay. Làng mạc xanh tươi, núi rừng trùng điệp, bờ biển dài với những bãi cát trắng phau, thêm lục địa bao la xanh biếc, thật là muôn hình muôn vẻ. Ánh nắng chan hòa của mặt trời tháng ba rực rỡ đã tô thêm lên cảnh vật những màu sắc lung linh kỳ diệu. Đẹp vô cùng, Tổ quốc của ta. Đẹp vô cùng lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo và sức lao động bền bỉ, đời này qua đời khác của triệu triệu con người Việt Nam để có được giang sơn gấm vóc ngày nay. Tôi thầm cảm ơn vô hạn đối với tổ tiên Lạc Hồng và bất giác tôi nhớ đến Bác Hồ, nhớ lời Bác nói với bộ đội ta năm nào dưới mái Đền Hùng, trên sườn núi Nghĩa:

“Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Lời nói của Bác đã khắc sâu vào tâm khảm của người dân Việt. Kẻ thù nào cũng sẽ bị đánh tan tành, sẽ bị đuổi sạch ra khỏi bờ cõi nước ta. Bọn Lê Chiêu Thống xưa, bè lũ Nguyễn Văn Thiệu nay, sẽ là bia xấu muôn đời trong sử sách. Tổ quốc ta nhất định độc lập, tự do và thống nhất bất cứ bằng phương pháp nào.

Máy bay đã bay vào đồng bằng sông Hồng. Kia rồi! Hà Nội - Thủ đô yêu dấu, trái tim của Tổ quốc. Tôi đã sống nhiều ngày ở Hà Nội, đã làm việc ở đây, đã đôi ba lần đi xa rồi lại trở về. Nhưng lần trở về này sao khác xa các lần trước, nó hồi hộp, xúc động lạ thường, giống như đứa con lâu ngày đi xa vật lộn với bao khó khăn nguy hiểm của đời, nay bỗng được trở về gian nhà ấm cúng gặp người mẹ hiền da diết yêu thương. Con đây rồi, con đã về đây với mẹ dịu hiền, để rồi lại chuẩn bị lên đường cho một chuyến đi xa khác chắc là khác nhiều với chuyến đi vừa qua.

Sau ba ngày, một máy bay C130 từ Sài Gòn ra hạ cánh ở sân bay Gia Lâm để đón tôi - đúng như Woodward đã hứa hôm nọ. Tôi phái đồng chí Thượng tá Nguyễn Quang Minh ra báo cho sĩ quan Mỹ chỉ huy máy bay biết rằng tôi chưa về được. Đồng chí Minh đã viết một thông báo nói rõ rằng Trung tướng Trần Văn Trà còn bận việc chưa về và cho phép máy bay trở lại Tân Sơn Nhất mà cũng không cần trở ra đón. Và đồng chí cũng không quên thay tôi tỏ lời cảm ơn.

Trong niềm vui dạt dào được trở về thủ đô yêu mến, với không khí tự do thoải mái giữa bạn bè, đồng chí, đồng bào ruột thịt, tôi càng nhớ thương các đồng chí còn đang ở Tân Sơn Nhất. Vì nhiệm vụ không thể thiếu trong giai đoạn đấu tranh hiện nay, các đồng chí buộc phải sống, làm việc căng thẳng giữa vòng vây kẻ thù mà thời gian chưa biết đến bao giờ. Rồi đây những gì sẽ đến với các đồng chí trong lúc kẻ thù của ta vô cùng ngoan cố và thâm độc? Tôi tự nhủ lòng,



anh em vùng giải phóng phải làm hết sức mình, phối hợp chặt chẽ với các đồng chí trong ấy giành thắng lợi cho cách mạng. Nhất định các đồng chí không bị cô lập, đã có chúng tôi, đã có nhân dân ta, ngay tại Sài Gòn. Một ngày nào đó chúng ta lại sẽ gặp nhau đón mừng chiến thắng.



*Thượng tướng Trần Văn Trà ở Quảng Ngãi*



## CHƯƠNG II

### Chỉ có con đường bạo lực cách mạng

Ngay sau khi ra tới Hà Nội, tôi đã được gặp các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ và Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, báo cáo về công việc của Ban Liên hợp quân sự bốn bên; những vấn đề đã đạt và những vấn đề chưa đạt được; những gì tôi đã rút ra kết luận sau 60 ngày mặt giáp mặt với Mỹ - ngụy; những nhận định của tôi về tình hình... Tôi đã nghe các đồng chí nhận xét, đánh giá tốt về công tác của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, về âm mưu địch và những gì ta sẽ làm tiếp. Sau đó tôi được phép nghỉ vài hôm rồi tiến hành chuẩn bị và tham gia hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở rộng bàn về tình hình nhiệm vụ cách mạng miền Nam Việt Nam.

Các anh trong Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền, anh Phạm Hùng, Mười Cúc<sup>1</sup>, Hai Hậu<sup>2</sup>, Mười Khang, Sáu Dân<sup>3</sup>, đi theo đường Trường Sơn cũng lần lượt ra tới Hà Nội. Chúng tôi họp riêng phần chiến trường B2 để thống nhất đánh giá tình hình, nhận định sự diễn biến thực tế vừa qua và dự kiến sắp tới. Cũng đã trao đổi kinh nghiệm với các anh Năm Công<sup>4</sup>, Chu Huy Mân ở chiến trường Khu 5 và anh Hoàng Minh Thảo ở B3 ra dự hội nghị.

Hạ tuần tháng 4/1973 họp Bộ Chính trị Trung ương Đảng có đủ đại biểu các chiến trường ở miền Nam tham gia. Đây là một cuộc họp hội nghị vô cùng quan trọng. Sau khi các bên đã ký kết Hiệp định Paris, tức là ta đã giành được một thắng lợi quyết định trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, buộc Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, buộc quân Mỹ và chư hầu rút hết khỏi miền Nam Việt Nam, và đặc biệt là sau 60 ngày thi hành Hiệp định ta đã có thêm được một số thực tế diễn biến ở chiến trường, cuộc hội nghị này nhằm đánh giá lại tình hình, đánh giá

---

1. Đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục.

2. Đồng chí Trần Nam Trung.

3. Đồng chí Võ Văn Kiệt.

4. Đồng chí Võ Chí Công.

tương quan lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng, vạch ra đường đi nước bước của cách mạng miền Nam trong giai đoạn chiến lược mới. Đó là điều mong mỏi của tất cả mọi người, cán bộ cũng như chiến sĩ, nhân dân.

Cho đến lúc ấy, thực ra là trong hàng ngũ cán bộ các cấp, ở các chiến trường cũng như ở Trung ương, chưa phải đã nhất trí với nhau về giá trị của Hiệp định Paris, về tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, và đặc biệt là về cách thi hành Hiệp định như thế nào, về cách đối phó với kẻ địch đang ngày càng vi phạm các điều khoản của Hiệp định. Ngay đến diễn biến ở mỗi chiến trường cũng khác nhau vì ở mỗi chiến trường điều kiện về ta và về địch hoàn toàn không giống nhau, giá trị chiến lược của mỗi chiến trường đối với toàn bộ cuộc chiến tranh không giống nhau, cấp lãnh đạo ở chiến trường đó suy nghĩ nhận thức vấn đề và hành động cũng khác nhau. Và đó cũng là một thực tế không thể khác được. Cho nên căn cứ thực tế diễn ra ở một chiến trường nào đó để đánh giá và chủ trương cho chung sẽ không tránh khỏi sai lầm nguy hiểm nếu không phải là một chiến trường có nhiều cái chung, có tính tiêu biểu cho toàn cục, có giá trị chiến lược quan trọng đối với toàn bộ cuộc chiến tranh. Trong lúc đang diễn biến chiến tranh, không đánh giá đúng vai trò của từng chiến trường sẽ dẫn đến sai lầm trong tổ chức bố trí lực lượng các mặt, trong chủ trương về chiến lược, chiến dịch, chiến đấu, và tất nhiên ảnh hưởng đến thắng lợi hay thất bại của chiến tranh. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ xâm lược giải phóng đất nước của ta không phải không có trường hợp sai lầm. Nhưng nhờ vào sự lãnh đạo sáng suốt, dân chủ và tập trung của Đảng ta mà ta kịp thời sửa chữa sai lầm và giành thắng lợi. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Mỗi thành bại của cách mạng trong từng giai đoạn đều là thành bại của ý nghĩ và hành động của hàng triệu con người mà trước tiên là của tập thể lãnh đạo. Chớ có bao giờ, bại là do anh mà thành là do tôi. Ở mỗi giai đoạn của cách mạng, mỗi khúc quanh của lịch sử, chủ trương và hành động đúng cũng đều là kết quả của tư duy, của nhận thức tập thể, của bao nhiêu đầu óc cộng lại, từ đầu óc của người lãnh đạo cao nhất tới đầu óc của người chiến sĩ, người dân bình thường vì yêu nước yêu dân mà xông pha vào thực tế cụ thể sinh động ở chiến trường. Không một người nào luôn là đúng, cũng không một người nào luôn là sai, vì tất cả đều là con người. Cái cao quý nhất, sáng suốt nhất là nhận ra được cái sai và kiên quyết kịp thời sửa chữa. Ngay cả tập thể nữa không phải lúc nào cũng đúng hết. Nhưng chắc chắn tập thể ít sai lầm hơn là cá nhân chuyên quyền. Hồ Chủ tịch, vị lãnh tụ thiên tài của Đảng ta, của dân tộc ta đã tổng kết và nêu lên truyền thống của Đảng, của dân tộc bằng một câu rất gọn nhưng rất thâm thúy:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Đoàn kết đây là đoàn kết thực sự, qua đấu tranh để đoàn kết, không phải chỉ là đoàn kết trong hành động mà trong mọi lĩnh vực từ hướng suy nghĩ, nhận thức, tư tưởng, ý chí. Và cũng chính vì thẩm nhuần truyền thống ấy mà Người thành con người hết sức giản dị, hết sức khiêm tốn. Người là tập trung trí tuệ của mọi người, ý nghĩ của Người trở thành ý nghĩ của mọi người. Đạo đức Hồ Chí Minh tỏa sáng non sông, chiếu rọi từng tấm lòng Việt Nam. Người không chỉ thấy rõ mình mà thấy rõ cả mọi người, công minh, chính trực, lòng thương mênh mông.

Dân tộc ta cũng đã đúc kết truyền thống của mình trong quá trình dựng nước và giữ nước bằng câu châm ngôn:

*“Một cây làm chẳng nên non,  
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”.*

Dân tộc Việt Nam là như vậy, Hồ Chí Minh là như vậy!

Trong thời kỳ này tôi còn nhớ nhiều câu hỏi của nhiều đồng chí cán bộ ở các chiến trường nêu lên.

“Vì sao Hiệp định đã ký rồi mà nguy quân, nguy quyền không rã nhiều?”

Hay nhận định:

“Hiện nay Mỹ rút nhưng nguy không nhào mà lại mạnh hơn lên”, hoặc:

“Vừa qua là quá trình Mỹ thua nhưng cũng là quá trình nguy quyền tồn tại và mạnh lên, cả về chính quyền, về quân đội và về kinh tế...”.

Có một số triệu chứng bề ngoài cộng với những âm mưu đen tối và ngoan cố, những kế hoạch chủ quan cao độ của Mỹ - nguy, đã làm cho các đồng chí ấy không hiểu được thực chất của tình hình.

Ngay cả Hiệp định Paris có hiệu lực, nguy đã xua quân lấn chiếm một số vùng quan trọng của ta như Cửa Việt (Trị Thiên), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), đường 4 (Mỹ Tho), đường 2 (Bà Rịa), vùng Bảy Núi (Long Xuyên)... Không những chúng đã lấn chiếm nhiều vùng ta mới mở ra trước ngày 28/01 mà còn chiếm thêm một số vùng ta đã làm chủ từ trước. Trong lúc đó chúng tiến hành ào ạt nhiều cuộc hành quân càn quét và cảnh sát trong các vùng trước nay đang tranh chấp giữa ta và địch, các vùng mà chúng đang kìm kẹp, tiến hành bình định, lấp các lỗ hổng căn cứ du kích của ta, phá cho được thể xen kẽ, da beo, hoàn chỉnh vùng của chúng. Hầu hết ở các chiến trường, chúng đều đóng thêm đồn bót ở nơi mới lấn chiếm và ken dày thêm nơi chúng kìm kẹp, dọc đường giao thông chiến lược, quanh đô thị lớn. Riêng ở bốn tỉnh Mỹ Tho, Gò Công, Kiến Tường, Bến Tre, từ tháng 01 đến tháng 4/1973 chúng đóng thêm 287 đồn trong 129 ấp thuộc 24 xã. Cũng trong thời gian đó,

Mỹ đã ra sức chờ vũ khí, phương tiện chiến tranh từ Mỹ, Nhật, Philíppin qua củng cố và phát triển quân đội ngụy. Chúng trang bị thêm các loại vũ khí hiện đại cho quân ngụy như xe tăng M48, pháo 175 ly “vua chiến trường” của Mỹ, phi cơ F5E... Ngụy đã dùng mọi biện pháp bắt lính đại quy mô. Đổ đồng mỗi tháng chúng bắt 15.000 thanh niên. Nhờ đó đã bổ sung được đủ và nhanh cho quân chủ lực của chúng và số còn lại, số dự trữ để bổ sung khá lớn, được huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện tân binh mà lúc ấy không nơi nào còn đủ chỗ chứa. Quân bảo an và phòng vệ dân sự cũng tăng lên nhiều. Lập các liên đoàn bảo an để cơ động chiến đấu tại địa phương thay cho chủ lực. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1973, số tiểu đoàn bảo an toàn Miền của chúng đã từ 189 lên 337. Ở các đô thị thì phát triển mạnh cảnh sát. Thành lập nhiều tiểu đoàn cảnh sát dã chiến, đặc biệt là ở Sài Gòn. Kế hoạch của Mỹ - ngụy là liên tục phát triển quân đội ngụy thành một đội quân mạnh 1.100.000 tên, hiện đại hóa, trẻ trung hóa, hữu hiệu hóa..., nhất là tăng cường các binh chủng kỹ thuật. Không quân sẽ lên đến 1.500 - 1.800 phi cơ các loại. Cơ giới sẽ có 31 - 35 thiết đoàn...

Đi đôi củng cố phát triển quân, chúng tận lực củng cố ngụy quyền từ trung ương đến cơ sở. Tung cán bộ bình định về xã ấp, đưa sĩ quan quân đội về lập các phân chi khu ở xã - công cụ đàn áp phátxít chủ yếu - ra sức kìm kẹp nhân dân chặt chẽ hơn như: củng cố hộ liên gia, phát triển “đoàn ngũ hóa quần chúng”... Chúng phát triển do thám gián điệp khắp thôn ấp, tung ra vùng tranh chấp và vùng giải phóng của ta. Để hậu thuẫn cho ngụy quyền Thiệu để sẵn sàng yểm trợ quân đội tay sai ở Đông Dương, chủ yếu là ở miền Nam Việt Nam, Mỹ đã để ở Đông Nam Á một lực lượng quân sự cơ động gồm bốn hàng không mẫu hạm, 735 máy bay chiến thuật, 173 máy bay chiến lược B-52.

Tất cả những việc nêu trên đây, Mỹ - ngụy đã tiến hành một cách mạnh mẽ ngay từ khi có Hiệp định. Có thể nói có Hiệp định rồi, chúng lại tích cực đánh phá nhiều hơn, kìm dân chặt hơn, gây cho ta không ít khó khăn ở tất cả các địa phương.

Trong lúc đó, về phía ta, do qua một thời gian dài hoạt động liên tục từ tháng 4/1972 đến nay, nên cán bộ chiến sĩ mỗi mệt, quân số tiêu hao chưa kịp bổ sung, đơn vị nào cũng xốc xếch, thiếu người cầm súng, lương thực, đạn dược kém sút, vì vậy mà rất khó đối phó với các cuộc tấn công của địch. Một số nơi buộc phải lùi để địch chiếm mất đất, mất dân. Thêm vào đó, một số cán bộ, một ít địa phương, với tinh thần chấp hành chỉ thị của trên là đấu tranh thi hành triệt để Hiệp định Paris, sợ đánh trả địch thì vi phạm Hiệp định, chấp hành chủ trương công tác bình địch vận vô hiệu hóa quân ngụy một cách hữu khuynh, nguy hiểm, cụ thể hóa ra thành 5 cấm: cấm tấn công địch, cấm đánh quân địch càn quét lấn chiếm, cấm

bao vây đồn, cấm pháo kích đồn nguy và cấm xây dựng xã chiến đấu. Tưởng như vậy để ổn định tình hình, tránh gây căng thẳng để đi vào hòa giải hòa hợp dân tộc. Một số nơi rút các đơn vị ở phía trước về phía sau để chấn chỉnh, củng cố; cho rằng, không rút về sau thì đơn vị sẽ bị tiêu diệt. Thực tế là khi rút đơn vị vũ trang ta về, thì địch lại lần lượt phá cơ sở quần chúng, diệt cơ sở Đảng ta, xóa trạng thái da beo ở đây.

Giữa bối cảnh như vậy, nhìn vào hiện tượng rồi bởi lúc đầu ấy, một số cán bộ từ Trung ương đến địa phương nghĩ rằng sau Hiệp định, ta yếu đi nhiều, còn địch thì mạnh lên. Địch thu nhiều thắng lợi mới còn ta thì bị thiệt hại mất mát thêm. Từ đó kết luận rằng, hiện nay địch mạnh hơn ta, tương quan lực lượng trên chiến trường có lợi cho địch, bất lợi cho ta, nguy hiểm cho cách mạng. Trên cơ sở nhận định đó mà có một số chủ trương, hành động sai lầm. Tôi sẽ có dịp trở lại vấn đề cụ thể này.

Hội nghị Chính trị Trung ương Đảng lần này đã giải đáp một cách đầy đủ tất cả băn khoăn của cán bộ, của các chiến trường. Hội nghị đã phân tích một cách khoa học đúng đắn tương quan lực lượng ta địch, đánh giá một cách sâu sắc tình hình, đề ra chủ trương sáng suốt đưa cuộc cách mạng miền Nam đi lên giành thắng lợi. Kết quả của hội nghị này đã được Trung ương Đảng thảo luận nhất trí và thành Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhưng để đi đến kết quả nhất trí đó, Hội nghị Bộ Chính trị đã trải qua một cuộc thảo luận khá sôi nổi, có lúc rất căng. Một sự cọ xát giữa nhiều ý kiến khác nhau, giữa nhiều nhận thức về thực tế diễn biến trên các chiến trường... Được dự cuộc hội nghị này, tôi thấm thía biết bao về tinh thần trách nhiệm cao của từng đồng chí dự họp, tinh thần thẳng thắn phản ánh thực tế tình hình chiến trường, tinh thần đấu tranh mạnh mẽ vì chân lý và tinh thần yêu nước, đoàn kết, khách quan. Đó là cách làm việc dân chủ và tập trung của Đảng ta, bí quyết của mọi chủ trương đúng đắn, của mọi thành công.

Vấn đề thảo luận sôi nổi nhất, ngay từ đầu là vấn đề ta mạnh hay địch mạnh. Nhận xét về mạnh yếu không phải là chuyện dễ dàng. Nói chung chung mà không đi vào cụ thể thì không thể xác minh đó là mạnh, yếu. Đi vào cụ thể mà không phải cái cụ thể chung nhất thì nói yếu mạnh không hẳn là đúng mà có khi ngược lại. Lại còn cái mạnh, cái yếu ở nơi nào, thời điểm nào, là nhất thời hay cơ bản và khả năng vận động chuyển hóa của sự vật, của cái yếu và cái mạnh ấy. Và cũng phải hiểu thế nào là sức mạnh. Ví dụ sau Hiệp định một tiểu đoàn chủ lực nguy được bổ sung nhanh lên đến 400 - 500 tên, lương thực, đạn dược đầy đủ, trong lúc đó tiểu đoàn chủ lực của ta chưa được bổ sung, cao lắm là được 200 quân, đạn dược thiếu,

lượng thực kém. Tổng quân số ngụy sau khi quân Mỹ và chư hầu rút, có từ 70 vạn đến một triệu mốt, còn ta tại chiến trường đạt tỷ lệ 1/3 so với địch là cao rồi. Nếu lấy cái cụ thể đó mà kết luận rằng, ngụy mạnh ta yếu thì không thể đúng được. Ngoài số lượng vật chất ấy còn phải tính đến rất nhiều yếu tố khác cộng lại, như sức mạnh tinh thần của người chiến sĩ, chất chiến đấu về kỹ thuật, chiến thuật của đơn vị, nghệ thuật chỉ huy của cán bộ, thể bố trí của đơn vị, nhiệm vụ của nó, trong kế hoạch chiến dịch và chiến lược, trong tấn công hay phòng ngự, ngày hôm nay hay ngày mai... Đó là chưa nói đến vấn đề rộng lớn hơn nhiều là yếu tố chính trị, mục đích cuộc chiến đấu, yếu tố nhân dân... mà không một quân đội nào thoát ra ngoài được. Cuộc chiến tranh giải phóng, chính nghĩa của ta mà bao nhiêu nghị quyết của Đảng đã chỉ rõ là tiến hành bằng cả hai lực lượng quân sự và chính trị. Ta tấn công địch bằng cả lực lượng quân sự và cả lực lượng chính trị quần chúng. Nói mạnh yếu không thể chỉ nhìn khía cạnh quân sự thôi mà phải nhìn mọi mặt, cả khía cạnh chính trị đôi bên nữa.

Hàng chục năm trong chiến tranh, có biết bao lần ta phải đánh giá tương quan lực lượng ta địch. Năm 1959 là thời kỳ khó khăn nhất của cách mạng miền Nam, ngụy quyền Ngô Đình Diệm lê máy chém đi khắp nơi, đàn áp phátxít đầm máu. Chỉ có một quân đội của Diệm tung hoành trên chiến trường như một võ sĩ điều võ dương oai trên võ đài, không có đối thủ. Thế mà Nghị quyết Trung ương 15 đã tạo ra một phong trào Đồng khởi với sức mạnh vũ bão, giải phóng nhiều vùng rộng lớn, làm cho Mỹ hoảng hốt phải mở cuộc chiến tranh đặc biệt để cứu bè lũ Diệm khỏi sụp đổ. Lúc này, nếu không có cái nhìn của cách mạng, biện chứng thì không thể nào thấy sức mạnh của ta đang còn tiềm tàng trong dân, mà chỉ thấy sức mạnh cụ thể của địch. Năm 1965, số dân đi với cách mạng trong các vùng đã khá đông, nhất là ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhưng cũng không thể nhiều hơn dân bị địch kìm kẹp (nhưng đừng ai tưởng rằng số dân địch kìm kẹp là của địch). Lực lượng vũ trang ta thì du kích tương đối mạnh, nhưng chủ lực mới xây dựng một số ít trung đoàn. B2 lúc ấy mới có 2 trung đoàn chiến đấu được. Còn địch ngoài bảo an, dân vệ chúng có hàng chục sư đoàn trang bị kỹ thuật mạnh và hàng vạn cố vấn Mỹ, lại có các đơn vị trực thăng, phi cơ chiến đấu, tàu hải quân Mỹ yểm trợ và tham gia trực tiếp chiến đấu. Thế mà chúng ta đã mở chiến dịch Bình Giã, tiêu diệt gọn nhiều tiểu đoàn mạnh của địch và các chi đoàn thiết giáp, hạ nhiều máy bay, mở ra một thời kỳ mới trong chiến tranh. Sau các trận đánh sân bay Biên Hòa, chiến dịch Bình Giã rồi các trận thắng Ba Gia, Pleiku, Mỹ - ngụy đã thấy rõ nguy cơ ngụy quân bị tiêu diệt, ngụy quyền sụp đổ. Vì vậy mà Mỹ phải ồ ạt đưa quân Mỹ vào để cứu nguy, chữa cháy, chuyển chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” thành chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, theo đúng chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của Mỹ



để làm tròn vai trò sen đầm quốc tế. Trước khi quân Mỹ vào, so sánh tương quan lực lượng ta địch, nếu cứ nhìn số lượng cụ thể, vật chất kỹ thuật đơn thuần, thì ai dám bảo rằng ta mạnh, có khả năng tiêu diệt nguy quân, đánh đổ nguy quyền? Rồi khi quân Mỹ ào ạt vào một lúc khoảng 20 vạn quân, trang bị hiện đại, dựa vào sức mạnh của hỏa lực áp đảo và cơ động nhanh, tiến hành phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966, ta nhận định rằng Mỹ - nguy không mạnh và bị động, và ta vẫn nắm vững chiến lược tấn công, ta mở chiến dịch tấn công Bàu Bàng - Dầu Tiếng và giành chủ động chiến trường, thu nhiều thắng lợi. Năm 1968, khi quân Mỹ lên tới gần nửa triệu quân với các vũ khí hiện đại đủ loại, trừ bom nguyên tử, lại mua được xương máu của một số quân chư hầu tay sai ngoài quân đội Thiệu, thế mà ta thấy rõ được chỗ yếu của địch, thấy được sức mạnh của ta, phát huy sức mạnh ấy cao độ tiến hành cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân, có một không hai trong lịch sử chiến tranh xưa nay. Đòn Mậu Thân không những đánh địch cùng một lúc vào mọi trung tâm đô thị, các cơ quan đầu não chiến tranh xâm lược Mỹ ở Sài Gòn - thủ đô nguy, mà còn tiêu diệt được nhiều sinh lực quan trọng của Mỹ - nguy. Đòn chiến lược này đã thắng chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, đi vào hòa đàm Paris, chuyển qua chiến lược “phi Mỹ hóa chiến tranh” rồi chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Như vậy ta đã dập tan từ đó chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ. Tên sen đầm quốc tế đã phải run sợ với vai trò tự đặt ra cho nó, tiêu tan mộng ảo “sức mạnh quân sự tuyệt đối Hoa Kỳ”. Nhưng mặt khác trong Tết Mậu Thân, ta không đánh giá đúng về tương quan lực lượng ta địch cụ thể lúc ấy, không thấy hết khả năng còn lớn của địch và điều kiện còn hạn chế của ta, đề ra yêu cầu cao quá sức thực tế ta có. Nghĩa là ta không dựa vào sự tính toán khoa học, cân nhắc sâu sắc mọi yếu tố mà có phần ảo tưởng dựa vào sự mong muốn chủ quan. Chính vì vậy, mặc dầu là một chủ trương tài tình, độc đáo, đúng thời cơ, việc tổ chức thực hành giỏi, táo bạo, hợp đồng tuyệt diệu trên toàn chiến trường, mọi người hành động vô cùng dũng cảm, xả thân, giành thắng lợi hết sức to lớn, tạo ra một bước ngoặt chiến lược có ý nghĩa ở Việt Nam, Đông Dương, nhưng chúng ta đã phải chịu một hy sinh thiệt hại lớn lao về sức người, sức của, đặc biệt là cán bộ các cấp, làm cho sức ta yếu xuống rõ rệt. Sau đó không những ta không giữ được tất cả các thành tựu đã đạt được mà còn chịu muôn vàn khó khăn tiếp theo trong những năm 1969 - 1970 để giữ cho cách mạng đứng vững trước cơn sóng gió. Đánh rằng con đường cách mạng không bao giờ là con đường suôn sẻ đi lên mãi mãi, thắng lợi nào mà không chịu sự hy sinh, nhưng trong trường hợp Tết Mậu Thân nếu ta cân nhắc chu đáo, phù hợp với tương quan lực lượng đôi bên, đề ra yêu cầu xác đáng thì thắng lợi ta còn to lớn hơn nhiều, tiết kiệm được nhiều

xương máu của cán bộ, chiến sĩ, của nhân dân và sự tiến triển sau đó của cách mạng chắc chắn là khác nhiều. Năm 1972, sau một thời gian nỗ lực vượt bao khó khăn hàn gắn những tổn thất to lớn vừa qua, phát triển thế và lực với một tinh thần cách mạng tuyệt vời của chiến sĩ và nhân dân, bộ đội ta đã tham gia giành những thắng lợi ở Campuchia, Lào, tuy vậy chủ lực ta vẫn chưa về hoàn toàn được đất miền Nam. Trong tình hình như vậy, ta đã xác định đúng thế và lực của đôi bên, mở các chiến dịch tấn công, giành nhiều thắng lợi, phá tan nhiều tuyến phòng thủ kiên cố của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, mở ra nhiều vùng giải phóng liên hoàn ở Đông Hà, Đắc Tô, Tân Cảnh, Lộc Ninh, Bù Đốp, Bắc Tây Ninh, rồi phối hợp với chiến thắng lớn “Điện Biên Phủ trên không” ở miền Bắc, thực hiện được quyết tâm của ta là đánh tan ý đồ ảo tưởng thương lượng trên thế mạnh của Mỹ, buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Paris có lợi cho ta.

Rõ ràng qua mỗi giai đoạn của cách mạng, của chiến tranh cách mạng, việc đánh giá đúng đắn sức mạnh của ta và địch, thấy rõ cái yếu của địch và cái yếu của ta, đánh giá đúng tương quan lực lượng đôi bên là điều kiện cơ bản nhất cho những chủ trương đúng tiếp theo, đưa cuộc cách mạng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đến toàn thắng cũng xuất phát từ sự đánh giá tình hình, đánh giá tương quan giữa cách mạng và phản cách mạng, không những trong nước mà cả trên thế giới, nói chung là chính xác, mặc dầu có lúc có nơi, có cái cụ thể, đã phạm sai lầm, nhưng cái đúng là bao trùm nên nó quyết định thắng lợi. Có cái gì trên thực tế là hoàn toàn đúng hết đâu. Đừng sợ khi nói đến cái sai, chỉ sợ có sai mà không thấy và không sửa. Nhưng mỗi lần đánh giá sai tương quan lực lượng ta địch thì thế nào cũng đi tới hữu khuynh sợ địch hoặc tả khuynh chủ quan, vấp vấp trong chủ trương và hành động. Chính vì vậy mà việc đánh giá tình hình, đánh giá tương quan lực lượng, xuất phát điểm của chủ trương đường lối, phải là tập trung trí tuệ tập thể, căn cứ vào thực tế diễn biến mà suy luận đánh giá.

Hiệp định Paris được ký kết là thể hiện rõ nhất tương quan lực lượng trên chiến trường lúc ấy. Mỹ - ngụy cũng đánh giá kỹ tương quan lực lượng đôi bên, sau khi đã cố gắng giằng co ở miền Nam, không để mất thêm đất, và đã dõ dỏi thủ đoạn dã man độc ác nhất là dùng B-52 oanh tạc tập trung Hà Nội, Hải Phòng và phong tỏa miền Bắc. Chúng đã đánh giá khả năng ý chí của chúng cũng như “nắn nót” khả năng ý chí của đối phương rồi mới chịu cầm bút ký vào Hiệp định, chịu một số điều kiện không lợi cho chúng. Ta cũng cân nhắc kỹ sức mạnh của địch đến đâu, mưu đồ của nó là gì và sức lực có thể của ta để ký vào một Hiệp định có nhiều điểm lợi cho ta. Như vậy là Hiệp định Paris được ký kết trên cơ sở cả ta và địch đều cân nhắc

mạnh yếu của nhau và cân nhắc cả tương quan lực lượng trên thế giới nữa. Ký kết Hiệp định Paris là Mỹ đã chịu thua một bước nhưng chỉ chịu thua tới đó thôi, ta đã giành thắng lợi nhưng thắng lợi đến đó thôi. Nhưng bước thua đó của Mỹ và mức thắng ấy của ta đã chứng tỏ rằng cách mạng mạnh hơn phản cách mạng rồi. Sao lại cho là ta yếu địch mạnh?

Điều kiện quan trọng nhất ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc chiến tranh mà Hiệp định đạt được là quân Mỹ và chư hầu phải rút hết khỏi miền Nam Việt Nam và Mỹ phải chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc nước ta. Cái hay ở chỗ là điều kiện này giống như phù hợp với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, phù hợp với chủ thuyết Nixon “Liên minh khu vực, tự phòng thủ” mà không phải là thua phải bỏ chạy. Cái hay ở chỗ là giúp cho Mỹ rút quân đội về nước, thỏa mãn yêu cầu của nhân dân Mỹ, gỡ thế bí là không thể tiếp tục duy trì một đội quân Mỹ ở hải ngoại như vậy lâu hơn nữa mà càng ngày càng bị thua thiệt dẫn đến nguy cơ bị thua hoàn toàn. Việc rút khỏi miền Nam Việt Nam ấy theo sự quy định của Hiệp định tức là có sự thỏa thuận đôi bên làm cho Mỹ đỡ mất mặt một phần. Còn về ta thì điều kiện ấy vô cùng quan trọng cho sự tiến triển của cách mạng của ta và của cả Đông Dương. Trước Hiệp định ta phải đánh với cả quân ngụy và hàng chục vạn quân Mỹ và chư hầu, với sự yểm trợ mạnh mẽ của hải quân, không quân Mỹ bao gồm cả máy bay chiến lược B-52. Khi Hiệp định đã có hiệu lực, quân Mỹ và chư hầu rút hết khỏi chiến trường. Quân ngụy không còn chỗ dựa là quân Mỹ, không còn được sự yểm trợ mạnh mẽ như trước của không quân, hải quân Mỹ. Hỏa lực của ngụy kém sút hơn Mỹ nhiều. Mặc dù quân ngụy có tăng thêm lực lượng, được chủ Mỹ cho thêm phương tiện, vũ khí có cả vũ khí hiện đại hơn trước, nhưng muốn phát huy được hiệu lực của các binh chủng mới, của lực lượng mới, phải qua một thời gian huấn luyện và rèn luyện trên thực tế. Đã vậy việc đảm bảo kỹ thuật cho từng ấy quân ngụy, hiện đại hóa, không phải là chuyện dễ dàng và càng không thể khắc phục trong một vài năm. Đó là chưa nói hết đến trạng thái tinh thần của quân ngụy đã bị hoang mang do sự tác động của quần chúng nhân dân sau khi Hiệp định Paris được ký kết. Thực tế trên chiến trường qua báo cáo của tất cả các đơn vị, địa phương, thì sau Hiệp định, hỏa lực pháo và không quân của ngụy trong tác chiến đã giảm sút đáng kể và ngày càng có chiều hướng giảm sút. Sự chi viện của pháo và không quân ngụy cho bộ binh rất tồi vì bắn không chính xác và số đạn hạn chế. Quân ngụy trước nay quen dựa vào quân Mỹ, nay phải đơn độc tác chiến, thiếu sự chi viện và yểm trợ có hiệu lực của Mỹ, nên tinh thần sa sút rất rõ. Như vậy sau Hiệp định, tương quan lực lượng trên chiến trường đã thay đổi một cách rất quan trọng, có lợi cho ta, sức chiến đấu của quân ngụy tụt xuống rõ ràng, thế và lực ta phát huy mạnh mẽ. Thế mà lại cho rằng Mỹ rút mà ngụy mạnh lên, mạnh hơn ta

thì thật là một sự suy luận không có căn cứ, không khác nào tưởng tượng ra ma để tự nhát mình.

Hiệp định đã quy định chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển bất cứ từ đâu tới... Như vậy miền Bắc xã hội chủ nghĩa sẽ có điều kiện rất tốt, phát huy hiệu quả to lớn của căn cứ địa của cả nước, có điều kiện làm tròn tốt nhất nhiệm vụ hậu phương lớn của cách mạng miền Nam. Thế và lực của miền Nam ta mạnh, của cả nước ta mạnh thì sẽ hoàn thành thắng lợi sự nghiệp cách mạng vẻ vang của mình là điều chắc chắn, tuy còn phải trải qua nhiều khó khăn. Song, ta cũng phải thấy hết cái yếu còn tồn tại của ta để không chủ quan, để nỗ lực khắc phục. Lực lượng vũ trang của ta đã xốc xếch, cần phải gấp rút bổ sung, củng cố. Lực lượng quân địa phương và du kích còn quá ít, công tác dân vận của ta còn nhiều kém cỏi... Nhưng ta khắc phục những cái yếu và khó khăn ấy trong thế thắng, thế mạnh với một tinh thần phấn khởi tự tin.

Vì không nhận thức như vậy nên lúc ấy có sự lo ngại lực lượng đứng sau của ta bị tiêu diệt, ngại vùng tự do của ta bị chiếm, bị mất, nên có một số chủ trương cụ thể vội vã và sai lầm mà Hội nghị Bộ Chính trị, Nghị quyết 21 (10/1973) đã chấn chỉnh, nếu không sẽ để ra bao tai họa. Đó là chủ trương sai lầm gấp rút ổn định tình hình bằng cách bỏ vùng tranh chấp chủ động chuyển thành hai vùng: vùng ta và vùng địch; là phải điều chỉnh lại, bố trí lại lực lượng, rút lực lượng của ta từ vùng địch về vùng ta để củng cố chấn chỉnh lại; là phải nhanh chóng tiến hành các việc ấy, hoàn thành trong một thời hạn ngắn nhất; là phải dứt khoát phân định vùng để có phương châm đấu tranh phù hợp, không được nhập nhằng.

Rõ ràng nguy quyền Nguyễn Văn Thiệu rất mong được như vậy. Chúng rất sợ hình thái xen kẽ da beo trên chiến trường mà nơi nào cũng có lực lượng của ta, ngay cả trong vùng đô thị, thủ đô của chúng. Chúng đánh giá được hiệu năng hoạt động, chiến đấu của mỗi một đảng viên, mỗi chiến sĩ biệt động, du kích của ta... Chúng cũng đánh giá được một đơn vị vũ trang nhỏ của ta đứng ở vùng chúng kìm kẹp, ở vùng lõm du kích. Mỗi một người đó, mỗi đơn vị đó là một họng súng kể lên thái dương địch, là một chỗ dựa tinh thần của nhân dân, là một cột trụ của các tổ chức quần chúng bí mật tại chỗ. Mỗi hành động của họ là một nguồn truyền truyền cổ vũ cho lòng yêu nước, cho cách mạng, chống đàn áp bóc lột, bất công. Họ không nói gì nhiều đâu mà họ hành động. Hình ảnh của họ là ánh sáng trong vùng đen tối, ánh sáng ấy ban đầu tuy nhỏ nhưng ngày càng tỏa sáng rộng ra xung quanh mà không thể nào tắt đi được. Mỗi đảng viên và chiến sĩ đó, mỗi đơn vị nhỏ đó lại có chỗ dựa của họ là các đơn vị lớn hơn của ta. Đó là một hệ thống không thể

mất đi của mắt xích nào. Đó là trận đồ bát quái của chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân của ta, làm cho quân địch nghẹt thở, nơm nớp lo sợ ngày đêm, thấy chỗ nào cũng phải phòng ngự, phải có quân mạnh mới yên tâm. Mỹ chẳng phải đã đánh giá là để đối phó với một người của ta chúng phải có 5 rồi sau tăng lên 10 - 20 tên đó sao. Thế mà ta tình nguyện “chủ động” rút lui các lực lượng ta ở vùng địch kiểm soát, ở vùng tranh chấp về phía sau để củng cố, tự mình xóa đi thế cài răng lược rất lợi hại của cách mạng đã từng làm cho địch run sợ. Có phải như thế là ta đã giúp địch một tay để làm được cái việc vô cùng quan trọng mà chúng phải đánh phá ác liệt và bình định bao nhiêu năm vẫn không làm được? Nếu lập luận rằng đây là tạm thời trong một thời gian để củng cố lực lượng ta thôi, khi ta mạnh rồi thì trở vào và tác dụng sẽ lớn hơn nhiều... Đó là tưởng tượng của những người không có thực tế. Thực tế ở chiến trường B2 của ta là khi đã rút đi, bỏ cơ sở nào đó, dù là chủ động, thì không cần một thời gian lâu đâu mà trong vài ba ngày thôi, địch đã lấp lại vùng đó, kìm dân, càn quét, đóng đồn. Khi ta muốn đưa lực lượng trở lại mở vùng, mở lõm, tổ chức quần chúng của ta thì không khác nào như làm lại hoàn toàn từ đầu, còn khó hơn nhiều là công tác ở vùng mà trước ta chưa có cơ sở gì, lại phải đổ bao nhiêu máu của đồng chí, đồng bào ta. Các đồng chí đã từng hoạt động ở địch hậu, ở vùng tranh chấp, hẳn thấm thía nhiều với kinh nghiệm này. Mỗi một đồng chí ta, mỗi một đơn vị bám trụ được một cơ sở nào đó, tạo được một lõm căn cứ chính trị, căn cứ du kích nào đó là vô cùng quý giá trong một cuộc đấu tranh sống còn như của ta với địch vừa rồi. Mỗi lần mất đi một cơ sở, một lõm căn cứ như vậy là một lo nghĩ, một đau lòng mà ta phải tìm mọi cách khôi phục. Ở đây tôi muốn nhắc lại tấm gương anh dũng vô song của cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 320, năm 1969 - 1970 nhận nhiệm vụ để hoạt động ở tỉnh Long An, vùng Đức Huệ, Bến Lức, Cần Đức, Cần Giuộc, Tân Trụ, Châu Thành, Tân An. Thời kỳ ấy mọi người chúng ta đều không thể quên - sau Tết Mậu Thân, Mỹ tăng thêm quân vào Việt Nam, tăng thêm vũ khí đạn dược đủ loại, đạt tới số quân cao nhất trong chiến tranh, điên cuồng phản kích lại ta. Mỹ - ngụy đã liên tục đánh phá càn quét, bình định, vô cùng ác liệt. Nhiều nơi nhân dân ta bị tàn sát, bị gom vào ấp chiến lược, nhiều cơ sở bị mất, nhiều đồng chí hy sinh. Đặc biệt là các vùng ven giáp đô thị, các vùng đông dân có vị trí chiến lược quan trọng. Long An thuộc vùng như vậy. Đó là vùng bao bọc Sài Gòn từ hướng tây bắc cho đến hướng tây nam, vùng đông dân phì nhiêu, cửa ngõ của đồng bằng sông Cửu Long, nối đồng bằng với thành phố Sài Gòn, nối vùng Đồng Tháp Mười của ta với căn cứ cách mạng Bắc Tây Ninh. Long An còn là một tỉnh mà phong trào cách mạng đã có truyền thống từ lâu đời, chống Pháp và chống Mỹ, nhân dân rất yêu nước và kiên cường mà Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã



tặng 8 chữ vàng: “Trung dũng kiên cường toàn dân đánh giặc”. Chính vì vậy mà Mỹ - ngụy tập trung đánh phá ở đây, có lúc lấy đây làm thí điểm bình định, nhưng vẫn thất bại cay đắng.

Ngoài lực lượng đủ loại của quân ngụy, Mỹ còn dùng một phần của Sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới” và Lữ 3 Sư đoàn 9 Mỹ cùng hoạt động và kèm cặp ngụy ở vùng này. Tôi còn nhớ thời kỳ ấy các đồng chí ở Long An đã nói với chúng tôi như sau: “Quả thiệt địch đã xuống thang chiến tranh, nhưng chân thang chúng lại đặt ở tỉnh Long An!”. Đây là nấc thang cuối cùng nên chúng càng xuống thang thì quân của chúng càng dày đặc ở đây, càng đánh phá trút bom đạn ác liệt! Thật là một hình dung bất hủ, mới nghe ai cũng phì cười, nhưng nó đã tả đúng sự diễn biến lúc ấy. Nhất định ta không để cho địch thành công ở đây, nó sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào chung. Bộ Tư lệnh Miền đã thảo luận nhiều, cân nhắc mọi mặt và quyết định tăng cường lực lượng cho Long An, đưa Trung đoàn 320 về đây cùng với địa phương chống địch giữ vững phong trào, giữ vững cơ sở và các vùng căn cứ du kích của ta. Trung đoàn 320 là một đơn vị có nhiều thành tích, đã có nhiều thử thách trong chiến đấu, trong chịu đựng gian khổ ác liệt. Là một trung đoàn chủ lực độc lập, lâu nay thường hoạt động tập trung và quen thạo chiến trường rừng núi, nay được phái về một vùng đồng bằng đông dân, địa hình trống trải, nhiều sông rạch chia cắt, phải chiến đấu linh hoạt với nhiều hình thức từng đại đội, tiểu đoàn riêng lẻ và rất nhiều khi phải đánh phân tán, cỡ trung đội, tiểu đội. Không những phải tác chiến tiêu diệt địch mà còn phải biết vận động tổ chức quần chúng, binh địch vận, trừ gian diệt ác, tổ chức và hướng dẫn, phối hợp du kích, bộ đội huyện hoạt động. Phải chuyển một đơn vị chủ lực tập trung về hoạt động phân tán như thế này, có thể nói hầu như không còn là một đơn vị chủ lực nữa, là một việc bất đắc dĩ nhưng không có không được trong một hoàn cảnh nhất định và một thời điểm nhất định.

Trong cuộc chiến tranh mà hình thức hoạt động muôn hình muôn vẻ của ta suốt hàng chục năm trường, mà chiến trường thay đổi trạng thái hàng ngày, những quyết định như thế này, không phải chỉ một lần ở một hướng nào đó, khi mà du kích và bộ đội địa phương ở hướng đó bị tiêu hao chưa củng cố kịp mà ta cần giữ vững phong trào, thì đây là những quyết định đúng. Nhưng cũng có trường hợp dùng chủ lực không phù hợp ở vùng đồng bằng, tưởng đâu đưa chủ lực về là có thể mở toang đồng bằng ra. Kỳ thật không phải vậy (tôi nói kỹ về vấn đề này trong trường hợp khác).

Ngày 18/12/1968, tôi đã thay mặt Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền đến một điểm thuộc tỉnh Tây Ninh làm việc và giao nhiệm vụ cho trung đoàn ở nơi tập kết để



chuẩn bị mọi mặt cho công tác mới. Ròng rã ngót chục ngày đường đi bộ, vai mang ba lô, tay chống gậy mây, quần xắn trên đầu gối, với đôi dép cao su vụn dăm, tôi cùng một tiểu đội bảo vệ được vũ trang mạnh, len lỏi qua những đường rừng quanh co, những trảng trống ngập đầy nước đọng. Rừng hoang nhiệt đới, cây to đủ loại, dây leo chằng chịt ngày trước, nay xơ xác trống trải, ngọn cây cụt, lá cháy trụi bởi bom đạn và chất độc hóa học, trông thật đau lòng. Đồng chí Hùng, cán bộ bảo vệ của tôi, người nhỏ thó nhưng chắc nịch, quê ở Bến Cát, nơi cũng có nhiều rừng, nằm trên vông mắc gần vông tôi trong khóm cây còn chưa trụi lá. Sau một ngày đi vất vả Hùng cứ trần trọc đứng đưa vông. Tôi hỏi: “Hùng, sao em không ngủ để lấy sức mai đi sớm, đường còn xa đấy”. Hùng trả lời: “Ừa, thấy anh nằm im, em tưởng anh ngủ rồi. Anh Tư ạ, em đang tiếc là rừng ta bị phá nhiều quá. Mấy chục năm mới có được một cây thế này” - Hùng chỉ cây gỗ to bị bom đào tróc gốc nằm ngay bên cạnh chúng tôi - “Quê em bây giờ cũng thành bình địa rồi anh à!”. Tôi cảm động an ủi Hùng nhưng cũng là để tự nói với mình: “Diệt hết quân thù ngày mai đất nước sẽ rạng rỡ. Dân ta có đủ tài năng và sáng tạo, lo gì! Rừng ta rồi sẽ trở lại màu xanh”.

Đến chỗ Trung đoàn trú quân, rừng còn khá hơn một ít, lán trại dựng tạm với những cành cây nhỏ và lợp lá trung quân (loại lá cây to bằng bàn tay, đặc biệt là đốt không cháy dù đã khô, mọc đầy khắp rừng miền Nam ta). Mỗi trại vừa đủ cho một tiểu đội. Tôi và tiểu đội của tôi cũng được phân cho một cái. Đại biểu Tỉnh ủy và Tỉnh đội Long An đã có mặt sớm hơn tôi một ngày để cùng dự buổi họp làm việc và bàn kế hoạch hợp đồng với tham mưu trung đoàn. Tôi đã gặp các đồng chí Nguyễn Đức Khôi - Trung đoàn trưởng, Lê Văn Minh - Chính ủy, Hồng Hải, Trình Ngọc Chậm - Trung đoàn phó, các đồng chí thân yêu và dũng cảm này lần lượt hy sinh oanh liệt trong chiến đấu vào những năm 1969 - 1970. Tôi cũng đã gặp nhiều đồng chí cán bộ ưu tú khác trong Bộ Chỉ huy Trung đoàn, trong các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần của Trung đoàn và các ban chỉ huy tiểu đoàn mà ngày nay có đồng chí đã thành liệt sĩ, có đồng chí đã trưởng thành, dày dạn, tiếp tục xây đắp truyền thống vinh quang của Trung đoàn, hay được phân phối công tác khắp các nơi.

Cuộc họp diễn ra ngay sau khi tôi tới một tiếng đồng hồ - thời gian vừa đủ cho việc triệu tập cán bộ lại. Không cần hội trường, chỉ có bàn ghế, anh em ngồi trên những mô đất, những thân cây gãy, giữa một khu rừng sạch sẽ, dưới tán cây lá xác xơ. Chúng tôi chỉ làm việc ban ngày. Về đêm dưới ánh sáng trăng, sao, tôi đi thăm từng lán trại, nói chuyện với chiến sĩ, cán bộ, về quê hương, gia đình, về tình hình chiến cuộc miền Nam, về Thủ đô Hà Nội cho đến cả tình hình nước Mỹ, tình hình

thế giới. Thôi thì đủ chuyện, nghiêm nghị có, đùa vui có, và cả những tâm tình, những thắc mắc riêng tư... Đêm nào tôi cũng về đến lán của mình ngủ khá khuya. Thế mà có đủ thì giờ đâu - không làm sao đi khắp được các lán trại.

Trước một bản đồ miền Đông Nam Bộ bao gồm cả tỉnh Long An, Gò Công, một phần Đồng Tháp Mười, treo trên thân cây, với que trúc vừa chọt ở bụi bên cạnh, tôi nghiêm trang truyền đạt mệnh lệnh trực tiếp cho Trung đoàn. Tiếp theo đó tôi giải thích rõ về địa hình, về tình hình ta và địch ở các nơi mà đơn vị sẽ hoạt động. Cán bộ của trung đoàn chưa ai hiểu biết về vùng này. Riêng tôi nhờ hoạt động từ hồi kháng chiến chống Pháp tới nay, tôi đã từng lội bộ khắp nơi này nên biết rõ về con người và địa vật để truyền đạt căn kẽ bước đầu cho anh em. Tôi đã chỉ thị cụ thể về nhiệm vụ, phương châm, phương thức tác chiến, về những hình thức chiến thuật địch đã và sẽ dùng ở từng nơi trong tỉnh, về chiến thuật và kỹ thuật mà ta cần áp dụng để đánh thắng. Tôi đã nói về phương pháp vận động quân chúng, về công tác tổ chức du kích và giúp đỡ bộ đội địa phương, về việc kết hợp giữa các đơn vị của Trung đoàn với xã và huyện sở tại, giữa Trung đoàn và tỉnh đội. Cuối cùng, tôi đã chỉ thị về công tác Đảng và công tác chính trị, về sinh hoạt tinh thần và vật chất của cán bộ chiến sĩ trong mỗi trường hợp hoạt động từng đơn vị lớn, nhỏ, từng tổ lẻ rải rác.

Sau đó, anh em có hai ngày thảo luận về mọi mặt và nêu những gì còn thắc mắc chưa rõ để tôi giải đáp cuối cùng.

Những ngày làm việc khẩn trương và nghiêm túc, những tình cảm thân thiết chan hòa ở Trung đoàn 320 không thể nào quên. Anh em từ cán bộ đến chiến sĩ đều rất phấn khởi được nhận nhiệm vụ, vui vẻ bàn bạc và cố hình dung những trận chiến đấu sắp tới, những gì gian khổ đang chờ đợi.

Nói sao hết những tháng ngày vô cùng khó khăn mà cán bộ và chiến sĩ của toàn Trung đoàn đã đồng cam cộng khổ với cán bộ địa phương, với du kích và nhân dân, một bước không đi, một ly không rời, mặc bom đạn tập trung ác liệt mà anh em chỉ có những gốc dừa nước mỏng manh làm cộng sự. Có ai ghi lại những sinh hoạt kỳ lạ của anh em, ngày ngày dầm mình dưới bùn lấy nước đọng của bãi lá, bắn trực thăng, phi cơ, đánh càn quét, “nhảy dò”<sup>1</sup> của Lữ 3 Sư đoàn 9 Mỹ, đêm đêm lại cùng nhân dân bàn mưu tính kế đánh địch, mua tải lương thực

---

1. “Nhảy dò” là danh từ địa phương đặt cho một loại chiến thuật phổ biến của quân Mỹ ở Long An lúc ấy. Đó là dùng từng toán quân nhỏ đổ bộ đột kích từ vài chiếc trực thăng đang bay thấp và chậm, bất ngờ bắn phá bừa bãi và dữ dội một vài điểm nghi có quân ta, có căn cứ của cán bộ địa phương, nơi tập trung của nhân dân để làm công tác cách mạng. Sau đó lập tức nhảy lên trực thăng nhanh chóng trốn thoát.

đạn dược trong các ấp chiến lược. Làm sao quên được những đêm hành quân qua sông Vàm Cỏ, căng thẳng, lo âu. Một đại đội từ huyện này qua huyện bên cạnh phải mất 5, 7 đêm liền, rồi lại qua đường 4 của địch căng dày đồn bót, dây thép gai, bãi mìn... Thế mà từ tháng này qua tháng nọ phải cống thương binh về phía sau, đưa vũ khí đạn dược và tân binh lên bổ sung tại chỗ trên đoạn đường dài của vùng xen kẽ gần 100 cây số với khẩu hiệu “kiên trì, bám trụ, chủ động tấn công”, “sống chiến đấu ở đây mà chết cũng ở đây, vì thành công của cách mạng” (ngày nay nhân dân vùng Cần Đức, Tân Trụ, Đức Huệ, Châu Thành... hằng năm vào những ngày quét mộ sắp tết, các má, các bà con đã đắp lên nấm mộ vô danh của chiến sĩ Trung đoàn 320 những năm đất tưởng lệ nhớ thương, nghĩa tình!). Chính vì vậy mà Trung đoàn đã cùng địa phương giữ vững được cơ sở cách mạng, các căn cứ của huyện, xã, các lõm du kích qua nổi thời kỳ khó khăn nhất. Mùa xuân 1975, Trung đoàn nằm trong đội hình của Sư đoàn 8 thuộc Quân khu 8 cùng các lực lượng khác tham gia tiêu diệt từng tiểu đoàn, trung đoàn, Sư đoàn 7 ngụy và kết hợp với nổi dậy của nhân dân, giải phóng vùng Tiền Giang. Với gương chiến đấu oanh liệt của mình, Trung đoàn cũng như các đơn vị và địa phương khắp các chiến trường đã góp cho B2 những kinh nghiệm quý báu. Qua những sự việc điển hình ở chiến trường như vậy mà các đồng chí trong Trung ương Cục miền Nam và Quân ủy Miền đã không đồng ý rút lực lượng phía trước về phía sau mà lệnh phải củng cố chấn chỉnh tại chỗ, giữ vững thế xen kẽ ba vùng và đã tích cực báo cáo ý kiến này với Trung ương.

Lại còn vấn đề hai vùng hay ba vùng. Trong suốt cuộc chiến tranh một mất một còn giữa ta và địch, sự đấu tranh ác liệt căng thẳng đã diễn ra trên toàn chiến trường và từ đó đã hình thành ba vùng:

- Vùng ta mạnh, lực lượng vũ trang lớn của ta đứng chân, nhân dân ở đây tham gia mọi hoạt động trong các tổ chức quần chúng, tham gia đánh địch bằng mọi cách, chính trị, binh vận và quân sự.

- Vùng địch mạnh, chúng kiểm soát bằng quân sự và cảnh sát, đàn áp bóc lột nặng nề. Ở đó, ta tổ chức quần chúng bí mật, có du kích, bộ đội biệt động và đặc công. Ta có những lõm chính trị mà nhân dân bí mật cất giấu cán bộ và giúp cách mạng bằng nhiều biện pháp che mắt địch, lũng trong công khai hợp pháp. Những lõm căn cứ du kích, cất giấu vũ khí lương thực, có du kích, có khi có bộ đội địa phương và đơn vị mũi nhọn của chủ lực đứng chân hoạt động. Tất nhiên có các chi bộ Đảng lãnh đạo tại chỗ - nhân tố trung tâm của phong trào.

- Giữa hai vùng ta và vùng địch ấy có một vùng ta gọi là vùng tranh chấp, rộng hẹp tùy nơi. Đây là một vùng mà sức mạnh đôi bên tương xứng, đang tranh

giành nhau quyết liệt, luôn luôn xáo động, biến chuyển có khi từng ngày, từng giờ. Ở đây quần chúng nhân dân phần lớn là đi với cách mạng, các loại lực lượng và tổ chức cách mạng đều có. Bộ đội địa phương huyện, tỉnh thường hoạt động ở đây, đôi khi có đơn vị chủ lực của khu hay của trên thọc về đây đánh địch và hỗ trợ cho địa phương. Địch thường hành quân đánh phá, càn quét, dùng phi pháo oanh tạc, gom dân về vùng chúng. Có thể nói, cuộc đấu tranh ở đây bằng mọi hình thức của cả đôi bên diễn ra hàng giờ, cả ngày và đêm. Có nơi ban ngày do địch ban đêm do ta kiểm soát. Bên này cố đẩy lùi bên kia để biến dần thành vùng mình kiểm soát. Do vậy, vùng tranh chấp thường thay đổi liên tục giống như một vùng đất đai toàn cát, nằm giữa hai chiều gió. Nếu gió từ bên này thổi mạnh hơn thì cát đổ xô về phía kia, lấn vào phía kia, hoặc ngược lại. Khi nào còn hai phía, cách mạng và phản cách mạng và hai phía ấy còn đấu tranh chống nhau cố giành đất, giành dân về mình thì còn có vùng tranh chấp. Nó sẽ chỉ mất đi khi không còn có đấu tranh giữa hai bên nữa, nghĩa là một bên chịu khuất phục và bên kia toàn thắng.

Hiệp định Paris không phải chấm dứt đấu tranh giữa cách mạng và phản cách mạng và cũng không chấm dứt đấu tranh được ngay cả đấu tranh vũ trang mà nó quy định vì địch vi phạm, lấn chiếm như nói trên kia với ý đồ là chỉ còn một chính quyền ngụy, một quân đội ngụy. Thế mà chủ trương tự ta nên phân định dứt khoát thành hai vùng thôi, vùng địch và vùng ta, để có phương châm đấu tranh thích hợp cho mỗi vùng, để ổn định ngay tình hình, để ta có thể củng cố xây dựng lại lực lượng vũ trang của ta đã yếu rồi, xây dựng vùng kinh tế của ta, xây dựng chính quyền của ta, thì thật là không phù hợp chút nào. Tôi còn nhớ trong cuộc họp các đồng chí trong Trung ương Cục chuẩn bị tham gia Hội nghị Bộ Chính trị, các đồng chí đều khẳng định là căn cứ vào thực tế chiến trường B2 thì bất cứ tình hình nào, thời kỳ nào cũng phải giữ đấu tranh ở cả ba vùng. Trừ phi ta thủ tiêu đấu tranh thì mới mất đi vùng tranh chấp. Thực tế không phải mất đi mà vùng ta lần lượt biến thành vùng tranh chấp, vùng tranh chấp sẽ biến thành vùng địch, cho tới khi không còn cả vùng ta lẫn vùng tranh chấp mà chỉ còn độc nhất vùng địch kiểm soát. Các đồng chí còn phân tích rằng, thực tế không bao giờ có tình hình ổn định trên chiến trường vì cả ta và địch không bên nào thủ tiêu đấu tranh cả, cho dù không còn chiến đấu vũ trang thì vẫn còn đấu tranh chính trị, kinh tế.

Trong lúc đang họp Bộ Chính trị mở rộng thì đồng chí Trần Hữu Dực được Trung ương phái vào chiến trường Trị Thiên nghiên cứu tình hình thực tế đã về và báo cáo tại hội nghị rằng Trị Thiên đã phân vùng xong, từ đường xe lửa trở về biển là vùng địch, từ đường xe lửa lên biên giới với Lào là vùng ta. Đã rút bộ đội về vùng ta củng cố. Tình hình hiện nay đã ổn định, anh em đều phấn khởi...

Chúng tôi đã trình bày quan điểm của mình cho rằng làm như vậy là nguy hiểm. Sự ổn định chẳng qua là tạm thời. Khi địch có được một bước chấn chỉnh sẽ đánh lấn lên tây đường xe lửa và nếu chúng ta chống lại thì sẽ xuất hiện ra vùng tranh chấp trở lại. Nhưng lần này vùng tranh chấp sẽ nằm ở tây đường xe lửa thôi. Vô hình trung ta đã tự nguyện đưa thêm đất thêm dân cho địch và giúp chúng phá được thế xen kẽ, xóa được trạng thái da beo, hoàn chỉnh vùng của chúng - một vùng gồm đất đai phì nhiêu, đường sá thuận lợi, nhân dân đông đúc, bao gồm hầu hết các thị trấn, thị xã, đô thị - và triển vọng tình hình sắp tới thế nào hẳn ai cũng đoán được... Phân vùng theo cách như vậy đối với địch là lý tưởng. Nguyễn Thiệu, cũng như các hãng nghiên cứu chiến lược Mỹ đã từng nghiên cứu ba phương án phân vùng để làm cơ sở đấu tranh ở bàn hội nghị Paris:

1. Phân vùng bằng cách cắt ngang miền Nam Việt Nam theo vĩ tuyến, phía bắc vĩ tuyến ấy là vùng “Việt cộng” (Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam), phía nam là vùng ngụy quyền Thiệu.
2. Chia dọc theo chiều dài miền Nam Việt Nam, vùng trên núi dọc theo biên giới Lào, Campuchia, ít dân, nghèo về kinh tế, đường sá giao thông không thuận tiện là vùng “Việt cộng”, vùng dọc theo biển, giàu có đông dân, thuận lợi mọi mặt là vùng ngụy quyền Thiệu.
3. Ngừng bắn tại chỗ, ai ở đâu đứng đó và thành vùng kiểm soát xen kẽ lẫn nhau.

Trong ba phương án ấy nguy sợ nhất là phương án 3, vùng xen kẽ da beo, vì chúng cho như vậy sẽ không thể ngừng bắn, nguy hiểm cho chúng, vì rất nhiều khả năng nhân dân sẽ nổi dậy chống và tiêu diệt chúng. Vùng chúng không hoàn chỉnh sẽ rất khó xây dựng kinh tế, khó cai trị hữu hiệu,... Chúng thích nhất là chia dọc theo phương án 2. Vì chia như vậy hoàn toàn có lợi cho chúng. Chúng nghĩ không bao lâu với sự giúp đỡ và viện trợ của Mỹ, chúng sẽ giàu mạnh, nắm nhiều dân và sẽ đi đến tiêu diệt Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và độc chiếm miền Nam Việt Nam.

Ta đã đấu tranh trên bàn hội nghị, nhưng chính là đổ máu nhiều ở chiến trường mới buộc địch phải bắt buộc nhận ngừng bắn tại chỗ. Bây giờ ta lại tự dưng chia theo dọc ư?

Nghị quyết 21 đã xác định rõ: “Thế và lực của cách mạng miền Nam hiện nay mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào từ 1954 đến nay” và “thắng lợi mới của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia đã dẫn đến sự thay đổi trong so sánh lực lượng trên bán đảo Đông Dương có lợi hơn bao giờ hết cho cách mạng miền Nam”.



Thực tế tình hình diễn biến trên chiến trường càng ngày càng rõ sự xác định này rất chính xác, lực lượng cách mạng đã mạnh hơn hẳn lực lượng phản cách mạng ở miền Nam Việt Nam.

Sau này, trong Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng mở rộng vào tháng 12/1974 để bàn kế hoạch chiến lược 1975 - 1976, nghĩa là gần hai năm sau khi thực tế đã rõ, anh Lê Đức Thọ đã phát biểu đại ý: Từ Hiệp định tới nay nói chung là ta đánh giá địch cao, ta thấp. Thực tế trên chiến trường chỉ rõ: Khu 5 khi đánh thì sợ địch đánh phía sau, khi trên ra lệnh kiên quyết đánh thì giành thắng lợi. Trị Thiên cũng ngại địch. Đồng bằng sông Cửu Long, một tháng 12 thôi ta gỡ trên 500 đồn bót địch đóng trái phép. Mới một tháng mà đạt chỉ tiêu 70% sáu tháng mùa khô. Bây giờ qua thực tiễn rõ ràng ta mạnh hơn địch. Thế mà trước đây khi bàn để ra Nghị quyết 21, vẫn cãi nhau ta mạnh hay địch mạnh.

Nghị quyết 21 còn xác định: *“Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tấn công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên”*. Nghị quyết đã đề ra phương châm đấu tranh cho từng vùng: “Vùng giải phóng... phải xây dựng mạnh cả về quân sự, chính trị, kinh tế và phải giữ vững bằng mọi cách”; “vùng tranh chấp... phải giữ vững cả thế và lực của ta, và từng bước chuyển lên...” và “vùng địch kiểm soát cần lãnh đạo quần chúng đấu tranh”.

Sự xác định chiến lược và đề ra nhiệm vụ như thế đã dẹp đi những tư tưởng (nhưng chưa hẳn đã đập tan) còn tin nơi Mỹ - ngụy có thể thi hành Hiệp định, tưởng có thể có hòa bình, có ổn định. Nó cũng làm bớt đi tư tưởng sợ địch mạnh. Cũng trong cuộc họp Bộ Chính trị này đã xác định ta phải đánh trả một cách kiên quyết kẻ địch vi phạm Hiệp định. Nghị quyết 21 đã nêu: “Hiện nay, phương hướng chủ động tích cực, có lợi nhất cho sự nghiệp cách mạng của cả nước là *luôn luôn giương cao ngọn cờ hòa bình và chính nghĩa, đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao, buộc địch phải thi hành Hiệp định Paris để thắng địch*”. Rõ ràng Đảng ta đã nhận định nhất quán từ đầu, Hiệp định Paris là một thắng lợi của ta, ta phải đấu tranh buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh, ta có chính nghĩa ta nhất định thắng. Ta đã ký và ta tôn trọng chữ ký của ta. Ta cũng bắt chúng phải tôn trọng chữ ký của chúng. Không cho phép Mỹ - ngụy trắng trợn phá hoại Hiệp định. Để giữ thành quả của cách mạng, ta phải trừng trị kẻ địch vi phạm Hiệp định tiến hành lấn chiếm và bình định. Không phải ta bị động đánh trả nơi nào địch thấy có lợi cho chúng để vi phạm tấn công ta. Ta phải chủ động đánh trả chúng thật đau, đánh ngay vào cả những nơi xuất phát tấn công của chúng, vào nơi bất lợi



của chúng. Trên tinh thần đó vào tháng 9/1973 chúng ta đã tuyên bố công khai trên đài truyền thanh của ta để cảnh báo trước kẻ địch và để thế giới hiểu rõ hành động chính đáng của ta.

Chúng ta mong rằng với sự cảnh cáo này, Mỹ - nguy sẽ tỉnh ngộ lại để tránh cho ta buộc lòng phải hành động nổ súng thật. Những điều kiện để đi vào thi hành Hiệp định vẫn còn đó, cánh cửa vẫn còn mở cả ở Paris cả ở Tân Sơn Nhất. Nhưng Thiệu có lẽ tưởng chúng nó mạnh thật, tưởng quan thầy Mỹ của chúng vẫn là chỗ dựa vững vàng. Vì thế Thiệu càng đẩy mạnh chiến tranh, bất chấp Hiệp định, bất chấp những lời cảnh cáo, mong ngự trị mãi mãi miền Nam Việt Nam.

Hãy nghe một người Mỹ, Weldon A. Brown kể trong quyển sách “Chiếc trục thăng cuối cùng” của ông ta:

“... Thiệu vẫn nghĩ là được Mỹ viện trợ và với những lời cam kết bí mật của Nixon, ông ta chẳng có gì phải lo ngại cả. Lời cam kết vẫn có giá trị và đã được tăng cường qua việc Mỹ đã cung cấp thêm cho ông ta các máy bay phản lực chiến đấu và các vũ khí rất hiện đại, thậm chí năm 1975 khi Quốc hội Mỹ cấm không được tiếp tục giúp đỡ về mặt chiến đấu, Thiệu vẫn cảm thấy ung dung vì đã có lời cam kết của Nixon. Chương trình viện trợ, và những lời hứa của chúng ta đã làm cho Thiệu cảm thấy an toàn một cách giả tạo và do đó đã dẫn tới kết quả là Thiệu đã từ chối mọi nỗ lực hòa giải hoặc thương lượng với đối phương và đã làm cho Thiệu coi thường Hiệp định Paris. Trong năm đầu sau khi ký Hiệp định, Thiệu đã tiến hành các cuộc tấn công nhỏ, đẩy quân cộng sản ra khỏi một số khu vực thuộc châu thổ sông Cửu Long và dọc theo bờ biển, thiết lập các tiền đồn ở đó, và tái định cư những người tị nạn vào các khu vực mới chiếm lại được và thậm chí còn cho quân đột kích vào cả Campuchia nữa”.

Thiệu không muốn cho quá trình chính trị thành công để làm suy yếu chính quyền của ông ta, dù bất cứ dưới hình thức nào - Anthony Lewis đã viết như sau:

“Thiệu cấm mọi người không được đi từ vùng này sang vùng khác, biến những người tù chính trị thành các tù thường phạm để tiếp tục giam giữ họ và cấm hoàn toàn các đảng phái không được hoạt động trừ đảng của ông ta. Thiệu không chỉ từ chối không chịu thực hiện các điều khoản của Hiệp định Paris mà còn coi việc tuyên truyền cho Hiệp định ở Nam Việt Nam là một tội lỗi, và vào lúc cuộc ngừng bắn sắp được thực hiện thì Thiệu đã phát động các cuộc hành quân gây hấn. Thiệu cần chúng ta ngấm ngấm ủng hộ các hoạt động vi phạm Hiệp định ấy của ông ta và hình như Thiệu đã được chúng ta ủng hộ như vậy. Ngay trước khi có cuộc hưu chiến Washington đã nhanh chóng chuyển chở cho Thiệu một đợt vũ khí mới

trị giá một tỷ đôla. Có tin là đầu tháng 02/1975, Thiệu đã nói với một nhà báo người Mỹ rằng kể từ khi ký Hiệp định Paris, Hoa Kỳ chưa bao giờ gây sức ép buộc ông ta phải có những nhượng bộ chính trị với phía cộng sản cả, tức là thực hiện các điều khoản gìn giữ hòa bình”.

“Shipler đã viết rằng Đại sứ Martin và Mỹ đã chẳng làm gì để can ngăn những hành động liều lĩnh này và chẳng làm gì để thuyết phục Thiệu thực hiện Hiệp định Paris”.

Như vậy là đã rõ, kẻ đã vi phạm Hiệp định, cố tình đẩy mạnh chiến tranh là ai. Và nhất thiết kẻ vi phạm ấy phải bị trừng trị.

### CHƯƠNG III

## Trừng trị kẻ vi phạm Hiệp định

Sau cuộc họp Bộ Chính trị, chúng tôi họp với Quân ủy Trung ương để bàn cụ thể việc chấp hành Nghị quyết Bộ Chính trị. Ngày 01/6/1973, Đoàn B2 đã họp bàn nội dung điện chỉ đạo trước về chiến trường theo tinh thần hội nghị và sắp xếp việc đi về. Tôi còn phải làm việc cụ thể với Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, các bộ tư lệnh binh chủng để các đồng chí hiểu rõ thực tế của chiến trường, nghe ý kiến đóng góp chỉ đạo về chuyên môn của các đồng chí, nhận những sự chi viện có giá trị của các đồng chí về kế hoạch, về vật chất, kỹ thuật. Và tôi hối hả chuẩn bị lên đường.

Được trở lại với rừng xanh, với chiến trường khói lửa, với các đơn vị chiến đấu của mình sau một thời gian xa cách, lòng tôi nôn nao vui sướng. Cái vui sướng hồn nhiên này đã làm tôi phát hiện một cảm giác đã có trong tôi từ bao giờ: tôi đã xem căn cứ là nhà, chiến trường là quê hương, cán bộ và chiến sĩ trong cơ quan và đơn vị chiến đấu là thân thuộc. Khi nhận nhiệm vụ rời khỏi chiến trường ra Sài Gòn trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên, tưởng như không còn trở lại, lòng tôi bồi hồi luyến tiếc như bùi ngùi từ biệt quê hương. Giờ đây sắp trở lại căn cứ và chiến trường, tôi khắp khởi mừng vui khác nào như sắp trở về làng cũ thân thương. Có phải chăng hàng chục năm quen sống ở chiến trường, trời rộng đất dài, cảnh vật thay đổi, chim rừng, cá nước, đã làm cho tâm hồn tôi chỉ rung động với rừng xanh. Hay tôi đã tâm niệm suốt đời mình vì độc lập tự do nên nguyện cầm súng chiến đấu cho đến ngày đạt mục đích mà cuộc đời đã gắn bó với chiến trường. Không hoàn toàn là như vậy. Mãi cho đến ngày cầm bút viết những dòng này tôi càng thấy rõ thêm lý do luyến tiếc cuộc đời và xã hội chiến sĩ trong bao năm trường khói lửa. Đẹp làm sao, cao quý làm sao, tình bạn chiến đấu thiêng liêng vì mục đích chung giải phóng Tổ quốc, giải phóng nhân dân. Trong những ngày gian khổ thiếu ăn thiếu uống, ta đã chia nhau từng khúc củ mài, củ chụp, từng lá bép, trái gùi, và sốt cho nhau từng ngụm nước suối lấy từ bên kia

dốc núi<sup>1</sup>. Trên đường Trường Sơn năm nào, sau hàng tháng trời mang nặng, trèo đèo vượt suối đến kiệt sức, ta nhường nhau muổng đường, tí muối hay biếu nhau viên ký ninh cuối cùng để cố dìu nhau về tới đích. Mỗi một mạng sống quý giá biết ngần nào, Tổ quốc đang cần từng tay súng. Nhưng ta cũng coi mạng sống nhẹ như lông hồng. Anh sẵn sàng hy sinh, lao vào quân địch, không chút đắn đo để cứu sống đồng chí mình. Nghe tin anh thắng trận, làm tốt hơn tôi, tôi phấn khởi cố học hỏi noi theo. Nghe tin tôi bại trận, anh lo nghĩ tìm phương giúp đỡ. Mình vì mọi người, mọi người vì mình. Cuộc sống ở “rừng xanh” là như thế đó. Cuộc sống giữa những người bạn chiến đấu trong cả hai cuộc chiến tranh, trong các căn cứ Dương Minh Châu, Chiến khu Đ, Đồng Tháp Mười, rừng U Minh là như thế đó. Tình thương đồng chí, đồng đội, khu rừng, dòng suối, mệnh mông không bờ bến. Đó là tình thương học được của Bác Hồ, tình thương mệnh mông của Bác đối với đất nước và con người lao động, chiến đấu. Tình thương đó vượt cả không gian, vượt cả thời gian, ở đây, ở kia, trước sau như một.

Ai đã từng sống những đoạn đời như vậy mà lại không nâng niu luyện tiếc. Đúng rồi, không phải chiến trường hay rừng xanh quyến rũ tôi mà là lòng người, đạo đời làm tôi quyến luyện.

Suốt dọc đường Trường Sơn, lần này bom đạn địch giảm hơn trước nhiều. Mọi hoạt động tươi vui hẳn lên, phấn chấn hẳn lên. Hết binh trạm này đến binh trạm nọ, từ đoàn này đến đoàn khác, mỗi người một việc, năng suất cao hơn trước gấp bội. Anh em vui mừng khi gặp đoàn từ Hà Nội vào Nam, mọi người đều muốn biết có gì mới về chủ trương đường lối? Bộ Chính trị đã có Nghị quyết về tình hình nhiệm vụ mới chưa? Cán bộ phụ trách các đoàn, các trạm rĩ tai tôi hỏi: B2 định làm ăn thế nào? Triển vọng ra sao? Và hứa sẽ làm hết sức mình để chi viện cho chiến trường. Tôi rất cảm động. Các đồng chí đã tận lực chi viện, đảm bảo cho các chiến trường, nhưng chính đây cũng là chiến trường rồi, các đồng chí không những chi viện cho tiền tuyến mà còn chiến đấu anh dũng trong bom đạn ác liệt có thua gì ở tiền tuyến. Thật là một tinh thần cao cả chỉ nghĩ cho các đồng chí mình, vì các đồng chí mình, vì toàn thắng của cách mạng. Khắp nơi trên đất nước này trong chiến tranh đều như vậy đó. Triệu người như một, nghe và tin theo Đảng, đã sống, công tác, chiến đấu, hy sinh tất cả vì chiến thắng, vì thành công của cách mạng miền Nam, vì thống nhất Tổ quốc.

---

1. Củ mài, củ chup là loại củ mọc nhiều ở rừng miền Đông Nam Bộ. Đồng bào thiểu số xem đó là loại lương thực bổ sung quý giá. Lá bép là loại lá rừng ở Khu 6, ở Tây Nguyên, có thể ăn thay cơm được trong một số ngày hành quân mà hết lương thực.

Tất nhiên, không tránh khỏi một bộ phận nào đó lạc hậu, “tụt tụt”<sup>1</sup> phạm kỷ luật, có số nào đó sợ chết, trốn tránh không dám vào chiến trường, nhưng đó là một tỷ lệ quá nhỏ hầu như không đáng kể.

Trên đường đi vất vả và hiểm nghèo tôi đã mơ về chiến thắng. Chiến thắng rồi ta sẽ có một dải non sông từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau, từ biên giới đến hải đảo, bầu trời bao la, biển rộng bao la. Ta sẽ có 40, 50 triệu con người Việt Nam sống theo kiểu mới. Ta sẽ xây dựng một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa hết như xã hội và con người mà lòng người, đạo đời đã quyến luyến tôi. Phải quét sạch những thói hư tật xấu của con người mà lối sống đua chen vì cá nhân ích kỷ trong xã hội phồn vinh giả tạo, xã hội hưởng thụ của thực dân kiểu mới Mỹ để lại. Phải không còn những thói đen bạc, chạy theo ham muốn cá nhân thấp hèn, đi đến chồng phụ vợ, con bỏ cha, bạn bè thay đổi tùy sự cần thiết nhất thời của mình. Xã hội mới phải là một xã hội không còn bóc lột, không còn áp bức, bất công, mọi người đều có điều kiện phát huy tài năng của mình tham gia xây dựng đất nước, xây dựng cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho tất cả mọi người. Con người mới phải là con người gương mẫu có đức độ, có tài năng.

Đức biểu hiện ở ý chí và hành động, phục vụ nhân dân, Tổ quốc bất cứ bằng hình thức nào, vì nghĩa lớn sẵn sàng hy sinh quyền lợi của riêng mình; dám nhìn thẳng vào sự thật cay đắng; dám bảo vệ công bằng và chân lý dù hoàn cảnh nào.

Đức biểu hiện ở đạo xử thế giữa người và người, giữa chung và riêng, trong gia đình, ngoài xã hội. Mọi người thương yêu kính phục lẫn nhau, trung thực, chân thành, thủy chung. Không có gì giống với kiểu người trước mặt tươi cười vốn vã, sau lưng tìm cách đâm nhau, “miệng nam mô bụng một bồ dao găm”. Phải là đạo đức Việt Nam, đạo đức cộng sản, cả hai kết lại thành đạo đức Hồ Chí Minh.

Tài biểu hiện ở kết quả cụ thể của công việc, của nhiệm vụ hoàn thành, không phải qua lời nói ba hoa, phô trương bề ngoài. Nói không đi đôi với làm thì nói không có giá trị gì, lý luận không chứng minh bằng thực tế thì chỉ là lý luận suông. Mỗi cá nhân phải là tấm gương trong học tập, công tác, chiến đấu, sản xuất, cách sống, sống trong một gia đình gương mẫu, hòa thuận, trong một xã hội trật tự nhịp nhàng. Mình không gương mẫu nói không ai nghe, gia đình không hòa hợp gương mẫu thì nói gì xây dựng xã hội trật tự, công minh. Tôi nghĩ xã hội của ta sau này nhất định phải là một xã hội trong sáng bao gồm những con người trong sáng.

---

1. Có nghĩa là sợ chết tụt lại phía sau hay tụt qua đơn vị khác ít nguy hiểm hơn.

Tôi còn mơ về một con đường. Tôi đã trao đổi hào hứng với các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Đoàn 559 ngay ở Sở Chỉ huy Đoàn lúc ấy. Chúng tôi bàn: Cách mạng thành công rồi, nước nhà thống nhất rồi, ta sẽ xây dựng Đường 559 này, con đường Trường Sơn Đông, con “đường mòn Hồ Chí Minh” nổi tiếng, thành một đường Hồ Chí Minh hiện đại thực sự. Đó là một xa lộ chạy dài Nam Bắc dọc dải Trường Sơn, dựa vào nền cũ của Đường 559 cải tiến lại, rộng thênh thang, đúng tiêu chuẩn. Từng chặng, xây lên những tượng đài kỷ niệm ghi thành tích chiến công của mỗi đoạn đường, của những anh hùng liệt sĩ, để con cháu ta mãi mãi về sau biết rõ về con đường xương sống của Tổ quốc xuyên suốt đất nước, con đường thống nhất ngay từ dạo ấy. Trong xương sống ấy đã chảy đi dòng tủy sống từ Hà Nội thủ đô, từ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, cho miền Nam sống còn chiến thắng. Và sau này nếu có khả năng nữa ta lại xây một đường xe lửa song song. Xa lộ Hồ Chí Minh, đường xe lửa Hồ Chí Minh, thực sự sẽ là những con đường xương sống điều hòa cho cả một đất nước đang phát triển lớn mạnh. Mọi ước mơ sẽ trở thành sự thật, ngày nay ta xả thân chiến đấu cho thành công, con cháu ta sẽ tiếp xây dựng cho nước nhà giàu mạnh cho đời sống văn minh, hạnh phúc của nhân dân.

Vào cuối tháng 6, dòng sông Sékong nước đã nhiều và chảy mạnh. Hai chiếc thuyền máy vững chắc của Đoàn 471 (thuộc Bộ Tư lệnh Đoàn 559) đã đưa chúng tôi xuôi về Nam, vượt bao thác ghềnh hiểm trở. Mỗi lần qua thác ngồi trên thuyền nghe rợn cả người. Một chiến sĩ ngồi cầm vững cần lái phía sau, mắt chăm chăm nhìn về trước. Một người khác đứng oai phong đằng mũi hai tay cầm một sào dài, sẵn sàng chống lách con thuyền tránh các tảng đá nguy hiểm nhô lên giữa dòng hay ngằm dưới mặt nước. Trong khi đó, con thuyền cứ lao nhanh theo dòng sông chảy xiết, nhiều lúc tưởng sắp va đập vào đá tan tành. Bỏ xe xuống thuyền rồi lại rời thuyền lên bộ, những cuộc đón đưa thân mật tận tình, những buổi già từ quyến luyến. Làm sao nhớ hết được những con người dọc mọi nẻo đường chinh chiến. Họ là cán bộ hay chiến sĩ, là gái hay trai, hầu như ai cũng giống như ai: một vẻ mặt bình tĩnh trước mọi gian nguy, một nụ cười rạng rỡ nặng tình ruột thịt, một tấm lòng thương nước, một ý chí sắt son. Gặp là thân ngay, đi là nhớ tiếc.

Vừa lên bờ tôi gặp ngay đồng chí Cửu<sup>1</sup>, Phó phòng Bảo vệ Miền, cùng một số anh em đưa mấy xe con “Commăngca” đón chúng tôi về căn cứ. Cửu là cán bộ chuyên tổ chức những chuyến công tác, đi chiến dịch cho chúng tôi, có rất nhiều kinh nghiệm đảm bảo an toàn và nhanh chóng. Tôi ôm chầm đồng chí và lần lượt bắt tay mọi người thật chắc. Đồng chí nhìn ngấm tôi một hồi rồi nói:

---

1. Thượng tá Huỳnh Văn Cửu.



- Trông anh hơi gầy đi nhưng vẫn chắc chắn. Nghe tin anh trở về, ai nấy đều mừng. Tôi tưởng không còn có dịp tổ chức cho anh đi công tác và chiến đấu nữa chứ!
- Bộ anh tưởng tôi ở luôn trong Sài Gòn sao? Thực tình thì tôi cũng muốn như vậy, ở trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên, rồi hai bên và có thể cả trong Hội đồng Hòa hợp và Hòa giải dân tộc, nếu được. Nhưng địch không muốn thế. Chúng không muốn hòa bình, chỉ muốn chiến tranh, nên tôi lại phải trở về với rừng xanh, với các anh thôi.

Đoàn xe chúng tôi về đến nhà vào xế chiều. Nửa năm trời bao nhiêu sự việc đã diễn qua, thế mà cảnh vật đất trời ở đây hầu như chưa có gì thay đổi lắm.

Đồng chí Tám Hòa tức Nguyễn Xuân Ôn - Chánh Văn phòng Bộ Tư lệnh Miền, cùng các đồng chí Lê Văn Xúp, cán bộ bảo vệ, giúp việc tôi từ những ngày tôi mới trở về Nam, các cô Xuân, Thu, Hương ở Tổ Quân y, Liên, Tâm ở Tổ Cấp dưỡng đều chạy ủa ra tận cổng đón chào rối rít.

Vào sân nhà tôi đưa mắt nhìn khắp lượt. Vườn xanh mướt, nào rau tươi, cây ăn trái, chuối, bưởi, mận, hồng, đào xum xuê. Đồng chí Chín Dũng già, người chiến sĩ Tiểu đoàn 309 cũ hồi kháng chiến chống Pháp, nay chăm chỉ làm vườn, vui vẻ khoe với tôi thành tích và nhận xét:

- Lâu nay địch có bớt thả bom bắn phá chỗ này nên cây cối mới nảy chồi tươi tốt. Ước gì hòa bình được thực hiện thì khắp khu rừng bị phá trụi này sẽ thành những vườn cây ăn trái, những liếp rau cải xanh um. Tôi sẽ có dịp về Mỹ Tho - Cẩm Sơn quê tôi an dưỡng tuổi già. Chín Dũng quay qua giới thiệu tiếp: Đây nữa cậu Tài, cô Thảo, Tổ Văn thư cũng sẽ chuẩn bị cho hai người làm lễ cưới để anh em uống cốc rượu chúc mừng hòa hợp trong hòa bình.

Trong lúc Thảo và Tài bên lén cố giấu cái mỉm cười sung sướng thì Kiên Chiến - Phó Chánh Văn phòng, cùng các thanh niên Điệp, Cách, Lưu, Tổ Công vụ cười to tán thưởng. Mỗi người một câu tíu tít hỏi thăm tôi đủ chuyện. Tôi không kịp trả lời cho một ai đầy đủ. Thật là cảm động, y như trong một gia đình. Tôi vội vàng nhờ đồng chí “Năm thuốc độc” (tức Nguyễn Văn Hoàn) - thơ ký của tôi, lấy quà Hà Nội từ trên xe, phân phát cho từng người. Anh em gọi đồng chí như vậy vì đồng chí tên Năm, là cán bộ binh chủng hóa học, để phân biệt với đồng chí “Năm thuốc đỏ” - bác sĩ quân y cùng cơ quan. Quà không có gì quý giá, thuốc lá “Thủ đô” cho nam và kim, chỉ, kẹp tóc cho nữ, chỉ quý là ở tấm lòng.

Như sức nhớ ra một điều thú vị, anh Tám Hòa kéo tay tôi hỏi:

- À, anh có biết rằng ngụy ra kiến nghị công khai đòi anh trở lại Sài Gòn không? Nực cười quá, chúng nói Hà Nội đã “quản thúc” anh, Hà Nội phải trả anh về với chúng (!).

- Chẳng qua là trò tâm lý chiến.

- Anh Hai Khiết<sup>1</sup> trong Ban Liên hợp quân sự điện báo cáo rằng anh đã đi Hà Nội rồi và lúc biết chắc anh đi luôn, chúng lỏng lẻo lên. Chúng uy hiếp Phái đoàn ta. Chúng hăm: nếu Trung tướng Trần Văn Trà không trở lại, chúng sẽ cho xe đến xúc cả Phái đoàn. Biết đâu chúng làm thật, vì bọn ngụy trước nay có từ một hành vi thấp hèn nào. Vì vậy, anh em ta trong đó cũng phải có phương án sẵn sàng chiến đấu tự bảo vệ đấy. Tình hình căng thẳng kéo dài hàng tháng. Thương anh em quá anh ạ.

- Chúng ta sẽ đấu tranh buộc chúng phải thi hành đúng Hiệp định Paris thôi. Chúng không dám làm gì anh em ta đâu. Vì chúng ta mạnh cả về pháp lý, cả về chính trị, quân sự.

Nghỉ ngơi được vài hôm thì Trung ương Cục họp bàn ngay việc phổ biến Nghị quyết 21 và tổ chức thực hiện. Nhằm mục đích đó, cuộc hội nghị cán bộ quân chính toàn Miền (B2) mở ra dưới một rừng le đẹp mắt của khu căn cứ, tập hợp rộng rãi cán bộ lãnh đạo các tỉnh, các khu, các đoàn thể và các trung đoàn, sư đoàn lực lượng vũ trang. Cuộc thảo luận rất sôi nổi hào hứng. Các đồng chí đã đem về đây những thực tế ở các địa phương, các đơn vị, những cái hay và cả những cái dở của ta vừa qua, soi rọi và lý luận, với nghị quyết, phê phán cái đúng, cái sai. Những vấn đề thời sự tập trung của tình hình, không tránh được lời ra phân tích, vẫn là vấn đề địch mạnh hay ta mạnh, hai vùng hay ba vùng, củng cố tại chỗ hay rút về sau, đánh trả thế nào... Có khác chăng là ở đây cuộc thảo luận đã đi vào rất cụ thể, đi vào từng chi tiết, khía cạnh để về thực hiện đúng, tránh lệch lạc tả hữu khuynh. Đặc biệt, các đồng chí đã kháo với nhau nhiều về chủ trương binh vận ngay sau khi có Hiệp định: Nào là hiện nay phải lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu, binh vận là chiến lược. Phải dùng nhiều thủ đoạn binh vận của quần chúng làm tê liệt các cuộc hành quân của địch, vô hiệu hóa đồn bót chúng, đó là tấn công rồi. Ta có lực lượng quân sự mạnh nhưng tránh dùng, vì dùng quân sự rắc rối lắm, mất tin nhau, găng nhau. Ta phải dám làm việc hòa hợp dân tộc, xóa bỏ hận thù. Từ những quan điểm phiến diện này chỉ căn cứ vào suy nghĩ và mong muốn chủ quan của ta mà không đếm xỉa đến thực tế âm mưu và hành động của địch, làm cho bên dưới càng dễ ra tư tưởng hòa bình chủ nghĩa, hữu khuynh, thủ tiêu chiến đấu. Có cán bộ còn phê phán cấp dưới: “Các anh đánh nhau hàng chục năm rồi chưa đủ sao, nay còn muốn đánh nữa. Bây giờ phải “xanh vỏ đỏ lòng” đẩy mạnh binh vận, biến người của địch thành người của ta... Ta vẫn có quân, có súng đạn, Mỹ - Thiệu tổ chức Mỹ - Thiệu nuôi, có đủ

---

1. Bùi Thanh Khiết - Đại tá Phó Trưởng phái đoàn quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp quân sự hai bên.

lực lượng mà khỏi phải lo về hậu cần rắc rối, lòi thoi và vân vân...”. Cấp dưới không dám trả lời nhưng trong thâm tâm anh em muốn hỏi lại: “Thưa đồng chí, chúng tôi muốn đất nước hòa bình, nhân dân hết chết chóc. Nhưng địch hành quân càn quét lấn chiếm, chĩa súng bắn chúng tôi, âm mưu xóa sạch thành tựu cách mạng vừa qua thì chúng tôi phải làm gì? Có phải chúng tôi đứng thẳng người, giơ nắm tay lên trời hô khẩu hiệu “Hòa bình muôn năm”? Không! Thật tình chúng tôi không muốn cái trò ngây thơ đau xót hồi những năm 1954-1959 diễn lại. Trong tim mình còn nhức nhối cái tang của không ít đồng chí đã ngã xuống lúc ấy trong tay còn cầm súng mà không dám bắn, cái tang của nhiều phong trào địa phương bị chìm trong máu”. Vì sợ bị phê bình là làm sai chủ trương (bình vận), ở Mỹ Tho du kích phải tổ chức đánh lén (lén đối với cấp trên) đồn bót địch đóng trái phép vào căn cứ mình. Ở Mỏ Cày, Bến Tre, trước tình hình địch lấn chiếm mà lực lượng vũ trang không được đánh trả phải lùi mãi, anh em than thở: “Chỉ còn nước chui xuống sà mà ở”. Cuối cùng phải tự động đánh trả mới khôi phục lại được vùng căn cứ của huyện.

Sau hội nghị cán bộ quân chính, chúng tôi họp với các đồng chí quân sự bàn cụ thể kế hoạch quân sự mùa khô 1973-1974, mùa khô đầu tiên thực sự sau Hiệp định. Nội dung kế hoạch là xác định lại thái độ rõ ràng của ta tôn trọng Hiệp định, bảo vệ Hiệp định và vì vậy phải trừng trị kẻ vi phạm. Ta cố làm đúng như đã tuyên bố, kiên quyết và chủ động trừng trị, trừng trị ngay từ nơi xuất phát tấn công vi phạm của địch. Muốn như vậy ta phải mạnh, mạnh về chính trị, pháp lý, mạnh cả về quân sự, không phải chỉ mạnh về lực lượng mà còn mạnh về cách bố trí các loại lực lượng ở cả các vùng theo một thể chiến lược vững vàng sẵn sàng cho mọi tình huống. Phải củng cố chặn chĩnh các lực lượng vũ trang, củng cố tại chỗ, phải phát triển thế và lực của cách mạng ở cả ba vùng, vùng ta, vùng địch, vùng tranh chấp. Tất cả các địa phương phải dùng mọi hình thức chính trị thuyết phục, binh vận, ép rút, tiêu diệt tất cả các đồn bót vị trí đóng trái phép bất cứ ở vùng nào sau ngày 28/01/1973. Phải bảo đảm cho nhân dân các quyền tự do dân chủ, tự do đi lại làm ăn, tự do phá bỏ ấp chiến lược, trở về làng cũ nếu họ muốn. Phải tiêu diệt lực lượng nào đi hành quân đánh phá, càn quét, cướp bóc nhân dân, cản trở công việc làm ăn sinh sống của nhân dân. Tất cả hành động này là hợp pháp, ta đã báo cho đoàn ta trong Ban Liên hợp quân sự hai bên biết để các đồng chí phối hợp đấu tranh ở bàn hội nghị.

Kiểm điểm lại tình hình từ khi có Hiệp định cho đến bây giờ, chiến trường B2 đã có nhiều thay đổi: Từ tháng 01 đến tháng 4/1973 trên tất cả các quân khu, các tỉnh, địch dùng các thứ quân đánh phá lấn chiếm các vùng của ta, ra sức bình định, gom dân, bắt lính, phá địa hình, đặc biệt quanh Sài Gòn dùng xe ủi đất san bằng,

phá nhà cửa vườn tược nhân dân, dùng quân lính, tội phạm chặt phá cây cối, đồn sạch dừa nước, đóng thêm đồn bót, tung gián điệp “Phượng hoàng” phát hiện, bắt, giết những người yêu nước mà chúng gọi là hạ tầng cơ sở Việt cộng. Từ tháng 5/1973 trở đi, do sự chỉ đạo chặt chẽ của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền, của các cấp lãnh đạo địa phương, ta đánh trả lại quyết liệt nên địch chững lại rồi bị đẩy lùi từng bước. Đồn bót đóng trái phép bị diệt, đầu hàng, rút chạy, lính địch rã và đào ngũ mỗi ngày một nhiều, các đơn vị chủ lực, bảo an địch bị đòn đau đã bộc lộ các điểm suy yếu và ngày càng bị thua thiệt trên tất cả các vùng.

Tình hình diễn biến về phía ta và địch theo hai chiều ngược nhau ngày càng rõ. Về ta, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân thấy Mỹ thua, nguy suy yếu, ta thắng lợi, thế ta lên, tinh thần phấn khởi tin tưởng và tích cực tham gia mọi công tác chống địch. Về địch, sĩ quan và binh lính các loại lực lượng đều nhận thấy sự thật là Mỹ đã thất bại, đã tỏ ra ngán chiến tranh, sợ chiến tranh tiếp tục, mong muốn hòa bình. Trên đơn đốc hành quân thì làm lấy lệ, có khi không làm nhưng báo cáo láo (xảy ra từ cấp chiến đoàn và cấp tiểu đoàn). Có binh lính đã chống lệnh, đào rã ngũ ngày càng nhiều. Các lực lượng kìm kẹp dân cũng tiêu cực, nói lỏng kìm. Nhờ đó nhân dân đấu tranh bung ra làm ăn ngày càng xa nơi ở, lần lượt trở về làng cũ, về vùng giải phóng của ta. Trong lúc đó bọn Mỹ, nguy bên trên vẫn rất ngoan cố và chủ quan, đặt hết kế hoạch này đến kế hoạch nọ và ra lệnh cho dưới thi hành. Thiệu đã chỉ thị cho đến cấp tiểu khu (tỉnh):

- “1) Lấn đất giành dân giữ vững vùng đã kiểm soát, giữ vững an ninh, không được để mất một xã, ấp nào (chỉ tiêu là kiểm soát cho được 11.000 trong tổng số 13.000 ấp trong toàn miền Nam và đến tháng 02/1974 phải đạt 65% số ấp loại A tức loại kìm chặt).
- 2) Chiếm giữ và bảo vệ tất cả các trục giao thông chiến lược.
- 3) Tiêu diệt lực lượng vũ trang và lực lượng tiếp vận đối phương ở tất cả các vùng, nhất là từ biên giới vào.
- 4) Cô lập, bao vây kinh tế, phá hoại, làm mất ổn định vùng căn cứ và vùng giải phóng của đối phương.
- 5) Tăng cường do thám, gián điệp, biệt kích trinh sát đường không để nắm tình hình, điều tra mục tiêu, chuẩn bị sẵn kế hoạch chờ thời cơ chiếm lại các vùng như trước ngày 29/3/1972”.

Chúng cũng chỉ thị cụ thể cho từng vùng:

- “1) Vùng kiểm soát, các đô thị: diệt mầm mống, ngăn ngừa nổi dậy bằng tuần tiểu, phục kích, hành quân, canh sát, diệt cơ sở Việt cộng, kìm chặt dân, đẩy mạnh

chiến tranh tâm lý, tổ chức dân chúng, củng cố chính quyền, bình thường hóa đời sống dân, tạo điều kiện phục hồi phát triển kinh tế.

- 2) Vùng củng cố (tức vùng tranh chấp), gồm các ấp loại C, D: đẩy lùi, ngăn chặn, diệt lực lượng chính trị quân sự Việt cộng; lập lại và củng cố chính quyền, nâng cao mức độ an ninh, nới rộng vùng kiểm soát, mở rộng vùng an toàn, dùng chính trị, kinh tế mua chuộc dân, nhưng biện pháp quân sự là chủ yếu. Các lực lượng quân sự lãnh thổ sẽ dẫn đầu tập trung đánh phá vào vùng này.
- 3) Vùng tảo thanh Việt cộng (tức vùng giải phóng và căn cứ của ta): tập trung đánh phá hành lang vận chuyển bao vây kinh tế, trinh sát, tình báo, tùy tình hình dùng không quân và pháo đánh phá kho tàng và vận chuyển, lôi kéo dân, duy trì chính quyền lưu vong, gây bất ổn định; duy trì hoạt động quân sự và sẵn sàng kế hoạch chiếm lại”.

Về kế hoạch binh định, chúng nêu: Cần mở nhiều chiến dịch binh định trong từng tiểu khu, quân khu và toàn quốc, nâng mật độ hành quân đơn vị nhỏ; đóng thêm nhiều đồn bót; ủi phá địa hình vùng tranh chấp và giải phóng của ta. Chỉ tiêu năm 1973 của chúng là phá 12.000ha. Vùng nào kiểm soát được thì di dân, lập ấp khẩn hoang lấn vào vùng giải phóng của ta. Kế hoạch 1973 của chúng là di dân 10 vạn, lập 20 ấp ở các tỉnh Long Khánh, Phước Tuy, Bình Tuy, Lâm Đồng, Kiến Phong, Ninh Thuận, Đắk Lắk. Kinh phí dùng là 50 tỷ tiền ngụy miền Nam.

Địch đã nêu thành mục tiêu quốc gia: Chiếm và bảo vệ tối đa lãnh thổ. Tranh thủ nắm dân đặc biệt là nông dân. Củng cố thực lực quân sự, chính trị. Trọng tâm của địch là Vùng 3 và Vùng 4 chiến thuật. Ngày 06/3/1973, Thiệu họp với các tư lệnh quân khu và các tỉnh trưởng đã nói: “Tôi đặt sự đấu tranh mất còn của miền Nam vào các vị chỉ huy cao cấp ở 2 vùng này” (Vùng 3 và Vùng 4 chiến thuật).

Như vậy là ngụy quyền Thiệu không những không đếm xỉa gì đến Hiệp định Paris mà còn lợi dụng Hiệp định, lợi dụng lòng ngay thật của đối phương tin ở hòa bình, ổn định, hòa hợp dân tộc để tranh thủ củng cố và phát triển lực lượng của chúng, tăng cường đánh phá lấn chiếm, đi đến thủ tiêu hoàn toàn quân giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Nếu như ta mất cảnh giác, hữu khuynh lùi bước, thì lực lượng ngụy ngày càng mạnh, thế chúng càng lên và chưa biết tình hình sẽ đi đến đâu. Rõ ràng từ cuối tháng 4 trở đi, khi ta phản ứng lại, đánh trả lại thì địch bộc lộ chỗ yếu kém của chúng, bị chặn và tháo lui lại. Từ khi có Hội nghị Bộ Chính trị, theo tinh thần thảo luận, Trung ương Cục đã chỉ đạo đối phó kiên quyết hơn, thì tình hình trên chiến trường diễn biến ngày càng thuận lợi cho ta.



Ngay trong thời kỳ từ tháng 1 đến tháng 4 ở các chiến trường khác ta bị lấn mất đất, mất dân nhiều, nhưng riêng ở Quân khu 9 (miền Tây Nam Bộ) là nơi địch tập trung quân đông nhất lúc ấy, xem đây là trọng tâm đánh phá lấn chiếm, đặc biệt là vùng Chương Thiện, khu vực giữa bốn tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Cà Mau, Rạch Giá, ta vẫn giữ vững các vùng của ta. Sở dĩ được như vậy vì Khu ủy Khu 9 lúc ấy do đồng chí Sáu Dân<sup>1</sup> làm Bí thư đã thống nhất với Bộ Tư lệnh Quân khu do đồng chí Lê Đức Anh làm Tư lệnh, nhận định rằng kẻ địch không bao giờ chịu thi hành Hiệp định đâu, chiến tranh vẫn là chiến tranh, mọi mặt hoạt động vẫn như cũ không có gì thay đổi cả. Do đó, các trung đoàn chủ lực của Quân khu vẫn ở nguyên tại chỗ, cùng với lực lượng địa phương và du kích hoạt động như bình thường, kiên quyết tấn công, đánh trả quyết liệt, tiêu diệt hàng tiểu đoàn địch (Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 16 Sư đoàn 9 ngụy và Tiểu đoàn 86 biệt động quân). Điều này rõ ràng không chứng tỏ là lực lượng ta yếu đi và lực lượng địch mạnh lên sau khi có Hiệp định như một số đồng chí đã tưởng tượng.

Qua hoạt động đó, Quân khu 9 đã giải phóng một vùng dài 20 cây số dọc kênh Nước Đục, phía nam Chương Thiện, và một số vùng khác nữa. Số dân mới giải phóng lúc ấy lên đến 60 vạn, trong 11 xã, 153 ấp, không kể số dân vùng tranh chấp trở về vùng ta sản xuất. Cùng lúc ấy, Khu 9 đã diệt tất cả các đồn bót lấn chiếm trái phép của địch, và rồi một số đồn bót khác của địch đã có từ trước cũng hoảng hốt rút chạy. Hành động dũng cảm và kết quả cụ thể rực rỡ của Quân khu 9 lúc ấy nổi bật, độc đáo, so với tất cả các quân khu khác, đã được Bộ Chính trị biểu dương và nêu gương cho các chiến trường khác. Nhưng éo le thay, hành động cụ thể ấy lại ngược hẳn với một loạt chủ trương lúc ấy, khi mới có Hiệp định, là gấp rút ổn định tình hình, phân thành 2 vùng ta, địch ngay, rút lực lượng vũ trang về phía sau để củng cố, không dùng quân sự rắc rối mà đấu tranh chính trị, binh vận là chính. Dùng binh vận, dùng quần chúng làm tê liệt các cuộc hành quân địch, làm vô hiệu hóa đồn bót địch, đó là tấn công rồi - như đã nói ở đoạn trên. Đặc biệt hành động của các lực lượng vũ trang Quân khu 9 xuất phát từ chỗ cho rằng, địch đã cố phá Hiệp định, cứ tiếp tục chiến tranh như không có Hiệp định. Do vậy ta cứ hoạt động như cũ, không có gì thay đổi. Đó là một nhận thức không đúng hẳn về Hiệp định Paris, về giai đoạn chiến lược mới. Nhưng nó lại đúng ở chỗ đánh giá sự ngoan cố lặt lọng của địch, giống như hồi Hiệp định Giơnevơ, kiên quyết giữ thành quả cách mạng đã đạt được; đúng với thực tế tình hình mà không có ảo tưởng viễn vông. “May” mà đây là một chiến trường xa, phổ biến chủ trương của trên thường rất chậm và uốn nắn sai lầm cũng thường không kịp thời. Ở đây nói lên một điểm:

---

1. Đồng chí Võ Văn Kiệt.



Thực tế là vô cùng quý báu, dù thực tế của sai lầm hay đúng đắn, nó là cơ sở cho lý luận, cho chủ trương, đường lối. Mọi lý luận, mọi chủ trương, đường lối không dựa trên thực tế sẽ sai lầm.

Địch tính toán trong kế hoạch dài hạn của chúng:

- “- Từ tháng 2 đến tháng 8/1973, ra sức lấn chiếm và kiểm soát tuyệt đại bộ phận lãnh thổ Nam phần Việt Nam.
- Từ tháng 9/1973 đến 02/1974 ra sức củng cố những cái đã giành được, phòng thủ vững chắc.
- Sau đó vào năm 1974 hay quá lắm là năm 1975 sẽ có giải pháp chính trị, tổng tuyển cử để hợp pháp hóa, chỉ còn một chính quyền (tức chính quyền của Thiệu). Một quân đội mạnh (tức quân đội Việt Nam Cộng hòa) - Chiến tranh tàn lụi - Việt cộng chỉ còn như một đảng đối lập đấu tranh chính trị đơn thuần không hơn không kém.

Nếu không như vậy thì sẽ dùng chiến tranh lớn thanh toán hoàn toàn Việt cộng vào năm 1976 và 1977”.

Về kinh tế, tương xứng với kế hoạch chính trị quân sự đó, chúng cũng vạch ra kế hoạch dài hạn 8 năm 1973-1980 đã ban hành ngày 20/5/1973, kế hoạch chia làm 3 thời kỳ:

“1973-1974, phục hồi tái thiết.

1975 - 1976, phát triển củng cố.

1977 - 1980, tự lực, giảm viện trợ”.

Tham vọng, kế hoạch và hành động của kẻ địch nhất quán từ đầu là như vậy.

Trên cơ sở tình hình thực tế, diễn biến trên chiến trường cho đến lúc ấy vào giữa mùa mưa, biết được mưu đồ và hành động của địch như vậy, chúng tôi nghiên cứu chấp hành Nghị quyết Trung ương 21, cụ thể hóa thành Nghị quyết 12 Trung ương Cục mà làm kế hoạch hoạt động mùa khô 1973-1974 của chiến trường B2. Sau khi trình bày và được sự chấp thuận của Trung ương Cục, tôi đã duyệt lại kế hoạch này lần cuối cùng và hạ quyết tâm vào tháng 9/1973 để kịp cho tham mưu và các chiến trường triển khai thực hiện chu đáo và báo cáo ra Quân ủy Trung ương.

Chiến trường chính được xác định lúc ấy là đồng bằng sông Cửu Long. Ở đây địch chọn làm trọng tâm bình định, lấn đất giành dân, vét người vét của. Ta phải chặn bàn tay tội ác của địch lại, kiên quyết trừng trị chúng. Phải lấy lại và giữ vững vùng giải phóng của ta đã có từ trước ngày 28/01/1973. Muốn đạt mục tiêu ấy ta

phải hoạt động phối hợp các chiến trường chặt chẽ, không cho phép địch hòa hoãn nơi chúng yếu, thất thế, để tập trung quân đánh nơi chúng có ưu thế, nơi có ý nghĩa chiến lược cho chúng. Chúng tôi đã quyết định tăng cường lực lượng, cả người và vũ khí cho Quân khu 8, 9, chiến trường đồng bằng, để hai quân khu làm tròn được nhiệm vụ của chiến trường chính trong giai đoạn này. Lúc này có một vấn đề đặt ra, trong hàng ngũ cán bộ quân sự, cũng như cán bộ dân, Đảng là tăng cường lực lượng cho đồng bằng bằng cách gì?

- Đã xác định đồng bằng là chiến trường chính thì ta phải tập trung ba thứ quân của ta mạnh ở đây để đánh bại địch. Như vậy chủ lực cũng tập trung nhiều ở đây.

- Đối với trước mắt cũng như về lâu dài, có nên cứ dàn quân của cả hai bên đánh nhau ở miền Đông này như từ trước đến giờ theo kiểu chọi trâu không? Hay ta chọn một hướng bất ngờ khác, ý nói hướng đồng bằng sông Cửu Long, để tập trung quân ở đây mà đánh?

Những ý kiến này là muốn bố trí lại lực lượng, đưa chủ lực Miền về tăng cường cho nông thôn đồng bằng. Cho rằng giải phóng được đồng bằng đông dân nhiều của là giải quyết được chiến tranh. Thực ra đây không phải là quan điểm mới mà nó đã có từ lâu và dai dẳng mãi cho đến ngày nay, cho rằng phải giải phóng nông thôn rồi mới giải phóng thành thị được. Nó trái ngược với đường lối chiến lược của cuộc chiến tranh chống Mỹ của Đảng ta. Đó là chiến lược tấn công, tấn công trên cả ba vùng chiến lược: nông thôn đồng bằng, rừng núi và đô thị. Tấn công cả bằng lực lượng quân sự, cả bằng lực lượng chính trị quần chúng, luôn kết hợp tấn công và nổi dậy. Vì vậy mà vị trí của đô thị rất quan trọng. Trong chiến lược tấn công này, đòn chủ lực rất quyết định mà chủ lực của binh khí kỹ thuật ngày càng tăng của ta không thể tập trung đánh lớn ở đồng bằng trống trải, đầy dẫy sông rạch, sinh lầy. Ở đó, kẻ địch lại kìm giữ chặt các đường giao thông được bảo vệ bằng hệ thống đồn bót có công sự vững chắc, địch lại có các hạm đội trên sông và làm chủ hoàn toàn bầu trời. Đưa chủ lực lớn về đồng bằng trong tình thế như vậy là ta tự làm tê liệt mình, sa ngay vào thế yếu, thế bị động, sai về chiến lược, bất lợi về chiến dịch và chiến thuật, còn địch sẽ phát huy được thế mạnh của chúng gấp bội. Qua nhiều kinh nghiệm chúng tôi đã nhất trí với nhau là trong điều kiện của ta đối đầu với Mỹ - ngụy, chủ lực ta ở đồng bằng sông Cửu Long tốt nhất là tập trung đến trung đoàn với binh khí kỹ thuật nhẹ. Nếu tổ chức sư đoàn thì là sư đoàn nhẹ, việc chỉ huy và chiến thuật không thể giống như ở chiến trường rừng núi. Trong lúc đó, ta phải ra sức phát triển lực lượng du kích rộng rãi, lực lượng đặc công tinh nhuệ nhiều, bộ đội địa phương mạnh, để tiến hành một cuộc chiến tranh du kích thần kỳ, liên tục, sôi nổi; một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng kết hợp ba thứ

quân một cách linh hoạt trên mọi địa hình, mọi vùng, mọi thời tiết bằng ba mũi giáp công, bằng những chiến dịch tổng hợp, bằng cả lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của quần chúng. Ta hoàn toàn có điều kiện làm như vậy, ta có nhân dân cách mạng đông đảo, ta có ưu thế, có kinh nghiệm. Mỗi chiến trường khác nhau về điều kiện các mặt, về nhiệm vụ, mục tiêu, về khả năng, phải có cách tổ chức và bố trí lực lượng phù hợp, không thể rập khuôn, càng không thể theo ý muốn chủ quan của mình được.

Bộ Chỉ huy Miền luôn xác định rằng chiến trường miền Đông Nam Bộ bao gồm Sài Gòn là chiến trường chủ yếu của B2, là chiến trường quyết chiến chiến lược, quyết định cuộc chiến tranh. Ở đó, ta có khả năng phát huy vai trò to lớn của chủ lực. Địa hình thuận lợi cho tập trung và triển khai chủ lực lớn, triển khai mọi binh khí, kỹ thuật, là nơi ta có khả năng tổ chức bố trí và dự trữ hậu cần, cơ sở đảm bảo vật chất kỹ thuật cho một quân đội lớn, cho những chiến dịch lớn. Chiến trường này có vị trí chiến lược quan trọng, ta có thể uy hiếp địch, đẩy địch vào thế bị động phòng ngự, diệt sinh lực lớn địch kết hợp đòn tấn công sấm sét với đòn nổi dậy vũ bão đập tan đầu não chiến tranh Mỹ - ngụy và cuối cùng quét ngã địch ở đây.

Chiến trường đồng bằng giữ một vai trò rất quan trọng trong suốt quá trình cuộc chiến tranh, vì cả ta và địch đều dựa vào kho người kho của ở đây để xây dựng và phát triển lực lượng cả quân sự, chính trị và kinh tế, thay đổi tương quan đôi bên. Có lúc nào đó ta đưa lên thành chiến trường chính cũng là với ý nghĩa đó, nhưng chỉ là từng thời gian trong quá trình cuộc chiến, như mùa khô này và mùa mưa 1974, hay trước đây nữa vào những năm 1962-1963, tuy nhiên nó không phải là chiến trường quyết định cuối cùng cuộc chiến tranh. Vì vậy, mà từ lâu B2 bố trí thế chiến lược, bố trí lực lượng là căn cứ vào vai trò và vị trí của chiến trường, trong một kế hoạch chiến lược tấn công của một cuộc chiến tranh cách mạng thực sự. Nhất thiết không thể làm yếu khối chủ lực miền Đông mà ngược lại, ngày càng phải tăng cường mạnh lên. Tôi còn nhớ vào năm 1965-1966, khi Mỹ đưa quân ồ ạt vào miền Nam, một số đồng chí phụ trách thành phố Sài Gòn đã hỏi trực tiếp tôi: Mỹ đưa quân lớn và các loại vũ khí mạnh vào, chuyển thành “Chiến tranh cục bộ”, vậy ta có nên thay đổi đường lối chiến lược không? Có nên phân tán chủ lực để tiến hành chiến tranh du kích trường kỳ để thắng địch không? Tôi đã trả lời dứt khoát rằng không. Tôi đã trình bày thế bị động chữa cháy của Mỹ, quân nhiều nhưng không mạnh và ta vẫn tấn công, chủ lực ta không những không phân tán đánh du kích mà sẽ còn tổ chức thêm nhiều sư đoàn - lúc ấy chỉ mới tổ chức một sư đoàn ở B2 - rồi lên quân đoàn nữa. Hoàn toàn không có vấn

để thay đổi đường lối chiến lược, không có vấn đề trường kỳ du kích mà thắng địch được. Thế nhưng, tư tưởng này vẫn không dứt hẳn mà còn đấu tranh kéo dài. Đến ngày nay đã qua một chặng đường dài, Mỹ đã phải rút, nguy đang hung hăng nhưng là cái hung hăng giấy chết thì vai trò chủ lực miền Đông càng vô cùng quan trọng. Chúng tôi đã ra sức củng cố mạnh chủ lực miền Đông và quyết định tăng cường lực lượng cho đồng bằng với nhiều cách khác nhau: Tích cực bổ sung nhiều và nhanh quân số, vũ khí đạn dược, phương tiện để đẩy mạnh phát triển cả ba thứ quân tại chỗ; giao nhiệm vụ cho các sư đoàn chủ lực Miền gấp rút tổ chức và huấn luyện một số đại đội, tiểu đoàn binh chủng kỹ thuật, để đưa xuống cho quân khu; giao hẳn cho Quân khu 9 Trung đoàn 1 thuộc Sư đoàn chủ lực số 1 của Miền đang hoạt động vùng Bảy Núi - Hà Tiên; tăng cường chỉ đạo sát về kế hoạch, phương thức; chỉ đạo kế hoạch phối hợp hoạt động chặt chẽ giữa các chiến trường, của cả chủ lực, để không cho địch tập trung đánh phá đồng bằng theo ý chúng.

Mùa khô này, B2 cũng đã triển khai công tác bảo vệ, củng cố và mở rộng các hành lang giao thông vận tải nối liền từ căn cứ của Miền ở miền Đông với căn cứ Đồng Tháp Mười và xuống tận rừng U Minh bằng ba hướng:

- Hướng dọc biên giới với Campuchia qua Bảy Núi, Hà Tiên, Rạch Giá, rừng U Minh.
- Hướng Mỹ Tho qua Bến Tre, Vĩnh Trà, Cà Mau.
- Hướng đường thủy theo sông Tiền và sông Hậu.

Đồng thời củng cố nối liền miền Đông với hậu phương lớn qua đường Trường Sơn 559. Được Tổng cục Hậu cần đồng ý và giúp đỡ tích cực, Cục Hậu cần Miền đã cùng hậu cần của các quân khu khẩn trương xây dựng lực lượng, dự trữ vật chất cho Miền và cho các quân khu ngay từ đầu mùa khô này để luôn chủ động với tình thế đang phát triển mạnh.

Số lượng vũ khí tài Bộ Tổng Tham mưu cấp cho B2 trong năm 1973 đang được tiếp thu và vận chuyển tốt. Nhưng muốn tranh thủ vận tải và dự trữ sẵn cho năm 1974 sớm, chủ động, thì chưa có kế hoạch phản hồi của trên; chờ có quyết định thì lỡ thời cơ vận chuyển và chậm, có khi gặp trở ngại bất ngờ, kế hoạch dự trữ có thể bị phá. Tôi đã suy nghĩ vấn đề này từ lúc còn đang dự cuộc họp của Bộ Chính trị mở rộng trong tháng 5 ở Hà Nội, nhưng không tìm được cách giải quyết. Tôi đã đến gặp riêng đồng chí Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần lúc ấy để trao đổi. Đồng chí Thiện là một người thẳng thắn và nhiệt tình, nhiệt tình với bạn bè đồng chí, nhiệt tình với công việc chung. Vóc dáng cao lớn, anh là một con người dám nghĩ dám làm, có tấm lòng cởi mở, tốt bụng dễ cho người ta gần gũi và

đặc biệt là vui tính. Cái vui tính kèm theo một ít “cái tục” dân gian mà cán bộ quân sự miền Bắc cũng như miền Nam, cán bộ cách mạng cũ cùng hoạt động trước nay, nam cũng như nữ, đến chiến sĩ ai cũng biết tiếng và có cảm tình. Sau khi tôi trình bày vấn đề, thú thật sự lo lắng của mình chưa có cách nào giải quyết, anh cười xòa nói:

- Có khó khăn gì đâu, một chuyện dễ quá như vậy mà một người tướng ở chiến trường không nghĩ ra sao?

Tôi ngạc nhiên im lặng nhìn anh dò hỏi. Chần chừ một lúc với vẻ mặt rất thản nhiên anh mới chậm rãi:

- Cứ để tôi làm Tổng tham mưu trưởng một tiếng đồng hồ thôi, tôi sẽ ký ngay cho B2 thêm vài nghìn tấn vũ khí và ký cho luôn các quân khu khác nữa.

Tôi bật cười biết anh lại đùa. Tôi đùa lại:

- Nếu tôi có quyền lực vô biên, tôi sẽ cho anh làm “thiên tử” trong 24 tiếng đồng hồ để anh thực hiện mọi ý nguyện mà anh có và cưới một nàng cung nữ đẹp tuyệt trần làm vợ, y như chàng Hassan vậy. Nhưng tôi không chịu trách nhiệm nếu anh lại cũng giống như Hassan bị bắt vào nhà thương điên và nhận mỗi ngày 50 roi gân bò đâu đấy!<sup>1</sup>.

Chúng tôi lại cười với nhau vui vẻ.

Nhưng rồi anh hiến kế:

- “Nếu anh đồng ý, tôi sẽ lệnh xuất kho cho anh mượn trước 2.000 tấn vũ khí các loại nằm trong tổng số phân phối của B2 năm 1974”.

Tôi rất đổi vui mừng. Thế là chúng tôi thỏa thuận với nhau vấn đề vay mượn. Và anh không quên nhấn mạnh:

- “Sau tôi sẽ trừ vào số được cấp đấy, anh liệu bảo anh em giữ gìn cẩn thận kẻo thiếu rồi đòi nữa thì vào tù cả đám đấy!”

Sau đó còn vấn đề tải. Tôi tin chắc trước rằng anh em có trách nhiệm vận chuyển sẽ sẵn sàng nhận thêm những công việc cực nhọc này. Và sự thật đã đúng như vậy.

Đây còn là một mùa khô mà đôi bên đều ra sức giành đất, giành dân. Định nêu mục tiêu giành kiểm soát các vùng như trước 29/3/1972. Chúng xem Hiệp định Paris như không có. Còn mục tiêu của ta thì giành lại tất cả các vùng như trước 28/01/1973 - Hoàn toàn phù hợp với pháp lý Hiệp định Paris. Trọng tâm kế hoạch Quân khu 9 là trừng trị quân địch lấn chiếm vùng căn cứ U Minh của ta và

---

1. Chuyện anh chàng say ngủ trong sách *Nghìn lẻ một đêm*.

giành lại các vùng đông dân ở Gò Quao, Giồng Riềng thuộc Rạch Giá, ở Vĩnh Long, Trà Vinh, một vùng có tầm chiến lược quan trọng nằm giữa sông Tiền và sông Hậu. Trọng tâm kế hoạch Quân khu 8 là trừng trị bọn lẩn chiếm trung tâm căn cứ Đồng Tháp Mười của ta và giành lại vùng đông dân Cái Bè, Cai Lậy thuộc tỉnh Mỹ Tho, nằm hai bên đường 4 chiến lược, xương sống của đồng bằng cũng như các vùng thuộc tỉnh Bến Tre liên hoàn với Vĩnh Long, Trà Vinh của Quân khu 9. Còn một nội dung nữa của hoạt động mùa khô này của cả đôi bên là giành của. Ngày 24/8/1973 Thiệu đã triệu tập ở Cần Thơ cái gọi là Hội nghị lúa gạo. Chỉ tiêu của chúng đề ra trong mùa khô này là phải cướp cho được một triệu tấn lúa. Ngày 29/9/1973, tướng ngụy Vĩnh Nghi - Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật chỉ thị cho 16 tỉnh trưởng đồng bằng là đến cuối năm 1973 phải cướp và nộp lên trên 40 vạn tấn gạo (tương đương 1 triệu tấn lúa). Ta phải kết hợp trừng trị địch với phá cho được kế hoạch cướp lúa này, bảo vệ tài sản cho dân và giành dự trữ cho ta. Không phải chỉ Quân khu 8 và 9 làm nhiệm vụ này mà cả Quân khu 7 (miền Đông) và Quân khu 6 (cực Nam Trung Bộ) cũng phải kết hợp đánh trả và giành vụ mùa để có dự trữ lúa gạo tại chỗ.

Chủ lực Miền trong mùa khô này cũng có nhiệm vụ khá nặng nề. Ngoài việc tranh thủ thời gian ra sức xây dựng, củng cố tổ chức, đặc biệt là binh chủng, tăng cường huấn luyện chiến thuật, kỹ thuật, nâng trình độ tác chiến tập trung của binh chủng hợp thành, còn phải phân ra tác chiến, hỗ trợ các địa phương. Hai Sư đoàn 9 và 7 được bố trí đứng vững ở tuyến trung gian phòng thủ Sài Gòn của địch thuộc hai tỉnh Tây Ninh và Bình Dương, phối hợp tác chiến giúp hai tỉnh này trong các nhiệm vụ mùa khô của tỉnh. Nhiệm vụ chủ yếu của hai sư đoàn là uy hiếp tuyến trung gian và tuyến trong cùng (vùng ven Sài Gòn) của địch phòng thủ Sài Gòn, kìm chân các sư đoàn 5, 25, 18, các liên đoàn biệt động của Quân đoàn 3 ngụy, không cho rút đi chi viện cho đồng bằng hay tấn công nơi khác, không cho chúng hoàn chỉnh thế phòng ngự vững chắc thủ đô của chúng.

Cần nói thêm về âm mưu và hành động của địch ở khu vực Sài Gòn trong ý đồ chiến lược chung của chúng từ sau khi có Hiệp định. Trước năm 1972, Sài Gòn được địch phòng thủ bằng 3 tuyến vững chắc: tuyến ven đô, tuyến giữa và tuyến ngoài cùng. Với chiến dịch Nguyễn Huệ của ta và đợt hoạt động quân sự mùa khô 1972 trong toàn Miền, ta đã đập tan tuyến phòng thủ ngoài cùng, chọc thủng từng đoạn tuyến phòng thủ giữa, chỉ còn lại tuyến ven đô là nguyên vẹn. Như vậy là thế trận phòng ngự Sài Gòn khá mỏng manh, không đáng tin cậy. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, ngụy quyền Sài Gòn, một mặt ra sức càn quét lấn chiếm các vùng tranh chấp và vùng giải phóng của ta, mặt khác củng cố và hoàn chỉnh các vùng kiểm soát của chúng, đặc biệt là hết sức chú ý việc củng cố phòng ngự



vững chắc thủ đô Sài Gòn - trung tâm đầu não của chúng. Chúng đã mở liên tục các cuộc hành quân lớn nhỏ nhằm diệt cơ sở chính trị, du kích của ta ở ven đô, chúng dùng xe ủi đất san bằng vườn tược nhà cửa của nhân dân như vùng Củ Chi, Hóc Môn, Thủ Dầu Một...; dùng lao công đào binh của chúng chặt phá cây cối vùng Lái Thiêu, Thủ Đức, các rừng dừa nước ở Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Đước, Cần Giuộc. Chúng đóng thêm đồn bót, đặt thêm chướng ngại, gài mìn, đào hào chống tăng riêng hướng Biên Hòa để củng cố thêm tuyến phòng thủ trong cùng sát nội đô. Nơi nào không kiểm soát được, như các căn cứ du kích của ta đã có từ lâu, xung quanh thành phố Sài Gòn, gồm Bưng sáu xã ở Thủ Đức, khu Rừng Sác Duyên Hải, An Sơn, Lái Thiêu, Tân Mỹ, Bình Lý, Hóc Môn, ba xã Nam Bến Cát mà chúng đã phải gọi là “tam giác sắt”, Vườn Thơm, Bà Vực, Tam Tân, Bình Chánh, vùng Cần Đước, Cần Giuộc, Nhà Bè... thì chúng liên tục dùng phi cơ ném bom và pháo bắn ngày đêm, hủy diệt, tạo thành vùng trắng, xóa các khu căn cứ ấy của ta. Kế hoạch trong mùa khô 1973-1974 của ngụy là chiếm cho được 60 lõm căn cứ giải phóng của ta ở miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là quanh Sài Gòn. Chúng mưu mô hàn lại tuyến phòng thủ giữa bằng cách chiếm lại đường 2 ở Bà Rịa, vùng Đất Cuốc bắc Tân Uyên, vùng Dầu Tiếng, Long Nguyên, Thủ Dầu Một và vùng Bời Lời - Tây Ninh, Hồ Bò - An Nhơn Tây, Củ Chi. Chúng đã mở cuộc hành quân lớn cỡ sư đoàn đánh vào vùng Long Nguyên, Dầu Tiếng, vùng giải phóng của ta đang làm gián đoạn tuyến phòng thủ giữa của chúng về phía bắc, nhưng bị ta đánh bại, tiêu diệt hàng tiểu đoàn quân ngụy, khiến chúng không thực hiện được ý đồ. Nhưng củng cố thể phòng ngự Sài Gòn là vấn đề sống còn nên chúng vẫn không bỏ kế hoạch lấn chiếm các vùng ta để xây dựng các tuyến phòng thủ của chúng.

Kế hoạch của ta không những là giữ vững các vùng giải phóng, chặn đứng bọn lấn chiếm, tiêu diệt bọn càn quét mà còn phá không cho chúng hoàn thành thể phòng ngự vững chắc Sài Gòn theo kế hoạch dự kiến cơ cụm chiến lược, buộc lực lượng Quân đoàn 3 ngụy phải luôn bị động phòng ngự ở một thể trận không vững chắc và lúc nào cũng lo ngại tuyến phòng thủ Sài Gòn bị chọc thủng. Không những thế mà lực lượng dự bị chiến lược rất ít của chúng cũng không thể rút đi khỏi Sài Gòn để chi viện cho các chiến trường khác. Điều này tạo thêm mâu thuẫn gay gắt cho quân ngụy trong việc thực hiện đường lối chiến lược ngu xuẩn của Thiệu là phải dàn quân giữ tất cả, không để mất một xã ấp nào, buộc chúng luôn bị động về chiến lược, chiến dịch, không có cách nào thoát ra khỏi tình thế hoàn toàn bất lợi đó.

Sư đoàn chủ lực số 5 của Miền trực tiếp hỗ trợ cho đồng bằng bằng cách phản công quân địch lấn chiếm vùng Kiến Tường giáp biên giới Campuchia và củng

cổ mở rộng hành lang nối liền miền Đông và đồng bằng qua hướng tây tỉnh Tây Ninh. Trong lúc đó, một bộ phận nhỏ chủ lực cùng đặc công trùng trị địch ở khu vực Bù Bông, Tuy Đức thuộc tỉnh Quảng Đức kết hợp bảo đảm hành lang nối liền với đường Trường Sơn 559, đồng thời cũng là hỗ trợ cho quân dân Quân khu 6 đang bị địch lấn chiếm ở vùng Bình Thuận, Bình Tuy.

Bù Bông là một cứ điểm của địch với biên giới Campuchia. Quân địch đóng ở đây thường xuyên càn quét bắn phá các làng xã xung quanh, đột kích vào hành lang vận tải và dùng pháo khổng lồ suốt ngày đêm gây trở ngại không ít cho việc tiếp thu hàng hóa của ta. Để thực hiện việc trùng trị ngay từ điểm xuất phát vi phạm của địch và cũng là mở màn mùa khô 1973-1974, ta đã dùng Trung đoàn 429 - một trung đoàn đặc công mạnh được tăng cường bộ phận bộ binh, tiêu diệt cứ điểm này ngày 04/11/1973. Tiếp theo đó, ta mở rộng giải phóng vùng xung quanh, ngã ba Tuy Đức, bảo đảm hành lang vận tải của ta thông suốt và an toàn. Đúng như ý định của ta, ngụy phải điều Sư đoàn 22 thuộc Quân đoàn 2 của chúng cùng với ba chiến đoàn bảo an, một trung đoàn thiết giáp đang lấn chiếm ở vùng ven biển Ninh Thuận, Bình Thuận lên đối phó, hòng cắt đứt hành lang vận tải của ta. Ta đánh trả lại quyết liệt, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giữ vững các vùng giải phóng và tạo điều kiện cho lực lượng Quân khu 6 của ta chống lại địch có kết quả ở phía tây Phan Thiết. Cũng để thực hiện lời cảnh cáo trùng trị địch ngay từ điểm xuất phát, từ ngày 05 đến ngày 06/11/1973, ta đã dùng pháo thuộc Đoàn đặc công 113, bắn vào sân bay Biên Hòa, diệt một số phi cơ và cơ sở địch ở sân bay. Từ lâu nay, phi cơ địch đã từ đây bay đi thả bom và bắn phá các vùng giải phóng của ta như Lộc Ninh, Bù Đốp, Lò Gò, Kà Tum và dùng sân bay Rang Rang nằm giữa khu căn cứ của ta (chiến khu A) làm nơi tập ném bom. Ở những nơi đó, ta cũng đã bắn hạ tại chỗ 30 máy bay địch từ tháng 10 cho đến tháng 12/1973. Bắt đầu từ tháng 11/1973, mỗi lần địch dùng phi cơ oanh tạc bắn phá vùng giải phóng của ta là ta bắn pháo hoặc dùng đặc công đánh vào các sân bay của địch. Không những thế ta còn đánh trả đau hơn bằng cách hủy diệt các kho nhiên liệu của địch bất cứ chúng đặt ở đâu. Ngày 02/12/1973, kho xăng Nhà Bè - nơi dự trữ nhiên liệu lớn nhất của địch ở miền Nam đã bị đặc công ta thuộc Đoàn 10 đột nhập cho nổ hàng loạt kho chứa, đốt cháy hàng triệu lít xăng dầu, khói lửa bốc cao hàng trăm mét làm rực sáng cả một góc trời thành phố Sài Gòn. Đây là một chiến công vang dội của Đoàn 10 đặc công để chứng tỏ cho địch biết rằng ta nói được và làm được, chúng hãy liệu hồn. Thật ra trận đánh này không dễ dàng. Khu kho này nằm ven Sài Gòn, được bao bọc bằng một hệ thống chằng chịt sông rạch sinh lầy, từ trước đã bị đánh nhiều lần nên địch đề phòng rất cẩn thận. Chúng đã tăng cường lực lượng, thay đổi cách bố phòng, căng dày chương ngại, mìn, sử dụng hàng chục chó bécgiê, cả radar phát hiện... Trước trận đánh tôi

đã trực tiếp kiểm tra kế hoạch, mọi chi tiết đã chuẩn bị. Bảy Ước<sup>1</sup> - Chính ủy Đoàn 10, đã báo cáo: “Đội được phân công đánh, có hơn mười anh em cán bộ và chiến sĩ, đã vào nghiên cứu tận bên trong khu kho, đã đi đến từng bồn nhiên liệu. Chúng tôi đảm bảo trận này chắc thắng”.

Truyền thống đặc công là mò đến tận nơi, đánh là phải được. Anh em Đoàn 10 đã thực hiện đúng cam kết quyết tâm.

Bước vào mùa khô này như vậy là ta và địch đều hoạt động sôi nổi trên toàn chiến trường B2. Ta đã hợp đồng khá chặt chẽ giữa các quân khu, giữa địa phương và chủ lực, căng kéo và kìm địch khắp nơi, thu nhiều thắng lợi. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, địch đã phải thay đổi vùng trọng tâm hoạt động của chúng. Từ sau Hiệp định đến hết mùa mưa năm 1973, địch lấy vùng Hậu Giang Quân khu 9 của ta, tập trung cả Sư đoàn 21 và Sư đoàn 9, một số biệt động quân và bảo an, giang thuyền, để tiến hành lấn chiếm. Bị đánh trả quyết liệt, địch không thực hiện nổi mục tiêu đã định mà còn bị thiệt hại nặng. Tuy chúng có đóng thêm một số đồn bót ở một số nơi như Bảy Núi, Hà Tiên, Sông Trẹm ở rừng U Minh, nhưng nhiều nơi khác ta lại giải phóng rộng, kế hoạch lấn chiếm vùng giữa bốn tỉnh bị thất bại hoàn toàn. Bước vào mùa khô, chúng đành phải rút bót giang thuyền từ Cần Thơ về Cát Lái miền Đông, điều Sư đoàn 9 lên Kiến Tường, một số tiểu đoàn biệt động về Quân đoàn 3, chỉ để lại vùng Hậu Giang Sư đoàn 21 đã bị suy yếu cùng một số tiểu đoàn biệt động và lực lượng bảo an. Chúng tập trung quân hoạt động vùng Tiền Giang thuộc Quân khu 8 của ta, chủ yếu là lấn chiếm Đồng Tháp Mười và vùng giáp biên giới với Campuchia, đánh chặn hành lang vận tải của ta cho đồng bằng sông Cửu Long và đối phó với Sư đoàn 5 của ta. Tập trung quân về đây, chúng cũng có ý định giữ vững vùng Tây Nam Sài Gòn, vùng tiếp giáp rất quan trọng của Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long, làm cho Sài Gòn không bị cô lập, cho ngụy quyền có một cơ sở vững cả về xã hội, chính trị, quân sự, kinh tế. Như vậy là thể hiện rõ ý đồ của Mỹ - Thiệu gắn chặt Vùng 3 và Vùng 4 chiến thuật (Nam Bộ cũ) trong một thể chiến lược tồn vong của cả miền Nam Việt Nam của chúng. Cũng cố mạnh mọi mặt Vùng 3, 4 chiến thuật để từ đó tiến tới có thể tấn công đánh quy đối phương, khi cần thì về co cụm phòng ngự ở đó mà tồn tại. Nhưng tính toán thì như vậy mà thực hiện thì nửa vời, thiếu dũng khí, bằng một chiến lược tham lam và mù quáng: “Bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải giữ cho được tất cả không để mất một xã, ấp nào vào tay “Việt cộng””. Thông thường là như vậy, những kẻ thiếu kinh nghiệm thực tế, thiếu dũng cảm táo bạo, hay nghĩ một đằng mà làm một nẻo, vừa làm vừa run đi đến mù mẫm ngay trong suy nghĩ của mình.

---

1. Thượng tá Lê Bá Ước.

Bắt đầu từ mùa khô 1973-1974, toàn bộ ý định chiến lược của Bộ Chỉ huy B2 có thể tóm tắt gọn là: Áp chặt Sài Gòn, kẹp cổ kẻ địch, bắt chúng phải bị động phòng ngự thủ đô - trung tâm đầu não - để ta chủ động trừng trị chúng vi phạm Hiệp định có hiệu quả; mở rộng phía sau và các vùng đông dân, mở hành lang thông suốt, dự trữ vật chất kỹ thuật; tạo thế tạo lực, thay đổi tương quan lực lượng mọi mặt có lợi cho ta. Ta bố trí các sư đoàn 9 và 7, các lực lượng đặc công, biệt động (tôi sẽ nói ở dưới) quanh và sát Sài Gòn ngay trong nội đô cùng với lực lượng địa phương, du kích, lực lượng quần chúng nhân dân, đấu tranh và trừng trị địch là để vây hãm Sài Gòn không cho địch tự do cựa quậy. Ta bố trí Sư đoàn 5 cùng đặc công ở Kiến Tường là để thu hút địch về phía này không cho chúng tập trung đánh phá vùng Hậu Giang đông dân nhiều của. Ta mở hành lang Bù Bông, Tuy Đức, nối thông với Đường 559, hành lang phía tây Tây Ninh nối thông miền Đông và đồng bằng sông Cửu Long và các đường khác nữa để vận tải tích trữ hậu cần cho các chiến trường ở thời điểm chiến lược quan trọng này.

Ta mở rộng các vùng phía sau để các căn cứ và vùng giải phóng ta liên hoàn hỗ trợ lẫn nhau, thành thế vững chắc, trong lúc đó ở phía trước, ta tích cực phát triển lực lượng du kích, bộ đội địa phương và quần chúng có tổ chức.

Rút kinh nghiệm về cách đánh của ta vào Sài Gòn và cách đối phó của địch hồi Tết Mậu Thân, chúng tôi nghiên cứu sẵn sàng một kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy nếu nó xảy ra. Bởi vì như trên tôi đã nói, Mỹ - ngụy ngoan cố phá Hiệp định Paris, không chịu ngừng bắn và hành quân đánh ta với quy mô ngày càng lớn thì tất nhiên chiến tranh vẫn tiếp tục và phát triển, và chỉ có thể chấm dứt bằng một bên thắng. Trong thương lượng bằng con đường ngoại giao, căn cứ vào sức lực của nhau, hai bên cần có sự nhân nhượng hiểu biết. Nhưng trong chiến tranh, do dự không sẵn sàng là chết. Địch cũng đã dự kiến tiêu diệt ta hoàn toàn vào năm 1976 và 1977. Ta phải chuẩn bị sẵn cho một cuộc tổng tấn công và nổi dậy giành toàn thắng về ta. Năm 1968, ta đã căn cứ vào tình hình và địa hình, các mục tiêu chủ chốt trong nội đô địch mà vạch ra 5 mũi tấn công và bố trí lực lượng mọi mặt của ta theo 5 mũi ấy. Ta đã dùng cách hợp đồng tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng cách mạng cộng với biệt động và đặc công, tiếp theo đó là lực lượng chủ lực. Một cuộc tập dượt thực tế và quy mô Tết Mậu Thân đã thu được thắng lợi lớn. Nhưng chưa dứt điểm vì tình thế và tương quan chưa cho phép thôi. Ngày nay các mục tiêu địch không thay đổi nhiều, cái thay đổi cơ bản là tình thế và tương quan lực lượng đôi bên. Dự đoán tình hình, dự kiến về chiến lược bao giờ cũng phải sớm, có sớm thì mới kịp thời triển khai trước một số việc cụ thể của kế hoạch chiến lược có thể, mà những sự việc triển khai đó đòi hỏi thời gian, không thể đợi đến lúc

quá rõ, sinh ra hấp tấp, không kịp chuẩn bị, thậm chí để lỡ mất thời cơ. Năm 1972, vì thiếu dự kiến không chuẩn bị trước nên khi ta thắng ở Quảng Trị, địch hầu như bỏ ngỏ Huế mà ta không tận dụng được thời cơ thuận lợi ấy. Tất nhiên ngoài thiếu dự kiến, thiếu chuẩn bị trước còn có thiếu nhạy bén linh hoạt và táo bạo lợi dụng thời cơ lúc ấy. Người chỉ đạo chỉ huy về chiến lược đòi hỏi phải suy rộng nghĩ sâu; bằng công việc của mình mà tạo điều kiện chắc thắng cho dưới; bằng năng động tính của mình mà thúc đẩy và dẫn dắt tình hình theo chiều hướng giành thắng lợi về ta; bằng quả cảm, kịp thời hành động khi có thời cơ xuất hiện.

Ngay từ tháng 9/1973, Bộ Tham mưu Miền đã cùng lực lượng tình báo chiến lược của B2 bố trí từ trước ngay trong các cơ quan đầu não của ngụy cũng như của Mỹ, kiểm tra lại các mục tiêu địch mà ta phải xử trí và luôn luôn nắm tình hình hàng ngày, nắm các kế hoạch và mệnh lệnh của địch. Cần nói rõ là trong chiến tranh, chiến trường B2 bao gồm các vùng rừng núi, đồng bằng và đô thị rộng rãi trong đó có Thủ đô Sài Gòn của địch, là một chiến trường hoàn chỉnh, cũng là một chiến trường bao gồm lực lượng địch đông nhất, có nhiều mục tiêu chiến lược và chiến dịch quan trọng nhất, mọi diễn biến ở đây đều ảnh hưởng đến toàn bộ nên cấp trên cho phép Bộ Chỉ huy Miền (B2) được tổ chức và chỉ đạo bộ phận tình báo chiến lược quan trọng thiết thân nhất cho mình, đồng thời phục vụ cho trên. Bộ phận tình báo này đã giúp chúng tôi nắm được nhiều kế hoạch, âm mưu của Mỹ - ngụy, đã lấy được của địch một số nguyên bản có giá trị nên chúng tôi đã kịp thời phán đoán tình hình và đối phó có kết quả. Các tình báo viên của ta, trừ một số bị hư hỏng không tránh khỏi, với bản chất cách mạng trung kiên, có nhiều đồng chí đã hy sinh anh dũng và nhiều đồng chí lập được công trạng, nhiều người đã trở thành anh hùng lực lượng vũ trang. Căn cứ vào kế hoạch dự kiến tổ chức và bố trí lực lượng của Bộ Tham mưu Miền đã được duyệt, tôi đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Ba Trần, rút Đoàn 367 - đoàn đặc công và biệt động của ta đặc biệt phụ trách ở chiến trường Phnôm Pênh (Campuchia) để giúp bạn từ trước mà nay không cần giữ nhiều - để kiện toàn cho Sài Gòn. Ta đã tổ chức bố trí hoàn chỉnh theo mục tiêu và theo hướng các đoàn biệt động và đặc công ta từ nội đô ra vùng ven. Ở B2 lúc đó chấn chỉnh tổ chức thành một bộ chỉ huy binh chủng đặc công gọi là Đoàn 27 do đồng chí Đặng Ngọc Sĩ, tự Phong, làm Tư lệnh, trực thuộc Bộ Chỉ huy Miền. Sĩ là một cán bộ có sức khỏe, lực lưỡng, trực tính, sẵn sàng đấu tranh bảo vệ chân lý mà không sợ nguy hại cho riêng mình, một đức tính đáng quý, nhất là lúc xã hội có những hiện tượng không lành mạnh. Bản thân Sĩ là một cán bộ đặc công trưởng thành trong chiến đấu, bình tĩnh, kiên quyết, nói ít làm nhiều, đã làm là quyết tâm làm cho được. Đến ngày 30/11/1973, tôi kiểm tra Đoàn 27 thì đoàn đã có trên 6.000 cán bộ và chiến sĩ đã được rèn luyện và chiến đấu. Trừ cơ quan và



các cơ sở ra, đoàn gồm các lực lượng trực tiếp chiến đấu đã được bố trí ở các địa bàn vùng ven: Bắc Sài Gòn có đoàn đặc công 115 và 119; đông Sài Gòn có Đoàn 116 ở Long Thành, Đoàn 10 ở Rừng Sác; tây Sài Gòn có Đoàn 117; phụ trách Biên Hòa có Đoàn 113. Đang thành lập thêm đoàn phía nam Sài Gòn. Đoàn 27 còn trực tiếp nắm trung đoàn đặc công tập trung đã từng lập nhiều chiến công, đó là Trung đoàn 429. Về biệt động nội thành thì tổ chức thành Đoàn 316 do đồng chí Nguyễn Thanh Tùng (Thượng tá Mười Cơ) chỉ huy, tổ chức thành nhiều Z, mỗi Z phụ trách một số mục tiêu quan trọng. Đặc công và biệt động được bố trí theo hướng và mục tiêu nhất định, có nhiệm vụ liên tục củng cố tổ chức, huấn luyện kỹ năng chiến đấu, điều tra nắm chắc các mục tiêu được phân công tiêu diệt, hoàn chỉnh phương án tác chiến và rèn luyện cán bộ, chiến sĩ trên thực tế địa hình cũng như mục tiêu của mình phụ trách. Anh em còn phải thâm nhập quần chúng, hiểu rõ nhân dân vùng mình hoạt động, gây dựng cơ sở chính trị làm chỗ dựa cho mình. Ngày 15/12/1973, đồng chí Đạo - Chính ủy Bộ Tư lệnh binh chủng đặc công của Bộ Tổng Tư lệnh vào kiểm tra tình hình đặc công B2 đã phát biểu: “Đặc công B2 được phát triển, trưởng thành đã tham gia chiến đấu và chiến dịch có kết quả tốt, hiện nay đã được xác định nhiệm vụ và xây dựng bố trí theo thể chiến lược mới. Một mặt nhờ sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Miền rõ, có ý đồ chiến lược sớm, có phương châm phương thức cụ thể, mặt khác anh em đã có truyền thống và kinh nghiệm chiến đấu từ lâu”. Đồng chí cũng đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho việc tổ chức và huấn luyện cho đặc công B2.

Trong mùa khô 1973-1974 này còn một vấn đề không kém phần gay gắt cho chúng tôi, đó là giữ vững vùng giải phóng Lộc Ninh, căn cứ của Miền. Lâu nay địch thường xuyên uy hiếp đánh phá vùng này bằng không quân, quyết không để cho vùng căn cứ của ta được ổn định, bất chấp cái giá nhiều phi cơ bị lực lượng phòng không của ta hạ tại chỗ. Quân đoàn 3 ngụy đã có kế hoạch dùng lực lượng mạnh đánh chiếm Lộc Ninh, chỉ còn chờ thời cơ và lệnh của chỉ huy tối cao của chúng và cả quan thầy Mỹ. Biết thế, ta cũng phải sẵn sàng kế hoạch ngăn chặn, đánh bại chúng để giữ vững vùng căn cứ của ta. Vấn đề đặt ra là ta dùng lực lượng nào, bao nhiêu và đánh cách nào: phòng ngự, phản công, tấn công, đánh nhỏ hay đánh lớn? Lúc nào thì địch có thể đánh? Ta bố trí sẵn lực lượng chờ giáng cho chúng một đòn sấm sét chăng? Thế thì, đợi trong bao lâu? Ta có kẹt lực lượng có hạn của ta trong thế bị động không? Một loạt vấn đề cần phải suy nghĩ thật kỹ để có quyết tâm đúng trong tình hình mà chiến trường đang sôi động.

Quân ủy Trung ương đã điện cho chúng tôi nêu rõ Lộc Ninh có tầm quan trọng không những về quân sự mà còn có ý nghĩa lớn về chính trị trong tình hình hiện nay. Vì vậy địch luôn có âm mưu đánh chiếm. Bằng bất cứ giá nào ta phải giữ



cho được, không được để mất, cần điều ngay một sư đoàn chủ lực về, có kế hoạch sẵn sàng phản công, tiêu diệt quân lấn chiếm.

Chấp hành lệnh của Quân ủy Trung ương, chúng tôi lập tức triệu tập cán bộ tham mưu, chính trị, hậu cần nghiên cứu kế hoạch giữ Lộc Ninh. Cuộc thảo luận khá sôi nổi. Mọi người đều nhận thức được tầm quan trọng phải giữ vững căn cứ này như Quân ủy Trung ương đã chỉ rõ, nó còn là danh dự, là uy tín của Quân giải phóng chúng ta.

Chúng tôi đã nhận định tình hình tổng quát của B2, của toàn Miền, kiểm điểm lực lượng của địch và phán đoán cách đánh của chúng. Địch có thể dùng lực lượng nào, quy mô cuộc tấn công, các điểm xuất phát và mọi khả năng khác của chúng? Chúng tôi biết rằng, muốn đánh chiếm Lộc Ninh địch sẽ dùng chủ yếu là lực lượng Quân đoàn 3 trong đó nòng cốt là Sư đoàn 5 nguy được tăng cường một bộ phận của Sư đoàn 25, Sư đoàn 18, một số biệt động quân, Liên đoàn 81 dù, lực lượng tổng dự bị của chúng lúc đó. Chắc chắn chúng sẽ dùng Lai Khê, căn cứ của Sư đoàn 5 nguy làm điểm xuất phát và hướng chính là đường 13, qua Bình Long, một thị xã đã bị tàn phá nặng nề. Nhưng các sư đoàn 5, 15, 18 còn phải lo phòng thủ phía Sài Gòn, lo hoàn chỉnh các tuyến phòng ngự mà hiện nay đang bị rách nát. Đặc biệt là Sư đoàn 5 nguy phụ trách phòng thủ phía bắc Sài Gòn là hướng rất quan trọng, đối diện với lực lượng lớn, với vùng giải phóng của ta, càng khó mà tự do hành động. Chúng cũng thừa biết rằng đánh chiếm Lộc Ninh không phải là chuyện dễ dàng cho chúng, và không thể chỉ dùng 1, 2 sư đoàn mà đủ. Kinh nghiệm những đợt độ từ nhiều năm nay ở chiến trường miền Đông Nam Bộ này, ngay khi còn quân Mỹ ở đây, nào Sư đoàn bộ binh số 1 “Anh cả đỏ”, Sư đoàn 25 “Tia chớp nhiệt đới”, sư đoàn hiện đại nhất là Sư đoàn kỵ binh số 1... mà quân nguy đã từng đi theo điều dóm, vậy mà cũng không tránh khỏi bị nếm mùi thất bại. Điều thêm lực lượng ở các vùng chiến thuật 1, 2, 4 về ư? Rất khó và không nhiều, vì để thực hiện cái kiểu chiến lược “không để mất một ấp xã nào”, vì còn phải lấn chiếm và làm chủ hoàn toàn miền Nam Việt Nam như tham vọng của chúng thì còn lấy đâu ra quân mà tập trung vào một điểm. Như vậy muốn đánh Lộc Ninh, chúng phải có kế hoạch chu đáo, tính toán rất kỹ, dùng nhiều lực lượng và chỉ huy phải giỏi - một điều mà bản thân chúng còn hoài nghi. Thế thì về phần ta nên như thế nào? Chúng tôi đã đi đến quyết tâm là bằng kế hoạch hoàn toàn chủ động buộc địch phải lo phòng giữ Sài Gòn, trói chân buộc tay chúng lại, không cho chúng tự do rút lực lượng đi xa Sài Gòn lên tấn công Lộc Ninh. Như vậy ta sẽ không rút bất cứ sư đoàn nào về giữ Lộc Ninh mà ngược lại ép sát Sài Gòn, sẵn sàng thọc vào tim chúng nếu chúng phiêu lưu đi đánh người. Còn ở Lộc Ninh chúng tôi tổ chức một mặt trận bao gồm du kích địa phương, du kích cơ

quan, kết hợp với các lực lượng phòng không, cơ giới của Miền đang đứng tại đây và một trung đoàn chủ lực vừa mới kiện toàn (Trung đoàn 201), để làm nòng cốt. Lực lượng này sẽ là “thiên la địa võng” tiêu hao, ngăn chặn chúng khắp nơi nào chúng đến, ngay từ rìa căn cứ. Trong lúc đó các sư đoàn chủ lực của ta, nếu cần, sẽ ung dung tập trung về nơi tập kết đã định sẵn và giáng đòn sấm sét tiêu diệt tập đoàn quân nguy nào mà ta chọn. Đó là kinh nghiệm quý báu của chiến dịch phản công lại chiến dịch “Junction City” của Mỹ ở Bắc Tây Ninh năm 1967 - Westmoreland đã bị đòn đau trong chiến dịch này và tiếp theo đòn Mậu Thân choáng váng, đánh phải ôm hận tiêu tan quân nghiệp của mình mà đã có thời được mệnh danh là “vị tướng tài giỏi nhất của Mỹ”. Như vậy là chúng tôi đã chấp hành lệnh của Trung ương một cách sáng tạo, hoàn toàn phù hợp với tình hình B2 lúc đó. Chúng tôi đã ép địch, buộc chúng phải phòng ngự Sài Gòn và đã giáng cho địch một đòn chí tử, cuối cùng chấm dứt mọi âm mưu củng cố hoàn chỉnh vững chắc tuyến phòng ngự Sài Gòn và âm mưu tập trung lực lượng đánh chiếm Lộc Ninh.

Đó là vào tháng 5/1974, khi mà Quân đoàn 3 nguy lâm le đánh chiếm An Nhơn Tây để nối liền qua Bến Cát theo đường 7 ngang từ Thái Mỹ - Gò Nổi (Trảng Bàng) - tỉnh lộ 15 An Nhơn Tây qua Rạch Bắp - Bến Cát. Dự kiến kế hoạch của chúng là lấy đồn Rạch Bắp làm thành một đầu cầu kiên cố trên bờ phía đông sông Sài Gòn, nối với một đồn sẽ đóng trên tỉnh lộ 15 An Nhơn Tây làm đầu cầu bên bờ tây sông Sài Gòn nối ra đường 7, Gò Nổi, Trảng Bàng. Như vậy chúng sẽ tạo được một tuyến giữa, có lùi một ít so với cũ, nhưng hoàn chỉnh thành một tuyến phòng ngự liên tiếp phía bắc Sài Gòn một cách vững chắc. Hoàn chỉnh kế hoạch này, lực lượng Quân đoàn 3 sẽ tương đối rảnh, có điều kiện tập trung đánh chiếm Lộc Ninh hay một nơi nào khác. Để thực hiện kế hoạch, trong tháng 3 - 4, chúng đã tăng cường một số tiểu đoàn biệt động quân, các chi đoàn thiết giáp cho Sư đoàn 25 từ Đồng Dù đánh lên Trung Lập theo đường 2 Củ Chi, Trảng Bàng và Gò Nổi trên đường 7, đóng đồn bót lần dần ra vùng giải phóng của ta, đi đôi với phát quang địa hình. Chúng dùng lực lượng đồn trú ở Jinet và Rạch Bắp đánh lên phía bắc về hướng Bưng Còng để phối hợp hỗ trợ cho nhau. Nắm được kế hoạch của địch, ta kiên quyết đánh trả chống lại lần chiếm và phá âm mưu hoàn chỉnh tuyến phòng ngự theo đường 7 ngang đông tây sông Sài Gòn.

Ở phía tây sông Sài Gòn, trung đoàn chủ lực độc lập 16 trực thuộc Bộ Chỉ huy Miền cùng với tiểu đoàn quyết thắng của Quân khu Sài Gòn, lực lượng địa phương và du kích Củ Chi đánh trả quyết liệt Sư đoàn 25 nguy, giữ vững vùng giải phóng An Nhơn Tây, phía đông sông Sài Gòn. Vào giữa tháng 5, Sư đoàn 9 của ta đang đứng ở Long Nguyên Bến Cát, đã trùng trị đích đáng lực lượng địch ở Jinet,

tiêu diệt đồn này, làm cho đồn Rạch Bắp bị cô lập, địch hoảng hốt rút chạy. Ta giải phóng đoạn đường 7, phía đông sông, từ Rạch Bắp đến Kiến Điền và uy hiếp trực tiếp Bến Cát. Trong lúc đó, Sư đoàn 7 phối hợp với Sư đoàn 9 đã đánh thiệt hại nặng căn cứ Phước Hòa trên đường 16 đi Tân Uyên, diệt một số sinh lực và thiết giáp địch, bức rút một số đồn bót lấn chiếm trái phép. Như vậy là địch không thực hiện được kế hoạch của chúng, không lấn chiếm nổi An Nhơn Tây để thông ra sát sông Sài Gòn về phía tây. Còn bên phía đông sông, ta lại mở ra một đoạn dài 10km đẩy lùi địch xa sông thêm và nối liền căn cứ Long Nguyên của ta từ bắc lộ 7 với căn cứ An Thành, tức 3 xã phía nam đường 7 của huyện Bến Cát, khu tam giác sắt nổi tiếng. Cửa ngõ phía bắc Sài Gòn không khép kín được mà lại bị mở rộng ra, tuyến phòng ngự không liên hoàn lại tiếp tục bị chọc thủng. Địch đã lỏng lẻo phản ứng lại sự kiện này. Chúng đã tập trung về đây phần lớn lực lượng toàn Quân đoàn 3, tất cả Lữ 3 thiết giáp, số lớn phi cơ và pháo binh chi viện, thực hiện liên tục kế hoạch tấn công phản kích hàng tháng trời nhưng đều bị đánh bại. Địch tập trung được như vậy một phần cũng do sự hoạt động kém của Sư đoàn 7 của ta ở hướng Phước Hòa, Tân Uyên, không đủ sức thu hút phân tán địch, để đỡ nhẹ cho Sư đoàn 9. Nhưng vùng ta đã giải phóng ở đây vẫn được giữ vững. Thế là từ tháng 5 đến tháng 6, chỉ một Sư đoàn 9 của ta đã đối đầu có hiệu lực với lực lượng gần như toàn bộ Quân đoàn 3 địch một cách vô cùng quyết liệt, anh dũng, mưu trí. Ta đã đứng vững ở đây, giữ vững vùng giải phóng, gây thiệt hại nặng nề cho địch, không cho phép địch xây dựng tuyến phòng thủ vững chắc Sài Gòn, tạo cho ta một lợi thế chiến lược lớn. Khu vực này đến mùa Xuân 1975, chỉ 9 tháng sau đó, được mở rộng thêm về phía sau, đã trở thành tuyến xuất phát tấn công của một mũi quan trọng của ta trong Chiến dịch Hồ Chí Minh. Sư đoàn 9 của ta có bị tiêu hao vì phải tác chiến dai dẳng gần hai tháng với lực lượng địch đông hơn gấp 3 lần, nhưng giá trị chiến dịch, chiến lược đạt được của những trận đánh này cũng như ý nghĩa chính trị của nó tác động vào tinh thần quân ngụy và tâm lý nhân dân Sài Gòn là rất lớn. Frank Snepp - một chuyên gia của CIA thường trú ở Việt Nam, giữ trách nhiệm nghiên cứu, phân tích về chiến lược và thảo các bản “đánh giá tại trận” của ngành CIA nhằm phục vụ việc vạch ra đường lối của sứ quán Mỹ ở Sài Gòn và của cả Washington, đã viết về chiến cuộc mùa hè năm 1974 có liên quan đến trận đánh này như sau: “Tuy quân Bắc Việt Nam mới đánh thăm dò vào hướng bắc và đông bắc của Sài Gòn và vừa rồi cũng bị trừng trị lại, nhưng Sư đoàn 5 và 18 quân Nam Việt Nam cũng bị thương vong nặng, nhất là ở vùng “Tam giác sắt” và hiện nay thì kiệt sức và không thể chiến đấu được nữa”<sup>1</sup>. Lúc đó có một số ý kiến chỉ

---

1. Trích sách *Khoảng cách thời gian vừa phải* (Decent Interval) của Frank Snepp, do Nhà xuất bản Random House xuất bản tháng 11/1977.

trích chiến trận này, cho rằng không cần thiết chịu sự tiêu hao như vậy, rằng chọn hướng này mà đánh là sai. Thực sự đó là vì không hiểu hết ý nghĩa phá thế phòng thủ co cụm Sài Gòn của địch trong một giai đoạn chiến lược cuối cùng, ý nghĩa bắt địch bị động phòng ngự, cột chặt tay chân địch, để ta tự do hành động trên chiến trường chủ chốt ở thời kỳ quyết định này. Trong chiến tranh, làm được như vậy là cả một cuộc đấu tranh kiên cường, đòi hỏi nghị lực, mưu trí và dũng cảm. Nhất là lúc mà tương quan lực lượng đôi bên chưa phải đã chênh lệch nhiều; ta phải mạnh mới làm được. Còn khi sức mạnh ta đã áp đảo đối phương trong một tình hình đã rõ như ban ngày thì nói làm gì. Và đây là một sự bất mạch quan trọng để hiểu địch hơn nữa về nhiều mặt thực tế tại chiến trường có tầm chiến lược này, sức lực và khả năng địch đến đâu, hành động chúng thế nào.

Sự đánh giá về trận đánh khác nhau biểu lộ sự đánh giá về thời kỳ chiến lược, cũng như về tác dụng từng khu vực chiến trường khác nhau mà thôi. Nhưng người tư lệnh chiến trường buộc phải hiểu một cách cụ thể thực tế thế và lực của ta và địch; phải biết tìm mọi cách đẩy địch vào thế bất lợi và giành cho ta thế có lợi; phải sớm đánh giá từng thời kỳ chiến lược một cách đúng đắn và biết phải làm gì để sớm chuẩn bị cho trận quyết chiến thành công của chiến trường mình, nhất là chiến trường ấy có vai trò kết thúc cuộc chiến tranh. Về chiến lược không giống như chiến thuật, chờ đến giờ chót để mở đột phá khẩu.

Tháng 6/1974, Bộ Chỉ huy Miền đã kiểm điểm tình hình mọi mặt của B2 qua một mùa khô thử thách: Thử thách về sức mạnh của đôi bên ta, địch thực tế trên chiến trường, thử thách về ý chí và hiệu quả hành động thực hiện kế hoạch mà cả hai bên đều đã vạch ra sớm từ mùa mưa 1973 và đều cùng nỗ lực giành thắng lợi về mình. Từng cơn mưa đầu mùa đổ xuống như trút nước, báo hiệu một mùa mưa tầm tã như bình thường mọi năm ở B2. Cái nóng bức của trưa hè mết mỏi đã nhường chỗ cho không khí mát mẻ dễ chịu. Rừng xanh đó đây đã điểm vàng bởi những chùm gui chín rộ. Chiến sĩ miền Đông còn lạ gì với những trái gui ngon lành chua chua ngọt ngọt này. Trong lúc thiếu thốn mọi bề, thịt cá hiếm hoi, nó là thực phẩm quý của bộ đội chủ lực đây. Ngon sao những nồi canh rau chua ngọt mát dạ mát lòng. Trong những cuộc hành quân vào trưa hè nóng bức, mang vác nặng nhọc, anh hãy uống một ly nhỏ nước gui trong lúc dừng chân 10 phút, anh sẽ có sức đi tiếp tới đích một cách khoan khoái lạ lùng. Vào cuộc họp kiểm điểm tình hình này, mọi người cùng được nếm nước gui khoan khoái, nhưng cái khoan khoái nhất là kết quả rục rở của hoạt động mùa khô của ta trên toàn chiến trường, trong lúc kẻ địch đang bước vào ngưỡng cửa của một thời kỳ thất bại cơ bản. Địch đã hoàn toàn phá sản kế hoạch điên rồ của chúng là lấn chiếm lại các vùng từ trước 29/3/1972,

một kế hoạch tham vọng quá đáng, không coi đối phương ra gì, lại biểu lộ rõ nét nhất sự chà đạp lên Hiệp định Paris. Chúng đã thất bại trong kế hoạch bình định các vùng đông dân, vùng chúng kiểm soát không những không ổn định, mà còn bị co hẹp lại. Chúng không cướp được của dân số lúa dự định và cũng không mấy may phong tỏa được kinh tế của đối phương. Trừ căn cứ Đồng Tháp Mười của Quân khu 8 chúng đã lấn chiếm và đóng được 9 đồn bót lớn nhỏ, tất cả các căn cứ lớn khác của đối phương, chúng không đánh được mà cũng không phá được thế ổn định. 60 lăm căn cứ của “Việt cộng” ở miền Đông và bao quanh Sài Gòn vẫn còn nguyên vẹn tuy chúng có gây khó khăn từng lúc. Ngược lại các tuyến phòng ngự thủ đô của chúng đã không được hàn gắn lại mà còn bị chọc thủng thêm cả về phía bắc (đường 7 Rạch Bắp Bến Cát) cả về phía đông (đường 2 Bà Rịa), khiến cho thế phòng ngự càng sơ hở bấp bênh. Chúng không hề giành được chủ động trên chiến trường, mặc dù là chiến trường mà Thiệu đã đánh giá với các tư lệnh vùng của y là thế “mất còn của cả miền Nam”, tức là Vùng 3 và Vùng 4 chiến thuật của chúng. Không những vậy chúng còn sa vào thế bị động phòng ngự, lực lượng bị co kéo khắp nơi. Muốn lấn chiếm bình định vùng Bình Thuận, Ninh Thuận đông dân ven biển thì bị thu hút và thiệt hại trên núi rừng Quảng Đức. Muốn mở rộng kiểm soát và cướp lúa vùng giàu có Hậu Giang thì bị đối phương điều lên và kìm chân ở Kiến Tường, biên giới với Campuchia. Quân đoàn 3 sợ bị hở sườn phía tây, phải điều lực lượng đến 6 chiến đoàn đặc nhiệm đánh phá vùng Quáo Ba, Đức Huệ nên đành phải để mất trở lại đường 2 Bà Rịa làm tuyến phòng thủ giữa Sài Gòn ở đây bị bể, mà hai vùng căn cứ bắc nam đường 2 của đối phương được nối liền. Đã không tập trung được lực lượng đánh chiếm căn cứ Lộc Ninh nổi tiếng của đối phương mà chúng còn bị lúng túng vất vả phòng giữ trung tâm đầu não (!). Tất cả các quân đoàn của địch, từ lúc ấy chỉ có thể có khả năng tập trung lực lượng ở một hướng nào đó nếu các hướng khác không bị đánh. Lực lượng dự bị chiến lược của chúng quá ít, lúc đó chỉ có Lữ 81 biệt kích dù. Các sư đoàn dù và thủy quân lục chiến bị chôn chân ở Trị Thiên xem như không có gì để Bộ Tổng Tham mưu (địch), đúng hơn là để cho Nguyễn Văn Thiệu chuyên quyền tác động đến tình hình của một vùng chiến thuật nào đó khi cần thiết, còn thì quyền hành của cả Bộ Tổng Tham mưu chỉ để mà nhìn sự thất bại cứ lần lượt kéo đến một cách thảm hại. Đây là kết quả của một chủ trương chiến lược ngu xuẩn không đánh giá đúng được mạnh yếu của đôi bên, tham lam muốn giữ từng xã, ấp, từng đồn bót, không để cho “Việt cộng” một tấc đất nào, rải rác mỏng ra khắp chốn, đến nỗi không còn lực lượng dự bị cơ động.

Tình trạng này của địch kéo dài cho đến ngày kết thúc chiến tranh, làm cho lực lượng địch đông gấp 3, 4 lần lực lượng ta mà đành bị tiêu diệt từng bộ phận, đi đến bị tiêu diệt hoàn toàn.



Từ tháng 5, địch cũng đã thấy phần nào thiếu lực lượng dự bị chiến lược, nên chúng đã quyết định rút sư đoàn dù ở Quân đoàn 1 về làm tổng trừ bị, nhưng khi thực hiện, chúng cũng chỉ có thể lần lượt rút từng lữ đoàn về Sài Gòn một cách chậm chạp kéo dài. Ngay trong mùa khô này, không phải chưa xuất hiện những sự kiện để cho địch đánh giá được khả năng của chúng đến đâu và đường lối chiến lược của chúng sai lầm đến mức nào. Suốt cả mùa khô, đặc biệt là vào những tháng cuối, lực lượng Vùng 4 chiến thuật của chúng, vùng đồng bằng sông Cửu Long bị thu hút đại bộ phận lên Mỹ Tho và biên giới Kiến Tường - Campuchia, thì ở Hậu Giang, Sư đoàn 21 phải phân tán từng tiểu đoàn vẫn không giữ được tinh thần bảo an và dân vệ. Nhiều đồn bót phải rút chạy, nhiều xã, ấp bị mất. Tư lệnh Vùng 4 buộc phải chủ động rút bỏ một số đồn bót nhỏ cỡ tiểu đội và trung đội để tăng cường cho các đồn bót quan trọng hơn cỡ đại đội trở lên và để đơn quân bù số tiêu hao thiệt hại. Đấy, chỉ khi nào không làm sao được, có nguy cơ cấp bách bị diệt, chúng mới chịu bỏ từng đồn bót, từng xã ấp, và bắt đầu “công việc ấy” từ mùa khô 1974 này ở đồng bằng sông Cửu Long... đến phải bỏ cả vùng Tây Nguyên vào mùa khô 1975 là như vậy đó.

Chiều hướng sự thất bại của Mỹ - ngụy, và thắng lợi của chúng ta, trong cuộc chiến tranh đã xuất hiện từ mùa khô 1973-1974 cho đến lúc thất bại hoàn toàn là bắt nguồn từ một chiến lược chung sai lầm từ đầu của Mỹ - ngụy, tức là chiến lược phòng ngự trên toàn bộ đất nước, dàn mỏng quân ra giữ không để cho “Việt cộng” một tấc đất nào theo đường lối “bốn không” của Thiệu.

Còn về cái quân đội rường cột của chế độ bán nước thì thế nào? Mặc dù Mỹ đã ra sức tăng cường xây dựng và trang bị hòng thay thế được cho quân Mỹ, chất lượng chiến đấu và số lượng của quân đội ngụy vẫn tiếp tục giảm sút. Nếu sau Hiệp định Paris chúng ồ ạt bắt lính, tăng nhanh được quân số cả cho chủ lực và bảo an thì bắt đầu từ tháng 6, 7 trở đi quân số ngày càng tụt. Chúng đã thừa nhận từ tháng 01 đến tháng 5/1974 số quân bị mất trong chiến đấu và đào rã ngũ lên đến trên 10 vạn, đổ đồng mỗi tháng mất trên 2 vạn. Trong lúc đó số thanh niên chúng bắt được để bổ sung chỉ trên một vạn mỗi tháng. Quân đoàn 4 của chúng là nơi thiếu hụt quân số cao nhất, mỗi tiểu đoàn chỉ còn khoảng 200 quân, có đơn vị chỉ còn 150-180 tên mà không thể nào bổ sung nổi. Tỷ lệ hư hỏng về trang bị lên cao. Trong số trên 1.800 phi cơ các loại, chúng chỉ sử dụng được dưới 1/2. Chúng đã buộc phải đề ra những biện pháp gắt gao như kiểm tra quân số, chống nạn lính ma, lính kiếng<sup>1</sup>.

---

1. Lính ma là lính có danh sách trong sổ để cho chỉ huy lãnh lương bỏ túi mà không có người thật. Lính kiếng là lính có người thật, nhưng là “con ông cháu cha” hoặc là lo lót tiền cho chỉ huy để được ở văn phòng, làm công việc nhàn hạ ở cơ quan đồn bót mà không hề ra trận, khỏi vất vả, khỏi chết.



Chỉnh biên cơ quan tổng tham mưu giảm 20% quân số, giải tán các đơn vị không cần thiết, các đơn vị tập dịch khác. Đồn quân từ dân vệ lên bảo an, từ bảo an lên chủ lực. Tăng cường hành quân vây ráp bắt lính trắng trợn, xông vào chùa chiền bắt cả sư sãi đi lính. Mặc dù vậy, tình thế của chúng vẫn không sáng tí nào mà tiếp tục xuống dốc.

Còn về ta thì hết mùa khô, ta đã giành lại tất cả các vùng giải phóng như trước 28/01/1973, kể cả vùng Nam Bắc lộ 4 ở Mỹ Tho là nơi mà địch đã lấn chiếm ô ạt sau Hiệp định. Không những thế, ta còn giải phóng rộng thêm trên 20 xã với khoảng 30 vạn dân, chủ yếu là ở đồng bằng sông Cửu Long. Đó là kết quả những đòn trừng trị của ta, ta đánh tiêu diệt một đồn mới lấn chiếm trái phép thì quân địch hoảng hốt bỏ chạy 4, 5 đồn khác. Ta diệt một tiểu đoàn địch càn quét lấn chiếm vi phạm Hiệp định thì địch bỏ chạy trong phạm vi 3-4 ấp gần đó. Rõ ràng quân ngụy hung hăng khi ta lùi bước, nhưng khi ta kiên quyết đánh trả thì chúng mất hết tinh thần, chạy thoát chết. Ở cả ba vùng lực lượng quân chúng có tổ chức và lực lượng du kích, bộ đội địa phương của ta được phát triển. Vùng tranh chấp đã lấn vào vùng địch kiểm soát ở tất cả các quân khu thuộc B2. Lực lượng chủ lực các quân khu cũng như của Bộ Tư lệnh Miền được tăng cường, rèn luyện và bố trí hợp lý tạo thành một thế trận tấn công lợi hại, đặc biệt là ở miền Đông Nam Bộ và quanh Sài Gòn. Trong lúc ta vẫn giữ vững các khu căn cứ, các lõm du kích ở miền Đông và quanh Sài Gòn thì vùng căn cứ phía sau của ta lại được mở rộng và củng cố vững vàng hơn bao giờ hết. Đó là một vùng giải phóng liên hoàn từ tỉnh Quảng Đức đến Phước Long, Bình Long, Tây Ninh dọc theo biên giới với Campuchia. Căn cứ Lộc Ninh ta được nối liền về phía trước với vùng giải phóng Long Nguyên, Bến Cát rộng rãi, do ta trừng trị diệt đồn Nha Bích trên bờ sông Bé, và đoàn Tổng Lê Chân của ngụy trên bờ sông Sài Gòn đã bí mật rút chạy trong đêm. Hai căn cứ biệt kích này của ngụy nằm sâu biệt lập trong vùng giải phóng của ta. Chúng cố duy trì là để làm bàn đạp có giá trị tung gián điệp sâu vào vùng ta, thu thập tin tức tình báo, tung biệt kích đánh phá hành lang kho tàng, cơ quan ta nếu có sơ hở. Nó còn là đầu cầu chiến thuật cho cuộc hành quân lớn đánh chiếm căn cứ của ta sau này. Sau Hiệp định, vấn đề khó khăn cho địch là tiếp tế, thay quân cho 2 vị trí này, vì xung quanh đều là vùng giải phóng của ta. Trên bàn Hội nghị của Ban Liên hợp quân sự bốn bên, rồi sau đó của Ban Liên hợp quân sự hai bên, ta dựa vào Điều 3 (b) Nghị định thư về ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam, liên tiếp đòi Mỹ - ngụy phải bàn để quy định các hành lang vận tải quân sự, cho bên này có thể đi qua vùng do bên kia kiểm soát khi cần thiết. Nhưng Mỹ - ngụy đều ngoan cố làm ngơ. Có lần vì nhân đạo, mặc dù chưa có quy định, ta đã cho phép trực thăng ngụy đến tải thương ở đồn Tổng Lê Chân. Nhưng ta kiên quyết không cho xe quân sự, tàu thuyền quân sự, máy bay

vận tải quân sự của địch tiếp tế lương thực, đạn dược cũng như thay quân, đi qua vùng ta khi chưa có thỏa thuận theo như Hiệp định Paris đã quy định. Vào tháng 4/1975, quân địch ở Nha Bích đã liều mạng hành quân mở đường về Chơn Thành nhận tiếp tế, đi qua vùng giải phóng của ta, liền bị Sư đoàn 7 của ta trừng trị và diệt gọn cả bọn hành quân, lẫn bọn trong đồn. Địch biết lỗi đã im thin thít, cắn răng chịu đựng trong sự kiện này. Rút kinh nghiệm từ đợt hành quân trước, quân địch ở Tổng Lê Chân đã thừa một đêm tối trời bỏ đồn, len lỏi theo đường rừng, lén lút rút chạy an toàn về vùng chúng. Sau đó địch giở trò vu oan giá họa tuyên truyền rằng ta diệt đồn Tổng Lê Chân, vi phạm Hiệp định Paris. Sự việc không đi đến đâu vì không có một bằng chứng nào cả. Nhưng vùng giải phóng phía sau của ta đã mở rộng hoàn chỉnh, căn cứ Lộc Ninh nối đến khu “Tam giác sắt” chỉ cách Sài Gòn trên 30km. Cũng trong mùa khô này, các đường hành lang vận tải của ta từ phía sau ra phía trước, từ đường Trường Sơn về căn cứ miền Đông, rồi từ đó đi các quân khu đều thông suốt. Những nơi xa và khó khăn nhất như ven biển miền Trung thuộc Quân khu 6 và rừng U Minh thuộc Quân khu 9, tân binh bổ sung và hàng hóa vật tư hậu cần đã được đưa đến, có bổ sung, dự trữ.

Như vậy là qua hết mùa khô 1973-1974, tình thế trên chiến trường B2 giữa ta và địch đã rõ nét. Thế và lực của ta lớn mạnh. Thế và lực của ngụy đang suy sụp tương đối nhanh. Địch bị hãm vào một thế bị động không thể nào xoay ngược lại được vì sức ngày càng xuống mà biện pháp thì cũ kỹ, lúng túng trong một đường lối chính trị, chiến lược hết sức ngoan cố và đầy ảo vọng, tiếp tục phá hoại Hiệp định Paris, tìm cách tiêu diệt hoàn toàn đối phương. Ta bước vào mùa mưa năm 1974 là như vậy đó.

Không phải chỉ có chúng ta mới đánh giá được tình hình đã chuyển biến từ cuối mùa khô năm 1974 như nói ở trên mà phía Mỹ cũng đã có người cảm thấy tuy chưa thật rõ rệt. Weldon A. Brown đã viết trong phần kết quyển *Chiếc trực thăng cuối cùng* như sau:

“David Shipler, phóng viên tờ *Thời báo New York*, một nhà quan sát có kinh nghiệm ở Nam Việt Nam trong những tháng cuối cùng trước khi Nam Việt Nam sụp đổ đã tuyên bố rằng Thiệu đã bị ảo tưởng về sức mạnh của Mỹ làm cho mù quáng. Shipler nhận xét rằng, trong mùa hè năm 1974, Hà Nội đã bắt đầu tăng cường áp lực trên toàn lãnh thổ Nam Việt Nam. Trong lúc nguy kịch này, một nhà ngoại giao Mỹ đã dự đoán rằng, nếu Washington cứ tiếp tục trang bị vũ khí cho Sài Gòn mà không thúc ép Sài Gòn hòa giải về chính trị với những người Cộng sản, thì nhất định Washington và Sài Gòn sẽ thất bại trong cuộc chiến tranh này”.

Đáng khen thay nhà ngoại giao Mỹ nào đó đã thấy được nguyên do và thời kỳ bắt đầu của sự thất bại hoàn toàn không thể tránh khỏi của Mỹ - ngụy.

## CHƯƠNG IV

### Một mùa mưa chưa từng có

Thời tiết ở B2 nói chung chia thành hai mùa mưa nắng gần đều nhau, mỗi mùa 6 tháng. Ở rừng núi, mưa sớm và nhiều, ở đồng bằng mưa muộn và ít hơn. Đặc biệt về mùa mưa, nước từ các nguồn sông trên cao đổ về với khối lượng lớn và tốc độ chảy xiết, đọng lại tràn đầy các lưu vực sông ngòi vốn bằng phẳng và thấp, đặc biệt là lưu vực sông Cửu Long, trước khi chậm chạp rút ra Biển Đông. Đồng Tháp Mười, cái túi sâu của đồng bằng, vào mùa khô có thể đi bộ dọc ngang khắp chốn, nhưng mùa mưa, nước về ngập mênh mông như biển, có nơi sâu đến 4-5 thước. Phương tiện đi lại chủ yếu là bằng xuồng ghe. Ở miền Đông Nam Bộ vùng rừng núi tuy đất cao, nhưng nước mưa cũng ngập đầy các trảng, ngập cả đường đi, đất đỏ, sinh lầy. Điều kiện thời tiết đất đai như vậy đã ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động của các binh đoàn tập trung, các binh chủng kỹ thuật. Vì thế, đến mùa mưa, các đơn vị lớn của ta và địch đều buộc phải giảm cường độ hoạt động và lợi dụng thời gian đó để chuẩn bị cho mùa khô tới, tung lực lượng sung sức ra tấn công nhau. Trong bao nhiêu năm chiến tranh, việc ấy đã trở thành quy luật. Nhưng mùa mưa năm 1974 là một mùa mưa khác thường ở B2, chúng ta quyết phá quy luật đó, quyết nỗ lực khẩn trương hành động để tạo ra một thời cơ mới, biến mùa mưa âm u thành bình minh cho một thời kỳ rạng rỡ. Trong Hội nghị tháng 6, Thường vụ Trung ương Cục kiểm điểm tình hình mùa khô năm 1974 và bàn phương hướng sắp tới, đồng chí Phạm Hùng - Bí thư, đã kết luận gọn:

“Qua mùa khô này, nhân tố mới đã xuất hiện rõ: ta đang thắng lợi và phát triển đi lên, địch đang suy sụp đi xuống. Ta không được dừng lại, phải tiếp giành thắng lợi lớn hơn, đẩy địch suy sụp nhanh hơn. Mùa mưa này ta có rất nhiều thuận lợi và nhiều khả năng thắng lớn hơn bất kỳ mùa mưa nào trước đây, hơn cả mùa khô vừa rồi. Bất chấp thời tiết khó khăn, phải đẩy mạnh hoạt động mọi mặt, tạo thế và lực mới, vật chất và tinh thần cho các quân khu, các tỉnh, cho địa phương, cho

chủ lực để bước vào mùa khô 1974-1975 với khí thế mạnh, sung sức. Năm 1975, nhất là mùa khô 1975 ta có khả năng giành thắng lớn, làm chuyển biến tình hình tạo ra bước ngoặt, một bước ngoặt có tính chất quyết định”.

Sự tiên đoán của Trung ương Cục như vậy không có gì là thần bí cả. Đó là xuất phát từ thực tế tình hình ta và địch trên chiến trường, là sự phản ánh kết quả hoạt động của hàng triệu đồng chí và đồng bào ở từng thôn ấp; hàng vạn chiến sĩ du kích, địa phương và chủ lực, giành giật với địch từng người dân, từng tấc đất, hàng ngày hàng, giờ trên khắp chiến trường. Đó là kết quả của sự nắm vững mục đích cách mạng của ta, nắm vững phương pháp cách mạng, hiểu rõ ta phải làm gì và đi đến đâu, trong lúc cũng phải hiểu sâu âm mưu và hành động, ý muốn và khả năng của địch.

Lúc ấy có câu hỏi nêu lên làm cho ta phải suy nghĩ nhiều:

- Vì sao trước tình hình thua thiệt như vậy mà ngụy quyền Thiệu vẫn một mực ngoan cố giữ đường lối chính trị phản động, phủ nhận thực trạng ở miền Nam có hai vùng, hai chính quyền, hai quân đội, ba lực lượng chính trị. Chúng không chấp nhận có lực lượng thứ ba, không chịu liên hiệp với “Việt cộng” quyết phá bỏ Hiệp định Paris, tiếp tục chiến tranh?

- Vì sao chúng vẫn khư khư một chiến lược quân sự ngu xuẩn, giữ tất cả, lấn chiếm mọi nơi, cố diệt lực lượng vũ trang giải phóng, thanh toán Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam?

Từ lâu chúng ta đã biết rằng ngụy quyền Thiệu chẳng qua chỉ là tay sai, là công cụ của đế quốc Mỹ. Mọi suy nghĩ của chúng là theo sự hướng dẫn và mọi hành động là theo gậy chỉ huy của quan thầy. Như vậy phải tìm cái gốc là từ âm mưu và chủ trương của Mỹ.

Trong hồi ký của Westmoreland *Một quân nhân tường trình*, y đã thú nhận: “Ông (P. Harkins) và các quan chức khác của Mỹ đến Việt Nam để thực hiện chính sách quốc gia đã được định ra ở Washington...”. Còn những lời tuyên bố của các nhà lãnh đạo quân sự và dân sự Nam Việt Nam kể lại trong bản báo cáo soạn thảo cho Ban Quân sự, Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, nhan đề *Sự sụp đổ của Nam Việt Nam* rằng: “Theo Trần Văn Đôn, Đại tướng Viên đã thừa nhận vai trò lệ thuộc của người Nam Việt Nam. Một tướng khác đồng ý rằng các nhà lãnh đạo Nam Việt Nam đã bị dẫn vào việc thi hành các kế hoạch của người Mỹ...”. Không còn gì rõ hơn những lời thốt ra từ miệng của những nhân vật Mỹ - ngụy có chức quyền cao ấy, sau khi đã thất bại hoàn toàn.

Cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân ta đã mang tính chất rất phức tạp cả về nội dung lẫn hình thức ngay từ đầu và qua các quá trình diễn biến

của nó cho đến ngày nay. Nó không chỉ là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống xâm lược, cũng không chỉ là một cuộc chiến tranh có tính chất giai cấp giữa cách mạng và phản cách mạng trong nước, mà còn phức tạp hơn, là một cuộc chiến tranh thể hiện sự đấu tranh giữa hai thế lực tiến bộ và phản động trên toàn thế giới hội tụ vào chiến trường điểm: Việt Nam! Ngay từ khi Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, Mỹ đã chống lại và quyết tâm can thiệp vào Đông Dương, hất cẳng Pháp để tự đảm nhận vai trò sen đầm quốc tế. Âm mưu của Mỹ là chiếm miền Nam Việt Nam làm tuyến đầu chống phe xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội lan rộng, để làm chủ toàn bộ thế giới còn lại (ngoài các nước xã hội chủ nghĩa). Mỹ cho rằng, Việt Nam là một nước nhỏ nhưng ở vào vị trí chiến lược quan trọng của thế giới. Mỹ giàu đôla và vũ khí hiện đại, có khả năng và cần phải thắng phe xã hội chủ nghĩa ở đây mà tránh được đụng độ lớn với Liên Xô, Trung Quốc. Những nhà lãnh đạo nhà nước Mỹ tưởng nước cờ chiến lược ấy là cao, dương dương tự đắc, không nghiên cứu sâu về đất nước và con người Việt Nam, coi thường kinh nghiệm của ông bạn Pháp của họ, bất chấp tiếng nói chính nghĩa của nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh cũng như nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới. Rốt cục càng bị sa lầy thì lại càng phải leo thang chiến tranh, càng leo thang thì càng hao người tốn của và như một con bạc khát nước, cay cú, cứ lao vô chịu hết thất bại này đến thất bại khác. Leo thang đến nấc cao cùng rồi thì tất phải xuống thang, nhưng leo thang hay xuống thang cũng đều là những biện pháp để thực hiện chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, thực hiện âm mưu làm bá chủ hoàn cầu, chống phe xã hội chủ nghĩa. Khi chiến lược “giáng trả ồ ạt” dựa vào độc quyền vũ khí hạt nhân bị phá sản, mà trên thế giới ba dòng thác cách mạng đang tấn công thắng lợi, Mỹ phải chuyển qua chiến lược “Phản ứng linh hoạt” với ba loại chiến tranh đặc biệt, cục bộ và tổng lực để chủ động giành phần thắng trong bất cứ trường hợp nào - đặc biệt là để chống lại các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Khi bảo bối này tung ra chiến trường Việt Nam vào năm 1961 thì chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” bị đánh bại vào cuối năm 1964 đầu năm 1965, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” bị phá sản vào năm 1968, nhưng so sánh lực lượng trên thế giới và điều kiện lúc ấy không cho phép Mỹ mở ra chiến tranh tổng lực dùng vũ khí hạt nhân, nên chiến lược “Phản ứng linh hoạt” liền bị tắc tị. Hoang mang lúng túng, Johnson vội vàng đề ra chiến lược “phi Mỹ hóa” hòng rút chân ra khỏi vũng lầy Việt Nam. Nhưng những nhà lãnh đạo và chiến lược gia đế quốc Mỹ không cam tâm chịu nhục thất bại, còn tin rằng nước Mỹ vẫn có thiên chức cầm đầu thế giới, và rất sợ mất Việt Nam thì sẽ mất hàng loạt các nước khác theo thuyết con bài Domino. Do đó, Nixon lên và đề ra cái chiến lược mới gọi là “liên minh tự phòng thủ khu vực”, thực chất là âm mưu



huy động lôi kéo lực lượng cả thế giới chống lại phe xã hội chủ nghĩa mà không phải trợ một mình Mỹ. Ở Việt Nam, chúng chĩa lại thành “Việt Nam hóa chiến tranh” chứ không phải “phi Mỹ hóa chiến tranh”. Người ta có lý một phần mà nói rằng, Johnson muốn ra khỏi Việt Nam với “phi Mỹ hóa”, còn Nixon muốn ở lại Việt Nam với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Thực ra Nixon chưa bị đo ván mất tinh thần như Johnson nên còn cố nắm vững mục tiêu không thay đổi của đế quốc Mỹ. Trước và sau Hiệp định Paris, Mỹ vẫn tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” với nội dung là bằng mọi cách làm cho ngụy quyền mạnh, mạnh cả về quân sự, kinh tế và chính trị để đánh bại lực lượng vũ trang giải phóng, tiêu diệt Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, giữ miền Nam Việt Nam thành một quốc gia phụ thuộc Mỹ, chia cắt lâu dài nước Việt Nam chúng ta. Mục đích ấy từ trước đến nay không thay đổi mà chỉ thay đổi biện pháp là dùng xương máu người Việt Nam để thay cho xương máu người Mỹ. Hiệp định Paris mà Mỹ buộc phải ký với nội dung và lời văn đều không lợi cho Mỹ - ngụy, nhưng chúng vẫn ký và tin tưởng là có thể lật ngược được tình hình bằng những thủ đoạn gian ngoan, lật lọng, bằng sức mạnh kinh tế của Mỹ, bằng lối ngoại giao lắt léo thâm độc trên thế giới. Chúng coi Hiệp định Paris chỉ là biện pháp, là chiến thuật trong một giai đoạn chiến lược nhất định thôi. Ký để thi hành những gì có lợi cho Mỹ - ngụy và xuyên tạc phá bỏ những gì không có lợi. Mục đích vẫn là phục vụ cho chiến thắng của chúng. Sức mạnh của vũ khí và đôla mới là thứ pháp lý thực sự của đế quốc Mỹ trên thế giới ngày nay. Chính từ miệng chúng nó đã nói lên sự thật rõ ràng về mưu đồ thâm độc của chúng. Trần Văn Đôn - Trung tướng ngụy Sài Gòn đã kể: “Ông ta (tức Charles Whitehouse, Phó Đại sứ Mỹ cùng đi trong đoàn của Kissinger qua Sài Gòn vào trung tuần tháng 10/1972 để giải thích về Hiệp định Paris và thuyết phục Thiệu ký vào Hiệp định) nói với tôi: “Hiệp định này có mặt tốt, Hiệp định phải được ký kết. Nó chỉ là một mảnh giấy và sẽ không thay đổi được cái gì cả, rồi ngài sẽ thấy””<sup>1</sup>.

Đầu tháng 01/1973, Trần Văn Đôn và Bùi Diễm cầm đầu phái đoàn đặc biệt của Thiệu qua Washington để tìm hiểu ý đồ của Mỹ, đã tường trình về cho Thiệu rằng, A.L. Johnson - Thứ trưởng ngoại giao Mỹ đã nói riêng với tôi (tức Diễm): “Tôi với anh là bạn lâu năm, tôi nói với anh lời nói của một người bạn. Thực tế Hoa Kỳ chưa bao giờ thay đổi mục tiêu ở Việt Nam”. Còn trong một bức điện tối mật gửi cho Thiệu cũng thời kỳ đó, Nixon đã viết: “... Nền tự do và độc lập của Việt Nam Cộng hòa vẫn là mục đích tối cao của đường lối đối ngoại của Hoa Kỳ...”.

---

1. Trích sách *Cuộc chiến tranh không chấm dứt ở Việt Nam*, do Nhà xuất bản Presidio Press phát hành năm 1978 tại California (Mỹ) và Luân Đôn (Anh).



Như vậy đã rõ. Mưu sâu của Nixon - Kissinger là bằng cách ký Hiệp định Paris, Mỹ rút được quân đội về nước, lấy lại được tù binh Mỹ, làm dịu dư luận Mỹ và thế giới, ổn định phần nào nước Mỹ đã bị chia rẽ, yếu kém, mất lòng tin và để củng cố lực lượng quân sự Mỹ đã bị mất thế sẵn sàng thực hiện chiến lược toàn cầu của Mỹ. Đồng thời, Mỹ có được một thời kỳ hòa hoãn ở Việt Nam một vài năm để thi hành các thủ đoạn thâm độc:

- 1 - Tăng cường trang bị vũ khí và trang bị kỹ thuật hiện đại để xây dựng quân đội nguy thành một lực lượng mạnh và có hiệu lực đủ sức tiêu diệt lực lượng vũ trang giải phóng. Tăng viện trợ, đầu tư phát triển kinh tế cho miền quyền Thiệu, làm cho chính quyền Thiệu mà Mỹ công nhận là chính quyền hợp pháp duy nhất ở miền Nam Việt Nam thành một chính quyền mạnh cả về quân sự, chính trị, kinh tế ở Đông Nam Á.
- 2 - Viện trợ tái thiết miền Bắc Việt Nam, dùng mọi vật chất kỹ thuật để nhử miền Bắc, xâm nhập lũng đoạn và qua đó hạn chế miền Bắc chi viện cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, dùng miền Bắc làm chế độ hoạt động ở miền Nam và mưu tính có thể chuyển biến hòa bình ngay cả chế độ miền Bắc.
- 3 - Dùng chính sách hòa hoãn trên thế giới theo kiểu Mỹ để gây áp lực và hạn chế sự chi viện của phe xã hội chủ nghĩa cho cả miền Bắc và miền Nam hòng bóp chết cuộc chiến đấu của ta. Thực tế là sau thỏa thuận Thượng Hải: giữ Thiệu, giữ miền Nam Việt Nam trong quỹ đạo của Mỹ, Trung Quốc đã hạn chế sự chi viện cho Việt Nam, đặc biệt là các loại vũ khí lớn và phương tiện vận tải. Trong quyển hồi ký của mình, Kissinger đã thuật lại về những buổi làm việc của Chu Ân Lai và Nixon: “Cách trình bày của Chu về Việt Nam là một kỳ công về sự nhập nhằng quanh co. Ông phản đối ý kiến của Nixon vì buồn phiền hơn là tức giận. Ông nêu “mối cảm tình” đối với người Bắc Việt Nam, nhưng không nói gì về lợi ích chung nào. Ông rút cái nghĩa vụ ủng hộ Hà Nội không phải từ tình đoàn kết về lý tưởng, càng không phải từ những quyền lợi dân tộc phù hợp, nhưng từ những món nợ lịch sử đối với Việt Nam do quá khứ của đế chế Trung Quốc để lại”...

“Lập luận chính của ông về việc cần sớm chấm dứt cuộc chiến tranh là ở chỗ nó làm Mỹ sa lầy và làm cho chúng ta tiêu phí nhiều năng lực mà đáng lẽ phải để vào những phần quan trọng hơn của thế giới. Chu chỉ trích lập trường thương lượng của chúng ta theo một cách rất chiếu lệ. Ông đòi hỏi chúng ta phải rút quân khỏi Việt Nam. Ông không hề hỗ trợ cho chương trình chính trị của Hà Nội - và của những người chỉ trích chúng ta - về chính phủ liên hiệp và về việc lật đổ Thiệu”.

Rồi Kissinger kết luận:

“Công tác ngoại giao của chúng ta sắp sửa hoàn thành việc cô lập Hà Nội”<sup>1</sup>.

Mỹ thật sự tin tưởng là thủ đoạn chia rẽ các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và chính sách hòa hoãn Mỹ trên thế giới sẽ có hiệu quả.

- 4 - Thêm vào các thủ đoạn trên còn phải phô trương sức mạnh nữa bằng cách để một lực lượng quân sự Mỹ mạnh ở Đông Nam Á làm lực lượng răn đe, hù dọa những người yếu bóng vía và hỗ trợ cho bọn ngụy.

Bằng chính thủ đoạn ấy, dần dần chế độ Thiệu sẽ mạnh, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày càng suy yếu, Thiệu có khả năng thanh toán đối thủ để độc chiếm miền Nam, biến miền Nam Việt Nam thành một nước phụ thuộc đế quốc Mỹ ở vị trí chiến lược trên bờ tây Thái Bình Dương này.

Với mưu đồ như vậy, Mỹ tiếp tục tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam Việt Nam trong điều kiện có Hiệp định Paris. Từ tổng thống đến các nhân vật trọng yếu trong chính quyền Mỹ lúc ấy đều nhấn mạnh để khuyến khích Thiệu là Hoa Kỳ luôn bên cạnh Thiệu, sẽ viện trợ mọi mặt cho Thiệu và sẵn sàng lại can thiệp vào miền Nam Việt Nam nếu cần. Thậm chí Kissinger còn hứa với Thiệu trong chuyến qua Sài Gòn tháng 10/1972 là sẽ dùng lực lượng quân sự đánh chiếm miền Bắc Việt Nam qua vĩ tuyến 17 khi có yêu cầu, khi Thiệu bị tấn công. Thiệu quá hí hửng góp bàn nên đổ bộ vào bờ biển gần hơn là đánh từ vĩ tuyến 17 lên. Thiệu và bè lũ tuy có lo lắng về số phận tôi đòi, bị chủ Mỹ sai khiến và không coi ra gì, thế cô, lực yếu, nhưng vẫn tin tưởng bám vào quan thầy, cho rằng nếu chúng có bề gì thì quan thầy không nuốt lời hứa, sẽ chở che, vực dậy. Chuẩn tướng ngụy Lê Trung Trực, trước đây là phụ tá cho tướng ngụy Cao Hảo Hớn, được Thiệu giao chức vụ Chủ tịch Ủy ban liên bộ điều hợp việc ngừng bắn đã thú nhận: “...Mỹ luôn rêu rao rằng sức mạnh của Mỹ là vô địch... Thiệu tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh quân sự của Mỹ và cho rằng Mỹ đã dính líu vào Việt Nam rồi ắt sẽ dính líu đến cùng”.

Vì tin như vậy nên bè lũ Thiệu mù quáng trước thực tế tình hình, tiếp tục chiến tranh để đạt cho được mong muốn chủ quan của chúng và ý định của chủ. Âm mưu Mỹ và hành động Thiệu là như vậy, không cho ta có chút gì ảo tưởng là tờ thầy chúng sẽ thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định. Không những Mỹ chỉ muốn chiếm miền Nam mà còn ngông cuồng hơn là mong xâm nhập và nắm miền Bắc, chia rẽ và lũng đoạn phe xã hội chủ nghĩa...

---

1. Hồi ký của Kissinger: *Những năm ở Nhà Trắng* (White House years), chương “Chuyến đi Trung Quốc của Nixon”, phiên bản đầu tiên do Little, Brown and Co xuất bản tháng 01/1979.

Từ khi ký Hiệp định Paris đến nay đã qua một năm rưỡi. Sự việc diễn biến thực tế ở Việt Nam không theo sự sắp đặt công phu của Mỹ, không giống như kế hoạch mà Nixon - Kissinger đã vạch. Sở dĩ như vậy vì một vết vô cùng quan trọng của kế hoạch mà Nixon - Kissinger không tính ra hay không thể hiểu nổi. Đó là trí thông minh và dũng cảm trong suy nghĩ và hành động của đối phương tác động vào. Nếu như từ năm 1973, chúng ta tin rằng bằng cách này hay cách khác, Hiệp định Paris sẽ được thi hành giống như đã tin hai năm sẽ tổng tuyển cử như hồi Hiệp định Giơnevơ, nếu như ta đánh giá sai sức ta và sức địch, mà có những tả hữu khuynh và sai lầm trong suy nghĩ và hành động thì tình hình không như bây giờ được. Tất nhiên, không thể tránh khỏi những bước chập choạng ban đầu. Nhưng thời gian chập choạng ba, bốn tháng đầu ấy của một giai đoạn chiến lược mới trong một cuộc chiến tranh lâu dài là ngắn ngủi. Nó chưa đủ cho địch lướt lên giành phần thắng. Ngược lại, ta đã cảnh giác, sự chỉ đạo của Đảng ta đã sắc sảo và kịp thời, nhân dân và lực lượng vũ trang ta đã dày dạn trong chiến đấu và đấu tranh cách mạng, nên tình thế ngày nay đã dẫn đến chỗ là ta vươn lên cao mà địch thì thất thế không gượng lại được. Thử đoán gian xảo, ác độc của địch chưa kịp và không thể thi thố. Lực lượng quân sự nguy không mạnh lên được mà đang mất tinh thần và rệu rã. Muốn tăng phòng vệ dân sự đông đảo, xây dựng bảo an mạnh và cơ động để địa phương đủ sức chiếm và giữ mọi nơi, thì nay hai lực lượng này giảm về số lượng, đào rã ngũ nhiều, rút đồn bót, bỏ cơ sở mà chạy. Muốn tập trung quân chính quy thành lực lượng hoàn toàn cơ động, trang bị vũ khí hiện đại, tính năng cao để có thể rút bót quân số, dành ngân sách cho phát triển kinh tế mà quân sự vẫn mạnh, nhưng nay thì buộc phải gấp rút tăng quân số, tăng đơn vị vẫn không đủ để bố trí giữ các địa phương mà lực lượng cơ động cũng không có. Muốn vùng chúng được mở rộng và ổn định để kêu gọi ngoại quốc đầu tư xây dựng kinh tế nhưng nay thì bị bóp hẹp, không ổn định, không ma nào dám đầu tư vào. Ngân sách thiếu hụt trầm trọng, viện trợ Mỹ phải dồn vào chi tiêu quân sự. Muốn xây dựng một đảng cầm quyền mạnh, “Đảng dân chủ”, nhưng lại buộc người ta phải vào “Đảng ông Thiệu”, gồm toàn bọn cơ hội, bọn đầu cơ buôn bán chính trị đua nhau vào để mong địa vị, leo cao, tha hồ ăn cắp và hối lộ, ức hiếp nhân dân thì làm sao có được một đảng cầm quyền mạnh? Như thế là nguy quyền Thiệu không mạnh lên về mọi mặt như mưu toan của Mỹ, mà đang yếu toàn diện, quân sự, chính trị, kinh tế..., mọi mặt đang thất thế và xuống dốc.

Khi mà đế quốc Mỹ đã thất bại, phải rút lui về quân sự, và chuyển qua dùng mọi mưu ma chước quỷ tô đắp lên một “bù nhìn có cơ” để thay thế, để nắm chắc miền Nam, mà bù nhìn đó đã không đứng vững, bắt đầu ngã quỵ, thì lúc này rất cần một lực đẩy - đủ để đẩy nó lao nhanh xuống vực thẳm, tức là làm cho cả tổ thầy không có cách nào cứu vãn. Đó chính là thời cơ!

Đánh giá chính xác tình hình này và nhận thức đúng thời điểm là vô cùng quan trọng về chỉ đạo chiến lược ở một chiến trường trọng điểm có tính đại diện cho cả miền Nam.

V.I. Lênin đã nói: “Cách mạng là khoa học, đồng thời là một nghệ thuật, nó đòi hỏi sự nhạy cảm đối với tình hình và sự ứng phó kịp thời và chủ động đối với những biến đổi của tình hình. Cách mạng luôn luôn là sáng tạo”. Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã đánh giá và nhận thức tình hình biến đổi ấy để chỉ đạo mọi kế hoạch và hoạt động mùa mưa, đồng thời dự kiến kế hoạch 1975, đặc biệt là mùa khô 1974-1975 và báo cáo ra Trung ương.

Trong cuộc hội nghị tháng 7/1974 của Trung ương Cục, đồng chí Bí thư đã nhấn mạnh: “Ta đặt vấn đề giành thắng lợi quyết định trong năm 1975-1976, nhất là phải nỗ lực trong mùa khô 1974-1975 là nằm trong dự kiến của Nghị quyết 21 Trung ương và Nghị quyết 12 Trung ương Cục, quyết tâm giành thắng lợi quyết định trong vài ba năm tới (1974-1976). Ta phải hoàn thành nhiệm vụ mùa mưa và tích cực chuẩn bị để hoàn thành nhiệm vụ năm 1975. Cần có nỗ lực lớn của toàn Đảng. Ta đặt như vậy là có cơ sở thực tiễn trong tình hình vừa qua, tốc độ diễn biến vừa qua, đặc biệt là trong 4 tháng vừa qua của năm 1974. Sẽ có chỉ thị để các khu, các tỉnh kiểm điểm công tác thực hiện Nghị quyết 12 Trung ương Cục, cố gắng mùa mưa và chuẩn bị thật tốt cho mùa khô 1975 với tinh thần hết sức kiên quyết. Sẽ báo cáo đầy đủ ra Trung ương và đề nghị Trung ương có chỉ đạo kết hợp về đấu tranh ngoại giao, về hiệp đồng trên chiến trường toàn miền Nam”.

Nội dung mọi mặt hoạt động mùa mưa năm 1974, theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy Miền bao gồm:

- Tiếp tục phá kế hoạch bình định của địch bằng phản công và tấn công, mở rộng vùng kiểm soát của ta, phát triển phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng đứng lên làm chủ các vùng, trọng tâm là đồng bằng sông Cửu Long và vùng ven đô thị. Mở hội nghị tổng kết công tác chống phá bình định toàn B2 vào tháng 9/1974.

- Tăng cường lực lượng của ta cả về quân sự và chính trị, tạo thế và lực đủ sức làm trọn nhiệm vụ năm 1975. Ta phải mạnh ở từng xã, từng huyện, từng tỉnh để có thể tự lực mở mang, mở vùng. Lấy cái mốc, riêng về năm dân là năm 1960, dân vùng giải phóng và tranh chấp của ta là gần 5 triệu mà ta đã thành công rực rỡ trong cuộc Đồng khởi. Năm 1968, số dân ta nắm là gần 4 triệu thì ta đã giành thắng lợi trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân. Vậy chỉ tiêu về số dân cho đến hết mùa mưa này ta phải đạt cho được ít nhất là mức của năm 1968 để bước vào mùa khô năm 1975.

- Tập trung sức đẩy công tác đô thị lên nhanh. Ngày nay mâu thuẫn giữa tập đoàn thống trị tư sản mại bản quan liêu quân phiệt với các tầng lớp nhân dân đang dâng lên gay gắt, nhất là ở đô thị. Ta có điều kiện làm cho quả đấm đô thị mạnh.

- Nắm vững các lực lượng vũ trang, chăm lo xây dựng, huấn luyện và chiến đấu. Đã tới lúc cả ba thứ quân phải phát triển nhanh, mạnh để hoàn thành nhiệm vụ trọng đại của mình là lực lượng quyết định trực tiếp.

- Xây dựng tốt vùng giải phóng và căn cứ địa, bảo đảm tốt các hành lang vận tải. Mặc dù mùa mưa có trở ngại và địch cố ngăn chặn, phải bằng mọi biện pháp tăng cường vật chất, hậu cần cho các lực lượng, các hướng, các quân khu để sẵn sàng cho một mùa khô giành thắng lợi lớn.

- Về công tác lãnh đạo của Đảng phải làm sao phát động được tư tưởng của cán bộ, chiến sĩ và quần chúng. Làm cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân thấy rõ được âm mưu thâm độc của Mỹ - ngụy, thấy rõ thắng lợi mới của ta, nhân tố mới của tình hình mà phấn khởi nỗ lực vươn lên. Trước mưu thâm của địch phải thấy không có con đường nào khác là dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, phải tấn công mạnh giành quyền sống về ta. Mỗi người phải phát huy hết khả năng và trách nhiệm của mình để đạt thắng lợi lớn. Chống hữu khuynh mơ hồ về địch.

- Các cấp, các ngành phải chấn chỉnh biên chế, tổ chức lề lối làm việc sao cho thích hợp với tình hình mới, gọn nhẹ, sát thực tế, sát cơ sở, có hiệu lực cao nhất.

Một trong những công tác hết sức khẩn trương trong mùa mưa là công tác chuẩn bị lực lượng quân sự cho mùa khô. Trong lúc các lực lượng đều phải tham gia đánh địch ở cả ba vùng, thực hiện chỉ tiêu các mặt của trên đề ra cho mùa mưa, thì cả ba thứ quân và các cơ quan quân sự đều phải lo chấn chỉnh tổ chức, phát triển đơn vị, huấn luyện nâng cao hiệu lực tác chiến theo nhiệm vụ và hoàn chỉnh thể bố trí trên toàn chiến trường. Kế hoạch xây dựng lực lượng này của Bộ Tư lệnh Miền đã được Trung ương Cục thông qua vào cuối tháng 6 và ngay sau đó phổ biến cho các quân khu, các cấp đến cơ sở. Dự kiến của kế hoạch là động viên các địa phương, tùy khả năng cho phép, mở rộng không hạn chế lực lượng du kích xã, ấp và bộ đội địa phương huyện, có thể huyện có tiểu đoàn và xã có đại đội để tự mình mở mang mở vùng giải phóng mà không cần sự chi viện của lực lượng tỉnh. Đây là căn cứ vào kinh nghiệm thực tế của huyện Mỹ Xuyên thuộc tỉnh Sóc Trăng và một số nơi thuộc tỉnh Kiến Phong. Những nơi này, trong mùa khô vừa qua, chỉ với lực lượng bản thân, đã đánh trả địch lấn chiếm có kết quả và qua đó mở rộng vùng giải phóng bao gồm nhiều ấp, xã liên hoàn nhau. Ở những nơi đó, khí thế quần chúng nhân dân nổi dậy sôi nổi, tham gia cùng du kích và bộ đội địa phương tấn công địch, tiêu diệt, bức rút và bức hàng nhiều đồn bót do bọn dân vệ và bảo an đóng trong xã.



Các tỉnh đều phải mở rộng việc vận động thanh niên tòng quân và kết hợp với số tân binh của trên phân phối, bổ sung với tổ chức thành các tiểu đoàn mạnh của tỉnh. Tùy điều kiện, tỉnh có từ một đến bốn tiểu đoàn. Riêng những tỉnh có khả năng và do yêu cầu của nhiệm vụ có thể tổ chức một trung đoàn nhẹ cùng với một vài tiểu đoàn lẻ. Trong thời gian này, trừ Quân khu 6 và Sài Gòn, các quân khu 7, 8, 9 mỗi quân khu đều có một số trung đoàn độc lập trực thuộc. Để chuẩn bị cho Bộ Tư lệnh Quân khu nắm chắc được toàn bộ lực lượng quân sự, chính trị, chỉ huy cuộc tấn công, nổi dậy trong toàn Quân khu, để gọn đầu mối và để có một quả đấm chủ lực mạnh, tháng 8/1974, Bộ Tư lệnh Miền quyết định thành lập một sư đoàn nhẹ cho mỗi quân khu bằng cách ghép các trung đoàn lẻ lại, tăng cường binh chủng và tổ chức cơ quan chỉ huy sư đoàn do một đồng chí Phó Tư lệnh Quân khu kiêm sư đoàn trưởng. Quân khu 9 tổ chức ra Sư đoàn 4 gồm các trung đoàn 10, 20 và 30 do đồng chí Nguyễn Đình Chúc là Sư đoàn trưởng. Quân khu 8 có Sư đoàn 8 do đồng chí Sư đoàn trưởng Sáu Phú<sup>1</sup> chỉ huy và gồm các trung đoàn 18, 24 và 320. Quân khu 7 chỉ có 2 trung đoàn lẻ là Trung đoàn 33 và Trung đoàn 4 tổ chức thành Sư đoàn 6 thiếu do đồng chí Đặng Ngọc Sĩ (Hai Phong) chỉ huy. Về Quân khu 6, do điều kiện khó khăn của ta về mọi mặt, xa sự chi viện và chỉ huy của trên, thiếu nhân lực, kém về vật chất, vận tải khó khăn, để thích hợp với nhiệm vụ và phương châm phương thức hoạt động ở đây, nên từ trước ta chỉ tổ chức từng tiểu đoàn bộ binh lẻ, các đơn vị đặc công cùng với du kích và các đội vũ trang công tác. Trước tình hình mới và nhiệm vụ sẽ giao cho Quân khu sắp tới, từ tháng 5 đến tháng 6/1974, Bộ Tư lệnh Miền đã ra lệnh ghép các tiểu đoàn bộ binh 186, 840, 15 và các đại đội pháo, thông tin... thành lập ra Trung đoàn tập trung 812, gấp rút huấn luyện và lấy các tỉnh Bình Tuy, Bình Thuận làm chiến trường hoạt động chủ yếu. Do chưa rõ ý định của Miền, nên quân khu chưa thông suốt việc thành lập trung đoàn này. Bộ Tư lệnh Miền một mặt giải thích, một mặt ra lệnh xây dựng ngay trung đoàn để kịp với nhiệm vụ, khỏi lỡ thời cơ. Chính trung đoàn này, năm 1975 đã cùng với lực lượng địa phương tại chỗ kết hợp với lực lượng bạn, giải phóng phần lớn tỉnh Bình Tuy, Lâm Đồng, toàn bộ tỉnh Tuyên Đức và một phần tỉnh Ninh Thuận, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong quân khu. Khu Sài Gòn, ngoài các lực lượng của Miền bố trí và hoạt động ở nội ngoại thành, do điều kiện đặc biệt cũng chỉ tổ chức các tiểu đoàn lẻ như Tiểu đoàn Quyết thắng 1, 2, 3, 4... cùng với các bộ đội địa phương huyện, du kích, an ninh vũ trang, thanh niên vũ trang (sau này mới thành lập Trung đoàn Gia Định). Bộ Tư lệnh Miền đến lúc ấy trực tiếp nắm các sư đoàn 5, 7, 9, các trung đoàn lẻ 201, 205, 16, 271 và Đoàn 27 đặc công, Đoàn 316 biệt động

---

1. Thượng tá Huỳnh Văn Nhiên.



thành, một số binh chủng rất hạn chế. Toàn B2 có 5 tiểu đoàn pháo xe kéo các loại dùng cho cả chiến dịch và chiến đấu, trong đó có 2 tiểu đoàn pháo 105mm, 155mm lấy của địch, đạn rất thiếu, 3 tiểu đoàn xe tăng và xe thiết giáp không đủ xe và cũng gồm cả xe M41 và M113 lấy của địch; công binh, thông tin thì càng yếu hơn nữa, vốn vẹn chỉ có một tiểu đoàn công binh vượt sông, không đủ khí tài, một tiểu đoàn công trình, hai tiểu đoàn công binh chiến đấu, ba tiểu đoàn cầu đường, hai tiểu đoàn vô tuyến, một tiểu đoàn hữu tuyến điện... Từ lâu chúng tôi vẫn thường than phiền với các đồng chí ở Bộ Tổng Tư lệnh rằng, lực lượng của chúng tôi ít quá trong lúc phải đảm nhận một chiến trường rộng, trọng điểm như B2, và tất nhiên đã nhiều phen đòi thêm lực lượng, thêm phương tiện khí tài, vũ khí đạn dược. Người chỉ huy nào lại không muốn trong tay mình có lực lượng chiến đấu đủ và có dự bị để hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất. Có lẽ vì thế mà một số anh em công tác ở Bộ Tổng Tham mưu phê phán rằng B2 có tư tưởng địa phương, cục bộ, đòi cho mình nhiều lực lượng hơn B1, B3, B4. Chúng tôi đã nghe nhiều. Không phải trực tiếp mà là nghe kể lại những nhận xét thiên lệch đó đến nỗi mỗi lần bàn về lực lượng quân sự chúng tôi thường cười nói vui với nhau: Hãy nghe nhà triết học Hy Lạp Pythagore nói: “Bạn chịu bất công, bạn hãy tự an ủi, khổ nạn thật chính là gây ra bất công”. Và chúng tôi nghiêm trang: người tướng giỏi không nhất thiết lúc nào cũng phải có lực lượng dồi dào mới thắng.

Tuy thế, lúc xét thấy cần thiết, chúng tôi vẫn đề nghị với trên, vẫn đòi tăng thêm lực lượng. Chúng tôi đã quyết tâm thành lập quân đoàn cho B2 bằng cách ghép các sư đoàn 9 và 7 lại cùng một số binh chủng sẵn có và đề nghị với Bộ Tổng Tư lệnh cho thêm chúng tôi một sư đoàn mới và các đơn vị xe tăng và pháo, có mặt ở chiến trường đầu mùa khô để kiện toàn thành một quân đoàn mạnh ở chiến trường quan trọng này. Được Bộ chấp thuận, trong hội nghị quân sự tháng 7/1974, Bộ Tư lệnh Miền đã chính thức công bố thành lập quân đoàn, sau này thành Quân đoàn 4, do đồng chí Hoàng Cầm làm Tư lệnh và đồng chí Hoàng Thế Thiện làm Chính ủy. Ngoài ra các trung đoàn lẻ 271, 205 cũng được lập thành Sư đoàn 3 thiếu để tiện việc chỉ huy và do đồng chí Đỗ Quang Hưng làm Sư đoàn trưởng. Sư đoàn 3 cũng như Sư đoàn 5, Trung đoàn 16, 201, Đoàn đặc công 27 và Đoàn biệt động 316 đều trực thuộc Bộ Tư lệnh Miền để sử dụng ở các hướng cần thiết.

Việc thành lập quân đoàn ở B2 và các sư đoàn cho các quân khu là một sự chuẩn bị tích cực về lực lượng chủ lực của chiến trường để đáp ứng đòi hỏi của tình hình và chủ trương hoạt động sắp tới của Trung ương Cục và Quân ủy Miền. Nó đã được nhân dân và các ngành các cấp nhiệt liệt hoan nghênh, chăm sóc và giúp đỡ xây dựng. Nó đã cổ vũ quân và dân B2 phấn khởi vươn lên giành thắng lợi lớn.

Nó cũng chứng tỏ một thời kỳ phát triển lực lượng lớn chưa bao giờ có của toàn chiến trường B2 không chỉ chủ lực mà cả bộ đội địa phương tỉnh, huyện, du kích xã ấp. Cũng không phải chỉ có lực lượng vũ trang được phát triển nhanh trong thời kỳ này mà cả lực lượng đảng ở cơ sở và lực lượng chính trị quần chúng cũng lớn mạnh vượt bậc, ngay ở những vùng mà từ lâu nay ta còn rất yếu. Ví dụ như huyện Chợ Mới thuộc tỉnh Long Xuyên, là một huyện vùng yếu, một rẻo đất hẹp nằm giữa hai sông lớn: sông Tiền và sông Hậu. Nơi đó trước ngày 28/01/1973, trong toàn huyện ta chỉ có hai chi bộ Đảng, và quần chúng có tổ chức còn rất ít, tuy rằng nhân dân ở đây tốt, có truyền thống cách mạng từ lâu. Vậy mà đến hết mùa khô năm 1974, ta có được 8 chi bộ nằm trong 11 xã trong tổng số 13 xã. Ta đã xây dựng được hàng trăm du kích mật và đặc biệt là có 79 cơ sở nằm trong 15 toán và liên toán phòng vệ dân sự của địch. Cán bộ của ta có thể đi lại hoạt động và huy động quần chúng đấu tranh khắp các nơi trong huyện. Hay huyện Chợ Gạo thuộc tỉnh Mỹ Tho nằm ngay phía đông quốc lộ 4 kẹp giữa sông Tiền, kênh Chợ Gạo và hệ sông Vàm Cỏ. Địa thế gây trở ngại nhiều cho cán bộ ta hoạt động ở đây. Huyện có 20 xã. Đã có chi bộ và cơ sở quần chúng trong 18 xã. Tính chung lúc ấy lực lượng quân sự và chính trị của ta có 4.366 người, trong lúc địch có 3.318 bảo an, dân vệ, phòng vệ dân sự. Ta đã đạt ưu thế riêng trong một huyện mà đây là một huyện yếu của ta. Không những thế, một số tế xã và gia đình binh sĩ nguy đã quyên góp hàng vạn đồng vào quỹ kháng chiến của huyện... Theo số liệu tổng hợp vào cuối tháng 8/1968 thì không thấp hơn nhiều, trong mùa mưa, ta có thể nỗ lực phát triển lên được. Sở dĩ được như vậy vì Trung ương Cục luôn theo dõi và chỉ đạo các khu, tỉnh trực tiếp với các địa phương và qua các chỉ thị từ số 01 đến 08 mà nội dung chủ yếu của từng chỉ thị vẫn là gấp rút tạo thế, tạo lực, thay đổi so sánh lực lượng ta địch. Các chỉ tiêu về phát triển thực lực quân sự, chính trị tại địa phương, về hoạt động chống địch mở rộng vùng giải phóng mà Trung ương Cục và Quân ủy Miền đề ra cho các khu, tỉnh trong mùa khô vừa qua đều đạt và vượt. Trung ương Cục cũng tin chắc rằng, chỉ tiêu đã đặt ra cho mùa mưa trong toàn B2 cũng sẽ vượt xa hơn nữa. Tất cả cán bộ dự hội nghị quân sự tháng 7 đều đã hạ quyết tâm vượt mọi chỉ tiêu cấp trên đã đề ra. Các đồng chí đã nêu ra một tình hình rất mới là quần chúng nhân dân khắp nơi đều có nhận thức về sự suy sụp của địch và thế thắng của ta không khác gì trong nghị quyết của Đảng, chứng tỏ quần chúng đã tiến kịp với sự chỉ đạo của Đảng hay nói một cách khác Đảng và quần chúng đã hòa cùng một nhịp. Những thời kỳ nào như vậy, trong chiến tranh cũng như trong hòa bình, thì cách mạng sẽ có một sức mạnh có thể làm nên tất cả, giải quyết được nhiều khó khăn tưởng chừng không vượt nổi.

Trong hội nghị quân sự tháng 7 này, chúng tôi đã phổ biến và quán triệt nghị quyết tháng 4/1974 của Quân ủy Trung ương, nghị quyết này đã được Bộ Chính trị

thông qua nhằm căn cứ vào tình hình diễn biến mới nhất vừa qua, bổ sung cho Nghị quyết Trung ương 21. Nghị quyết đã đánh giá về âm mưu Mỹ rất rõ là: “...Âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ vẫn là thực hiện “Học thuyết Nixon” áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt thân Mỹ, nhưng chuyển từ chỗ dùng lực lượng quân sự của Mỹ trực tiếp tham chiến là chính, đến chỗ sử dụng ngụy quân, ngụy quyền có sự viện trợ đặc lực của Mỹ về cố vấn quân sự, kinh tế và tài chính...”

Để thực hiện ý đồ nói trên, Mỹ đã có chủ trương nhất quán từ đầu vừa ký Hiệp định lập lại hòa bình, vừa giúp đỡ ngụy quyền Sài Gòn tiếp tục chiến tranh”.

Nghị quyết nhận xét: “Nơi nào ta kiên quyết phản công và tấn công thì chúng lúng túng bị động, gặp khó khăn. Chúng bị đẩy lùi ở Khu 9, bị chặn lại ở Khu 8, tuy có lấn được một số ít ở Khu 5, nhưng cũng đã chững lại. Ta đã tiêu diệt một bộ phận sinh lực khá lớn của địch, giữ vững các lõm giải phóng ở đồng bằng sông Cửu Long, xung quanh Sài Gòn, giữ vững vùng giải phóng và căn cứ địa rộng lớn, duy trì được thế uy hiếp địch về mặt chiến lược”.

Nghị quyết đã chỉ đạo cụ thể cho các chiến trường: “Hết sức tranh thủ thời gian tăng cường lực lượng, tăng cường vật chất, tập trung chỉ đạo bảo đảm cho đồng bằng nhất là đồng bằng sông Cửu Long giành được một chuyển biến rõ rệt có lợi cho ta.

Khu 5 cần đánh giá đúng tình hình, giải quyết tốt tư tưởng cán bộ, phương thức hoạt động, phối hợp chặt chẽ với chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, phối hợp chặt chẽ giữa Tây Nguyên và đồng bằng, đưa phong trào hồi phục lại căn bản như hồi năm 1972 và mở rộng thêm, bảo vệ, hoàn chỉnh từng bước vùng giải phóng căn cứ địa Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh đồng bằng.

Miền Đông giữ vững các lõm giải phóng xung quanh Sài Gòn, củng cố thành những bàn đạp vững chắc bao vây uy hiếp Sài Gòn ngày càng chặt hơn, củng cố mở rộng hành lang nối liền vùng ven Sài Gòn với vùng giải phóng căn cứ địa rộng lớn.

Trị Thiên củng cố thế đứng vững chắc ở giáp ranh, luồn sâu xuống đồng bằng, xây dựng cơ sở chính trị, cơ sở du kích, làm lỏng lẻo, tiến lên phối hợp ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận, đưa phong trào lên, tạo lại thế ba vùng, phá thế phân tuyến của địch, thường xuyên uy hiếp địch để giữ chân hai sư đoàn dù và thủy quân lục chiến, tạo thuận lợi cho các chiến trường khác ở miền Nam. Đồng thời phải giữ vững và ra sức xây dựng vùng giải phóng vững mạnh”.

Hội nghị còn được phổ biến căn cứ đánh giá và nhận định tình hình của Trung ương Cục, về kế hoạch mùa mưa và dự kiến hoạt động giành thắng lớn mùa khô 1974-1975 của Trung ương Cục và Quân ủy Miền. Là những cán bộ lặn lội ở

chiến trường, thường xuyên tiếp xúc với cơ sở với hiểm nguy qua các thời kỳ diễn biến, anh em hoàn toàn nhất trí đó là chuyển thành sức mạnh tập thể chấp hành nghị quyết Đảng, sức mạnh chuyển tới từng đảng viên, từng quần chúng.

Ngay sau cuộc hội nghị quân sự, đồng chí Phạm Hùng với danh nghĩa là Bí thư Trung ương Cục, Bí thư Quân ủy Miền và là Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền đã cùng chúng tôi làm việc cụ thể với từng đoàn cán bộ của từng quân khu, đặc biệt là với đoàn cán bộ của Thành đội Sài Gòn, bàn rõ về việc xây dựng và bố trí các loại lực lượng quân sự và chính trị, bí mật và công khai, cũng như các hình thức hoạt động, nhất là hình thức hoạt động vũ trang ở vùng ven và trong nội thành. Đồng chí đã trực tiếp giải quyết những vướng mắc trong nhận thức của cán bộ thành về việc bố trí các đoàn đặc công sâu vào vùng ven và việc hoạt động quân sự ở các vùng ấy. Nhiều cán bộ đã quan niệm sai là ở vùng ven hiện nay tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng còn yếu, không nên bố trí đặc công và bộ đội địa phương vào vì sợ lộ, sợ địch sẽ càn quét đánh phá làm cho không ổn định để xây dựng cơ sở. Nhất là sợ nếu đặc công hay bộ đội địa phương lại đánh địch ở đây nữa thì sẽ bể hết cơ sở. Không lẽ có lực lượng vũ trang ở đây mà địch đến lại không có đánh? Vì thế mà nêu rằng: “Đánh thế nào để không bể cơ sở”, làm anh em rất lúng túng. Một số nơi đã rút lực lượng vũ trang ra khỏi hay đã thủ tiêu chiến đấu. Đồng chí nhấn mạnh: “Đường lối của Đảng ta là tấn công địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng và đô thị. Tấn công cả bằng lực lượng vũ trang và cả bằng lực lượng chính trị. Muốn vậy phải tổ chức và bố trí lực lượng quân sự kết hợp lực lượng quần chúng. Chỉ khác nhau giữa các vùng là cách tổ chức lực lượng ra sao, bố trí loại lực lượng gì. Ta phải đánh địch bằng ba mũi giáp công. Vậy cần nghiên cứu phương thức đánh ba mũi thế nào, ở đâu để giành thắng lợi từ nhỏ đến lớn. Dứt khoát ta không phải trường kỳ mai phục, càng không thủ tiêu chiến đấu. Trong chiến tranh không thể mong có sự yên ổn để tổ chức lực lượng, mà lực lượng được tổ chức trong hoàn cảnh ổn định giả tạo đó sẽ không có chất lượng. Trong giai đoạn chiến lược hiện nay ta phải vây ép chặt Sài Gòn hơn nữa, phải sẵn sàng phối hợp giữa các vùng để thắng lợi mùa khô tới, không được chậm trễ. Khi cán bộ thông suốt tư tưởng, quan niệm đúng về vấn đề, dũng cảm đấu tranh, kết hợp chặt giữa cấp ủy địa phương với chỉ huy quân sự của cấp trên xuống và tại chỗ, thì sẽ có phương thức đúng. Phải mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm...”

Một khâu dám nghĩ và dám làm rất quan trọng không thể nào quên là công tác vận tải, bố trí, tích trữ lương thực, đạn dược cho B2 trong mùa mưa của những chiến sĩ thực sự là “đi trước về sau”, như truyền thống của Nam Bộ kháng chiến. Những chiến sĩ vất vả, gian lao nhưng thầm lặng, vui cái chiến thắng của anh em

mà hầu như quên mất cái chiến thắng của mình - đó là chiến sĩ hậu cần! Trong suốt mùa mưa tầm tã, lầy lội, hàng vạn chiến sĩ hậu cần cùng hàng chục vạn lượt nhân dân đã làm việc cả ngày lẫn đêm trên mọi tuyến đường từ phía sau ra phía trước, trên đồng lầy, biển cả và sông nước Đồng Tháp Mười, rừng U Minh, khắp đồng bằng sông Cửu Long đến núi rừng Khu 7, Khu 6, đến vùng ven và vào đến tận nội đô Sài Gòn. Có lẽ ngành hậu cần B2 đã nói lên rõ nhất mọi thứ kết hợp một cách tài tình trong chiến tranh chống Mỹ của ta: Kết hợp làm cả hậu cần quân đội và hậu phương quốc gia; kết hợp việc tiếp thu cung cấp của trên với việc mua sắm sản xuất tại chỗ; kết hợp hậu cần chuyên môn và hậu cần nhân dân; kết hợp lực lượng quân đội và lực lượng quần chúng, chiến sĩ và dân công, chính quy và du kích; quy mô lớn và nhỏ, công khai và bí mật; bí mật mang vác len lỏi qua các vùng địch ban đêm, bí mật dùng xe cơ giới, tàu thuyền công khai chạy trên các đường và sông, vào cả các đô thị; kết hợp hiện đại và thô sơ (xe bò, xe đạp thồ, xuống chèo, mang vác...); kết hợp công tác và chiến đấu diệt địch tự bảo vệ mình. Ngay trong cấu tạo thành phần chỉ huy của Cục Hậu cần Miền đã phải có sự kết hợp rất cần thiết để bảo đảm công tác có hiệu quả cao. Đồng chí Tư Khanh<sup>1</sup> - Chính ủy Cục, trước đây là một công nhân xưởng Ba Son, Sài Gòn, quê tỉnh Gia Định, đã sớm tham gia phong trào cách mạng và vào Đảng Cộng sản Đông Dương từ những năm 1930. Trong chiến tranh chống Pháp, đồng chí là Chỉ huy phó Bộ Chỉ huy quân sự Gia Định. Trong chiến tranh chống Mỹ, trước khi sang ngành hậu cần đồng chí đã là Tư lệnh pháo binh của Miền. Vì vậy, đồng chí hiểu biết về quân sự, rành cả địa phương và người dân Sài Gòn cũng như miền Đông Nam Bộ. Tính trung thực và chân thành, đồng chí thương yêu và lo lắng tận tình cho cán bộ, chiến sĩ, biết phải nuôi dưỡng và bảo đảm thế nào cho bộ đội đánh thắng. Đồng chí Cục trưởng Bùi Phùng, quê ngoại thành Hà Nội, đã từng làm tham mưu ở Tổng cục Hậu cần, có nghiệp vụ công tác thành thạo. Đồng chí Tư Võ<sup>2</sup> - Cục phó, thời chống Pháp là bí thư Tỉnh ủy Long Châu Tiển, đã hoạt động cách mạng nhiều năm vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng như ở đất nước Campuchia, là người có nhiều công lao tạo nguồn vật chất tại chỗ cho ngành. Cán bộ bên dưới cũng có sự bố trí tương tự để kết hợp được tài năng và đạo đức, quen việc và thạo chiến trường, biết tìm của và rõ lòng người. Để ra công việc to lớn phải đi đôi với tổ chức và chọn người tương xứng mới bảo đảm thành công. Không thể kể hết được mọi thứ kết hợp từ đó tạo ra một sức mạnh tổng hợp làm cho ngành hậu cần B2 đã bảo đảm được mọi cuộc chiến đấu và chiến dịch bất cứ mở ra ở đâu và lúc nào, suốt từ đầu đến cuối chiến tranh.

---

1. Thiếu tướng Đào Sơn Tây.

2. Đồng chí Võ Phát.



Ngay trong thời kỳ khó khăn thiếu thốn nhất về lương thực đạn dược của B2, đặc biệt là chiến khu A, bắc Biên Hòa, năm 1966, Miền vẫn cầm và giữ ở đó Đoàn hậu cần 81 do đồng chí Mười Thiện<sup>1</sup> phụ trách. Nhờ vậy mà Sư đoàn 9 lúc ấy khi cần tác chiến khu vực này, vẫn có gạo và đạn để đánh mà không cần phải mang theo để khỏi nặng nề, chậm chạp. Nhân một chuyến đi công tác mùa thu năm 1966, tôi ghé thăm Đoàn 81, đồng chí Mười Thiện và anh em vẫn bảo đảm với tôi kiên quyết “bám trụ” bất kể tình hình thế nào. Anh chị em công tác ở đây, ngoài bom đạn và chất độc hóa học tấn công, còn có bệnh sốt rét vàng da cũng là một kẻ thù đáng sợ. Vì vậy mà “hồi chín năm”<sup>2</sup> anh em đã có câu: “Mã Đà, sông Bé, anh hùng tận” (sông Mã Đà chảy ra sông Bé, nơi nổi tiếng là nước độc đã làm chết bao nhiêu chiến sĩ ta vì bệnh sốt rét trong những năm kháng chiến chống Pháp).

Thần tốc ở đây phải hiểu là lo trước ém sẵn, ở đâu cần ở đó có, lúc nào cần là có ngay. Muốn vậy phải có một suy nghĩ chiến lược dự kiến sớm chính xác, kịp thời, một tổ chức giỏi triển khai trước, có phương pháp, có hiệu năng bao gồm những con người dũng cảm mưu trí. Không có thứ thần tốc để “nước tới chân mới nhảy”, công việc xảy ra rồi mới chạy nhốn chạy nháo, mà chạy thế nào kịp? Mỹ - ngụy có máy bay vận tải nặng nhẹ, trực thăng nhiều mà chạy chết còn không kịp, huống hồ gì tải người, tải hàng đáp ứng với yêu cầu khi thời cơ cấp bách? Hậu cần B2 có thuật “Lót ổ sẵn”. Lót ổ hàng trăm, hàng ngàn tấn lương thực, vũ khí đạn dược từ trước ở các lõm du kích, các địa bàn mà bộ đội chủ lực, địa phương sẽ đến đó hoạt động khi cần; lót ổ thuốc nổ, súng đạn ở vùng ven đô thị, sát các sân bay, bến cảng, kho tàng của địch, trong nội thành, gần các mục tiêu quan trọng như ở ngay trung tâm Sài Gòn cho lực lượng đặc công biệt động ta sử dụng theo kế hoạch của trên quy định. Không có lực lượng có tổ chức khéo léo tinh vi, không có cán bộ phù hợp, có năng lực phụ trách, không có quần chúng cách mạng thì không thể nào làm nổi những công việc như vậy. Để chuẩn bị cho mùa khô 1974-1975, trong mùa mưa, hậu cần đã chuyển đến cho các quân khu kể cả Sài Gòn trên 3.000 tấn vũ khí đạn dược; đã cấp phát đủ cho các đơn vị các cơ sở đạn và lương thực cần thiết cho chiến đấu và dự trữ thường xuyên; đã tích trữ tại các khu vực sẽ diễn ra chiến đấu mùa khô, chủ yếu ở miền Đông Nam Bộ gần 30.000 tấn vật chất trong đó có gần 8.000 tấn đạn dược và 1.500 tấn xăng, dầu. Cái đáng nói của hậu cần B2 còn là việc cố tạo ra vật chất tại chỗ, cái gì có thể tạo được, và chỉ yêu cầu trên cung cấp những gì không tạo ra được tại chỗ. Nếu tính trong suốt năm 1973 và cả mùa mưa năm 1974, thì số lượng vật chất hậu cần B2 tự tạo ra được đạt tỷ lệ 73% số nhu cầu của chiến trường.

---

1. Đại tá Võ Văn Lân hiện là Cục trưởng Cục Hậu cần Quân khu 7.

2. Anh em gọi “Hồi chín năm” là chỉ thời kỳ kháng chiến chống Pháp.



Như vậy, chỉ còn 27% là xin Trung ương cung cấp. Thực hiện đúng mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Miền, hậu cần đã bảo đảm lượng dự trữ thường xuyên từ 4 đến 6 tháng lương thực, thuốc và dụng cụ quân y; 3 đến 6 tháng xăng, dầu, và bắt buộc phải có một chiến trường xa xôi, trọng điểm, vô cùng ác liệt là một chiến công có ý nghĩa biết dường nào. Tôi đã gặp họ, những chiến sĩ hậu cần tận tụy trên khắp các ngã đường chiến dịch. Họ hồn nhiên, vui vẻ như bất chấp nặng nhọc hiểm nguy, làm mà không nói. Đầu năm 1975, tôi qua bến Tà Lài, trên sông Đồng Nai, tại Chiến khu A, bắc Biên Hòa, hỏi chuyện một chiến sĩ lái xe chất đầy đạn, người vạm vỡ, lanh lẹ. Đồng chí đang cúi xuống rờ vào bánh xe đã mòn, vội đứng thẳng: “Báo cáo thủ trưởng, em người Hà Bắc, vào chiến trường từ năm 1973, tên là Phạm Văn Miêng”, và đồng chí lái canô đẩy phà sang sông, đã đứng tuổi, người gầy nhưng chắc: “Em ở Cà Mau, tòng quân năm Đồng khởi, tên là Út Đen. Lên trên này mới học thêm, ở nhà chỉ biết lái đuôi tôm đưa vợ đi chợ” - “À đồng chí đã có vợ. Vậy đã có con chưa?” - “Dạ có một trai được ba tuổi thì bọn dân vệ đi càn bắn chết. Sau đó em tòng quân luôn, quyết trả nợ nước thù nhà”. Tôi ngậm ngùi lòng quặn đau. Tôi hỏi tiếp: “Còn đồng chí Miêng thế nào?” - “Em chưa có gia đình, thành công rồi, em tình nguyện ở luôn trong này đấy ạ” - “À ra thế, vậy đã có chú ý đến cô nào chưa?” - “Thưa chưa ạ, bây giờ thì suốt ngày đêm phải dành cho xe đấy...” Nhớ năm 1968, khi qua sông Sài Gòn ban đêm, ở một bến đò trong rừng tre xơ xác bom đạn nhưng còn đủ để ngụ trang cho ta từng đoạn..., ở đây tôi đã gặp các cô gái trẻ măng đang vác từng hòm đạn nặng từ thuyền lên chất vào các hầm trên bờ. Tôi đã quen mặt hai cô, cô Thắm và cô Liên, các cô là những chiến sĩ thi đua đã từng về họp mừng công ở căn cứ Miền, tại Cục Hậu cần. Phần lớn các cô này đều ở vùng ven Sài Gòn tòng quân vào công tác ở hậu cần khu Sài Gòn - Gia Định. Các cô nhận ra thủ trưởng mừng quá, xúm quanh hỏi chuyện ríu rít: Bao giờ thì giải phóng Sài Gòn, làng Tân Thới Nhất, Bà Điểm đấy chú? Cô khác chêm vào: Cả làng Tân Hiệp, Hóc Môn nữa, mà chỉ nghĩ đến xã của mày thôi hả - Liệu chúng cháu có được về quê sau Tết không chú? Không biết giờ đây các cô Thắm, cô Liên ấy, các cậu Miêng, cậu Út, ai còn ai mất! Biết bao người, trong đó có chiến sĩ hậu cần, đã ngã xuống trên mảnh đất này. Đồng chí Nguyễn Văn Dung - Chủ nhiệm hậu cần đầu tiên của B2, một công nhân Sài Gòn, đầu tóc hoa râm qua hai mùa kháng chiến, cũng đã hy sinh trong lúc đang đi công tác. Không có phân chia hậu phương, tiền tuyến trong cuộc chiến tranh này. Hậu cần luôn phải xung phong lên tuyến trước, hăng hái đi trước để chuẩn bị và thu dọn chiến trường nên vui vẻ về sau!

Trong tháng 8 và tháng 9/1974, Bộ Tham mưu Miền theo phương hướng của Trung ương Cục vạch ra, và dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Miền đã xây dựng kế hoạch hoạt động mùa khô 1974-1975, dự kiến giành thắng lợi quyết định trong

vài năm tới. Đầu tháng 10, Trung ương Cục đã thảo luận và thông qua kế hoạch này. Trong cuộc họp, từng đồng chí trong Trung ương Cục đã phân tích rõ ràng, cụ thể tình hình chiến trường, cả tình hình chung và đã nhất trí quyết tâm giành thắng lợi quyết định, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong hai năm 1975-1976. Năm 1975 là năm bản lề và năm 1976 kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh. Cũng không phải đã dễ dàng mà đi đến nhất trí như vậy. Bao nhiêu là dẫn đo suy nghĩ, bao nhiêu phân tích lật đi lật lại vấn đề. Mọi người đều nêu rõ về sự suy sụp của cả quân ngụy và ngụy quyền ở các vùng. Ở đô thị cũng đã xuất hiện phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng chống ngụy quyền Thiệu tham nhũng, bắt lức, và tình hình đó tác động lại tinh thần quân lính địch không ít. Mọi người đều phân tích thế và lực ta lên mạnh, phát triển đều trên các chiến trường. Du kích xã ấp của ta cũng đã diệt, gỡ được đồn bót địch. Nhưng vẫn lo lắng về một số mặt còn yếu: Lực lượng du kích và địa phương tuy gần đây có phát triển mạnh nhưng chưa đủ mạnh cho một cuộc nổi dậy lật đổ ngụy quyền. Ba đòn chiến lược của ta: chủ lực, nông thôn, đô thị vẫn chưa đều. Đòn đô thị còn yếu... Tuy Mỹ thua buộc phải rút quân khỏi Việt Nam, tình hình nước Mỹ đang rối ren về chính trị, kém sút về kinh tế, tài chính, nhưng cần thiết phải có những biện pháp khôn khéo để hạn chế sự can thiệp của Mỹ, bảo đảm ta thắng lợi nhanh và gọn. Tất cả những lo lắng đó rất đúng. Đó là sự thật và ai nấy đều thấy ta phải nỗ lực lớn, nỗ lực liên tục mới bảo đảm thành công trong thời gian như vậy.

Điều làm cho mọi người nhất trí cao là xác định xem ta đang ở giai đoạn nào trong cuộc cách mạng, của cuộc chiến tranh, và đều đồng ý như phát biểu của anh Mười Cúc<sup>1</sup>: “Chế độ Thiệu đang suy yếu nghiêm trọng, một mặt do mâu thuẫn bản thân của nó đến lúc phát triển, một mặt do ta tấn công ngày càng mạnh. Ta cần tấn công mạnh và liên tục hơn nữa, không cho chúng dừng lại lấy sức. Ngày nay ta có điều kiện đẩy lùi địch từng bước, giành thắng lợi từng phần đi đến thắng lợi hoàn toàn, chế độ ngụy không thể chịu nổi qua mùa khô 1975-1976”. Và anh Bảy Cường đã kết luận: “Địch đang khủng hoảng toàn diện, cả ngụy quyền trung ương chứ không phải chỉ một mặt nào, một vùng nào. Ngụy sẽ suy sụp với tốc độ ngày càng nhanh như một chiếc xe lao xuống dốc, không loại trừ đi đến khả năng đột biến. Khuyết điểm ta vẫn còn, nhưng có khả năng và đang trên đà khắc phục. Ta đang giành thắng lợi lớn ngay trong mùa mưa này. Ta có điều kiện chuẩn bị tốt cho mùa khô tới. Ta nhận định rằng, ta có thể hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ vào năm 1976. Năm 1976 là một thời cơ hết sức quan trọng. Nhưng năm 1975 phải thực sự là năm bản lề, nỗ lực giành thắng lợi thì mới tạo điều kiện cho năm 1976

---

1. Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục.

quyết định. Nói năm 1975 nhưng thực chất quyết định là mùa khô 1974-1975. Cần phải nắm vững tinh thần kế hoạch mùa khô mà Trung ương Cục và Quân ủy đã bàn, phải quán triệt ý nghĩa và nội dung mùa khô cho xuống tới dưới, phải quan niệm mùa khô này như một kế hoạch chiến dịch chặt chẽ từ Quân khu 6 đến Quân khu 9, từ chủ lực đến địa phương, từ nông thôn đến rừng núi, đô thị, phải phối hợp rất nhịp nhàng. Lần này hơn hẳn các lần trước, ta có kế hoạch phối hợp và bàn bạc chuẩn bị kỹ từ trên xuống dưới, cả trong quân sự và các cấp đảng bộ. Ta quyết định giành thắng lợi lớn. Do vậy, việc lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Cục và Quân ủy phải chặt chẽ vào mùa khô này, các khu và tỉnh cũng vậy; phải chặt chẽ giữa cấp ủy và cấp quân sự tương đương trong việc chỉ đạo và chỉ huy.

Ta vừa thực hiện thật tốt kế hoạch mùa khô, đồng thời chuẩn bị hướng phát triển mạnh nếu tình hình diễn biến tốt cho ta, ta phải ráng lên đạt thắng lợi cao nhất, kịp thời ngay trong năm 1975 này”.

Cũng trong cuộc họp này của Trung ương Cục, chúng tôi đã thảo luận đến trường hợp tình hình diễn biến nhanh, nguy quân, nguy quyền có thể suy sụp sớm hơn ta dự kiến, đặc biệt là nếu có xảy ra đột biến về quân sự, chính trị ngay ở Sài Gòn. Trong trường hợp đó, có thể chiến trường B2 phải tự mình tiến hành tấn công cuối cùng vào sào huyệt đầu não của địch, kết thúc chiến tranh, mà không được để lỡ thời cơ. Tôi đã trình bày với Trung ương Cục rằng, chúng tôi sẽ cố gắng đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và du kích, cũng như các địa phương tăng cường phát triển lực lượng quần chúng cách mạng cho thời cơ ấy. Nhưng về chủ lực thì B2 còn rất yếu, thiếu cả về bộ binh và binh chủng kỹ thuật cho một nhiệm vụ nặng nề như vậy. Tôi đề nghị xin Trung ương cho ngay B2 từ ba đến bốn sư đoàn nữa thì tự mình chúng tôi đảm bảo trận chiến đấu cuối cùng ấy thành công. Xét về khả năng diễn biến có thể của tình hình, về đường lối chiến lược, cách tổ chức bố trí và sử dụng lực lượng của ta, về vị trí và vai trò của chiến trường B2, việc tăng thêm vào giai đoạn này ba, bốn sư đoàn cho chúng ta hoàn toàn hợp lý. Tôi đã trình bày phác họa các hướng tấn công vào Sài Gòn, nói lên sự cần thiết phải có số lực lượng chủ lực như vậy. Sau khi thảo luận, các đồng chí Trung ương Cục đều nhất trí và quyết định xin Trung ương ngay. Nhưng để các sư đoàn ấy đến kịp chiến trường, sẽ yêu cầu Trung ương điều theo lối cuốn chiếu, nghĩa là điều những sư đoàn ở Tây Nguyên vào B2, rồi điều lực lượng Trị Thiên vào thay ở Tây Nguyên, và cứ như thế cho đủ số bố trí ở các chiến trường. Làm như vậy, chúng ta sẽ rút ngắn được thời gian hành quân của các đơn vị.

Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã báo cáo kế hoạch ra Trung ương và Quân ủy Trung ương và đã đề nghị Bộ Chính trị triệu tập một cuộc họp với đại diện

tất cả các chiến trường để bàn kế hoạch thống nhất toàn miền Nam trong giai đoạn quan trọng này.

Kế hoạch mùa khô 1974-1975 của B2 mà Trung ương Cục đã thông qua thực sự là một kế hoạch chuẩn bị tiến lên tổng tấn công và nổi dậy của B2, kế hoạch tạo điều kiện đi lên giành thắng lợi kết thúc cuộc chiến tranh ở chiến trường trọng điểm này. Vì vậy, nó phải dựa trên cơ sở dự kiến trước một kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy của toàn B2. Thật ra thì kế hoạch dự kiến này chúng tôi đã ôm ấp rất lâu, bắt đầu từ khi chuẩn bị và tiến hành tổng công kích và tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân cho đến ngày nay. Hàng chục năm chiến đấu trên chiến trường này, đánh Pháp rồi đánh Mỹ, cán bộ quân sự chúng tôi đã hầu như thuộc lòng mọi địa hình địa vật, từng làng mạc, sông rạch. Chúng tôi cũng đã nắm rất rõ kẻ địch của mình, cách tổ chức và khả năng tiến hành phòng ngự, phản ứng của chúng trong từng thời kỳ. Nhưng quan trọng hơn là chúng tôi nắm chắc đường lối lãnh đạo của Đảng ta trong cuộc chiến tranh này: Chúng ta đánh địch bằng lực lượng quân sự và lực lượng chính trị. Quân sự và chính trị song song tất yếu dẫn đến tổng công kích và tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn. Nhất trí và tin tưởng vào đường lối lãnh đạo đó, chúng tôi luôn tâm niệm là đến một thời cơ nào đó, dứt khoát phải tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Vì vậy mà sau khi có Nghị quyết Trung ương 9 năm 1963, một nghị quyết vạch rất rõ đường lối đó, chúng tôi ở chiến trường có thành phố Sài Gòn - Gia Định, thủ đô của ngụy quyền, luôn suy nghĩ cách thức tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa như thế nào? Từ năm 1964, B2 đã vạch ra 5 hướng tấn công vào Sài Gòn, rồi tổ chức khu Sài Gòn thành năm phân khu 1, 2, 3, 4, 5 để tổ chức bố trí lực lượng, chỉ đạo cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân. Từ lúc ấy đã xác định các mục tiêu ở nội ngoại thành, tổ chức các loại lực lượng thích hợp để tiến hành đồng loạt, trong đánh bung ra kết hợp với ngoài đánh vào. Tết Mậu Thân đã là một kinh nghiệm thực tế vô cùng quý báu. Nhưng mỗi ngày, cuộc chiến tranh tiến triển bởi nhiều hình thức và quy mô khác nhau cũng là mỗi ngày làm phong phú thêm sự suy nghĩ, làm già dặn thêm những kinh nghiệm. Cho đến ngày nay, chúng tôi lại đứng trước ngưỡng cửa của lần thứ hai, tổng tấn công và nổi dậy ở Sài Gòn cũng như ở toàn B2. Chín mươi qua ngẫm nghĩ nhiều năm, chúng tôi không khó khăn lắm phác họa ra một kế hoạch dứt điểm Sài Gòn và toàn B2 để làm nền cho kế hoạch mùa khô năm 1975 này.

Đó không phải là một kế hoạch tổng phản công quân địch từ một tuyến nào đó như trong một chiến tranh quy ước thông thường. Không phải dùng lực lượng quân sự thuần túy, những quân đoàn chủ lực hùng mạnh, tiêu diệt và đuổi địch từ Tây Nguyên, hay Quảng Trị vào Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng, vào Sài Gòn và truy kích đến tận Cà Mau, Côn Sơn, Phú Quốc... Thực ra muốn làm thế cũng

không làm được, mà có làm được đi nữa thì cũng có nguy cơ địch co dần quân rồi cụm lại ở một vùng nào đó, dựa vào không, hải quân ưu thế của Mỹ để rồi phản công trở lại. “Phương án Garvin” đã từng dự kiến co cụm chiến lược về đồng bằng sông Cửu Long như vậy đó. Garvin là một tướng lĩnh có hạng của Mỹ, qua Sài Gòn năm 1972 là năm mà Mỹ - ngụy bị đập tới bờ, bị thua nặng từ Quảng Trị đến miền Đông Nam Bộ. Trong bối cảnh ấy, y đã nghĩ ra một phương án chiến lược co dần, rút dần nếu bị thất bại mà khu vực cuối cùng phải bám giữ là Mỹ Tho - Vĩnh Long - Cần Thơ. Y tính toán: “Đồng bằng sông Cửu Long là kho nhân lực, là cuộc sống tính từng giờ cho Sài Gòn, là nhịp đập của “trái tim thủ đô”. Đồng bằng sông Cửu Long là nơi củng cố lực lượng chi viện cho Sài Gòn, từ đó phát triển tăng cường lực lượng phòng thủ, tạo sức phản kích lại đối phương trong điều kiện xấu nhất”. Hẳn y đã nhớ lại bài học quân nguy từ Mỹ Tho về cứu Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn năm nào. Y còn nghĩ rằng đồng bằng sông Cửu Long dựa lưng ra biển, ra đảo Côn Sơn, Thổ Chu, Phú Quốc... là thế mạnh, tiện lợi cho Mỹ lại từ đại dương tiến vào. Cái nhìn của những tên thực dân thật không khác nhau. Năm 1946, trong một chỉ thị gửi cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương D’Argenlieu, Bộ trưởng Pháp quốc hải ngoại Moutet đã nhấn mạnh: “... Nam Kỳ là cái trục thực sự của toàn bộ chính sách của chúng ta ở Đông Dương. Chúng ta phải thành công và thành công nhanh ở Nam Kỳ vì rằng tương lai có sự có mặt của nước Pháp hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào thắng lợi hay thất bại của chúng ta ở đây”. D’Argenlieu cũng có quan điểm: “...Nam Kỳ là chìa khóa của toàn bộ liên bang Đông Dương trong khối liên hiệp Pháp. Nếu quyền lực Pháp củng cố được ở đây thì liên bang Đông Dương trong khối liên hiệp Pháp sẽ trở thành hiện thực... Không bao giờ được quên tầm quan trọng của bộ phận Nam Kỳ. Bộ phận này là hòn đá tảng trong lâu đài liên bang Đông Dương và là nền tảng của ảnh hưởng của chúng ta”<sup>1</sup>. Vào thời kỳ đó, Nguyễn Văn Thiệu đã kịch liệt chống lại phương án Garvin, cho đó là một ngu xuẩn, một sự đầu hàng “Việt cộng”. Nhưng đó là lúc mà Thiệu tưởng vẫn đứng vững, dựa vào cái cọc chống đỡ mạnh mẽ của Mỹ. Còn lúc mà cơ hồ không còn manh giáp thì phương án Garvin là tối ưu rồi còn gì? Báo chí phương Tây đã từng bình luận: “Với số dân xấp xỉ mười triệu ở đồng bằng Nam Bộ, Nguyễn Văn Thiệu chẳng có thể là một vị tổng thống đường hoàng của một quốc gia trong Đông Nam Á có diện tích ngót nghét ba mươi sáu nghìn cây số vuông hay sao?”.

Nhưng về phần chúng ta, chúng ta đã suy nghĩ tất cả những việc ấy trước hơn Garvin, cả những phương án Garvin chưa nghĩ đến, để chọn một chiến lược thích hợp nhất cho cuộc chiến tranh này.

---

1. Theo tư liệu của Phân viện Lịch sử Cục Khoa học Quân sự, Bộ Quốc phòng.



Ngay từ đầu, Đảng ta đã chủ trương một kế hoạch chiến lược tổng công kích, tổng khởi nghĩa thần kỳ của một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng phát triển đến cao độ. Chúng ta tấn công địch bằng lực lượng quân sự tổ chức theo rất nhiều kiểu cách thích hợp, kết hợp với nổi dậy của quần chúng từ nhỏ chí lớn ở khắp các vùng, vùng rừng núi, vùng nông thôn đồng bằng và vùng đô thị. Trước một kẻ địch hoàn toàn chiếm ưu thế trên không, dưới biển, ở sông ngòi, ưu thế về vũ khí và phương tiện hiện đại, cơ động nhanh chóng bằng trực thăng bất cứ ở địa hình nào, hỏa lực hủy diệt dồi dào, thì lực lượng của ta chủ yếu quyết định là lực lượng cầm ngay tại chỗ, ở đâu cũng có lực lượng cách mạng, quân địch đến đâu, ở đâu, cũng đều bị đánh, bị đánh bằng lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của quần chúng, bằng lực lượng lớn cũng như lực lượng nhỏ, tinh nhuệ, bằng lực lượng thấy được và lực lượng không thấy được. Ngay chủ lực của ta cũng là chủ lực hoàn toàn cơ động tác chiến, nhưng cơ động trong từng khu vực nhất định, kết hợp chặt chẽ với địa phương, không có thứ chủ lực cơ động toàn chiến trường, tách rời địa phương. Ưu việt của ta là địa phương có tính chất rất quyết định, có trách nhiệm, có quyền hạn, nhưng tất cả địa phương được lãnh đạo thống nhất rất chặt chẽ từ Trung ương. Tết Mậu Thân năm 1968 đã chẳng chứng tỏ điều đó sao? Trong cùng một ngày đêm, dưới một hiệu lệnh phát ra từ Trung ương, hàng trăm thành phố, hàng chục làng mạc, mục tiêu của địch cùng bị tấn công dữ dội đến nỗi quân địch không còn biết đâu mà lẩn, không co vào đâu, không rút đi đâu được, choáng váng ngay tại chỗ, choáng váng cả ở nước Mỹ. Thần tốc của ta là như vậy, thần tốc bao trùm một không gian rộng, một thời gian ngắn, thần tốc trong hành động chiến đấu, trong chiến dịch và quan trọng hơn là trong một giai đoạn chiến lược, trong cách kết thúc một cuộc chiến tranh. Đừng suy nghĩ đơn giản theo kiểu thần tốc tấn công từ xa bằng những binh đoàn chủ lực cơ động thần kỳ mà rồi không thể nào hiểu nổi thực tế.

Nắm vững quan điểm chiến lược này, trong suốt mùa mưa năm 1974, Trung ương Cục và Quân ủy Miền hết sức theo dõi đôn đốc các địa phương phát triển nhanh thực lực quân sự, chính trị của bản thân, tạo thế tạo lực, để từng nơi tự mở mảng mở vùng giải phóng. Và tới tháng 10/1974, Trung ương Cục đã chỉ đạo nhấn mạnh “xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện, tỉnh giải phóng tỉnh, trong toàn chiến trường B2”. Khẩu hiệu hành động bất hủ đó xuất phát từ quan điểm chiến lược kết hợp tấn công và nổi dậy và từ thực tế đã diễn ra trên chiến trường từ trước, đưa ra đúng vào lúc ấy, đã tạo thành một sức mạnh ghê gớm. B2 làm kế hoạch mùa khô 1974-1975 là dựa trên dự kiến, tự B2 phải tiến hành tổng tấn công và nổi dậy ở Sài Gòn, từ từng quân khu, từng tỉnh phải giải quyết chiến trường của mình, mà không đợi lực lượng của trên, nhưng có hợp đồng trong một kế hoạch chung, chặt chẽ về mục tiêu, về thời gian, và dưới sự lãnh đạo chỉ huy thống nhất



của Trung ương. Kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy dự kiến ở toàn B2, được xác lập trên những yếu tố quan trọng sau đây:

- Trước mắt nhất, phải bảo đảm không đánh đuổi địch từng tuyến, không để cho địch co cụm chiến lược ở bất cứ vùng nào, ngay ở Sài Gòn, hay ở đồng bằng sông Cửu Long, kể cả ở các đảo ngoài Biển Đông, ngoài vịnh Thái Lan như Garvin đã tính toán. Co cụm ở Sài Gòn thì chúng tôi đã lo ngăn chặn dần từ trước, không để địch xây dựng được những tuyến phòng thủ vững chắc và lần lượt phá dần thế có thể co cụm được quanh Sài Gòn. Co cụm ở đồng bằng sông Cửu Long hay ở hải đảo thì biện pháp có hiệu quả nhất là phải tấn công, nổi dậy kịp thời và mạnh mẽ của lực lượng quân sự, chính trị tại chỗ; và chia cắt chiến lược vùng đồng bằng ra nhiều mảnh, tiêu diệt địch từng khu vực một mà không cho chúng dồn về một nơi nào để cố thủ.
- Yếu tố thứ hai, phải chia cắt, bao vây, cô lập quân địch cả về mặt chiến dịch và chiến đấu để tiêu diệt chúng không cho chúng tập trung lại, dựa vào nhau, chi viện cho nhau; đầu đuôi không cứu nhau được. Quân địch ở B2 tương đối đồng bộ bao gồm lực lượng của hơn hai vùng chiến thuật cộng với lực lượng của biệt khu thủ đô của chúng và lực lượng tổng trừ bị. Phải bảo đảm quân địch nào, ở đâu, cũng đều bị đánh cùng một lúc, đồng hóa ít, mạnh thành yếu. Muốn làm được như vậy, ta phải nắm vững phương pháp hai chân ba mũi, đánh bất ngờ, kịp thời và liên tục, dồn dập khắp mọi nơi cùng trong một thời gian nhất định.
- Yếu tố thứ ba, phải triệt hạ chỗ mạnh của địch, khoét sâu chỗ yếu của chúng. Trong suốt quá trình cuộc chiến tranh, Mỹ - ngụy dựa chủ yếu vào lực lượng không quân mạnh, khống chế bầu trời, chi viện hỏa lực mạnh từ trên không, cơ động bằng máy bay vận tải và trực thăng. Sau đó đến hải quân, các giang đoàn, cơ giới và pháo binh. Không có không quân chi viện mạnh thì quân ngụy sẽ mất tinh thần chiến đấu nhanh, dễ đi đến tan rã và đầu hàng. Ở B2 có ba sân bay lớn là chỗ dựa cuối cùng, là sức mạnh của chúng, đó là sân bay Biên Hòa, Tân Sơn Nhất và Lộ Tẻ (Cần Thơ). Ngoài ra, chúng phải dựa vào các tàu sân bay của Hạm đội 7 Mỹ ngoài khơi. Phải có kế hoạch và có lực lượng đặc biệt bố trí sẵn từ trước, khống chế cho được ở mức tối đa ba sân bay này đi đôi với lực lượng phòng không bảo vệ bầu trời của ta.
- Yếu tố thứ tư, nằm trong trận tấn công vào đầu não của địch, giải phóng Sài Gòn, nơi được phòng thủ cứng nhất, mạnh nhất, là một trung tâm chính trị, văn hóa, thương mại có nhiều đường bộ nối thông với khắp mọi miền đất nước. Quan trọng nhất là đường 1 và đường xe lửa nối với miền Trung, đường 4 nối với đồng bằng vừa lúa, kho người và cũng là Vùng 4 chiến thuật

mà lực lượng quân sự còn tương đối mạnh. Lại có đường 15 và sông Lòng Tàu nối với đại dương qua cảng Vũng Tàu, là hướng quân Mỹ vào cứu nguy hay hướng rút chạy của nguy về mẫu quốc. Là đầu não chỉ huy chiến tranh nên có đủ mọi đường dây liên lạc với các vùng, các đơn vị, cả với Hạm đội 7 Hoa Kỳ. Muốn giải phóng Sài Gòn, trước hết phải cô lập nó với xung quanh, không có đường co, đường chạy, không dựa vào đâu nhờ chi viện, bị bao vây không có lối thoát, chỉ hỗn loạn và tan vỡ.

- Yếu tố thứ năm, đánh Sài Gòn phải mạnh, nhanh, gọn; các mục tiêu trọng yếu phải bị chiếm hầu như cùng một lúc mới bảo đảm thắng lợi thần tốc, làm cho địch không còn thì giờ sắp xếp lại việc phòng thủ, củng cố lại lực lượng, dựa vào các cấu trúc phức tạp bên trong, phá hoại, gây đổ nát cho thành phố, gây khó khăn cho bên tấn công. Lại còn vấn đề nữa là không để cho những tay phù thủy chính trị có thời gian, cấu trúc các sân khấu, và vùi các con rối để làm phép ngăn chặn sự thắng lợi của cách mạng. Muốn vậy, ta phải kết hợp chặt chẽ cuộc tấn công như vũ bão từ bên ngoài bằng nhiều hướng với sự đánh phá và nổi dậy từ khắp bên trong. Không thể để ta phải đánh từng đường phố, chiếm từng gian nhà, diệt từng mục tiêu. Bộ đội chủ lực mạnh từ nhiều hướng bên ngoài đánh vào, bộ đội đặc biệt và tinh nhuệ đánh các mục tiêu bên trong, quần chúng nổi dậy chiếm các đường phố, làm chủ các công sở, bảo vệ các nhà máy...; phải làm cho quân địch không còn một chút tinh thần nào, rã toàn bộ. Chúng ta đang làm một cuộc chiến tranh cách mạng ngay trong lòng đồng bào của ta: Đảng đã chỉ cho ta phải nắm vững chiến lược tổng tấn công và nổi dậy. Có tấn công, có nổi dậy, có đánh ngoài vào, có đánh trong ra, đồng loạt. Đó là thần tốc. Để làm được như vậy, Trung ương Cục, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đã nghiên cứu bố trí từng chi bộ từng đảng viên, đoàn viên; từng nòng cốt lãnh đạo; từng tổ quần chúng có tổ chức, thanh niên, phụ nữ, học sinh, sinh viên khắp phố phường, cơ sở quan trọng. Đến cả ngàn cán bộ, đảng viên được rút tĩa từ các cơ quan, được điều động từ các tỉnh đồng bằng để tăng cường đội ngũ lãnh đạo nổi dậy ngay tại thủ đô của nguy. Lực lượng vũ trang có thanh niên cầm súng, an ninh vũ trang, biệt động đặc công, được giao từng mục tiêu từ trong nội thành ra đến vùng ven, đã được rèn luyện và có truyền thống. Còn các binh đoàn chủ lực từ ngoài đánh vào thì thế nào? Nó rất quyết định cho thành công, cho nên phải mạnh và phải được tính toán thật chi li, ngay trong một trận đánh hợp đồng binh chủng trong chủ lực cũng phải có sự hợp đồng tất cả các thứ lực lượng vũ trang và bán vũ trang, hợp đồng giữa lực lượng quân sự và lực lượng chính trị của quần chúng có tổ chức và chưa có tổ chức.

Kế hoạch dự kiến các binh đoàn chủ lực đánh vào từ năm hướng, đó là căn cứ vào năm mục tiêu trọng yếu nhất trong nội thành cần phải chiếm lĩnh nhanh hầu như cùng một lúc: Căn cứ vào tính chất và cách phân bố các mục tiêu ấy nằm trong thành và liên hệ với ngoại thành. Căn cứ vào địa hình địa vật xung quanh các mục tiêu, xung quanh thành phố. Căn cứ vào cách bố trí phòng thủ của địch và khả năng các bàn đạp xuất phát tấn công của ta... Trong năm hướng ấy thì hướng tây bắc và hướng bắc là thuận lợi hơn cả. Vì địa hình ở cả hai hướng ấy tốt, khô ráo, bằng phẳng, rộng rãi, tiện lợi cho triển khai các binh khí kỹ thuật, cho cơ giới, cho lực lượng lớn của chủ lực. Trong tấn công phải vượt qua đồng bưng Cầu An Hạ, sông Rạch Tra, Lái Thiêu, nhưng các đồng bưng này hẹp, dễ khắc phục. Tuyến xuất phát tấn công tuy phải chiến đấu tạo ra trước cho hoàn chỉnh hơn, nhưng nó nằm ngay ven vùng căn cứ hậu phương rộng rãi của ta, thuận lợi cho cơ động và bố trí lực lượng, cho tiếp tế từ phía sau đến và liên lạc với hậu phương, với chỉ huy sở chiến dịch. Quân địch phòng thủ có chú ý nhiều đến 2 hướng này, vì tiếp giáp với căn cứ ta và chủ lực ta thường xuyên ở đây. Chúng bố trí hai sư đoàn tương đối mạnh, nhưng bị phân tán ra cả chiều rộng và chiều sâu, không thành tuyến có công sự và nối liền bằng đồn bót kiên cố vì đã bị ta phá thủng từ trước rồi. Các mục tiêu trọng yếu mà hai cánh quân này phải chiếm lĩnh không nằm sâu trong nội thành, đường tấn công không phức tạp.

Hướng đông thì địa lợi, nhưng nhân không hòa. Quân chúng có tổ chức của ta còn yếu. Trung tâm tấn công hướng này sâu hơn các hướng khác vì phải đánh chiếm các mục tiêu lớn và cứng như sân bay Biên Hòa, thị xã Biên Hòa; và đặc biệt là chỉ huy sở Quân đoàn 3 ngụ là quân đoàn có nhiệm vụ chỉ huy các lực lượng phòng thủ chủ yếu Sài Gòn. Ta còn phải vượt qua hai con sông lớn là sông Đồng Nai và sông Sài Gòn, tuy đường sá thuận lợi nhưng nếu địch phá các cầu thì rất khó mà tiến vào đến mục tiêu đúng thời gian. Các tuyến xuất phát tấn công ở đây xa với hậu phương căn cứ, việc tải lương thực đạn dược gặp nhiều trở ngại. Hậu phương trực tiếp của cánh thì phải chiến đấu mở ra sớm mới tạo đường tải, xây dựng dự trữ hậu cần được. Vì hiện các vùng này địch còn kiểm soát.

Hai hướng tây và nam là khó khăn phức tạp nhất. Địa hình ở cả hai hướng này trước khi đến và ngay cả ở tuyến xuất phát tấn công cho vào tới mục tiêu phải chiếm, đều thấp và lầy, bị nhiều sông rạch chia cắt. Đặc biệt là hướng nam, quân đi bộ cũng không thoát ra khỏi đường lộ được, nói gì đến cơ giới, xe pháo. Nước ngọt cũng phải mang theo mới có uống. Xe pháo muốn đến triển khai ở tuyến xuất phát tấn công thì phải vừa đánh địch mở đường, vừa tổ chức cầu phà vượt hệ sông Vàm Cỏ. Tiếp tế từ hậu phương ra vừa xa, vừa trở ngại vì không có đường sá. Nếu không

phải là những cán bộ và đơn vị hoạt động nhiều năm ở đây thông thạo địa hình, địa phương và địch thì không thể nào khắc phục được những khó khăn nhiều mặt để thành những hướng tấn công có giá trị. Và khi đã khắc phục được những trở ngại để tấn công thì trở thành những mũi tấn công rất bất ngờ đối với địch và rất lợi hại, bảo đảm cho thành công nhíp nhàng của toàn chiến dịch.

Hướng tây và hướng đông còn một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng cho thắng lợi của chiến dịch là phải bao vây cô lập hoàn toàn Sài Gòn trước khi nổ súng tấn công vào trung tâm thủ đô nguy. Đó là cắt đứt đường 1 và đường xe lửa ra miền Trung, đường 15 và sông Lòng Tàu ra biển.

Để bảo đảm cho cả năm hướng tấn công đúng cùng thời gian vào Sài Gòn chiếm lĩnh các mục tiêu quan trọng nhất cùng một lúc trong một kế hoạch chiến dịch hợp đồng chặt chẽ, trong khi mỗi hướng có điều kiện và các đặc điểm khác nhau xa như vậy, đòi hỏi một sự chuẩn bị công phu từ trước, phải tiến hành trước hàng nhiều tháng trời một số công việc hết sức quan trọng.

Đó là việc chuẩn bị lực lượng cho hướng tây và nam. Như trên đã nói, hai hướng này cần lực lượng quen thạo địa hình, quen hoạt động ở các vùng bưng lầy sông rạch... Đặc biệt là hướng nam không thể dùng xe và pháo xe kéo mà phải là pháo mang vác. Phải là những đơn vị quen chiến đấu ở địa hình phức tạp, điều kiện khó khăn, mang vác theo mình súng đạn lương thực và chỉ được yểm trợ bằng pháo nhẹ. Chỉ có thể dùng ở đây các đơn vị được tổ chức nhẹ, gọn, từng trung đoàn, biết phân tán, tập trung linh hoạt, biết vượt sông bằng mọi phương tiện tại chỗ, thậm chí không có phương tiện... Phải là những đơn vị quen sống với dân địa phương, biết kết hợp chặt chẽ với du kích và bộ đội địa phương, biết vận động nhân dân cùng chiến đấu và giúp bộ đội chiến đấu. Hướng tây có thể dùng xe, pháo, thậm chí cả xe, pháo nặng nhưng phải quen thạo điều động xe pháo trên địa hình phức tạp, bí mật vượt sông ban đêm và nguy trang khéo léo... Cả hai hướng này đòi hỏi phải chuẩn bị công phu các đường hành quân từ xa đến nơi trú quân, chuẩn bị nơi tập kết và tuyển triển khai xuất phát tấn công rất khó khăn, có khi xen kẽ với địch. Vấn đề dự trữ hậu cần cho hai hướng này cũng rất gian khổ cả trong công tác vận tải cũng như xây dựng kho tàng, trạm xá quân y và tải thương...

Căn cứ vào kế hoạch dự kiến tổng tấn công và nổi dậy trên chiến trường B2 như vậy mà Bộ Tham mưu vạch kế hoạch mùa khô 1974-1975 của B2 mở đầu từ tháng 12/1974, chia là hai đợt:

- Đợt 1 từ đầu tháng 12/1974 đến đầu tháng 02/1975.
- Đợt 2 từ tháng 3 đến hết tháng 5/1975.

Nội dung chủ yếu của kế hoạch mùa khô là: Tiếp tục phá kế hoạch bình định của địch ở đồng bằng sông Cửu Long, mở rộng vùng giải phóng, giành nhiều dân về với cách mạng, mở rộng và hoàn chỉnh vùng căn cứ hậu phương và hành lang nối liền các chiến trường, đặc biệt là căn cứ chính miền Đông và hai cánh Đông, Tây Sài Gòn; tiêu diệt từng tiểu đoàn, chiến đoàn quân nguy, giải phóng quận lỵ, tiến lên có điều kiện thì giải phóng tỉnh lỵ, tiếp tục tạo thế tạo lực mạnh cho ta; thúc đẩy nhanh sự suy sụp của nguy và sẵn sàng tạo ra và nắm vững thời cơ giành thắng lợi. Các hướng và mục tiêu đề ra cũng tức là tích cực chuẩn bị mọi điều kiện cho thắng lợi quyết định.

Đồng bằng sông Cửu Long chọn trọng điểm số một tấn công địch là ở các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre. Hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh là vùng đất nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, ở trung tâm đồng bằng sông Cửu Long; có đường 4 và sông Măng Thít là hai đường chiến lược bộ thủy chạy qua. Mở rộng vùng giải phóng và nắm dân ở đây là tạo điều kiện cắt đứt lộ 4, làm chủ sông Măng Thít, khóa chặt hai bến phà Cần Thơ và Mỹ Thuận, tức là cắt toàn bộ vùng đồng bằng sông Cửu Long ra làm ba mảnh, chặt Vùng 4 chiến thuật địch ra làm nhiều đoạn cô lập nhau. Đây là đòn chiến lược đập tan ảo tưởng của Mỹ - nguy ngay từ sớm là co cụm chiến lược về đây để phản kích lại, khi bị thua nặng ở các nơi khác. Bến Tre là một tỉnh có địa hình tốt nằm sát với Gò Công, Cần Đước, Cần Giuộc. Thắng lợi của ta ở đây vừa hỗ trợ cho mặt trận Vĩnh Long, Trà Vinh vừa tạo được một bàn đạp tốt cho mũi tấn công vào Sài Gòn từ hướng nam. Để bảo đảm cho hướng tấn công phía nam Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Miền dự kiến tạo cho được hai hướng tiến quân: Một là từ vùng Long Định, Mỹ Tho qua Chợ Gạo, Tân Trụ, Tân An, rồi Cần Đước, Cần Giuộc, Nhà Bè; hai là từ Bến Tre qua Gò Công rồi Cần Đước, Cần Giuộc, Nhà Bè đánh vào quận 7 và 8... Cả hai đường tiến quân này đều phải qua những vùng yếu của ta, địch đóng dày đồn bót, địa hình khó khăn, lại xa vùng căn cứ giải phóng. Vì vậy, nếu không hoạt động tạo điều kiện sớm từ nhiều tháng và phải có những đơn vị quen thạo thì khó mà thực hiện được kế hoạch.

Ngoài ra Khu 9 còn trọng điểm 2 là phải mở rộng vùng căn cứ giải phóng U Minh lên hướng Cần Thơ để chuẩn bị việc khống chế sân bay Lộ Tẻ và đánh vào “Tây đô”, chỉ huy sở Quân đoàn 4 của địch. Khu 8 lấy trọng điểm 2 là mở rộng vùng giải phóng Đồng Tháp Mười sát ra lộ 4 để sẵn sàng cắt lộ 4 từ vùng đất Mỹ Tho và đánh diệt các sư đoàn 7 và 9 của nguy, không cho chúng chi viện cho Sài Gòn. Bộ Tư lệnh Miền còn giao cho Quân khu 8 chuẩn bị các trung đoàn tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn từ phía nam vì chỉ lực lượng của Khu 8 với sự tích cực chuẩn bị của Quân khu mới có điều kiện tiến hành mũi tấn công bất ngờ và lợi hại này. Miền cũng dự kiến có thể điều hai trung đoàn của Quân khu 9 từ Trà Vinh lên tham gia mũi tấn công phía nam Sài Gòn.



Chủ lực của Miền, của Quân khu 6 và 7 phải đánh mở rộng, hoàn chỉnh các vùng căn cứ, chuẩn bị cho các hướng bắc, tây bắc, đông và tây Sài Gòn, bao vây cô lập và ép sát Sài Gòn ngày càng chặt. Ngay từ đầu mùa khô phải giải phóng đường 14 từ Đồng Xoài lên giáp Quảng Đức là để mở rộng căn cứ của Miền về phía sau giáp Tây Nguyên và nối liền căn cứ Miền về phía đông Sài Gòn, tạo điều kiện mở đường và dự trữ vật chất kỹ thuật sẵn trước cho hướng này. Muốn giải phóng đường 14 thực hiện ý định nói trên, thì ta phải diệt cho được mục tiêu chủ chốt là Đồng Xoài và khi đã đạt được thì tỉnh lỵ Phước Long hoàn toàn bị cô lập, ta chỉ cần bao vây địch lại đó, chúng không còn tác dụng gì nữa. Nhưng nếu có điều kiện thì ta giải phóng luôn toàn tỉnh Phước Long không chỉ làm cho căn cứ hậu phương hoàn chỉnh mà còn đạt được một tác động về tâm lý và chính trị rất có lợi cho ta. Lực lượng Quân khu 6 và 7 có nhiệm vụ giải phóng các huyện Hoài Đức và Tánh Linh để tạo được một khu vực tập kết cho bộ đội và dự trữ lương thực, đạn dược cho hướng tấn công phía đông Sài Gòn vào chỉ huy sở Quân đoàn 3 rồi vào Sài Gòn. Sau đó hợp đồng với lực lượng của trên cắt đường 1, 20, 15.

Lực lượng chủ lực của Miền còn phải mở rộng hành lang phía tây tỉnh Tây Ninh, giải phóng vùng Bến Cầu, Quéo Ba thuộc quận Đức Huệ và phía bắc quận Đức Hòa nhằm tạo bàn đạp phong tỏa Sài Gòn từ phía tây, tạo khu vực và tuyến xuất phát tấn công cho hướng tây. Phải diệt điểm núi Bà Đen là cao điểm khống chế toàn bộ phía bắc, tây bắc Sài Gòn; là nơi quan sát các hành động trong vùng căn cứ của ta; là trung tâm thông tin chuyển tiếp của Quân đoàn 3 địch cho tất cả các lực lượng của chúng ở các hướng này. Phải mở rộng và hoàn chỉnh căn cứ của ta về phía trước bằng cách diệt Bình Long, Chơn Thành, Dầu Tiếng, làm chủ đường 26 Tây Ninh để tạo vùng tập kết lực lượng và bàn đạp xuất phát tấn công cho hướng tây bắc và cả hướng bắc nữa.

Kế hoạch mùa khô 1974-1975 của toàn B2 như vậy thực chất là tiếp tục đánh sụp địch, thay đổi so sánh lực lượng có lợi hơn nữa cho ta, tạo thời cơ giành thắng lợi quyết định; là thiết thực chuẩn bị hoặc cũng có thể nói là bắt đầu vào những công việc của tổng tấn công và nổi dậy của chiến trường, tạo điều kiện cho trận tấn công vào sào huyệt cuối cùng của địch.

Quân và dân B2 bước vào hoạt động mùa khô với sự nhận thức rất rõ về giai đoạn chiến lược quan trọng này, với lòng tin tưởng ở thắng lợi, với quyết tâm cao và tinh thần phấn khởi. Bộ Tư lệnh Miền đã trực tiếp làm việc với từng quân khu, từng đơn vị, đã lần lượt duyệt kế hoạch của các nơi và kiểm tra sự chuẩn bị mọi mặt. Chưa bao giờ có một chiến cuộc được chuẩn bị chu đáo và công phu như vậy cả về mặt quân sự, chính trị, lực lượng tấn công và lực lượng nổi dậy, dưới sự chỉ đạo



trực tiếp của Trung ương Cục. Những công việc sôi nổi, bí mật, khẩn trương ấy tiến hành rất tích cực trong suốt mùa mưa năm 1974, một mùa mưa chưa từng có!

Để động viên bước vào mùa khô mong đợi này, tháng 11/1974, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền đã gửi cho tất cả cán bộ và chiến sĩ chủ lực, địa phương, du kích thơ động viên, có đoạn viết:

- “... Quyết tâm lớn của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta là trong năm 1975 quyết giành thắng lợi thật to lớn, toàn diện, tạo bước ngoặt có ý nghĩa quyết định làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, làm cơ sở vững chắc tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn”.
- “Đối với cả năm 1975, thắng lợi mùa khô 1974-1975 có tính chất quyết định”.
- “... Sống trên mảnh đất thiêng liêng Thành đồng Tổ quốc, quê hương Đồng khởi Nam Kỳ, Tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân, và bao chiến công rực rỡ, các đồng chí hãy tỏ rõ chí khí anh hùng, quyết ghi mùa khô 1974-1975 vào lịch sử bằng những chiến công thật chói lọi”.
- “Hãy vượt mọi gian khổ khó khăn, đạp lên đầu thù xốc tới giành thắng lợi!...”<sup>1</sup>.

Cuối tháng 10, Trung ương Cục nhận được điện của Bộ Chính trị gọi đồng chí Phạm Hùng và tôi ra Hà Nội dự cuộc họp của Bộ Chính trị Trung ương Đảng cùng với đại diện các chiến trường toàn miền Nam để bàn phương hướng kế hoạch sắp tới.

Ngày 13/11/1974, đoàn lên đường. Cũng chính những ngày này, lực lượng toàn B2 nhận nhiệm vụ lên đường đến nơi tập kết bước vào chiến cuộc mùa khô theo kế hoạch. Tôi dặn dò đồng chí Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh Miền thay thế tôi trong những ngày tôi vắng mặt, rằng ngoài các điện báo cáo ra bộ như thường lệ, hãy luôn điện cho tôi mọi diễn biến của toàn chiến trường. Tôi sẽ rất phấn khởi nhận được những tin thắng trận nhưng tôi sẽ càng chú ý theo dõi những gì khó khăn, trở ngại trong quá trình thực hiện kế hoạch. Đồng chí Đức Anh còn nhắc tôi: “Anh ráng trình bày với Trung ương xin thêm lực lượng cho chiến trường ta, Quân đoàn 4 vẫn què quặt, quá yếu, yếu nhất trong tất cả các quân đoàn. Thế mà nó là chủ lực của chiến trường chủ yếu, không thể nào hiểu nổi”. Tôi hứa sẽ cố hoàn thành nhiệm vụ. Người đi, kẻ ở, ai nấy tràn đầy tin tưởng vào chiến thắng.

Chúng tôi lại một lần nữa đi dọc theo dãy Trường Sơn hùng vĩ của đất nước, theo Đường 559, đường mòn Hồ Chí Minh. Nhưng lần đi này nhanh hơn trước và ít vất vả hơn nhiều vì chúng tôi toàn đi bằng thuyền máy và xe hơi từ Lộc Ninh

---

1. Hồ sơ lưu trữ của Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7.

cho đến Hà Nội. Đoàn qua miền đông Campuchia, vượt Hạ Lào về đường 9 qua Cam Lộ, Đông Hà, ngay Khu 4 cũ rồi về Hà Nội. “Đường mòn Hồ Chí Minh” ngày nay không còn là đường mòn nữa rồi mà là một hệ thống đường xe hơi vận tải với nhiều đường dọc đường ngang, chi chít, bổ sung bằng các đường sông Mêkông, sông Sêkông..., được tô điểm thêm bằng những đường dây trần thông tin sừng sững trước gió và đường ống xăng dầu men suối, lưng đèo. Đó đây, trạm xăng dầu, xưởng cơ khí, bãi đỗ xe, đoàn bộ, tấp nập hoạt động. Từ đồi này qua đồi khác, các trận địa pháo và tên lửa phòng không, nguy trang khéo khéo, nòng hướng lên trời ngạo nghễ uy phong. Khác xa rồi thời kỳ tháng 5/1959, ngày khai sinh con đường mòn cho đến những năm đầu 1960, thời kỳ mà tôi còn phụ trách, giao cho đồng chí Võ Bẩm cùng một số anh em “chí cốt”, mò mẫm mở đường, đi phải lần từng bước, về không để một dấu vết, thế mà các đồng chí trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương luôn nhắc nhở dặn dò: “Cẩn thận, bí mật, chắc ăn đấy nhé”.

Đồng chí Thiếu tướng Võ Bẩm - một đảng viên cộng sản từ những năm 1930, quê Quảng Ngãi, ở Mỹ Lai, ngay nơi từng ghi tội ác trời không dung đất không tha của Mỹ. Tinh thần giác ngộ cách mạng cộng với lòng yêu nước đã làm cho đồng chí có một quyết tâm sắt đá, vững vàng như con người vạm vỡ chắc nịch của đồng chí. Trong những ngày đầu xuyên rừng khai phá, có biết bao gian truân vất vả. Lúc ấy không phải đường mòn mà còn là con đường không được để cho mòn. Mọi cái nặng nề còn nằm gọn trên lưng, trên vai và đôi chân dè dặt cao su của chiến sĩ. Ngày nay, ai qua “Đường mòn Hồ Chí Minh” mà lòng không tràn đầy tin tưởng vào tương lai xán lạn, không thấy được sự phát triển hùng hậu của con đường sống còn, lớn mạnh thần kỳ kiểu Phù đổng Thiên vương với cây tre Việt Nam nghìn đời bất diệt. Cây tre Việt Nam vẫn hiên ngang đứng vững dọc suốt con đường, đã chiến thắng mọi thế lực phản động, mọi bom đạn, chất độc hóa học, khí tài điện tử hay bất kể vũ khí gì nữa sau này.

## CHƯƠNG V

### Giai đoạn mới mở đầu như thế đấy

Ra đến Hà Nội, trong lúc chưa họp Bộ Chính trị, tôi báo cáo tình hình B2 cho Bộ Tổng Tham mưu và nghe tình hình chung, tình hình các chiến trường khác. Tôi đã thăm dò về khả năng tăng cường thêm lực lượng và vũ khí phương tiện cho B2, điều mà tôi đang lo lắng nhiều, làm sao để chiến trường có thể đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Trong suốt dọc đường và ra đến đây, điều không thể dứt khỏi sự suy nghĩ của tôi là thời cơ hiện nay khá thuận lợi, chỉ cần thêm một số lực lượng thì chắc chắn B2 sẽ giành thắng lợi lớn và qua đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới tiến trình của cuộc chiến tranh trên toàn miền Nam. Đồng chí Lê Ngọc Hiền lúc ấy phụ trách tác chiến của Bộ Tổng Tham mưu cho biết: Vũ khí, đạn dược dự trữ của ta còn rất mỏng, đặc biệt là vũ khí tấn công cỡ lớn, pháo và cơ giới. Vì vậy, các anh cấp trên chỉ thị phải quy định hết sức chặt chẽ việc cấp phát và sử dụng. Phải lấy của địch mà đánh địch. Về lực lượng, đồng chí chỉ có thể cho biết về số quân bổ sung sắp tới cho các chiến trường. Riêng B2 phải dành 40% số quân được bổ sung cho vùng đồng bằng sông Cửu Long với ý định là tăng cường mạnh lực lượng của tỉnh và huyện. Đi đôi đó phải phát triển nhanh chóng dân quân du kích để cho lực lượng tại chỗ đủ sức đánh địch mà chủ lực quân khu có khả năng tập trung và cơ động nhiều hơn.

Về kế hoạch năm 1975, đồng chí cho biết Bộ Tổng Tham mưu dự kiến lấy đồng bằng sông Cửu Long làm chiến trường chính, tập trung mọi nỗ lực để phá kế hoạch bình định của địch, giành dân, giành của về cho cách mạng, thay đổi một bước có ý nghĩa tương quan lực lượng có lợi cho ta. Miền Đông Nam Bộ chủ yếu mở hành lang liên hoàn đến các chiến trường và vây ép Sài Gòn chặt hơn. Đòn chủ lực chỉ sử dụng ở Nam Tây Nguyên nhằm mở hành lang chiến lược đoạn Đức Lập cho thông suốt và tiêu diệt sinh lực địch. Ta sẽ dành sức cho năm 1976, tiến hành đòn tiêu diệt chiến lược lớn, tiến lên tổng tấn công và tổng khởi nghĩa, giành thắng lợi hoàn toàn.

Năm 1975 sẽ chia làm ba đợt:

- Đợt 1: từ tháng 12/1974 đến tháng 02/1975. Đợt này chỉ B2 hoạt động vì B2 đã có kế hoạch sẵn.
- Đợt 2: là đợt toàn Miền từ tháng 3/1975 đến tháng 6/1975.
- Đợt 3: từ tháng 8/1975 trở đi là đợt hoạt động nhỏ để chuẩn bị cho năm 1976.

Nghe phổ biến kế hoạch của Bộ Tổng Tham mưu như vậy, lòng tôi bồn khoăn lo lắng là vì tinh thần và nội dung kế hoạch của B2 không phù hợp với kế hoạch của Bộ Tổng Tham mưu. Quân ủy Miền và Trung ương Cục chúng tôi nhận định rằng, tình hình chiến trường đã thay đổi rất cơ bản, thế ta đang lên, ta đang giành nhiều thắng lợi, thế và lực của địch đang đi xuống. Ngụy đang suy sụp. Không cho chúng gượng lại, không để cho Mỹ có thời gian vực chúng lên. Vì vậy năm 1975, ngay từ đầu mùa khô, cả miền Nam phải đánh mạnh và nhất định sẽ thắng to, tạo ra thời cơ mới cho bước quyết định của chiến tranh. Kế hoạch mùa khô của B2 được xây dựng trên tinh thần đó, đã báo cáo ra Trung ương và đề nghị với Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương có kế hoạch chỉ đạo phối hợp toàn miền Nam. Nay thì chỉ riêng chiến trường B2 hoạt động trong đợt 1, chắc chắn sẽ hạn chế thắng lợi và địch sẽ đối phó dễ hơn. Kế hoạch của Bộ Tổng Tham mưu năm 1975 chỉ đánh nhỏ, phá bình định, mở hành lang và ép Sài Gòn, chuẩn bị cho năm 1976 mới đánh lớn. Tôi suy nghĩ thời cơ không dừng lại đợi chúng ta, nó sẽ qua đi và tình hình lại chuyển biến theo một chiều hướng khác khi không có tác động mạnh mẽ kịp thời của ta.

Sau đó trong một buổi làm việc riêng với anh Lê Đức Thọ, anh nói với chúng tôi: “Tình hình đã rõ ràng, tương quan lực lượng rõ ràng, chiều hướng cũng rõ ràng, không lật ngược được. Cần có quyết tâm chiến lược hai năm 1975-1976. Thời cơ năm 1976 là rất quan trọng. Cần hết sức đề phòng địch co cụm chiến lược lớn năm 1976.

Dự trữ vật chất của ta còn rất kém, nhất là vũ khí đạn dược. Tình hình trong nước và ngoài nước cũng rất phức tạp, ta khó mà tăng cường dự trữ chiến lược lên được nhiều. Vì vậy, ta cần phải hạn chế đánh trong năm 1975 để dành sức cho năm 1976 đánh lớn, đạt thắng lợi quyết định. Phải có quyết tâm chiến lược năm 1976 rõ thì mới có hướng chỉ đạo kế hoạch và hoạt động trong năm 1975. Ta không nên và không thể kéo dài mãi cuộc chiến tranh”.

Vì chưa phải thảo luận nên tôi chỉ trình bày ngắn ý kiến của tôi. Tôi rất đồng ý là địch sẽ cố co cụm khi bị thua nặng, nhưng để phòng việc này phải bằng nhiều biện pháp, tiến hành từ sớm mới được. Và không nên đặt vấn đề hạn chế đánh

năm 1975 để dành sức cho năm 1976, mà ngược lại là phải đánh mạnh năm 1975 mới kết thúc thắng lợi chiến tranh năm 1976 được. Thời cơ đang đến cần nắm thời cơ để tạo thời cơ, ta không thể bỏ lỡ, Trung ương Cục chúng tôi đã thảo luận và nhất trí như vậy, chúng tôi sẽ báo cáo kỹ với Quân ủy Trung ương và Bộ Chính trị.

Tôi đã nghiên cứu các bức điện của chiến trường gửi cho chúng tôi. Qua điện báo cáo của anh Lê Đức Anh, tôi mới biết rằng chấp hành điện của anh Văn Tiến Dũng và của anh Ba<sup>1</sup>, B2 đã điều chỉnh kế hoạch của chủ lực tức là không đánh Đồng Xoài, không dùng chủ lực lớn, pháo lớn và xe tăng mà chỉ đánh nhỏ thôi. Như vậy là các quân khu 6, 7, 8, 9 và Sài Gòn - Gia Định thuộc B2 vẫn hoạt động theo kế hoạch đã vạch ra lúc tôi còn ở nhà, có điều chỉnh một ít, chỉ riêng chủ lực của Miền vì không đánh lớn, không đánh Đồng Xoài nên chuyển lên đánh khu vực Bù Đăng hay Bù Na trên đường 14 quá về phía bắc. Ngoài ra, Bộ Tổng Tham mưu quyết định điều Sư đoàn 7 và Trung đoàn đặc công 429 của B2 lên chuẩn bị đánh vào Gia Nghĩa trong đợt 2 mùa khô (tháng 3/1975) để phối hợp với hướng chính của chiến dịch do Bộ tổ chức và chỉ huy là Đức Lập (Nam Tây Nguyên). Tôi càng không yên tâm. Vì toàn bộ kế hoạch đợt một mùa khô của B2 là nằm trong một ý định thống nhất toàn chiến trường, không những liên quan chặt chẽ với nhau giữa các hướng đồng bằng và rừng núi, địa phương và chủ lực, mà còn là chuẩn bị tích cực cho đợt 2 mùa khô và cả năm 1975. Điều chỉnh lại kế hoạch và điều động lực lượng như vậy sẽ làm cho kế hoạch của B2 khắp khiếm và địch sẽ có điều kiện phản ứng mạnh, nhất là đối với vùng đồng bằng. Vì sao như vậy? Xây dựng kế hoạch chiến cuộc mùa khô 1974-1975 của B2, chúng tôi dựa trên sự nhận định đánh giá tình hình chung giữa ta và địch, thực hiện một bước quan trọng ý định của một giai đoạn chiến lược như phần trước đã nói rõ. Muốn giành thắng lợi ở các hướng chiến trường B2 như ta dự định, kế hoạch phải có những biện pháp kìm chân địch chặt chẽ, không cho chúng tự do cơ động lực lượng đối phó nơi chúng muốn, phải đánh lạc hướng địch, phân tán địch. B2 chúng tôi có hai sư đoàn mạnh là Sư đoàn 9 và Sư đoàn 7 đã từng lập nhiều chiến công đánh nguy, đánh Mỹ ở miền Đông Nam Bộ. Đặc biệt, Sư đoàn 9 là sư đoàn chủ lực đầu tiên của miền Nam đã trải qua một đoạn đường dài từ Bình Giã, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Tết Mậu Thân, Lộc Ninh cho đến nay. Địch luôn theo dõi từng hành động của hai sư đoàn này và qua đó mà phán đoán ý đồ và kế hoạch hoạt động của ta. Trong đợt đầu mùa khô, chúng tôi chỉ sử dụng một bộ phận Sư đoàn 7 và các trung đoàn chủ lực lẻ khác, bộ phận còn lại của sư đoàn đứng yên phía Tân Uyên, Phú Giáo thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Sư đoàn 9 thì đứng ở Long Nguyên Bến Cát, chưa hoạt động nhưng

---

1. Đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

có những hành động nghi binh nhằm kìm lực lượng Quân đoàn 3 ở vùng trung tuyến và vùng ven Sài Gòn, không cho chúng điều động đi nơi khác, nhất là phản ứng xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long. Dựa vào sự phán đoán của địch là mùa khô này ta sẽ đánh giải phóng tỉnh Tây Ninh để lấy thị xã Tây Ninh làm thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, chúng tôi dùng biện pháp nghi binh nhằm làm cho địch tưởng dự đoán của chúng là đúng để chúng kệt lực lượng lo phòng thủ ở đây. Trong lúc đó, chúng tôi sử dụng một trung đoàn của Sư đoàn 7 được tăng cường một đại đội xe tăng, hai đại đội pháo lớn, bất ngờ diệt điểm Đồng Xoài, và các trung đoàn 271 và 201 cùng địa phương giải phóng đường 14 thuộc phạm vi của Quân đoàn 3 địch. Chúng tôi đã có một trung đoàn khác của Sư đoàn 7 bố trí ngăn chặn trên đường bộ dọc nhất từ Phước Vĩnh lên Đồng Xoài và dự kiến kế hoạch sẵn sàng diệt địch phản ứng cả bằng đường không. Điểm Đồng Xoài là then chốt của toàn bộ tỉnh Phước Long cũng như của đoạn đường 14 này vì nó là yết hầu, là cửa ngõ, là con đường sống, nối toàn tỉnh với các vùng của Quân đoàn 3 nguy. Mất Đồng Xoài thì bộ phận còn lại của tỉnh Phước Long và đường 14 bị cô lập, khốn đốn về tiếp tế mọi mặt cho một tỉnh miền núi nghèo lương thực thực phẩm. Mục đích giải phóng đường 14 của ta là để mở đường hành lang về phía đông vận tải vũ khí đạn dược, lương thực dự trữ ở căn cứ Khu A và đông đường 20, chuẩn bị cho cánh quân sẽ đánh vào Sài Gòn từ phía đông. Hành lang này phải qua Đồng Xoài hay sát đấy về phía bắc. Không giải phóng được Đồng Xoài thì hành lang vẫn bị hạn chế như từ trước, nghĩa là mục đích của kế hoạch không đạt. Ta chiếm được điểm Đồng Xoài thì quân địch bị khốn quẫn ở Phước Long, tạo điều kiện để ta giải phóng toàn tỉnh nếu cần. Như vậy, Đồng Xoài chỉ là một điểm, một quận lỵ, một chi khu tương đối kiên cố, nhưng điểm đó lại là một khâu trong toàn bộ kế hoạch chiến lược thống nhất của B2 vào mùa khô, một trận mở đầu bất ngờ đối với địch và gây phấn khởi cho lực lượng vũ trang của ta. Nay nếu không đánh Đồng Xoài, không mở được đường hành lang về phía đông, lại điều Sư đoàn 7 đi khỏi chiến trường thì rõ ràng kế hoạch của B2 bị ảnh hưởng không nhỏ. Chính vì vậy mà tôi lo lắng nhiều. Tôi vội vàng báo cáo rõ mọi suy nghĩ với anh Phạm Hùng và anh Hai Văn<sup>1</sup>. Anh Hai Văn đang có mặt ở Hà Nội nên đã nhập vào đoàn B2 thành ra đoàn chúng tôi gồm có 3 người. Chúng tôi đề nghị họp với Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tham mưu để trình bày rõ ý kiến chúng tôi, xin giữ kế hoạch cũ và không điều Sư đoàn 7 lên Tây Nguyên. Cuộc họp được tiến hành ngày 03/12/1974. Tôi đã cố gắng trình bày kế hoạch mùa khô của B2 với mọi lý lẽ, cả về chiến lược, chiến dịch và chiến đấu,

---

1. Anh Phan Văn Đáng - Thường vụ Trung ương Cục.



có lẽ không được hùng biện nhưng rõ ràng và tha thiết vì lợi ích riêng của chiến trường cũng như lợi ích chung toàn cục. Có đồng chí chất vấn: Đánh Đồng Xoài, nếu địch đưa lên một sư đoàn để phản ứng lại thì sao? Có thể buộc ta lại phải dùng toàn bộ cả hai sư đoàn 7 và 9 để diệt viện và như thế là kẹt cả chủ lực ta vào ngay đầu mùa khô. Tôi phải trình bày kỹ về trạng thái ta và địch trên toàn chiến trường, mọi phán đoán về địch khi làm kế hoạch, mọi biện pháp bảo đảm thắng lợi, tính chủ động của ta và khẳng định rằng, địch nếu cố gắng phản ứng cũng chỉ có thể đưa tối đa lên Đồng Xoài không quá 1 trung đoàn (sự thực về sau này khi ta đánh Đồng Xoài, địch không đưa lên được một đơn vị nào để cứu nguy, ngay khi đánh tỉnh lỵ Phước Long địch cũng chỉ đưa lên được khoảng trên 200 lính biệt kích dù của Lữ đoàn 81). Sở dĩ tôi dám khẳng định như vậy và không sai với thực tế vì chúng tôi ở B2 đã nắm chắc địch và hiểu rõ địa hình, biết địch phải lên Đồng Xoài, Phước Long bằng đường nào, khả năng lực lượng và khả năng không vận của chúng, khả năng và phương pháp ngăn chặn và đánh diệt của ta. Tôi tin ở sự thành công của kế hoạch kìm giữ địch ở Sài Gòn của chúng tôi. Một người chỉ huy quân sự ở một chiến trường khi trình bày và báo cáo với cấp trên đòi hỏi phải có tinh thần trách nhiệm cao, phải chính xác, rõ ràng và dứt khoát.

Tôi đã yêu cầu không điều Sư đoàn 7 lên Tây Nguyên vì trong giai đoạn chiến lược hiện nay, chúng tôi cho rằng cần phải điều thêm lực lượng từ các chiến trường khác về miền Đông Nam Bộ, áp sát Sài Gòn chứ không phải điều lực lượng ngược lại, đi xa Sài Gòn. Vấn đề này hoàn toàn không phải là cục bộ địa phương mà là vì lợi ích của giai đoạn chiến lược, của năm 1975. Nếu vì cần quá cho kế hoạch của Bộ Tổng Tham mưu thì tôi đồng ý điều Trung đoàn đặc công 429 lên Gia Nghĩa cũng đủ. Trong hội nghị này, các anh đã đồng ý không điều Sư đoàn 7 mà chỉ điều Trung đoàn 429<sup>1</sup>. Tôi rất vui mừng và thầm cảm ơn sự chú ý đến ý kiến cấp dưới. Còn đánh Đồng Xoài thì chưa giải quyết ngã ngũ. Nhiều anh đã đưa ra nhiều lý lẽ nhưng chưa kết luận:

- Dùng chủ lực ta phải chủ động, đừng để địch kéo ta, tiêu hao và làm kẹt lực lượng ta.

- Ta đánh cốt tiêu diệt sinh lực địch mà chưa cần giữ đất trong giai đoạn này nên không cần đánh Đồng Xoài.

- Tình hình năm 1975 chưa có gì khẩn trương. Hãy chững chạc, không đánh Đồng Xoài làm gì.

---

1. Về sau Bộ cũng đồng ý điều Trung đoàn 271 thay vì Trung đoàn đặc công 429 cần cho B2. Và Trung đoàn 271 đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ giải phóng Gia Nghĩa và tỉnh Quảng Đức.

- Quyết tâm chiến lược chung năm 1975 là đồng bằng, Gia Nghĩa, hành lang, Trị Thiên - Đà Nẵng.

- Phải có đòn tiêu diệt lớn lực lượng của địch thì mới có thay đổi tương quan có lợi cho ta, mới có chuyển biến tình hình.

Anh Phạm Hùng đã tỏ ra không đồng ý với các lý lẽ trên. Anh phát biểu:

“- Đây không phải chỉ là vấn đề Đồng Xoài mà là cả kế hoạch của B2. Nếu thay đổi sợ ảnh hưởng đến đồng bằng, ảnh hưởng đến phương hướng chung. Ta cần nắm vững rằng, trong cuộc chiến tranh này ta đánh địch bằng cả lực lượng quân sự và lực lượng chính trị, ta tấn công và nổi dậy, nổi dậy và tấn công, tiến lên tổng tấn công và tổng nổi dậy. Do đó, phải căn cứ nhiều điều kiện, phải có nhiều phương thức làm chuyển biến tình hình, không nhất thiết chỉ có tiêu diệt sinh lực lớn của địch mới có chuyển biến. Ví như khi ta nắm được mấy triệu dân và làm chủ trên chiến trường cỡ nào cũng là một yếu tố quyết định. Lực lượng quân sự địch còn đông không phải là một dấu hiệu của sự vững mạnh. Chúng ta cần trước tiên thống nhất với nhau về nhận định và đánh giá tình hình hiện nay trên chiến trường, ta đang ở vào giai đoạn nào, rồi mới nói được là nên hoạt động ra sao...”

Sau cuộc họp này, anh Phạm Hùng, anh Hai Văn và tôi đã trao đổi nhiều lần về đánh giá tình hình, đánh giá giai đoạn chiến lược hiện nay, về kế hoạch chung và riêng của B2, dựa trên cơ sở những thảo luận của Trung ương Cục trước khi đi, để chuẩn bị cho cuộc họp của Bộ Chính trị sắp tới.

Tôi suy nghĩ, trong chiến tranh, thực hiện được đòn tiêu diệt sinh lực lớn quân địch trong một vài trận đánh hay một vài chiến dịch là một yêu cầu thực sự để làm chuyển biến tình hình. Điều ấy hoàn toàn đúng nếu không nói là điều kiện duy nhất trong cuộc đối đầu giữa hai đội quân chính quy trong một cuộc chiến tranh thông thường. Nhưng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc chống Mỹ xâm lược ngày nay, đường lối của ta không phải là cho một cuộc chiến tranh quy ước thông thường. Tin tưởng ở sức mạnh của nhân dân tự đứng lên quyết định vận mệnh của mình, Đảng ta đã chủ trương một cuộc chiến tranh cách mạng kết hợp với khởi nghĩa vũ trang của quần chúng. Ta phải dùng lực lượng quân sự kết hợp với lực lượng quần chúng nhân dân. Ta đánh địch bằng cả vũ trang và bằng cả chính trị, binh vận. Ta phải tiến hành song song tấn công và nổi dậy đi đến tổng tấn công và tổng khởi nghĩa. Tính chất của cuộc chiến tranh của ta vừa là chống quân chiến lược từ ngoài vào, vừa là nội chiến chống bọn quân phiệt, mại bản trong nước. Chính vì vậy mà lực lượng nhân dân giác ngộ cách mạng là một sức mạnh đáng kể, một đòn cân chiến lược có giá trị. Cương lĩnh cách mạng của Mặt trận Dân tộc Giải phóng của ta đã là một hiệu triệu, một ngọn cờ tập hợp quần chúng

xông lên xây dựng cuộc đời mới: tự do độc lập và ấm no hạnh phúc. Đó là sức mạnh, là một yếu tố thắng lợi không phải chỉ có tác dụng chuyển biến tình hình. Về chiến lược đã vậy, về chiến dịch, chiến thuật không phải như trong chiến tranh thông thường. Hàng chục năm đánh Mỹ và đánh ngụy, ta đã luôn luôn tìm tòi suy nghĩ, thực nghiệm bằng xương máu và thay đổi cho thích hợp cách đánh thế nào cho có hiệu lực nhất mà đỡ tổn xương máu, gạo đạn..., để ta có thể đánh dài ngày nếu cần và tạo ra thắng lợi quyết định trong từng thời gian tương đối ngắn. Ta không đánh theo cách đánh của địch mà buộc địch đánh theo lối đánh của ta. Ta không thi đua với địch về vật chất kỹ thuật, đơn thuần về sức mạnh quân sự mà là về ý chí quyết tâm, về trí thông minh và lòng dũng cảm, về sự khéo léo và đức tính kiên trì, về lực và cả về thế. Lòng yêu nước và ham muốn tự do, hạnh phúc của nhân dân ta phải thắng dã tâm nô dịch và bóc lột của Mỹ - ngụy. Vì vậy mà nếu cứ suy nghĩ theo lối cũ, chỉ hiểu theo cách đã hiểu trước đây, bước theo đường mòn từng quen thuộc, thì không phù hợp tí nào với những hiện tượng mới, với một cuộc chiến tranh mới, nó không lặp lại nguyên xi cuộc chiến tranh trước đây. Nếu Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền (B2) chúng tôi nhận định rằng ngay sau mùa khô năm 1974, trên toàn bộ chiến trường miền Nam đã có một sự chuyển biến rõ rệt rồi, ta thắng và đi lên, địch bại và đi xuống, để rồi chủ trương phải liên tục tấn công, và làm mọi công tác trong mùa mưa chưa từng có, và cũng để rồi vạch ra một kế hoạch toàn diện cho mùa khô 1974-1975 và cả năm 1975, giành thắng lợi quyết định, thì đó hoàn toàn không quan niệm rằng chỉ khi nào có đòn tiêu diệt sinh lực địch lớn mới có chuyển biến tình hình. Sự chuyển biến tình hình ở đây rõ ràng do rất nhiều yếu tố, vũ trang và chính trị, lực lượng quân sự và lực lượng nhân dân, vật chất và tinh thần, trong nước và ngoài nước, cả phía địch và phía ta, thế và lực. Đến một cái gút nào đó thì lượng sẽ biến thành chất. Chỉ đạo phải nhạy bén thấy được cái gút ấy, hiểu ra cái chất đã hình thành, không phải cứ đợi hay cố tạo cho được đòn tiêu diệt lớn rồi lúc đó mới có chuyển biến.

Cũng chính vì quan niệm như vậy, và căn cứ vào tình hình thực tế ở chiến trường mà chúng tôi cho rằng, cái gút ấy đã đến rồi, tình hình đã chuyển biến, thời cơ đã rõ, năm 1975 phải tấn công mạnh thì thời cơ sẽ để ra thời cơ và tranh thủ nắm chắc lấy mà giành thắng lợi. Bắt mạch chính xác tình hình thực tế mà chủ trương hoạt động cho phù hợp kịp thời. Đó là vấn đề khoa học và nghệ thuật của lãnh đạo và chỉ đạo chiến tranh và cách mạng. Xem năm 1976 là một thời cơ quan trọng là đúng nhưng chỉ đúng khi ta biết và phải tạo ra trong suốt quá trình năm 1975 và ngay cả trước đó nữa. Thời cơ không tự dung mà có và vì vậy không ngồi mà đợi thời cơ. Thời cơ có điều kiện khách quan nhưng chủ yếu phải do chủ quan tạo ra.

Rồi một hôm, sau bữa ăn chiều, tôi đang đi bách bộ ngoài hành lang vừa suy nghĩ miên man thì chuông điện thoại reo. Anh Phạm Hùng rủ tôi, tối nay đến thăm anh Ba ở nhà riêng anh ấy. Tôi vui mừng, đồng ý ngay và hẹn giờ đến nhà anh để cùng đi. Từ hôm ra đến nay, công việc bận rộn, nhiều lo nghĩ, tôi chưa có dịp gặp anh Ba. Đúng mười chín giờ rưỡi, anh Hùng và tôi tới. Anh Ba đã ra cửa, tươi cười đón chúng tôi và kéo vào phòng khách. Anh có vẻ khỏe mạnh, lanh lẹ và rất vui. Không đợi chúng tôi hỏi thăm sức khỏe của anh, anh đã hỏi chúng tôi ra đây, thay đổi thời tiết, có ảnh hưởng gì đến sức khỏe. Rồi anh hỏi thăm luôn về các anh trong Trung ương Cục, trong Quân ủy Miền và một số anh ở khu, tỉnh mà anh biết. Nhưng đó cũng chỉ là mở đầu câu chuyện, sau đó anh nói ngay vào những công việc đang làm bận rộn đầu óc của mọi người. Đây cũng là đặc tính của anh, khi gặp gỡ cán bộ, anh nói, nói liên tục, nói nhiều như muốn giải thích cặn kẽ cho cán bộ hiểu rõ, hiểu sâu, nhớ kỹ. Có khi trong hội nghị, cán bộ nào đó mới đứng lên phát biểu được một câu gợi ra một ý mà anh chú tâm thì anh nói luôn, nhiều lúc tới 5-7 phút mới dứt, để cho cán bộ kia lại tiếp. Anh nói: “Tình hình tốt lắm, ta thắng nhiều. Ta thắng là vì ta mạnh. Mạnh từ chính trị, từ quân sự, từ nông thôn, từ thành thị, từ người dân, từ cách đánh, đánh kiểu chủ lực, kiểu du kích, kiểu đặc công, kiểu đội quân phụ nữ tóc dài... Phải tổng hợp như vậy mới thắng được. Tổng hợp về chiến lược, về lực lượng, về phương pháp cách mạng. Mỹ đánh ta là chúng sử dụng chiến lược toàn cầu, nó đánh ta và cả phe xã hội chủ nghĩa. Ta cũng phải sử dụng chiến lược toàn cầu. Độc lập dân chủ và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời nhau. Ta phải sử dụng lực lượng tổng hợp chung toàn Việt Nam và cả thế giới. Ta phải dùng phương pháp cách mạng tổng hợp, cao nhất, tấn công và nổi dậy, nổi dậy và tấn công, lực lượng chính trị và lực lượng quân sự, chủ lực, địa phương, du kích, đánh cả ở ba vùng, ba mũi giáp công. Đó là khoa học. Có đường lối đúng phải có phương pháp đúng là như vậy”...

Về quân sự trong giai đoạn này phải suy nghĩ, suy nghĩ, suy nghĩ mãi, suy nghĩ cho sáng vấn đề. Năm 1975, ta thắng thế nào? Trong năm 1975 có diễn biến gì về chính trị, về quân sự? Trong đó các anh đã tiêu diệt chi khu được chưa? Có giữ được Rạch Bắp không? Miền Đông bố trí ra sao? Trong giai đoạn này khác với hai năm trước về bao vây Sài Gòn thế nào? Bố trí đúng thì thắng 60-70% rồi. Trong giai đoạn này đánh thế nào? Tiêu diệt và làm chủ, làm chủ và tiêu diệt ra sao? Ta đánh tiêu diệt toàn bộ hay đánh cho tan rã toàn bộ?”

Anh nói có tính chất giải thích và đặt một loạt những câu hỏi mà không cần phải trả lời, có lẽ anh cố nêu lên, khêu gợi và hướng dẫn để cán bộ phải suy nghĩ, cố tự giải đáp cho đúng. Nhưng qua đó tôi chú ý là anh quan tâm vấn đề giữ Rạch Bắp,

phá co cụm phòng ngự cứng của địch ở Sài Gòn. Anh lo về việc bố trí lực lượng ta ngay ở Sài Gòn và vây Sài Gòn, hình thành một thể trận tấn công vững vàng. Bố trí đúng thì thắng 60-70% rồi, phải, tôi rất thấm thía về câu nói ấy. Trí tuệ, mưu lược, dũng cảm, công phu là ngay từ việc tổ chức và bố trí lực lượng hình thành thể trận chiến lược vững chắc rồi mới nói đến đánh thắng giặc. Binh pháp Tôn Binh thời chiến quốc của nước Trung Hoa xưa cũng đã rất chú trọng về bố trí đội hình, sắp xếp lực lượng. Binh pháp ấy đã ghi: “Người làm tướng chỉ đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật quân sự khi biết sắp xếp đội hình thế nào để phát huy được sức mạnh lớn nhất của lực lượng sẵn có trong tay mình; biết thay đổi cho phù hợp với những tình huống diễn biến khác nhau và biết lợi dụng thời cơ làm cho quân địch bị chia cắt, phân tán, mạnh trở thành yếu và nhiều hóa ra ít”<sup>1</sup>. Người làm tướng thời nay, một thời đại cách mạng và khoa học, có sự lãnh đạo của Đảng mácxít - leninít, không những phải biết sắp xếp đội hình hợp lý nhất lực lượng có trong tay mà còn phải biết tạo ra lực lượng, tổ chức ra nhiều kiểu lực lượng với nhiều kiểu cách đánh, phải biết kết hợp mọi thứ lực lượng quân sự với cả lực lượng chính trị của quần chúng, lực lượng trong nước và lực lượng ngoài nước, không phải chỉ biết sắp xếp đội hình đánh địch ở phía trước mà cả ở phía sau địch, ngay trong lòng địch. Khoa học quân sự cách mạng ngày nay đã phát triển cao hơn nhiều.

Nhân lúc anh Hùng nói về triển vọng ta thắng lợi nhiều trong mùa khô này vừa dừng lại, tôi hỏi anh Ba: “Vừa rồi, anh điện vào không cho đánh Đồng Xoài, vì nguyên do thế nào?”. Anh trả lời: “Bộ Tổng Tham mưu báo cáo với tôi là các anh tung cả chủ lực ra đánh ngay từ đầu mùa khô. Đánh Đồng Xoài và tiếp theo một loạt các trận đánh lớn khác, như vậy là không phù hợp. Cần phải đánh thế nào để giữ cho dai sức, trong tình hình hiện nay phải luôn nắm trong tay một lực lượng sung sức để khi có thời cơ, anh mới có điều kiện giành thắng lợi”. Tôi lại trình bày với anh về ý định của chúng tôi và về cách sử dụng lực lượng. Tôi nói: trong đợt đầu mùa khô chúng tôi vẫn nắm vững một lực lượng dự bị mạnh là Sư đoàn 9 và một số trung đoàn khác. Anh Hùng nói thêm vào: “Đánh Đồng Xoài không cần lực lượng lớn đâu và chúng tôi chắc thắng, chúng tôi cũng đã cân nhắc kỹ”. Anh Ba nói: “Nếu đúng như vậy thì cứ đánh chứ có vấn đề gì đâu”. Tôi tưởng tai mình nghe không rõ, liền hỏi lại cho chắc: “Như vậy anh cho chúng tôi giải quyết Đồng Xoài để có hành lang thông về phía đông như kế hoạch chúng tôi đã dự định?”. Anh nói: “Nhưng phải chắc thắng và không sử dụng lực lượng lớn”. Được lời như cởi tấm lòng, tôi sung sướng quá, chỉ mong về ngay để viết điện chỉ đạo chiến trường cho kịp. Ngay tối hôm ấy tôi đã thảo điện để anh Hùng, anh Hai Văn duyệt, ký gửi cho Trung ương Cục và

---

1. Tạp chí *Air University Review*, 1980, tháng 7, 8.



Bộ Tư lệnh Miền bảo cứ thực hiện đúng như kế hoạch đã định, tức mở đầu mùa khô của chủ lực bằng trận đánh Đồng Xoài. Nhưng không kịp nữa rồi. Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Bộ Tư lệnh B2 đã điều chỉnh kế hoạch không đánh Đồng Xoài mà chỉ dùng lực lượng nhỏ đánh một số điểm nhỏ trên đường 14 vùng Bù Đăng hay Bù Na thôi. Bây giờ không trở lại kế hoạch cũ được nữa. Điện anh Lê Đức Anh ngày 06/12/1974 báo cáo: “Hôm nhận điện anh Ba, chúng tôi họp Quân ủy, điều chỉnh kế hoạch, sắp xếp lại đội hình chiến đấu, điều động xe tăng và pháo 130 ly trở về căn cứ, giải quyết tư tưởng cho bộ đội... Vì vậy, đến ngày 12 hướng đường 14 mới nổ súng được. Trong khi đó thì toàn bộ B2 nổ súng vào đêm 06 rạng sáng 07/12. Nay nếu trở lại kế hoạch cũ thì cũng phải sắp xếp đội hình, điều động xe tăng và giải thích cho bộ đội... Được chỉ đạo của Thường vụ Trung ương Cục là cứ nên thực hiện kế hoạch điều chỉnh và không lùi ngày tấn công lại. Chúng tôi thực hiện như điện ngày 05/12 đã báo cáo về Bộ, anh Bảy<sup>1</sup>, anh Tư<sup>2</sup>”<sup>3</sup>.

Trước đó, khi tôi đã đi khỏi chiến trường, ngày 16/11, thay mặt Bộ Tư lệnh B2, anh Sáu Nam (tức đồng chí Lê Đức Anh) đã điện báo ra Bộ:

*“Nhận điện ngày 24/10 của anh Dũng, xin báo cáo trước một số điểm mà Bộ cần biết gấp...”*

*Giành thắng lợi tốt trong đợt đầu của mùa khô sẽ tạo thêm điều kiện giành thắng lợi to lớn suốt mùa khô, cả năm 1975, nếu để qua đợt 2 mới tấn công mạnh thì thắng lợi cho cả năm 1975 sẽ bị hạn chế. Vì vậy đề nghị Bộ chấp thuận kế hoạch mà chúng tôi đã dự định...*

*Mọi việc sẽ có người (chỉ anh Phạm Hùng và tôi) trực tiếp báo cáo kỹ với Bộ”<sup>4</sup>.*

Ngày 18/11 anh Sáu Nam lại điện báo cáo:

*“... Tiếp nhận được điện 484 của anh Dũng có ý kiến của anh Văn<sup>5</sup>, nay nhận được Điện 491 của anh Ba. Chúng tôi trao đổi thấy rõ là vì chưa nắm được ý định và kế hoạch lớn của Trung ương và Quân ủy Trung ương đối với chiến trường B2 liên quan với cả chiến trường miền Nam. Trước mắt chúng tôi chấp hành chỉ thị của trên, điều chỉnh kế hoạch như sau:*

*1. Đối với khối chủ lực Miền:*

*- Trong đợt 1, chủ lực tác chiến nhằm tiêu hao tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch,*

---

1. Đồng chí Phạm Hùng.

2. Trần Văn Trà.

3, 4. Hồ sơ lưu trữ của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

5. Đồng chí Võ Nguyên Giáp.



*thu hút, kìm căng địch để chúng không thể tập trung về đồng bằng và vùng ven, hỗ trợ địa phương giữ lúa, bung dân ra, đồng thời tiếp tục củng cố huấn luyện giữ sức để vào đợt 2 có thể hoạt động mạnh theo yêu cầu phối hợp chiến trường chung như Trung ương chỉ đạo... Trong khi đó tiếp tục chuẩn bị cho đợt 2 cao điểm nhất, như chuẩn bị chiến trường, huấn luyện bộ đội đánh điểm theo phương hướng sử dụng pháo mang vác, cao nhất là pháo 85 bắn thẳng, không sử dụng xe tăng, pháo 130 ly.*

*Xin báo cáo một số điều chỉnh trong kế hoạch đợt 1, đợi sau khi anh Hai Nhã<sup>1</sup> về và anh Tư<sup>2</sup> ra báo cáo, Bộ chỉ đạo thêm chúng tôi sẽ bổ sung.*

*Nhưng để phòng trường hợp anh Tư có thể ra chậm hơn và anh Hai Nhã về chưa kịp, đề nghị Bộ có chỉ đạo gì thêm để chúng tôi triển khai cho kịp”<sup>3</sup>.*

Có vấn đề đợi anh Hai Nhã về nêu trong điện là như sau:

Anh Hai Nhã kể lại:

“Vào tháng 11/1974, sau khi ra Bệnh viện 108 ở Hà Nội, tôi chuẩn bị đi an dưỡng ở bờ biển Sầm Sơn. Anh Lê Ngọc Hiến đến gặp tôi, hỏi thăm sức khỏe và nói Bộ đang cần người có trình độ và tin cẩn để mang mệnh lệnh về B2 và báo cáo một số tình hình về kế hoạch năm 1975. Liệu anh có đủ sức khỏe để về không? Tôi rất vui mừng được về ngay chiến trường tham gia chiến đấu nên báo là bảo đảm đủ sức để nhận nhiệm vụ quan trọng này. Anh Hiến nhận lời và báo tôi, tối mai đến gặp anh Lê Trọng Tấn - Phó Tổng Tham mưu trưởng. Y hẹn tôi đến thì anh Tấn nói: “Cần anh về B2 ngay, mang chỉ thị về kế hoạch 1975 và ý định của Quân ủy Trung ương. Trong kia các anh Phạm Hùng và Trần Văn Trà sắp ra. Nhưng có điện cho các anh không ra nữa. Vì đã có anh về báo cáo quyết tâm của ngoài này. Kế hoạch năm 1975 không chủ trương đánh lớn mà giữ vũ khí đạn dược, giữ lực lượng, lo huấn luyện để chờ thời cơ 1976...”. Anh Tấn và anh Hiến nói cụ thể các ý kiến để tôi ghi nhớ về báo cáo lại. Và bảo tôi, sáng mai đến gặp anh Văn Tiến Dũng - Tổng Tham mưu trưởng để nhận nhiệm vụ và chỉ thị.

Sáng ngày sau tôi đến gặp anh Dũng tại “Nhà Con rồng”, tức là nơi làm việc lúc ấy của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng trong nội thành Hà Nội. Sau khi hỏi về sức khỏe của tôi, anh hỏi tôi đã nắm rõ nhiệm vụ chưa? Tôi báo cáo rằng anh Tấn và anh Hiến đã phổ biến cụ thể rồi. Tôi đã nắm được. Anh bảo tôi nói lại toàn bộ xem có hiểu rõ không. Tôi lại báo cáo lại từ đầu chí cuối, mấy nội dung chủ yếu là:

---

1. Đồng chí Thiếu tướng Lương Văn Nho.

2. Trần Văn Trà.

3. Hồ sơ lưu trữ tại Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

“Tôi sẽ về ngay mang chỉ thị của Bộ về cho B2, anh Hùng và anh Trà khỏi ra nữa.

Năm 1975 không đánh lớn, chỉ lo phá bình định ở đồng bằng sông Cửu Long. Ở miền Đông, chủ lực không đánh lớn. B2 định đánh Đồng Xoài, Phước Long, nhưng Bộ không đồng ý mà chỉ đánh nhỏ, giải quyết một số điểm nhỏ trên đường 14 thôi. Năm nay đánh nhỏ là để tích lũy lực lượng chờ thời cơ. Không sử dụng xe tăng, pháo lớn nếu không được Bộ Tổng Tham mưu duyệt từng trường hợp”.

Anh Dũng nói: “Anh hiểu như vậy là đúng rồi! Phải giữ lực lượng chờ thời cơ. Năm nay chỉ đánh ở đồng bằng, phá bình định. Đạn dược nhất là pháo lớn ta còn kém lắm. Không nên đánh lớn rồi khi có thời cơ không có lực lượng mà đánh. Anh phải hiểu rằng cán bộ tham mưu như các anh phải có trách nhiệm để đạt ý kiến với tư lệnh, chớ không phải chỉ có tư lệnh chịu trách nhiệm đâu. Như vậy là anh đã quán triệt được ý kiến cấp trên rồi. Nhưng tôi sẽ viết điện y như nội dung này để anh Ba ký gửi về trước trong ấy”.

Tôi đã mang cả bức điện ấy của anh Ba (tức Điện số 491 nói trong điện của anh Sáu Nam gửi ra Bộ, đoạn trên đây) về và giao lại cho anh Sáu Nam và Hai Lê<sup>1</sup>”.

Sự việc xảy ra là anh Phạm Hùng và tôi chưa nhận được điện báo, nên đã lên đường đúng ngày đã định và trên đường đi, may thay (!) lại không gặp anh Hai Nhã. Vì nếu gặp có lẽ chúng tôi phải phân vân đôi chút giữa đi tiếp với trở về rồi. Tuy vậy ngay từ tháng 10, chúng tôi đã đề nghị được họp với Bộ Chính trị và toàn bộ chiến trường miền Nam thì bây giờ dù có gặp anh Hai Nhã, truyền đạt lại ý kiến Quân ủy Trung ương như vậy và bảo dừng ra, chắc chúng tôi cũng sẽ xin ra, để trực tiếp báo cáo về nhận thức đánh giá tình hình từ thực tế chiến trường của Trung ương Cục và Quân ủy Miền, cũng như để đạt chủ trương hoạt động năm 1975, nhằm thực hiện kế hoạch hai năm 1975-1976. Việc cấp dưới báo cáo chính xác trung thực và kịp thời tình hình, việc để đạt ý kiến một cách đúng cảm và có trách nhiệm lên cấp trên là vô cùng quan trọng, cũng như cấp trên cần có mọi biện pháp để thu thập ý kiến của dưới, lắng nghe dư luận từ mọi phía, nghiêm chỉnh và khách quan phân tích xem xét để có kết luận đúng, là bảo đảm cho mọi thành công. Đó là cách làm việc thực sự dân chủ và tập trung của Bộ Chính trị Trung ương Đảng từ trước đến nay. Chúng tôi thấy có trách nhiệm phải ra và phải phản ánh đúng tình hình.

Để các anh ở nhà yên tâm chỉ đạo hoạt động, chúng tôi gửi một điện về Trung ương Cục và Thường vụ Quân ủy Miền do cả anh Phạm Hùng và tôi cùng ký, có đoạn:

---

1. Sáu Nam là anh Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Miền.

Hai Lê là anh Lê Văn Tường - Phó Chính ủy Bộ Tư lệnh Miền.

“Sau khi sơ bộ trao đổi ý kiến với một số anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, thì về nhận định đánh giá tình hình chung về phương hướng chủ trương sắp tới rất nhất trí. Nhưng đi vào cụ thể còn nhiều vấn đề cần phải tiếp tục bàn, nhất là về kế hoạch mùa khô của ta...

Chúng tôi sẽ đề nghị giữ nguyên kế hoạch cũ của ta về chủ lực Miền...”<sup>1</sup>.

Và sau khi biết B2 đã hoạt động theo kế hoạch điều chỉnh, tôi điện về hướng dẫn (Điện số 567/ZK):

“...Sau Bù Đăng, Bù Na, cố gắng diệt Đồng Xoài, nó có tác dụng cả chiến dịch, chiến lược, tuy là điểm không lớn. Có thể dùng Sư đoàn 7 đánh Đồng Xoài...”<sup>2</sup>.

Ngày 20/12/1974, anh Sáu Nam điện báo cáo:

“...Trên đường 14, ta giải phóng hoàn toàn đoạn từ cầu 11 gần Đồng Xoài, đến khỏi Bù Đăng giáp ranh giới chi khu Kiến Đức... Ở Bù Đăng, Vĩnh Thiện, Bù Na, ta thu được 4 pháo và 7.000 đạn pháo, trên 3.000 súng các loại, bắt trên 300 tù binh, sẽ tiếp tục truy tìm thêm...”<sup>3</sup>.

Và điện ngày 27/12/1974:

“...Để khỏi lỡ thời cơ chiến dịch giành thắng lợi lớn khi có đủ điều kiện, chúng tôi đã cho sẵn sàng một đại đội xe tăng làm lực lượng dự bị. Ngày 26, tiêu diệt cụm cứ điểm Đồng Xoài không dùng xe tăng”<sup>4</sup>.

Ngay sau đó chúng tôi nhận được điện của anh Hoàng Cầm - Chỉ huy trưởng mặt trận Phước Long như sau:

“Đoàn 301<sup>5</sup> gửi R<sup>6</sup> đồng điện Bộ Tổng Tham mưu.

Tấn công chi khu Đồng Xoài lúc 5 giờ 35 phút ngày 26/12. Đến 8 giờ 30 phút ta làm chủ hoàn toàn chi khu Đồng Xoài”.

Như vậy là đường 14 thuộc phạm vi B2 phụ trách đã hoàn toàn được giải phóng. Căn cứ phía sau và hành lang của ta đã mở rộng. Mặc dù kế hoạch tấn công của ta thay đi đổi lại, lực lượng ta điều động tới lui, ta phải đánh dần từng bước, từ nhỏ đến lớn một cách chậm chạp ngoài ý muốn nhưng quân địch vẫn không có khả năng phản ứng, không điều động được một lực lượng bộ binh nào chi viện, phải để mất cả ba chi khu: Bù Đăng, Đồng Xoài, và trước đó là Chi khu Bù Đốp bị tiểu đoàn địa phương Tỉnh đội Phước Long của ta tiêu diệt. Chúng chỉ

---

1, 2, 3, 4. Hồ sơ lưu trữ của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

5. Tiễn phương Bộ Tư lệnh Miền.

6. Mật danh Bộ Tư lệnh Miền.

dùng được không quân bắn phá và ném bom, không có hiệu quả gì. Quân địch còn lại ở Phước Long hoang mang dao động mạnh. Trước tình hình thuận lợi như vậy, chúng tôi đã tranh thủ xin ý kiến của anh Ba và các anh trong Quân ủy Trung ương cho phép chúng tôi giải phóng luôn tỉnh Phước Long theo như kế hoạch cũ của chúng tôi dự kiến phát triển khi có thuận lợi. Tôi đã trình bày khả năng của bộ đội ta có thể hoàn thành nhiệm vụ này và chắc chắn địch không có khả năng tăng cường lực lượng mạnh cho Phước Long nếu bị đánh. Tôi đã trình bày giá trị có tính chất chiến dịch và chiến lược của việc giải phóng được tỉnh Phước Long. Sau khi cân nhắc, các anh đồng ý. Tôi mừng quá, nhưng để đảm bảo chắc thắng, tôi đã xin anh Ba cho phép được sử dụng 1 đại đội xe tăng và 1 đại đội pháo 130 ly. Tôi hứa sẽ chỉ đạo ở nhà đảm bảo thành công. Anh đồng ý. Tỉnh Phước Long là một tỉnh miền núi, địa thế hiểm trở. Về phía bắc và phía đông tỉnh lỵ có nhiều núi cao, lại bao bọc bởi con sông Bé sâu và chảy xiết. Phía tây và nam đất đai bằng phẳng hơn, nhưng ngay sát cửa ngõ phía nam lại có núi Bà Rá cao nhất ở vùng đó, 735 thước so với mặt biển, và có nhiều hang hốc, đá to và cây xanh. Từ lâu địch đã thiết lập trên đỉnh núi này một trạm chuyển tiếp truyền tin vô tuyến và 1 đài quan sát với khí tài quang học điện tử có thể kiểm soát một vùng rộng. Khi cần thiết, địch có thể dùng cả trung đoàn dựa vào địa hình phức tạp và khống chế của núi này mà phòng ngự vững chắc cho tỉnh lỵ Phước Long. Vì địa thế hiểm trở của Bà Rá và của tỉnh Phước Long, nên thời Pháp thuộc trước kia, bọn thực dân Pháp đã dùng khu vực núi Bà Rá này làm nơi tập trung quản chế các nhà hoạt động chính trị yêu nước. Nhiều cán bộ, đảng viên của ta đã từng bị giữ nhiều năm tại đây, sống tách biệt với xã hội, cực khổ và ốm đau vì bệnh sốt rét hoành hành, trong số đó có cả phụ nữ như các chị Hai Sốc Bà Điểm, Nguyễn Thị Lựu, Nguyễn Thị Định<sup>1</sup>, chị Hai Bé An Giang, Hai Minh Hậu Giang và nhiều chị khác. Quá về phía tây núi Bà Rá, cách 5km là thị trấn, huyện lỵ Phước Bình tương đối sầm uất. Đây là một ngã tư đường xe hơi đi Bù Đốp, tới Đồng Xoài, vào tỉnh lỵ và xuống đường 14 tại ngã ba Liễu Đức. Ở đây còn có một sân bay cấp 2 tương đối tốt, căn cứ không quân của tỉnh, vừa dùng cho tỉnh Phước Long, vừa là chỗ dựa cho không quân hoạt động cả vùng núi rừng này.

Với địa hình thiên nhiên của một tỉnh miền núi và cách bố phòng tổ chức của địch như vậy, muốn tấn công giải phóng tỉnh Phước Long bằng lực lượng có hạn của ta, không thể có quyết tâm nào hay hơn là trước nhất phải chiếm Đồng Xoài

---

1. Thiếu tướng Nguyễn Thị Định - nguyên Phó Tư lệnh Bộ Tư lệnh Miền, mà cán bộ và chiến sĩ Quân giải phóng thường gọi là “Chị Ba” một cách triu mến. Thời kỳ Đồng khởi năm 1960, đồng chí là Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre. Hiện nay là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

để cô lập toàn bộ quân địch còn lại trong tỉnh. Phải triệt hạ cho được trạm truyền tin, đài quan sát tại điểm tựa Bà Rá cũng như ngã tư đường và sân bay Phước Bình. Được như vậy rồi mới có thể thọc vào tỉnh lỵ diệt quân địch bố trí phòng ngự dựa vào núi, sông, hồ, ao hiểm trở và kiến trúc phức tạp ở đây.

Chúng tôi đã điện về Bộ Tư lệnh B2 chỉ đạo việc phát triển thắng lợi của Đồng Xoài, nhanh chóng chiếm cho được núi Bà Rá và sân bay Phước Bình và giải phóng toàn tỉnh Phước Long. Tôi không quên điện cho biết được dùng 1 đại đội xe tăng và 1 đại đội pháo 130 ly. Điện tôi tự viết và ký tên nhờ Bộ Tổng Tham mưu cho chuyển. Nhưng chiều hôm đó trong lúc tôi đang ngồi trước bản đồ, nghiên cứu cách bố trí địch trong tỉnh Phước Long, hình dung xem địch có thể phản ứng lại sự tấn công của ta thế nào thì đồng chí Lê Ngọc Hiến đến. Đồng chí đưa ra bức điện tôi viết và nói chưa cho điện đi vì trong điện tôi đã cho được sử dụng xe tăng và pháo lớn, điều mà các anh trên đã dặn là không được sử dụng. Tôi hơi bực mình vì sợ trễ như điện hôm trước (bảo thực hiện kế hoạch cũ mùa khô như dự định). Để tỏ sự không hài lòng, tôi nói với đồng chí Hiến rằng là tư lệnh chiến trường không lẽ tôi không có quyền điện chỉ huy các lực lượng của tôi sao? Không lẽ điện của tôi lại bị kiểm duyệt và bắt buộc phải sửa đổi ngoài ý muốn của tôi. Việc sử dụng vũ khí lớn tôi đã xin phép rồi, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm. Yêu cầu đồng chí cho điện đi và đồng chí sẽ chịu trách nhiệm nếu điện của tôi bị chậm trễ, lỡ thời cơ.

Thế là mọi việc để giải phóng tỉnh Phước Long đã được giải quyết ổn thỏa. Trên dưới đều nhất trí. Sau này trong lúc bàn bạc tổng kết chiến tranh, một số anh em không hiểu tình hình cho rằng giải phóng tỉnh Phước Long theo cách đánh bóc vỏ từ ngoài vào trong, lần lượt từ Bù Đăng, Bù Na, Đồng Xoài, Phước Bình, Bà Rá rồi tỉnh lỵ, đánh từ nhỏ trước rồi đến đánh lớn sau. Khác với một cách đánh khác là dùng lực lượng mạnh thọc ngay vào trung tâm vào tim địch rồi từ đó đánh bung ra như một bông hoa nở. Diễn tả cũng hay. Nhưng đó là suy luận mà không phải đúng như thực tế. Từ đó mà rút ra bài học không có giá trị. Quân sự là một khoa học. Không thể hiểu theo lối suy diễn viễn vông xa rời thực tế. Nếu nói tấn công vào một tỉnh lỵ thì có hàng trăm cách đánh cho hàng trăm tỉnh lỵ, mỗi tỉnh lỵ có cách đánh khác nhau, không phải chỉ có 2 cách như vậy. Chọn một cách đánh nào đó hoàn toàn không do suy nghĩ chủ quan của người này người nọ, mà phải dựa vào một loạt các yếu tố cụ thể: Tỉnh lỵ đó nằm ở đâu trong hệ thống phòng thủ của địch, có vị trí chiến dịch chiến lược thế nào? Muốn giải phóng tỉnh lỵ ấy thì phải đánh những mục tiêu chủ chốt nào? Các mục tiêu ấy được phân bố ra sao trên thực địa, được phòng ngự bằng công sự, lực lượng thế nào, địa hình địa vật của tỉnh lỵ? Quân địch sẽ cố thủ ở đâu, tiếp viện từ đâu bằng phương tiện gì, và quy mô, khả năng lực lượng ta về mọi mặt, bàn đạp triển khai, đường tiếp cận... Chỉ nói gọn như

vậy thôi cũng thấy rằng, muốn chọn một cách đánh phải căn cứ vào thực tế không gian và thời gian, vào ta và vào địch, không thể ngồi suy nghĩ một cách đánh có sẵn nào đó, rồi đem úp vào một tình lý, sửa đổi cho vuông, tròn khía cạnh là được. Cái giỏi của người chỉ huy là nắm sát thực tế, phân tích chính xác địch, ta, địa hình, các mục tiêu quan trọng, thời cơ tạo ra hay đã có sẵn mà hạ quyết tâm hoàn toàn phù hợp, sáng tạo, đưa đến thắng lợi. Đó là chưa nói đến vấn đề diễn biến, có những yếu tố bất ngờ xảy ra từng phút, từng giây cần phải xử trí. Nhiều khi trận đánh thực tế đi đến kết thúc không giống gì với kế hoạch quyết tâm ban đầu. Có khi kế hoạch rất hay đấy nhưng người chỉ huy trực tiếp đơn vị tấn công xử trí sai một tình huống diễn biến phức tạp nào đó, hay xử trí đúng một trường hợp bất lợi nào đó thì kết thúc trận đánh cũng rất khác nhau. Tổng kết phải tìm cho ra sự thật lịch sử khách quan, phân tích chính xác mới rút ra được những bài học có giá trị.

\*

\*      \*

Như vậy là trước khi họp hội nghị Bộ Chính trị, đoàn chúng tôi, đại diện cho B2, đã tranh thủ báo cáo thảo luận và được các anh trong Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chấp thuận kế hoạch mùa khô mà B2 đã vạch ra trên cơ sở nhất trí đánh giá tình hình thực tế ta địch. Các anh đã cho phép đánh Đồng Xoài, đánh Phước Long. Ngày 22/11, anh Hùng đã gửi về Thường vụ Trung ương Cục bức điện trong đó có một số nội dung:

“... 1) Những ý kiến của anh Hai Nhã đưa về là lúc chúng tôi ra chưa đến nơi. Nay sau khi làm việc thì kế hoạch năm 1975 như Trung ương Cục đã dự kiến và đã chuẩn bị từ sau hội nghị 6 tháng đầu năm 1974 là rất đúng. Các anh cần đôn đốc và theo dõi chỉ đạo thật sát việc thực hiện kế hoạch ấy, nhất là trong đợt mùa khô này. Chúng tôi và các anh ngoài này rất mừng về kết quả bước đầu của đợt 1 mùa khô. Tùy tình hình phát triển mà các anh xem xét kỹ và có sự điều chỉnh cho hợp lý và kịp thời, nhưng căn bản toàn bộ kế hoạch năm 1975 như ta đã dự tính là được. Nếu hoàn thành được kế hoạch năm 1975 và nhất là mùa khô này thì đó là việc rất có ý nghĩa đối với năm bản lề. Trong bước 2 của đợt mùa khô sẽ có sự phối hợp với các chiến trường, đó là sự thuận lợi tốt nhất cho ta hoàn thành tốt kế hoạch mùa khô của ta mà thôi, chứ không phải có sự thay đổi gì lớn đâu...”<sup>1</sup>.

Và ngày 29/12/1974 anh Hùng và tôi cùng ký một điện gửi cho Quân ủy Miền, đồng điện Thường vụ Trung ương Cục như sau:

“... 1) Tình hình đầu mùa khô ở chiến trường ta, các địa phương và đơn vị đều

---

1. Hồ sơ lưu trữ của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.



có nỗ lực giành thắng lợi, kết quả khá cao tuy còn một số nơi chưa đều. Chúng tôi rất mừng và tin rằng chúng ta có nhiều triển vọng đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch nếu các cấp nắm chắc tình hình, không chủ quan thỏa mãn, sẵn sàng vượt khó khăn để ngày càng giành thắng lợi lớn hơn. Được như vậy thì ta sẽ có cơ sở vững vàng cho những bước sắp tới theo đúng ý định chiến lược. Các anh ngoài này rất mừng và đang ra sức chỉ đạo mọi mặt tiến hành cho tốt...

... 2).....

... Do quyết tâm giành thắng lợi lớn hơn của năm nay tạo điều kiện sắp tới nên các anh có điều chỉnh kế hoạch chi viện. Đã đồng ý cho ta năm 1975 đúng như ta xin, tức 27.000 tấn chứ không phải 11.000 tấn như đã thông báo trước đây. Chúng tôi đang trao đổi đơn đốc vận tải. Như vậy, các anh nên nghiên cứu sử dụng sao cho thật hợp lý và tiết kiệm, chú ý tăng thêm cả cho các khu và hướng dẫn sử dụng cho tốt, đi đôi với hết sức tiết kiệm...”<sup>1</sup>.

Trong thời gian trước cuộc họp Bộ Chính trị, tôi có thì giờ và điều kiện gặp thăm một số anh em cán bộ quen biết công tác ở Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng Tham mưu. Do nhiệm vụ, các đồng chí vẫn theo dõi hàng ngày tình hình chiến sự, luôn biết tin tức về tôi, nhưng được gặp nhau hàn huyên là một dịp hiếm có. Chúng tôi kể cho nhau nghe hết chuyện thủ đô lại đến chuyện chiến trường, và cố nhiên không thể tách rời công việc. Một ít cán bộ có trách nhiệm cho biết về kế hoạch đánh Đức Lập mở hành lang của Bộ Tổng Tham mưu: Bộ sẽ dùng vào đây 3 sư đoàn quân chủ lực của B3 và của Bộ, được một tiểu đoàn xe tăng và một tiểu đoàn pháo 130 ly chi viện. Chắc chắn hành lang chiến lược sẽ mở thông, việc chi viện cho chiến trường B2 của anh sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn. B3 và đồng chí Vũ Lăng đang đi nghiên cứu chiến trường và chuẩn bị mọi mặt. Tôi hỏi: Đức Lập chỉ là chi khu cô lập cùng một số điểm nhỏ trên đường 14, thì cần gì đến 2 sư đoàn và từng ấy xe tăng và pháo lớn?

Trả lời: không phải chỉ có tiêu diệt Đức Lập và một ít điểm nhỏ ở đây thôi mà còn kéo địch đến để tiêu diệt sinh lực, có thể là sinh lực lớn đấy. Ta chủ động chọn chiến trường kéo địch đến để tiêu diệt lớn, đi đôi mở hành lang.

Tôi đã trao đổi với các đồng chí ấy rằng, theo tôi biết thì địa hình ở đây hiểm trở chật hẹp, con đường 14 độc đạo chạy giữa những hàng núi tương đối cao và có cây cối rậm rạp thì địch đại gì mà đến đó để ta tiêu diệt. Có chăng là địch sẽ dùng chủ yếu không quân đánh phá thả bom vào đội hình quân ta thôi. Vả lại trong thời điểm này, địch biết rõ ràng lực lượng của chúng cần cho những mục tiêu quan trọng

---

1. Hồ sơ lưu trữ của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

hơn nhiều so với Đức Lập xa xôi hẻo lánh. Đức Lập tuy cần cho ta về hành lang chiến lược nhưng chưa phải đã đụng chạm nhiều gì đến kế hoạch phòng ngự chiến lược toàn miền Nam của địch. Nếu ta đã điều động được đến đó lực lượng mạnh như vậy sao không đánh thẳng ngay vào Buôn Ma Thuột là ta chiếm được một mục tiêu có giá trị chiến dịch chiến lược quan trọng, rung động toàn Tây Nguyên và tự khắc hành lang của ta được mở rộng vững chắc. Với lực lượng ấy ta đủ sức đánh Buôn Ma Thuột vì ở đây địch có nhiều sơ hở, chỉ xem như một hậu cứ của các sư đoàn, trung đoàn. Tuy là tỉnh lớn, nhưng địa hình thuận lợi, phòng thủ yếu, lực lượng ít và nhất là địch không nghĩ rằng ta lại điều động được lực lượng lớn đến đây và chủ trương đánh Buôn Ma Thuột như vậy. Và lại nó hoàn toàn phù hợp với giai đoạn chiến lược hiện nay của chiến tranh là ta phải tấn công lớn tiêu diệt địch và giải phóng vùng, tạo thời cơ lớn chứ không phải là thời kỳ mở hành lang nữa.

Các đồng chí nói rằng:

Chuyện ấy thì còn phải bàn, nhưng nếu đến lúc đánh lớn mở chiến dịch Tây Nguyên thì không phải chỉ lực lượng như vậy. Bộ Tổng Tham mưu đang dự thảo kế hoạch này. Chúng ta sẽ tập trung lực lượng lớn, ưu thế áp đảo, mở đầu đánh thẳng vào Kon Tum, tiêu diệt địch và giải phóng tỉnh này. Tiếp đó ta đánh ngay vào chỉ huy sở của Quân đoàn 2 ngự ở Pleiku. Ta sẽ diệt cả hai sư đoàn 22 và 23 và các lực lượng ngự ở đây, giải phóng toàn bộ Tây Nguyên. Mở đầu đánh vào Kon Tum, ta có mọi điều kiện thuận lợi, sát vùng căn cứ giải phóng rộng của ta, hệ thống đường sá, kho tàng của 559 sản và đủ sức phục vụ chiến dịch, ta có nhiều điều kiện tập trung lực lượng lớn và triển khai dễ dàng mọi binh khí kỹ thuật.

Tôi đã cười và nói vui: Thật các anh là những lính nhà vua. Các anh đã đánh và luôn nghĩ đánh theo kiểu dôi dào lực lượng và súng đạn, khác xa với chúng tôi là những lính nhà nghèo ở chiến trường xa và khó khăn, tính từng viên đạn một, vừa thèm thuồng nhìn các anh. Hèn nào mà anh Lê Ngọc Hiền báo cáo hôm trước ở Bộ Tổng Tham mưu rằng năm 1972 toàn miền Nam tiêu thụ hết 22 vạn viên đạn cỡ lớn mà riêng Quảng Trị đã ngốn mất 15 vạn rồi. Theo tôi đánh Kon Tum và Pleiku là đánh vào nơi địch cứng nhất. Chúng đã chuẩn bị phòng thủ từ lâu. Là đánh vỗ đầu địch. Lâu nay địch luôn phán đoán ta sẽ đánh vào Kon Tum trước nên dồn lực lượng và mọi sự chú ý vào đây, tuy ta có điều kiện tập trung lực lượng lớn và chuẩn bị mọi mặt thuận lợi, nhưng địch đã đề phòng, ta không phải dễ dàng trong tấn công. Còn đánh vào Buôn Ma Thuột là đánh đòn bất ngờ hoàn toàn đối với địch, đánh vào phía sau không được phòng bị của địch. Chúng sẽ bị tiêu diệt và tan vỡ mau chóng, ta không cần phải sử dụng lực lượng nhiều. Hậu phương bị chiếm thì quân địch phòng thủ phía trước sẽ hoang mang dao động. Buôn Ma Thuột là một

vị trí chiến lược quan trọng, vì ở đây có sân bay “Hòa bình” lớn, có đường chiến lược số 21 nối với Ninh Hòa, Nha Trang dựa lưng với Gia Nghĩa, Đà Lạt. Buôn Ma Thuột mất thì toàn bộ Quân đoàn 2 nguy ở Tây Nguyên chỉ còn dựa được vào đường 19 xuyên qua đèo núi hiểm trở, dễ bị cắt đứt và sân bay Pleiku độc nhất còn lại để trông nhờ sự tiếp tế và chi viện. Các đường khác như đường 5, đường 7 đều là đường núi, cầu nhiều và rất yếu, lưu thông không đảm bảo, nhất là cơ giới. Còn nếu đối phương phong tỏa nữa, điều này chắc chắn xảy ra, thì hàng chục vạn con người và binh khí kỹ thuật bị lâm nguy không phương cứu vãn. Tôi ví đánh chiếm Buôn Ma Thuột đối với các tỉnh Tây Nguyên còn lại giống như đốn một cây gỗ lớn từ gốc, toàn bộ tán lá và thân cây phải đổ. Đánh như vậy mới là đòn hiểm về chiến dịch chiến lược, đảm bảo chắc thắng và thắng to.

Tôi đã đem toàn bộ câu chuyện này báo cáo lại và trao đổi kỹ với anh Hùng và anh Hai Văn. Tôi cho đây là quyết tâm lớn có tính chất chiến lược trong giai đoạn chiến tranh này, không thể không suy nghĩ. Các anh đều nhất trí là nên bỏ Đức Lập mà đánh ngay vào Buôn Ma Thuột. Chúng tôi đã đề nghị anh Hùng tìm cách trao đổi với các đồng chí trong Bộ Chính trị.

\*

\*     \*

Ngày 18/12/1974, cuộc họp liên tịch Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương có đại diện các chiến trường miền Nam tham gia. Cuộc họp bắt đầu trong không khí chiến thắng dội lại của chiến trường B2. Đến ngày ấy toàn B2 đã vào đợt 1 mùa khô và đã giành nhiều thắng lợi. Ở đồng bằng sông Cửu Long, kế hoạch bình định của địch đã bị phá bể từng mảnh lớn. Ta đã giải phóng nhiều xã, ấp, mở rộng vùng nông thôn Tiểu Cần, Trà Cú, Cầu Kè, Duyên Hải thuộc Trà Vinh và Mỏ Cày, Giồng Trôm thuộc Bến Tre. Ta đã giải phóng chi khu Hưng Long ở vùng Hậu Giang và quận lỵ hành chính Tuyên Nhơn ở vùng Tiền Giang. Đây là lần đầu tiên ở đồng bằng ta tiêu diệt được chi khu quận lỵ và chiếm giữ luôn. Ta đã đánh tiêu diệt gọn 1 tiểu đoàn và đánh thiệt hại nặng 3 tiểu đoàn khác của Sư đoàn 21 nguy đến phản ứng ở Hưng Long. Ta đã làm chủ từng bộ phận sông Ông Đốc, Cái Tàu, Bảy Háp ở Cà Mau, kênh Xà No ở Cần Thơ, sông Cổ Cò và vùng huyện Mỹ Tú ở Sóc Trăng, tuyến Vàm Cỏ Tây ở Kiến Tường... Ở miền Đông, ta đã giải phóng đoạn đường 14 bắc Đồng Xoài, diệt cao điểm Lổ Ổ - núi Giám, giải phóng một số xã, bao vây cô lập các huyện lỵ Hoài Đức, Tánh Linh thuộc tỉnh Bình Tuy, vây hãm điểm núi Bà Đen và diệt một số đồn bót địch thuộc tỉnh Tây Ninh. Ở vùng ven, lực lượng của Thành đội Sài Gòn cùng đặc công đẩy mạnh diệt địch, gỡ đồn, mở lõm ở các vùng Củ Chi, Hóc Môn, Gò Vấp, Bình Chánh, nam Thủ Đức, Long Thành, Nhơn Trạch, và

tập kích, khống chế sân bay Biên Hòa. Mới nửa tháng đầu mùa khô ở B2, thành tích diệt địch, giải phóng vùng, nhân dân đứng lên làm chủ đã đạt kết quả cao, báo hiệu những chiến thắng vang dội của ta sắp tới và sự suy sụp rõ ràng của ngụy. Những thực tế ở chiến trường ấy nói nhiều hơn bất cứ báo cáo và lý luận hay ho nào.

Hội nghị tập trung bàn về kế hoạch chiến lược 2 năm 1975-1976 hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ mà Bộ Chính trị đề ra từ trong mùa mưa. Trung ương Cục và Quân ủy Miền (B2) chúng tôi cũng đã bàn bạc từ hội nghị thường lệ kiểm điểm tình hình 6 tháng đầu năm 1974. Thật là những dự kiến lớn của lãnh đạo tối cao và sự suy nghĩ của cấp dưới, của chiến trường tiêu biểu đã trùng hợp nhau. Lý luận và thực tế đã khớp với nhau. Nhưng quá trình diễn biến cụ thể, các bước đi, các biện pháp thực hiện còn phải thảo luận nhiều mới nhất trí hoàn toàn được. Tất nhiên là như vậy. Vì nếu mọi người đều thống nhất ý kiến một cách dễ dàng hoặc không có ý kiến khác nhau nhiều thì chúng tôi một sự nghèo nàn đáng thương hại về trí tuệ và sự suy nghĩ.

Mở đầu hội nghị, đại biểu các chiến trường B2, Khu 5 báo cáo tình hình địch, ta, thực tế của chiến trường mình, phương hướng và khả năng hoạt động sắp tới, những đề đạt và yêu cầu. Về B2, chúng tôi đã báo cáo gọn tình hình diễn ra từ Nghị quyết Trung ương 21, trong mùa khô, rồi mùa mưa 1974. Những kết quả cụ thể ở đồng bằng, ở Khu 8, 7 và ngay ở Sài Gòn. Tôi đã báo cáo rõ mục đích phá sự củng cố tuyến phòng ngự trước mắt và thế co cụm tương lai của ngụy ở Sài Gòn bằng hoạt động ở đường 7 - Bến Cát, giải phóng Rạch Bắp; đã báo cáo việc xây dựng lực lượng chính trị, quân sự, cho tới hôm nay và đặc biệt là việc tổ chức và bố trí thế trận ở vùng ven và nội đô Sài Gòn, hình thành thế bao vây chặt thủ đô của ngụy. Chúng tôi đã báo cáo nhận định và đánh giá tình hình của Trung ương Cục vừa qua, những vấn đề mới đã xuất hiện, ta mạnh và đi lên, địch đang yếu và đi xuống. Chúng tôi đã báo cáo phương hướng và kế hoạch của B2 trong năm 1975 nhất là mùa khô 1975, phải đánh mạnh thắng to cả miền Nam để kết thúc chiến tranh thắng lợi năm 1976. Sau cùng chúng tôi không quên đề nghị được tăng thêm vật chất vũ khí, tăng thêm lực lượng cho B2, như Trung ương Cục đã nhất trí, trước mắt là một sư đoàn chủ lực ngay vào đầu mùa khô này nhằm kiện toàn Quân đoàn 4. Chúng tôi đã đề nghị cần có kế hoạch hoạt động nhịp nhàng toàn chiến trường miền Nam, và Bộ Tổng Tư lệnh cần có quy định một lực lượng dự bị chiến lược mạnh để kịp thời phát triển thắng lợi quyết định khi thời cơ đến ở chiến trường chủ yếu. Chúng tôi báo cáo rằng vì chiến trường miền Đông Nam Bộ, bao gồm Sài Gòn là chiến trường tiêu diệt sinh lực lớn của địch và kết thúc chiến tranh, cho nên lực lượng dự bị chiến lược chắc sẽ sử dụng ở đây, phải được bố trí ngay từ nay ở Tây Nguyên thì mới hành động

kip khi cần đến. Chúng tôi đã nhấn mạnh là kế hoạch hoạt động năm 1975 là dựa trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 1974, dựa trên tình hình đã diễn biến hết sức thuận lợi cho ta mà tinh thần là phải nhanh chóng liên tục phát triển, đẩy địch vào thế nguy khốn. Không thể dừng lại, để mất thời cơ.

Sau khi các chiến trường báo cáo, đồng chí Lê Ngọc Hiến thay mặt Bộ Tổng Tham mưu trình bày dự kiến của Bộ về kế hoạch hoạt động của năm 1975. Kế hoạch xây dựng trên cơ sở nhận định, địch đang phải bị động phòng ngự, giữ chỗ nào được thì cố giữ. Chúng đã suy yếu về tổ chức và tinh thần. Ta đang thắng, nhưng cũng còn những khuyết, nhược điểm. Kế hoạch đề ra một loạt các chỉ tiêu cho các chiến trường về giải phóng vùng và giành dân, về tiêu diệt và làm tan rã địch, đánh tụt quân số chúng xuống mà không để chúng bổ sung được, về tiêu diệt dự trữ vật chất kỹ thuật của địch... Kế hoạch dự kiến về xây dựng lực lượng ta trong năm, về mở các hành lang thông suốt, về dự trữ vật chất, hậu cần ở các hướng. Năm 1975, ta phải hoàn thành mọi công tác chuẩn bị thật tốt để đảm bảo đánh lớn, tổng công kích, tổng khởi nghĩa thắng lợi trong năm 1976.

Đồng chí đã báo cáo cụ thể về lực lượng quân sự của ta hiện nay ở các chiến trường và ở Trung ương. Số lượng binh khí kỹ thuật và đạn dược đang có ở các nơi và số dự trữ. Dự kiến phân chia việc sử dụng các loại ở các chiến trường trong hai năm. Riêng về số lượng đạn cỡ lớn, đồng chí báo cáo: Số lượng còn lại phía trước và phía sau tổng cộng là... (100%) sẽ sử dụng... (hơn 10%) trong năm 1975,... (45%) trong năm 1976, còn lại dự trữ... (gần 45%).

Như vậy là bước vào thảo luận, hội nghị đã có đủ tình hình của chiến trường, đã có các dự kiến về hai năm và kế hoạch cụ thể năm 1975 của Bộ Tổng Tham mưu và của các chiến trường. Hội nghị đã thảo luận với một không khí hào hứng và phấn khởi. Không biết từng đồng chí đã nghĩ gì, nhưng riêng tôi thật là xúc động khó tả. Hội nghị này sẽ quyết định kết thúc 30 năm chiến tranh của đất nước. Có dân tộc nào trên con đường đấu tranh gay go dài dằng dặc, bị buộc phải cầm súng và chịu đựng, chết chóc và tàn phá ghê gớm suốt 30 năm trời như dân tộc Việt Nam. Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, giải phóng và thống nhất Tổ quốc này của chúng ta, đã có nhiều trường hợp cả 3 thế hệ ông, cha, cháu, đều xông ra tiền tuyến, có khi cùng chung trong một đơn vị. Đã có nhiều trường hợp, trong một trận càn của giặc, toàn bộ gia đình hay một tập thể các gia đình cùng hy sinh vì bom đạn thù. Và trên đất nước này, cho đến nay, hầu như không có một gia đình nào từ Hoàng Liên Sơn, Cao Lạng đến mũi Cà Mau, Phú Quốc, Côn Đảo, không bị mất đi ít nhất một người thân yêu. Trăm nghìn hy sinh, vô vàn khổ cực để mong có ngày nay, ngày quyết định một tương lai huy hoàng. Trách nhiệm



nặng nề làm sao. Mỗi suy nghĩ, mỗi lời phát biểu trong hội nghị như có mang theo sức mạnh của 4.000 năm lịch sử, của hàng vạn gánh đau thương, của hàng triệu cặp mắt theo dõi của người dân Việt Nam, của người dân đang bị áp bức trên toàn thế giới, của bạn bè bốn biển năm châu. Nhiều đồng chí đã phát biểu sôi nổi, có đồng chí phát biểu nhiều lần.

Tất cả xoay quanh nhận định đánh giá tình hình trong nước, ngoài nước. Ta đánh mạnh, nguy sẽ ứng phó thế nào? Mỹ sẽ hành động ra sao? Có dám can thiệp trở lại không hay có những âm mưu thủ đoạn nào khác? Phương pháp cách mạng của ta thế nào là đúng nhất? Các bước đi trong hai năm, nên bước thế nào cho kịp và cho vững? Năm 1975 nên thế nào và rồi năm 1976? Hai năm trong chiến tranh ác liệt có phải đâu là ngắn, nhưng hai năm cuối cùng của trên 30 năm khổ cực thì sao thấy nó nhanh quá, sắp đến nơi rồi. Khi kết luận hội nghị, anh Ba đã nói: “Chuẩn bị hai năm tuy ngắn đấy nhưng có khi cũng là dài đấy”. Và khi phát biểu anh Phạm Văn Đồng nói: “Lúc nào là thời điểm sụp đổ của nguy? Không phải chờ đến 1976 đâu. Có thể nhanh, không phải dần dần đâu”. Và anh Giáp cũng như nhiều anh khác nhấn mạnh: “Hạ quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong hai năm 1975-1976 là đúng. Nhưng kế hoạch cần đề phòng tình huống sớm hơn, trong năm 1975 và cả tình huống kéo dài qua năm 1977. Như vậy mới chủ động vững vàng”.

Anh Đồng đi đi lại lại, suy nghĩ rồi dừng lại phát biểu, mặt lúc nào cũng hồng hào, tiếng nói rần rỏi. Anh nói: “Đánh giá địch ta cần khẳng định một số vấn đề, đừng nghĩ theo lối cũ lối thời. Ta đang ở giai đoạn mới. Mỹ rút quân do quy định của Hiệp định Paris, nó cho đây là một thắng lợi sau khi bị nhiều thất bại, không lối thoát. Ngày nay, nó đem quân can thiệp trở lại là một chuyện không thể có. Có chăng là dùng không, hải quân chi viện, nhưng việc ấy không quyết định được vấn đề thắng bại”. Rồi anh vừa cười to vừa nói: “Nói chơi cho vui nhưng cũng đúng sự thật là cho kéo Mỹ cũng không vào”. Mọi người cùng cười vui vẻ. Anh lại tiếp: “Về ta, quan trọng nhất là một cao trào cách mạng miền Nam xảy ra. Rất mới, cả quân sự và chính trị. Bạo lực quân sự đến mức cao nhất đi đôi bạo lực chính trị. Cả Khu 8, Khu 9 báo cáo như vậy rất tốt. Tình hình diễn biến sẽ vượt bậc nhanh”. Anh Trường Chinh đứng lên, mang kính, nhìn vào tập giấy cầm trên tay đã chuẩn bị sẵn, phát biểu một cách trịnh trọng. Anh thường như vậy. Lúc nào cũng cẩn thận như không để một sơ hở nhỏ nào. Trong các bài viết chú ý từng chữ một, từng dấu phẩy. Khi phát biểu lúc nào cũng có phần mở đầu, phần chính, đủ cả, rồi phần kết thúc. Tôi không làm biên bản mà chỉ ghi ở đây vài ý thôi. Anh nói: “Địch bị ba sức ép: tấn công quân sự của ta, đấu tranh chính trị của quần chúng và khó khăn về kinh tế tài chính. Vì vậy,



địch bị suy yếu nhanh chóng. Quân địch không gỡ được mâu thuẫn giữa giữ đất giữ dân và cơ động tác chiến. Nhưng nay nó còn đứng được vì chưa bị tiêu diệt nặng, còn lấy được người, Mỹ còn viện trợ lớn, còn giữ các đường chiến lược quan trọng. Còn ta thì mạnh lên về mọi mặt. Ta giành được quyền chủ động trên chiến trường. Năm 1974, ta đã đạt được kế hoạch. Nếu Phước Long ta diệt được nữa thì chúng tỏ hùng hồn là ta mạnh lên nhiều. Địch có xu hướng co cụm phòng ngự. Ta khó ngăn nó co cụm vào các thành phố lớn. Ta khó đánh nổi địch co cụm lớn có công sự kiên cố và đánh vào thành phố rất phức tạp. Mỹ có vào không? Thực sự nó còn hai vạn rưỡi cố vấn quân sự đội lốt dân sự. Nếu nó thấy lâm nguy nó sẽ can thiệp. Nhưng can thiệp bằng bộ binh thì khó, mà bằng không, hải quân thì cũng phải cân nhắc và có mức độ. Ta phải tạo điều kiện thực hiện đòn tiêu diệt chiến lược. Cũng không hạn chế chỉ một đòn tiêu diệt chiến lược...”

Lúc này tin chiến thắng của chiến trường B2 ngày nào cũng có. Phấn khởi nhất là tin ở Trà Vinh, một tỉnh đồng bằng và cũng là hướng chủ yếu của đầu mùa khô, ta đã diệt nhiều địch, gỡ nhiều đồn bót, giải phóng nhiều xã, nhiều dân. Mọi người trong hội nghị, nhất là đại biểu B2, cố nhiên, rất đổi vui mừng. Thực tiễn của chiến trường đã dẫn chứng cho nhiều lập luận đánh giá tình hình, giống như các chiến sĩ và nhân dân ở chiến trường xa cũng tham gia trực tiếp thảo luận ở hội nghị vậy. Anh Lê Đức Thọ khi phát biểu đã dẫn chứng: “Đồng bằng sông Cửu Long trong tháng 12 đã gỡ trên 500 vị trí, mới một tháng đạt 70% kế hoạch 6 tháng mùa khô...”, như tôi đã kể ở đoạn trước. Còn ở miền Đông Nam Bộ, phía đông ta đã chiếm toàn huyện Tánh Linh... và một số xã huyện Hoài Đức của tỉnh Bình Tuy. Tại Tây Ninh ta vây ép căn cứ núi Bà Đen và diệt gọn một tiểu đoàn của Trung đoàn 49 thuộc Sư đoàn 25 ngụy. Tại tỉnh Phước Long, ta đã chiếm sân bay và chi khu Phước Bình, núi Bà Rá và đang tấn công vào thị xã. Ai nấy trong hội nghị đều mong chờ kết quả của trận đánh Phước Long. Bỗng một hôm, trong lúc đang họp, một đồng chí trong Cục Tác chiến, Bộ Tổng Tham mưu đưa đến và đọc một bức điện từ chiến trường báo cáo rằng “vì địch đã tăng viện được Lữ 81 biệt kích dù vào thị xã, chúng đã cố thủ, nên chúng tôi tạm cho dẫn bộ đội ra chặn chính để nghiên cứu đánh lại”. Tôi sửng sốt, không tin. Tôi ngồi gần như đối diện với anh Ba, khi nghe đọc xong, anh ngó thẳng vào tôi có vẻ hỏi tại sao vậy. Trước đây, khi xin được đánh Phước Long và được sử dụng một ít pháo lớn và xe tăng, tôi đã khẳng định với anh rằng ta đánh chắc thắng, và địch không thể tăng viện được. Nay nếu đánh không nổi tỉnh lỵ Phước Long thì mọi việc đánh giá khác của tôi sẽ khó mà tin được là đúng. Trình độ tác chiến của quân chủ lực ta ở miền Đông rõ ràng sẽ chứng tỏ còn thấp kém. Kết quả thực tế trên chiến trường là thước đo chính xác nhất trình độ, khả năng lãnh đạo và chỉ huy của cán bộ, hiệu quả chiến đấu của lực lượng vũ trang. Nhưng tôi

vẫn nghĩ rằng sự việc không phải như vậy, tôi vẫn tin ở khả năng của bộ đội và cán bộ B2, vẫn tin rằng chắc chắn Phước Long sẽ được giải phóng.

Lòng tin của tôi là có căn cứ. Tôi đã sống với các đơn vị chủ lực B2 từ những ngày đầu tiên mới xây dựng từng tiểu đoàn, trung đoàn cách đây hơn chục năm trời. Tôi đã đem hết tâm lực của mình góp một phần nhỏ cùng anh em chăm chút từng cán bộ, từng cây súng, ngày đêm lo rèn luyện, chiến đấu, từ thời kỳ này đến thời kỳ khác cho đến nay. Tôi đã có mặt với anh em gần như trong tất cả các chiến dịch quan trọng của B2. Tôi hiểu họ như hiểu mình và tin họ như tin mình. Tôi rất tiếc không có mặt để chia sẻ gian truân cùng anh em trong trận đánh Phước Long có tầm chiến lược này. Nhưng tôi luôn nghĩ rằng, có hay không có tôi, họ đã là họ, những đơn vị chủ lực kiên cường và quyết thắng.

Còn cán bộ chỉ huy? Đơn vị thế nào thì cán bộ thế ấy. Đó là những người được rèn luyện và lớn lên qua hàng trăm trận lớn nhỏ và phần lớn đã trải qua hai thời kỳ kháng chiến. Tôi đã từng giao cho họ những nhiệm vụ rất nặng nề, ra cho họ những mệnh lệnh hết sức nghiêm ngặt, đã cùng họ trải qua những giờ phút gian nan nguy hiểm cũng như những ngày thắng trận vẻ vang. Tôi dựa vào họ mà suy nghĩ và hành động. Mỗi cán bộ cấp dưới của tôi ngã xuống là một phần cơ thể và linh hồn tôi bị tổn thương. Cho đến khi nhắm mắt cuối đời, trong tôi không thể xóa nhòa hình ảnh của đồng chí Trần Đình Xu - người chỉ huy bình tĩnh và vững vàng trong mọi tình huống, đã hy sinh anh dũng trong lúc đang là Tư lệnh khu Sài Gòn năm 1969. Hay đồng chí Nguyễn Thế Truyện - một tư lệnh sư đoàn dũng cảm vô song, đã vào tận thủ đô nguy trong Tết Mậu Thân 1968 và đã hy sinh trên vùng ven ác liệt ngày nào. Đồng chí Nguyễn Văn Nhỏ (Hai Nhỏ) người Tân An, con một lão du kích kiên cường của Nam Kỳ Khởi nghĩa năm 1940. Đồng chí coi thường mọi gian khổ hiểm nguy. Năm 1968, đồng chí đã đặt sở chỉ huy của mình ngay trên đường 1 gần Bà Quẹo, đã chỉ huy cánh quân đánh vào sân bay Tân Sơn Nhất từ phía tây. Đồng chí đã hy sinh anh dũng năm 1969 khi đang là Phó Tư lệnh Quân khu 8. Và còn biết bao đồng chí như vậy nữa. Còn bây giờ, người chỉ huy trực tiếp trận Phước Long là đồng chí Hoàng Cầm - người Tư lệnh Sư đoàn đầu tiên của B2 khi mới thành lập Sư đoàn thứ 1, cho đến nay là Tư lệnh Quân đoàn. Trải qua thời gian dài chiến đấu, đồng chí đã cùng đơn vị của mình hoàn thành mọi nhiệm vụ khó khăn được giao. Còn người thay tôi ở Bộ Tư lệnh Miền lúc ấy, đồng chí Lê Đức Anh, người mà trong kháng chiến chống Pháp cũng như chống Mỹ đã nhiều lần làm tham mưu trưởng cho tôi, năm 1973 là Tư lệnh Quân khu 9, đã kiên quyết đánh trả quân địch, giành thắng lợi vẻ vang. Các đồng chí khác đang ở chiến trường cũng đều là những cán bộ kiên cường đã qua nhiều thử thách. Tôi đánh giá được khả năng và nhược điểm của họ để mà gửi gắm lòng tin của mình.

Tôi biết rằng lần đầu tiên đánh giải phóng hoàn toàn một tỉnh, tấn công vào một tỉnh lỵ có địa hình phức tạp, có công sự phòng ngự kiên cố, không thể dễ dàng, có những giờ phút gay go, có giành đi giật lại. Nhưng kết quả cuối cùng anh em sẽ chiến thắng. Nghĩ như vậy, tôi đã bình tĩnh trình bày với các anh ở hội nghị rằng khi ta đã chiếm được Phước Bình và núi Bà Rá rồi thì địch không thể nào cố thủ trong thị xã lâu được và chắc chắn địch không thể đưa quân đông lên đây nổi. Tôi vẫn tin rằng quân ta sẽ diệt Phước Long trong vài ngày nữa thôi. Tôi liền điện về hỏi sự thật diễn biến của trận đánh, báo phải tăng thêm lực lượng dứt điểm cho được thị xã. Hôm sau, chúng tôi nhận được điện của Bộ Tư lệnh B2 rằng không có vấn đề dẫn bộ đội ra, đó chỉ là báo cáo sai lầm của một cán bộ tiền phương. Đang tăng thêm Trung đoàn độc lập 16 và Trung đoàn 2 của Sư đoàn 9 để tiêu diệt quân địch ở thị xã. Tôi yên tâm. Trước ngày kết luận hội nghị của anh Ba, chúng tôi nhận điện báo cáo của B2: "...Chiều ngày 06/01/1975, quân ta đã quét sạch các cụm đề kháng mà chúng khôi phục lại trong ngày 5 bằng 250 biệt kích dù mới tăng cường đến... Chủ trương của chúng tôi là tiếp tục truy diệt cho sạch tàn quân, giữ vững thị xã và toàn bộ tỉnh Phước Long. Nếu địch tiến hành phản kích thì tiêu diệt từng trung đoàn, sư đoàn địch gồm cả bọn đổ bộ đường không và bọn đi đường bộ, tạo điều kiện cho ta thực hành tấn công vào các hướng rất nguy hiểm cho địch, hạn chế đến mức tối đa thương vong của ta, bảo vệ tính mệnh tài sản của nhân dân". Và điện báo cáo của Bộ Tham mưu B2: "...Bắt đầu rạng sáng 03/01 mở đợt công kích toàn diện vào tiểu khu, thị xã Phước Long và đến 15 giờ 30 ngày 06/01, ta đã tiêu diệt bắt sống toàn bộ quân địch, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long..."<sup>1</sup>. Tôi thở phào nhẹ nhõm, trút sạch tất cả những lo lắng, nặng nề trong mấy ngày qua.

Tin dứt điểm thị xã Phước Long đến trong lúc đang họp. Mọi người đều vui vẻ, đứng dậy đi bắt tay nhau mừng chiến thắng. Không phải chỉ bắt tay riêng đại biểu B2. Điều đó nói lên rằng chiến thắng này có ý nghĩa chung, không riêng gì cho chiến trường B2. Đó là một dấu mốc về khả năng tác chiến của quân đội ta, về sự suy yếu của quân đội địch, về một trang sách mới vừa mở ra, một giai đoạn mới đã bắt đầu... Không ai nói thẳng ý nghĩ của mình ra, nhưng nét mặt và cử chỉ nói nhiều hơn lời và có vẻ như nhất trí cả. Mấy phút trôi qua, rồi ai nấy đều về chỗ của mình. Và anh Ba nói: "Lần đầu tiên ở miền Nam, một tỉnh hoàn toàn được giải phóng. Tỉnh đó lại ở gần Sài Gòn và mở rộng vùng căn cứ quan trọng của ta ở miền Đông. Thực tế này nói rõ hơn hết khả năng của ta, sự phản ứng thế nào của ngụy và nhất là của Mỹ". Tất cả đều tỏ đồng tình tán thưởng lời nói đó. Tất cả các cán bộ

---

1. Hồ sơ lưu trữ của Ban Tổng kết Chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

và chiến sĩ đã tham gia các trận đánh ở Phước Long, nhất là các đồng chí đã ngã xuống tại đây, có hiểu chẳng giá trị của chiến công mình đã lập nên. Các đồng chí có biết rằng chính các đồng chí đã cùng các chiến sĩ và đồng bào đồng bằng sông Cửu Long vào đợt 1 mùa khô, chứ không phải đoàn đại biểu B2 chúng tôi, đã báo cáo cụ thể nhất, rành rẽ nhất tình hình ta, địch thực tế trên chiến trường ở giai đoạn chiến lược hiện tại của cuộc chiến tranh cho Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta - cơ quan lãnh đạo cách mạng tối cao và quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Tôi có viết điện về hoan nghênh chiến thắng này nhưng không thể viết hết được tình hình trong cuộc họp và sự xúc động của riêng tôi.

Còn kẻ địch của ta thì nhận định thế nào về sự kiện Phước Long? Tài liệu *Sự sụp đổ của Nam Việt Nam* của Mỹ (sách dẫn trên) đã viết: “Cuộc tường thuật sau đây cố gắng vạch ra sự sụp đổ cơ cấu “tuyến phòng thủ cứng rắn” này, bắt đầu bằng sự thất thủ tỉnh lỵ Phước Long ngày 06/01/1975. Theo quan điểm của nhiều người trả lời thì sự thất thủ thị trấn đó đánh dấu việc Nam Việt Nam bắt đầu tan rã...”

Bầu Viên xem sự thất thủ tỉnh lỵ này có ý nghĩa quan trọng:

“Để thử thách quyết tâm của quân lực Việt Nam Cộng hòa và đặc biệt là để thăm dò phản ứng của chính phủ Hoa Kỳ, quả thật cộng sản đã chọn một mục tiêu dễ dàng. Sự thất thủ Phước Long có một ý nghĩa to lớn. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử chiến tranh Việt Nam cả một tỉnh đã lọt vào tay cộng quân...”

Còn ngay sau khi Phước Long bị mất, Mỹ - ngụy ở Sài Gòn đã nghĩ và làm những gì, tâm trạng tướng tá ngụy ra sao? Dương Hảo, trong sách *Một chương bi thảm* do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ta phát hành năm 1980, đã viết:

“...Sau này, kể lại hậu quả thất bại Phước Long, Phạm Bá Hoa - Đại tá Tham mưu trưởng Tổng cục Tiếp vận ngụy nói:

...Những ngày chiến sự ở Phước Long sôi động là những ngày căng thẳng của tất cả sĩ quan ở Bộ Tổng Tham mưu (quân ngụy), nhất là khi Phước Long thất thủ. Có thể nói, tất cả chúng tôi đều bàng hoàng. Không khí lo ngại bao trùm, ưu tư đè nặng mọi người. Ưu tư không phải vì chiến sự sôi động ngay cửa ngõ Sài Gòn, mà cũng chẳng phải vì mất Phước Long với tổn thất lớn 6.000 - 7.000 quân bị tiêu diệt, tan rã.

Cái chính là thất bại Phước Long đã nói lên thế và lực của quân lực cộng hòa. Chỉ mới bị đánh một điểm mà đã không còn lực lượng đối phó, hỏi bị đánh mạnh nhiều nơi thì sẽ ra sao? Phước Long là sự kiện nói lên khá rõ hiệu quả chiến lược “Việt Nam hóa” đã thực hiện 6 năm qua. Trước đây, quân đội cộng hòa qua được nhiều hiểm nghèo là nhờ vào cứu viện của Hoa Kỳ. Họ đã cung cấp đủ mọi trang

bị bù đắp tổn thất, đã chi viện hỏa lực hùng hậu, mạnh mẽ, thậm chí cả xung lực mới đủ sức chống đỡ. Nay trước thất bại đau đớn, mất cả một tỉnh mà Mỹ vẫn làm ngơ, mặc dầu ông Thiệu đã nhiều lần gặp Martin yêu cầu Mỹ can thiệp. Bộ Ngoại giao Việt Nam Cộng hòa cũng đã chính thức gửi công hàm, rồi tướng Khuyển đã điện đàm trực tiếp với Smith (Trưởng cơ quan DAO) - Tất cả đều là con số không.

Tình hình đó đã dồn ép chúng tôi đến hoang mang, bi quan cực độ. Có thể nói Phước Long là một đòn thử sức đôi bên và kết quả đã quá rõ ràng...”

Cuộc họp vẫn tiếp tục. Anh Lê Thanh Nghị vẫn như thói quen của anh, phát biểu nhẹ nhàng, chậm rãi, xung quanh ai tỏ thái độ gì cũng mặc, cứ nói cho hết ý mình. Sau khi phân tích tình hình, nói về kế hoạch, nhấn mạnh: Đưa thêm lực lượng vào B2 là đúng và càng sớm càng tốt. Dự bị chiến lược chung và cho từng chiến trường quan trọng là phải có. Nhưng dự bị chung một quân đoàn thì làm sao cơ động được vào chiến trường chủ yếu cho kịp thời nếu để tận ngoài xa. Anh Lê Đức Thọ thì nhấn mạnh: Phải chú ý đầy đủ cả ba quả đấm phối hợp nhau. Phải đánh mạnh, thắng to năm 1975 thì mới có điều kiện hơn cho năm 1976. Anh Văn Tiến Dũng trình bày: Triển khai lực lượng sớm không thể kịp. Phải chuẩn bị nhiều vấn đề: xây dựng bổ sung lực lượng, huấn luyện tác chiến, rồi vật chất hậu cần, đường sá... Tăng cường lực lượng cho B2 cũng phải chờ đánh Tây Nguyên xong mới được, không thể lấy sư đoàn nào khác; phải tháng 5/1975, Sư đoàn 316 mới vào tới miền Đông. Nghe vậy anh Ba nhìn chúng tôi nói: “Ta đánh theo cách của ta là phải chính trị, quân sự, chiến lược tổng hợp ba quả đấm, khác đó là không thắng được. Có khó khăn chung, thời chậm vài ba tháng, cũng phải như vậy để không phá kế hoạch Tây Nguyên”. Tôi im lặng nhưng bụng bảo dạ: thôi ta lại đánh theo lối dân gian ta thường nói là “liệu cơm mà gắp mắm”, tức là có bao nhiêu lực lượng thì có cách sử dụng bấy nhiêu cho phù hợp nhất. Nhưng nhất định cũng sẽ phải giành thắng lợi to lớn mới được.

Ngày 08/01/1975, anh Ba kết luận hội nghị. Tôi chỉ lược ghi ý chính: “Hội nghị có Khu 5, Nam Bộ dự và rất phấn khởi vì có sự nhất trí rất cao, quyết tâm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong hai năm 1975-1976 mà Bộ Chính trị đã đề ra, đã suy nghĩ nhiều, bàn bạc nhiều lần, nay càng nhất trí với cả chỉ huy chiến trường.

- Năm 1959-1960 thì phong trào quần chúng rất mạnh nhưng lực lượng quân sự ta chưa có gì.

- Khi đánh Mỹ thì quân sự mạnh nhưng quần chúng bị địch dùng mọi biện pháp dã man đè xuống.



- Bây giờ thì cả quân sự, chính trị ta mạnh cùng lên nên mới thành sức mạnh tổng hợp...

Vì vậy cần nắm vững hơn nữa quy luật của chiến tranh cách mạng và phong trào cách mạng quần chúng. Hai mà một, một mà hai...

Hiện nay ta đã giữ chủ động trên chiến trường giành dân và giành quyền làm chủ. Ta đã tạo ra một thế chiến lược có thể liên hoàn từ Trị Thiên đến Nam Bộ, tới đồng bằng sông Cửu Long. Ta đã xây dựng được những quả đấm chủ lực rất mạnh và cơ động. Ta đã tạo được quả đấm ở đồng bằng như Khu 9, Khu 8 và đang phát triển. Ta đã tạo được một bàn đạp áp đảo xung quanh Sài Gòn, đó là một chiến lược lớn lắm. Đô thị đã bắt đầu có phong trào quần chúng. Những điều đó chứng tỏ chúng ta mạnh. Trên thế mạnh đó, ta chuẩn bị cho quyết tâm hai năm...

Ngụy đang xuống dốc về mọi mặt: quân sự, chính trị, kinh tế do ta tấn công và cả bản thân nó nữa...

Còn Mỹ thì thế nào? Mỹ đã thất bại nhiều, thất bại cả về chiến lược toàn cầu. Vì vào Việt Nam, Mỹ đã yếu đi, rất nguy hiểm. Nay trở vào nữa thì sẽ trượt xuống không còn gì cả, sẽ mất tất cả. Tuy thế, ta vẫn phải đề phòng. Có thể Mỹ sẽ dùng không quân, hải quân có mức độ. Nếu ta đánh không mạnh, không nhanh mà kéo dài, thì Mỹ sẽ vào mức độ nào đó để cứu vãn cho ngụy không thất bại hoàn toàn.

Nhưng một điều cần khẳng định là dù Mỹ có vào như thế nào đi nữa ta vẫn quyết tâm đánh, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc. Lý do đơn giản là vì ta không muốn bị nô dịch, mất nước. Ta muốn tự do độc lập và thống nhất...

Phương châm phương pháp cách mạng của ta là:

Tấn công nổi dậy, nổi dậy tấn công, ba mũi giáp công, ba vùng chiến lược, tiêu diệt làm chủ, làm chủ tiêu diệt, tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Năm 1975 phải thế nào?

- Phải thắng mạnh ở đồng bằng Nam Bộ dính liền với chủ lực miền Đông, tạo liên hoàn từ miền Đông đến đồng bằng sông Cửu Long. Giành nông thôn nhiều hơn, giải phóng nhân dân nhiều hơn. Vây ép Sài Gòn hơn, diệt chủ lực ngụy bảo vệ Sài Gòn để tạo sức ép Sài Gòn mạnh hơn. Làm sao cho từng địa phương mạnh hơn, hoàn thành nhiệm vụ và để đủ sức lợi dụng thời cơ. Phải có cú mạnh ở Tây Nguyên, nhưng có khả năng thì đánh Buôn Ma Thuột. Khu 5, chú ý vùng Bình Định, Đà Nẵng, Trị Thiên - Huế.

Phải diệt chi khu quận lỵ rồi diệt tiểu khu thị xã. Phải diệt từng trung đoàn, sư đoàn chủ lực của ngụy.



Năm 1975 làm được như vậy thì mới rõ năm 1976, cho nên năm 1976 là kết quả của 1975.

Ta còn có khó khăn nhưng khó khăn mấy cũng quyết vượt để đi lên hoàn thành nhiệm vụ. Vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới chúng ta phải giành toàn thắng. Ta có trách nhiệm với nhân dân ta, ta còn có trách nhiệm với nhân dân cả thế giới”.

Khi kết luận hội nghị, nói về đánh Buôn Ma Thuật anh Ba chưa nói tiếng nói cuối cùng, tôi hiểu có lẽ anh dành quyết tâm ấy cho Quân ủy Trung ương. Trước đó tôi đã có dịp trình bày với anh Ba rằng để giải phóng toàn tỉnh Phước Long với địa hình phức tạp và địch đã chú ý phòng ngự, B2 đã dùng tất cả có 2 sư đoàn kết hợp với lực lượng địa phương tại chỗ. Hai sư đoàn đó không đầy đủ, ghép các trung đoàn lẻ lại, không phải là những đơn vị mạnh và có rất ít pháo lớn và xe tăng chi viện, ta lại đánh kéo dài, lần lượt, không còn bất ngờ. Thế thì đánh Buôn Ma Thuật, ta có ba sư đoàn và xe tăng pháo lớn mạnh, nhất định ta chắc thắng. Xong hội nghị tôi hết sức phấn khởi và tin tưởng. Chỉ còn chờ và mong được biết Quân ủy Trung ương có hạ quyết tâm đánh Buôn Ma Thuật hay không để có cơ sở làm kế hoạch đợt hai mùa khô cho B2. Vì đánh hay không đánh Buôn Ma Thuật sẽ ảnh hưởng khác nhau đến toàn chiến trường miền Nam. Tôi tin rằng, nếu đánh Buôn Ma Thuật thì tốc độ chiến tranh sẽ nhanh lên nhiều. Vì vậy mà kế hoạch của B2 phải phù hợp nếu không thì không kịp với thời cơ. Tôi quyết định tìm cách biết rõ vấn đề này trước khi lên đường về chiến trường.

Ngày 15/01/1975, Đoàn chúng tôi còn gặp anh Ba để anh có chỉ thị cuối cùng. Lần này anh đi vào những vấn đề rất cụ thể, về cách đánh, về diệt đơn vị địch, phá dự trữ của chúng. Về bố trí lực lượng của ta vùng Sài Gòn, biệt động, đặc công phải mạnh. Anh vẫn nhấn mạnh lực lượng tổng hợp, chiến lược tổng hợp. Anh nói về quả đấm chủ lực phải thế nào, quả đấm đồng bằng thế nào, và đặc biệt nói nhiều về đô thị. Anh nói ở đô thị phải hết sức chú trọng phong trào quần chúng, phải thành cao trào. Mũi nhọn là lực lượng phụ nữ, thanh niên, học sinh, sinh viên, là lực lượng công đoàn. Lãnh đạo, chỉ đạo chính trị ở Sài Gòn phải sắc bén lắm mới được vì chính trị thay đổi rất nhanh, từng ngày, từng giờ, phải kiên quyết và sắc sảo như V.I. Lênin đã làm.

Giành được chính quyền đã khó nhưng giữ được chính quyền còn khó gấp trăm, cho nên ngay từ giờ phải suy nghĩ lo tổ chức ngay. Phải quyết tâm và tin tưởng thắng lợi to năm 1975.

Ngày 20/01/1975, chúng tôi còn gặp anh Lê Đức Thọ để anh dặn dò thêm một số việc. Anh nói: “Kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo từ trước đến nay vẫn là đánh giá

cho hết địch ta”. Và anh cho biết đã quyết tâm đánh Buôn Ma Thuột rồi. Anh kể: “Tôi đã đến cuộc họp Thường trực Quân ủy Trung ương, đã truyền đạt quyết tâm của Bộ Chính trị là đánh Buôn Ma Thuột. Chỉ chấp hành lệnh không thảo luận gì nữa cả”.

Trong quyển *Đại thắng mùa xuân*, Đại tướng Văn Tiến Dũng cũng viết: “Cuộc họp vừa bắt đầu thì đồng chí Lê Đức Thọ bất ngờ mở cửa vào và ngồi họp với chúng tôi. Sau chúng tôi hiểu rằng, Bộ Chính trị chưa thật yên tâm vì thấy ý định đánh Buôn Ma Thuột chưa thể hiện rõ ràng trong kế hoạch tác chiến, cho nên đã cử đồng chí Lê Đức Thọ đến tham gia ý kiến với chúng tôi là nhất quyết phải đánh Buôn Ma Thuột. Đồng chí Lê Đức Thọ nói rất sôi nổi: “Phải đặt vấn đề dứt khoát là giải phóng Buôn Ma Thuột. Ta có gần 5 sư đoàn ở Tây Nguyên mà không đánh được Buôn Ma Thuột là thế nào?””.

Chúng tôi rất vui mừng về quyết tâm trên và từ đó trở đi, lúc nào tôi cũng suy nghĩ hình dung về sự diễn biến có thể của toàn chiến trường miền Nam và kế hoạch hoạt động của B2 thế nào cho ăn khớp, ở đồng bằng, ở miền Đông, ở Sài Gòn. Chắc chắn là phải chạy, không thể thư thả được. Tôi nhớ lại câu nói không thể quên của anh Ba trong thời kỳ khẩn trương của chiến tranh là: “Phải vừa chạy vừa sắp hàng, không phải đợi sắp hàng xong mới chạy”.

Ngày 24/01/1975, đoàn chúng tôi lên đường về B2 với tâm trạng rộn ràng náo nức. Đầu óc tôi không bao giờ dứt suy nghĩ về các mục tiêu phải đánh, về sử dụng lực lượng thế nào. Nhiệm vụ rất nặng nề đang chờ đợi. Phải đi nhanh, về gấp.

\*

\* \*

Kết quả hoạt động đợt 1 mùa khô 1974-1975 của toàn chiến trường B2 thật là rực rỡ, thắng to, vượt mọi chỉ tiêu đề ra. Sự lo lắng của tôi trước đây rằng, trong đợt này chỉ riêng B2 hoạt động có thể sẽ gặp nhiều khó khăn do địch tập trung đối phó, giờ đây không xảy ra vì rõ ràng địch rất lúng túng, bị động, suy yếu nghiêm trọng. Mặc dù địch cũng đã tập trung sử dụng không quân của cả Quân khu 2 và 4 để đối phó ta ở Quân khu 3, riêng ở Phước Long và Bình Tuy, có ngày đến trên 100 lần chiếc phi cơ chiến đấu, có lúc sử dụng đến 160 trực thăng, nhưng không giải quyết được gì ở chiến trường. Về bộ binh chúng đã điều Liên đoàn 4 biệt động quân từ Kon Tum về Long Bình, sau đó thay đổi bằng Liên đoàn 8 biệt động quân từ Dục Đức vào, điều Lữ đoàn 4 dù rồi Lữ đoàn 2 dù từ Đà Nẵng về căn cứ Hoàng Hoa Thám<sup>1</sup>, Lữ đoàn 4 thủy quân

---

1. Cạnh sân bay Tân Sơn Nhất Sài Gòn.

lục chiến từ Trị Thiên về căn cứ Sóng Thần<sup>1</sup>, nhưng không phải để phản công mà là để lo tăng cường phòng ngự hướng bắc và đông bắc thủ đô Sài Gòn của chúng. Kết quả cụ thể riêng một đợt từ tháng 12/1974 đến tháng 02/1975 đã hơn hẳn bất cứ đợt hoạt động nào từ trước đến nay. Ta giải phóng hoàn toàn 1 tỉnh, 4 huyện, 72 xã, 489 ấp, và giải phóng cơ bản 52 xã khác. Số dân mới giải phóng là 584.800 người. Đã tiêu diệt 22 tiểu đoàn và đánh thiệt hại nặng 25 tiểu đoàn ngụy, diệt 1.548 đồn bót trong đó có 1 tiểu khu, 8 chi khu, 3 yếu khu, 88 phân chi khu. Đã phá hủy 108 máy bay, 110 tàu, 494 xe các loại và diệt 56.315 tên địch, thu 12.122 súng, 786 máy vô tuyến điện, 118 xe và 2 máy bay.

Mặc dù những con số ấy rất có ý nghĩa, nó vẫn chưa nói được hết giá trị thắng lợi của đợt 1 mùa khô 1974-1975 của chiến trường B2. Thắng lợi ấy không phải chỉ là kết quả của 1 đợt mà nó là sự phát triển hoàn toàn phù hợp từ thắng lợi mùa khô năm 1974 và liên tục cả mùa mưa. Trung ương Cục và Quân ủy Miền phán đoán trước được thắng lợi này khi đã nhận thức được sự chuyển biến tình hình diễn ra trên chiến trường giữa ta và địch khi kết thúc mùa khô năm 1974, từ đó thúc đẩy tình hình qua hoạt động tiếp tục mùa mưa và đến đầu mùa khô này. Quân và dân B2 đã hiểu được địch, đã biết được mình, để nỗ lực tấn công và nổi dậy không mệt mỏi từ mùa khô năm trước đến mùa khô này, càng đánh càng mạnh, càng mạnh về lực thì càng lên về thế. Trong lúc đó, ngụy đã bắt đầu suy sụp từ mùa khô 1974, bị đánh liên tục từ đây đến nay, càng bị suy sụp nặng, không còn cách gì gượng lại được. Thực tế đã chứng minh, nhận định đánh giá tình hình của Trung ương Cục là chính xác và từ đó có chủ trương chính xác.

Lần đầu tiên trong hàng chục năm chiến tranh, một tỉnh (Phước Long) hoàn toàn được giải phóng mà tỉnh đó lại là ai địa đầu của Quân khu 3 địch, là một quân khu mạnh vào bậc nhất nhì, có nhiệm vụ bảo vệ thủ đô, trung tâm đầu não chiến tranh của Mỹ - ngụy. Sự kiện ấy diễn ra trong lúc ngụy còn trong tay một lực lượng trên một triệu quân về thực tế và được trang bị mạnh bằng vũ khí, phương tiện Mỹ, được Mỹ xây dựng, huấn luyện và chỉ huy để thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ. Thế mà Mỹ - ngụy không hề điều được một đơn vị quân chủ lực nào để phản ứng đối phó bảo vệ cho cửa ngõ vào Sài Gòn. Và cả Mỹ nữa, cũng đành đứng mà nhìn ngụy, đưa con mang nặng đẻ đau cả hàng chục năm trời, bước vào ngưỡng cửa của thời kỳ bại vong nguy hiểm. Phước Long giải phóng khác nào như thanh gươm đang kể sát vào cổ Sài Gòn, mà ngụy quyền Sài Gòn giống như một tên ngoan cố keo kiệt quá cỡ, thà chết chứ không chịu để mất một tấc đất nào, có bao nhiêu quân đều rải ra phòng giữ khắp hang cùng ngõ hẻm, rút cục ở đâu bị

---

1. Ở vùng ven Sài Gòn.

đánh thì ở đó chịu chết, còn đâu quân mà cứu viện. Thôi thì đành dở trò cười “Ba ngày toàn quốc để tang” cho Phước Long! Đây chính thực là để tang cho cái chế độ buôn dân bán nước của ngụy Thiệu, cái chế độ đã bắt đầu thời kỳ diệt vong từ Phước Long vậy.

Cũng trong đợt 1 mùa khô này, một sự kiện nổi bật khác nữa làm cho Mỹ - ngụy run sợ, đó là đòn tấn công và nổi dậy của quân dân ta ở đồng bằng sông Cửu Long đã nói lên khả năng xã giải phóng xã, quận giải phóng quận, tỉnh giải phóng tỉnh là thực tế, là một chủ trương đúng đắn. Chỉ trên 2 tháng, ta đã tiêu diệt 15 tiểu đoàn địch, loại khỏi vòng chiến đấu 34.400 tên, phá tan 168 đồn bót trong đó có 2 chi khu quận lỵ, 2 yếu khu, 11 căn cứ, 65 phân chi khu. Bằng tấn công của lực lượng vũ trang, ba thứ quân, kết hợp với cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân, ta đã giải phóng hoàn toàn 51 xã, 414 ấp, giải phóng cơ bản 49 xã khác. Số dân giải phóng là 48.900 người. Đặc biệt khu vực giành thắng lợi lớn, phong trào cách mạng lên mạnh là Trà Vinh, Vĩnh Long, trọng điểm số 1 của Quân khu 9, vùng ruột quan trọng của đồng bằng sông Cửu Long. Nếu tướng Mỹ Garvin có theo dõi sát tình hình chiến sự, hẳn đã tỉnh ngộ ra rằng cái phương án co cụm chiến lược về đồng bằng sông Cửu Long của y đã bị phá sản từ lúc chưa kịp thực hiện.

Ngay ở Sài Gòn và vùng ven là nơi địch hết sức chú trọng củng cố phòng ngự, chống nổi dậy, là nơi mà càng thua, địch càng điều thêm lực lượng về đây để giữ mạng sống cho chúng, phong trào cách mạng cũng sôi nổi trong đợt này và ta cũng giành được thắng lợi đáng kể. Trong thời gian đó ở vùng ven, ta đã giải phóng hoàn toàn 3 xã, 37 ấp, 17.000 dân và giải phóng cơ bản 4 xã nữa. Địch phải co lại trong đồn bót và nhiều nơi ban đêm chúng không dám ngủ trong đồn, không tin được vào công sự và vũ khí của chúng. Kim kẹp của ngụy quyền bị lỏng, nhân dân đi lại làm ăn tự do hơn, thậm chí dân trong nội thành đã ra vùng ven để liên hệ với cách mạng, nhận nhiệm vụ của cách mạng. Đây là một tình hình gần giống như hồi Tết Mậu Thân. Hoạt động ở đây không có chủ lực, không có xe tăng, pháo lớn. Ta chỉ có các đơn vị đặc công, biệt động, bộ đội địa phương, du kích, nhưng các đơn vị nhỏ tinh nhuệ đó đã phát huy tác dụng vì biết kết hợp chặt chẽ với nhân dân đang khát vọng tự do hòa bình, đứng lên, nổi dậy, làm chủ.

Trong đợt một mùa khô này ta còn giải phóng được vùng Tánh Linh, Hoài Đức, thuộc tỉnh Bình Tuy để làm bàn đạp sau này cắt đứt lộ 1 và là nơi xuất phát của mũi tấn công vào Biên Hòa và vào Sài Gòn từ hướng Đông. Cũng như ta đã làm chủ một khu vực tương đối rộng dọc tuyến Vàm Cỏ Tây để tạo điều kiện cho lực lượng ta tiến vào cắt đứt đường 4 khi cần thiết, bao vây cô lập Sài Gòn với đồng bằng.

Ta cũng đã bắt đầu khống chế sân bay Biên Hòa có kết quả mà kẻ địch không có cách nào đối phó. Đặc biệt là trên hướng Bắc Sài Gòn có tầm chiến lược lớn lao, ta đã bịt tai bịt mắt kẻ địch với kết quả chiếm lĩnh cả 2 trung tâm viễn thám và chuyển tiếp truyền tin quan trọng, đó chính là 2 pháo đài của địch, là núi Bà Rá và núi Bà Đen, 2 cao điểm đột xuất.

Thắng lợi đợt một mùa khô năm 1974-1975 đã giúp chúng ta hiểu rõ kẻ địch của ta hơn, sức lực và khả năng hành động của chúng đến đâu, đồng thời cũng giúp chúng ta hiểu rõ được ta, khả năng thực tế, biện pháp cách mạng phải tiến hành và chỗ ta đang đi là chỗ nào trên đoạn chót của con đường trường chinh trên một vạn ngày khói lửa.

## CHƯƠNG VI

### **Nghìn năm có một: Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân**

Một dân tộc đã biết đứng lên cầm vũ khí tiến hành cuộc chiến tranh một mất một còn để tự giải phóng cho mình khỏi ách nô lệ thì dân tộc đó cũng biết phải kết thúc cuộc chiến tranh thế nào cho có lợi nhất. Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã hy sinh chiến đấu kiên cường và cũng đã ký kết Hiệp định Paris, mong chấm dứt chiến tranh trong không khí hòa hợp và hòa giải dân tộc và kết thúc sự can thiệp của Mỹ trong danh dự. Nhưng kẻ thù của chúng ta lại nghĩ khác. Chúng xoay vào một âm mưu thâm độc nhằm đưa cuộc chiến tranh đi đến “tàn lụi” để chúng nắm phần thắng hoàn toàn. Nhưng ở đời, mưu sâu thì họa càng sâu. Mỹ đã đánh giá được sức chiến đấu và lòng dũng cảm của chúng ta, nhưng Mỹ chưa hiểu hết được sự khôn khéo và trí thông minh của con người Việt Nam: tưởng có thể lừa dối được chúng ta. Nếu pháp lý Hiệp định không chấm dứt được chiến tranh thì chỉ còn một phương pháp độc nhất là phải dùng bạo lực cách mạng vậy. Nhân dân ta rất cần hòa bình nhưng là hòa bình thực sự gắn liền với tự do, độc lập dân tộc và phù hợp với lương tri loài người. Với tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân ta và nhân dân thế giới, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã ra nghị quyết hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước và đi đến thống nhất nước nhà trong hai năm 1975-1976. Chấp hành nghị quyết ấy, Bộ Chính trị đã hạ quyết tâm cụ thể: đánh Buôn Ma Thuột giải phóng Tây Nguyên, tạo ra thời cơ thuận lợi cho giai đoạn cuối cùng kết thúc cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài 30 năm.

Đã qua trọn hai năm từ khi có Hiệp định Paris, thế mà tiếng súng chưa hề dứt bất cứ ở nơi nào khắp các chiến trường. Máu người Việt Nam vẫn tiếp tục đổ, chỉ có người Mỹ và chư hầu thì rút về nước một cách an toàn vì chúng ta thi hành Hiệp định, còn Mỹ vẫn tiếp tục tiến hành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” mà



không phải “Hòa bình hóa Việt Nam”. Con số “hai năm” lại có sự trùng hợp. Hiệp định Giơnevơ quy định hai năm tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, nhưng Mỹ - Diệm đã xé toạc Hiệp định khi vừa ký ráo mực: Hai năm qua đi mà trên cả miền Nam lúc ấy cũng không ngớt tiếng súng của quân đội Diệm bắn, giết những người yêu nước trong các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”. Nhưng có điều khác nhau căn bản của hai năm hồi ấy và hai năm ngày nay. Đó là sau Hiệp định Giơnevơ toàn thể quân đội ta đã phải tập kết hết ra miền Bắc, chỉ còn độc nhất quân đội Diệm ở miền Nam, tự do nổ súng vào những người tay không. Còn sau Hiệp định Paris, quân đội ta vẫn đứng đây, xen kẽ với quân đội Thiệu trên cả các vùng rừng núi, đồng bằng và đô thị. Chúng không thể tự do hành động vi phạm Hiệp định mà không bị trừng trị. Mỗi một mưu đồ đen tối của chúng đều không lọt qua được con mắt cảnh giác của nhân dân ta, của lực lượng vũ trang giải phóng của ta. Suốt mùa khô 1973-1974, rồi mùa mưa, rồi lại mùa khô 1974-1975, hết sự kiện vi phạm này đến sự kiện vi phạm khác, từ đòn trừng trị này đến đòn trừng trị khác, ngày nay thế và lực đôi bên đã thay đổi: ta mạnh hơn hẳn địch. Tỉnh Phước Long giải phóng như một cái mốc sáng màu da cam nên cả ta và địch đều nhìn quá rõ. Nhưng nhìn rõ rồi thì phải làm gì chứ. Đến lúc đó thực sự còn đủ thì giờ để nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định chấm dứt chiến tranh - riêng tôi nghĩ như vậy. Cả hai phái đoàn ngoại giao của ta vẫn kiên trì “bám trụ”, một ở Paris lộng lẫy và một ở Tân Sơn Nhất, “một tô giới xã hội chủ nghĩa giữa thủ đô Sài Gòn” như các nhà báo phương Tây đã gọi. Nhưng thời gian đã trôi qua, hết ngày này sang ngày khác, tiếng súng ở Buôn Ma Thuột phải nổ. Và thế là hết, xe đã mở hết tốc lực từ trên dốc cao lao xuống rồi thì còn làm sao mà cản lại được.

Tôi hình dung trận đánh Buôn Ma Thuột là như vậy: xe đã nổ máy rồi. Về hiệu quả cũng có thể vì nó như một ngòi pháo làm nổ tan xác “quả pháo nguy quân nguy quyền” đã suy yếu nghiêm trọng nhưng lại vẫn hết sức chủ quan ngoan cố một cách lạ lùng.

Từ lúc biết Bộ Chính trị đã ra lệnh đánh Buôn Ma Thuột, tôi tin tưởng chắc chắn rằng trận đánh này sẽ giành thắng lợi rực rỡ, vì rằng lực lượng ta dùng vào trận này có ưu thế gấp nhiều lần quân địch tại chỗ cả về số lượng cũng như chất lượng. Ta lại đánh một đòn bất ngờ sấm sét vào phía sau không được phòng bị, quân nguy ở đây phần lớn là quân ở hậu cứ của sư đoàn và trung đoàn. Địch đã tập trung quân lực và sự chú ý mọi mặt ở phía trước, hướng Pleiku và Kon Tum. Quan điểm bố trí phòng ngự này của địch xuất phát từ dự đoán hướng tấn công chủ yếu của ta vào Kon Tum - đã có từ trước và vẫn giữ cho đến tận ngày mất Buôn Ma Thuột. Và như trên kia tôi đã ví như cây bị đốn từ gốc, Buôn Ma Thuột bị mất

thì toàn bộ Tây Nguyên không có cách nào giữ được. Thiệu không ra lệnh rút bỏ ngay 2 tỉnh Pleiku và Kon Tum, mong lấy quân về giữ các tỉnh ven biển thì không lâu đâu, hai tỉnh ấy cũng sẽ bị mất thôi. Sau này khi thất thủ Tây Nguyên, rồi tan vỡ cả ở ven biển và thất bại hoàn toàn, Mỹ vội vã che giấu nguyên do chính về thất bại đau đớn của cuộc chiến tranh ở Việt Nam, ở Đông Dương đã từng làm suy yếu và rối loạn cả nước Mỹ, bằng cách đổ lỗi cho Thiệu là tự ý rút bỏ Tây Nguyên mà không chờ xin ý kiến Mỹ. Một số nhà báo phương Tây phụ họa theo luận điệu tuyên truyền này của Mỹ, thậm chí một số cán bộ của ta cũng tưởng như vậy thật, vì không hiểu rõ ý nghĩa chiến dịch và chiến lược của đòn tấn công Buôn Ma Thuột. Sự thất bại thảm hại của Mỹ - ngụy nằm ngay trong mục đích phi nghĩa phản tiến bộ, chống lại lương tri loài người, của cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo và thể hiện bằng đường lối chiến lược bị động phòng ngự, giữ dân, kìm dân, đóng đồn giữ đất khắp mọi nơi. Khi tình ngộ, muốn co lực lượng về cụm ở vùng chiến lược quan trọng, có dồi dào nhân, vật lực, vùng Nam Bộ cũ, thì đã quá muộn rồi. Đối phương đã tính trước nước cờ, không để cho Mỹ - ngụy tự do co và cụm nữa, bị chia cắt và bị đánh tơi bời, nổi dậy khắp nơi cùng trong một thời gian, làm tan rã toàn bộ một đội quân cả triệu người của ngụy.

Đồng chí Lê Duẩn trước đây đã gợi lên câu hỏi về chiến lược mà tôi đã thuật ở đoạn trên: “Đánh tiêu diệt toàn bộ hay tan rã toàn bộ”. Nói đánh tiêu diệt toàn bộ không có nghĩa là tiêu diệt đến tên lính địch, đến đơn vị địch cuối cùng, mà là phải có một hay nhiều đòn liên tiếp tiêu diệt cho được tập đoàn lực lượng chủ yếu của địch thì mới làm cho địch hết khả năng đề kháng và ta thắng lợi hoàn toàn. Nói đánh cho tan rã toàn bộ không có nghĩa là không có đòn thối động nào đó làm cho quân địch suy sụp nhanh không còn ý chí và khả năng chống cự hay phản kích mà đi đến tan rã hoàn toàn, thất bại hoàn toàn - mặc dù còn đông quân và nhiều vũ khí trang bị. Đòn thối động nói đây không nhất thiết là phải tiêu diệt cho được tập đoàn chủ yếu quân địch mà là tiêu diệt một bộ phận địch nào đó, chiếm lĩnh một số địa phương có tầm chiến lược nào đó, tạo ra một tình hình quyết định làm địch mất hết tinh thần, ý chí chiến đấu, hỗn loạn, khi bị tấn công và nổi dậy liên tiếp sẽ tan rã từng mảng rồi toàn bộ. Tùy theo mỗi cuộc chiến tranh cụ thể, tùy theo giai đoạn chiến lược cụ thể mà chọn chủ trương và phương pháp. Đây có thể nói là một nghệ thuật trong điều khiển chiến tranh. Nghệ thuật ấy biểu hiện cụ thể ngay trong cách tổ chức phân chia chiến trường, tổ chức bố trí và sử dụng lực lượng tổng hợp, cách đánh hợp đồng các loại lực lượng, các địa phương trong từng thời gian nhất định. Đó là nghệ thuật tạo ra và phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của cả nước cộng với sức mạnh của thời đại. Đó là nghệ thuật lãnh đạo và chỉ đạo tổng tấn công và nổi dậy trong một cuộc chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa vũ trang mà

Đảng ta đã tiến hành. Khi hiểu các bí quyết này thì sẽ thấy rằng sự thất bại của Mỹ và nguy không phải là ngẫu nhiên hay kỳ lạ gì cả. Số phận của chúng đã được định đoạt do một thể trận chiến lược đã được bố trí vững chắc và từng bước đưa chúng đi vào con đường dẫn tới cái huyết đã đào sẵn. Hoàn toàn không phải do một quyết định sai lầm nhất thời nào đó của Thiệu trong chiến dịch Tây Nguyên hay trong bất cứ một chiến dịch trước đó hay tiếp theo nào. Cả Mỹ và Thiệu cùng gây ra chiến tranh, cùng chủ quan ngạo cổ, sai lầm cả về chính trị và chiến lược và cùng bị vùi dập trong hố thất bại, không thể đổ thừa cho nhau. Còn về phía ta, sự sáng suốt và đúng đắn trong mục tiêu cách mạng, trong đường lối chiến lược, trong phương pháp đấu tranh cách mạng, trong cách kết thúc một cuộc chiến tranh của Đảng ta đã đưa dân tộc lên con đường vinh quang đại thắng.

Khi suy nghĩ về trận đánh Buôn Ma Thuột, về chiến dịch Tây Nguyên, về diễn biến của tình hình toàn miền Nam sau Tây Nguyên, đặc biệt là diễn biến có thể của chiến trường B2, tôi vừa phấn khởi vừa rất sốt ruột. Tôi hiểu rằng tình hình sẽ diễn biến rất nhanh chóng, chiến trường sẽ ảnh hưởng sâu rộng, thời cơ sẽ vô cùng quý giá, đòi hỏi những hành động táo bạo và kịp thời. Thế mà chúng tôi có ít thời gian quá, vồn vện một tháng trời sau khi từ Hà Nội về đến căn cứ, để phổ biến nghị quyết Bộ Chính trị và triển khai mọi mặt công tác cho kịp nổ súng vào ngày “N” phối hợp toàn miền, theo lệnh của Bộ Tổng Tư lệnh.

Về đến nhà ngày 02 thì ngày 03/02/1975 tôi làm việc với tham mưu, hậu cần, chính trị Miền, với Quân đoàn 4, nắm tình hình địch và ta ở các quân khu, soát xét lại kế hoạch đợt 2 mùa khô của B2 để chuẩn bị các cuộc họp của Trung ương Cục và của Quân ủy Miền. May thay kế hoạch mùa khô của B2 về cơ bản là đúng hướng. Trong cuộc hội nghị của Trung ương Cục từ ngày 13 đến ngày 16/02/1975, nhiều vấn đề cụ thể đã được thảo luận và đặt ra để giải quyết. Trong khi thông qua kế hoạch đợt 2 mùa khô của toàn B2, các đồng chí trong Trung ương Cục đều lo lắng đến mũi vây ép và tấn công phía nam Sài Gòn. Các đồng chí nhấn mạnh đến việc sớm đẩy mạnh hoạt động của ta vùng Chợ Gạo, Gò Công và nam Long An vì ở đó phong trào ta chưa mạnh, chưa đảm bảo cho lực lượng vũ trang ta tiến lên áp sát Quận 4, 7 và 8 Sài Gòn. Một lo lắng nữa là lực lượng vũ trang, đặc biệt là chủ lực tại chiến trường, một chiến trường chủ yếu trong giờ phút này còn quá yếu. Việc ta xin Trung ương thêm lực lượng chưa vào kịp thời, dự bị chiến lược còn để quá xa. Ngoài kế hoạch quân sự, hội nghị nhấn mạnh phải làm ngay các kế hoạch nổi dậy của quần chúng, đảm bảo sử dụng được lực lượng tổng hợp của nhân dân cùng lực lượng vũ trang, tổ chức việc chỉ huy thống nhất bao gồm cả các đồng chí trong cấp ủy Đảng, quân sự, chính quyền, thanh niên, phụ nữ, nông hội và binh

vận ở từng xã, từng huyện, từng tỉnh, nhất là ở Khu 8 và Khu 9 vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đây thực sự là kế hoạch tổng tấn công và nổi dậy, phải đảm bảo xã tự giải phóng xã, huyện tự giải phóng huyện và tỉnh tự giải phóng tỉnh. Hội nghị cũng bàn cụ thể vấn đề tổ chức là làm việc của các ban quân quản khi có thị xã được giải phóng. Rút kinh nghiệm những việc đã xuất hiện mà ta phải giải quyết ở thị xã Phước Long khi mới giải phóng như vấn đề tổ chức bảo đảm an toàn và chăm lo đời sống của nhân dân, đảm bảo sinh hoạt, sản xuất bình thường, trừng trị bọn gián điệp và phá hoại... để chỉ đạo cho các địa phương kịp thời. Cuối cùng là hội nghị bàn biện pháp phổ biến quán triệt nghị quyết Bộ Chính trị mà không làm lộ bí mật. Giữ được bí mật quân sự, bí mật quốc gia bất cứ ở giai đoạn nào cũng là đảm bảo cho thành công. Không bàn kỹ biện pháp giữ bí mật, chưa làm đã lộ, mới dự kiến mà ai cũng biết là một trong những lý do của thất bại không thể tha thứ. Đây là vấn đề khó khăn. Các cấp các ngành phải thông suốt nhiệm vụ của mình, được động viên phấn khởi để nỗ lực giành thắng lợi lớn nhất, đi vào thực hiện kế hoạch một cách tốt nhất mà không làm cho địch hiểu biết và sẵn sàng đối phó lại. Anh Bảy Cường đã kết luận một cách dứt khoát: Phải đảm bảo làm thực sự mà không nói hay nói rất ít. Chống lại lối ba hoa một tác đến trời, chưa làm đã nói tung ra, nói mười làm chỉ một. Phải kiên quyết:

- Không nói gì về hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ.
- Không nói gì về kế hoạch 2 năm 1975-1976.
- Không nói gì về tổng công kích, tổng khởi nghĩa.
- Không nói gì về nghị quyết mới, xem như chỉ có Nghị quyết 21, nghị quyết mà địch đã nắm và đến nay chúng chỉ biết tới đó. Chỉ phổ biến công tác từng bước chặt chẽ nhưng kịp thời.

Trên tinh thần và nội dung hội nghị Trung ương Cục này mà chúng tôi tiến hành cuộc hội nghị Quân ủy Miền vào cuối tháng Hai để triển khai toàn bộ công tác quân sự.

Trước khi bước vào đợt hai mùa khô, đầu tháng 3 theo quy định chung của Bộ Tổng Tư lệnh, tình hình quân địch ở chiến trường B2 đã có một số thay đổi. Cái đau xót nhất của Mỹ - ngụy là công việc bình định mà chúng đã bỏ ra bao nhiêu công sức và tiền của, đến nay đã bị thất bại nặng nề. Thất bại rõ nét nhất lại là ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi đông dân và giàu có mà chúng mong làm chỗ dựa cuối cùng. Sau khi đã cố sức mở các cuộc hành quân tái chiếm và giải tỏa trong tháng Giêng ở biên giới Kiến Tường, Chợ Gạo - Mỹ Tho, Thầy Pháo - Trà Vinh, Thới Bình - Cà Mau, khu vực Rạch Giá đi Hà Tiên mà không có kết quả, còn bị thiệt hại,

ở đồng bằng địch phải chuyển qua chuẩn bị để chống lại đợt tấn công mới của ta mà chúng dự đoán là vào trước sau dịp Tết Âm lịch (khoảng 10/02/1975). Ở miền Đông Nam Bộ chúng định tập trung quân, cố đánh chiếm trở lại thị xã Phước Long bằng “chiến dịch 271” nhưng không thành vì bị đánh khắp nơi, không tập trung được lực lượng đủ sức. Chúng xoay qua nỗ lực chiếm lại núi Bà Đen - một vị trí thiết yếu cho chúng không những đối với công cuộc phòng thủ cả miền Đông Nam Bộ, Sài Gòn mà còn để bảo vệ cho Campuchia - Phnôm Pênh (Lonol) nữa. Từ ngày 20 đến ngày 26 tháng Giêng, Quân đoàn 3 nguy có đại biểu của Bộ Tổng Tham mưu tham dự đã sử dụng lực lượng của tiểu khu Tây Ninh và Sư đoàn 25 với sự yểm trợ cao của pháo binh (đổ đồng trên 6.000 quả/ngày) và phi cơ (84 chiếc/ngày) đánh phá vào khu vực núi hết sức ác liệt. Chúng đã dùng 29 trực thăng đổ quân nhiều đợt cố chiếm lại cứ điểm trên đỉnh núi nhưng đều bị đánh trả quyết liệt, bị thiệt hại nhiều sinh lực, mất nhiều phi cơ và trực thăng... Rốt cục địch đành nhận thất bại lui về phòng thủ Tây Ninh.

Thắng lợi rất có ý nghĩa của trận tấn công chiếm vị trí núi Bà Đen và giữ vững vị trí trước sự phản kích quyết liệt của địch là một chiến công hết sức rực rỡ của một đơn vị nhỏ mà tinh nhuệ của ta. Đó là Tiểu đoàn trinh sát 47 trực thuộc Bộ Tham mưu Miền được tăng cường 2 đại đội đặc công của Trung đoàn 429, một đơn vị súng máy cao xạ và một đơn vị cối, tất cả chỉ trên 300 cán bộ và chiến sĩ. Hiểu rõ giá trị của trận đánh, Bộ Tư lệnh Miền đã chỉ định đồng chí Ba Trần - Tham mưu phó Miền trực tiếp chỉ đạo, các đồng chí Sơn Bích và Chín Lộc - Trưởng và Chính trị viên phòng 2, phải thông qua phương án tác chiến và các đồng chí Huỳnh Long - Phó phòng 2, đồng chí Hải - Trưởng trinh sát trực tiếp chỉ huy trận đánh. Đêm 03/12/1975, đơn vị tấn công vị trí từ 3 hướng. Hướng tây nam là mũi chính do đồng chí Tộ làm mũi trưởng, đồng chí Thăng làm mũi phó và 5 chiến sĩ đã thọc thẳng vào trung tâm cứ điểm, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Nhưng quân địch được phi cơ và trực thăng chi viện đã phản kích và giữ được vị trí. Toàn tổ đã hy sinh anh dũng. Được hướng dẫn của trên, đơn vị chuyển qua bao vây đánh lấn, chặt đứt mọi nguồn tiếp tế, không cho một trực thăng nào đổ bộ được. Quân địch nguy khốn buộc phải rút chạy vào cuối tháng 12 nhưng bị diệt và bắt sống gần hết. Vì là một cứ điểm quan trọng được trang bị hiện đại để quan sát từ xa khắp vùng rộng lớn và chuyển tiếp truyền tin cho cả 2 chiến trường Việt Nam và Campuchia nên cả Bộ Tổng Tham mưu và Quân đoàn 3 nguy quyết tâm chiếm lại cho kỳ được, bằng những trận đánh vô cùng ác liệt. Nhưng đơn vị trinh sát, đặc công nhỏ của ta đã thắng một lực lượng binh chủng hợp thành lớn của địch, lớn hơn ta gấp cả hàng chục lần. Sự thắng lợi ở đây là của cả thể và lực, của sự khôn khéo và trí thông minh, lòng dũng cảm và kỹ năng



chiến đấu, của ý chí và quyết tâm, của sự chịu đựng khó khăn gian khổ và sự hy sinh quên mình vì nghĩa lớn của dân, của nước. Phải chăng trên ý nghĩa này, trận đánh là một hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ cuộc chiến tranh giải phóng của ta chống lại đế quốc Mỹ: ít đã thắng nhiều, nhỏ đã thắng lớn, tài trí và nghĩa nhân đã thắng vũ phu và cường bạo, chính đã thắng tà. Trận đánh càng có giá trị vì nó diễn ra vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, bịt tai mắt của địch cho ta chuẩn bị tấn công vào sào huyệt cuối cùng của chúng.

Trong thời kỳ đó, tình báo ta báo cáo rằng địch đã phát hiện ý định của ta vào cao điểm mùa khô năm 1975 từ Tết Ất Mão cho đến tháng 6/1975: Ta chủ yếu là đánh phá công cuộc bình định của chúng mà trọng điểm là đồng bằng sông Cửu Long, tiêu diệt và làm suy yếu quân nguy, buộc Thiệu từ chức, thực hiện giải pháp chính trị thành lập Chính phủ liên hiệp. Hoặc có thể tổng tấn công, đánh chiếm một số thành phố Quảng Trị, Kon Tum, Tây Ninh, Long Khánh, Kiến Tường, Chương Thiện. Ngày 18/02/1975 tại Phủ Tổng thống, Bộ Quốc phòng nguy đã thuyết trình về tình hình quân sự và dự đoán:

- Tại Quân khu 1 ta sẽ tấn công và bức rút các quận ly cận sơn làm ung thúி đồng bằng, pháo kích phi trường Đà Nẵng, lấn chiếm thị xã Huế.
- Tại Quân khu 2 ta sẽ chốt chặn phong tỏa lâu ngày các lộ 1, 19, 14, 21, cô lập và tấn công các tỉnh Kon Tum, Pleiku.
- Tại Quân khu 3 ta sẽ tấn công chiếm thị xã Tây Ninh, bức rút Chơn Thành, Phú Giáo, Tri Tâm và cô lập Sài Gòn bằng chốt chặn các đường 1, 4, 20, 15.

Rồi kết luận:

Ta sẽ phát động chiến dịch Xuân Hè tháng 3/1975 nhằm thực hiện kế hoạch mấu chốt trong năm 1975 là đánh phá mạnh mẽ kế hoạch bình định, giành đất, giành dân, tiêu hao tiềm năng quân sự của chúng. Quân khu 2 là trọng điểm. Các quân khu khác là phối hợp. Hiện nay sự chuẩn bị của “cộng sản” đã gần hoàn tất.

Khắp các chiến trường chúng tăng cường công tác phòng thủ, tung trình sát thăm dò và theo dõi các lực lượng của ta. Chúng khẩn trương khôi phục các đơn vị vừa qua bị thiệt hại nặng và bị tiêu diệt. Địch liên tục báo động cho các cấp là ta sẽ tấn công vào dịp Tết Âm lịch rồi sau đó thông báo là ngày 14/02/1975 mở đầu, rồi lại thông báo là ngày 20/02/1975... Chúng đặc biệt chú trọng hướng Chương Thiện ở miền Tây, Kiến Tường ở miền Trung, Tây Ninh, Hậu Nghĩa và Long Khánh ở miền Đông Nam Bộ. Phần lớn lực lượng của Sư đoàn 25 tập trung lên khu vực thị xã Tây Ninh. Sư đoàn 18 điều hết qua phía đông Sài Gòn quanh Xuân Lộc. Dùng quân dù và biệt động tích cực sục sạo vùng ven phía bắc Sài Gòn.



Nói chung vào cuối tháng 02, đầu tháng 3 quân địch đã biết chắc ta sẽ mở đợt tấn công cao điểm mùa khô, chúng đã có kế hoạch dự phòng sẵn sàng đối phó lại. Nhưng chúng vẫn không rõ quy mô và phương thức tấn công, không biết thời gian nào bắt đầu, đoán sai hướng chủ yếu tấn công của ta. Trong lúc đó tinh thần sĩ quan và binh lính của chúng tiếp tục hoang mang suy yếu, rất căng thẳng, không tin tưởng có khả năng đối phó lại ta. Nội bộ nguy quân, nguy quyền lung củng. Thiệu, Khiêm mâu thuẫn nhau, Kỳ lằm le chờ thời cơ đảo chính, lên nắm quyền. Mỹ phải tìm mọi biện pháp để giúp Thiệu, tránh xáo trộn nguy hiểm về chính trị. Martin - Đại sứ Mỹ và Polgar - trùm CIA Mỹ ở Sài Gòn hoạt động ráo riết, lo lắng và kịp thời chặn tay Kỳ, khuyên Khiêm, trấn áp phe phái đối lập, bảo vệ Thiệu, che chở cho chế độ Thiệu ngay ở Mỹ, đối đầu cả với dư luận nhân dân Mỹ, với Quốc hội Mỹ.

Tại Sài Gòn phong trào đấu tranh của quần chúng cũng ngày càng lên mạnh, đòi cứu đói, chống sa thải công nhân, đồng bào “lánh cu” đòi cấp phát gạo, phong trào phụ nữ đòi quyền sống cũng đấu tranh sôi nổi, các nhà báo chống việc đóng cửa 5 tờ báo đối lập và bắt hàng chục ký giả. Đã có những cuộc biểu tình, những cuộc tuyệt thực đòi thả tù chính trị, đòi Thiệu từ chức và lập một chính phủ thi hành Hiệp định Paris.

Sau khi mất Phước Long, mất cứ điểm núi Bà Đen, tỉnh Tây Ninh bị uy hiếp và nhiều tin đồn ta sẽ giải phóng tỉnh Tây Ninh để làm thủ đô của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, tình hình ở thị xã này rất xáo trộn. Một bộ phận nhân dân lo sợ chiến trận diễn ra sẽ bị chết chóc nên đã lánh nạn về vùng nông thôn, vùng cách mạng làm chủ và cả về Sài Gòn. Dân sống gần các cứ điểm quân sự nguy đã dẫn xa để khỏi bị vạ lây. Các nhà lãnh đạo của đạo Cao Đài, biết rõ quân nguy không còn bảo vệ họ nổi mà có cơ tòa thánh bị tàn phá nên đã ra tuyên bố “trung lập”, vận động nguy quyền rút lực lượng nguy quân, cả phòng vệ dân sự ra khỏi “thánh địa” mà lâu nay chúng dựa vào đấy chống lại quân giải phóng.

Ở An Giang, đạo Hòa Hảo cũng lập lực lượng vũ trang riêng biệt để tự bảo vệ và để thực hiện ý đồ chính trị riêng khi Thiệu sụp đổ. Ngày 30/01/1975, Thiệu đã ra sắc lệnh giải tán Tổng đoàn bảo an của Hòa Hảo, không chịu để “một quân đội trong một quân đội”. Vì vậy đã nổ ra cuộc xung đột giữa lực lượng vũ trang Hòa Hảo và cảnh sát của Thiệu ở Sa Đéc, Kiến Phong, Long Xuyên. Cuộc đàn áp đẫm máu của Thiệu đã làm nhiều người bị thương vong, hàng trăm bảo an Hòa Hảo bị bắt trong đó có cả những người cầm đầu.

Như vậy là bước vào đợt 2 mùa khô 1974-1975, trên toàn miền Nam mà đặc biệt là trực tiếp ở chiến trường B2, nguy Thiệu đang đứng trước một tình hình hết sức rối rắm cả về quân sự, kinh tế, chính trị và xã hội. Trên cơ sở kế hoạch đợt 2

mùa khô đã được Trung ương Cục thông qua, Bộ Tư lệnh Miền đã giao nhiệm vụ và thông qua kế hoạch của Quân đoàn 4, các sư đoàn, và các quân khu. Đồng chí Tám Phương tức Thiếu tướng Lê Quốc Sản, Tư lệnh Quân khu 8, đã trực tiếp nhận nhiệm vụ. Đồng chí rất phấn khởi và tin tưởng có thể thực hiện đúng kế hoạch vừa tự giải phóng các tỉnh trong quân khu mình bằng tấn công và nổi dậy, vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ quan trọng mà Miền giao để đảm bảo thành công trên toàn chiến trường. Đó là dùng lực lượng của mình tham gia tấn công dứt điểm Sài Gòn từ phía nam mà mục tiêu chủ yếu là Tổng nha Cảnh sát ngục và làm chủ, cắt đứt đường 4 chiến lược để thực hành bao vây thủ đô ngục hướng tây nam. Đồng chí đã phát biểu với Bộ Tư lệnh Miền:

Quân và dân Quân khu 8 hết sức vinh dự được tham gia chiến dịch lịch sử, tiêu diệt hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngục là Sài Gòn. Bao nhiêu năm chiến tranh mới có được giờ phút vinh quang này. Thay mặt lực lượng vũ trang Quân khu 8, tôi xin hứa thực hiện đúng kế hoạch đã thông qua, giành thắng lợi lớn nhất, xứng đáng với sự tin cậy của cấp trên.

Còn Quân khu 9, mặc dù xa và đi lại rất khó khăn, đồng chí Năm Hải tức Thiếu tướng Phạm Ngọc Hưng - Tư lệnh Quân khu, cũng về Miền trực tiếp nhận mệnh lệnh, bằng chuyến đi công khai mạo hiểm, nhưng tổ chức rất chu đáo và kịp thời. Đồng chí hứa sẽ chọn Trung đoàn 1 là trung đoàn mạnh nhất của Quân khu đang cùng Trung đoàn 3 của tỉnh và lực lượng quân dân tại chỗ giải phóng vùng chiến lược quan trọng là Vĩnh Bình - Trà Vinh, cắt đường 4, đường sông Măng Thít và sẵn sàng nếu có lệnh lên tham gia cùng lực lượng Quân khu 8 đánh vào Sài Gòn từ phía nam. Việc khống chế sân bay Lộ Tẻ mặc dù có khó khăn, đồng chí hứa đảm bảo nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ để đóng góp vào thắng lợi chung. Trong khi đó, đồng chí Sáu Hát tức Đại tá Nguyễn Trọng Xuyên, Tư lệnh Quân khu 6 rất lo lắng với nhiệm vụ nặng nề giải phóng từ tỉnh Bình Tuy đến Di Linh, Đà Lạt và các tỉnh ven biển thuộc quân khu mình. Sở dĩ như vậy vì ở quân khu này là nơi ta có rất nhiều khó khăn về mọi mặt. Lực lượng quần chúng có tổ chức chưa đủ mạnh và lực lượng vũ trang thì bộ đội địa phương còn nhỏ bé, du kích không nhiều, lực lượng chủ lực chỉ vỏn vẹn một trung đoàn 812. Sự cân nhắc thận trọng sức lực của mình trước nhiệm vụ lớn lao như vậy hoàn toàn phù hợp với tinh thần trách nhiệm của một cán bộ có kinh nghiệm chiến đấu thực tế. Thay mặt Bộ Tư lệnh Miền, tôi đã phân tích tình hình chung trên toàn chiến trường, các yếu tố thuận lợi trong giai đoạn chiến lược này sẽ tạo ra sức mạnh rất lớn cho quân khu hoàn thành nhiệm vụ. Với sự phối hợp của các lực lượng bạn, quân và dân trong quân khu, Trung đoàn 812 chủ lực, sẽ đóng góp xứng đáng chiến công của mình, sẽ giành thắng lợi to lớn

như các chiến trường khác. Đồng chí yên tâm, hứa cố gắng tối đa, nhưng tôi cảm thấy ở đồng chí vẫn còn nhiều lo lắng. Mặc dù vậy, tôi biết rằng đồng chí sẽ hoàn thành nhiệm vụ vì tin ở trên, tin ở sự nỗ lực chung của toàn chiến trường trong giai đoạn quan trọng này.

Quân khu 7 do đồng chí Đại tá Lê Văn Ngọc - Quyền Tư lệnh - thay cho Tư lệnh Quân khu là Thiếu tướng Nguyễn Văn Bứa (tức Hồng Lâm) đang dưỡng bệnh - và đồng chí Đặng Ngọc Sĩ - Phó Tư lệnh Quân khu kiêm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 6 có mặt ở Miền để nhận nhiệm vụ. Các đồng chí trình bày về sự yếu kém của sư đoàn thiếu của mình, yêu cầu Miền bổ sung gấp về quân số và trang bị, nhưng hứa chắc vượt mọi khó khăn để thực hiện đúng kế hoạch. Nhiệm vụ quan trọng nhất của Quân khu là phối hợp với Trung đoàn 812 của Quân khu 6 nhanh chóng quét sạch địch ở khu vực Tánh Linh, Võ Đắc thuộc tỉnh Bình Tuy để thành bàn đạp thuận lợi cho Quân đoàn 4 tấn công Xuân Lộc và Biên Hòa, Sài Gòn, cắt đứt cho được đường 1 từ Xuân Lộc đến Rừng Lá để cô lập Sài Gòn với ven biển miền Trung, đường 15 Sài Gòn - Vũng Tàu và tham gia tấn công địch với Quân đoàn 4.

Về Quân đoàn 4, tới lúc này cũng vẫn chỉ gồm có hai sư đoàn 7 và 9, các binh chủng vẫn rất yếu. Ban đầu theo yêu cầu của B2, Bộ Tổng Tham mưu dự định điều Sư đoàn 968 từ Tây Nguyên vào để kịp củng cố Quân đoàn. Sau đổi lại, thay bằng Sư đoàn 316. Nhưng, đều không được. Cuối cùng đã quyết định lấy Sư đoàn 341, đang xây dựng và đứng ở vùng Quân khu 4 của ta, hành quân cấp tốc vào. Ngày 11/02/1975, tôi đã điện ra Bộ Tổng Tư lệnh đề nghị điều gấp sư đoàn vào. Điện viết: “Đề nghị cho đơn vị anh Trần (tức Sư trưởng Sư đoàn 341) vào sớm. Đầu tháng 3 cố gắng vào được một nửa thì mới kịp”. Chúng tôi phải điều động sẵn một số cán bộ đã quen thạo chiến trường và đã dày dạn chiến đấu để khi đơn vị vào đến là tăng cường ngay và huấn luyện cấp tốc về chiến thuật (Sư đoàn chưa thực tế chiến đấu nhiều). Chúng tôi cũng sẵn sàng một đơn vị trinh sát kỹ thuật gồm chiến sĩ quen thạo và các máy móc thiết bị nhẹ nhàng cần thiết cho công tác để giao cho tham mưu sư đoàn sử dụng. Nói chung Quân đoàn 4 vẫn còn thiếu cả bộ binh và binh chủng theo biên chế. Thế mà kế hoạch hoạt động của Quân đoàn do Bộ Tư lệnh Miền chỉ thị lại chia làm 2 hướng, hướng Bình Long, Bình Dương, Tây Ninh và hướng đường 20, Long Khánh, Biên Hòa. Mỗi hướng như vậy phải do một sư đoàn trong Quân đoàn kết hợp với lực lượng Quân khu 7 và lực lượng các tỉnh tại chỗ cùng hoạt động. Các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân đoàn đã trình bày nguyện vọng và ý kiến của mình là được tập trung toàn quân đoàn về một hướng để có đủ sức mạnh chiến đấu hơn, để thực hiện được đòn tiêu diệt tạo thói động chung cho chiến trường. Chúng tôi ở Bộ Tư lệnh Miền đã suy nghĩ nhiều, cân nhắc

nhiều mặt về vấn đề này. Thành lập quân đoàn, mục đích chính là để sử dụng tập trung và có sức mạnh đánh tiêu diệt, vừa giành thắng lợi lớn, vừa rèn luyện cho đơn vị trưởng thành, chúng tôi hoàn toàn thông cảm với những lo lắng và suy nghĩ của Quân đoàn. Nhưng tiếc rằng chúng ta đang ở thời kỳ mà sự diễn biến trên chiến trường sẽ rất nhanh chóng. Trận đánh Buôn Ma Thuột chắc chắn sẽ gây một thổi động mạnh trên toàn miền Nam và buộc địch ở chiến trường miền Đông Nam Bộ có thủ đô Sài Gòn đầu não này phải gấp rút đi vào phòng ngự thật vững chắc. Đây cũng là nơi mà địch sẽ phản ứng nhanh và mạnh với sự cố gắng tối đa để đảm bảo sống còn. Ta muốn thắng địch không phải chỉ biết tập trung nhiều và mạnh mà chủ yếu là có những biện pháp, những thủ đoạn phân tán quân địch, lừa địch, làm cho chúng không phán đoán nổi ý định của ta, để ta đánh những trận bất ngờ, chắc thắng. Sự thành lập quân đoàn của ta đã là chậm rồi. Lực lượng xin thêm để đủ bố trí ở các hướng theo một thể chiến lược chiến dịch dự kiến cho mọi tình huống xảy ra kể cả tình huống đột biến về quân sự, chính trị, đến nay chưa có. Như vậy, với lực lượng hiện có trong tay, ta phải biết bố trí và sử dụng thế nào cho có lợi nhất, giành thắng lợi lớn nhất và kịp thời nhất. Chiến trường B2 có trách nhiệm lớn lao là đảm bảo trận đánh quyết định cuối cùng vào Sài Gòn đúng lúc và thành công chắc chắn. Muốn vậy phải sớm tạo đủ điều kiện thuận lợi cho triển khai lực lượng mọi mặt, phải áp sát vây chặt Sài Gòn, phải mở các bàn đạp xuất phát tấn công ở các hướng, phải sẵn sàng cho mọi tình huống, phải hành động được ngay khi thời cơ xuất hiện, khi có lệnh. Nếu ta đã phải dự kiến kế hoạch tấn công và nổi dậy vào Sài Gòn từ trong mùa mưa 1974 để vạch kế hoạch mùa khô thì nay lại càng phải sẵn sàng cho việc tiến hành cuộc tấn công và nổi dậy ấy. Mặc dù quân đoàn còn thiếu nhưng với những sư đoàn thiện chiến và quen thạo chiến trường cùng những cán bộ dày dạn, là lực lượng chủ chốt nhất có trong tay Bộ Tư lệnh Miền, cho nên việc sử dụng nó phải được cân nhắc hết sức kĩ lưỡng, phải thật phù hợp với chiến dịch và cả chiến lược, phù hợp với thời kỳ hết sức quan trọng hiện nay. Ở chiến trường miền Đông Nam Bộ vào thời điểm này, ta muốn tập trung về một hướng cho mạnh thì địch cũng sẽ tập trung vào một hướng mà đối phó quyết liệt. Ta phải giữ quyền chủ động linh hoạt không để bị kẹt vào thế giằng co kìm cứng nhau giữa ta và địch. Ta muốn có đòn tiêu diệt sinh lực có kết quả thì phải đánh vào điểm then chốt, kéo được địch để diệt mà giờ đây địch lại sẽ sống chết giữ cho được những nơi then chốt ấy. Vì vậy mà quyết tâm của Miền là sử dụng Quân đoàn ở 2 hướng nhằm mở rộng bàn đạp ở cả các hướng bắc, tây bắc và đông Sài Gòn, mở và diệt địch bất ngờ ở những nơi rất có lợi cho ta mà chưa phải đụng chạm vào nơi thiết yếu của địch, đồng thời lại triển khai được lực lượng của ta cho cuộc tấn công khi cần thiết cấp bách. Lực lượng ta ít mà thành mạnh, đánh thắng được liên tục.

Một hướng quan trọng khác của chiến trường B2 là diệt địch mở rộng phía tây tỉnh Tây Ninh, vùng Bến Cầu - Quáo Ba nhằm tạo bàn đạp cho hướng tấn công phía tây vào Sài Gòn cũng như cho mũi bao vây Sài Gòn từ tây nam chia cắt với đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, Bộ Tư lệnh Miền đã sử dụng ở đây Sư đoàn 5 và Sư đoàn 3. Sau này để đảm bảo thành công đối với hướng tây (hướng có nhiều khó khăn nhưng rất quan trọng) Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định thành lập Đoàn 232, tương đương với quân đoàn để chỉ huy thống nhất cả 2 sư đoàn và lực lượng địa phương tại chỗ, các binh chủng phối thuộc. Đồng chí Năm Ngà (Thiếu tướng Nguyễn Minh Châu) - một con người cần cù và dũng cảm, xem trọng nghĩa tình, đã có nhiều kinh nghiệm về chỉ huy chiến đấu của chủ lực từ cuộc kháng chiến chống Pháp ở cực Nam Trung Bộ, đã trực tiếp chỉ huy chiến đấu ở Bình Tuy đợt 1 mùa khô, từng công tác tham mưu nhiều năm ở Miền, nay được chỉ định làm Tư lệnh Đoàn. Chính ủy là đồng chí Tám Trần, tức Thiếu tướng Trần Văn Phác, các tư lệnh phó: đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Văn Nghiêm và đồng chí Thiếu tướng Bùi Thanh Vân (tức Út Liêm).

Đối với đặc công và biệt động nội thành để chỉ huy thống nhất chặt chẽ theo hướng, Bộ Tư lệnh Miền đã quyết định lập các bộ chỉ huy các cánh. Cánh Bắc Sài Gòn do các đồng chí Mười Cơ (Nguyễn Thanh Tùng) và Nguyễn Văn Tăng - anh hùng quân đội; cánh Tây Nam do đồng chí Nguyễn Văn Mây và Nguyễn Văn Hát; cánh Đông do đồng chí Tống Viết Dương và đồng chí Lê Bá Ước chỉ huy.

\*

\*   \*

Ngày N nổ súng mở đầu đợt 2 mùa khô 1974-1975, hay thực sự là mở đầu cuộc tổng tấn công và nổi dậy trên toàn Miền, theo quy định của Bộ Tổng Tư lệnh, “Đêm 9 rạng ngày 10/3/1975”. Ngày đó đã đến. Phối hợp với chiến trường chung, trên toàn B2, từ núi rừng Khu 6 đến đồng bằng sông Cửu Long, vùng ven đô thị; từ quân chủ lực đến địa phương, dân quân du kích đều nhất tể xông lên nô nức diệt địch. Cả B2 đồng loạt nổi dậy và tiến công! Trừ một vài khu vực gặp khó khăn lúc đầu, tốc độ tấn công chậm, thắng lợi có hạn chế như ở vùng Hậu Giang của Quân khu 9, ở tỉnh Bến Tre thuộc Quân khu 8, còn các chiến trường khác đều thuận lợi, thực hiện đúng như kế hoạch đã dự kiến. Thắng lợi giòn giã.

Ở khu vực thành phố Sài Gòn, lực lượng của thành đội và đặc công, theo lối đánh tuyệt đối bí mật, bất ngờ, đảm bảo thắng lợi của mình mà không hại gì đến chiến trường chung, đã được phép nổ súng từ đêm 08 rạng 09/3. Hàng loạt đồn bót địch, ở các hướng cần mở cho triển khai lực lượng và hành động sắp tới của đặc công và biệt động, lần lượt bị diệt. Lực lượng phòng vệ dân sự vừa bị tấn công mất



tin tức, vừa được nhân dân giáo dục vận động đã tan rã nhiều trong thời gian này: Sức kềm của địch ở nhiều vùng sát nội thành bị lỏng. Những thắng lợi nổi bật là một số đồn bót địch ở Hóc Môn, trên đường 8 và vùng sông Rạch Tra, là nơi địch rất chú trọng phòng ngự cho phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất và Sài Gòn cũng bị diệt. Ở Bình Chánh, chỉ huy sở Tiểu đoàn 86 biệt động quân đóng ở Tân Túc bị đánh thiệt hại nặng. Ở Thủ Đức kho hóa chất Sicona của địch bị phá khoảng 40%. Kho xăng Vũng Bèo bị cháy. Và ngày 20/3/1975 Tiểu đoàn Quyết Thắng phối hợp với bộ đội địa phương và du kích đã đánh diệt một đoàn xe vận tải 51 chiếc chở đạn có hộ tống ở Củ Chi, trên đường 1, tiêu diệt và gây thiệt hại nặng cho 4 đại đội địch đến tiếp cứu...

Ở đồng bằng sông Cửu Long, Sư đoàn 4 của Quân khu 9 cùng lực lượng địa phương và du kích đã giải phóng Kinh Xáng, Ô Môn, Thị Đội, vào sát Thới Lai, kinh xáng Xà No, diệt và bức rút nhiều đồn bót, giải phóng một số xã. Tại Vĩnh Trà, hai trung đoàn 1 và 3 phối hợp chặt chẽ với lực lượng tại chỗ tiến hành bao vây yếu khu Thủy Phó, quét các đồn bót trên lộ Vĩnh Xuân, diệt 2 tiểu đoàn địch đến ứng cứu, buộc địch ở yếu khu này rút chạy, đánh thiệt hại các chi khu Cái Nhum, Cái Vồn, từng lúc cắt đường 4 và căn bản làm chủ tuyến sông Măng Thít. Tại Long An, ngay từ ngày 09/3/1975, Tiểu đoàn 1 của tỉnh đã tiêu diệt 1 tiểu đoàn bảo an ở huyện Bến Lức. Sư đoàn 8 của Quân khu 8 bước vào đợt ngày 11/3/1975 đã diệt gọn căn cứ Ngã Sáu, một điểm quan trọng ở khu vực Cái Bè (ven Đồng Tháp Mười) thuộc tỉnh Mỹ Tho. Địch dùng Trung đoàn 10 của Sư đoàn 7 ngụy phản kích quyết liệt để chiếm lại ngày 14/3/1975, bị ta diệt 2 tiểu đoàn và tiểu đoàn thứ ba bị diệt nốt khi ta đánh chiếm căn cứ lần thứ hai. Nhiều đồn bót khác ở hai huyện Cái Bè và Cai Lậy cũng bị diệt và rút chạy. Trong lúc đó Sư đoàn 3 và Sư đoàn 5, từ ngày 11 đến ngày 14/3/1975 đã tiêu diệt địch giải phóng hoàn toàn vùng Bến Cầu, Mộc Bài, An Thạnh, Trà Cao, và đến ngày 20/3/1975 dứt điểm Quáo Ba thuộc huyện Đức Huệ, mở thông hành lang phía tây tỉnh Tây Ninh xuống tới Đồng Tháp Mười, làm chủ một vùng rộng bờ tây sông Vàm Cỏ Đông nằm dài trên hai tỉnh Tây Ninh và Long An, đúng như kế hoạch đã vạch ra. Đây là vùng Mỏ Vẹt nổi tiếng mà trước kia Mỹ rất sợ, cho đó là bàn đạp lợi hại của “Việt cộng” uy hiếp Sài Gòn từ phía tây, chúng đã từng hành quân đánh phá nhiều lần, có lúc rải bom và đặt mìn dày đặc cố biến nơi đây thành khu tử địa. Đặc biệt là năm 1970, quân Mỹ và ngụy đã vượt qua vùng này đánh sâu vào Campuchia, bắt đầu thời kỳ mở rộng chiến tranh Việt Nam thành chiến tranh Đông Dương. Ngày nay vùng Mỏ Vẹt ấy, qua chiến trận này đã được quét sạch quân địch và mở rộng về phía đông giáp sông Vàm Cỏ Đông và về phía nam gần đến sông Vàm Cỏ Tây, trở thành vùng bàn đạp của ta vững chắc gấp nhiều lần so với trước. Mối mùa khô năm 1974 đây thôi, Quáo Ba vừa bị uy hiếp,



Quân đoàn 3 ngay đã tức tốc phái đến 6 chiến đoàn đặc nhiệm càn quét và bảo vệ trong một thời gian. Thế mà nay, thế tàn và lực tận, ngay đành nhìn bàn đạp đối phương tiến sát vào phía tây Sài Gòn một cách nguy hiểm hơn trước gấp bội.

Như vậy là vào đợt 2 chưa đầy 1 tháng, quân và dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được những thành tích cao, tiếp tục phá bình định, giành dân giành quyền làm chủ sông nổi và có kết quả. Còn ở miền Đông Nam Bộ, trên bờ tây sông Sài Gòn, ngày 11/3/1975, Trung đoàn 16 tiêu diệt điểm chốt Ông Hùng thì ngày 12 Sư đoàn 9 đánh chiếm chi khu Tri Tâm, đến ngày 13 giải phóng toàn bộ quận Dầu Tiếng bên bờ đông sông Sài Gòn, và khu vực Bến Củi ở phía tây sông. Ngày 17/3/1975 điểm Cầu Khởi bị diệt, ta làm chủ một đoạn đường 26 chạy dọc theo cánh đồng tỉnh Tây Ninh. Thế là hai bên bờ sông Sài Gòn ta đã giải phóng một vùng rộng lớn tạo bàn đạp cho hướng tấn công vào Sài Gòn từ tây bắc. Địch đã dùng Lữ 3 kỵ binh cùng một lực lượng của Sư đoàn 25 phản kích ở lộ 2 suối Ông Hùng. Đây là thời cơ tốt để ta tiêu diệt một lực lượng thiết giáp quan trọng của Quân đoàn 3, nhưng do khuyết điểm trong công tác chuẩn bị và tác chiến, ta chỉ gây thiệt hại nặng cho địch và buộc địch lui về phòng ngự từ Bầu Đồn về phía nam. Lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh lúc này đã phối hợp rất đẹp bằng cách đánh thẳng vào lộ 22, cắt đứt lộ này từng nơi và từng thời gian, buộc Sư đoàn 25 ngay phải ra sức giữ đường để đảm bảo cho Tây Ninh không bị cô lập. Về hướng đông, Sư đoàn 6 Quân khu 7 từ 15 đến 18/3/1975 đã mở rộng giải phóng lộ 2 Xuân Lộc đi Bà Rịa, giải phóng hoàn toàn lộ 3 từ Hoài Đức đi Gia Ray, ngày 20/3/1975 chiếm ngã ba Ông Đồn, Suối Cát và đến 28/3/1975 đã làm chủ một đoạn dài 50km trên quốc lộ 1 từ Suối Cát đến Rừng Lá, cắt đứt con đường huyết mạch nối liền ven biển miền Trung với Biên Hòa - Sài Gòn. Trung đoàn 812 của Quân khu 6 đã tiêu diệt xong Võ Đắc, giải phóng toàn bộ một vùng rộng của tỉnh Bình Tuy, 2 huyện Hoài Đức và Tánh Linh, tạo một bàn đạp tốt cho Quân đoàn 4 sau này tấn công Xuân Lộc và Biên Hòa. Sau đó Trung đoàn theo đúng kế hoạch đã hành quân nhanh chóng lên phối hợp với Sư đoàn 7 trên lộ 20 đi Đà Lạt. Ngày 15/3/1975, Sư đoàn 7 nổ súng tấn công, ngày 18 đã chiếm xong quận lỵ Định Quán, một cứ điểm kiên cố dựa lưng vào núi đá chống, án ngữ con đường 20 quan trọng. Sau khi diệt xong Định Quán, Sư đoàn đã đánh chiếm yếu khu Đa Oai và cùng lực lượng tại chỗ quét sạch địch mở rộng làm chủ đường 20 và đến ngày 28/3/1975 hành quân cơ giới tấn công trong hành tiến chớp nhoáng giải phóng thị xã Lâm Đồng, chỉ trong 2 tiếng đồng hồ. Như vậy là ta đã hoàn thành việc mở rộng và nối liền căn cứ quan trọng của ta hoàn chỉnh vững chắc từ Đồng Tháp Mười phía tây Sài Gòn chạy qua tây và bắc tỉnh Tây Ninh đến Phước Long, chiến khu A Bắc Biên Hòa và đến Bình Tuy Bà Rịa giáp Biển Đông: Sài Gòn thực tế đã bị bao vây từ tây qua bắc

và đông bắc. Trung đoàn 812 được một bộ phận của Sư đoàn 7 chi viện, tận dụng thời cơ, tiến chiếm thị trấn Di Linh. Thế là toàn bộ tỉnh Lâm Đồng đã được giải phóng. Đây là một thắng lợi lớn trên chiến trường miền Đông Nam Bộ trong thời điểm này. Nó làm cho thế ta rất mạnh từ bắc qua đông Sài Gòn và làm thất bại mưu đồ co cụm phòng ngự của địch.

Trong quyển sách *Khoảng cách thời gian vừa phải* ở phần II - Chung cuộc, tác giả Frank Snepp đã viết: “Ngày hôm sau, lực lượng cộng sản đã mở một mặt trận mới ở phần phía nam vùng này (Vùng 2 chiến thuật ngự) và tiến về thị xã Lâm Đồng cách Sài Gòn 3 tiếng đi ô tô mà không hề gặp phải sự kháng cự nào (đúng ra là sự kháng cự bị đè bẹp nhanh chóng). Chính lúc này Thiệu và tướng tá của mình lại một lần nữa bàn cãi và cân nhắc khả năng thành lập một tuyến phòng thủ ngay phía bắc thành phố (Sài Gòn) chạy từ Tây Ninh tới Nha Trang. Trước khi màn đêm buông xuống, Polgar (trùm CIA Mỹ ở Việt Nam) đã đích thân đến dinh tổng thống báo cho Thiệu và tướng tá của ông ta biết rằng kế hoạch của họ đã bị đánh phủ đầu. Bởi vì tỉnh Lâm Đồng, cái xương sống của tuyến phòng ngự, đã bị rơi vào tay quân Bắc Việt Nam”.

Mất tỉnh Lâm Đồng, mất đường 20 thì thị xã Đà Lạt và toàn tỉnh Tuyên Đức (theo tên đặt của chính quyền ngự) bị cô lập. Con đường 11 nối thông Đà Lạt đến Phan Rang ven biển là con đường độc đạo, đèo cao dốc đứng và quanh co rất nguy hiểm, không thể cứu sống cho thành phố này. Giải phóng Đà Lạt thuộc trách nhiệm của B2, nhưng lực lượng của B2 đã ít và phải lo áp sát Sài Gòn nên không thể lên giải phóng tỉnh Tuyên Đức. Khi ấy toàn bộ Tây Nguyên đã được giải phóng, lực lượng của ta ở đây mạnh có thể xuống chiếm Đà Lạt và tiến luôn về miền Đông Nam Bộ rất thuận lợi và kịp thời. Vì vậy tôi đã điện đến anh Văn Tiến Dũng, lúc này đang chỉ huy các lực lượng ở chiến trường Tây Nguyên, bức điện nội dung như sau: “Đề nghị anh cho lực lượng xuống giải phóng Đà Lạt, lực lượng chúng tôi phải đi về phía trước, hướng Sài Gòn, nên không thể lên đây được”. Anh Dũng đã trả lời đồng ý. Nhưng quân địch rất hoang mang sợ hãi và bị lực lượng vũ trang của ta tại chỗ uy hiếp, đã rút chạy khỏi Đà Lạt. Một bộ phận của Trung đoàn 812 cùng lực lượng địa phương tiến vào chiếm Đà Lạt ngày 04/4/1975 và truy kích địch giải phóng luôn đường 11 sát đến sân bay Thành Sơn. Toàn tỉnh Tuyên Đức có thành phố Đà Lạt quan trọng đã được giải phóng.

Về phía bắc Sài Gòn, sau khi Dầu Tiếng được giải phóng, thị xã An Lộc của tỉnh Bình Long (tên đặt của chính quyền) bị bao vây chặt. Ở đây, ta dùng các lực lượng chiết ra từ các cơ quan của Bộ Tư lệnh Miền kết hợp với bộ đội địa phương và du kích uy hiếp tấn công địch từ ngày mở đầu đợt 2 mùa khô. Ngày 23/3/1975

quân địch rút chạy về Chơn Thành, một huyện lỵ quá về phía nam trên đường 13. Lúc này Sư đoàn 341 Trung ương cho đã vào đến một bộ phận. Ta dùng 1 trung đoàn của Sư đoàn này cùng một lực lượng của Sư đoàn 9 truy kích và tấn công luôn Chơn Thành. Đêm 31/3/1975, sau khi bị thiệt hại nặng, tàn quân địch chạy thoát khỏi Chơn Thành. Toàn tỉnh Bình Long được giải phóng. Căn cứ chủ yếu của ta trải rộng hoàn chỉnh về sát Sài Gòn, nơi mà những căn cứ của Sư đoàn 5 địch là Lai Khê, Phú Lợi, của Sư đoàn 25 ngụy là Đồng Dù trở thành tiền tiêu bảo vệ Sài Gòn từ hướng Bắc đến Tây Bắc. Thế mà đến lúc này địch vẫn mù quáng ra sức giữ Tây Ninh, một thị xã đã trở thành xa xôi cô lập về phía sau, chỉ vì sợ xuất hiện một thủ đô của Chính phủ cách mạng.

Chiến trường B2 trong tháng 3 đã giành thắng lợi lớn nhờ tích cực phối hợp với chiến trường chính Tây Nguyên, tận dụng được sự thoái động của trận đánh Buôn Ma Thuật và tiếp sau đó. Sự hành động nhịp nhàng của toàn miền Nam trong cuộc tấn công và nổi dậy đồng loạt mạnh mẽ là kết quả bước suy sụp và tan rã nhanh chóng của ngụy quân ngụy quyền. Từ Hà Nội, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã theo dõi thật sát tình hình chung, tình hình cụ thể của từng chiến trường, thông báo kịp thời mọi diễn biến cho từng nơi, chỉ đạo và uốn nắn hoạt động đúng lúc cho mọi hướng. Có thể nói, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã chỉ đạo và thực tế chỉ huy hợp đồng tất cả các chiến trường, điều khiển hành động tất cả các cánh quân.

Ngày 11/3/1975, ta đã dứt điểm về cơ bản thị xã Buôn Ma Thuật. Từ Sở Tổng Chỉ huy nhận được báo cáo thắng lợi này, đồng chí Lê Duẩn đã nêu: “Trước đây ta dự kiến 2 năm, nay có Phước Long, Buôn Ma Thuật ta có thể đẩy mạnh hơn, đây có phải là mở đầu cuộc tổng tấn công và nổi dậy không?”. “Sự nhạy bén trước tình hình như vậy luôn là chìa khóa cho những bước đi kịp thời. Sự thông báo chiến thắng đã là một cổ vũ lớn rồi, nhưng lúc nào Trung ương cũng thúc đẩy các chiến trường vươn lên đánh mạnh, giành thắng to. Ngày 12/3/1975, trong một bức điện của đồng chí Võ Nguyên Giáp gửi cho đồng chí Văn Tiến Dũng ở Tây Nguyên có đoạn:

“Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương dự kiến là nếu địch bị tiêu diệt một bộ phận sinh lực lớn, thị xã Buôn Ma Thuật và nhiều quận lỵ khác bị mất, đường 19 bị cắt thì lực lượng địch còn lại ở Tây Nguyên sẽ cụm lại ở Pleiku và cũng có thể chúng buộc phải rút lui chiến lược bỏ Tây Nguyên. Do đó, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương chỉ thị cần hình thành ngay việc bao vây Pleiku, triệt hạ cả đường bộ lẫn đường không của địch, chuẩn bị tốt việc tiêu diệt địch trong cả 2 tình huống”<sup>1</sup>.

---

1. Trích *Đại thắng mùa Xuân* của đồng chí Văn Tiến Dũng, tr.104-105.

Rõ ràng ta đã dự đoán chính xác sớm những hành động của địch. Mãi đến ngày 14/3/1975, trước tình hình khốn quẫn Thiệu mới họp với tướng tá của y ở Cam Ranh quyết định rút bỏ Tây Nguyên. Ngày 15 chúng bí mật thực hiện kế hoạch một cách vật vờ hỗn độn thì ngày 16 từ Hà Nội đã thông báo là sở chỉ huy tiền phương của Quân đoàn 2 ngụy và lãnh sự Mỹ từ Pleiku đã chuyển về Nha Trang. Và từ ngày 18 đến ngày 24/3 quân địch rút chạy đã hoàn toàn bị diệt và rã. Tây Nguyên được giải phóng.

Toàn B2 vui mừng phấn khởi, được thúc giục hành động do các tin chiến thắng của các chiến trường khác thông báo kịp thời. Phối hợp với toàn Miền, quân dân Trị Thiên cũng vùng lên tấn công và nổi dậy mạnh mẽ và ngày 19/3/1975 đã giải phóng Quảng Trị. Quân khu 1 ngụy rung động rục rịch rút chạy khỏi Huế thì ngày 18/3/1975, Bộ Tổng Tư lệnh đã ra lệnh Quân khu Trị Thiên cắt đứt đường 1, Nam Huế, không cho Sư đoàn 1 rút về Đà Nẵng. Quân ngụy rối loạn. Chỉ còn con đường thoát chết độc nhất là chạy ra cửa biển Thuận An để rồi bị Quân đoàn 1 và lực lượng Quân khu Trị Thiên tiêu diệt ở đây vào ngày 25/3/1975. Cổ đô Huế được giải phóng lần thứ 2 (lần thứ nhất là Tết Mậu Thân năm 1968) và vĩnh viễn. Cũng như vậy đối với Đà Nẵng, ngày 18/3/1975, Bộ Tổng Tư lệnh đã ra lệnh cho Khu 5 phải khẩn trương và táo bạo tấn công, cắt đứt đường 1 phía nam Đà Nẵng nhằm bao vây tiêu diệt không cho quân địch co cụm về Đà Nẵng và chạy về Nam. Trước tình hình thuận lợi, chấp hành lệnh của trên, Sư đoàn 2 Quân khu cùng lực lượng địa phương đã kiên quyết tấn công diệt địch, giải phóng Tam Kỳ, Tuần Dương, Chu Lai. Quân và dân Quảng Ngãi kết hợp tấn công và nổi dậy cũng đã tự mình giải phóng toàn bộ tỉnh nhà. Như vậy là một vùng rộng lớn và đường 1 ở phía nam Đà Nẵng đã được giải phóng. Quân địch ở Đà Nẵng đã bị bao vây chỉ còn hướng chạy ra biển, bị Quân đoàn 2 và lực lượng Quân khu 5 tiêu diệt và tan rã vào ngày 29/3/1975 trong một cảnh tượng vô cùng bi đát không kém gì ở Tây Nguyên và ở Huế. Tất cả những tin này chúng ta đều biết sớm trừ tin hiếm có trong lịch sử chiến tranh: tên tướng giỏi nhất của ngụy lao xuống Biển Đông bơi ra tàu để thoát chết. Frank Snepp kể lại (trong sách đã dẫn):

“Sáng 29/3/1975, tướng Ngô Quang Trưởng, một viên tướng có tiếng là chỉ huy giỏi nhất trong quân đội Nam Việt Nam đã phải vùng vẫy trên những lớp sóng cũng chẳng hiền từ gì cho cam để ra khỏi Đà Nẵng. Ông ta cũng vào loại bơi kém, nên một người phụ tá đã phải giúp ông ta khi ông ta bơi tới một chiếc thuyền tuần tiểu của Việt Nam Cộng hòa đã chờ sẵn. Suốt hai ngày sau đó ông ta ở lại trên tàu ngắm nhìn những bọn tàn quân của một quân đội đáng tự hào một thời của mình đang đột phá và cướp bóc thành phố lớn thứ 2 ở miền Nam. Có lẽ

sau này một vài chiến hữu của ông ta sẽ chỉ trích ông, buộc cho ông cái tội nhút nhát không dám ở lại để rồi cùng chết với quyền chỉ huy của mình. Trong số hai triệu người tị nạn vẫn đang ở Đà Nẵng, ắt hẳn có 100.000 là binh lính chạy trốn từ các sư đoàn 1, 2 và 3 và sư đoàn thủy quân lục chiến nổi tiếng, tất cả đều không khác gì những con chuột mắc bẫy. Giờ thì họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì từ phản bội, ăn cắp, giết hại lẫn nhau để mong tìm được một phương kế chạy trốn cho bản thân và gia đình họ”.

Sự nhận định tình hình một cách nhạy bén, phán đoán chính xác và kịp thời, chỉ đạo linh hoạt, chỉ huy kiên quyết và tài tình của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đã phá hỏng mọi kế hoạch chiến lược và chiến dịch của Mỹ - ngụy. Chúng muốn rút lui, bảo toàn thực lực để co cụm về Quân khu 3 và 4, một chiến trường có đủ nhân vật lực để vơ vét và có thể chi viện của Mỹ, nhưng không cách nào thực hiện nổi. Chúng đã bị chặn các ngã đường, đã bị bao vây chia cắt về chiến dịch và chiến lược. Ta đã dùng cách đốn cây từ gốc nên “chuột đã mắc bẫy” cả ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng và cả về phía nam. Cách tổ chức và bố trí lực lượng của ta: Cơ động từng khu vực, sẵn tại chỗ kết hợp với lực lượng địa phương và dân quân rộng rãi trên khắp các chiến trường của một cuộc chiến tranh nhân dân cách mạng là vô cùng lợi hại. Kẻ địch ở đâu cũng bị đánh, bị bao vây rất kịp thời, thần tốc, không chạy đi đâu thoát, không cụm vào đâu được. Cách sử dụng lực lượng tổng hợp, cả lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của nhân dân trong một cuộc tổng tấn công và nổi dậy đều khắp là một sức mạnh vô địch đánh ngã kẻ thù trong lúc chúng còn trong tay cả triệu quân và trang bị đầy đủ, có quan thầy đứng phía sau làm cột trụ.

Trong khi ở phía bắc như vậy thì ở chiến trường B2, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương cũng kịp thời thông báo tình hình, chỉ đạo cụ thể thúc đẩy mạnh dạn tấn công địch, nhất thiết không cho địch co cụm bất cứ đâu. Chúng ta đã chấp hành nghiêm chỉnh và đã giành thắng lợi lớn trong tình hình cụ thể của chiến trường và tương quan ta địch. Chuyên gia CIA Mỹ đã nhận xét: “Quá về phía nam ở Quân đoàn 3, quân chính phủ cũng tiếp tục xuống dốc, có lẽ không nổi bật bằng, nhưng hậu quả cũng như nhau: mất đất và mất sự linh hoạt về chiến thuật. Khoảng ngày 20/3/1975, hai sư đoàn quân đội Việt Nam Cộng hòa bị cầm chân vào việc bảo vệ Tây Ninh và vùng Tây Bắc của khu vực này. Một số chỉ huy của chính phủ muốn rút lui hoặc là đưa thêm một sư đoàn từ vùng châu thổ đến làm dự trữ lưu động. Nhưng Thiệu không đồng ý cả hai cách. Thiệu cho rằng, bỏ Tây Ninh thì sẽ làm mất tinh thần quân đội và thường dân ở các vùng khác và rút lực lượng ở vùng Châu Thổ đến thì có nghĩa là bỏ những vùng rộng lớn cho địch bởi vì cả ba sư đoàn quân đội Việt Nam Cộng hòa ở đó đã bị căng ra đến mức giới hạn rồi.



Nếu ở đây chỉ là một ván cờ thì Thiệu đã thua rồi. Thiệu đã bị chiếu tướng trên tất cả các mặt trận” (Frank Snepp trong sách đã dẫn).

Trước tình hình chung toàn miền Nam diễn biến hết sức nhanh chóng, nhanh chóng hơn ta dự kiến nhiều, tạo những điều kiện rất thuận lợi để các chiến trường giành thắng lợi lớn nhất. Chúng tôi trong Quân ủy Miền cũng như trong Trung ương Cục làm việc rất khẩn trương, ngày đêm theo dõi chặt các khu, các đơn vị, tin chiến thắng tới tấp gửi về, điện chỉ đạo đánh đi không ngớt. Nhưng vẫn cảm thấy mình còn chậm, lực lượng vũ trang không đủ sức khai thác hết tình hình. Anh Bảy Cường đã gửi đi mấy điện xin Bộ Chính trị thêm gấp lực lượng. Ngày 23/3/1975, tôi nhận được Điện số 81/TK của anh Dũng, nội dung cho biết tình hình chung, phác họa sự phát triển tấn công sau khi giải phóng xong Tây Nguyên là theo đường 19, đường 7 và đường 21 nhằm diệt Sư đoàn 22, giải phóng Bình Định, Phú Yên rồi tiếp là Khánh Hòa, Diên Khánh. Điện viết: “Trước mắt chưa có lực lượng đưa vào trong anh. Khi đã đưa vào là lúc cả thời cơ làm trận quyết chiến cuối cùng. Muốn vậy phải chuẩn bị chiến trường sẵn”. Cuối điện, anh bảo suy nghĩ sẵn về trận cuối cùng để ra chỗ anh, gặp và bàn với anh Sáu<sup>1</sup>.

Đọc xong điện tâm trạng tôi không vui lắm. Một là chưa thể có thêm lực lượng. Hai là biết rằng các sư đoàn ở Tây Nguyên phát triển tấn công về hướng đông ra biển. Điều này tôi nghĩ rằng không giống như khi bàn trong Hội nghị Bộ Chính trị tháng Giêng năm 1975. Hồi đó tôi còn nhớ anh Ba đã kết luận: sau khi giải phóng Tây Nguyên rồi thì lực lượng ở đây nhanh chóng phát triển xuống phía nam. Vừa nói anh vừa xòe cả bàn tay quét sát trên bản đồ từ Tây Nguyên xuống đến Sài Gòn. Tôi không quên được hình ảnh này đã làm tôi xúc động lúc đó, vì nó phù hợp với sự suy nghĩ của tôi. Tôi nghĩ rằng nếu cả Quân đoàn 3 xuống ngay miền Đông Nam Bộ thì ta có thể đánh vào Sài Gòn sớm hơn, đúng thời cơ hơn, quân địch ở miền Trung không thể co về kịp. Và lại ven biển đã có Quân đoàn 2 cùng lực lượng của Quân khu 5 đủ sức tiêu diệt địch. Nhưng ngày hôm sau tôi nhận được bản sao bức điện của anh Sáu Mạnh<sup>2</sup> gửi anh Bảy Cường, Điện số 71 ngày 23/3/1975:

“Đã điều anh Trần (ám chỉ Sư đoàn 341) vào. Cán bộ (ám chỉ Sư đoàn) như anh ấy là loại khá, có năng lực. Sắp tới dự định điều thêm cho anh độ 3 cán bộ (tức 3 sư đoàn) có năng lực như vậy. Không kể một số cán bộ để hỗ trợ cho những cán bộ này (tức các binh chủng phối thuộc cho các sư đoàn điều vào). Số cán bộ này sẽ điều ngay ở chỗ tôi đến. Chuẩn bị sẵn để vào là dùng được ngay”<sup>3</sup>.

---

1, 2. Anh Lê Đức Thọ.

3. Tư liệu của Phòng Tổng kết Chiến tranh Quân khu 7.



Tôi mừng quá nhưng vẫn bồn khoăn vì đường xa các đơn vị sẽ vào chậm.

Ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị họp và đã hạ quyết tâm giải phóng miền Nam, giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa (mùa mưa bắt đầu từ tháng 5).

Đến ngày 29/3/1975, anh Ba đã điện cho anh Bảy Cường (Điện số 928/KT) có đoạn:

“Trước những thắng lợi to lớn và dồn dập của ta, những thất bại hết sức nặng nề và không lường trước của địch, bọn Mỹ - ngụy đang đứng trước nguy cơ sụp đổ nhanh chóng cả về quân sự và chính trị, tinh thần.

Tôi rất đồng ý với các anh là lúc này cần hành động hết sức kịp thời, kiên quyết và táo bạo. Trên thực tế trận Sài Gòn hiện nay đã bắt đầu.

Trong khi xúc tiến gấp rút thực hiện sớm quyết tâm chiến lược đã định, tôi muốn nhấn mạnh một điều cấp thiết là nên mạnh bạo tăng thêm lực lượng thực hiện ngay nhiệm vụ chia cắt và bao vây chiến lược, cắt Tây Sài Gòn phía Mỹ Tho - Tân An”<sup>1</sup>.

Ngày 30/3/1975 anh Văn<sup>2</sup> cũng đã điện cho tôi:

“Chúng tôi đã điện cho anh Tuấn<sup>3</sup> đưa lực lượng vào càng sớm càng tốt, hết sức tranh thủ thời gian. Các đơn vị binh khí kỹ thuật mới cũng đang trên đường đi vào để tăng thêm cho B2. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn một quân đoàn để lên đường sớm vào Nam B3 để làm dự bị”<sup>4</sup>.

Được điện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục và Quân ủy Miền đã họp bàn kế hoạch thực hiện. Nghị quyết 15/TWC ra trong dịp đó đã nhận định đánh giá tình hình: “Cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam không những đã bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt, mà thời cơ chiến lược để tiến hành cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt của địch đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thực hiện thống nhất nước nhà”.

Về nhiệm vụ, nghị quyết viết: “Nhiệm vụ trực tiếp khẩn cấp của toàn Đảng bộ ta là: Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tập trung cao nhất mọi sức mạnh tinh thần và lực lượng của mình, phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp ba mũi giáp công, ba thứ quân, ba vùng, vùng lên tổng công kích tổng khởi nghĩa, nhanh chóng đánh sập toàn bộ ngụy quân ngụy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân

---

1. Tư liệu của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

2. Đồng chí Võ Nguyên Giáp.

3. Đồng chí Văn Tiến Dũng.

4. Tư liệu của Ban Tổng kết Chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

với khí thế tấn công quyết liệt, thần tốc, táo bạo và quyết giành toàn thắng, giải phóng xã mình, huyện mình, tỉnh mình và toàn miền Nam”. Nghị quyết thúc giục các cấp: “Phải tranh thủ thời gian vì thời gian lúc này là sức mạnh... Phải thật tập trung từng giờ, từng ngày, từng tháng từ đầu tháng này...”.

Trong hội nghị của Trung ương Cục này, chúng tôi bàn nhiều về tình hình cụ thể có thể diễn biến ở B2. Nếu chúng ta giành thắng lợi thêm ở các chiến trường thì ở Sài Gòn cũng có thể hỗn loạn. Trong trường hợp đó, ta không thể không có kế hoạch nắm thời cơ mà hành động. Điện anh Ba cho Trung ương Cục khẳng định là tình hình sẽ diễn biến rất nhanh, cần đẩy mạnh đánh địch hơn nữa, áp sát Sài Gòn hơn nữa. Thắng lợi của ta thêm một bước có thể gây ra biến động ở Sài Gòn. Hiện nay thời gian là sức mạnh. Nghiên cứu kỹ ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, cân nhắc kỹ tình hình, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền chúng tôi vạch một kế hoạch tấn công Sài Gòn với lực lượng bản thân hiện có, được Trung ương Cục nhất trí và báo cáo ra Trung ương. Kế hoạch 5 hướng tấn công vào nội đô, những đơn vị địch cần phải diệt, các mục tiêu phải đánh chiếm đều đã có dự kiến sẵn, vấn đề là bố trí và sử dụng lực lượng thế nào, các mục tiêu trong nội thành và lực lượng đặc công biệt động tấn công từ bên trong đã bố trí và giao nhiệm vụ rồi. Bây giờ là lực lượng từ ngoài đánh vào.

Kế hoạch chúng tôi dự kiến hướng đông sẽ do Quân đoàn 4 chỉ huy gồm Sư đoàn 7, Sư đoàn 341, và Sư đoàn 6 đảm nhận; hướng tây bắc do Sư đoàn 9, Trung đoàn 16, 271B; hướng tây do Đoàn 232 gồm Sư đoàn 5 và 3. Còn hướng nam do Trung đoàn 88 và 24 của Quân khu 8. Riêng hướng bắc bố trí Trung đoàn Gia Định, nếu có lực lượng ngoài vào thêm sẽ tăng cường hướng này, nếu không có thì thay vào đó lực lượng đặc công biệt động mạnh. Các lực lượng các hướng như vậy cũng đã được phân chia sẵn sàng, chúng tôi theo dõi kỹ tình hình diễn biến để xác định lúc nào tốt nhất cho việc thực hiện trận tấn công này. Trước mắt cần tiêu diệt thêm sinh lực địch bảo vệ Sài Gòn và cắt đứt đường 4, sông Lòng Tàu và khống chế các sân bay, đặc biệt là sân bay Biên Hòa. Phải bao vây Sài Gòn chặt hơn, không cho địch co cụm vào giờ chót, nhất là chia cắt giữa Quân đoàn 3 và 4 ngụy, phân tán và kèm chân địch ở các nơi. Trung ương Cục đồng ý với Quân ủy Miền là tấn công ngay Xuân Lộc, tiêu diệt Sư đoàn 18 và Lữ kỵ binh ngụy là lực lượng mạnh của Quân đoàn 3, áp sát Biên Hòa. Ra lệnh cho Đoàn 232 chuẩn bị chiếm Mộc Hóa, giành con đường độc nhất là đường dọc kênh 12 để có thể đưa Sư đoàn 1 và binh khí kỹ thuật xuống cắt đường 4, kết hợp với Sư đoàn 8 của Quân khu 8 diệt Sư đoàn 7 và 9 ngụy. Thực hiện tốt bước này, trên toàn chiến trường ta thắng lớn, ngụy quân ngụy quyền dao động rối loạn, không tổ chức

phòng ngự Sài Gòn có hiệu lực, hoặc xảy ra biến động chính trị quân sự trong nội bộ nguy hay giữa nguy và Mỹ, thì lập tức nắm thời cơ, ta phát động cuộc tấn công và nổi dậy kết hợp công kích quân sự với khởi nghĩa của quần chúng, kết hợp trong đánh ra ngoài đánh vào nhằm chủ yếu 5 mục tiêu quan trọng nhất là sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng Tham mưu nguy, Biệt khu Thủ đô, Tổng nha Cảnh sát và Dinh Độc lập, giải phóng toàn B2.

Ngày 31/3 tôi cùng đồng chí Thượng tá Nguyễn Quang Minh, cán bộ tác chiến Bộ Tham mưu Miền và một số đồng chí khác đến chỉ huy sở của Quân khu 7 để giao nhiệm vụ cho Quân khu và Quân đoàn 4. Trước khi đi, tôi đã điện triệu tập cán bộ và hẹn cuối ngày 01/4/1975 có mặt. Tháng 3/1975 trời nắng ráo, đường bằng qua khu A chỉ là đường đất nhưng không có gì trở ngại. Xe commăngca của chúng tôi được nguy trang khéo léo, xuyên nhanh qua từng cánh rừng. Đứng giữa tiết xuân, có cây đâm chồi nảy lộc. Hoa xuân đua nở khắp nơi, ven đường hoa mua tím xen lẫn mai vàng, và cả lá xanh, lá trắng. Cũng đứng giữa mùa chiến đấu, tiếng bom, tiếng pháo đua nhau nổ ran mọi phía, hướng quanh Sài Gòn. Thật là cảnh vừa đẹp vừa hùng, cảm kích lòng người. Tôi xúc động nhớ đến những mùa xuân chiến thắng của ông cha xa xưa và của chúng ta ngày nay. Việt Nam vẫn là Việt Nam. Tôi ghi vội vào trang nhật ký:

*Mai vàng rực nẻo hành quân,*

*Gió ngàn nổ rộn súng xuân vẫy thành.*

*Xưa, nay, vẫn núi sông mình,*

*Rạng tài Nguyễn Huệ, thăm tình Ngọc Hân.*

Xe chạy cả ngày và chạy thâu đêm. Chỉ huy sở quân khu đặt trên bờ sông Đồng Nai thuộc khu vực Vĩnh An. Rừng ở đây cũng bị bom đạn và chất độc hóa học tàn phá, nhưng nhờ cây to nhiều nên vẫn còn xen kẽ từng lõm kín đáo. Tôi tới nơi thì đêm đã về khuya. Địa điểm khá bất ngờ đối với địch nên tạm gọi là tương đối an toàn. Nhưng cả ngày lẫn đêm, pháo ở hướng hóc Bà Thúc và Cây Gáo vẫn nổ xung quanh không ngớt. Lúc dồn dập, lúc cầm canh. Các đồng chí được triệu tập đã có mặt đông đủ. Đồng chí Năm Chữ tức Nguyễn Như Ý - Bí thư Khu ủy, người nhỏ, gầy nhưng ý chí kiên cường, đã từng bị Pháp bắt với tôi vào bót mật thám Catinat và cùng bị giam ở Khám Lớn Sài Gòn năm 1944-1945. Đồng chí gặp tôi mừng rỡ, nhắc: “Tình hình phần khởi quá, tôi nóng ruột mong về thăm Sài Gòn sớm, thăm xóm nghèo ở Tân Định, nơi ta đặt cơ quan bí mật và cũng bị mật thám Pháp vây bắt ở đó, qua trào Mỹ - nguy đã có gì thay đổi...”. Các đồng chí Sáu Trung - Thường vụ Khu ủy, Dương Cự Tầm - Chính ủy Quân khu, Lê Văn Ngọc - Quyền Tư lệnh,

Đặng Ngọc Sĩ - Phó Tư lệnh Quân khu kiêm Sư trưởng Sư đoàn 6 đều lộ vẻ vui mừng phấn chấn. Các đồng chí Quân đoàn 4, đồng chí Hoàng Cẩm - Tư lệnh, Bùi Cát Vũ - Phó Tư lệnh, đồng chí Trần - Sư trưởng Sư đoàn 341, giờ đây đã đổi tên thành Sư đoàn 1, đã đến đây từ chiều. Mặc dù đã khuya, chúng tôi vẫn ngồi nói chuyện với nhau, quên cả ngủ, quên cả nhọc nhằn. Sáng sớm hôm sau chúng tôi họp. Tôi thông báo về tình hình chung, tình hình từng chiến trường trên toàn Miền, về nhận định đánh giá của Bộ Chính trị, của Trung ương Cục, về chỉ đạo cụ thể của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Tôi báo cáo những điểm cần thiết về kế hoạch tấn công vào Sài Gòn của Quân ủy Miền đã được Trung ương Cục duyệt để các đồng chí nắm được nhiệm vụ chung. Cuối cùng là tuyên bố quyết định của Bộ Tư lệnh Miền tấn công Xuân Lộc, diệt Sư đoàn 18 và Lữ kỵ binh 3 và giao nhiệm vụ.

Chúng tôi đã thảo luận kỹ về kế hoạch cụ thể của trận đánh, khả năng diễn biến thuận lợi và không thuận lợi, các biện pháp cần thiết. Các đồng chí đều nêu lên rằng, hiện nay địch đã có chủ ý phòng ngự rồi nên đánh chắc chắn là gay go. Nếu sau khi diệt xong Định Quán, ta đánh ngay Xuân Lộc mà không đánh lên Lâm Đồng thì chắc là ngoạn mục. Tôi đã bênh vực cho quyết tâm giải phóng Lâm Đồng trước với những lý do:

- Ta chỉ làm chủ một đoạn đường 20 từ Định Quán lên tới Phương Lâm thì hành lang trước mắt cũng như lâu dài cho Quân đoàn 4 nối với hậu phương Khu A là không vững chắc. Hiện nay đã khó khăn về đạn dược, nếu đánh to hơn thì hành lang càng phải bảo đảm. Ta làm chủ đường 20 không những có được một trục đường tiến tới uy hiếp phía trước vào Biên Hòa và Sài Gòn mà còn gây khó khăn không nhỏ cho Đà Lạt từ phía nam. Nếu không mở rộng ngay địch có thể liều chết phản kích chiếm lại để có thể co cụm chiến lược vững vàng cho khu vực Sài Gòn và toàn miền Đông của chúng.
- Xuân Lộc là một cứ điểm quan trọng trong hệ thống phòng thủ Sài Gòn, đồng ý là nay địch đã đề phòng hơn trước kia nhưng không phải trước kia địch lơ là vì chúng đã điều toàn bộ Sư đoàn 18 và Lữ 3 kỵ binh về hướng này từ tháng 2.

Mọi người đều nhất trí rằng đánh Xuân Lộc phải xem là đánh vào một điểm chốt hết sức quan trọng của địch, cần phải dự kiến chúng ra sức cố thủ và sẽ tăng cường chi viện mạnh, trận đánh sẽ rất ác liệt. Mọi người bàn cãi rất kỹ về chiến thuật và kỹ thuật, xin thêm đạn pháo và phương tiện đảm bảo kỹ thuật cho xe tăng. Trong lúc đang họp chúng tôi đã nghe tin ta giải phóng xong Quy Nhơn, Tuy Hòa, càng làm cho mọi người náo nức lập công. Tình hình tiến triển quá nhanh. Vì vậy,

trước định đến quá ngày 10/4/1975 sẽ nổ súng, để chuẩn bị thêm mọi mặt cho chu đáo, sau đó đến nhất trí lấy ngày 09/4/1975 làm ngày “N”.

Tôi cũng đã tranh thủ bàn với các đồng chí trong Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu chuẩn bị trước và cách thức tổ chức, làm việc của các ban quân quản các thị xã Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu, Biên Hòa.

Trước khi trở về tôi đã ra lệnh cho Đoàn 75 tức Bộ Tư lệnh Pháo binh của Miền bố trí ngay trận địa cố định pháo tầm xa 130 ly tại Hiếu Liêm, ngã ba sông Bé và sông Đồng Nai, để khống chế có hiệu quả sân bay Biên Hòa và chi viện cho Quân đoàn 4 tấn công. Lâu nay đánh phá sân bay Biên Hòa là do pháo phản lực và cối của Đoàn đặc công 113 phụ trách. Nay có điều kiện tốt nên tăng thêm trận địa pháo 130 ly nữa thì số phận sân bay này xem như đã quyết định. Đoàn 75 pháo của Miền quả có duyên với sân bay Biên Hòa. Trận đánh đầu tiên bằng pháo vào đây, tháng 12/1964, lúc đó Đoàn 75 mới có súng không giật 57 ly, 75 ly và cối các loại, đã kết hợp với đặc công dồn dập nhả đạn diệt hàng loạt máy bay Mỹ, trong đó có trên 20 chiếc loại ném bom B-57 mới vừa ở Hoa Kỳ qua. Trận đánh do đồng chí Lương Văn Nho chỉ huy pháo và đồng chí Hai Cà tức Đại tá Trần Công An chỉ huy đặc công phụ trách. Lần đầu tiên không quân Mỹ bị đòn đau quá làm cho Maxwell Taylor, lúc đó là Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, tức tốc đến sân bay, đứng nhìn một cách ngao ngán những con đại bàng Hoa Kỳ gãy cổ, nát cánh nằm ngổn ngang thành những đồng sắt vụn. Mười hai năm đã qua, một chặng đường trưởng thành từ trong chiến tranh vô cùng ác liệt quý giá biết ngần nào. Qua chặng đường đó cán bộ pháo binh được rèn luyện, đơn vị được phát triển, có anh có em vui vầy, pháo và khí tài được cấp trên trang bị thêm và đặc biệt là đã lấy pháo địch sử dụng rất có hiệu quả, từ DKZ, 106,7 ly đến lựu pháo 105 ly, 155 ly. Cho đến ngày nay, Đoàn có trong tay pháo 130 ly có uy lực mạnh, có tầm xa và rất chính xác, đã đóng góp chiến công của mình trong tất cả các chiến dịch ở B2 và bây giờ có nhiệm vụ làm tê liệt một trong các sân bay lớn vào giai đoạn quyết định này. Các đồng chí đã từng phụ trách pháo của Miền, Đoàn 75 dày chiến công, từ đồng chí Nguyễn Văn Kiên lúc đầu, đến các đồng chí Lương Văn Nho, Đào Sơn Tây, Bùi Cát Vũ, rồi các đồng chí Sơn Tiêu, Nguyễn Tám, đồng chí Sô, đồng chí Lai..., đáng tự hào với công sức góp phần xây dựng các đơn vị và sử dụng đầy sáng tạo pháo của ta, cả pháo lấy được của địch, từ nhỏ chí lớn, đánh hợp đồng cũng như đánh độc lập, đánh công sự cũng như đánh ngoài trời, đánh không quân địch ở sân bay và diệt tàu thủy địch chạy trên sông, bằng mọi cách, trong mọi tình huống.

Làm việc xong tôi tức tốc trở về chỉ huy sở Miền. Khi ngang qua sân bay Rang Rang giữa lòng căn cứ khu A của ta, tôi đã quan sát vết tích tội ác của không quân



nguy gọi là tập ném bom, phá hoại ở đây liên tục từ sau Hiệp định Paris. Nhưng đường băng lên xuống của máy bay vẫn còn nguyên, máy bay nhỏ của ta khi cần có thể sử dụng, chứng tỏ sự kém cỏi của phi công ngụy. Vừa đi khỏi sân bay, xe qua ngầm sông Mã Đà thì hai phi cơ chiến đấu của địch đến lượn vòng: chúng đã phát hiện đoàn xe nhỏ của ta di động qua ngầm. Xe vượt nhanh lên phía trước, rẽ vào rừng. Tôi núp vào một hầm đào sẵn bên bờ sông xem máy bay địch bổ nhào trút bom xung quanh. Cùng lúc ấy súng máy cao xạ ta nổ giòn giã quỵ lỵ lấy máy bay địch. Một chiếc bị thương xịt khói và chuẩn thả. Đoàn lại lên đường an toàn.

Về đến nhà đã một giờ sáng 04/4/1975, tôi được biết đoàn anh Văn Tiến Dũng đã đến đây từ chiều hôm trước và đã bố trí xong nơi ở và làm việc. Tôi mừng quá, thế là đồng chí Tổng Tham mưu trưởng với toàn bộ sở chỉ huy tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh - mật danh là Đoàn A.75 - đã có mặt tại chỗ. Thật là kịp thời cho trận quyết chiến chiến lược vào hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngụy. Như thường lệ, đi công tác về bất cứ giờ nào, thư ký của tôi đem đến những bản tin gấp, những điện khẩn từ chiến trường, của các đơn vị và của Trung ương. Tôi chú ý ngay bức điện dài của anh Ba đến ngày 01/4/1975:

*“Bộ Chính trị đã họp ngày 31/3/1975 nghe Quân ủy báo cáo tình hình phát triển của cuộc tổng tấn công của ta trong 3 tuần qua, đặc biệt trong thời gian gần đây.*

*1. Nhất trí nhận định:*

*Tiếp theo thắng lợi lớn của ta ở Khu 9 và miền Đông Nam Bộ giải phóng tỉnh Phước Long với thắng lợi to lớn trên chiến trường Tây Nguyên, cuộc tổng tấn công chiến lược của ta thực tế đã bắt đầu và trong một thời gian rất ngắn đã giành được những thắng lợi cực kỳ to lớn.*

*... 2. Cách mạng nước ta hiện đang phát triển sôi nổi nhất, với nhịp độ một ngày bằng 20 năm. Do vậy Bộ Chính trị quyết định nắm vững thời cơ chiến lược hơn nữa, với tư tưởng chỉ đạo thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, có quyết tâm lớn thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong thời gian sớm nhất, tốt nhất là trong tháng Tư không thể để chậm. Chắc thắng và bất ngờ hiện nay chủ yếu là ở khâu tranh thủ thời gian, tấn công địch vào lúc chúng đã hoang mang suy sụp, tập trung lực lượng hơn nữa vào nhiều mục tiêu chủ yếu trong từng lúc trên từng hướng.*

*... 3. Muốn thực hiện phương châm chiến lược theo hướng nói trên cho kịp yêu cầu về thời gian thì ngay bây giờ cần có kế hoạch hành động táo bạo với lực lượng sẵn có trên chiến trường miền Đông.*



*... Quân ủy Trung ương đã chủ trương nhanh chóng chuyển lực lượng Quân đoàn 3 và các binh khí kỹ thuật từ B3 xuống, đồng thời ra lệnh điều quân đoàn dự bị vào.*

*... Để tranh thủ thời gian cao độ không nên chờ đợi lực lượng đến nơi thật đầy đủ, cũng tránh những việc điều động không hợp lý ảnh hưởng đến thời gian hành động”<sup>1</sup>.*

Và một điện dài của Quân ủy Trung ương do anh Văn ký, có những đoạn:

*“... Bất ngờ hiện nay chủ yếu là khâu thời gian. Một mặt cần cơ động lực lượng nhanh chóng thần tốc, mặt khác sử dụng lực lượng hiện có để kịp thời hành động, không chờ đợi tập trung lực lượng đông đủ mới làm ăn. Chính theo ý nghĩa đó mà Bộ Chính trị đã khẳng định từ giờ phút này trận quyết chiến chiến lược ở Sài Gòn đã bắt đầu.*

*Hướng phía đông, gồm những sư đoàn hiện nay đã có tại chỗ (không nên điều động xáo trộn làm mất thời gian), tăng thêm lực lượng cần thiết, nhất là binh khí kỹ thuật, trước hết là diệt Sư đoàn 18, đánh chiếm Xuân Lộc, áp sát sân bay Biên Hòa càng sớm càng tốt...*

*Tốt nhất là cho bộ đội địa phương bao vây Mộc Hóa, còn toàn bộ chủ lực Miền ở đây cùng chủ lực Khu 8 thì tập trung tiến ngay xuống cắt lộ 4 giữa Bến Lức - Tân An - Mỹ Tho...”<sup>2</sup>.*

Tôi đi nằm trong một trạng thái suy nghĩ không dứt. Ba mươi năm rồi có bao nhiêu đêm dài thao thức, nhưng có đêm nào lại giống đêm nào. Tôi nhắm tính lực lượng của địch bố trí vòng trong vòng ngoài để bảo vệ Sài Gòn và lực lượng của ta ở từng hướng chiến dịch. Tôi nhắm mắt tưởng tượng lại những con đường tiến vào nội ô Sài Gòn, các sông rạch, những cánh đồng, nơi có địa hình cao ráo hay lầy lội. Đánh Xuân Lộc thì nhất trí rồi. Còn bỏ Mộc Hóa tiến về đường 4 thì binh khí kỹ thuật làm sao đi được? Và hình dung sự phản ứng của địch khi ta tấn công khu vực Sài Gòn, một thành phố lớn, phức tạp về nhiều mặt, là hang ổ cuối cùng của giặc, bị bao vây không còn lối nào để thoát, buộc địch phải cố thủ đến hết hi vọng sống còn, mới đầu hàng hay tan rã. Và đó cũng là thành phố thân yêu của ta, nhân dân ta đông đúc cần phải bảo vệ, phố xá, công trình kiến trúc, tài sản của xã hội không thể để địch phá hoại. Miền Đông Nam Bộ bao quanh thành phố là một vùng địa hình trung bình phần lớn là cao ráo, nhiều đường sá, rộng cả chiều dọc lẫn chiều ngang, không giống như Tây Nguyên cô lập trên núi cao hay ven biển

---

1, 2. Tư liệu của Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

miền Trung dài mà hẹp dễ bị cắt, bị chia, dễ gây cho địch hỗn loạn và tan vỡ. Lực lượng vũ trang bản thân của B2 hiện có, trước tình hình địch đang suy sụp, có thể kết hợp với nổi dậy của quần chúng, đánh thắng và giải phóng Sài Gòn nhưng không đủ sức đánh nhanh mạnh giữ cho thành phố nguyên vẹn.

Trong những lúc suy nghĩ căng thẳng, gặp khó khăn chưa giải đáp được, tôi thường nhớ đến Bác Hồ và tự nhiên tôi nhắm một đoạn dịch bài thơ chữ Hán “Học đánh cờ” của Bác:

“Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,  
Kiên quyết không ngừng thế tấn công;  
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,  
Gặp thời, một tốt cũng thành công”.

Phải rồi, tôi tự nhủ, lực lượng ta ít nhưng thời cơ đã đến, gặp thời thì một tốt cũng thành công, không ngừng thế tiến công khi địch đã rồi. Tôi mỉm cười một mình sung sướng và chớp mắt lúc nào không hay. Khi tỉnh giấc, trời vừa sáng, tôi qua gặp ngay anh Dũng. Anh ấy cũng đã thức dậy rồi. Chúng tôi ôm nhau mừng rỡ. Tôi hỏi:

- Lần đầu tiên vào Nam Bộ, anh thấy thế nào?
- Cảm động và sung sướng, tả sao cho hết. Anh trả lời.

Rồi câu chuyện xoay quanh các chiến thắng ở các chiến trường và chúng tôi bàn cách làm việc sắp tới.

Rồi anh, tôi đi thăm và bắt tay khắp lượt các đồng chí trong “Tiền phương”. Các đồng chí Lê Ngọc Hiến, Lê Quang Vũ đã từng là Phó Tham mưu trưởng Miền một thời gian trước đây, quen mặt và biết người rồi, đồng chí Doãn Tuế - Tư lệnh pháo binh của Bộ Tổng Tư lệnh vào đây lần thứ hai, còn nhiều đồng chí tư lệnh các binh chủng, cán bộ tham mưu, tác chiến, lần đầu vào B2, cảnh lạ nhưng người quen, mừng vui và thích thú. Thế là thời cơ đã sẵn, đội ngũ được tăng cường, khi lực lượng chủ lực tập trung đầy đủ thì phần thắng rõ ràng đã nắm chắc trong tay, thật là nghìn năm có một.

Ngay hôm nay chúng tôi tổ chức làm việc giữa hai bộ phận các cơ quan của Miền và Đoàn A.75, tôi giao nhiệm vụ cho tham mưu, chính trị, hậu cần B2 báo cáo cho các đồng chí cơ quan tiền phương Bộ đầy đủ và cụ thể tình hình chiến trường đặc biệt là khu vực Sài Gòn, từ hình thái và giá trị các mục tiêu quan trọng của địch, lực lượng và các bố trí phòng ngự của chúng, địa hình địa vật các vùng đến các lực lượng lớn, nhỏ của ta bên trong và bên ngoài thành phố, những tâm lý, cách sống và khả năng hành động của con người Nam Bộ và Sài Gòn, các kế hoạch

đã vạch ra và thể trận đã hình thành. Công việc báo cáo phải xong trong một thời gian ngắn nhất. Từ giờ phút này chúng ta phải chạy đua với thời gian mà!

Chiều ngày 07/4/1975, đồng chí Lê Đức Thọ, đại diện của Bộ Chính trị, một mạch từ Hà Nội vào thẳng B2, đã đến căn cứ Bộ Tư lệnh Miền lúc ấy nằm về phía tây thị trấn Lộc Ninh, sau này trở thành chỉ huy sở cơ bản của chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Sáng ngày 09/4/1975, trong cuộc họp có đủ mặt các đồng chí trong Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh B2, cán bộ chủ chốt trong các cơ quan Miền và đoàn A.75, đồng chí Thọ đã phổ biến nghị quyết mới nhất của Bộ Chính trị. Nghị quyết đã nhận định và đánh giá tình hình toàn chiến trường có hệ thống từ Nghị quyết 21 đến nay, các diễn biến nổi bật của từng chiến trường, tình hình nước Mỹ và của thế giới bên ngoài có liên quan và quyết tâm giải phóng miền Nam trước khi mùa mưa bắt đầu. Đồng chí nói: “Tình hình biến chuyển hết sức nhanh chóng, thời cơ là vô cùng thuận lợi, vì vậy kế hoạch 2 năm 1975-1976 của ta có thể và phải được thực hiện trong vòng mấy tháng. Bộ Chính trị chỉ thị: “Lúc này thời gian là sức mạnh. Phải hành động thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”.

Sau đó, Hội nghị đã quyết định về cách làm việc và phân công rành mạch giữa các bộ phận:

Trung ương Cục, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền vẫn chịu trách nhiệm như cũ, chỉ đạo và chỉ huy cuộc tổng tấn công và nổi dậy trong toàn B2, đặc biệt là chỉ đạo sát cuộc nổi dậy của quần chúng ở Sài Gòn.

Chiến dịch tiến công thành phố Sài Gòn mà sau này Bộ Chính trị đặt tên là “Chiến dịch Hồ Chí Minh” theo nguyện vọng chung, do đồng chí Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh. Bộ Tư lệnh Miền trong lúc đó vẫn đảm nhận trách nhiệm B2 của mình. Có vài đồng chí tham gia vào chỉ huy chiến dịch, như đồng chí Phạm Hùng với cương vị là Chính ủy, tôi và đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh.

Các cơ quan của Miền, tham mưu, chính trị, hậu cần đều phải làm 2 chức năng: một vẫn là những cơ quan giúp Bộ Tư lệnh Miền chỉ huy toàn B2 như từ trước, hai là thành cơ quan của Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh được tăng cường các cán bộ và cơ sở của Đoàn A.75 vào. Bộ Tham mưu Miền phải chọn sẵn những cán bộ am hiểu tình hình và địa hình, địa phương, có kinh nghiệm chỉ huy chiến đấu của chủ lực nhiều năm ở B2, trực tiếp giúp đỡ các quân đoàn của Bộ sẽ vào tham gia chiến dịch còn bỡ ngỡ nhiều trong một hoàn cảnh hết sức khẩn trương: vừa hành quân đến, có khi chưa đủ đã phải triển khai và chiến đấu ngay. Đồng chí Đinh Đức Thiện - Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần cùng vào một lúc với đồng chí Dũng, đi thẳng đến cơ quan của Cục Hậu cần Miền, nhập thân vào với anh em, cùng lo đảm bảo mọi mặt vật chất kỹ thuật cho chiến dịch.

Đồng chí Nguyễn Văn Linh - Phó Bí thư Trung ương Cục, đặc biệt phụ trách công tác nổi dậy của quần chúng nhất là ở thành phố Sài Gòn. Đồng chí Võ Văn Kiệt - Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục thì chỉ đạo việc tiếp quản các cơ sở ở Sài Gòn cũng như điều khiển kế hoạch và tổ chức quân quần thành phố. Với cương vị là đại diện Bộ Chính trị, đồng chí Lê Đức Thọ tham gia ý kiến vào mọi mặt công tác của Trung ương Cục cũng như của chỉ huy chiến dịch.

Rừng Lộc Ninh đã nổi tiếng, giờ đây càng đi vào lịch sử, từng bừng nhộn nhịp suốt cả ngày, đêm. Dưới tàng cây lá còn lại của nó xen thêm vào những lưới nguy trang khéo léo, cán bộ, chiến sĩ, xe gắn máy đi lại từ nhà này qua lán trại nọ không lúc nào ngừng. Ban đêm ánh đèn điện được che chụp cẩn thận chiếu rọi từng khuôn mặt rạng rỡ, từng bản đồ chứa đựng bao bí mật, từng thiết bị máy móc nhiều loại, cũ có, mới có..., làm tăng thêm vẻ huyền bí mà hiện đại, khẩn trương mà nghiêm ngặt của khu rừng thiêng vừa là Chỉ huy sở Miền, vừa là của Bộ Chỉ huy chiến dịch. Từ cảnh cây này qua cảnh cây nọ, dây điện thoại tỏa đi khắp phía. Và thoát lên trên vòm trời là những tín hiệu vô hình của những mật điện đi, về mọi nẻo. Đồng chí Xuân Đào<sup>1</sup> phụ trách thông tin của Miền, vẫn thường than phiền tình trạng thiếu thốn kinh niên máy móc phương tiện, thiếu dây cáp lẫn dây trần, nhưng vẫn luôn tự hào về đội ngũ cán bộ và chiến sĩ của mình đã từng dũng cảm và xoay sở mọi cách, bảo đảm cho chỉ huy thông suốt của Miền đối với tất cả các quân khu, đơn vị và trong mọi chiến dịch của chủ lực B2 từ trước đến nay. Giờ đây Xuân Đào hả hê vui sướng được thông tin của Bộ tăng cường giúp đỡ mọi cần thiết trong thời kỳ mà công việc nhân lên gấp hai gấp ba này.

Căn cứ vào nghị quyết và chỉ thị của Bộ Chính trị, Hội nghị cũng đã nhận định rằng tình hình chiến trường vẫn tiếp tục diễn biến nhanh chóng. Cần có dự kiến đến lúc nào đó, có thể có những đột biến ngay ở Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng của địch. Vì vậy, để chủ động trong mọi tình huống, ta phải có kế hoạch hành động lập tức khi thời cơ đến với lực lượng hiện có mà không đợi các quân đoàn của Bộ vào đến nơi. Trường hợp không có đột biến, thì sẽ đợi cho lực lượng chủ lực ta được tập trung đầy đủ có ưu thế áp đảo quân địch để đánh đòn sấm sét bất ngờ, chắc thắng, loại trừ mọi sự chống cự dai dẳng, mọi đổ nát và phá hoại, đảm bảo an toàn cao cho một thành phố lớn nhất và đông dân cư nhất của ta. Hội nghị đã nhất trí thông qua phương án tấn công Sài Gòn bằng lực lượng hiện có của B2 mà Trung ương Cục đã thông qua, đang bắt đầu thực hiện và chúng tôi đã trình bày cặn kẽ.

---

1. Đại tá Nguyễn Xuân Đào hiện là Trưởng Phòng Thông tin Quân khu 7.

Trong lúc B2 bắt đầu thực hiện việc chia cắt chiến lược và bao vây Sài Gòn theo kế hoạch nói trên thì Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương kiên quyết tập trung toàn lực có thể có vào mặt trận Sài Gòn, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Theo mệnh lệnh khẩn cấp của trên và lửa nhiệt tình nung nấu trong tim, từng đoàn quân rầm rập tiến nhanh về Nam để kịp tham gia vào “ngày hội giải phóng dân tộc”. Các quân đoàn, sư đoàn từ đồng bằng sông Hồng, từ Quân khu 4, hành quân cơ giới ngày đêm chật ních đường Trường Sơn. Các đơn vị chủ lực của Quân khu 5 và của Bộ, các binh khí kỹ thuật, đạn dược mà quân dân Khu 5 vét trong các kho gửi chi viện, tiến dọc theo ven biển miền Trung, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Lê Trọng Tấn, Lê Quang Hòa, Hoàng Minh Thảo, Nam Long do Quân ủy Trung ương chỉ định, vừa diệt địch vừa cấp tốc hành quân tăng cường cho cánh phía đông đánh vào Sài Gòn. Tiếp theo đó là các đoàn quân bổ sung từ Hà Nội, từ Tây Bắc, Việt Bắc, từ các tỉnh miền Bắc xã hội chủ nghĩa gửi vào, sẵn sàng người trước ngã người sau thay thế cho dân tộc vươn lên đỉnh cao chói lọi. Cũng trong thời gian này, ở các tỉnh B2 đặc biệt là ở đồng bằng sông Cửu Long, thanh niên tấp nập tòng quân, tham gia du kích, xây dựng đơn vị mới để có sức mạnh cùng đồng bào tấn công và nổi dậy giải phóng quê hương. Ở Sài Gòn, 1 trung đoàn trở thành 2 trung đoàn Gia Định 1 và 2, ở các tỉnh Khu 8 và 9 như Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ..., huyện nào hầu như cũng có tiểu đoàn. Có tỉnh có đến 5, 6 tiểu đoàn. Hàng vạn thanh niên về quân khu bổ sung cho chủ lực. Khí thế quần chúng sôi sục. Thật là hào hùng, cả nước hành quân, cả nước chiến đấu, cả nước đứng dậy. Ôi! Tổ quốc ta thiêng liêng, dân tộc ta anh hùng biết mấy!

Trong thời gian này, về phía địch chúng rất hoang mang vì đã bị thất bại lớn. Lực lượng Quân đoàn 1 và 2 cơ bản bị tiêu diệt, tan rã. Nhưng chúng vẫn ngoan cố vội vàng tập hợp lại lực lượng, tổ chức lại phòng thủ vùng chiến thuật 3 và 4. Thiệu đã đề ra một chiến lược mới mà y đặt tên là “Nhẹ ở đầu nặng ở đáy”, nghĩa là rút bỏ các vùng thuộc Quân khu 1 và 2 còn lại để về giữ Quân khu 3 và 4 theo như kế hoạch Gauvin đề ra. Nếu trước đây Thiệu đã chửi rửa kế hoạch này một cách thậm tệ thì ngày nay y bám víu vào như một kế hoạch cứu tinh cho cái chế độ đang hấp hối của y. Nhưng thương hại thay, muộn quá rồi! Cả người Mỹ đến giờ phút này cũng vẫn còn chủ quan nặng. Tiêu biểu nhất là Martin - Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn. “Martin trả lời thượng viện (Mỹ) rằng lực lượng Nam Việt Nam rút lui khỏi Tây Nguyên một cách có trật tự, mặc dù có những tin tức trái ngược lại. Và khi Phó Vụ trưởng Vụ Việt Nam (thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ) phản đối sự lạc quan này thì Martin hứa là trong một năm nữa sẽ mời vợ chồng Vụ phó này đi chơi Buôn Ma Thuột một chuyến. Martin còn ra vẻ sốt ruột về tay chân của mình là AL Francis. Sau khi xem bức điện âm đàm từ Đà Nẵng gửi về, Martin nhả tâm bình luận, đại khái nói là



“Chắc tuyến giáp trạng của Francis lại hành anh ta lần nữa”. Martin tin tưởng như vậy không phải chỉ vì không hiểu biết sự thật. Ông ta luôn luôn bảo những người bị quan, hết người này đến người khác, ở Washington rằng ông coi mất nửa phía bắc của Nam Việt Nam cũng là nhẹ nợ vì về kinh tế nó không được lợi lãi bao nhiêu, chỉ tốn tài nguyên của chính phủ. Phần còn lại giàu hơn nhiều, nó tập trung hẳn thành một khối, có thể bảo vệ một cách có hiệu quả hơn”<sup>1</sup>. Ngay các nhà phân tích CIA và Lầu Năm Góc cũng có quan điểm: “Tuy thừa nhận một phần lớn Quân khu 1 và 2 là mất vĩnh viễn, họ vẫn lập luận rằng lực lượng chính phủ ở nơi khác trong nước đủ mạnh để ít nhất cũng giữ được phòng tuyến Bắc Sài Gòn suốt cho đến đầu mùa mưa vào tháng 5, sau thời gian đó cuộc tấn công của Bắc Việt Nam nhất định sẽ bị khó khăn về thời tiết và chính phủ sẽ có thời gian để chỉnh đốn và tập hợp lực lượng lại và có lẽ mở lại đàm phán từ một thế tương đối mạnh”<sup>2</sup>.

Sáng ngày 25/3/1975, một cuộc họp của cấp chóp bu Mỹ đã diễn ra tại Nhà Trắng gồm cả Tổng thống Ford, Kissinger, Martin, Weyand, tham mưu trưởng lục quân và là cựu Tổng Tư lệnh quân đội Mỹ ở Đông Dương, để nhận định tình hình và bàn kế hoạch đối phó với chiến sự ở Việt Nam. Cuộc họp lúng túng với những tin tức trái ngược nhau nên phải cử tướng Weyand đi Sài Gòn để đích thân đánh giá tình hình tại chỗ và bày mưu tính kế cho Thiệu chống trả cho có hiệu quả.

Ngày 25, Weyand và Martin cùng một phái đoàn quan trọng đã đến Sài Gòn và lao ngay vào việc. “Ngay từ khi đặt chân lên Sài Gòn, Weyand đã tập trung tâm lực vào một vài mục tiêu cơ bản. Ngoài công việc cụ thể là điều tra tình hình, ông tập trung nhiều vào việc xây dựng một chiến lược mới nhằm cứu vãn những người miền Nam Việt Nam. Điều mấu chốt của kế hoạch này là sự thay đổi cơ cấu của chính Thiệu: “Nhẹ ở đầu nặng ở đáy”. Đầu tiên theo quan niệm này, Thiệu hy vọng xây dựng một tuyến phòng thủ vùng ngoài cho Sài Gòn kéo dài từ Tây Ninh ở hướng Tây đến Nha Trang ở vùng bờ biển. Nhưng bây giờ với tình trạng cộng sản thâm nhập sâu vào vùng phía nam Quân khu 2, rõ ràng cần có một vài điểm điều chỉnh bổ sung, Weyand gợi ý như một cách lựa chọn, một tuyến phòng thủ mới sẽ được xây dựng chốt tại thị xã Phan Rang với Xuân Lộc làm căn cứ trung tâm và Tây Ninh là chốt phía tây. Vì Thiệu cũng chẳng có mấy phương án, ông ta chấp nhận ngay đề nghị này”<sup>3</sup>. Weyand đã nhấn mạnh với Thiệu: “Phải giữ cho được Xuân Lộc, mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”.

---

1, 2. Frank Snepp: *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Nxb. Random House, New York, 1977, Phần II - Chung cuộc.

3. Frank Snepp: *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Sđd, Phần III - Sụp đổ.



“Như vậy là bước đầu tiên nhằm thực hiện kế hoạch phòng thủ mới, Thiệu cử tướng Toàn giữ Phan Rang (tướng Toàn là chỉ huy Quân đoàn 3) và Toàn lại chỉ thị cho người bạn cũ của mình là tướng Nguyễn Vĩnh Nghi (cựu chỉ huy Quân khu 4 bị cách chức mùa thu trước vì tham nhũng) thành lập Tổng hành dinh vùng ngoài ở đó cùng với một bộ phận của Sư đoàn cơ động. Ông ta cũng triển khai một lữ đoàn thiết giáp và một vài đơn vị biệt động tới phía đông Quân khu 3 để tăng cường cho sư đoàn quân Nam Việt Nam tại thị trấn trọng yếu Xuân Lộc”<sup>1</sup>.

Tuy xoay sở như vậy, bề ngoài có vẻ cố thủ đến cùng nhưng trong thâm tâm cả Thiệu và Mỹ đều không tin có thể đứng vững.

Bằng chứng là trong ngày 2 và 3 tháng 4, Thiệu đã lén lút cho chở tài sản quý giá mà y đã cướp được của nhân dân ta qua Đài Loan và Canada để mưu sống một đời vương giả khi phải chạy trốn ra nước ngoài. Còn Mỹ thì cũng lo chuẩn bị trước cho kế hoạch phục thù về sau khi phải rút khỏi Việt Nam. “Từ lúc phái đoàn Weyand đến đây, Johnson (trùm CIA cơ sở Sài Gòn) đã xin được phép tuyển lựa một số “người ở lại” và thành lập tổ chức những người tị nạn Việt Nam ở Băng Cốc, coi đó như một chiếc cầu tung các mạng lưới điệp viên, hoạt động dài hạn vào Việt Nam. Đúng về quan điểm mà nói, điều đó tương đối đơn giản. CIA đã từng làm như vậy với các nhóm lưu vong ở Đông Âu nhiều năm về trước”<sup>2</sup>.

Những người có lương tri trên toàn thế giới hãy qua sự tự thú này để hiểu rõ vấn đề tị nạn Việt Nam mà loa tuyên truyền Mỹ làm rùm beng lâu nay là thế nào. Đó thực chất là một khâu trong kế hoạch phục thù của Mỹ... sau thất bại cay đắng và nhục nhã ở Đông Dương. Và cũng qua đây để hiểu đầy đủ Băng Cốc, thực sự là một căn cứ bàn đạp của Mỹ để đánh vào Đông Dương, nơi mua xương máu lính Thái Lan qua tham chiến trong cuộc chiến tranh vừa qua, và còn là căn cứ đào tạo và tung gián điệp vào Đông Dương..., là nơi xuất phát mọi mưu đồ phá hoại hòa bình ở Đông Nam Á sau chiến tranh.

Theo kế hoạch phòng thủ mới, ngoài các sư đoàn ngụy số 25 ở Củ Chi, tây bắc Sài Gòn, số 5 Lai Khê phía bắc, số 18 và Lữ 3 kỵ binh, 2 lữ thủy quân lục chiến, 1 lữ dù ở phía đông, chúng gấp rút bổ sung xây dựng lại Sư đoàn 22 bố trí ở Long An phía tây để nối liền với các Sư đoàn 7, 9, 11 ở đồng bằng. Ở vùng ven Sài Gòn chúng còn có một lữ dù, 3 liên đoàn biệt động quân và một số liên đoàn bảo an trấn giữ. Trong nội đô chúng bố trí thành 3 liên khu phòng thủ do lực lượng cảnh sát đã chiến và phòng vệ dân sự rải khắp các quận, phường.

---

1, 2. Frank Snepp: *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Sđd, Phần III - Sụp đổ.

Để đưa phái đoàn Weyand về Mỹ một cách “có ý nghĩa”, ngày 01/4/1975 ta giải phóng Quy Nhơn, Tuy Hòa; ngày 03/4/1975 chiếm Cam Ranh, Nha Trang và sát Sài Gòn hơn về phía bắc chiếm Chơn Thành trên đường 13, ngày 04/4/1975 giải phóng thị xã Đà Lạt. Một việc nổi bật nữa là sáng ngày 04/4/1975 phái đoàn Weyand bay về Mỹ để báo cáo nhiệm vụ hoàn thành tại Nhà Trắng thì Dinh Độc Lập của Thiệu bị oanh tạc bằng phi cơ sáng ngày 08/4/1975. Đó là chiếc máy bay F-5E do Trung úy không quân Nguyễn Thành Trung lái, cất cánh từ sân bay Biên Hòa, đã ném hai quả bom rất trúng đích vào dinh lũy của tổng thống ngụy quyền, báo hiệu trước ngày sụp đổ sắp tới của chế độ tay sai. Trung là một thanh niên yêu nước, con một đồng chí ta ở Bến Tre, được tổ chức đưa vào hoạt động trong lực lượng không quân ngụy từ lâu. Đã đến lúc ta cần Trung huấn luyện hướng dẫn cho các đồng chí lái của ta sử dụng các loại máy bay và bom đạn lấy được của địch để chuẩn bị cho giờ phút cần thiết. Sân bay Phước Bình thuộc tỉnh Phước Long đã được tổ chức và điều khiển cho chiếc F-5E hiện đại nhất của ngụy hạ cánh an toàn, nguyên vẹn. Nguyễn Thành Trung đã lập được thành tích, được khen thưởng xứng đáng, đã hoàn thành một nhiệm vụ vẻ vang lâu dài trong lòng địch và đã trở về bằng một chiến thắng. Đây là một trong những dung nhan muôn hình muôn vẻ của người chiến sĩ quân giải phóng hoạt động khắp mọi nơi, bất cứ nơi nào có người Việt Nam sống, trong những năm chống Mỹ, cứu nước oanh liệt.

## CHƯƠNG VII

### **Trận quyết chiến chiến lược quyết định: Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử**

**T**rong những ngày đầu tháng 4 trở đi, sân khấu chính trị Sài Gòn hoạt động sôi nổi khẩn trương. Nhân dân thì đòi hạ bệ Thiệu để có hòa bình theo yêu cầu của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Weyand và Martin thì vẫn muốn giữ Thiệu tránh xáo trộn chính trị, nhưng mở rộng chính phủ có nhiều thành phần kể cả phe đối lập để có thể đàm phán với Mặt trận Dân tộc Giải phóng hùng cứu vãn sự thất bại hoàn toàn của Việt Nam Cộng hòa. Cái gọi là “Thượng nghị viện” miền Nam cũng ra nghị quyết, tuy biết rằng nghị quyết này không có giá trị gì cả, đòi thay đổi lãnh đạo để “cứu vãn quốc gia”. Khiêm thì nịnh bợ Mỹ, hoàn toàn tán thành ý kiến của Mỹ, còn Cao Kỳ thì rủ rê Cao Văn Viên, Lê Minh Đảo (Sư trưởng Sư 18 ở Xuân Lộc) và một số khác làm đảo chính. Như ta đã biết, mọi sự việc diễn ra ở Sài Gòn từ kế hoạch quân sự, kế hoạch “Phượng hoàng” giết người Việt Nam, chính sách đối nội, đối ngoại cho đến cả việc đánh lộn nhau giữa bấy tay sai đều phải do chủ Mỹ quyết định. Vì vậy, Kỳ phải xin phép Mỹ và Polgar trùm CIA ở Sài Gòn đã nghiêm khắc cấm không cho đảo chính. Thế là tướng không quân anh hùng rơm Cao Kỳ đành nằm im ở nhà riêng của mình trong sân bay Tân Sơn Nhất chờ ngày chạy trốn. Tất nhiên là được Mỹ đỡ đầu, Thiệu vẫn ngồi vững. Y cho rằng Khiêm cùng phe với Kỳ nên liền truất Khiêm khỏi chức Thủ tướng và Bộ trưởng Quốc phòng, đưa tay chân là Nguyễn Bá Cẩn lên cầm đầu chính phủ gọi là đã cải tổ, mệnh danh “Chính phủ chiến đấu và đoàn kết dân tộc” và cho Trần Văn Đôn làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Thật là đánh chết nết không chữa. Giờ tận số của chúng đã sát đến nơi rồi, thế mà những tên tham quyền vẫn cố bám chặt lấy địa vị, còn những tên cơ hội thì vẫn ra sức nịnh bợ chủ hoặc chòi đạp để ngoi lên. Thế nhưng chúng cứ rêu rao nào “quốc gia”, nào “dân tộc”.

Đến lúc này Martin đã thấy rằng chỉ còn độc nhất giải pháp đàm phán là may ra cứu vãn được tình hình, tranh thủ được thời gian cứu hàng vạn người Mỹ và những tay sai đắc lực lâu nay khỏi kẹt ở Sài Gòn.

Trong lúc Đại sứ Mỹ Martin cùng trùm CIA Polgar kết hợp với các nhà ngoại giao, nhà chính trị khác cố tìm mọi cách đi đến một cuộc đàm phán nóng lòng mong đợi ấy thì phái đoàn của ta trong Ban Liên hợp quân sự hai bên ở trại Đavít bỗng trở nên quan trọng hết sức. Thỉnh thoảng lại có những nhân vật Sài Gòn đến xin tiếp xúc, thăm dò về tình hình quân sự, về thái độ của Chính phủ Cách mạng lâm thời, về khả năng và điều kiện để nói chuyện, để tránh một cuộc tấn công thẳng vào Sài Gòn. Chuyện này cũng dễ hiểu thôi. Chính phái đoàn ta là những người duy nhất ở cái “Thủ đô” đang run sợ từng ngày này, bình tĩnh, tự tin như những người đã làm chủ thực sự, am hiểu tình hình chiến sự thực tế hơn ai hết và hiểu ý kiến rõ ràng của Chính phủ cách mạng. Trong những ngày này, chúng tôi vẫn liên lạc thường xuyên với phái đoàn chúng ta và theo sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Chính trị, trả lời nhanh chóng các bức điện, hướng dẫn mọi ý tứ và hành động cho phù hợp với không khí ngoại giao cũng như diễn biến của chiến trường.

Cũng chính trong những ngày này, Nhà Trắng hết sức sốt ruột, “mấy ngày qua kể từ khi Weyand đi Sài Gòn, Nhà Trắng không dám bình luận trực tiếp về tình hình khủng hoảng ở Đông Dương. Nhưng đến ngày 03/4 khi cuộc chiến đấu dữ dội xảy ra quanh Sài Gòn, Tổng thống Ford đã không giữ được im lặng nữa. Trong chuyến đi nghỉ ở Palm Spring, Ford đã tuyên bố với các nhà báo, tỏ ý chê trách Thiệu đã quá vội rút quân từ Tây Nguyên về và nói là việc di tản 6.000 người Mỹ khỏi Việt Nam đang được xem xét tới. Để cập đến một trong những vấn đề tế nhị nhất, ông cũng nói rõ ràng theo ý ông hiểu về đạo luật quyền hạn chiến tranh, ông được quyền dùng sức mạnh để giúp di tản những người Mỹ đi khỏi bất cứ khu vực chiến tranh nào trên thế giới<sup>1</sup>.

“Những nhận xét của ông về vấn đề này không phải là một sự ngẫu nhiên. Vì thêm vào tình hình căng thẳng ở vùng quanh Sài Gòn, chính quyền còn phải đương đầu với tai họa xảy ra đến nơi ở Campuchia. Thực tế tình hình quân sự của

---

1. Chú thích của Frank Snepp: “Những ngày vừa qua, các luật gia của Nhà Trắng đã chuẩn bị một bản tường trình để báo cáo với Ford về cuộc tranh luận luật pháp xung quanh đạo luật quyền hạn chiến tranh. Ngoài các vấn đề khác, họ chỉ ra rằng khi đạo luật được thảo luận trong Ủy ban và ở hội trường Quốc hội, ngay cả những người đề xướng ra nó cũng đồng ý có thể sử dụng vũ lực để cứu những công dân Mỹ ở nước ngoài một cách khẩn cấp. Không có quyền hạn nào tốt hơn nên bây giờ Ford quyết định dùng điểm này để biện luận cho việc dùng lính thủy đánh bộ được túc trực trên tàu ngoài bờ Biển Đông”.

Phnôm Pênh trở nên nguy nan trong khoảng vài ngày qua. Nhà Trắng cuối cùng đã quyết định tiến hành việc rút toàn bộ quân Mỹ ở đó”<sup>1</sup>.

Thế là Dean - Đại sứ Mỹ ở Phnôm Pênh ngày 12/4 đã cắp nách cờ Mỹ bước lên máy bay, chuẩn trước Martin, trong khi Lon Non - tên đầu sỏ nguy quyền Campuchia thì nguy trang một chuyến công du ra nước ngoài để trốn qua Mỹ từ đầu tháng. Ngày 17/4 toàn bộ đất nước Campuchia được lực lượng cách mạng của nhân dân Khmer anh hùng giải phóng. Thật là một sự hợp đồng đẹp đẽ giữa hai chiến trường gắn bó với nhau từ lâu, trong thế chiến lược ba nước Đông Dương dựa vào nhau mà tồn tại và xây dựng lớn mạnh, một thế chiến lược vững chắc không gì lay chuyển được như dây Trường Sơn và dòng sông Mê Kông hùng vĩ.

Trong lúc người Mỹ thực hiện “cuộc rút lui đại bàng” bằng trực thăng ra khỏi Phnôm Pênh thì ở Sài Gòn, cuộc di tản cũng ngày càng tăng tốc độ. “Cho đến ngày 07/4 số lượng những máy bay vận tải Mỹ đến và rời sân bay Tân Sơn Nhất đã tăng vọt lên. Gần một tá máy bay vận tải C-141 đi về trong một ngày cùng với số lượng ít hơn máy bay C-130 hạ cánh ban đêm để chuyên chở hàng hóa”<sup>2</sup>.

“Ngay từ lúc bắt đầu, những chuyến chuyên chở đi về như con thoi đến căn cứ Clark chủ yếu là phục vụ cho nhân viên cơ quan DAO và gia đình của họ.

Những nhân viên không thiết yếu của sứ quán sẽ phải rời khỏi nước này bằng những máy bay thương mại để cho việc di tản được tiến hành nhanh chóng. Nhân viên Bộ Ngoại giao đã liên hệ với hãng Pan Am vào ngày 07/4/1975 và yêu cầu hãng này bổ sung thêm những chuyến bay đến Sài Gòn. Nhân viên hãng hàng không này không muốn nghe theo vì làm như vậy có nghĩa là họ phải tăng thêm tiền bảo hiểm cho những chuyến bay đến Đông Dương. Nhưng họ đã đồng ý cho mở thêm chỗ ngồi trong những máy bay 747 cho cuộc rút chạy của Sài Gòn”<sup>3</sup>.

Còn tại Washington thì các nhà chức trách chóp bu đang cãi vã nhau về việc viện trợ khẩn cấp ngay cho Thiệu 2 triệu đôla coi như liều thuốc hồi sinh trong chốc lát. Kíp Kissinger - Bộ trưởng Ngoại giao thì muốn viện trợ tối đa, còn kíp Schlesinger - Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ thì phản đối vì theo ông Nam Việt Nam xem như đã thất thủ rồi.

Trong bối cảnh như vậy, cuộc bao vây chiến lược Sài Gòn bắt đầu thực hiện theo kế hoạch đã định. Ngày “N”, ngày 09/4, những trận đánh cắt đường 4 phía tây Sài Gòn và trận tấn công vào Xuân Lộc, cứ điểm then chốt số một trên tuyến phòng ngự sống còn cho Sài Gòn và Vùng 3 chiến thuật bắt đầu.

---

1, 2, 3. Frank Snepp: *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Sđd, Phần III - Sụp đổ.

Ở phía tây, trước đây kế hoạch dự kiến dùng lực lượng Đoàn 232 đánh chiếm thị trấn Mộc Hóa rồi theo đường dọc kênh 12, một đơn vị binh chủng hợp thành tiến về làm chủ con đường 4 từ Cai Lậy lên Tân Hiệp phối hợp với Sư đoàn 8, Quân khu 8 tiêu diệt Sư đoàn 7 và 9 của ngụy. Nhưng vì tình hình tiến triển quá nhanh chóng, Bộ Tư lệnh Miền ngại rằng lực lượng ta không nhiều, dễ bị kẹt dài ngày tại Mộc Hóa nếu địch tập trung lực lượng cố giữ và cũng theo gợi ý của trên nên thay đổi kế hoạch. Trong lúc dùng lực lượng khác kèm giữ địch ở biên giới Campuchia, Sư đoàn 5 với pháo mang vác đã cấp tốc hành động, vượt sông xuống cắt đường 4 trong khu vực Tân An - Bến Lức. Ngày 09/4, Sư đoàn 5 tấn công vào thị trấn Thủ Thừa và thị xã Tân An không thành công vì Sư đoàn 7 và 22 của ngụy đã có phòng bị sẵn trong công sự kiên cố ra sức chống cự, còn sư đoàn ta thì chỉ có bộ binh và được chi viện yếu. Bộ Chỉ huy Đoàn 232 lệnh cho Sư đoàn chuyển ra đánh tiêu diệt quân địch phản ứng và quét hệ thống đồn bót của địch phía bắc đường 4, tạo bàn đạp khống chế đường này và cắt từng thời gian cần thiết. Trong một số ngày hoạt động tiếp theo, Sư đoàn đã đánh thiệt hại nặng 1 trung đoàn bộ binh của Sư đoàn 7 ngụy và 1 trung đoàn thiết giáp, diệt 80 đồn bót lớn nhỏ, giải phóng một vùng rộng dọc bờ sông Vàm Cỏ Tây và kênh Bo Bo ngay phía bắc đường 4, uy hiếp trực tiếp đường này. Lực lượng Quân khu 8 thì làm chủ từng thời gian đường 4 trên đoạn Tân Hiệp - Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho, còn lực lượng Quân khu 9 tấn công đoạn Cái Vồn - Ba Càng, tỉnh Vĩnh Long.

Về hướng đông, đêm ngày 09 rạng ngày 10/4, Quân đoàn 4 gồm 2 sư đoàn 7, 1 (341 cũ) và Sư đoàn 6 thiếu của Quân khu 7 tấn công Xuân Lộc, thị xã thuộc tỉnh Long Khánh. Cuộc tấn công dũng mãnh đã chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã bằng nhiều mũi, nhanh chóng phát triển vào trung tâm. Đến 7 giờ 40 phút ngày 10/4 ta đi cắm cờ trên dinh tỉnh trưởng và làm chủ một loạt các căn cứ khác như Ty Cảnh sát, Khu cố vấn Mỹ, Khu tình báo CIA, khu biệt động, nhà ga xe lửa... Địch còn giữ được tiểu khu liên tập trung 2 trung đoàn của Sư đoàn 18 cùng số tàn quân của các tiểu đoàn bảo an, biệt động, thiết giáp cố thủ và liên tục phản kích. Ngay trong ngày 10/4, địch đã dùng trực thăng đổ bộ 1 lữ đoàn dù xuống ven thị xã để chi viện gấp và giữ tinh thần cho Sư đoàn 18. Cho đến ngày 15/4 chúng đã điều về đây thêm 2 lữ đoàn thủy quân lục chiến, 1 liên đoàn biệt động quân, 1 trung đoàn của Sư đoàn 5, 8 tiểu đoàn pháo binh và 2 chiến đoàn xe tăng thiết giáp. Như vậy là chúng đã tập trung sử dụng vào đây đến 50% chủ lực, cỡ 60% pháo, gần hết tăng thiết giáp của Quân đoàn 3 và tương đương 1 sư đoàn lực lượng tổng trừ bị dù và thủy quân lục chiến chỉ trong vòng mấy ngày đầu chiến sự. Chúng cũng sử dụng không quân với mật độ cao chi viện trực tiếp cho các mũi phản kích của bộ binh và



thiết giáp của chúng, đồng thời oanh tạc những nơi ta đã chiếm, đánh vào đội hình quân ta, cũng như tuyến tiếp tế phía sau của ta. Chúng đã dùng 2 loại bom có uy lực mạnh nhất, loại “Daisy Cutler” và “CBU”<sup>1</sup> là loại dùng để phá rừng dọn bãi cho trực thăng và sát thương hàng loạt mà quân đội Mỹ đã từng dùng nhiều năm rồi ở Việt Nam và khi rút về Mỹ theo Hiệp định Paris quy định thì lén lút để lại vũ khí, cả các loại bom nói trên cho không quân ngụy sử dụng (sau ngày giải phóng ta còn chiếm được một kho bom CBU và nay đang triển lãm ở nhà trưng bày tội ác Mỹ - ngụy ở đường Võ Văn Tần, Thành phố Hồ Chí Minh). Từ năm 1973 đến nay, đây là lần đầu máy bay ngụy mang bom trút xuống mục tiêu. Có thể nói là quân ngụy đã dùng đến mọi thứ có thể có, mọi sức mạnh có thể tập hợp được để cố giữ cho được Xuân Lộc. Phải chăng chúng rất sợ câu nói quái gở của quan thầy Weyand của chúng khi vạch ra kế hoạch phòng thủ cuối cùng: “Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn”. Ngụy không những cố đem hết sức lực vào để giữ cho được Xuân Lộc, điểm trung tâm then chốt cho tuyến phòng ngự chiến lược cuối cùng mà còn mong giành được một thắng lợi tâm lý và chính trị lớn ở thời điểm nguy nan này. Thời kỳ ấy, báo chí ngụy và ngoại quốc tuyên truyền rùm beng về khả năng chiến đấu của quân ngụy đã hồi phục, rằng quân ngụy chưa đến nỗi nào, vẫn còn đủ mạnh để giữ vững cho chế độ,... Hãng UPI của Mỹ ngày 12/4 tưởng đã chắc ăn, liền nêu là ngụy chọn Xuân Lộc “làm một nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu của quân Nam Việt Nam”. Có lẽ cũng đúng một phần, kết quả trận Xuân Lộc sẽ quyết định số phận của ngụy quân, ngụy quyền. Lúc này Thiệu rất cần một chiến thắng như vậy để kêu gọi Mỹ tin tưởng và viện trợ tối đa cho y, để ra sức giúp đỡ xây dựng lại quân ngụy và cũng để củng cố lại tinh thần sĩ quan và binh lính chúng, chủ yếu là giữ vững địa vị của Thiệu đang bị lung lay dữ dội, Mỹ thì mong ngụy trụ lại được một thời gian để có cái gì còn lại mà trả giá trong một cuộc đàm phán nếu có.

Tại Sở Chỉ huy của Miền, chúng tôi chăm chú theo dõi từng diễn biến của trận đánh. Các báo cáo ngày 9, 10/4/1975 có nhiều phần khởi. Các mũi tiến triển tốt, ta chiếm được nhiều mục tiêu. Nhưng vào cuối ngày 10/4/1975 trở đi tình hình trở nên căng thẳng. Địch phản kích điên cuồng tuy chúng bị thiệt hại nặng. Máy bay địch đánh phá ác liệt có tính chất hủy diệt các mục tiêu chúng đã bị mất.

---

1. Lời chú thích về 2 loại bom này của sĩ quan cao cấp CIA Mỹ Frank Snepp trong sách *Khoảng cách thời gian vừa phải* như sau: “Daisy Cutler là loại bom dùng để phá các cây trong rừng làm bãi đậu cho máy bay lên thẳng. Bom này nổ trên không ở địa điểm mục tiêu, dọn sạch một khoảng đất rộng tới một trăm thước vuông. Còn CBU là loại khủng khiếp hơn, nổ ở độ cao đã định trước, tạo ra một đám mây lỏng có đường kính đến 100m và dày đến hơn 2m. Gặp lửa, đám mây này tỏa ra một nhiệt lượng lớn và áp lực mạnh, thốc xuống mặt đất nặng tới hàng tấn trên một centimet vuông, có thể phá tan mọi thứ. Con người dù có thoát vòm lửa này, cũng vẫn bị chết ngạt sau tiếng nổ của trái bom, tạo ra một khoảng chân không lớn. Trong kho vũ khí của Mỹ, bom CBU là một trong các loại sát thương tàn ác nhất, ngoài vũ khí hạt nhân”.

Quân đoàn đã kêu thiếu đạn các loại, nhất là Sư đoàn 1 và 6, Sư đoàn 7 thì thiếu quân số vì đã chiến đấu liên tục trên đường 20 cho đến nay. Rồi báo cáo từng vị trí ta chiếm được phải bỏ lần lượt. Có vị trí thay đổi chủ vài lần. Số thương vong của Sư đoàn 1 cao hơn các đơn vị khác vì kinh nghiệm chiến đấu chưa nhiều ở chiến trường ác liệt. Tình hình rất gay go.

Các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng và cả anh Lê Đức Thọ rất lo lắng khi thấy địch ngày càng tập trung thêm lực lượng và ta có vẻ chững lại, chiếm mục tiêu không nhanh gọn, hoặc bị đẩy lùi. Trận đánh quá ác liệt e rằng các đơn vị ta bị thương vong nặng trong thời điểm này không lợi. Vì vậy, các anh gợi ý có thể cho anh em rút ra khỏi thị xã và đánh diệt quân địch bên ngoài, tập trung diệt từng bộ phận. Tôi đề nghị cho tôi đến tận nơi, nắm rõ tình hình cụ thể tại chỗ và cùng anh chị nghiên cứu cách giành thắng lợi. Các anh đều đồng ý.

Thế là chiều ngày 11/4/1975 tôi lên đường đến thẳng chỉ huy sở của Quân đoàn 4. Xe chúng tôi vượt sông Đồng Nai bằng phà tại bến Tà Lài và ra gặp đường 20 ở Phương Lâm. Chỉ huy sở Quân đoàn đóng trên bờ sông La Ngà, địa danh này đã đi vào lịch sử với trận thắng lớn La Ngà hồi 9 năm chống Pháp. Trận đánh hồi ấy do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ và đồng chí Bùi Cát Vũ chỉ huy. Bây giờ đồng chí Vũ lại là Phó Tư lệnh Quân đoàn 4, khi gặp đồng chí trên bờ sông La Ngà tôi vui vẻ nhắc đồng chí hãy cố gắng làm nên chiến công La Ngà một lần nữa. Thực tình tôi tin tưởng như vậy.

Sau khi nghe báo cáo kỹ tình hình diễn biến trận đánh, quan sát thực địa trên một số hướng, theo dõi hoạt động không quân và pháo binh địch, kiểm điểm lại tình hình quân địch và nắm chắc lại thực lực của ta, ngày 13/4/1975 chúng tôi bàn quyết tâm mới. Lần này Quân đoàn được tăng cường thêm Trung đoàn 95B vừa mới từ ngoài vào, 1 đại đội xe tăng, một số pháo và cao xạ, đồng thời đã gấp rút bổ sung quân số, đạn dược nên sức chiến đấu vẫn còn tốt. Quân địch hiện đang ra sức phản kích cố chiếm lại các vị trí đã mất hòng khôi phục lại toàn bộ thị xã Xuân Lộc, mật độ pháo cao và hoạt động không quân chúng rất lớn.

Đồng chí Hoàng Nghĩa Khánh - Tham mưu trưởng Quân đoàn phân tích gọn tình hình rồi đề nghị:

Bỏ Long Khánh, toàn bộ lực lượng ta vòng qua diệt Trảng Bom rồi đánh chiếm luôn Biên Hòa.

Đồng chí Hoàng Cầm, Tư lệnh Quân đoàn có ý kiến khác:

Tiêu diệt Trung đoàn 52 ngự ở ngã ba Dầu Giây và núi Thị. Sau đó đánh chiếm Xuân Lộc. Đánh Biên Hòa là khi hợp đồng chung với các hướng.

Nhiều ý kiến đồng ý như đồng chí Hoàng Cầm, chỉ đề nghị sử dụng lực lượng có khác nhau.

Sau khi nghe tất cả ý kiến, tôi đã phân tích một số điểm và kết luận dứt khoát:

Xuân Lộc là điểm then chốt hết sức quan trọng trong tuyến phòng ngự của địch nên chúng đã tập trung nhiều lực lượng cố giữ. Hiện nay lực lượng chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Vì vậy tiếp tục đánh vào Xuân Lộc là không lợi.

Ta có được con đường 20 cho đến Túc Trưng là rất có thể. Địch từ Túc Trưng đến ngã ba Dầu Giây (ngã ba đường 20 và đường 1) không mạnh. Ta phải tận dụng lợi thế này của đường 20 và sơ hở này của địch ở khu vực quanh Dầu Giây.

Nếu ta chiếm ngã ba Dầu Giây và giữ vững luôn, điều này ta làm được vì địch ở đây yếu và bị bất ngờ, thì Xuân Lộc tự nhiên mất hết tác dụng của một cứ điểm then chốt vì nó nằm ngoài tuyến phòng thủ rồi. Còn Biên Hòa thì lập tức bị uy hiếp.

Khi ta chiếm giữ Dầu Giây rồi thì địch ở Xuân Lộc sẽ bối rối hỗn loạn vì bị cắt đứt với hậu phương, bị bao vây cô lập, Quân đoàn 3 sẽ hoảng sợ vì kẹt lực lượng lớn bên ngoài tuyến phòng ngự còn bên trong tuyến thì yếu. Vậy chúng sẽ có 2 hành động. Một là tập trung sức đánh chiếm lại Dầu Giây từ 2 phía Xuân Lộc và Trảng Bom. Hai là rút chạy khỏi Xuân Lộc về Bà Rịa, Biên Hòa. Vì vậy, ta không được để lơ lửng đối với lực lượng địch ở Xuân Lộc mà phải kèm kỹ và diệt khi chúng phản kích hay rối loạn rút chạy.

Căn cứ vào những phân tích ấy, quyết định:

- Trước tiên dùng 1 sư đoàn diệt Trung đoàn 52 ở Dầu Giây và núi Thị, một cao điểm khống chế ở đây, giải phóng rộng và chốt giữ cho được ngã ba Dầu Giây, một điểm trở thành trọng yếu cho ta cũng như cho địch. Chặn và diệt cho được quân địch từ Trảng Bom ra phản kích.
- Lực lượng mạnh của Quân đoàn kèm chặt và diệt từng bộ phận địch ở Xuân Lộc chủ yếu là hướng giữa Xuân Lộc và ngã ba Dầu Giây để hỗ trợ cho chốt Dầu Giây.
- Cho một lực lượng phục kích ở đường 2 sẵn sàng khóa đường, diệt địch rút chạy theo đường độc nhất này về Bà Rịa.
- Bố trí hợp lý hỏa lực phòng không để đánh có kết quả máy bay địch, đồng thời trận địa pháo Hiếu Liêm cùng với Đoàn 113 khống chế cho có hiệu lực sân bay Biên Hòa. Chính từ đây máy bay địch trang bị bom có uy lực mạnh để cắt cánh đánh ta.

Tất cả mọi người đều nhất trí với phương án tác chiến này và khẩn trương chuẩn bị thực hiện theo quyết tâm cụ thể của Quân đoàn.

Tôi chuyển qua bàn với Quân đoàn và Quân khu 7 về phương hướng tác chiến sau khi giải quyết xong Xuân Lộc: hành động của hướng Đông đánh vào Sài Gòn khi có lệnh thống nhất. Khi chúng tôi bàn vấn đề này, chưa tính đến lực lượng của ta do đồng chí Tấn chỉ huy đang tiến vào theo ven biển miền Trung. Chúng tôi vẫn theo kế hoạch tấn công Sài Gòn với lực lượng bản thân B2 hiện có.

Tôi phân tích cặn kẽ: Thị xã Biên Hòa kết hợp với sân bay và chỉ huy sở Quân đoàn 3 nguy có nhiều kiến trúc và công sự phức tạp. Địch sẽ dựa vào đây ra sức kháng cự ngăn chặn ta tiến về Sài Gòn. Xuân Lộc mất rồi thì Biên Hòa là điểm quan trọng nhất ở hướng này. Đánh vào đây là ta đánh vào nơi cứng nhất trên tuyến ngăn chặn của địch, sẽ không lợi và chậm. Hướng địch yếu và cũng là bất ngờ là theo đường 15 cặp sườn khu kho Long Bình lên gặp xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, và theo xa lộ thành thang ấy mà nhanh chóng về chiếm mục tiêu chủ yếu là Dinh Độc Lập. Đánh theo hướng này, ta hành quân cơ giới có xe tăng dẫn đầu sẽ tiến triển rất nhanh và được chi viện tốt khi ta đặt được trận địa pháo 130 ly tại Nhơn Trạch. Trong lúc đó cho một bộ phận lực lượng kèm chân địch tại Biên Hòa rồi sẽ giải quyết về sau.

Mọi người đều nhất trí với các phân tích trên đây. Tôi bàn luôn với các đồng chí về kế hoạch và quyết tâm: Sư đoàn 6 của Quân khu 7 quen thạo địa phương, được tăng cường pháo và xe tăng, bí mật hành quân, bất ngờ giải phóng một đoạn trên đường 15, chọc qua tỉnh lộ 19 chạy quanh lòng chảo Nhơn Trạch, nhanh chóng giải phóng Nhơn Trạch, đặt cho được trận địa pháo 130 ly tại đây. Từ trận địa pháo này, trước khi có lệnh thống nhất tấn công vào Sài Gòn thì bắn khống chế sân bay Tân Sơn Nhất. Khi các hướng tiến vào nội đô thì không được bắn vào các mục tiêu trong nội thành nữa mà chỉ viện đặc lực cho cánh quân phía đông.

Để hợp đồng ở hướng này, dùng Đoàn 10 đặc công khóa chặt sông Lòng Tàu không để bất cứ sự lưu thông ra vào nào được tiến hành và một bộ phận lực lượng vượt sông Đồng Nai kết hợp với địa phương vào giải phóng Quận 9 Sài Gòn.

Sư đoàn 1 có trách nhiệm kìm giữ và diệt địch ở Biên Hòa, giữ sườn phải cho Quân đoàn.

Lực lượng chủ yếu của Quân đoàn, Sư đoàn 7, có Trung đoàn 95B làm dự bị vòng qua Biên Hòa tiến lên đường 15 rồi theo xa lộ đánh thẳng về Sài Gòn chiếm cho được Dinh Độc Lập là mục tiêu chính của Quân đoàn.

Các đồng chí trong Quân đoàn đều tán thành và phần khởi tin tưởng vào thắng lợi. Các đồng chí Lê Văn Ngọc - Quyền Tư lệnh Quân khu 7 và Đặng Ngọc Sĩ - Phó Tư lệnh kiêm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 6 hăng hái nhận cả nhiệm vụ diệt Trung đoàn 52, chiếm và chốt ngã ba Dầu Giây trước mắt và sau này chiếm Nhơn Trạch, đặt trận địa pháo 130 ly quan trọng khống chế sân bay Tân Sơn Nhất và chỉ viện cho Quân đoàn tiến về Sài Gòn.

Chúng tôi chia tay nhau trong niềm tin chiến thắng. Đoàn tôi gấp rút trở về trong lúc các đồng chí thì người nào việc nấy khẩn trương triển khai trận tác chiến có giá trị lớn lao này. Trong lúc đó quân nguy hút vào Xuân Lộc, cố xây dựng một chiến thắng Xuân Lộc “nổi tiếng thế giới”, không hề biết rằng chúng lại sắp thành bầy “chuột mắc bẫy”.

\*

\*      \*

Trong những ngày giữa tháng 4 này, mọi người chúng tôi đều sốt ruột theo dõi từng bước hành quân của Quân đoàn 3, Quân đoàn 1, các đơn vị binh chủng vào tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn. Các đoàn cán bộ được phái đi hướng dẫn các hướng. Mỗi đơn vị có đường hành quân khác nhau, ngày lên đường khác nhau. Quân đoàn 1 xuất phát từ bờ sông Hồng. Quân đoàn 3 thì có sư đoàn từ Tây Nguyên lại có sư đoàn từ ven biển quặt lên theo đường 11 đi Đà Lạt rồi theo đường 20 vào. Còn Quân đoàn 2 và Sư đoàn 3 của Quân khu 3 thì vừa hành quân vừa tác chiến dọc ven biển. Có đơn vị vào tới thì đạn dược chưa tới, có xe tăng đến nơi nhưng xăng dầu hết, đạn pháo chỉ còn 1, 2 viên, cần phải bổ sung chấn chỉnh. Cán bộ tham mưu và hậu cần vui đầu với công việc. Mỗi người làm việc gấp mấy lần ngày thường, không kể ngày hay đêm. Tinh thần phơi phới, sức lực như được tăng lên bội phần, công việc được giải quyết sáng suốt và nhanh chóng.

Trừ cánh quân ven biển, mỗi quân đoàn đều có đoàn cán bộ phái đi trước do đồng chí Tư lệnh Quân đoàn dẫn đầu đến Chỉ huy sở chiến dịch nhận nhiệm vụ. Đoàn phái đi nghiên cứu trước nơi tập kết quân, tuyển xuất phát tấn công của đơn vị mình phải chiếm lĩnh, đơn vị địch mà mình phải diệt, tìm hiểu đường tiến quân, địa hình, mục tiêu chủ yếu mà đơn vị phụ trách. Rồi lại tổ chức họp đồng giữa các hướng, các cánh, giữa các binh chủng, giữa chủ lực và địa phương... Các cán bộ tham mưu của Miền do đồng chí Đồng Văn Cống chỉ huy và phân phối cùng với Đoàn A.75 do đồng chí Lê Ngọc Hiến điều khiển đã trao đổi mọi chi tiết của kế hoạch tác chiến, trả lời mọi câu hỏi cho các đoàn một cách cặn kẽ. Đồng chí Trần Văn Danh thì tổ chức họp đồng giữa các quân đoàn, các hướng với các cánh đặc công biệt động, bàn giao cho từng quân đoàn, từng sư đoàn thọc sâu, cán bộ và

đơn vị đặc công biệt động hướng dẫn đường tấn công, mục tiêu phải tấn công. Mọi người đều cố làm hết sức mình, đóng góp tất cả những hiểu biết của mình để góp phần vào thắng lợi.

Do tình hình cần thiết và các quân đoàn đã lần lượt vào chiến trường nên Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy chiến dịch có anh Sáu Thọ tham gia đã quyết định nên chờ các quân đoàn vào đủ để ta có ưu thế tuyệt đối hơn địch, đánh trận chắc thắng và nhanh mạnh vào hang ổ cuối cùng của Mỹ - ngụy, giữ vẹn toàn cho thành phố. Quyết định này được Bộ Chính trị đồng ý.

Chúng tôi lo hoàn chỉnh lại kế hoạch chiến dịch, trên cơ sở của kế hoạch đánh vào Sài Gòn với lực lượng bản thân mà Bộ Tư lệnh B2 đã vạch, được Trung ương Cục thông qua và các anh Văn Tiến Dũng, Lê Đức Thọ đã xem xét đồng ý trước đây, trên cơ sở các lực lượng đã triển khai sẵn ở các hướng, tránh những điều động xáo trộn không cần thiết mất thì giờ; với tinh thần là lực lượng B2 quen thạo chiến trường phải đảm nhận các hướng mà địa hình phức tạp và có nhiều khó khăn; cần phải đánh những hướng gần nhất cho lực lượng từ xa đến kịp thì giờ triển khai. Kế hoạch đã điều chỉnh bố trí và phân công các lực lượng như sau:

Hướng Tây Bắc xuất phát từ Củ Chi, Bến Cát đánh vào Sư đoàn 25 ngụy, theo trục đường 1 là chính, chiếm mục tiêu chủ yếu là sân bay Tân Sơn Nhất do Quân đoàn 4 đảm nhiệm. Trước đây dự định Sư đoàn 9, Trung đoàn 16 và 271B chịu trách nhiệm đánh hướng này thì nay các đơn vị này chuyển qua tăng cường cho Đoàn 232.

Đoàn 232 như kế hoạch cũ đánh theo hướng Tây, lấy trục đường 10 làm chính và mục tiêu cần chiếm là biệt khu thủ đô - Trung đoàn 271B chuyển xuống hướng Nam.

Hướng Nam vẫn là Trung đoàn 88 và Trung đoàn 24 nay được tăng cường Trung đoàn 271B, do Quân khu 8 chịu trách nhiệm tổ chức và Quân khu chỉ định Bộ Chỉ huy hướng này là đồng chí Ba Thắng tức Thiếu tướng Võ Văn Thạnh làm Tư lệnh, đồng chí Tư Thân tức Thiếu tướng Huỳnh Văn Mến làm Phó Tư lệnh và đồng chí Chín Phẩm - Thường vụ Khu ủy Khu 8 làm Chính ủy. Từ Long An lại được tăng cường đồng chí Tư Chiêu, Tỉnh đội trưởng, làm Chỉ huy phó cho cánh. Trục đường chính của hướng này là đường 5 từ Cần Giuộc tiến lên và mục tiêu chủ yếu là Tổng nha Cảnh sát.

Đồng chí Lê Đức Anh - Phó Tư lệnh Miền và là Phó Chỉ huy chiến dịch và đồng chí Lê Văn Tường, Phó Chính ủy Miền được chỉ định trực tiếp chỉ huy thống nhất cả hướng Tây và Nam.



Hướng Bắc đánh vào Sư đoàn 5 và theo trục đường 13 đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu nguy do Quân đoàn 1 đảm nhận - Trung đoàn Gia Định phụ trách ở vùng ven hướng này.

Hướng Đông trước chỉ Quân đoàn 4 chịu trách nhiệm, nay được tăng thêm Quân đoàn 2 thiếu và Sư đoàn 3 Quân khu 5. Đồng chí Lê Trọng Tấn - Phó Chỉ huy chiến dịch được chỉ định trực tiếp chỉ huy cả 2 quân đoàn và hạ quyết tâm cụ thể lại cho hướng này.

Như vậy là cả 5 hướng đều được tăng cường lực lượng rất mạnh cả bộ binh và các binh chủng, trừ công binh thiếu nhiều về đơn vị và phương tiện, đặc biệt là phương tiện vượt sông. Riêng cả hướng Đông, Tây và Nam được tăng cường chỉ huy mạnh vì gồm nhiều lực lượng và có nhiều phức tạp.

Chỉ huy sở tiền phương của chiến dịch nằm trên khu vực Ván Tám tây nam Chợ Thành, bắc Bến Cát, ngay sau đội hình Quân đoàn 3 mà Bộ Tham mưu Miền đã bố trí trước.

Ngày 18/4, đồng chí Sáu Thọ, đại diện Bộ Chính trị đã cùng Bộ Chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng quyết tâm chiến dịch. Tất cả đều nhất trí cao là thực hiện đúng phương châm của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương đề ra là “Thần tốc - Táo bạo - Bất ngờ - Chắc thắng”. Với riêng chủ lực, ưu thế của ta đã gấp ba lần so với địch về số lượng và gấp nhiều lần về chất lượng. Ta phải bố trí có lực lượng tiêu diệt quân địch phòng thủ bên ngoài đồng thời cùng lúc có lực lượng mạnh thọc thẳng nhanh vào mục tiêu chủ yếu bên trong. Phái đánh nhanh, mạnh từ ngoài vào kết hợp chặt với tấn công và nổi dậy từ bên trong để địch không kịp trở tay, không kịp phá hoại, bộ đội kết hợp với lực lượng cách mạng quần chúng nổi dậy chiếm lĩnh ngay mọi cơ sở, mọi phố phường trong toàn thành trong một thời gian ngắn nhất. Đây là nội dung và ý nghĩa của thần tốc. Quyết tâm quy định 5 cánh quân phải hợp đồng chiến đấu chặt chẽ, 5 mục tiêu chủ yếu phân chia cho 5 cánh phải được chiếm gần như cùng một thời gian nhưng lấy mục tiêu Dinh Độc Lập làm mục tiêu trung tâm cuối cùng, cánh nào đã chiếm xong mục tiêu chủ yếu của mình rồi thì phải tiến ngay về Dinh Độc Lập. Nếu chưa có lực lượng nào chiếm thì phải đánh chiếm và treo cờ chiến thắng của ta lên, nếu đã có lực lượng ta chiếm rồi thì lui ngay về dải tấn công của mình.

Ngày N tấn công vào Sài Gòn chủ yếu dựa vào việc Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1 đã đến nơi phần lớn chưa. Trước đây trong Điện số 07, anh Ba đã chỉ đạo: “Tôi đã bàn với anh Văn, nhận thấy cần chuẩn bị thêm mấy ngày nữa, đến khi phần lớn lực lượng của Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1 (cả bộ binh và binh khí kỹ thuật) đến nơi

sẽ bắt đầu cuộc tấn công lớn, chưa nên làm ngay bây giờ”<sup>1</sup>. Căn cứ vào chỉ đạo này chúng tôi một mặt theo dõi từng giờ, từng ngày cuộc hành quân của từng đơn vị thuộc các quân đoàn, nhất là Quân đoàn 1 do đường hành quân xa nhất. Mặt khác, chúng tôi đã phái từng đoàn cán bộ tham mưu hậu cần, túc trực ở các nơi tập kết để giúp các quân đoàn kiểm điểm thực lực, chấn chỉnh tổ chức, bổ sung đạn dược, hậu cần. Công binh Miền phải chuẩn bị sẵn các ngầm Bến Bầu qua Sông Bé ở tây bắc Tân Uyên cho Quân đoàn 1, đảm bảo qua cầu Nha Bích đã bị sập và sông Sài Gòn cho Quân đoàn 3... Thật là chạy đua không kịp với thời gian. Tình hình chung thúc đẩy, cấp trên cũng thúc đẩy. Ngày 22/4, anh Ba đã điện có đoạn:

“Thời cơ quân sự và chính trị để mở cuộc tiến công vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày kịp thời phát động tấn công địch trên các hướng không để chậm. Nếu để chậm thì không có lợi cả về chính trị và quân sự. Kịp thời hành động lúc này là bảo đảm chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn.

Các anh ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, chú trọng kết hợp tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng, sự hợp đồng giữa các hướng cũng như giữa tiến công và nổi dậy sẽ thực hiện trong quá trình hành động.

Nắm vững thời cơ lớn, chúng ta nhất định giành toàn thắng”<sup>2</sup>.

Đó là lúc mà toàn bộ quân địch đã bị tiêu diệt, tan rã và rút chạy khỏi Xuân Lộc và Thiệu đã buộc phải từ chức Tổng thống ngụy quyền.

Đêm 13 rạng ngày 14/4, theo quyết tâm mới của Quân đoàn 4, Sư đoàn 6 đã tiêu diệt gọn một tiểu đoàn của Trung đoàn 52 thuộc Sư đoàn 18 và một chi đoàn thiết giáp giải phóng ngã ba Dầu Giây. Tiếp theo hôm sau đã chiếm núi Thị, chiếm Túc Trưng, Kiềm Tân, những điểm cuối cùng trên đường 20, diệt nốt toàn bộ Trung đoàn 52. Sư đoàn 6 chuyển qua bố trí phòng thủ vững chắc khu vực quan trọng này và đánh diệt quân địch phản kích liên tục từ Trảng Bom ra. Các sư đoàn 7 và 1 của Quân đoàn 4 cũng lần lượt tiêu diệt từng bộ phận của lực lượng địch ở Xuân Lộc thuộc Trung đoàn 48, lữ dù và thiết giáp.

Không chiếm lại nổi ngã ba Dầu Giây lại mất toàn bộ đường 20, Biên Hòa trở thành điểm tiền tiêu mà lại không còn mấy lực lượng để phòng giữ. Ngày 18/4, Quân đoàn 3 ngụy đã phải dùng trực thăng bốc một số lực lượng từ Xuân Lộc về Biên Hòa - Trảng Bom để củng cố tuyến phòng thủ mới và ngày 20/4 thì tàn quân còn lại rút chạy khỏi Xuân Lộc theo đường 2 qua Bà Rịa về Biên Hòa. Ta chỉ tiêu diệt một bộ phận của quân rút chạy vì đơn vị của ta do Bộ Chỉ huy Quân sự Bà Rịa chịu trách nhiệm khóa đường 2, đã sơ hở không kịp chặn lại từ đầu.

---

1, 2. Tư liệu Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

Frank Snepp trong sách đã dẫn kể lại:

“...Rạng ngày 21 các tuyến phòng thủ cuối cùng của chính phủ tại Xuân Lộc sụp đổ. Bốn tiểu đoàn còn sống sót của Sư đoàn 18 quân đội Việt Nam Cộng hòa với viên tư lệnh, tướng Đào, được kéo chạy khỏi thành phố đổ nát bằng máy bay lên thẳng.

Cùng ngày 21, buổi trưa Thiệu triệu tập cựu Thủ tướng Khiêm và Phó Tổng thống Hương đến văn phòng và buồn rầu nói với họ là ông ta từ chức. Thiệu nói:

“Vì tình hình quân sự, ông ta diễn tả là “tuyệt vọng” (Khiêm và Hương đồng ý), mà ông ta cứ tiếp tục tại chức thì không có mục đích gì cả và việc này chỉ cản trở một giải pháp mà thôi”<sup>1</sup>. Chiều tối hôm đó Thiệu tuyên bố từ chức và giao quyền cho Phó Tổng thống Hương. Trong lễ tuyên thệ nhậm chức của mình, Trần Văn Hương, 71 tuổi, bệnh thấp khớp và gần bị mù, đã hứa sẽ giữ vững cho đến khi “quân đội chết hết hoặc đất nước bị mất”.

“Các nhà thông thái ở tòa Đại sứ Mỹ cười khẩy các tuyên bố cứng rắn này: Họ cho “đây chỉ là cả vú lấp miệng Kỳ và cánh hữu để giữ họ đừng có nhảy vào...”<sup>2</sup>.

“Vài tháng sau ông ta (Thiệu) đã nói với một người bạn ở Đài Loan rằng: “Vâng, việc quyết định thời gian của tôi vừa đúng. Tôi đã đợi con bệnh cho đến khi anh ta liệt giường. Không ai có thể vượt tôi trong các việc tôi đã làm cho đất nước mình”<sup>3</sup>.

Đúng là khẩu khí và tư tưởng của một tổng thống nguy quyền.

\*

\* \*

Trong lúc chờ đợi lực lượng Quân đoàn 3 và 1 vào tới thì chúng tôi lo điều khiển cho ăn khớp cánh quân của Quân khu 8 đánh từ hướng Nam vào Sài Gòn. Như trên đã nói, hướng này là hướng khó khăn nhất vì địa hình rất phức tạp, căn cứ bàn đạp ta lại rất xa, đường hành quân đi bộ phải qua các vùng địch chiếm đóng lâu ngày. Có những đoạn phải hành quân bí mật ban đêm. Có những đoạn phải diệt cho được đồn bót địch, diệt quân địch phản kích để tiến đến ven Sài Gòn. Con đường dài nhưng đều qua các vùng dân cư đông đúc mà ở đó cơ sở cách mạng không phải chỗ nào cũng đông hơn gia đình binh sĩ nguy, chưa được giác ngộ. Đây là một cuộc hành quân vừa đánh vừa đi, mở đường mà tiến. Phải giỏi vận động quần chúng, phải biết cách làm binh vận. Những sơ hở có thể làm thất bại ngay cuộc hành quân, chưa nói đến việc tham gia tấn công Sài Gòn. Tính toán thì giờ không chính xác, bố trí trận đánh không chắc thắng đều có thể làm vỡ kế hoạch, muộn ngày N tấn công. Còn nếu sớm quá thì lộ ý đồ chung, hại cho cả chiến dịch.

---

1, 2, 3. Frank Snepp: *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Sđd, Phần III - Sụp đổ.

Cần nhắc kỷ lưỡng, tuần đầu tháng 4 chúng tôi đã ra lệnh cho Quân khu triển khai cánh quân này rồi. Quân khu đã nhận nhiệm vụ từ tháng 2, chuẩn bị sẵn tổ chức, chỉ huy, lực lượng và kế hoạch nhưng vẫn giữ bí mật đến khi có lệnh trên.

Tôi xin được phép trích vào đây một ít trang nhật ký của đồng chí Trần Hàm Ninh - trợ lý tác chiến của đồng chí Ba Thắng, tức Thiếu tướng Võ Văn Thạnh, Chỉ huy trưởng cánh này.

Qua những dòng ngắn gọn của mấy trang nhật ký, tuy chưa tả rõ nổi nhưng cũng giúp ta có thể hình dung được phần nào cách tổ chức và thực hiện một hướng tấn công nhỏ của Chiến dịch Hồ Chí Minh. Nói nhỏ vì hướng Nam này ta buộc phải sử dụng lực lượng nhỏ hơn các hướng khác: chỉ 3 trung đoàn và 2 tiểu đoàn bộ binh nhẹ chính thức trong đội hình của cánh. Không có xe tăng thiết giáp rầm rầm rộ rộ, cũng không có pháo to, cao xạ lớn. Nói đơn vị chính thức trong đội hình cánh vì còn bao nhiêu đơn vị khác, tổ chức khác, kể cả nhân dân không tham gia vào cánh nhưng giúp khá nhiều cho thành công của cánh. Các lực lượng hướng này để mở đường hành quân đã phải diệt 45 đồn bót địch, giải phóng 12 xã, đánh diệt địch bên ngoài và chọc thẳng vào trung tâm thành phố, chiếm lĩnh đúng thời gian quy định một trong 5 mục tiêu chủ yếu nhất để đồng hành đánh ngã quân thù một cách thần tốc. Mục tiêu chủ yếu phải đập tan và chiếm lấy là cơ quan cầm đầu cảnh sát, lực lượng phòng thủ trong cùng và là lực lượng để phòng và dập tắt nổi dậy của nhân dân, một vế trong chiến lược tổng tấn công và nổi dậy của ta.

Đồng chí Trần Hàm Ninh ghi:

• Ngày 06/4/1975:

23 giờ 30 phút, cả nhà đã ngủ. Tại sao tôi trăn trở mãi mà chưa ngủ được.

Từ phía ngoài ruộng có ánh đèn pin đi vào. Tôi ngồi dậy, vặn đèn lên. Đồng chí liên lạc bên cơ yếu đến. Lúc đó đã 12 giờ khuya.

Điện gì mà gấp thế?

Điện ZN.

Em về nghe anh Sáu (tức Ninh).

Tôi xé bao thơ, rút bức điện ra, lướt nhanh trên tờ giấy. Nhiều quy ước quá. Cuối bức điện ký tên Bảy Hồng<sup>1</sup>, Tư Nguyễn<sup>2</sup>. Chỉ bấy nhiêu đó cũng biết được tầm quan trọng của bức điện này.

---

1. Phạm Hùng.

2. Trần Văn Trà.

Đẩy cái đèn vào một góc để ánh sáng bớt tỏa ra ngoài. Mở các chỗ quy ước.

- Lại có 1 sự thay đổi lớn.

Tôi bấm đèn pin đi lại chỗ anh Hai Phát (Trưởng Phòng tác chiến) ngủ, khẽ lay anh dậy.

- Điện thay đổi nhiệm vụ.

Chỉ bấy nhiêu tiếng cũng làm anh bật ngồi dậy, chui ra khỏi mùng. Sau khi đọc đi đọc lại bức điện mấy lượt, anh vội xách đèn pin đi ngay vào Bộ Chỉ huy. Lúc ấy là 1 giờ sáng.

• Ngày 09/4/1975:

Lại từ giã vùng 20/7 thân yêu (vùng thuộc 2 huyện Cái Bè và Cai Lậy của tỉnh Mỹ Tho, nằm giữa lộ 4 và sông Cửu Long) không biết đây là lần thứ mấy. Nhưng sao lần này thấy lưu luyến quá. Mới tuần trước đã có lần từ giã. Nhưng sau mấy ngày lại trở lại. Hôm nay đi, bao giờ trở lại? Chưa biết được. Túi hột giống (rau, cải) gửi lại anh Ba Lạc.

Ngồi trên xuồng đi ngang căn cứ Mỹ Long. Một tiểu đoàn địch vừa bỏ chạy cách đây 2 ngày. Lá cờ nửa đỏ nửa xanh bay phấp phới trông đẹp quá. Dòng nước vẫn lặng lờ trôi, hình như không cần biết là ở một góc căn cứ này còn lại xác một tên lính đánh thuê.

Đến Nhị Quý mặt trời chưa lặn. Du kích bao vây bót Bờ Keo nên pháo cối địch bắn lung tung. Bộ binh địch trên lộ 4 chưa rút. Chưa qua lộ được. 21 giờ bắt liên lạc được với tỉnh đội. Tổ chức qua lộ. Như vậy là xa vùng 20/7. 12 giờ khuya, chỗ ăn, chỗ ở tạm đủ.

• Ngày 10/4/1975:

Tân Hội, một mảnh đất kiên cường. Căn cứ bất khả xâm phạm của Tỉnh đội Mỹ Tho. Hôm nay trong Ban Chỉ huy chỉ còn anh Tám Công ở nhà. Chỉ huy 2 tiểu đoàn hẹn gặp Bộ Chỉ huy đã ở đây, chờ mãi chỉ gặp Tham mưu trưởng E2.

15 giờ lên đường qua Tam Hiệp, đến Tam Hiệp gặp E3 (E88) các anh đã sẵn sàng.

19 giờ lại vượt qua lộ 4. Bên phải là ngã ba Trung Lương, bên trái là cầu Bến Chùa. Trong lòng dân, đoàn quân vượt qua lộ an toàn.

Qua vùng Bảo Định, gặp người quen. Không nói gì được vì đoàn quân lại tiếp tục tiến lên. Còn bạn quen, nhiệm vụ ở lại bám giữ đất này. Đi bên ngoài hè của nhiều ngôi nhà. Trong nhà hoàn toàn im lặng. Nhưng chắc chắn rằng những người mẹ, người chị, người em trong ấy không thể nào ngủ được. Bởi vì những bàn chân, tuy đi rất nhẹ nhàng, vẫn dội vào tận đáy lòng. Tất cả nằm đó mà trần trở, mà nhớ thương.

Do hợp đồng không chặt, cả đoàn đi xuống Lương Hòa lạc không gặp ai hết. Quá khuya tạm ngủ lại dưới mấy gốc cây keo.

• Ngày 11/4/1975:

Sáng sớm dậy, trở lên Song Bình gặp tất cả ở đây.

Báo về J10 (Bộ Chỉ huy Quân khu 8) báo lên Đoàn 232, Bộ Chỉ huy cánh Nam đã đến nơi an toàn. Chiều tối Bộ Chỉ huy vượt lộ Ông Văn, dời xuống Quơn Long (Chợ Gạo). Đến nơi tìm chỗ đất bằng để trải tấm nilông ngủ thật là khó. Nhưng không sao mọi việc rồi đâu cũng vào đó.

• Ngày 12/4/1975:

Quơn Long, hết một ngày rồi mà tình hình hành quân của E3, E4 (tức Trung đoàn 24) vẫn chưa nắm được. Vị trí dừng chân và tình hình hoạt động của E3 cũng không nắm được. Sốt ruột chờ đợi.

Báo cáo quyết tâm của cánh Nam về R, Đoàn 232 và J10: quyết tâm mở đường và lên vị trí tập kết đúng thời gian quy định.

• Ngày 13/4/1975:

Đoàn cán bộ của E2, E4 đến. Nhưng vị trí dừng chân của E3 và anh Tư Thân vẫn chưa nắm được.

2 tiểu đoàn Mỹ Tho hoạt động mạnh ở kênh Chợ Gạo. Địch đối phó quyết liệt. Chúng bị thu hút vào đây để ta được yên.

Đêm nay hướng Đoàn (Sư đoàn 5) nổ súng. Bọn nổ súng - ta sẽ thuận lợi hơn.

Đôn đốc E3 cố gắng đêm 14/4 nổ súng vào Tân Trụ.

• Ngày 14/4/1975:

Do hợp đồng không chặt, đoàn cán bộ E4 đã đến Rạch Tràm không có người đón, không vượt lộ 21 được phải trở lại Quơn Long.

E2 được lệnh trở lại, có sự thay đổi sử dụng lực lượng. Ai thay E2 vào đội hình cánh Nam?

Tiểu đoàn 279 diệt đồn Ông Bái, mở rộng đường đi.

Toàn bộ E4 đến.

Đoàn anh Hai Phát đến. Như vậy cơ quan chỉ huy của cánh đến hôm nay mới tập hợp được. Về lực lượng hôm nay đã có được 2E và 3D (tức 3 tiểu đoàn). Còn D10, D14 và một E nữa (E nào?) chừng nào mới tới.

• Ngày 15/4/1975:

Hôm nay rời Quơn Long. 17 giờ ra đồng. Sắp xếp đội hình và thời gian hành quân.



Rời Quơn Long. Sinh lấy quá, tưởng không xiết. Nào ngờ sinh nước lên quá bụng. Lăn theo những bụi lá dừa nước đi ra Rạch Tràm. Qua lộ 21 xong thì đã gần đến 24 giờ. Không có ghe qua sông Vàm Cỏ Tây. Nằm ngoài đồng chờ. Kế kia là bót Thuận Mỹ. Xa hơn một chút là Thanh Vĩnh Đông. Bên kia sông là Chợ Dinh. Gần quá. Thế mà đã 15 năm rồi chưa đi tới. Hôm nay mới gần tới thôi. Nhớ thương quá. Mẹ đã ra đi và nằm bên đó. Anh làm tròn nhiệm vụ hồi kháng chiến chống Pháp. Em mới hy sinh hồi năm kia. Còn một mình và ba. Không! Còn cả một dân tộc.

• Ngày 16/4/1975:

Nhật Ninh, 4 giờ sáng mới qua sông được. Đến chỗ nghỉ thì mặt trời đã mọc. Quần áo bùn sinh bết bết. Bộ đội đi lại coi sao thanh bình quá.

• Ngày 22/4/1975:

Sở Chỉ huy vẫn ở Tân Phước. Thiệu đã từ chức.

Bộ Chỉ huy có điện số 72ZN gửi E3 - E4 chỉ đạo vừa đẩy mạnh tiến công vừa làm tốt công tác binh địch vận. E3 phát triển thuận lợi ở Cần Giuộc (diệt 4 đồn), E4 cũng diệt được 4 đồn ở Cần Đức.

Các mặt đảm bảo hậu cần gặp khó khăn một tuần rồi. Việc chuyển hàng cho phía trước quá ít. Trong ngày Bộ Chỉ huy cánh đã có 5 điện ZN về công tác hậu cần.

Sở Chỉ huy đã liên lạc với anh Tư Chiêu (Tỉnh đội trưởng Long An, chỉ huy phó cánh Nam) qua E3.

• Ngày 23/4/1975:

Vàm Rạch Cá (Tân Phước). Bộ Chỉ huy giao nhiệm vụ cho E4: “Hướng phát triển của E là Phước Hậu, Long Thượng (Cần Giuộc, giáp Bình Chánh), để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu”. Về mặt hậu cần rất khó khăn. Được biết J10 cũng gặp khó khăn, nhưng để bảo đảm cho thắng lợi, đề nghị J10 (anh Ba Đào) cho anh Năm Trị hoặc Ba Thi sang thay anh Ba Cảnh (không hoàn thành nhiệm vụ) và đề nghị J10 thông báo tình hình cho J50 (Bộ Chỉ huy cánh Nam) biết.

Trong ngày E4 đã giải phóng Long Cang (Cần Đức) và đang vây đánh D2/E42. Anh Tư Thân đã đi 232.

Báo cáo tình hình của cánh Nam về R, 232, J10.

• Ngày 24/4/1975:

Các đơn vị tạm ngưng mở nhanh..., củng cố tại chỗ, báo cáo về R, 232 và J10 vị trí đứng chặn của các E và D.

Quân bổ sung cho J50 chưa thấy. Đề nghị anh Ba Đào (J10) đôn đốc.

Đề nghị anh Tư Chiêu và E3 cho một cán bộ của Cần Giuộc về đón Sở Chỉ huy.

Bộ Chỉ huy hỏi anh Tư Chiêu đã liên lạc được Huyện ủy và Huyện đội Nhà Bè và Bình Chánh chưa?

Theo lệnh của R, anh Ba Thắng phải đến 232 nhận nhiệm vụ. Điện cho Long An liên lạc tại lộ 4 (Bình Đức). 18 giờ lội qua sông Nhật Tảo, sinh lầy và muỗi, bù mắt cần quá.

Ra gần lộ 4, lúa đã gặt xong, ruộng khô, cảm thấy dễ chịu quá. Nằm chờ đến 22 giờ, tình hình động nên không liên lạc được với Long An. Phải trở lại sở chỉ huy.

• Ngày 25/4/1975:

Long Sơn. Đồng khô, lúa đã gặt xong.

Nhận được điện 111ZN của 232 về ngày N của chiến dịch. Lập lại ngày N. Ngày chờ đợi đã đến.

Chỉ đạo E3 kết hợp thật tốt giữa tác chiến và binh dịch vận trong tình hình hiện tại. Bộ Chỉ huy đồng ý là D4/E4 ở lại, E3 mở Long Thượng.

Điện hợp đồng với anh Tư Chiêu và Bốn Độ (E3) đón Sở Chỉ huy tại khu vực Chợ Mỹ. D1 Long An đã đánh sập cầu Rạch Đào.

• Ngày 26/4/1975:

Long Sơn. Điện đi từ ngày nay, lấy lại từ số 01. Điện 01ZN là điện gửi 232 lập lại ngày N lần thứ 2 (trả lời điện 44ZN của 232).

Báo cáo về R, 232 và J10, việc đi họp gấp trở ngại, đề nghị 232 thông báo nhiệm vụ bằng điện. Cả anh Tư Thân cũng không đi được.

Nhận điện số 45ZN của anh Sáu Nam (232) giao nhiệm vụ cho cánh. Cánh hạ quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Vẫn chưa liên lạc được với Nhà Bè và Cần Giuộc.

Bộ Chỉ huy nhắc anh Phong ET/E271B nên tổ chức một khối hành quân vì thời gian gấp rút.

Nhắc anh Năm Nghi cho D1 Long An chốt giữ bắc Chợ Đào 1km để bảo đảm cho Sở Chỉ huy hành quân.

18 giờ, Sở Chỉ huy rời Long Sơn lên hướng Cần Giuộc. Hành quân giữa lòng dân. Đại bộ phận đồng bào ở nguyên.

22 giờ đến Phước Lâm (Cần Giuộc).

23 giờ Bộ Chỉ huy cánh Nam họp, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của E3, kiểm điểm ưu, khuyết. Có anh Tư Đỏ (E trưởng) và Năm Tư (chính ủy) E3 dự.

Nhận xét: hoàn thành nhiệm vụ mở được hành lang tiến quân, chuẩn bị nhanh đánh nhanh.

Nhấn mạnh: - Giáo dục quan điểm quần chúng cho đơn vị: chiến đấu vì nhân dân, bảo vệ dân, giải phóng dân, phát động quần chúng tham gia cách mạng, làm hằm cho dân tránh đạn.

- Chú ý hơn công tác binh, địch vận.

• Ngày 27/4/1975:

Phước Lâm.

Đề nghị 232 và R cho liên lạc với E17 (đặc công).

7 giờ 30' Bộ Chỉ huy cánh Nam họp bàn kế hoạch tấn công và sắp xếp tổ chức.

Nhận điện số 53ZN của 232 cho biết:

- 232 đã chỉ đạo cho anh Năm Mân (Thành đội Sài Gòn) cho Bình Chánh và Nhà Bè liên lạc với cánh Nam.

- Hiện có 1D/E429 (Chín Mây) ở khu vực cầu Nhị Thiên Đường.

9 giờ 20 phút Bộ Chỉ huy cánh giao nhiệm vụ cho E4 do đồng chí Ba Thuyên ET, Hai Vần, Chính ủy E nhận:

- Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng thành phố Sài Gòn.

- Mục tiêu chủ yếu: Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia.

- Thời gian:

Đêm 27/4 - tiến trạm lên Bình Đăng;

Đêm 28/4 - toàn E lên Bình Đăng;

Đêm 29/4 - hành quân chiếm lĩnh, tấn công.

- Chỉ huy sở Bộ Chỉ huy cánh Nam: Nam Cầu Mật. Quân y triển khai gần chỉ huy sở.

- Từ 27/4 trở đi E4 hành quân không nổ súng cho đến khi tấn công, D1 Long An là dự bị của E.

- Các mục tiêu của E3 là tấn công Qui Đức, Hưng Long, Phong Đức, Bình Đăng.

- Khẩu hiệu:

Hỏi: Hồ Chí Minh

Đáp: Muôn năm

- Mật hiệu:

- Mang cờ giải phóng

- Mang băng đỏ ở tay trái.

• Ngày 28/4/1975:

E271B hành quân đến đầu Bộ Chỉ huy vẫn chưa biết, kể ra một E mới xuống đồng bằng mà hành quân kiểu này cũng khó khăn thật. Bộ Chỉ huy một mặt điện cho E271B một mặt điện cho J10 đề nghị cho biết về E271B.

Điện báo cáo J10 và 232 biết là hàng còn lại rất ít, đề nghị chi viện.

Đã cử người liên lạc với anh Chín Mây.

Đêm, Sở Chỉ huy từ Phước Lâm - Thuận Thành cùng các đơn vị hành quân vượt qua sông Quán Cơm, tiến về Hưng Long. Lặn lội suốt đêm mới đến, triển khai công sự xong, trời đã sáng tỏ.

• Ngày 29/4/1975:

Hưng Long. Quân chúng nhân dân sau một đêm, sáng dậy thấy bộ đội giải phóng ở khắp nơi, phấn khởi vô cùng. Có một mẹ già ra đồng đào moi lên một lá cờ đỏ sao vàng không biết má chôn giấu đã từ bao giờ mà lá cờ còn mới quá.

Điện số 15ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương, báo cáo Sở Chỉ huy cánh Nam, E4, E3, D10 đã đến Hưng Long trong đêm 28/4. E4 sẽ chiếm Quận 8 (Cầu Chữ Y), E3 chiếm lộ 5. Bộ Chỉ huy cánh sử dụng cả 2D của Long An.

Bộ Chỉ huy điện cho E271B: “Thời gian thực hiện nhiệm vụ đã đến, cho hành quân thần tốc”.

Điện số 16ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương báo cáo sử dụng 1D/E3 tấn công phân chi khu Hưng Long.

Bộ Chỉ huy họp bàn kế hoạch tấn công, anh Tư Chiêu báo cáo tình hình địa hình đông lộ 5, tình hình ta, địch khu vực Bình Chánh, Nhà Bè.

Ở khu vực rạch Cây Khô rất hoang vu, không ta không địch, sinh lầy không đi được.

Do vậy bố trí E4 có thay đổi một ít. Thay vì toàn bộ E4, đêm 29/4 vượt qua đông lộ 5, từ rạch Cây Khô tiến vào cầu Chữ Y, thì chỉ sử dụng 1D/E4 thực hiện phương án này, còn 2D/E4 sẽ đánh dọc lộ 5 đến cầu Nhị Thiên Đường, quẹo sang bên Phạm Thế Hiển về cầu Chữ Y.

E3 vẫn như cũ.

Điện số 18ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương báo cáo đã giải phóng Hưng Long, báo cáo nhận được điện 731 và báo cáo kế hoạch tấn công.

19 giờ, Sở Chỉ huy hành quân ra Đa Phước, các E hành quân theo kế hoạch.

21 giờ đến Đa Phước. Các bộ phận đều đào công sự. Quân chúng lúc đầu không cho đào, có lẽ sợ “động” đất. Sau khi giải thích việc đào công sự vừa cho bộ đội chiến đấu, vừa cho đồng bào núp bom đạn. Khi biết có bộ đội ta về, địch sẽ ném bom, bắn pháo. Không có công sự làm sao tránh được nguy hiểm cho bộ đội, cho nhân dân. Sau cùng không những chỉ đào mà đồng bào còn cho cây làm nắp, nằm cõm nấp cho bộ đội ăn.

Quá 24 giờ đào xong công sự. Tất cả công sự đều đầy nước. Có vài cái đào xong đã sụp lở.

• Ngày 30/4/1975:

Đa Phước. Sáng sớm dậy đã nghe rõ tiếng xe ngoài lộ 5. Sở Chỉ huy cách đường 500m.

Đài Phát thanh giải phóng phát bản thông cáo của Chính phủ Cách mạng lâm thời và bản thông báo của Bộ Chỉ huy mặt trận Sài Gòn nghe giục giã quá.

Bộ Chỉ huy điện chỉ đạo E3, E4 ghi 2 bản thông cáo, điện báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

8 giờ Điện số 23ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương báo cáo E3, E4 đã vào chiếm lĩnh đúng thời gian và đã nổ súng.

10 giờ E4 báo cáo đã phát triển qua cầu Chữ Y. Sau đó một báo cáo khác: đang tiến chiếm mục tiêu chủ yếu của cánh Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia, đúng 10 giờ 30 phút.

Hơn 10 giờ đồn tam giác Đa Phước mới đầu hàng. Toàn bộ Sở Chỉ huy ra lộ 5.

Từ Đa Phước quân chúng dùng xe đồ, xe hàng chở toàn bộ cơ quan chỉ huy đến đầu cầu Chữ Y, lúc bấy giờ là 11 giờ 30 phút.

12 giờ Sở Chỉ huy cánh Nam đến tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia, sau E4 1 tiếng rưỡi.

Bức điện cuối cùng mang số 24ZN gửi anh Tư Nguyễn, Sáu Nam, Tám Phương báo cáo đã tiếp quản Nha Cảnh sát đô thành và Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia.

\*

\* \*

Một vấn đề hóc búa nhất vào những ngày chuẩn bị cuối cùng cho Chiến dịch Hồ Chí Minh là vấn đề công binh vượt sông cho các hướng tiến quân vào nội đô. Đó là lúc mà chúng tôi phải giải quyết cho Đoàn 232 vượt sông Vàm Cỏ Đông để đưa toàn bộ đội hình của mình tới tuyến xuất phát tấn công. Đoàn 232 được tăng cường

thêm lực lượng bộ binh, pháo và cao xạ, cả pháo nặng 130 ly, có đến 1 trung đoàn xe tăng và thiết giáp trong đó 1 phần 3 là tăng T.54. Tất cả xe, pháo các loại gần 800 chiếc. Thế mà từ lâu nay Miền chỉ có 1/2 bộ cầu phà nặng (TPP của Liên Xô). Đã xin Trung ương cho thêm nửa bộ nữa nhưng chưa vào. Tất cả các hướng khác lực lượng công binh cũng nhiều. Tham mưu kiểm điểm lại lúc ấy, Bộ Tổng Tư lệnh đã tăng cường cho mặt trận Sài Gòn các lực lượng công binh như sau:

- Trung đoàn 279 công binh công trình đã vào đến nơi.
- Trung đoàn 574 làm đường của 559 đã vào và sẽ giao cho Cục Hậu cần sử dụng.
- Trung đoàn 249 cầu phà có 4 đại đội và 1/4 bộ cầu phà nặng TPP khác, ước khoảng ngoài ngày 20/4 tới nhưng chưa thấy.

Chúng tôi dự tính đơn vị cầu phà nào tới nơi sẽ đưa ngay cho 232 vì lực lượng 232 phải vượt sông sớm nhất và có lẽ duy nhất nếu địch không phá hoại được cầu nào. Quân đoàn 1 phải qua Sông Bé nhưng mùa này sông Bé nước cạn, công binh Miền đã làm sẵn ngầm vượt ở bên Bàu rôi. Trước mắt 232 phải dựa vào lực lượng hiện có và huy động phương tiện tại chỗ mà vượt Vàm Cỏ Đông.

Chính vì vậy, một vấn đề đặt ra lúc ấy là nếu địch ngoan cố rút nhanh vào nội thành và phá hoại các cầu trên các trục đường tiến vào Sài Gòn thì sao? Cái gì cũng có thể xảy ra cả, ta phải dự kiến để có kế hoạch sẵn. Ta đã biết rằng Sài Gòn nằm giữa một vùng mà quanh nó bao nhiêu là sông rạch, kênh mương. Các sông rạch đều sâu và lầy. Lòng sông lầy mà cả hai bên bờ cũng đều lầy, lên bờ rồi có khi phải qua một cánh ruộng lầy nữa, địch có đủ thuốc nổ cũng có đủ kỹ thuật phá hoại. Trước giờ chết chúng cũng có đủ âm mưu thâm độc.

Đây là một trở ngại rất lớn cho binh chủng hợp thành với binh khí kỹ thuật nặng triển khai sức mạnh tấn công của mình. Hướng nào của ta cũng phải vượt qua ít là 4, 5 cầu. Nếu cầu bị phá, xe pháo bị chặn lại từ vùng ven? Rồi ta cũng sẽ khắc phục được từng bước thôi nhưng địch sẽ có thì giờ xây dựng công sự, vật cản, tổ chức phòng thủ và biệt động ta đánh mục tiêu bên trong bị cô lập, nhân dân không nổi dậy được, ta lại phải đánh từng tuyến, từng đường phố, căn nhà thì đâu còn là bất ngờ, thần tốc và thành phố đâu còn nguyên vẹn, nhân dân đâu được yên lành.

Quân ta lúc ấy không có khả năng như những quân đội hiện đại khác, phái các đơn vị nhảy dù hoặc đổ bộ trực thăng bất ngờ đánh chiếm các cầu trước khi đại quân tiến vào. Nhưng không đơn giản khi phải đánh giữ hàng chục cầu một lúc ở nhiều hướng.

Ta lại đánh theo cách đánh độc đáo của ta: dùng đặc công và biệt động tiêu diệt địch, chiếm và giữ cho kỳ được các cầu trọng yếu trên các hướng tiến quân.



Chúng ta có tất cả 6 trung đoàn đặc công cộng với hàng chục đội biệt động đang sẵn sàng từ vùng ven đến nội thành. Đây là những đơn vị tinh nhuệ đã được rèn luyện thử thách từ nhiều năm đánh Mỹ, đã lập được nhiều chiến công hiển hách, nhiều đơn vị đã được tặng danh hiệu “anh hùng”. Quân đoàn 3 lại có riêng 1 trung đoàn đặc công nữa. Như vậy là ta có đủ sức làm nhiệm vụ giữ không cho địch phá cầu, đảm bảo cho các quân đoàn tiến thẳng vào mục tiêu không bị trở ngại.

Nhưng phải thay đổi nhiệm vụ của các cánh đặc công biệt động. Trước đây Bộ Tư lệnh Miền đã giao nhiệm vụ chính là đánh các mục tiêu được phân công từ 5 mục tiêu chủ yếu cho đến các mục tiêu quan trọng khác cùng lúc các quân đoàn vào để kết hợp tấn công từ bên trong và tấn công từ ngoài vào. Bây giờ phải chuyển thành nhiệm vụ chính là đánh chiếm và giữ các cầu quan trọng ở các hướng cho tới khi quân đoàn tiến qua. Tuy vẫn còn nhiều đội biệt động và một số đơn vị đặc công vẫn phụ trách đánh mục tiêu bên trong, nhưng những đơn vị mạnh phải chuyển qua nhiệm vụ mới. Việc chuyển nhiệm vụ chính lại quá gấp rút, chỉ trong vòng 4, 5 ngày vừa hành quân, vừa điều tra nghiên cứu, vừa làm kế hoạch chiến đấu. Hơn nữa khó khăn là chiếm rồi lại phải giữ, đánh địch phản kích, đó là chiến thuật mà đặc công ít khi sử dụng, mà nay không còn thì giờ để huấn luyện lại. Tuy vậy tin ở khả năng và truyền thống của đặc công, biệt động, tin ở ý chí cao và lòng dũng cảm của anh em, ngày 25/4 chúng tôi quyết định chuyển nhiệm vụ. Các cầu phải được chiếm và giữ ngay trước giờ “G” của ngày “N”, đồng loạt tấn công vào nội thành. Muộn sẽ trở ngại cho tiến quân, cho thành công của cả chiến dịch, nhưng sớm quá nhiều khi rất nguy hiểm. Vì lẽ các đơn vị đặc công với chiến thuật tấn công bất ngờ chứ không phải phòng ngự và không được trang bị để tấn công bằng sức mạnh công khai, vì vậy khó mà giữ cầu lâu ngày, hay đánh chiếm lại lần thứ hai, thứ ba. Hơn nữa địch có thể đánh trả lại mạnh khi quân đoàn ta chưa đến và nhân đó có thể phá luôn cầu. Tính toán lúc nào nên chiếm giữ cầu là phải ăn khớp với hành động của các quân đoàn. Bộ Chỉ huy chiến dịch giao cho Bộ Chỉ huy các hướng quyết định ngày giờ cho đặc công.

Hướng có nhiều cầu lớn là hướng Đông. Ngoài các cầu qua sông Đồng Nai như cầu xa lộ Đồng Nai, cầu Ghềnh; qua sông Sài Gòn như cầu xa lộ Tân Cảng, cầu Bình Lợi; lại còn các cầu nhỏ hơn nhưng không kém quan trọng như cầu Rạch Chiếc... Các hướng khác cầu không lớn lắm nhưng nhiều và nếu bị phá cũng gặp trở ngại không nhỏ.

\*

\*      \*

Đoàn 232 vượt sông Vàm Cỏ Đông trước khi chiến đấu nhưng đã gặp rất nhiều khó khăn. Và chính vì trước khi chiến đấu nên phải giữ bí mật đối với địch, phải tiến hành vượt sông ban đêm và chiếm lĩnh tuyến xuất phát tấn công cũng vào ban đêm trong một khu vực địch còn kiểm soát: Khu Mỹ Hạnh ở gần ngã ba đường 9 và đường 10 (Đức Hòa, Long An). Đoạn sông Vàm Cỏ Đông phải vượt nằm trên xã An Ninh, cách Bảo Trai (tức Khiêm Hạnh tỉnh lỵ tỉnh Hậu Nghĩa của ngụy) trên 10km về phía tây bắc. Đoạn sông dự bị sẵn sàng khi cần thì vượt bằng sức mạnh, qua thẳng thị trấn Hiệp Hòa rồi lên đường 10. Sông Vàm Cỏ Đông ở những đoạn này cả 2 bên bờ đều sinh lầy, tìm được một nơi đất cứng thật là khó khăn. Bên bờ tây sông là vùng ta đã giải phóng từ đầu đợt, vùng “mỏ vệt”, một bộ phận của Đồng Tháp Mười, chủ yếu là bưng sinh, chỉ có một số giồng đất cao có dân cư nhưng không đông đúc và xa bờ sông. Ở đây cây củi thật là hiếm. Trong chiến tranh, cả trong chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, bộ đội ta về đây, đồng bào có thể giúp ta gạo và nhất là cá nhiều, nhưng củi đốt thì chớ có đựng đến, của quý đấy. Mỗi người một bó củi nhỏ mang theo mà dùng. Dọc bờ sông là vùng địch kiểm soát, xen kẽ có những căn cứ du kích của ta. Xã An Ninh là một xã có truyền thống cách mạng, năm Tết Mậu Thân, Sư đoàn 9 của ta cũng về đóng quân ở xã này để rồi tiến về Sài Gòn trong đợt 2 tấn công và nổi dậy. Địa hình ở đây tương đối tốt, có rẻo đất giồng liền ra đường 10, xuống ấp Bào Công rồi đến xã Mỹ Hạnh, xã căn cứ đầu tiên của “Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa” năm 1945 chống Pháp, xã của anh hùng quân giải phóng trong chiến tranh chống Mỹ: Nguyễn Thị Hạnh. Như vậy là đoạn sông vượt từ vùng của ta, vùng bưng sinh và đổ bộ lên vùng đất tương đối cao ở phía của địch kiểm soát, có thể triển khai chiến đấu ngay được. Đường từ hậu phương ra tới bến vượt rất lầy lội, không có biện pháp khắc phục thì khó mà hành quân cơ giới nổi. Cán bộ của Đoàn 232 đã cùng cán bộ các địa phương lân cận vận động nhân dân chặt và bó hàng ngàn bó chà<sup>1</sup> phân tán cất giấu nhiều nơi. Như đã nói, ở đây cây, củi hiếm nên phải vận động nhân dân từ trước và trong một vùng rộng thì mới đủ và kịp thời gian. Thế mà mọi việc đều kết quả mỹ mãn, và đặc biệt là địch không hề hay biết tí gì cả.

Đồng chí Bảy Triết (Võ Minh Triết) - Chủ nhiệm công binh Miền được chỉ định làm chủ nhiệm công binh Đoàn 232 đã kể lại:

“...Ngày trước hôm vượt sông, một trận mưa đầu mùa trút nước xối xả xuống một vùng rộng. Đường càng bị ngập bị sinh. Đêm bộ đội hành quân ra bờ sông, ngồi trên bờ từ anh Năm Ngà, cán bộ tham mưu, công binh, pháo binh, xe tăng

---

1. Nhiều cành cây nhỏ hoặc tươi, hoặc khô dài khoảng một thước, cột chặt lại thành từng bó.

đều lo lắng hồi hộp. Tiếng xe ầm ì suốt một đoạn đường dài mấy chục kilômét, chiếc xe đầu đã đến bến, chiếc xe cuối còn tận nơi xuất phát ven biên giới Việt Nam - Campuchia. Trong bóng tối, đồng bào từ mọi hướng thôn ấp đổ ra đường, đặt xuống những đoạn lầy từng bó chà vác trên vai. Mỗi chiếc xe, mỗi khẩu pháo, nhất là tăng T.54, pháo 130 ly nòng dài vượt qua là đường đi càng nhào ra, đoạn lầy càng thũng xuống. Chà lại được bỏ thêm vào, chất thêm lên, xe pháo lại cứ vượt.

“Dễ muôn phần, không dân cũng chịu.

Khó trăm lần, dân liệu cũng xong”.

Câu ấy đúng cả với tình huống chiến thuật cũng như chiến lược, đúng cả trong chiến tranh cũng như trong xây dựng hòa bình.

Trên đường đất còn như vậy, xuống sông nước còn gay go hơn. Nếu có cầu phà hiện đại đủ thì còn nói gì. Đồng chí Sáu Nhẫn (Bùi Công Trữ) - Phó phòng công binh Miền, chịu trách nhiệm về phà vượt sông hôm đó cho biết: “Tất cả xe pháo đều được đưa qua sông trên phà ứng dụng: giữa là khoang thuyền hiện đại, hai bên là vật nổi tự tạo. Trong đời công binh mấy chục năm của tôi, chưa bao giờ tôi lo đến muốn vỡ tim như hôm lực lượng 232 qua sông Vàm Cỏ. Hôm ấy anh Năm Ngà đến tận nơi đứng đó kiểm tra. Chiếc tăng từ từ lặn xích xuống phà - phà chìm đến đâu tim tôi thắt lại đến đó. May quá, đúng như tính toán, phà chỉ chìm đến chân nước quy định và nổi hẳn. Có lẽ nếu chiếc tăng chìm nghiêm theo phà thì tim tôi cũng ngừng đập luôn”.

Cầu phà, đến giờ quy định xe chở đến cách sông 5km, hạ xuống nước. Lợi dụng con rạch nhỏ dùng sào và sức người chống từng khoang thuyền ra sông rồi nhanh chóng ghép lại thành phà ứng dụng. Phải đảm bảo bí mật và khẩn trương, đòi hỏi kỹ thuật thao tác của từng chiến sĩ, động tác chỉ huy của từng cán bộ hết sức thành thạo. Còn sức đẩy nữa chứ. Sông rộng gió to, máy đẩy “Hải âu” của công binh không đủ sức, phà dễ trôi. Đoàn hậu cần 230 đã tiếp sức cho chúng tôi mấy thuyền máy có sức đẩy 50 mã lực mới đảm bảo được an toàn”.

Một lần vượt sông không chiến đấu đã như vậy, nếu phải vượt sông nhiều lần, nhiều hướng và trong chiến đấu thì thật là nan giải. Các quân đoàn, các lữ đoàn xe tăng và pháo binh tiến nhanh qua các cầu vào hội sự rục rở ở trung tâm thành phố không thể không nhớ đến chiến công của các đơn vị đặc công góp phần. Và mỗi chiến công của một đơn vị nào đó, binh chủng nào đó làm nên mà lại không có sự đóng góp bằng cách này hay cách khác của nhân dân.

Trong kế hoạch tấn công vào Sài Gòn, Quân ủy Miền chúng tôi còn một vấn đề phải lo nghĩ. Đó là trách nhiệm đối với cán bộ và chiến sĩ ta trong phái đoàn

quân sự ở trại Đavít, ngay giữa vòng vây quân địch. Đã nhiều lần quân nguy giờ những thủ đoạn thô bạo hăm dọa tính mệnh của anh em ta. Ngay những ngày đầu mới vào, Tết âm lịch Quý Sửu, lúc tôi ở trong ấy, chúng đã dùng xe thiết giáp bao vây uy hiếp, dùng trực thăng vũ trang gầm rú trên nóc nhà, đe dọa, chỉ vì phái đoàn quân sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa treo cờ ăn Tết dân tộc. Quanh trại Đavít đều là căn cứ của nguy, chúng có 12 chòi gác cao luôn hướng nòng súng máy vào anh em ta. Còn nhiều hành vi xấu xa khác. Như vậy khi ta tấn công vào, quân nguy có dễ yên cho anh em ta? Điều này khó mà tin được. Để trả thù và cho là anh em ta không bao nhiêu người mà phần lớn là cán bộ, chúng dám giở thủ đoạn tấn công tàn sát một cách đê hèn lắm. Chúng tôi thấy có trách nhiệm bảo vệ anh em ta trong ấy.

Vào cuối tháng 3, tôi mời đồng chí Ba Trần và Bùi Thành Khiết bàn về vấn đề này và đi đến kết luận là trước khi ta nổ súng tấn công vào Sài Gòn, cần phải một đơn vị đặc công giỏi và thạo khu vực quanh sân bay Tân Sơn Nhất, vào để đưa tất cả anh em ra khu giải phóng. Kế hoạch đã được bàn tỉ mỉ và đơn vị đã được chọn, tôi giao cho 2 đồng chí ấy phụ trách chỉ đạo thực hiện.

Kế hoạch được triển khai khẩn trương và anh em phái đoàn ta đã được phổ biến để hợp đồng trong hành động. Nhưng trong quá trình thực hiện chúng tôi vẫn suy nghĩ và không yên tâm. Vì rằng thành phần phái đoàn chủ yếu là cán bộ, rất ít chiến sĩ, vũ khí chiến đấu không đủ, dù đơn vị đặc công ta có thiện chiến thì vẫn là một đơn vị nhỏ để tấn công chứ không phải để bảo vệ. Kẻ địch quanh sân bay Tân Sơn Nhất đông đặc, được trang bị mạnh, có máy bay, thiết giáp yểm trợ. Cuộc chiến đấu thoát vòng vây này rất không cân sức trong một chiến trường bất lợi cho ta, dễ xảy ra thương vong đáng tiếc. Vì vậy, cuối cùng chúng tôi đã hủy bỏ kế hoạch cũ, nhất là khi đã có quyết tâm đợi các quân đoàn tới tương đối đầy đủ, ta tấn công nhanh mạnh từ ngoài kết hợp với nổi dậy từ bên trong thì chúng tôi dự đoán chắc chắn cuộc chiến đấu sẽ không kéo dài. Anh em ta trong trại Đavít nếu có chuẩn bị chu đáo sẽ có khả năng chiến thắng trong tự vệ cho đến khi Sài Gòn hoàn toàn giải phóng.

Chúng tôi liền cho liên lạc với các đồng chí có trách nhiệm trong trại Đavít phổ biến ý kiến của Quân ủy Miền là Phái đoàn phải có kế hoạch chiến đấu tự bảo vệ mình trong suốt thời gian trận tấn công của ta vào Sài Gòn. Kế hoạch chiến đấu tại chỗ kiên cường phải dựa vào một hệ thống hầm hào tự tạo hết sức bí mật. Phải là hầm hào chiến đấu chắc chắn, chịu được sức công phá của pháo địch và pháo 130 ly của ta nữa. Công việc phải tiến hành khẩn trương, toàn phái đoàn tổ chức thành một đơn vị chiến đấu được chỉ huy chặt chẽ.

Đồng chí Mười Sương (Thượng tá Ngô Văn Sương) - phụ trách chính trị của phái đoàn lúc ấy, đã kể lại như sau:

“...Khi được phổ biến có đơn vị đặc công vào đón trước ra vùng giải phóng, toàn thể cán bộ chiến sĩ đều rất cảm động thấy rằng Đảng, cấp trên đã luôn quan tâm tới anh em, tuy là một bộ phận nhỏ so với bao đoàn quân lớn. Nhưng mọi người không ai bảo ai đều có chung một ý nghĩ: trong lúc các cánh quân của ta từ ngoài ào ạt tiến công vào nội thành, chúng ta, xem như một đơn vị sẵn trong này, sao không tham gia chiến đấu mà lại ra ngoài? Ta cứ xem như một đơn vị đặc công biệt động tại chỗ có được không? Chúng tôi đã định điện xin được tình nguyện ở lại chiến đấu cho đến phút cuối cùng. Cho nên khi được lệnh ở lại chiến đấu, từ cán bộ đến chiến sĩ rất phấn khởi, ai nấy đều thức trắng đêm để đào hầm. Để khỏi lộ bí mật, đêm đào ngày nghỉ, đào nhẹ nhàng tránh tiếng động lớn. Đất đào lên một phần giấu dưới các sàn nhà kín đáo, một phần dồn vào các tủ bằng tôn sắt rồi để nằm lên nắp hầm, hầm thêm kiên cố. Chỉ hơn một tuần anh em đã xây dựng được một địa đạo dài hàng mấy trăm mét, có hầm trú ẩn, hầm hào chiến đấu nối liền nhau từ chỗ anh Tuấn (Trưởng phái đoàn) lên các đơn vị, đến cả bộ phận hậu cần, nối thông với Đoàn miền Bắc (tổ mỗ mả) còn lại, có cả nơi họp và nơi để thương binh. Chính tại hầm này vào giờ chót của chiến tranh, mấy sứ giả của ngụy quyền Sài Gòn đến thương lượng vớt vát đã cùng chúng tôi tránh đạn, cho đến khi Sài Gòn giải phóng “họ đã được bảo vệ an toàn””.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, Phái đoàn ta ở trại Đavít đã đóng góp xương máu vào chiến thắng lịch sử: hy sinh một đại úy kỹ sư và một thượng sĩ, bị thương 5, 6 đồng chí khác, trong đó có một trung tá!

\*

\*   \*

Ngày 26/4/1975, một số xe con đưa anh Văn Tiến Dũng và tôi cùng cơ quan di chuyển xuống phía Nam: Sở Chỉ huy tiền phương bắt đầu làm việc.

Hai ngày sau anh Sáu Thọ và Phạm Hùng cùng tới đó để nhanh chóng quyết định tập thể những vấn đề lớn.

Đến lúc này tình hình đã ngã ngũ rõ rệt.

Sài Gòn hoàn toàn bị vây hãm.

Ở phía tây từ ngày 26/4, Sư đoàn 5 của Đoàn 232 bắt đầu tấn công vào Sư đoàn 22, diệt lần lượt từng trung đoàn và làm chủ hoàn toàn đường 4 từ Tân An lên đến Cầu Voi. Trung đoàn 16 thì đánh chiếm cầu Bình Diên và cầu An Lạc. Hai trung đoàn đặc công 115 và 117 chiếm Phú Lâm. Xa hơn về phía tây, lộ 4 lại bị cắt



một đoạn khác ở khu vực Diêm Hy - Nhị Quý - Nhị Bình thuộc huyện Cai Lậy. Đó là do lực lượng tỉnh Mỹ Tho, trong đó có Tiểu đoàn Ấp Bắc được anh hùng quân giải phóng, đồng chí Lê Quang Công, dẫn đầu lên chiếm lộ vào đêm 26 rạng ngày 27/4. Cũng từ ngày 26/4, Sư đoàn 8 Quân khu 8 đã cắt hoàn toàn lộ 4 đoạn từ ngã ba Trung Lương lên giáp Tân An. Lực lượng Quân khu 9 cũng khống chế hẳn đoạn Cái Vồn - Ba Càng. Con đường chiến lược độc nhất xuyên suốt đồng bằng sông Cửu Long bị bằm nát.

Về phía đông, Quân đoàn 2 ngày 26/4 cũng nổ súng tấn công căn cứ huấn luyện thiết giáp Nước Trong, đánh chi khu Long Thành, ngày 27/4 chiếm thị xã Bà Rịa. đường 15 bị cắt đứt hoàn toàn. Cùng đêm 26/4, Trung đoàn đặc công 116 bắt đầu đánh cầu xa lộ Đồng Nai. Tàu địch trên sông Lòng Tàu thì bị chặn đánh quyết liệt từ 26/4 do lực lượng Trung đoàn 10 đặc công trên đoạn từ Phước Khánh đến ngã ba sông Đồng Tranh và khóa chặt đường sông khi đánh chìm tàu vào hôm sau.

Sân bay Biên Hòa bị bắn phá bằng pháo 130 ly của trận địa Hiếu Liêm từ ngày 15/4, nhiều máy bay bị phá hủy, sân bay bị rối loạn. Đến ngày 18/4 địch đã phải chuyển máy bay F5 về sân bay Tân Sơn Nhất và A37 về sân bay Lộ Tẻ (Cần Thơ). Và ngày 23/4 sân bay Biên Hòa bị đóng cửa hẳn cùng lúc với tòa Lãnh sự Mỹ ở thị xã Biên Hòa. Địch chỉ còn 2 sân bay cuối cùng: Lộ Tẻ và Tân Sơn Nhất. Sân bay Tân Sơn Nhất cũng bị tên lửa 122 ly của Trung đoàn đặc công 17 ở phía tây và của cánh Bắc đặc công từ Quới Xuân bắn phá từng lúc, gây khó khăn cho địch. Nhưng mãi đến khi trận địa pháo nòng dài 130 ly Nhơn Trạch của Quân đoàn 2 đặt xong vào cuối ngày 28/4 bắn phá, và trận tấn công độc đáo của không quân Việt Nam cũng ngày hôm ấy, dùng 5 chiếc A37 lấy của địch do đồng chí Nguyễn Thành Trung hướng dẫn thì Tân Sơn Nhất không còn phục vụ cho địch nữa. Sân bay Lộ Tẻ do pháo của Quân khu 9 khống chế từ ngày 28/4, nhưng do vùng địch kiểm soát ta có khó khăn nên mãi đến ngày 30/4 địch vẫn còn sử dụng được, tuy bị hạn chế.

Mỹ và ngụy đều đã thấy tình hình là tuyệt vọng.

“Từ trong các tường thành bao bọc cuộc sống của mình, chính Thiệu cũng bắt đầu nhìn thấy cái không thể tránh khỏi. Ông ta khó có thể tránh được nó. Trước rạng đông ngày 18, một tiểu đội đặc công cộng sản đã tiến đánh trạm radar Phú Lâm ngoại ô phía tây của Sài Gòn. Như vậy là đã đưa chiến sự đến ngưỡng cửa của thành phố. Khoảng 1 giờ sau, tướng Toàn - Tư lệnh Quân khu 3, từ chỉ huy sở của mình ở Biên Hòa bay về báo cáo Thiệu là: thực tế, cuộc chiến tranh đã thất bại, quân đội đã hỗn loạn và bị áp đảo về số lượng một cách tuyệt vọng. Không thể hy vọng sẽ giữ được thêm hai hoặc ba ngày nữa”<sup>1</sup>.

---

1. Frank Snepp: *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Sđd, Phần III - Sụp đổ.



Martin là con người xa thực tế nhất, chủ quan hạng nặng, đến bây giờ cũng phải thấy ra sự thất bại không tránh đi đâu được và ra sức vận động Thiệu rút lui để mơ tưởng một âm mưu chính trị may ra cản bước tiến của quân ta. Từ xa rời thực tế này đến xa rời thực tế khác, Martin quả là một con người chuyên sống bằng ảo vọng.

“Martin đánh xe đến Phủ Tổng thống gặp Thiệu, sáng 20, sau khi gặp Mérillon (đại sứ Pháp) về cùng một chủ đề, cho cùng một mục đích. Y nói với Thiệu: “Tôi đã nói rằng kết luận của tôi là hầu hết các tướng lĩnh, mặc dù họ có thể tiếp tục chiến đấu, tin rằng sự phòng thủ là vô hy vọng, trừ phi có một cuộc ngưng bắn nhờ thương lượng, và họ không tin là thương lượng có thể bắt đầu được trừ phi Tổng thống từ chức hoặc có các bước làm cho thương lượng bắt đầu được ngay”<sup>1</sup>.

Ngày 21/4 Thiệu từ chức, không biết có phải công của Martin không.

Ngày 28/4, Trần Văn Hương - Tổng thống ngụy quyền một tuần lễ - sức đã mòn, trí đã cạn, lại tưởng mình có “số trời cho” lắm le lấp biển vá trời, đã bưng tỉnh hay buộc phải tỉnh, nhường “ngai vàng” lại cho Dương Văn Minh. Còn Minh, có lẽ do bản chất có phần thật thà, tin vào phù phép của tả phó Martin và hữu trợ Mérillon, nên đã bị chúng gạt ra rìa từ lâu mà đến giờ chót còn cố vươn vai gánh chịu cái đầu hàng vô điều kiện.

Lại cũng chính trong ngày ấy, Sở Chỉ huy của Quân đoàn 3 ngụy ở Biên Hòa hoàn toàn tan vỡ, rút chạy về Gò Vấp để qua ngày hôm sau, tên Tư lệnh của nó, tướng Toàn, chạy theo Tổng Tham mưu trưởng Cao Văn Viên trốn qua Mỹ. Chỉ huy quân sự của chế độ Sài Gòn đã mất đầu.

Về phía ta, chúng tôi chuyển gấp đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên Mặt trận Sài Gòn bức điện động viên sau đây đề 22 giờ ngày 28/4/1975:

*“Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương gửi lời chào quyết thắng đến toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, các đồng chí hãy anh dũng tiến lên giành toàn thắng cho chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại”.*

---

1. Frank Snepp: *Khoảng cách thời gian vừa phải*, Sđd, Phần III - Sụp đổ.



*Cùng với các đồng chí: nữ tướng Nguyễn Thị Định, tướng Trần Độ và tướng Hoàng Văn Thái*

## CHƯƠNG VIII

### **Giờ tận số của một chế độ: Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng**

**G**iờ “G” ngày “N” đã điểm. Đó là 24 giờ 00 ngày 29/4/1975, giờ quy định hợp đồng cho tất cả các cánh quân ta từ năm hướng nổ súng đồng loạt tấn công vào nội thành Sài Gòn, tiêu diệt nốt quân địch phòng thủ, chọc thẳng vào 5 mục tiêu trọng yếu nhất. Đó là giờ quy định cho tất cả các tổ biệt động các đơn vị đặc công, từ nơi ém quân, đứng dậy cho nổ tung địch từ bên trong, chiếm lĩnh các mục tiêu được giao và bắt liên lạc với các cánh quân từ ngoài vào. Đó cũng là giờ quy định cho cán bộ Đảng, cán bộ chính trị, từ trong lòng nhân dân, vùng lên dẫn đầu đồng bào yêu nước nổi dậy diệt ác ôn, phá vỡ ngục quyền, vận động ngục quân đầu hàng, giành chính quyền vào tay nhân dân, làm cuộc đổi đời long trời dậy đất, xóa sạch kim kẹp áp bức, bất công, nô dịch.

Giờ “G” ngày “N” này là mốc mà Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh phát ra cho toàn mặt trận Sài Gòn. Hãy lấy đó mà tính toán từng công việc, từng hành động của anh, dù anh xa hay gần, dù anh khó hay dễ, anh gặp trở ngại hay thuận lợi, mà hành động trước hay sau, sớm hay muộn, đến giờ đó là tất cả phải sẵn sàng ở tư thế của hổ sắp vồ mồi. Và tất cả từ giờ đó nhất tề chồm lên dũng mãnh nhất, nhanh nhất vồ lấy mồi của mình nguyên vẹn và về hội sư ở điểm trung tâm: Dinh Tổng thống ngục quyền.

Giờ “G” ngày “N” đó cũng là giờ quy định cho toàn B2 mà Bộ Tư lệnh Miền đã phát ra cho tất cả các quân khu, các tỉnh, các đơn vị, những nơi còn địch, đã đồng loạt đứng lên tấn công tiêu diệt và đánh ngã quân thù, để đồng khởi nổi dậy nắm lấy chính quyền, định đoạt số phận của mình. Xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện và tỉnh giải phóng tỉnh.

Đã có giờ “G” nào mà hàng triệu trái tim rộn ràng, hồi hộp vừa lo lắng vừa sung sướng đợi chờ. Đã có giờ “G” nào mà ta mong đợi từ mấy chục năm khói lửa

ngất trời. Đã có ngày “N” nào là hàng triệu con người ngã xuống từng ngày, từng ngày, trong suốt hơn một vạn ngày cam go chiến đấu, anh dũng hy sinh, để quyết định ra nó.

Ngồi trong Sở Chỉ huy chiến dịch, mọi người chúng tôi lắng lắng đợi. Tự nhiên tôi cảm thấy tinh thần thư thái lạ lùng. Vào giờ đó không còn gì mà lo nữa. Kiểm tra tất cả các cánh quân đều báo cáo thuận lợi và sẵn sàng. Các quân khu, các đơn vị xa cũng đã lặp lại đúng giờ “G” ngày “N” không nhầm lẫn. Tất cả các mệnh lệnh đều đã phát đi và đã được trả lời nhận đúng. Còn công việc sắp tới? Hãy chờ súng nổ giống hệt như chờ pháo giao thừa. Giờ phút thư thái như vậy rất ngắn thôi nhưng quý vô cùng. Nó giúp ta thải nốt khí độc nhọc nhằn còn lại của giờ trước và hút khí mới trong lành cho giờ sau của công việc khẩn trương sắp tới.

Đúng như giờ giao thừa, âm vang tiếng pháo từ mọi hướng.

Hướng tây bắc, Quân đoàn 3 ta đã tấn công diệt Đồng Dù, căn cứ của Sư đoàn 25 nguy, bắt sống tên tướng tư lệnh sư đoàn Lý Tông Bá. Quân đoàn tiếp tục cho Trung đoàn đặc công của mình đánh chiếm và giữ trước cầu Bông trên đường 1 và cầu Xáng trên đường 15. Quân đoàn đánh vào nội thành theo 2 đường, đường chính là đường 1 và đường phụ là đường 15, nhưng khi qua cầu Xáng, cầu bị sập, 2 xe tăng rớt xuống nước nên cánh quân đường 15 lại chuyển qua đường 1 tiến về Hóc Môn. Lực lượng tỉnh Tây Ninh phối hợp chặn diệt quân của Sư đoàn 25, không cho chúng từ Tây Ninh rút về và lần lượt cùng nhân dân giải phóng tỉnh mình. Bộ đội địa phương quận Củ Chi đã phối hợp với chủ lực đánh Đồng Dù và chiếm chi khu. Nhân dân vùng Củ Chi do má Bảy Nguyễn Thị Lánh, một đảng viên 76 tuổi đã có 3 con trai hy sinh cho Tổ quốc, cầm đầu chiếm chi cảnh sát rồi cả quận lỵ Củ Chi, giữ nguyên vẹn giao cho bộ đội địa phương quận. Chính má Bảy đã tự leo lên cầm cờ tại chi cảnh sát trong lúc địch còn ở đấy. Chúng đã run sợ trước ánh mắt căm thù của một mẹ già tóc bạc, trước lực lượng tay không của nhân dân nổi dậy, vút súng bỏ chạy.

Trước mặt Quân đoàn 3, trong ngày 29, Tiểu đoàn 14 đặc công đã chiếm cầu Chợ Mới, Đài Phát thanh Quán Tre, Chi khu cảnh sát và Trường huấn luyện Quang Trung ở Hóc Môn tan rã bỏ chạy. Trung đoàn 1 Gia Định giải phóng 2 xã Tân Thới Nhất và Xuân Thới Thượng chiếm cầu Tham Lương. Tiểu đoàn 4 Trung đoàn Gia Định cùng Trung đoàn đặc công 115 giải phóng xã Tân Thới Hiệp và mở 2 cửa ra phía bắc sân bay Tân Sơn Nhất chờ lực lượng Quân đoàn tới để đột phá tấn công. Tảng sáng 30/4, Quân đoàn 3 từ Hóc Môn tiến chiếm mục tiêu chủ yếu của mình, đánh bại các cuộc phản kích và làm chủ toàn bộ sân bay lúc 14 giờ trong ngày.

Hướng bắc, Quân đoàn 1 đánh chiếm thị trấn Tân Uyên, bao vây căn cứ Phú Lợi và chọc thẳng xuống Lái Thiêu để tấn công vào nội đô. Toàn bộ Sư đoàn 5 ngụy bị bao vây cô lập giữa 2 cánh quân của ta - Quân đoàn 3 và Quân đoàn 1 - không còn đường chạy, bị bộ đội địa phương phối hợp với Quân đoàn tấn công, liên treo cờ trắng đầu hàng. Cả 3 trung đoàn 7, 8, 9 đều hạ súng đầu hàng tại chỗ. Tiểu khu Bình Dương cũng treo cờ trắng vào sáng 30/4. Quân đoàn 1 vượt qua cầu Bình Phước tiến về mục tiêu chủ yếu: Bộ Tổng Tham mưu. Cầu Bình Phước đã bị Trung đoàn đặc công 115 đánh chiếm từ sáng 29/4 nhưng địch phản kích chiếm lại. Từ Sở chỉ huy được tin địch gài mìn định phá cầu Bình Phước, chúng tôi liền điện gấp cho Trung đoàn 115: “Đánh chiếm và giữ cho được cầu Bình Phước... Cắt đứt ngay dây mìn địch đã gài sẵn ở cầu...”. Rạng sáng 30/4, Trung đoàn đánh lại và giữ cầu cho đến lúc Quân đoàn 1 vượt qua. Phía trước Quân đoàn 1, đêm 28/4 Tiểu đoàn 80 đặc công đã cùng các đội biệt động tấn công căn cứ pháo Cổ Loa ở Gò Vấp, đến sáng 30/4 mới chiếm được. Cũng sáng hôm ấy lúc 9 giờ 20 phút, Tiểu đoàn đã chiếm căn cứ thiết giáp “Phù Đổng”. Tại Bộ Tổng Tham mưu địch, sáng 30/4, không còn chỉ huy, quân ngụy đã mất hết tinh thần, cả bọn đã bỏ trốn. Nhưng tại các cửa vào, bọn biệt kích dù 81 vẫn còn ngoan cố giữ. 8 giờ 30 phút ngày 30/4, Đội biệt động Z28 do đồng chí Bảy Vĩnh chỉ huy đánh vào cổng 1 không thành công, liền chuyển qua cổng 3. Ở đây có một số xe tăng bỏ không, địch trên xe đã chạy. Đội lấy súng địch trang bị đầy đủ, lên 1 xe Jeep đột thẳng vào trung tâm điện toán. Tên Đại tá Hồ, phụ trách ở đây, đã giao nguyên vẹn cơ sở này cho tổ. Hệ thống máy IBM và toàn bộ băng từ quản lý nhân sự và trang bị của ngụy còn đầy đủ. Lúc ấy là 10 giờ. Tổ liền lên xe chạy đến tòa nhà chính của Bộ Tổng Tham mưu. Tất cả quân ngụy đã chạy trốn, còn lại một hạ sĩ đón tổ và bàn giao chum chìa khóa với toàn bộ văn kiện, tài sản còn nguyên. Hạ sĩ ngụy ấy là đồng chí Ba Minh, tình báo Miền cài vào làm việc Bộ Tổng Tham mưu từ lâu (hiện nay là Thượng úy tại Bộ Tham mưu Quân khu 7). Lá cờ được treo lên cột cờ chính và nóc nhà chính ở đây vào hồi 10 giờ 30 phút. Đúng 12 giờ ngày 30/4, đồng chí Vĩnh (nay là Trung tá Lê Văn Vĩnh, Anh hùng lực lượng vũ trang, Phó Tham mưu trưởng tỉnh Tây Ninh) đã đón lực lượng của Quân đoàn vào và chuyển giao lại mục tiêu. Trên cánh này, nhân dân đã nổi dậy phối hợp với biệt động, đặc biệt là ở xã An Phú Đông, diệt cơ quan tề, cảnh sát xã và xây dựng ngay chính quyền mới. 9 giờ 30 phút ngày 30/4, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng tại chỗ, nhân dân đã chiếm Phường 2 thị trấn Gò Vấp. Sớm hơn nữa, chiều 29/4, đồng chí Thuần, cán bộ quận đã lãnh đạo quần chúng chiếm và treo cờ ở trụ sở Phường 12 quận Phú Nhuận.

Hướng tây, sáng ngày 29/4 Đoàn 232 đã chiếm thị xã Hậu Nghĩa, Chi khu Đức Hòa, bảo đảm sườn trái, một bộ phận diệt Sư đoàn 22 ngụy, chiếm thị xã Tân An,

thị trấn Bến Lức, cầu Bình Điền, sau đó tiến vào Sài Gòn theo lộ 4, bảo đảm sườn phải. Bộ phận chủ yếu thọc sâu, Sư đoàn 9, từ Mỹ Hạnh, Vĩnh Lộc đánh thẳng vào ngã tư Bảy Hiền, tiến chiếm mục tiêu chủ yếu, Biệt khu Thủ đô nguy, lúc 10 giờ 30 phút ngày 30/4. Trên khu vực ngã tư Bảy Hiền, địch đã cố sức chống cự, dùng cả 1 tốp A37 đánh bom vào đội hình quân ta gây một số thiệt hại.

Trung đoàn đặc công 429 và Trung đoàn 117 phối hợp với cánh tây trong 2 ngày 29 và 30 đã chiếm một số mục tiêu then chốt như Đài radar Phú Lâm, yếu khu Tân Tạo, khu ngã năm Vĩnh Lộc, Trung tâm phát tín Phú Thọ, cầu Bà Hom, cầu Nhị Thiên Đường.

Nhân dân các xã vùng Hóc Môn, Bà Điểm, đặc biệt là ở xã Phú Thọ Hòa, đã nổi dậy, vận động địch hạ súng đầu hàng, phá rã nguy quyền, treo cờ giải phóng. Nhiều xã xây dựng chính quyền cách mạng. Tại Quận 11, chị Út Vân và anh Sáu Hoàng, cán bộ đảng tại chỗ đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy chiếm chính quyền Phường 8 lúc 9 giờ ngày 30/4, và chiếm luôn tòa hành chính quận lúc 9 giờ 15 phút trước khi quân ta tiến vào.

Hướng nam, như phần trên đã nói, tuy có nhiều khó khăn, cũng về tới đích đúng thời gian quy định và nhanh chóng chiếm được mục tiêu chủ yếu: Tổng nha Cảnh sát. Các kho tài liệu, hồ sơ, văn kiện, tư liệu đang làm việc dở dở trên bàn giấy còn y nguyên ở đó.

Hướng đông, Quân đoàn 4 theo đường 1 đánh thẳng vào sân bay Biên Hòa, thị xã Biên Hòa và chỉ huy sở Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 nguy. Lực lượng còn lại của Sư đoàn 18, Lữ đoàn 3 thiết giáp, thủy quân lục chiến nguy ra sức ngăn chặn, liên tục phản kích, tất cả các mũi đều phải tiến chậm. Lực lượng thọc sâu gồm Sư đoàn 7 và dự bị là Lữ 52, sáng sớm ngày 30/4, bộ phận đi đầu đã đến cầu Ghềnh nhưng thấy cầu yếu sợ xe tăng không qua được, phải quay đội hình trở lại xa lộ Biên Hòa, theo sau Quân đoàn 2 về Sài Gòn chiếm trụ sở Bộ Quốc phòng nguy, căn cứ Hải quân và Đài phát thanh.

Nhân dân quận Bình Thạnh được chị Ba Liễu phát động và chỉ huy, đã chiếm trụ sở Phường 13 lúc 9 giờ 30 phút ngày 30/4.

Quân đoàn 2, một cánh chiếm Bà Rịa, Vũng Tàu (Sư đoàn 3 Quân khu 5), một cánh đánh Long Thành, qua chiến khu Nhơn Trạch, đặt trận địa pháo 130 ly ở đây và chuẩn bị cho một bộ phận vượt sông Đồng Nai, phối hợp với đặc công biệt động tiến vào Quận 9. Cánh chủ yếu đánh vào Sài Gòn đi đầu là Lữ xe tăng 203. Đến sông Buông, cầu bị đánh sập. Cả ngày 29/4, Lữ xe tăng 203 qua không được. Đến giữa đêm mới qua khỏi cầu sông Buông và tiến thẳng lên xa lộ Biên Hòa - Sài Gòn.



Ở đây Lữ xe tăng 203 tiếp xúc được với lực lượng ta đang giữ cầu. Một bộ phận của Trung đoàn đặc công 16 làm nhiệm vụ chiếm giữ cầu Đồng Nai đã mở rộng chiếm luôn một góc kho Long Bình (giải phóng 2 xã An Hòa và Long Hưng). Trung đoàn 116 liền tổ chức công sự phòng giữ ở đấy. Vào lúc quá nửa đêm, Lữ 203 xe tăng ta vừa tiến vừa bắn dữ dội về phía trước. Tưởng địch, chiến sĩ đặc công chốt giữ đã dùng B40, B41 bắn trả lại. May mà không trúng. Nhưng nhờ ánh lửa của đạn, anh em nhận ra cờ Mặt trận cắm trên xe tăng, lúc đó là 5 giờ ngày 30/4, liền hỏi khẩu hiệu:

- Hồ Chí Minh?

- 19/5 - trả lời (chiến sĩ xe tăng nhớ lầm khẩu hiệu lúc ở Khu 5)

- Hồ Chí Minh? - hỏi lại lần thứ 2.

- Muôn năm - trả lời.

“Đúng rồi. Thôi bắn”. Anh em mừng rỡ, phất cờ nhận nhau.

Trên xa lộ này có 3 cầu trọng yếu nhất đó là cầu Đồng Nai, cầu Rạch Chiếc và cầu Tân Cảng.

Đêm 26/4, Trung đoàn đặc công 116 đã bắt đầu đánh chiếm cầu Đồng Nai, nhưng ngày 27 địch phản kích chiếm lại. Đêm 28/4, đơn vị lại chiếm lại đầu cầu phía đông, đánh sang đầu cầu phía tây và tổ chức chốt giữ phòng ngự. Chiều 29/4, có tiếng nhiều xe di chuyển trên đường 15 từ Long Thành về Sài Gòn. Trinh sát báo cáo tất cả có 15 xe địch, đi đầu là 5 tăng và thiết giáp, nhưng xe sau đầy lính có cả phụ nữ, trẻ em và có bộ binh đi hai bên đường. Mở máy bộ đàm PRC-25 của Mỹ, Chỉ huy Trung đoàn đã nghe một đoạn nói chuyện ngắn vội vã:

- Khi xe máy qua cầu dứt đuôi thì dùng 5 tấn thuốc nổ phá sập luôn cầu.

- Còn đơn vị sau làm sao?

- Không đi đường này nữa. Đó là lệnh chỉ huy. Việt cộng đang đuổi sau lưng máy. Nổ sập cầu ngay!

Bộ đội ta vẫn giữ kín được trận địa phục kích. Đoàn xe địch không hay biết tiến đến cách cầu khoảng 1 km (đoạn ngã ba Bến Gỗ). Lập tức súng B40, B41 và các loại cùng nổ. 5 chiếc xe đầu bị diệt. Một số bỏ xe nhảy hàng rào kho Long Bình chạy bộ, những xe sau quay đầu chạy tắt về hướng Biên Hòa.

Thừa thắng, đơn vị phát triển chiếm luôn một góc kho Long Bình (hướng tây tây nam). Cầu được giữ nguyên vẹn cho đến cuối cùng.

Còn ở cầu Rạch Chiếc, cuộc chiến đấu cũng xảy ra rất ác liệt. Đội biệt động Z23 cùng Tiểu đoàn 81 đặc công do đồng chí Nguyễn Hoàng Ân (Tiểu đoàn trưởng),

Trần Kim Thịnh (Tiểu đoàn phó) và Nguyễn Văn Tư (Chính trị viên), chỉ huy chung có trách nhiệm chiếm giữ cầu này. 3 giờ ngày 27/4 nổ súng, sau 1 giờ chiến đấu anh em đã làm chủ toàn bộ cầu, cẩn thận cắt tất cả dây điện giăng dưới cầu. Cả ngày 27, bộ binh địch kết hợp với tàu dưới sông đã phản kích quyết liệt. Đến 15 giờ ngày 28/4, Z23 kiên cường đã có 20 đồng chí hy sinh. Lực lượng ta phải tạm lui vào con rạch nhỏ dựa nước và ô rô cách đường khoảng 500 mét. Lo trách nhiệm, đêm 28/4, Z23 tổ chức tấn công chiếm lại, nhưng không thành công. Đến đêm 29/4, toàn bộ đơn vị mới đánh chiếm lại được cầu lần thứ 2 và giữ cho đến khi xe tăng ta vượt cầu vào 9 giờ 30 phút ngày 30/4.

Cầu Tân Cảng, do Tiểu đoàn 4 Thủ Đức đánh chiếm không thành công vì ở đây địch mạnh và sát Sài Gòn, tối 28/4, khi Lữ 203 xe tăng của Quân đoàn 2 đến cầu xa lộ Đồng Nai thì bộ binh vẫn còn ở xa chưa đến kịp. Tại đây, đồng chí Tài (Lữ trưởng) đã gặp các đồng chí Tổng Viêt Dương - Chỉ huy trưởng đặc công biệt động cánh Đông (nay là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Thượng tá, Chỉ huy phó quân sự tỉnh Đồng Nai) và Võ Tấn Sĩ - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 116 đặc công biệt động (hiện nay là Trung tá Trung đoàn trưởng kiêm Chính ủy Trung đoàn 304 cảnh sát bảo vệ Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Đồng chí Tài cho biết lệnh của quân đoàn phải tiến chiếm nhanh Dinh Độc Lập ngày hôm nay. Nhưng bộ binh chưa đến kịp. Địch ở chỗ nào chưa rõ. Đường đi không rành, chỉ biết trên bản đồ.

Đồng chí Dương nói ngay:

- Đội bộ binh thì chậm mất. Chúng tôi có cả một trung đoàn đặc công mạnh. Tôi từng là cán bộ tình báo nằm nhiều năm trong Sài Gòn. Tôi rành đường lẩn. Các khu vực địch tôi đều biết. Biết rõ cả Dinh Độc Lập. Anh cứ quyết tâm tấn công đi.

Đồng chí Sĩ cũng nói:

- Trung đoàn chúng tôi đã phụ trách đánh trong sát ven đô. Mới chuyển nhiệm vụ ra đây. Nhiều cán bộ chiến sĩ quen thực địa. Trung đoàn tôi còn có khả năng tác chiến như bộ binh, và có cả kinh nghiệm đánh diệt căn cứ, hậu cứ địch. Đồng chí cứ mạnh dạn hợp đồng tấn công!

Đồng chí Tài cân nhắc rồi đồng ý.

Mất một thời gian sắp xếp đội hình xe tăng và điều động tập trung trung đoàn đặc công:

Trừ hai đại đội ở lại giữ cầu, toàn bộ Trung đoàn 116 ngồi lên xe tăng của Lữ 203 cùng hợp đồng chiến đấu, hùng dũng tiến về chiếm Dinh Tổng thống ngụy quyền.

Đồng chí Dương ngồi với đồng chí Tài và đồng chí Minh (chủ nhiệm chính trị) ở xe chỉ huy của lũ trưởng, chiếc thứ 6 trong đội hình. Đồng chí Sĩ - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 116 ngồi lên xe thứ 3. Đồng chí Phạm Duy Đô, quyền Đại đội trưởng Đại đội 1, Tiểu đoàn 19 ngồi lên xe thứ 2. Đoàn xe xuất phát từ cầu Đồng Nai đúng 6 giờ ngày 30/4.

Khi ngang qua Suối Cát Thủ Đức, quân nguy ở Liên trường huấn luyện sĩ quan địch dùng pháo bắn tới tấp vào đội hình quân ta. Một xe tăng trúng đạn, anh em ta hy sinh. Ba pháo cao xạ 37 ly bị hỏng. Theo sự chỉ dẫn của đồng chí Dương, đồng chí Tài ra lệnh 2 mũi xe tăng, một băng đồng, một vòng vào hướng chợ Nhỏ, tiêu diệt ngay trận địa pháo ở Liên trường (thuộc xã Tăng Nhơn Phú).

Đoàn xe qua cầu Rạch Chiếc, đồng chí Tư Thịnh báo cáo tình hình cầu và địch ở khu vực. Gần đến cầu Tân Cảng, thành linh nhiều đạn bắn vào quân ta từ các dãy nhà hai bên đường. Một xe bị hư, một đồng chí hy sinh. Lập tức đơn vị đặc công nhảy xuống xe chiến đấu và lùng sục bắt sống được nhiều địch hãy còn sắc phục “rằn ri”, còn đủ súng ống. Tiếp đó 2 máy bay A37 vòng tới nhào xuống trút 2 loạt bom rồi bay luôn. Ta an toàn, lại tiếp tục tiến.

Xe qua khỏi cầu Tân Cảng, nhân dân đổ ra 2 bên đường, càng gần Sài Gòn càng đông, vỗ cờ, vỗ tay hoan hô quân giải phóng. Các nhà báo quốc tế quay phim, chụp ảnh dẫn cho tới nội thành. Gần cầu Thị Nghè, 3 xe M113 địch xuất hiện, ta bắn, 1 xe cháy, 2 xe khác lính bỏ xe ngay trên cầu Thị Nghè, chạy bộ trốn.

Hai chiếc xe tăng T54 hiệu 843 và Type 59 hiệu 390 đi đầu húc vô cửa sắt Dinh Độc Lập vào lúc 11 giờ 10 phút, xe 390 tiến thẳng vào cột cờ giữa sân, các xe khác rẽ qua trái, phải, dừng lại. Chiến sĩ Trung đoàn 116 nhảy xuống xe bao vây toàn bộ khu nhà, lùng sục bắt bọn lính bảo vệ, nhân viên ra ngồi tập trung trước bãi cỏ. Một tổ chiến sĩ xe tăng do đồng chí Bùi Quang Thận dẫn đầu, 1 tổ chiến sĩ đặc công có 2 đồng chí Phạm Duy Đô và Phạm Huy Nghệ, cùng cầm cờ chạy lên ban công cao phía trước Dinh Tổng thống nguy quyền, đứng phất cờ hồi lâu, rồi cờ được kéo lên cột cờ chính trước ban công. Đúng 11 giờ 30 phút.

Tổ đặc công lại chạy xuống các tầng dưới lục soát các phòng. Đến tầng cuối, phòng bên phải, kéo màn qua một bên, toàn bộ nội các nguy quyền đang ngồi đủ mặt ở chiếc bàn hình bầu dục trong phòng họp chính phủ. Đồng chí Đô chìa súng AK hô to:

“Các ông đã bị vây. Ai có súng bỏ xuống. Đầu hàng”.

Không ai nhúc nhích. Không ai thốt một lời.

Đô lại ra lệnh cho đồng chí Nghệ, cầm súng AK đứng ở cửa:

“Đồng chí đứng gác ở đây. Không ai được ra khỏi phòng này!” Xong, Đô chạy ra

tìm chỉ huy. Vừa lúc ấy các đồng chí Tùng (Chính ủy), Tài (Lữ trưởng Lữ 203), Minh (Chủ nhiệm chính trị) và Dương (Chỉ huy trưởng cánh Đông đặc công biệt động) vừa kịp đến cửa. Đò đưa đoàn cán bộ vào.

Mọi người trong phòng đều đứng cả lên. Dương Văn Minh, Tổng thống ngụy quyền, đứng đầu bàn phía trong cùng, nói:

- “Chúng tôi chờ các ông đến để bàn giao!”.

- “Các ông không còn gì để mà bàn giao. Chỉ có đầu hàng vô điều kiện. Mời ông ra tuyên bố ở Đài Phát thanh: Xin đầu hàng vô điều kiện” - Đồng chí Tùng nói đồng dặc.

\*

\*      \*

Tại Sở Chỉ huy, chúng tôi chăm chú theo dõi từng giờ các mũi tiến quân của từng hướng. Trên bàn to trải bản đồ vùng Sài Gòn và xung quanh, mọi người nhìn theo vạch bút chì đỏ mà cán bộ tham mưu, từng lúc, căn cứ vào báo cáo của các cánh, vẽ, đánh dấu nơi quân ta đến, mục tiêu ta đã chiếm. Bỗng một đồng chí cán bộ vừa reo mừng vừa xách máy ghi âm vào để lên bàn: Tiếng nói của Dương Văn Minh trên Đài Phát thanh xin đầu hàng vô điều kiện và lệnh cho quân ngụy hạ súng đầu hàng. Tất cả đổ xô đến, im lặng lắng nghe.

Mọi người nhảy lên reo mừng. Các anh Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng đều xúc động mạnh, ôm hôn mọi người, bắt tay nhau thật chặt. Có mấy phút giây trong đời ta mà sung sướng đến nghẹn ngào, mừng vui muốn trào lệ. Tự nhiên tôi cảm thấy như tâm hồn mình trong suốt, nhẹ lâng lâng, mọi thứ như động xuống tận đáy sâu. Chiến tranh sắp chấm dứt hoàn toàn rồi. Một cuộc chiến tranh dài ngày, khốc liệt mà biết bao nhiêu đồng chí, đồng bào không còn trong giờ phút này để cùng ta hả hê vui sướng. Đồng chí, đồng bào đã ngã xuống cho ta có giờ phút hôm nay.

\*

\*      \*

Sài Gòn, ngày 30/4 rực rỡ nắng vàng. Khắp phố phường, cờ giải phóng nửa đỏ nửa xanh, xen kẽ với cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió. Cả thành phố đổ ra đường, hạ cờ ngụy, treo cờ ta, kêu gọi binh sĩ ngụy buông súng đầu hàng, giải tán ngụy quyền, xây dựng chính quyền cách mạng. Tất cả thành phố đứng lên, giữ trật tự, bảo vệ các nhà máy, cơ sở, cho cách mạng, cho bản thân mình. Bao nhiêu năm

mới có ngày nay. Nhớ ngày 25/8/1945, cũng tương tự như thế này, rầm rập bước chân cách mạng mừng mừng, tủi tủi nhìn anh bộ đội giải phóng, bộ đội Cụ Hồ, nhìn những chiếc xe tăng khổng lồ, những khẩu pháo lớn quá cỡ. Có con ta, có anh mình cùng về trong đoàn quân chiến thắng? Có chú ta, có cô ta ngồi trên xe tăng hay xe kéo pháo hùng dũng tỏa ra khắp nơi? Từng đám đông, phố nào cũng có, vây quanh các anh giải phóng hỏi han trò chuyện. À, không giống lính ngự chút nào. Các anh hiền quá, đẹp quá. Các con trẻ quá, thương quá.

Sài Gòn một ngày hành động. Đúng ra là đã hành động từ mấy ngày nay. Không phải chỉ là hoan hô, reo mừng, tiếp đón như một đôi ngày lịch sử trước đây. Ngày 31/01/1979, ngày Tết Kỷ Dậu, nhân dân kinh thành Thăng Long đã đổ ra đường mừng vui, tự hào, tin tưởng, nghênh đón đoàn quân chiến thắng của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ tiến vào giải phóng thủ đô. Nhà thơ Ngô Ngọc Du đã tả không khí tung bừng ngày chiến thắng năm ấy:

*“Mây tạnh, mù tan, trời lại sáng  
Đầy thành già trẻ, mặt như hoa”.*

Ngày nay, ở thành phố Sài Gòn, một thành phố lớn nhất trong cả nước, một thành phố đã chiến đấu từ nhiều năm nay dưới sự lãnh đạo của Đảng, không khí tung bừng cũng giống như vậy. Nhưng còn hơn như vậy, một không khí sục sôi nổi dậy hào hùng, mà mỗi người có góp phần của mình vào chiến công hiển hách giữ cho thành phố thân yêu nguyên vẹn, cho nhân dân hạnh phúc trọn lành.

Sinh hoạt bình thường ở Sài Gòn có gì khác, trước và sau 11 giờ 30 phút ngày 30/4? Khác là trước thì súng đạn nổ vang, nhà nhà lo lắng, người người hành động. Còn sau đó thì cờ xí phấp phới bay, phố phường bỗng trở thành ngày hội. Khắp nẻo đông chật nhưng trật tự, vui tươi. Điện nước cho mọi nhà vẫn đầy đủ, dòng đời không ngừng một phút. Có cuộc chiến tranh nào kết thúc ở một thành phố cỡ ba triệu rưỡi dân như vậy không? Hay đây là một kỳ công lịch sử hiếm có. Kỳ công đó chính là nhờ trí tuệ lãnh đạo của Đảng ta: Kết hợp tấn công và nổi dậy, nổi dậy và tấn công, kết hợp đánh từ ngoài vào và đánh từ trong ra. Khác đi thì trạng thái không như vậy được và cũng sẽ không thắng được. Và kết quả thực tế đã rõ.

Nhà máy cung cấp nước cho thành phố nằm ở Thủ Đức đã được Ủy ban khởi nghĩa do đồng chí Nguyễn Văn Muống cầm đầu, phát động quần chúng, hù dọa đuổi địch, chiếm lĩnh và làm chủ nhà máy từ nhiều giờ trước khi quân ta tiến về đi ngang qua đây. Ở đây, cả ở trong và xung quanh nhà máy, địch đã đóng một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, 1 tiểu đoàn cao xạ, 1 đại đội bảo an, và đến ngày 28/4

địch lại kéo về đây thêm khoảng 40 xe tăng và thiết giáp. Địch lại trang bị cho phòng vệ dân sự tại nhà máy 30 súng, nhưng số súng này phần lớn nằm trong tay của quân chúng có tổ chức của ta. Đồng chí Muống rất lo lắng. Công đoàn quận Thủ Đức do đồng chí Thành Đô đại diện đã giao nhiệm vụ cho đồng chí Muống phải tổ chức cho được công nhân và bằng mọi cách bảo vệ nhà máy được nguyên vẹn.

Ngày 30/4, khi nghe xe tăng từ Biên Hòa tiến về gần đến, đồng chí Muống đã lãnh đạo quần chúng công nhân tung tin tác động, hù dọa quân ngụy và tự mình trèo lên nóc nhà treo cờ thật lớn đã chuẩn bị từ trước. Quân ngụy hoảng hốt tưởng quân giải phóng đã tiến vào nhà máy, liền tan rã bỏ chạy, có bọn bỏ cả xe chạy bộ. Đồng chí Muống đã tổ chức đội vũ trang bảo vệ và Ban tự quản nhà máy tiếp tục điều hành hoạt động bình thường, cung cấp nước cho thành phố không một giờ gián đoạn.

Còn nhà máy điện ở Thủ Đức là do Đội biệt động Z23 đánh chiếm. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở cầu Rạch Chiếc, Z23 được lệnh chiếm Nhà máy ximăng Hà Tiên, khu tôn trữ, Nhà máy Zet-cô (nay là liên hợp công trình 4) và nhà máy điện, tổ chức bảo vệ an toàn và điều khiển công nhân tiếp tục điều hành công việc. Điện ở thành phố Sài Gòn thực sự chỉ gián đoạn trong vòng 2 tiếng đồng hồ trong ngày 30/4. Tất cả các đêm và sau đó liên tục đèn vẫn sáng trưng mọi nhà, công sở và đường phố.

Toàn bộ đất nước đang trải qua từng giờ từng phút biến thiên mà mỗi người dân đều nóng lòng muốn biết. Đồng bào Sài Gòn - Gia Định và khắp cả miền Nam Việt Nam nữa, nơi đã giải phóng cũng như nơi chưa được giải phóng, vẫn luôn theo dõi được tình hình qua làn sóng điện của Đài Phát thanh và vô tuyến truyền hình phát đi từ Sài Gòn, hầu như không đứt đoạn. Điều này quan trọng biết bao nhiêu khi ta biết rằng có cả chục triệu máy thu tin trong dân và trên hai triệu máy thu hình trên khắp miền Nam đã quen với làn sóng của “Thủ đô Sài Gòn” của ngụy.

Nghe theo lời kêu gọi của Đài Phát thanh Giải phóng, Tổng Cục trưởng phát thanh truyền hình và điện ảnh của ngụy Lê Vĩnh Hòa cùng số đông anh chị em công nhân kỹ thuật và nhân viên đã cùng nhau ở tại nhiệm sở, bảo toàn máy móc thiết bị, giữ vững trạng thái sẵn sàng làm việc liên tục của đài.

Sau khi Đài Phát thanh phát đi lời xin đầu hàng vô điều kiện của Dương Văn Minh, lập tức lực lượng đông đảo học sinh, sinh viên, đa số là ở trường Đại học Nông Lâm Súc ngay bên cạnh, tràn vào chiếm hết cơ sở này và cho phát đi liên tục các bài ca, nhạc cách mạng. Và xế trưa hôm 30/4 ấy, một đơn vị bộ đội đã đến. Đồng chí Chính trị viên đơn vị này tới thẳng phòng phát thanh đưa chiếc máy thu



tin của mình đang mở nghe Đài Giải phóng và bảo: “Hãy truyền đi tin tức của đài này”. Thế là từ đấy, Đài Sài Gòn đã tiếp chuyển Đài Giải phóng. 18 giờ thì bộ phận tiếp quản - Đài Giải phóng B (Đài Giải phóng A đang ở căn cứ của Miền) tới nơi và nhận bàn giao toàn bộ cơ sở nguyên vẹn. Ban Chỉ huy Đài Phát thanh lúc đó gồm Thanh Nho, Ba Nhi (tức Huỳnh Minh Lý) và Nguyễn Duy Tuấn đã làm việc suốt đêm 30/4 cho chương trình phát thanh đầu tiên của “Đài Phát thanh Sài Gòn Giải phóng”. Đúng 5 giờ sáng ngày 01/5/1975, Đài Phát thanh Sài Gòn Giải phóng đã long trọng phát đi từ Sài Gòn. Giọng nói của Vương Thị Thanh Liêm và Nguyễn Hữu Phước vang lên làm rung động lòng người từ câu nói đầu tiên: “Đây là Đài Phát thanh Sài Gòn Giải phóng... phát thanh tại thành phố Sài Gòn...”.

Đồng chí Hồ Vĩnh Thuận, hiện nay phụ trách kỹ thuật cơ sở truyền tin thành phố đã hân hoan kể lại: “Chúng tôi mừng đến rơi nước mắt khi nhìn thấy cơ sở này nguyên vẹn về với cách mạng mà nhớ lại năm 1968, chúng tôi cũng vào Sài Gòn nhưng tới Quận 5 rồi phải bật trở lại căn cứ. Có nếm mùi thất bại mới hiểu hết giá trị của thành công”.

Cùng ngày 01/5/1975, đúng 19 giờ, buổi phát hình đầu tiên của Đài Vô tuyến Truyền hình Sài Gòn Giải phóng đã bắt đầu với biểu tượng mở màn là lá cờ Mặt trận nửa đỏ nửa xanh với ngôi sao vàng năm cánh phấp phới bay và ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Cô Mỹ Hạnh và cậu Hữu Phước, vẻ mặt rạng rỡ trong trang phục Quân giải phóng, đọc thông báo của Ủy ban quân quản Thành phố, chính sách của Mặt trận và những tin chiến thắng mới nhất của quân và dân ta.

Rất nhiều anh chị em, làm việc từ chế độ nguy, ngày nay đã đem khả năng và nhiệt tình của mình phục vụ cho cách mạng. Có nhiều người trở thành chiến sĩ thi đua như ông Phạm Văn Có (phát xạ) ở Đài Phát thanh, anh Nguyễn Văn Hạnh (lạnh và nước) ở Đài Truyền hình... Các chị Bùi Thị Như Kha, Mỹ Thúy... cũng đã đóng góp tích cực trong nhiều công tác và chương trình của Đài.

Còn về của cải vật chất và đời sống của nhân dân? Chúng ta tự hào biết bao rằng, ngay từ những ngày đầu, chính quyền quân quản cách mạng đã không để cho thành phố ba triệu rưỡi dân bị một ngày thiếu đói nào, ta vẫn cứu mang cho cả triệu người thất nghiệp thải ra từ bộ máy chiến tranh Mỹ - nguy và hàng chục vạn binh lính nguy tan rã. Đó là nhờ ta chiếm được trọn vẹn các kho lương thực thực phẩm với sự giúp đỡ của nhân dân và sự giữ gìn bàn giao chu đáo của nhân viên, công nhân làm việc tại các nơi ấy. Với số lượng thực phẩm thu được cộng với số gạo từ miền Trung, miền Tây Nam Bộ đưa lên giúp đỡ, thành phố đã đảm bảo nhiều tháng cứu trợ cho bà con nạn nhân và các gia đình khó khăn sau cuộc chiến.

Ngay xăng dầu là vấn đề rất khó khăn, nhưng nhờ anh em công nhân ở các kho Nhà Bè đã biết tổ chức bảo vệ và bàn giao cho cách mạng. Từ ngày 29/4, chủ người nước ngoài và quản lý của các hãng đã chạy trốn, ngày 30/4 bọn gác kho cũng bỏ chạy. Anh Nguyễn Văn Dạng, công nhân thợ điện đã đi đón bộ đội về. Anh Đặng Văn Lương và Nguyễn Văn Đồi là người gác dan và thợ nguội, đã móc nối với địa phương và du kích Nhà Bè để trợ lực bảo vệ. Anh Đồi hiện nay là chiến sĩ thi đua của kho. Công nhân thành phố đã không hổ thẹn là giai cấp lãnh đạo cách mạng, nhiệt tình tham gia mọi hoạt động chiến đấu, nổi dậy và bảo vệ của công.

Riêng hệ thống ngân hàng thành phố, nhờ ta có bố trí cơ sở từ trước tổ chức bảo vệ, nên ta tiếp quản một cách trọn vẹn. Đó là đồng chí Ba Châu, hiện nay là Giám đốc Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, lúc ấy là Giám đốc ngân hàng Sài Gòn, trong chiến tranh là người trong tổ chức mật “N-2683” của Trung ương Cục do các anh Ba Phi, Bảy Kiên, Ba Dũng phụ trách chuyên làm kinh tế tài chính trong nội thành Sài Gòn. Tổ chức này đã làm ra mỗi tháng hàng tỷ đồng (tiền miền Nam lúc ấy) để nuôi bộ đội.

Cũng như ngành bưu điện, ngành đó bảo đảm theo sự chỉ đạo của ta ngay từ ngày đầu quân quản. Cơ sở cách mạng của ta lãnh đạo khởi nghĩa chiếm giữ và bảo vệ an toàn các đường dây, máy móc, trung tâm..., giúp cho liên lạc không một giờ ngừng tắc hay trễ nải.

Hầu như ở tất cả các nhà máy, từ những nhà máy dệt, nhà máy thực phẩm đến các nhà máy cơ khí..., công nhân đều tham gia bảo vệ nhà máy, giữ an toàn máy móc, phương tiện cho đến khi có ban quân quản chính thức đến quản lý. Ở tất cả các công sở của trung ương cũng như của thành phố, nhân viên, công chức đều giữ nguyên hồ sơ, tài liệu, phương tiện làm việc để sẵn sàng giao nộp Chính quyền cách mạng.

Thật là một cuộc chuyển tiếp vô cùng đẹp đẽ từ một chế độ này qua một chế độ khác. Không một đổ vỡ, không một cuộc trả thù hèn mọn, rối loạn nào. Chỉ có cách mạng chân chính, chiến tranh nhân dân thực sự, toàn dân phục tùng nghĩa lớn của Đảng ta thì mới được như vậy. Lực lượng vũ trang nhân dân ta, nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh anh hùng xứng đáng được khen ngợi vì chiến công rực rỡ.

Chúng tôi sung sướng chuyển ngay đến cán bộ, chiến sĩ đảng viên, đoàn viên, nhân dân Sài Gòn bức điện khen của Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta ngay trong ngày 30/4:

*“Bộ Chính trị nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị chủ lực,*

*địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ, đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc chúng phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng Thành phố Hồ Chí Minh, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng.*

*Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng cùng đồng bào tiếp tục tấn công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc”<sup>1</sup>.*

\*

\*      \*

Trong lúc cuộc Tổng tiến công và nổi dậy ở Sài Gòn và miền Đông Nam Bộ đang diễn ra như vậy, thì ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, cả ở hải đảo xa xôi như Phú Quốc, Côn Đảo, làn sóng cách mạng của nhân dân dâng lên cuộn cuộn. Quân và dân hợp đồng tấn công và nổi dậy rất chặt chẽ, lần lượt quét sạch quân thù, giải phóng hết tỉnh này đến tỉnh khác. Phong trào đã được chuẩn bị và phát động từ rất sớm, từ sau tháng 10/1974, lúc có chỉ thị của Trung ương Cục về việc xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện và tỉnh giải phóng tỉnh. Các tỉnh, cán bộ và nhân dân đều nhiệt liệt hưởng ứng chủ trương đúng đắn này. Hàng vạn thanh niên đã đầu quân tham gia các loại lực lượng vũ trang chiến đấu. Hàng chục vạn quần chúng đi tham gia dân công tải đạn, tải thương. Tất cả các đoàn thể dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng địa phương, huy động lực lượng sẵn sàng tham gia đồng khởi. Truyền thống cách mạng của đồng bằng sông Cửu Long đã được chứng tỏ qua nhiều phong trào từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, qua thời chống Pháp, tới “Đồng khởi” năm 1960 và suốt thời gian chống Mỹ. Ngày nay hàng triệu tấm lòng mang ơn Đảng, có đất ruộng cày, có đời sống khấm khá, đang chờ ngày giải phóng quê hương mình.

Tỉnh được giải phóng sớm là “Tỉnh dẫn đầu hai tháng chiến dịch mùa khô 1974-1975” như khu Tây Nam Bộ khen tặng, tỉnh được tặng thưởng Huân chương Thành đồng hạng Nhất của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam: Tỉnh Trà Vinh, thuộc Quân khu 9, nay thuộc tỉnh Cửu Long.

---

1. Tư liệu Ban Tổng kết chiến tranh B2 thuộc Bộ Quốc phòng.

Theo Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.36, tr.177-178, nguyên văn là: *Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhiệt liệt khen ngợi quân và dân Sài Gòn - Gia Định, khen ngợi toàn thể cán bộ và chiến sĩ, đảng viên và đoàn viên, thuộc các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội tinh nhuệ, dân quân tự vệ đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, lập chiến công chói lọi, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng lớn quân địch, buộc ngụy quyền Sài Gòn phải đầu hàng không điều kiện, giải phóng thành phố Sài Gòn - Gia Định, đưa chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại đến toàn thắng.*

*Toàn thể các đồng chí hãy nêu cao tinh thần quyết thắng cùng đồng bào tiếp tục tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam thân yêu của Tổ quốc.*

Đêm 28/4, toàn tỉnh đã phát động cuộc tấn công và nổi dậy. Tỉnh ủy đã chỉ định Ban Chỉ huy tổng hợp của tỉnh gồm đồng chí Năm Rôm, tức Nguyễn Nam, nay là Thượng tá Chỉ huy trưởng quân sự tỉnh Cửu Long, làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Nguyễn Phước Trị làm Chỉ huy phó và đồng chí Hai Tiến tức Võ Thành Triệu, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy và là Bí thư thị xã, chỉ huy cuộc nổi dậy của quần chúng.

16 giờ ngày 29/4, lễ ra quân được tổ chức tại gốc me sát thị xã, nơi từ đây xuất quân đánh vào thị xã Trà Vinh trong cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Sự trùng hợp có dụng ý của địa điểm đã nhắc nhở và cổ vũ mọi người phát huy truyền thống, thực hiện lời thề được ghi trên một tấm băng rôn lớn hôm ấy: “Thề quyết tử giải phóng Trà Vinh để giành toàn thắng”.

24 giờ ngày 29/4, lệnh tấn công thị xã được ban hành. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt ở tất cả các hướng.

Nhân dân từ trong và ngoài thị xã có trên 30.000 đồng bào gốc Việt, gốc Khmer sát cánh xuống đường tước súng nguy, giải tán các tế ấp, tế xã, phường, khóm. Tại xã Ngũ Lạc ven thị xã, quần chúng đã bao vây 2 tiểu đoàn nguy, giáo dục, thuyết phục và buộc cả hai tiểu đoàn đầu hàng, ta tước súng và đưa chúng về hậu phương. Kể cả các huyện thì có đến 180.000 quần chúng tham gia nổi dậy giành chính quyền. Đến giờ đó, chỉ còn lại Dinh Tỉnh trưởng nguy quyền. Cuộc chiến đấu hết sức ác liệt của lực lượng tỉnh gồm cả bộ đội địa phương, đặc công, công an vũ trang. Cánh chủ yếu đánh vào sân bay, trận địa pháo do đồng chí Chín Hải (tức Nguyễn Văn Thiện, là Tỉnh đội phó kiêm Tham mưu trưởng tỉnh đội) chỉ huy. Địch chống cự hết sức ngoan cố, quân ta đã có lúc gặp khó khăn. Đồng chí Thiện - người chỉ huy kiên cường đã xông lên trước dẫn đầu đơn vị đột phá có kết quả, nhưng đồng chí đã hy sinh anh dũng ở hàng rào thứ 2. Lập tức đồng chí Mười Tài (Nguyễn Tấn Tài) thay thế chỉ huy, tiếp tục cuộc tấn công và đến 7 giờ sáng, ngày 30/4, ta đã chiếm lĩnh các mục tiêu ở cánh này. Ở các cánh khác, đến 8 giờ cuộc chiến đấu vẫn diễn ra quyết liệt. Ta bao vây chặt bốn phía. Ngay lúc ấy, mũi tấn công chính trị của quần chúng bao gồm đủ thành phần dân tộc, nam, nữ, lứa tuổi, có Lục cả Sơn Xốt ở chùa Xôn Rôm tham gia, trương cờ Mặt trận đi thẳng vào dinh tỉnh trưởng, kêu gọi tên tỉnh trưởng đầu hàng chuộc tội với đồng bào. Tên này run sợ nhưng vẫn ngoan cố định chạy ra trục thẳng trốn, liền bị đồng bào bắt sống. Đến 10 giờ 30 phút, toàn bộ lực lượng nguy đã hạ súng đầu hàng, 11 giờ, cờ cách mạng đã phấp phới bay trên dinh tỉnh trưởng. Tỉnh lỵ Trà Vinh được giải phóng sớm hơn Sài Gòn.

Nơi tiêu biểu nữa trong tỉnh là tại đồn Mỹ Huê huyện Cần Long. Ở đây đồng bào tay không đã bao vây và tiến vào đồn. Một tên trung úy cảnh sát nguy cho nổ một trái mìn clâymo giết chết 4 người dân và bị thương 12 người khác. Lập tức

hàng trăm đồng bào tràn vào cướp đồn, bắt sống toàn bộ lính ngụy. Tên trung úy cảnh sát đã bị xử tử trước mặt đông đảo nhân dân.

Nơi sau cùng được giải phóng trong tỉnh là huyện Duyên Hải. Lúc đó là 20 giờ ngày 30/4.

Có thể nói trong phong trào nổi dậy của tỉnh Trà Vinh cũng giống như các tỉnh thành khác, lực lượng phụ nữ đã đóng một vai trò rất lớn. Tổng kết lại, phụ nữ ở đây đã được tặng thưởng 120 huân chương tập thể cũng như cá nhân, xứng đáng là quê hương của các anh hùng liệt sĩ Út Tịch, Tô Thị Huỳnh...

Một tỉnh có vị trí quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long, không xa Sài Gòn bao nhiêu, là bàn đạp để từ đồng bằng chi viện cho thủ đô ngụy nếu chúng có khả năng, đó là tỉnh Tiền Giang, bao gồm tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công cũ. Ở đây địch đã tập trung gần đủ cả Sư đoàn 7 và Sư đoàn 9 của chúng với lực lượng thiết giáp và pháo binh mạnh. Chúng cố giữ cho được con đường 4 là con đường sống còn của chúng, nhưng ngay từ ngày 26/4 như phần trên kia đã nói, đường 4 đã bị ta chiếm nhiều đoạn, cắt đứt lực lượng địch ra nhiều mảnh. Về giao thông chiến lược đi ngang qua tỉnh còn có kênh Chợ Gạo, đường thủy vận tải nội địa nối liền từ vùng Cà Mau đến Sài Gòn, con đường lúa gạo hết sức quan trọng từ xưa đến nay. Đồng bào Tiền Giang đã từng tham gia biết bao phong trào chống ngoại xâm từ những ngày đầu quân Pháp mới đến, rồi quân Xiêm (do Nguyễn Ánh đã công răn cản gà nhà rước về) ở Rạch Gầm, có một phần Đồng Tháp Mười nổi tiếng, có phong trào từ năm 30, 40 (của thế kỷ XX). Riêng trong tháng 4, Tiền Giang đã có đến 40.000 người tham gia dân công, vận tải vũ khí; từ 15/4 trở đi, có đến 4.000 người tham gia cắt đường và đắp cản trên kênh Chợ Gạo; đã có hàng vạn người xuống đường tham gia tấn công và nổi dậy giải phóng tỉnh nhà.

Nơi chiếm được chính quyền sớm trong tỉnh là ở quận Chợ Gạo. Lực lượng bộ đội địa phương cùng an ninh vũ trang, biệt động đã tiêu diệt địch, giải phóng hoàn toàn thị trấn vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 30/4. Từ đó, bộ đội đã phát động quần chúng nổi dậy, phá rã ngụy quyền, ngụy quân, lan ra giải phóng toàn huyện.

Ở Gò Công, sự việc diễn biến có khác. Tỉnh lỵ nằm ở vùng sâu, bộ đội tỉnh không nhiều và phải ở xa về phía tây. Khi nghe ngụy quân, ngụy quyền Trung ương ở Sài Gòn đã đầu hàng, quần chúng nhân dân đã rùng rùng kéo ra thị xã Gò Công, dùng loa tay và cả loa điện kêu gọi binh lính địch buông súng trở về quê cũ làm ăn, gia đình binh sĩ ulla vào trong đồn bót, lôi con em ra, bắt vút mọi thứ về với cha mẹ, anh em. Cán bộ đảng, cán bộ chính trị tại chỗ đã khéo léo lãnh đạo bà con giải tán tổ ngụy, phá bót canh, thu gom súng đạn. Cả một tỉnh lỵ của địch tan tác, rã rời. Nhân dân đã làm chủ hoàn toàn vào lúc 13 giờ ngày 30/4. Sau đó nào xe lam, xe



hàng từ thị xã chạy lên đến Vĩnh Hựu, chở bộ đội về cho nhanh để tiếp quản. Toàn tỉnh Gò Công được giải phóng lúc 14 giờ 30 phút ngày 30/4.

Gò Công đã có truyền thống dùng sức mạnh đồng khởi của nhân dân để chống địch. Năm 1954, trước ngày ký kết Hiệp định Giơnevơ, chỉ một đại đội bộ đội địa phương cùng dân quân và đồng bào, mỗi đêm tiêu diệt, bức hàng loạt 30-40 đồn bót và đến ngày ngừng bắn, hầu như chỉ còn có thị xã là địch còn kiểm soát. Sự việc như vậy lại diễn ra nhiều lần. Đồng khởi năm 1960, rồi phá tề, phá mảng ấp chiến lược thời Diệm và mới năm 1974 đây, cũng mở rộng quyền làm chủ của nhân dân trong nhiều vùng cho đến lúc này tự mình giải phóng lấy tỉnh mình.

Tại thị xã Mỹ Tho, một đội biệt động của Thành đoàn Thanh niên lao động đã dựa vào các cơ sở cách mạng phát động quần chúng nổi dậy ở các phường, buộc phòng vệ dân sự, cảnh sát giao súng cho cách mạng, kêu gọi lính ngụy hạ vũ khí đầu hàng. 16 giờ ngày 30/4, một lá cờ giải phóng lớn được kéo lên cột cờ cao chót vót tại Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu. Các phường 1, 2, 4, 5, 6 được giải phóng trước. Nhưng địch ở khu quân sự gần sân banh vẫn còn. Anh em đã ngồi trên 6 chiếc xe Jeep giương cờ cách mạng chạy vòng xuống cặp bờ sông, dùng loa kêu gọi địch đầu hàng. Khi đoàn xe đi qua Chương Dương, địch bắn dữ dội vào đoàn xe lẫn, một xe bị trúng đạn. Anh Trần Văn Trầm hy sinh. Anh em vừa chống trả lại bằng súng ngắn và lựu đạn vừa tiếp tục cuộc hành trình, chiếm luôn cầu Bắc để liên lạc với Bến Tre. Đến 24 giờ ngày 30/4, Trung đoàn 1 Sư đoàn 8 của Quân khu 8 mới tiến vào đến nơi, diệt Thiết đoàn 6 ngụy còn kháng cự ở Chợ Cũ. 5 giờ ngày 01/5, thị xã Mỹ Tho được hoàn toàn giải phóng.

Sáng 30/4, nhân dân đổ ra đường 4 rất đông. Trong lúc lực lượng vũ trang của tỉnh diệt địch, chiếm cầu đúc Bưng Môn thì phía trên Bình Phú, dân đã hù dọa lính ngụy, chiếm được 6 chiếc M113 còn nguyên vẹn và cả trận địa pháo ở Thuộc Nhiều gồm hai pháo 155 ly và 4 pháo 105 ly. Chính đơn vị tỉnh đã dùng xe M113 này chạy về giải phóng thị trấn Cai Lậy. Trung đoàn 12 Sư đoàn 7 ngụy hoàn toàn tan rã tại đây.

Tỉnh Mỹ Tho còn có căn cứ quân sự lớn của địch ở Bình Đức. Đây là căn cứ cũ của Sư đoàn bộ binh số 9 Mỹ. Sau khi quân Mỹ rút đi thì giao căn cứ này lại cho quân ngụy. Mỹ đã đổ nhiều công sức, tiền của, đưa nhiều máy móc tới đây, cướp đoạt các ruộng lúa phì nhiêu, san bằng nhà cửa, vườn tược của dân trên bờ sông Cửu Long để xây dựng căn cứ. Chúng chiếm đoạt tài sản và bắn giết vô tội vạ người dân địa phương lương thiện để biến ruộng nương thành chiến trường, căn cứ quân sự. Tên tướng Mỹ vô biên thô lỗ Westmoreland không những không thấy y là một tên tội phạm chiến tranh còn vênh váo khoe khoang về công trình này:



“... Công binh của hải quân và lục quân (Mỹ) đã tạo ra một hòn đảo cát mà trong mùa khô đã trở thành một nơi có nhiều cát nhất trên trái đất...

... Các ruộng lúa đã được đào xới để có chỗ cho tàu đậu, còn các máy nạo vét thì xúc cát ở lòng sông để lấp một khu ruộng lúa ngập nước rộng tới 640 acres (1 dặm vuông)...

... Tôi đã đích thân chọn cái tên đặt cho căn cứ để tiêu biểu cho sự hợp tác giữa Mỹ và Nam Việt Nam: “Đồng Tâm”...”<sup>1</sup>.

Không những thế, tên tướng này còn thú nhận hẳn đã dùng chiến tranh hóa học chống lại nhân dân ta. Y nói:

“... Hóa chất phát hoang còn được dùng để triệt phá thóc lúa của địch ở các vùng xa xôi bị Việt cộng kiểm soát. Mặc dầu ranh giới vùng chính phủ kiểm soát và vùng chịu ảnh hưởng của Việt cộng không được phân định rõ ràng, loại thuốc phát hoang này vẫn thường được dùng. Thuốc phát hoang có gây ra sự thiệt hại về sinh thái học, gây ra bao nhiêu và hậu quả của nó dài bao lâu thì chưa ai rõ...”<sup>2</sup>.

Chính tại cái căn cứ Đồng Tâm này, sáng 30/4, đã diễn ra cuộc họp khẩn cấp giữa Bộ Tư lệnh Sư đoàn 7 ngụy và các tiểu khu lân cận để bàn “tử thủ”. Chúng tưởng các công sự kiên cố, các rào dây thép gai phức tạp của Mỹ có thể cứu sống chúng. Đến trưa, chúng đã ra lệnh cho các trung đoàn còn ở phía bắc Cai Lậy và Châu Thành rút hết về đây. Thiết giáp được dàn ra lộ 4 để đón quân. Thế nhưng dọc đường rút về căn cứ, lính tráng đã bỏ trốn một mớ. Về đến căn cứ, thấy tình trạng hỗn quan hỗn quân chúng lại bỏ trốn một mớ nữa. Đồng bào suốt từ lộ 4 dài đến lộ Cổng 2, ai ai gặp lính còn mang súng hỏi: “Bộ muốn chết để hồng được hưởng hòa bình hay sao mà giờ này còn mang súng mang ống kính kinh vậy đó?!”; hoặc “Sài Gòn thua tất rồi, bộ mấy chú (mấy em) hồng hay hay sao? Trời đất! Sức mấy mà cái “Đồng Tâm” này chống nổi với giải phóng? Thôi, về nhà lo làm ăn đi cho nó yên chuyện!”... Và, khi lính kéo về đây, đồng bào cũng ùa theo vô căn cứ. Bọn lính lại lần lượt bỏ trốn. Đến 7, 8 giờ tối thì du kích đã lọt vô căn cứ. Đến 12 giờ đêm thì bộ đội tỉnh, bộ đội khu cũng đã ở ngay trong căn cứ rồi. Toàn bộ sĩ quan, binh lính, số rã, số bị bắt. 00 giờ 00 ngày 01/5, căn cứ “Đồng Tâm” hoàn toàn được giải phóng.

Nhưng tỉnh có tính chất độc đáo nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là tỉnh Bạc Liêu (nay thuộc tỉnh Minh Hải) được giải phóng hoàn toàn vừa sớm vừa không tốn một viên đạn nào. Tình hình ở đây có những đặc điểm mà Tỉnh ủy đã nắm được

---

1, 2. Trích hồi ký của Westmoreland: *Một quân nhân tường trình*, Nxb. Doubleday & Company, Inc., Garden City, N.Y, 1976.

nên hạ quyết tâm chỉ đạo rất kịp thời và đúng đắn. Dịch bố trí trong tỉnh số lượng quân không ít, có tất cả 13.000 quân các loại trong đó có một trung đoàn biệt lập ở thị xã và 4 tiểu đoàn bảo an được yểm hộ mạnh của cơ giới và pháo binh. Tuy vậy, tinh thần đã dao động dữ dội, từ sĩ quan đến binh lính, mặc dầu bề ngoài chúng vẫn tỏ ra hung hăng. Đến tận ngày 25 - 26/4, chúng còn tổ chức một cuộc càn quét, trong đó bọn ác ôn đã giết hại nhiều đồng bào ta một cách điên cuồng. Thực chất có khá nhiều sĩ quan và binh lính các cấp đã liên lạc với ta và xin giấy thông hành hộ mệnh. Ngay tên Lâm Hoàng Hôn - Chủ tịch Đảng Dân chủ, linh hồn của địch trong tỉnh, từ đầu tháng 4 đã mất tinh thần và ta đã cho người lung lạc và nắm y. Lực lượng ta điều về tấn công vào thị xã có 5 tiểu đoàn nhưng chỉ có Tiểu đoàn 1 của tỉnh là làm nòng cốt. Trong thị xã ta còn có một đội biệt động rất hăng hái, sẵn sàng tấn công địch từ bên trong. Quần chúng cách mạng đã sôi sục khí thế, đang chờ lệnh để xông ra giành chính quyền. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy nhận định tình thế cách mạng đã chín muồi, công tác binh vận của ta có nhiều điều kiện thuận lợi làm mũi chủ công, nên đã hạ quyết tâm tiến hành tấn công và nổi dậy sớm, đẩy mũi binh vận đi trước, với sự hỗ trợ gây áp lực mạnh mẽ và sẵn sàng hợp đồng tấn công kịp thời của mũi vũ trang và mũi khởi nghĩa của quần chúng.

Tỉnh ủy đã chỉ định Ban Chỉ huy tổng hợp của tỉnh gồm đồng chí Chín Quả (Trung tá Đặng Văn Nuôi - Tỉnh đội trưởng) làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Ba Vị (Đoàn Thanh Vị) làm Chính trị viên và là Trưởng ban khởi nghĩa quần chúng; các ủy viên là đồng chí Nguyễn Thuận Kiều - Phó Bí thư Tỉnh ủy, chị Bảy Hoàng - Tỉnh ủy viên phụ trách binh vận, Nguyễn Viết Thống - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Năm Quân (Lê Quân, phái viên của Quân khu về giúp chỉ đạo tấn công và nổi dậy trong tỉnh).

Trong nội ô thị xã còn có các đồng chí Trần Văn Bửu - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, nữ đồng chí Quách Kim Tuyến - Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy huy động và lãnh đạo quần chúng nổi dậy.

Ngày 27/4, các tiểu đoàn vũ trang của ta đã chiếm lĩnh vị trí xung quanh thị xã Bạc Liêu.

Ngày 28/4, cô Bảy Hoa - Bí thư Đoàn Thanh niên thị xã đã nhận lãnh vũ khí đầy đủ cho đội biệt động và đưa tất cả vào nội ô giấu một cách an toàn.

Đêm 26/4, đồng chí Năm Quân, người đã tham gia giành chính quyền ở quê nhà Bạc Liêu hồi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 nay nhận lãnh nhiệm vụ tấn công binh vận trực diện, đã bí mật đột nhập vào thị xã. Đồng chí đã viết một loạt thư và cho người đưa thẳng cho tên Đại tá Điệp (Tỉnh trưởng ngục) và một số sĩ quan cao cấp khác của chúng, khuyên chúng mau mau trở về với cách mạng để lập

công chuộc tội, tránh đổ máu thêm nữa trong tình thế tuyệt vọng của ngụy quân, ngụy quyền sắp bị tiêu diệt và sụp đổ. Chỉ có tên Tỉnh trưởng nhận và trả lời cho người đưa thư. Y nói:

- Tôi không tin cộng sản. Họ đòi ông Thiệu ra đi rồi sẽ ngừng bắn. Nay ông Thiệu đi rồi mà họ vẫn tấn công. Tôi không cần gặp họ. Chúng tôi có đủ khả năng tự bảo vệ.

Lần nhận thư khác, ngay tiếp sau đó, y lại nói:

- Được rồi, cộng sản cứ tới đây gặp tôi. Tôi sẽ nói thẳng cho họ cảm hòng đi.

Biết rõ tên này đã dao động mạnh nhưng bề ngoài cố làm ra vẻ cứng. Trong thâm tâm có thể muốn gặp ta nhưng còn e sợ và giữ kẽ với xung quanh. Vì vậy, đồng chí Năm Quân quyết định đến gặp trực tiếp tên Điệp để thuyết phục y, mặc dù nhiều đồng chí khác lo ngại, can ngăn. Đồng chí nghĩ nếu ta phán đoán sai thì mất mình ta nhưng nếu đúng thì được cả một tỉnh mà tránh được đổ máu cho nhiều người.

Chiều 28/4, với lòng tự tin, đồng chí Năm Quân tới thẳng nhà riêng gặp tên tỉnh trưởng trước sự ngạc nhiên và lúng túng của y. Đồng chí đã nhân danh đại diện có thẩm quyền của chính quyền cách mạng nói rõ tình hình quân giải phóng đã chiếm Vùng 1 và Vùng 2 chiến thuật và gần hết Vùng 3, đang chuẩn bị đánh đòn cuối cùng vào Sài Gòn và cả Vùng 4 chiến thuật. Không một hy vọng mỏng manh nào cho ngụy quân ngụy quyền sống sót. Mỹ không có khả năng nào can thiệp trở lại. Đồng chí đã phân tích điều hơn lẽ thiệt, bảo đảm các điều kiện cho y trở về với chính nghĩa.

Hoang mang, sợ sệt, tên tỉnh trưởng không biết quyết định thế nào, cuối cùng xin đồng chí Năm Quân cho hoãn lại để suy nghĩ. Ngày 29/4, đồng chí lại vào thuyết phục nhưng tên Điệp vẫn còn hết sức phân vân chưa ngã về hướng nào. Đồng chí liền đề nghị với Ban Chỉ huy tổng hợp cho quần chúng xuống đường biểu dương lực lượng. Tức thì, nhân dân rầm rộ kéo đi khắp các đường phố, tập trung chỗ này ba chục, chỗ kia năm chục, tranh thủ lung lạc sĩ quan và binh lính địch: “Đây là những ngày cuối cùng của chiến tranh rồi... chết chi cho uống mạng...”. Gia đình binh sĩ ngụy thì xông xáo kêu gọi thẳng chồng, cha, con, em bỏ súng về nhà làm ăn sinh sống.

Trước tình hình “sôi bùng” đó, chiều ngày 29/4, tên Điệp chủ động cho người đến mời đồng chí Năm Quân về nhà riêng của y. Y nói:

- Tôi sẵn sàng đầu hàng cách mạng. Nhưng phải chờ chừng nào Sài Gòn ra lệnh đầu hàng thì tôi sẽ thực hiện ngay.

- Anh chờ lệnh cấp trên của anh, nhưng chúng tôi lại cũng có lệnh của cấp trên chúng tôi. Thế theo yêu cầu thiết tha của anh, chúng tôi đã hoãn tấn công đêm 28/4. Nếu anh vẫn chưa hiểu thời hiệu thế thì lực lượng vũ trang hùng hậu của chúng tôi sẽ đánh đồng loạt trong đêm nay theo kế hoạch tôi không còn cách nào cứu anh được nữa. Anh hãy tỉnh lại một chút chớ sao lại chờ lệnh của kẻ đã đầu hàng ở Sài Gòn. Họ còn quyền hành gì nữa mà ra lệnh. Lệnh có giá trị nhất hiện nay là lệnh của nhân dân, của cách mạng. Các anh đầu hàng giờ nào thì còn có chút công nào đó đối với dân tộc, muộn là mất hết. Hãy khôn ngoan hơn.

Tên Điệp run rẩy:

- Tôi đầu hàng được rồi nhưng còn bên Tiểu khu (lực lượng quân sự ngụy). Tôi khó thuyết phục họ lắm. Xin ngài cho hoãn tấn công đêm nay để ngày mai ngài cùng tôi tới Tiểu khu nói chuyện với đám sĩ quan bên đó xem sao.

- Anh định chơi kế hoãn binh chớ gì? Anh nên hiểu rằng cách mạng không bao giờ cho phép ai lừa dối. Chúng tôi có đủ sức mạnh và lòng kiên quyết.

Sau khi nghe Điệp trần tình về lòng ngay thật và những lời năn nỉ hết mức, sau khi tỏ ra suy nghĩ đắn đo, đồng chí Năm Quân nói: Tôi nói với anh đây là lần hoãn cuối cùng vì lòng nhân đạo cách mạng. Ngày mai chính quyền phải về tay cách mạng hoặc bằng đầu hàng vô điều kiện của các anh hoặc bằng tấn công quân sự.

Đêm 29/4, ta đã có lệnh cho các cơ sở bí mật giữ gìn kho bạc, các kho xăng dầu, lương thực... bảo đảm nguyên vẹn.

Sáng ngày 30/4, từ sớm đồng bào đã lũ lượt kéo đi phong tỏa các nẻo đường trong thị xã và tập trung đông đảo nhất trước tòa hành chính tỉnh với một khí thế sôi sục. Tổ cán bộ ta gồm đồng chí Năm Quân, Tư Thanh và Thích Thiện Giác đường hoàng tới thẳng dinh tỉnh trưởng. Tên Điệp cung kính đón tiếp và nói chuyện hết sức lễ độ đồng ý tất cả mọi điều kiện. Trước khi cùng Điệp qua Tiểu khu, đồng chí Năm Quân tỏ ý muốn nói chuyện với đồng bào ngay trước tòa hành chính. Lúc đó khoảng 9 giờ 30 phút.

Tên Điệp liền ra lệnh chuẩn bị loa phóng thanh và thân hành nhắc ghế cao ra trước cho cán bộ ta đứng. Yêu cầu cầm loa và giới thiệu:

- Thưa đồng bào, tôi xin giới thiệu, đây là đại diện của chính quyền cách mạng đến bảo chúng tôi giao chính quyền cho nhân dân, có vài ý kiến với cô, bác.

Rồi y đưa micrô cho đồng chí Năm Quân, trong lúc đồng chí đứng lên ghế cao. Tức thì tiếng hoan hô vang dội kéo dài. Đồng chí nói:

- Thừa đồng bào! Ngụy quyền Sài Gòn đã hoàn toàn sụp đổ. Đồng bào hãy xuống đường đông đảo, giành chính quyền về tay mình, hạ cờ ngụy, treo cờ cách mạng lên, tước vũ khí của địch, tự quản lý các cơ sở, kho tàng, tài sản công cộng. Hãy giữ gìn trật tự, ngăn chặn việc trả thù cá nhân, việc cướp giết phá phách, chờ quân giải phóng vào tiếp quản.

Tiếng vỗ tay và hoan hô lại vang dội hồi lâu.

Quay qua binh sĩ và công chức ngụy đứng bên cạnh, đồng chí Năm Quân nói mấy lời về lòng nhân đạo của cách mạng, lượng khoan hồng của nhân dân, khuyên họ nộp súng, giữ nguyên vẹn mọi hồ sơ, tài liệu, tài sản không để mất mát một tí gì và trật tự, bình tĩnh đợi lệnh của cách mạng.

Xong xuôi mọi người kéo qua Tiểu khu. Ở đây, tên Trung tá Đôn - Tiểu khu phó kiêm an ninh lãnh thổ cùng đồng bọn đón tiếp tổ cán bộ ta, mời ngồi nhưng với thái độ có vẻ ngang bướng, có phần xác xược nữa. Tên này không đợi giới thiệu gì cả (biết rõ cả rồi), đứng chống nạnh nhìn chằm chằm vào người của ta và nói nhấn mạnh từng lời:

- Ngài đến đây, ngài biết tôi còn bao nhiêu quân không?

- Biết chứ, không những biết số chung mà còn biết chính xác chi tiết nữa. Đồng chí Quân trả lời bình tĩnh.

Đôn lại nói ngay:

- Tôi còn mười ngàn quân. Đánh nữa thì vô vọng, nhưng với 10 ngàn quân trong tay, tôi quyết tử thủ tại thị xã Bạc Liêu này, các ngài có đánh cũng khurót đấy, không phải dễ ăn đâu...

Cán bộ ta vẫn bình tĩnh. Đồng chí Quân vừa gạt tàn thuốc đang hút vào cái gạt tàn, vừa nhìn khắp một lượt sĩ quan ngụy ngồi xung quanh hỏi:

- Anh em sĩ quan nào có ý kiến gì nữa không?

Im thin thít, cũng không một tiếng cử động nào.

Đồng chí Quân thông thả nói:

- Anh Đôn à, chúng tôi tới đây với thiện chí hòa bình, trên tinh thần hòa hợp dân tộc, để cho người Việt Nam mình không đổ máu vô ích nữa. Vậy mà anh đem 10 ngàn quân ra nói chuyện với chúng tôi sao? Tôi muốn nhắc lại để anh và anh em đây nhớ rằng quân đội xâm lược Mỹ đông cỡ nào? Trang bị hiện đại cỡ nào? Hùng hùng hổ hổ khoe khoang về sức mạnh Huê Kỳ của tên trùm đế quốc đi cướp nước người mà còn phải chịu thua nhân dân cách mạng ta một cách nhục nhã, phải rút về nước. Còn quân đội các anh, có phải đâu 10 ngàn, mà có trên một triệu chứ

nhưng nay thế nào thì các anh đã biết. Ngay tên Thiệu ngoan cố gian manh, quyết làm tay sai Mỹ đến cùng, với nào “bốn không”, nào “tử thủ” mà rồi cùng vợ con gom góp tài sản, lo chạy thoát thân trước phần ai hết, bỏ mặc các anh lại cho đến giờ chót này. Còn một điều nữa mà anh Đôn chắc chưa biết là trong số 10 ngàn quân mà anh nói đấy, anh biết có bao nhiêu đã lãnh giấy chứng minh và thông hành của chúng tôi không? Số còn lại thì đa số đã mặc hai áo rồi, điều này chắc các anh đã rõ. Trong giờ phút cấp bách này chúng ta nên bàn với nhau một đường thoát nào tốt nhất mà không nên hăm dọa nhau bằng 10 ngàn quân hay gì gì nữa. Nếu sợ chúng tôi đã không vô đây, nếu không vì lòng nhân đạo cách mạng chúng tôi cũng không vô đây làm gì. Nhân dân cũng không phải sợ mà xuống đường rầm rộ khắp nơi trong thị xã như các anh thấy đấy.

Tên Đôn nghe vậy, vội vàng đứng dậy, lễ phép nói:

- Thưa ngài, tôi đâu dám dọa ngài. Ngài thông cảm cho tôi bởi vì không gì nhục nhã bằng người cầm quân mà bị tước khí giới.

- Anh nghĩ lẫn thẩn rồi. Nếu anh để cho quân giặc cướp nước anh, giết đồng bào anh, tước vũ khí thì đó đúng là nhục. Còn đây không phải như vậy. Anh hạ súng trước nhân dân, đồng bào mình, trước cách mạng đã cứu Tổ quốc ta, dân tộc ta thì đó lại là vinh dự, là cơ hội may mắn nhất cho đời mình, cho gia đình mình để đưa mình về với chính nghĩa, trở thành công dân của một nước độc lập, tự do.

Tên Thiệu tá Lợi lại nói:

- Chúng tôi đã cưỡi lên lưng cọp rồi không thể xuống được.

- Cách mạng luôn khoan hồng, nhân dân ta rất độ lượng. Đây là một dịp hiếm có để các anh lập công chuộc tội, tự cứu lấy mình.

Tên Thiệu tá Mã Thành Nghĩa - một tên ác ôn khét tiếng ở vùng này, bàn tay nó đã dẫm không biết bao nhiêu máu của đồng bào ta, cho tới ngày 26/4, nó vẫn còn một lúc giết đến 40 người dân vô tội, nay nó đã thấy rõ thất thế, run sợ, đứng lên nói:

- Tôi chỉ xin một điều kiện: đầu hàng rồi, cách mạng đảm bảo cho tôi được đi tu.

Xin như vậy nhưng nó vẫn không yên tâm, vẫn hoảng hốt, mất trí trước tội ác tày trời chất chồng từ lâu nay của nó. Sáng ngày 01/5, nó đã tự sát, kết liễu cuộc đời tay sai ghê tởm của một con rắn độc. Chiều ấy, vợ nó cũng tự sát luôn.

Thấy tất cả sĩ quan ngục đã có vẻ được thuyết phục, đồng chí Quân vui vẻ:

- Bây giờ ta tiến hành công việc bàn giao chính quyền đi, thời gian đã trôi qua nhiều rồi.



Tất cả bọn chúng đều đứng lên, tỏ vẻ đồng ý, phục tùng.

Đồng chí Quân nói như ra lệnh:

- Một là, các anh ra lệnh ngay cho tất cả lực lượng dã chiến, đồn bót, cảnh sát, phòng vệ... trong tỉnh: Kể từ giờ này chấm dứt mọi hoạt động. Khi lực lượng cách mạng, lực lượng giải phóng tới đâu thì ở đó hãy tập trung lại, giao hết vũ khí, đồn bót, cơ sở, tài liệu,... Không được để nổ một phát súng nào.

- Hai là, mở khám thả hết tù chính trị.

- Ba là, đảm bảo các công sở, hồ sơ, kho tàng nguyên vẹn, an toàn.

Chúng chỉ đề nghị chưa thả ngay tù chính trị. Chúng run sợ khi nghĩ lại những sự tra tấn cực hình đối với anh em ta trước đây. Giờ thì ngôi thứ đã thay đổi, chúng sẽ ra sao khi những người bị chúng hành hạ, chiến thắng trở về làm chủ xã hội? Anh em ta gạt đi bảo phải thi hành tất cả. Người cách mạng lòng rộng bao la, vì nghĩa lớn, không bao giờ trả thù hèn mạt.

Sau khi thả tù chính trị xong, xe của đoàn cán bộ ta có cắm cờ Mặt trận giải phóng chạy qua trường huấn luyện. Đồng chí Quân đứng trên xe nói: Anh em binh sĩ và nhân dân! Chúng tôi là đại diện chính quyền cách mạng đến đây... Câu nói mới tới đó thì tất cả binh lính đang đứng lóng nhóng, có đến 2 ngàn tên rùng rùng vút súng tại chỗ, chạy tán loạn mọi ngả, không còn cách nào can được nữa.

Khắp thị xã lúc này, đường phố đông nghẹt người, nhà đã rực rỡ cờ cách mạng phấp phới bay. Lá cờ đầu tiên xuất hiện ở cầu Hoàng Diệu do anh em học sinh dựng lên. Sau đó lúc quá 9 giờ thì cờ được treo khắp mọi nơi ở ngã tư Quốc tế, đường Độc Lập ở cầu Quay, ở chợ...

Thị xã Bạc Liêu thực sự do nhân dân làm chủ lúc 10 giờ ngày 30/4 và sau đó lần lượt các nơi trong toàn tỉnh chính quyền về tay nhân dân. Chiều tối đó quân đội ta đã tiếp thu và kiểm soát toàn bộ thị xã một cách êm ả.

Tất cả các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đều diễn ra tấn công và nổi dậy tương tự như các vùng nói trên, nhịp độ sôi sục nhất trong các ngày 29/4, 30/4 và 01/5. Tuy Sài Gòn đã đầu hàng vô điều kiện vào trưa ngày 30/4 và Bộ Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật hay Quân đoàn 4 ngụy đầu hàng vào cuối ngày này, nhưng bọn cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền ở các tỉnh vẫn ngoan cố chống cự, “cố thủ” trông chờ sự chi viện cuối cùng của Mỹ. Tuy nhiên, trước sức tấn công và nổi dậy như vũ bão của lực lượng vũ trang và quần chúng cách mạng, một số bị diệt, số khác phải đầu hàng, tan rã, và hầu hết các tỉnh đều được giải phóng hoàn toàn vào ngày 30/4 và 01/5.

Tùy theo vị trí và điều kiện mỗi tỉnh khác nhau nên thời gian giải phóng nơi sớm hơn một chút, nơi muộn hơn một chút, khoảng cách không đáng kể. Diễn biến mỗi nơi một khác, nhưng tỉnh nào cũng có vẻ độc đáo sáng tạo của mình.

Như tỉnh Bến Tre, một tỉnh có phong trào cách mạng liên tục, tỉnh nổi tiếng về phong trào Đồng khởi năm 1960. Bước vào mùa khô 1974-1975, tỉnh không chỉ đã tổ chức được lực lượng quân sự, chính trị của mình rất mạnh mà còn đưa về Quân khu 8 các loại quân, thanh niên, cán bộ đến 7 vạn người. Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội đã có kế hoạch tự giải phóng tỉnh mình từ rất sớm. Tháng 3/1975, tất cả các lực lượng quân sự, chính trị, binh vận của ta đã áp sát thị xã, bao vây địch chặt chẽ. Nhưng không may là toàn bộ kế hoạch tấn công thị xã của ta mà hướng chính là từ phía bắc vào đã bị địch lấy được hôm 22/4 và chúng lập tức điều đến 7 tiểu đoàn về triển khai đối phó ráo riết. Ban Chỉ huy tổng hợp vẫn không nao núng liền chuyển hướng tấn công từ phía nam đúng ngày quy định. Ngày 25/4, đánh gục cầu Chệt Sậy, rồi diệt đồn Lương Quới, đánh luôn Bình Chánh vào đêm ngày 29 rạng 30/4. Trước sức tấn công mãnh liệt của lực lượng phối hợp chính trị quân sự của ta, sáng sớm ngày 01/5, địch đã phải đầu hàng toàn bộ và Trung tá Bửu (Tỉnh phó ngụ) đã hướng dẫn ta truy kích đến tận Sài Gòn bắt tên Đại tá Kim (Tỉnh trưởng) đang lẩn trốn.

Tại tỉnh Vĩnh Long, điểm trung tâm trong kế hoạch cơ cụm chiến lược theo “phương án Gauvin”, có cả đường 4 và đường sông Măng Thít chiến lược, lực lượng của ta cũng rất mạnh. Trước ngày Tổng tấn công và nổi dậy, ta đã giải phóng một nửa diện tích của tỉnh và gần một nửa số dân. Đêm ngày 28/4, ở tất cả các huyện, ta đã tấn công vào chi khu. Rạng ngày 30/4, ta đã tấn công vào thị xã. Cho tới khi Sài Gòn và Vùng 4 chiến thuật ngụy đã đầu hàng, tên Đại tá Tiểu khu trưởng cùng hai trung đoàn chủ lực của chúng là Trung đoàn 16 thuộc Sư đoàn 9 và Trung đoàn 31 thuộc Sư đoàn 21 vẫn ngoan cố bố trí “tử thủ” từ Bắc Mỹ Thuận đến Cái Vồn. Khi đó, các chi khu của địch lần lượt bị tiêu diệt, tiểu khu bị cô lập và bao vây. Rạng sáng ngày 01/5, toàn bộ địch trong tỉnh Vĩnh Long đã bị diệt và đầu hàng - trừ các xã Tân Lược, Bình Quới, Bình Minh được giải phóng chậm một ngày.

Ở tiểu khu An Xuyên (Cà Mau), ngày 30/4, địch rút lực lượng từ các chi khu Đầm Dơi, Thới Bình về củng cố định cố thủ, nhưng bị ta chặn đánh tan tành trong đêm ngày 30/4. Rạng sáng ngày 01/5, ta vào chiếm lĩnh.

Tỉnh Kiên Giang có cảng Rạch Giá thuận lợi thông ra biển, lại có đảo Phú Quốc mà địch mong trụ lại, ta cũng kịp thời tấn công và nổi dậy từ đêm ngày 29/4 và giải phóng vào cuối ngày 30/4 bằng lực lượng chính trị vũ trang tại chỗ.

Như vậy là bờ đại dương hình chữ V, cái viền biển xanh của đồng bằng sông Cửu Long từ Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu đến mũi Cà Mau qua Rạch Giá, Hà Tiên và cả các đảo lớn như Côn Sơn, Phú Quốc cũng đều được giải phóng trong ngày 30/4 cùng với Sài Gòn và Cần Thơ. Một sự hợp đồng về chiến lược thật là tuyệt diệu khiến cho địch muốn co cụm cũng không có điều kiện co cụm, muốn từ đại dương tiến vào cũng không còn đường mà tiến.

Từ Sở Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, chúng tôi đã chuẩn bị sẵn sàng một lực lượng hùng hậu gồm bộ binh, xe tăng, pháo binh, cao xạ để tiến về đồng bằng, giúp đỡ một tay với quân, dân hai quân khu 8 và 9 nhanh chóng diệt nốt quân địch còn ngoan cố chống cự. Chúng tôi biết rất rõ rằng khi đầu não nguy quân, nguy quyền ở Sài Gòn đã bị đập nát, Mỹ đã phải trèo lên nóc nhà “đằng vân giá vũ” trốn thoát, thì đó là đòn quyết định để giải phóng toàn bộ miền Nam Việt Nam. Nhưng không phải đơn giản là Sài Gòn giải phóng thì tự khắc các nơi khác cũng được giải phóng, ta không phải hành động gì, ngồi đó mà đợi cho trái chín rụng vào bị.

Đến những ngày chót mà Thiệu còn bàn với những thủ hạ tâm phúc của hắn: “Nếu như bị mất miền Đông và Sài Gòn, thì bằng mọi giá gom hết sức lực còn lại của Nam phần Việt Nam, lui về đồng bằng sông Cửu Long, cố thủ ở đó... Phải giữ chặt các hòn đảo ở phía nam.

... Cần Thơ là thủ phủ của Việt Nam Cộng hòa”...

Rồi thực tế là Sài Gòn đã đầu hàng mà quân nguy còn định cố thủ ở Đồng Tâm, ở Cần Thơ và ngay khi Cần Thơ đã đầu hàng, bọn nguy ở một số địa phương vẫn mong cố thủ. Nếu ta không có những biện pháp sớm từ trước phá tan âm mưu co cụm về đồng bằng, nếu ta không có một chiến lược cách mạng tổng hợp đồng loạt tấn công và nổi dậy bằng lực lượng tổng hợp chính trị, binh vận và quân sự thì chắc chắn tình hình đã diễn biến phức tạp hơn nhiều. Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đã nhận thức sớm được trách nhiệm lịch sử, tự mình đứng lên giải phóng quê hương mình, đã đóng góp xương máu không nhỏ vào những trận chiến đấu sau cùng. Theo sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng, hợp đồng chiến đấu với mặt trận Sài Gòn, các tỉnh đồng bằng đều đã đồng loạt tấn công và nổi dậy với phương pháp “hai chân, ba mũi” truyền thống, giành toàn thắng vẻ vang. Có tỉnh giải phóng trước Sài Gòn, có nơi cùng một lúc và khi nguy quyền Trung ương phải đầu hàng vô điều kiện thì lợi dụng thời cơ quý giá ấy, hàng triệu người, quân cũng như dân đã nhất tề xông lên mạnh hơn, chỉ trong 2 ngày 30/4 và 01/5 giải phóng hầu hết các tỉnh vùng châu thổ này.

Đoàn binh chủng hợp thành chuẩn bị sẵn của chúng tôi từ miền Đông Nam Bộ đã không cần thiết phải xuất quân chiến đấu. Cả Quân khu 8 và 9 đều điện

về Miền: “Chúng tôi tự lực được”, mà thực tế đồng bằng đã tự lực, gọn ghẽ quét sạch quân thù, tự giải phóng.

Quân khu 9 tự giải quyết đầu não Vùng 4 chiến thuật, giải phóng “Tây Đô” và còn phối hợp kịp thời với Chiến dịch Hồ Chí Minh trong nhiệm vụ cắt đường sông Măng Thít, đường 4 chiến lược và khống chế sân bay lớn ở Cần Thơ.

Ngày 25/4, Quân khu nhận được điện của Bộ Tư lệnh Miền (Điện số 693/ZN/24-4):

“Bắt đầu từ ngày 28/4 trở đi, Quân khu phải kiên quyết đánh phá cắt đường 4 ở nhiều đoạn quan trọng đã quy định. Cũng từ ngày 28/4 trở đi, dùng đặc công đánh nhỏ và lớn liên tục sân bay Trà Nóc, đi đôi với dùng cối pháo, khống chế vào các đường băng, đài chỉ huy, không cho địch cất cánh và hạ cánh ở sân bay này. Tối 29/4 rạng 30/4, dùng tất cả lực lượng của Quân khu đánh chiếm hoàn toàn sân bay Trà Nóc, làm chủ và giữ luôn sân bay. Sau đó khi có điều kiện thì đánh chiếm thị xã Cần Thơ”<sup>1</sup>.

Ngày 28/4, Quân khu đã tổ chức pháo kích và tấn công liên tục vào sân bay theo lệnh của Miền và sáng 30/4, khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, Trung đoàn 20 chủ lực của khu lập tức đánh thẳng vào và chiếm sân bay Trà Nóc lúc 14 giờ trong ngày. Toàn bộ quân địch ở đây đầu hàng gồm có Bộ Tư lệnh Sư đoàn 21 bộ binh, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 4 không quân. Ta thu 113 máy bay các loại.

Trong khi đó, tại thị xã Cần Thơ, cán bộ chính trị đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy chiếm các phường ở trung tâm thị xã: Phường An Cư, An Nghiệp, An Hòa thuộc Quận 1, phường Hội An, An Thạnh thuộc Quận 2 và ấp Bình Dị, xã Long Tuyền thuộc Quận 3... Cơ sở binh vận của ta kết hợp với nhân dân chiếm đài phát thanh vào lúc 14 giờ và 15 giờ, đài đã phát đi tiếng nói của cách mạng, kêu gọi binh lính ngụy đầu hàng.

15 giờ, ngày 30/4, lực lượng vũ trang Quân khu 9 siết chặt vòng vây và tấn công thẳng vào Chỉ huy sở Quân đoàn 4 ngụy. Trước tình hình tuyệt vọng không còn lối thoát, tên tướng ngụy Nguyễn Khoa Nam - Tư lệnh Vùng 4 chiến thuật phải đầu hàng. Vài giờ sau y tự sát, kết liễu một cuộc đời tay sai nhơ nhuốc. Ta làm chủ toàn bộ thành phố Cần Thơ trong đêm ngày 30/4.

Sau đó, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 đã sử dụng 24 xe M113 vừa lấy của địch cùng một số xe vận tải chở Trung đoàn chủ lực 101 chạy thẳng lên hướng Long Xuyên, nơi giải phóng cuối cùng ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng không phải lực lượng quân đội mạnh đã có thể đơn độc giải quyết được tình hình phức tạp ở khu

---

1. Tư liệu của Phòng Khoa học quân sự Quân khu 9.

vực này. Ở đây lại thể hiện thêm sự kết hợp giữa tấn công và nổi dậy, giữa lực lượng quân sự và chính trị của quần chúng. Chính ở đây nói lên sự thống nhất giữa ý Đảng và lòng dân, nói lên rõ sức mạnh của chính nghĩa cách mạng.

Cũng không phải tất cả khu vực này đều được giải phóng muộn. Ngay từ ngày 25/4, huyện Thanh Bình trên bờ đông sông Tiền đã được giải phóng. Tiếp theo đó tất cả bọn địch ở khu vực phía đông sông này đều bị quét sạch, bọn chúng rút về cụm ở Hồng Ngự, nhưng chúng cũng phải đầu hàng trước sức ép của ta vào 8 giờ ngày 01/5.

Tại thị xã Châu Đốc, tối ngày 30/4, địch ở Tiểu khu được lệnh rút về tử thủ ở vùng “thánh địa Hòa Hảo”. Trước khi rút đi, chúng đã đốt kho bạc và tài liệu hồ sơ, nhưng đồng bào tại chỗ đã kịp thời dập tắt ngọn lửa, cứu được 11 thùng bạc và các giấy tờ, hồ sơ cần thiết cho cách mạng.

“Thánh địa Hòa Hảo” là nơi thờ cúng của đạo giáo Hòa Hảo tại làng Hòa Hảo, quê hương của người lập ra đạo giáo này - Huỳnh Phú Sổ. Làng nằm trên sông Vàm Nao, con sông nhỏ nối liền hai sông Tiền và sông Hậu. Từ trước đến nay, bọn ngụy dựa vào một số người xấu trong những người lãnh đạo của đạo này, lợi dụng đồng bào theo đạo để mưu lợi cho chúng, chống lại cách mạng. Trước ngày tận số, chúng lại mưu mô lợi dụng đồng bào Phật giáo Hòa Hảo, định nắm cả triệu tín đồ trong vùng, dựa vào “thánh địa” làm nơi cố thủ lâu dài. Chúng mơ tưởng như vậy vì chúng không hiểu được lòng yêu nước và chống áp bức của đồng bào tín đồ vốn đa số là nông dân lao động. Chúng cũng không hiểu được nguồn gốc của đạo và ý nguyện thực sự của “Thầy” - tức Huỳnh Phú Sổ. Năm 1946-1947, Huỳnh Phú Sổ, con người nho nhã, cổ cao, mặt sáng, đã từng xem tôi như một người bạn, đã tin và nghe theo những lời tôi giải thích về cách mạng và cũng đã tâm tình nhiều lần với tôi trong những dịp gặp gỡ. Lúc ấy, tôi là Tư lệnh Quân khu 8 ở Đồng Tháp Mười trong cuộc kháng chiến chống Pháp, và ông Huỳnh đã có thời gian ở trong căn cứ với tôi. Ông Huỳnh đã từng tâm sự: “Tôi là một người yêu nước. Tôi không chịu được cảnh Tây chiếm đoạt đất nước mình, đè đầu đè cổ dân mình. Nhưng làm sao để chống lại? Đêm ngày tôi lo nghĩ đắng cay. Phải chi tôi gặp các anh sớm để biết được con đường phải đi”. Ông dừng lại, vừa ngó tôi vừa cười: “Nhưng giờ cũng chưa muộn”, rồi ông tiếp: “Tôi nghĩ ra cách là nhân lúc này dân ta còn mê tín nhiều, tôi lập ra một cái đạo để tập hợp nhân dân, che mắt Tây và bọn mật thám. Khi ta đã có lực lượng đông đảo rồi thì có sức mạnh, lúc đó sẽ hành động, giành lại nước nhà”. Ông lại ngừng một chút có vẻ ngẫm nghĩ rồi nói: “Bây giờ nghe các anh nói có lý, tôi tin. Phải cả nước, phải mấy chục triệu dân Việt Nam ta đồng lòng mới được. Mà lấy nghĩa vụ đối với Tổ quốc, thất phu hữu trách, thì nhân dân ta vốn có



lòng yêu nước chắc là đồng hành đánh Tây thôi... Đúng là không nên để cho dân ta cứ mê tín mãi...”. Tiếc rằng sau đó có một thời gian ông xa chúng tôi rồi bị bọn xấu lợi dụng, xuyên tạc, khống chế, cố lôi ông đi xa con đường mà ông đã tìm thấy, rồi ông mất đi, bọn xấu dùng danh nghĩa của ông, lợi dụng tín đồ của ông. Nhưng chính nghĩa khi nào cũng thắng, đó là chân lý.

Như vậy là bọn tàn quân ngụy từ các nơi đổ về “Thánh địa”, co cụm tại đây với số quân có trên một vạn, bố trí thành trận địa.

Sau khi ta giải phóng Tân Châu gần biên giới Campuchia thì bộ đội địa phương của tỉnh, Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 cùng bộ đội huyện tiến xuống “Thánh địa” theo hai mũi: Bờ đông sông Tiền và bờ đông sông Hậu. Khi Tiểu đoàn 2 tiến đến gần kênh xáng An Long, định vượt sang cù lao Tây thì bị địch bắn ngăn chặn quyết liệt, lại không đủ phương tiện sang sông. Đồng bào đã huy động xuống ghe cho bộ đội. Mặt khác, đồng bào tự phái một số ông bà già cùng các gia đình binh sĩ đi trước, đâm xuống thẳng ngay vào trận địa địch, kêu gọi chúng đầu hàng. Trận địa tan rã, địch rút chạy. Bộ đội ta tràn sang an toàn. Cánh Tiểu đoàn 2 cũng xuống đến An Phú, tiêu diệt một số địch và bắt liên lạc giữa hai cánh để tiến đánh vào nơi co cụm chính. Lúc đó đã là 14 giờ ngày 02/5. Đang tổ chức lại đội hình tấn công thì chị Út Nhang - Tỉnh ủy viên phụ trách vận động bà con các tôn giáo, thường xuyên ở vùng này, đến báo: “Địch đang hoang mang. Các anh phải đánh gấp nội trong chiều nay”. Xong, chị đi trước, vận động bà con hưởng ứng kết hợp với bộ đội trấn áp địch và vận động lính ngụy ra hàng. Chị Út Nhang đã gặp và thuyết phục Lương Trọng Tường - một trong những người cầm đầu Phật giáo Hòa Hảo. Tường xin hàng quân giải phóng. Bộ đội ta vào. Trên 1 vạn quân ngụy buông súng đầu hàng. Ta làm chủ toàn bộ khu vực lúc 17 giờ ngày 02/5.

Thế nhưng chưa hết. Số ngoan cố còn lại trốn về, nhập chung với một bọn tàn quân đông đảo hơn, trang bị mạnh hơn, co cụm tại một ngôi chùa cổ gọi là Tây An cổ tự thuộc quận Chợ Mới, cũng có danh nghĩa là quân đội Phật giáo Hòa Hảo.

Trước khi giải quyết điểm co cụm này ta đã giải phóng thị xã Long Xuyên, một thành phố đẹp có nhiều kiến trúc mới trên bờ sông Hậu. Ở đây giới giáo chức và học sinh có vai trò nổi bật trong phong trào nổi dậy giành chính quyền.

Trưa ngày 30/4, đông đảo giáo chức và học sinh chiếm trường học, trừng trị bọn ác ôn đã từng kìm kẹp, bắt bớ anh chị em trong bao năm trước. Sau đó, dựa vào cơ sở đã có sẵn, chiếm Đài truyền tin, chiếm kho bạc và cả trận địa pháo địch. Cờ cách mạng cất giấu từ trước được tung ra, treo các nơi và vận động bà con may thêm nhiều cờ mới. Họ tổ chức ngay lực lượng vũ trang của mình, trang bị bằng một ít súng lấy được của địch. Tuy nhiên, tình hình có những diễn biến phức tạp.



Khi nghe Đài Phát thanh Sài Gòn phát đi lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của Dương Văn Minh thì bọn xấu, bọn phản động cơ hội, lợi dụng lúc bộ đội ta chưa đến kịp liền làm cuộc đảo chính nắm chính quyền gọi là “Hòa Hảo cướp chính quyền”. Như vậy là tại thị xã Long Xuyên lúc ấy có hai lực lượng nổi dậy: Nhân dân nổi dậy và bọn phản động mệnh danh “Hòa Hảo nổi dậy”. Bọn này có súng ống đầy đủ, bắt đầu cướp bóc, trả thù. Nhân dân thì vũ trang yếu, chưa tiếp xúc được với bộ đội ta bên ngoài. Nhờ nắm được Đài truyền tin, lực lượng giáo chức, học sinh một mặt kêu gọi Cần Thơ xin viện trợ gấp, mặt khác cử những vị có uy tín lớn ở thị xã lâu nay đến gặp thẳng bọn cầm đầu cướp chính quyền, nói với chúng: “Các ông đừng làm cái việc dại dột như vậy! Các ông chỉ một nhóm người nhất định không đánh lại nổi với quân giải phóng đâu. Các ông chỉ làm cho dân chúng Long Xuyên này tiếp tục đổ máu trong khi mọi nơi, kể cả Sài Gòn, đã yên ổn, vui vẻ rồi. Đất nước sắp yên lành hoàn toàn mà các ông nỡ gây thêm nổi oán hận nữa hay sao? Xe tăng ở Cần Thơ đã sắp lên tới rồi đó. Dân chúng đã đi đón quân giải phóng hằng hà ngoài đường. Các ông ra mà nhìn một chút để rồi biết nên làm gì lúc này...”

- “Họ còn bao xa nữa?”

- “Khoảng sáu, bảy cây số thì tới đây thôi”.

Thế là chúng ra lệnh giải tán. Súng ống vứt bừa bãi, lực lượng tan rã. Số đông lẫn vào trong dân. Một số chạy về nhập bọn ở Tây An cổ tự.

Long Xuyên được hoàn toàn giải phóng hồi 9 giờ ngày 02/5.

Còn ở Tây An cổ tự, chúng đã có âm mưu từ trước nếu khi các nơi bị ta đánh chiếm, giải phóng thì chúng liền quy về “Thánh địa” và về đây. Khi “Thánh địa” bị mất nữa thì chúng coi đây là nơi cố thủ cuối cùng. Ước lượng số quân nguy đồn về đây có đến 14.000 tên có vũ trang đầy đủ. Ngoài ra, có không biết bao nhiêu là tàu chở vũ khí trang bị, lương thực... đậu đầy dưới sông. Khu chùa trở thành quá hẹp không đủ đất, đủ nước để chứa nữa. Chúng vội vã tổ chức “tử thủ”.

Nhưng Ban Trị sự chùa lúc ấy gồm các cụ cao tuổi, các bậc đạo chính tông, không chấp nhận việc làm sai trái như vậy. Các cụ đã nói: “Cơ hội lập lại hòa bình đã tới rồi. Đây chính là nguyện ước thái bình mà Thầy hồi sinh tiền đã ôm ấp và chỉ giáo cho bốn đạo hàng bốn phương. Cho nên tiếp tục gây cảnh núi xương sông máu là trái với lòng Thầy”. Đồng bào theo đạo Hòa Hảo đã nhất trí với các cụ. Vả lại khi đám tàn quân ô hợp kéo về đây thì bao tai nạn cướp bóc, hiếp đáp, bắn giết đổ lên đầu nhân dân còn tệ hơn những kim kẹp, đàn áp của nguy quyền trước kia nữa. Quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của cán bộ cách mạng vùng xung quanh đã đứng dậy phá tề, giải tán phòng vệ dân sự, thu vũ khí, trưng cờ cách mạng,

treo khẩu hiệu “Chính quyền về tay nhân dân”, vận động bọn chúng bỏ súng về nhà làm ăn, tránh chết chóc. Và tin đang lan rộng rằng lực lượng quân giải phóng từ Sa Đéc, Long Xuyên, từ Cần Thơ đang tiến đến bằng cả hành quân bộ, bằng xe tăng, bằng tàu hải quân... Bọn đầu sỏ hoảng hốt, hoang mang cao độ. Thực tế chúng cũng không còn chỉ huy được cái đám quân đã rã rời, chán chường, không còn một chút tinh thần gì. Thế là mạnh ai nấy tìm đường mà thoát, nhân dân giúp đỡ, chỉ lối cho mà trốn đi. Không mấy chốc cả một đám người hổ lốn ấy tan rã như bọt nước.

Ngày 06/5/1975, cờ giải phóng đã rực đỏ tòa Tây An cổ tự, pháp phới bay trước gió trong làn khấp cả vùng, mảnh đất cuối cùng của B2, của miền Nam được hoàn toàn giải phóng.

\*

\* \*

Trong đất liền đã tấn công và nổi dậy, ở hải đảo cũng nổi dậy và tấn công. Hai hòn đảo lớn nhất, quan trọng nhất ở phía nam này là Côn Đảo và Phú Quốc. Mỹ - ngụy ỷ vào lực lượng hải quân và không quân của chúng mạnh, nên xem các đảo này là nơi an toàn nhất của chúng. Chúng đã biến cả hai hòn đảo này thành những trại tù khổng lồ. Hàng vạn chiến sĩ yêu nước đã bị giam cầm, hành hạ, nhiều người đã hy sinh ở đây. Nơi non xanh nước biếc, tài nguyên thiên nhiên phong phú, gió biển trong lành, từ nhiều năm đã trở thành nơi chôn cất uất hận căm thù, chỉ mong có ngày phá tung ngục tù, đập tan xiềng xích.

Tại Côn Đảo cũng như tại Phú Quốc, những ngày tháng 3, tháng 4/1975, không thiếu những tin tức phấn khởi dồn dập từ đất liền. Trong các trại tù chính trị, anh chị em đã giấu được máy thu tin nhỏ, thường xuyên theo dõi từng chiến thắng của ta, từng nơi được giải phóng. Rồi chính những bàn luận nhỏ to của bọn sĩ quan và binh lính ngụy gác tù cũng là những nguồn động viên, tin tưởng: “Giải phóng đã chiếm tỉnh Phước Long rồi”, “Tây Nguyên thất thủ rồi”, “tỉnh Lâm Đồng cũng mất rồi”..., “Họ mạnh quá, pháo họ bắn rất xa và rất trúng, một viên đạn phá một tòa nhà...; còn xe tăng họ đi tới đâu cần nát ở đó, xe tăng Mỹ không loại nào chống lại nổi... Nghe nói toàn là vũ khí của Nga..., không khéo thì tàu ngầm họ ra tới đây bây giờ...”.

Ngày 30/4, ở Côn Đảo, trong trại tù chính trị số 7, một số anh em chụm đầu lại nghe đài phát thanh Hà Nội: ...Sài Gòn đã được giải phóng... Dương Văn Minh - Tổng thống ngụy quyền đã xin đầu hàng vô điều kiện... Túc thì tin loan ra trong toàn trại. Những cuộc hội ý chớp nhoáng, phán đoán, xác minh hư thực, bàn luận phương thức hành động. Bổng, cửa mở, vài sĩ quan ngụy ló đầu vào khúm núm,

hết cả vẻ hách dịch thường ngày, nói: “Các ông đã biết Giải phóng chiếm Sài Gòn chưa? Thôi, các ông còn ở trong đó làm gì nữa?”. Tức thì quyết định dứt khoát, toàn trại tung cửa, ủa cả ra ngoài. Cờ Mặt trận Giải phóng và cờ đỏ sao vàng, bí mật chuẩn bị lâu nay được tung ra, kéo lên cột cờ, treo lên trước trại. Anh em kéo qua trại 1 mở toang cửa trại rồi lần lượt hết trại này đến trại khác. Rừng người bật dậy, rừng cờ tung bay. Toàn đảo bùng lên niềm hân hoan chiến thắng, ánh lên màu tươi sáng thanh bình.

Côn Đảo được hoàn toàn giải phóng vào khoảng 16 giờ ngày 30/4.

Ủy ban giải phóng được lập nên để tạm thời quản lý đảo, chờ liên lạc với đất liền.

Trong lúc đó đoàn tàu bộ đội hải quân của ta được phái ra giải phóng đảo đang tăng tốc trên Biển Đông.

Đảo Phú Quốc thì gần đất liền hơn, rộng hơn và cũng có đông dân cư sinh sống hơn. Đảng bộ địa phương từ nhiều năm đã xây dựng căn cứ kháng chiến, liên tục lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch. Tổ chức vũ trang có gần một đại đội, đã tích cực hoạt động phối hợp tấn công địch trong đợt xuân 1975. Ở Dương Đông, ta đã pháo kích và tấn công nhiều đồn bót giặc, đã bức rút 1 đồn và diệt 1 bót canh. Nơi đây giam giữ chủ yếu là số anh em chiến đấu của ta, cán bộ và chiến sĩ sa cơ bị bắt từ khắp các mặt trận. Anh em ta đã nhiều phen đánh trả lại lính nguy tàn ác, nhiều toán đã vượt ngục ra rừng, tổ chức thành đội vũ trang chiến đấu, liên lạc với địa phương. Đã có số anh em đốn gỗ, đóng thuyền, vượt biển về đất liền, xin được chỉ đạo, được tiếp tế, trang bị. Có lần Bộ Tư lệnh miền Nam đã tổ chức cho một số cán bộ thoát ngục về gặp tại căn cứ, nghe báo cáo rõ tình hình trại giam, đề ra phương châm hoạt động, hỗ trợ tạo phương tiện và cho trở lại đảo chỉ đạo công tác và làm gạch nối liên với cấp trên. Địch thì vẫn coi thường phong trào đấu tranh ở đây, có lẽ chúng cho là nhỏ yếu, cô lập, dễ đàn áp. Vì vậy, chúng vẫn xem đây là nơi an toàn cuối cùng. Ngày 20/4, khi Sài Gòn đã bị uy hiếp mạnh, CIA lập tức di chuyển toàn bộ nhân viên và gia đình, các đài phát thanh bí mật do CIA điều khiển, lấy bí danh “nhà số 7” ra đảo Phú Quốc. Đó là 5 đài phát thanh cả bằng tiếng Khmer và tiếng Việt, trong đó có đài “Tiếng nói gươm thiêng” và “Mẹ hiền Việt Nam” đặt tại nhà số 7 đường Hồng Thập Tự (nay là đường Xô Viết Nghệ Tĩnh). Vì vậy mà có bí danh là “nhà số 7”. Những đài này rất phản động, chống Cộng, theo nội dung và hình thức của CIA, nhằm lung lạc tinh thần những người Việt Nam yêu nước, là một vũ khí thêm vào những âm mưu thâm độc của Kissinger, nhằm giành toàn thắng, giữ miền Nam Việt Nam mãi mãi là một thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Chính Kissinger đã ra lệnh lập ra các đài này ngay sau khi ký xong Hiệp định Paris. Điều này thêm một lần nữa nói lên sự giả dối khi ký kết Hiệp định hòa bình

của Kissinger - Nixon và cũng cho thấy sự phá bỏ Hiệp định Paris của Mỹ - ngụy là tất nhiên.

Nhưng các đài này và hàng nghìn người vừa di chuyển ra đây đã phải lên tàu Mỹ chạy sang đảo Guam vào cuối tháng 4.

Trưa 30/4, lực lượng trong trại giam và anh em vũ trang ngoài trại giam kết hợp với địa phương và nhân dân nổi dậy, diệt tháp canh, phá trại, đánh tan quân ngụy, giành chính quyền trên toàn đảo. Chính quyền cách mạng đã quản lý đảo vào khoảng 17 giờ ngày 30/4.

Sau đó, một số tàu hải quân ngụy, cả bọn phản động trong đạo Hòa Hảo cũng chạy ra đây định co cụm tại đảo. Nhưng đảo đã được ta giải phóng trước rồi nên chúng lại chạy trốn, một số tàu ngụy trở về đầu hàng.

Như vậy là cả đảo, tách rời với đất liền, cũng đã tự mình tấn công và nổi dậy, tự giải phóng cho mình rất sớm, ngay chiều ngày 30/4/1975.

Thế là toàn bộ chiến trường B2 đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình.

Quân và dân B2 đã tin tưởng và theo sát sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững truyền thống đấu tranh cách mạng hai chân, ba mũi, tấn công và nổi dậy, từ rừng núi đến đồng bằng, hải đảo, từ nông thôn đến thành thị, ngay cả tại Sài Gòn, thủ đô của ngụy. Quân và dân B2 luôn giữ vẹn nghĩa tình chung thủy, đi trước về sau, luôn đáng tự hào là Thành đồng Tổ quốc.

## CHƯƠNG IX

### Vào quân quản thành phố

Tôi lại gặp bất ngờ.

Tại Sở Chỉ huy Tiền phương Chiến dịch, ngày 01/5, tôi gấp rút tiến hành một số công việc: Theo dõi cuộc tấn công và nổi dậy đang diễn biến sôi nổi ở đồng bằng sông Cửu Long; hoàn chỉnh tổ chức cánh quân tiến về chi viện; sắp xếp bố trí lại các lực lượng quân sự ở Sài Gòn và miền Đông; tiếp tục chỉ đạo việc xử lý tàn quân còn rải rác từng đơn vị đại đội, có nơi cả tiểu đoàn ở các cánh rừng và miệt bưng xung quanh Sài Gòn...

Anh Sáu Thọ và anh Bảy Cường đến gặp để phổ biến: “Điện của anh Ba nói Bộ Chính trị quyết định cậu vào làm Chủ tịch Ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định. Đi ngay thôi cho kịp”.

Từ đầu tháng 4, theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Trung ương Cục, có cả anh Sáu Thọ tham gia, đã dự liệu tất cả rồi: Đã có một kế hoạch công tác tỉ mỉ của Ủy ban quân quản cũng như của Ban tiếp quản các cơ sở các ngành ở thành phố.; đã tổ chức các bộ máy, chỉ định về nhân sự; đã chỉ định Chủ tịch Ủy ban quân quản và Trưởng ban tiếp quản (lúc ấy không phải là tôi). Bộ Chính trị đã thông qua và đã phái nhiều cán bộ từ các ngành Trung ương ở Hà Nội vào tăng cường để đủ sức triển khai công tác với khối lượng hết sức to lớn. Khi các cánh quân từ các hướng đánh vào Sài Gòn thì các bộ máy quân quản cũng như tiếp quản đã tiến sát theo đoàn quân. Nay có lẽ anh em đã bắt tay vào công tác rồi. Như vậy là từ đầu tháng 4, khi đội quân tác chiến và đội quân nổi dậy hoàn chỉnh việc bố trí, thì đội quân quản lý và đội quân tiếp quản thành phố cũng song song được triển khai kịp thời. Kế hoạch tấn công và nổi dậy được vạch ra thì kế hoạch tiếp quản và quân quản cũng được xây dựng. Công việc này chưa được dứt hẳn thì công việc kia đã phải tiến hành rồi. Ta đã quyết tâm giành toàn thắng, ta đã tin chắc thắng nên mọi việc đều được lo toan từ trước.

Tôi thường không bao giờ nhớ thử đây là lần bất ngờ thứ mấy đối với tôi trong công tác, mà luôn đinh ninh rằng không phải là lần chót. Sẽ còn nhiều bất ngờ nữa, cả những bất ngờ hay cũng như bất ngờ dở. Và đó cũng là sự thật của cuộc sống thôi, là chuyện bình thường khi công việc cần mà ta còn hơi thở và còn làm việc. Ngay khi không còn làm việc được nữa, khi “mắt họa xanh, đầu dễ bạc. Lưng khôn uốn, lộc nên từ”, hoặc lúc sức đã yếu tuổi đã già - đây cũng là chuyện bình thường - thì vẫn còn có những bất ngờ cho đến khi ta đã trở về đất bụi thì mới hết mọi sự việc.

Đoàn xe Commăngca của chúng tôi rời Sở Chỉ huy, xuyên rừng cao su Dầu Tiếng, vượt sông Sài Gòn tới Bến Củi rồi ra Trảng Bàng theo quốc lộ 1 tiến về Sài Gòn ngang qua Củ Chi, Tân Phú Trung, Hóc Môn, Bà Quẹo. Ôi! Những vườn cây ăn quả, những rặng trúc, bờ tre xanh tốt, những thửa ruộng bìa làng và cả những đám hàng bông kia nữa, sao mà quen thân quá như mới hôm nào mình đã sống nơi đây. Rồi những con người gặp dọc đường đông đảo hay đang ở trước cửa, trong vườn nhà, ai nấy đều một vẻ mặt hân hoan chào đón, một ánh mắt sáng ngời, đều có những nét thân thuộc giống như mình đã có gặp ít nhất một lần. Lòng tôi dạt dào xúc động. Tôi muốn ghé lại thăm từng nhà, ôm hôn thăm thiết từng người mà tôi gặp. Tôi muốn thu vào ánh mắt, in vào tận đáy lòng mọi thứ mà tôi nhìn thấy hôm nay, từ những cánh đồng phì nhiêu rộng rãi, cho đến cả vòm trời cao vút trong xanh. Không cần biết đây là làng gì, ấp gì, phường gì, khóm gì. Anh là họ Nguyễn ư, chị là họ Lê ư, tất cả đều là bà con, làng mạc của ta, tất cả đều là người mình hết! Ba mươi năm rồi, chúng phân cắt, chia ly, gần mà hóa ra xa, thân mà làm như lạ. Giờ đây trời của ta, đất của ta. Tự do và độc lập rồi. Bà con ơi! Các mẹ, các anh, các em, các cháu đã nhận rõ hết chưa?

Nhớ lại tâm trạng mình lúc đó, tôi thầm khen nhà thơ Xuân Diệu đã viết nên những câu thơ hay trong bài thơ “Tôi muốn đến thăm khắp cả miền Nam”, đây là những câu cuối:

“...Ôi! Trên đôi cánh huy hoàng của con chim phượng hoàng Chiến thắng.  
Phải chi tôi bắt chước được Khuất Nguyên cưỡi phượng qua đèo.  
Dắt cầu vồng mống cụt cũng bay theo  
Đặng nói nổi hân hoan ngang tầm đất nước.  
Tôi muốn đi thăm mỗi làng, mỗi nhà,  
Mỗi hàng rào bông bụi của miền Nam ta,  
Tôi muốn đến nghiêng đầu chào thương mỗi má  
Cất tiếng đáp “muôn năm” mỗi tiếng gọi của sơn hà<sup>1</sup>.

---

1. Trích tập *Thơ Việt Nam 1945-1975*, Nxb. Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984, tr.85.



Vô tình mà đường tôi tiến vào Sài Gòn hôm nay gần như trùng hợp với đường tôi đã từ Sài Gòn ra đi kháng chiến vào tháng 9/1945. Hồi ấy tôi đã ra Gò Vấp, Bà Quẹo rồi quanh quẩn ở Hóc Môn - Bà Điểm, lại lên An Nhơn Tây, Củ Chi, Đức Hòa, Mỹ Hạnh... Đành để sau lưng mình thành phố thân yêu cho bọn Tây, bọn Anh chiếm đóng. Biết làm sao được! Năm ấy chính quyền cách mạng ta còn trong trứng nước. Chúng ta chỉ có trong tay tầm vông vạt nhọn và một số cây súng mót (Mousqueton), súng trường Nhật, giật được của quân thù. Trước khi ra đi, tôi đã cầm gậy tầm vông, hông cài súng lục, tham gia chiến đấu ở mặt trận Cầu Bông, Bà Chiểu dài ra tới Phú Nhuận. Bao thanh niên dũng cảm có thừa, sát cánh với những cụ già đầy nhiệt huyết, nhịp bước theo bài hát mà ai cũng thuộc: “Nào anh em ta, cùng nhau xông pha lên đường...”<sup>1</sup>. Tôi không quên được hình ảnh cụ Phạm Thiếu - một giáo sư nổi tiếng của Sài Gòn hồi ấy, cũng đầu đội mũ nan, tay cầm tầm vông vạt nhọn, sát cánh theo đám thanh niên chúng tôi, nhằm quân thù mà tiến. Bao nhiêu đồng chí, đồng bào đã ngã xuống, đã nằm lại vĩnh viễn ở đất Sài Gòn này. Còn chúng tôi, chúng tôi ra đi với hai bàn tay trắng, quý nhất chỉ là tấm lòng. Tấm lòng tin tưởng ở Đảng, tin ở tương lai nhất định sẽ xán lạn. Chúng tôi triu mến tạm biệt thành phố, lòng nguyện với lòng, ra đi để rồi trở lại, thể trở lại trong một ngày huy hoàng giải phóng thành phố của ta, đồng bào của ta, và ngày ấy nhất định không xa. Sự thật không như mơ ước, xa đến quá mười nghìn ngày rồi còn gì. Nhưng thời gian hết đêm lại ngày, hết mùa mưa qua mùa nắng... còn có thể tính được, song đổ ai nhớ được con đường ta đã đi trải dài bao nhiêu cây số. Từ làng này qua ấp nọ, tôi cũng như bao nhiêu đồng chí của tôi đã sống trong đùm bọc thương yêu của đồng bào cô bác vùng ven Sài Gòn, rồi suốt các tỉnh miền Đông, từ bưng lầy đến rừng núi, rồi miền Trung, miền Tây, khắp sông rạch Đồng Tháp Mười. Làm sao mà kể hết được tên xóm tên làng, làm sao mà kể hết được tên các má, các anh, các chị. Các em liên lạc dẫn đường hồi ấy, mới trên mười tuổi đời, ngày nay, nếu còn sống, ắt hẳn đã thành gia thất, có con, có cháu rồi. Nếu có thể kể được tên thì đó là những xóm làng: “Việt Nam” với những gia đình, ở đâu cũng có, “má Năm”, “má Tám”, “bác Hai”, “chú Bảy”, mà “thằng Ba”, “thằng Tu” đã từng xem là gia đình mình. Mỗi sự nghiệp của một con người đều là sự nghiệp của tất cả. Anh có làm được việc gì thì đó là nhờ nhân dân giúp rập mà nên. Ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây. Khi về thành chợ bao giờ quên bưng biền rừng núi. Nhờ dân mà anh đã hoàn thành nhiệm vụ, nay làm nhiệm vụ trước hết phải vì dân. Nhờ bạn bè mà anh xây thành sự nghiệp. Nay có sự nghiệp chợ nên

---

1. Bài hát “Lên đường” của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin văn hóa - Văn hóa Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

quên lãng bạn bè. Đức Việt Nam là tình là nghĩa, là đạo xử thế thủy chung giữa con người với con người. Mắt ta phải trong mà lòng ta phải sáng, đó là quý nhất của một đời người.

Nhưng đã qua mọi nẻo đường đất nước, cay đắng ngọt bùi đã trải, gian lao nguy hiểm đã từng, ngày nay ta lại trở về. Tôi bất giác lần tay sờ khắp thân mình: à ra mình còn nguyên xương thịt. Bao phen rồi mà bom đạn còn nung nhẹ đối với mình. Có lẽ đừng nghĩ đến nó thì nó tránh mình - đó chỉ là may mắn thôi. Nguyễn Trãi đã chẳng có câu: “Can qua vị tức, hạnh thân tuyền”, trong bài thơ của ông: *Sau loạn đến Côn Sơn cảm tác*:

*Mười năm xa cách chốn non nhà,  
Tùng cúc quay về nửa xác xơ.  
Đã hẹn rừng khe đâu phụ ước,  
Cúi đầu đất bụi chỉ thương ta.  
Tưởng đâu thấy mộng, quê vừa gặp,  
Mừng hầy còn thân, loạn lửa qua.  
Dưới núi bao giờ lều sẽ dựng  
Đá kê đầu ngủ, suối pha trà.*

(Khương Hữu Dụng dịch)<sup>1</sup>

Nhưng trong chinh chiến đâu phải ai cũng vẹn toàn. Bao nhiêu đồng chí, anh em bạn bè của tôi đã phải nằm lại ở một mảnh đất nào đó của quê hương. Họ nằm xuống cho chúng tôi ngày nay trở về. Đại diện cho những người ra đi mùa Thu năm ấy, ra mắt đồng bào thừa rằng chúng tôi đã trọn vẹn lời thề. Hỡi những gia đình đã trải qua những mất mát, đã có những người thân ra đi mà không bao giờ quay trở lại, hãy xem chúng tôi đây là con, là cháu, là anh, là em, giờ đây ta cùng nhau xây dựng nên cuộc đời mới mà ta hằng mong ước.

Tôi còn nhớ như những bức tranh vô cùng đẹp đẽ của những làng mạc Việt Nam mỗi khi có họa xâm lăng. Năm ấy từng tốp, từng đoàn thanh niên, trai, gái, đủ các tầng lớp công nhân, trí thức..., lòng nặng căm thù, chí cao hơn núi, kéo nhau lũ lượt đi, số này thì ra miền Trung - ở đó Tây chưa đến - xin Trung ương cho trang bị, tổ chức bộ đội trở về diệt thù giữ nước. Số khác thì ở lại, tập hợp nhau, cướp súng địch trang bị cho mình, chặn địch ngay ở rìa thành phố. Tôi và em tôi, Việt Châu (tức Sáu Tâm), nhập với đám sau này. Đã có những đêm, tôi cùng

---

1. Trích *Thơ văn Nguyễn Trãi*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1980, tr.83.

chị Năm Bi (tức Thượng tá Hồ Thị Bi, nay đã nghỉ hưu) len lỏi đến vùng Bà Điểm vào căn cứ đóng quân cũ của Nhật, cùng một vài anh em trai tráng, đào các giếng cạn kiểm súng của Nhật để trang bị đánh Tây, vì có tin rằng khi đầu hàng, Nhật đã chôn giấu súng như vậy. Tôi đã họp với Tỉnh ủy tỉnh Gia Định (Tỉnh ủy Giải phóng) ra quyết định tổ chức lực lượng vũ trang, tập hợp những du kích từ các quận Hóc Môn, Đức Hòa, Bà Điểm, lập ra đội “Giải phóng quân liên quận Hóc Môn - Bà Điểm - Đức Hòa”, lấy căn cứ là làng Mỹ Hạnh. Dân chúng trong vùng yêu mến gọi chúng tôi là “cán bộ của mình” để phân biệt với những bộ đội không chịu đánh giặc mà thường sách nhiễu nhân dân. Từ đó anh em chiến đấu liên tục trong sự bảo bọc của bà con, phát triển lên thành các chi đội 12, 14, 15 rồi Quân khu 7, 8... ngày càng hùng hậu. Rồi tập kết, rồi lại trở về. Và ngày nay, ta trở về với đại bác, xe tăng thay thế cho tầm vông súng mót. Ta trở về áp đảo quân thù, cũng mạnh hơn quân thù trước đây gấp bội, đánh bại tên đế quốc đầu sỏ mạnh hơn cả thực dân Pháp xưa kia.

Cách mạng như vậy, chính nghĩa là vậy.

Nắm vững đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với sức mạnh tổng hợp của một chiến lược tổng hợp, quan niệm đúng tính chất thời đại, dựa chắc vào sự giúp đỡ vô tư trên tinh thần quốc tế cao cả của giai cấp vô sản thế giới, ta không những được trang bị một tư tưởng, một tinh thần ưu việt hơn địch, mà còn được trang bị những vũ khí tối tân, những phương tiện hiện đại trong khi đất nước còn lạc hậu, nghèo nàn.

Nghe theo Bác Hồ, được sự lãnh đạo của Đảng chân chính, với tấm lòng trong sáng, ý chí sắt son, ta có được sức mạnh dời non lấp biển, làm nên được tất cả.

Ngày ấy tôi ra đi lòng nặng ưu tư, nhìn lại thành phố, nhìn lại đồng bào mà ruột đau quặn thắt. Ngày nay tôi trở về, lòng phơi phới nhìn phố phường đỏ màu cờ chiến thắng, nhìn mọi người mặt rạng rỡ như hoa. Từ Hóc Môn vào đến nội thành, xe chúng tôi chạy cán lên nào áo quần, giấy, vớ của lính bộ binh, lính dù ngụy trút bỏ bừa bãi dọc đường. Trên hai lề đường còn nhiều hơn nữa, nào ba lô, nào nón, nào băng đạn vút ngổn ngang. Hàng chục vạn tên ngụy đã khiếp đảm rã trốn ở Sài Gòn này, đã bày ra khắp phố phường một cảnh tượng tan nát thảm hại của một đội quân đánh thuê, giết mướn, của một chế độ công rắn cắn gà nhà. Tất cả những gì không phù hợp đạo lý, không hợp lòng người, phi chính nghĩa, dù có thời nào đó có vẻ hưng thịnh cũng chỉ là tạm thời, bề ngoài mà thôi. Số phận của nó là như vậy đó.

Xe chúng tôi lại bon bon trên đường nhựa. Thế nào mà lại lọt ra đường Thống Nhất thênh thang (nay là đường 30/4) thẳng về Dinh Độc Lập. Ở đó các đồng chí

đi trước đã đặt trụ sở Ủy ban quân quản thành phố. Gặp tất cả, đủ mặt. Nhưng thôi, trước khi bắt tay vào việc, cho tôi đi nhìn khắp Sài Gòn một lượt, cho đỡ nhớ đỡ thương. Còn gì sung sướng bằng đi giữa thành phố tự do của ta mới vừa giải phóng, nhìn ngắm hết phố này đến phường nọ, nhìn ngắm nhân dân mình hồ hởi, vui tươi và nhân dân cũng nhìn mình với thiện cảm là anh giải phóng mới về, một anh giải phóng mà “tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râm”. “Có lẽ anh quê quán đâu đây, đến tìm người nhà thất lạc qua bao thăng trầm của thế sự”. Một số đồng bào đã ái ngại hỏi tôi như vậy. Khác xa với hồi năm 1973, khi tôi là Trưởng đoàn quân sự Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại trại Đavít ở sân bay Tân Sơn Nhất. Hồi ấy mỗi bước ra phố của tôi phải có quân cảnh nguy, có vẻ “tiền hô hậu ủng” nhưng là để không cho tự do đi đây đi đó, không cho tiếp xúc với đồng bào. Xe quân cảnh nguy đi trước rú còi inh ỏi, dẹp người và xe cộ đi đường, qua ngã tư, ngã ba, đèn xanh đèn đỏ, mặc, xe cứ thẳng chạy không dừng lại, ngại đồng bào xúm quanh coi mặt anh giải phóng.

Trước tiên, tôi đã ra thẳng bờ sông Bến Nghé, qua Cầu Quay đến trước bến Nhà Rồng. Đây rồi, nơi Bác đã ra đi năm xưa, chân Bác bước đi mà mắt lưu luyến nhìn thành phố thân yêu, nhìn quê hương xứ sở mà mấy nghìn năm tổ tiên ra sức đắp bồi. Hẳn lòng Bác xót xa phải xa cách đồng bào còn đang trong cảnh lầm than, xiềng xích. Nuốt hận trong lòng, rèn cao chí khí, Bác đã từ đây ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Đường Bác đã đi, đường Bác đã vạch sẵn, chúng con đã đi theo đường ấy, đã kiên trì và dũng cảm đi mãi theo ánh sáng chân lý của Bác soi rọi, theo tình thương mệnh mông của Bác sưởi ấm; ngày nay chúng con đã đi về đích, về giáp với vết chân của Bác, đây rồi!

*“... Bác như ánh nắng ban mai  
Chiếu soi bãi rậm trường dài con đi...”<sup>1</sup>.*

Và:

*“... Cho con núi rộng sông dài  
Cho con lưỡi kiếm đã mài nghìn năm...”<sup>2</sup>.*

Nhớ lại lần đầu tiên tôi gặp được Bác, năm 1948 ở Việt Bắc. Từ sau ngày Nam Bộ kháng chiến, ngày 23/9/1945, đó là lần đầu một phái đoàn Nam Bộ có đủ cán bộ quân sự, chính trị, mặt trận do tôi làm Trưởng đoàn, xuất phát từ Đồng Tháp Mười ra Việt Bắc để báo cáo với Bác, với Trung ương Đảng tình hình kháng chiến mọi mặt của chiến trường Nam Bộ. Đường đi phần lớn xuyên qua các vùng địch

---

1, 2. Trích trong bài thơ “Gửi lòng con đến cùng Cha” của nhà thơ Thu Bồn, in trong *Thơ Việt Nam 1945-1975, Sđđ*, tr.30-31.

tạm chiếm. Chúng tôi phải tổ chức thành một đơn vị chiến đấu được trang bị mạnh để sẵn sàng tự bảo vệ và mở đường mà đi khi cần thiết, tuy rằng qua các địa phương đều được sự giúp đỡ, lo lắng rất tận tình. Chúng tôi đã đi bộ suốt dọc dãy Trường Sơn Đông, leo núi trèo đèo, vượt sông vượt suối, có những đoạn vượt biển dài như qua biển Cam Ranh và Nha Trang, suốt sáu tháng trời không nghỉ. Giặc Pháp lúc ấy theo dõi chúng tôi thật sát, chặn đường, phục kích ở vùng núi Phan Rang, ở Dốc Mỏ, Khánh Hòa rồi cuối cùng nhảy dù ở Vân Đình phía tây Hà Nội, mong thành linh bắt gọn cả phái đoàn, nhưng đều thất bại. Bác và Trung ương đã cho đón chúng tôi từ xa. Tới núi rừng Việt Bắc, chúng tôi nóng lòng muốn gặp ngay Bác để thỏa lòng mong ước từ lâu. Khi gặp được Bác, mọi người chúng tôi đều xúc động. Đây là người thầy, người cha, đây là biểu tượng của Tổ quốc, đây là hình ảnh của dân tộc. Người có vầng trán cao, có chòm râu phơ phất, có cặp mắt sáng ngời, một vẻ mặt hiền từ và một dáng người mảnh khảnh, ung dung. Chưa biết đến những tư tưởng vĩ đại, những đức độ cao sâu, chỉ nhìn Người, ta bỗng thấy ngay lòng ta tin yêu vô hạn, kính trọng mà gần gũi muôn phần. Tài Người đã chinh phục thiên hạ, đức Người đã tập hợp nhân tài. Quý biết bao, trong những ngày tháng lịch sử này, Tổ quốc ta, dân tộc ta đã sản sinh ra một con người như vậy để cho triệu người tin theo, triệu người yêu mến. Ngày trở về Nam của phái đoàn, Bác, Trung ương và Chính phủ đã tổ chức một bữa cơm tiễn biệt. Trước mặt mọi người, Bác đã kêu tôi lại, đưa ra một thanh gươm rất đẹp và nói với một giọng ấm áp làm rung động đến tận đáy lòng tôi:

“Bác trao chú thanh gươm quý này, đưa về cho đồng bào Nam Bộ để diệt thù, chú báo cáo với đồng bào rằng lòng Bác, lòng Đảng lúc nào cũng bên cạnh đồng bào. Chúng ta đồng lòng vì nước, nhất định chúng ta thắng!”.

Âm vang lời Bác không bao giờ phai trong tôi, trong lòng người dân Nam Bộ.

Rồi lần trở về Nam đánh Mỹ năm 1963, ngày ấy tôi được chỉ định làm Chỉ huy trưởng Lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam. Bác kêu đến nhà của Bác ăn cơm trước khi lên đường. Và Bác đã đưa ra cho tôi một hộp thuốc xì gà sản xuất từ Cu Ba xa xôi. Bác bảo: “Bác chỉ có món quà này, đồng chí Fidel gửi biếu Bác, Bác gửi chú đem vào biếu lại cán bộ miền Nam. Khi hút thì nhớ tấm lòng thiết tha của Bác đối với miền Nam và trong đó có cả tấm lòng của Cu Ba anh em. Cố gắng để Bác có dịp vào thăm đồng bào miền Nam”.

Có bao giờ quên được lời dặn của Cha già. Ngày nay đất nước đã được hoàn toàn giải phóng và Cha già đã nghỉ một giấc nghỉ yên lành. Không là nhà văn, cũng không là nhà thơ, tôi không diễn tả nổi tấm lòng mình. Tôi đành nhờ Thu Bốn nói hộ một phần trong bài thơ *Gửi lòng con đến cùng Cha*:

“...Cho con là một mũi tên  
Xòa năm cánh nhọn giương trên thành đồng  
Việt Nam ơi! Giống tiên rồng  
Bốn ngàn năm lấy máu hồng làm hoa  
Gửi lòng con đến cùng Cha  
Chiến công đất nước kết hoa triệu vòng”<sup>1</sup>.

Rời Bến Nhà Rồng, tôi đi khắp Sài Gòn rồi lên Chợ Lớn cũ. Đến đường Thuận Kiều, chúng tôi xuống xe, đứng mặc niệm các đồng chí Lê Thị Riêng và Nguyễn Văn Kiểu mà bọn ngụy đã hèn mạt sát hại tại đây vào mừng 2 Tết Mậu Thân năm 1968. Chị Lê Thị Riêng là Thành ủy viên Sài Gòn, Trưởng ban Phụ vận Thành ủy và là Ủy viên Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam. Tôi biết chị từ những năm kháng chiến chống Pháp ở miền Đông “gian lao mà anh dũng”. Tôi đã gặp lại chị ở rừng căn cứ miền Đông những năm đánh Mỹ. Chị đã tình nguyện vào nội thành vận động tổ chức các chị em để đấu tranh chống địch, bảo vệ quyền lợi phụ nữ. Còn anh Kiểu cũng là Thành ủy viên, Phó ban Công vận thành. Chẳng may giặc bắt được lần lượt từng người và giam cả hai ở khám Chí Hòa. Trong đợt 1 Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ngụy đưa chị Riêng và anh Kiểu lên xe từ khám ra đây rồi dùng súng sát hại. Không thể hiểu được hành vi hèn hạ đến như vậy đối với những người đấu tranh chính trị đã sa cơ bị bắt giam, trong tay không có 1 tắc sắt. Chúng còn lắm những hành vi man rợ khác như tướng ngụy Nguyễn Ngọc Loan bắn tù binh đã bị trói tay ngay trên đường phố Sài Gòn. Lính ngụy đã chặt người chúng bắt được ra làm nhiều mảnh, mình riêng, đầu riêng rồi xách đi như giết súc vật. Ta không nói đến bọn ngụy Việt gian không còn tính người làm gì mà chỉ hỏi người Mỹ, thầy và cha đẻ của chúng, đã lớn tiếng nói về nhân quyền, hành vi ấy gọi là gì? Ngày nay ta là những người chiến thắng, ta xử sự thế nào với hàng triệu tướng tá và lính ngụy mà trong số đó nhiều người có thể xem là tội phạm chiến tranh. Không có trả thù, không có tắm máu như chúng rêu rao. Ai là văn minh? Và ai biết quý trọng con người?

Tôi đã đến đường Minh Phụng và khu vực xung quanh. Đây là bãi chiến trường ác liệt trong đợt 2 Tết Mậu Thân, khi mà hàng trung đoàn ta đã vào và chiếm được những nơi đây. Chúng đã dùng trực thăng vũ trang kết hợp thiết giáp và pháo binh điên cuồng phản kích. Đồng chí Hai Hoàng đã hy sinh ở đây. Đồng chí là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn “Gironde” đã chỉ huy thắng lợi trận Ấp Bắc nổi tiếng đầu năm 1963, lần đầu tiên chống lại có hiệu quả chiến thuật trực thăng vận và thiết xa vận

---

1. Trích trong *Thơ Việt Nam 1945-1975*, Sđd, tr.32.



của địch. Năm Mậu Thân, đồng chí là Chỉ huy trưởng cánh quân của tỉnh Long An, đánh vào đây và đã hy sinh anh dũng ngay tại khu vực này. Ở đây nữa, tại đường Minh Phụng, đồng chí Nguyễn Thi (Nguyễn Ngọc Tấn) một nhà văn có tài, một chiến sĩ dũng cảm cũng đã đền nợ nước trong đợt 2 Tổng tấn công và nổi dậy năm 1968. Đồng chí Nguyễn Thi đã có mặt từ những ngày kháng chiến chống Pháp ở miền Đông Nam Bộ và từ lúc ấy, vừa cầm súng giết giặc vừa cho ra những truyện ngắn đầu tay của mình mà chiến sĩ ai cũng thích. Rồi trong kháng chiến chống Mỹ, đồng chí luôn xung phong ra mặt trận, hòa nhịp sống và sáng tác của mình với nhịp sống của anh chiến sĩ giải phóng, nhịp sống của chiến trường khói lửa. Phải chăng đồng chí là tiêu biểu cho phẩm chất và tâm hồn của những nhà văn Việt Nam trong những năm chiến tranh oanh liệt của dân tộc.

Đi khắp các đường phố Sài Gòn - Gia Định, hầu như nơi nào cũng ghi dấu những chiến công oanh liệt của những chiến sĩ đặc công, biệt động, của những thanh niên vũ trang, nam cũng như nữ. Không phải chỉ có những trận đánh nổi tiếng vào Dinh Tổng thống ngụy, vào Sứ quán Mỹ, tại cầu Chữ Y... hồi Tết Mậu Thân, mà trong cả hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, ở vào thời điểm nào cũng có những trận thắng vang dội ngay tại Sài Gòn này. Cũng không phải chỉ có những chiến sĩ vũ trang mà còn rất nhiều người dân yêu nước, thuộc các tầng lớp xã hội, những cán bộ chính trị, những chiến sĩ văn hóa đã từng đấu tranh bằng mọi cách giữa thành phố Sài Gòn - Gia Định này chống quân cướp nước và bán nước. Làm sao nói hết được những chiến công muôn màu muôn sắc, làm sao biết hết được những chiến sĩ vô danh đã hy sinh thân mình trên mảnh đất yêu thương này cho ngày toàn thắng hôm nay.

Đó chính là những con người đã làm nên lịch sử. Xương máu của họ đã chất chồng lên cho cái dải đất, núi, sông hình chữ S nằm bên bờ Tây Thái Bình Dương này ngày càng cao, càng vững, đã viết nên những trang lịch sử hào hùng chói lọi Việt Nam. Hãy biết ơn họ mãi mãi hồi con cháu nghìn đời sau này, khi ta đã có thể đứng thẳng người, ngẩng cao đầu nhìn mặt trời tỏa sáng trên cảnh huy hoàng của đất nước. Hãy biết ơn cả những người cha, người mẹ đã đóng góp những dòng máu của con em mình cho mùa Xuân đại thắng hôm nay. Đừng bao giờ lãng quên quá khứ để có thể xây đắp cho một tương lai rực rỡ, vững vàng. Vì không có quá khứ thì làm gì có hiện tại và tương lai.

\*

\*      \*

Trở về Dinh Độc Lập, theo chỉ thị của Bộ Chính trị, tôi cho tuyên bố thả tất cả những nhân vật trọng yếu của ngụy quyền mà từ hôm giải phóng Sài Gòn,

bộ đội ta đã giam giữ họ tại một phòng ở đây. Tôi chỉ gặp những người đứng đầu: Dương Văn Minh - Tổng thống, Nguyễn Văn Huyền - Phó Tổng thống và Vũ Văn Mẫu - Thủ tướng ngụy quyền. Tôi đã giải thích cho họ chính sách của cách mạng là quang minh, chính đại, độ lượng, khoan hồng, “đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo”. Tôi đã nhấn mạnh: Tất cả những việc làm đã qua chúng tôi xếp nó vào quá khứ, chúng tôi căn cứ vào thái độ và hành động từ ngày nay trở đi. Tôi mong họ quan niệm được sự thắng lợi vĩ đại của dân tộc vừa rồi mà tự hào rằng mình cũng là người Việt Nam.

Có vẻ họ tỏ ra xúc động. Dương Văn Minh đã phát biểu: “... Tôi vui mừng được là công dân của một nước Việt Nam độc lập...”. Còn Nguyễn Văn Huyền thì nói: “Là một công dân Việt Nam, tôi có thể tự hào về sự thành công và chiến thắng vinh quang của dân tộc. Tuy nhiên, nếu nhìn lại thời gian qua, tôi xét thấy có tội...”. Vũ Văn Mẫu cũng tỏ ra tỉnh ngộ: “30/4/1975 ngày thành công của cách mạng, cũng là ngày làm cho tôi thoát khỏi sự ngộ nhận. Chúng tôi sung sướng và kiêu hãnh làm công dân một nước Việt Nam độc lập và thống nhất”.

Chúng tôi tin ở lời nói danh dự của họ. Còn họ thành thật đến mức độ nào thì đó lại là đạo đức của một con người. Chính sách của cách mạng đã đề ra là thi hành.

Cũng thể theo đường lối nhân nghĩa của Đảng, truyền thống xử sự của ông cha ta mà Nguyễn Trãi đã viết: “Thể lòng trời bất sát, ta mở đường hiếu sinh”, và Bác Hồ với lòng nhân ái vô biên đã nói về những người lầm đường lạc lối: “Trong anh em đó, dù thế nào, lòng thương nước cũng không tắt hẳn, còn âm ỉ như cục than hồng, phải giúp anh em nhen lên cho thành lửa ngọn”, Ủy ban quân quản đã thông báo và tổ chức đăng ký trình diện cho tất cả các tướng tá, sĩ quan, binh lính cũng như nhân viên các cấp ngụy quyền và tổ chức cho họ học tập về đường lối của cách mạng, về thái độ đối với Tổ quốc và dân tộc, về quan niệm đối với độc lập và tự do. Tất cả những việc ấy nhằm biến những người sai lầm, có tội với dân với nước thành những người công dân lành mạnh, góp phần thực hiện đại đoàn kết dân tộc và xây dựng nước nhà.

Chúng ta đã đổ máu nhiều rồi để có được ngày vinh quang hôm nay, chúng ta không muốn phung phí thêm chút máu Việt Nam nào nữa. Chúng ta là một dân tộc anh hùng và cũng là một dân tộc văn minh. Chúng ta biết quý trọng nhân phẩm của con người. Chúng ta mong làm tất cả những gì có thể được để người với người đều là bạn, xã hội toàn là những người tốt. Khác xa với những kẻ suy bụng ta ra bụng người, tưởng rằng thế nào cũng sẽ có “tắm máu” trả thù ghê gớm. Khác xa với Mỹ - ngụy trước đây khi những người của đối phương lọt vào tay họ, thì họ hành

hạ dã man, tra tấn nhục hình khó mà tưởng tượng được. Họ đã coi con người như con vật, tha hồ bắn giết, họ cố biến thành tàn tật cả thể chất và tâm hồn người bị họ bắt. Một lần nữa ta có quyền đặt lên câu hỏi: Ai là người văn minh? Ai biết quý trọng con người?

Ngày 07/5/1975, Ủy ban quân quản làm lễ ra mắt nhân dân thành phố Sài Gòn - Gia Định. Suốt đêm 06 rạng ngày 07/5, toàn thành phố rạo rực, cả Sài Gòn sống một đêm không ngủ. Từng người, từng nhà chuẩn bị, từng đoàn thể, từng quận chuẩn bị, ai nấy náo nức mong chờ một ngày mai tràn ngập nắng hồng. Đất trời có những phút giây đã cùng lòng người ghi đậm dấu vết thời đại. 117 năm rồi non sông ta mới có hôm nay, 400 năm rồi, thành phố trên dòng sông Bến Nghé này mới có những giờ phút lớn lao như vậy. Dầu là quân quản ban đầu, đây là chính quyền cách mạng mà xương máu của đồng bào cả nước và của đồng bào Sài Gòn xây dựng lên. Đây là quân đội của mình, là chính quyền của mình, của dân, vì dân. Từ sáng tinh mơ, từng dòng người khắp các quận, huyện nội ngoại thành với băng rôn, cờ, khẩu hiệu hoan hô chiến thắng của cách mạng, hoan hô Ủy ban quân quản, kéo về đầy sân “Dinh Độc lập”. Đây thật sự là một ngày hội lớn, ngày hội mừng chiến thắng trọn vẹn đã phải chờ trên một thế kỷ. Niềm vui tự hào của cả một dân tộc, niềm sung sướng hân hoan của những người đã thực sự làm chủ đất nước đẹp đẻ của mình, dâng tràn khắp các phố phường. Trước sân Dinh Độc lập, nơi xưa kia từng bày quân cảnh, cảnh sát ngụy xưa đuổi đồng bào ra xa vòng nghiêm cấm thì ngày nay nô nức từng đoàn người tiến vào, trật tự nghiêm trang. Các cụ già da mồi, tóc bạc, từng sống qua những thời kỳ đen tối bị bọn thực dân áp bức, hôm nay cũng tựa vào tay con cháu, đến đây để tận mắt nhìn quang cảnh biểu hiện cái quý giá nhất, thiêng liêng nhất: Tự do độc lập của đất nước, của người dân. Các em bé nữa, thỏa thuê, thích thú vì không còn gì hăm dọa cuộc vui và sự sống của các em. Nhưng tầng lớp đông đảo nhất, ý thức đầy đủ nhất niềm kiêu hãnh của chiến thắng vĩ đại hôm nay, ý thức đầy đủ nhất về một tương lai huy hoàng là tầng lớp thanh niên nam, nữ. Họ mặc những quần áo đẹp nhất, cầm những cành hoa tươi thắm, từng đoàn, từng đoàn sát cánh nhau đi vào sân lễ, như sẵn sàng nối bước cha anh để viết tiếp những trang sử không kém oai hùng trong xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thay mặt Ủy ban quân quản tôi đã đọc diễn văn ra mắt, kêu gọi mọi người dân, mọi tầng lớp tham gia bằng mọi cách giữ gìn trật tự và xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. Tôi đã nhấn mạnh:

“...Non sông Việt Nam từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau lần đầu tiên từ trên một thế kỷ nay sạch hết bóng thù hắc ám của quân xâm lược nước ngoài...”

Cả nước đã giành được độc lập trọn vẹn và tự do thật sự...

Dân tộc ta từ đây nhất định trường tồn và phát triển...

Không một thế lực phản động nào có thể ngăn cản bước đường của dân tộc ta đi lên, tiến tới, tạo lập cho mình cuộc sống ấm no, hạnh phúc muôn đời...

Chỉ có đế quốc Mỹ là kẻ chiến bại...

Toàn thể dân tộc Việt Nam là người chiến thắng...

Bất cứ ai còn mang dòng máu Việt Nam đều có quyền tự hào về chiến thắng chung của cả dân tộc...

Mỗi người Việt Nam biết nghĩ đến dân, đến nước không thể không mừng vui sâu sắc trước tiền đồ rộng mở của quê hương đất nước...

Con cháu chúng ta, con em của mọi tầng lớp trong xã hội mới cũng đều được lớn lên mãi mãi từ đây trong tinh thần tự hào dân tộc, sống ngẩng cao đầu, được vui, được học, được làm việc trong một thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của nước nhà...

Chúng ta không hổ thẹn với ngàn năm tổ tiên về trước...

Chúng ta đã không phụ lòng tin yêu triu mến của anh em, bè bạn ta trên thế giới...

Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử này là thắng lợi của truyền thống dân tộc anh hùng được đào luyện qua bốn nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Truyền thống đó được cách mạng hết lòng gìn giữ và không ngừng phát huy cao độ...

Thắng lợi có ý nghĩa thời đại này là thắng lợi của đường lối cách mạng duy nhất đúng và sự chỉ đạo cách mạng hoàn toàn chính xác đã đưa cách mạng nước ta đi hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, đi đến toàn thắng, đi đến tương lai huy hoàng...

Trong giờ phút thiêng liêng này, lòng tất cả chúng ta hướng về anh linh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, ghi lòng tạc dạ công ơn trời biển của Người...

Vinh quang hôm nay trước hết thuộc về đồng bào cả nước đã 30 năm trường hy sinh phấn đấu, vì nghĩa lớn của dân tộc, bom đạn chẳng sờn, tù đầy không sợ...

Vinh quang thuộc về các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng, trung hiếu vẹn toàn, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng...

Nhân dân Sài Gòn - Gia Định đã hoàn toàn làm chủ thành phố của mình...

Cách mạng là thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, là giải phóng khả năng sáng tạo vô tận của quần chúng...

Ai cũng hiểu, sau 30 năm chiến tranh liên tục, buổi đầu tiên của hòa bình lập lại, tránh sao khỏi nhiều khó khăn trong đời sống và trong công việc. Tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ còn di hại nhiều năm trong đời sống của dân tộc ta. Bọn Việt gian tay sai đầu sỏ của đế quốc Mỹ, vì quyền lợi ích kỷ đê hèn của chúng, công răn cắn gà nhà, rước voi về giày mả tổ, phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi mặt hậu quả nghiêm trọng lâu dài do chính sách thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ gây ra trên đất nước này...

Tất cả mọi người Việt Nam yêu nước thương nòi hãy cùng nhau đồng tâm hiệp lực xây dựng lại quê hương, mau chóng băng bó lại những vết thương chiến tranh, giải quyết mọi hậu quả nghiêm trọng do tội ác chống chất của đế quốc Mỹ và tay sai gây ra, khiến người dân nào, gia đình nào cũng phải chịu phần đau khổ...

... Hiện tại dù khó khăn đến đâu cũng không khó bằng đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Dân tộc ta từng chiến thắng đế quốc Mỹ, nhất định có đủ tinh thần, trí tuệ và khả năng giải quyết mọi vấn đề, khôi phục mau chóng và phát triển vững chắc đời sống của đất nước...

Có độc lập, có hòa bình, người dân có ý thức làm chủ là có tất cả...”

\*

\*   \*

Rõ ràng chúng ta đã biết có nhiều khó khăn ngay cả trong những ngày vang lừng chiến thắng. Chúng ta còn biết cả những vấp vấp không tránh khỏi trong những bước đi ban đầu, thời nào cũng vậy. Đảng đã dạy: Được hòa bình ta vẫn phòng ngừa chiến tranh. Có thắng lớn ta không kiêu căng tự mãn. Nguyễn Trãi cũng đã viết: “Phải coi chừng mối họa loạn, có khi do yên ổn mà nên. Phải đón ngăn ý kiêu xa, có khi do sung sướng mà đến”<sup>1</sup>. Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm bằng Đại thắng mùa Xuân năm 1975 là bắt nguồn từ những ngày gian khổ của những năm 1945... 1957... 1959..., mà biết bao những vấp vấp sai lầm trong từng chặng đường đi lên đã làm cho ta dày thêm kinh nghiệm. Không có những cây tầm vông vạt nhọn thì khó có những đại bác, xe tăng.

*Ví không có cảnh đông tàn*

*Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.*

(Trích trong bài thơ *Tự khuyên mình* của Bác)<sup>2</sup>

---

1. Nguyễn Trãi: *Lam Sơn thực lục*.

2. *Tổng tập văn học Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1980, tr. 662.

Ta quyết tâm tạo ra ngày Xuân đại thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, của ấm no hạnh phúc thì có ngại gì mà không vượt qua những khó khăn vấp vấp trong những năm tháng ban đầu. Ý chí Việt Nam là như vậy.

*Mùa Xuân năm 1982*



# NHỮNG TRANG BẢN THẢO DỒ DANG

Lúc Thượng tướng Trần Văn Trà còn sống, khi thực hiện viết hồi ký về chiến trường B2, lúc đầu theo kế hoạch sẽ gồm 5 tập, và đã công bố được 2 tập, đó là: Tập 5: “KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH 30 NĂM”, Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh phát hành năm 1982.

Tập 1: “HÒA BÌNH HAY CHIẾN TRANH”, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân phát hành năm 1992.

Đồng đảo cán bộ, nhân dân, bạn đọc đã viết thư, điện và trực tiếp gặp Thượng tướng mong mỗi được đọc tiếp 3 tập còn lại.

Tâm tư, nguyện vọng của Thượng tướng ngày đêm mong muốn là hoàn thành hồi ký để ghi lại đầy đủ những sự kiện lịch sử, những bước thăng trầm của chiến trường, sự chỉ đạo của Trung ương cùng sự nỗ lực của quân và dân ta, những tấm gương chiến đấu hào hùng, hy sinh oanh liệt của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân B2. Đặc biệt, 3 tập còn lại ghi lại giai đoạn từ năm 1965 là lúc Thượng tướng trực tiếp chỉ huy chiến trường, cùng sống, chiến đấu với cán bộ, chiến sĩ, nhân dân B2 từ muôn vàn khó khăn cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Tuy nhiên, lúc đó ở cương vị Phó Chủ tịch Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh, Thượng tướng không thể dứt ra khỏi công việc của Hội.

Đến đầu năm 1996, được sự nhất trí của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Thượng tướng mới có thời gian tập trung triển khai 3 tập còn lại. Tháng 4/1996, những buổi làm việc với bộ phận giúp việc càng thêm khẩn trương. Không may, khi công việc đang trên đà tiến triển, Thượng tướng đã vĩnh viễn ra đi, để lại phác thảo còn bỏ dở.

Những phác thảo dở dang là đoạn băng ghi âm các buổi làm việc, những trang viết tay dạng đề cương, những trang đánh máy... chủ yếu tập trung ở Tập 2.



*Trên đường đi công tác trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*

## PHỤC VỤ THƯỢNG TƯỚNG TRẦN VĂN TRÀ VIẾT HỒI KÝ

Trong suốt gần 20 năm (từ năm 1977 đến năm 1996), bên cạnh công tác chuyên môn tại Phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7 và *Báo Cứu chiến binh Thành phố Hồ Chí Minh*, tôi còn có vinh dự được phục vụ Thượng tướng Trần Văn Trà viết hồi ký. Những ngày làm việc với ông đã để lại cho tôi nhiều kỷ niệm và cũng lắm suy tư về nhân tình thế thái: Kính phục và học tập nhân cách của một con người dù gặp biết bao chông gai nhưng vẫn lạc quan, kiên định con đường cách mạng của mình đi theo Đảng, theo Bác Hồ.

Cuối năm 1977, Tổng cục Chính trị yêu cầu Thượng tướng Trần Văn Trà viết hồi ký về chiến trường B2. Do vậy, tôi và nhà văn Võ Trần Nhã được điều từ Cục Chính trị Quân khu 7 về Ban Tổng kết chiến tranh B2, thực hiện sưu tập tư liệu, khai thác nhân chứng lịch sử, những tấm gương đồng bào, chiến sĩ từng chiến đấu trên chiến trường B2 để ông trực tiếp viết cuốn hồi ký. Anh Hồ Quý Ba phục vụ ông một thời gian ngắn thì nghỉ hưu, tôi gặp đồng chí Hiệp đang là Chính ủy một trung đoàn pháo binh ở Campuchia về Quân khu bộ. Biết khả năng viết lách của Hiệp trước đó, tôi rủ Hiệp về công tác chung. Hiệp đồng ý vì được phục vụ một vị tướng tài ba và bao nhiêu năm xa nhà nay cũng muốn được gần gia đình. Vậy là bộ phận phục vụ viết hồi ký có 3 người. Nhưng đáng tiếc là Hiệp mất sớm, chỉ còn tôi và Nhã.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tôi được tiếp xúc chỉ huy Trần Văn Trà một lần ở gần núi Bà Đen khi tôi chỉ huy đoàn học viên tốt nghiệp Trường Sĩ quan Lục quân Trần Quốc Tuấn từ miền Đông Nam Bộ xuống đồng bằng sông Cửu Long. Lúc đó, ông là Phó Tư lệnh Nam Bộ, Tư lệnh Phân liên khu miền Đông đi thị sát chiến trường đồng bằng sông Cửu Long trở về. Ông cho liên lạc kêu tôi đến gặp. Tôi lo quá. Ông chỉ căn dặn phải cẩn thận, cho trinh sát đi trước vì màu quần áo chúng tôi giống bọn commandos (biệt kích), dễ bị bắn lầm.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, tôi thường được phân công đi giao ban ở Bộ Chỉ huy Miền nên gần như được gặp ông hằng ngày, nhưng tôi là cán bộ chính trị nên không tiếp xúc riêng mà chỉ được nghe ông chỉ đạo hoạt động của các chiến trường ở B2... Trong chiến tranh thấy ông rất nghiêm trong việc chỉ đạo ở Bộ Chỉ huy Miền, có lúc thái độ gay gắt đối với chỉ huy đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ, nên lúc đầu tôi cũng ngại.

Sau giải phóng, từ năm 1977 cho đến năm 1996 khi ông mất, tôi được làm việc, gần bó mật thiết, gần gũi nhiều hơn nên càng mẫn phục phong cách làm việc, cách đối nhân xử thế của ông. Với bộ quần áo bà ba khi còn ở trong rừng đã cũ, ông cầm bình rót nước cho anh em đến làm việc. Nhiều lần chuông ngoài cửa reo vì có người muốn đến gặp ông. Sợ mất thì giờ làm việc, tôi đề nghị ra nói ông đi vắng. Nhưng ông nói: Cán bộ, chiến sĩ có nhiều tâm tư, bức xúc muốn giải bày để ông giúp giải quyết, không nên từ chối, cứ để anh em vào.

Trên cơ sở những tư liệu và vốn sống có được trong những năm tháng được đi giao ban ở Bộ Chỉ huy Miền, kết hợp khai thác nhân chứng lịch sử, tôi phác thảo bố cục, nội dung chính của cuốn hồi ký, nhất là những diễn biến quan trọng ở chiến trường. Trong những buổi làm việc, ông kể lại khá chi tiết sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh, Trung ương Cục; sự thực hiện của Quân ủy, Bộ Chỉ huy chiến trường B2. Ông nói: Nếu thi hành một cách máy móc khi tình hình đã thay đổi là không đúng sự chỉ đạo của trên, vì chỉ thị của trên căn cứ báo cáo, nhưng khi đến chiến trường tình hình đã có chuyển biến, cần chấp hành sáng tạo, đúng ý đồ của trên.

Có mấy sự kiện ông kể mà tôi nhớ rất sâu và rất tâm đắc. Từ Tân Sơn Nhất (Sài Gòn) ra Hà Nội, rồi trở về B2, ông tiếp tục chỉ đạo chiến trường. Trước tình hình quân nguy liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm, huy động không quân đánh phá vùng giải phóng của ta, một số địa phương, đơn vị “chao đảo”, ông chỉ thị cơ quan tham mưu điện cho các địa phương, đơn vị cương quyết đánh trả quân nguy vi phạm Hiệp định. Cục Chính trị đưa tin công khai trên báo đài: Lệnh của Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam: “*Đánh trả quân địch ngay từ nơi chúng xuất phát gây tội ác*”. Cũng trong buổi giao ban ở Bộ Chỉ huy Miền, khi nghe phái đoàn ta ở Tân Sơn Nhất báo cáo phái đoàn chính quyền Sài Gòn đề nghị chia miền Nam thành hai vùng, vùng ta và vùng địch (ta ở trên núi, nguy ở đồng bằng và đô thị), ông liền chỉ thị Cục Tham mưu điện ngay vào cho phái đoàn ta ở Tân Sơn Nhất và đề nghị Trung ương không chấp thuận chia ra làm hai vùng mà vẫn giữ ba vùng (vùng địch tạm chiếm, vùng giải phóng của ta và vùng tranh chấp), từ đồn bót, vị trí địch trở ra là vùng kiểm soát của ta. Thực tế chiến trường miền Nam từ năm 1973 đến ngày 30/4/1975 đã diễn ra đúng như nhận định và kiến nghị của ông.

Trong Hội nghị Trung ương mở rộng, ông được điện từ B2 báo cáo, Bộ Tổng Tham mưu không chấp thuận kế hoạch của Bộ Chỉ huy Miền (khi ông còn ở miền Nam) đề nghị cho B2 dùng pháo 130 ly và xe tăng tấn công đánh chiếm chi khu Đồng Xoài. Ông đã cùng đồng chí Phạm Hùng - Bí thư Trung ương Cục đến gặp Tổng Bí thư Lê Duẩn đề nghị và được chấp thuận kế hoạch của B2, ông đã điện về Bộ Chỉ huy Miền và Bộ Chỉ huy chiến dịch tiếp tục thực hiện kế hoạch đánh chiếm chi khu Đồng Xoài.

Tiếp đó, tại Hội nghị khi được tin ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, Mỹ và ngụy đều không có phản ứng, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: “Có cho Mỹ ăn kẹo cũng không còn dám đưa quân vào”. Viết đến đây, Thượng tướng Trần Văn Trà hỏi tôi: Có nên đưa câu nói của Thủ tướng vào cuốn hồi ký không. Tôi nghĩ nên đưa vào, vì đây là nhận định có tầm chiến lược.

Còn nhớ, trong buổi trao đổi đầu tiên để chuẩn bị đề cương bắt tay triển khai thực hiện cuốn hồi ký, tôi đề nghị ông là chủ thể như hồi ký của tướng Liên Xô Giucốp. Ông nói ngay: “Tôi chỉ là nhân chứng ghi lại diễn biến của lịch sử, kể lại những tấm gương chiến đấu, hy sinh của đồng bào, chiến sĩ, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn của B2 đóng góp về chiến lược, nghệ thuật, chỉ đạo, chỉ huy cuộc chiến tranh”. Cho nên trong hồi ký của ông, chúng tôi đã sưu tập và đưa rất nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, hy sinh của đồng bào.

Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà chính ngay trang bìa cuốn hồi ký ông đã viết: *“Mỗi sự nghiệp của một con người là sự nghiệp của tất cả. Anh có làm được việc gì thì đó là nhờ nhân dân giúp rập mà nên. Ăn trái nhớ kẻ trồng cây. Khi về thành chớ bao giờ quên bưng biể rừng núi. Nhờ dân mà anh đã hoàn thành nhiệm vụ, nay làm nhiệm vụ trước hết phải vì dân...”*.

Tôi và Nhã thu thập tư liệu về trận đánh cầu Rạch Chiếc, khi báo cáo với ông về các đơn vị biệt động, đặc công phải 3 lần tấn công quyết liệt, 52 cán bộ, chiến sĩ hy sinh mới chiếm giữ được cầu Rạch Chiếc bảo đảm cho các binh đoàn chủ lực phía đông vượt cầu, tiến công vào trung tâm Sài Gòn. Ông rất xúc động ghi toàn bộ diễn biến trận đánh vào nội dung hồi ký. Ông cùng các ông Tô Ký, Trần Hải Phụng làm văn bản kiến nghị và được Ban Thường vụ Thành ủy chấp thuận, chỉ đạo các ban ngành thực hiện xây tượng đài ở cầu Rạch Chiếc, biểu tượng công lao, sự hy sinh của đồng bào, chiến sĩ trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cũng qua thu thập tư liệu và nhân chứng, trong hồi ký ông đã nêu nhiều tấm gương chiến đấu của quân dân B2. Tiêu biểu như trường hợp má Lánh ở Củ Chi - một đảng viên lão thành, đã may và phất cờ phối hợp du kích chiếm trụ sở chính quyền ngụy và chi khu quân sự khi quân ta tấn công vào Sài Gòn.



Ông nhắc tôi, trong tổng kết Chiến dịch Hồ Chí Minh, ngoài 5 binh đoàn chủ lực ở 5 hướng tấn công, ít nói đến cánh Nam, gồm hai trung đoàn của Quân khu 8 do Phó Chính ủy Quân khu (Thiếu tướng Võ Văn Thạnh) chỉ huy. Ông bảo tôi đến Quận 10 gặp anh Trần Hàm Ninh, vốn là trợ lý tác chiến cánh này. Trần Hàm Ninh đã ghi nhật ký chiến đấu cánh Nam từ ngày xuất phát đến 10 giờ 30 phút ngày 30/4 đánh chiếm Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia nguy tại trung tâm Sài Gòn. Ông đã đưa toàn văn nhật ký chiến đấu của Trần Hàm Ninh vào nội dung hồi ký.

Năm 1978, tôi và Võ Trần Nhã được tháp tùng ông đi thị sát các tỉnh Trung Bộ và Tây Nguyên bằng trực thăng. Đến Đà Nẵng, cấp ủy, chính quyền bố trí đoàn xe đưa ông về thăm quê tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi thắp nhang nhà thờ họ, ông rảo bước khắp làng quê. Gặp Bí thư Đảng ủy xã, ông gợi ý đảng ủy, chính quyền vận động bà con dời mấy ngàn ngôi mộ ở vùng đất cao, đưa dân ở vùng trũng về xây nhà, trường học, tạo môi trường sống tốt hơn. Những năm sau, tôi có dịp ghé lại Tịnh Long, rất phấn khởi khi thấy địa phương đã thực hiện gợi ý của ông, làm đường sá, xây nhà nơi khô ráo, trường học khang trang mang tên Trần Văn Trà.

Ngoài việc chỉ đạo hoạt động của Hội Cựu chiến binh Thành phố, ông tranh thủ về nhà làm việc với chúng tôi về nội dung hồi ký. Về cơ sở, thấy nhà cửa của nhiều cựu chiến binh dột nát, ông căn dặn gia đình tạo điều kiện giúp đỡ. Sau khi ông qua đời, gia đình đã xây dựng được 300 căn nhà tình nghĩa cho các cựu chiến binh khó khăn.

Có nhiều người lầm tưởng tôi và Võ Trần Nhã viết Tập 5 hồi ký *Những chặng đường lịch sử của B2 Thành đồng - Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* cho Thượng tướng Trần Văn Trà. Thực tế đúng như ông đã viết trong *Lời nói đầu* của Tập 5, phát hành năm 1982: “Đặc biệt Thượng tá Nguyễn Viết Tá và Đại úy Võ Trần Nhã đã bỏ nhiều công sức sưu tầm tư liệu, liên hệ các địa phương, đóng góp phần xứng đáng vào nội dung tập sách này”. Thượng tướng Trần Văn Trà là tác giả trực tiếp viết cuốn hồi ký.

Tập 5 cuốn hồi ký do Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh phát hành bị “trục trặc”, có một vài vị lãnh đạo, chỉ huy cao cấp phê phán, có ý kiến trái chiều (xin không nói tên), có chỉ thị thu hồi, nhưng đông đảo cựu chiến binh, cán bộ vẫn tìm mua hết. Một thời gian sau Nhà xuất bản Quân đội nhân dân tái bản Tập 5 và Tập 1, đồng thời đề nghị Thượng tướng Trần Văn Trà tổ chức biên tập tiếp các tập 2, 3, 4.

Do vậy, mãi đến cuối năm 1995, đầu năm 1996, kế hoạch triển khai thực hiện biên soạn hồi ký được Thượng tướng tái khởi động. Lúc này, bộ phận giúp việc khá “hùng hậu”, quy tụ các cán bộ quân đội, nhà sử học, nhà báo, nhà văn... cả già lẫn trẻ



gần chục người (Nguyễn Viết Tá, Nguyễn Ngọc Lân, Võ Trần Nhã, Trần Phấn Chấn, Trương Nguyên Tuệ, Hồ Sơn Đài, Hồ Sĩ Thành, Trần Tuấn Anh, Phan Gia Hoài...). Ai cũng cảm thấy hào hứng và vinh dự được phục vụ Thượng tướng tiếp tục thực hiện công trình có ý nghĩa này.

Khi triển khai thực hiện, Thượng tướng Trần Văn Trà đã tổ chức được 4-5 buổi tại nhà riêng để trao đổi với bộ phận phục vụ về đề cương bản thảo các tập, các chương còn lại. Trong những lần ấy, mỗi người chúng tôi đều mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ, quan điểm của mình sao cho hợp lý nhất.

Sau khi lắng nghe các ý kiến phát biểu của anh em, bao giờ ông cũng phân tích nhiều vấn đề, nhất là những ý đồ chiến lược mà chúng tôi còn ít hiểu biết. Anh em ai cũng cảm thấy hài lòng và hy vọng sẽ có được cuốn hồi ký hấp dẫn bạn đọc, có ý nghĩa. Và trong những lần “hội thảo” ấy, bao giờ cũng thấp thoáng hình bóng chị Thoa - phu nhân Thượng tướng, vui vẻ ra chào mọi người, tự tay chuẩn bị trà nước, bánh kẹo, trái cây mời anh em dùng lúc giải lao rồi nhẹ nhàng “lui về tuyến sau” để mọi người thoải mái tranh luận.

Công trình hồi ký của Thượng tướng Trần Văn Trà được anh em xúc tiến một cách khẩn trương. Theo kế hoạch, chậm nhất là cuối năm 1996 sẽ có được bản thảo Tập 2 để đưa nhà xuất bản xin giấy phép xuất bản. Các tập còn lại hy vọng sẽ ra mắt trong hai năm 1997 và 1998.

Đầu tháng 4/1996, được sự cho phép của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Thượng tướng lên đường sang Singapore kiểm tra sức khỏe về tim mạch và tiếp tục vận động xây dựng một bệnh viện (mục tiêu chính) chữa trị tim mạch cho cựu chiến binh, diện chính sách và nhân dân. Trước khi lên đường, ông vui vẻ hẹn chúng tôi “hai tuần nữa chúng ta tiếp tục làm việc”. Chúng tôi cũng mong chờ những buổi làm việc tiếp theo.

Thật bất ngờ, sáng ngày 20/4/1996, Thượng tướng Trần Văn Trà mãi mãi đi xa, nhưng sự nghiệp, tấm lòng, đạo đức trong sáng của ông sống mãi cùng non sông đất nước như phần mở đầu cuốn hồi ký ông đã trải lòng mình: “...*Mỗi sự nghiệp của một con người đều là sự nghiệp của tất cả. Anh có làm được việc gì thì đó là nhờ nhân dân giúp rập mà nên. Ăn trái phải nhớ kẻ trồng cây. Khi về thành chớ bao giờ quên bưng biền rừng núi. Nhờ dân mà anh đã hoàn thành nhiệm vụ, nay làm nhiệm vụ trước hết phải vì dân. Nhờ bạn bè mà anh xây thành sự nghiệp. Nay có sự nghiệp chớ nên quên lãng bạn bè. Đức Việt Nam là tình là nghĩa, là đạo xử thế thủy chung giữa con người với con người. Mắt ta phải trong mà lòng ta phải sáng, đó là quý nhất của một đời người...*”.

**Đại tá Nguyễn Viết Tá**

## VỀ TẬP 2 CHỐNG MỸ Ở B2

*Làm việc với bộ phận phục vụ viết hồi ký chuẩn bị cho Tập 2 - Bản ghi lại từ băng ghi âm buổi làm việc, do đồng chí Phan Gia Hoài, hiện nay là Thư ký Tòa soạn Báo Cựu chiến binh Thành phố, rà băng và ghi chép lại*

Mãi đến năm 1959 mới có Nghị quyết Trung ương 15 là chậm. Chung quanh Nghị quyết Trung ương 15 chậm, viết thế nào thì tùy. Tư tưởng lãnh đạo của ta là bằng mọi cách tránh chiến tranh, đấu tranh bằng hòa bình và chính trị thì tốt hơn nhiều. Đây là cái gốc, còn Nghị quyết chậm là đành rồi. Sau khi Mỹ - ngụy khủng bố, tàn sát dữ dội, kéo máy chém đi khắp nơi, tình hình cấp bách lắm, không có hành động thì cách mạng miền Nam sẽ bị tiêu diệt. Tinh thần của Nghị quyết Trung ương 15 vẫn là đấu tranh chính trị là chính, đấu tranh quân sự hỗ trợ, nổi dậy từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa vũ trang.

Cần nhắc lại từ năm 1954 đến năm 1959, chủ trương là đấu tranh hòa bình, đòi thi hành Hiệp định. Vì sao vậy? Tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ, của Trung ương là tìm mọi cách đấu tranh chính trị hòa bình, tránh xảy ra đấu tranh vũ trang, càng tránh được chiến tranh chừng nào càng tốt, theo dõi tình hình từng lúc để có chủ trương sát đúng, thận trọng, luôn luôn đấu tranh bằng ngoại giao và chính trị.

Từ năm 1957, Mỹ - ngụy đã phá bỏ Hiệp định nhưng ta vẫn đòi thi hành Hiệp định cho đến năm 1959. Đáng lý từ năm 1957 khi dịch bỏ Hiệp định thì ta phải có đường lối mới ngay vì không còn hòa bình nữa. Trong này, một số cán bộ, trong đó có anh Xuyên (Nguyễn Hữu Xuyên) đã đề nghị với anh Duẩn và Trung ương Cục cho vũ trang, cho tấn công giành chính quyền vì đồn bót địch đã chưa sửa lại được bao nhiêu, còn ta thì nắm được rất nhiều, nhiều đơn vị địch đều có người của ta, cho rằng lật đổ chính quyền Diệm chắc chắn thành công. Nhưng Xứ ủy không cho, nay anh Xuyên còn nhắc anh Linh còn nói: Các anh không được manh động, đây là vấn đề lớn phải có chủ trương của Trung ương. Lúc đó, giành chính quyền có thể thành công nhưng còn Mỹ sẽ làm gì thì không biết. Rất nhiều kiến nghị cho hoạt động vũ trang.

Ở miền Nam, trong tình hình như thế, khắp nơi nghe Nghị quyết Trung ương 15 cho vũ trang nên nổi dậy đồng khởi. Đồng khởi không phải do chỉ thị mà do khắp nơi ở miền Nam tiến hành. Nghị quyết Trung ương 15 phù hợp trong giai đoạn đầu, nhưng khi địch tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” thì Nghị quyết Trung ương 15 không phù hợp nữa. Tuy nhiên, muốn có đường lối mới phải có thời gian cân nhắc, vì chủ trương chiến tranh không thể dễ dàng đề ra sớm. Những vấn đề cụ thể của tình hình chưa bộc lộ ra hết, có phán đoán nhưng vẫn phải có thời gian mới hình thành được đường lối cụ thể, phải cân nhắc kỹ để giành thắng lợi. Cho nên những năm 1961-1962, địch tung hoành nhưng ta vẫn phải cân nhắc, chưa thể đề ra đường lối mới.

Vào giữa năm 1961, sau khi qua miền Nam thị sát, Johnson đề nghị đưa các đơn vị, phương tiện chiến tranh của Mỹ đến miền Nam. Trục thăng bắt đầu hoạt động mạnh từ cuối năm 1961, hoành hành dữ vào năm 1962 (nên lấy một số sự kiện trục thăng và xe lội nước trong thời kỳ đó hoạt động rất mạnh). Ta chưa biết đối phó ra sao, còn rất ngỡ ngàng trong việc đối phó. Sau Đồng khởi, ta có từng trung đội, đại đội, một số nơi đã có tiểu đoàn, miền Đông cũng đã có vài tiểu đoàn dựa danh giáo phái. Miền Trung cũng đã có tiểu đoàn đánh địch ở Kiến Phong. Ở miền Tây, cũng có hai, ba tiểu đoàn. Tiểu đoàn chưa có nhiều, nhưng du kích phát triển lên thành trung đội, đại đội ở khắp mọi nơi. Nhưng các đơn vị bị trục thăng, xe lội nước của địch uy hiếp dữ lắm. Có đơn vị đang hành quân ngoài đồng trống gặp trục thăng bỏ chạy bị trục thăng bắn hy sinh khá nhiều (cần nêu một vài trận đánh tiêu biểu). Ở miền Nam, cuối năm 1962 đầu năm 1963, có chủ trương vận động anh em bắn trục thăng. Hồi đó, có súng K.44 (bá đồ) gửi vào, súng này rất mạnh, bắn được cả trục thăng và xe lội nước. Từng người có thể bắn loại đó. Còn từ trung liên trở lên có thể bắn được. Tuy vậy, cả năm 1961 và 1962 ta còn rất khó khăn. Thấy trục thăng từng chiếc một rất sợ không dám bắn. Từng người dân, từng cán bộ đi ngoài đồng trống bị trục thăng hạ bắt đi. Nông dân làm ngoài đồng dù chỉ có một người, địch cũng hạ trục thăng xuống, hỏi căn cước, giấy tờ. Có chuyện mấy bà đi chợ về bị địch bắt lên trục thăng chở về thành phố, điều tra không có gì lại thả, do đó có người muốn đi Sài Gòn nên để cho trục thăng hạ, bắt đem về Sài Gòn... Nêu một số sự kiện nói lên trục thăng địch uy hiếp tinh thần cán bộ và nhân dân rất nhiều.

Năm 1962, ngoài miền Bắc cũng nghiên cứu phá ấp chiến lược. Trong miền Nam có nơi báo cáo ra, ấp chiến lược cũng giống ấp tân sinh, khu trù mật không có gì lạ. Ngoài miền Bắc có tư liệu nhiều hơn, nghiên cứu thấy ấp chiến lược rất nguy hiểm, địch đã gom 7 triệu dân đồng bằng vào ấp chiến lược, không thể coi thường, ngay từ đầu phải nghiên cứu cách phá. Tôi đã nghiên cứu, viết chỉ thị về phá ấp chiến lược khá dài đưa qua Bộ Chính trị thông qua, điện vào cho Trung ương Cục.

Lãnh đạo của ta cũng nhảy bén trước những âm mưu, biện pháp, thủ đoạn chiến tranh mới của địch.

Lúc đó, tôi còn ở ngoài miền Bắc, nói anh em nghiên cứu cách đối phó với trực thăng và xe lội nước. Bộ Tổng Tham mưu nghiên cứu kỹ tính năng, tác dụng của trực thăng của Mỹ và cách đối phó, trực thăng yếu ở đâu, bắn như thế nào, còn thiết giáp dùng súng gì bắn hạ được, nhất là xe lội nước của Mỹ, để gửi tài liệu, vũ khí vào miền Nam. Tôi còn nhớ trong cuộc diễn tập tấn công do tôi điều khiển, tôi có mời anh Ba Duẩn đi xem. Anh Duẩn đứng trên xe thiết giáp để quan sát diễn tập. Tôi chỉ cho anh thấy vũ khí bộ đội đang vác rất nhẹ nhàng như cái gậy, đó là khẩu súng B.40, chưa cho phép sử dụng ở miền Nam. Một người sử dụng B.40 có thể diệt được xe tăng, tôi đề nghị anh Ba cho đưa vào miền Nam. Anh Ba nói: “Được, để suy nghĩ”. Hồi đó còn bí mật lắm, các loại súng thường phải cạo số hiệu mới được đưa vào miền Nam. Sau đó, tôi chỉ đạo quân giới nghiên cứu sản xuất loại súng đó. Anh em sản xuất được, đặt tên là CT62, trái đạn lớn hơn đạn B.40 của bạn viện trợ. Ta không có thuốc nên phải lấy ruột của B.40 nhồi vào, đi bắn thử hiệu quả vào lô cốt còn lại của Pháp ở Sơn Tây. Tôi mời cả tùy viên quân sự Liên Xô, tùy viên quân sự Trung Quốc đến xem, cốt để xin thuốc tự sản xuất. Họ hứa này khác nhưng rồi cuộc không cho. CT62 gửi vào miền Nam. CT62 sản xuất không được bao nhiêu vì không có thuốc. CT62 được sử dụng đầu tiên ở Rừng Sác để bắn tàu địch. Đó là quá trình nghiên cứu, sản xuất vũ khí đối phó với xe tăng và xe lội nước.

Trước khi đi vào Chương I, Tập 2 và Nghị quyết Trung ương 9, cần nhắc lại tình hình miền Nam và Nghị quyết Trung ương 15. Nghị quyết Trung ương 9 được ban hành từ đầu năm 1963, nhưng đến cuối năm mới quán triệt đến miền Nam. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết Trung ương 9 là đấu tranh quân sự và chính trị song song tất yếu đi đến tổng công kích và tổng khởi nghĩa (năm 1961, đã có chỉ thị của Trung ương đưa đấu tranh quân sự lên ngang hàng đấu tranh chính trị). Nghị quyết Trung ương 9 rõ ràng là đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị song song tiến lên tổng công kích và tổng khởi nghĩa.

Giữa năm 1963, sau bốn ngày đêm lênh đênh ngoài biển, tôi vào đến miền Nam.

Cuối năm 1963, anh Linh từ miền Bắc đã về miền Nam tổ chức hội nghị phổ biến Nghị quyết Trung ương 9. Đây là thời kỳ chuyển giữa hai đường lối của Đảng, và cũng không phải dễ dàng mà chuyển được. Vì trong suy nghĩ của mỗi người đều định ninh sức mạnh của quần chúng có thể đi đến khởi nghĩa vũ trang, vẫn suy nghĩ theo Nghị quyết Trung ương 15, dù đã có nghị quyết mới rồi. Việc thảo luận Nghị quyết này ở Trung ương Cục kéo dài đến hai tháng trời. Nghị quyết được quán triệt cho đến các địa phương, các đảng bộ.

Triển khai nghị quyết có hai vấn đề: Xúc tiến mạnh xây dựng lực lượng tập trung và đánh phá ấp chiến lược (vì vậy phải có một chương nói về đánh phá ấp chiến lược của Mỹ - ngụy). Đây là biện pháp của ta, có giá trị lớn về chiến lược. Mỗi khu đều có điểm đột phá, điển hình như ở miền Đông Nam Bộ phá ấp chiến lược Bến Tượng bằng cả quân sự, chính trị và sức mạnh của nhân dân. Phong trào phá ấp chiến lược được phát động khắp nơi.

Đi đôi với phá ấp chiến lược, có phong trào bắn hạ trực thăng. Các nơi đều nghiên cứu cách vừa đánh được xe lội nước vừa chống được trực thăng, không để trực thăng, xe lội nước làm cho bộ đội và nhân dân ta hy sinh. Riêng ở Khu 8, ta nghiên cứu đưa bộ đội trụ lại ở đồng trống chống lại trực thăng và xe lội nước. Hành quân ban đêm, không được di chuyển ban ngày, phải tìm cách trụ lại (nhiều đơn vị hành quân ban ngày bị đánh, chạy ngoài đồng trống bị thương vong). Tiểu đoàn 261 có một đại đội giành thắng lợi nhờ thực hiện phương châm “Tấn công bức rút, bức hàng, trụ lại chống càn, giải phóng nông thôn” (do vậy, Chương 5 phải nói về chiến thắng Ấp Bắc). Chiến thắng Ấp Bắc là một thực tiễn để Trung ương nghiên cứu ban hành Nghị quyết Trung ương 9. Sau thắng lợi Ấp Bắc, anh Ba Duẩn và Bộ Chính trị xác định có thể đánh bại được chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của địch. Anh Ba Duẩn nói: “Sau Ấp Bắc địch thấy không thể thắng ta”. Vì trước đó có ý kiến cho rằng tiến hành chiến tranh cách mạng có thắng được không. Lúc đó có ông bạn khuyên ta đừng đánh Mỹ. Ta phát động chiến tranh cách mạng phải cân nhắc. Chiến thắng Ấp Bắc có vai trò trên nhiều mặt: Về chiến lược cho phép ta nhận định thực hiện chiến tranh cách mạng có thể thắng được chiến tranh xâm lược dù địch dùng bất cứ hình thức gì. Về chiến thuật như trên đã nói rõ.

Tôi dự Hội nghị Trung ương Cục triệu tập quán triệt Nghị quyết Trung ương 9 của Trung ương. Trong hội nghị mọi người còn đang “thích thú” với đường lối trước là giành thắng lợi bằng tổng khởi nghĩa. Vì vậy, khi quán triệt Nghị quyết Trung ương 9, còn có người nghĩ rằng chỉ cần tiến tới khởi nghĩa vũ trang, không cần chiến tranh cách mạng.

Phổ biến Nghị quyết Trung ương 9 rồi hai luồng tư tưởng vẫn chưa hết.

Triển khai Nghị quyết Trung ương 9 có nhiều mặt, có mặt về quân sự: xây dựng lực lượng. Do vậy, tách Chương 2 và Chương 3 rất khó. Chương 2 nói về Đường 559 và đường biển 759, Chương 4 là xây dựng lực lượng. Nội dung các chương liên quan nhau nhiều, viết nên chia như thế nào cho thuận lợi hơn.

Vừa dự Hội nghị Trung ương Cục, tôi đã có ý thức triển khai ngay mấy vấn đề. Tôi có hỏi anh Quang về vũ khí, anh nói vũ khí đưa vào để ở Bến Tre, phát cho



bộ đội địa phương, du kích rồi, không đưa vũ khí lên để bổ sung cho chủ lực... Như vậy là chiến tranh du kích và nổi dậy của quần chúng tiến lên tổng khởi nghĩa vẫn theo đường lối của Nghị quyết Trung ương 15. Tôi thấy phải chuyển ngay vũ khí lên bổ sung cho chủ lực và tăng cường chủ lực để hoạt động.

Đáng lẽ tôi vào miền Nam sớm, nhưng bị bệnh phổi, các anh nói phổi như thế vào trong đó chắc chắn là không được nên không cho đi. Ở lại ngoài đó, tôi được giao phụ trách theo dõi tình hình miền Nam. Vẫn là Tổng Tham mưu phó, đặc biệt lo tất cả mọi thứ cho chiến trường miền Nam. Tôi chủ động đề nghị cho cán bộ tập kết trở về, được chấp thuận và tổ chức các đoàn về Nam. Mỗi đoàn đều nhằm phục vụ cho thời kỳ nhất định, thời kỳ đầu cần cán bộ huấn luyện, tiếp theo mới là cán bộ chiến đấu, tiếp theo nữa là cán bộ các cấp. Năm 1961, tổ chức Đoàn Phương Đông có anh Trần Văn Quang, chủ yếu là bố trí cán bộ từ Trung ương Cục đến khu, tỉnh. Cán bộ biết chiến tranh du kích và cả chiến tranh chính quy, không chỉ hiểu một mặt. Do đó phải chọn lựa cho phù hợp. Bộ binh, pháo binh, hậu cần đều có chuẩn bị cán bộ. Tôi nghĩ dù đang là chiến tranh du kích nhưng chiến tranh không nằm một chỗ mà sẽ phát triển, phải chuẩn bị như thế nào, chuẩn bị mọi mặt, nhất là con người, cán bộ. Thứ hai là chuẩn bị gửi vũ khí vào, vì chiến trường xa, vấn đề vận chuyển vũ khí rất khó. Cho nên mới tổ chức Đường 559, Đường 559 không đủ phải tổ chức Đoàn 759 chuyển bằng đường biển. Năm 1962, chuyến đầu tiên anh Bông Văn Dĩa về Rạch Gốc, Cà Mau, chở 22 tấn vũ khí. Đó là chuyến thử đầu tiên thuận lợi, sau tiếp tục gửi tiếp. Tôi cho chọn vũ khí thành 3 loại, loại vũ khí cho du kích rộng rãi, cả súng trường, lựu đạn; loại thứ hai lớn một chút cho bộ đội địa phương như trung liên, đại liên, cối; loại nữa cho chủ lực có cả sơn pháo 75mm, bộ binh pháo 70mm, thuốc nổ và đặc biệt là đài thông tin 15W, nghiên cứu cả bộ đàm nhỏ để lần lượt gửi về. Năm 1962, nhận được điện trong Nam ra là chỉ cần vũ khí cho phát triển du kích rộng rãi, không cần vũ khí lớn, vì đưa vũ khí lớn chưa cần, phải mất người, lo chỗ bảo vệ, khó khăn lắm; đài thông tin 15W cũng chưa cần. Tôi xin ý kiến các anh và trả lời cho trong Nam rằng đấu tranh vũ trang sẽ phát triển, tới thời kỳ nào cần thì lại không có, gửi trước vào là một biện pháp rất cần thiết, cứ giữ sẽ có lúc cần. Tôi vẫn tiếp tục gửi vào cả 3 loại vũ khí. Đến năm 1963, đi được nhiều chuyến, không có chuyến nào mất.

Nói như thế để thấy có sự khác nhau về tư tưởng, đường lối chiến tranh. Nếu không có sự chuẩn bị trước như thế làm sao mà xây dựng chủ lực nhanh được. Vì vậy, trong tổng kết chiến tranh đặt vấn đề xây dựng chủ lực có chậm hay không. Nếu nói chậm cũng được, nói nhanh cũng được. Đáng lý đã có khung cấp



trung đoàn từ miền Bắc đưa vào từ năm 1961-1962 nhưng vẫn còn khập khiễng, năm 1963 còn có ý kiến chế giễu chủ lực. Tới năm 1964 mới xây dựng chủ lực, đây là trễ. Nhưng là nhanh nhờ có lò đào tạo cán bộ ở miền Bắc, anh em tập kết ra miền Bắc được rèn luyện trong các trường chính quy, được đưa ra nước ngoài học, được rèn luyện trong các cuộc diễn tập, quân sự được vững vàng. Nếu không có cán bộ từ cấp trung đoàn, sư đoàn ở miền Bắc điều vào thì không thể tác chiến lớn sớm.

Khi vào, động tác đầu tiên, tôi tổ chức cho lấy vũ khí. Chỉ định anh Lâm Quốc Đăng và anh Ngân xuống Hắc Dịch xây căn cứ, chuyển vũ khí từ Bến Tre lên Rừng Sác, qua Hắc Dịch, Bà Rịa, từ Bà Rịa đưa lên Chiến khu Đ, Khu B (Tây Ninh). Đưa lên Tây Ninh chỉ được một ít thôi, chỉ có bộ binh pháo, cối nhẹ. Vũ khí nặng càng khó, chỉ đưa lên Chiến khu Đ (sơn pháo).

Củng cố chủ lực bằng cách chủ yếu lấy quân từ đồng bằng lên bổ sung cho các đơn vị chủ lực và tiếp tục xây dựng các đơn vị mới. Lấy quân lên cũng là cả vấn đề rắc rối. Nhiều người nói tiến hành chiến tranh du kích và nổi dậy đi đến khởi nghĩa vũ trang, vậy anh đưa quân lên xây dựng chủ lực để làm gì? Xây dựng chủ lực có ích lợi gì? Câu điển hình của anh Hai Xô: Ta đang làm cách mạng, chỗ nào có nhân dân là ở đó có cách mạng. Thanh niên ở đồng bằng sông Cửu Long nơi có dân đang làm cách mạng, tại sao lại đưa lên rừng núi chỉ có cây và đá, có gì đâu mà làm cách mạng? Tôi nhớ mãi lời của anh Xô như thế. Cho nên vận động Trung ương Cục đồng ý lấy quân lên bổ sung, xây dựng chủ lực được bàn đi bàn lại nhiều lần. Cuối cùng, anh Linh đồng ý, chỉ thị cho các quân khu lấy thanh niên đưa lên, khi thanh niên lên vác theo luôn súng đạn.

Vấn đề triển khai chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào năm 1964 đặt ở chương nào cho thích hợp? Vì sao lại chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa năm 1964? Căn cứ đường lối của Nghị quyết Trung ương 9 là tấn công quân sự, chính trị, tấn công và nổi dậy, tất yếu tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Tổng khởi nghĩa là ở đô thị, nơi đặt cơ quan đầu não của địch là chính, không phải ở đồng bằng là chính. Ở chiến trường B2, đô thị quan trọng nhất là Sài Gòn. Ở Sài Gòn, quân Mỹ đã vào, lực lượng địch rất mạnh, cả thành phố lớn kiến trúc công sự rất kiên cố. Tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở đây đặt ra một câu hỏi cho người chỉ huy ở chiến trường phải làm gì khi thời cơ đến. Nếu để thời cơ đến mới ào xuống thì không được. Phải chuẩn bị lực lượng mới hành động được. Không phải đánh nông thôn trước rồi mới đến thành thị sau, cũng không phải theo tuyến mà đánh theo kiểu tổng khởi nghĩa, cho nên phải nhắm vào các

đô thị. Ở B2, không thể đi xe bò mà giành chính quyền được. Chuẩn bị đặc công, biệt động, năm sáu tiểu đoàn mũi nhọn. Lấy người, thanh niên từ các vùng ven ra xây dựng thành các tiểu đoàn, huấn luyện cách đánh đô thị và vùng ven. Tổ chức, huấn luyện rồi đưa về địa bàn đứng chân để thực hiện tổng khởi nghĩa. Chuẩn bị là nghiên cứu cả một kế hoạch lớn, mục tiêu nào sẽ đánh, mục tiêu nào phải chiếm. Như mục tiêu số 1, số 2, số 3..., bố trí tình báo, trinh sát liên tục bám sát. Đặc công cũng huấn luyện cách đánh nhỏ, đánh vừa các mục tiêu đó.

Cuối 1965, anh Nguyễn Chí Thanh ra Hà Nội. Cuối năm 1966, tôi ra, bàn với anh Thanh qua xin ý kiến Bộ Chính trị ta đã chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa năm 1964-1965, nay địch đã tiến hành “Chiến tranh cục bộ”, ta có còn tổng công kích, tổng khởi nghĩa được không, đề nghị Bộ Chính trị thảo luận trong lúc anh Thanh và tôi còn ngoài này. Anh Thanh đồng ý sẽ đề nghị Bộ Chính trị. Sau đó anh trả lời rằng, Bộ Chính trị nói cứ lo đánh Mỹ, chưa bàn ngay chuyện đó. Do không có cuộc họp bàn, nên vẫn chuẩn bị nhưng không có kế hoạch. Lực lượng không rút đi cũng không phát triển. Phải nói vấn đề này, vì thực ra khi tổng công kích, tổng khởi nghĩa năm 1968 ở chiến trường chỉ biết trước có 3 tháng, có thể không đầy 3 tháng. Tháng 10 mới có nghị quyết về tổng công kích, tổng khởi nghĩa Tết Mậu Thân 1968. Nếu chỉ có 3 tháng chuẩn bị thì không thể kịp, nhưng nhờ đã chuẩn bị từ năm 1964-1965 mới có lực lượng đặc công, các tiểu đoàn mũi nhọn. Nếu không có bước chuẩn bị sẵn như thế thì làm sao triển khai được (cần viết kỹ công tác chuẩn bị, đến năm 1968 chỉ nhắc qua).

Đấu tranh giữa hai luồng tư tưởng khởi nghĩa hay chiến tranh? Tiến lên khởi nghĩa hay là làm chiến tranh? Không phân biệt rõ. Tính từ năm 1961 đã là chiến tranh rồi, không còn khởi nghĩa nữa nhưng vẫn lo khởi nghĩa nên không tính việc xây dựng lực lượng. Chiến tranh xảy ra từ năm 1961 mà đến năm 1964 mới xây dựng lực lượng. Cho nên Tập 2 đặt là “Hòa bình hay chiến tranh” là đúng. Nhưng vì Tập 1 đã là đề tên “Hòa bình hay chiến tranh”, Tập 2 lấy tên là “Khởi nghĩa hay chiến tranh” thì lặp lại hai chữ chiến tranh, vậy nên thay thế nào cho khởi trùng. Nội dung Tập 2 viết về thời kỳ chiến tranh rõ ràng rồi, cứ bám khởi nghĩa đi lên là không được. Đến “Chiến tranh cục bộ” rồi vẫn còn mang tư tưởng này, kéo dài đến năm 1967 mới hết.

Chương 2 cũng có thể đề tên “Khởi nghĩa vũ trang đến chiến tranh cách mạng”. Địch từ “Phản ứng linh hoạt” đến “Chiến tranh đặc biệt”, còn ta thì từ khởi nghĩa vũ trang đến chiến tranh cách mạng. Có một chương về địch, một chương về ta nêu được chiến lược của đôi bên trong thời kỳ ấy.

Chương 3 nói về việc quân tập kết trở về cũng không được. Tập 1 tôi đã viết về đoàn đầu tiên do Tư Chương phụ trách về Nam rồi, nay nên đề là Xây dựng lực lượng, trong đó đặc biệt nhấn mạnh là xây dựng chủ lực, nói lên xây dựng chậm hay mau. Chương 4: “Đường Hồ Chí Minh trên biển” để như thế cũng rõ. Hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến lớn phải có các tuyến đường chiến lược, thứ nhất là tuyến Đường 559, nhưng Đường 559 có nhiều khó khăn nên phải nghĩ đến đường biển. Hai đường chiến lược song song có tác dụng rất lớn. Nói nhiều về đường biển, Đường 559 nói ít thôi (trong thời kỳ này).

Chương 5 không để tên “Một năm hai sự kiện” mà nói do thắng lợi của ta sau Ấp Bắc làm cho nội bộ địch xáo xáo ra sao. Không thể chỉ nói chiến thắng Ấp Bắc mà sau Ấp Bắc có phong trào thi đua giành thêm nhiều thắng lợi mới, ảnh hưởng đến nội bộ địch. Cuối năm, Diệm bị lật đổ, sau khi Diệm đổ là khủng hoảng liên tục về chính trị của ngụy. Phần cuối nói về chiến dịch Bình Giã, chiến thắng Ba Gia, Đồng Xoài. Bình Giã đánh địch ngoài trời, Ba Gia cũng đánh địch ngoài trời cũng tiêu diệt địch khá, đến Đồng Xoài. Chương 4 nói về vai trò chủ lực không cũng không phải, phải nói đầy đủ ba mũi giáp công, ba thứ quân của chiến tranh nhân dân trong từng trận đánh, từng chiến dịch.

Chương 6 để tên là “Bình Giã” cũng được hoặc “Những đòn của chủ lực”. Như cuộc đảo chính Diệm, ta muốn chớp thời cơ nhưng không có lực lượng thì cũng chỉ là ảo vọng về chính trị. Ngay sau này, năm 1968, lực lượng quân sự của địch như thế, tương quan lực lượng như thế mà muốn giành chính quyền triệt để cũng là viễn vông.

Cũng có thể để Chương 7 với nội dung về những chiến thắng của ta. Mỹ thấy không thể tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” để giữ chính quyền ngụy, chính quyền ngụy có thể bị đập nát vì lực lượng quân sự là chỗ dựa duy nhất của chúng bị ta tiêu diệt mỗi lần mấy tiểu đoàn. Do đó Mỹ phải chuẩn bị chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”. Muốn chuẩn bị cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ” có sự kiện Vịnh Bắc Bộ để lấy cớ và cũng là chiến lược của Mỹ, chỉ đánh miền Nam là không được, phải đánh ra miền Bắc. Mc Namara viết hồi ký cũng thắc mắc sự kiện này, hỏi anh Giáp rằng lần thứ hai ta có đánh tàu Mađốc không. Anh Giáp nói không có. Mc Namara nói, ông ta cũng nghĩ như thế. Sự kiện thứ hai là giả tạo để đưa quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Như vậy, xác định lại Tập 2 có để tên “Khởi nghĩa hay chiến tranh”, hay thay hai chữ “chiến tranh”, vì Tập 1 đã là “Hòa bình hay chiến tranh” rồi.

Về Chương 2 không nên để là “Ấp chiến lược” vì địch sử dụng cả biện pháp tấn công quân sự phối hợp xây ấp chiến lược. Mỹ thực hiện quân sự, hỏa lực mạnh và cơ động, vì thế mới dùng trực thăng và thiết giáp, một mặt, dùng lực lượng quân sự mạnh để đập tan lực lượng quân sự của ta, một mặt xây ấp chiến lược để nhốt dân, chia cắt giữa dân với lực lượng cách mạng. Về phá ấp chiến lược, năm 1962, có chỉ thị của Bộ Chính trị, năm 1961, có điện vào Nam, hướng dẫn nâng quân sự lên ngang hàng đấu tranh chính trị, quân sự chính trị song song, không còn là chính trị là chính nữa. Năm 1962, có chỉ thị về phá ấp chiến lược tương đối dài, nếu lược được thì hay quá.

## CHƯƠNG 1

# PHẢN ỨNG LINH HOẠT

*(Bản đánh máy đã hoàn chỉnh xong chương đầu tiên của Tập 2)*

Đứng trước tình hình sôi sục đấu tranh chính trị vũ trang của nhân dân miền Nam những năm 1959-1960, chính quyền Mỹ không chịu hiểu đây là cao trào cách mạng của quần chúng nhân dân quyết giành sự sống, quyết bảo vệ quyền làm chủ non sông đất nước mình mà cố tình gán cho phong trào cái nhãn hiệu “bị cộng sản xúi giục làm loạn”. Thời kỳ ấy những người cầm đầu Nhà Trắng như có một tinh thần hoảng loạn, nhìn đâu cũng thấy “bóng ma cộng sản”, không còn nhận thức được thực tế tình hình hoặc tưởng có thể bảo vệ được thế giới tư bản với cái quyền tự do bóc lột các dân tộc khác bằng cách chống cộng sản và chống cả những phong trào giải phóng dân tộc. Vì vậy mà Mỹ cố rèn nanh giữa vuốt, tự nguyện làm tên sen đầm quốc tế. Để làm tên sen đầm quốc tế mà mục đích là làm bá chủ hoàn cầu, để quốc Mỹ trước đây đề ra chiến lược “Giáng trả ồ ạt” có nghĩa là dùng vũ khí hạt nhân mà lúc ấy chỉ riêng Mỹ có, để lập tức tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa, hoặc bất kỳ nước nào, dân tộc nào dám không phục tùng Mỹ. Mỹ đã từng cho nổ bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki ở Nhật, giết hại hàng loạt người Nhật vô tội để thử hiệu quả vũ khí lợi hại của mình và đã có ý định sử dụng vũ khí hạt nhân giúp Pháp ở Điện Biên Phủ nhưng không thực hiện được. Nay muốn đánh vào nhân dân bằng vũ khí với chiến lược “Giáng trả ồ ạt” thì không được nữa rồi vì ngày 12/8/1953, Liên Xô đã cho nổ quả bom khinh khí đầu tiên của mình và ngày 04/10/1957, lại phóng vệ tinh Spunik I, có nghĩa là Liên Xô đã có tên lửa mạnh có khả năng mang đầu đạn hạt nhân đi xa và trúng đích. Nước Mỹ không còn an toàn ngoài tầm bắn của các loại vũ khí của đối phương như trong Chiến tranh thế giới thứ hai nữa rồi. Độc quyền vũ khí hạt nhân của Mỹ không còn nữa, thì nguy cơ Mỹ bị đánh trả bằng hạt nhân không thể tránh khỏi, và nước Mỹ cũng có thể sẽ bị tiêu diệt như bất cứ nước nào mà Mỹ muốn tiêu diệt bằng hạt nhân. Chiến lược “giáng trả ồ ạt” vì vậy bị phá sản. Nhưng phong trào giành độc lập dân tộc và tự do trên thế giới đang lan rộng, ngày càng thu hẹp các thuộc địa của phe đế quốc tư bản. Muốn làm

tên sen đầm quốc tế, Lầu Năm Góc và Nhà Trắng cố nặn óc nghĩ ra một chiến lược mới phù hợp hơn với tương quan lực lượng trên thế giới hiện nay. Đó là chiến lược “Phản ứng linh hoạt”, một chiến lược toàn cầu hết sức phản động của những tên thực dân vẫn còn tưởng mình là vô địch bất cứ trong tình hình nào. Chiến lược “Phản ứng linh hoạt” nhằm sử dụng ba loại chiến tranh một cách linh hoạt tùy theo tình hình can thiệp ở từng nơi. Loại chiến tranh thứ nhất gọi là “Chiến tranh đặc biệt”, có nghĩa là dùng đôla và vũ khí của Mỹ cộng với xương máu của người bản xứ để làm chiến tranh thôn tính xứ ấy. Trong hoàn cảnh này, phải có một chính quyền tay sai và một đội quân tay sai mạnh được lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ của Mỹ qua đội quân cố vấn đông đảo. Biện pháp cụ thể là dùng quân sự tàn bạo kết hợp với chiến tranh tâm lý, mị dân và lừa bịp, tình báo và cảnh sát. Nếu vì lẽ gì mà chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” không thể đem lại thắng lợi cho Mỹ thì mới dùng đến chiến lược “Chiến tranh cục bộ” tức là phải sử dụng đội quân nhà nghề được trang bị mạnh của Mỹ, kết hợp với tay sai tại chỗ để thắng ở một khu vực nhất định của thế giới. Cuối cùng nếu chiến lược “Chiến tranh cục bộ” cũng bị thất bại, không đạt mục tiêu đế quốc thì phải dùng đến loại chiến tranh thứ ba là loại chiến tranh tổng lực không hạn chế. Mỹ nghĩ rằng với ba loại chiến tranh như vậy Mỹ nhất định sẽ thắng bất cứ gặp trường hợp nào, ở bất cứ nơi nào trên quả đất này. Chiến lược mới được đề ra thì Mỹ đem áp dụng ngay vào miền Nam Việt Nam - Mỹ quyết tâm chiếm cho được miền Nam Việt Nam để làm đầu cầu chiến lược trên đất liền châu Á chống lại phe xã hội chủ nghĩa, chặn đứng phong trào giành độc lập dân tộc đang lan tràn khắp nơi nhất là ở Đông Nam Á. Nhưng nhân dân miền Nam cũng quyết tâm còn cao hơn Mỹ, thà chết chứ không chịu làm nô lệ một lần nữa mà biểu hiện rõ nhất là phong trào Đồng khởi năm 1959-1960. Mỹ chưa đánh giá được hết quyết tâm này của nhân dân miền Nam Việt Nam, của nhân dân cả nước Việt Nam và của cả bán đảo Đông Dương. Mỹ cũng chưa lường hết sức mạnh vĩ đại của nhân dân một khi đã nổi dậy dưới sự lãnh đạo vững chắc và sáng suốt của một đảng tiên phong cách mạng vì một mục đích: Tự do, độc lập và hạnh phúc của nhân dân mình. Vì vậy mà Mỹ đã quyết định thử nghiệm chiến lược “Phản ứng linh hoạt” ở miền Nam Việt Nam mà mở đầu là tiến hành chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

Trước hết, theo chỉ thị của Kennedy, một ủy ban đặc trách về tình hình Việt Nam do R.L. Gilpatric - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ cầm đầu, ngày 27/4/1961 đã báo cáo và đề nghị lên Tổng thống một loạt các hành động cần thiết với ý nghĩa: Dù muốn ra sao thì ra, Mỹ nhất định đánh thắng trận này. Ngày 09/5/1961, Phó Tổng thống Mỹ L.B. Johnson được phái sang miền Nam Việt Nam thị sát tình hình tại chỗ để có đề nghị về Washington. Ngày 23/5/1961, trong bức giác thư “Chuyến đi thăm Đông Nam Á, Ấn Độ và Pakistan” của ông gửi Tổng thống Kennedy, Johnson đã thúc đẩy



Tổng thống nhanh chóng tích cực can thiệp vào Việt Nam với quan điểm: Quyết định cơ bản tại Đông Nam Á là ở chỗ này. Chúng ta phải quyết định hoặc là phải mang hết khả năng chúng ta giúp đỡ các nước này hoặc chúng ta vút găng, bỏ cuộc tại khu vực này và rút phòng tuyến của chúng ta về San Francisco và theo quan điểm “pháo đài Mỹ”. Johnson cho rằng, Diệm là con người phức tạp, xa rời dân chúng, nhưng phải ủng hộ Diệm vì: Chúng ta phải quyết định hoặc là ủng hộ Diệm hoặc là bỏ rơi Việt Nam. Ngày 11/5/1961, Tổng thống Kennedy lệnh đưa 400 binh sĩ thuộc lực lượng đặc biệt và 100 cố vấn sang miền Nam Việt Nam, phát triển nguy quân lên 20 vạn quân chính quy, 6,8 vạn bảo an, mở rộng quân địa phương; đồng thời lại chỉ thị phá rối miền Bắc Việt Nam với việc tiến hành rải tuyến đơn bằng máy bay, tăng cường các buổi phát thanh giả mạo hướng về miền Bắc, xây dựng ở miền Bắc căn cứ bí mật và những mạng lưới phá hoại, tiến hành những cuộc quấy rối nhỏ, cho quân đội nguy Diệm đánh biệt kích và các hành động quân sự khác vào miền Bắc Việt Nam.

Với khẩu khí này, khoảng 8 năm sau, Johnson đã đem hết khả năng “giúp đỡ” Thiệu cho đến khi buộc phải vút găng, bỏ cuộc ở Việt Nam với chủ trương xuống thang chiến tranh và “phi Mỹ hóa chiến tranh” đồng thời vút luôn cái ghế tổng thống nước Mỹ.

Tháng 6/1961, Kennedy cử phái đoàn Staley, rồi tháng 10 lại cử tiếp một phái đoàn quan trọng hơn - Phái đoàn tướng M.D. Taylor, cố vấn quân sự của Tổng thống Mỹ sang miền Nam Việt Nam để vạch kế hoạch toàn diện mở đầu cho chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”. Diệm đã long trọng đón tiếp Taylor và đưa ra yêu cầu cùng Mỹ ký một hiệp ước phòng thủ tay đôi, Mỹ giúp phát triển quân nguy, đưa sang Việt Nam máy bay chiến thuật, các đại đội máy bay lên thẳng, các lực lượng tuần tra bờ biển và yểm hộ hậu cần. Từ Sài Gòn, Taylor đã điện về cho Kennedy, đề nghị gửi sang một lực lượng từ 6.000 đến 8.000 quân Mỹ để đảm bảo “với Diệm rằng, chúng ta sẵn sàng sát cánh với ông trong một cuộc độ sức lần cuối cùng về quân sự với Việt cộng hay Việt Minh” (1). Sau đó “từ Baguio ở Philippin, nơi ông dừng chân để dự thảo bản báo cáo chính thức cùng ông Rostow và các phụ tá của mình, tướng Taylor gửi về thêm hai bức điện nữa cho Tổng thống Kennedy hôm 11/11, yêu cầu đưa sang Việt Nam một “lực lượng quân sự đặc biệt”, ông nói sự có mặt của các đơn vị bộ binh Mỹ là “cần thiết” để đảo ngược sự thể tình hình đang xuống dốc” (2).

Bản báo cáo chính thức của phái đoàn Taylor từ Sài Gòn gửi về được đệ trình hôm 03/11/1961 bao gồm đề nghị thực hiện cái mà tài liệu nghiên cứu của Lầu Năm Góc gọi là “một sự cam kết vững chắc ở trên bộ” và các biện pháp khác, tất cả đều xuất phát từ một quan điểm tổng quát về một vai trò mới của Mỹ ở Việt Nam là “sự tham gia có giới hạn”. Ý đồ chỉ đạo của bản báo cáo mà theo tài liệu của Lầu Năm Góc có lẽ do Rostow viết, được phản ánh trong đề nghị nói rằng, phái đoàn

cố vấn quân sự Mỹ ở Sài Gòn không những phải được “tăng lên một cách căn bản” mà còn phải nắm lấy sự chỉ đạo chiến tranh tích cực hơn để trở thành “một cái gân giống tuy chưa hoàn toàn một sở chỉ huy hành quân ở một nơi có chiến tranh”(3).

“Các kiến nghị của Taylor đã nhận được sự ủng hộ của Bộ trưởng Quốc phòng R.L. Gilpatric và Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân” (4). Ngày 11/11/1961, Ngoại trưởng Rusk cùng với Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara gửi cho Tổng thống Kennedy một bị vong lục tán thành việc sử dụng lực lượng Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân còn đề nghị Mỹ đảm nhận vai trò lớn hơn ở miền Nam Việt Nam vì đánh giá rất cao khả năng của lực lượng vũ trang Mỹ. Bất cứ một cuộc chiến tranh nào nổ ra ở vùng Đông Nam Á sẽ là một kiểu chiến tranh trên bán đảo hoặc trên đảo, một kiểu chiến tranh mà tất cả các quân chủng trong lực lượng vũ trang của Mỹ đều đã có rất nhiều kinh nghiệm, một kiểu chiến tranh trong đó chúng ta [Mỹ] đã chiến đấu một cách xuất sắc cả trong Chiến tranh thế giới thứ hai lẫn ở Triều Tiên (5).

Mc Namara trong bị vong lục ngày 08/11/1961, đã báo cáo với Tổng thống: “Tôi cho rằng chúng ta có thể ước tính lực lượng quân Mỹ tối đa cần phải có ở trên đất liền Đông Nam Á sẽ không vượt quá 6 sư đoàn hoặc khoảng 205.000” (6).

Phái đoàn Staley đã nghiên cứu vạch ra một kế hoạch và sau đó được phái đoàn Taylor bổ sung mà ta thường gọi là kế hoạch Staley - Taylor. Kế hoạch dự kiến trong 18 tháng, bắt đầu từ giữa năm 1961 đến hết năm 1962 sẽ quét sạch Việt cộng, bình định xong miền Nam và đến năm 1963 sẽ rút dần quân Mỹ về nước.

Kế hoạch Staley - Taylor có 3 nội dung chủ yếu:

1. Tuần tra ngăn chặn, bít biên giới Việt Nam với miền Bắc và Lào, không để có một sự thâm nhập nào, đi đôi với gây rối, phá hoại ở miền Bắc, không cho miền Bắc rảnh tay để thâm nhập. Giám sát và kiểm soát gắt gao bờ biển và sông ngòi miền Nam Việt Nam, bảo đảm miền Nam Việt Nam hoàn toàn bị bao vây và cô lập.
2. Tấn công tiêu diệt các lực lượng tập trung và du kích Việt cộng chủ yếu bằng lực lượng quân ngụy được giúp đỡ xây dựng mạnh, có đủ trang bị và phương tiện hiện đại, đánh được cả ở rừng núi, đồng bằng, sông ngòi và biển, có cố vấn Mỹ đến tận tiểu đoàn, có sự hỗ trợ, chỉ viện chiến đấu và chiến đấu có mức độ của các lực lượng quân Mỹ được gấp rút đưa sang với mức hạn chế ban đầu và sẵn sàng tăng thêm khi cần thiết.
3. Tiến hành xây dựng ấp chiến lược một cách quy mô và bình định có hệ thống nhằm để chính quyền Diệm có thể kiểm soát được chặt toàn bộ nhân dân miền Nam, loại Việt cộng ra khỏi dân, thu đồ tiếp tế và bổ sung người...

Cả ba nội dung được tiến hành song song và kết hợp chặt chẽ, có sự chỉ huy chặt chẽ, thống nhất của chính quyền Diệm và Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ.

Thực hiện kế hoạch này, ngay từ giữa năm 1961, Mỹ đã giúp Diệm tổ chức một hệ thống các trại lực lượng đặc biệt cắm dọc theo biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia, dự tính đến 75 trại và bao quanh các căn cứ của ta như kiểu các trại Đức Lập, Tráng Súp, Đồng Xoài... Chúng còn xây dựng một hệ thống radar trinh sát, các hệ thống tình báo gián điệp, tung biệt kích tập kích cơ quan, kho tàng, bắt cán bộ và rải chất độc hóa học dọc tuyến biên giới.

Ven bờ biển, địch tăng cường hệ thống đồn bót, các đoàn hải thuyền của Mỹ kết hợp với các đoàn hải thuyền ngụy tuần tra. Kiểm soát chặt chẽ ngoài khơi thì có Hạm đội 7 của Mỹ khống chế đường hành lang quốc tế, kiểm tra tàu lạ. Việc làm nghề cá của nhân dân gặp nhiều trở ngại, bị xáo trộn, hạn chế.

Ngày 10/11/1961, một đại đội máy bay ném bom B-26 của Mỹ đến sân bay Biên Hòa. Ngày 25/12, đại đội trực thăng đầu tiên cùng một đại đội phi cơ ném bom B-57 gồm 33 máy bay và 400 người hạ cánh ở sân bay Tân Sơn Nhất. Số quân chiến đấu và đoàn cố vấn Mỹ cũng được tăng cường nhanh chóng. Một báo cáo quân sự gửi Tổng thống Mỹ ngày 09/01/1962 được nêu trong tài liệu nghiên cứu của Lầu Năm Góc cho biết:

- Số quân Mỹ ở Việt Nam từ 948 người cuối tháng 11 (1961), nhảy lên 2.946 người vào ngày 09/01 (1962) và đến ngày 30/6 đã lên đến 5.576 người.
- Hai đại đội máy bay lên thẳng của lực lượng đang tiến hành các phi vụ yểm trợ chiến đấu và một đội biệt kích trên không mang tên mật mã Jungle Jim, đang huấn luyện cho không quân miền Nam Việt Nam về chiến thuật và kỹ thuật yểm trợ chiến đấu trên không.
- Đội mìn 73 của hải quân Mỹ cùng với một tàu thông tin liên lạc và 5 tàu quét mìn đang hoạt động dọc bờ biển xuất phát từ Đà Nẵng. Máy bay Mỹ xuất phát từ Thái Lan và từ các hàng không mẫu hạm của Hạm đội 7 đậu ngoài khơi Việt Nam đang tiến hành các phi vụ quan sát và trinh sát trên bầu trời Việt Nam.
- 6 máy bay CL-23 có thiết bị chuyên dùng để “hỗ trợ cho các hoạt động rải chất làm trụi lá cây”, đã “nhận được giấy phép ngoại giao” để vào miền Nam Việt Nam.

Trong năm 1961, Mỹ còn đưa vào miền Nam Việt Nam trên 500 xe thiết giáp các cỡ và 45.700 súng Mã Lai chống du kích.

Mỹ dự kiến 3 bước chiến lược của cuộc “Chiến tranh đặc biệt” là:

+ Bước 1, từ giữa năm 1961 đến hết năm 1962 (18 tháng), sẽ cơ bản hoàn thành công cuộc bình định miền Nam Việt Nam. Đây là bước quan trọng nhất, bước quyết định.

- + Bước 2, hoàn thiện công cuộc bình định và khôi phục nền kinh tế miền Nam.
- + Bước 3, phát triển kinh tế.

Năm 1962 là năm giành thắng lợi quyết định.

Năm 1963, rút dần quân Mỹ về nước.

Năm 1965 thắng lợi hoàn toàn, kết thúc cuộc “Chiến tranh đặc biệt”:

Kế hoạch Staley - Taylor dự kiến rút bớt lực lượng quân Mỹ về nước vào năm 1963 vì chắc chắn lúc ấy kế hoạch đã hoàn thành và Mỹ - Diệm đã giành thắng lợi cơ bản. Nhưng năm 1963, quân Mỹ vẫn tiếp tục tăng lên theo kiểu leo thang: Tháng 10/1963, đã đạt con số 16.732 người (cuối năm 1962, số quân Mỹ là 10.960 người). Riêng lực lượng không quân của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã lên đến 257 máy bay và trực thăng, không kể của ngụy được Mỹ viện trợ có đến 205 chiếc. Tháng 02/1963, cũng có lệnh rút bớt 1.000 quân Mỹ, có lẽ đó là một trò xảo thuật về con số để yên lòng dân Mỹ. Còn theo một báo cáo riêng của Mc Namara thì: “...tình hình thời gian 5 tháng cuối cùng của chính quyền Kennedy xấu đi nghiêm trọng tới mức toàn bộ kế hoạch rút dần đã bị chính thức hủy bỏ vào đầu năm 1964”.

Để Mỹ trực tiếp nắm quyền chỉ huy quân sự, tiến hành có hiệu quả chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, tháng 02/1962, Bộ Chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại Việt Nam MACV (Military Assistance Command in Vietnam), được thành lập ở Sài Gòn trùm lên cơ quan MAAV không còn kham nổi nhiệm vụ, do tướng Paul D. Harkins cầm đầu. Harkins đã từng chỉ huy quân đội phương Tây trong cuộc xâm lược Bắc Phi năm 1942, từng là Tham mưu trưởng Quân đoàn 8 Mỹ, rồi làm Tư lệnh Sư đoàn bộ binh 45 và 24, trong cuộc chiến tranh ở Triều Tiên đã là Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng các lực lượng quân đội Mỹ tại Thái Bình Dương trước khi qua Sài Gòn. Bộ Chỉ huy MACV ngày càng mở rộng tổ chức và quyền hạn, có 3 nhiệm vụ: Trực tiếp chỉ đạo chiến tranh trên lĩnh vực quân sự; làm nhiệm vụ cố vấn cho quân đội ngụy cả về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật và kỹ thuật; chỉ huy các lực lượng yểm trợ Mỹ bao gồm: Không quân, hải quân, pháo binh, hậu cần... để chi viện cho quân ngụy. Tháng 5/1962, MACV được chính thức nới rộng quyền hạn với tính chất một bộ tư lệnh tiền phương của Mỹ ở Đông Nam Á, không chỉ có trách nhiệm về quân sự ở miền Nam Việt Nam mà cả ở Đông Dương và Thái Lan, trở thành “Lầu Năm Góc ở phương Đông” vậy. Không những thế, Mỹ đã đưa chuyên viên sang Sài Gòn lập ra Ủy ban 202 rải chất độc hóa học, triển khai Trung tâm thực nghiệm và phát triển khả năng tác chiến (ARTA) do tướng W.H. Goden cầm đầu. Vũ khí hóa học bắt đầu được sử dụng ở miền Nam Việt Nam. Thompson - chuyên gia chống chiến tranh du kích người Anh, được mời làm cố vấn bên cạnh MACV. Như vậy, các biện pháp quốc tế chống cách mạng nhân dân ở Phi Luật Tân, ở Mã Lai... đều được Mỹ áp dụng.

Nhưng trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ xem lực lượng vũ trang ngụy là lực lượng chiến lược đảm nhận nhiệm vụ chủ yếu trên chiến trường. Trước kia Mỹ hạn chế sự phát triển vì quân ngụy chỉ là một đội quân thời bình và nếu có cuộc tiến công từ miền Bắc thì ngụy quân chỉ làm nhiệm vụ tác chiến, trì hoãn chờ viện binh từ ngoài vào. Do thay đổi về chiến lược và quan niệm sử dụng nên Mỹ chủ trương đẩy nhanh tốc độ phát triển quân ngụy toàn diện cả chủ lực và địa phương, cả binh quân chủng hiện đại và đặc chủng chống du kích. Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, từ năm 1961 đến năm 1965 là đưa tổng số quân chủ lực ngụy từ 170.000 lên 278.000 tên. Về biên chế đơn vị, có 12 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn dự bị chiến lược, 86 đại đội biệt động quân. Bảo an và dân vệ được phát triển rộng rãi và trang bị mạnh, nhằm đánh phá phong trào du kích ở địa phương và yểm trợ cho chương trình bình định. Việc bắt lính được triển khai ồ ạt. Trong kế hoạch 18 tháng Staley - Taylor, cuối năm 1962, tổng số quân ngụy đã đạt được là 354.000 người, trong đó có 198.000 quân chủ lực, 79.000 bảo an và 77.000 dân vệ. Ngoài ra còn có 20.000 thanh niên chiến đấu trong các ấp chiến lược và 60.000 thanh niên bảo vệ hương thôn. Chúng đã tổ chức thêm 2 sư đoàn bộ binh (Sư đoàn 9 và 25), thêm 1 tiểu đoàn dù và 2 tiểu đoàn lính đánh bộ. Bảo an và dân vệ trước đây trực thuộc Bộ Nội vụ được chuyển sang hệ quân đội làm nhiệm vụ “an ninh lãnh thổ”. Không quân ngụy được đổi mới một phần trang bị: Máy bay ném bom T28 thay cho trực Helcat, trực thăng H34 tăng cường cho vận tải C-47.

Tổ chức chiến trường và bố trí quân cũng thay đổi cho phù hợp với chiến lược chiến tranh. Sắc lệnh ngày 13/4/1961 giải tán các tổ chức quân khu, chia lãnh thổ thành ba vùng chiến thuật, mỗi vùng do một quân đoàn phụ trách. Bộ tư lệnh vùng đồng thời là bộ tư lệnh quân đoàn.

Vùng chiến thuật 1 do Quân đoàn 1 (có 3 sư đoàn) phụ trách, gồm các tỉnh từ Quảng Ngãi ra giới tuyến.

Vùng chiến thuật 2 do Quân đoàn 2 (có 2 sư đoàn) phụ trách, gồm các tỉnh cao nguyên và cực Nam Trung Bộ.

Vùng chiến thuật 3 do Quân đoàn 3 (có 4 sư đoàn) phụ trách, gồm các tỉnh Nam Bộ cũ kể cả Sài Gòn - Gia Định.

Dưới vùng chiến thuật có khu chiến thuật, tiểu khu (tỉnh) và chi khu (quận, huyện). Chúng chú trọng kiện toàn cấp tiểu khu và chi khu, tạo điều kiện đánh phá và bình định từng địa phương có hiệu quả. Hình thái tổ chức chiến trường và bố trí lực lượng đó tỏ rõ mục tiêu chiến lược là đánh phá, càn quét và bình định nội địa miền Nam Việt Nam, để phòng và ngăn chặn một cuộc tấn công từ phía bắc tràn xuống. Chiến trường chủ yếu được xác định là Nam Bộ cũ và phần cực Nam Trung Bộ.



Ở đó chúng bố trí tới 50% chủ lực của toàn miền Nam (90.000/198.000), 50,6% quân bảo an (40.000/79.000), 54,5% dân vệ (42.000/77.000), 100% lực lượng dự bị chiến lược (2 lữ đoàn dù và lính thủy đánh bộ). Không quân Mỹ - nguy chủ yếu nằm ở căn cứ Tân Sơn Nhất và Biên Hòa.

Vùng 3 chiến thuật là chiến trường chính gồm khu chiến thuật 31 (miền Đông Nam Bộ), khu chiến thuật 32 (miền Trung Nam Bộ), khu chiến thuật 33 (miền Tây Nam Bộ) và biệt khu thủ đô (Sài Gòn - Gia Định).

Vùng chiến thuật 1 bố trí 3 sư đoàn, luôn luôn có một sư đoàn ở Trị Thiên và thỉnh thoảng có lực lượng tổng trừ bị ra tăng cường nhằm phòng thủ giới tuyến, để phòng miền Bắc tấn công.

\*

\* \*

Mục đích của kế hoạch Staley - Taylor là bình định cho được miền Nam, nghĩa là làm cho nhân dân miền Nam phải ngoan ngoãn chịu sự cai trị dưới chế độ tài gia đình trị của Ngô Đình Diệm và sự đô hộ của Mỹ. Biện pháp chủ yếu, cốt tủy của kế hoạch là xây dựng cho được “ấp chiến lược”, tức là nhốt hết nhân dân vào những ấp được xây dựng nhà nóc nhà ngay hàng thẳng lối để dễ kiểm soát, bao vây bằng hàng rào dây kẽm gai, hào sâu, tường đất dày cắm chông chi chít và canh gác bảo vệ bằng những lô cốt đông đặc quân bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu, cảnh sát, tề điệp. Người dân trong ấp bị tước đoạt hết sự tự do, hầu như sống biệt lập với ngoài ấp. Mỗi khi đi làm đồng áng người dân chỉ được ra vào một cửa được canh phòng cẩn mật, bị lục xét gắt gao. Để khống chế chặt chẽ quần chúng, bọn tề điệp, cảnh sát phân chia quần chúng ra làm ba loại để có đối sách tương ứng: Loại 1 là loại gia đình cách mạng hay có quan hệ với cách mạng thì kìm chế gắt gao, khủng bố tàn bạo; loại 2 là loại lừng chừng, không ngả về cách mạng cũng không hẳn mà với nguy, thì vừa đàn áp, vừa dụ dỗ; loại 3 là gia đình nguy, tích cực sử dụng và ưu đãi, dùng làm chỗ dựa cho nguy quyền. Chúng dùng mọi thủ đoạn từ tàn ác bắn giết, tra tấn đến xảo quyệt mua chuộc, dụ dỗ để thanh lọc, tiêu diệt hết những phần tử chúng cho là không thuận với chúng, là cơ sở của cách mạng. Chúng tổ chức bọn gián điệp ngầm, bọn đầu hàng, đầu thú, rình mò từng gia đình, theo dõi từng người, gây căng thẳng nội bộ, gây chia rẽ trong dân, o ép triển miên cho đến khi chúng cho rằng tất cả dân trong ấp đều phục tùng chúng. Chương trình lập ấp chiến lược là một chương trình đầy tội ác. Ví dụ chỉ để lập một ấp chiến lược Lương Phú (Giồng Trôm, Bến Tre) gồm 500 gia đình, Mỹ - Diệm đã giết chết 217 người, đánh đập, bỏ tù gần 1.000 người khác. Từ tháng 02 đến tháng 7/1962, để lập 62 ấp chiến lược trong tỉnh Bến Tre, chúng đã giết chết 4.000 đồng bào, đốt 1.191 ngôi nhà và 800 gạ lúa, phá nát trên 10 ngàn mẫu vườn.



Chúng hiểu khái niệm trừu tượng của ta về tình quân dân như cá với nước ra cụ thể là Việt cộng sống trong dân như cá sống trong nước nên cố gạn lọc nước để bắt cá bằng bất cứ giá nào. Cũng với việc làm như vậy, chúng đã thất bại về chính sách khu dinh điền, khu trù mật những năm về trước. Rút kinh nghiệm đó và bắt chước làng chiến đấu của ta, Mỹ - Diệm xây dựng ấp chiến lược. Nhưng để làm thí điểm, từ ngày 12/8/1961 đến ngày 14/02/1962, địch đã mở chiến dịch “xây dựng nông thôn” ở ba tỉnh Tây Ninh, Bình Dương và Bình Tuy thuộc miền Đông Nam Bộ. Tháng 4/1962, chúng đúc kết kinh nghiệm và nâng cao lên, đề ra “quốc sách ấp chiến lược”, đến tháng 8, Diệm chính thức thông qua và đưa ra áp dụng trên toàn miền Nam. Chúng dự kiến, trong kế hoạch 18 tháng Staley - Taylor từ tháng 7/1961 đến tháng 12/1962, sẽ lập xong 16.000 ấp chiến lược trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam, kìm kẹp được 10 triệu dân. Như vậy chúng dự kiến cuối năm 1962, nhân dân miền Nam cơ bản bị nhốt xong, bị khống chế chặt chẽ, Việt cộng bị tiêu diệt về cơ bản hoặc bị tách khỏi nhân dân. Mỗi ấp chiến lược sẽ là một cứ điểm phòng ngự kiên cố và là bàn đạp tấn công của chế độ nguy. Công cuộc bình định miền Nam về cơ bản sẽ hoàn thành, kế hoạch Staley - Taylor thành công và bước 1 của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ giành thắng lợi quyết định để đến năm 1965 sẽ giành thắng lợi hoàn toàn. Mỹ - Diệm tin tưởng đến nỗi tháng 10/1962, Ngô Đình Diệm đã tuyên bố: “Thời đại hiện nay là thời đại ấp chiến lược” và Mỹ cũng chuẩn bị sẵn sàng để khôi phục và phát triển kinh tế cho miền Nam.

Chúng đã tổ chức bộ máy chỉ đạo chặt chẽ từ trung ương đến địa phương và huy động toàn bộ lực lượng về mọi mặt của Mỹ - Diệm để tiến hành thật nhanh chóng với quy mô rộng rãi nhằm hạn chế tối đa phản ứng của cách mạng và nhân dân.

Trong chính quyền nguy, ở trung ương có Ủy ban liên bộ Quốc phòng, Nội vụ, Tổng nha Cảnh sát, Nha Chiến tranh tâm lý... do Ngô Đình Nhu phụ trách. Phái bộ viện trợ quân sự Mỹ MAAG tổ chức ra “Phòng ấp chiến lược” (Strategic hamlet division) do Đại tá Schaad điều khiển.

Tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn lập Ủy ban viện trợ ấp chiến lược do tên Truchearl làm Chủ tịch, phụ trách chỉ đạo, điều hành toàn bộ chương trình ấp chiến lược.

Ở xã có đoàn cán bộ bình định, xây ấp chiến lược gồm 20 tên đã được đào tạo, huấn luyện chu đáo, kết hợp với lực lượng quân sự, an ninh...

Nói chung, thủ đoạn chủ yếu mà địch áp dụng là dùng lực lượng quân sự mạnh có Mỹ chi viện bằng không quân để đánh phá ác liệt từng vùng, diệt hoặc đuổi lực lượng vũ trang của ta rồi dùng quân địa phương càn quét từng xã, tề, điệp, cùng đoàn bình định xây dựng ấp chiến lược và huấn luyện bảo vệ ấp. Vùng chúng chưa kiểm soát được như vùng căn cứ và giải phóng của ta thì chúng dùng “lực lượng mũi dùi”

(chủ lực quân) mở hành quân lớn đánh “tiêu diệt không sợ nhầm lẫn” nhằm vào lực lượng vũ trang, cơ sở và tổ chức quần chúng cách mạng, kết hợp với lừa dân về vùng của chúng. Vùng đôi bên tranh chấp thì chúng hành quân càn quét, kết hợp với mạng lưới tề điệp để gạn lọc phân loại dân, rào ấp, xây thành. Vùng chúng cho là đã kiểm soát thì tổ chức ấp tại chỗ, dùng thủ đoạn chiến tranh tâm lý, tổ chức dân ràng buộc lẫn nhau, củng cố bộ máy tề, điệp kìm kẹp, khống chế.

Theo kế hoạch của Ủy ban liên bộ chỉ đạo ấp chiến lược vạch ra và được Truchearth ở Tòa đại sứ Mỹ thông qua thì trên chiến trường B2, thứ tự ưu tiên được quy định như sau: Ưu tiên một gồm các tỉnh vành đai Sài Gòn như Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Biên Hòa, Phước Tuy, Phước Thành thuộc miền Đông Nam Bộ. Ưu tiên hai gồm các tỉnh Kiến Hòa, Kiến Phong, Kiến Tường, Ba Xuyên, Du Xuyên thuộc miền Tây Nam Bộ và Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Đức ở cực Nam Trung Bộ (theo tài liệu nguyên bản của địch). Ở Khu 5, địch tập trung bình định các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

Ngày 18/10/1961, Diệm công bố Sắc lệnh “Tình trạng khẩn cấp” toàn miền Nam. Sau đó, địch liên tiếp mở những cuộc hành quân quy mô sư đoàn, trung đoàn chủ lực kết hợp với bảo an, dân vệ, cảnh sát, biệt kích có trực thăng vũ trang và chở quân đổ bộ, có xe thiết giáp và giang thuyền dọc sông đánh phá, càn quét ác liệt. Trong 6 tháng cuối năm 1961, địch đã mở 1.253 cuộc càn từ cấp trung đoàn trở lên, trong đó có 300 cuộc cỡ trung đoàn và trên trung đoàn. Năm 1962 có 2.577 cuộc càn, trong đó 900 cuộc từ cấp tiểu đoàn trở lên và 60.000 lượt máy bay xuất kích chi viện. Trong năm 1962, có đến 164 trận địch dùng trực thăng đổ quân thẳng đứng.

Có ba hình thức hành quân của địch:

Hình thức thứ nhất là hành quân dài ngày với lực lượng nhỏ như:

- Chiến dịch “Mặt trời mọc” ở Bến Cát từ đầu năm 1962, sử dụng 3 trung đoàn với 50 trực thăng càn trong 6 tháng, sau đó tăng quân càn khắp các tỉnh miền Đông.
- Chiến dịch “Hải Yến” ở Phú Yên, bắt đầu tháng 5/1962, sử dụng 4 trung đoàn trong hơn 1 năm.

Hình thức thứ hai là hành quân ngắn ngày với lực lượng lớn, đánh căn cứ hay vùng giải phóng của ta nhằm diệt chủ lực ta và dồn dân về vùng chúng như:

- Chiến dịch “Bình Tây” ở Cà Mau, từ ngày 10 đến ngày 30/8/1962, sử dụng 8 tiểu đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo, 103 tàu xuống, 40 trực thăng đánh vào căn cứ U Minh Hạ, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng.

- Chiến dịch “Sao Mai” từ ngày 11 đến ngày 19/10/1962, sử dụng 10 tiểu đoàn bộ binh với 36 trực thăng, gần 100 thiết giáp lội nước M113, đánh vào chiến khu Dương Minh Châu và Tây Ninh, Long An.

- Chiến dịch “Thu Đông”, từ ngày 20 đến ngày 30/11/1962, sử dụng 15 tiểu đoàn bộ binh với 56 trực thăng, có 200 quân Mỹ làm nhiệm vụ lái trực thăng và bảo đảm hậu cần, đánh vào Chiến khu Đ.

Hình thức thứ ba là những trận biệt kích từ trực thăng đổ bộ bất ngờ với lực lượng nhỏ gồm 2 hay 3 đại đội nhằm vào cơ quan chỉ huy hay kho tàng của ta.

Để quyết giành thắng lợi, Mỹ đã tăng viện trợ cho ngụy quyền Diệm, không kể chi phí cho quân Mỹ tham chiến. Năm 1962, chúng viện trợ 600 triệu đôla, trong đó 450 triệu là hàng hóa, 150 triệu là vũ khí, hơn gần gấp đôi so với năm 1961 (năm 1961 là 311 triệu đôla).

Với quyết tâm cao, sự nỗ lực lớn và toàn diện, Mỹ - Diệm đã tung lực lượng quân sự mạnh ra đánh phá ác liệt, dồn dân lập ấp chiến lược bằng bất cứ giá nào, nhưng kế hoạch ban đầu tỏ ra không hiệu quả, có nguy cơ phá sản trước sức chống trả của nhân dân. Trong quá trình thực hiện, năm 1962, địch đã phải hạ thấp chỉ tiêu từ 16.000 ấp xuống còn 11.000 rồi sau cùng xuống tới 7.000 ấp nhưng dự kiến kéo dài qua năm 1963 mới xong. Tuy đã điều chỉnh xuống thấp hơn một nửa so với số lượng ấp chiến lược theo kế hoạch ban đầu, đến những tháng đầu năm 1963, Mỹ - Diệm cũng chỉ lập được 3.900 ấp trong toàn Miền và riêng ở trọng điểm đông dân cư vùng nông thôn Nam Bộ cũng chỉ đạt được 2.301 ấp. Như vậy là cái cốt lõi của kế hoạch 18 tháng Staley - Taylor, lập ấp chiến lược nhốt dân để bình định đã thất bại. Năm 1962 không phải là năm thắng lợi quyết định của chúng. Bước 1 chiến lược, bước quyết định của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đã bị phá sản. Tướng Harkins - Tư lệnh MACV, ngày 08/02/1962, đã phải thú nhận kết quả không thành công của kế hoạch 18 tháng: “còn phải lâu dài mới thắng lợi được”. Trong khi đó, Ngoại trưởng Mỹ Dean Rusk, ngày 01/02/1962, tỏ ra ngao ngán: “chưa có cuộc hành quân nào khó chịu, khó khăn và đáng chán bằng cuộc chiến tranh du kích ở Việt Nam”. Còn Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mc Namara thì đã tuyên bố vào ngày 24/5/1962: “Phải từ 3 đến 5 năm mới ổn định được tình thế ở Việt Nam”. Nhưng Tổng thống Mỹ mới là người đánh giá xác đáng hơn cả. Ngày 12/12/1962, Tổng thống Kennedy xác nhận: “Tiến hành chiến tranh chống du kích là một điều rất khó khăn, chúng ta hiện đang ở trong một đường hầm không có lối thoát”.

---

(1) - (6): *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, Thông tấn xã Việt Nam phát hành, 1971, t.1.



*Thượng Trần Văn Trà thăm Côn Đảo năm 1976*

# MỞ MÀN CUỘC ĐỐI ĐẦU LỊCH SỬ

(Tài liệu đánh máy để chuẩn bị cho Tập 2)

Cuộc Đồng khởi, khởi nghĩa vũ trang từng phần, giành chính quyền tại cơ sở của quần chúng cách mạng diễn ra dồn dập và càng lan rộng cuối năm 1959 và suốt năm 1960 ở miền Nam Việt Nam, đã phá vỡ từng mảng nguy quyền ở nhiều vùng rừng núi và nông thôn đồng bằng, kết hợp với đấu tranh chính trị vì các quyền dân sinh, dân chủ ở các thành thị bị tạm chiếm. Nhân dân đã nổi dậy làm chủ, cách mạng đã phát động tấn công, mở rộng thành quả. Đó là con đường tất yếu, nếu không muốn bị chìm trong biển máu của phản kích, trả đũa, khủng bố, đàn áp. Thời kỳ “tổ cộng, diệt cộng” và kéo máy chém đi khắp nơi còn nguyên trong ký ức của mọi người. Còn về phía Mỹ - Diệm, chúng mới thua tại một số khu vực ở khâu yếu nhất. Sức mạnh của chúng còn, tham vọng thì rất lớn. Vì vậy, chúng đã phản ứng mãnh liệt, phản kích điên cuồng, quyết tâm lập lại trật tự thống trị của chúng. Khởi nghĩa vũ trang không thể không đi đôi với mở rộng chiến đấu du kích để bảo vệ cách mạng một khi địch chống trả quyết liệt bằng quân sự. Nhưng trong khi Mỹ - Diệm tăng cường quân đội nhà nghề của chúng, trang bị dồi dào vũ khí và phương tiện hiện đại, còn ta thì mới tổ chức quân du kích ở làng xã, thiếu súng đạn, có một số đơn vị tập trung cỡ đại đội và một vài đơn vị tiểu đoàn nhưng chỉ có súng trường tiểu liên và lựu đạn cướp được của địch từ phong trào Đồng khởi, hay móc lên từ nơi chôn giấu lâu năm đã hạn chế. Tuy vậy, tinh thần cách mạng của cán bộ và quần chúng đang sôi sục đẩy tới việc tiếp tục khởi nghĩa ở nông thôn và chiến đấu du kích chống càn quét ác liệt của địch. Sự khẳng định của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, tháng 9/1960, đã tạo một niềm tin vững chắc trong nhân dân: “Trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù là nhỏ yếu, nhưng một khi đã đoàn kết đứng lên kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ, thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược”. Nghị quyết Đại hội đã chỉ rõ: “Trong sự nghiệp hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, *đồng bào ta ở miền Nam có nhiệm vụ trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng*”



*để giải phóng miền Nam*”. Để chỉ đạo sát và kịp thời cuộc cách mạng đang lên mạnh, Trung ương Cục miền Nam được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Trước tình hình mới, cần đẩy mạnh đấu tranh quân sự, Trung ương Cục đã thành lập Ban Quân sự Miền do các anh Nguyễn Văn Bường, Phạm Văn Xô phụ trách và Ban Quân sự các khu: Khu VI ở cực Nam Trung Bộ, Khu miền Đông Nam Bộ (gọi là T1), miền Trung Nam Bộ (gọi là T2), miền Tây Nam Bộ (gọi là T3), Sài Gòn - Gia Định (gọi là T4). Ban Quân sự các cấp có nhiệm vụ giúp cấp ủy chỉ đạo chiến tranh du kích, xây dựng lực lượng vũ trang, huấn luyện và chỉ huy chiến đấu. Cùng với phong trào Đồng khởi lan rộng, chiến tranh du kích phát triển nhanh. Lực lượng dân quân được vũ trang đã cùng lực lượng quần chúng nổi dậy diệt tề, trừ gian, chống càn có hiệu quả. Bộ đội địa phương huyện, tỉnh được xây dựng và huấn luyện, các tiểu đoàn của các khu được củng cố từng bước.

Tháng 01/1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp và đánh giá: “*Thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng đã bắt đầu....* Nhân dân từ thế bị kìm kẹp, bị khống chế và kiểm soát gắt gao đã vùng dậy thành một phong trào đấu tranh đang phát triển mạnh mẽ... *Các hình thái du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần đã xuất hiện*” và nhận định: “*Cách mạng miền Nam đang phát triển theo con đường tiến lên tổng khởi nghĩa với những đặc điểm mới và khả năng hòa bình phát triển của cách mạng miền Nam thì gần như không còn nữa*”. Và sau nữa, Bộ Chính trị đã chỉ thị: “*Đến nay, do lực lượng so sánh đã thay đổi, cần phải chuyển phương châm đấu tranh: đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự*”. Đồng thời cũng chỉ đạo phương châm đấu tranh cho ba vùng: Vùng rừng núi, đấu tranh quân sự là chủ yếu; vùng đô thị, chính trị là chủ yếu; vùng nông thôn đồng bằng có thể quân sự và chính trị ngang nhau.

Như vậy, phong trào Đồng khởi của quần chúng cách mạng năm 1959-1960 là mở đầu một cao trào cách mạng của nhân dân nổi dậy chống lại sự đàn áp đẫm máu từ nhiều năm của chế độ bù nhìn bán nước Ngô Đình Diệm.

Nguyên vọng giữ vững hòa bình thực hiện tổng tuyển cử trong cả nước theo Hiệp định Giơnevơ bị tan vỡ và ý chí độc lập, tự do, thống nhất của cả một dân tộc đã biểu thị cao nhất bằng cả hy sinh xương máu. Tuy vậy, cho đến đầu năm 1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng vẫn nhận định rằng: “*khả năng hòa bình phát triển của cách mạng miền Nam thì gần như không còn nữa*”. “*Gần như*” có nghĩa là chưa chấm dứt hẳn mà còn hy vọng. Mỹ thấy rõ tình hình là chính quyền Diệm độc tài, phátxít, gia đình trị đã bị nhân dân chống lại và Mặt trận Dân tộc Giải phóng được sự tín nhiệm rộng rãi của các tầng lớp nhân dân đã đưa ra chủ trương độc lập, dân chủ, hòa bình



xây dựng một chính quyền trung lập liên minh dân tộc dân chủ, được cả miền Bắc ủng hộ tán thành. Rõ ràng nhân dân Việt Nam, đặc biệt là vị lãnh đạo tối cao của mình là Hồ Chí Minh luôn luôn chỉ mong muốn hòa bình, kiên trì hòa bình vì cho rằng chiến tranh là tàn phá, là chết chóc, đều không có lợi cho bất cứ ai, bất cứ nước nào. Nhân nhượng để có hòa bình luôn là mục tiêu của Hồ Chủ tịch, nhưng khi không còn cách nào nhân nhượng được nữa, khi chỉ còn có cách và buộc phải tiến hành chiến tranh chính nghĩa vì độc lập, tự do của dân tộc thì dù hy sinh đến 10 năm, 20 năm hay hơn nữa, dù phải phá sập cả dãy Trường Sơn - xương sống của đất nước rồng tiên này, nhân dân ta cũng quyết chí giành thắng lợi đến cùng.

Tiếc thay đế quốc Mỹ đã không nghe, không hiểu mà càng lao vào con đường chống cộng, chống các phong trào giành độc lập dân tộc mà Mỹ cho là do ảnh hưởng của cộng sản. Khi còn là Phó Tổng thống, Johnson đã đề nghị với Tổng thống Kennedy rằng: “Chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á phải được tham gia với sức mạnh và quyết tâm đạt tới thắng lợi ở đó”, và khi là Tổng thống, Johnson còn chống lại cả chủ trương trung lập. Ông đã lệnh cho Cabot Lodge, lúc đó là Đại sứ Mỹ ở Việt Nam: “Đánh gục mọi ý nghĩ về trung lập khi nó ngóc đầu xấu xa của nó dậy”. Với ông ta, trung lập là xấu xa, cộng sản còn tệ hại hơn, vậy thì không có hòa bình, độc lập, dân chủ mà chỉ có sự thống trị của đế quốc Mỹ với bè lũ tay sai tàn bạo, hòng đè bẹp nhân dân Việt Nam, đưa họ trở về thời kỳ nô lệ mất nước.

Vì vậy mà Mỹ chủ trương chiến tranh để giành thắng lợi. Ngay từ ngày còn thương lượng hòa bình ở Giơnevơ, Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đã nêu: “Mục đích của Mỹ không có gì khác hơn là một thắng lợi quân sự (ở Đông Dương)”.

Trước tình hình sắp sụp đổ của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, vào đầu năm 1961, Mỹ lập tức thử nghiệm loại “Chiến tranh đặc biệt” trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” tại miền Nam Việt Nam. Cuộc đối đầu lịch sử mở màn từ đó giữa một bên là nhân dân Việt Nam khao khát hòa bình, độc lập và một bên là đế quốc Mỹ chỉ muốn “biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến tận vĩ tuyến 17” như Ngô Đình Diệm đã tuyên bố công khai.

Vậy chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của Mỹ là gì mà lại được đem áp dụng trước tiên ở miền Nam Việt Nam?

Từ những năm cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ đã nghiên cứu và chế tạo thành công loại vũ khí có uy lực vô biên, có khả năng tiêu diệt cả loài người, đó là bom nguyên tử. Lần đầu tiên, con người trí tuệ đã nắm và chế ngự được phản ứng hạt nhân và biến sức mạnh ghê gớm đó của vật chất phục vụ cho lợi ích của mình. Nhưng Mỹ thì muốn sử dụng sức mạnh đó để làm bá chủ hoàn cầu. Trên cả thế giới lúc đó, Mỹ là nước duy nhất có bom nguyên tử (về sau lại chế tạo ra bom hạt nhân

còn mạnh gấp triệu lần), nên Mỹ cho rằng mình là chúa tể của hoàn cầu, có quyền sinh sát bất cứ gì và bất cứ đâu vì lợi ích theo ý Mỹ. Để thí nghiệm vũ khí mới trên thực địa và cũng để quảng cáo và răn đe trước cả loài người, Mỹ đã cho nổ hai quả bom nguyên tử cỡ vừa vào 2 thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật. Sự hủy diệt cả hai thành phố và giết hàng loạt người Nhật vô tội đã gây chấn động, làm kinh hoàng mọi người trên quả đất này về sức tàn phá khủng khiếp và tính vô nhân đạo của cả vũ khí và cả hành động ném bom.

Dựa vào độc quyền vũ khí nguyên tử và hạt nhân, căn cứ vào ý định làm bá chủ hoàn cầu, Mỹ đã vạch ra chiến lược toàn cầu “Trả đũa ồ ạt”. Nội dung ý nghĩa của nó là dùng vũ khí nguyên tử hạt nhân ra tay trước, tiêu diệt hoàn toàn cuộc sống trên nước nào hay một số nước nào dám chống lại Mỹ. Cả thế giới phải quy phục Mỹ dưới sức mạnh hạt nhân. Gọi là “trả đũa” cốt để che giấu mưu đồ và hành động xấu xa, giành lý lẽ cho chính tội phạm mà thôi. Loài người vừa thoát khỏi bóng đen tàn bạo của “chữ thập ngoặc” thì lại phải đứng trước ánh sáng chói lòa của cái “nắm nguyên tử” còn nguy hiểm gấp triệu triệu lần.

Nhưng sau đó 4 năm, ngày 29/9/1949, một quả bom A (nguyên tử) khác lại nổ trên đất Liên Xô và người Liên Xô cũng cho nổ quả bom H (bom khinh khí) vào 4 năm sau. Sau sự kiện vô cùng quan trọng đó, thế giới đã có ít nhất 2 cường quốc nguyên tử, Mỹ đã mất độc quyền về vũ khí hạt nhân và sự cân bằng hạt nhân đó đã cứu nhân loại thoát khỏi cơn ác mộng ghê gớm. Từ nay, kẻ nào dám dùng vũ khí hạt nhân, kẻ đó chắc chắn không tránh khỏi họa diệt vong. Chính vì vậy mà chiến lược toàn cầu “Trả đũa ồ ạt” hầu như không còn thực tế nữa vì khó mà thực hiện được. Thế nhưng mộng bá chủ hoàn cầu của đế quốc Mỹ thì còn nguyên vẹn mà các phong trào độc lập dân tộc thì ngày càng lan rộng trên bốn biển năm châu. Mỹ cho rằng phong trào ấy sẽ có hại cho Mỹ vì sẽ có nhiều dân tộc thoát khỏi bàn tay sinh sát của đế quốc và tài nguyên bị phân tán do các dân tộc độc lập biết giữ cho mình. Cần phải hành động, cho nên Mỹ phải nghĩ ra ngay một chiến lược toàn cầu mới phù hợp với thế giới có 2 cực, với sự cân bằng lực lượng Đông - Tây. Những nhà chiến lược Mỹ liền cho ra đời chiến lược “Phản ứng linh hoạt” thay cho chiến lược “Trả đũa ồ ạt” đã lỗi thời và quá nguy hiểm.

Sao lại “Phản ứng linh hoạt”?

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, thế giới vô cùng phức tạp. Có những cường quốc hùng mạnh dè chừng nhau. Có những tập đoàn các nước liên kết nhau trong phe này hay phe kia của hai phe đối địch. Có những phong trào của những người cùng khổ đấu tranh đòi quyền sống và quyền làm việc ở các nước giàu. Có những dân tộc nhược tiểu bị áp bức bóc lột, bị mất quyền làm chủ ngay trên đất đai bờ cõi của

mình, nổi dậy đòi độc lập tự do. Nhân dân đều hướng đến một trật tự thế giới mới: Bình đẳng, công bằng, dân chủ, nhân quyền. Không có nước giàu áp bức bóc lột nước nghèo, không có dân tộc này áp đặt kiểu sống cho dân tộc khác, mọi người đều có quyền sống theo cách mình muốn trên dải đất của mình, không bị mất nước, bị cướp tài nguyên thiên nhiên. Nhưng như vậy thì làm sao tồn tại các đế quốc hùng mạnh. Đế quốc Mỹ muốn làm bá chủ cả thế giới, nhưng không thể dùng vũ khí hạt nhân để thực hiện ý đồ của mình vì đã có người khác có vũ khí hạt nhân, có thể đánh trả và có nguy cơ bị các nước có loại vũ khí giết người hàng loạt, hủy diệt tất cả này, hủy diệt trước hơn ai hết. Cần có một chiến lược khác phù hợp hơn, chưa cần dùng hạt nhân mà thắng, do đó, Mỹ đề ra chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt”. Tùy theo ý định và mục tiêu từng nơi, từng lúc mà xử lý linh hoạt, phù hợp, cốt giành thắng lợi quân sự cho Mỹ. Ví dụ có một dân tộc ở một nơi nào đó trên quả đất dám nổi dậy đòi được giải phóng khỏi ách nô lệ, áp bức, đòi tự do, độc lập, không theo trật tự thế giới do Mỹ áp đặt, có một số tài nguyên thiên nhiên hay nhân tạo quan trọng có tính chiến lược trên một vùng nào đó của mặt địa cầu có nguy cơ vượt khỏi tay của Mỹ..., thì Mỹ phải linh hoạt xử trí bằng sức mạnh quân sự phù hợp để giữ nguyên theo ý định của Mỹ. Chính vì vậy mà chiến lược “Phản ứng linh hoạt” ra đời, chia làm 3 loại chiến tranh: Chiến tranh đặc biệt còn gọi là chiến tranh dưới mức hạn chế, chiến tranh hạn chế, và chiến tranh không hạn chế. Mỗi loại sẽ được sử dụng tùy theo tình hình diễn biến thực tế ở một nơi nào đó trên thế giới mà Mỹ thấy cần làm trách nhiệm của một tên sen đầm quốc tế. Thực chất chiến lược “Phản ứng linh hoạt” là một mưu mô, kế hoạch giúp Mỹ dùng sức mạnh quân sự để đàn áp các phong trào dân tộc chống áp bức và nô dịch phù hợp với quy mô và đối tượng ấy, trong thời kỳ chiến tranh lạnh mà hai siêu cường dùng vũ khí hạt nhân răn đe và kìm chế lẫn nhau. Nó linh hoạt là vì với bất cứ quy mô nào, đối tượng nào từ yếu đến mạnh, Mỹ đều có cách, có loại chiến tranh để ứng phó và giành phần thắng. Nó còn tỏ ra rất quyết liệt, rất quyết tâm đè bẹp kẻ thù bằng mọi giá, từ giá rẻ của “Chiến tranh đặc biệt”, nếu không thắng thì tăng giá lên “Chiến tranh cục bộ”, và nếu thua nữa thì đành dùng chiến tranh tổng lực. Nhưng đó là tính toán theo “bộ óc điện tử” của những nhà chiến lược trí tuệ của Mỹ theo “quy trình công nghệ chiến tranh” của Lầu Năm Góc lúc ấy, còn thực tế của thế giới nhân loại thì biết bao phức tạp cả về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội... chông chéo lên nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Chiến tranh đâu chỉ là quân sự, mà quân sự đâu chỉ là vũ khí và binh lực. Lý thuyết chiến lược “Phản ứng linh hoạt” hoàn tất ở Lầu Năm Góc đã được đem thử nghiệm vào thực tế lần đầu tiên ở Việt Nam vào năm 1961.

Nhưng sao lại chọn Việt Nam?

Việt Nam là một nước trong bán đảo Đông Dương, nằm trên bờ tây Thái Bình Dương, có vị trí chiến lược quan trọng mà từ lâu Mỹ đã nhắm nhe. Tại Hội nghị

đồng minh ở Teheran, năm 1943, Mỹ đã đưa ra đề nghị biến Đông Dương thành “khu vực ủy trị” của Liên hợp quốc. Ai cũng biết Mỹ định mượn bàn tay của Liên hợp quốc để nắm lấy khu vực quan trọng này, nên đề nghị đó không thành. Đến Hội nghị Yalta năm 1950, Mỹ lại đề nghị lập Hội đồng quản trị Đông Dương mà Mỹ sẽ là một thành viên chủ chốt trong Hội đồng. Đề nghị lại không được chấp nhận. Nhưng tình thế đã cấp bách đối với Mỹ. Năm 1949, Đảng Cộng sản do Mao Trạch Đông lãnh đạo đã giành thắng lợi trên toàn Trung Quốc lục địa rộng lớn. Mỹ phải quay sang con bài dùng Pháp, kẻ đang muốn chiếm lại thuộc địa Đông Dương nhưng đang sa lầy ở đấy. Mỹ đem tiền của, vũ khí, phương tiện chiến tranh giúp cho Pháp, một nước Pháp đang suy yếu phải ngày càng dựa vào Mỹ về mọi mặt, trừ máu của thanh niên Pháp và thanh niên thuộc địa Pháp, thì khi Pháp thắng, Mỹ cũng sẽ có được cả Đông Dương thôi. Đây là một nước cờ cao của Mỹ. Nước cờ được thực hiện từ năm 1950 và đến đông xuân 1953-1954, Mỹ đã chi phần lớn cho chiến tranh của Pháp, có ảnh hưởng lớn nếu không nói là quyết định đến cả chiến lược, chiến thuật của chiến tranh. Nhưng tất cả mưu đồ của hai đế quốc lớn Pháp và Mỹ đều bị tan thành mây khói ở Điện Biên Phủ. Điện Biên Phủ không chỉ là trận thất bại lớn nhất, đau nhức nhất của quân viễn chinh xâm lược chiếm thuộc địa của Pháp và cả của Mỹ vì Mỹ có dùng cả không quân chi viện, mà còn là một sự kiện lịch sử chôn vùi cả chủ nghĩa thực dân cũ. Sau trận Điện Biên Phủ, nguy cơ thất bại hoàn toàn của Pháp ở Đông Dương là không tránh được. Pháp đã hiểu rõ và cũng hiểu ra cả nước cờ thâm độc của Mỹ. Vì vậy mà Pháp khôn ngoan, quyết định đi đến kết thúc chiến tranh trong danh dự bằng Hiệp định Giơnevơ mặc cho mọi áp lực và lũng lộn của ông bạn quý Mỹ.

Nhưng Mỹ không cam thất bại, thua keo này liền bày keo khác. Không điều khiển được Pháp thì hất Pháp đi, phá Hiệp định Giơnevơ, nhảy lên chiếm lĩnh sân khấu, thủ vai chính vậy. Không chiếm được Đông Dương thì trước hết Mỹ phải bằng mọi giá chiếm được miền Nam Việt Nam từ vĩ tuyến 17 trở vào (theo quy định tạm thời của Hiệp định Giơnevơ) vừa làm lá chắn ngăn chặn ảnh hưởng của cộng sản tràn xuống phía nam Thái Bình Dương, vừa có được một đầu cầu chiến lược ở đất liền châu Á cho ý đồ tương lai. Trong tình hình phức tạp của thế giới hai cực kìm nhau và nhân dân khắp nơi chống lại mạnh mẽ chủ nghĩa thực dân, đế quốc Mỹ phải nghĩ ra phương pháp thôn tính một nước thế nào để vừa ổn thỏa, vừa rẻ tiền. Mỹ liền tìm được Ngô Đình Diệm, một người được giáo chủ Spellman nuôi dưỡng, đào tạo ngót 3 năm ở nhà thờ của bang New Jersey (Hoa Kỳ), đưa về lập “một chính phủ quốc gia miền Nam” tức cái gọi là Việt Nam Cộng hòa, để Mỹ núp sau lưng tiến hành xâm lược. Mỹ cố tạo ra một nhãn hiệu quốc gia để chống lại cộng sản, cố tạo ra kiểu nội chiến của nhân dân Việt Nam, nhằm xuyên tạc cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân miền Nam Việt Nam, đồng thời mê hoặc thế giới để lôi kéo các nước

cùng hợp tác chống cộng tại Việt Nam. Nhưng nhân dân Việt Nam, vốn có lòng yêu nước và truyền thống đấu tranh bất khuất, chống nô dịch, hiểu rõ ý đồ của Mỹ và mặt nạ quốc gia giả hiệu Ngô Đình Diệm nên đấu tranh chống Mỹ - Diệm ngày càng rộng và mạnh. Cho đến phong trào Đồng khởi năm 1959-1960, nhân dân miền Nam Việt Nam đã nổi dậy làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn thì cái chế độ Việt Nam Cộng hòa “hầu như sắp sụp đổ”, nếu Mỹ không có biện pháp kịp thời cứu vãn.

Đến đây, Mỹ đã nhận ra không thể dựng một chính phủ địa phương gọi là quốc gia mạnh bằng đôla và vũ khí Mỹ mà đàn áp khuất phục được nhân dân Việt Nam để giúp Mỹ chiếm được miền Nam Việt Nam mà khỏi mang tiếng xấu xa xâm lược. Phải bằng biện pháp mạnh hơn, đó là chiến tranh thực sự do Mỹ điều khiển trực tiếp. Nhưng Mỹ cho rằng đây là để dè bẹp nhân dân nổi dậy “do sự xúi giục của cộng sản” nên chỉ cần một cuộc chiến tranh “dưới mức hạn chế” cũng đã giành thắng lợi. Chiến lược “Phản ứng linh hoạt” áp dụng vào đây trong tình hình thế giới lúc ấy là hoàn toàn phù hợp. Chính vì vậy mà loại “Chiến tranh đặc biệt”, nấc thang thấp nhất của chiến lược “Phản ứng linh hoạt”, với công thức là máu người Việt, tiền và vũ khí Mỹ, do Mỹ chỉ huy, được đưa ra thi hành ở miền Nam Việt Nam.

Thực ra, khi mở ra “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam Việt Nam, Mỹ vừa ở thế bị động vừa ở thế chủ động. Bị động vì cái công thức chính phủ quốc gia giả hiệu cộng với đôla và vũ khí Mỹ đã bị phá sản. Chính quyền tay sai Diệm độc tài, cảnh sát, gia đình trị bị nhân dân căm phẫn chống lại mạnh mẽ, bị bất lực trước làn sóng đấu tranh của nhân dân, có nguy cơ bị diệt. Phải giữ Diệm và phải chiếm cho được miền Nam Việt Nam, nên Mỹ buộc phải đưa một số quân Mỹ vào để chi viện, tăng quân cho Diệm và tự mình nắm lấy việc chỉ huy. Phải tiến hành chiến tranh thực sự, chứ không che giấu nữa thì mới cứu vãn được tình hình, đó là điều Mỹ không muốn, nhưng buộc phải tiến hành. Chủ động vì trước phong trào nổi dậy của quần chúng có thể đánh ngã Diệm giành thắng lợi, Mỹ phải ra tay, chủ động tiến hành “Chiến tranh đặc biệt” để bảo đảm chắc thắng cho “chính sách của Mỹ là không chấp nhận điều gì khác ngoài một thắng lợi quân sự ở Đông Dương”. Năm 1961, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mc Namara gửi bị vong lục lên Tổng thống, kết luận về báo cáo của Taylor là Mỹ “cam kết thực hiện mục tiêu rõ ràng là ngăn ngừa miền Nam Việt Nam rơi vào tay chủ nghĩa cộng sản và ủng hộ điều cam kết này bằng những hành động quân sự cần thiết trước mắt và chuẩn bị cho những hành động có thể tiến hành sau này”<sup>1</sup>.

Chủ trương “Chiến tranh đặc biệt” ở Việt Nam, Mỹ đã cân nhắc kỹ và tin tưởng chắc chắn ở thắng lợi. Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ đã nhận định:

---

1. Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, *Sđd*, t.1.



“Bất cứ một cuộc chiến tranh nào nổ ra ở vùng Đông Nam Á sẽ là một kiểu chiến tranh trên bán đảo, một kiểu chiến tranh mà tất cả các quân chủng trong các lực lượng vũ trang của Mỹ đều đã có rất nhiều kinh nghiệm, một kiểu chiến tranh trong đó chúng ta [Mỹ] đã chiến đấu một cách xuất sắc cả trong Chiến tranh thế giới thứ hai lẫn ở Triều Tiên”. Và “nghiên cứu vấn đề cho thấy rõ cộng sản bị hạn chế về lực lượng mà họ duy trì trong chiến tranh ở khu vực này vì họ vấp phải những vấn đề về hậu cần và di chuyển”<sup>1</sup>.

Tính chủ động và quyết tâm của Mỹ dựa vào sự đánh giá chiến trường, đánh giá đối phương, sức mạnh và kinh nghiệm của các lực lượng vũ trang của Mỹ trong kiểu chiến tranh thông thường của Chiến tranh thế giới thứ hai và Triều Tiên. Không thấy họ nghiên cứu những kinh nghiệm của Pháp ở chiến trường Đông Dương mà tiêu biểu là trận Điện Biên Phủ, có Mỹ tham gia chi viện. Phải chi họ lắng nghe tướng De Castries than thở: “Những đêm kinh hoàng cuối cùng đã tới! Pháo binh Việt Nam làm cho chúng tôi không ngóc đầu lên được. Bộ binh Việt Nam tấn công khắp các mặt dữ dội chưa từng thấy. Từng đại đội, tiểu đoàn của chúng tôi bốc thành hơi, bay thành khói, tan thành tro bụi... Tôi điện cầu cứu Hà Nội, tướng Coghny trả lời: “Bộ Chỉ huy tối cao cũng chịu! Các anh muốn làm thế nào thì làm!”. Còn Đại tá Trancart thì phát biểu: “Khi còn bị bao vây, chúng tôi đều mong mỗi Hội nghị Giơnevơ thành công để mau thoát khỏi cuộc chiến tranh rừng rợn này. Trong ý nghĩ thâm kín, chúng tôi đều tin rằng hội nghị có thể đi đến kết quả tốt đẹp nếu Chính phủ Pháp biết nghe theo ý nguyện của nhân dân Pháp và nếu bọn Mỹ không thọc gậy bánh xe, phá rối hội nghị...”. Mỹ cũng không nghiên cứu truyền thống quân sự của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là Trần Hưng Đạo đánh quân Mông - Nguyên hồi thế kỷ XIII mà lực lượng chiến đấu và cả hậu cần vũ khí... đều rất hạn chế, ít hơn quân thù rất nhiều lần. Và đặc biệt là họ chưa nghiên cứu và hầu như không có hiểu biết gì về chiến tranh nhân dân của chúng ta trong thời đại Hồ Chí Minh, về tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh.

Đúng là người Mỹ rất coi trọng những kinh nghiệm luôn chiến thắng, chưa hề thua của quân đội họ từ trước đến nay, cái đó làm cho họ quá tự kiêu. Và họ cũng đã học hỏi kinh nghiệm chống nhân dân nổi dậy ở Philippines và ở Malaysia. Chỉ có núi, sông, thời tiết và nhiều điều khác ở Việt Nam hoàn toàn không giống như Philippines và Malaysia.

Nhưng cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam sẽ không giống bất cứ cuộc chiến tranh nào mà Mỹ đã tiến hành trước đây. Đây là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện theo tư tưởng quân sự cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

---

1. Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Sdd, t.1.



# **BẢN PHÁC THẢO ĐỀ CƯƠNG TẬP 2**

(Bản viết tay của Thượng tướng Trần Văn Trà)

## **TẬP 2**

### **TỪ KHỎI NGHĨA VŨ TRANG ĐẾN CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG (Thời kỳ 1961- 1965)**

#### **CHƯƠNG I: PHẢN ỨNG LINH HOẠT**

##### **A. Chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của Mỹ**

- Từ chiến lược “Trả đũa ào ạt” đến chiến lược “Phản ứng linh hoạt”. Tham vọng: Thiết lập một trật tự thế giới nhất thể hóa từ tư bản chủ nghĩa do một siêu cường độc nhất là Mỹ cầm đầu dựa vào độc quyền vũ khí hạt nhân.

Với tham vọng đó, Mỹ đã dính vào mọi vấn đề ở mọi nơi trên thế giới, tự cho mình có quyền bắt toàn bộ loài người phục tùng ý định và lối sống Mỹ trên quả đất này, tự biến mình thành tên sen đầm quốc tế.

Với sự thí nghiệm hai quả bom nguyên tử 20 KT vào Nhật và sự bắn tin có thể hủy diệt Mátxcova và Bắc Kinh, Mỹ xây dựng chiến lược toàn cầu của mình bằng “Trả đũa ào ạt”, thực sự có nghĩa là dùng vũ khí hạt nhân tiêu diệt toàn bộ sự sống ở nơi nào có sự chống đối lại hay có nguy cơ chống đối lại sự bá chủ toàn cầu của Mỹ.

- Nhưng tháng 8/1953, quả bom khinh khí của Liên Xô nổ đã phá độc quyền bom hạt nhân của Mỹ.

- Đã có hai siêu cường hạt nhân đối lập nhau với hai hệ thống xã hội trên thế giới. Sự cân bằng sức mạnh được thiết lập trên quả đất giữ cho sự ổn định thế giới.

- Ngày nay kẻ nào dám sử dụng vũ khí hạt nhân rất có thể cũng bị tiêu diệt bằng vũ khí hạt nhân.

- Vũ khí hạt nhân trở thành “cái khiên” rất có hiệu quả nhưng khó trở thành “cái giáo”. Vì vậy chiến lược “Trả đũa ào ạt” không dùng được, lỗi thời.

- Trong lúc đó, phong trào cách mạng của nhân dân thế giới chống áp bức muốn tự mình định đoạt số phận của mình, chống thực dân, đế quốc đã lan rộng khắp nơi sau Điện Biên Phủ của Việt Nam có nguy cơ đập tan tham vọng điên rồ về một trật tự thế giới của Mỹ.

- Tư tưởng xã hội chủ nghĩa công bằng, tự do, xóa bỏ lột giữa người và người là sự ập ủ và mơ tưởng của loài người nay có nguy cơ hiện thực đang lan rộng.

- Mỹ không bỏ tham vọng, không hiểu đúng sức mạnh của mình mà cũng không hiểu đúng sức mạnh của nhân dân một khi họ đã thức tỉnh.

- Bằng mọi giá và tùy tình hình từng nơi, từng lúc, Mỹ vẫn phải làm nhiệm vụ sen đầm quốc tế, lập cho được quyền bá chủ của vùng.

- Sự tìm kiếm một chiến lược toàn cầu cho Mỹ phù hợp với tình hình mới.

- Chiến lược “Phản ứng linh hoạt” ra đời bao gồm: chiến tranh đặc biệt; chiến tranh cục bộ; chiến tranh tổng thể.

- Vì sao đề ra chiến lược này?

+ Khát vọng bá chủ không bỏ

+ Ước lượng sức mình của Mỹ trong thế hai siêu cường hạt nhân.

+ Ngăn chặn phong trào cách mạng nhân dân trên toàn thế giới.

+ Tùy lúc, tùy nơi, tùy điều kiện và mục đích mà sử dụng sức mạnh nhằm giành thắng lợi hoặc chỉ bằng chiến tranh đặc biệt hoặc cục bộ, cuối cùng là không từ chiến tranh tổng thể, chiến tranh thế giới.

## **B. Sự áp dụng và thí nghiệm chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” vào Việt Nam**

- Vì sao Việt Nam?

+ Liên Xô được Mỹ xem là cầm đầu phe xã hội chủ nghĩa có ảnh hưởng lớn trên thế giới và đang toan tính “sự thống trị Xôviết” toàn cầu.

+ Đảng Cộng sản Trung Quốc thắng lợi trên toàn lục địa, thành lập Cộng hòa nhân dân Trung Hoa theo thể chế xã hội chủ nghĩa năm 1949.

+ Vị trí chiến lược của Việt Nam ở vùng châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á.

+ Truyền thống bành trướng của phong kiến Trung Quốc từ xưa đặc biệt về phương Nam được tiếp nối trong thời hiện đại với sự lan rộng chủ nghĩa xã hội xuống Đông Nam Á và ra toàn thế giới.

+ Thuyết domino.

+ Đông Nam Á và vùng nguyên liệu chiến lược: cao su, thiếc, dầu, gạo... và đường giao thông chiến lược trên Biển Đông.

+ Lịch sử Việt Nam xưa đã từng là tuyến ngăn chặn có hiệu quả nhất “Mông - Nguyên”.

+ Chiếm Nam Việt Nam làm phòng tuyến cho chủ trương “ngăn chặn” chủ nghĩa xã hội xuống phía Đông Nam Á và Ấn Độ cùng với ngăn chặn Liên Xô xuống phòng tuyến Thổ - Hy Lạp - Trung Đông.

+ Việt Nam trở thành nơi thí nghiệm chiến lược “Phản ứng linh hoạt” mở đầu bằng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là như vậy.

- Việt Nam vô tình thành lực lượng mũi nhọn của phe xã hội chủ nghĩa chống đế quốc tư bản chủ nghĩa. Với mục đích đơn giản của Việt Nam là giành độc lập tự do và thống nhất đất nước, lại trở thành là lực lượng tiên phong xã hội chủ nghĩa chống Mỹ là lực lượng tiên phong tư bản chủ nghĩa. Ngày xưa Việt Nam vô tình thành lực lượng chủ yếu của loài người vì độc lập tự do mà chống lại sự thôn tính toàn thế giới của quân Mông - Nguyên thì ngày nay Việt Nam cũng vô tình thành lực lượng chủ yếu của loài người vì độc lập tự do chống lại đế quốc xâm lược muốn áp đặt chủ thuyết và lối sống khác biệt của họ khắp thế giới.

## **CHƯƠNG II: “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT”**

- Sự mở đầu bằng chuyến đi của Phó Tổng thống Johnson.
- Những chiếc trực thăng đầu tiên.
- Kỹ thuật hiện đại và chiến thuật quân sự mới: Xe thiết giáp lội nước chở quân thọc sâu và trực thăng vũ trang làm chủ bầu trời.
- Trực thăng trong mọi tác dụng.
- Kỹ thuật và đòla Mỹ + máu người Việt Nam.
- Chỉ huy Mỹ + cố vấn Mỹ.

## **CHƯƠNG III: TỪ KHỞI NGHĨA VŨ TRANG ĐẾN CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG**

- Sự bắt buộc phải tiến hành chiến tranh nếu không muốn bị tiêu diệt và thất bại.

- Từ đấu tranh chính trị quần chúng là chủ yếu có đấu tranh vũ trang hỗ trợ tiến lên khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân đến đấu tranh chính trị và quân sự song song tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

## **CHƯƠNG IV: ĐƯỜNG MÒN HỒ CHÍ MINH TRÊN BIỂN ĐÔNG**

- Nhu cầu cho tiến hành chiến tranh.
- Điều kiện và thời cơ.
- Chủ trương và thực hiện.

## **CHƯƠNG V: NHÀ TÙ KHỔNG LỒ TRÊN THẾ GIAN - ẤP CHIẾN LƯỢC**

- Sự thực hiện của Mỹ - ngụy.
- Đối phó của nhân dân Việt Nam.

## **CHƯƠNG VI: KHỞI NGHĨA VŨ TRANG HAY TỔNG CÔNG KÍCH, TỔNG KHỞI NGHĨA (KHỞI NGHĨA HAY CHIẾN TRANH)**

- Từ khởi nghĩa từng phần ở nông thôn của quần chúng nhân dân tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

+ Từ 1960 về trước.

+ Từ 1961 về sau.

- Khi đối phương đã tiến hành chiến tranh thực sự với vũ khí và quân đội hiện đại chống lại phong trào quần chúng và có du kích hỗ trợ thì...

- Tất yếu phong trào quần chúng phải kết hợp với chiến tranh cách mạng nếu không muốn bị đè bẹp, thất bại.

- Tình thế chiến tranh và bước ngoặt chiến lược của cách mạng.

- Nghị quyết 9B năm 1963, tổng kết từ thực tế nâng lên lý luận và lý luận có cơ sở thực tiễn và học thuyết quân sự chỉ đạo lại hoạt động cách mạng.

- Chiến lược chiến tranh nhân dân.

## **CHƯƠNG VII: TRẬN ẤP BẮC (1/1963)**

- Nguyên nhân phát sinh về phía địch và về phía ta.

- Phương pháp tiến hành trận đánh về phía địch và về phía ta.

- Kết quả trận đánh.

- Rút ra kết luận gì cho chiến lược và chiến tranh qua trận Ấp Bắc.

## **CHƯƠNG VIII: BIẾN CỐ NGŨ ĐÌNH DIỆM (THAY NGỰA GIỮA DÒNG)**

- Tình hình và nguyên nhân.

- Thời kỳ mất ổn định của Mỹ - Diệm.

- Mâu thuẫn giữa mưu đồ của Mỹ và thực hiện của ngụy (chủ và tớ).

- Những triệu chứng bế tắc của “Chiến tranh đặc biệt”.

- Sự thiếu khả năng của ta trong việc sử dụng thời cơ, lực lượng vũ trang yếu.

## **CHƯƠNG IX: MỘT NĂM ĐẨY NỖ LỰC CHO THẮNG LỢI CÁCH MẠNG 1964**

- Vừa triển khai Nghị quyết 9B.

- Vẫn có hai luồng tư tưởng, hai quan điểm chiến lược cách mạng:

a. Con đường cách mạng miền Nam là phong trào quần chúng + chiến tranh du kích tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền từng phần, bắt đầu từ nông thôn tiến lên tổng khởi nghĩa vũ trang của quần chúng giành chính quyền về tay nhân dân.

b. Con đường đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang trong một cuộc chiến tranh nhân dân toàn dân và toàn diện, vừa tiêu diệt quân đội địch vừa khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Cả hai quan điểm đấu tranh này kéo dài.

- Chuẩn bị lực lượng quân sự: du kích, bộ đội địa phương, chủ lực và các binh chủng cần thiết.

+ Vấn đề tổ chức chỉ huy.

+ Vấn đề cán bộ.

+ Vấn đề quân số.

+ Vấn đề hậu cần: vũ khí, lương thực...

+ Vấn đề căn cứ và vận tải, y tế...

- Vấn đề tác chiến du kích và tác chiến chính quy, vấn đề phân tán và tập trung, vấn đề chiến thuật và chiến dịch.

- Việc chuẩn bị cho vừa trước mắt vừa lâu dài: cho tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở điểm cuối cùng là thành phố Sài Gòn.

## **CHƯƠNG X: CHIẾN DỊCH BÌNH GIÃ**

- Tình hình và chủ trương; kế hoạch và mục đích.

+ Sử dụng lực lượng.

+ Chọn chiến trường.

+ Hình thức tác chiến.

+ Hợp đồng các mặt để đảm bảo thắng lợi: lương thực thực phẩm, vũ khí, địa phương tham gia, kết hợp.

- Có vấn đề đấu tranh giữa hai quan điểm nhận thức trong việc sử dụng lực lượng tác chiến.

- Việc tiến hành: đánh sân bay Biên Hòa và hành quân chiến đấu.

Kết quả:

- Ý nghĩa chiến dịch và chiến lược.

- Sau tới chiến dịch Phước Long - Đồng Xoài.

+ Sự trưởng thành của các lực lượng cũng như sự chỉ huy.

- + Tác động tinh thần và tâm lý đến kẻ địch.
- + Tác động đến các chiến trường khác và đối với lực lượng vũ trang và nhân dân.
- Sự đóng góp của Ba Gia - Pleiku.
- Kết thúc chiến tranh đặc biệt (phá sản).
- Quân đội ngụy không đứng vững và có nguy cơ bị diệt, chúng tỏ vũ khí + đôla Mỹ và xương thịt lính ngụy không có kết quả.
- Ấp chiến lược có nguy cơ phá sản, làn sóng chống lại của nhân dân.
- Ngụy quyền luôn không ổn định và có nguy cơ suy sụp.
- Cách mạng có khả năng thành công và Mỹ có nguy cơ thất bại.





(5)

X X  
X X

VN vô tư thanh lui lừng mui như  
của xe X hay chửi xe đi quá tốc độ

- Với mục đích rất đơn giản của  
VN là quát dằn tập tữ do  
và thấy nhớt đả mui

lời từ thanh là lui lừng mui như X hay  
chửi mui là (tên) từ báo cũ.

- Ngay khi VN vô tư thanh (l)  
chửi với câu nói như sau  
vô tư tập tữ do mui chửi  
lời từ thanh từ trên đầu gối  
của quân Nguyễn Mui

thì ngay nay VN có vô tư  
thanh (l) chửi với câu nói  
như vô tư tập tữ do chửi  
lời từ thanh từ trên đầu gối  
của quân Nguyễn Mui và từ  
đó lời từ thanh chửi họ chửi  
thứ gì

Chương II - Chết đau khổ 4/61

- Sơ nạn đau = chết đau khổ bị tập thể Johnson
- Mỹ chưa từng thấy đau khổ
- Kỳ thanh bình dài và chết thanh bình vì nước
- Xe tải bị nổ, lính bị chết, chết thanh bình
- Trẻ thanh bình, nước Hắc Long cũng chết
- Kỳ thanh bình là họ + máu người VN
- Chết huy ngụy + cô gái Việt Mỹ

Chương III - Đau khổ không lối thoát

Đi thực hành

- Đi thực hành của Mỹ - Ngụy
- Đời họ khổ như dân VN

Chương III

Tư tưởng văn học và nghệ thuật cổ truyền của người Việt

- Bài hát ru, bài hát dân gian, ca dao, tục ngữ, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngắn, tiểu thuyết, thơ ca, sân khấu, điện ảnh, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, điêu khắc, thủ công mỹ nghệ, văn hóa dân gian, văn hóa truyền thống, văn hóa dân tộc, văn hóa vùng miền, văn hóa địa phương, văn hóa gia đình, văn hóa cộng đồng, văn hóa xã hội, văn hóa quốc gia, văn hóa nhân loại.

Chương IV

Tư tưởng văn học và nghệ thuật hiện đại

- Văn học hiện đại, nghệ thuật hiện đại, văn hóa hiện đại, văn hóa đương đại, văn hóa thế giới, văn hóa nhân loại.

Chương V

Tư tưởng văn học và nghệ thuật đương đại

- Văn học đương đại, nghệ thuật đương đại, văn hóa đương đại, văn hóa thế giới, văn hóa nhân loại.

Chiến VII - Chiến tranh hay chiến  
khởi nghĩa và tranh hay TCK-TCKN

- Từ khởi nghĩa tranh đấu ở năm thối của quân chủ  
những lần đầu tiên (khởi nghĩa chống  
quân và tay nhện)
- \* - Từ 1961 với nước -  
- Từ 1961 với sau -
- Khi đó là sự tranh đấu tranh  
thực và với sự tranh đấu tranh  
tới chỗ là sự tranh đấu tranh  
và có thể tranh đấu tranh
- \* - Từ sự tranh đấu tranh đấu tranh  
với tranh đấu tranh đấu tranh  
những lần đầu tiên và tranh đấu
- Từ tranh đấu và tranh đấu tranh  
của tranh đấu
- Từ sự tranh đấu tranh đấu tranh  
từ tranh đấu tranh đấu tranh  
từ tranh đấu tranh đấu tranh  
từ tranh đấu tranh đấu tranh  
từ tranh đấu tranh đấu tranh  
từ tranh đấu tranh đấu tranh
- Chiến tranh tranh đấu tranh đấu





*Tại nhà làm việc, năm 1972*

# MỤC LỤC

<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<b><i>Phần I</i></b>	
<b>RA ĐI HAI BÀN TAY TRẮNG...</b>	11
<b><i>Phần II</i></b>	
<b>NHÌN VỀ CUỘC CHIẾN</b>	23
<b>NAM BỘ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP</b>	25
<i>Chương I: Cách mạng Tháng Tám và tinh thần dân tộc quật khởi</i>	27
<i>Chương II: Chiến tranh bùng nổ, ta bao vây địch trong Sài Gòn - Chợ Lớn</i>	44
<i>Chương III: Nam Bộ trong cuộc tấn công ồ ạt của quân Pháp</i>	61
<b>QUÂN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM</b>	99
<i>Phần thứ nhất: Bắt buộc phải tự vệ</i>	101
<i>Phần thứ hai: Từ Ấp Bắc đến Chiến dịch Hồ Chí Minh</i>	128
<b>HÒA BÌNH HAY CHIẾN TRANH</b>	155
<i>Bối cảnh lịch sử: “Vì có lửa nên có khói”</i>	161
<i>Chương I: Đi và ở</i>	173
<i>Chương II: Hai năm đấu tranh thực hiện hòa bình và dân chủ (20/7/1954 - 20/7/1956)</i>	185
<i>Chương III: Cây muốn lặng - gió chẳng dừng</i>	219
<i>Chương IV: Máu chảy ruột mềm</i>	243
<i>Chương V: Đồng khởi</i>	268
<i>Chương VI: Mặt trận Dân tộc giải phóng</i>	304

KẾT THÚC CUỘC CHIẾN TRANH 30 NĂM	313
<i>Chương I: Mặt trận mới</i>	315
<i>Chương II: Chỉ có con đường bạo lực cách mạng</i>	343
<i>Chương III: Trừng trị kẻ vi phạm Hiệp định</i>	363
<i>Chương IV: Một mùa mưa chưa từng có</i>	393
<i>Chương V: Giai đoạn mới mở đầu như thế đấy</i>	423
<i>Chương VI: Nghìn năm có một: Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân</i>	456
<i>Chương VII: Trận quyết chiến chiến lược quyết định: Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử</i>	489
<i>Chương VIII: Giờ tận số của một chế độ: Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng</i>	519
<i>Chương IX: Vào quân quản thành phố</i>	551
NHỮNG TRANG BẢN THẢO DỖ DANG	565
Phục vụ Thượng tướng Trần Văn Trà viết hồi ký	567
Về tập 2 chống Mỹ ở B2	572
Chương 1: Phản ứng linh hoạt	581
Mở màn cuộc đối đầu lịch sử	593
Bản phác thảo đề cương Tập 2	601

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT** - 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội  
ĐT: 080.49221 - Fax: 080.49222 - Email: [suthat@nxbctqg.vn](mailto:suthat@nxbctqg.vn) - Website: [www.nxbctqg.vn](http://www.nxbctqg.vn)

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 72 Trần Quốc Thảo, quận 3  
ĐT: 028.39325410 - 028.39325410 - Fax: 028.39325457  
Email: [chinhanhnxbctqghcm@gmail.com](mailto:chinhanhnxbctqghcm@gmail.com) - Website: [sachsuthattphcm.com.vn](http://sachsuthattphcm.com.vn)

THƯỢNG TƯỚNG  
**TRẦN VĂN TRÀ**  
VÀ NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG  
LỊCH SỬ B2 THÀNH ĐỒNG

TẬP 1



Giá: 527.000đ